Macxim Gorki

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

● TIỂU THUYẾT TỰ THUẬT



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

MACXIM GORKI
TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

*

TIỂU THUYẾT TỰ THUẬT

Macxim Gorki

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

(Ba tập)

TẬP I

• TIỂU THUYẾT TỰ THUẬT

TẬP II

• TRUYỆN NGẮN

TẬP III

• BÀN VỀ VĂN HỌC

MACXIM GORKI
TIỂU THUYẾT TỰ THUẬT

*

- THỜI THƠ ẤU
- KIẾM SỐNG
- NHỮNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA TÔI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

THỜI THƠ ẤU

TRẦN KHUYẾN - CẨM TIÊU

dịch

LỜI GIỚI THIỆU

Ngay từ thời thanh niên, khi mới bước vào con đường sáng tác văn học, Gorki đã có ý định viết về cuộc sống gian truân của mình. Năm 1893 ông đã viết những bản thảo đầu tiên có liên quan tới việc viết tác phẩm tự thuật sau này. Một trong số bản thảo này có nhan đề hơi kì khôi, nhưng có sức truyền cảm vô cùng mạnh mẽ - Sự giãi bày những sự thật và ý nghĩ mà sự tác động lẫn nhau giữa chúng đã làm khô héo những mảnh tốt đẹp nhất của trái tim tôi. *Một bản thảo nữa, có nhan đề đơn giản hơn* - Tiểu sử. *Những bản thảo này chẳng bao lâu bị thất lạc và về sau tác giả cũng không trở lại vấn đề này nữa. Sau nhiều năm, khi Gorki đã hoàn thành tác phẩm bộ ba tự thuật* Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi *người ta mới tìm thấy những bản thảo nói trên và mãi sau khi ông mất chúng mới được in ra.*

Trong thời kì cách mạng Nga lần thứ nhất Gorki đã trở lại ý định cũ của mình. Năm 1906, trong một bức thư, ông đã báo tin: "Rất nhiều đề cương văn học khác nhau và nhân tiện tôi đã nghĩ tới việc bắt đầu viết tác phẩm tự thuật..." Nhưng lần ấy nhà văn vì bận nhiều công việc văn học và xã hội khác nên đành phải gác lại. Trong khi đó, dưới chế độ phản động, phải sống xa Tổ quốc, ông thường kể cho bạn hữu và những người quen thuộc về thời thơ ấu và thanh niên của mình. Ông hồi tưởng lại miền Povolje thân yêu và những con đường mà ông đã đi qua ở Ucraina, Cuban, Cavcaz, nơi ông đã từng nếm bao nhiêu nỗi đắng cay tủi nhục và cũng đã để lại cho ông bao nhiêu niềm thiết tha, gắn bó.

Alecxei Macximovitr là một người có tài kể chuyện. Vào đầu những năm 1900, khi ông gặp Lev Tolxtoi ở Crưm, nhà văn Nga vĩ

đại đã bảo ông: "Nào, anh hãy kể một chuyện gì đi, anh kể chuyện tài lắm. Kể một chuyện về thời nhỏ, về bản thân mình. Khó mà tin được một con người kì lạ như anh mà cũng có thời thơ ấu. Hình như mới sinh ra anh đã là người lớn rồi thì phải". Lev Tolxtoi, chính là người trong tập truyện Thời thơ ấu, Thời niên thiếu *và* Thời thanh niên *đã kể "về tuổi nhỏ, về bản thân mình" một cách tài tình, đã hồi hộp nghe Gorki kể về một thời thơ ấu hoàn toàn khác hẳn - một thời thơ ấu thực ra không phải là thời thơ ấu, về một thời niên thiếu cũng hoàn toàn khác - thời niên thiếu phải lao động vất vả cho kẻ khác, và về thời thanh niên đầy những ấn tượng bi thảm. Lúc ở Capri,*[1] *Gorki đã nghe lời khuyên của một người vừa là bạn vừa là vị lãnh tụ đối với ông. Vladimir Ilitr Lenin, sau khi tới thăm nhà văn và nghe ông kể về cuộc đời từng trải, đã khuyên ông không nên phân tán kinh nghiệm sống phong phú ra thành những tác phẩm nhỏ riêng lẻ, mà "nên đúc kết kinh nghiệm đó thành một cuốn sách". Gorki càng ngày càng đi gần tới việc thực hiện nhiệm vụ ấy.*

Năm 1912, ông đã xây dựng truyện ngắn Một chuyện xảy ra trong cuộc đời Macar *dựa theo tài liệu tự thuật. Khi đó ông cũng bắt đầu cho đăng tập truyện ngắn hồi kí tuyệt tác* Trên đất nước Nga. *Năm 1913 trên báo chí xuất hiện tác phẩm* Người chủ *của ông với phụ đề:* Những trang tự thuật. *Và tiếp sau đó, cũng vào năm 1913, phần đầu của tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorki* - Thời thơ ấu - *được ra mắt độc giả. Năm 1915, ông cho đăng phần hai* - Kiếm sống - *và, năm 1923, phần ba* - Những trường đại học của tôi.[2] *Thế là ý đồ từ lâu của ông đã được thực hiện, và đã làm phong phú thêm nền văn học thế giới bằng một trong những tác phẩm sâu sắc và trong sáng nhất thuộc thể loại tự thuật.*

Khi đọc tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorki, trước mắt chúng ta hiện ra một phòng trưng bày những mẫu người với những tính cách muôn màu muôn vẻ - một bộ bách khoa toàn thư về những con người của nước Nga cũ.

---

[1] Một hòn đảo nhỏ ở Italia.

[2] Trong bài này chúng tôi chỉ giới thiệu phần *Thời thơ ấu* và những nét chung của tác phẩm bộ ba. Về phần *Kiếm sống* và *Những trường đại học của tôi* chúng tôi sẽ giới thiệu sau.

Gorki gọi văn học nghệ thuật là "nhân học" và "dân tộc học", - những định nghĩa này rất thích hợp với tác phẩm bộ ba của ông. Lịch sử phát triển tư tưởng của Aliosa Pescov đó là lịch sử của vô số những cuộc gặp gỡ và làm quen, mỗi cuộc gặp gỡ và làm quen đó đã đưa vào ý thức của Aliosa một cái gì mới mẻ, mở ra trước Aliosa những mặt sáng và tối của cuộc sống. Những người mà Aliosa đã gặp có thể phân rõ thành hai nhóm chính đối địch lẫn nhau. Một phía là những đại biểu của quần chúng nhân dân đau khổ đi tìm chân lí và sự công bằng, phía khác là những đại biểu của giới tiểu thị dân[1] *và tư sản không muốn và không đi tìm cái gì cả, ngoài cuộc sống yên ổn, bất di bất dịch, no nê và căm thù dữ dội tất cả những ai có thể vi phạm cuộc sống đó. Tính cách của Aliosa Pescov dần dần đã được hình thành do ảnh hưởng qua lại của những con người đó. Một số người lôi kéo Aliosa về phía mình, một số khác lại đẩy ra, một số người muốn hướng Aliosa vào con đường lao động và sáng tác, một số khác lại muốn bóp nghẹt những thiên hướng của Aliosa; một số người gây cho Aliosa lòng tin vào cuộc sống, một số khác lại muốn giết chết lòng tin ấy. Trong suốt cả tác phẩm bộ ba đã diễn ra cuộc đấu tranh căng thẳng trong tâm hồn của một chàng trai đang bước vào đời, cuộc đấu tranh mà chính Aliosa đã tham gia ngày càng tích cực và có ý thức hơn.*

Phòng trưng bày những nhân vật tiêu biểu cho bước đầu sáng tác của tác giả được mở ra bằng hình tượng người cha của Gorki - Macxim Xapvatievitr Pescov. Gorki hầu như không biết mặt bố, vì ông mồ côi bố từ hồi còn rất nhỏ (Macxim Xapvatievitr đã chăm sóc Aliosa bị bệnh dịch tả và đã cứu được Aliosa, nhưng chính ông lại lây bệnh mà chết). Bà ngoại đã kể cho cậu bé nghe nhiều chuyện về cha. "Nó giống bố như đúc!", Aliosa thường nghe ông ngoại nói như vậy mỗi khi cậu làm một việc gì can đảm. Dần dần trước mắt Aliosa bắt đầu hiện ra hình ảnh một con người đã vì cậu mà hi sinh, một con người can đảm, nhiều tài năng, đầy nghị lực. Có đủ chứng cớ để nói rằng Alecxei Macximovitr đã chọn bút danh là "Macxim Gorki"

[1] Bao gồm tiểu thương, tiểu chủ, viên chức nhỏ...

để ghi nhớ cha mình: bè bạn thường gọi cha ông là "Gorki"[1] vì tính cha ông hay bông đùa một cách chua cay.

Cũng cần nhắc tới tên những người khác đã để lại cho Gorki một kỉ niệm tốt đẹp không bao giờ phai mờ: anh thợ học nghề Ivan Txuganoc được người ta khen là "rất khéo tay" (anh đã dùng đôi bàn tay ấy che chở cho Aliosa khỏi bị những trận đòn dữ dội); bác ở thuê biệt danh là "Tốt Lắm", một nhà phát minh thiên tài, một con người khó hiểu và bị ngược đãi trong giới tiểu thị dân...

Nổi bật nhất là hai nhân vật: bà ngoại của Gorki, Aculina Ivanovna Casirisa, đã trở thành "một người bạn thân thiết suốt đời, một người gần gũi nhất" với Gorki, và ông ngoại, Vaxili Vaxilievitr, mà Gorki "cảm thấy ngay... là kẻ thù". Tính tình của hai người này hoàn toàn đối lập nhau. Ông ngoại đầy lòng tham và tính bủn xỉn, bà ngoại là hiện thân của "tấm lòng yêu mến vô tư đối với mọi người". Ông ngoại tin chắc rằng "người với người là kẻ thù hung dữ" và cần phải đối xử với mọi người bằng thái độ thù địch; bà ngoại tin rằng cái tốt nhiều hơn cái xấu và đối với mọi người cần phải có lòng tin. Để bước vào cuộc sống, ông ngoại đã giáo dục cháu bằng sự đe dọa và roi vọt; bà ngoại muốn dùng sự âu yếm làm thức tỉnh tất cả những gì tốt đẹp trong tâm hồn cháu. Óc thẩm mĩ nghệ thuật của hai người cũng khác nhau: bà ngoại thích những truyện thần thoại, thuộc nhiều truyện và sáng tác những truyện mới; ông ngoại thích hơn cả là chuyện thật, câu chuyện càng tàn bạo và khủng khiếp càng hay. Tín ngưỡng cũng khác nhau: Chúa của bà lương thiện, sẵn sàng lắng nghe mọi người và giúp đỡ họ; Chúa của ông độc ác, thích trừng phạt, tàn nhẫn. Là một người hà tiện vắt ruột, một kẻ áp chế trong gia đình, ông ngoại bị lúng túng mỗi khi gặp thất bại và trong giờ phút nguy nan đã tỏ ra hèn nhát. Bà ngoại dịu dàng, lương thiện, trong giờ phút như vậy đã tỏ ra dũng cảm, - cảnh bà đưa con ngựa đang lồng lên vì sợ hãi ra khỏi đám cháy (cảnh này đã được nhiều nhà phê bình nhắc tới) hình như đã được viết để cố ý phát triển bài thơ nổi tiếng của Necraxov[2] về người đàn bà Nga, trong đó có câu:

---

[1] Tiếng Nga có nghĩa là "cay đắng".

[2] N.A. Necraxov, (1821-1878), nhà thơ lớn nước Nga.

Chặn đứng ngựa đang phi,
Xông vào nhà rực cháy.

Tuy vậy chúng ta sẽ phạm một sai lầm nghiêm trọng, nếu như qua tất cả những điều nói trên chúng ta rút ra kết luận rằng Gorki chỉ nhìn thấy cái tốt đẹp ở bà ngoại của mình và chỉ thấy cái xấu ở ông ngoại thôi, rằng theo quan niệm của Gorki họ là hiện thân của cái thiện và cái ác. Vấn đề này thực ra rất phức tạp. Aculina Ivanovna, một người có tâm hồn lớn lao, một người có tài kể chuyện thần thoại, vô cùng gần gũi và thân thiết đối với Aliosa. Bà là người đầu tiên đã làm thức tỉnh ở nhà văn tương lai năng khiếu nghệ thuật, đã gây cho Aliosa lòng yêu cái đẹp. Nhưng bà có một đặc điểm mà Aliosa không thể thích được, nó chỉ gây cho Aliosa sự phản kháng ngày càng mạnh mẽ hơn: bà sẵn sàng chịu đựng tất cả, nhẫn nhục với tất cả, bà muốn người khác cũng nhẫn nhục và chịu đựng như vậy. Trong tác phẩm Kiếm sống *Gorki kể:*

- "Phải chịu đựng, Aliosa ạ!

"Đó là tất cả những gì mà bà tôi có thể nói với tôi để đáp lại những câu chuyện của tôi về cuộc sống quái gở, về nỗi đau khổ của mọi người, về nỗi buồn chán của tôi, về tất cả những điều gì đã làm tôi phẫn nộ.

"Tôi không sao quen được với tính chịu đựng... không có gì huỷ hoại con người một cách đáng sợ bằng tính chịu đựng, bằng sự khuất phục trước những sức mạnh của hoàn cảnh bên ngoài".

Dù cho những câu chuyện của ông ngoại kể về con người có u sầu và thuần một màu đen tối đi chăng nữa, thì những câu chuyện đó vẫn mang lại điều bổ ích cho đứa cháu, phòng ngừa cho Aliosa khỏi bị những chuyện thần thoại làm cho mù quáng, mở ra cho Aliosa những mặt nào đó của cuộc sống hiện thực đầy nguy hiểm và đau khổ mà nếu chỉ dùng sự âu yếm và lời nói tốt đẹp không thôi thì không thể đánh lui được cái ác. Vaxili Vaxilievitr Casirin hoàn toàn không phải lúc nào cũng là một con người thiển cận, tàn nhẫn. Ngày xưa, hồi còn trẻ, khi chưa bị tính tham lam và bủn xỉn chi phối, Vaxili Vaxilievitr cũng thông minh và tài trí, - không phải vô cớ mà Aculina Ivanovna đã yêu ông. Ngay cả bây giờ, trong những giờ phút đầu óc sáng sủa, ông vẫn có thể kể chuyện cho cháu nghe

về cuộc sống và về mọi người, hay đến nỗi khiến cháu quên cả điều ác mà ông đã gây ra cho cháu.

Cả hai thái độ với cuộc sống đều không thể làm Gorki thỏa mãn. Không nhắm mắt trước tất cả những cái độc ác và bẩn thỉu đầy rẫy trong cuộc sống, Gorki tin chắc rằng những cái đó đối với con người không phải vĩnh viễn, rằng con người có khả năng khắc phục được chúng, nếu bỏ được thói quen chịu đựng và biết cách đấu tranh.

Trong tác phẩm bộ ba tự thuật, Gorki đã đặt ra cho mình những vấn đề sau đây: nhân dân của tôi là thế nào? Họ chỉ có khả năng kiên trì chịu đựng mọi khó khăn và đau khổ hay là sẽ tìm thấy ở mình sức mạnh để khắc phục những cái đó? Họ sẽ góp phần gì vào cuộc đấu tranh của tất cả các dân tộc cho tự do và hạnh phúc, vào tương lai của toàn thể loài người? Có cảm tưởng rằng Aliosa Pescov đã nhìn thấy nhiều cái đen tối và ghê sợ đến nỗi không thể không mất tinh thần, không thể không mất dần tất cả những hi vọng đối với cuộc sống. Thực ra Aliosa nhiều lần đã trải qua những tâm trạng như vậy. Nhưng nếu cuộc đời đầy thử thách đã làm cho tâm hồn Aliosa bị thương một cách đau đớn thì nó cũng lại chữa chạy cho tâm hồn ấy, làm cho Aliosa cảm thấy được những sức mạnh to lớn tiềm tàng trong nhân dân. Trong chương cuối cuốn Thời thơ ấu, *sau khi kể một chuyện xảy ra trong đời cậu bé Aliosa đã để lại những vết thương trong trái tim cậu, Gorki đã bày tỏ nỗi băn khoăn: có nên nhắc lại hay không tất cả "những chuyện ghê tởm nặng nề này trong cuộc sống man rợ của người Nga"? Và tự ông đã gạt bỏ nỗi băn khoăn ấy: phải nhắc lại, bởi vì đó là "một sự thật cần phải biết rõ đến tận gốc để nhổ bật gốc rễ nó ra khỏi trí nhớ, khỏi tâm hồn con người" và bởi vì mặc dù sự thật này đáng ghét, mặc dù tất cả "những chuyện ghê tởm nặng nề này" rất khó chịu, nhưng "người Nga vẫn còn có một tâm hồn lành mạnh, trẻ trung để đấu tranh và khắc phục chúng..."*

Sau cuộc cách mạng năm 1905 bị thất bại, sau những năm tháng tối tăm dưới chế độ phản động, khi một cao trào xã hội mới chỉ vừa bắt đầu, Gorki trong cuốn Thời thơ ấu *đã phát biểu những lời đầy tự hào về dân tộc mình với một lòng tin không gì lay chuyển nổi vào tương lai tươi sáng của dân tộc: "Cuộc sống của chúng ta kì lạ không những vì nó chứa*

đựng một lớp bùn lầy với đủ mọi thứ rác rưởi có khả năng sinh sôi nẩy nở và nhầy nhụa đến thế, mà vì nó còn chứa đựng những mầm mống tươi sáng, lành mạnh, đầy sức sáng tạo, không ngừng xuyên qua lớp bùn ấy để vươn lên một cách đắc thắng - những mầm mống tốt lành, nhân đạo vẫn tiếp tục vươn lên, khơi lên niềm hi vọng bất diệt vào khả năng tạo ra một cuộc sống tươi sáng hơn và nhân đạo hơn". Chính cuộc đấu tranh thắng lợi giữa cái trong sáng, lành mạnh, đầy sáng tạo, thực sự nhân đạo với cái hèn kém, tư hữu, tiểu thị dân này là nội dung chủ yếu của bộ ba tự thuật.

Hai chủ đề chính trong toàn bộ sáng tác của Gorki là: chủ đề "làm sống lại tâm hồn" con người đã gắn liền vận mệnh mình với vận mệnh nhân dân, và chủ đề "phá vỡ cá tính" con người đã đối lập mình với nhân dân. Chủ đề thứ nhất đã được Gorki làm sáng tỏ một cách đầy đủ trong tác phẩm bất hủ Người mẹ, *chủ đề thứ hai - trong thiên anh hùng ca vĩ đại* Cuộc đời Clim Xamghin. *Tác phẩm bộ ba tự thuật đáng chú ý ở chỗ trong đó cả hai chủ đề này đều vô cùng sáng tỏ: để làm sống lại tâm hồn, để uốn nắn lại tinh thần, Aliosa Pescov cần phải xuyên qua "lớp bùn lầy nhầy nhụa" của cuộc sống tiểu thị dân, một cuộc sống sẵn sàng nuốt chửng mọi con người, làm trống rỗng và phá hoại mọi tâm hồn nhưng đã không thể phá hoại và làm trống rỗng được tâm hồn Aliosa, bởi vì ở dưới chân Aliosa có một mảnh đất chắc chắn - đó là cuộc sống và cuộc đấu tranh của toàn dân, trong tay họ có bó đuốc đáng tin cậy - đó là những tư tưởng cách mạng.*

Năm 1925 Gorki đã viết cho A.X.Macarenco,[1] người lãnh đạo một trại trẻ lúc bấy giờ: "Tôi muốn rằng những buổi chiều thu, các em trại viên sẽ đọc cuốn Thời thơ ấu *của tôi, qua đó các em sẽ thấy rằng tôi cũng hoàn toàn là một con người nhỏ bé như các em, chỉ khác ở chỗ ngay từ hồi trẻ tôi đã duy trì được lòng ham muốn học tập và không sợ bất cứ thứ lao động nào. Tôi tin rằng quả thực "học tập và lao động sẽ có thể khắc phục được tất cả..."*

Đó cũng là những bài học mà tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorki đã dạy ta: hãy học tập và yêu lao động.

---

[1] A.X. Macarenco (1888-1936), nhà sư phạm và nhà văn Nga - Xô Viết. Ông đã từng lãnh đạo một trại trẻ lưu lạc lấy tên là "Trại Gorki".

Có lẽ chưa có tác phẩm nào của Gorki lại có ảnh hưởng mạnh mẽ tới nền văn học Xô Viết hiện đại như tác phẩm bộ ba tự thuật này của ông.

Đ.A.Furmanov[1] *đã ghi trong nhật kí sau khi đọc cuốn* Thời thơ ấu *của M. Gorki "... chính cậu bé Aliosa đã xâm chiếm được lòng tôi hơn cả... Tôi chỉ hiểu có một điều: trong tâm hồn của cậu... đã hình thành biết bao cái trong sạch và vững chắc không gì lay chuyển được khiến cậu có thể chịu đựng được bất cứ cuộc đấu tranh nào, không bị chết nghẹt và bị hư hỏng trong bất cứ hoàn cảnh nào..., hoàn cảnh khó khăn chỉ càng tôi luyện thêm cho cậu:*

Thép chỉ tôi
Trong lò đỏ rực"

Tác phẩm bộ ba tự thuật của M.Gorki đã được dịch ra hầu hết các thứ tiếng nước ngoài, không kể các thứ tiếng trong Liên bang Xô Viết trước đây, và đã có tiếng vang trong trái tim của những người tiến bộ trên toàn thế giới.

Năm 1923, trong bức thư gửi Gorki, R.Rolan[2] *có viết như sau: "...Hôm qua chúng tôi vừa nói chuyện với Zweig*[3] *về anh. Cả hai chúng tôi đều nhất trí với nhau rằng chưa bao giờ anh khéo sử dụng nghệ thuật của mình một cách thành thạo như thế".*

Julius Fuxich,[4] *người đã từng yêu mến con người theo kiểu Gorki, đã nói những lời tuyệt diệu về tác phẩm này như sau: "Tác phẩm bộ ba của Gorki là tặng phẩm tốt nhất mà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên đã tặng cho thế giới".*

Tác phẩm bộ ba tự thuật của M.Gorki không chỉ miêu tả một cách vô cùng trong sáng thời thơ ấu, thời niên thiếu và thời thanh niên của mình - thật ra đó là chìa khóa để hiểu toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông.

Đọc tác phẩm bộ ba tự thuật của M.Gorki, chúng ta vốn yêu mến Gorki lại càng yêu mến Gorki hơn nữa, vốn học tập nhiều ở Gorki lại càng học tập được ở Gorki nhiều hơn nữa, vì cuộc đời của Gorki là một bài học vô tận.

TRẦN KHUYẾN

---

(1) Đ.A. Furmanov (1891-1926), nhà văn Nga - Xô Viết.
(2) R. Rolan (1866-1944), nhà văn Pháp.
(3) S.Zweig (1881-1943), nhà văn Áo.
(4) J.Fuxich (1903-1943), nhà văn và nhà hoạt động chính trị của Sec.

Tặng con trai tôi

I

Gần cửa sổ, trong một gian phòng chật hẹp tranh tối tranh sáng, bố tôi mặc quần áo trắng nằm ngay dưới sàn. Thân hình bố tôi dài lạ thường, ngón chân xòe ra nom rất kì quái; hai bàn tay dịu dàng nghiêm nghị để trên ngực, nhưng ngón tay co quắp. Hai đồng xu đen tròn bằng đồng che kín cặp mắt tươi vui của bố tôi: khuôn mặt vẫn hiền từ nay tối sầm lại. Hai hàm răng nhe ra làm tôi sợ hãi.

Mẹ tôi mặc chiếc váy đỏ, áo trễ ở ngực, quỳ bên cạnh và lấy chiếc lược đen, mà tôi vẫn thích dùng để cứa vỏ dưa hấu, chải mái tóc dài và mềm mại của bố tôi từ phía trán ra sau gáy. Mẹ tôi lẩn thẩn nói gì không rõ: giọng trầm khàn khàn. Cặp mắt mầu tro của mẹ tôi sưng húp và như tan ra thành những giọt nước mắt lớn chảy ròng ròng.

Bà tôi giữ lấy tay tôi. Bà tôi người béo tròn, có cái đầu lớn, cặp mắt rất to và chiếc mũi xôm xốp nom rất buồn cười; bà tôi mặc toàn đồ đen, mềm dịu và có gì đó trông đến hay. Bà tôi cũng khóc, tiếng khóc nghe khác thường, trầm bổng hình như hòa theo những lời than vãn của mẹ tôi. Toàn thân run run, bà tôi kéo tôi và đẩy lại gần chỗ bố tôi. Nhưng tôi cưỡng lại và nấp phía sau lưng bà; tôi vừa sợ hãi vừa bối rối.

Chưa bao giờ tôi trông thấy người lớn khóc và tôi không sao hiểu được những lời bà tôi nhắc đi nhắc lại:

- Cháu từ biệt bố cháu đi, không bao giờ cháu được thấy bố nữa đâu, tội nghiệp, bố cháu chết sớm quá, chưa phải lúc...

Tôi bị ốm nặng, vừa mới dậy. Trong lúc tôi ốm - tôi còn nhớ rất rõ - bố tôi nô đùa với tôi rất vui vẻ, sau đó bỗng nhiên bố tôi biến đâu mất, và bà ngoại tôi, con người kì lạ ấy, đã thay thế bố tôi.

- Bà đi từ đâu đến thế?[1] - tôi hỏi bà tôi.

Bà đáp:

- Từ phía trên, từ Nijni[2] đến. Bà không đi bộ, mà đi tàu thủy đến! Người ta không thể đi bộ trên mặt nước được, ông mãnh ạ.

- Câu trả lời đó thật là buồn cười và khó hiểu. Ở trên nhà này chỉ có mấy người Ba Tư rậm râu và tóc nhuộm; còn ở dưới hầm nhà thì có một ông lão da vàng người Canmưc[3] làm nghề bán da cừu. Từ trên có thể cưỡi tay vịn cầu thang trượt, - điều đó tôi biết rất rõ. Nhưng sao lại có chuyện đi trên mặt nước kia chứ? Tất cả câu chuyện của bà tôi đều vô lí, đều lầm lẫn một cách ngộ nghĩnh.

- Thế tại sao cháu lại là ông mãnh?

- Tại cháu hay làm ồn lắm, - bà tôi vừa nói vừa cười.

Tiếng bà tôi nói rất dịu dàng, vui vẻ và trầm bổng. Ngay từ ngày đầu tiên tôi đã thân với bà tôi, và ngay lúc này tôi cũng muốn bà tôi mau mau đưa tôi rời khỏi căn phòng này.

Tiếng khóc than và kêu gào của mẹ làm tôi nôn nao và gây cho tôi một cảm giác lo âu mới lạ. Lần đầu tiên tôi trông thấy mẹ như thế. Mẹ tôi vốn rất nghiêm nghị, ít nói, người sạch sẽ, gọn gàng và to lớn như một con ngựa, mẹ tôi có thân hình rắn chắc và đôi cánh tay rất khỏe. Thế mà bây giờ

---

[1] Tiếng Nga có phân ra hai loại động từ "đi": "đi" bộ và "đi" bằng các phương tiện khác như thuyền bè, xe cộ v.v... Động từ trẻ con thường dùng nghĩa là "đi bộ đến".

[2] Nijni là tên một thành phố nằm trên sông Volga bây giờ đổi là thành phố Gorki. Chữ "nijni" tiếng Nga có nghĩa là "ở dưới". Ở đây Alecxei hiểu theo nghĩa "ở dưới nhà".

[3] Một dân tộc ở nước Nga, sống ở miền hạ lưu sông Volga.

không hiểu sao toàn thân mẹ tôi đều như sưng lên nom thế nào ấy thật khó chịu, đầu tóc rối bù, áo quần tơi tả. Mớ tóc thường vẫn vấn gọn trên đầu như một cái mũ lớn vàng óng thì nay xổ xuống một bên vai trần, xõa xuống mặt, còn nửa kia tết thành bím thì cứ lúc la lúc lắc chạm vào khuôn mặt thiếp ngủ của bố tôi. Tôi đứng trong phòng đã lâu, nhưng mẹ tôi không hề nhìn lấy một lần, - mà cứ vừa chải đầu cho bố tôi vừa rên rỉ nức nở.

Mấy người mujic[1] mặc toàn đồ đen và một tên cảnh sát ló đầu vào cửa phòng. Tên cảnh sát quát tháo, giọng giận dữ:

- Thu dọn nhanh lên!

Chiếc khăn san màu đen che cửa sổ phồng lên như một cánh buồm. Tôi bỗng nhớ tới một hôm bố tôi dẫn tôi đi bơi thuyền buồm. Chợt một tiếng sấm nổ vang. Bố tôi cười, kẹp chặt tôi vào hai đầu gối và kêu:

- Không sao cả, đừng sợ, Luc[2] ạ!

Đột nhiên mẹ tôi nặng nề đứng lên, rồi lại khuỵu xuống, ngã vật ra; tóc xõa ra mặt sàn. Khuôn mặt trắng trẻo, đờ đẫn tái xanh đi và, cũng nhe răng ra như bố tôi, mẹ tôi nói, giọng khiếp sợ:

- Đóng cửa lại... Dẫn thằng Alecxei ra ngay!

Bà tôi đẩy tôi ra rồi nhảy bổ ra cửa, mồm kêu to:

- Bà con thân mến, đừng sợ, cứ để mặc chúng tôi, bà con hãy đi đi, lạy Chúa tôi! Không phải dịch tả đâu, cháu nó sắp ở cữ đấy. Xin bà con hãy làm phúc làm đức cho!

Tôi nấp sau một góc tối, sau cái hòm và nhìn mẹ tôi lăn lộn trên sàn rên siết và nghiến răng ken két. Bà tôi lê vòng quanh, cất giọng dịu dàng và vui vẻ nói:

---

[1] Người nông dân Nga trước cách mạng, còn có nghĩa là người đàn ông.
[2] Tức Alecxei, cách gọi tắt thân mật.

- Nhân danh Cha và Con! Variusa[1] con hãy cố chịu khó một tí!... Lạy Đức Mẹ Rất Thánh che chở chúng con...

Tôi sợ quá. Mẹ tôi và bà tôi bò lên trên sàn ngay bên cạnh bố tôi, đụng cả vào người bố tôi và rên rỉ, gào thét, còn bố tôi vẫn nằm yên không động đậy và dường như đang cười gằn. Cảnh lổng lộn trên sàn ấy kéo dài khá lâu. Mấy lần mẹ tôi gượng đứng dậy, nhưng lại ngã quỵ xuống. Bà tôi lăn ra khỏi phòng giống như một quả bóng lớn màu đen và mềm nhũn. Sau đó đột nhiên trong bóng tối có tiếng trẻ con khóc thét lên.

- Sáng danh Chúa! - bà tôi nói. - Con trai rồi!

Và bà châm một ngọn nến.

Sau đó chắc tôi ngủ thiếp đi ở góc nhà nên không nhớ gì nữa.

Ấn tượng thứ hai còn ghi lại trong trí nhớ tôi là một ngày mưa, tại một góc nghĩa địa hoang vắng. Tôi đứng ở một gò đất trơn, nhớp nháp và nhìn xuống cái huyệt trong đó người ta vừa hạ quan tài bố tôi xuống. Dưới đáy huyệt có nhiều nước và có cả ếch nhái nữa; hai con đã leo lên được chiếc nắp quan tài màu vàng.

Đứng bên cạnh huyệt có tôi, bà tôi, tên cảnh sát quần áo ướt sũng và hai người mujic vẻ mặt bực tức, tay cầm xẻng. Những hạt mưa ấm và li ti như những hạt thủy tinh nhỏ rắc lên tất cả mọi người.

- Lấp huyệt, - tên cảnh sát vừa ra lệnh vừa bỏ đi.

Bà tôi khóc òa lên, giấu mặt vào một góc khăn vuông. Hai người mujic gò lưng trên chiếc xẻng bắt đầu vội vã hất đất xuống huyệt, nước dưới huyệt lục bục. Hai con nhái nhảy khỏi nắp quan tài và lao lên thành huyệt, nhưng những hòn đất lại gạt chúng xuống dưới đáy.

---

[1] Tức Vacvara, cách gọi thân mật.

- Đi thôi, Lionia,[1] - bà tôi vừa nói vừa nắm lấy vai tôi. Tôi chuồi ra khỏi tay bà, không muốn rời khỏi nơi đây.

- Lạy Chúa, rõ thật là... - bà tôi rền rĩ, không hiểu với tôi hay với Chúa. Bà tôi đứng im lặng rất lâu, đầu cúi xuống. Huyệt đã đầy đất, song bà tôi vẫn còn đứng đó.

Hai người mujic lấy xẻng đập bồm bộp xuống mặt đất. Một luồng gió thổi tới xua tan và cuốn mưa đi. Bà tôi cầm tay tôi rồi dẫn tôi đến ngôi nhà thờ ở phía xa giữa vô số thánh giá đen sẫm.

- Tại sao cháu không khóc? - bà tôi hỏi, khi chúng tôi bước ra khỏi bờ rào.-Giá cháu khóc một chút mới phải!

- Cháu không muốn khóc, - tôi đáp.

- Thôi được, không muốn thì thôi cháu ạ, - bà tôi sẽ sàng nói.

Tất cả chuyện đó thật kì lạ: tôi rất ít khóc và chỉ khóc khi nào bực tức, chứ không bao giờ vì đau. Bố tôi luôn luôn chế nhạo những giọt nước mắt của tôi, và mẹ tôi thường quát:

- Cấm không được khóc!

Sau cùng bà cháu tôi ngồi trên một chiếc xe ngựa nhỏ đi trên một đường phố rộng, bùn lầy, hai bên toàn những ngôi nhà đỏ sẫm. Tôi hỏi bà tôi:

- Thế lũ nhái ấy có bò ra được không hở bà?

- Không, bây giờ thì chúng không bò ra được, - bà tôi đáp. - Chúa khắc phù hộ chúng nó!

Cả bố tôi lẫn mẹ tôi đều không hay nhắc đến tên Chúa một cách tin tưởng thân mật như vậy.

*

* *

Mấy ngày sau, tôi, bà tôi và mẹ tôi đi tàu thủy, chúng tôi ngồi trong một buồng nhỏ. Đứa em mới đẻ của tôi là Macxim

[1] Tức Alecxei, cách gọi thân mật.

đã chết, nằm trên chiếc bàn trong góc buồng, xác bọc trong một mảnh vải trắng có thắt dây băng đỏ.

Tôi ngồi chót vót trên đống tay nải và hòm xiểng, nhìn qua chiếc cửa sổ lồi và tròn như mắt ngựa. Ở phía ngoài cửa kính ướt át, dòng nước sùi bọt đục ngầu chảy cuồn cuộn không ngớt. Thỉnh thoảng, một làn sóng lại chồm lên và liếm vào mặt kính. Tôi bất giác nhảy xuống sàn tàu.

- Đừng sợ, - bà tôi nói và đưa đôi cánh tay mềm mại khẽ nhấc tôi lên đống tay nải như cũ.

Làn sương mù màu xám và ẩm ướt bao phủ mặt nước. Xa xa, dải đất sẫm hiện ra rồi lại biến mất trong đám sương mù và nước. Mọi vật xung quanh tôi đều rung chuyển. Chỉ có mẹ tôi đứng yên không động đậy, hai tay để sau gáy, lưng tựa vào thành tàu. Khuôn mặt mẹ tôi u sầu, đanh sắt và lãnh đạm, cặp mắt nhắm nghiền. Mẹ tôi cứ đứng yên như vậy, không nói không rằng, dường như đã thay đổi hẳn, xa lạ, ngay cả chiếc áo dài mẹ tôi đang mặc cũng xa lạ đối với tôi.

Bà tôi nhiều lần khẽ bảo mẹ tôi:

- Varia,[1] con cố ăn một chút gì đi chứ?

Mẹ tôi không trả lời và vẫn đứng yên không nhúc nhích.

Với tôi bà tôi chỉ nói thì thầm, còn với mẹ tôi thì to hơn, nhưng có một vẻ thận trọng, e dè. Tôi thấy hình như bà tôi sợ mẹ tôi. Tôi hiểu điều đó, nhờ thế mà hai bà cháu càng gần gũi nhau hơn.

- Xaratov kia rồi! - Đột nhiên mẹ tôi nói to, giọng bực tức. - Thủy thủ đâu rồi?

Đấy, những lời nói của mẹ tôi cũng kì lạ khó hiểu thế đấy: Xaratov, thuỷ thủ.

Một người đàn ông to lớn, tóc bạc, mặc quần áo xanh, bước vào, tay bưng một chiếc hòm con. Bà tôi đỡ lấy chiếc hòm và

---

[1] Tức Vacvara, cách gọi tắt.

đặt xác em tôi vào đó. Rồi bà tôi giơ thẳng tay bê chiếc hòm ra cửa, nhưng người bà to béo quá, chỉ lách nghiêng mới có thể lọt qua được chiếc cửa hẹp của căn buồng nhỏ bé, nên bà cứ lúng ta lúng túng mãi trước cửa nom đến buồn cười.

- Ôi, mẹ, - mẹ tôi kêu lên, đỡ lấy chiếc quan tài ở tay bà tôi, rồi cả hai người cùng biến mất. Tôi ở lại trong buồng một mình, chăm chú nhìn người đàn ông mặc quần áo xanh.

- Thế nào, em cháu đi mất rồi ư? - người mặc quần áo xanh cúi xuống nhìn tôi và nói.

- Bác là ai?

- Thủy thủ.

- Còn Xaratov là ai?

- Là một thành phố. Nhìn qua cửa sổ mà xem, nó kia kìa!

Qua tấm cửa kính tôi nhìn thấy một dải đất dường như đang di động. Dải đất màu sẫm và dốc tuột, tỏa lên một làn sương nhẹ, trông từa tựa như một khoanh bánh mì lớn vừa mới cắt từ một ổ bánh ra.

- Bà cháu đi đâu thế bác?

- Đi chôn em cháu.

- Đem chôn nó xuống đất hở bác?

- Chứ sao? Phải chôn đi.

Tôi kể cho bác thủy thủ nghe câu chuyện người ta đã chôn sống lũ nhái như thế nào lúc chôn cất bố tôi. Bác bế xốc tôi lên, ghì chặt vào người và hôn tôi:

- Chà, cháu chưa hiểu gì cả! - bác nói. - Không nên thương hại lũ nhái ấy làm gì, Chúa khắc phù hộ chúng! Cháu hãy thương lấy mẹ cháu. Cháu thấy đấy, đau khổ đã làm cho mẹ cháu héo hon đi như thế đấy!

Tiếng còi tàu rúc lên, rền rĩ trên đầu chúng tôi. Tôi đã biết đây là chiếc tàu thủy nên không sợ. Bác thủy thủ vội đặt tôi xuống sàn nhà và vừa chạy ra ngoài vừa nói:

- Bác phải chạy đi đằng này một tí!

Tôi cũng muốn chạy theo. Tôi bước ra ngoài cửa. Ngoài hành lang hẹp tranh tối tranh sáng không có qua một bóng người. Gần cửa buồng có những bậc cầu thang nẹp đồng bóng nhoáng. Nhìn lên trên, tôi thấy một đám người xách bị và tay nải. Rõ ràng là tất cả mọi người sắp lên bờ, tôi cũng phải lên thôi.

Nhưng khi tôi len vào giữa đám đông ở cạnh thành tàu trước chiếc cầu bắc lên bờ, mọi người đều nhìn tôi kêu lên:

- Con cái nhà ai thế này? Mày con ai?

- Cháu không biết.

Người ta xô đẩy tôi, lay tôi, sờ mó tôi hồi lâu. Cuối cùng bác thủy thủ tóc bạc chạy đến, túm lấy tôi và phân trần:

- Thằng bé này ở Axt'rakhan, nó ở trong buồng tàu chạy ra...

Bác bế tôi chạy tất tưởi về buồng tàu, đặt tôi lên đống tay nải rồi vừa đi ra, vừa giơ ngón tay dọa tôi:

- Liệu hồn đấy!

Tiếng ồn ào trên đầu mỗi lúc một nhỏ dần, chiếc tàu không lắc lư mạnh và không khuấy động trên mặt nước nữa. Cửa sổ căn buồng bị một bức thành ướt chắn lấp. Trong buồng tối om, ngột ngạt, đống tay nải như phồng ra, ép lấy người tôi. Tất cả đều làm cho tôi khó chịu. Có lẽ người ta sẽ để một mình tôi ở lại vĩnh viễn trong chiếc tàu vắng ngắt này chăng?

Tôi lại gần cửa buồng. Cửa không mở được, tôi cầm chai sữa đập thật mạnh vào quả đấm. Cái chai vỡ toang, sữa đổ tung tóe xuống chân tôi, chảy đầy cả vào đôi ủng.

Buồn rầu vì thất bại, tôi lên nằm trên đống tay nải, khóc ti tỉ và ngủ thiếp đi, mắt vẫn ướt lệ.

Khi tôi tỉnh dậy, chiếc tàu thủy lại khuấy động và lắc lư

mạnh, cửa sổ căn buồng sáng rực như mặt trời. Bà tôi ngồi cạnh tôi, chải đầu và nhăn nhó, lầm rầm nói gì nghe không rõ. Tóc bà tôi đen nhánh, áng xanh, dày kì lạ, phủ kín cả hai vai, xõa xuống ngực, xuống đầu gối và rải cả ra sàn. Một tay khẽ nâng mớ tóc trên sàn lên và ướm trên tay, bà tôi đưa một cách khó khăn chiếc lược thưa bằng gỗ vào mớ tóc dày.Bà tôi bĩu môi, cặp mắt đen long lên đầy tức giận, và trong mớ tóc dày ấy khuôn mặt bà tôi trở nên bé nhỏ và buồn cười lạ.

Hôm nay bà tôi có vẻ dữ tợn, nhưng khi tôi hỏi tại sao tóc bà lại dài như vậy, bà tôi trả lời, giọng cũng dịu dàng ấm áp như hôm qua:

- Có lẽ Chúa trừng phạt bà đấy. Tóc với tai chết tiệt ở đâu ấy, cứ thử chải nó mà xem. Hồi còn trẻ bà thích khoe khoang về cái bờm này, nhưng nay về già bà lại nguyền rủa nó! Nhưng cháu ngủ đi! Hãy còn sớm, mặt trời vừa mới mọc thôi...

- Cháu không buồn ngủ nữa!

- Thì thôi vậy, - bà tôi bằng lòng ngay; và vừa tết tóc vừa nhìn về phía chiếc đi văng, nơi mẹ tôi đang nằm ngủ, ngửa mặt lên, người duỗi thẳng. - Hôm qua cháu đập vỡ chai sữa như thế nào nhỉ? Kể khẽ cho bà nghe!

Lời nói của bà tôi đặc biệt trầm bổng nghe như tiếng hát, nó khắc sâu vào trí nhớ tôi dễ dàng, như những đóa hoa, và cũng dịu dàng, rực rỡ đầy nhựa sống. Khi bà tôi mỉm cười, hai con ngươi đen sẫm như quả anh đào, long lanh tia sáng dịu hiền khôn tả. Nụ cười để lộ ra hai hàm răng trắng ngần chắc chắn, và mặc dù trên đôi má ngăm ngăm đen đã có vô số nếp nhăn, khuôn mặt của bà tôi hình như vẫn tươi trẻ. Nhưng cái mũi xôm xốp có hai lỗ mũi phồng lên và cái chóp mũi đỏ đã làm cho khuôn mặt xấu đi khá nhiều. Bà tôi hít thuốc lá đựng trong cái hộp đen khảm bạc. Toàn thân bà tôi

tối sẫm, nhưng từ bên trong - qua đôi mắt - ánh lên những tia sáng ấm áp, tươi vui và không bao giờ tắt. Tuy lưng còng, gần như gù, và thân hình rất to béo, nhưng bà tôi đi lại nhẹ nhàng, nhanh nhẹn như một con mèo to, và cũng có cái vẻ dịu dàng mềm mại giống hệt như con vật dễ thương ấy.

Trước khi gặp bà tôi; tôi như người ngủ say, đắm chìm trong bóng tối: nhưng bà tôi xuất hiện, đã đánh thức tôi dậy và đưa tôi ra ngoài ánh sáng. Với một sợi dây vô tận bà tôi nối tất cả mọi vật xung quanh tôi lại, đan thành một tấm đăng ten nhiều màu sắc, vẫ lập tức trở thành người bạn thân thiết suốt đời tôi, một người gần gũi nhất với lòng tôi, một con người dễ hiểu nhất và yêu quý nhất. Tấm lòng yêu mến vô tư của bà tôi đối với mọi người đã làm cho tâm hồn tôi thêm phong phú, đã truyền sức mạnh không gì khuất phục nổi để đương đầu với những ngày tháng gieo neo.

*

* *

Bốn mươi năm về trước tàu thủy chạy rất chậm, chúng tôi phải đi khá lâu mới tới Nijni. Tôi còn nhớ rất rõ những ngày đầu tiên vô cùng đẹp đẽ ấy. Trời rất đẹp, suốt từ sáng đến tối, tôi với bà tôi đứng trên boong tàu dưới bầu trời trong sáng, giữa đôi bờ sông Volga vàng óng mầu thu, mượt mà - như đính những dải lụa. Con tàu màu gạch tươi đi ngược dòng sông, bánh lái chậm rãi uể oải khuấy động mặt nước xanh sẫm. Con tàu kéo theo ở đầu sợi dây cáp dài một chiếc sà lan xám trông giống như con bọ đất. Mặt trời lững lờ di chuyển trên sông Volga; cảnh vật xung quanh đổi mới từng giờ từng phút. Những ngọn đồi xanh giống như những nếp gấp lộng lẫy trên bộ y phục sang trọng của mặt đất; hai bên bờ sông, các thành phố và làng mạc nọm xa xa như những chiếc bánh: thỉnh thoảng có chiếc lá thu vàng bập bềnh trên mặt nước.

- Cháu nhìn xem, đẹp chưa kìa! - bà tôi chốc chốc lại lên tiếng, đi từ thành tàu bên này sang thành tàu bên kia. Bà tôi rạng rỡ hẳn lên, đôi mắt mở to vui sướng.

Bà tôi mải nhìn lên bờ, nhiều lúc quên cả tôi. Bà tôi đứng cạnh thành tàu, khoanh tay trước ngực, mỉm cười, im lặng, nước mắt rưng rưng. Tôi giật giật chiếc váy sẫm màu có thêu hoa của bà tôi.

- Gì thế! - Bà tôi giật mình. - Bà tưởng như đang thiu thiu ngủ và nằm mơ ấy.

- Sao bà lại khóc!

- Bà vui sướng đấy cháu ạ, mà cũng vì tuổi già nữa! - bà tôi vừa nói vừa mỉm cười. - Bà đã già rồi, bà đã trải qua sáu mươi xuân rồi còn gì nữa!

Sau khi hít thuốc lá, bà tôi bắt đầu kể cho tôi nghe những câu chuyện kì quái về bọn cướp phúc đức, về các vị thánh, về những loài dã thú và lũ ác quỷ.

Những chuyện thần thoại được bà tôi kể bằng một giọng khe khẽ, đầy bí ẩn. Bà tôi cúi xuống, nhìn thẳng vào mắt tôi, hai con ngươi mở rộng như muốn truyền vào lòng tôi một sức mạnh lôi cuốn tôi lên. Bà tôi nói y như hát, và càng nói lời bà tôi càng vang lên nhịp nhàng. Nghe bà tôi nói thật thú vị không thể tả được. Tôi lắng nghe và nài thêm:

- Kể nữa đi bà!

- Ồ, mà có câu chuyện này nữa: bấy giờ lão già gia thần[1] bé nhỏ ngồi ở phía dưới lò sưởi, bị mì ống cắm vào chân. Lão vừa lắc la lắc lư vừa rên rỉ và khóc ti tỉ: "Ôi, các cậu

[1] Đối với người Xlav không theo đạo Thiên chúa, đây chỉ là một loại thần che chở cho căn nhà ấy và những người trong nhà, nhưng cũng có thể trở thành nguy hại cho họ, có thể bóp họ chết nghẹt trong giấc ngủ. Có nhiều lễ lạc liên quan đến tín ngưỡng này. Người ta cầu nguyện gia thần và mời thần cùng đối chỗ ở với người trong nhà. Lòng tín ngưỡng vào gia thần còn mãi cho đến thời gian gần đây. (Một số chú thích chúng tôi dựa theo bản dịch tiếng Pháp).

chuột con ơi, đau quá, ôi các cô chuột con ơi, ta không thể chịu nổi!".

Bà tôi nhấc một chân lên, hai tay ôm lấy mặt và nhăn lại giãy giãy nom đến buồn cười, y như chính bà tôi đau vậy.

Các bác thủy thủ rậm râu và hiền lành đứng xung quanh lắng nghe, cười khúc khích, khen ngợi bà tôi và cũng yêu cầu:

- Bà kể chuyện nữa đi!

Sau đó họ bảo:

- Mời bà cùng đi ăn với chúng tôi!

Khi ăn, họ mời bà tôi uống rượu votca, còn tôi thì được ăn dưa hấu, dưa bở. Việc này phải làm giấu, vì trên tàu có một người cấm ăn hoa quả, lão ta tịch thu tất cả hoa quả và đem quẳng xuống sông.[1] Lão ăn mặc giống hệt một viên cảnh sát, cũng có những cúc áo bằng đồng, và lúc nào cũng say mềm. Mọi người thấy lão đều lẩn tránh.

Mẹ tôi rất ít khi ra boong tàu và thường đứng lặng lẽ một mình, riêng ra một chỗ. Thân hình mẹ tôi to lớn, cân đối, khuôn mặt tối sầm và đanh lại, mái tóc vàng hoe, tết bím, vấn trên đầu thành một vòng nặng trĩu - toàn thân mẹ tôi trông thật lực lưỡng và rắn chắc. Giờ đây hình ảnh mẹ tôi hiện lên trong óc tôi như qua một lớp sương mù hoặc qua một đám mây trong suốt, từ đó đôi mắt mầu tro nghiêm nghị cũng to như đôi mắt bà tôi xa lạ và lạnh lùng nhìn ra.

Có một lần mẹ tôi nói, giọng nghiêm nghị:

- Người ta cười mẹ đấy, mẹ ạ!

- Mặc họ! - bà tôi đáp với vẻ vô tư. - Cho họ cười, kệ họ!

Tôi còn nhớ vẻ vui mừng như trẻ con của bà tôi khi nhìn thấy Nijni. Bà tôi kéo tay tôi, đẩy tôi về phía thành tàu và kêu lên:

- Cháu trông kìa, đẹp không! Nijni đấy, cháu ạ! Nhờ ơn

[1] Vì dịch tả đang hoành hành lúc bấy giờ nên phải làm như vậy.

Chúa, thành phố mới đẹp làm sao! cháu trông kìa, nhà thờ như bay lên ấy!

Rồi bà tôi yêu cầu mẹ tôi, giọng gần như khóc:

- Variusa, con nhìn đi chứ? Có lẽ con quên cả rồi cũng nên! Hãy vui lên con!

Mẹ tôi mỉm cười, ủ rũ.

Con tàu dừng lại trước một thành phố mĩ lệ, giữa dòng sông chật ních thuyền bè, tua tủa hàng trăm cột buồm nhọn hoắt. Một chiếc thuyền lớn đầy ắp người bơi lại gần thành tàu và ngoắc cái sào có móc vào chiếc thang người ta thả xuống. Những người trên thuyền lần lượt leo lên boong tàu. Đi trước tất cả mọi người là một ông già bé nhỏ, gầy đét. Ông cụ mặc bộ quần áo dài đen, bộ râu cằm màu hung, óng như vàng, cái mũi giống như mỏ chim và cặp mắt xanh lục.

- Bố! - mẹ tôi kêu tướng lên, giọng khàn khàn. Mẹ tôi nghiêng người về phía ông cụ. Ông ôm lấy đầu mẹ tôi và đưa đôi bàn tay bé nhỏ, đỏ tía, vuốt nhanh vào má mẹ tôi. Rồi ông kêu lên, giọng the thé:

- Thế nào! Cô ả ngốc? A, a! Con thấy đấy... Chao ôi, lũ chúng bay...y...y thật là...

Bà tôi hình như ôm hôn tất cả mọi người một lúc, cứ xoay tít như một chiếc chong chóng. Bà tôi vừa đẩy tôi đến trước mặt mọi người vừa nói vội vã với tôi:

- Nào, nhanh nhanh lên! Đây là cậu Mikhailo,[1] đây là cậu Iacov..., mợ Natalia, đây là các em cháu, cả hai cùng tên là Xasa, em gái Caterina, tất cả đây là gia tộc nhà ta đấy. Cháu xem có đông không!

Ông tôi hỏi bà tôi:

- Bà nó có khỏe không?

---

[1] Tức Mikhail.

Ông bà tôi ôm hôn nhau ba lần.

Rồi ông tôi kéo tôi ra khỏi đám người chen chúc, ôm lấy đầu tôi và hỏi:

- Còn thằng này, mày là con cái nhà ai hả?

- Một thằng bé ở Axt'rakhan, từ trong buồng tàu chạy ra...

- Nó nói cái gì thế? - ông tôi hỏi mẹ tôi, và không chờ trả lời, đẩy tôi ra và nói:

- Đôi gò má giống bố như đúc... Thôi xuống thuyền đi!

Tới bờ, chúng tôi cả tốp leo lên dốc, theo con đường rải đá cuội to, giữa hai bờ dốc cao phủ một lớp cỏ vàng hoe đã bị xéo nát.

Ông tôi và mẹ tôi đi đầu. Ông tôi chỉ thấp đến ngang vai mẹ tôi, bước ngắn, nhưng đi rất nhanh. Mẹ tôi nhìn ông tôi từ trên xuống và bước đi như không chấm đất. Hai cậu tôi lặng lẽ bước theo sau: cậu Mikhail tóc đen mượt, người gầy đét giống ông tôi. Cậu Iacov tóc quăn và vàng hoe, có cả mấy người đàn bà to béo đang mặc áo dài lòe loẹt và năm sáu đứa trẻ con, đứa nào cũng lớn hơn tôi và đứa nào cũng im lặng. Tôi đi cùng với bà tôi và mợ Natalia thấp nhỏ. Sắc mặt xanh xao, cặp mắt xanh biếc, bụng to tướng, mợ tôi thường phải dừng lại luôn và nói thì thầm hổn hển:

- Ối, tôi không sao đi được nữa!

- Chúng nó bắt tội mày đi làm gì cơ chứ! - bà tôi càu nhàu vẻ tức giận. - Cả nòi cả ổ đều ngu ngốc!

Cả người lớn lẫn trẻ con, tôi không thích một ai cả. Tôi cảm thấy mình xa lạ giữa họ, ngay cả bà tôi hình như cũng mờ nhạt đi và trở nên xa cách đối với tôi.

Đặc biệt tôi không thích ông tôi tí nào. Tôi cảm thấy ngay ông tôi là kẻ thù, ông làm cho tôi phải đặc biệt chú ý tới ông và gây cho tôi một mối hiếu kì lo sợ.

Chúng tôi đi đến đỉnh dốc. Ở tít trên cao, dựa lưng vào bờ

dốc bên phải, bắt đầu phố, có một ngôi nhà thấp một tầng, sơn màu hồng nhem nhuốc, mái lụp xụp và cửa sổ nhô ra ngoài. Đứng ngoài đường nhìn vào, tôi tưởng ngôi nhà cũng khá rộng rãi, nhưng bên trong lại phân thành những buồng nhỏ, tranh tối tranh sáng, rất chật chội. Chỗ nào cũng thấy những người bực tức chạy ngược chạy xuôi như trên một con tàu cập bến và một lũ trẻ con lổng lộn như đàn chim sẻ hay cướp phá. Chỗ nào cũng có mùi hăng hăng là lạ.

Tôi đi ra sân. Cái sân cũng đáng ghét: khắp sân treo đầy những tấm vải lớn ướt đẫm, để ngổn ngang những thùng nước đặc nhiều màu. Trong thùng cũng ngâm vải. Ở một góc tường, trong chái nhà thấp lè tè đã xiêu vẹo, củi cháy rừng rực trong bếp lò. Có cái gì sôi lên sùng sục, và một người mà tôi không trông thấy nói to những tiếng kì lạ:

- Xantan - fucxin - cuporox.[1]

II

Một cuộc sống sôi nổi nhiều mầu sắc, kì quặc đến khó tả bắt đầu và trôi qua nhanh chóng lạ thường. Tôi nhớ lại cuộc sống đó như nhớ lại một chuyện cổ tích hãi hùng do một thiên tài tốt bụng nhưng chân thật một cách tàn nhẫn đã khéo kể lại. Giờ đây khi hồi tưởng lại quá khứ, chính tôi đôi khi cũng khó tin được rằng tất cả thực sự là như vậy. Có nhiều điều tôi muốn tranh cãi, muốn phủ nhận, chính vì cuộc sống tối tăm của "cái nòi ngu ngốc" ấy có quá nhiều những điều tàn nhẫn.

Nhưng sự thực vẫn hơn lòng thương hại, vả lại câu chuyện

[1] Tên các thứ thuốc nhuộm.

tôi kể đây đâu có phải nói về bản thân tôi, mà nói về cuộc sống chật hẹp, ngột ngạt, đầy những ấn tượng khủng khiếp mà người thường dân Nga đã sống và ngay hiện nay cũng đang sống.

Nhà ông tôi đầy một không khí thù hằn giữa người nọ với người kia như đám sương mù dày đặc; sự thù hằn đó đã đầu độc người lớn và thậm chí cả trẻ con cũng góp phần tích cực vào đó. Sau này, qua những câu chuyện bà tôi kể, tôi được biết rằng mẹ tôi trở về đúng vào lúc các cậu tôi đang nằng nặc đòi ông tôi phải chia gia tài. Việc mẹ tôi đột nhiên trở về càng làm tăng thêm ý muốn ra ở riêng của họ. Họ sợ rằng mẹ tôi sẽ đòi lại số của hồi môn thuộc phần mẹ tôi nhưng bị ông tôi giữ lại vì mẹ tôi đã "tự ý" đi lấy chồng, ngược lại ý ông tôi. Các cậu tôi cho rằng số của hồi môn đó phải được đem chia cho họ. Từ lâu họ cũng đã cãi nhau kịch liệt xem ai là người được mở xưởng ở trong thành phố và ai sẽ ở khu ngoại ô Cunavino, bên kia sông Oca.

Ngay ít ngày sau khi chúng tôi tới, một vụ cãi cọ đã nổ ra ở nhà bếp giữa bữa ăn trưa: các cậu tôi đột nhiên chồm dậy, nhoài người qua mặt bàn và bắt đầu gầm rít, la hét vào mặt ông tôi, răng nhe ra, gầm gừ nhau như một bầy chó. Ông tôi đỏ mặt tía tai, lấy chiếc thìa nện xuống mặt bàn và thét vang lên như tiếng gà trống:

- Ông sẽ cho chúng mày đi ăn mày cả nút!

Mặt nhăn nhó một cách đau đớn, bà tôi nói:

- Cứ đem chia tuốt cho chúng nó, ông ơi! Ông sẽ được yên thân. Cho tất chúng nó đi!

- Xì, bà lại định về hùa với chúng nó phải không?-Ông tôi thét lên, hai mắt long lanh. Và thật là lạ, một người bé nhỏ như ông tôi mà lại có thể thét to đến thế.

Mẹ tôi rời khỏi bàn, đứng dậy và từ từ đi lại phía cửa sổ, đứng xoay lưng về phía mọi người.

Bỗng cậu Mikhail vung tay đấm vào mặt người em, cậu này thét lên, lăn xả vào anh và cả hai người lăn trên sàn, vừa thở, vừa rên, vừa chửi rủa.

Lũ trẻ con òa lên khóc. Mợ Natalia đang có mang kêu than một cách tuyệt vọng. Mẹ tôi ôm lấy mợ tôi đi ra chỗ khác. Evghenia, mụ vú nuôi mặt rỗ, vui tính, đuổi lũ trẻ ra khỏi nhà bếp. Ghế đổ lổng chổng; anh thợ học nghề Txưganoc, một thanh niên có đôi vai rộng, cưỡi lên lưng cậu Mikhail, còn bác thợ cả Grigori Ivanovitr hói đầu, rậm râu và đeo kính râm thì bình tĩnh lấy một chiếc khăn mặt trói hai tay cậu ấy lại.

Cậu Mikhail vươn cổ về phía trước, bộ râu đen và thưa cọ xuống mặt sàn, miệng thở khò khè một cách khủng khiếp. Ông tôi thì vừa chạy xung quanh bàn vừa kêu la thảm thiết.

- Anh em, máu mủ với nhau mà thế đấy! Chao ơi, lũ chúng bay... y... y thật là...

Ngay từ đầu cuộc cãi nhau, tôi sợ quá, đã leo phóc lên lò sưởi.[1] Từ trên đó tôi kinh ngạc nhìn bà tôi đang lấy nước ở chậu thau đồng rửa những vết máu trên mặt cậu Iacov. Cậu vừa khóc vừa giậm chân xuống mặt sàn, còn bà tôi thì nói bằng một giọng khó nhọc:

- Quân đáng nguyền rủa, đồ mọi rợ, phải tu tỉnh lại chứ!

Ông tôi vắt chiếc áo bị rách toạc lên vai và thét bà tôi:

- Này, mụ phù thủy! Mụ đã đẻ ra một lũ súc sinh đấy!

Khi cậu Iacov đã đi khỏi, bà tôi chạy lại góc nhà, kêu gào thảm thiết:

- Lạy Đức Bà Maria, Mẹ của Chúa Lời, xin Đức Bà đừng để con cái chúng con sa vào sự dữ.

---

[1] Những lò sưởi Nga mà ngày nay người ta còn thấy ở nông thôn thường là lò sưởi xây, vừa dùng để sưởi, vừa để đun bếp, những lò này khá rộng, người ta có thể nằm ở trên nắp.

Ông tôi đứng xoay nghiêng về phía bà tôi, đưa mắt nhìn chiếc bàn trên đó mọi thứ còn đổ ngổn ngang, lênh láng và nói nhỏ:

- Bà liệu mà theo dõi chúng nó, kẻo chúng nó sẽ hành tội con Vacvara cho mà xem, chưa biết chừng...

- Thôi đi, đừng nghĩ nhảm nữa! Cởi áo ra, đưa đây tôi vá cho.

Rồi bà tôi ôm lấy đầu ông tôi hôn vào trán. Ông tôi trông thật bé nhỏ bên cạnh bà tôi và cứ úp mặt vào vai bà tôi:

- Có lẽ phải chia thôi, bà nó ạ...

- Phải, phải chia đi, ông ạ!

Hai người nói chuyện với nhau hồi lâu, lúc đầu còn thân mật, sau ông tôi giậm chân xuống sàn như con gà trống trước lúc chọi nhau, giơ ngón tay ra dọa bà tôi và thều thào nói to:

- Tôi biết bà lắm, bà chiều chúng nó lắm! Thằng Mikhailo của bà chỉ là đứa gian xảo,[1] còn thằng Iasca[2] thì là một tên vô lại[3]! Rồi chúng nó sẽ nốc đến hết nhẵn của cải của tôi cho mà xem, chúng sẽ đem phung phí hết...

Ngồi trên mặt nắp lò sưởi, tôi trở mình không khéo, làm rơi chiếc bàn là. Chiếc bàn là lăn ầm ầm trên bậc lò sưởi rồi rơi tõm vào thùng nước rác. Ông tôi nhảy lên bậc, kéo cổ tôi xuống, nhìn chằm chặp vào mặt tôi, dường như mới trông thấy tôi lần đầu.

- Ai đặt mày lên lò sưởi? Mẹ mày phải không?

- Cháu tự leo lên.

- Nói láo.

- Không, cháu tự leo lên một mình thật mà. Vì cháu sợ.

---

[1] Nguyên văn: một tên Jezuit.

[2] Tức Iacov.

[3] Nguyên văn: một tên farmaxon, nói chệch chữ frangmaxon (hội viên hội Tam điểm).

Ông tôi đẩy tôi sang bên và khẽ bớp vào trán tôi.
- Y hệt như cái thằng bố mày! Thôi, cút đi!
Được chuồn khỏi bếp, tôi mừng quýnh.

*
* *

Tôi thấy rõ ông tôi thường đưa cặp mắt xanh thông minh và tinh nhanh theo dõi tôi, và tôi sợ ông tôi lắm. Tôi còn nhớ là tôi luôn luôn muốn lẩn tránh cặp mắt nẩy lửa đó. Tôi cảm thấy ông tôi là một người độc ác, nói với ai cũng bằng một giọng giễu cợt, châm chọc để gây sự và chọc tức mọi người.

- Chao ôi, lũ chúng bay... y... y thật là!-Ông thường la như vậy; tiếng "y" kéo dài của ông luôn gây cho tôi một cảm giác buồn tẻ, ớn lạnh.

Vào giờ nghỉ, lúc uống trà buổi tối, khi ông tôi, các cậu tôi và những người làm từ xưởng bước vào bếp, vẻ mệt mỏi, tay đầy xantan và cháy xém vì cuporox, tóc buộc bằng vải, tất cả nom giống như những bức tượng thánh đen sạm đặt ở góc bếp. Vào giờ phút hãi hùng đó, ông tôi thường ngồi đối diện với tôi và trò chuyện với tôi nhiều hơn với những đứa cháu khác, khiến chúng phải ghen tị. Ông tôi dáng người cân đối mảnh khảnh, tư thế ung dung. Chiếc gilê bằng vải xa tanh thêu đã cũ sờn, áo sơ mi vải hoa thì nhàu nát và trên hai đầu gối quần lộ ra những miếng vá lớn. Tuy vậy trông ông tôi ăn mặc vẫn có vẻ sạch sẽ và chỉnh tề hơn các cậu tôi mặc vét tông, sơ mi ngực hồ cứng và quàng khăn lụa.

Tôi đến được vài hôm thì ông tôi bắt tôi học cầu kinh. Tất cả những đứa trẻ khác ở trong nhà đều lớn tuổi hơn tôi và chúng đã học đọc, học viết do một thầy phụ lễ của nhà thờ Đức Mẹ lên Trời dạy; qua cửa sổ của ngôi nhà có thể nhìn thấy những nóc nhà thờ tròn vàng chói.

Mợ Natalia dạy tôi học. Mợ là một người trầm lặng, sợ sệt, mặt trông rất trẻ con và có cặp mắt trong suốt khiến tôi có cảm tưởng rằng qua cặp mắt đó có thể nhìn thấy tất cả những gì ở phía sau mợ.

Tôi thích nhìn vào mắt mợ thật lâu, không chớp. Mợ lim dim mắt, quay đầu tứ phía và khe khẽ năn nỉ tôi, giọng gần như thì thầm:

- Nào, cháu nói đi: "Lạy Chúa chúng tôi ở trên trời..."

Và nếu tôi có hỏi "Iaco je[1] là cái gì" thì mợ sợ hãi nhìn xung quanh và khuyên tôi:

- Cháu đừng hỏi, như thế không tốt! Cháu chỉ việc nói theo mợ: "Lạy cha chúng tôi..." nào?

Tôi băn khoăn: tại sao hỏi lại không tốt? tiếng "Iaco je" như có nghĩa gì bí ẩn, và tôi cố tình tìm mọi cách xuyên tạc đi:

- "Iaco je", "Ia vơ coje"...[2]

Nhưng mợ tôi cứ kiên nhẫn chữa lại. Mặt mợ nhợt nhạt như sắp tan ra thành nước, giọng nói luôn luôn đứt quãng:

- Đừng, cháu chỉ việc nói: "Iaco je" thôi...

Nhưng bản thân mợ và cả những lời nói đều không tự nhiên. Điều đó khiến tôi bực mình và làm cho tôi không thể nào thuộc được bài kinh.

Một hôm ông tôi hỏi:

- Thế nào, Aliosa[3], hôm nay mày làm gì? Lại đi chơi rồi! Cứ nhìn thấy cái bướu trên trán mày là đủ biết. Chơi mà bươu đầu bươu trán lên như thế thì không phải là khôn đâu! Thế còn bài kinh "Lạy Cha" đã thuộc chưa?

Mợ tôi đáp khẽ:

---

[1] Iaco je - tiếng Xlav cổ có nghĩa là "bởi vì". Bài kinh này cầu bằng tiếng Xlav cổ (tức là tiếng của nhà thờ chính thống Nga).

[2] "Ia vơ coje" - tiếng Nga nghĩa là "Tôi bọc trong da".

[3] Tức Alecxei, cách gọi tắt.

- Nó tối dạ lắm.

Ông tôi cười khẩy, cặp lông mày màu hung khẽ rướn lên:

- Nếu vậy thì phải nện cho nó một trận!

Và ông lại hỏi tôi:

- Bố mày đã nện cho mày bao giờ chưa?

Không hiểu ông tôi nói gì, tôi im. Mẹ tôi nói:

- Không, Macxim không đánh nó bao giờ, còn cấm cả con nữa.

- Sao vậy?

- Bố nó bảo không thể dạy bằng roi vọt được.

- Rõ đồ ngốc, khốn khổ mồ ma cái thằng Macxim ấy. Lạy Chúa tha thứ cho con! - Ông tôi nói rành rọt, giọng giận dữ.

Những lời nói đó làm tôi bực mình. Ông tôi nhận ra điều đó.

- Mày làm gì mà bĩu mỏ thế? Thật là thằng...

Rồi, vuốt mái tóc hung đốm bạc trên đầu, ông tôi nói thêm:

- Được, đến thứ bảy này tao sẽ tẩn cho thằng Xasa một mẻ về chuyện chiếc đê[1] cho mà xem!

- Tẩn là thế nào? - tôi hỏi.

Tất cả mọi người cười phá lên, ông tôi nói:

- Được, rồi khắc biết...

Tôi nấp vào một chỗ rồi tưởng tượng: "tẩn" tức là thêu viền những áo dài người ta đưa nhuộm, còn "nện" và "đánh" thì chỉ là một, có lẽ thế. Người ta thường đánh ngựa, đánh chó, đánh mèo. Ở Axtrakhan bọn cảnh sát đánh người Ba Tư, cảnh đó tôi đã thấy. Nhưng tôi chưa thấy người ta đánh trẻ con như vậy bao giờ, và ở đây tuy các cậu tôi cũng có khi cốc vào trán, khi thì bợp vào gáy lũ em họ tôi, nhưng lũ trẻ đối với việc đó có vẻ xem thường. Bị đánh, chúng chỉ xoa qua loa chỗ đau rồi thôi. Nhiều lần tôi hỏi chúng:

---

[1] Bao ngón tay dùng khi khâu vá.

- Có đau không?

Và bao giờ chúng cũng trả lời một cách can đảm:

- Không, chẳng đau gì cả!

Câu chuyện lôi thôi về chiếc đê tôi có được biết. Chiều chiều, khoảng từ lúc uống trà cho đến bữa ăn tối, các cậu tôi và bác thợ cả thường can những mảnh vải nhuộm lại với nhau thành một "tấm" và gắn vào đó những cái nhãn bằng bìa.

Để đùa bác Grigori mắt đã gần mù, cậu Mikhail sai một đứa cháu lên chín tuổi lấy chiếc đê của bác Grigori hơ lên ngọn nến. Thằng Xasa lấy chiếc kẹp vẫn dùng để gạt tàn nến cặp chiếc đê, hơ thật nóng, rồi lừa đặt xuống phía dưới tay bác Grigori, và nấp đằng sau lò sưởi. Vừa lúc đó, ông tôi đi vào, ngồi xuống làm việc và đút ngay ngón tay vào chiếc đê nóng bỏng.

Tôi còn nhớ, khi tôi nghe tiếng ồn ào chạy vào bếp thì ông tôi đang giơ những ngón tay bị bỏng lên nắm lấy tai, nhẩy như choi choi và la lớn:

- Đứa nào nghịch thế này? Quân tà đạo!

Cậu Mikhail cúi xuống bàn, lấy ngón tay búng chiếc đê thổi cho nguội. Bác thợ cả vẫn điềm nhiên ngồi khâu, những hình bóng nhẩy nhót trên chiếc đầu hói lớn của bác. Cậu Iacov chạy vào, nấp sau góc lò sưởi và cười khúc khích. Bà tôi thì đang xát khoai sống bằng một chiếc bàn xát.

- Thằng Xasca[1] Iacovov nghịch đấy! - cậu Mikhail bỗng nhiên nói:

- Nói láo! - cậu Iacov từ phía sau lò sưởi nhảy ra, la lên.

Trong một góc bếp, thằng con cậu Iacov vừa khóc mếu vừa kêu:

- Không phải đâu bố ạ! Chính bác ấy xui con đấy!

---

[1] Tức Xasa.

Hai cậu tôi bắt đầu cãi nhau. Còn ông tôi thì bỗng nguôi ngay. Ông tôi lấy bột khoai đắp vào ngón tay rồi im lặng bước ra, kéo theo cả tôi ra ngoài. Tất cả mọi người đều nói rằng cậu Mikhail có lỗi. Cho nên đến lúc uống trà tôi hỏi xem cậu ấy có bị "tẩn" và bị "nện" không?

- Đáng lắm, - ông tôi vừa càu nhàu vừa liếc nhìn tôi.

Cậu Mikhail dấm tay xuống mặt bàn, thét mẹ tôi:

- Chị Vacvara, có bảo thằng chó con ấy câm đi không! Tôi thì vặn cổ nó đi bây giờ!

Mẹ tôi nói:

- Cứ thử đụng vào nó mà xem...

Thế là tất cả mọi người đều im lặng.

Mẹ tôi có lối nói cộc lốc, những lời nói ấy như có sức mạnh đánh lui địch thủ, và làm cho họ phải hạ mình.

Tôi thấy rõ là tất cả mọi người đều sợ mẹ tôi. Ngay cả ông tôi cũng nói với mẹ tôi nhẹ nhàng, không giống như nói với những người khác. Thấy vậy tôi rất thích thú, và thường khoe với lũ em họ với vẻ tự hào:

- Mẹ tớ mạnh nhất!

Chúng cũng chẳng phản đối.

Nhưng rồi câu chuyện xảy ra hôm thứ bảy sau đã làm lay chuyển lòng tin của tôi đối với mẹ tôi.

*

* *

Trước hôm thứ bảy, tôi cũng phạm phải một lỗi nặng.

Tôi rất thích xem người lớn làm thay đổi màu vải, thật là tài tình: chẳng hạn người ta lấy vải vàng nhúng vào nước màu đen, thế là vải hóa thành màu xanh thẫm, "màu chàm"; cho màu xám vào nước màu gạch thì trở thành đỏ, màu "boóc đô". Thật là dễ thương, nhưng khó hiểu.

Tôi cũng muốn tự mình nhuộm một vật gì đó, tôi liền nói chuyện đó với thằng Xasa Iacovov. Nó là một thằng bé rất đứng đắn, muốn được người lớn không coi thường, đối với ai cũng dịu dàng, sẵn sàng giúp đỡ tất cả mọi người trong mọi trường hợp. Người lớn khen nó dễ bảo, thông minh, nhưng ông tôi thường lườm nó và nói:

- Đồ nịnh hót.

Thằng Xasa Iacovov người gầy khẳng, đen thui, hai mắt lồi như hai mắt tôm. Nó thường nói vội vã, lí nhí, hay nuốt tiếng và lúc nào cũng lấm lét nhìn quanh như định chạy trốn đi đâu. Hai con ngươi màu nâu sẫm của nó thường không động đậy, nhưng mỗi khi nó bị kích động lại rung lên cùng với lòng trắng.

Tôi không ưa nó. Tôi thích thằng Xasa Mikhailov hơn. Nó là một thằng bé chẳng có gì đáng để ý, thầm lặng, chậm chạp, có cặp mắt buồn và nụ cười hiền lành, rất giống người mẹ dịu dàng của nó. Bộ răng nó không được đẹp chìa cả ra ngoài miệng và ở hàm trên lại mọc thành hai hàng. Bộ răng này làm nó bận tâm lắm; lúc nào nó cũng cho tay vào mồm lay những chiếc răng mọc ở hàng sau để định nhổ đi và ai muốn sờ vào hàm răng của nó cũng được. Ngoài ra, tôi không thấy nó có cái gì hay hơn. Trong nhà chật ních người nhưng nó sống lẻ loi. Nó thích ngồi trong những xó tranh tối tranh sáng, và buổi chiều thì ngồi bên cửa sổ. Thật thú vị khi cùng ngồi với nó im lặng bên cửa sổ, và cứ ngồi sát bên nhau im lặng như thế hàng tiếng đồng hồ, nhìn những con quạ đen bay lượn trên bầu trời đỏ ối trong buổi hoàng hôn, quanh những chiếc tháp tròn vàng rực của ngôi nhà thờ Đức Mẹ lên Trời. Chúng bay tít lên cao, rồi lao vút xuống, Và bỗng như một tấm lưới đen, chúng phủ kín bầu trời đang tắt, rồi chúng biến đi đâu mất, để lại sau chúng một khoảng không trống

rồng. Nhìn cảnh tượng đó người ta không muốn nói gì nữa, và một nỗi buồn man mác xâm chiếm lấy tâm hồn.

Còn thằng Xasa, con cậu Iacov, thì chuyện gì cũng có thể nói thao thao bất tuyệt, và chững chạc như người lớn. Biết tôi muốn học nhuộm, nó khuyên tôi vào trong tủ lấy ra chiếc khăn trải bàn màu trắng vẫn dùng trong những ngày lễ và đem nhuộm thành màu xanh.

- Màu trắng là dễ nhuộm nhất, tớ biết! - nó nói giọng rất nghiêm trang.

Tôi lôi ra chiếc khăn trải bàn lớn và chạy ra sân. Nhưng khi tôi vừa nhúng một đầu khăn vào thùng nước "chàm" thì anh Txưganoc bỗng từ đâu lao tới. Anh giật lấy chiếc khăn, rồi dùng hai bàn tay to lớn vắt nước và thét thằng em họ tôi đang nấp ở phòng ngoài để theo dõi việc làm của tôi:

- Gọi bà ra mau lên!

Rồi anh lắc cái đầu tóc đen bù xù như báo trước điềm chẳng lành, và bảo tôi:

- Hừ, chuyến này thế nào mày cũng bị một trận đòn nên thân!

Bà tôi chạy tới, vừa rên rỉ và khóc lóc, vừa chửi tôi bằng những câu nghe đến buồn cười:

- Ôi, thằng trời đánh thánh vật kia, sao quỷ thần không đem mà quật chết mày đi!

Rồi bà tôi nói với anh Txưganoc:

- Này, Vania,[1] đừng nói gì với ông nhé! Tao sẽ giấu kín chuyện này, may ra có thể thoát được...

Anh Vanca[2] chùi hai tay ướt vào chiếc tạp dề nhem nhuốc, nói với vẻ lo lắng:

- Cái đó thì việc gì đến con? Con không nói đâu, song coi chừng thằng Xasa nó mách đấy!

---

[1] Tức Ivan, cách gọi tắt, Ivan là tên, Txưganoc là biệt hiệu.

[2] Tức Ivan, cách gọi tắt thân mật.

- Tao sẽ cho nó hai copec, - bà tôi nói và dẫn tôi vào trong nhà.

Đến thứ bảy, trước giờ cầu nguyện, có người dẫn tôi vào bếp. Trong bếp tối om om và im lặng. Tôi còn nhớ cửa vào phòng ngoài và các phòng lúc đó đều đóng chặt, và bên ngoài cửa sổ là ánh sáng u ám của một buổi chiều thu, tiếng mưa rơi tí tách vào cửa kính. Trước cửa lò sưởi đen kịt, anh Txưganoc đang ngồi trên một chiếc ghế dài lớn. Trông anh giận dữ, khác hẳn ngày thường. Ông tôi đứng trong góc cạnh một chiếc thùng gỗ, chọn ở trong thùng ra những chiếc roi dài, lấy tay đo từng chiếc rồi xếp lại với nhau và quất vun vút vào không khí. Bà tôi đứng ở một chỗ tối hít thuốc rít lên và càu nhàu:

- Sướng lắm đấy... đồ tàn bạo!...

Thằng Xasa Iacovov ngồi trên chiếc ghế ở giữa bếp hai tay dụi mắt, nói giọng kéo dài nghe rất lạ giống như một ông lão hành khất:

- Xin ông hãy vì Chúa mà tha cho cháu.

Đằng sau chiếc ghế, hai đứa con cậu Mikhail, một trai một gái, đứng tựa vai vào nhau, im thin thít như những khúc gỗ.

- Tao quật xong rồi tao tha, - ông tôi nói, tay vuốt một chiếc roi dài và ướt,- nào, tụt quần ra!...

Ông tôi nói rất thản nhiên. Và cả tiếng nói của ông, cả tiếng thằng bé giãy giụa trên chiếc ghế ken két, cả tiếng giậm chân của bà tôi - tất cả đều không thể nào làm khuấy động được cái không khí trầm lặng đang bao trùm lên căn bếp nhá nhem tối, dưới chiếc mái thấp lè tè đầy bồ hóng.

Thằng Xasa đứng lên, cởi quần, tụt xuống đến đầu gối và hai tay giữ quần, nó cúi lom khom, lập cập bước đến chiếc ghế dài. Nhìn nó thì thật là thương tâm, hai chân tôi cũng run lên.

Tệ hơn nữa là khi thấy nó ngoan ngoãn nằm úp mặt xuống chiếc ghế, còn anh Vanca thì lấy một chiếc khăn lớn trói nó vào ghế qua nách và cổ. Anh cúi xuống và dùng hai cánh tay đen thui giữ chặt lấy cổ chân nó.

- Lecxei,[1] - ông tôi gọi, - lại gần đây!... Kìa, có nghe tao nói gì không?... Đây, hãy trông tao quật nó đây này... Một!

Ông vung tay lên không cao và vụt chiếc roi vào tấm thân trần truồng. Xasa kêu thét lên.

- Nói láo, - ông tôi nói, - có đau đâu! Cái này mới đau hơn này!

Ông tôi đánh đến nỗi da giộp ngay lên, trên lưng hằn những vệt đỏ. Thằng em họ tôi rú lên một tiếng dài.

- Không dễ chịu à! - ông tôi hỏi, tay vẫn đều đặn đưa lên đưa xuống. - Không thích hả? Roi này là về tội chiếc đê này!

Mỗi khi ông tôi vung tay lên, tất cả mọi thứ trong ngực tôi đều dâng lên theo, và khi cánh tay hạ xuống thì dường như cả người tôi cũng rơi xuống. Xasa rít lên the thé, nghe thật khó chịu:

- Cháu chừa rồi... ì... ì... Cháu chẳng mách chuyện chiếc khăn bàn là gì... Cháu đã mách...

Ông tôi nói giọng bình thản như đọc Thánh thi:

- Tố cáo không phải là đã hết tội! Đứa tố cáo phải được ăn đòn trước tiên. Này đây, về chiếc khăn bàn!

Bà tôi lao về phía tôi, nắm lấy tay tôi và thét lên:

- Tôi không đưa thằng Lecxei cho ông đâu! Không đưa đâu! Đồ quỷ sứ!

Bà lấy chân đạp vào cửa và gọi.

- Varia, Vacvara!...

Ông tôi bổ nhào về phía bà tôi, đẩy bà tôi ngã, giằng lấy

[1] Tức Alecxei.

tôi và đem lại chiếc ghế dài. Tôi giãy giụa trong tay ông tôi, giật bộ râu màu hung và cắn vào ngón tay ông. Ông tôi kêu thét lên, ghì chặt lấy tôi và cuối cùng ném tôi xuống chiếc ghế dài, làm tôi sây sát cả mặt mũi. Tôi còn nhớ tiếng thét man rợ của ông tôi:

- Trói nó lại! Tao sẽ giết nó!

Tôi còn nhớ bộ mặt trắng bệch và cặp mắt mở to của mẹ tôi. Mẹ tôi vừa chạy dọc theo chiếc ghế vừa thở hổn hển:

- Đừng, bố ơi!... Trả nó cho con...

*

* *

Ông tôi đánh cho đến khi tôi ngất đi. Mấy ngày liền tôi ốm, phải nằm sấp trên một chiếc giường rộng nóng bức, trong một căn phòng nhỏ chỉ có một cửa sổ với một ngọn đèn đỏ tù mù suốt ngày đêm ở góc phòng, trước mặt chiếc tủ có bày rất nhiều tượng thánh.

Những ngày đau ốm là những ngày đáng ghi nhớ của đời tôi. Trong những ngày đó chắc tôi đã lớn lên rất nhiều và cảm thấy như có cái gì đó khác thường. Từ đó trở đi, tôi đâm ra lo lắng đối với mọi người; và hệt như người ta đã lột mất lớp da ở trái tim tôi đi nên nó trở nên hết sức nhạy bén đối với mọi nỗi đau đớn và sỉ nhục, dù là tôi hay người khác phải chịu.

Trước hết, cuộc cãi nhau giữa bà tôi và mẹ tôi đã làm cho tôi hết sức ngạc nhiên: trong căn phòng chật hẹp, bà tôi, người to lớn và vận đồ đen, tiến về phía mẹ tôi, dồn mẹ tôi vào góc phòng, chỗ để các tượng thánh, và rít lên:

- Sao mày không lại mà giằng nó ra, hả?

- Con sợ.

- Ôi, mày khỏe như vâm mà còn sợ! Thật xấu hổ, Vacvara! Tao già thế này mà tao không sợ! Thật xấu hổ!...

- Để cho con yên mẹ ơi, con đau lòng lắm...

- Không, mày không yêu nó, mày không thương thằng bé mồ côi!

Mẹ tôi nói lớn giọng mệt nhọc:

- Chính tôi cũng như một đứa mồ côi suốt đời!

Rồi cả hai người ngồi trên chiếc hòm ở góc phòng khóc rất lâu. Mẹ tôi nói:

- Nếu không có thằng Alecxei thì tôi đã đi khỏi nơi này rồi! Tôi không thể sống trong cái địa ngục này được nữa, không thể sống được, mẹ ơi! Không còn hơi sức nữa...

- Con là dòng máu của mẹ, trái tim của mẹ! - Bà tôi thì thào nói.

Tôi hiểu ra mẹ tôi không phải là kẻ mạnh, mẹ tôi cũng sợ ông tôi như mọi người. Tôi đã cản trở mẹ tôi đi khỏi cái nhà này, nơi mẹ tôi không thể sống nổi. Điều đó thật đáng buồn. Ít lâu sau, mẹ tôi biến khỏi nhà thật, không hiểu là đi đâu, thăm ai.

Một hôm ông tôi bỗng xuất hiện, hệt như từ trần nhà rơi xuống. Ông tôi ngồi xuống giường, đưa bàn tay lạnh như băng sờ đầu tôi:

- Chào cậu cả... Cháu trả lời đi, đừng giận ông!... Thế nào?...

Tôi chỉ muốn đá cho ông tôi một cái, nhưng tôi đau không cựa quậy được. Tóc ông tôi trông càng đỏ hơn mọi khi, đầu luôn luôn lắc lư, hai con mắt long lanh như đang tìm kiếm vật gì trên tường. Ông tôi lấy trong túi ra một chiếc bánh bích quy hình con dê, hai chiếc kẹo bọc đường hình chiếc kèn, một quả táo và một chùm nho khô màu xanh rồi đặt tất cả lên trên gối, ngay trước mặt tôi.

- Cháu thấy không, ông đem quà cho cháu đấy!

Ông tôi cúi xuống và hôn vào trán tôi. Sau đó ông tôi bắt đầu vừa nói vừa khe khẽ xoa đầu tôi với bàn tay bé nhỏ,

cứng quèo và vàng khè, nhất là những móng tay cong như móng chim.

- Hôm trước ông đánh cháu đau quá phải không? Ông nóng quá! Tại cháu cào và cắn ông nên ông giận. Nhưng không sao, cháu có bị đòn quá mức thì rồi đâu cũng vào đấy cả! Cháu phải biết, mỗi khi người thân thích đánh cháu thì đó không phải là một điều sỉ nhục mà là một bài học! Không nên để cho người ngoài đánh mình, nhưng đối với người trong nhà thì chẳng sao. Cháu tưởng trước kia ông không bị đánh ư? Aliosa, ông bị đánh đến nỗi ngay cả trong giấc mơ khủng khiếp cháu cũng không thấy được. Ông bị sỉ nhục đến nỗi giá Chúa trông thấy chắc Chúa cũng phải khóc! Kết quả là thế nào? Từ một đứa trẻ mồ côi, con một người đàn bà nghèo, ông đã có địa vị như bây giờ. Ông đứng đầu một phường nhuộm, ông điều khiển mọi người.

Với thân hình gầy gò và cân đối, nằm xuống bên cạnh tôi, ông tôi bắt đầu kể về ngày thơ ấu của mình bằng những lời lẽ rắn rỏi và mạnh mẽ, lời nọ nối tiếp lời kia một cách dễ dàng và khéo léo.

Hai con mắt xanh của ông tôi rực sáng lên. Ông tôi vui vẻ vò rối bù mớ tóc vàng óng, rồi cất giọng the thé như quát vào mặt tôi:

- Cháu đến đây bằng tàu thủy phải không? Hơi nước đưa cháu đến đấy! Còn ông, khi còn trẻ, chính ông đã dùng sức mình kéo các sà lan đi ngược sông Volga. Sà lan thì ở dưới nước, ông thì đi trên bờ. Ông đi chân đất trên đá sắc cạnh, trên những chỗ đất sụt, và cứ như thế suốt từ lúc mặt trời mọc cho đến tối mịt. Nắng xiên vào gáy, đầu nóng bỏng như than, người cúi rạp sát đất, xương cốt kêu răng rắc... Vậy mà vẫn phải đi, đến đường đi cũng không trông thấy, hai mắt nhòa lệ và mồ hôi, lòng đau đớn ê chề...Ôi chà, Aliosa, cháu

cứ im ông kể cho mà nghe! Cứ thế đi, đi mãi, cho đến lúc tuột khỏi dây, ngã giúi xuống đất. Ấy thế nhưng lại mừng, bởi vì tất cả sức lực đã cạn rồi, miễn sao được nghỉ ngơi, hay chết quách! Đó, người ta đã sống dưới mắt Chúa Jexu nhân từ như thế đó!... Đã ba lần ông bước đi đo dòng sông Volga - Mẹ hiền: từ Ximbiêc đến Rubinxc,[1] từ Xaratov đến đây và từ Axt'rakhan đến hội chợ Macariev. Biết bao nhiêu ngàn dặm đường! Cho đến năm thứ tư thì ông trở thành phu trưởng của anh em phu kéo thuyền, vì ông đã cho lão chủ biết được tài của ông!...

Ông tôi nói, và bỗng vụt lớn lên trước mắt tôi như một đám mây, từ một ông già bé nhỏ và quắt queo biến thành một người có sức mạnh phi thường, một mình kéo cả một chiếc sà lan xám khổng lồ đi ngược dòng sông...

Thỉnh thoảng ông tôi lại nhảy từ trên giường xuống đất và vung tay làm điệu bộ cho tôi thấy những người kéo thuyền đi như thế nào, tát nước ở trên thuyền ra sao. Ông tôi hát giọng trầm những bài gì đó, xong lại nhảy lên giường, nhanh nhẹn như một thanh niên, trông thật kì lạ. Rồi ông lại nói, giọng càng say sưa hơn:

- Nhưng Aliosa ạ, những lúc nghỉ, vào những buổi chiều hè ở Jiguli,[2] dưới chân ngọn đồi xanh rì có khi bọn ông đốt lửa lên rồi nấu cháo. Và khi một người kéo thuyền đáng thương cất tiếng hát một bài hát thoát ra từ đáy lòng thì lập tức cả đoàn phu ầm ầm cất giọng hòa theo. Người như sởn gai ốc lên, và sông Volga dường như lại càng chảy xiết. Nó lồng lộn như con ngựa bất kham, như muốn cất mình lên tận mây xanh! Lúc đó mọi nỗi đau khổ đều tiêu tan như làn bụi trước gió. Mọi người hát đến nỗi có khi để cháo trào cả ra ngoài;

---

[1] Những tên cũ của thành phố Ulianov và Tsecbacov trên sông Volga.
[2] Những ngọn núi rất đẹp ở khúc giữa sông Volga.

khi ấy cần phải nện cho anh chàng đầu bếp một muôi vào trán: "Chơi nhưng chớ bỏ lơi công việc!"

Đã mấy lần có người ngó vào cửa gọi ông tôi, nhưng tôi van nài:

- Ông đừng đi ạ!

Ông tôi mỉm cười khoát tay đuổi mọi người:

- Đợi tí đã...

Ông tôi kể chuyện mãi cho đến tận chiều tối, và khi đi ra còn âu yếm từ biệt tôi. Tôi biết ông tôi không phải là người dữ tợn và đáng sợ. Tôi ứa nước mắt khi nhớ lại rằng chính ông tôi đã đánh tôi tàn nhẫn như vậy. Tuy nhiên tôi vẫn không thể nào quên được chuyện đó.

Việc ông tôi đến thăm đã mở rộng cửa cho tất cả mọi người, và từ sáng đến tối luôn luôn có người ngồi bên giường tôi, cố tìm mọi cách làm cho tôi khuây khỏa. Tôi còn nhớ điều đó không phải lúc nào cũng vui vẻ và thú vị. Bà tôi thường đến với tôi hơn cả và cùng ngủ với tôi một giường nữa. Nhưng trong những ngày đó, người đã để lại cho tôi ấn tượng tươi sáng nhất là anh Txưganoc. Vai anh vuông, ngực nở, đầu rất to với bộ tóc xoăn tít. Anh đến vào lúc chiều tối và ăn vận như ngày hội: áo lụa vàng, quần nhung bông và đi đôi ủng gập nếp kêu ken két. Tóc anh bóng láng, cặp mắt lác lấp lánh dưới đôi lông mày rậm, hàm răng trắng ẩn dưới bộ ria mép đen mới mọc. Chiếc áo vàng rực phản chiếu ánh lửa đỏ của ngọn đèn thờ không bao giờ tắt.

- Này em, trông đây này,- anh nói và vén tay áo lên, chìa cho tôi xem cánh tay trần đầy những vết đỏ đến tận khuỷu. - Em xem nó sưng thế đấy! Mấy hôm nọ còn tệ hơn nữa, hôm nay đã bắt đầu bớt nhiều rồi! Em có biết không, thấy ông nổi giận và bắt đầu đánh em, anh liền giơ ngay cánh tay này ra đỡ. Anh định chờ khi nào roi gẫy, ông đi lấy chiếc khác thì bà hoặc mẹ sẽ bế em chạy đi! Nhưng chiếc roi lại không gẫy,

vì ngâm nước nên dẻo quá! Nhưng dù sao em cũng đỡ bị đòn có phải không? Đấy em xem, anh cũng láu cá đấy chứ...

Anh cười vẻ âu yếm, dịu dàng và ngắm nghía cánh tay sưng phồng, rồi vừa cười vừa nói:

- Anh thương em quá, đến nỗi cổ họng anh cứ nghẹn lại. Tội nghiệp! Thế mà ông cứ vụt mãi...

Anh thở phì phì như ngựa và lắc đầu, rồi anh quay ra nói chuyện gì đó về công việc. Trong chốc lát anh đã trở nên gần gũi đối với tôi và giản dị như một đứa trẻ.

Tôi bảo anh rằng tôi yêu anh lắm. Anh trả lời thật chất phác khó mà quên được:

- Thì chính anh cũng yêu em, vì yêu em nên anh mới chịu đau thay cho em! Đứa khác thì đừng hòng, mặc xác chúng nó...

Sau đó anh bắt đầu khuyên bảo tôi, anh nói khẽ, thỉnh thoảng lại nhìn ra cửa:

- Lần sau nếu em có bị đánh thì phải cẩn thận đấy, đừng có co dúm người lại, hiểu không? Co dúm như thế sẽ đau gấp đôi, em cứ thả người cho thoải mái, sao cho người thật mềm, mềm nhũn ra ấy! Và đừng có nhịn thở, cứ thở thật mạnh và kêu tướng lên, nhớ đấy! Như thế rất tốt.

Tôi hỏi:

- Thế ra còn bị đánh nữa à?

- Chứ sao? - anh Txuganoc nói vẻ thản nhiên. - Tất nhiên, còn bị đánh nữa chứ! Rồi xem, em sẽ bị đánh luôn đấy...

- Vì sao?

- Ông mà đã muốn kiếm cớ thì...

Và anh lại lo lắng khuyên tôi:

- Nếu ông đánh từ trên cao, chỉ quất roi từ trên xuống thôi thì em cứ việc nằm yên, người thật mềm; còn nếu ông đánh

giật - quất xuống rồi lại giật về để rứt thịt ra - thì em phải rướn người theo chiều chiếc roi, hiểu không? Như thế đỡ đau hơn!

Anh nháy một bên mắt đen lác rồi nói:

- Về mặt này anh còn giỏi hơn cảnh sát đấy! Da của anh có lẽ đem khâu được bao tay em ạ!

Tôi ngắm nét mặt vui tươi của anh và nhớ lại những chuyện cổ tích mà bà tôi đã kể và Hoàng tử Ivan và chàng ngốc Ivanusca.

III

Ốm dậy, tôi thấy rõ anh Txưganoc giữ một địa vị đặc biệt trong nhà. Ông tôi quát mắng anh không luôn miệng và không giận dữ như đối với các cậu tôi. Khi vắng mặt anh, ông tôi lim dim mắt và gật gù nói về anh:

- Thằng Ivanca[1] có đôi bàn tay vàng! Chúng bay cứ nhớ lời tao nói: lớn lên nó sẽ khá cho xem!

Các cậu tôi cũng đối xử với anh Txưganoc rất trìu mến, thân mật và không khi nào "đùa" anh như đối với bác thợ cả Grigori mà hầu như chiều nào họ cũng kiếm một trò gì đó đáng giận và ác độc để trêu: khi thì họ nung nóng chuôi kéo, khi thì cắm ngược cái đinh nhọn hoắt vào ghế của bác, hoặc thấy bác lòa dở, họ để ngay bên tầm tay của bác những mảnh vải màu sắc khác nhau để bác đính thành một "tấm", thế là bác lại bị ông tôi chửi cho một mẻ.

Một hôm, sau bữa ăn trưa, khi bác ngủ trong bếp trên gác

[1] Tức Ivan, cách gọi thân mật.

xép, họ lấy thuốc nhuộm đỏ bôi lên mặt bác. Bác cứ thế vác bộ mặt ngộ nghĩnh và đáng sợ ấy đi đi lại lại khá lâu: giữa bộ râu bạc lộ ra hai vết kính tròn mờ mờ và một cái mũi dài đỏ chót buông thõng xuống vẻ thiểu não nom giống như cái lưỡi.

Các cậu tôi nghĩ ra không biết bao nhiêu những trò tinh nghịch như vậy. Nhưng bác thợ cả vẫn ngậm đắng nuốt cay chịu đựng, bác chỉ khẽ càu nhàu và trước khi sờ vào cái bàn là, cái kéo cái kim hoặc cái đê, bác thường nhấp nước bọt đầy đầu ngón tay.

Cái đó đã trở thành thói quen đối với bác; ngay cả khi ngồi vào bàn ăn trưa, trước khi cầm con dao hoặc cái dĩa, bác cũng nhấp nước bọt như vậy làm bọn trẻ con cười ồ cả lên. Khi nào bác đau khổ, trên khuôn mặt to của bác nổi lên vô số nếp nhăn. Những nếp nhăn này trườn trên trán bác một cách kì quái, khẽ kéo cặp lông mày lên, rồi biến mất vào cái đầu trọc lốc của bác.

Tôi không nhớ ông tôi đối với những trò đùa của các cậu tôi ra sao, nhưng bà tôi thì giơ nắm đấm đe các cậu tôi và quát:

- Chúng mày không biết ngượng mặt à, quân vô lại!

Nhưng khi vắng mặt anh Txuganoc, các cậu tôi lại nói về anh với vẻ bực tức và châm biếm. Họ giễu cợt, chê bai việc làm của anh, nhiếc anh là thằng ăn cắp và lười biếng.

Tôi hỏi bà tôi tại sao lại có chuyện ấy.

Cũng như mọi lần, bà tôi vui lòng giảng giải cho tôi bằng những lời dễ hiểu:

- Cháu không biết, cả hai cậu cùng muốn tranh Vaniusca[1] về phần mình, khi nào họ mở xưởng nhuộm riêng; thế là trước mặt nhau họ gièm pha nó, nói nó là một tay thợ tồi. Họ

[1] Tức Ivan, cách gọi thân mật.

nói láo, họ lừa miếng nhau đấy. Họ còn sợ Vaniusca không đi với họ, sẽ ở lại với ông. Mà ông lại là người trái tính trái nết, ông có thể sẽ cùng với Ivanca mở một xưởng nhuộm thứ ba, như thế sẽ không lợi cho các cậu, cháu hiểu chưa?

Bà cười khẽ:

- Họ dùng đủ mánh khóe, đến thánh cũng phải buồn cười! Nhưng ông lại biết tỏng những mưu mẹo đó và cố ý trêu hai cậu Iasa[1] và Misa.[2] Ông bảo: "Tao sẽ mua cho thằng Ivan một tấm thẻ miễn đi lính[3] để nó khỏi bị gọi ra lính, vì tao cần đến nó!" Các cậu bực tức, họ không thích thế và tiếc tiền, vì mua một tấm thẻ như vậy rất đắt!

Tôi lại được sống với bà tôi như khi ở trên tàu thủy. Tối nào trước khi đi ngủ bà tôi cũng kể cho tôi nghe những chuyện thần thoại hoặc kể về cuộc đời mình, cũng tựa tựa như chuyện thần thoại vậy. Bà tôi kể chuyện làm ăn của gia đình: chuyện phân chia gia tài cho con cái, chuyện ông tôi tậu nhà mới cho mình. Bà tôi vừa nói vừa khẽ cười, dửng dưng như người dưng nước lã hay một người hàng xóm láng giềng, chứ không phải là người chủ nhân thứ hai trong ngôi nhà này.

Nhờ thế tôi mới biết anh Txưganoc là đứa con hoang nhặt được trên chiếc ghế dài ở cạnh cổng trong một đêm mưa đầu xuân.

- Nó nằm ở đấy, cuộn trong một chiếc tạp dề rộng, - bà tôi kể giọng trầm ngâm và có vẻ huyền bí, - nó khẽ kêu oe oe và đã bắt đầu rét cóng.

- Tại sao người ta lại bỏ rơi trẻ con thế?

---

[1] Tức Iacov, cách gọi tắt.

[2] Tức Mikhail, cách gọi tắt.

[3] Ai có tấm thẻ này thì người đó khỏi phải đi lính. Muốn có nó, người ta trả một số tiền để đảm bảo việc nhập ngũ của một người tình nguyện.

- Vì mẹ nó không có sữa, không có gì nuôi; thế là mẹ nó dò xem ở đâu có trẻ con mới đẻ bị chết liền đặt giấu nó ở đó.

Sau một lát yên lặng, bà tôi gãi đầu, thở dài rồi nhìn lên trần nhà, nói tiếp:

- Tất cả đều là do nghèo túng, Aliosa ạ, có cảnh khổ cực quá đến nỗi không thể nói ra được! Người ta cho rằng con gái chưa chồng không có quyền đẻ, rằng đó là một điều hổ thẹn! Ông định đưa Vaniusca tới sở cảnh sát, nhưng bà can ngăn; giữ lấy mà nuôi; đó là trời cho chúng ta để thay vào những đứa đã chết. Vì bà đẻ cả thảy mười tám bận: nếu tất cả đều sống thì chúng sẽ chiếm cả một dãy phố, tới mười tám ngôi nhà! Cháu không biết chứ, bà lấy chồng từ năm mười bốn tuổi, năm mười lăm bà đã đẻ, nhưng Chúa thích dòng máu nhà bà nên đã lần lượt bắt chúng về làm thiên thần.[1] Bà vừa tiếc, nhưng cũng lại vừa mừng!

Ngồi trên thành giường, mình mặc độc có chiếc áo cánh, mái tóc đen xoã xuống cả người, bà tôi to xù như một con gấu mà mới đây người tiều phu rậm râu vùng Xecgat[2] đã đem về sân. Bà tôi làm dấu trên bộ ngực trắng phau như tuyết, cười khẽ và đung đưa toàn thân:

- Chúa đã bắt đi những đứa tốt, còn lũ chả ra gì thì để lại cho bà. Bà rất vui mừng được thằng Ivanca, bà rất yêu các cháu, các cháu ạ! Thế là bà nhận nó, rửa tội cho nó, và nó trở nên một thằng con trai ngoan ngoãn. Lúc đầu bà gọi nó là Bọ Dừa, vì nó hay rủ rỉ chẳng khác gì con bọ dừa, suốt ngày nó bò và rù rì ồn khắp các phòng. Cháu hãy yêu mến nó, nó là một con người giản dị!

---

[1] Người ta coi trẻ con chết ngay từ tuổi còn thơ là vô tội và gọi là "những thiên thần", họ tin rằng sau khi chết chúng trở thành thiên thần.
[2] Xecgat ở phía Đông Nam Nijni-Novgorod chừng 130km.

Tôi yêu mến anh Ivan và nhiều khi ngạc nhiên đến ngây người về anh.

Nhất là vào ngày thứ bảy, lúc ông tôi đi lễ nhà thờ, sau khi đã đánh lũ trẻ có lỗi trong tuần, thì trong nhà bếp lại diễn ra đủ mọi thứ trò vui khôn kể. Anh Txưganoc bắt những con gián đen ở sau lò sưởi, làm rất nhanh bộ dây cương bằng chỉ và cắt chiếc xe trượt tuyết bằng giấy. Sau đó anh dùng thanh đóm điều khiển bốn con ngựa ô đi du ngoạn trên chiếc bàn màu vàng đã cọ sạch. Anh kêu lên, giọng náo nức:

- Chúng nó đi tìm giám mục đấy!

Anh gắn mảnh giấy nhỏ vào lưng một con gián, thúc nó chạy theo sau chiếc xe trượt tuyết và giải thích:

- Chúng nó bỏ quên cái bao. Ông tu sĩ chạy theo đưa cho chúng đấy!

Anh lấy chỉ trói chân một con gián; con vật bò lê, đầu đụng tứ tung. Anh Vanca vỗ tay reo lên:

- Lão phụ lễ đang từ quán rượu đi ra. Lão đi dự lễ chiều đấy!

Anh lôi đàn chuột ra. Theo lệnh anh, chúng đứng và đi bằng hai chân sau, kéo lê chiếc đuôi dài lòng thòng theo sau và chớp chớp cặp mắt linh lợi như những hạt cườm đen nhánh trông đến buồn cười. Anh nâng niu đàn chuột, ôm chúng vào ngực, mớm đường, hôn hít và nói với giọng đầy tin tưởng:

- Chuột là giống vật thông minh, dịu dàng. Nó được gia thần rất yêu. Ai mà cho chuột ăn thì sẽ được gia thần ban ân cho...

Anh biết làm các trò quỷ thuật với quân bài và những tờ giấy bạc. Anh la hét to hơn cả bọn trẻ con và hầu như không khác chúng mấy. Một hôm bọn trẻ chơi bài với anh, chúng thắng anh mấy ván liền. Anh rất buồn, tức giận bĩu môi bỏ cuộc, sau đó anh khịt khịt mũi và phàn nàn với tôi:

- Anh biết rõ, tụi chúng nó thông đồng với nhau trước! Chúng nó nháy nhau, giúi bài cho nhau dưới gầm bàn. Ai lại chơi như thế? Chính anh cũng biết chơi gian lận không kém...

Anh đã mười chín tuổi, lớn hơn cả bốn đứa chúng tôi cộng lại.

Nhưng đáng ghi nhớ nhất đối với tôi là hình ảnh của anh trong những tối vui ngày hội. Khi ông tôi và cậu Mikhail đi thăm bà con là cậu Iacov có bộ tóc quăn rối bù liền xách cây đàn ghi ta xuống bếp. Bà tôi bầy một bữa tiệc trà có nhiều món ăn nhẹ và rượu votca đựng trong chiếc chai xanh có hoa đỏ bằng thủy tinh ở đáy. Anh Txưganoc mặc quần áo ngày hội quay tít như con quay. Bác thợ cả lặng lẽ len vào, cặp kính của bác lấp lánh. Có cả mụ vú nuôi Evghenia mặt rỗ, hồng hào và béo tròn trùng trục như một cái chum; mụ có cặp mắt láu lỉnh và giọng nói oang oang. Thỉnh thoảng lão phụ lễ giữ đồ thánh râu tóc bờm xờm của nhà thờ Đức Mẹ lên Trời và cả một số người mờ ám lẩn lũi thoăn thoắt như những con cá măng và cá chuối, cũng tới dự.

Mọi người vừa ăn uống lu bù, vừa thở dài thườn thượt. Họ chia quà bánh cho bọn trẻ con và cho mỗi đứa một cốc rượu ngọt. Dần dần cuộc vui trở nên náo nhiệt và sôi nổi kì lạ.

Cậu Iacov chăm chú lên dây đàn, và sau khi lên dây xong bao giờ cậu cũng nói câu này:

- Nào, tôi xin bắt đầu!

Cậu hất mớ tóc quăn ra sau và cúi xuống cây đàn ghita vươn cổ dài như cổ ngỗng. Khuôn mặt tròn vô tư của cậu trở nên mơ màng; cặp mắt linh lợi xa xăm của cậu nhòa đi như tan trong màn sa mù. Cậu bật nhẹ dây đàn, cậu mở đầu một điệu giật, vô tình cứ làm cho mọi người muốn bật dậy.

Bài đàn của cậu đòi hỏi im lặng hoàn toàn. Nó như dòng suối chảy xiết từ xa đổ về, lọt qua sàn nhà và những bức

tường, làm cho trái tim mọi người xao xuyến và gợi lên một cảm giác mơ hồ, vừa u sầu vừa náo nức. Điệu nhạc làm cho người nghe cảm thấy thương mình và thương mọi người. Người lớn hình như cũng trở lại tuổi trẻ con và mọi người ngồi yên, đắm mình trong bầu không khí im lặng, mơ mộng đăm chiêu.

Xasa Mikhailov chăm chú nghe hơn cả. Nó vừa vươn dài người ra về phía cậu Iacov, nhìn chằm chằm cây đàn ghita miệng há hốc, nước dãi chảy ròng ròng. Đôi khi nó mơ màng đến nỗi ngã từ trên ghế xuống, tay đập xuống sàn nhà; và lúc đó nó ngồi bệt luôn xuống sàn, cặp mắt đờ ra, tròn xoe.

Mọi người cũng thế, ai cũng say mê đờ đẫn. Chỉ có chiếc ấm xamovar là khẽ reo reo, nhưng vẫn không át nổi tiếng than vãn của cây đàn ghita. Hai chiếc cửa sổ nhỏ vuông nhìn ra cảnh đêm thu tối mò. Đôi khi dường như nghe có người khẽ gõ vào cửa kính. Trên bàn, ngọn lửa vàng khè của hai cây nến khẽ rung rinh, nhọn hoắt như những ngọn giáo.

Cậu Iacov mỗi lúc một thêm đờ người ra; cậu như ngủ say, hàm răng cắn chặt, chỉ có đôi bàn tay của cậu là vẫn tiếp tục một cuộc sống riêng, những ngón tay phải uốn cong, rung tít trên dây đàn giống như con chim đang chớp cánh, chao đi lộn lại, những ngón tay trái lướt thoăn thoắt trên phím đàn.

Sau khi uống ngà ngà say, cậu khe khẽ hát một bài dài vô tận, giọng rít qua kẽ răng nghe rất khó chịu:

Nếu Iacov là chó -
Y sủa rống từ sáng đến tối:
Ôi, ta buồn ghê!
Ôi, ta chán ghê!
Ngoài phố một cô mụ đi qua,
Trên hàng rào một con quạ đậu.
Ôi, ta buồn ghê!

Ôi, ta chán ghê!
Sau lò dế gáy,
Đàn gián xáo xác.
Ôi ta buồn ghê!
Một gã ăn mày phơi đôi xà cạp,
Gã ăn mày khác xoáy mất!
Ôi, ta buồn ghê!
Ôi, ta chán ghê!

Tôi không sao chịu nổi điệu hát này, và khi cậu bắt đầu hát tới đoạn gã ăn mày tôi liền khóc nức nở, lòng buồn rười rượi. Anh Txuganoc nghe nhạc cũng chăm chú như mọi người. Anh lùa bàn tay vào mớ tóc đen, nhìn chằm chằm vào góc nhà và thỉnh thoảng lại khịt mũi. Đôi khi anh thốt lên bất ngờ, giọng rầu rĩ:

- Chà, nếu ta tốt giọng, thì lạy Chúa, ta hát phải biết!

Bà tôi thở dài, nói:

- Thôi, Iasa, thật mày làm nẫu ruột nẫu gan mọi người! Còn mày, Viniatca[1] nhảy đi một tý nào...

Họ không bao giờ thực hiện ngay lời yêu cầu của bà tôi. Tuy nhiên đôi khi cậu Iacov bỗng đặt bàn tay lên dây đàn một lát, rồi cậu nắm tay lại, ném mạnh xuống sàn một cái gì không ai trông thấy và không ai nghe thấy. Cậu kêu lên, giọng vui nhộn:

- Buồn với chả sầu, hãy vứt đi cho rảnh! Nào Vanca, đứng dậy!

Anh Txuganoc sửa sang lại tư thế cho tề chỉnh, kéo chiếc áo sơ mi vàng cho phẳng và rón rén bước ra giữa nhà bếp như bước trên đầu đinh vậy. Cặp má rám nắng của anh đỏ ửng lên. Anh mỉm cười có vẻ thẹn thùng và yêu cầu:

---

[1] Tức Ivan, cách gọi thân mật.

- Chơi nhanh lên một chút, Iacov Vaxilitr!

Cây đàn ghi ta vang lên điên cuồng, gót giày nện xuống sàn dồn dập. Trên bàn và trong tủ bát đĩa kêu lanh canh. Ở giữa nhà bếp, anh Txưganoc quay tròn như ánh lửa, bay lượn như con diều hâu, vung vẩy tay như cánh chim, chân di chuyển hầu như không. Anh bỗng thét giật lên một tiếng, rồi ngồi xổm xuống sàn và quay liệng như con chim én vàng óng. Chiếc áo lụa rọi ánh ra khắp xung quanh, rung rung lên, trông như dòng suối đang đổ ra hoặc như vàng nung đang chảy.

Anh Txưganoc nhảy múa không biết mệt, quên lãng tất cả, và tưởng như nếu mở toang cửa ra thì anh sẽ đem điệu nhảy ra đường phố, đi khắp thành phố, và không rõ anh còn sẽ đi những đâu nữa...

- Cắt ngang đi! - cậu Iacov kêu lên và giậm chân xuống sàn đánh nhịp.

Cậu huýt sáo rít lên và hát vang những điệp khúc khôi hài, giọng giậm giật:

Chà! Nếu không sợ mòn đôi giày gai
Thì ta đã bỏ rơi cả vợ cùng con!

Những người ngồi sau chiếc bàn cũng thấy ngứa ngáy chân, thỉnh thoảng họ cũng kêu rít lên như bị bỏng. Bác thợ cả rậm râu đập đập tay vào cái trán hói của mình và nói lắp bắp. Một lần, cúi xuống người tôi, bộ râu mềm mại phủ cả lên vai tôi, bác ghé vào tai tôi nói như nói với người lớn:

- Lecxei Macximitr ạ, giá có bố cháu ở đây thì có lẽ đã khác hẳn! Một con người tươi vui, luôn làm dịu lòng người. Cháu có nhớ bố cháu không?

- Không.

- Thật à? Thường thường bố cháu hay nhảy với bà cháu, hãy khoan, cháu xem đây!

Bác đứng dậy, người cao lớn, hốc hác, trông như một bức tượng thánh, cúi mình trước bà tôi và mời bà, giọng trầm trầm khác thường:

- Bà Aculina Ivanovna, xin bà làm ơn cho chúng tôi thưởng thức điệu nhảy trước đây bà thường nhảy với Macxim Xapvateev ấy! Bà vui lòng chứ?

- Grigori Ivanutr, lão rõ lạ chửa, rõ lạ chửa! - Bà tôi vừa nói vừa cười và co dúm người lại.-Vào tuổi tôi còn nhảy với nhót gì! Chỉ tổ làm trò cười cho thiên hạ...

Nhưng tất cả mọi người đều yêu cầu bà tôi nhảy. Thế là bỗng nhiên bà tôi đứng dậy nhanh nhẹn như một thiếu nữ, sửa lại váy, thẳng người ra, chiếc đầu nặng nề ngả ra sau, rồi đi dọc theo gian bếp và nói to:

- Thôi được, các người cứ việc cười! Nào Iasa, chơi bài khác đi!

Cậu tôi ngẩng đầu lên, vươn người ra, lim dim cặp mắt và bắt đầu chơi chậm lại. Anh Txưganoc dừng lại một lát, rồi lao tới chỗ bà tôi, nhảy ngồi xoay quanh. Còn bà tôi thì lướt nhẹ trên sàn như đi trên không, tay đang ra, lông mày rướn lên, cặp mắt đen chăm chăm nhìn về phía xa xa. Trông bà tôi đến hay và tôi phì cười. Bác thợ cả giơ ngón tay nghiêm mặt dọa tôi, tất cả người lớn đều nhìn về phía tôi với vẻ chê trách.

- Thôi đừng nhảy nữa, Ivan! - bác thợ cả vừa nói vừa mỉm cười. Anh Txưganoc ngoan ngoãn vâng lời nhảy sang một bên và ngồi lên ngưỡng cửa, còn mụ Evghenia thì vươn cổ ra và bắt đầu hát, giọng trầm trầm, êm êm:

Suốt tuần cho đến ngày thứ bảy,
Cô gái thêu đăng ten cả ngày,
Cô mệt rũ người vì bận rộn,
Ôi, khác nào cái xác không hồn!

Hồ như bà tôi không nhảy, mà đang kể một chuyện gì. Đây bà tôi lướt nhẹ nhàng, tư lự, người lắc lư, mắt nhìn khắp

xung quanh, toàn thân to lớn rung chuyển ngập ngừng, đôi bàn chân như dò đường, bước đi thận trọng. Bỗng nhiên bà tôi dừng lại như sợ hãi điều gì, khuôn mặt rung rung, nhăn nhó, rồi lập tức một nụ cười hiền hậu, cởi mở nở ra. Bà tôi đi nghiêng người như nhường lối cho ai và lấy tay mời họ đi. Bà cúi xuống, im lặng, lắng nghe và mỉm cười tươi tắn hơn. Rồi đột nhiên bà tôi rời khỏi chỗ, xoáy tròn như một cơn gió lốc. Toàn thân bà tôi như lớn thêm, lúc này không ai có thể rời mắt được vì bà tôi trở nên đẹp đẽ và đáng yêu làm sao trong giây phút diệu kì trở lại tuổi thanh xuân ngày trước.

Mụ Evghenia rúc lên như kèn:

Ngày chủ nhật cô gái nhảy múa
Suốt từ lúc lễ sáng cho đến nửa đêm.
Cô là người cuối cùng về ngõ,
Tiếc thay - ngày lễ chẳng dài thêm!

Nhảy xong bà tôi trở về chỗ cũ ngồi gần ấm xamovar. Mọi người khen ngợi. Bà tôi vừa sửa lại mái tóc vừa nói:

- Thôi đi, các người chưa được thấy những vũ nữ thật sự đấy. Tại quê tôi, ở Blakhơna,[1] trước đây có một cô gái mà tôi không nhớ là con cái nhà ai, tên gì, khi cô ấy nhảy mọi người vui sướng đến phát khóc lên được! Chỉ cần được nhìn thấy cô ấy nhảy cũng đủ vui rồi. Của đáng tội, tôi cứ thèm được như cô ta!

- Những người ca hát và nhảy múa là những người sướng nhất đời! - mụ Evghenia nghiêm nghị nói và bắt đầu hát một bài về vua Davit.[2] Còn cậu Iacov thì ôm lấy anh Txưganoc và bảo anh:

---

[1] Một thành phố trên sông Volga, cách Nijni-Novgorod chừng 30km về phía Tây Bắc.

[2] Vua của nước Israen cổ đại được nhắc đến nhiều trong các bài hát của tôn giáo trong các thánh ca của tập Thánh thi. Ông sống khoảng năm 1010-970 trước công nguyên.

- Mày mà nhảy trong các tiệm rượu thì có lẽ làm cho mọi người mê mẩn đi mất!...

- Tôi chỉ muốn có giọng tốt! - anh Txưganoc than vãn. - Giá mà trời cho tôi tốt giọng thì tôi có thể hát hàng chục năm liền, rồi sau đó dù cho có đi tu chăng nữa cũng cam!

Tất cả mọi người đều uống rượu votca, đặc biệt là bác Grigori uống nhiều nhất. Bà tôi rót cho bác hết cốc này đến cốc khác, và dặn bác:

- Coi chừng đấy, bác Grisa[1] ạ! Không khéo thì mù hẳn đấy!

Bác trả lời đường hoàng:

- Mặc kệ! Tôi không cần đến cặp mắt này nữa, tôi đã nhìn thấy đủ mọi thứ trên đời rồi...

Bác uống không bao giờ say, nhưng càng uống bác càng hay nói và hầu như bao giờ bác cũng nói với tôi về bố tôi:

- Macxim Xapvateev, người bạn thân mến của bác, là một người tốt bụng...

Bà tôi thở dài, đế theo:

- Ừ, thật là một đứa con của Chúa đấy...

Tất cả mọi chuyện đó thật thú vị, đều khiến tôi chăm chú dõi theo, và do mọi chuyện đó mà lòng tôi trào lên một nỗi buồn mơ mác và dễ chịu. Sự vui buồn gắn chặt với nhau đã xâm chiếm mọi người, và mọi người chuyển từ vui sang buồn, từ buồn sang vui không rõ vào lúc nào, thật nhanh chóng lạ thường.

Một hôm cậu Iacov ngà ngà say, cậu xé chiếc áo sơ mi đang mặc, giật mớ tóc quăn, bộ ria trắng trắng lưa thưa, cái mũi và cái môi thưỡi:

- Thế là nghĩa lí gì, hả? - cậu rít lên, nước mắt giàn giụa. - Tại sao lại thế?

---

[1] Tức Grigori, cách gọi tắt.

Cậu đấm vào má, vào trán, vào ngực mình và khóc nức nở.

- Ta là một thằng vô lại, một thằng đê tiện, một tâm hồn tan nát!

Bác Grigori gầm lên:

- A! Đúng như vậy!...

Bà tôi cũng đang say rượu, nắm lấy tay cậu tôi và khuyên nhủ:

- Thôi mà, Iasa, Chúa biết rõ những điều Chúa trừng phạt!

Uống rượu vào, bà tôi lại càng đẹp hơn: cặp mắt đen nhánh, vui tươi tỏa ra một luồng ánh sáng sưởi ấm lòng người. Bà tôi vừa lấy mùi soa phe phẩy khuôn mặt đỏ bừng vừa nói thánh thót:

- Lạy Chúa, lạy Chúa! Tất cả mọi thứ sao mà tốt đẹp thế! Các người hãy nhìn xem, tất cả mọi thứ sao mà tốt đẹp thế!

Đó là tiếng nói tự đáy lòng bà tôi, khẩu hiệu của suốt đời bà tôi.

Những giọt nước mắt và tiếng kêu của người cậu thường vẫn vô tư làm cho tôi hết sức ngạc nhiên. Tôi hỏi bà tôi tại sao cậu ấy lại khóc, lại chửi rủa và tự đánh mình như vậy.

- Cái gì cháu cũng muốn biết! - bà tôi nói có vẻ miễn cưỡng, trái với lệ thường. - Hãy chờ đã, cháu hãy còn bé chưa nên nhúng vào những chuyện đó vội...

Cái đó càng khêu gợi lòng tò mò của tôi. Tôi đến quấy rầy anh Ivan, nhưng anh cũng không muốn trả lời. Anh chỉ khẽ cười, liếc nhìn bác thợ cả, rồi đẩy tôi ra khỏi xưởng và kêu:

- Thôi để yên cho anh làm, đi ra! Không anh lại thả em vào chảo nhuộm luôn một thể bây giờ!

Bác thợ cả đứng trước bếp lò rộng và thấp, trên đó có ba chiếc chảo lớn gắn liền vào đó. Bác dùng chiếc gậy dài màu đen khuấy các chảo, rồi rút ra nhìn những giọt nước màu nhỏ giọt. Lửa cháy nóng rực, phản chiếu lên vạt tạp dề bằng da

trông sặc sỡ như áo lễ của cố đạo. Các chảo nước nhuộm bắt đầu réo, hơi hăng hắc bốc lên nghi ngút, chạy dài về phía cửa như một đám mây dày đặc. Ngoài sân gió hanh hanh thổi vù vù sát đất.

Bác thợ cả ngước đôi mắt đỏ ngầu nhìn tôi qua vành kính. Bác quát tháo anh Ivan giọng thô lỗ:

- Lấy củi! Mày không nhìn thấy gì à?

Khi anh Txưganoc chạy ra sân, bác Grigori ngồi xuống bao thuốc nhuộm và vẫy gọi tôi:

- Lại đây!

Bác đặt tôi lên đầu gối, chùi bộ râu ấm và mềm vào má tôi, rồi kể mẩu chuyện mà tôi ghi nhớ mãi:

- Cậu cháu đã đánh vợ, đã hành hạ đến chết, và bây giờ bị lương tâm cắn rứt, hiểu không? Cháu cần phải hiểu tất cả, kẻo có ngày vạ vào thân!

Bác Grigori ăn nói cũng giản dị như bà tôi, nhưng nghe bác người ta thấy rợn hơn và hình như qua cặp kính bác nhìn thấy hết mọi vật trên đời.

- Đánh chết như thế nào à? - bác thong thả nói.- Thế này nhé: lúc hắn ngủ với vợ, hắn lấy chăn trùm kín đầu vợ, rồi đè lên, đánh túi bụi. Để làm gì? Có lẽ chính hắn cũng không biết nữa.

Không để ý tới anh Ivan đã ôm một bó củi trở vào và ngồi xổm trước bếp lửa hơ tay, bác thợ cả vẫn tiếp tục nói, giọng nghiêm trang:

- Có lẽ hắn đánh là vì vợ hắn hơn hắn, làm hắn ghen tỵ. Họ nhà Casirin không thích cái gì tốt đẹp đâu cháu ạ, họ ghen ghét, và nếu không được ăn, thì họ tìm cách đạp đổ! Cháu thử hỏi bà cháu xem họ đã hại bố cháu như thế nào. Bà cháu sẽ nói hết, vì bà cháu không thích và không biết nói dối ai bao giờ. Bà cháu giống như một vị thánh, có thể nói là một

người có phúc, mặc dù bà cháu cũng uống rượu và hít thuốc. Cháu phải bám chắc lấy bà cháu mới được...

Bác đẩy tôi ra. Tôi bước ra sân, đầu óc nặng trình trịch, lòng đầy sợ hãi. Ở phòng ngoài, anh Vaniusca đuổi kịp tôi, ôm lấy đầu tôi và khẽ nói thầm:

- Em đừng sợ bác ấy, bác ấy rất tốt. Em cứ nhìn thẳng vào mắt, bác ấy thích như thế.

Tất cả cái đó đều kì lạ và làm cho tôi thấy băn khoăn. Tôi chưa biết cuộc sống khác nhau ra sao cả, nhưng tôi nhớ lờ mờ là cha mẹ tôi không sống như vậy: cha mẹ tôi ăn nói khác hẳn, vui đùa cũng khác, thường đi với nhau, ngồi gần nhau. Tối tối cha mẹ tôi thường hay vui cười rất lâu, hoặc ngồi hát vang bên cạnh cửa sổ. Những người đi ngoài phố hay xúm lại xem cha mẹ tôi hát. Khuôn mặt của những người này ngẩng lên giống như những chiếc đĩa bẩn sau bữa ăn trưa trông đến là buồn cười. Ở đây, người ta ít cười, và không phải bao giờ cũng rõ là người ta cười cái gì. Thường thường họ quát tháo nhau, người này đe dọa người kia một điều gì đấy, họ thì thầm bí mật với nhau trong các xó xỉnh. Bọn trẻ con thì lặng lẽ, len lét, chúng nó dường như bị ép xuống mặt đất như những hạt bụi bị trận mưa làm gí xuống. Tôi tự cảm thấy xa lạ trong ngôi nhà này; toàn bộ lối sống ấy đã kích động tôi như vô vàn vết châm, gây cho tôi sự hoài nghi, bắt buộc tôi phải hết sức chú ý quan sát mọi thứ.

Tình bạn giữa tôi với anh Ivan ngày càng tăng. Từ lúc mặt trời mọc cho đến tận khuya, bà tôi bận việc nhà nên hầu như suốt ngày tôi cứ quấn quýt lấy anh Txưganoc. Mỗi khi ông tôi quật tôi là anh lại giơ cánh tay đỡ đòn cho tôi và hôm sau anh giơ những ngón tay sưng vù, phàn nàn với tôi:

- Không, làm thế này chả ích lợi gì cả! Em chẳng đỡ hơn, còn anh thì em trông đây này! Anh sẽ không làm như thế nữa, mặc em đấy!

Nhưng lần sau anh lại chuốc lấy cái đau vô ích ấy vào mình.

- Sao anh bảo không muốn nữa kia mà!

- Không muốn thế mà anh vẫn cứ giơ ra... không hiểu tại sao ấy...

Chẳng bao lâu tôi biết được một chuyện của anh Txưganoc làm cho tôi càng chú ý và yêu mến anh hơn.

Thứ sáu nào anh Txưganoc cũng thắng con ngựa hồng thiến Sarap vào chiếc xe trượt tuyết lớn, đó là một con vật quý của bà tôi, một con vật tinh ranh, tham ăn. Anh mặc chiếc áo lông ngắn đến đầu gối, đội chiếc mũ lông nặng nề và thắt chiếc đai bằng vải xanh. Rồi anh đi chợ mua thức ăn. Đôi khi anh đi mãi không về. Cả nhà đều lo lắng. Mọi người tiến lại gần cửa sổ, thổi mạnh cho tan lớp băng trên cửa kính và nhìn ra phố.

- Nó chưa về à?

- Chưa.

Bà tôi lo sợ hơn cả.

- Ôi thôi, - bà tôi nói với ông tôi và các cậu tôi, - các người làm tôi mất cả người lẫn ngựa rồi! Các người thật không biết xấu hổ à, những đồ vô lương tâm kia? Của mình đã có vẫn chưa đủ sao. Ôi! Cả lũ ngu ngốc và tham lam này, - Chúa sẽ trừng phạt các người!

Ông tôi mặt sa sầm, càu nhàu:

- Thôi được. Đây là lần cuối cùng...

Đôi khi mãi đến trưa anh Txưganoc mới trở về. Các cậu và ông tôi vội vàng ra sân đón, theo sau họ là bà tôi vừa đi vừa hít thuốc, dáng đi như một con gấu. Không hiểu sao vào lúc này nom bà có vẻ vụng về lạ. Lũ trẻ con cũng chạy ùa ra. Mọi người vui vẻ dỡ hàng. Chiếc xe chở đầy lợn sữa, gà vịt làm sẵn, cá và thịt thà đủ các loại.

- Mày có mua đủ các thứ đã dặn không đấy? - ông tôi vừa hỏi vừa liếc nhìn chiếc xe bằng cặp mắt sắc sảo.

- Đủ những thứ cần ạ, - anh Ivan vui vẻ đáp. Anh nhảy nhảy trên sân để cho nóng người lên và vỗ bao tay kêu đôm đốp.

- Đừng vỗ bao tay! Mua mất khối tiền ra đấy, - ông tôi nghiêm nghị quát. - Có còn thừa tiền không?

- Không.

Ông tôi đi thong thả quanh chiếc xe và khẽ nói:

- Mày lại tha về những gì mà lắm thế này. Hãy coi chừng đấy, chắc là mày lại mua không mất tiền chứ gì! Tao không muốn mày làm cái trò ấy đâu!

Rồi ông tôi nhăn mặt, hấp tấp bỏ đi.

Các cậu tôi vui vẻ lao tới chiếc xe và cân ướm trên tay nào gà, vịt, cá, thịt ngỗng, nào chân bò non và những tảng thịt to tướng. Họ huýt sáo và khen rối rít:

- Mày khéo chọn đấy!

Cậu Mikhail đặc biệt mê thích: như có chiếc lò xo điều khiển, cậu nhún nhảy xung quanh chiếc xe, gí mũi như mỏ con chim gõ mõ hít hít mọi thứ, chép chép môi có vẻ ngon lành và nheo cặp mắt xoi mói vẻ khoái trá. Cậu hao hao giống ông tôi, cũng xương xương, nhưng tầm vóc cao hơn và đen thui như một thanh củi bị cháy sém. Cậu giấu bàn tay lạnh buốt vào ống tay áo và hỏi anh Txưganoc:

- Ông đưa cho mày bao nhiêu tiền?

- Năm rúp.

- Chỗ này đáng giá mười lăm rúp đấy! Thế mày tiêu hết bao nhiêu?

- Bốn rúp mười copec.

- Nghĩa là mày đã đút túi chín mươi copec. Này Iacov, nó kiếm tiền bở đấy chứ?

Cậu Iacov mặc phong phanh chiếc áo sơ mi đứng ngoài trời rét. Cậu khẽ cười và chớp mắt ngắm bầu trời xanh lạnh giá.

- Vanca, mày có thể khao chúng tao nửa chai rượu votca được đấy, - cậu nói giọng lè nhè.

Bà tôi tháo ngựa ra và nói với nó:

- Sao thế chú bé! Sao thế chú mèo con? Thích nghịch à? Ừ, thì cứ nghịch đi một tí cũng chẳng sao!

Con Sarap to lớn lắc lắc cái bờm rậm, nhe bộ răng trắng đớp vào vai bà tôi, giật chiếc khăn lụa quấn tóc xuống. Nó nhìn vào mặt bà tôi bằng con mắt tinh nghịch rồi giũ những hạt tuyết khỏi lông mi và khẽ hí.

- Mày đòi ăn bánh mì à?

Bà tôi bẻ một mẩu bánh mì lớn có rắc muối, nhét vào hàm răng nó và đặt tạp dề dưới mõm ngựa làm thành một cái bao. Bà nhìn nó ăn, vẻ đăm chiêu.

Anh Txưganoc cũng đùa như con ngựa non, anh lồng lên về phía bà tôi:

- Bà ơi, con ngựa thiến này ngoan lắm, lại thông minh nữa.

- Cút đi, đừng có dở trò như thế! - bà tôi vừa mắng vừa giậm chân. - Mày phải biết là những hôm như hôm nay tao không ưa mày đâu!

Bà tôi giải thích cho tôi là anh Txưganoc mua ở chợ thì ít, mà ăn cắp thì nhiều.

- Ông cho nó năm rúp, nó mua mất ba rúp, còn ăn cắp thêm mười rúp nữa. - Bà buồn rầu nói. - Thích ăn cắp, thằng hư đốn! Có lần nó thử, không việc gì. Về nhà người ta cười, khen nó tài giỏi, thế là nó đâm quen cái thói ăn cắp ấy. Còn ông thì vì hồi trẻ phải nếm nhiều cảnh nghèo khổ nên về già đâm ra keo kiệt. Ông quý tiền hơn con đẻ, ông thích được cái gì mà không mất tiền! Còn cậu Mikhailo và Iacov thì...

Bà phẩy tay, im lặng một lát, rồi nhìn chiếc hộp đựng thuốc lá bỏ ngỏ và càu nhàu nói thêm:

- Lionia, những việc ấy thật là rắc rối chẳng khác gì

những tấm đăng ten do một mụ mù thêu, mò thế nào cho ra được những đường thêu ấy! Nếu người ta bắt được thằng Ivanca ăn cắp thì người ta sẽ đánh cho nhừ tử...

Bà tôi lại im lặng và khẽ nói:

- Chà! Nhà ta phép tắc thì nhiều, nhưng thật thà thì ít.

Hôm sau, tôi yêu cầu anh Txưganoc đừng ăn cắp nữa.

- Họ sẽ đánh anh chết mất...

- Họ đừng hòng bắt được anh, anh sẽ tẩu thoát, vì anh khéo léo, ngựa anh lại nhanh! - Anh vừa nói vừa cười. Nhưng bỗng anh cau mày lại, vẻ buồn rầu. - Anh cũng biết ăn cắp là xấu và nguy hiểm. Sở dĩ anh làm thế là vì anh buồn chán. Anh có để dành được đồng xu nào đâu, các cậu em suốt tuần bòn hết của anh. Anh cũng chẳng tiếc, lấy thì lấy! Anh ăn đủ no rồi.

Bỗng anh nắm lấy tay tôi, khẽ lắc:

- Em nhẹ, mảnh dẻ, nhưng xương cốt rắn chắc, em sẽ trở thành một tay lực sĩ đấy. Này Aliosa ạ, em bảo cậu Iacov dạy cho mà đánh đàn ghita. Em đang còn bé, thật đáng tiếc! Nhưng em có bản lĩnh. Em có yêu ông không?

- Không biết!

- Còn anh thì không yêu tất cả họ nhà Casirin, trừ bà ra, chỉ có ma quỷ mới yêu được họ mà thôi!

- Thế còn em?

- Em không phải họ Casirin, em thuộc họ Pescov, dòng máu khác, nòi giống khác...

Bỗng anh ôm chặt lấy tôi, gần như rên rỉ:

- Chà, trời ơi, nếu anh có giọng hát du dương thì anh sẽ làm cho thiên hạ phải đảo điên mất... Đi thôi em, anh phải làm việc đây...

Anh đặt tôi xuống sàn, mồm ngậm một vốc đinh nhỏ rồi căng một tấm vải đen ướt và đóng lên tấm gỗ vuông lớn.

Ít lâu sau anh chết.

Câu chuyện xảy ra như sau: ở sân, gần cổng có một cây thánh giá lớn bằng gỗ sồi để tựa vào hàng rào, thân là một cành cây to xù xì. Cây thánh giá nằm ở đó lâu rồi. Tôi trông thấy nó ngay từ những ngày đầu mới tới ngôi nhà này. Khi đó nó còn mới và vàng hơn, nhưng qua mùa thu bị nước mưa ngấm vào nó trở nên đen sạm. Mùi gỗ sồi hun hăng hắc tỏa ra, và cây thánh giá nằm vắt vưởng trên cái sân chật hẹp, bẩn thỉu.

Cậu Iacov mua cây thánh giá này về để đặt lên mộ vợ và hứa đến ngày giỗ vợ sẽ tự mình vác ra nghĩa địa.

Ngày ấy đã đến vào hôm thứ bẩy, đầu mùa đông. Trời giá lạnh và có gió, tuyết lả tả rơi từ mái nhà xuống. Cả nhà bước ra sân. Ông bà tôi cùng ba đứa bé đã đi ra nghĩa địa trước để làm lễ cầu hồn, còn tôi bị phạt ở nhà vì tội gì không rõ.

Các cậu tôi đều mặc áo lông đen ngắn. Các cậu nâng cây thánh giá lên và đứng dưới mái hiên. Bác Grigori và một người lạ nào đấy cố nhấc cây thánh giá nặng nề đặt lên chiếc vai rộng của anh Txưganoc, anh bước loạng choạng, dạng chân ra.

- Có vác nổi không? - bác Grigori hỏi.

- Không biết. Hình như nặng...

Cậu Mikhail tức giận quát tháo:

- Mở cổng ra, lão quỷ mù!

Cậu Iacov nói:

- Mày không biết xấu hổ à, Vanca, nên nhớ là hai đứa chúng tao đều yếu hơn mày!

Nhưng bác Grigori khi mở cổng đã cất giọng nghiêm nghị khuyên anh Ivan:

- Coi chừng, không khéo thì gẫy lưng đấy! Cầu Chúa phù hộ cho mày!

- Lão ngốc hói đầu! - cậu Mikhail quát tháo từ ngoài đường vào.

Tất cả những người đứng ở sân cười nói oang oang, hình như họ đều lấy làm vừa lòng thấy cây thánh giá được mang đi.

Bác Grigori Ivanovitr dắt tôi vào xưởng và nói:

- Có lẽ hôm nay ông không đánh cháu đâu, nom ông có vẻ vui tính...

Vào xưởng, bác đặt tôi ngồi lên đống len sắp đem nhuộm và lấy len quấn quanh người tôi đến tận vai hết sức chu đáo. Bác ngửi hơi nước bốc lên trên các chảo và nói, giọng trầm ngâm:

- Cháu ạ, bác biết ông cháu cách đây ba mươi bảy năm. Bác đã được chứng kiến mọi việc trong cái nhà này từ đầu chí cuối. Trước đây bác và ông cháu là đôi bạn thân, hai người cùng nhau mở ra cái xưởng này. Ông cháu khôn ngoan lắm! Ông đã trở thành chủ xưởng, còn bác thì chẳng làm nên trò trống gì cả. Nhưng Chúa sáng suốt hơn tất cả chúng ta: Chúa chỉ mỉm cười một cái là người thông minh nhất trong nháy mắt cũng sẽ trở thành kẻ ngu đần. Cháu còn chưa hiểu hết tất cả. Cuộc sống của trẻ mồ côi kể cũng có khó khăn. Bố cháu, Macxim Xapvateev, là một con người tài ba, cái gì bố cháu cũng biết. Vì thế ông cháu không thích bố cháu, không nhận bố cháu...

Tôi rất thích nghe những lời dịu dàng ấy và nhìn ngọn lửa đỏ, vàng nhảy nhót trong lò, nhìn những đám hơi nước màu sữa bốc lên nghi ngút trên các chảo rồi biến thành những hạt băng màu xám xanh đọng trên những tấm ván của mái nhà nghiêng. Qua những kẽ ván lởm xởm có thể trông thấy những dải trời xanh biếc. Gió thổi dịu đi, mặt trời lóa sáng, khắp sân tựa như rắc một lớp bụi thủy tinh. Ngoài phố có tiếng xe trượt tuyết kêu rít lên, một làn khói xanh bay cuộn tròn từ ống khói của ngôi nhà; những bóng nhẹ lướt trên tuyết và hình như cũng muốn kể lể điều gì...

Bác Grigori xương xẩu, rậm râu, người dài ngoẵng, đầu không đội mũ, tai to, giống như một lão phù thủy hiền lành. Bác khuấy thuốc nhuộm đang sôi sùng sục, miệng vẫn dạy bảo tôi:

- Cháu phải nhìn thẳng vào mắt mọi người, nếu có con chó nào xông đến cắn cháu, cháu cứ nhìn thẳng vào mắt nó, nó sẽ bỏ chạy ngay...

Cặp kính nặng nề đè lên sống mũi bác, chóp mũi đầy những tia máu tím bầm cũng giống như mũi bà tôi.

- Cái gì thế? - bỗng bác dỏng tai nói lớn, rồi lấy chân đóng sập cửa lò, nhảy từng bước dài ra sân. Tôi cũng chạy theo sau.

Ở nhà bếp, anh Txưganoc nằm ngửa trên sàn nhà. Những vạch sáng rộng từ các cửa sổ chiếu vào đầu, vào ngực, vào chân anh...Trán anh sáng lên kì lạ, lông mày rướn cao, cặp mắt lác nhìn chằm chặp lên trần nhà đen sẫm, cặp môi thâm run run, sùi ra lớp bọt mầu hồng; máu chảy từ góc môi, theo má xuống cổ và đổ xuống sàn, máu chảy ròng ròng từ dưới lưng anh. Chân anh duỗi thẳng một cách vụng về và chiếc quần rộng ướt đẫm dính bệt xuống sàn nhà đánh bằng thứ cát to sáng bóng như ánh mặt trời. Những dòng máu chảy qua những vạch sáng và chạy dài về phía ngưỡng cửa, sáng rực lên.

Anh Txưganoc không cử động, hai cánh tay buông thõng dọc người, chỉ có những ngón tay là còn động đậy và cào cào xuống sàn. Móng tay nhuộm đỏ lấp lánh dưới ánh nắng.

Mụ Evghenia ngồi xổm gần anh cố đặt một cây nến nhỏ vào tay anh. Nhưng anh Ivan không nắm lấy, cây nến đổ nhào, ngọn lửa nhỏ như đầu bút lông bị dìm trong vũng máu. Mụ liền nhặt cây nến lên, lấy đầu tạp dề lau sạch, rồi lại cố cắm vào những ngón tay co quắp của anh. Tiếng thì thầm nổi

lên trong nhà bếp và lẽ ra đã đẩy tôi ra khỏi ngưỡng cửa như một luồng gió nếu tôi không cố nắm chặt lấy quả đấm cánh cửa.

- Nó bị trượt chân, - cậu Iacov kể, giọng rầu rĩ, mình run run và lắc đầu. Toàn thân cậu xám ngắt, ủ rũ, cặp mắt cậu nhợt nhạt và chớp luôn.

- Nó ngã và bị cây thánh giá đè phải lưng. Giá chúng tôi không kịp buông cây thánh giá ra thì cũng què rồi.

- Chính các anh đã đè chết nó, - bác Grigori nói, giọng khàn khàn.

- Ô hay, làm thế nào...

- Chính các anh!

Máu vẫn chảy. Máu đã đọng lại thành vũng ở gần ngưỡng cửa, đen sẫm và hình như cứ lan mãi ra. Miệng sùi bọt hồng, anh Txưganoc kêu rống lên như khi nằm mơ và rộc hẳn đi, càng ngày càng bẹp gí xuống sàn như chìm xuống đó.

- Mikhailo đã phóng ngựa đến nhà thờ gọi ông rồi, - cậu Iacov thì thào, - còn tôi thì đặt nó lên xe trượt tuyết và đưa vội về đây... May mà tôi không đứng dưới cây thánh giá, không thì cũng...

Mụ vú nuôi lại ấn cây nến vào tay anh Txưganoc, sáp nến và nước mắt nhỏ giọt xuống bàn tay anh.

Bác Grigori nói tướng lên giọng thô lỗ:

- Gắn nến vào sàn, gần đầu Ivan ấy, đồ ngốc!

- Vâng.

- Tháo mũ của nó ra!

Mụ vú nuôi tháo chiếc mũ khỏi đầu anh Ivan, gáy anh va xuống sàn đánh bịch một cái. Bây giờ đầu anh nghiêng nghiêng và máu chảy nhiều hơn, nhưng chỉ chảy từ một bên mồm. Cảnh này kéo dài một cách khủng khiếp. Lúc đầu tôi cứ đợi anh Txưganoc nằm nghỉ rồi sẽ dậy, ngồi trên sàn nhổ nước bọt và nói:

- Chà, bực quá...

Anh thường hay nói câu ấy khi anh ngủ dậy sau bữa ăn trưa ngày chủ nhật. Nhưng anh không đứng dậy nữa, mỗi lúc mỗi lép kẹp đi. Ánh nắng đã rời khỏi chỗ anh, những vạch sáng đã co ngắn lại và chỉ còn rơi rớt trên những bệ cửa sổ. Toàn thân anh trở nên đen sẫm, ngón tay anh không động đậy và bọt mép không sùi ra nữa. Trên đầu anh và gần tai anh sừng sững ba ngọn nến. Những ngọn lửa vàng khe khẽ lung lay và chiếu vào mớ tóc đen nhánh rối bù. Những đốm sáng vàng vàng rung rung trên cặp má rám nắng, chóp mũi nhọn hoắt và cặp môi hồng hồng của anh như sáng hẳn lên.

Người vú nuôi ngồi khóc và thì thầm:

- Cháu yêu quý của bác ơi, con chim ưng của bác, niềm an ủi của bác...

Lạnh lẽo ghê sợ. Tôi chui xuống gầm bàn và nấp ở đấy. Một lát sau, ông tôi mặc chiếc áo lông gấu chuột nặng nề bước vào nhà bếp, theo sau là bà tôi mặc chiếc áo khoác, cổ áo đính lông đuôi, rồi đến cậu Mikhail, bọn trẻ con và nhiều người lạ mặt khác.

Ông tôi quẳng chiếc áo lông xuống sàn nhà và mắng:

- Đồ chó chết! Chúng mày đã giết uổng mất một thằng trai trẻ như vậy! Chỉ năm năm nữa là nó thật vô giá...

Chiếc áo vứt xuống sàn làm tôi không nhìn thấy anh Ivan. Tôi liền bò ra, đụng ngay phải chân ông tôi. Ông tôi vừa hất tôi ra vừa giơ nắm tay nhỏ đỏ lên đe dọa các cậu tôi:

- Lũ chó sói!

Rồi ông tôi ngồi xuống chiếc ghế dài, hai tay chống xuống ghế, nức nở, nhưng mắt vẫn ráo hoảnh, giọng rít lên:

- Tao biết - vì nó như cái gai trước mắt chúng mày... Ôi,

Vaniusetca[1]... ngốc ơi là ngốc! Làm thế nào bây giờ, hả? Làm thế nào? Ngựa đã bất kham, dây cương đã mục nát. Bà nó ơi, Chúa căm giận chúng ta từ mấy năm nay rồi phải không?

Bà tôi bò xoài trên sàn, lấy tay sờ vào mặt, vào đầu, vào ngực anh Ivan. Bà tôi khẽ thổi vào mắt anh, nắm lấy tay anh vuốt ve, làm đổ tất cả ba cây nến. Sau đó bà tôi nặng nề đứng dậy, toàn thân đen sẫm trong chiếc áo dài thâm bóng nhoáng. Mắt trợn tròn xoe trông thật khủng khiếp, bà tôi khẽ nói:

- Cút ngay, lũ đáng nguyền rủa kia!

Tất cả mọi người, trừ ông tôi, vội lũ lượt kéo ra khỏi bếp.

...Anh Txưganoc được chôn cất một cách kín đáo không có lễ lạc gì cả.

IV

Tôi nằm trên chiếc giường rộng, quấn bốn vòng trong chiếc chăn to xù, nghe bà tôi cầu nguyện. Bà tôi quỳ, một tay áp vào ngực, còn tay kia thỉnh thoảng từ từ làm dấu.

Ngoài trời lạnh xé da xé thịt. Ánh trăng xanh nhạt chiếu qua lớp băng đóng trên cửa kính thành những đường thêu. Ánh trăng soi sáng khuôn mặt hiền từ có chiếc mũi to và rọi vào cặp mắt đen nhánh của bà tôi như hai cục lân tinh. Chiếc khăn vuông lụa che mái tóc bà tôi óng ánh như bạc; chiếc áo dài đen rung rinh, chảy từ đôi vai xuống và rải rộng trên sàn.

Mỗi lần cầu nguyện xong, bà tôi lại lặng lẽ cởi áo, xếp cẩn thận vào hòm ở góc nhà rồi đi về phía giường. Tôi giả vờ ngủ say.

- Chỉ vờ vịt thôi, đồ tướng cướp, chắc là lại chưa ngủ chứ

[1] Tức Ivan, cách gọi thân mật.

gì! - bà tôi khẽ nói. - Chưa ngủ à? con chim bồ câu? Nào, cho bà đắp chăn với!

Tôi cảm thấy thích thú với câu chuyện sắp xảy ra nên tôi không thể nhịn cười được. Lúc ấy bà tôi reo lên:

- A - a, thế là cháu cố tình trêu bà lão nhé!

Bà tôi cầm một đầu chăn, kéo về phía mình khéo léo và mạnh đến nỗi tôi bị bắn tung lên trên không và sau khi quay lộn mấy vòng, tôi lại rơi đánh bịch xuống chiếc đệm mềm mại. Bà tôi cười rộ:

- Thế nào, thằng quỷ sứ? Mày hớp muỗi đấy à?

Nhưng đôi khi bà tôi cầu nguyện rất lâu. Tôi ngủ thiếp đi thật và không nghe thấy bà tôi vào nằm.

Những lần cầu nguyện lâu thường là sau những ngày có chuyện buồn rầu, tranh giành cãi cọ nhau. Tôi lắng nghe những lời cầu nguyện ấy. Bà tôi kể tỉ mỉ với Chúa tất cả những việc xảy ra trong nhà. Khi quỳ, bà tôi to béo nặng nề như một cái gò lớn. Lúc đầu tiếng thì thầm rất nhanh không rõ, sau đó mới trầm trầm cất cao lên:

- Lạy Chúa, Chúa biết rõ là ai cũng muốn mình được lợi hơn. Thằng Mikhailo là con cả, nó cần phải ở lại thành phố. Nó bực mình phải sang bên kia sông, ở một nơi lạ nước lạ cái; không hiểu làm ăn sẽ ra sao. Nhưng bố nó lại thích thằng Iacov hơn. Lão yêu con cái không như nhau, như thế có đúng không? Lão ngang bướng lắm. Lạy Chúa, Chúa hãy làm cho lão hiểu.

Bà tôi đưa cặp mắt to trong sáng nhìn lên những bức tượng thánh đen sẫm và gợi ý Chúa:

- Lạy Chúa, Chúa hãy cho lão một giấc mơ tốt lành để lão hiểu cần phải chia gia tài cho con cái như thế nào!

Bà tôi làm dấu và cúi rạp mình xuống đất, cái trán to chạm vào tấm ván của sàn nhà. Rồi bà tôi lại ngẩng lên nói, giọng khẩn khoản:

- Xin Chúa cho Vacvara được vui sướng! Nó có làm gì đáng để Chúa giận đâu? Nó có tội tình gì nặng hơn những kẻ khác đâu? Một người đàn bà trẻ, khoẻ mạnh, thế mà lại phải sống buồn phiền là thế nào! Lạy Chúa, Chúa cũng không nên quên lão Grigori, mắt lão ngày càng kém. Nếu mù lão sẽ đi ăn xin, thật là tội nghiệp! Lão đã làm tận lực cho ông nhà tôi, nhưng liệu ông nhà tôi có giúp lão không!... Ôi, lạy Chúa, lạy Chúa...

Bà tôi im lặng hồi lâu, cúi đầu một cách nhẫn nhục và buông tay xuống, tựa như đã ngủ say và bị rét cóng.

- Còn gì nữa? - bà tôi cau mày, nhớ lại và tự hỏi to. - Xin chúa hãy cứu vớt, ân xá cho tất cả những tín đồ chính giáo chúng con. Chúa tha thứ cho cái mụ già dần độn đáng chết này. Chúa rõ cho là nếu con có phạm tội thì không phải vì độc ác, mà là dại dột thôi.

Bà tôi thở dài rồi lại nói, giọng dịu dàng và có vẻ mãn nguyện:

- Chúa biết hết, Chúa hiểu hết, lạy Chúa tôi.

Tôi rất thích Chúa của bà tôi, vì Chúa rất gần gũi với bà. Tôi thường yêu cầu:

- Bà kể về Chúa cho cháu nghe đi!

Bà tôi nói về Chúa rất đặc biệt, giọng khe khẽ, kéo dài một cách kì lạ, mắt lim dim, và bao giờ cũng ngồi một chỗ. Bà tôi nhổm dậy, ngồi xuống, quàng khăn lên đầu và nói rất lâu cho đến khi tôi ngủ thiếp đi:

- Chúa ở trên một ngọn đồi, giữa cánh đồng cỏ trên thiên đường, chúa ngự trên ngai vàng có chạm ngọc xanh, dưới những cây bồ đề bằng bạc quanh năm nở hoa; ở thiên đường không có mùa đông và mùa thu, hoa không bao giờ héo, luôn luôn nở làm cho các thánh cảm thấy tươi vui. Xung quanh Chúa có vô số thiên thần. Họ giống như những bông tuyết hoặc như những đàn ong. Họ như đàn chim bồ câu trắng bay

từ trên trời xuống hạ giới rồi lại bay lên và kể cho Chúa nghe tất cả mọi chuyện về chúng ta, về mọi người. Trong số các thiên thần đó có thiên thần của cháu, của bà, của ông. Mỗi người đều có một thiên thần. Chúa đối với mọi người rất công minh. Chẳng hạn thiên thần của cháu tâu với Chúa rằng: "Lecxei dám lè lưỡi với ông nó!" Thế là Chúa liền ra lệnh: "Được, vậy thì để ông lão quật nó một trận!" Đối với ai cũng thế, Chúa ban cho mỗi người tùy theo họ xứng đáng được hưởng - có người thì khổ, có người thì sướng, ở đất Chúa mọi cái đều tốt đẹp cả, cho nên các thiên thần vui mừng, vỗ cánh và luôn miệng hát: "Sáng danh Chúa, sáng danh Chúa!" Còn Chúa nhân từ chỉ mỉm cười như muốn nói với các thiên thần: "Thôi đi, được rồi!"

Bà tôi mỉm cười, lúc lắc đầu.

- Bà đã trông thấy thế à?

- Không trông thấy, nhưng bà biết! - Bà tôi đáp, giọng trầm ngâm.

Khi nói về Chúa, về thiên đường, về các thiên thần, người bà tôi như bé lại và dịu hiền. Mặt bà tôi trẻ ra, cặp mắt ươn ướt tỏa ra một luồng ánh sáng vô cùng ấm áp. Tôi cầm những bím tóc dày mịn màng quấn vào cổ mình rồi ngồi yên lắng nghe những câu chuyện của bà tôi, không bao giờ biết chán.

- Người trần không thể nhìn thấy Chúa - nếu nhìn thì sẽ mù mắt. Chỉ có các thánh mới có thể nhìn Chúa tận mắt. Còn các thiên thần thì bà đã được thấy. Thiên thần chỉ hiện ra cho những người nào có tâm hồn trong sạch. Một hôm, lúc bà đứng trong nhà thờ dự lễ, bà nom thấy hai vị đi đi lại lại ở chỗ bàn thờ như những đám sương mù trong suốt, sáng rực, đôi cánh dài trông như đăng ten hoặc vải sa chấm tận sàn. Các vị đi vòng quanh bàn thờ và giúp đỡ cha Ilia, một người đã có tuổi. Khi cha giơ hai cánh tay yếu đuối lên cầu nguyện Chúa, hai vị thiên thần liền đỡ hai khuỷu tay cho cha. Ít lâu

sau cha mất vì cha già quá, lại mù lòa, ra đụng vào chạm. Khi nhìn thấy các thiên thần bà vui mừng tê tái cả người, lòng bà như se lại, nước mắt giàn giụa, - chà, thật là sung sướng! Ôi, Lionca,[1] cháu yêu quý của bà, đối với Chúa tất cả mọi cái cả trên thiên đàng lẫn dưới hạ giới này đều tốt đẹp cả, thật là tốt đẹp...

- Thế ở nhà ta cái gì tốt đẹp cả, hở bà?

Bà tôi làm dấu rồi trả lời:

- Lạy Đức Mẹ Rất Thánh, - mọi cái đều tốt đẹp cả!

Câu trả lời đó làm tôi bối rối. Thật khó mà thừa nhận rằng mọi cái ở nhà này đều tốt đẹp. Tôi cảm thấy trong nhà ông ngày càng trở nên tồi tệ hơn.

Một hôm, đi qua cửa phòng cậu Mikhail, tôi thấy mợ Natalia mặc quần áo trắng toát, hai tay ôm ngực, đang vừa chạy ngược chạy xuôi khắp phòng vừa kêu khẽ nhưng giọng khủng khiếp:

- Lạy Chúa, hãy đem con đi thoát khỏi nơi này...

Tôi hiểu rõ lời cầu nguyện ấy của mợ cũng như tôi hiểu bác Grigori khi bác rên rỉ:

- Khi nào lão mù hẳn, lão đi ăn xin còn sung sướng hơn...

Tôi muốn cho bác mù sớm để tôi sẽ xin phép bác được dắt bác đi, và chúng tôi sẽ cùng đi ăn xin với nhau. Tôi đã nói với bác điều đó. Bác thợ cả mỉm cười trong bộ râu của bác và đáp:

- Được, chúng ta sẽ đi ăn xin! Bác sẽ rêu rao khắp thành phố: đây là cháu ngoại lão Vaxili Casirin, chủ phường nhuộm! Như thế thì thú vị lắm...Nhiều lần tôi trông thấy dưới cặp mắt đờ đẫn của mợ Natalia những cái u xanh xanh và cặp môi sưng phồng trên khuôn mặt vàng ệch của mợ. Tôi hỏi bà tôi:

- Có phải cậu đánh mợ không, hở bà?

---

[1] Tức Alecxei, cách gọi thân mật.

Bà tôi thở dài đáp:

- Nó đánh vụng đấy, cái thằng khốn kiếp ấy! Ông cấm nó đánh vợ, thế là nó đánh trộm ban đêm. Nó là thằng độc ác, còn vợ nó thì lại hiền như cục đất ấy...

Bà tôi kể tiếp, giọng phấn chấn hẳn lên:

- Dù sao bây giờ người ta đánh đập cũng không như hồi trước! Bây giờ họ chỉ đánh vào miệng, vào tai, túm tóc một lúc thôi, còn trước đây người ta hành hạ hàng giờ liền! Có lần ông đánh bà vào ngày đầu lễ Phục sinh suốt từ lúc lễ sáng cho đến tối. Ông đánh đến nỗi mệt lử, sau khi nghỉ ngơi lại đánh tiếp. Ông đánh bà bằng dây cương ngựa và bằng đủ mọi thứ vớ được.

- Vì sao ông đánh, hở bà?

- Bà không nhớ nữa. Có lần ông đánh bà chết đi sống lại. Năm ngày năm đêm liền ông không cho ăn uống gì cả. Lần ấy may mà bà thoát chết. Rồi lại một lần nữa...

Cái đó làm cho tôi hết sức ngạc nhiên. Bà tôi to lớn gấp đôi ông tôi, thật khó tin rằng ông tôi có thể thắng nổi bà tôi.

- Chẳng lẽ ông khỏe hơn bà à?

- Không khỏe hơn, nhưng nhiều tuổi hơn! Hơn nữa ông là chồng bà! Ông phải chịu trách nhiệm về bà trước Chúa, nên bổn phận bà là phải chịu đựng...

Tôi rất thích xem bà tôi phủi bụi trên các tượng thánh, và lau chùi những chỗ bịt bằng kim loại.[1] Các bức tượng đều lộng lẫy, các vừng hào quang trên đầu đều cẩn ngọc, bạc và các loại đá màu sặc sỡ. Bà tôi dùng đôi bàn tay khéo léo nâng niu một bức. Bà tôi mỉm cười nhìn bức tượng thánh và nói, vẻ xúc động:

---

[1] Kim loại bịt trên bức ảnh tượng thánh chỉ còn để lộ ra mặt và tay của các vị thánh.

- Ôi, khuôn mặt của Người mới dịu hiền làm sao!...

Bà tôi vừa hôn bức tượng vừa làm dấu.

- Bụi phủ, khói ám mất cả. Ôi, Người là Đức Mẹ vạn năng. Người là niềm vui vô tận của con! Lionia, cháu yêu quý của bà, cháu hãy nhìn xem những đường nét tinh vi biết là dường nào. Những bộ mặt nhỏ tí mà trông vẫn rõ mồn một. Bức này gọi là "Mười hai ngày lễ", ở giữa là Đức Mẹ Đồng Trinh Feodorovo. Còn đây là bức: "Lạy Đức Mẹ, khi trông thấy con nằm trong quan tài, xin Mẹ đừng khóc"...

Đôi lúc tôi cảm thấy bà tôi chơi với các bức tượng thánh một cách nghiêm trang và chân thành như em gái Caterina nhút nhát chơi với búp bê vậy.

Nhiều lần bà tôi cũng gặp ma quỷ hoặc đi một mình hoặc từng đàn từng lũ.

- Có lần vào tuần chay, ban đêm bà đi qua nhà Rudonfo. Trời sáng trăng suông. Bỗng nhiên bà thấy có một con quỷ lớn, mình đầy lông lá đen sì, ngồi dạng hai chân trên đỉnh mái nhà, cạnh ống khói. Cái đầu có sừng cúi xuống ống khói ngửi ngửi và thở phì phì. Nó ngửi và kéo lê chiếc đuôi trên mái nhà. Bà làm dấu ngay và nói: "Cầu Chúa hãy sống lại và kẻ thù của Người hãy biến đi!" Nó liền khẽ kêu rít lên và tụt từ mái nhà xuống sân rồi biến mất. Có lẽ hôm ấy ngày chay tịnh mà nhà Rudonfo nấu món ăn mặn, nên quỷ đến ngửi và lấy làm vui sướng...

Tôi cười và tưởng tượng đến con quỷ đang tụt từ mái nhà xuống. Bà tôi cũng cười và nói tiếp:

- Bọn quỷ rất tinh nghịch, giống hệt như lũ trẻ con vậy! Có lần bà giặt quần áo ở nhà tắm. Lúc đó vào nửa đêm. Tự nhiên cửa lò mở tung! Và lũ quỷ ở trong nhảy ra, con nào cũng bé nhỏ, con thì đỏ, con thì xanh, con thì đen như gián ấy. Bà vội chạy ra phía cửa, nhưng không ra được, lúng

túng giữa đàn quỷ. Chúng kín cả nhà tắm làm bà không cựa quậy được, chúng chui xuống chân bà, lôi kéo và ép chặt bà đến nỗi bà thở không ra hơi! Mình chúng nó đầy lông lá, mềm nhũn, nóng như lũ mèo con, chúng toàn đi bằng hai chân sau. Chúng chạy vòng quanh, nô đùa. Răng chúng nhe như răng chuột, cặp mắt nhỏ xanh lè long lanh, cặp sừng nọc nhô ra như những cái bướu con, những cái đuôi nhỏ ve vẩy như đuôi lợn sữa. Ối, trời đất ơi! Bà sợ quá ngất đi! Khi bà tỉnh lại thì ngọn nến đang leo lét, chậu nước giặt đã nguội lạnh, quần áo giặt vất ngổn ngang trên sàn. Bà nghĩ: "Chao ôi, đồ quỷ sứ, sao chúng bay không chết đi!"

Tôi nhắm mắt lại và thấy từ miệng lò xây bằng đá tuôn ra một dòng dày đặc những con vật đầy lông lá có đủ màu sắc. Chúng tràn vào đầy cả cái nhà tắm nhỏ bé, thổi vào ngọn nến và thè lè cái lưỡi đỏ hồng một cách tinh nghịch. Trông vừa buồn cười, vừa đáng sợ. Bà tôi lắc đầu, im lặng một lát rồi bỗng lại sôi nổi hẳn lên:

- Một lần khác bà lại gặp lũ đáng nguyền rủa ấy. Cũng vào một đêm đông, bão tuyết thổi mạnh. Bà đi qua cái khe Diucov, chỗ các cậu Iacov và Mikhailo định dìm chết bố cháu trong cái hố băng ở đầm ấy. Cháu có nhớ không, bà đã kể cho cháu nghe rồi đấy? Thế là bà đi về phía đó; vừa mới đặt chân trên con đường hẻm, ở dưới khe núi, thì bà nghe thấy tiếng huýt sáo và tiếng hú ở khe. Bà trông lên thì thấy chiếc xe có ba con ngựa ô kéo đang phóng về phía bà. Một con quỷ to lớn đội chiếc mũ đỏ không vành đứng sừng sững như cái cọc. Nó đứng ở chỗ ngồi của người đánh xe, dang tay giữ dây cương bằng xích sắt. Ở khe không có đường đi nên chiếc xe lao thẳng xuống đầm, có đám tuyết phủ kín cả xe. Trên xe trượt tuyết cũng toàn là lũ quỷ ngồi; chúng huýt sáo, gào thét và vẫy mũ; khoảng bảy chiếc xe như vậy phóng nhanh như đoàn xe chữa cháy. Ngựa toàn một màu đen tuyền. Tất cả lũ ngựa

đều là những kẻ bị bố mẹ nguyền rủa, bị lũ quỷ lấy làm trò giải trí, dùng làm ngựa để kéo xe, bắt họ rong ruổi ban đêm trong những ngày hội vui của chúng. Lần đó có lẽ bà đã trông thấy một đám cưới quỷ...

Không thể nào không tin bà tôi được - bà tôi nói rất giản dị và chắc chắn!

Nhưng khéo nhất là bà tôi đọc những đoạn thơ kể về Đức Mẹ Đồng Trinh đi chu du khắp trái đất để biết nỗi khổ cực của người trần và khuyên bảo nữ tặc "công nương" Engalutseva[1] không nên đánh đập và cướp bóc người Nga; những đoạn thơ về thánh Alecxei,[2] về dũng sĩ Ivan[3]. Bà tôi kể những chuyện thần thoại về thánh nữ Vaxilixa,[4] vô cùng đức độ, về giáo sĩ Dế[5] và con đỡ đầu của Chúa; có những chuyện khủng khiếp về Macfa Poxatnixa,[6] về nữ tướng cướp Baba Uxta,[7] về Maria, một người có nhiều tội lỗi của Ai Cập, về nỗi buồn phiền của người mẹ tên cướp. Bà tôi biết không biết bao nhiêu chuyện thần thoại, chuyện truyền thuyết và những câu thơ.

Bà tôi không sợ một ai, không sợ ông tôi, không sợ quỷ, và một thứ tà ma nào, nhưng bà tôi lại rất sợ những con gián đen. Bà tôi có thể nhận ra chúng ngay từ xa. Có khi, đang đêm bà tôi đánh thức tôi dậy và thì thào:

---

[1] Engalutseva là nhân vật trong các truyện cổ Nga.
[2] Alecxei là một nhà quý tộc La Mã ở thế kỉ IV. Ông ta bỏ lại tất cả để đi hành hương về Đất thánh. Bảy năm sau ông đi ăn mày dọc đường để trở về nơi quê cha đất tổ và sống khổ cực ở đó cho đến chết, mà người ta không nhận ra.
[3] Dũng sĩ Ivan là nhân vật trong các truyện cổ Nga.
[4] Vaxilixa là nhân vật trong các truyện cổ Nga.
[5] Giáo sĩ Dế là nhân vật trong các truyện cổ Nga.
[6] Poxatnixa nghĩa là vợ của tổng đốc. Macfa Poxatnitxa là một nhân vật lịch sử vào thế kỉ XV, bà là vợ goá của Andrei Boretzki, cũng giống như chồng, bà chống lại việc thành phố tự do Novgorod quy phục dưới quyền của đại vương Moxcva. Ivan III đày bà ta tới Nijni - Novgorod vào năm 1478 và nhốt vào một tu viện ở đó.
[7] Baba Uxta là nhân vật trong các truyện cổ Nga.

- Aliosa, cháu yêu của bà, có một con gián đang bò đấy; vì Chúa, cháu hãy giết nó đi!

Đang ngủ, tôi chăm nến và bò trên sàn tìm kẻ địch. Nhưng không phải lần nào tôi cũng tìm thấy ngay và cũng có lần tôi không bắt được.

- Không thấy đâu, bà ạ, - tôi nói. Nhưng bà tôi vẫn nằm im, đầu trùm chăn kín mít, và khẽ nói:

- Ôi, có một con đấy! Cháu cố tìm đi, bà van cháu đấy! Nó kia kìa, bà biết...

Bà tôi không nhầm bao giờ cả - cuối cùng tôi tìm thấy con gián ở một chỗ rất xa giường.

- Cháu giết nó chưa? Ừ, sáng danh Chúa! Cảm ơn cháu nhé!...

Bà tôi tung chăn khỏi đầu, thở phào khoan khoái và mỉm cười.

Nếu tôi chưa tìm thấy con gián thì bà tôi không sao ngủ được. Tôi thấy bà tôi giật mình mỗi khi khẽ có tiếng sột soạt trong đêm tối im lặng như tờ. Tôi nghe bà tôi nín thở và thì thào:

- Nó ở gần ngưỡng cửa... nó chui xuống dưới cái hòm...

- Tại sao bà sợ gián thế?

Bà trịnh trọng trả lời:

- Vì bà không hiểu chúng nó dùng để làm gì? Chúng bò lổm ngổm và đen sì sì. Chúa đã giao cho mỗi loài một nhiệm vụ: có bọ đất tức là trong nhà ẩm thấp; có rệp tức là tường bẩn; có rận tức là người sắp ốm. Tất cả mọi thứ đều có ý nghĩa? Còn loài gián thì không ai rõ ma quỷ nào nhập vào, chúng sinh ra để làm gì?

*

* *

Một hôm bà tôi đang quỳ tâm sự với Chúa thì ông tôi mở toang cửa ra, nói với giọng khàn khàn:

- Bà nó ơi, Chúa phạt chúng ta rồi, nhà cháy!

- Ông nói gì đấy? - bà tôi hét lên và vùng đứng dậy. Cả hai người thình thịch chạy bổ vào gian phòng chính tối om.

- Evghenia, hạ tượng thánh xuống! Natalia, mặc áo cho lũ trẻ! - bà tôi ra lệnh, giọng nghiêm nghị cứng rắn, còn ông tôi thì khẽ rên rỉ:

- Hi, hi, hi...

Tôi chạy vào bếp. Cái cửa sổ nhìn ra sân đang cháy rực lên như vàng. Trên sàn nhà những vật vàng vàng chạy nhảy. Cậu Iacov vội đi ủng rồi nhảy lên những vệt cháy ấy y như đế giày của cậu bị cháy vậy. Cậu kêu lên:

- Chính Misca đốt nhà, hắn đốt và chuồn rồi, đúng thế!

- Im đi, đồ chó má, - bà tôi vừa nói vừa đẩy cậu ra cửa mạnh đến nỗi suýt nữa thì cậu ngã.

Nhìn qua cửa kính đóng băng thấy rõ mái xưởng bùng cháy và ngọn lửa như cơn lốc xoắn xuýt cuồn cuộn qua cánh cửa ngỏ. Trong đêm tối yên lặng ngọn lửa nở thành những bông hoa đỏ, không có khói. Ở trên cao tít thấy lơ lửng một đám mây sẫm, nhưng nhìn qua vẫn thấy giải Ngân Hà bàng bạc. Tuyết rực lên màu đỏ thắm. Tường nhà rung lên, lảo đảo như muốn hướng về phía góc sân, nơi ngọn lửa đang nhảy nhót vui vẻ, đang nhuộm đỏ những kẽ ngách rộng trong vách xưởng và từ đó phát ra như những chiếc đinh cong queo. Trên những tấm gỗ đen sẫm và khô của mái nhà những dải lửa vàng, đỏ lượn khúc quấn nhanh lấy mái nhà. Ở giữa nhô lên một ống khói mảnh dẻ bằng đất nung còn bốc khói. Những tiếng nổ lách tách, những tiếng soàn soạt như tiếng lụa xé đập vào cửa kính. Ngọn lửa lan ra mãi. Xưởng thợ sáng rực giống như bức thánh - tượng - bình ở trong nhà thờ và như có một sức gì không cưỡng lại được vẫy gọi mọi người tới gần hơn.

Tôi trùm chiếc áo lông ngắn to xù lên đầu và xỏ chân vào

đôi ủng không biết của ai. Tôi lê ra nhà ngoài, ra chỗ bậc tam cấp và đứng lặng đi vì kinh khủng trước ánh lửa chói lòa làm tôi lóa cả mắt. Tai tôi ù đặc vì tiếng kêu của ông tôi, của bác Grigori, của cậu tôi và vì tiếng đám cháy nổ. Tôi khiếp sợ trước cử chỉ của bà tôi; trùm chiếc bao không lên đầu, quấn vào người miếng vải phủ mình ngựa, bà tôi vừa lao vào lửa vừa la lên:

- Cuporox, lũ ngốc! Cuporox làm nổ tung cả bây giờ...

- Grigori, giữ lấy bà lão! - ông tôi rít lên. - Trời ơi, bà ấy chết mất...

Nhưng bà tôi đã trở ra, toàn thân bốc khói, lắc đầu, lom khom, tay giơ thẳng bưng một vò lớn đầy Cuporox.

- Ông cho tháo ngựa ra! - bà tôi vừa kêu vừa ho và thở khò khè. - Lột miếng vải khoác ngoài cho tôi, tôi đang bị cháy, ông không trông thấy à?...

Bác Grigori giật miếng vải khoác ngoài đang âm ỉ cháy khỏi vai bà tôi. Bác gập đôi người lại, bắt đầu lấy xẻng hất những cục tuyết lớn vào cửa xưởng. Cậu tôi nhảy nhót bên cạnh bác, cầm cái rìu trong tay. Ông tôi chạy quanh, ném tuyết vào người bà tôi. Bà tôi nhét cái vò xuống đống tuyết rồi chạy ra cổng, mở toang ra và cúi chào những người đang kéo đến:

- Bà con ơi, phải bảo vệ lấy cái nhà kho! Nếu lửa lan sang nhà kho, chuyển sang vựa chứa cỏ khô thì tất cả nhà tôi sẽ cháy hết ra tro và cả nhà bà con cũng sẽ bị cháy lây! Giật mái xuống và vứt cỏ khô ra vườn! Grigori, hất tuyết cao lên, sao lão cứ ném mãi xuống đất thế! Iacov, đừng có lăng xăng rối rít nữa mà, đưa rìu cho mọi người, cả xẻng nữa! Bà con hãy cùng nhau giúp chúng tôi một tay. Chúa sẽ phù hộ các người.

Bà tôi cũng lôi cuốn tôi như đám cháy vậy. Ngọn lửa rọi vào người bà tôi đen thẫm, như muốn đuổi bắt. Bà tôi tất tả

ở khắp sân, chỗ nào cũng đến đúng lúc, và điều khiển mọi việc chẳng sót việc nào.

Con Sarap chạy ra sân. Nó chồm lên và làm ông tôi suýt ngã lộn. Ngọn lửa lắm đỏ rực cặp mắt to của nó. Con ngựa hí vang, đứng bằng hai chân trước. Ông tôi buông dây cương ra, nhảy tránh sang một bên và kêu:

- Bà nó ơi, giữ lấy nó!

Bà tôi nhảy xổ vào dưới chân con ngựa lại đang chồm lên và dang hai tay ra. Con ngựa khẽ hí một tiếng rầu rĩ, vươn cổ về phía bà và liếc nhìn ngọn lửa.

- Mày đừng sợ! - bà tôi nói, giọng trầm trầm. Bà vỗ vỗ vào cổ nó và cầm dây cương. - Mày tưởng tao bỏ mày trong cái địa ngục đó à, con chuột nhắt của tao?...

Và con chuột nhắt to gấp ba bà ngoan ngoãn đi theo ra cổng. Nó thở phì phì và ngó nghiêng khuôn mặt đỏ rực của bà.

Mụ Evghenia dẫn lũ trẻ mếu máo và quấn đầy quần áo ra khỏi nhà, mụ kêu:

- Vaxili Vaxilitr, không thấy thằng Lecxei đâu cả...

- Đi đi! - ông tôi khoát tay đáp, trong khi đó tôi nấp dưới bậc tam cấp để khỏi bị mụ vú lôi đi.

Mái xưởng đã sập. Những thanh xà nhà mảnh dẻ bốc khói, lấp lánh ánh than vàng, nhô lên trời. Trong xưởng những ngọn lửa xanh đỏ cuồn cuộn như những cơn gió lốc, phát ra tiếng nổ giòn và tiếng rít. Từng bó lửa bắn ra sân, xuống những người tụ tập trước đống lửa khổng lồ và đang dùng xẻng hất tuyết vào đám cháy. Trong đống lửa mấy cái chảo lớn sôi sùng sục, hơi nước và khói bốc lên như một đám mây dày đặc. Những mùi là lạ tỏa ra ngoài sân làm chảy nước mắt. Tôi chui ra khỏi bậc tam cấp và đụng luôn phải chân bà tôi.

- Đi ra! - bà tôi quát. - Đi ra, không có chết bẹp bây giờ...

Một người cưỡi ngựa đội mũ đồng có chóp xộc vào sân. Con ngựa màu hung sùi bọt mép, còn gã kia tay giơ ngọn roi lên cao, thét lên với vẻ mặt hăm dọa:

- Tránh ra!

Tiếng chuông reo vui rộn rã, quang cảnh thật là tưng bừng và đẹp như ngày hội. Bà tôi đẩy tôi lên bậc tam cấp:

- Có nghe tao bảo gì không? Đi ra!

Lúc này không thể không vâng lời bà tôi được. Tôi xuống bếp và lại dán mũi vào cửa kính, nhưng bị đám người đen ngòm che lấp nên không nhìn thấy ngọn lửa nữa. Tôi chỉ thấy những chiếc mũ đồng sáng loáng giữa những chiếc mũ lưỡi trai và mũ lông mùa đông đen sì.

Ngọn lửa bị chế ngự mau chóng. Người ta tưới nước vào lửa, và dập tắt nó. Cảnh sát giải tán đám đông. Bà tôi trở vào bếp.

- Ai đấy? Cháu đấy à? Tại sao cháu không ngủ, cháu sợ à? Đừng sợ, mọi việc đều xong xuôi rồi...

Bà ngồi im lặng bên cạnh tôi và lắc lư trên chiếc ghế. Tôi lấy làm sung sướng thấy đêm tối lại lặng lẽ như cũ, nhưng tôi vẫn nhớ tiếc ngọn lửa.

Ông tôi bước vào, dừng lại bên ngưỡng cửa và hỏi:

- Bà nó đấy à?

- Hở!

- Bà bị bỏng phải không?

- Không sao.

Ông tôi đánh một que diêm; ánh lửa xanh chiếu sáng khuôn mặt chồn hôi, đầy bồ hóng của mình. Ông tôi tìm thấy cây nến trên bàn rồi chậm chạp ngồi xuống cạnh bà tôi.

- Ông nên rửa mặt mũi đi, - bà tôi nói, mặc dù người cũng đầy bồ hóng và sực mùi khói khét lẹt.

Ông tôi thở dài:

- Chúa thật là nhân từ đối với bà, Chúa ban cho bà lắm thông minh thế...

Ông tôi xoa vai bà tôi và nhe răng nói thêm:

- Tất nhiên là trong chốc lát thôi, nhưng cũng là có ban!...

Bà tôi cũng mỉm cười, muốn nói điều gì, nhưng ông tôi đã cau mày lại.

- Cần phải tống cổ lão Grigori đi, việc này cũng là do sự sơ suất của lão ta! Lão ta già yếu rồi, không dùng được việc nữa! Thằng Iasca đang ngồi ở bậc thềm khóc lóc, thằng ngốc... Bà thử đi ra xem nó làm sao...

Bà tôi đứng dậy, một tay giơ trước mặt, vừa đi vừa thổi vào ngón tay, còn ông tôi không nhìn tôi, khẽ hỏi:

- Cháu nhìn thấy đám cháy suốt từ đầu đến cuối chứ? Vậy cháu thấy bà thế nào, hả? Ấy là bà đã già rồi... bị suy yếu rồi... Cháu thấy không? Ôi chao, còn lũ các người... y... y...

Ông tôi khom lưng, yên lặng hồi lâu, sau đó đứng dậy lấy ngón tay gạt tàn nến rồi lại hỏi tôi:

- Cháu có sợ không?

- Không ạ.

- Thật ra cũng không có gì đáng sợ cả...

Ông tôi giật chiếc áo sơ mi khỏi vai với vẻ tức giận, rồi đi tới góc nhà có chậu rửa mặt. Ở đó, trong bóng tối, ông tôi giậm chân, nói to:

- Cháy nhà là một sự ngu ngốc! Đứa nào làm cháy nhà cần phải lôi ra quảng trường đánh cho một trận: làm như vậy thì chẳng bao giờ cháy nhà nữa!... Cháu đi ngủ đi. Còn ngồi đấy làm gì?

Tôi đi nằm, nhưng đêm hôm ấy không tài nào ngủ được: tôi vừa mới nằm lên giường thì một tiếng kêu la không giống tiếng người làm tôi vùng dậy khỏi giường ngay. Tôi lại lao

vào nhà bếp. Ông tôi cởi trần, tay cầm cây nến, đứng ở giữa nhà. Cây nến rung rinh. Không nhích đi được bước nào, ông tôi chỉ giậm chân xuống sàn và rít lên:

- Bà nó ơi, lacov ơi, cái gì thế?

Tôi nhảy lên lò sưởi, nấp vào một góc. Trong nhà lại bắt đầu náo động như lúc cháy. Tiếng kêu la đều đều và đau đớn càng ngày càng to, đập vào trần và tường từng hồi. Ông tôi và cậu tôi chạy ngược chạy xuôi, bà tôi quát tháo và xua đuổi hai người. Bác Grigori chất củi vào lò rầm rầm, đổ đầy nước vào chảo gang. Bác đi lại ở nhà bếp, đầu lắc lư giống như một con lạc đà ở Axt'rakhan.

- Trước hết hãy đốt lò đi chứ! - bà tôi ra lệnh.

Bác vội đi tìm que đóm, sờ phải chân tôi và sợ hãi kêu lên:

- Ai đấy? Hừ, làm tao sợ hết hồn... Ở đâu không cần đến, mày cũng có mặt...

- Cái gì thế hở bác?

- Mợ Natalia đẻ, - bác thản nhiên đáp và nhảy xuống sàn.

Tôi nhớ hồi mẹ tôi đẻ, mẹ tôi không kêu la om sòm như thế.

Đặt chảo lên bếp xong, bác Grigori leo lên lò sưởi ngồi cạnh tôi. Bác rút trong túi ra chiếc tẩu bằng đất nung và đưa cho tôi xem.

- Bác bắt đầu hút thuốc chỉ vì cặp mắt này thôi. Bà cháu khuyên bác: chỉ nên hít, nhưng bác thấy hút tốt hơn...

Bác ngồi ở mép lò sưởi, hai chân buông thõng. Bác nhìn xuống phía dưới, nơi ngọn nến cháy lù mù. Tai và má bác đầy bồ hóng, chiếc áo sơ mi rách ở bên sườn. Tôi nhìn thấy cả bộ xương sườn của bác rộng như những cái đai thùng. Một mắt kính của bác đã bị vỡ, một nửa kính hầu như đã lòi ra khỏi vành, và qua lỗ hổng tôi nhìn thấy mắt bác đỏ ngầu, ươn ướt như một vết thương. Bác vừa nhồi thuốc vào tẩu vừa lẩm

nghe những tiếng rên rỉ của mợ Natalia, và nói lẩm bẩm những câu rời rạc giống như người say rượu:

- Bà cháu bị bỏng dữ đấy, làm thế nào đỡ đẻ được? Gớm, mợ ấy rên tợn quá! Trong khi cháy nhà người ta đã quên mất mợ ấy. Ngay từ lúc bắt đầu cháy đã thấy mợ ấy đã trở dạ vì sợ hãi... Đấy sinh đẻ được đứa con thật là khó nhọc như vậy, mà người ta có kính trọng phụ nữ đâu! Cháu nhớ nhé: phải kính trọng phụ nữ, nghĩa là phải kính trọng những bà mẹ...

Tôi thiu thiu ngủ, nhưng tiếng ồn ào, tiếng sập cửa, lẫn tiếng kêu lè nhè của cậu Mikhail say rượu làm tôi tỉnh dậy. Những lời nói kì lạ vẳng đến tai tôi:

- Phải mở cửa Thánh ra...[1]

- Cho nó uống dầu thắp đèn hòa với rượu rum và bồ hóng: nửa cốc dầu, nửa cốc rượu rum và một thìa bồ hóng..[2]

Cậu Mikhailo cứ khẩn khoản yêu cầu lải nhải:

- Cho tôi vào xem...

Cậu ngồi xuống sàn, hai chân dạng ra và khạc nhổ xuống trước mặt, bàn tay vỗ bèn bẹt xuống sàn nhà. Trên lò sưởi nóng không thể chịu được. Tôi bò xuống, nhưng vừa tới ngang tầm cậu thì cậu túm lấy chân tôi giật mạnh. Tôi ngã đập gáy xuống đất.

- Đồ ngốc, - tôi bảo cậu.

Cậu nhổm dậy, túm lấy tôi, nhấc bổng tôi lên và rú:

- Tao phải quật mày vào lò sưởi cho mày tan xác ra mới được...

Khi hoàn hồn, tôi thấy tôi ngồi trên đầu gối ông tôi ở trong góc phòng chính, dưới những bức tượng thánh. Ngước mắt lên trần nhà, ông tôi ru tôi và nói nhỏ:

---

[1] Theo phong tục mê tín, muốn cho người đẻ khó sinh nở được dễ dàng hơn, cần phải mở cửa nhà thờ dẫn tới bàn thờ, cửa đó gọi là cửa Thánh.
[2] Phép cứu chữa mê tín đối với người đẻ khó.

- Chúng ta không một ai có lí do gì để xin tha lỗi...

Trên đầu ông có một ngọn đèn thờ sáng rực. Trên bàn giữa phòng có một ngọn nến. Ánh sáng mùa đông mờ mờ đã ló ra qua cửa sổ.

Ông tôi cúi xuống chỗ tôi hỏi:

- Cháu đau ở đâu?

Tôi đau khắp cả người, đầu tôi ướt đẫm mồ hôi, mình nặng trình trịch, nhưng tôi không muốn nói ra điều đó. Xung quanh, tất cả đều hết sức lạ lùng đối với tôi! Hầu hết các ghế trong phòng đều có những người lạ mặt ngồi: một cha cố mặc áo dài tím, một lão già bé nhỏ, tóc bạc, đeo kính, mặc áo nhà binh, và nhiều người khác nữa. Tất cả đều ngồi không nhúc nhích như những pho tượng gỗ. Họ ngồi đờ ra chờ đợi và lắng nghe tiếng nước chảy róc rách ở đâu gần chỗ chúng tôi. Cậu Iacov đứng cạnh khung cửa vươn dài người ra, hai tay chắp sau lưng. Ông tôi bảo cậu:

- Này, dẫn thằng bé này đi ngủ...

Cậu giơ ngón tay vẫy tôi và khẽ đi rón rén trên đầu ngón chân tới cửa buồng bà tôi. Khi tôi leo lên giường, cậu thì thầm:

- Mợ Natalia chết rồi...

Tin đó không làm tôi ngạc nhiên, vì từ lâu mợ sống cách biệt, không bao giờ xuống bếp, ngay cả bữa ăn.

- Thế bà ở đâu, hở cậu?

- Ở đấy, - cậu khoát tay đáp và lại đi ra rón rén trên đầu ngón chân.

Tôi nằm trên giường nhìn khắp xung quanh. Tôi tưởng như trông thấy những khuôn mặt đầy lông lá, trắng bệch, mù lòa đang áp vào kính cửa sổ. Trong góc buồng, trên cái hòm có treo chiếc áo dài của bà tôi, - cái ấy tôi đã biết rõ, - nhưng giờ đây tôi có cảm tưởng như có một người nào đó nấp ở đấy

và đang rình mò. Tôi chúi đầu vào gối, hé một mắt nhìn ra cửa, tôi muốn nhảy xuống và bỏ chạy ra ngoài. Nóng quá, một mùi nồng nặc tỏa ra khắp gian buồng làm ngột ngạt khiến tôi nhớ tới hôm anh Txuganoc chết, những dòng máu chảy lênh láng trên sàn nhà như những dòng suối. Hình như một cái u nào đó mọc ra trong đầu và trái tim tôi. Tất cả những gì tôi đã nhìn thấy trong cái nhà này đang lướt qua trước mắt tôi như một đoàn xe trên đường phố mùa đông. Tôi cảm thấy như mình bị đè bẹp, bị tiêu tan...

Cánh cửa mở rất từ từ, bà tôi lê vào buồng rồi dùng vai khẽ khép cửa lại. Tựa lưng vào cửa, giơ tay về phía ngọn lửa xanh của cây đèn thờ không bao giờ tắt, bà tôi than vãn khe khẽ như giọng một đứa trẻ:

- Khốn khổ cho hai bàn tay tôi, đau quá...

V

Tới mùa xuân các cậu tôi chia gia tài. Cậu Iacov ở lại thành phố, cậu Mikhail sang bên kia sông. Ông tôi tậu một ngôi nhà rộng rãi và khá đẹp ở phố Polevaia. Tầng dưới bằng đá có quán rượu. Gác áp mái có một căn phòng nhỏ ấm cúng. Phía sau nhà là vườn cây chạy dài đến cái vực tua tủa những cành dương liễu trụi lá.

- Nhiều roi quá! - ông tôi nháy mắt vui vẻ nhìn tôi nói, khi tôi cùng với ông tôi đi thăm vườn, dạo trên những con đường nhỏ, chân lút cả vào tuyết mới tan. - Ông sắp dạy cháu học, chắc có lúc phải dùng đến những chiếc roi này...

Ngôi nhà chật ních người ở thuê. Ông tôi chỉ giữ một phòng lớn trên gác để ở và tiếp khách. Bà tôi và tôi ở gác áp

mái. Cửa sổ chỗ tôi ngoảnh ra phố; chiều chiều và ngày lễ, thò đầu qua bệ cửa sổ có thể nhìn thấy những người say ở quán rượu bò ra, loạng choạng trên đường phố, la hét rồi ngã gục. Đôi khi người ta ném họ ra đường như ném bao tải, nhưng họ lại phá cửa để vào quán rượu; cánh cửa đập, kêu kèn kẹt, chiếc puli rít lên, một cuộc xô xát bắt đầu. Cảnh tượng đó nhìn từ trên xuống thật là thú vị. Từ sáng sớm ông tôi tới xưởng của các cậu tôi, giúp các cậu tôi sắp đặt mọi thứ. Chiều tối ông tôi mới trở về, vẻ mệt nhọc, chán ngán và bực dọc.

Bà tôi ở nhà nấu ăn, khâu vá trông nom vườn tược. Bà chạy ngược chạy xuôi cả ngày như một con quay lớn bị chiếc roi vô hình thúc giục. Bà hít thuốc lá, hắt hơi một cách sảng khoái, và vừa lau bộ mặt đầm đìa mồ hôi vừa nói:

- Cầu cho thế gian được hưởng phúc lành đời đời! Aliosa, cháu yêu của bà ơi, chúng ta sống yên ổn rồi cháu ạ! Lạy Đức Mẹ, mọi việc đều tốt lành rồi!

Nhưng tôi không cảm thấy chúng tôi sống đã yên ổn. Từ sớm đến khuya những người thuê nhà chạy tứ tung ở trong nhà và ngoài sân. Chốc chốc các mụ hàng xóm lại kéo đến. Ai cũng vội vã hối hả mà vẫn phàn nàn là bị trễ. Hình như ai cũng đang bận chuẩn bị một việc gì sắp xảy ra. Họ gọi bà tôi:

- Aculina Ivanovna!

Bà tôi đối với mọi người đều mỉm cười âu yếm và dịu dàng quan tâm săn sóc đến họ. Bà tôi lấy ngón tay cái cho thuốc lá vào lỗ mũi, dùng khăn tay có kẻ ô vuông đỏ lau thật sạch mũi và ngón tay, rồi không ngớt lời khuyên bảo:

- Bà con ạ, muốn chống rận chấy cần phải tắm rửa luôn, cần phải xông bằng hơi bạc hà. Nếu rận bám vào da thì lấy một thìa mỡ ngỗng thật trong, trộn với một thìa thăng hoa và ba giọt thủy ngân. Sau đó lấy mảnh sành hòa nhuyễn tất

cả các thứ đó khoảng bảy lần trên một cái đĩa rồi xoa khắp người! Nếu dùng thìa gỗ hoặc thìa xương mà trộn thì thủy ngân bị mất. Tránh dùng thìa đồng hay thìa bạc, nguy hiểm lắm đấy!

Đôi khi bà tôi khuyên nhủ, vẻ tự lự:

- Bà con ạ, tốt hơn hết là đến Petsorư[1] gặp cha Axav. Tôi không thể khuyên bà con hơn được.

Bà tôi giúp việc đỡ đẻ, hòa giải những vụ cãi nhau trong các gia đình, chữa bệnh cho trẻ con. Bà tôi thuộc lầu lầu câu chuyện "Giấc mơ của Đức Mẹ" và thường đem kể cho các bà nghe để họ "gặp may". Bà tôi dạy bảo họ về việc bếp nước:

- Dưa chuột tự nó sẽ bảo cho các bà lúc nào có thể muối được. Lúc nó hết mùi đất và các mùi khác thì các bà hãy trẩy về. Cvax[2] cần phải làm cho nó tức hơi thì nó mới mạnh và sủi bọt: cvax không ưa ngọt, nên các bà chỉ cần cho vào một ít nho khô, nếu bỏ đường vào thì một thùng chỉ cần khoảng một jolotnic[3] thôi. Varentsi[4] có nhiều cách làm khác nhau: có kiểu của miền Danuyp, kiểu Tây Ban Nha, còn có cả kiểu của Cavcaz nữa...

Suốt ngày tôi quẩn quanh bên bà tôi ở trong vườn hay ở ngoài sân. Tôi đi với bà tôi đến nhà các bà hàng xóm, ở đấy bà tôi ngồi hàng giờ uống nước trà và kể chuyện con cà con kê. Tôi dường như gắn chặt với bà tôi và không nhớ trong quãng đời ấy tôi đã nhìn thấy gì khác, ngoài bà lão vô cùng phúc hậu và không lúc nào chịu ngồi yên.

Thỉnh thoảng mẹ tôi không hiểu từ đâu đến chơi trong chốc lát. Kiêu hãnh và nghiêm nghị, mẹ tôi nhìn tất cả bằng

---

[1] Tu viện Petsorxki thường gọi là Petsorư ở gần Nijni-Novgorod, dưới chân một bờ dốc dựng đứng cùng tên.
[2] Nước giải khát có men của người Nga.
[3] Một đơn vị trọng lượng cũ của Nga bằng khoảng 4,26 gram.
[4] Varentsi là sữa chua bỏ lò.

cặp mắt xám lạnh như mặt trời mùa đông. Thoáng một cái mẹ tôi lại biến mất không để lại cho tôi một ấn tượng nào cả.

Có lần tôi hỏi bà tôi:

- Bà có phải là phù thủy không?

- Ồ, cháu lại nói lăng nhăng rồi! - bà mỉm cười và lập tức nói thêm, vẻ trầm ngâm: - Bà làm phù thủy thế nào được? Phù thủy là một phép rất khó. Bà không biết đọc, đến một chữ cũng không biết. Ông mới là người có học, còn bà thì Đức Mẹ không ban cho trí thông minh.

Rồi bà tôi kể cho tôi nghe thêm một vài quãng đời của bà tôi:

- Bà cũng mồ côi từ nhỏ. Mẹ bà là một cố nông không nhà không cửa, một người tàn tật. Khi còn con gái, một đêm người đã bị một tên địa chủ giở trò. Người sợ quá nhảy từ cửa sổ xuống, bị gãy xương sườn và giập bả vai. Từ đó cánh tay phải, cánh tay cốt yếu nhất, bị teo đi. Trước đây mẹ bà là một người thêu đăng ten có tiếng. Thế là bọn địa chủ không dùng người nữa, đuổi người đi và nói: "Mày sống như thế nào thì mặc xác mày". Nhưng không có cánh tay thì làm sao sống nổi? Người chỉ còn một cách là đi ăn xin. Thời ấy người ta sống sung túc và tốt bụng hơn bây giờ nhiều. Những người thợ mộc ở Balakhna và các bà thợ thêu toàn là những người có lòng tốt cả! Đôi lúc tới mùa thu và mùa đông mẹ con bà ở lại thành phố đi ăn xin, nhưng khi thượng đẳng thiên thần Gabrien vừa mới vung kiếm lên xua đuổi mùa đông, cho mùa xuân ôm lấy trái đất thì mẹ con bà lại đi xa, đi lang thang vô định. Mẹ con bà tới Murom,[1] tới Iurievet,[2] ngược cả sông

[1] Murom là một thành phố ở tả ngạn sông Oca, cách Nijni-Novgorod 150 cây số về phía Tây Nam. Thành phố này thành lập vào cuối thế kỉ X.

[2] Iurievet là một thành phố ở hữu ngạn sông Volga, cách Nijni-Novgorod chừng 130 cây số về phía Tây Bắc

Volga và đi theo dòng sông Oca êm đềm. Mùa xuân và mùa hè được đi đó đây thì thật là thú vị, mặt đất hiền hòa xanh rợp cỏ non như những tấm nhung; Đức Mẹ Rất Thánh rắc hoa khắp cả cánh đồng. Ở đấy mới thật là vui sướng, ở đấy tâm hồn mới thật tự do phóng khoáng. Đôi lúc mẹ bà lim dim cặp mắt xanh cất tiếng hát. Giọng người không mạnh, nhưng trong, - cảnh vật xung quanh hình như cũng mơ mơ màng màng, không động đậy, lắng nghe tiếng hát của người. Ơn Chúa, cuộc sống cũng dễ chịu! Năm bà lên chín tuổi, mẹ bà lấy làm xấu hổ phải dẫn con đi ăn xin lang thang, người cảm thấy ngượng nên ở lại Balakhna. Người đi khắp các phố từ nhà này sang nhà khác, vào ngày lễ người ngồi ở trước cửa nhà thờ để ăn xin. Còn bà thì ngồi ở nhà, học thêu đăng ten, bà học vội vàng, muốn nhanh chóng đỡ đần cho mẹ. Đôi lúc học làm không được, bà cứ khóc rưng rức. Hơn hai năm sau, cháu biết không, bà đã thạo nghề và nổi tiếng khắp thành phố. Nếu ai có cần thợ khéo là họ lập tức tới tìm mẹ con bà. Họ bảo: "Này, Aculina, cô thêu giúp chúng tôi nhé!" Bà sung sướng quá, đó là một ngày hội đối với bà! Tất nhiên, đó không phải là do tài nghệ của bà, mà là nhờ sự chỉ bảo của mẹ bà. Người chỉ có một cánh tay, tự mình không thể làm được, nhưng người biết cách chỉ dẫn. Mà một người chỉ dẫn giỏi còn quý hơn mười người làm lấy. Thế rồi bà bắt đầu lên mặt hãnh diện. Bà nói: "Mẹ ơi, mẹ đừng đi xin ăn nữa, bây giờ mình con có thể nuôi mẹ được rồi!" Người trả lời: "Thôi đi cô, cô phải biết, tiền đó cho cô để tích lại làm của hồi môn". Ít lâu sau ông cháu tới. Ông là một chàng trai nổi tiếng: mới có hai mươi hai tuổi đầu mà ông đã là một phu trưởng trên sà lan! Bà cụ đẻ ra ông cháu để ý đến bà, thấy bà biết làm ăn, con của mụ ăn mày, nên chắc là ngoan ngoãn, thế là... Bà cụ làm nghề bán bánh và độc ác không thể tưởng tượng được...

Nhưng chúng ta nhớ tới những kẻ độc ác làm gì nhỉ? Chính Chúa biết rõ họ; chỉ có Chúa mới nhìn thấy họ và chỉ có lũ quỷ sứ mới ưa họ thôi.

Bà tôi cười hồn nhiên, mũi rung rung trông đến buồn cười, còn cặp mắt, tư lự sáng ngời, âu yếm tôi, nói lên mọi điều còn dễ hiểu hơn mọi lời lẽ.

*

* *

Tôi nhớ một buổi chiều tĩnh mịch, tôi và bà uống trà ở phòng ông tôi. Ông tôi ốm và ngồi trên giường, mình trần, trên vai vắt một chiếc khăn dài. Ông tôi luôn tay lau mồ hôi nhễ nhại, hơi thở gấp khò khè, cặp mắt xanh mờ đục, mặt sưng húp và đỏ tía. Đỏ nhất là cặp tai nhỏ nhọn hoắt. Khi ông tôi chìa tay lấy tách nước trà, bàn tay run run trông thật là tội nghiệp. Ông tôi nom có vẻ dịu dàng và không giống như thường ngày.

- Tại sao bà không cho tôi uống đường! - ông hỏi bà, giọng vòi vĩnh như đứa trẻ được nuông chiều. Bà tôi trả lời dịu dàng, nhưng quả quyết:

- Ông uống với mật ong tốt hơn!

Ông tôi ngạt thở, rồi thở dài uống một hớp trà nóng và nói:

- Bà hãy trông chừng kẻo tôi chết mất đấy!

- Ông đừng sợ, tôi sẽ lo.

- Được, nếu bây giờ tôi chết thì cũng như là xưa nay hoàn toàn không có tôi, - mọi thứ đều sẽ biến thành tro bụi cả!

- Ông đừng có nói nhảm, cứ nằm im!

Ông tôi im lặng một lúc, nhắm mắt, và chép chép cặp môi thâm sì. Rồi bỗng nhiên, như bị ai châm, ông tôi giật nảy mình, nói rõ điều đang nghĩ:

- Phải sớm cưới vợ cho thằng Iasca và Misca đi thôi. Có lẽ vợ với lũ con cái mới có thể giữ gìn được chúng nó, phải không?

Rồi ông tôi nhớ xem nhà ai trong thành phố có con gái có thể kén làm nàng dâu xứng đáng được. Bà tôi nín lặng uống hết tách trà này đến tách trà khác. Tôi ngồi bên cạnh cửa sổ, nhìn cảnh hoàng hôn đỏ rực trên thành phố, cửa kính của các ngôi nhà cũng ánh lên màu đỏ chói. Ông tôi cấm tôi không được xuống sân, hay vườn dạo chơi vì tôi phạm lỗi gì không rõ.

Ở ngoài vườn, xung quanh những cây bạch dương, đàn bọ dừa bay vè vè; một người thợ đóng thùng đang làm việc ở sân nhà bên cạnh; gần đâu đấy có tiếng mài dao xoèn xoẹt. Ở sau vườn, trong khe vực, lũ trẻ con nô đùa ầm ĩ, lẩn vào trong các bụi rậm. Cảnh chơi đùa ngoài trời lôi cuốn tôi, buổi chiều ảm đạm khiến tôi cảm thấy buồn man mác.

Bỗng nhiên ông tôi lấy ở đâu ra một quyển sách mới, đập mạnh vào lòng bàn tay và gọi giật tôi:

- Này, thằng dân Permiac kia, thằng lỏi con, lại đây! Ngồi xuống, thằng có gò má Canmưc này. Mày có thấy cái hình này không? Đây là chữ a. Nói đi: a, b,c! Đây là chữ gì!

- b.

- Đúng rồi! Còn đây?

- c.

- Bậy nào, a! Nhìn đây: d, đ, e. Đây là chữ gì?

- đ

- Đúng rồi! Còn đây?

- e.

- Phải rồi! Thế chữ này?

- a.

Bà tôi nói xen vào:

- Ông nằm mà nghỉ, ông ạ...

- Bà im đi. Làm như thế này là phải lắm, không thì chỉ nghỉ ngơi miên man thôi. Học đi, Lecxei!

Ông tôi lấy cánh tay nong nóng, nhơm nhớp ôm lấy cổ tôi và chỉ vào mặt chữ qua vai tôi, cuốn sách để dưới mũi tôi. Người ông tôi sặc sụa mùi dấm chua, mùi mồ hôi và mùi hành nướng. Tôi gần như ngạt thở, nhưng ông tôi hăng lên, thở khò khè và quát vào tai tôi:

- g, h!

Tên chữ thì quen, nhưng kí hiệu không thích hợp với chúng: chữ S giống như con sâu, chữ G giống bác Grigori bị gù, chữ R giống bà tôi và tôi, còn ông tôi thì giống tất cả các chữ cái.[1] Ông tôi quần tôi với những chữ cái rất lâu, có lúc hỏi lần lượt, có lúc lại hỏi bất thần từng chữ một. Ông tôi đã truyền cho tôi sự hăng say; tôi cũng toát mồ hôi ra và gào thật to, làm ông tôi cũng phải buồn cười. Ông tôi ôm lấy ngực ho sù sụ, vò quyển sách và thở khò khè:

- Bà nhìn nó rít lên như thế đấy! A, đồ Axt'rakhan nóng tính, tại sao mày lại hét lên như vậy?

- Chính ông hét thì có...

Tôi vui vẻ nhìn ông bà tôi. Bà tôi chống khuỷu tay lên bàn, nắm tay tỳ vào má, nhìn chúng tôi và khẽ cười, nói:

- Thôi, hai ông cháu đừng có gào hết cả hơi nữa.

Ông tôi giải thích cho tôi một cách thân mật:

- Ông nói to vì ông ốm, còn cháu, tại sao lại thét lên như vậy?

Rồi ông tôi lắc lắc cái đầu ướt đẫm mồ hôi và nói với bà tôi:

---

[1] Ở đây không thể dịch từng chữ một. Vì muốn cho dễ nhớ, các chữ cái Xlav đều gọi bằng tên một từ bắt đầu bằng chữ cái ấy. Trong nguyên bản, ở đây có so sánh giữa tên Xlav của chữ cái với hình ảnh mà cách viết chữ ấy gợi lên trong trí óc đứa trẻ. Chúng tôi tạm chuyển sang chữ cái tiếng Việt cho dễ so sánh.

- Mồ ma cái con Natalia, nó nhầm tưởng thằng bé không có trí nhớ; lạy Chúa, trí nhớ của nó như trí nhớ của ngựa ấy! Thằng mũi hếch, học tiếp đi chứ!

Cuối cùng ông tôi đẩy đùa tôi khỏi giường.

- Thôi! Cháu giữ lấy quyển sách. Ngày mai nếu cháu đọc tất cả các chữ cái không có một lỗi nào thì ông sẽ thưởng cho cháu năm copec.

Tôi vừa giơ tay đỡ lấy quyển sách thì ông tôi lại kéo tôi về phía mình và nói giọng buồn buồn:

- Mẹ cháu bỏ rơi cháu ở trên đời này, cháu ơi...

Bà tôi giật mình:

- Ôi, tại sao ông lại nói như thế?

- Tôi không muốn nói, nhưng buồn quá buộc lòng phải nói... Ôi, con bé tốt thế mà cũng lầm lạc...

Ông tôi đẩy mạnh tôi ra:

- Đi chơi đi! Không được ra ngoài phố, chỉ được ở trong vườn và trong sân thôi...

Tôi đang muốn được ra ngoài vườn. Tôi vừa ra tới đồi thì bọn trẻ con ở khe vực bắt đầu lấy đá ném vào tôi, tôi ném lại chúng thật là thú vị.

- "Bưri" tới đấy! - bọn chúng nhìn thấy tôi liền reo lên và vội vàng trang bị lại. - Cho nó một trận nhừ tử vào!

Tôi không biết "bưri" là cái gì, và tên lóng đó không làm tôi tức giận. Tôi chỉ thấy thú vị là một mình chống chọi với cả lũ, thú vị khi nhìn thấy hòn đá của tôi ném trúng đích bắt buộc kẻ địch phải chạy trốn và ẩn nấp vào những bụi cây. Những trận đánh nhau ấy không có gì là ác ý, thường kết thúc hòa nhã.

Tôi học khá dễ dàng. Ông tôi càng chú ý đến tôi và ít nện tôi hơn trước, mặc dù, theo ý tôi, tôi đáng bị nện nhiều hơn trước vì càng lớn hơn và tinh ranh hơn, tôi càng hay phạm

những điều ông tôi đã quy định và răn dạy, thế mà ông tôi chỉ mắng và dọa đánh thôi.

Tôi nghĩ bụng, có lẽ trước đây ông tôi đã đánh tôi một cách bất công và có đã ngỏ ý ấy với ông tôi.

Ông tôi lấy tay khẽ hất cằm tôi lên rồi nháy mắt và kéo dài giọng nói:

- Sa-ao?

Rồi ông tôi cười bằn bặt, nói tiếp:

- A, đồ dị giáo! Mày có thể tính được cần phải cho mày ăn bao nhiêu trận đòn nữa không? Ngoài tao ra thì có mà trời biết! Cút đi cho khuất mắt!

Nhưng ông tôi lại nắm ngay lấy vai tôi và nhìn thẳng vào mặt tôi, hỏi:

- Mày giảo quyệt hay là thật thà, hả?

- Cháu không biết...

- Mày không biết à? Nếu thế thì tao bảo: mày phải giảo quyệt, như thế tốt hơn, còn thật thà thì chỉ là ngu ngốc, hiểu không? Giống cừu cũng thật thà. Nhớ lấy! Thôi, bây giờ đi chơi đi...

*

* *

Chẳng bao lâu tôi đã đánh vần được tập Thánh thi. Thường thường tôi học vào sau bữa trà chiều, và mỗi lần tôi phải đọc một đoạn Thánh thi:

- S, u, n, g, sung, s, ư, ớ, n, g, sướng, sung sướng, - tôi vừa đánh vần vừa chỉ vào trang sách và hỏi cho đỡ buồn:

- Người sung sướng có phải là cậu Iacov không hở ông?

- Tao bợp cho mày một cái vào gáy bây giờ thì mày sẽ hiểu người sung sướng là ai! - ông tôi vừa đáp vừa thở phì phì, vẻ tức giận. Nhưng tôi cảm thấy rằng ông chỉ tức giận theo thói quen và để giữ cái quy củ thôi.

Tôi không nhầm: một lát sau ông đã quên tôi và càu nhàu:

- Phải, nó vui chơi ca hát thì như vua Davit, nhưng làm thì lại như Abxalon[1] độc ác! Biết làm thánh ca, biết ghép chữ, biết làm trò khôi hài... ôi chao, lũ chúng bay...y...y thật là "múa đôi chân vui nhộn để nhảy nhót", nhưng liệu có nhảy được xa không? Liệu có nhảy được xa không, hả?

Tôi ngừng đọc, lắng nghe và nhìn vào khuôn mặt nhăn nhó và lo âu của ông tôi. Ông nheo mắt nhìn ra xa, không để ý tới tôi, cặp mắt đầy hăm hở và u buồn đó ánh lên một cảm giác ấm cúng, buồn rầu. Tôi hiểu rằng lúc này tính nghiêm khắc thường ngày đã biến mất. Ông tôi liên tiếp gõ những ngón tay khẳng khiu xuống mặt bàn. Móng tay nhuộm của ông tôi sáng bóng, cặp lông mày màu vàng khẽ rung rung:

- Ông ơi!

- Hả?

- Ông kể chuyện cho cháu nghe đi.

- Cháu đọc đi, cháu lười lắm! - ông tôi càu nhàu như vừa mới tỉnh ngủ rồi lấy tay dụi mắt. - Cháu chỉ thích chuyện vui thôi, còn Thánh thi thì lại không thích...

Nhưng tôi nghĩ chính ông tôi cũng thích chuyện vui hơn Thánh thi. Ông tôi thuộc hầu hết Thánh thi và giữ lời nguyền tối nào trước khi đi ngủ cũng đọc to một chương như thầy phụ lễ giữ đồ thánh trong nhà thờ đọc sách lễ[2].

Tôi nằn nì vòi vĩnh và ông tôi, tính nết đã dịu, cuối cùng đành nhượng bộ tôi.

- Thôi được! Tập Thánh thi còn ở lại với cháu mãi mãi, còn ông thì sắp lên chầu trời rồi...

Ông tôi tựa vào chiếc ghế bành cũ kĩ, lưng ghế có thêu chỉ

---

[1] Con trai vua Davit của nước Ixraen cổ đại, đã nổi dậy khởi nghĩa chống lại cha để chiếm ngôi.

[2] Cuốn sách gồm những bài nói về các lễ trong nhà thờ.

tơ, và mỗi lúc một ngả sát vào đó. Ông tôi ngẩng đầu, ngước mắt nhìn trần nhà, rồi bắt đầu kể về cụ thân sinh ra ông tôi ngày trước, giọng khe khẽ và trầm ngâm:

- Một hôm, có bọn cướp đến Balakhna ăn cướp nhà người lái buôn Zaiev. Cụ tổ của ông lao lên gác chuông để kéo chuông báo động. Nhưng bọn cướp bắt được liền chém chết và ném xác từ gác chuông xuống đất. Khi đó ông còn nhỏ lắm và không được chứng kiến cảnh tượng ấy nên không nhớ. Ông chỉ bắt đầu nhớ từ hồi quân Pháp đến, tức là từ năm 1812, năm đó ông cũng vừa vặn mười hai tuổi. Khi ấy người ta giải tới Balakhna khoảng ba chục tên tù binh; tất cả bọn chúng đều gầy còm và nhỏ bé, ăn mặc rách rưới hơn lũ ăn mày. Chúng rét run cầm cập, một vài đứa bị tê cóng không đứng vững nữa. Những người mujic muốn đánh chết chúng, nhưng lính đi áp giải không cho phép; đơn vị đồn trú tới bắt những người mujic phải giải tán về nhà. Sau rồi cũng chả sao cả, mọi người quên dần. Bọn Pháp này đều là những người khéo léo và nhanh trí, khá vui tính, thỉnh thoảng còn hát hỏng. Bọn quý phái ở Nijni đi xe tam mã đến xem tù binh. Có người thì chửi mắng, giơ nắm đấm hăm dọa và thậm chí đánh đập nữa, có người lại vui vẻ trò chuyện với chúng bằng tiếng Pháp, cho tiền và đủ thứ quần áo rách để chúng khỏi bị rét cóng. Có một lão quý tộc lại lấy bàn tay che mặt và khóc rưng rức nữa, cuối cùng lão ta nói: "Bonapact là tên tướng cướp đã đưa người Pháp đến chỗ khốn cùng!" Cháu xem, lão ta là một người Nga, lại là một nhà quý phái, thế mà lão cũng có lòng tốt, biết thương yêu người nước khác...

Ông tôi im lặng một lúc, mắt nhắm nghiền, tay vuốt tóc, rồi tiếp tục kể, thận trọng hồi tưởng lại quá khứ:

- Mùa đông, bão tuyết rú lên ngoài đường phố, băng giá kẹp chặt lấy những căn nhà gỗ. Đôi lúc bọn người Pháp chạy đến gần cửa sổ nhà ông, tới chỗ bà cụ thân sinh ra ông, vì bà cụ nướng bánh bột mạch để bán. Chúng gõ vào cửa kính, vừa

nhảy vừa kêu và hỏi mua bánh nóng. Bà cụ không cho chúng vào nhà, chỉ luồn bánh qua cửa sổ. Thế là chúng vội chộp lấy chiếc bánh nóng nhét vào ngực, áp thẳng vào da, ngay chỗ trái tim. Tại sao họ lại chịu được nóng như vậy, ông cũng không rõ nữa! Nhiều người bị chết rét vì chúng là dân xứ nóng, không quen chịu lạnh. Hai tên ở nhà ông, một tên sĩ quan và một tên lính cần vụ Miron, ở trong nhà tắm ngoài vườn. Tên sĩ quan gầy và cao, người chỉ có xương bọc da. Hắn mặc chiếc áo khoác của đàn bà chỉ ngắn tới đầu gối. Hắn rất hiền lành, nhưng nghiện rượu nặng. Mẹ ông nấu và bán rượu lậu nên hắn mua luôn. Khi nào rượu vào là hắn hát nghêu ngao. Hắn học được ít tiếng Nga, thỉnh thoảng bập bẹ: "Xứ các anh không trắng, nó đen và hung ác!" Hắn nói sai nhiều, nhưng nghe cũng hiểu. Đúng như vậy: miền ngược nước ta khí hậu gay gắt, miền xuôi dọc theo sông Volga khí hậu có ấm áp hơn, và ở bên kia biển Caxpien hình như hoàn toàn không có tuyết. Cái đó thì có thể tin: trong sách Phúc âm, trong sách chép chuyện kí lục[1] và Thánh thi không hề nhắc tới mùa đông, nhắc tới tuyết. Chúa sống ở xứ đó... khi nào đọc xong Thánh thi, ông cháu ta sẽ bắt đầu đọc sách Phúc âm

Ông tôi lại im lặng như thiu thiu ngủ, suy nghĩ điều gì, liếc mắt nhìn qua cửa sổ, người như nhỏ bé lại và nhọn hoắt.

- Ông kể nữa đi, - tôi khẽ nhắc.

- Ử, - ông tôi giật mình và bắt đầu nói, - ông lại kể về bọn người Pháp nhé! Chúng cũng là những con người, không xấu xa gì hơn chúng ta, là những kẻ có tội. Đôi khi chúng gọi mẹ ông là "mađam, mađam", - có nghĩa là bà quý tộc hay là quý phái, - nhưng "bà quý phái" ấy vừa mới vác ở cửa hàng bột về một bao bột nặng năm put.[2] Sức của bà không phải là sức đàn bà. Năm ông hai mươi tuổi mà cụ túm tóc ông dễ như

[1] Một trong những cuốn sách được đưa vào Kinh Thánh.
[2] Put bằng 16,38 kg.

chơi, cháu nên nhớ dạo hai mươi tuổi ông không phải là tay yếu đâu nhé. Tên lính cần vụ Miron thích ngựa lắm. Hắn thường đi đến các nhà và ra hiệu xin được tắm cho ngựa! Lúc đầu người ta sợ hắn làm hỏng ngựa, vì hắn là kẻ thù. Nhưng sau này chính những người mujic lại gọi hắn tới: "Lại đây, Miron!" Hắn mỉm cười, cúi đầu đi như một con bò đực. Tóc hắn màu hung gần như đỏ, mũi to, môi dày. Hắn khéo chăm sóc ngựa và chữa bệnh cho ngựa cũng rất tài. Sau đó hắn làm nghề chữa bệnh cho ngựa ở đây, ở Nijni, nhưng rồi hắn bị điên và bị đội cứu hỏa đánh chết. Còn tên sĩ quan tới mùa xuân bắt đầu đau yếu và tới ngày lễ thánh Nicola thì chết một cách âm thầm. Hắn ngồi suy nghĩ ở trong nhà tắm gần cửa sổ và cứ thế mà chết, đầu thò ra ngoài. Ông thương tiếc hắn, ông còn khóc trộm vì hắn là một người hiền lành, thường nắm tai ông và nói bằng tiếng Pháp với vẻ rất dịu dàng. Ông không hiểu, nhưng rất thích! Sự dịu dàng của con người không thể mua ở chợ được. Hắn bắt đầu dạy ông tiếng Pháp, nhưng mẹ ông cấm và dẫn ông tới chỗ cha cố. Cha cố sai đánh ông và kiện tên sĩ quan. Hồi ấy người ta rất nghiêm khắc cháu ạ. Cháu không phải trải qua các cảnh ấy. Nhiều người khác đã phải chịu những điều nhục nhã thay cháu, và cháu hãy nhớ lấy điều ấy! Chẳng hạn như ông, ông cũng đã từng chịu đựng như vậy...

Trời tối. Trong bóng nhá nhem ông tôi trông to lớn một cách kì lạ, mắt sáng quắc như mắt mèo. Khi nói về chuyện người khác ông tôi thường nói khe khẽ, thận trọng, và có vẻ trầm ngâm, nhưng khi nói về mình thì rất hăng, lưu loát và có vẻ ba hoa. Tôi không thích ông tôi nói về bản thân, không thích những câu khuyên bảo vô hồi của ông: "Cháu nhớ lấy! Cháu nhớ lấy điều ấy!"

Nhiều điều ông tôi kể, tôi đã không muốn nhớ; nhưng dù ông tôi không khuyên bảo đi nữa thì nó vẫn cứ chôn sâu

trong kí ức tôi như một cái dằm đau nhói. Không khi nào ông tôi kể chuyện cổ tích cả, chỉ kể toàn những chuyện đã từng trải và tôi nhận thấy ông tôi không thích những câu hỏi; vì vậy tôi kiên tâm hỏi ông:

- Thế thì ai tốt hơn: người Pháp hay người Nga, hở ông?

- Ử, làm sao mà biết được? Vì ông không trông thấy người Pháp họ sống ở nhà họ như thế nào, - ông bực bội càu nhàu và nói thêm:

- Con chồn hôi, khi ở trong hang của nó, cũng tốt...

- Thế người Nga có tốt không?

- Có người tốt, có người xấu. Thời nông nô người ta tốt hơn ngày nay, thời ấy người ta bị xích chân. Bây giờ mọi người đều tự do, chẳng ai trông cậy vào ai được cả. Tất nhiên, bọn quý tộc cũng không tử tế gì đâu, nhưng họ khôn ngoan hơn. Đây không phải là nói về tất cả bọn họ, nhưng nếu có một lão quý tộc nào tốt thì ai cũng thừa nhận! Cũng có tên ngốc ngếch như một cái bao tải, người ta muốn nhồi nhét gì vào trong, nó cũng cứ thế mang đi. Chúng ta có rất nhiều thứ vỏ; thoạt nhìn ta cứ tưởng là người, nhưng nhìn kĩ thì lại hóa ra là cái vỏ, rỗng ruột, vì ruột đã bị người ta khoét ăn hết rồi. Chúng ta cần phải được giáo dục, mài dũa trí lực, nhưng tìm đâu cho ra hòn đá mài thực sự!...

- Người Nga có mạnh không ông?

- Có những đại lực sĩ, nhưng vấn đề không phải là sức mạnh, mà là mưu trí. Dù có khỏe đến đâu chăng nữa thì cũng không thể khỏe bằng một con ngựa được.

- Thế tại sao Pháp lại đánh nhau với chúng ta?

- Ồ, chiến tranh là việc của nhà vua, chúng ta không thể hiểu được cái đó!

Nhưng tôi hỏi Bonapact là ai, thì ông tôi trả lời làm tôi không tài nào quên được:

giới để sau đó mọi người đều được sống bình đẳng, không cần đến chủ, không cần đến quan lại, nói tóm lại không có đẳng cấp! Chỉ khác nhau về tên tuổi, còn quyền lợi thì đều như nhau. Tôn giáo cũng chỉ một thứ. Tất nhiên, đó là một sự ngu xuẩn: chỉ có giống tôm tép thì mới không thể phân biệt thôi chứ, còn giống cá thì cũng khác hẳn nhau: cá chiên không thể kết bạn với cá trê, cá xteclet[1] không thể là bạn của cá mòi được. Nước ta cũng có những Bonapact kiểu ấy - Xtepan Timofeev Razin,[2] Emelian Ivanov Pugat,[3] ông sẽ kể cho cháu nghe về họ sau...

Đôi khi ông tôi im lặng ngắm tôi hồi lâu, mắt tròn xoe như mới thấy tôi lần đầu vậy. Cái đó làm tôi không thích.

Ông tôi không bao giờ nói với tôi về chuyện bố mẹ tôi cả.

*

* *

Bà tôi thường đến dự những buổi trò chuyện này. Bà tôi sẽ sàng ngồi vào góc nhà và im lặng ngồi ở đó rất lâu, không để ai để ý đến mình. Rồi đột nhiên bà tôi hỏi, giọng dịu dàng uyển chuyển:

- Ông còn nhớ dạo chúng ta cùng đi hành hương đến Murom không? Dạo ấy kể cũng hay đấy chứ? Năm ấy vào năm nào nhỉ?...

Ông tôi suy nghĩ một lúc rồi trả lời rất đạo mạo:

- Tôi không nhớ rõ năm nào, nhưng hình như trước nạn

---

[1] Một loại cá thuộc giống cá chiên, thịt rất ngon, sống ở các con sông thuộc vùng biển Caxpien, Hắc Hải và miền Xibiri.

[2] Xtepan Timofeev Razin (chết năm 1671) - người cầm đầu cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1670-1671 ở Nga.

[3] Tức Emelian Ivanovitr Pugatsov (1742-1775) - người cầm đầu cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1773-1775 ở Nga.

dịch tả, năm người ta lùng bắt những người Oloniet[1] ở rừng ấy mà.

- Đúng rồi! Chúng ta chẳng sợ bọn họ là gì...

- Đúng thế!

Tôi hỏi: người Oloniet là ai, và tại sao họ lại chạy vào rừng, - ông tôi giải thích không được vui vẻ lắm:

- Người Oloniet chỉ là những người mujic bỏ việc chạy trốn khỏi đất nhà vua và khỏi các nhà máy.

- Người ta lùng bắt họ như thế nào, hở ông?

- Thế nào à? Như là trẻ con chơi ú tim ấy: một số thì chạy trốn, một số thì đi tìm và bắt. Khi bắt được, người ta lấy roi mây đánh, rạch lỗ mũi và đóng dấu vào trán để trừng phạt.

- Tại sao vậy?

- Vì để trị tội. Đó là những việc phức tạp, không hiểu ai là kẻ có tội: người chạy trốn hay là kẻ lùng bắt...

- À mà này ông, - bà tôi lại lên tiếng, - ông có nhớ sau vụ cháy lớn...

Vốn ưa những chuyện chính xác, ông tôi nghiêm khắc vặn lại:

- Vụ cháy lớn nào?

Thế là mải nói chuyện cũ, ông bà tôi quên phắt cả tôi, giọng nói của ông bà tôi êm dịu và thánh thót đến nỗi đôi khi tôi có cảm tưởng như ông bà đang hát. Đó là một bài hát rầu rĩ nói về bệnh tật, về hỏa hoạn và đánh đập mọi người, về chết chóc bất ngờ và lừa đảo xảo quyệt, về những kẻ vô tội và bọn lãnh chúa độc ác.

- Chúng ta đã sống không phải là ít và đã được mắt thấy tai nghe không phải là ít, - ông tôi khẽ lẩm bẩm.

- Phải chăng chúng ta đã sống không ra gì? - bà tôi nói.

---

[1] Những nông nô thuộc miền Oloniet (lưu vực hồ Ladoga).

- Chắc ông còn nhớ, sau khi đẻ con Varia, mùa xuân đẹp đẽ biết bao!

- Năm ấy là năm 1848, chính là năm có chiến dịch Hungari. Sau hôm lễ đặt tên cho nó thì bác Tikhon bố đỡ đầu của nó phải ra trận...

- Bác ấy đi biệt tăm nhỉ, - bà tôi thở dài.

- Ừ, bác ấy đi biệt tăm! Cũng từ năm ấy Chúa ban phúc lành cho nhà ta như nước chảy vào nhà vậy. Chà, cái con Vacvara...

- Thôi đủ rồi, ông ơi...

Ông tôi nổi nóng, cau mày lại:

- Sao lại đủ? Con cái mình nhìn về mặt này thì chúng nó cũng chẳng ra làm sao cả. Thế thì công sức của chúng ta đổ đi đâu? Chúng ta muốn bỏ đầy giỏ của chúng ta, nhưng Chúa lại cho chúng ta cái giỏ thủng...

Ông tôi bỗng thét lên và chạy khắp phòng như người bị bỏng. Ông tôi càu nhàu, vẻ đau đớn rồi chửi bới con cái và giơ nắm đấm nhỏ bé gày guộc doạ bà tôi:

- Còn bà thì vẫn khoan thứ cho lũ kẻ cướp ấy đủ thứ, bà là kẻ đồng loã của chúng, mụ phù thủy!

Ông tôi đau khổ đến tru tréo khóc lóc nức nở. Ông tới chỗ góc nhà có tượng thánh đấm thùm thụp vào bộ ngực gày gò của mình:

- Lạy Chúa, chẳng lẽ con có tội lỗi hơn những người khác ư? Vậy sao bắt con chịu đựngnhiều thế?

Toàn thân ông tôi run run, cặp mắt ướt đẫm long lên vì tức giận và hổ thẹn.

Bà tôi ngồi trong bóng tối im lặng làm dấu, sau đó bà tôi rón rén lại gần và khuyên nhủ:

- Tại sao ông lại buồn như thế? Chúa làm gì Chúa đều biết cả. Ông xem có con cái nhà ai hơn con cái nhà ta đâu? Ở đâu

cũng thế thôi ông ạ, cũng cãi nhau, tranh nhau, đánh nhau. Cha mẹ nào cũng rửa tội mình bằng nước mắt, không phải chỉ có một mình ông đâu...

Đôi khi những lời nói ấy làm cho ông tôi yên lòng. Ông tôi một mỏi nằm vật xuống giường, không nói thêm gì nữa. Còn tôi và bà tôi thì lẳng lặng trở về buồng riêng ở gác áp mái.

Nhưng có một lần, bà tôi định tới gần để an ủi thì ông quay phắt lại đấm mạnh vào mặt bà tôi. Lùi lại một bước, loạng choạng đưa tay lên bưng miệng, rồi bà tôi trấn tĩnh lại và khẽ nói, vẻ bình tĩnh:

- A, đồ ngốc...

Bà tôi khạc ra máu nhổ gần chân ông tôi, ông tôi giơ hai tay và hét lên hai lần:

- Cút ngay, không tao giết bây giờ!

- Đồ ngốc, - bà tôi nhắc lại và lùi ra khỏi cửa. Ông tôi liền nhảy bổ theo, nhưng bà tôi đã từ từ bước qua ngưỡng cửa và đóng sầm cửa lại.

- Cái mụ già kia, - ông tôi thét lên, mặt đỏ bừng như cục than hồng, tay bám lấy khung cửa, ngón tay cào vào gỗ.

Tôi ngồi trên lò sưởi[1] như thằng mất hồn. Tôi không tin những điều tôi vừa nhìn thấy: lần đầu tiên ông đánh bà trước mặt tôi... Hành động bỉ ổi đó đã để lộ một cái gì mới mẻ trong người ông tôi, đối với tôi không sao có thể dung thứ được, và hình như nó đã đè nặng lên tâm hồn tôi. Vẫn đứng bám chặt lấy khung cửa, ông co dúm người lại và dần dần xám ngoét như bị tro phủ. Bỗng nhiên ông tôi đi ra giữa nhà, quỳ xuống, rồi không quỳ vững nữa, ngã giúi về đằng trước, tay đụng xuống sàn. Nhưng ông tôi thẳng người lên ngay và lấy tay đấm vào ngực.

---

[1] Thực ra đây chỉ cái Liejanca, tức là chỗ nhô ra trên lò sưởi; ở đó người ta có thể nằm hoặc ngủ. Nhiều khi người ta chỉ đốt nóng riêng chỗ nhô ra này.

- Ôi, lạy Chúa tôi...

Tôi từ trên mặt lò sưởi ấm áp có lát gạch men tụt xuống như trượt trên băng và vội chạy đi ngay. Ở trên gác, bà tôi đi đi lại lại trong buồng và đang súc miệng.

- Bà có đau không?

Bà tôi đi tới góc nhà, nhổ nước vào thùng rác rồi bình tĩnh trả lời:

- Không việc gì, răng vẫn còn nguyên, chỉ bị rách môi thôi.

- Tại sao ông lại làm thế, hở bà?

Bà tôi nhìn qua cửa sổ ra đường phố và nói:

- Ông đang bực bội, ông già rồi nên rối trí, toàn những chuyện không may... Cháu đi ngủ đi, đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa, cầu Chúa phù hộ cho cháu...

Tôi muốn hỏi thêm bà tôi một câu nữa, nhưng bà tôi quát lên, giọng nghiêm nghị khác thường:

- Có nghe tao bảo gì không, có đi ngủ không? Thằng này bướng thật...

Bà tôi ngồi gần cửa sổ, mút môi và miệng luôn khạc nhổ vào khăn tay. Tôi vừa cởi quần áo ngoài vừa nhìn bà tôi: phía trên cái đầu đen của bà tôi, trong khung cửa sổ vuông xanh thẫm lấp lánh các vì sao. Ngoài phố yên lặng, trong buồng tối om om.

Khi tôi nằm xuống, bà tôi tới gần vừa khẽ xoa đầu tôi vừa nói:

- Cháu ngủ yên nhé, bà đi xuống chỗ ông... Cháu đừng thương hại bà, cháu yêu quý của bà, vì chính bà cũng có lỗi... Ngủ đi cháu!

Bà hôn tôi rồi đi ra. Tôi cảm thấy buồn rười rượi, tôi liền nhảy ra khỏi cái giường rộng êm ấm, tới bên cửa sổ, nhìn xuống đường phố vắng tanh, người lặng đi vì buồn bã không sao chịu nổi.

VI

Lại bắt đầu một cơn ác mộng nữa. Một hôm vào buổi chiều, sau khi uống trà, tôi cùng với ông tôi ngồi đọc Thánh thi, còn bà tôi thì rửa bát đĩa. Bỗng nhiên cậu Iacov xộc vào phòng, đầu tóc rối bù như một chiếc chổi nát. Không chào hỏi ai, cậu ném chiếc mũ lưỡi trai vào một góc nhà, vung tay, lắc đầu hăm hở nói thật nhanh:

- Bố ơi, Misca làm sao ấy, anh ấy làm náo động cả lên! Anh ấy ăn trưa ở nhà con, uống rượu say rồi bắt đầu giở trò điên rồ. Anh ấy đập vỡ bát đĩa, xé tan nát chiếc áo dài len hàng đã làm xong của người ta đặt, đập vỡ cửa kính, chửi con và chửi cả lão Grigori. Anh ấy đang đi tới đây và dọa: "Tao sẽ vặt trụi râu, tao sẽ giết lão già!" Bố hãy coi chừng...

Ông tôi tì tay vào bàn, từ từ đứng dậy, mặt nhăn lại, nhăn đến tận mũi, trông khiếp sợ như một cái rìu.

- Bà có nghe thấy không? - ông tôi hét. - Bà nghĩ thế nào, hả? Con mình rứt ruột đẻ ra đang đến giết cha đấy! Cứ việc, đã đến lúc rồi, các con ạ...

Ông tôi đi đi lại lại quanh phòng, ưỡn thẳng người lên, lại gần cửa và vội ngoắc chiếc móc sắt nặng vào lỗ móc khóa, rồi quay về phía cậu Iacov:

- Vẫn câu chuyện của hồi môn của con Vacvara mà chúng mày muốn chộp lấy chứ gì? Đây phần mày đây này!

Ông tôi gí củ tỏi[1] vào gần mũi cậu. Cậu vội nhảy sang một bên, vẻ tức giận.

- Kìa bố, con có dính líu gì vào việc này đâu?

- Mày ấy à? Tao biết tỏng mày rồi!

---

[1] Nắm đấm để thòi ngón cái giữa ngón trỏ và ngón giữa (ý tục tĩu, khinh bỉ).

Bà tôi im lặng, vội vàng thu tách chén vào trong tủ.

- Con đến đây bảo vệ bố...

- Thật à? - ông tôi thốt lên, vẻ giễu cợt. - Thế thì tốt lắm! Cám ơn cậu quý tử! Bà nó ơi, kiếm cái gì cho thằng cáo này: một cái que thông lò hay một cái bàn là cũng được! Còn mày, Iacov Vaxiliev, khi nào thằng anh mày xông vào thì mày cứ việc lấy mà nện vào đầu tao!...

Cậu tôi đút tay vào túi và đi vào một góc nhà.

- Nếu như bố không tin con...

- Tin mày à? - ông tôi vừa giậm chân vừa kêu lên. - Không, tao tin bất cứ một con vật nào, con chó, con nhím, nhưng còn mày thì phải chờ xem sao đã! Tao biết: mày đã cho thằng anh mày uống rượu say rồi xúi bẩy nó! Nào, bây giờ mày đánh đi! Đánh ai thì tùy mày chọn: đánh nó hay đánh tao...

Bà tôi thì thầm bảo tôi:

- Cháu chạy lên gác ngồi ở cửa sổ coi. Khi nào thấy cậu Mikhailo ló đầu ra phố thì cháu chạy xuống đây ngay báo cho bà biết! Đi mau lên...

Vừa lo sợ người cậu cường bạo đe dọa xông vào, vừa tự hào về nhiệm vụ mà bà tôi giao cho, tôi thò đầu ra ngoài cửa sổ, nhìn xuống đường phố. Đường phố rất rộng và phủ một lớp bụi dày; đá lát lộ ra qua lớp bụi như những cái u to xa xa phía bên trái, con đường chạy qua khe vực và dẫn tới quảng trường Oxt'rojnaia.

Ở đấy có một tòa nhà màu xám có bốn tháp ở bốn góc - nhà tù cũ - đứng sừng sững trên nền đất sét; phong cảnh đó có một vẻ đẹp buồn buồn và rờn rợn. Phía bên phải, cách nhà tôi ba nhà, là quảng trường Xennaia, cuối quảng trường là một tòa nhà màu vàng của các tù khổ sai và chòi canh màu chì của sở cứu hỏa. Người lính gác của sở cứu hỏa xoay quanh cái chòi có lỗ nhìn, như con chó xoay quanh cái xích.

Suốt cả quảng trường bị những khe vực cắt ra thành từng đoạn; ở đáy một cái khe có một vũng nước màu xanh nhạt. Xa nữa, về phía tay phải là cái đầm Diucov mà trước kia, theo lời bà tôi kể, một hôm vào mùa đông các cậu tôi đã định dìm bố tôi xuống hố băng. Gần ngay trước cửa sổ là một cái ngõ san sát những ngôi nhà nhỏ màu sắc sặc sỡ; cuối ngõ là một ngôi nhà thờ to thấp lè tè gọi là nhà thờ Ba Giám Mục. Nếu nhìn thẳng sẽ thấy những mái nhà giống như những chiếc thuyền úp ngược nổi trên những lớp sóng của khu vườn xanh biếc.

Hết bị những cơn bão tuyết mùa đông dai dẳng dặc làm cho hao mòn lại bị những trận mưa liên miên của mùa thu dầu dãi, những ngôi nhà bạc màu của phố tôi phủ đầy bụi và nằm sát vào nhau như những kẻ hành khất đứng chầu trên bậc cửa nhà thờ. Chúng mở toang những chiếc cửa sổ ra với vẻ ngờ vực và hình như cũng cùng với tôi chờ đợi một người nào đó. Người qua lại thưa thớt, thong thả, như những con gián ngập ngừng trên tấm sắt trước lò.[1] Một luồng hơi nóng ngột ngạt bốc lên chỗ tôi, sực mùi bánh rán nhân hành lá và cà rốt, một mùi tôi rất ghét và bao giờ cũng làm cho tôi ngao ngán.

Buồn quá; một nỗi buồn đặc biệt, gần như không thể chịu nổi xâm chiếm tâm hồn tôi; ngực tôi như có một dòng chì nóng bỏng chảy vào, nó đè nặng từ bên trong như muốn phá vỡ lồng ngực, xương sườn.

Tôi có cảm tưởng mình phồng to lên như cái bong bóng, và tôi cảm thấy chật chội trong gian buồng nhỏ bé này, dưới cái trần nhà giống như một cái nắp quan tài.

Cậu Mikhail đây rồi. Cậu dừng lại ở góc ngõ, ở góc căn

[1] Tấm sắt ở trước cửa lò. Nồi, xoong sắp sửa đặt vào lò hay mới nhấc ở lò ra đều đặt trên tấm sắt này để giữ nóng.

nhà màu xám và quan sát xung quanh. Cậu đã kéo mũ lưỡi trai sụp xuống tai, hai cái tai nhô lên. Cậu mặc chiếc áo vét màu hung và đi đôi ủng đầy bụi cao đến tận đầu gối. Một tay nhét vào túi quần kẻ ô vuông, còn tay kia vuốt bộ râu cằm. Tôi không thấy rõ mặt cậu, nhưng cậu đứng nom như đang sửa soạn nhảy qua đường phố và dùng đôi bàn tay đen sịt đầy lông lá bám chặt lấy ngôi nhà của ông tôi. Đáng lẽ phải chạy xuống dưới báo tin cậu đã đến, nhưng tôi không sao rời khỏi cửa sổ. Tôi thấy cậu đi rón rén qua đường như sợ bụi làm bẩn đôi ủng màu xanh xám của cậu. Tôi nghe thấy cậu mở cửa quán rượu, - cánh cửa kêu rít lên, kính rung lên lanh canh.

Tôi vội chạy bổ xuống dưới nhà, gõ cửa phòng ông tôi.

- Ai đấy? - ông tôi không mở, xẵng giọng hỏi. - Mày đấy ư? Sao? Nó vào quán rượu à? Được, mày lại lên trên ấy đi.

- Lên đấy cháu sợ lắm...

- Kệ xác mày!

Và thế là tôi lên đứng ở cửa sổ. Trời đã tối; bụi ngoài đường có vẻ dày thêm và đen hơn. Những vệt ánh sáng màu vàng lan rộng ra như những vết dầu tại các khung cửa sổ. Ở ngôi nhà trước mặt có tiếng nhạc, từ nhiều dây đàn ngân lên một điệu buồn buồn và réo rắt. Trong quán rượu người ta cũng hát; khi cửa mở ra, một giọng mệt mỏi ồ ồ tràn ra đường phố. Tôi biết là giọng của lão ăn mày rậm râu chột mắt Nikitusca; ở chỗ mắt phải lão là một cục than hồng, còn mắt trái thì nhắm tịt. Khi cánh cửa đóng lại, hình như có một nhát rìu chặt đứt bài hát của lão.

Bà tôi ao ước được như lão ăn mày: khi nghe những bài hát của lão, bà tôi thở dài và nói:

- Lão thật là có phúc! Những bài thơ lão biết sao mà hay thế, kì diệu thế!

Thỉnh thoảng bà tôi gọi lão vào sân. Lão ngồi ở bậc tam

cấp, tì vào gậy, rồi hát, kể chuyện. Còn bà tôi ngồi cạnh lão, nghe và hỏi.

- Khoan đã, có thực Đức Mẹ cũng đã ở Riazan không?

Lão ăn mày trả lời, giọng trầm trầm, vẻ tin chắc:

- Người ở khắp mọi nơi, ở khắp mọi tỉnh...

Sự mệt mỏi nửa tỉnh nửa mê từ đường phố dâng lên, ép chặt và đè nặng lên trái tim, cặp mắt tôi. Giá bà tôi lên đây với tôi thì hay biết bao! Hay là ông tôi cũng được... Tôi nghĩ đến bố mẹ tôi: bố tôi là người thế nào? Tại sao ông tôi và các cậu tôi không thích bố tôi, còn bà tôi, bác Grigori và mụ Evghenia thì lại nói về bố tôi toàn những lời tốt đẹp như vậy? Và mẹ tôi bây giờ ở đâu?

Càng ngày tôi càng nghĩ nhiều đến mẹ tôi, tôi đặt mẹ vào trung tâm của mọi chuyện thần thoại và chuyện có thật do bà tôi kể. Việc mẹ tôi không muốn sống trong gia đình này lại càng đề cao người trong những mơ ước của tôi. Tôi tưởng tượng mẹ tôi hiện nay đang sống ở một quán trọ cạnh đường cái lớn với bọn chuyên cướp bóc những hành khách giàu có để chia của lấy được cho những người nghèo khổ. Có thể mẹ đang sống trong rừng, trong hang động, tất nhiên, cũng với bọn cướp lương thiện, nấu ăn cho họ và canh giữ số vàng lấy được. Cũng có thể người đang đi chu du khắp thiên hạ để đếm xem có bao nhiêu kho tàng châu báu trên trái đất này, như "công nương" Engalutseva cùng đi với Đức Mẹ. Đức Mẹ đã khuyên nhủ mẹ tôi như khuyên nhủ "công nương" vậy:

Tên nô lệ tham lam kia hỡi!
Mi thu sao nổi hết bạc vàng,
Hết ngọc ngà trên khắp thế gian?
Mi che sao được tấm thân trần trụi,
Hỡi lòng tham vô đáy kia ơi -
Châu báu nào che giấu nổi cho mi!...

Mẹ tôi cũng dùng những lời của "công nương" nữ tướng cướp đáp lại Người:

Lạy Đức Mẹ, xin Người tha thứ
Và rủ lòng thương kẻ lỗi lầm!
Không phải vì mình mà con cướp bóc thế gian,
Chính chỉ vì đứa con trai duy nhất!...

Đức Mẹ, hiền từ cũng như bà tôi, bèn tha thứ cho mẹ tôi và nói:

Ôi, Mariusca, tai ương của Thiên Chúa giáo!
Trong người mi có dòng máu Tacta.
Thôi, mi cứ đi theo con đường đã tự vạch ra,
Đường mi đi cũng sẽ là nước mắt mi đó!
Mi hãy lên rừng tìm dân Mordvin[1] mà cướp phá,
Hãy tới thảo nguyên đuổi dân Canmưc đi xa,
Nhưng đừng hòng đụng tới dân Nga...

Nhớ lại những chuyện thần thoại ấy, tôi tưởng như mình đang sống trong giấc mơ. Nhưng tiếng chân dồn dập, tiếng om sòm, tiếng gào thét ở phía dưới sân làm tôi bừng tỉnh... Ló đầu ra cửa sổ, tôi thấy ông tôi, cậu Iacov và người làm công trong quán rượu tên là Melian - một gã Tseremit[2] dở hơi - đang đẩy cậu Mikhail qua cửa vườn ra đường. Nhưng cậu khăng khăng một mực không chịu. Họ đấm vào lưng, vào cổ cậu, lấy chân đẩy cậu ra, và cuối cùng cậu ngã bổ nhào vào đám bụi ngoài đường phố. Cánh cửa con dập đánh sầm, chốt cửa và ổ khóa kêu lách cách. Chiếc mũ lưỡi trai nhàu nát vút qua cổng và tất cả lại trở nên yên tĩnh.

Cậu nằm một lát rồi từ từ đứng dậy, quần áo tả tơi, đầu tóc rối bù. Cậu nhặt một hòn cuội và ném vào cổng; một

---

[1] Một dân tộc Phần Lan sống ở vùng Nijni-Novgorod.
[2] Tên cũ của những người Mari, một dân tộc Phần Lan sống ở khúc giữa sông Volga về phía Đông Nijin - Novgorod.

tiếng ầm ầm phát ra như gõ vào đáy thùng. Một lũ người đen ngòm từ quán rượu xô ra, kêu thét lên, thở phì phì và hoa chân múa tay. Từ các cửa sổ những đầu người thò ra; phố xá náo nhiệt lên, tiếng cười, tiếng quát tháo nổi lên ầm ĩ. Tất cả cái đó cũng giống như một câu chuyện thần thoại lôi cuốn nhưng khó chịu và khủng khiếp. Bỗng nhiên tất cả như mờ đi, mọi người không nói nữa và biến mất.

... Bà tôi ngồi trên cái hòm cạnh ngưỡng cửa, người gập đôi lại, không động đậy và hầu như nín thở. Tôi đứng trước mặt, vuốt đôi má ấm dịu và ướt đẫm của bà tôi, nhưng có lẽ bà tôi không cảm thấy cái đó và rầu rĩ lẩm bẩm:

- Lạy Chúa, chẳng lẽ Chúa không có đủ lẽ phải để ban cho con và con cái của con hay sao? Lạy Chúa, xin Chúa thương xót chúng con...

*

* *

Tôi cảm thấy tuy ông tôi mới ở phố Polevaia chưa được hơn một năm - từ mùa xuân năm ngoái đến mùa xuân năm nay - nhưng trong thời gian ngắn ngủi ấy nhà tôi đã nổi tiếng về chuyện nhộn nhạo. Hầu như chủ nhật nào bọn trẻ con cũng kéo nhau đến cổng nhà tôi, chúng lấy làm thú vị báo tin cho bà con hàng phố:

- Nhà Casirin lại đánh nhau rồi!

Thường thường cậu Mikhailo đến vào buổi chiều và suốt đêm cậu án giữ ngôi nhà làm cho những người sống ở trong đó đều khiếp sợ. Đôi khi cùng đi với cậu có hai ba kẻ a tòng, những tên du côn ở Cunavino. Chúng từ khe vực lẻn vào vườn và ở đó chúng dở ra đủ mọi trò ngông cuồng của lũ nát rượu, có lần chúng nhổ bật những bụi cây phúc bồn tử lên. Có lần

chúng phá phách nhà tắm, làm tan nát mọi thứ có thể phá hủy được: sàn nhà, ghế dài, chảo đun nước. Còn bếp lò thì chúng dỡ tung. Chúng tháo đi mấy tấm ván lát sàn, phá cánh cửa và khung cửa sổ.

Ông tôi câm lặng, đứng ủ rũ bên cạnh cửa sổ, lắng nghe bọn chúng phá phách của cải của mình. Còn bà tôi thì chạy lăng quăng ngoài sân, khuất trong bóng tối, song người ta nghe thấy giọng bà tôi vang lên, vẻ van lơn:

- Misa, mày làm gì thế, Misa!

Một câu chửi đê tiện và ngu xuẩn của người Nga từ ngoài vườn dội vào đáp lại bà tôi. Có lẽ lí trí và tình cảm của bọn súc sinh văng ra câu chửi đó cũng không hiểu nổi ý nghĩa. Trong lúc này tôi không thể theo sau bà tôi, nhưng không có bà ở bên cạnh tôi cảm thấy rất sợ hãi. Tôi mon men xuống phòng ông tôi, nhưng vừa trông thấy tôi, ông tôi đã quát:

- Cút đi, thằng chết tiệt kia!

Tôi bèn chạy lên gác áp mái và qua lỗ mắt cáo, xuyên qua bóng tối của khu vườn và sân, tôi cố gắng không rời mắt khỏi bà tôi. Tôi sợ người ta giết mất bà, tôi kêu, tôi gọi bà inh ỏi cả lên. Bà tôi không lên, còn cậu tôi đang say rượu nhận ra tiếng tôi liền chửi mẹ tôi một cách tục tằn và bỉ ổi. Có lần vào một buổi chiều như vậy, ông tôi ốm nằm liệt ở giường. Ông vừa lăn đi vừa lăn lại cái đầu quấn chiếc khăn mặt trên chiếc gối vừa kêu gào than thở:

- Chính vì chúng nó mà chúng ta đã sống khổ sống sở, đã mắc tội mắc nợ và đã cóp nhặt từng xu một! Nếu tao không sợ mất thể diện thì tao sẽ đi gọi cảnh sát tới và ngày mai sẽ đi gặp quan tổng đốc... Nhưng như thế thì nhục nhã biết bao! Có cha mẹ nào lại nhờ cảnh sát truy nã con cái không? Thôi thì thằng già này cứ việc nằm yên đây.

Bỗng nhiên ông tôi buông chân từ trên giường xuống và loạng choạng đi ra cửa sổ. Bà tôi đỡ lấy tay ông tôi:

- Ông đi đâu đấy?

- Bà đốt nến lên! - ông tôi thở hổn hển, hít mạnh không khí và ra lệnh.

Bà tôi đốt nến xong, ông tôi cầm lấy cái đế cắm nến giơ ra trước mặt như người lính cầm súng, rồi ông kêu tướng lên qua cửa sổ, giọng có vẻ giễu cợt:

- Này, Misca, thằng trộm đêm, con chó dại, con chó ghẻ kia!

Một tiếng kính bên trên cửa sổ lập tức vỡ tan tành, bắn tung tóe và một nửa miếng gạch rơi ngay trên bàn, cạnh bà tôi.

- Không trúng rồi! - ông tôi gầm lên và cười giống hệt như tiếng khóc nức.

Bà tôi bế ông tôi đặt vào giường như bế tôi vậy. Bà tôi sợ hãi nói:

- Ông làm trò gì thế, ông làm trò gì thế, cầu Chúa phù hộ ông! Thế này rồi nó cũng đến bị đầy đi Xibiri mất thôi! Lúc tức giận lên nó có hiểu Xibiri là cái quái gì đâu...

Ông vùng vằng và nức nở, giọng khàn khàn:

- Cứ để nó giết tao đi...

Ngoài cửa sổ vẫn có tiếng hét, tiếng giậm chân và cào tường của cậu tôi. Tôi cầm miếng gạch ở trên bàn và chạy ra cửa sổ. Bà tôi kịp nắm lấy tôi, đẩy vào một góc, và kêu rít lên:

- A, thằng khốn kiếp...

Lần khác, cậu tôi lăm lăm cầm một cái cọc to và nhọn, định tìm cách xông vào trong nhà. Cậu đứng ở cái bậc tam cấp đen sì và đập phá cửa. Ở phía sau cửa, ông tôi cầm chiếc gậy đứng đợi sẵn; ngoài ra còn có hai người thuê nhà cầm gậy gộc và vợ tên chủ quán người cao lớn cầm trục lăn giúp sức ông tôi. Bà tôi đứng đằng sau họ vừa giậm chân vừa van nài:

- Các người cứ để cho tôi ra gặp nó! Cho tôi nói với nó một lời...

Ông tôi đưa một chân ra phía trước như người mujic cầm cây gậy chạc cày trong bức tranh "Săn gấu". Khi bà tôi chạy lại gần, ông tôi lẳng lặng dùng khuỷu tay và chân khẽ đẩy bà đi. Tất cả bốn người đứng im với tư thế sẵn sàng đánh nhau trông thật là khủng khiếp. Trên bức tường, le lói một ngọn đèn chập chờn chiếu lờ mờ xuống đầu họ. Từ trên thang gác tôi nhìn tất cả cảnh tượng đó và tôi muốn kéo bà tôi lên gác.

Cậu tôi gắng sức phá cửa và đã gần được, cánh cửa lung lay, sắp sửa tách ra khỏi bản lề trên, - bản lề dưới đã long ra và kêu ken két.

Ông tôi nói với các chiến hữu của mình cũng với cái giọng rít lên ken két như vậy:

- Xin bà con cứ việc nện vào chân vào tay cho, không nên nện vào đầu...

Ở bức tường cạnh cửa ra vào có một chiếc cửa sổ nhỏ vừa lọt đầu người. Cậu tôi đã đập vỡ mặt kính nên khung cửa nham nhở mảnh kính, trông đen ngòm như con mắt bị khoét thủng.

Bà tôi lao tới chỗ đó, thò tay ra ngoài sân vừa vẫy vừa kêu:

- Misa, vì Chúa, mày cút ngay đi! Không có người ta đánh què bây giờ, cút ngay đi!

Cậu tôi lấy cái cọc nện luôn vào tay bà tôi: tôi nom thấy rõ có một vật gì to to trượt qua cửa sổ và đập xuống tay bà tôi. Tiếp theo đó bà tôi khuỵu xuống, ngã vật, nhưng mồm vẫn kịp kêu:

- Misa, chạy đi...

- A, bà làm cái trò gì thế? - ông tôi gầm lên dữ dội.

Cánh cửa bật tung, cậu tôi nhảy xổ vào cái lỗ đen ngòm đó. Nhưng lập tức cậu bị hất xuống chân bậc tam cấp như một xẻng bùn.

Mụ chủ quán dìu bà tôi vào phòng ông tôi. Một lát sau ông tôi đã có mặt ở đó và cau có lại gần.

- Xương còn lành lặn chứ?

- Ôi, có lẽ bị gãy rồi, - bà tôi nói mắt vẫn nhắm nghiền. - Còn nó thì thế nào rồi?

- Không lo! - ông tôi nghiêm nghị kêu lên. - Tôi có phải là con thú dữ đâu? Người ta đã trói nó lại rồi, nó đang nằm ở dưới nhà kho ấy. Tôi đã rẩy nước cho nó...

- Trời ơi, sao mà nó độc ác thế! Nó giống ai thế không biết? - bà tôi rên rỉ.

- Tôi đã cho người đi tìm mụ nắn khớp xương rồi, - bà chịu khó một chút! - ông tôi vừa nói vừa ngồi xuống giường bên cạnh. - Chúng nó đến làm cho chúng mình chết sớm, chết trước tuổi mất, bà nó ạ!

- Ông cứ đem chia tuốt của cải cho chúng nó...

- Thế còn con Vacvara?

Hai ông bà nói chuyện lâu lắm: bà nói giọng khe khẽ và rên rỉ, còn ông thì quát tháo và có vẻ giận dữ.

Sau đó một mụ già gù bé loắt choắt tới, cái miệng rộng đến mang tai, hàm dưới rung rung, mồm há hốc như miệng cá, cái mũi quắm nhòm vào chiếc mồm qua môi trên. Không nhìn thấy rõ cặp mắt của mụ. Mụ lê đi một cách khó nhọc, một tay chống gậy kéo rê trên sàn, còn tay kia xách một cái bọc nhỏ gì đó kêu lọc xọc.

Tôi tưởng thần chết đến bắt bà tôi. Tôi chạy vội lại chỗ mụ và hét thật to:

- Cút ra ngay!

Ông tôi túm lấy tôi một cách thô bạo và lôi xềnh xệch lên gác thượng...

VII

Tôi hiểu khá mau rằng ông tôi có một Chúa, còn bà tôi có một Chúa khác. Đôi khi ngủ dậy bà tôi ngồi trên giường và chải mái tóc rất dày của mình khá lâu. Bà tôi lúc lắc đầu, nghiến răng rứt từng mảng tóc dài đen nhanh, mượt như tơ, và chửi rủa thì thầm để tôi khỏi thức dậy:

- Chà, sao mày không rụng hết cả đi, tóc với chả tai chết tiệt ở đâu ấy...

Sau khi gỡ đám tóc qua quýt, bà tôi tết nhanh thành những bím tóc dày. Bà tôi rửa mặt vội vàng, thở phì phì, vẻ bực tức. Chưa rửa sạch nỗi tức giận khỏi khuôn mặt to lớn và nhăn nhó bởi giấc ngủ, bà tôi đã đứng trước những bức tượng thánh. Lúc đó bắt đầu buổi lễ rửa tội ban mai thật sự khiến bà tôi lập tức tươi tỉnh hẳn lên.

Bà tôi rướn thẳng cái lưng gù, ngả đầu về đằng sau và âu yếm nhìn khuôn mặt tròn trĩnh của Đức Mẹ Cazan. Bà tôi vừa vung rộng tay làm dấu rất thành tâm và vừa nói thì thầm, giọng nồng nhiệt:

- Lạy Đức Mẹ Rất Thánh, xin Người hãy ban ơn lành trong ngày cho chúng con!

Bà tôi cúi rạp xuống đất, sau đó từ từ ngẩng lên và lại thì thầm, giọng mỗi lúc một say sưa và xúc động hơn:

- Người là Nguồn vui, là Vẻ đẹp thanh khiết, là Cây táo nở hoa!...

Hầu như sáng nào bà tôi cũng tìm thấy những lời ca tụng mới khiến tôi luôn luôn chú ý lắng nghe lời cầu nguyện của bà tôi.

- Hỡi Đức Mẹ của Chúa Lời, Đức Mẹ là trái tim trong trắng, siêu phàm, hằng che chở nâng đỡ con, Đức Mẹ là mặt

trời vàng ngọc của con, xin Đức Mẹ gìn giữ cho con trước mọi cám dỗ, đừng để cho con xúc phạm ai và cũng đừng để cho ai vô cớ xúc phạm đến con.

Cặp mắt đen của bà tôi như mỉm cười và như trẻ hẳn lại, bà tôi giơ cánh tay nặng nề làm dấu thật thong thả.

- Lạy Đức Chúa Jexu, con Đức Chúa Lời, Người hãy rủ lòng thương xót một người đàn bà có tội, hãy vì Đức Mẹ của Người...

Lời cầu nguyện của bà tôi bao giờ cũng là một lời cảm ơn, một lời ca ngợi chân thành và chất phác.

Buổi sáng bà tôi cầu nguyện không lâu, vì còn phải đặt ấm xamovar. Ông tôi không nuôi người ở nữa, và nếu đến giờ quy định mà vẫn chưa có nước trà là ông tôi tức giận chửi bới mãi.

Có lần ông tôi dậy trước, bèn leo lên gác thượng thì bắt gặp bà tôi đang cầu nguyện. Ông tôi lắng nghe lời thì thầm của bà tôi một lúc, cặp môi mỏng thâm sì trề ra có ý khinh bỉ. Đến lúc uống trà ông tôi càu nhàu:

- Tôi đã dạy bà phải cầu nguyện như thế nào bao nhiêu lần rồi, thế mà bà vẫn cứ nói lẩm bà lẩm bẩm theo ý bà tuốt, đồ dị giáo! Đầu óc cứ như là gỗ ấy! Chúa nào có thể chịu được bà!

- Chúa sẽ hiểu hết, - bà tôi trả lời, vẻ tin tưởng, - bất kì nói với Chúa điều gì, Chúa cũng có thể hiểu....

- Đồ Tsuvaso[1] đáng nguyền rủa! Ôi chao, lũ chúng bay... y... y thật là...

Suốt ngày, lúc nào Chúa cũng ở bên bà tôi, bà tôi nói về Chúa với cả súc vật nữa. Tôi thấy rõ ràng tất cả mọi vật: người, chó, chim muông, ong bướm và cây cỏ đều dễ dàng và ngoan ngoãn phục tùng Chúa của bà tôi. Chúa đối với mọi

[1] Chỉ một dân tộc da vàng sống ở khúc giữa sông Volga về phía Đông Nam Nijni-Novgorod. Người ông dùng từ này với ý nghĩa là: đồ man rợ.

người, mọi vật trên trái đất đều tốt như nhau, đều thân thiết như nhau.

Một hôm con mèo được nuông chiều của mụ chủ quán tha con sáo từ ngoài vườn về. Con mèo này rất ranh, tham ăn và khéo nịnh hót, lông xám, mắt vàng ánh, nó được cả nhà này và mụ chủ quán ưa thích. Bà tôi cầm lấy con chim bị thương và mắng con mèo.

- Mày không sợ Chúa à, đồ tàn ác hèn hạ!

Mụ chủ quán và người gác cổng nghe bà tôi nói liền rũ ra cười, nhưng bà tôi giận dữ quát họ:

- Các người tưởng loài vật không biết Chúa là gì chắc? Mọi sinh vật đều hiểu Chúa không kém gì các người đâu, đồ nhẫn tâm.

Khi thắng con ngựa Sarap béo phì, thấy nó có vẻ buồn buồn, bà tôi trò chuyện với nó:

- Mày là tôi tớ của Chúa, tại sao mày lại buồn? À phải, mày già lắm rồi...

Con ngựa thở dài và lắc đầu.

Mặc dù vậy bà tôi cũng ít nhắc đến Chúa hơn ông tôi. Chúa của bà tôi đối với tôi vẫn thật dễ hiểu và không đáng sợ, nhưng trước mặt Chúa thì không thể nói dối được, làm như thế thật là xấu hổ. Tôi sợ xấu hổ mỗi khi nói dối đến nỗi tôi không bao giờ nói dối bà tôi. Thật ra không thể giấu giếm nổi vị Chúa quá tốt này điều gì và ngay cả ý muốn giấu giếm tôi cũng không có.

Một hôm, mụ chủ quán cãi nhau với ông tôi, mụ chửi ông tôi, tiện mồm chửi luôn cả bà tôi, mặc dù bà tôi không can dự đến vụ cãi nhau này. Mụ chửi một cách độc ác và ném cả củ cà rốt vào người bà tôi.

- Này, thưa bà, bà là một con mẹ ngốc - bà tôi bình tĩnh nói với mụ, còn tôi thì rất tức và quyết định trả thù con mụ tàn ác ấy.

Tôi vò đầu nghĩ mãi để tìm cách trả miếng thật đau cho cái con mụ béo cằm đôi, tóc hoe, chẳng trông thấy cặp mắt híp đâu cả.

Tôi đã được thấy nhiều vụ xích mích giữa những người thuê nhà với nhau. Tôi biết mỗi lần trả thù nhau họ thường làm như sau: cắt đuôi mèo, cho chó ăn bả, đánh chết gà hoặc ban đêm lẻn vào hầm nhà kẻ địch, đổ dầu hỏa vào vại bắp cải và dưa chuột hay mở vòi thùng cvax. Nhưng tất cả những thủ đoạn đó đều chưa vừa ý tôi; cần phải nghĩ ra một kế gì ghê gớm và khủng khiếp hơn thế.

Tôi đã nghĩ ra: rình lúc mụ chủ quán xuống hầm nhà, tôi liền đóng sập cửa hầm và khóa lại. Tôi nhảy điệu múa báo thù trên nắp hầm và vứt chìa khoá lên mái nhà. Xong đâu đấy tôi chạy vội vào nhà bếp với bà tôi. Bà tôi đang nấu ăn, chưa hiểu ngay được nỗi vui sướng của tôi. Khi hiểu rõ câu chuyện, bà tôi liền phết vào đít tôi mấy cái, lôi tôi ra ngoài sân và bắt tôi leo lên mái nhà tìm chìa khóa. Tôi ngạc nhiên về thái độ ấy, lẳng lặng đưa cho bà tôi chiếc chìa khóa và chạy trốn vào một góc sân. Tôi thấy bà tôi giải thoát cho mụ chủ quán bị cầm tù, rồi cả hai người vừa đi ra sân vừa cười có vẻ thân mật.

- Rồi sẽ biết, - mụ chủ quán giơ nắm đấm béo mập dọa tôi, nhưng khuôn mặt béo híp mắt của mụ lại mỉm cười hiền hậu.

Bà tôi nắm lấy cổ áo tôi, dẫn tôi vào bếp và hỏi:

- Tại sao cháu lại làm như thế?

- Tại vì mụ ấy đã ném cà rốt vào người bà...

- Thế nghĩa là vì bà mà cháu giam mụ ấy à? Ra thế đấy! Thằng ranh con, tao sẽ nhét mày xuống hầm lò sưởi với lũ chuột thì mày mới khôn ra được! Cũng đòi bênh vực bà cơ đấy! Các người thử nhìn cái bong bóng này một tý kẻo nó vỡ mất bây giờ! Tao mà kể cho ông nghe thì cứ gọi là ông lột da mày ra cho mà xem! Cút lên gác học bài đi...

Cả ngày bà tôi không nói gì với tôi, nhưng đến tối, trước khi cầu nguyện, bà tôi ngồi ở mép giường và trịnh trọng nói những lời mà tôi không bao giờ quên được:

- Lionca, cháu yêu của bà, cháu hãy nhớ kĩ lấy điều này: cháu không được dây vào việc của người lớn nhé! Người lớn thường hư hỏng. Họ đã bị Chúa thử thách, còn cháu thì chưa, - cháu hãy sống theo sự hiểu biết của trẻ con thôi. Cháu hãy chờ cho đến khi nào Chúa đụng đến tâm hồn cháu, bảo cháu làm gì, chỉ cho cháu con đường của cháu. Cháu hiểu chưa? Còn tìm xem ai có lỗi gì thì đó không phải là việc của cháu. Chúa sẽ xét xử và trừng phạt. Quyền ở Chúa, chứ không phải ở chúng ta!

Bà tôi im lặng một lát, hít thuốc lá, khẽ nheo mắt phải, rồi nói thêm:

- Chính Chúa nhiều khi cũng không thể hiểu được lỗi ở ai nữa.

- Chẳng lẽ Chúa lại không biết được tất cả mọi việc ư? - tôi ngạc nhiên hỏi.

Bà tôi khẽ trả lời, giọng buồn buồn:

- Nếu Chúa biết tất cả thì có lẽ nhiều chuyện người ta đã không làm như thế này. Cháu ạ, chắc là Chúa từ trên thiên đàng nhìn xuống dưới trần thế, xuống tất cả chúng ta, và có lúc Chúa đã phải than khóc: "Các người của ta ơi, các người thân yêu của ta ơi! Ôi, ta thương hại các người lắm!"

Chính bà tôi cũng khóc nức nở rồi không buồn lau cặp má ướt đầm, bà tôi tới luôn góc nhà cầu nguyện.

Từ đấy Chúa của bà tôi đối với tôi lại càng gần gũi và dễ hiểu hơn.

Khi dạy tôi, ông tôi cũng nói rằng Chúa ở khắp mọi nơi, cái gì cũng biết, cái gì cũng thấy, Chúa sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong bất kì việc gì, nhưng ông tôi cầu nguyện không giống bà tôi.

Sáng sớm, trước khi tới góc nhà, đến trước tượng thánh, ông tôi rửa mặt rất lâu. Sau đó ông ăn mặc cẩn thận, chải đầu vuốt râu gọn gàng và soi gương. Sau khi sửa gọn lại chiếc áo sơ mi, cho chiếc khăn quàng đeo vào trong áo gi lê, ông tôi mới rón rén bước tới trước tượng thánh như làm một việc gì thầm vụng. Bao giờ ông tôi cũng dừng lại ở chỗ mắt một tấm ván, giống như mắt ngựa. Ông tôi đứng yên lặng một lúc, cúi đầu, hai tay buông dọc theo người như một người lính. Sau đó ông tôi đứng thẳng, vóc người mảnh khảnh, và nói giọng trang nghiêm:

- "Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần!..."

Tôi cảm thấy sau lời nói ấy, gian phòng bỗng trở nên yên tĩnh lạ thường, - ngay cả ruồi cũng vo ve dè dặt hơn trước.

Ông tôi đứng thẳng, ngẩng đầu, đôi lông mày rậm hơi xếch lên, dựng đứng, bộ râu cằm vàng ánh vểnh ngang ra. Ông tôi đọc kinh mạch lạc như đọc một bài học thuộc lòng trơn tru, giọng vang lên rõ ràng và nghiêm khắc.

- "Chúa Phán Xét sẽ đến, và hành vi của mỗi người sẽ bị bóc trần..."

Ông tôi khẽ đấm vào ngực và van vỉ:

- Con chỉ có tội đối với một mình Chúa thôi, - xin Chúa hãy ngoảnh mặt đi đừng nhìn vào tội lỗi của con..."

Ông tôi đọc "Kinh Lạy Cha" rành rọt từng tiếng một. Chân phải rung rung như lặng lẽ giậm theo nhịp cầu kinh, toàn thân rướn về phía tượng thánh, ông tôi như cao hơn và khô hơn. Trông ông tôi vừa sạch sẽ vừa chỉnh tề, tiếp tục giọng khẩn khoản:

- "Hỡi Đức Mẹ, Người đã sinh ra Đấng Cứu Thế, xin Đức Mẹ hãy làm cho linh hồn con dịu bớt nỗi khổ triền miên! Luôn luôn con dâng Đức Mẹ những tiếng rên rỉ của tim con, xin Đức Mẹ hãy cầu xin cho con!"

Và ông tôi cất cao giọng nữa, cặp mắt xanh đẫm lệ:

- "Lạy Chúa, xin Chúa hãy đánh giá lòng tin của con, chứ đừng để ý đến việc làm của con, vì những việc làm đó không biện hộ nổi cho con!"

Rồi ông tôi làm dấu luôn tay và lúc lắc lia lịa, như muốn húc đầu vào ai, giọng rít lên và nức nở. Sau này đến nhà thờ Do Thái tôi mới hiểu rằng ông tôi cầu nguyện như người Do Thái.

Chiếc xamovar đặt trên bàn đã sôi sùng sục từ lâu. Mùi bánh rán nóng với phó mát tươi tỏa ra khắp phòng, - chúng tôi đã đói! Bà tôi nhăn nhó đứng tựa lưng vào khung cửa và thở dài, mắt nhìn xuống sàn. Ánh mặt trời tươi vui chiếu từ vườn vào cửa sổ; những giọt sương đọng trên cành cây long lanh như ngọc trai, không khí ban mai đượm mùi thìa là, phúc bồn tử và mùi táo chín ngon lành. Nhưng ông tôi vẫn cầu nguyện, người đu đưa, giọng rít lên:

- "Chúa hãy dập tắt ngọn lửa khát vọng của con, vì con là một kẻ khốn khổ và bị nguyền rủa!"

Tôi đã thuộc lòng tất cả những lời cầu nguyện buổi sáng và buổi tối của ông tôi, nên tôi chú ý theo dõi xem ông tôi có lầm lẫn chỗ nào không, có bỏ sót tiếng nào không?

Hiện tượng ấy ít khi xảy ra, nhưng nếu có thì tôi cảm thấy thích thú một cách ác ý.

Cầu nguyện xong, ông tôi nói với tôi và bà tôi:

- Chào bà cháu mày!

Chúng tôi chào lại và cuối cùng ngồi vào bàn. Khi ấy tôi mới nói với ông:

- Hôm nay ông quên mất chữ "hãy đánh giá"!

- Thật không? - ông tôi hỏi, vẻ băn khoăn và hoài nghi.

- Đúng ông quên thật mà! Đáng lẽ phải nói: "Chúa hãy đánh giá lòng tin của con, chứ đừng để ý đến việc làm của con" thì ông lại không nói "hãy đánh giá".

- Thật à! - ông tôi kêu lên, cặp mắt chớp chớp ra vẻ ngượng nghịu.

Sau này ông tôi sẽ tìm cách nào đó để trả thù thật cay đắng vì lời chỉ dẫn đó cho mà xem, nhưng lúc này, nhìn thấy ông tôi lúng túng, tôi đắc ý không thể tả được.

Có lần bà tôi nói đùa:

- Ông này, có lẽ Chúa nghe mãi lời cầu nguyện của ông cũng phát chán, - bao giờ ông cũng lắp đi lắp lại những lời lẽ như nhau thôi.

- Sao-o? - ông tôi nói kéo dài có vẻ giận dữ.-Bà thổ ra cái gì đấy?

- Tôi bảo là từ khi nghe ông cầu nguyện, tôi chưa bao giờ thấy ông nói với Chúa một lời nào thành khẩn từ đáy lòng mình cả!

Ông tôi đỏ bừng mặt, người run lên, nhấp nhổm trên ghế, vừa ném chiếc đĩa con vào đầu bà tôi vừa kêu rít lên như tiếng cưa vấp vào mắt gỗ.

- Cút đi, mụ phù thủy!

Khi kể cho tôi nghe về sức mạnh vô tận của Chúa, bao giờ và trước tiên ông tôi cũng nhấn mạnh đến tính tàn bạo của Chúa: hễ người ta phạm tội là bị dìm chết, nếu còn phạm tội nữa thì bị thiêu chết, thành phố của họ bị phá hủy; Chúa lấy nạn đói và nạn dịch trừng phạt mọi người. Bao giờ Người cũng là thanh kiếm treo trên trái đất, là tai họa đối với kẻ có tội.

- Tất cả những người vi phạm luật lệ của Chúa đều bị trừng phạt, bị đau khổ hoặc bị chết! - ông tôi vừa răn dạy vừa gõ ngón tay xương xẩu lên mặt bàn.

Tôi khó lòng tin được Chúa là người tàn ác. Tôi nghi rằng ông tôi cố tình bịa ra những chuyện ấy để gây cho tôi lòng sợ hãi không phải đối với Chúa, mà là đối với ông tôi. Tôi liền hỏi thẳng:

- Có phải ông nói thế để cháu phải vâng lời ông không?

Ông tôi cũng đáp thẳng:

- Phải đấy! Nếu không, dễ cháu chịu vâng lời ông đấy hẳn?!

- Thế còn bà?

- Cháu đừng tin mụ già ngu dại ấy! - ông tôi nghiêm nghị nói. - Bà mày ngay từ hồi còn trẻ đã ngu dốt, bà không biết chữ lại kém thông minh. Ông sẽ cấm bà nói với cháu về những việc lớn như vậy! Cháu trả lời ông xem nào: có bao nhiêu cấp Thiên thần tất cả và nhiệm vụ của họ ra sao?

Tôi đáp rồi hỏi luôn:

- Thế quan là người thế nào ông nhỉ?

- Ồ, cháu chỉ lẩn quẩn thôi nào! - ông tôi mỉm cười, mắt lim dim. Ông tôi cắn môi suy nghĩ và miễn cưỡng giảng giải:

- Chuyện đó không dính líu gì với chuyện Chúa cả, quan chức là thuộc về người đời! Quan là người ăn pháp luật,[1] họ ăn sống nuốt tươi pháp luật.

- Thế pháp luật là cái gì hở ông?

- Pháp luật là gì à? Đó là những tập quán, - ông tôi nói vui vẻ và hào hứng hơn, cặp mắt thông minh, sắc sảo long lanh. - Người ta sống chung với nhau và vào một hôm nào đó họ thỏa thuận với nhau một điều gì đó tốt nhất, thế là chúng ta lấy cái đó làm tập quán và đặt thành quy tắc, pháp luật! Ví dụ như: trẻ con muốn rủ nhau chơi một trò gì thì trước hết phải thỏa thuận với nhau xem chơi như thế nào, theo những quy tắc nào. Sự thoả thuận như vậy tức là pháp luật.

- Còn quan là thế nào?

- Quan giống như một đứa đểu cáng, hắn vi phạm tất cả luật pháp.

---

[1] Đáng nhẽ nói là "Zakonoved" (nhà pháp luật) thì ông lão lại nói sai là "zakonoed" (người ăn pháp luật).

- Để làm gì hở ông?

- Thôi, chuyện đó thì cháu không thể hiểu nổi đâu! - ông tôi cau mày nghiêm nghị nói, rồi lại răn dạy:

- Chúa ngự trị trên tất cả công việc của mọi người! Người ta muốn thế này thì Chúa lại muốn thế khác. Tất cả mọi thứ của con người đều không bền vững. Chúa chỉ thổi một cái là tất cả tan ra thành tro bụi.

Có rất nhiều nguyên nhân khiến tôi chú ý đến chuyện quan lại nên tôi lại gạn hỏi cặn kẽ:

- Thế sao hôm nọ cậu Iacov lại hát:

Quan của Chúa là thiên thần sáng suốt,
Quan của dân là nô lệ quỷ Xa Tăng!

Ông tôi nâng râu lên, nhâm nhấm nó và nhắm mắt lại, đôi má rung rung. Tôi hiểu rằng ông tôi đang cười thầm.

- Đem trói chân mày với thằng Iacov lại rồi đem quẳng xuống sông cho rảnh! - ông tôi nói. - Cậu mày không nên hát những bài ấy, còn mày cũng không nên nghe. Đó là những lời bông đùa của "những tín đồ cũ" do những người dị giáo, những giáo đồ của phái Rasconnic[1] bịa đặt ra.

Ông tôi có vẻ suy nghĩ và trông về phía xa, không nhìn tôi. Và ông tôi khẽ nói, giọng kéo dài:

- Ôi chao, lũ chúng bay... y... thật là...

Tuy đặt Chúa oai nghiêm lên cao hơn mọi người, nhưng cũng giống như bà, ông tôi cũng mời Chúa tham dự vào mọi công việc, và không những mời Chúa, mà còn mời rất nhiều thánh cùng tham dự. Hình như bà tôi không biết phân đông các thánh, trừ thánh Nicola, Iuri, Fron và Lavro, mặc dù các thánh rất tốt và gần gũi mọi người. Các thánh thường đi

---

[1] Rasconnic là những tín đồ cũ, những người thuộc phái chia rẽ Nga, coi sự cải cách lễ nghi của giáo trưởng Nicon đặt ra năm 1654 là trái với tín ngưỡng thực sự.

khắp xóm làng và thành thị, dự vào sinh hoạt của mọi người và có tất cả đặc tính của người trần. Các thánh của ông tôi hầu hết đều tử vì đạo. Họ đã đánh đổ các tượng thần, chống lại các vua chúa La Mã, và vì vậy mà bị tra tấn, lột da hay thiêu sống.

Có lúc ông tôi ước mơ:

- Giá Chúa giúp tôi bán cái nhà này, dù chỉ được năm trăm bạc lãi thôi, thì tôi sẽ xin làm lễ tạ Thánh Nicola!

Bà tôi cười và bảo tôi:

- Thánh Nicola nào lại đi giúp cái ông lão ngớ ngẩn ấy bán nhà bán cửa kia chứ! Làm như Thánh Nicola không có việc gì tốt hơn nữa hay sao ấy!

Tôi đã giữ cuốn lịch giáo hội của ông tôi rất lâu, trong đó có những dòng chữ viết tay của ông tôi. Ở trang đối diện với ngày kỉ niệm Thánh Joakim và Anna, ông tôi ghi bằng mực đỏ, nét chữ thẳng đứng: "Các vị thánh nhân từ này đã giúp tôi tai qua nạn khỏi".

Tôi nhớ mãi cái "tai nạn" ấy. Vì muốn giúp đỡ các con làm ăn thua thiệt, ông tôi bắt đầu làm cái nghề cho vay nặng lãi và bí mật nhận cầm đồ. Có người nào đó tố cáo, và một đêm cảnh sát đột nhiên ập vào nhà khám xét. Lúc ấy cả nhà thật là ồn ào hỗn loạn, nhưng kết quả mọi việc đều bình yên vô sự. Ông tôi liền cầu nguyện một mạch cho đến khi mặt trời mọc và sáng sớm hôm sau, có tôi ở đấy ông tôi đã ghi những dòng chữ trên vào quyển lịch. Trước bữa ăn tối, hai ông cháu cùng đọc Thánh thi, sách lễ hoặc cuốn sách dày của Efrem Xirin.[1] Ăn xong ông tôi lại cầu nguyện, lời sám hối buồn buồn của ông tôi vang lên hồi lâu trong cảnh yên lặng:

---

[1] Efrem Xirin (306 - 378), nhà thần học người Xiri, học giả của Hội Thánh, tác giả một số lớn những tác phẩm về thần học, những bài kinh và thánh ca.

"Lạy Chúa Cha ở trên Trời, con biết mang gì đến dâng Chúa vì Chúa đời đời hằng có và phép tắc vô cùng... Xin Chúa giữ gìn cho con trước mọi cám dỗ... Xin Chúa che chở cho con trước một số người... Xin Chúa ban cho con nước mắt và nhắc nhở con rằng con là một kẻ phàm trần..."

Trái lại, bà tôi hay nói:

- Ôi, hôm nay tôi mệt quá! Có lẽ tôi đi nằm chứ không cầu nguyện được...

Ông tôi thường dẫn tôi đi nhà thờ vào thứ bảy và ngày lễ để dự lễ tối. Ở nhà thờ tôi đã phân biệt được khi nào người ta cầu nguyện vị Chúa nào: tất cả những lời mà cha cố và phụ lễ đọc là những lời cầu nguyện Chúa của ông tôi, còn ban hát lễ thì bao giờ cũng hát ca ngợi Chúa của bà tôi.

Lẽ dĩ nhiên tôi phân biệt các Chúa rất đơn giản theo con mắt của trẻ con lúc bấy giờ. Tôi nhớ là sự phân biệt đó đã chia đôi tâm hồn tôi làm cho tôi không yên lòng. Chúa của ông tôi đã làm cho tôi vừa ghét vừa sợ. Chúa không yêu ai cả và theo dõi mọi người bằng con mắt nghiêm khắc. Chúa tìm và nhìn thấy ở con người trước tiên là cái xấu, cái độc ác và tội lỗi. Rõ ràng là Chúa không tin ở con người, luôn luôn chờ đợi những lời sám hối và thích trừng phạt.

Dạo ấy những ý nghĩ và tình cảm về Chúa là món ăn tinh thần chủ yếu của tôi, là cái đẹp đẽ nhất trong cuộc sống của tôi, còn tất cả những ấn tượng tàn nhẫn và đê tiện khác chỉ làm cho tôi bị xúc phạm, gây nên một cảm giác ghê tởm và buồn bã. Chúa là cái gì tốt đẹp và trong sáng nhất trong thế giới chung quanh tôi, tôi nói đây là nói Chúa của bà tôi, người bạn hiền của mọi chúng sinh. Tất nhiên có một câu hỏi không thể không làm cho tôi băn khoăn: tại sao ông tôi không nhìn thấy vị Chúa vô cùng tốt lành này nhỉ?

Tôi không được phép ra ngoài phố chơi, vì đường phố hay quá kích động tôi. Không những ấn tượng của đường phố làm cho tôi say, và hầu như bao giờ tôi cũng là thủ phạm của những chuyện om sòm và những hành động bạo ngược. Tôi không kết bạn với ai cả, tụi trẻ con hàng xóm coi tôi như thù địch. Tôi không thích chúng gọi tôi là Casirin, chúng biết thế nên lại càng hay gọi nhau:

- Trông kìa, thằng cháu lão Catsei[1] Casirin đã ra kìa!

- Nện cho nó một trận!

Thế là bắt đầu cuộc ẩu đả.

So với bọn trẻ cùng lứa tuổi thì tôi vào loại khỏe và đánh nhau cũng tài, - chính kẻ địch cũng phải thừa nhận điều đó nên chúng phải kéo bè kéo cánh mới dám tấn công tôi. Nhưng dù sao thì lũ trẻ con hàng phố cũng đè được tôi ra đánh. Mỗi khi về nhà, thường thường tôi bị chảy máu mũi, sứt môi hoặc mặt mày thâm tím, quần áo rách tả tơi và bẻ bết bụi.

Bà tôi đón tôi vẻ sợ hãi, và nói, giọng thương xót:

- Mày lại đánh nhau đấy à, thằng ôn con? Như thế thì còn ra nghĩa lí gì nữa, hả! Mày xem đấy, nếu tao cũng dây vào thì...

Bà tôi rửa mặt cho tôi, đắp miếng bọt bể, đồng xu hoặc miếng băng có tẩm nước chì vào vết bầm rồi khuyên nhủ:

- Tại sao cháu cứ đánh nhau luôn thế? Ở nhà thì cháu hiền lành, thế mà hễ ra đường là khác hẳn! Cháu không biết xấu hổ à? Bà sẽ bảo ông không cho cháu ra đường nữa...

Ông tôi trông thấy những vết tím bầm của tôi, nhưng không chửi rủa bao giờ, chỉ hầm hừ và làu bàu:

- Mày đã lại được đeo mề đay rồi! Tao cấm mày không được chạy ra ngoài đường, nghe không thằng Anica kia![2]

---

[1] Nhân vật trong các truyện cổ Nga, hiện thân của tất cả những sức mạnh chống đối lại con người. Nhân vật này luôn luôn được coi như là bất tử.

[2] Anica là một nhân vật trong thơ của tôn giáo nói về Anica và Thần Chết. Anica cho mình là vô địch, đã chiến đấu đơn độc với Thần Chết và đã thất bại. Trong bạch thoại thường dùng với nghĩa:"Một người bị đau khổ".

Nếu đường phố yên tĩnh, tôi cũng chẳng thiết ra làm gì, nhưng hễ nghe thấy tiếng ầm ĩ vui đùa của lũ trẻ con là tôi chạy ra khỏi sân ngay, mặc dù ông tôi đã ngăn cấm. Những vết bầm và vết sây sát không làm tôi sợ; chính những trò đùa tai ác của lũ trẻ ở phố mà tôi đã quá quen thuộc bao giờ cũng làm tôi phẫn nộ, khiến tôi điên tiết lên. Tôi không thể nào chịu nổi khi lũ trẻ xuýt chó cắn nhau hoặc gà chọi nhau, hành hạ mèo, đuổi dê của người Do Thái, chế giễu những người hành khất say rượu và lão Igosa chất phác, mệnh danh là "Thần Chết trong túi".

Người lão cao gầy gò và đen sạm, quanh năm mặc chiếc áo da cừu nặng trình trịch. Mặt lão xương xẩu, mốc thếch, tóc cứng quèo. Lão lom khom đi ngoài đường phố, bước loạng choạng, không nói không rằng, mắt cứ nhìn chằm chằm xuống đất. Lão có khuôn mặt đanh như gang và cặp mắt buồn buồn nhỏ tí khiến tôi vừa kính trọng vừa sợ hãi. Tôi có cảm tưởng rằng con người này đang loay hoay với một ý nghĩ gì quan trọng, đang tìm kiếm cái gì đó và không được quấy rầy lão.

Bọn trẻ con chạy theo lão và ném đá vào cái lưng gù của lão. Hình như mãi lão không thèm để ý tới bọn chúng và cũng không cảm thấy đau nữa. Nhưng đột nhiên lão đứng dừng lại, ngẩng đầu lên, bàn tay run run sửa lại chiếc mũ lông đội trên đầu rồi nhìn quanh như sực tỉnh dậy.

- Igosa, Thần Chết trong túi! Igosa, đi đâu đấy? Hãy cẩn thận, Thần Chết trong túi ấy! - bọn trẻ kêu ầm lên.

Lão nắm lấy túi, sau đó cúi vội xuống đất nhặt một hòn đá, một thanh gỗ hay một nắm bùn khô. Lão vụng về vung cánh tay dài và lẩm bẩm chửi rủa. Bao giờ lão cũng chỉ dùng có ba tiếng khả ố nhất để chửi, - về mặt này thì nhất định là bọn trẻ hơn hẳn lão. Đôi khi lão đuổi theo bọn chúng, chân đi

khập khiễng, nhưng chiếc áo dài làm lão vướng chân không chạy được. Lão ngã quỵ, bàn tay đen như cành cây khô chống xuống đất. Bọn trẻ con ném đá vào lưng, và sườn lão, những đứa liều lĩnh nhất chạy đến sát người lão và trút vào đầu lão một nắm cát rồi bỏ chạy.

Một ấn tượng khác ở ngoài phố có lẽ còn nặng nề hơn, đó là bác thợ cả Grigori Ivanovitr. Bây giờ bác mù hẳn phải đi ăn xin. Bác cao lớn, chững chạc và câm lặng. Một mụ già nhỏ bé trông toàn một màu xám dắt tay bác. Mụ dừng lại dưới cửa sổ các nhà, không bao giờ nhìn thẳng, và cất giọng the thé kêu van:

- Vì Chúa, xin các ông các bà hãy bố thí cho kẻ mù lòa đói khát...

Còn bác Grigori thì đứng im lặng. Cặp kính râm của bác như nhìn thẳng vào tường nhà, vào cửa sổ và bộ mặt những người qua lại. Bác khẽ đưa cánh tay bị thuốc nhuộm ăn lên vuốt bộ râu xồm, nhưng cặp môi bác vẫn mím chặt lại. Tôi thường trông thấy bác luôn, nhưng không hề nghe thấy một tiếng nào thốt ra từ cái mím miệng chặt ấy. Sự im lặng của ông già đã làm cho tôi rất khổ tâm. Tôi không thể nào lại gần bác, không bao giờ đến gần bác. Trái lại, vừa trông thấy bác là tôi chạy vội về nhà bảo bà tôi:

- Bác Grigori đang đi ở ngoài đường!

- Thật à? - bà tôi kêu lên với giọng thương hại và lo âu. - Cháu cầm lấy cái này chạy mau ra đưa cho lão!

Tôi từ chối, vẻ cục cằn và tức giận. Bà tôi bèn đi ra cổng và đứng ở vỉa hè nói chuyện với bác hồi lâu. Bác mỉm cười, chòm râu rung rung, nhưng bác nói rất ít và nhát gừng.

Thỉnh thoảng bà tôi mời bác vào bếp, cho bác ăn uống. Có lần bác hỏi tôi đâu. Bà tôi gọi, nhưng tôi chạy nấp vào đống củi. Tôi không thể đến gần bác được; đứng trước mặt bác tôi

cảm thấy xấu hổ không chịu nổi. Tôi biết bà tôi cũng xấu hổ như vậy. Chỉ có một lần tôi nói chuyện với bà tôi về bác Grigori. Sau khi tiễn bác ra cổng, bà tôi lững thững quay vào sân, cúi đầu và khóc sụt sịt. Tôi lại gần và cầm lấy tay bà.

- Tại sao cháu lại chạy trốn lão? - bà tôi khẽ nói. - Lão yêu cháu, lão là một người rất tốt mà...

- Thế tại sao ông không nuôi bác ấy hở bà? - tôi hỏi lại.

- Ông ấy à?

Bà tôi đứng lại, ôm ghì lấy tôi, nói với giọng tiên tri, gần như thì thầm:

- Cháu hãy nhớ lấy lời bà: Chúa sẽ trừng phạt ông bà một cách phũ phàng về tội đã đối xử với con người này như vậy! Nhất định sẽ trừng phạt...

Bà tôi nói quả không sai. Khoảng mười năm sau, khi bà tôi đã vĩnh viễn yên nghỉ, chính ông tôi hóa điên đã đi ăn xin khắp các đường phố, van xin thảm thiết dưới cửa sổ các nhà.

- Các bác đầu bếp phúc đức ơi, xin các bác một miếng bánh, một mẩu bánh ngọt thì hơn! - Ôi chao, lũ các người-i-i thật là...

Tôi chỉ còn nhớ mỗi cái câu chua xót, kéo dài và kích động lòng người của ông tôi trước đây:

- Ôi chao, lũ chúng bay...y...y thật là...

Ngoài Igosa và Grigori Ivanovitr ra, có một mụ đàn bà phóng đãng khiến tôi không dám ra phố đó là mụ Voronikha. Cứ đến ngày lễ là mụ lại xuất hiện, to lớn, tóc rối bù và say bí tỉ. Mụ có lối đi rất đặc biệt như không động đậy chân, không chạm đất, mà chuyển động như một đám mây đen, mụ vừa đi vừa nghêu ngao những bài hát tục tĩu. Tất cả mọi người gặp mụ đều lẩn tránh vào các cổng nhà, góc tường hoặc cửa hiệu. Mụ đi đến đâu là như quét sạch người đến đấy. Mặt mụ xanh xám, sưng húp như một cái bong

bóng, cặp mắt xám to tướng tròn xoe nom thật buồn cười và khủng khiếp. Có lúc mụ vừa khóc vừa kêu:

- Các con ơi, các con ở đâu?

Tôi hỏi bà tôi xem tại sao mụ lại nói như thế.

- Cháu không nên biết chuyện đó! - bà tôi trả lời vẻ rầu rĩ. Nhưng dù sao bà tôi vẫn kể vắn tắt: mụ ta trước đây lấy một lão viên chức tên là Voronov. Tên này muốn được thăng quan tiến chức liền đem hiến vợ cho một tên quan trên của mình. Hắn đem mụ đi đâu không rõ. Mụ đi biệt nhà hai năm liền. Khi trở về thì hai đứa con của mụ - một trai và một gái - đều chết cả, còn chồng mụ vì lấy tiền nhà nước đi đánh bạc, thua cả nên bị bỏ tù. Thế là mụ khổ tâm quá đâm ra rượu chè, thích sống phóng đãng và hay phá rối. Mỗi ngày lễ cứ đến tối là cảnh sát lại lôi mụ về...

Ở trong nhà quả thật tốt hơn ra ngoài phố. Tôi thích nhất những giờ sau bữa ăn trưa, khi ông tôi đến xưởng nhuộm của cậu Iacov, bà tôi ngồi bên cửa sổ kể cho tôi nghe những chuyện cổ tích rất hay và những chuyện khác, hoặc nói về chuyện bố tôi.

Bà tôi cắt cái cánh gẫy của con sáo mà hôm trước bà tôi giằng lại được ở con mèo, thay rất khéo cái chân gẫy của nó bằng một cái chân gỗ nho nhỏ. Sau khi chữa cho con chim khỏi, bà tôi dạy nó nói. Có lúc bà tôi đứng hàng giờ trước cái lồng treo ở khung cửa sổ, trông giống như một con thú to lớn và hiền từ. Giọng trầm trầm, bà tôi nhắc đi nhắc lại cho con chim đen như hòn than có tài bắt chước thật nhanh:

- Nào, nói đi: "Cho sáo ăn bột!"

Con sáo giương cặp mắt tròn xoe và linh hoạt của một nhà khôi hài nhìn bà tôi. Nó nhảy bằng cái chân gỗ trên đáy chiếc lồng mảnh dẻ, vươn cổ ra hót như con chim vàng anh, bắt chước chim cà cưỡng, chim cu, nó cố làm giọng mèo kêu, bắt chước tiếng chó sủa, nhưng vẫn chưa nói được tiếng người.

- Mày đừng có làm trò ranh nữa! - bà tôi nghiêm trang nói với con sáo. - Nói đi: "Cho sáo ăn bột".

Con khỉ có bộ lông chim đen kêu lên một tiếng chói tai, giống giống như lời bà tôi dạy nó. Bà tôi cười vui vẻ, giơ đầu ngón tay chìa cho con chim một chút bột mạch và nói:

- A, Tao biết mày rồi, đồ láu cá, mày giả vờ. Cái gì mày cũng nói được, cái gì mày cũng biết!

Thế là bà tôi dạy được cho con sáo biết nói. Ít lâu sau, nó đòi ăn bột khá sõi, và hễ thấy bà tôi là nó kêu lên một tiếng kéo dài giống như tiếng "tà-ào-bà-ạ..."

Lúc đầu lồng sáo treo ở phòng ông tôi, nhưng chẳng bao lâu ông tôi đuổi nó lên gác áp mái nhà với bà cháu tôi, vì con sáo đã học được cách trêu tức ông tôi. Lúc nào ông tôi đọc kinh mạch lạc thì con chim lại thò cái mỏ vàng vàng như sáp ong qua kẽ lồng vã rít lên:

- Tiu, tiu-tiu irr, tu irr, tiu-u,u!

Ông tôi bực mình lắm. Một hôm ông tôi nổi nóng ngừng cầu nguyện, giậm chân và thét lên dữ dội:

- Tống ngay con quỷ này đi, không tao giết chết nó bây giờ!

Trong nhà có nhiều cái thú vị, nhiều trò vui, nhưng thỉnh thoảng một nỗi buồn không sao chịu nổi bóp nghẹt tâm hồn tôi. Toàn thân tôi như bị một cái gì nặng đè lên và tôi có cảm tưởng như mình sống khá lâu dưới một cái hố đen sâu thẳm. Tôi như mất hết cả thị giác, thính giác và mọi cảm giác, mù lòa và sống dở chết dở...

VIII

Ông tôi đột nhiên bán ngôi nhà cho lão chủ quán, sau khi tậu một ngôi nhà khác ở phố Canatnaia. Phố này không lát

đá, đầy cỏ mọc, sạch sẽ và yên tĩnh, chạy thẳng ra cánh đồng, hai bên có những dãy nhà nhỏ, sơn màu đỏ tươi tắn.

Ngôi nhà mới tao nhã và đáng yêu hơn ngôi nhà cũ. Mặt chính diện sơn màu đỏ thẫm nồng ấm và thanh bình, ba chiếc cửa sổ màu xanh da trời và một chiếc cửa sổ gác thượng có chấn song nổi bật trên nền đỏ. Mái nhà bên trái có bóng cây du và bồ đề xum xuê phủ lên trên rất đẹp mắt. Ngoài sân và trong vườn có nhiều xó xỉnh thuận lợi hình như cốt dùng để chơi trò ú tim. Đẹp nhất là khu vườn, tuy nhỏ, nhưng cây cối rậm rạp và chằng chịt thú vị. Ở góc khác có cái hố to khá sâu mọc đầy cỏ dại, từ đám cỏ nhô lên những thanh gỗ to cháy dở, đó là vết tích của căn nhà tắm bị cháy trước đây. Phía bên trái khu vườn là vách chuồng ngựa của nhà viên đại tá Ovxiannicov, phía bên phải là toà nhà của Betleng. Phía trong cùng khu vườn tiếp giáp với nhà cửa vườn tược của mụ bán sữa Pet'rovna, một mụ béo như cái chuông có nước da đỏ hồng và tính nết ồn ào. Ngôi nhà nhỏ của mụ thấp lè tè trên mặt đất, vừa tối om vừa cũ kĩ, rêu phong phủ kín. Hai chiếc cửa sổ hiền lành nhìn ra bãi rộng có những khe sâu và những khu rừng xa xa trông như những đám mây xanh nặng trĩu. Suốt ngày bọn lính tráng chạy ngược chạy xuôi ở ngoài bãi; lưỡi lê sáng loáng với ánh nắng xiên của mặt trời mùa thu.

Ngôi nhà này chật ních những người mà tôi chưa bao giờ thấy. Nửa phía trước có một lão nhà binh già người Tacta ở cùng với mụ vợ béo lùn; mụ này léo nhéo suốt từ sáng đến tối. Mụ cười cười nói nói luôn mồm, hay chơi cây đàn ghi ta trang hoàng lộng lẫy và thường cất giọng lanh lảnh hát một bài ca sôi nổi:

Yêu một nàng chưa thỏa,
Nên kiếm thêm một ả!
Phải biết tìm mới xong.

Nếu anh đi đúng đường
Tức khắc có phần thưởng,
Phần thưởng chờ đợi anh
Ôi, phần thưởng ngon-ơn lành!

Lão nhà binh người cũng béo tròn như quả cầu ngồi bên cửa sổ, khuôn mặt xám xanh căng phồng lên. Lão vui vẻ đảo đi đảo lại cặp mắt màu hung, hút liên miên tẩu thuốc và ho nghe kì quái như tiếng chó sủa:

- Vúc, vúc, vúc...

Trong một gian buồng nhỏ ấm áp ở phía trên hầm nhà và chuồng ngựa có hai người đánh xe ngựa ở; một người bé nhỏ tóc xám, đó là bác Piot, và đứa cháu cậm của bác là Xtiepa, một chàng trai có nước da bóng lộn và khuôn mặt giống như cái khay bằng đồng đỏ. Ngoài ra, anh lính cần vụ Valei cũng ở đó. Anh ta là người Tacta, thân hình cao lêu nghêu, tính tình không được vui vẻ. Tất cả những con người này đều mới lạ đối với tôi và hình như có rất nhiều điều bí ẩn.

Nhưng đặc biệt có bác ở trọ "Tốt Lắm" đã lôi cuốn được tôi. Bác thuê gian phòng dài về phía sau ngôi nhà, cạnh bếp, có hai cửa sổ trông ra vườn và ra sân.

Bác gầy còm, lưng gù, khuôn mặt trắng bệch, bộ râu đen sì tẽ ra làm đôi, cặp mắt đeo kính trông rất hiền từ. Bác lầm lì ít người để ý đến. Mỗi khi mời bác ăn trưa hay uống trà, bao giờ bác cũng đáp:

- Tốt lắm!

Thế là có mặt hay vắng mặt bác, bà tôi đều gọi bác là "Tốt Lắm".

- Lionca, cháu đi gọi bác Tốt Lắm tới uống trà! Bác Tốt Lắm, tại sao bác xơi ít thế?

Khắp phòng bác chất ngổn ngang hòm xiểng cùng những

cuốn sách dày in thứ chữ lạ, không phải chữ Nhà thờ.[1] Chỗ nào cũng thấy những chai nước đủ các màu, những mảnh đồng và sắt, những thỏi chì. Suốt từ sáng đến tối bác mặc chiếc áo da màu hung đỏ, chiếc quần xám kẻ ô vuông. Toàn thân bác bê bết những màu và bốc ra một mùi khó chịu. Đầu tóc bác rối bù, dáng điệu vụng về. Bác nấu chì, hàn những mảnh đồng, vừa cân những cái gì trên chiếc cân nhỏ tí vừa làu bàu. Mỗi lần bị bỏng, bác rống lên như bò, vội vàng thổi vào đầu ngón tay. Thỉnh thoảng bác lại sẩy chân khi đi về phía những bức đồ án treo trên tường. Sau khi lau kính, bác ngửi những bức đồ án. Chiếc mũi mảnh dẻ, thẳng và trắng bệch của bác gần như dụng vào tờ giấy. Đôi khi đột nhiên bác dừng lại giữa phòng hay bên cửa sổ và đứng đó hồi lâu, mắt nhắm lại, mặt ngẩng lên; bác đứng im lặng như một bức tượng gỗ.

Tôi trèo lên mái nhà kho và nhìn xuống sân theo dõi bác qua chiếc cửa sổ để ngỏ. Tôi thấy ngọn lửa xanh của chiếc đèn cồn đặt trên bàn và cái thân hình đen đen của bác đang viết gì đó trong cuốn vở nhàu nát; cặp kính của bác ánh lên màu xanh nhạt và lạnh lùng như những mảnh băng. Công việc phù thủy của con người này đã giữ tôi hàng giờ trên mái nhà, và khêu gợi lòng hiếu kì của tôi thêm sôi sục.

Đôi lúc bác đứng trong khung cửa sổ, hai tay chắp sau lưng, nhìn thẳng lên mái nhà, làm như không nhìn thấy tôi; cái đó khiến tôi rất bực mình. Đột nhiên bác gập đôi người lại, nhảy về phía bàn và lục lọi cái gì đó.

Tôi nghĩ nếu bác giàu có và ăn mặc sang trọng, thì tôi cũng sợ bác đấy. Nhưng bác rất nghèo: cổ áo sơ mi bẩn thỉu và nhàu nát của bác lòi ra ngoài cổ áo vét, chiếc quần vá đầy

[1] Đây chỉ là những cuốn sách in bằng chữ Nga. Vào thời ấy Alecxei chỉ biết có chữ cái Xlav cổ rất khác với chữ cái Nga. Tiếng Xlav cổ là tiếng của Nhà thờ, còn tiếng Nga dành cho các tác phẩm phi tôn giáo.

vết bẩn, bác đi đôi giày vải mòn vẹt không có bít tất. Những người nghèo đều không đáng sợ và cũng không nguy hiểm; thái độ thương xót của bà tôi và thái độ khinh bỉ của ông tôi đối với họ đã vô tình làm cho tôi tin điều đó.

Mọi người trong nhà không ai ưa thích bác Tốt Lắm, cả nhà nói về bác với vẻ chế giễu. Mụ vợ vui tính của lão nhà binh gọi bác là "cái mũi bằng phấn", bác Piot gọi bác là "dược tễ sư và thầy phù thủy", ông tôi gọi bác là "yêu thuật sư" và "facmaxon".[1]

- Bác ấy làm gì thế hở bà? - tôi hỏi bà tôi. Bà tôi nghiêm khắc đáp lại:

- Không phải việc của mày; im mồm đi...

Một hôm tôi đánh bạo tới gần cửa sổ nhà bác và hỏi, cố giấu nỗi hồi hộp trong lòng:

- Bác làm gì đấy?

Bác giật mình, nhìn tôi hồi lâu qua vành mắt kính và giơ cánh tay đầy vết lở loét và sẹo vì bỏng về phía tôi, rồi nói:

- Trèo vào đây...

Bác không mời tôi vào qua cửa, mà bảo tôi trèo qua cửa sổ, điều đó làm cho tôi càng cảm thấy mến phục bác hơn. Bác ngồi xuống chiếc hòm, đặt tôi ngồi trước mặt, lúc thì đẩy tôi lui ra xa, lúc thì lại kéo dịch lại gần và cuối cùng bác hỏi khẽ:

- Cháu ở đâu đến thế?

Câu hỏi đó thật là kì quặc, vì một ngày bốn bận tôi ngồi ăn trong bếp bên cạnh bác! Tôi đáp:

- Cháu là cháu của ông bà nhà này...

- A, phải rồi, - bác vừa nói vừa nhìn ngón tay mình rồi im lặng.

Lúc đó tôi thấy cần phải nói cho bác rõ:

---

[1] Nói chệch chữ frangmaxon (hội viên hội Tam điểm).

- Cháu không phải trong họ Casirin, mà là trong họ Pescov.

- Pescov[1]? - bác nhắc lại không đúng trọng âm. - Tốt lắm.

Bác đẩy tôi lui sang một phía rồi đứng dậy, vừa đi lại bàn vừa nói:

- Thôi, cháu hãy ngồi yên nhé...

Tôi ngồi rất lâu xem bác lấy cái dũa, dũa miếng đồng cặp chặt trong mỏ cặp, mạt đồng vàng ánh rơi xuống miếng bìa cứng. Bác bốc một vốc mạt đồng bỏ vào cái tách dày, cho thêm vào đó một ít bột trắng như muối đựng trong cái lọ con rồi rót vào một chất gì ở trong cái chai đen thẫm. Trong tách có tiếng nổ lép bép, khói bốc lên, mùi hăng hăng xộc vào mũi tôi. Tôi ho, lắc đầu, nhưng bác phù thủy ấy lại hỏi tôi với vẻ khoe khoang:

- Mùi khó ngửi à?

- Vâng!

- Đúng rồi! Cái đó rất tốt, cháu ạ!

"Có thế mà cũng khoe!" - tôi nghĩ bụng và nghiêm khắc nói :

- Nếu đã là mùi khó ngửi thì không tốt rồi...

- Thế à? - bác thốt lên và nháy mắt - Nhưng, cháu ạ, điều ấy không phải bao giờ cũng đúng! Thế cháu có biết chơi xương[2] không?

- Có ạ.

- Cháu có muốn bác làm cho một bộ bằng chì không? Loại ấy đấu thì tốt lắm!

- Có ạ.

- Thế thì cháu hãy mang tới đây một bộ xương mẫu nhé!

Bác lại đến gần chỗ tôi, vừa cầm chiếc tách bốc khói trong tay vừa liếc nhìn vào đó, bác đến trước mặt tôi và nói:

---

[1] Đáng lẽ phải nhấn vào chữ *cov* thì bác Tốt Lắm lại nhấn vào chữ *Pe*.

[2] Trò chơi làm bằng những xương nhỏ.

- Bác sẽ làm cho cháu một bộ xương bằng chì, nhưng sau đó cháu đừng tới chỗ bác nữa. Đồng ý không?

Lời nói đó làm tôi rất bực mình.

- Chẳng phải thế cháu cũng sẽ không bao giờ đến đây nữa...

Tức mình, tôi ra vườn. Ông tôi đang loay hoay bón phân vào các gốc táo. Đang là mùa thu, lá cây đã rụng từ lâu.

- Lại đây, cháu xén cây phúc bồn tử đi, - ông tôi nói và đưa kéo cho tôi.

Tôi hỏi ông:

- Bác Tốt Lắm đang làm cái gì thế hở ông?

- Ông ta làm hỏng cả căn phòng, - ông tôi đáp với vẻ tức giận. - Làm cháy thủng cả sàn, bôi bẩn, làm bong cả giấy bồi tường. Ông sẽ bảo ông ta dọn đi nơi khác mà ở!

- Cần phải làm như thế mới được, - tôi tán thành và bắt đầu xén những cành phúc bồn tử héo khô.

Nhưng tôi nói câu ấy quá vội vàng.

Những buổi tối mưa gió, nếu ông tôi vắng nhà bà tôi thường tổ chức những buổi họp mặt vô cùng thú vị ở nhà bếp. Bà tôi mời tất cả mọi người trong nhà tới uống trà: hai bác cháu người đánh xe ngựa, anh lính cần vụ, mụ Pet'rovna lúc nào cũng hoạt bát, đôi khi cả mụ vợ vui tính của lão nhà binh cũng đến, và bác Tốt Lắm bao giờ cũng đứng lì ở một góc gần lò sưởi, bác không nhúc nhích. Anh chàng câm Xtiepa chơi bài với Valei; anh lính cần vụ người Tacta lấy quân bài đét vào chiếc mũ to bè của chàng câm và nói:

- As saitan![1]

Bác Piot thường đem đến một chiếc bánh mì trắng lớn và mứt "hạt quỳ" đựng trong một cái lọ lớn bằng sành. Bác cắt bánh mì ra thành từng khoanh, phết đầy mứt lên từng miếng

[1] "A, đồ ma quỷ".

rồi đặt những miếng bánh đỏ thắm ngon lành đó trên lòng bàn tay và cúi mời từng người một.

- Xin mời! - bác mời với giọng rất dịu dàng. Khi người ta đã cầm lấy bánh, bác chú ý nhìn lòng bàn tay đen sì của mình và nếu thấy một giọt mứt nào ở đó lập tức bác thè lưỡi liếm sạch.

Còn mụ Pet'rovna thì mang đến một chai rượu anh đào, mụ vợ vui tính của lão nhà binh thì mang hồ đào và kẹo đến. Thế là một bữa tiệc lớn bắt đầu. Bà tôi rất thích những cuộc vui như thế.

Ít lâu sau kể từ ngày bác Tốt Lắm mặc cả với tôi để tôi không đến thăm bác nữa, bà tôi tổ chức một tối vui như vậy. Ngoài trời mưa thu đổ xuống ào ào không ngớt, gió rít lên, cây cối xào xạc, cành cây quất sây sát cả tường. Trong nhà bếp ấm cúng, rất dễ chịu. Cả nhà ngồi quây quần bên nhau, mọi người đều yên lặng một cách đặc biệt thoải mái. Hôm đó, bà tôi hào hứng kể rất nhiều những chuyện cổ tích, càng nghe càng thấy hay.

Bà ngồi ở mép lò sưởi, dựa chân vào bậc lên, và cúi xuống chỗ đám người được ánh lửa của chiếc đèn con bằng sắt tây rọi sáng. Thường bao giờ cũng vậy, mỗi khi cao hứng bà thường trèo lên lò sưởi và giảng giải:

- Tôi phải nói từ trên cao xuống. Nói từ trên cao xuống vẫn tốt hơn.

Tôi ngồi bên chân bà tôi, trên một bậc rộng, gần như ở trên đầu bác Tốt Lắm. Bà tôi kể một câu chuyện rất hay về dũng sĩ Ivan và nhà ẩn sĩ Miron. Những lời ngọt ngào, xác đáng của bà tôi nhịp nhàng tuôn ra:

Xưa có viên tướng[1] dữ Gordion,
Lòng dạ tối tăm, tim rắn như đá,

[1] Người chỉ huy quân đội hay tổng đốc một tỉnh của nước Nga thời xưa.

Ghét sự thật, hắn ưa trò hành hạ,
Sống hung tàn như con cú hốc cây.
Hắn điên cuồng ghét đắng ghét cay
Nhà ẩn sĩ Miron bất khuất -
Người bảo vệ thiện căn và sự thật,
Người một lòng vì thiên hạ quên mình.
Viên tướng sai tên đày tớ trung thành
Là Ivanusca - dũng sĩ:
- Ivanco, ngươi hãy mang gươm quý
Đi chém đầu lão Miron kiêu ngạo cho ta,
Rồi tóm râu đem đầu lão về nhà,
Ta sẽ quăng cho chó nhá!
Dũng sĩ Ivan tuân lệnh chủ
Vừa đi vừa suy nghĩ buồn rầu:
"Việc này nào ta có muốn đâu?
Cưỡng sao được lệnh quan trên phán bảo?"
Ivan giấu thanh gươm sau vạt áo
Đến cúi chào nhà ẩn sĩ Miron:
- Chào hiền nhân, bác có khỏe không?
Chửa vẫn ban ơn cho bác chứ?
Nhà tiên tri mỉm cười tư lự
Trả lời y bằng lời lẽ sâu xa:
- Thôi đủ rồi, hỡi Ivanusca,
Ngươi che giấu làm gì sự thật?
Mọi việc trên đời Chúa đều biết tất,
Điều dữ, điều lành Người nắm trong tay.
Ta đã biết vì sao ngươi đến nơi này!
Nghe dứt lời, Ivanca xấu hổ,
Nhưng y không dám cưỡng lời sai của chủ,
Bèn rút gươm ra khỏi bao da,

Lấy vạt lau, gươm sáng chói lòa.
- Bác Miron tôi muốn giết bác
Sao cho bác khỏi thấy thanh gươm sắc,
Nhưng không ngờ bác đã biết trước rồi.
Vậy bây giờ bác cầu Chúa đi thôi,
Bác hãy cầu nguyện Người lần cuối
Cho bác, cho tôi, cho cả loài người.
Cầu nguyện xong tôi sẽ chặt đầu!...
Ông già Miron không chút lo âu,
Lặng lẽ quỳ dưới cây sồi non trẻ,
Cây sồi nghiêng mình chào nhà ẩn sĩ,
Ông già cười hiền hậu, bảo Ivan.
- Này Ivan, ngươi hãy coi chừng,
Lời cầu nguyện cho loài người dài lắm!
Tốt hơn hết đừng đợi chờ quanh quẩn,
Đỡ mất công ngươi cứ giết ta ngay.
Dũng sĩ Ivan giận dữ cau mày
Và thốt lên lời khoe khoang ngu ngốc:
- Tôi chờ hàng trăm năm vẫn được!
Bác cứ cầu nguyện đi, tôi đã nói là làm!
Nhà ẩn sĩ cầu nguyện đến hoàng hôn,
Rồi từ hoàng hôn đến rạng sáng,
Lại từ sáng đến nửa đêm thanh vắng,
Từ mùa hè cầu nguyện đến mùa xuân.
Ngày tháng qua, năm nối tiếp năm,
Cây sồi non đã vươn lên trời thẳm,
Quả sồi rụng đã mọc thành rừng rậm,
Mà lời cầu thiêng liêng vẫn cứ còn vang!
Cho tới ngày nay lời cầu nguyện vẫn còn,
Ông già vẫn thở than cùng Chúa:
Xin Chúa hãy giúp người nghèo khổ,

Xin Đức mẹ ban niềm vui sướng cho loài người.
Còn dũng sĩ Ivan vẫn đứng,
Lưỡi gươm sắc đã từ lâu thành bụi,
Binh giáp gỉ tiêu, áo quần tàn lụi,
Hè qua đông, Ivan đứng trần truồng.
Nắng đốt thiêu, y vẫn đứng vững vàng,
Muỗi hút máu, nhưng không sao cạn,
Chó sói, gấu rừng không bén mảng.
Giá băng, bão tuyết cũng không gần.
Chính y cũng không nhấc nổi bước chân,
Giơ không nổi tay, nói không nghe rõ,
Chúa đã trừng phạt y như vậy đó!
Hình phạt của y đã rõ ràng:
Không được tuân theo lệnh bất lương,
Không được nấp sau lương tâm kẻ khác!
Còn lời cầu của ông già ẩn dật,
Đến giờ đây còn văng vẳng tới Chúa Trời,
Như một dòng sông trong vắt chảy ra khơi,
Lời cầu nguyện cho chúng ta còn sống mãi!

Ngay từ lúc bà tôi bắt đầu kể chuyện, tôi đã thấy bác Tốt Lắm có điều gì băn khoăn: hai tay bác cứ giật giật một cách lạ lùng, khi thì bác bỏ kính ra, khi thì đeo kính vào, khi thì vung vẩy theo nhịp điệu những lời nói du dương. Bác gật đầu, lấy đầu ngón tay khẽ ấn chặt lên mi mắt và luôn luôn dùng lòng bàn tay lau vội trán và má như là mồ hôi toát ra đầm đìa. Khi có người nào đấy động đậy, ho hoặc lê chân, bác lại khẽ kêu lên giọng nghiêm khắc:

- Suyt!

Lúc bà tôi vừa kể hết, bác đứng phắt dậy, vung vẩy tay và quay cuồng một cách không tự nhiên rồi lẩm bẩm:

- Các người nên biết, chuyện đó thật tuyệt, cần phải ghi lại, nhất định là phải ghi! Chuyện đó rất thực, đúng là chuyện của nước ta...

Bây giờ rõ ràng là bác khóc, cặp mắt bác đầy lệ; lệ tuôn ra khắp xung quanh, cặp mắt tắm trong nước mắt. Cái đó thật kì lạ và trông rất đáng thương. Bác chạy đi chạy lại khắp nhà bếp, nhảy nhót trông vụng về và buồn cười. Bác vung vẩy kính trước cái mũi của bác, bác muốn đeo vào mắt, nhưng không làm sao móc nổi gọng kính vào tai. Bác Piot mỉm cười; và nhìn bác, tất cả mọi người ngượng ngùng im lặng, còn bà tôi thì nói vội vã:

- Xin cứ việc ghi, cái ấy không có tội lỗi gì cả. Loại chuyện như vậy tôi còn biết khối...

- Không, chính câu chuyện này cơ! Chuyện này mới thực sự là của người Nga. - bác Tốt Lắm kêu lên vẻ xúc động. Đột nhiên bác dừng lại ở giữa nhà bếp và bắt đầu nói to, tay phải lia trong không khí, tay trái cầm chiếc kính run run. Bác nói rất lâu, giọng rít lên giận dữ. Bác khẽ giậm chân, luôn luôn nhắc đi nhắc lại độc có một câu:

- Không được sống theo lương tâm kẻ khác, phải, phải!

Sau đó đột nhiên giọng bác đứt quãng, bác im lặng nhìn tất cả mọi người và lặng lặng đi ra, đầu cúi gầm có vẻ hối lỗi. Mọi người đều mỉm cười, ngượng nghịu nhìn nhau. Bà tôi lùi sâu vào bóng tối phía trong lò sưởi, và thở dài một cách nặng nề.

Mụ Pet'rovna lấy tay lau cặp môi dày và đỏ rồi hỏi:

- Hình như bác ấy nổi nóng thì phải?

- Không phải, - bác Piot đáp. - Tính bác ấy thế đấy.

Bà tôi tụt xuống khỏi lò sưởi và lặng lẽ đun lại ấm xamovar, còn bác Piot thong thả nói:

- Những người như vậy toàn là những người tính khí bất thường!

Valei càu nhàu, vẻ khó chịu:

- Những kẻ chưa vợ thường hay vớ vẩn như vậy đấy!

Mọi người đều cười, nhưng bác Piot vẫn tiếp tục nói, giọng kéo dài:

- Đến nỗi phải khóc cơ à... Rõ ràng trước kia là một con cá măng, bây giờ thì chỉ còn là một con cá bống, mà chưa chắc...

Tôi cảm thấy buồn rầu, sự chán nản ở đâu đến đè nặng lên tâm hồn tôi. Bác Tốt Lắm làm cho tôi rất ngạc nhiên, tôi thấy thương hại bác quá, - cặp mắt đầm đìa lệ của bác như hiện lên rất rõ trước mặt tôi.

Đêm hôm ấy bác không ngủ ở nhà. Ngày hôm sau, sau bữa ăn trưa bác mới trở về. Quần áo nhàu nát hết cả, bác đã bình tĩnh lại và trông bác rõ ràng có vẻ ngượng nghịu:

- Hôm qua cháu đã làm ồn lên, - bác nói với bà tôi, vẻ hối lỗi như đứa trẻ con. - Cụ không giận chứ?

- Giận cái gì cơ?

- Giận cháu đã can thiệp vào những việc không dính líu đến cháu, đã nói quá lời!

- Bác không làm ai bực mình cả...

Tôi cảm thấy bà tôi sợ bác, không nhìn thẳng vào mặt bác và nói rất khẽ, giọng khác thường.

Bác tới sát bên bà tôi và nói rất tự nhiên:

- Cụ xem, cháu đơn độc một cách đáng sợ, cháu chẳng có một ai thân thiết cả! Im lặng, im lặng mãi, rồi đột nhiên trong lòng cứ như sôi sục và bùng ra... Lúc đó cháu sẵn sàng nói với cả hòn đá, cái cây...

Bà tôi lùi lại để tránh xa bác ra.

- Bác phải lấy vợ đi...

- Ôi! - bác thốt lên, nhăn mặt lại, xua tay rồi đi ra.

Bà tôi cau mày nhìn theo bác, hít một hơi thuốc lá và sau đó nghiêm khắc cấm tôi:

- Cháu coi chừng, không được quẩn quanh gần bác ấy; có mà trời biết được bác ta là người như thế nào...

Nhưng tôi lại bị bác lôi cuốn.

Tôi đã nhìn thấy sắc mặt bác biến đổi như thế nào khi bác nói câu "cháu đơn độc một cách đáng sợ". Trong lời nói đó có cái gì dễ hiểu đối với tôi, làm tôi cảm động và tôi đã tìm đến bác.

Tôi từ ngoài sân nhìn vào cửa sổ phòng bác; gian phòng trống trải và giống như gian nhà kho trong đó người ta ném vội vàng và bừa bộn những đồ vật linh tinh vô dụng, chúng cũng vô dụng và kì quái như chủ nhân chúng vậy. Tôi đi ra vườn và nom thấy bác ở đó. Lưng lom khom, tay ôm đầu, khuỷu tay chống vào đầu gối; bác ngồi chênh vênh ở đầu một cây gỗ bị cháy sém. Cây gỗ này bị đất phủ đầy, một đầu ánh lên màu than đen nhánh và nhô khỏi đám ngải cứu héo, gai và ngưu bàng. Ngay cái việc bác ngồi chênh vênh như vậy lại càng khiến tôi có cảm tình hơn đối với bác.

Mãi bác không nhìn thấy tôi; cặp mắt đờ đẫn như mắt cú nhìn đi đâu xa. Sau đó đột nhiên bác hỏi tôi vẻ miễn cưỡng:

- Tìm bác à?

- Không.

- Thế thì lại đây làm gì?

- Không làm gì cả.

Bác bỏ kính ra, lấy chiếc khăn mùi soa có những đốm đỏ đen ra lau kính và nói:

- Nào, leo lên đây!

Khi tôi ngồi bên cạnh bác, bác ôm chặt lấy vai tôi.

- Ngồi đây. Chúng ta sẽ ngồi im lặng. Được không? Như thế đấy... Cháu bướng lắm phải không?

- Vâng.

- Tốt lắm!

Chúng tôi ngồi im lặng rất lâu. Buổi chiều tĩnh mịch và êm dịu. Đó là một trong những buổi chiều đầu thu buồn bã, khi cảnh vật muôn màu xung quanh phôi pha rõ rệt, mỗi giờ phút lại một mờ nhạt thêm; đất đã cạn hết cả hương thơm mùa hè phong phú của nó và chỉ còn tỏa ra mùi ẩm ướt lạnh lẽo; không khí trong suốt lạ kì, trên bầu trời hồng hồng bóng quạ đen bay hối hả, gây nên những ý nghĩ không vui. Tất cả đều lặng lẽ như tờ. Mỗi một tiếng động - tiếng cánh chim sột soạt, tiếng lá rụng xào xạc đều vang lên một cách lạ lùng khiến cho người ta phải rùng mình sợ hãi; nhưng sau đó lại im phăng phắc, sự yên lặng đã bao trùm cả trái đất và choán lấy lồng ngực.

Trong những giờ phút như vậy đã nẩy ra những ý nghĩ rất thanh khiết và cao nhã, nhưng chúng mỏng manh và trong suốt như mạng nhện, khôn tả được bằng lời. Chúng lóe lên trong chốc lát và biến mất rất mau như những ngôi sao đổi ngôi, chúng nung nấu trong lòng một nỗi buồn, chúng vừa êm dịu vừa làm cho người ta xao xuyến, khiến cho tâm hồn sôi sục, tan ra như thép chảy, dần dần bắt lấy khuôn khổ vĩnh viễn ấy những đường nét của tâm hồn đã tạo thành như vậy đó.

Tôi nép vào bên sườn ấm áp của bác Tốt Lắm và cùng với bác nhìn bầu trời đỏ thắm qua những cành táo đen đen, theo dõi những con chim khuyên bay nhộn nhịp, nhìn những con chim kim oanh rỉa ngọn cây ngưu bàng khô để kiếm những hạt chát. Từ cánh đồng, những đám mây lờm xờm xanh biếc viền màu đỏ thắm đang từ từ bay tới; dưới đám mây, đàn quạ nặng nề bay về tổ trong nghĩa địa. Thật là đẹp và không hiểu tại sao đối với tôi tất cả hình như dễ hiểu hơn và gần gũi hơn thường ngày.

Thỉnh thoảng bác thở dài và hỏi tôi:

- Đẹp không cháu? Đẹp thật! Cháu có thấy ẩm không? Có lạnh không?

Bầu trời trở nên đen sẫm và mọi vật xung quanh như phồng to lên, bóng tối mờ mịt ẩm ướt tràn đến. Bác Tốt Lắm nói:

- Chúng ta đi về thôi! Đi...

Tới cửa vườn, bác dừng lại và nói khẽ:

- Bà cháu rất tốt, - ôi, đất nước chúng ta thật là tuyệt diệu!

Bác nhắm mắt, mỉm cười và đọc khe khẽ, nhưng rất rõ ràng:

Hình phạt của y đã rõ ràng:
Không được tuân theo lệnh bất lương,
Không được nấp sau lương tâm kẻ khác!...

- Cháu hãy ghi nhớ lấy điều ấy, cần phải nhớ rất kỹ!

Bác đẩy tôi về phía trước và hỏi:

- Cháu có biết viết không?

- Không ạ.

- Phải đi học. Cháu phải học thông viết thạo để ghi lại những chuyện mà bà cháu kể, cái đó rất có ích, cháu ạ...

Chúng tôi kết thân với nhau. Từ hôm ấy lúc nào tôi muốn đến chỗ bác Tốt Lắm cũng được. Tôi ngồi trên chiếc hòm có lót mảnh giẻ rách và tha hồ tự do theo dõi bác nấu chì, nung đồng; sau khi nung đỏ, bác lấy chiếc búa nhẹ có cán đẹp rèn những tấm sắt trên cái cưa mỏng dính như sợi chỉ. Bác luôn luôn cân các thứ trên chiếc cân bằng đồng rất nhạy. Bác pha các chất lỏng khác nhau vào những chiếc tách dày màu trắng rồi nhìn chúng bốc khói và tỏa đầy phòng mùi hăng hăng. Bác nhăn mặt cắn đôi môi đỏ nhìn vào cuốn sách dày và lẩm bẩm những gì không rõ hoặc kéo dài giọng khàn khàn khẽ ngâm:

Ôi, hoa hồng của Xaron...[1]

- Bác làm cái gì thế?

- Làm cái này, cháu ạ...

- Cái gì cơ?

- A - a, cháu thấy đấy, bác không biết nói thế nào để cháu hiểu...

- Ông cháu bảo có lẽ bác làm tiền giả...

- Ông à?... Hừm! Ông chỉ nói bậy thôi! Tiền, cháu ạ, chỉ là thứ không đáng kể...

- Nhưng lấy gì để mua bánh mì!

- Đúng, cháu ạ, mua bánh mì phải trả tiền, cháu nói phải...

- Bác thấy không! Mua thịt bò cũng phải...

- Mua thịt bò cũng...

Bác khẽ cười rất đáng yêu, bác cù sau tai tôi giống như tôi là một con chó con và nói:

- Bác không làm sao có thể tranh cãi nổi với cháu. Cháu động nói là làm cho bác câm như hến. Tốt hơn cả là chúng ta hãy im lặng...

Thỉnh thoảng bác tạm ngừng công việc và đến ngồi bên cạnh tôi. Chúng tôi nhìn rất lâu ra cửa sổ xem mưa rơi trên mái nhà, rơi xuống sân mọc đầy cỏ, xem những cây táo trụi lá xơ xác hẳn đi. Bác Tốt Lắm rất hà tiện lời nói, nhưng bao giờ cũng nói những lời cần thiết. Thường thường mỗi khi muốn làm cho tôi chú ý đến cái gì, bác khẽ hích tôi và nháy mắt làm hiệu.

Riêng tôi thì không nhìn thấy cái gì đặc biệt ở ngoài sân cả, nhưng do những cái hích tay và do những lời nói vắn tắt ấy, tất cả những cái tôi nhìn thấy như có ý nghĩa đặc biệt, tất cả đều in sâu vào trí nhớ tôi. Như khi thấy một con mèo

---

[1] Xaron là một trong những thung lũng rất phì nhiêu ở Palextin được nhắc tới trong Kinh Thánh.

chạy ra ngoài sân, dừng lại trước vũng nước trong và nhìn cái bóng phản chiếu của nó rồi giơ cái chân mềm mại như muốn đánh cái bóng đó, - bác Tốt Lắm khẽ nói:

- Giống mèo vừa kiêu ngạo vừa đa nghi...

Con gà trống Mamai màu hung và vàng óng bay lên đậu ở hàng rào ngoài vườn, vỗ cánh và suýt nữa thì ngã; nó bực mình, vươn cái cổ dài ra, tức giận kêu cục cục.

- Vị tướng này có vẻ tự phụ, nhưng không thông minh lắm...

Anh chàng Valei vụng về bước trên bùn trông nặng nề như một con ngựa già. Bộ mặt có đôi gò má cao của anh như sưng lên. Anh khẽ nheo mắt, nhìn lên trời: một tia nắng mùa thu trăng trắng chiếu thẳng lên ngực anh, làm chiếc khuy đồng trên áo sáng rực lên. Anh chàng người Tacta này đứng dừng lại và lấy những ngón tay cong cong sờ vào chiếc khuy.

- Hệt như hắn vừa được thưởng chiếc mề đay. Hắn đang ngắm nghía...

Tôi gắn bó với bác Tốt Lắm rất mau và rất mật thiết. Bác trở thành cần thiết đối với tôi trong những ngày tủi nhục đắng cay cũng như trong những giờ phút vui sướng. Bác tuy lặng lẽ, nhưng không cấm tôi nói tất cả những gì nẩy ra trong đầu óc tôi, còn ông tôi bao giờ cũng ngắt lời tôi bằng một tiếng quát nghiêm khắc:

- Không được nói ba hoa, thằng bẻm mép[1] này!

Còn bà tôi cũng đã có nhiều điều tâm sự lắm rồi nên bà tôi không muốn nghe và không muốn tiếp thu của người khác nữa.

Bác Tốt Lắm bao giờ cũng chú ý nghe câu chuyện huyên thuyên của tôi và đôi khi mỉm cười nói với tôi:

---

[1] Nguyên văn: cái cối xay của quỷ sứ này.

- Không phải thế, cháu ạ, đó là cháu bịa ra...

Những lời nhận xét vắn tắt của bác bao giờ cũng đưa ra đúng lúc và rất cần thiết. Hình như bác nhìn thấy hết tất cả những gì xảy ra trong lòng và trong đầu óc tôi, đoán được tất cả những lời nói thừa và nói dối tôi sắp nói ra. Bác nhìn thấy hết và thường dùng một câu thân mật để cắt đi:

- Chú mày chỉ nói láo!

Tôi thường có ý thử tài yêu thuật này của bác. Có lần tôi bịa ra một chuyện và kể y như thật, nhưng bác vừa mới nghe một tí đã lắc đầu tỏ vẻ không tin:

- Hầy, chú mày chỉ nói láo...

- Thế tại sao bác biết?

- Vì bác thấy rất rõ.

Mỗi lần đi ra quảng trường Xennaia lấy nước, bà tôi thường cho tôi đi theo. Một hôm, chúng tôi trông thấy năm tên tiểu thị dân đánh một người mujic: họ quật anh ta xuống đất rồi xâu xé như một đàn chó cắn lẫn nhau. Bà tôi vội đặt thùng nước xuống, vừa vung vẩy đòn gánh, chạy về phía bọn kia vừa quay lại phía tôi và kêu:

- Cháu chạy đi!

Nhưng tôi sợ hãi, chạy theo bà tôi và lấy sỏi đá ném vào bọn kia, còn bà tôi can đảm lấy đòn gánh thúc vào chúng, đập vào vai, vào đầu chúng. Thêm một đám người nữa ập tới, bọn kia bỏ chạy. Bà tôi rửa ráy cho người bị đánh; bộ mặt của anh ta bị giày xéo lên. Bây giờ tôi vẫn còn thấy ghê tởm cảnh anh ta lấy ngón tay bấn bịt lỗ mũi bị rách, rồi vừa la hét, vừa ho; máu từ dưới ngón tay anh phun vọt vào mặt, vào ngực bà tôi. Bà tôi cũng kêu la, toàn thân run bắn lên.

Khi trở về nhà, tôi liền chạy tới chỗ bác Tốt Lắm và kể lại cậu chuyện này cho bác nghe. Bác vứt bỏ công việc đấy và đứng trước mặt tôi, giơ chiếc đũa dài như một thanh gươm và

nghiêm nghị nhìn tôi trừng trừng, dưới cặp mắt kính. Sau đó đột nhiên bác ngắt lời tôi và nói giọng đầy ngụ ý khác thường:

- Phải, mọi việc đều phải làm như thế mới được! Tốt lắm!

Đang bị xúc động bởi những điều mắt thấy tai nghe, tôi không kịp kinh ngạc về những lời của bác và tiếp tục nói; nhưng bác ôm lấy tôi và đi đi lại lại trong phòng, thỉnh thoảng lại vấp, rồi nói:

- Thôi, đừng nói nữa! Cháu ạ, cháu đã nói hết cả những điều cần nói rồi, - hiểu chưa? Hết cả!

Tôi bực mình im lặng, nhưng sau khi suy nghĩ tôi hết sức ngạc nhiên, ngạc nhiên đến không sao quên được và hiểu rằng bác đã chặn tôi rất kịp thời; thực ra tôi đã nói hết cả rồi.

- Cháu ạ, cháu đừng chú ý đến những chuyện đó làm gì. Chuyện đó không đáng nhớ! - bác nói thêm.

Đôi lúc đột nhiên bác nói với tôi những lời mà suốt đời tôi không thể quên được. Tôi kể cho bác về địch thủ của tôi là Cliusnicov, một thằng bé béo tốt, đầu to, một đứa hay đánh nhau ở phố Novaia. Tôi không thể thắng nó trong lúc đánh nhau, và nó cũng không thắng nổi tôi. Bác Tốt Lắm chú ý nghe những lời than phiền của tôi và bảo:

- Đó chỉ là việc nhỏ mọn! Như thế không phải là khỏe. Muốn khỏe thật sự thì phải nhanh nhẹn. Động tác càng nhanh bao nhiêu thì càng khoẻ bấy nhiêu - hiểu chưa?

Chủ nhật sau, tôi liền thử dùng nắm đấm thụi thật nhanh và tôi đã thắng thằng Cliusnicov một cách dễ dàng. Điều đó làm tôi càng chú ý hơn tới lời nói của bác Tốt Lắm.

- Phải biết nắm được mọi vật, cháu hiểu chưa? Biết cách nắm, đó là một việc rất khó!

Tôi không hiểu gì cả, nhưng tôi vô tình đã nhớ những lời

ấy và những lời tương tự như vậy. Tôi nhớ chính vì trong những lời nói đơn giản ấy có một cái gì bí ẩn đến phát tức lên được: vì muốn "nắm" một hòn đá, miếng bánh mì, cái tách, cái búa thì cần gì phải có một tài cán đặc biệt.

Mọi người trong nhà càng ngày càng không thích bác Tốt Lắm. Ngay cả con mèo đáng yêu của mụ thuê nhà vui tính cũng không leo lên đầu gối bác như vẫn leo lên tất cả mọi người và không chạy lại theo tiếng gọi dịu dàng của bác. Tôi đánh nó vì tội ấy, kéo tai nó, và gần như khóc, tôi khuyên nhủ nó đừng sợ con người ấy.

- Quần áo bác sặc mùi axit nên mèo cũng không dám lại gần chỗ bác, - bác giải thích.

Nhưng tôi biết tất cả mọi người, kể cả bà tôi, đã giải thích cái đó khác hẳn, giải thích với thái độ thù địch, tức giận không đúng.

- Tại sao mày cứ quấn lấy bác ấy? - bà tôi hỏi, vẻ bực tức. - Coi chừng, bác ấy sẽ dạy cho mày những trò...

Mỗi lần ông tôi - con chồn hôi hung đỏ - biết là tôi đến thăm bác Tốt Lắm thì ông tôi lại đánh tôi một trận nên thân. Tất nhiên tôi không nói với bác về chuyện tôi bị cấm lui tới chỗ bác, nhưng tôi kể thẳng cho bác biết về thái độ của mọi người trong nhà đối với bác ra sao?

- Bà cháu sợ bác; bà cháu nói bác là thầy yêu thuật. Ông cháu cũng bảo bác là kẻ thù của Chúa và là mối nguy hiểm đối với mọi người...

Bác lắc lắc đầu như là đuổi ruồi vậy; một nụ cười rạng rỡ làm cho khuôn mặt trắng như phấn của bác trở nên hồng hào. Nhìn nụ cười của bác, lòng tôi thấy se lại, mắt như mờ đi.

- Cháu ạ, bác đã nhìn thấy cả! - bác khẽ nói. - Thật đáng buồn, phải không cháu?

- Vâng!

- Thật đáng buồn, cháu ạ...

Cuối cùng bác đã bị đuổi đi.

Một hôm tôi tới chỗ bác sau bữa uống trà sáng và thấy bác ngồi trên sàn, bác vừa xếp đồ đạc vào trong hòm vừa khẽ hát bài "Bông hoa hồng của Xaron".

- Thôi, chúng ta phải từ biệt nhau, bác dọn đi đây...

- Sao bác lại đi?

Bác chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Cháu không biết thật à? Gian phòng này cần để cho mẹ cháu...

- Ai bảo thế?

- Ông cháu...

- Ông nói dối!

Bác Tốt Lắm kéo tay tôi lại gần chỗ bác. Khi tôi ngồi xuống sàn, bác khẽ bảo:

- Cháu đừng giận nhé! Bác cứ tưởng cháu biết mà không nói với bác; như vậy là không tốt, bác tưởng thế thôi...

Không hiểu sao tôi cảm thấy buồn buồn và giận bác.

- Nghe bác nói đây, - bác mỉm cười và gần như nói thầm. - Cháu có nhớ bác đã bảo cháu là không được tới chỗ bác không?

Tôi gật đầu.

- Lúc đó cháu giận bác phải không?

- Vâng...

- Nhưng bác không muốn làm cho cháu giận, cháu ạ. Cháu thấy không, bác biết là nếu cháu kết thân với bác thì người nhà cháu sẽ chửi mắng cháu, phải không? Quả nhiên là như thế chứ? Cháu đã hiểu vì sao bác nói như vậy chưa?

Bác nói như một đứa trẻ cùng tuổi với tôi, tôi rất thích

những lời của bác. Tôi có cảm tưởng rằng tôi đã hiểu bác từ lâu, hiểu ngay từ hồi đó và tôi nói cho bác biết:

- Cái đó cháu hiểu từ lâu rồi!

- Đấy! Như thế đấy,cháu ạ. Chính là như vậy, cháu thân yêu của bác...

Lòng tôi như thắt lại không sao chịu nổi.

- Tại sao ở đây không một ai thích bác là thế nào?

Bác ôm tôi sát vào lòng, nháy mắt rồi đáp:

- Bác là người khác đời, cháu hiểu không? Chính vì thế đó. Bác không giống họ...

Tôi kéo tay áo bác, không biết và cũng không hiểu nên nói gì.

- Cháu đừng giận, - bác nhắc lại và ghé vào tai tôi thì thầm nói thêm: - Cũng không nên khóc...

Nhưng chính nước mắt bác đang chảy ròng ròng dưới cặp mắt kính đục mờ.

Sau đó, cũng như mọi khi, chúng tôi ngồi im lặng rất lâu, thỉnh thoảng mới trao đổi vài lời vắn tắt.

Buổi chiều bác dọn đi, bác thân mật từ biệt cả nhà và ôm tôi rất chặt. Tôi đi ra ngoài cổng và nhìn thấy bác ngồi lắc lư trên chiếc xe ngựa có đôi bánh nghiến lên những cục bùn giá cứng. Ngay sau khi bác đi, bà tôi bắt tay ngay vào việc rửa và cọ gian phòng bẩn thỉu. Tôi cố tình đi từ góc tường này sang góc tường kia để quấy rầy bà tôi.

- Cút ra! - bà tôi quát khi đụng phải tôi.

- Tại sao lại đuổi bác ta đi?

- Im đi!

- Cả nhà toàn là người ngốc, - tôi nói.

Bà tôi lấy cái giẻ ướt quất vào tôi và kêu lên:

- Mày hóa rồ mất rồi, thằng vô lại!

- Cháu không nói bà, trừ bà ra, tất cả những người khác toàn

là ngốc hết, - tôi chữa lại, nhưng cái đó vẫn không làm cho bà tôi nguôi giận.

Lúc ăn tối, ông tôi nói:

- Thôi, lạy Chúa! Mỗi lần tôi trông thấy lão ta là như dao cắt ruột và tự nhủ: "Cần phải đuổi lão ấy đi mới được!"

Tôi tức quá, bẻ gẫy thìa và thế là lại bị một trận đòn.

Tình bạn của tôi với con người đầu tiên trong vô số những người tự cảm thấy xa lạ ngay trên đất nước thân yêu của mình, nhưng lại tốt đẹp hơn ai hết, đã kết thúc như vậy đấy.

IX

Hồi nhỏ tôi có cảm tưởng rằng tôi là một cái tổ ong để những người khác nhau, những người bình thường và giản dị, giống như những con ong, đem đến cho tôi mật của những kiến thức và những ý nghĩ của họ về cuộc sống; mỗi người, theo cách của mình, làm cho tâm hồn tôi phong phú lên rất nhiều. Mật ấy thường bẩn và đắng, nhưng dù sao kiến thức nào cũng vẫn là mật. Sau khi bác Tốt Lắm đi rồi, bác Piot kết thân với tôi. Bác ta nom cũng tựa như ông tôi: người gầy, gọn gàng và sạch sẽ, nhưng thấp hơn ông tôi và nhỏ hơn; bác ta giống như một chú thiếu niên mặc giả làm ông già để đùa nghịch. Mặt bác có những nếp nhăn ngang dọc đan vào nhau như một chiếc rây bột; giữa những nếp da nhỏ, hai con mắt tinh nhanh, cười cợt với hai lòng trắng vàng vàng, nhầy nhớt, giống hệt như những con chim bạch yến trong lồng. Mớ tóc xám của bác xoăn tít, bộ râu cũng xoăn. Khi bác hút thuốc bằng tẩu, khói thuốc cùng một màu với tóc - bốc lên cuồn cuộn. Cho đến cả lời nói của bác cũng quanh quéo, điểm

nhiều câu châm chọc. Bác nói bằng một giọng rì rầm và có vẻ thân mật, nhưng tôi lại luôn luôn có cảm tưởng là bác đang nhạo báng tất cả mọi người. Bác kể lại:

- Khi ấy tôi còn rất trẻ, bà bá tước Tatian Lecxevna sai tôi "làm thợ rèn". Một thời gian sau bà lại ra lệnh: "Đi giúp người làm vườn!" Được, có sao đâu! Nhưng dù một anh chàng mujic có làm bao nhiêu đi nữa thì người ta cũng chẳng bao giờ bằng lòng anh ta cả. Thế rồi một hôm khác bà ấy lại bảo: "Pet'rusca, đi đánh cá!" Đối với tôi thì thế nào cũng được, tôi bằng lòng đi đánh cá... Nhưng vừa mới thấy thú với công việc này thì tôi lại phải từ biệt lũ cá. Tôi phải ra thành phố đánh xe ngựa thuê.[1] Đánh xe ngựa ư? Thì đánh! Rồi sau thế nào nữa? Tôi với bà chủ không kịp thay đổi gì vì giải phóng[2] đã đến và tôi ở lại với con ngựa. Bây giờ đối với tôi, con ngựa ấy thay thế cho bà bá tước đấy.

Con ngựa đó đã già lắm rồi, trông nó người ta có cảm tưởng như trước kia lông nó trắng nhưng rồi một hôm có một gã thợ sơn say rượu nào đó đã lấy các thứ sơn khác nhau quét lỡ dở lên bộ lông của nó. Chân nó vòng kiềng và thân hình nó như bằng giẻ rách chắp vá lại. Cái đầu xương xẩu với cặp mắt mờ đục rũ xuống một cách buồn bã, và được nối lỏng lẻo vào thân bằng những tĩnh mạch nổi phồng và lớp da già nua, sờn tã. Bác Piot đối với nó có vẻ vì nể, không bao giờ đánh đập nó và gọi nó là Tanca.[3]

Một lần ông tôi hỏi bác:

- Sao bác lại lấy tên đạo đặt tên cho súc vật như vậy?

- Không đâu, không đâu, cụ Vaxin Vaxiliev kính mến ơi! Trong đạo không có tên nào là Tanca cả, chỉ có tên Tatiana thôi!

---

[1] Những nông nô ra thành phố làm việc phải cho chủ một phần tiền mà họ kiếm được.

[2] Ở đây ý nói đến việc xóa bỏ chế độ nông nô ở Nga năm 1861.

[3] Tức Tatiana, gọi một cách thân mật.

Bác Piot cũng là người có học và rất thông hiểu Kinh thánh. Bác luôn luôn tranh luận với ông tôi xem trong các thánh vị nào thiêng hơn. Hai người thi nhau chỉ trích nghiêm khắc những kẻ phạm tội trong Cựu ước, đặc biệt chỉ trích nhiều nhất là Abxalon.

Đôi khi hai người tranh luận hoàn toàn chỉ là về mặt ngữ pháp: hai người cãi nhau về vấn đề nên dùng hình thức nào của tiếng Xlav cổ trong một số bài kinh.

- Tôi khác, bác khác! - ông tôi đỏ mặt, tía tai, và nhại lại với vẻ giễu cợt những cách nói của bác Piot.

Bác Piot, giữa khói thuốc mù mịt, nói lại vẻ châm chọc.

- Thế cách cầu kinh của cụ thì hơn gì? Đối với Đức Chúa Trời thì cũng vậy thôi! Có lẽ Chúa Trời khi nghe cụ cầu nguyện sẽ nghĩ: "Ngươi muốn cầu thế nào thì cầu, nhưng dẫu sao thì ngươi cũng chẳng đáng giá bao nhiêu!".

- Cút đi, Lecxei! - ông tôi quát giọng giận dữ, cặp mắt xanh long lanh.

Bác Piot rất ưa sạch sẽ và ngăn nắp. Khi đi qua sân, bác thường lấy chân đá sang bên những phoi bào, mảnh chai lọ, xương xẩu. Bác vừa đá vừa nói giọng chê trách:

- Đồ vô dụng, chỉ tổ vướng cẳng!

Bác là một người hay nói, có vẻ tốt bụng và vui vẻ, nhưng có lúc hai mắt bác đỏ ngầu những tia máu, mờ đi và đờ như mắt người chết. Những lúc đó bác ngồi co ro trong một góc tối, yên lặng, cau có như đứa cháu của bác.

- Bác làm sao thế, bác Piot?

- Đi đi! - bác trả lời giọng khàn khàn và nghiêm khắc.

Cùng ở phố chúng tôi, trong một ngôi nhà nhỏ có một lão quý tộc. Hắn có cái bướu ở trên trán và một thói quen hết sức kì lạ: cứ đến ngày lễ hắn lại ngồi bên cửa sổ và lấy súng bắn đạn chì vào chó, mèo, gà, quạ và cả những người qua đường mà hắn không thích. Một lần bác Tốt Lắm bị hắn bắn vào

sườn. Đạn nhỏ không xuyên qua được tấm áo dạ, nhưng có mấy viên lọt vào túi áo. Tôi còn nhớ bác ở thuê nhà tôi, qua cặp kính đã ngắm nghía những viên đạn chì màu xám rất chăm chú. Ông tôi khuyên bác Tốt Lắm nên đi kiện nhưng bác ném mấy viên đạn vào góc bếp và trả lời:

- Không đáng kiện.

Một lần khác lão bắn súng ấy lại bắn mấy viên đạn vào chân ông tôi: Ông tôi tức giận, đệ đơn kiện lên tòa án và đi triệu tập những nạn nhân khác ở quanh đấy và những người làm chứng. Nhưng lão quý tộc bỗng biến đâu mất. Cứ mỗi lần ở ngoài phố có tiếng súng nổ là bác Piot - nếu lúc đó có nhà - lại vội vàng chụp lên mái tóc xám chiếc mũ đã bạc phếch có cái lưỡi trai to tướng mà bác vẫn đội trong những ngày nghỉ và hấp tấp chạy ra đường. Bác thủ hai tay ra sau lưng, dưới vạt áo caftan,[1] nâng vạt áo lên như đuôi con gà trống, phưỡn bụng ra phía trước và đi một cách bệ vệ trên hè. Bác đi qua cửa nhà lão bắn súng rồi quay trở lại, rồi lại đi. Cả nhà chúng tôi đổ ra cổng đứng xem. Qua cửa sổ bộ mặt xám ngoét của lão nhà binh cũng hiện ra, và phía trên bộ mặt đó là cái đầu với mái tóc vàng hoe của mụ vợ hắn. Từ trong sân nhà Betleng cũng có vài người chạy ra. Chỉ có ngôi nhà xám của lão Ovxiannicov là im lìm như chết không thấy người nào xuất hiện cả.

Đôi khi cuộc đi dạo của bác Piot không thu được kết quả - lão đi săn hình như không xem bác là một con mồi đáng bắn. Nhưng cũng có khi khẩu súng hai nòng lại nổ liên tiếp.

- Pàng, pàng...

Không rảo bước, bác Piot đi lại phía chúng tôi và có vẻ rất hài lòng, nói:

- Đạn rơi vào vạt áo cả!

Một lần đạn trúng vào vai và cổ bác. Bà tôi lấy kim khều đạn ra và trách bác Piot:

---

[1] Một loại áo dài thắt ở bụng.

- Tại sao bác lại trêu chọc cái thằng mọi rợ ấy làm gì? Thế ngộ như nó bắn bác mù mắt thì sao?

- Không, không nguy hiểm gì đâu...

- Nhưng sao bác cứ khuyến khích nó như vậy?

- Tôi mà khuyến khích nó à? Tôi chỉ muốn trêu cái lão ấy thôi...

Rồi ngắm nghía những viên đạn gắp ra, đặt trong lòng bàn tay, bác nói:

- Xạ thủ hạng bét! Bà có biết không, ngày trước bà chủ tôi, bà bá tước Tatian Lecxevna, có một thời gian đã chọn một tay nhà binh làm chồng - bà ta thay chồng như thay đầy tớ vậy. Tên lão ta là Mamon Ilitr. Chà, thằng cha bắn mới cừ làm sao! Mà bà phải biết, lão chỉ bắn đạn một thôi. Hắn để thằng ngốc Ignasca đứng dạng chân cách xa ít nhất là bốn mươi bước, ở thắt lưng buộc một cái chai lủng lẳng. Thằng Ignasca đứng dạng háng còn nhe răng ra mà cười, rõ đồ ngốc! Lão Mamon Ilitr giơ súng lục lên và... Pàng! Cái chai vỡ tan. Nhưng có một lần thằng Ignasca động đậy - có lẽ hắn bị ruồi trâu đốt - thế là viên đạn trúng vào đầu gối hắn, vào giữa xương bánh chè! Người ta gọi thầy thuốc đến, ông ta cưa phăng ngay chân hắn đi, và đem chôn ngay cái chân đó... Thế đấy!

- Còn thằng ngốc ấy thì thế nào?

- Hắn ấy à, hắn chẳng làm sao cả. Đồ ngốc thì cần gì tay với chân, hắn chỉ ăn cái ngốc của hắn cũng đủ no rồi. Bọn ngốc thì ai người ta cũng mến, vì chúng chẳng làm hại ai bao giờ cả. Người ta đã có câu nói: dù là thầy kí, thầy cai, nhưng nếu ngốc nghếch chẳng ai bực mình...

Những câu chuyện kiểu đó không làm cho bà tôi ngạc nhiên, chính bà tôi cũng biết hàng chục chuyện như vậy. Nhưng tôi thì hơi sợ, tôi hỏi bác Piot:

- Thế lão quý tộc có thể giết chết người được à?

- Sao lại không được? Được chứ. Bọn quý tộc còn giết lẫn

nhau nữa kia! Một hôm, có một gã sĩ quan kị binh đến nhà bà Tatian Lecxevna, hắn sinh sự cãi nhau với lão Mamon, thế là lập tức cả hai liền với lấy súng lục, đi vào vườn, và ở đó, trên con đường nhỏ bên hồ, gã sĩ quan kị binh ấy bắn cho lão Mamôn một phát vào giữa gan! Thế là lão Mamon ra nghĩa địa nằm, còn gã sĩ quan thì về Cavcaz, chẳng lôi thôi dài dòng gì hết! Đó là chúng đối với nhau đấy, huống hồ đối với mujic và những kẻ khác! Bây giờ người ta không còn là của chúng nữa, chúng không thương hại gì đâu.[1] Trước kia thì dù sao chúng cũng còn thương vì là của riêng của chúng!

- Ôi dào, ngay cả ngày trước chúng cũng chẳng thương hại lắm đâu! - bà tôi nói:

Bác Piot đồng ý:

- Đúng thế đấy, của riêng nhưng là thứ của riêng rẻ tiền...

Tuy đối với tôi bác có vẻ dịu dàng, bác đối với tôi tốt hơn là đối với người lớn và không lảng tránh con mắt tôi, nhưng trong con người bác vẫn có cái gì làm tôi không ưa. Trong những lúc đãi mọi người món mứt mà bác rất thích, bác thường phết mứt vào bánh mì cho tôi nhiều hơn. Thường đi phố về bác hay cho tôi kẹo mạch nha và bánh khô dầu bằng hạt quả anh túc. Nói chuyện với tôi bao giờ bác cũng có thái độ nghiêm trang và giọng nói dịu dàng:

- Sau này định sống thế nào, chú mình? Đi lính hay làm quan?

- Đi lính.

- Phải đấy. Bây giờ đi lính cũng dễ chịu. Làm giáo sĩ cũng tốt, chỉ cần thỉnh thoảng lại kêu: "Xin Chúa thương xót chúng con", có thế thôi! Làm giáo sĩ có lẽ còn hơn đi lính cơ đấy, nhưng làm anh đi câu lại hơn cả; chẳng phải học gì hết, chỉ cần có ít thói quen một chút là được!...

---

[1] Ý muốn nói tới cuộc giải phóng nông nô năm 1861.

Bác làm những bộ điệu tức cười để bắt chước cá lượn quanh mồi như thế nào, các loại cá vược, cá dầy, cá mè mỗi khi mắc câu thì vùng vẫy ra sao...

Đôi khi bác bảo để an ủi tôi:

- Cháu bực tức mỗi khi ông cháu đánh cháu, nhưng như vậy không nên, chú mình ạ. Ông cháu đánh cháu là để dạy bảo cháu. Vả lại thứ đòn đó chẳng đáng kể vào đâu! Bà chủ bác, bà Tatian Lecxevna mà đánh thì phải biết! Bà ấy có riêng một người để làm việc ấy, tên hắn là Crixtofo. Hắn ta thạo nghề đến nỗi những địa chỉ lân cận thường đến xin bà bá tước: "Bà Tatian Lecxevna, bà làm ơn cho tôi mượn tên Crixtofo về để đánh lũ đày tớ!" Và bà ta cho mượn.

Bác kể tỉ mỉ với vẻ thản nhiên: mụ bá tước mặc áo dài bằng sa tanh trắng, trùm khăn mỏng màu xanh da trời, ngồi trong một chiếc ghế bành đỏ đặt ở ngoài hiên có những cột tròn để xem Crixtofo quất nam nữ nông dân.

- Tên Crixtofo ấy tuy quê ở Riazan nhưng trông như người Txưgan hoặc Khokhon[1] vậy. Râu mép hắn dài đến mang tai, mõm xanh vì hắn cạo râu cằm. Không biết có phải hắn là một thằng ngốc thật không, hay là hắn giả bộ như thế để được yên thân. Nhiều lần, ở trong bếp, hắn rót một chén nước, bắt một con ruồi, một con gián hoặc một con bọ dừa, - rồi lấy cái que từ từ dìm nó xuống nước cho chết. Hoặc là hắn bắt ngay rận ở cổ áo đem dìm vào nước...

Những mẩu chuyện tương tự như thế đối với tôi đã khá quen thuộc, tôi đã được nghe nhiều những chuyện đó do ông bà tôi kể. Chúng muôn màu muôn vẻ, nhưng tất cả đều giống nhau một cách kì lạ: trong chuyện nào cũng có cảnh hành hạ,

---

[1] Tên gọi người Ucraina (theo cách gọi khinh miệt của người Nga dưới thời Sa hoàng).

chế giễu, săn đuổi con người. Tôi đã chán ngấy những chuyện đó, không muốn nghe nữa nên bảo bác đánh xe ngựa thuê:

- Bác kể chuyện khác đi!

Những nếp nhăn trên mặt bác dồn cả về phía mồm, rồi lại chạy lên phía mắt, nhưng bác đồng ý:

- Thôi được, đồ tham lam! Kể chuyện khác vậy. Hồi đó ở chỗ bác có một anh đầu bếp...

- Ai có?

- Bà bá tước Tatian Lecxevna.

- Sao bác lại gọi bà ta là Tatian? Bà ấy là đàn ông hay sao?[1]

Bác khẽ cười.

- Tất nhiên bà ấy là đàn bà, nhưng bà ta lại có râu mép, đen... Bà ấy gốc là người Đức đen, loại người này trông giống như Ả Rập vậy. Nhưng ta hãy quay lại chuyện anh đầu bếp. Câu chuyện này buồn cười lắm, chú mình ạ...

Trong "câu chuyện buồn cười" ấy có một anh bếp làm hỏng cả một mẻ bánh nướng. Để phạt anh ta, người ta bắt anh phải ăn hết chỗ bánh ấy ngay một lúc.

Anh ta ăn hết và phát ốm.

Tôi nổi cáu:

- Chuyện ấy chẳng buồn cười tí nào!

- Thế thì thế nào mới buồn cười? Nào, nói đi!

- Cháu không biết...

- Vậy thì im mồm đi!

Rồi bác lại kể đi kể lại những câu chuyện của bác, giống như con nhện cứ chăng mãi cái mạng lưới của nó.

---

[1] Trong tiếng Nga không có tên nam nào là Tatian cả. Đây chỉ là một cái tên bịa ra, tên đó có hình thức giống đực để chỉ đàn ông, tương đương với tên của đàn bà là Tatiana.

Thỉnh thoảng, vào những ngày lễ, mấy đứa em họ tôi lại đến chơi: thằng Xasa Mikhailov buồn bã và lười biếng và thằng Xasa Iacovov, ăn mặc chải chuốt, chuyện gì cũng biết. Một lần trong lúc ba đứa chúng tôi đang đi "du lịch" trên các mái nhà, chúng tôi trông thấy trong sân nhà Betleng một lão quý tộc mặc áo màu xanh lá cây có lót lông thú ngồi trên một đống củi cạnh tường và đang chơi với mấy con chó con. Cái đầu hói nhỏ vàng ệch của lão để trần. Một đứa em họ tôi đề nghị đánh cắp một con chó, và lập tức một kế hoạch đánh cắp tài tình được vạch ra: hai đứa em họ tôi sẽ ra ngay ngoài đường và đợi ở cổng nhà Betleng, tôi sẽ dọa lão quý tộc và khi lão hoảng sợ bỏ chạy thì hai đứa em họ tôi sẽ ùa vào sân và cướp lấy chó.

- Nhưng mà dọa thế nào cho lão ta sợ được?

Một đứa em họ tôi đề nghị:

- Mày cứ nhổ một bãi nước bọt vào đầu lão ta!

Không biết nhổ vào đầu người khác có phải là một tội to lắm không? Tôi đã nhiều lần nghe nói và chính tôi thấy người ta làm nhiều điều còn tệ hơn nữa, vì thế tôi đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao cho.

Thế là om xòm cả lên. Từ nhà Betleng cả một đội quân đàn ông và đàn bà kéo sang nhà chúng tôi, đi đầu là một viên sĩ quan trẻ, đẹp trai. Vì lúc tôi phạm lỗi thì hai đứa em họ tôi đang đi chơi ngoan ngoãn ở ngoài đường, và cứ theo lời chúng thì chúng không biết gì về cái trò nghịch ngợm quỷ quái của tôi, cho nên ông tôi chỉ đánh có mình tôi. Thế là ông tôi đã làm hài lòng tất cả mọi người trong nhà Betleng.

Sau trận đòn, lúc tôi đang nằm trên nóc lò sưởi ở trong bếp thì bác Piot leo lên chỗ tôi. Bác ăn vận như ngày hội, dáng điệu có vẻ hớn hở.

- Nghĩ ra được cái trò khá lắm đấy, chú mình ạ! - Bác nói

thì thầm, - đáng đời cái thằng dê già ấy. Phải nhổ vào mặt tất cả những đứa như cái thằng ấy! Hay là lấy đá ném vào cái đầu thối tha của chúng nó!

Trước mặt tôi hiện lên bộ mặt tròn nhẵn thín và trẻ con của lão quý tộc. Tôi còn nhớ lão vừa lấy hai bàn tay bé nhỏ lau cái đầu hói vàng, vừa kêu khe khẽ và rền rĩ như chó con. Nghĩ lại tôi hết sức xấu hổ, tôi căm thù mấy đứa em họ tôi. Nhưng nhìn sát bộ mặt nhăn nheo của bác đánh xe là tôi liền quên hết những điều đó: bộ mặt ấy rung rung với một vẻ đáng sợ và đáng ghét giống y như bộ mặt của ông tôi lúc đánh tôi.

- Đi đi,- tôi hét lên và dùng cả tay lẫn chân đẩy bác Piot ra.

Bác cười hì hì, nháy mắt và tụt xuống.

Từ đó trở đi, tôi không muốn nói chuyện với bác nữa, tôi bắt đầu lẩn tránh bác và đồng thời cũng bắt đầu theo dõi bác. Tôi đề phòng như thể mơ hồ chờ đợi một điều gì sắp sửa xảy ra.

Ít lâu sau khi xảy ra câu chuyện với lão quý tộc, lại xảy ra một chuyện khác. Từ lâu ngôi nhà im lìm của lão Ovxiannicov khêu gợi trí tò mò của tôi. Tôi có cảm tưởng rằng ngôi nhà xám đó che giấu một cuộc sống khác thường, đầy bí mật như trong các câu chuyện cổ tích.

Nhà Betleng rất ồn ào và vui nhộn. Ở đây có nhiều tiểu thư đẹp tiếp các sĩ quan và sinh viên đến chơi, trong nhà luôn luôn có tiếng cười, tiếng la hét, tiếng hát và tiếng nhạc. Và ngay cả bộ mặt của ngôi nhà cũng có vẻ vui nhộn: qua lớp kính cửa sổ lấp lánh, trông thấy những chậu hoa màu sắc rực rỡ. Ông tôi không thích cái nhà này.

Ông tôi gọi tất cả mọi người trong nhà đó là "bọn dị giáo, bọn vô thần"; riêng đối với bọn đàn bà thì ông tôi đặt cho

một cái tên thô tục mà có lần bác Piot đã giải nghĩa cho tôi cũng bằng những lời thô tục với vẻ thích thú ác ý.

Trái lại, ông tôi kính nể ngôi nhà nghiêm trang và lặng lẽ của lão Ovxiannicov.

Đó là ngôi nhà một tầng nhưng khá cao, trông ra cái sân đất sạch sẽ và vắng vẻ, trên mặt sân đầy cỏ mọc, ở giữa có cái giếng có mái che, dựng trên hai chiếc cột nhỏ. Ngôi nhà tựa hồ như thụt lùi vào phía trong để trốn tránh con mắt mọi người. Ba chiếc cửa sổ hẹp hình cánh cung của ngôi nhà cách mặt đất khá cao, cửa kính mờ đục, ánh nắng chiếu vào tạo nên đủ mọi màu sắc của cầu vồng. Về phía bên kia cổng có căn nhà kho, mặt trước trông giống hệt như ngôi nhà, cũng có ba cửa sổ nhưng là cửa sổ giả: trên bức tường màu xám người ta đắp những khuôn cửa và ở giữa dùng vôi trắng kẻ thành những chấn song cửa sổ. Những chiếc cửa sổ giả đó nom rất khó chịu và toàn bộ căn nhà kho càng làm tăng thêm cái cảm giác bí mật và âm thầm của ngôi nhà đó. Có một cái gì nhẫn nhục hoặc kiêu hãnh trong sự yên lặng của khu nhà đó, của những chuồng ngựa trống rỗng và của những gian nhà xép với những chiếc cửa lớn cũng trống rỗng nốt.

Thỉnh thoảng người ta thấy một lão già cao lớn, khập khiễng đi dạo ở trong sân, cằm lão cạo nhẵn, nhưng lão để ria mép trắng cứng như những chiếc kim. Đôi khi, một lão già khác, râu quai nón, mũi khoằm, dắt ra khỏi chuồng một con ngựa xám, đầu to, ức lép, bốn chân mảnh khảnh. Ra đến sân con ngựa cúi đầu chào tất cả mọi vật xung quanh giống như một cô mụ hiền lành. Lão thọt chân lấy tay phát đen dét vào con ngựa, lão huýt sáo và thở dài thườn thượt. Sau đó, người ta lại đưa con ngựa vào cái chuồng tối om. Tôi có cảm tưởng là lão già muốn đi khỏi nhà nhưng không thể nào đi được vì lão đã bị bỏ bùa.

Hầu như chiều nào cũng vậy, có ba đứa trẻ chơi đùa ở

trong sân cho đến tối mịt. Ba đứa mặc áo cánh và quần dài màu xám, cùng đội mũ như nhau. Chúng có khuôn mặt tròn, mắt xám và giống nhau đến nỗi tôi chỉ có thể phân biệt được chúng theo tầm vóc.

Tôi quan sát chúng qua khe hở hàng rào, nhưng chúng không nhìn thấy tôi, tôi thì lại rất muốn chúng nhìn thấy tôi. Tôi thích xem chúng chơi những trò chơi không quen biết một cách rất thú vị, vui vẻ và không bao giờ cãi nhau. Tôi thích cách ăn vận của chúng, thích thái độ săn sóc của chúng đối với nhau, nhất là của hai thằng anh đối với đứa em nhỏ, một thằng bé ngộ nghĩnh và lanh lợi. Mỗi khi thằng em ngã là hai đứa anh lại cười, như người ta vẫn thường cười những người bị ngã, nhưng không phải cười một cách độc ác. Ngay lúc đó chúng đỡ thằng em dậy, và nếu tay hoặc đầu gối nó bẩn thì chúng lấy lá ngưu bàng hoặc khăn tay lau các ngón tay và quần cho sạch. Thằng anh thứ hai nói một cách hiền hậu:

- Em lóng ngóng quá!

Chúng không bao giờ cãi nhau, không bao giờ gian lận. Cả ba đều rất nhanh nhẹn, khỏe mạnh, không biết mệt mỏi là gì.

Một lần tôi leo lên cây và huýt sáo gọi chúng, chúng dừng ngay lại, rồi không vội vàng, chúng túm lại, đưa mắt nhìn tôi, và thì thầm bàn bạc gì với nhau. Tôi tưởng chúng định lấy đá ném tôi, liền tụt xuống đất, nhặt đá bỏ vào túi, nhét vào trong áo rồi lại trèo lên cây. Nhưng lúc này chúng đã chơi xa chỗ tôi, ở tận phía cuối sân và xem chừng đã quên mất tôi. Tôi buồn quá, tuy vậy tôi cũng vẫn không muốn gây sự trước. Một lát sau có tiếng người gọi chúng qua cửa sổ.

- Đi về, các con!

Chúng thong thả và ngoan ngoãn đi vào hết như những chú ngỗng.

Đã nhiều lần tôi ngồi trên cây phía trên hàng rào, hi vọng chúng gọi tôi xuống chơi với chúng, nhưng chúng không gọi. Tôi đã chơi với chúng qua ý nghĩ, và có lúc tôi đã say sưa đến nỗi hét lên hoặc cười thật to. Lúc đó ba đứa đều nhìn tôi và nói khẽ với nhau điều gì, còn tôi ngượng quá bèn tụt xuống đất.

Một lần chúng bắt đầu chơi ú tim. Đến lượt thằng anh thứ hai đi tìm, nó đứng vào một xó ở đằng sau nhà kho và lấy hai tay bịt mắt thật kín, còn hai anh em nó thì chạy trốn. Thằng anh nhanh nhẹn chui ngay vào trong một cỗ xe trượt tuyết to tướng ở dưới mái hiên nhà kho, còn thằng em thì cuống lên, cứ chạy quanh cái giếng không biết trốn vào đâu trông đến buồn cười.

Thằng anh kêu:

- Một... hai...

Thằng em liền nhảy lên thành giếng, nắm lấy dây và đứng vào chiếc gầu không. Chiếc gầu biến mất, đập vào thành giếng phát ra những tiếng âm vang.

Tôi sững sờ nhìn chiếc ròng rọc trơn dầu lặng lẽ quay nhanh. Nhưng lập tức, tôi hiểu điều sẽ xảy ra, tôi liền nhảy phắt xuống sân, kêu to:

- Ngã xuống giếng rồi!...

Thằng anh thứ hai chạy tới thành giếng cùng một lúc với tôi, nó nắm lấy dây gầu nhưng bị nhấc bổng lên khiến tay nó bị bỏng rát, nhưng tôi đã kịp chộp lấy sợi dây, và liền lúc đó thằng anh lớn chạy tới giúp tôi kéo chiếc gầu lên. Nó nói:

- Khẽ chứ nhé!...

Chúng tôi kéo được thằng bé lên ngay. Nó cũng sợ, bàn tay phải của nó rớm máu, má bị sây sát. Nó bị ướt đến thắt lưng, mặt tái xanh nhưng vẫn mỉm cười. Nó rùng mình, hai mắt mở to, mỉm cười và nói, giọng kéo dài:

- Em bị ng-ã...ã... ghê-ê quá...

- Mày thật là điên, - thằng anh thứ hai nói, ôm lấy thằng bé, và lấy khăn tay lau máu trên mặt nó. Còn thằng anh lớn cau mày nói:

- Đi vào thôi, đằng nào cũng chẳng giấu được...

- Các cậu liệu có bị đánh không? - tôi hỏi.

Nó gật đầu, sau đó chìa tay cho tôi và nói:

- Cậu chạy đến nhanh lắm!

Vui thích vì được khen, tôi chưa kịp nắm lấy tay nó thì nó đã nói với thằng thứ hai:

- Đi vào nhà thôi, kẻo nó bị cảm bây giờ! Chúng ta sẽ bảo là nó bị ngã, nhưng đừng nói là ngã xuống giếng!

- Phải rồi, đừng nói, - thằng em vẫn còn rùng mình, đồng ý. - Bảo là em ngã vào vũng nước nhé!

Rồi chúng đi vào.

Tất cả những chuyện đó xảy ra nhanh đến nỗi lúc nhìn lại cành cây từ trên đó tôi đã nhảy xuống, tôi thấy nó vẫn còn rung rung và một chiếc lá vàng rụng xuống.

Có đến gần một tuần không thấy ba anh em nhà ấy ra sân chơi, nhưng sau đó chúng lại xuất hiện, ồn ào hơn trước. Thằng anh lớn nhìn thấy tôi trên cây, nó gọi, giọng thân mật:

- Xuống đây chơi với chúng tớ!

Chúng tôi leo lên cái xe trượt tuyết cũ để ở dưới mái hiên nhà kho rồi vừa ngắm nghía nhìn nhau, vừa nói chuyện rất lâu.

- Các cậu có bị đánh không?

- Có, - thằng anh lớn trả lời.

Tôi thấy khó mà tin được rằng những đứa trẻ này cũng bị đánh như tôi, tôi thấy tức thay cho chúng.

- Sao cậu lại bắt chim? - thằng bé nhất hỏi.

- Vì chúng nó hót hay lắm.

- Không nên bắt, cứ để cho chúng nó muốn bay đi đâu thì bay...

- Được, tớ sẽ không bắt nữa!

- Nhưng cậu hãy bắt cho mình một con đã.

- Cậu muốn chim gì?

- Chim gì hót vui ấy. Để nhốt vào lồng.

- Thế thì chim bạch yến chứ gì?

- Mèo nó bắt mất, - thằng thứ hai nói. - Mà bố cũng chẳng cho nuôi đâu.

Thằng anh lớn đồng ý:

- Đúng đấy, bố chẳng cho đâu...

- Thế các cậu có mẹ không?

- Không, - thằng anh lớn nói. Nhưng thằng thứ hai chữa lại:

- Có, nhưng là mẹ khác, không phải là mẹ chúng tớ, chúng tớ không còn mẹ, mẹ chúng tớ chết rồi.

- Mẹ khác thì gọi là dì ghẻ, - tôi nói.

Thằng anh lớn gật đầu:

- Ừ.

Và cả ba đứa có vẻ suy nghĩ, gương mặt sầm lại.

Qua những câu chuyện cổ tích của bà, tôi đã biết thế nào là dì ghẻ, vì vậy tôi rất thông cảm với sự yên lặng suy nghĩ của bọn trẻ. Chúng ngồi sát vào nhau, giống nhau như những chú gà con. Tôi nhớ lại chuyện mụ dì ghẻ phù thủy đã dùng mưu đánh lừa để giả làm mẹ thật, tôi liền bảo chúng:

- Mẹ thật của các cậu rồi thế nào cũng sẽ về, rồi các cậu xem!

Thằng anh lớn nhún vai:

- Chết rồi cơ mà, về làm sao được...

Không được ư? Trời ơi biết bao nhiêu lần những người chết thậm chí đã bị xả ra từng mảnh, mà chỉ cần vẩy cho ít nước phép là lại sống lại; có biết bao nhiêu người chết mà không phải là chết thật, vì phép của bọn phù thủy!

Tôi bèn kể lại một cách sôi nổi cho chúng nghe những chuyện của bà tôi. Lúc đầu thằng anh lớn chỉ mỉm cười, sau nó nhẹ nhàng bảo:

- Những chuyện ấy chúng tớ biết cả rồi, đấy là những chuyện cổ tích...

Hai em nó im lặng nghe, thằng bé nhất mím chặt môi và phồng má lên, còn thằng kia thì chống khuỷu tay lên đầu gối, cúi về phía tôi, tay kia quàng lên vai em nó, ấn thằng này cúi xuống.

Trời đã bắt đầu tối, những đám mây đỏ treo lơ lửng trên các mái nhà. Bỗng dưng trước mặt chúng tôi hiện ra một lão già với bộ ria trắng, mình vận chiếc áo nâu, dài lùng thùng trông giống như một giáo sĩ; đầu lão đội chiếc mũ xù lông.

- Đứa nào đây? - lão già hỏi và chỉ vào tôi.

Thằng anh lớn đứng dậy, hất đầu về phía nhà ông tôi:

- Nó ở bên kia sang...

- Đứa nào gọi nó sang?

Tức thì cả mấy đứa trẻ lặng lẽ bước ra khỏi chiếc xe và đi về nhà, khiến tôi lại nghĩ đến những con ngỗng ngoan ngoãn.

Lão già nắm chặt lấy vai tôi và dẫn tôi qua sân ra cổng. Lão làm tôi sợ đến phát khóc, nhưng lão bước dài và nhanh đến nỗi tôi chưa kịp khóc oà lên thì đã ở ngoài đường rồi. Lão già dừng trước cổng, giơ ngón tay doạ tôi và nói:

- Cấm không được đến nhà tao!

Tôi cáu tiết:

- Tôi có thèm đến với lão đâu, đồ quỷ già!

Lão giơ cánh tay dài ngoẵng ra và lại tóm được tôi. Lão lôi tôi đi trên hè phố và hỏi tôi một câu làm tôi choáng váng chẳng khác bị một nhát búa nện vào đầu:

- Ông mày có nhà không?

Không may cho tôi là ông tôi lại có nhà. Trông thấy lão già hầm hầm, ông tôi đứng dậy. Đầu ngẩng lên, bộ râu vểnh về phía trước, ông tôi nhìn vào cặp mắt đục và tròn như hai đồng xu của lão già, hấp tấp nói:

- Mẹ nó đi vắng, còn tôi thì bận luôn, thành thử không có ai trông nom nó, xin đại tá tha lỗi cho!

Lão đại tá quát tháo ầm cả nhà, rồi lão quay đằng sau trông cứ đờ như một cây gỗ và đi thẳng. Còn tôi thì một lúc sau bị ném ra sân, vào trong chiếc xe của bác Piot.

- Chú mày lại bị tóm cổ rồi phải không? - bác vừa hỏi vừa tháo ngựa ra khỏi xe. - Tại sao bị đánh?

Khi tôi kể chuyện cho bác nghe, bác nổi xung và rít lên:

- Thế mày chơi với lũ con nhà quý tộc, lũ rắn non ấy làm gì? Chơi với chúng nó đã thấy sướng chưa! Bây giờ thì mày đi mà nện cho chúng nó một trận, còn chờ gì nữa!

Bác ta nói như thế rất lâu. Bực mình vì trận đòn, lúc đầu tôi còn nghe bác với vẻ đồng tình, nhưng bộ mặt nhăn nheo của bác cứ rung rung mỗi lúc trông một khó chịu thêm và làm tôi nhớ lại rằng những đứa trẻ kia cũng sẽ bị đánh và đối với tôi chúng không có tội gì cả.

- Sao tôi lại đánh chúng nó? Chúng tốt lắm. Bác chỉ toàn nói láo thôi! - tôi nói.

Bác nhìn tôi và thình lình hét lên:

- Cút khỏi xe tao ngay!

- Đồ ngốc! - tôi nhảy xuống đất và hét lên.

Bác liền đuổi theo tôi quanh sân, nhưng cứ bắt hụt mãi, vừa chạy bác vừa la, giọng lạc hẳn đi:

- Tao mà là đồ ngốc à? Tao mà nói láo à? Tao phải cho mày...

Bà tôi bước ra cửa bếp, tôi liền chạy tới nép vào bà tôi. Còn bác Piot thì phàn nàn:

- Tôi không thể sống được với cái thằng nhãi ranh này! Tôi nhiều tuổi hơn nó đến năm lần mà nó dám réo cha réo mẹ tôi ra mà chửi, bảo tôi là đồ nói láo...

Mỗi khi người ta đặt điều ngay trước mặt tôi, tôi thường sững sờ và trở nên dần độn vì kinh ngạc. Lúc này tôi cũng đờ đẫn cả người. Nhưng bà tôi đã trả lời dứt khoát:

- Ối chà, bác Piot, tự bác đặt điều ra thì có, nó không chửi bác như vậy đâu!

Giá phải ông tôi thì ông tôi đã tin lời lão đánh xe rồi.

Từ hồi đó trở đi bắt đầu một cuộc chiến tranh âm thầm và gay gắt giữa bác Piot và tôi: bác ta cố tìm mọi cách giả như vô tình để xô đẩy tôi, ngoắc dây cương gạt tôi, thả chim của tôi ra; một lần bác ta còn đem chim của tôi cho mèo vồ. Bất cứ chuyện gì bác cũng đem mách ông tôi và luôn luôn bịa đặt thêm. Càng ngày tôi càng cảm thấy rằng bác ta cũng là đồ trẻ con như tôi, chỉ có mặt như ông già mà thôi. Về phía tôi, tôi tìm cách tháo giày gai của bác ta ra, tôi bí mật gỡ và cứa đứt những sợi gai để khi bác ta xỏ chân vào thì chúng đứt bung ra. Một hôm tôi đổ hạt tiêu vào mũi của bác làm cho bác ta hắt hơi hàng giờ liền. Nói chung, tôi cố sức trong phạm vi khả năng của tôi không chịu thua kém bác ta. Vào những ngày lễ, suốt ngày bác ta để ý theo dõi tôi và đã nhiều lần bắt gặp tôi nói chuyện với mấy đứa con lão đại tá là điều tôi đã bị cấm. Thế là bác mách lẻo với ông tôi.

Tôi vẫn tiếp tục chơi với ba đứa bé kia và quan hệ giữa tôi với chúng càng ngày càng trở nên thích thú. Trong một ngách hẹp giữa bức tường nhà tôi và hàng rào nhà Ovxiannicov có một

cây du, một cây bồ đề và một bụi hương mộc rậm rạp. Nấp sau bụi cây đó tôi khoét một lỗ hổng hình bán nguyệt ở hàng rào. Mấy đứa con lão quý tộc, lần lượt từng đứa hoặc hai đứa một, lại gần và chúng tôi ngồi xổm hoặc quỳ nói chuyện khe khẽ với nhau. Một đứa trong số ba anh em chúng phải luôn luôn đứng canh để đề phòng lão đại tá bất chợt bắt gặp chúng tôi.

Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tủi của chúng, và những chuyện đó làm tôi rất buồn. Chúng kể cho tôi nghe về những con chim tôi bẫy được đang sống như thế nào và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì không bao giờ chúng nói một lời nào về dì ghẻ và bố chúng. Thường thì chúng chỉ đề nghị tôi kể chuyện cổ tích. Tôi kể lại những chuyện mà bà tôi đã kể, và nếu quên chỗ nào thì tôi bảo chúng đợi, rồi chạy về nhà hỏi lại bà tôi. Điều đó thường làm cho bà tôi rất hài lòng.

Tôi cũng kể cho chúng nhiều chuyện về bà tôi. Một hôm thằng lớn thở dài và nói:

- Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà mình trước cũng rất tốt...

Nó thường nói một cách buồn bã như vậy: ngày trước, trước kia, đã có lúc... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm. Tôi còn nhớ nó có đôi bàn tay nhỏ, những ngón tay thon thon và người nó mảnh dẻ, yếu ớt, cặp mắt nó rất sáng, nhưng dịu dàng như ánh sáng của những ngọn đèn trong nhà thờ. Hai em nó cũng rất đáng yêu, và cũng gây cho tôi một sự tin cậy hoàn toàn. Tôi luôn luôn muốn làm cho chúng vui thích, nhưng tôi ưa thằng lớn hơn cả.

Mải nói chuyện, nhiều khi tôi không biết bác Piot đã đến bên cạnh. Bác ta giải tán chúng tôi bằng một tiếng quát lè nhè:

- Lại...ại... nói chuyện?

Tôi nhận thấy rằng càng ngày bác càng hay có những cơn thẫn thờ ủ rũ. Thậm chí tôi còn đoán biết trước được tâm trạng của bác mỗi khi bác ta đi làm về: thường thường bác mở cổng rất thong thả, bản lề cổng rít lên một tiếng dài vẻ như uể oải, còn nếu bác đang như có điều gì bực bội thì bản lề rít lên ngắn ngủi, nghe như một tiếng kêu đau đớn.

Từ ngày đứa cháu cậm của bác ta về nhà quê lấy vợ, bác Piot sống một mình ở trên chuồng ngựa. Trong căn gác thấp với chiếc cửa sổ bé tí tẹo, sực mùi da mốc, mùi hắc ín, mùi mồ hôi và thuốc lá, vì thế không khi nào tôi vào chỗ ở của bác cả. Bác lại để đèn khi đi ngủ, khiến ông tôi rất không bằng lòng:

- Coi chừng, không khéo bác thiêu cả tôi đi đấy, bác Piot!

- Không đâu, cụ cứ yên chí! Ban đêm bao giờ tôi cũng để ngọn đèn vào trong bát nước, - bác ta trả lời, mắt nhìn lảng đi chỗ khác.

Nói chung bây giờ bác ta không nhìn thẳng vào mặt ai nữa. Đã từ lâu bác ta không tham dự những buổi tối uống trà của bà tôi nữa. Bác cũng không thết mứt mọi người nữa, mặt bác khô héo lại, những nếp nhăn hằn sâu hơn, bác đi lảo đảo, hai chân kéo lê như một người ốm.

Có lần, vào một buổi sáng trong tuần, tôi đang cùng với ông tôi dọn sân, vì đêm trước tuyết rơi rất nhiều, bỗng thấy then cổng kêu lạch cạch rất lạ và một viên cảnh sát bước vào trong sân. Y lấy lưng đóng cổng lại và giơ ngón tay màu xám béo múp vẫy ông tôi. Ông tôi bước tới, viên cảnh sát cúi về phía ông tôi, tưởng chừng như cái mũ to tướng của y bổ vào trán ông tôi. Y bắt đầu nói cái gì nghe không rõ, còn ông tôi thì hấp tấp trả lời:

- Vâng, ở đây! Bao giờ? Trời, để tôi nhớ lại xem nào...

Bỗng ông tôi giật nẩy mình nom đến buồn cười và kêu lớn:

- Trời ơi, thật thế ư?

- Khẽ chứ, - viên cảnh sát nói giọng nghiêm nghị.

Ông tôi quay lại phía sau và trông thấy tôi.

- Nhặt lấy xẻng rồi đi vào trong góc nhà.

Tôi nấp vào sau một góc nhà thấy ông tôi và viên cảnh sát đi lên buồng bác đánh xe. Viên cảnh sát tháo chiếc găng ở tay phải ra, đập vào lòng bàn tay trái và nói:

- Hắn biết trước nên đã bỏ ngựa và biến mất rồi...

Tôi chạy vào bếp kể lại cho bà tôi tất cả những gì tôi vừa nghe và trông thấy. Bà tôi đang nhào bột trong thùng để làm bánh, đầu đầy bụi lắc la lắc lư. Sau khi nghe tôi kể, bà tôi điềm tĩnh nói:

- Chắc là ăn cắp cái gì... Đi chơi đi, việc gì đến mày!

Tôi lại vội trở ra sân và thấy ông tôi đang đứng gần cái cổng nhỏ. Ông tôi bỏ mũ, ngửa mặt lên trời và làm dấu. Nét mặt ông tôi đầy vẻ bực tức, một chân run run.

- Tao đã bảo mày đi vào kia mà! - ông tôi quát và giậm chân xuống đất.

Rồi ông tôi bước theo tôi, đi vào bếp và gọi bà tôi:

- Bà nó ơi, lại đây!

Hai người đi sang phòng bên và thì thầm ở trong đó rất lâu. Khi bà tôi trở vào bếp, tôi biết chắc có chuyện gì ghê gớm đã xảy ra.

- Bà sợ gì thế?

- Cứ biết câm miệng, - bà tôi khe khẽ đáp lại.

Suốt ngày trong nhà có không khí khó chịu, sợ hãi. Ông tôi và bà tôi nhìn nhau lo lắng, nói năng thì thầm; những lời nói cộc lốc và khó hiểu của ông bà tôi khiến cho nỗi lo sợ của tôi càng tăng thêm.

- Bà nó hãy đi thắp tất cả đèn trước tượng thánh lên! - ông tôi húng hắng ho, ra lệnh..

Bữa ăn trưa mọi người ăn vội vàng và miễn cưỡng, như thể đang chờ đợi ai. Ông tôi phồng má có vẻ mệt nhọc và càu nhàu:

- Quỷ sứ quả là mạnh hơn người thật!... Nó có vẻ ngoan đạo lắm, nó đi nhà thờ... Và tôi thì thế đấy... Hừ!

Bà tôi thở dài.

Cái ngày mùa đông u uất ấy chìm đắm trong một màn sương mù đục và bàng bạc hầu như kéo dài mãi không dứt. Không khí trong nhà mỗi lúc một trở nên lo âu và nặng nề hơn.

Buổi tối một viên cảnh sát khác lại đến, người to béo, tóc màu hung. Hắn ngồi trên chiếc ghế dài ở trong bếp và lim dim ngủ, miệng thở khò khè, đầu chốc chốc lại chúi xuống. Khi bà tôi hỏi hắn: "Làm thế nào mà biết được chuyện đó, hở bác?" - hắn đận đà mãi mới trả lời, giọng khàn khàn:

- Cái gì chúng tôi cũng biết hết, cụ không lo!

Tôi còn nhớ lúc ấy tôi ngồi cạnh cửa sổ, ngậm trong miệng một đồng xu cổ cho nóng lên để tìm cách in lên lớp băng bám trên cửa kính hình thánh George đâm con rồng.[1]

Bỗng phòng ngoài có tiếng ồn ào, cánh cửa mở tung và mụ Pet'rovna hiện ra trên ngưỡng cửa, mồm kêu the thé:

- Này, ra mà xem, đằng sau nhà các bác có cái gì ấy!

Nhìn thấy viên cảnh sát, mụ định bỏ chạy, nhưng lão cảnh sát đã nắm được váy mụ ta và cũng hốt hoảng kêu ầm lên:

- Đứng lại, mụ là ai? Mụ bảo ra mà xem cái gì?

Vấp phải bậc cửa, mụ Pet'rovna ngã khuỵu xuống đất và kêu ầm lên, tiếng đứt quãng, giọng nghẹn ngào đầy nước mắt:

- Tôi đi vắt sữa bò, bỗng tôi thấy cái gì ở trong vườn nhà Casirin. Tôi nghĩ bụng: cái gì thế kia, có vẻ như một chiếc ủng thì phải?

---

[1] Một loại tiền bằng đồng trị giá hai copec, một mặt có khắc hình thánh George cưỡi ngựa cầm giáo đâm con rồng.

Đến lượt ông tôi cũng gào lên, giậm chân như điên dại:

- Nói láo, mụ đần độn kia! Mụ làm thế nào mà thấy được có gì ở trong vườn nhà tao, hàng rào thì cao, khe hở không có, chỉ nói láo! Ở đây không có gì hết!

- Cha mẹ ôi! - mụ Pet'rovna khóc nức nở, một tay chìa về phía ông tôi, tay kia ôm lấy đầu. - Phải rồi, tôi nói láo đấy! Tôi đang đi về phía hàng rào nhà bác thì thấy có những vết chân ở một chỗ tuyết bị giẫm lún be bét, tôi bèn nhìn qua hàng rào thì thấy hắn ta nằm...

- Ai...i...?

Những tiếng kêu hỗn loạn của mọi người kéo dài rất lâu tưởng như không bao giờ chấm dứt. Nhưng bỗng như phát điên, mọi người chen nhau ra khỏi bếp và chạy ra vườn. Tại đây, bác Piot nằm trong một cái hố phủ một lớp tuyết xốp, lưng dựa vào một thanh gỗ cháy dở, đầu gục xuống ngực. Phía dưới tai bên phải bác ta có một vết rạch dài sâu hoắm, đỏ như một cái miệng; từ đó lòi ra những mảnh thịt tim tím như những cái răng. Tôi sợ quá, nhắm mắt lại và qua hai hàng lông mi tôi nhìn thấy trên đầu gối bác Piot có con dao cắt da mà tôi đã quen thuộc, và cạnh đó những ngón tay đen sì, co quắp của bàn tay phải. Cánh tay trái vật sang một bên và ngập trong tuyết. Tuyết bên dưới cái xác đã tan hết, thân hình bé nhỏ của bác đánh xe thuê lún sâu trong đống tuyết trắng mịn và trông càng giống một đứa trẻ con. Phía bên phải bác, một hình màu đỏ kì dị loang trên mặt tuyết trông như hình một con chim; phía bên trái, tuyết còn nguyên chưa bị động đến, mặt tuyết phẳng lì và sáng chói. Đầu bác ta cúi xuống vẻ ngoan ngoãn, cằm gập vào ngực khiến cho bộ râu rậm và xoăn xòe ra, một chiếc thánh giá lớn bằng đồng nằm giữa những dòng máu đỏ đã đông lại trên bộ ngực để trần. Đầu tôi nặng trình trịch. Tiếng ồn ào làm tôi chóng mặt. Mụ

Pet'rovna không ngớt mồm kêu la; viên cảnh sát cũng quát tháo và sai anh Valei đi đâu không rõ. Ông tôi thì gào lên:

- Không được giẫm mất dấu!

Nhưng bỗng ông tôi cau mặt lại, nhìn xuống đất và nói to với viên cảnh sát, giọng hách dịch:

- Làm gì mà cứ kêu ầm kêu ĩ lên thế, cái nhà bác này! Đây là sự trừng phạt của Chúa, đây là bàn tay của Chúa, vậy mà bác cứ giở mãi những câu ngu xuẩn ấy ra... Chao ôi, lũ chúng bay...y...y thật là...

Lập tức mọi người đều im lặng, tất cả đều nhìn vào người chết, thở dài và làm dấu.

Có những người từ ngoài sân chạy vào trong vườn, họ leo qua hàng rào từ phía nhà mụ Pet'rovna sang, bị ngã, họ càu nhàu. Những việc đó đều xảy ra trong yên lặng cho đến lúc ông tôi nhìn xung quanh và kêu lên với vẻ thất vọng:

- Bà con láng giềng ơi, làm gãy hết phúc bồn tử của tôi rồi! Không biết xấu hổ à!

Bà tôi nắm lấy tay tôi và dắt tôi vào nhà, vừa đi vừa khóc thút thít...

- Bác ấy làm sao thế? - tôi hỏi.

Bà tôi trả lời:

- Mày không trông thấy hay sao?

Suốt buổi tối cho đến khuya ở dưới bếp và trong căn phòng bên cạnh lúc nào cũng có đông người lạ tụ tập, la hét. Cảnh sát ra lệnh; còn một người trông giống như thầy phụ lễ thì hí hoáy viết và hỏi mọi người, giọng nghe chẳng khác gì tiếng vịt kêu.

- Sao? Sao?

Bà tôi mời mọi người uống trà ở trong bếp. Một người béo tròn, mặt rỗ, có ria mép dài ngồi vào bàn và kể lại, giọng nói rin rít:

- Tên thật của hắn là gì không ai rõ, chỉ biết hắn là người quê ở Elatma.[1] Còn thằng câm thực ra chẳng câm gì hết, nó đã thú nhận cả rồi. Thằng thứ ba cũng nhận rồi, ở đây còn có thằng thứ ba nữa. Chúng đi ăn trộm các nhà thờ đã từ lâu lắm rồi, đó là nghề chuyên môn của chúng...

- Trời ơi! - mụ Pet'rovna thở dài, mặt mũi đỏ bừng và đầm đìa mồ hôi.

Tôi nằm trên nóc lò sưởi và nhìn xuống, tôi có cảm tưởng hình như tất cả mọi người đều lùn, to béo và đáng sợ...

X

Sáng sớm một ngày thứ bảy tôi vào vườn nhà mụ Pet'rovna để bẫy chim sơn tước. Tôi rình rất lâu, nhưng những chú chim kiêu hãnh phô bộ ức đỏ, không chịu mắc bẫy. Dường như muốn lấy vẻ đẹp chọc tức tôi, chúng cứ diễu qua diễu lại nhởn nhơ trên lớp tuyết cứng lóng lánh như bạc; chúng đậu trên những cành cây phủ một lớp băng dày và đung đưa như những bông hoa thật làm tuyết rơi lả tả trông như những tia lửa màu xanh biếc. Cảnh đó đẹp đến nỗi tuy không bẫy được chim tôi cũng không thấy bực mình. Tôi vốn không ham săn bắn lắm, hay nói cho đúng, tôi thích việc đi săn hơn là kết quả. Tôi thích quan sát đời sống của những con chim nhỏ và tôi hay nghĩ đến chúng.

Thật thú vị khi ngồi một mình ở bên bờ cánh đồng phủ tuyết và nghe tiếng chim hót líu lo giữa cảnh tĩnh mịch trong suốt của một ngày băng giá, xa xa đâu đó vẳng lên tiếng

[1] Thị trấn trên sông Oca cách Nijni - Novgorod 200km về phía Tây Nam.

nhạc của một cỗ xe tam mã chạy qua - con chim sơn ca buồn bã của mùa đông nước Nga...

Bị lạnh cóng và cảm thấy hai tay đã tê cứng, tôi thu dọn bẫy và lồng chim, leo qua hàng rào để trở lại vườn của ông tôi và đi về nhà. Cổng ra đường mở toang, một bác mujic to lớn dắt ở trong sân ra ba con ngựa đã được thắng vào một cỗ xe trượt tuyết lớn có mui che kín; ba con ngựa thở ra những làn hơi dày đặc. Bác mujic vui vẻ huýt sáo... Tôi giật mình:

- Chở ai đến thế bác?

Bác ta quay lại, đưa tay che mắt nhìn tôi rồi nhảy lên chỗ ngồi và nói:

- Giáo sĩ!

Ồ, chuyện ấy không liên quan gì đến tôi cả. Nếu là giáo sĩ thì chắc ông ta đến chỗ những người ở thuê.

- Nào, những chú gà con này! - Bác mujic hét, huýt sáo và giật giây cương, làm bầu không khí yên tĩnh trở nên tràn đầy vui vẻ. Ba con ngựa nhất tề lao về phía cánh đồng. Tôi nhìn theo chúng rồi khép cổng lại, nhưng khi tôi bước vào gian bếp vắng vẻ thì nghe thấy ở phòng bên cạnh vang lên giọng nói rất to của mẹ tôi. Tôi nghe rõ tiếng mẹ tôi nói:

- Bây giờ các người định làm gì? Định giết tôi hay sao?

Không kịp cởi áo khoác ngoài, tôi ném lồng chim, chạy vào phòng ngoài và xô phải ông tôi. Ông tôi nắm lấy vai tôi, nhìn vào mắt tôi bằng cặp mắt dữ tợn và vừa nuốt nước bọt vẻ khó nhọc vừa nói giọng khàn khàn:

- Mẹ mày về đấy, vào mà gặp mẹ mày! Nhưng khoan đã...

Ông tôi lay người tôi mạnh đến nỗi tôi loạng choạng suýt ngã, rồi đẩy tôi về phía cửa buồng:

- Đi, đi đi thôi...

Tôi đụng đầu vào chiếc cửa bọc nỉ và vải sơn. Hai bàn tay tôi run lên vì lạnh và vì hồi hộp, mãi không tìm ra được quả

đấm. Cuối cùng tôi khẽ mở cửa ra và dừng lại ở ngưỡng cửa, hai mắt hoa lên:

- Nó đây rồi! - mẹ tôi nói. - Trời ơi, nó lớn quá! Sao, không nhận ra mẹ à? Ông bà cho nó ăn mặc gì mà lạ thế này, trời... Mà sao hai tai nó lại trắng thế kia! Mẹ lấy cho con xin ít mỡ ngỗng nhanh lên...

Mẹ tôi đứng giữa phòng, cúi xuống và lột quần áo ở người tôi ra. Mẹ tôi xoay tôi như vần quả bóng. Thân hình to lớn của mẹ tôi mặc một chiếc áo dài màu đỏ, sờ vào ấm và mịn, rộng như áo tơi choàng của nông dân, có một hàng khuy lớn màu đen chạy suốt từ vai chéo xuống tận gấu. Tôi chưa bao giờ nom thấy chiếc áo dài nào như vậy cả.

Tôi cảm thấy khuôn mặt mẹ tôi nhỏ hơn và trắng hơn xưa kia, hai con mắt to và có vẻ sâu hơn, tóc vàng óng hơn. Mẹ tôi vừa cởi quần áo cho tôi, vừa ném ra cửa. Cặp môi đỏ thắm của mẹ tôi trề ra có vẻ dè bỉu, và vẫn bằng giọng nói như ra lệnh, mẹ tôi hỏi:

- Sao con cứ lặng thinh thế? Con có bằng lòng không? Khiếp, cái áo mới bẩn chứ...

Sau đó mẹ tôi lấy mỡ ngỗng xát vào tai cho tôi. Tôi đau quá, nhưng người mẹ tôi tỏa ra mùi thơm mát dịu khiến tôi cảm thấy bớt đau. Tôi áp chặt vào người mẹ tôi, cảm động không nói gì được. Lẫn với tiếng nói của mẹ tôi, tôi nghe thấy giọng nói nhỏ và buồn của bà tôi:

- Nó nghịch lắm không ai bảo được, ngay cả ông nó, nó cũng không sợ... Ôi, Varia, Varia...

- Đừng than phiền nữa mẹ ạ, rồi sẽ ổn cả thôi!

Bên cạnh mẹ tôi, tất cả mọi vật xung quanh đều nhỏ bé, đáng thương và già cỗi. Tôi cũng cảm thấy tôi già như ông tôi. Kẹp chặt tôi giữa cặp đùi rắn chắc, mẹ tôi đưa bàn tay nặng nề, ấm áp vuốt tóc tôi và nói:

- Phải cắt tóc đi. Và nó cũng đến tuổi đến trường học rồi đây. Con có muốn đi học không?

- Con đã học xong rồi.

- Phải học thêm một ít nữa. Ồ, con khỏe gớm hả?

Rồi mẹ tôi cười đùa với tôi, tiếng cười ồm ồm và ấm áp.

Ông tôi bước vào, vẻ mặt hầm hầm, gây gổ, hai mắt đỏ ngầu. Mẹ tôi lấy tay đẩy tôi ra và hỏi to:

- Thế nào, bố? Con đi chứ?

Ông tôi dừng lại bên cửa sổ, lấy móng tay cạo lớp băng đóng trên cửa kính và im lặng rất lâu. Không khí xung quanh bỗng trở nên căng thẳng và tôi cảm thấy sờ sợ. Cũng như mọi khi, trong những phút căng thẳng như vậy, tôi cảm thấy như trên khắp người tôi có mọc thêm mắt và tai, ngực tôi căng lên một cách lạ lùng và tôi muốn hét lên.

- Lecxei, đi ra ngoài kia! - ông tôi nói giọng khàn khàn.

- Sao vậy? - mẹ tôi hỏi và lại ôm tôi vào người.

- Không đi đâu cả, Varia, tao cấm đấy...

Mẹ tôi đứng dậy, lượn đi lượn lại trong phòng tựa như một đám mây hồng trong buổi hoàng hôn và dừng lại sau lưng ông tôi.

- Bố ơi, bố nghe con nói...

Ông tôi quay lại và rít lên:

- Im đi!

- Hừ, quát tôi là không được đâu, - mẹ tôi nói khẽ.

Bà tôi đang ngồi trên ghế đi văng liền nhổm dậy, giơ ngón tay ra đe:

- Vacvara!

Ông tôi ngồi xuống ghế lắp bắp:

- Đừng có láo, mày không coi tao ra gì phải không? Hử? Sao mày lại dám nói thế?

Và bỗng ông tôi gào lên, giọng lạc hẳn đi:

- Mày đã làm nhục tao, Varia!...

- Ra ngoài kia! - bà tôi ra lệnh cho tôi.

Tôi xuống bếp, trong lòng nặng trĩu. Tôi leo lên nắp lò sưởi và lắng nghe rất lâu những tiếng nói ở bên kia vách; khi thì mọi người đều nói cùng một lúc, người nọ ngắt lời người kia; khi thì tất cả đều im lặng giống như bỗng dưng mọi người đều ngủ thiếp đi. Câu chuyện nói về đứa em mà mẹ tôi đã đẻ ra rồi đem gửi người nào đó. Nhưng tôi không hiểu được vì sao ông tôi cáu: có phải vì mẹ tôi đẻ mà không xin phép ông tôi không, hay vì mẹ tôi không đem em bé về cho ông tôi?

Một lúc sau ông tôi bước vào bếp, đầu tóc rối bù, mặt mũi đỏ bừng, có vẻ mệt nhoài. Theo sau là bà tôi vừa đi vừa lấy vạt áo lau nước mắt ở hai má. Ông tôi ngồi xuống ghế dài, hai tay chống lên ghế, lưng cúi lom khom, răng cắm lấy cặp môi xám run run. Bà tôi quỳ xuống trước mặt ông tôi nói khẽ và tha thiết:

- Ông ơi, xin ông hãy vì Chúa mà tha thứ cho nó! Ngựa có hay mấy đi nữa cũng có lúc dở chứng.[1] Những người quyền quý, giàu có mà chẳng có những chuyện như vậy sao? Đàn bà là thế đấy! Thôi, hãy tha thứ cho nó. Ở đời chẳng có ai là không có tội lỗi cả...

Ông tôi ngả người vào tường, nhìn vào mặt bà tôi và càu nhàu. Ông nhếch mép cười, miệng méo xệch, rồi nghẹn ngào nói:

- Phải rồi! Sao nữa? Bà thì ai mà bà chẳng tha thứ, bà sẵn lòng tha thứ tất. Chao ôi, lũ chúng bay...y...y thật là...

Ông tôi cúi xuống, nắm lấy vai bà tôi mà lắc, miệng thì thầm rất nhanh:

- Thế còn Chúa, Chúa có tha thứ không? Chúng ta sắp sửa

[1] Nguyên văn: không có cái xe nào mà không có lúc gẫy.

xuống lỗ rồi mà còn bị Chúa trừng phạt đây. Gần trót đời rồi mà cũng chẳng được yên thân, chẳng được sung sướng! Bà hãy nhớ lấy lời tôi nói: rồi chúng ta sẽ chết như những đứa ăn mày cho mà xem, phải, sẽ chết như đồ ăn mày ấy!

Bà tôi cầm lấy tay ông tôi, ngồi xuống bên cạnh và khẽ cất tiếng cười nhẹ nhàng, vô tư lự:

- Rõ khổ! Như đồ ăn mày thì đã sao? Ông sợ à. Ông cứ việc yên chí ngồi nhà, tôi sẽ đi xin ăn. Ông không lo, người ta sẽ cho, chúng ta sẽ không đói đâu! Thôi, ông đừng nghĩ nữa!

Ông tôi bỗng cười khẽ và quay cổ lại, trông giống hệt như một con dê, ôm lấy cổ bà tôi, áp vào người bà, trông ông bé nhỏ, dúm dó. Ông nức nở:

- Ôi, ngốc quá, bà ngu ngốc một cách ngây thơ dại dột, trên đời này tôi chỉ còn có mình bà thôi! Bà chẳng thương tiếc cái gì cả, bà chẳng hiểu gì hết! Bà hãy nhớ lại xem: chẳng phải là vì chúng nó mà chúng ta đã làm việc, mà tôi đã mắc tội hay sao? Bây giờ chỉ mong sao chúng đền đáp lại cho chúng ta chút ít...

Tôi cũng nghẹn ngào và không nén được nữa, tôi nhảy từ trên lò sưởi xuống, chạy lại chỗ ông bà tôi. Tôi khóc vì đau xót, vì tôi chia sẻ nỗi đau đớn của ông bà tôi, tôi cũng khóc vì mẹ tôi đã về. Ông bà tôi để tôi cùng khóc, coi tôi như một người ngang hàng. Hai người ôm lấy tôi, siết chặt tôi trong tay, nước mắt giàn giụa. Ông tôi áp mặt vào mặt tôi thì thầm vào tai:

- Ôi, thằng quỷ con, mày cũng ở đây à? Mẹ mày về rồi, bây giờ mày sẽ ở với mẹ mày, còn ông, lão quỷ già độc ác này thì chẳng được tích sự gì nữa rồi! Cả bà vẫn hay nuông chiều mày nữa, cũng sẽ bị quên đi, có phải không? Chao ơi, lũ chúng bay...y...y thật là...

Rồi đẩy bà cháu tôi ra, ông tôi đứng dậy, nói to, giọng giận dữ:

- Chúng nó bỏ ta đi cả, mỗi đứa đi một ngả, đứa nào lo thân đứa ấy. Nào, gọi nó vào đây! Cho xong chuyện đi...

Bà tôi đi ra. Ông tôi cúi đầu và quay về phía các tượng thánh:

- Lạy Chúa nhân từ, xin Chúa biết cho con!

Rồi ông nắm tay đấm vào ngực thình thịch đến nỗi tôi thấy khó chịu, nói chung tôi không ưa cái kiểu ông tôi cầu Chúa, vì lúc nào ông tôi cũng có vẻ như khoe khoang trước Chúa.

Mẹ tôi bước vào, cái áo màu đỏ của mẹ tôi làm cho gian bếp có vẻ như sáng hơn. Mẹ tôi ngồi trên chiếc ghế đài cạnh bàn, ông và bà tôi ngồi hai bên; hai ống tay áo rộng thùng thình của mẹ tôi trải ra trên vai ông bà tôi. Mẹ tôi sẽ sàng và nghiêm nghị kể lể chuyện gì đó cho ông bà tôi nghe, còn ông bà tôi thì im lặng ngồi nghe, không ngắt lời. Lúc này ông bà tôi có vẻ trở thành bé bỏng bên cạnh mẹ tôi và tôi có cảm tưởng như mẹ tôi đang ngồi giữa hai đứa con.

Mệt mỏi vì xúc động, tôi ngủ thiếp đi trên nóc lò sưởi.

Đến chiều, ông bà tôi mặc quần áo ngày lễ và đi dự lễ nhà thờ. Ông tôi mặc bộ lễ phục của phường trưởng, ngoài khoác chiếc áo bằng lông gấu chuột, quần bỏ ngoài ủng. Bà tôi vui vẻ nháy mắt về phía ông tôi và bảo mẹ tôi:

- Nhìn bố mày kìa, rõ như một con dê non!

Mẹ tôi cười vui vẻ.

Khi còn lại một mình với tôi ở trong phòng, mẹ tôi ngồi xuống đi văng, xếp chân vòng tròn, lấy tay ra hiệu bảo tôi ngồi xuống bên cạnh:

- Lại đây với mẹ! Thế nào, con sống ra sao, kể chuyện cho mẹ nghe. Khổ lắm phải không?

Tôi sống ra sao ư?

- Con không biết, - tôi trả lời.

- Ông có đánh con không?

- Bây giờ thì không hay đánh mấy.

- Thế à? Con kể chuyện cho mẹ nghe đi, chuyện gì cũng được, nào!

Tôi không muốn kể về ông tôi. Tôi bèn nói rằng trong căn phòng này trước kia có một người rất đáng mến ở thuê, nhưng chẳng ai ưa bác ta cả, cuối cùng ông tôi đuổi bác ta đi. Xem ra mẹ tôi không thích chuyện này, mẹ tôi bảo:

- Ừ, thế còn chuyện gì nữa?

Tôi bèn kể chuyện ba thằng bé, chuyện lão đại tá đuổi tôi ra khỏi nhà lão. Mẹ tôi ôm chặt lấy tôi, nói:

- Quân chó má!

Rồi mẹ tôi im lặng, nheo mắt nhìn xuống sàn nhà, lắc đầu. Tôi hỏi mẹ tôi:

- Tại sao ông lại giận mẹ?

- Vì mẹ có lỗi với ông.

- Đáng lẽ mẹ nên đem em bé về cho ông...

Mẹ tôi giật mình, cau mày, cắn môi. Rồi mẹ tôi phá lên cười, ôm chặt lấy tôi.

- Thằng quỷ quái! Cấm không được nói đến chuyện ấy, nghĩ đến cũng không được, nghe chưa?

Mẹ tôi nói rất lâu, giọng thì thầm, vẻ mặt nghiêm trang, nhưng tôi không hiểu rõ mẹ tôi nói gì. Một lúc sau mẹ tôi đứng dậy và đi đi lại lại trong phòng, vừa đi vừa lấy ngón tay gõ gõ vào cằm, cặp lông mày rậm luôn luôn chuyển động.

Trên bàn, một ngọn nến mỡ bò đang cháy. Nến chảy ra, ánh nến phản chiếu vào khoảng không trong tấm gương. Những bóng đen bẩn thỉu bò trên sàn nhà. Trong góc phòng, trước tượng thánh, một ngọn đèn dầu cháy chập chờn. Dưới ánh trăng, những tấm kính cửa sổ phủ băng lóng lánh như bạc. Mẹ tôi đưa mắt nhìn xung quanh như muốn tìm kiếm một vật gì trên trần nhà và trên những bức tường trơ trụi.

- Bao giờ con đi ngủ?

- Chốc nữa.

- À, mà buổi trưa con đã ngủ rồi, - mẹ tôi nhớ ra và thở dài.

Tôi hỏi:

- Mẹ muốn đi phải không?

- Đi đâu? - mẹ tôi ngạc nhiên hỏi lại và, nâng đầu tôi lên, mẹ tôi nhìn vào mặt tôi rất lâu, lâu đến nỗi nước mắt tôi ứa ra.

- Sao thế con?

- Mẹ làm con đau cổ.

Tôi thấy đau cả trong tim nữa. Tôi cảm thấy ngay rằng mẹ tôi sẽ không thể sống ở cái nhà này đâu và mẹ tôi sẽ lại đi thôi.

- Con lớn lên sẽ giống bố, - mẹ tôi nói và lấy chân đá tấm thảm chùi chân sang bên. - Bà có kể chuyện gì về bố cho con nghe không?

- Có.

- Bà rất yêu bố Macxim của con, yêu lắm! Bố con cũng rất yêu bà...

- Con biết rồi.

Mẹ tôi nhìn ngọn nến, nhăn mặt. Mẹ tôi thổi tắt nến đi và nói:

- Thế này dễ chịu hơn!

Đúng vậy, tắt nến đi người ta có cảm giác mát mẻ và sạch sẽ hơn. Những bóng đen bẩn thỉu biến mất không nhảy múa nữa. Trên sàn nhà trải ra những vệt màu xanh nhạt. Những tia lửa vàng rực lấp lánh trên cửa kính.

- Vừa qua mẹ ở đâu?

Như nhớ lại một điều gì đã quên từ lâu lắm, mẹ tôi vừa kể tên một số thành phố, vừa đi lại trong phòng, nhẹ nhàng như một con chim cắt.

- Thế mẹ lấy đâu ra chiếc áo dài này?

- Mẹ khâu lấy đấy. Mọi thứ mẹ đều làm lấy cả.

Tôi lấy làm sung sướng thấy mẹ tôi không giống một người nào khác. Nhưng tôi buồn vì mẹ tôi ít nói quá, nếu tôi không hỏi thì mẹ tôi chẳng nói gì hết.

Một lúc sau mẹ tôi lại ngồi xuống đi văng bên cạnh tôi. Hai mẹ con cứ ngồi sát bên nhau, im lặng mãi đến khi ông bà tôi trở về, người nồng nặc mùi sáp và hương trầm, thái độ dịu dàng và lặng lẽ một cách trang trọng.

Mọi người ăn tối có vẻ khách khí giống như đi ăn cỗ. Trong lúc ăn, mọi người ít nói và thận trọng dường như sợ làm mất giấc ngủ chập chờn của người nào đấy.

Ít lâu sau mẹ tôi quyết định dạy tôi học chữ cái phổ thông.[1] Mẹ tôi hăng hái bắt tay vào công việc đó. Mẹ tôi mua về những cuốn sách nhỏ, trong đó có cuốn *Vần quốc ngữ*. Tôi học theo cuốn sách ấy và chỉ trong vài ngày đã đọc được chữ phổ thông. Nhưng rồi mẹ tôi bắt tôi học thuộc lòng các bài thơ, và thế là từ đó chúng tôi bắt đầu làm khổ lẫn nhau.

Bài thơ như thế này:

Con đường thẳng, con đường dài.
Ngươi lấy của Trời bao khoảng không gian.
Xẻng, rìu đâu dễ mà san,
Đường êm vó ngựa, đường toàn bụi bay...

Tôi đọc "vó ngựa" thành "vó cựa".

- Nào, hãy nghĩ kĩ đi, - mẹ tôi khuyên tôi. - Sao lại "vó cựa"? Thằng quỷ quái! "vó ngựa" chứ, hiểu chưa?

Tôi hiểu, nhưng vẫn đọc là "vó cựa", chính tôi cũng lấy làm lạ.

Thế là mẹ tôi cáu, bảo tôi là đần độn và bướng bỉnh làm tôi thật khổ tâm. Tôi cố gắng nhớ những câu thơ đáng

[1] Chữ cái Nga.

nguyền rủa ấy, và khi tôi đọc thầm thì không sai, nhưng hễ đọc to lên là thế nào cũng bị nhầm. Tôi đâm ra căm thù những dòng chữ khó nắm được đó. Giận quá, tôi bèn cố tình xuyên tạc. Tôi chọn những chữ đồng âm vô nghĩa đọc liền một mạch. Tôi rất thích thú khi những câu thơ ma quỷ đó không còn ý nghĩa gì nữa.

Nhưng trò chơi của tôi đã phải trả bằng một giá khá đắt. Một lần sau một buổi học có kết quả, mẹ tôi hỏi tôi đã học thuộc bài thơ chưa. Buột miệng, tôi nói lẩm nhẩm:

Con đường, bức tường, ngôi trường, cái giường.

Vó ngựa, ghế tựa, dao rựa...

Khi tôi nhớ ra thì đã muộn. Mẹ tôi chống hai tay lên bàn, đứng dậy và hỏi rành rọt từng tiếng:

- Như thế nghĩa là gì?
- Con không biết, - tôi thất kinh, trả lời.
- Sao?
- Con đọc vậy thôi ạ.
- Đọc vậy là thế nào?
- Để đùa thôi ạ!
- Đứng vào góc nhà kia!
- Để làm gì ạ?

Mẹ tôi nhắc lại, không hề to tiếng nhưng có vẻ hăm dọa:

- Vào góc nhà!
- Góc nào cơ ạ?

Mẹ tôi nhìn chằm chằm vào mặt tôi không trả lời khiến tôi bối rối. Tôi không hiểu mẹ tôi muốn gì. Trong góc nhà, phía dưới các tượng thánh, có một chiếc bàn tròn nhỏ, bên trên để chiếc bình đựng những loại cỏ và hoa khô rất thơm. Ở góc trước mặt tôi có kê một chiếc hòm, trên phủ một tấm thảm. Góc thứ ba kê một chiếc giường, còn góc thứ tư thì không có, vì chỗ đó là cái cửa.

- Con không hiểu mẹ muốn cái gì, - tôi nói, giọng tuyệt vọng.

Mẹ tôi ngồi phịch xuống, im lặng, lấy tay xoa trán và hai má. Sau đó mẹ tôi hỏi:

- Mày đã bị ông bắt đứng vào góc nhà bao giờ chưa?

- Bao giờ ạ?

- Một hôm nào đó, tao biết làm sao được! - mẹ tôi thét và giơ tay đập hai cái xuống mặt bàn.

- Không, con không nhớ.

- Mày có biết phải đứng vào góc nhà tức là bị phạt không?

- Không. Tại sao lại phạt ạ?

Mẹ tôi thở dài.

- Hừ, lại đây!

Tôi bước lại gần và hỏi mẹ tôi:

- Sao mẹ lại gắt con?

- Thế tại sao con cứ cố tình đọc sai bài thơ đi như vậy?

Tôi cố sức giải thích cho mẹ tôi hiểu rằng mỗi khi tôi nhắm mắt lại thì tôi nhớ được bài thơ in trong sách như thế nào, nhưng hễ tôi cứ đọc lên là thế nào cũng lẫn sang những tiếng khác.

- Con không giả vờ đấy chứ?

Tôi trả lời là không, nhưng ngay lúc đó tôi lại nghĩ: "Có thể là mình giả vờ chăng?" Rồi đột nhiên tôi thong thả đọc lại bài thơ và đọc rất đúng. Điều đó làm tôi kinh ngạc, và tôi sững sờ cả người.

Đứng trước mẹ tôi, tôi cảm thấy mặt mình bỗng như sưng lên, hai tai đỏ bừng và nặng trình trịch, đầu óc choáng váng. Tôi ngượng chín cả người. Qua nước mắt, tôi thấy mặt mẹ tôi tối sầm lại, buồn rầu, hai môi mím chặt, cặp lông mày nhíu lại.

- Thế là thế nào? - Mẹ tôi hỏi, giọng lạc hẳn đi. - Vậy ra là con nói dối mẹ?

- Con không biết. Con không chủ tâm làm thế...

Mẹ tôi cúi đầu xuống, nói:

- Tao thật khổ với mày! Thôi, đi đi!

Từ đó trở đi mẹ tôi càng bắt tôi học thuộc lòng nhiều thơ hơn. Nhưng trí nhớ của tôi thì càng ngày càng khó tiếp thu những dòng chữ đơn điệu ấy. Ở tôi, cái ý muốn tai ác xuyên tạc các câu thơ, chọn những chữ khác để thay vào, mà tôi không tài nào cưỡng lại được, càng ngày càng mạnh. Việc đó đối với tôi thật dễ dàng: những chữ không cần thiết cứ hiện ra hàng đống trong đầu tôi và trong chốc lát chúng làm xáo trộn tất cả những chữ ở trong sách mà tôi phải học. Nhiều khi cả một dòng chữ như trở thành những vật vô hình đối với tôi, và dù cho tôi cố gắng đuổi bắt thế nào, chúng cũng không chịu lọt vào trí nhớ tôi. Bài thơ đem lại cho tôi nhiều nỗi phiền nhất có lẽ là bài thơ đầy ai oán của hoàng thân Viazemxki[1]

Sáng sớm hay chiều tối,
Bao ông già, bà góa, trẻ côi
.....
Xin người vì Chúa giúp chúng tôi.

Còn câu thứ ba:

Xách bị kêu van ngoài cửa sổ.

thì tôi thường bỏ mất. Bực mình, mẹ tôi đem chuyện ấy mách ông tôi. Ông tôi đe:

- Đồ hư thân mất nết! Nó nhớ được chứ có phải không nhớ được đâu. Kinh Thánh nó còn thuộc hơn tao. Nó nói láo đấy: cái gì nó đã học được thì cứ như là khắc vào đá ấy! Mày cứ nện cho nó một trận!

Bà tôi cũng kể tội tôi:

---

[1] P.A. Viazemxki (1792 - 1878), nhà thơ và nhà phê bình Nga.

- Chuyện cổ tích nó nhớ hết, bài hát nó cũng nhớ, mà bài hát chẳng phải là thơ thì là cái gì?

Tất cả những điều ấy đều đúng. Tôi cảm thấy tôi có lỗi, nhưng hễ tôi cứ ngồi vào học thơ là những chữ khác ở đâu lại bò đến như những con gián và tự động xếp thành những dòng chữ đều đặn.

Ngoài cổng nhà ta,
Có bao người già và trẻ mồ côi,
Kêu van xin hạt cơm rơi,
Xin được liền mang tới
Nhà mụ Pet'rovna,
Bán cho mụ nuôi gà,
Rồi ra vực uống rượu.

Ban đêm nằm với bà tôi trên lò sưởi, tôi hay đọc lại cho bà tôi nghe đến chán tai tất cả những gì tôi học được qua sách vở và tất cả những gì tôi tự đặt ra. Đôi khi bà tôi cười, nhưng thường thì bà mắng tôi:

- Đấy, mày chẳng thấy mày có thể học thuộc lòng được là gì! Nhưng không được chế giễu những người ăn mày. Cầu Chúa hãy phù hộ cho họ! Ngày trước Chúa cũng nghèo và tất cả các thánh cũng vậy...

Tôi lẩm nhẩm:

Tôi không thích ăn mày,
Cũng chẳng ưa ông ngoại,
Biết làm sao bây giờ?
Lạy Chúa, hãy tha tội!
Ông tôi luôn tìm cớ
Để mà đánh đập tôi...

- Mày nói cái gì thế? Đem mà cắt lưỡi đi! - bà tôi nổi nóng. - Nhỡ ông mày nghe thấy thì sao?

- Mặc kệ!

- Cháu không nên tinh nghịch quá làm khổ mẹ cháu! Cháu không hư, mẹ cháu cũng đã có nhiều điều khổ tâm rồi, - bà tôi khuyên tôi bằng giọng âu yếm và có vẻ đăm chiêu.

- Sao mẹ cháu lại khổ tâm?

- Thôi, im đi! Mày không hiểu được đâu...

- Cháu biết rồi, tại vì ông...

- Mày có im đi không nào!

Cuộc sống của tôi thật nặng nề. Tôi có cảm giác gần như tuyệt vọng, nhưng không hiểu sao tôi cứ muốn giấu nó đi, tôi làm ra bộ thản nhiên và nghịch ngợm. Mẹ tôi bắt tôi học càng ngày càng nhiều, nhưng càng ngày tôi càng không hiểu những điều mẹ tôi dạy. Tôi học toán rất dễ dàng, nhưng tôi rất ghét môn chính tả, còn ngữ pháp thì tôi hoàn toàn chẳng hiểu gì cả. Nhưng điều làm tôi khổ tâm nhất là tôi đã thấy rõ mẹ tôi phải sống đau khổ trong cái nhà này. Mẹ tôi càng ngày càng hay cau có, nhìn mọi người bằng cặp mắt xa lạ, và thường ngồi rất lâu bên cửa sổ, yên lặng nhìn ra vườn. Mẹ tôi có vẻ tiều tụy hẳn đi. Những ngày đầu tiên mới về, mẹ tôi nhanh nhẹn, tươi vui. Trái lại, bây giờ mắt mẹ tôi thâm quầng. Suốt ngày mẹ tôi đi tha thẩn trong nhà, đầu tóc rối bù, quần áo nhàu nát, cúc áo không buồn cài. Tôi khổ tâm thấy mẹ tôi tiều tụy như vậy. Mẹ tôi lẽ ra bao giờ cũng phải đẹp đẽ, nghiêm trang, ăn mặc sạch sẽ hơn tất cả mọi người chứ?

Trong giờ học, cặp mắt mẹ tôi sâu thăm thẳm thường nhìn vào tường, nhìn ra ngoài cửa sổ như không trông thấy tôi. Người hỏi tôi bằng một giọng mệt mỏi, quên cả những câu tôi trả lời và ngày càng hay cáu gắt. Điều đó cũng làm cho tôi khổ tâm: tôi muốn mẹ tôi phải là người công minh hơn hết thảy mọi người, như trong các chuyện cổ tích vậy!

Thỉnh thoảng tôi hỏi mẹ tôi:

- Mẹ ở đây khổ lắm phải không?

Mẹ tôi trả lời giọng bực tức:

- Không phải việc của mày!

Tôi cũng nhận thấy hình như ông tôi đang mưu mô một việc gì khiến cho bà và mẹ tôi rất lo sợ. Ông tôi thường ngồi lì trong buồng mẹ tôi, và ông tôi than vãn, la hét, giọng nghe khó chịu như tiếng sáo gỗ của lão chăn cừu gù lưng Nacanorơ. Trong một cuộc cãi nhau như vậy mẹ tôi hét ầm cả nhà:

- Không, đừng có hòng!

Mẹ tôi đóng sầm cửa lại, còn ông tôi thì quát tháo ầm lên.

Lúc bấy giờ là buổi tối, bà tôi đang ngồi khâu áo cho ông tôi bên cửa cạnh chiếc bàn ở trong bếp, miệng lẩm bẩm cái gì một mình. Khi có tiếng cửa đóng sầm lại, bà tôi lắng nghe và nói:

- Nó lại đến chỗ bọn ở thuê rồi. Trời ơi!

Bỗng ông tôi từ ngoài xộc vào bếp, chạy lại chỗ bà tôi và nện một quả đấm vào đầu bà. Đoạn, vừa lắc bàn tay bị đau, ông vừa rít lên:

- Đừng có bép xép, mụ phù thủy kia!

- Ông là một lão già ngốc, - bà tôi vừa vấn lại tóc bị xổ vừa điềm tĩnh nói. - Dễ thường ông tưởng tôi sẽ im chắc? Tôi mà biết được những mưu mô gì của ông là tôi sẽ nói tất cho nó biết mà xem...

Ông tôi lao về phía bà tôi và giơ nắm đấm nện liên tiếp xuống đầu bà tôi. Bà tôi không chống đỡ, cũng không đẩy ông tôi ra, bà tôi chỉ nói:

- Được, cứ đánh đi, đánh nữa đi, đồ ngốc! Đấy, đánh đi!

Ở trên lò sưởi tôi liền lấy chăn gối và ủng ném vào hai người, nhưng ông tôi đang cơn giận nên không nhìn thấy. Bà tôi ngã lăn ra đất. Ông tôi lấy chân đá vào đầu bà tôi, cuối

cùng ông tôi vấp ngã lăn ra, làm đổ lênh láng cả thùng nước. Ông tôi bò dậy khạc nhổ và thở phì phì, nhìn ngó xung quanh bằng cặp mắt hung dữ, rồi bỏ chạy lên phòng riêng trên gác thượng. Bà tôi đứng dậy, rên rỉ, rồi ngồi xuống ghế gỡ tóc. Tôi ở trên lò sưởi nhảy xuống. Bà tôi, giọng bực tức, bảo tôi:

- Thu dọn chăn gối lại rồi cất tất cả lên trên lò sưởi kia! Tưởng thế là hay lắm! Việc gì đến mày? Cái lão quỷ già ấy, đang tự nhiên thì nổi cơn lên... Đồ ngốc!

Bỗng bà tôi nhăn mặt và rên rỉ rồi cúi đầu, gọi tôi lại:

- Thử xem chỗ này làm sao mà đau thế.

Tôi rẽ mớ tóc dày của bà tôi ra xem: thì ra một chiếc gim gài đầu đã đâm sâu vào da đầu bà tôi. Tôi lôi chiếc kim đó ra, nhưng lại thấy một chiếc khác. Ngón tay của tôi như bị tê dại đi.

- Để cháu gọi mẹ cháu, cháu sợ lắm!

Bà tôi xua tay;

- Mày điên à? Gọi mẹ mày ấy ư? Cám ơn Chúa, may mà mẹ mày không nghe thấy, không trông thấy! Thôi đi đi!

Rồi, với những ngón tay mềm mại của một người thợ thêu đăng ten, bà tôi tự tìm lấy kim trong mớ tóc đen và dày của mình. Đánh bạo, tôi giúp bà tôi lôi ra được hai chiếc kim nữa, to và cong.

Bà có đau không?

- Không sao. Mai bà sẽ đun nước, tắm gội một cái là hết.

Rồi, bà tôi dịu dàng hỏi tôi:

- Cháu yêu của bà, nhất là cháu đừng có nói gì với mẹ cháu rằng ông đánh bà đấy nhé! Nghe chưa? Ông cháu và mẹ cháu đã giận nhau sẵn rồi. Đừng nói nhé!

- Vâng.

- Được, nhớ đấy! Bây giờ bà cháu ta phải dọn dẹp chỗ này

lại. Mặt bà có sây sát gì không? Tốt, thế là mẹ cháu sẽ không hay biết gì hết...

Bà tôi bắt đầu lau sàn nhà. Tôi thành thật bảo bà tôi:

- Bà thật là một bà thánh! Bà bị hành hạ mãi như thế mà bà vẫn chịu được!

- Đừng có nói nhảm! Tao mà là thánh à? Học được ở đâu cái ấy đấy?

Bà tôi vừa bò trên mặt sàn để lau, vừa làu bàu rất lâu. Tôi ngồi trên bậc lò sưởi, nghĩ cách trừng trị ông tôi để trả thù cho bà.

Chưa bao giờ tôi thấy ông tôi đánh bà tôi tàn nhẫn và khủng khiếp như vậy. Trước mặt tôi, trong bóng tối lờ mờ, tôi như thấy hiện ra bộ mặt đỏ tía của ông tôi với đám tóc hung lất phất. Lòng tôi giận sôi lên, tôi bực mình vì không tìm được cách trả thù cho thật đích đáng.

Nhưng khoảng hai ba hôm sau, không hiểu có chuyện gì, tôi trèo lên gác thượng vào buồng ông tôi. Tôi thấy ông đang ngồi trên sàn, trước một cái hộp mở ngỏ và đang soạn những giấy tờ gì ở trong đó. Trên ghế có cuốn lịch Nhà thờ mà ông tôi rất quý: đó là mười hai tờ giấy dày màu xám, chia thành những ô vuông căn cứ theo số ngày trong một tháng, và trong mỗi ô vuông lại có in hình cả vị thánh của ngày đó. Ông tôi rất quý quyển lịch ấy, chỉ hãn hữu khi nào vì lí do gì đấy rất bằng lòng về tôi, ông tôi mới cho tôi xem. Còn tôi thì bao giờ cũng ngắm nghía những hình màu xám xin xít nhau nhỏ xíu và rất đáng yêu đó, với một cảm giác đặc biệt. Tôi có biết sự tích của một số vị thánh trong đó như Kiric và Ulita, Vacvara tử vì đạo,[1] Panteleimon và nhiều vị thánh khác. Đặc biệt tôi thích nhất sự tích buồn thảm của thánh Alecxei, người của Chúa, và những bài thơ tuyệt diệu về người mà bà tôi thường

[1] Thánh Vacvara tử vì đạo ở thế kỉ IV, bị bố là quan lại La Mã giết chết.

đọc cho tôi nghe một cách cảm động. Nhìn thấy hàng trăm hình ảnh thánh đó tôi lại thầm nghĩ để tự an ủi rằng bao giờ thì cũng vẫn có những người đau khổ.

Nhưng bây giờ tôi quyết định phải cắt nát cuốn lịch đó ra. Thừa lúc ông tôi đi lại phía cửa sổ để đọc một tờ giấy màu xanh có in hình chim phượng hoàng, tôi liền thủ luôn mấy tờ lịch và chạy thật nhanh xuống dưới nhà. Tôi lấy chiếc kéo trong ngăn bàn của bà tôi rồi leo lên nóc lò sưởi và bắt đầu cắt đầu các vị thánh. Cắt được một hàng, tôi bỗng thấy tiếc đã làm hỏng cuốn lịch, tôi bèn cắt theo đường kẻ chia các ô vuông. Nhưng tôi chưa kịp cắt xong hàng thứ hai thì ông tôi hiện ra, leo lên bậc lò sưởi và hỏi:

- Ai cho mày lấy lịch của tao?

Nhìn thấy những miếng ô vuông rải rác trên mặt lò, ông tôi nhặt lên xem rồi vứt đi, rồi lại nhặt một ô vuông khác. Mồm ông tôi méo xệch, chòm râu rung rung. Ông tôi thở mạnh đến nỗi những mảnh giấy nhỏ bay tung cả xuống đất.

- Mày làm gì thế này? - cuối cùng ông tôi hét lên, và cầm chân tôi lôi thật mạnh. Tôi ngã lộn xuống, bà tôi giơ hai tay ra đỡ lấy tôi. Nhưng ông tôi giơ nắm đấm đánh bà tôi và tôi, miệng thét:

- Tao sẽ giết chết nó.

Mẹ tôi chạy đến. Tôi nấp vào góc nhà, cạnh lò sưởi. Mẹ tôi đứng chắn trước mặt tôi, rồi vừa đỡ và gạt những cánh tay ông tôi đang vung trước mặt vừa nói:

- Thật quá tệ! Bố hãy bình tĩnh lại!

Ông tôi ngồi phịch xuống chiếc ghế dài ở bên cửa sổ, tru tréo:

- Chúng nó giết tôi rồi! Tất cả chúng nó đều chống lại tôi, ôi...

- Bố không biết xấu hổ à? - mẹ tôi nói, giọng khàn khàn. - Làm gì mà bố lúc nào cũng cứ giả vờ giả vịt như vậy?

Ông tôi la hét, giậm hai chân xuống ghế, chòm râu vểnh lên nom đến buồn cười, hai mắt thì nhắm nghiền lại. Tôi cũng cảm thấy hình như ông tôi ngượng với mẹ tôi và ông tôi quả có giả vờ thật, vì thế nên mới nhắm mắt lại.

- Rồi con sẽ lấy vải dán lại những tờ lịch đó cho bố, lại chẳng đẹp và chắc hơn ấy à, - mẹ tôi vừa nói vừa ngắm nghía những tờ lịch còn nguyên và những mảnh đã bị cắt vụn ra. - Lịch của bố cũng đã nhàu nát mủn cả ra rồi đây này...

Mẹ tôi nói với ông tôi bằng giọng tựa như nói với tôi trong những lúc bảo tôi học, khi tôi có điều gì không hiểu. Bỗng ông tôi đứng dậy, ra vẻ vội vã, xốc lại áo sơ mi và gilê, khạc nhổ và nói:

- Mày dán lại ngay trong ngày hôm nay cho tao! Tao sẽ đem xuống cho mày nốt những tờ còn lại...

Ông tôi bước ra, nhưng đi đến ngưỡng cửa lại quay lại, giơ ngón tay khòng khòng chỉ vào tôi và nói:

- Còn nó thì phải nện cho nó một trận!

- Phải rồi! -mẹ tôi đáp.

Quay về phía tôi, mẹ tôi hỏi:

- Sao con lại làm thế?

- Con cố ý làm thế đấy! Ai bảo ông đánh bà... Ông còn đánh bà nữa thì con cắt râu đi ấy chứ!

Bà tôi cởi chiếc áo ngoài rách ra, lắc đầu, nói với vẻ trách móc:

- Thế mà cháu đã hứa với bà cháu sẽ không nói đấy!

Rồi nhổ nước bọt xuống sàn nhà, bà tôi nói thêm:

- Sao lưỡi mày nó không sưng lên để cho mày đừng ngọ nguậy lưỡi nữa!

Mẹ tôi nhìn bà tôi và đi đi lại lại trong bếp, rồi đi tới bên tôi:

- Ông đánh bà bao giờ?

- Còn mày nữa, Vacvara, mày hỏi nó thế mà không biết ngượng à? Việc gì đến mày nào? - bà tôi bực tức nói.

Mẹ tôi ôm lấy bà tôi:

- Ôi, mẹ, mẹ yêu quý của con!

- Thôi đi, mẹ mẹ con con cái gì! Lui ra!

Hai người nhìn nhau và bỗng im bặt, buông nhau ra; ở phòng ngoài có tiếng chân của ông tôi.

Ngay từ khi mới về, mẹ tôi đã đánh bạn với cái mụ ở thuê rất vui tính là vợ lão nhà binh ở phòng ngoài. Và hầu như tối nào mẹ tôi cũng sang chơi bên nhà mụ ta, ở đó có cả những bà sang trọng và những gã sĩ quan ở nhà Betleng cũng đến. Điều đó khiến ông tôi không thích. Đã nhiều lần, ngồi ăn tối ở trong bếp, ông tôi giơ cái thìa lên dọa nạt, miệng làu bàu:

- Cái lũ khốn kiếp ấy lại tụ tập với nhau rồi! Từ giờ đến sáng là chúng nó không cho ai chợp mắt được nữa đâu!

Ít lâu sau ông tôi yêu cầu những người thuê nhà dọn đi nơi khác. Sau khi họ đi rồi, ông tôi chở ở đâu về hai xe toàn những đồ đạc linh tinh. Ông tôi đem đặt vào hai phòng ngoài và lấy một cái khóa thật to khóa lại.

- Chẳng cần cho thuê nữa! Bây giờ tao sẽ mời khách khứa đến chơi!

Và từ đó cứ đến ngày lễ là trong nhà lại có khách. Thường đến có bà em gái của bà tôi tên là Mat'riona Ivanovna làm nghề thợ giặt. Bà ta có cái mũi to, hay lắm lời, thường mặc một chiếc áo dài lụa kẻ sọc và trùm một chiếc khăn màu vàng óng. Cùng đi với bà có hai người con trai bà ta: một người tên là Vaxili làm thợ vẽ, để tóc dài, rất tốt và vui tính, thường mặc toàn một màu xám; người thứ hai là Victor thích màu sắc lòe loẹt, đầu như đầu ngựa, mặt dài và đầy tàn hương. Vừa mới đến phòng ngoài, chưa kịp cởi giày cao su, cậu ta đã hát lên the thé hệt như Petrusca[1] vậy:

---

[1] Nhân vật chính trong các rạp hát múa rối dân gian của Nga.

- Bố Andrei, bố Andrei...

Cái đó làm tôi rất ngạc nhiên và sợ hãi.

Cậu Iacov thường đến xách theo cây đàn ghi ta. Cậu hay cùng đến với một bác thợ đồng hồ chột mắt và hói đầu. Bác này mặc một chiếc áo dài đen, trông giống như một thầy tu. Bác ta rất kín đáo, bao giờ cũng ngồi vào một góc, ngoẹo đầu sang bên một cách kì lạ và mỉm cười, ngón tay chống vào chiếc cằm có hai ngấn, cạo nhẵn, Nước da bác ngăm ngăm đen, con mắt độc nhất của bác nhìn mọi người với vẻ chăm chú đặc biệt. Bác ít nói và thường hay lặp đi lặp lại một câu:

- Xin đừng phiền hà, thế nào cũng được...

Khi nhìn thấy bác ta lần đầu tiên, tôi bỗng nhớ lại một chuyện đã lâu lắm, khi chúng tôi còn ở phố Novaia. Một hôm tôi nghe thấy ở ngoài cổng có tiếng trống đánh dồn dập, náo động. Chạy ra xem, tôi thấy một chiếc xe ngựa cao, sơn đen đang đi trên đường từ phía nhà giam tới quảng trường, lính và dân chúng vây chung quanh xe. Ngồi trên xe là một người thấp bé, bị xích, đầu đội chiếc mũ tròn bằng dạ, trên ngực đeo tấm bảng đen có ghi những chữ trắng lớn. Người đó ngồi gục đầu xuống, tựa như đang đọc tấm bảng, người lắc lư, tiếng xích kêu lẻng xẻng. Vì vậy khi mẹ tôi bảo với bác thợ đồng hồ: "Đây là con tôi" thì tôi hoảng hốt, vội lùi lại và giấu hai tay ra đằng sau.

- Xin đừng phiền hà,-bác ta nói, mồm nhếch lên phía mang tai bên phải, trông thật đáng sợ.

Bác ôm ngang thắt lưng tôi, kéo tôi lại nhẹ nhàng xoay tít người tôi một vòng. Sau đó bác buông tôi ra, nói với vẻ khen ngợi:

- Khá đấy, chú bé khỏe lắm...

Tôi lủi vào một góc nhà, ngồi thu lu trên chiếc ghế bành bằng

dạ. Chiếc ghế to đến nỗi tôi có thể nằm vào trong đó được. Ông tôi rất hãnh diện về chiếc ghế ấy vì cứ theo lời ông tôi nói, thì chiếc ghế đó trước kia là của bá tước Gruzinxki. Ngồi trên đó tôi nhìn cuộc vui chơi tẻ nhạt của người lớn và ngắm nét mặt luôn luôn thay đổi một cách kì lạ và khả nghi của bác thợ đồng hồ. Bộ mặt của bác ta lẩy nhẩy những mỡ, nhão nhoét như sắp tan thành nước. Mỗi khi cười, cặp môi dày của bác lại dồn cả về má bên phải, còn chiếc mũi nhỏ xíu cũng di động tựa như quả trứng đặt trên đĩa. Hai cái tai lớn vểnh lên cử động một cách kì lạ, lúc thì rướn lên cùng với lông mày của con mắt lành, lúc thì cụp xuống hai bên gò má. Và khi đó người ta có cảm tưởng là nếu muốn, bác ta có thể dùng hai tai che kín mũi, như ta lấy hai bàn tay úp lại vậy. Thỉnh thoảng, những lúc thở dài, bác ta lại để thò ra cái lưỡi đen, tròn như cái chày; rồi bác nhanh nhẹn đưa lưỡi liếm một vòng cặp môi dày và nhờn. Tất cả những cái ấy không có gì thích thú, mà chỉ làm cho tôi ngạc nhiên và khiến tôi nhìn bác thợ đồng hồ không rời mắt.

Mọi người uống trà pha rượu rum có mùi lá hành cháy; uống các thứ rượu ngọt của bà tôi: có thứ màu vàng như vàng nén, có thứ đen như hắc ín và có thứ màu xanh lá cây; ăn varentsi loại ngon và bánh bơ làm với mật có rắc hạt anh túc. Ai nấy mồ hôi đầm đìa, thở phì phò, vừa ăn vừa khen ngợi bà tôi. Cuối cùng, khi đã ăn uống no nê, mặt mũi đỏ bừng, mọi người lễ phép ngồi vào ghế và đề nghị cậu Iacov chơi đàn, nhưng không thiết tha lắm.

Cậu cúi xuống cây đàn ghi ta và vừa gảy vừa hát theo bằng một giọng nghe rất khó chịu:

Chúng ta đã sống theo sở thích,
Náo động, xôn xao khắp phố phường,
Mọi chuyện chúng ta đều kể hết.
Cho bà quý tộc ở Cazan,...

- Iasa, mày chơi một bài nào khác đi? - bà tôi nói, - một bài thật hay ấy! Mot'ria,[1] cô có còn nhớ những bài hát ngày xưa không?

Sửa lại tấm áo dài kêu sột soạt, bà thợ giặt nói ra vẻ quan trọng:

- "Mốt" bây giờ khác rồi, bà chị ạ...

Cậu Iacov nheo mắt nhìn bà tôi, như thể bà ngồi cách xa lắm. Cậu vẫn tiếp tục chơi những điệu nhạc buồn, hát những lời nghe đến khó chịu.

Ông tôi nói chuyện với bác thợ đồng hồ với một vẻ bí mật và tính toán cái gì đó trên mấy ngón tay. Bác này rướn lông mày lên, ngó về phía mẹ tôi và gật đầu. Bộ mặt nát nhẽo của bác ta thoáng rung rung.

Mẹ tôi bao giờ cũng ngồi giữa hai anh em Xecgeev.[2] Vẻ mặt trang nghiêm, mẹ tôi thì thầm nói chuyện với cậu Vaxili. Cậu thở dài và đáp:

- Phải đấy, chuyện ấy cần phải suy nghĩ cho kĩ...

Cậu Victor thì cười có vẻ hể hả, lết hai chân sền sệt trên sàn rồi bỗng nhiên hát lên the thé:

- Bố Andrei, bố Andrei...

Mọi người ngạc nhiên im bặt, đưa mắt nhìn cậu. Làm ra vẻ quan trọng, bà thợ giặt giải thích:

- Nó bắt chước rạp hát đấy, chả ở đấy người ta hát như vậy mà...

Có đến hai hay ba tối như vậy, những buổi tối thật là chán hết sức, đến nỗi tôi không thể quên được. Sau đó, một buổi trưa chủ nhật, ngay sau buổi lễ cuối bác thợ đồng hồ lại tới. Tôi đang ngồi trong buồng giúp mẹ tôi gỡ những hạt cườm trên một bức thêu đã rách. Cửa ra vào bỗng hé mở, bà tôi thò bộ mặt hoảng hốt vào và thì thào:

---

[1] Tức Mat'riona Ivanovna.
[2] Tức Vaxili và Victor.

- Hắn đến rồi đấy, Varia! - và lại biến đi ngay tức khắc.

Mẹ tôi vẫn ngồi im, không nhúc nhích. Cửa lại mở và ông tôi hiện ra trên ngưỡng cửa, trịnh trọng nói:

- Vacvara, con mặc quần áo vào rồi ra đây!

Không đứng lên, cũng chẳng buồn nhìn ông tôi, mẹ tôi hỏi:

- Ra đâu?

- Đi, cầu Chúa thương cho mày! Đừng cãi nữa! Hắn là người hiền lành, thạo nghề, xứng đáng là bố của thằng Lecxei...

Ông tôi nói với vẻ quan trọng khác thường. Hai bàn tay ông tôi cứ sát mãi vào hai bên sườn, hai khuỷu tay quặt ra sau lưng, run run, tựa như chúng muốn nhoài ra đằng trước mà bị ông tôi giữ lại.

Mẹ tôi bình tĩnh ngắt lời:

- Con đã bảo bố rằng không được mà lại...

Ông tôi bước tới gần mẹ tôi, hai tay giơ ra phía trước như người mù, rồi cúi xuống vẻ giận dữ, nói như rên rỉ:

- Đi! Nếu không tao sẽ nắm tóc mày lôi đi...

- Lôi à? - mẹ tôi đứng dậy, hỏi lại.

Mặt mẹ tôi tái đi, hai con mắt nhíu lại trông thật đáng sợ. Mẹ tôi nhanh nhẹn cởi tất cả váy áo ngoài ra, chỉ còn mặc mỗi chiếc áo lót. Sau đó mẹ tôi tiến đến trước mặt ông tôi:

- Đây, đưa tôi ra!

Ông tôi nghiến răng lại, giơ nắm tay ra dọa mẹ tôi:

- Vacvara, mặc áo xống vào!

Mẹ tôi lấy tay gạt ông tôi ra, nắm lấy quả đấm cửa:

- Nào, ta đi ra!

- Tao sẽ nguyền rủa mày, - ông tôi thì thào.

- Tôi chẳng sợ! Thế nào, ra chứ?

Mẹ tôi mở toang cửa ra, nhưng ông tôi nắm lấy vạt áo lót giữ lại rồi quỳ xuống, thì thào:

- Vacvara, đồ quỷ sứ, mày muốn chết hay sao? Đừng làm nhục tao...

Rồi ông tôi rên rỉ khe khẽ, giọng thảm thiết:

- Bà nó ơi, bà nó ơi...

Bà tôi đã đứng chắn lối đi của mẹ tôi và giơ hai tay xua mẹ tôi như xua gà để dồn mẹ tôi vào trong buồng. Bà tôi càu nhàu, tiếng nói rít qua kẽ răng:

- Varia, mày định làm trò gì thế hở con ngốc kia? Đi vào, rõ không biết dơ.

Bà tôi đẩy mẹ tôi vào buồng, cài cửa lại, rồi cúi xuống, một tay đỡ ông tôi dậy, tay kia nhứ nhứ đe dọa:

- Ôi, lão quỷ già này, đồ ngu xuẩn!

Bà tôi ấn ông tôi ngồi phịch xuống đi văng như một con búp bê làm bằng giẻ rách, mềm há hốc, đầu lắc lư. Bà tôi quát mẹ tôi:

- Mặc áo xống vào, con kia!

Mẹ tôi vừa nhặt chiếc áo dài ở dưới sàn lên, vừa nói:

- Tôi không ra với lão ta đâu, mẹ hiểu chưa?

Bà tôi đẩy tôi từ trên đi văng xuống:

- Lấy cho tao gáo nước, nhanh lên!

Bà tôi nói khẽ, gần như thì thầm, nhưng giọng bà bình tĩnh và kiên quyết. Tôi chạy ra ngoài. Ở gian phòng phía trước nhà có tiếng bước chân đi lại nặng nề và đều đặn. Trong buồng bỗng có tiếng mẹ tôi thét lên:

- Mai tôi sẽ đi khỏi đây!

Tôi vào bếp, ngồi xuống bên cửa sổ, tưởng như mình đang trong giấc mơ.

Có tiếng ông tôi rền rĩ, nức nở, tiếng bà tôi càu nhàu, sau đó có tiếng đóng sập cửa, và không khí trở lại yên tĩnh, ghê sợ. Sực nhớ ra là mình bị sai đi làm gì, tôi lấy cái gáo đồng, múc một gáo nước và bước vào phòng ngoài. Tôi gặp bác thợ đồng hồ đi ra, đầu cúi gằm, tay mân mê chiếc mũ lông, miệng lầu

bàu. Bà tôi chắp hai tay vào bụng, vừa đi theo vừa cúi chào và nói khẽ:

- Bác cũng biết đấy, ép dầu ép mỡ chứ ai nỡ ép duyên...

Bác ta vấp phải bậc cửa, hấp tấp đi ra sân. Bà tôi đưa tay làm dấu, toàn thân run lên, không biết bà tôi đang cười hay là khóc thầm...

- Bà làm sao thế? - tôi chạy đến và hỏi.

Bà tôi giằng lấy gáo nước, giội vào chân tôi và quát:

- Mày lấy nước mà đi đâu từ nãy đến giờ? Đóng cửa lại!

Rồi bà tôi trở vào phòng mẹ tôi, còn tôi lại đi xuống bếp. Tôi nghe thấy ông bà tôi và mẹ tôi ở buồng bên cạnh rên rỉ, than vãn và cằn nhằn lẫn nhau, hệt như đang phải khiêng những vật nặng quá sức từ chỗ nọ sang chỗ kia vậy.

Hôm ấy là một ngày trong sáng. Những tia nắng mùa đông chiếu xiên vào hai chiếc cửa sổ, xuyên qua lần cửa kính phủ đầy băng. Trên chiếc bàn đã dọn sẵn để ăn trưa, bát đĩa bằng nhôm lấp lánh một thứ ánh sáng mờ đục, một chiếc bình đựng nước cvax màu hung đỏ và một chiếc nữa đựng rượu votca màu xanh thẫm có ngâm cây hoắc hương và tiểu liên kiều của ông tôi. Qua những chỗ băng tan trên cửa sổ nhìn thấy tuyết trắng xóa lấp lánh trên các mái nhà. Các cột hàng rào và nóc chuồng sáo như đội những chiếc mũ nhỏ lóng lánh bằng bạc. Trong những chiếc lồng tràn đầy ánh nắng treo trên cửa sổ, các chú chim của tôi đang đùa nghịch: những con chim bạch yến vui nhộn, rất dạn người đang hót líu lo, các chú chim sơn tước hót lanh lảnh, chim kim oanh kêu thánh thót. Nhưng cái ngày vui vẻ, trong sáng và rộn ràng đó không làm cho tôi vui được. Tôi cảm thấy nó vô ích và tất cả mọi thứ cũng đều vô ích. Tôi muốn thả những con chim của tôi ra. Tôi bèn hạ lồng xuống. Bỗng bà tôi xộc vào, đập hai tay vào hông, chạy đến bên bếp lò và rủa:

- Quân khốn kiếp! Quân on bắt chúng mày đi! Mình thật là một mụ già ngu ngốc...

Bà tôi lôi ở trong bếp ra một chiếc bánh nướng, lấy ngón tay đập đập vào vỏ ngoài rồi giận dữ nhổ toẹt xuống đất.

- Thôi, thế là khô hết cả rồi! Mình chỉ định nướng lại một tí cho nóng! Ôi, quỷ thần, sao không xé xác tất cả các người ra! Còn mày, việc gì mà giương mắt thao láo ra như cú vọ thế kia? Không hiểu tại sao tao lại không đập nát tất cả các người ra như đập những chiếc hũ cũ vậy.

Bà tôi khóc mếu máo, cầm chiếc bánh lật đi lật lại, mấy ngón tay gõ vào chiếc vỏ khô cứng. Những giọt nước mắt lớn nặng nề nhỏ xuống vỏ chiếc bánh. Ông tôi và mẹ tôi bước vào bếp. Bà tôi cầm chiếc bánh ném mạnh xuống bàn đến nỗi nảy cả bát đĩa lên.

- Đây, trông xem, tại các người đấy! Sao các người không chết đi cho rảnh mắt!

Mẹ tôi, thái độ vui vẻ và bình tĩnh, ôm lấy bà tôi và khuyên bà tôi đừng buồn. Ông tôi ngồi vào bàn, vẻ mệt mỏi tiều tụy, buộc chiếc khăn ăn vào cổ. Ánh nắng làm cặp mắt sưng húp của ông tôi nheo lại. Ông tôi càu nhàu:

- Thôi được, không sao đâu! Chúng ta cũng đã từng ăn những bánh nướng ngon rồi! Chúa vốn hà tiện. Người ta phụng sự Chúa năm này qua năm khác, nhưng để trả công, Chúa chỉ cho được vài phút hạnh phúc mà thôi... Đối với Chúa đừng có mong gì lời lãi... Nào, ngồi xuống đây, Vacvara con! Thôi không nói đến chuyện ấy nữa.

Ông tôi như người điên, suốt bữa ăn chỉ toàn nói đến Chúa, đến Asap tội lỗi,[1] đến nỗi khó nhọc của người làm cha...

---

[1] Vua Do Thái ở thế kỉ IX trước công nguyên cho nhân dân thờ ngẫu tượng, vì thế mà bị nhà tiên tri Eli nguyền rủa.

Bà tôi ngắt lời ông tôi, giọng bực tức:

- Thôi, ăn đi!

Mẹ tôi thì nói đùa, cặp mắt sáng long lanh:

- Thế nào, ban nãy con sợ lắm phải không? - mẹ tôi hỏi và lấy khuỷu tay hích tôi.

Không, lúc ấy tôi không sợ lắm, nhưng bây giờ tôi cảm thấy ngượng nghịu và tôi không hiểu gì cả. Như mọi ngày lễ, mọi người ăn rất nhiều và rất lâu. Và tôi có cảm tưởng như đó không phải là những người nửa giờ trước vừa mới rầy la nhau, chực đánh nhau, vừa mới khóc lóc, sụt sùi. Tôi không thể nào có thể tin những chuyện cãi cọ khóc lóc của họ được nữa.

Những giọt nước mắt, những tiếng la hét và những sự giày vò lẫn nhau đó thường xảy ra luôn và cũng chấm dứt rất nhanh, tất cả những cái đó đã trở thành quen thuộc đối với tôi, càng ngày càng ít làm tôi xúc động và chỉ làm cho trái tim tôi rung động rất ít thôi.

Mãi rất lâu về sau tôi mới hiểu rằng những người dân Nga, do cuộc sống nghèo khổ và buồn tẻ, nói chung họ ưa giải trí bằng sự đau khổ, họ đùa với nó như con nít và ít khi cảm thấy xấu hổ vì bất hạnh. Giữa những chuỗi ngày vô tận thì sự đau khổ là một ngày hội và cháy nhà là một trò giải trí. Trên một bộ mặt nhẵn thín thì vết xây xát cũng thành một thứ trang sức...

XI

Sau câu chuyện ấy mẹ tôi hình như trở nên vững vàng hơn, cứng rắn hơn và trở thành người chủ thực sự trong nhà, còn ông tôi thì hoàn toàn khác trước, ông tôi thường hay tránh mặt, tư lự và trầm lặng.

Hầu như ông tôi không đi ra khỏi nhà nữa, lúc nào cũng ngồi một mình trên gác thượng để đọc một quyển sách huyền bí nhan đề là: *Kí ức của cha tôi*. Ông tôi cất quyển sách trong một cái hòm con khóa kín lại và nhiều lần tôi đã thấy ông tôi rửa tay cẩn thận trước khi lấy quyển sách ra xem. Đó là một quyển sách khổ nhỏ, dày cộp, bìa da màu da cam; trên tờ giấy màu xanh nhạt để trắng ở đầu cuốn sách có ghi một dòng đề tặng viết nắn nót bằng thứ mực đã bạc màu: "Tặng Vavili Casirin kính mến để tỏ lòng biết ơn và để nhớ nhau mãi". Bên dưới là một chữ kí lạ, nét bút gạch dưới giống như con chim đang bay. Sau khi lật tờ bìa cứng ra một cách thận trọng, ông tôi đeo đôi mục kính gọng bạc và nhăn mũi lại để giữa cặp kính rồi ngắm nghía dòng chữ trên. Nhiều lần tôi hỏi quyển sách đó là sách gì, lần nào ông tôi cũng trang nghiêm trả lời:

- Cái đó cháu không cần biết. Đợi khi nào ông chết ông sẽ để lại cho cháu. Cả cái áo khoác lông gấu chuột nữa ông cũng để lại cho cháu.

Ông tôi chuyện trò với mẹ tôi ít hơn và dịu dàng hơn, ông tôi chú ý lắng nghe lời mẹ tôi nói, mắt long lanh như mắt bác Piot, rồi xua tay lúng túng trong miệng:

- Thôi được! Mày muốn làm thế nào thì làm...

Trong các hòm riêng của ông tôi có lắm thứ áo quần kì lạ: những chiếc váy bằng nhiễu, áo gi lê bằng xa tanh, những bộ xarafan[1] lụa thêu chỉ bạc, các mũ đội có đính ngọc trai, khăn quàng và khăn vuông màu rực rỡ, những chuỗi hột của người Mordvin nặng trình trịch cũng những chuỗi bằng đá màu. Ông tôi ôm tất cả vào buồng mẹ tôi, bày cả lên bàn, lên ghế. Mẹ tôi đứng ngắm nghía những đồ trang sức đó, ông tôi bảo:

- Thời tao còn trẻ, áo quần đẹp hơn và sang trọng hơn bây giờ nhiều! Người ta ăn mặc quần áo sang trọng hơn

[1] Trang phục của phụ nữ nông dân, một loại váy mặc ngoài không có tay (hay có tay bồng),

nhưng sống giản dị hơn, hòa thuận hơn. Thời ấy đã qua rồi, không trở lại nữa! Nào, mày cầm mặc thử xem có đẹp không...

Một hôm mẹ tôi mang áo quần sang phòng bên cạnh một lúc và khi quay lại trông khác hẳn: người mặc bộ xarafan màu xanh thêu kim tuyến, đầu đội mũ có đính ngọc trai. Mẹ tôi cúi rạp trước mặt ông tôi và hỏi:

- Thưa thân phụ, thử ngắm xem con có đẹp không?

Ông tôi ầm ừ tán thưởng, mặt tươi hẳn lên, đi một vòng xung quanh mẹ tôi, hai tay dang ra, ngón tay động đậy, và lẩm bẩm như đang mê ngủ:

- Ồ, Vacvara, giá mà mày có nhiều tiền và có những người tốt bụng xung quanh mày...

Bây giờ mẹ tôi được ở hai gian phòng về phía trước ngôi nhà. Mẹ tôi thường có khách khứa đến luôn, hay đến chơi nhất là anh em Macximov: người anh là Piot, một sĩ quan lực lưỡng điển trai, có bộ râu rậm vàng hoe và đôi mắt xanh biếc; chính ông ta là người chứng kiến việc tôi bị ông tôi nện cho một trận nên thân vì tội nhổ vào đầu lão quý tộc; người em là **Evgheni**, cũng cao lớn, đôi chân nhỏ nhắn, mặt tái mai mái, có bộ râu cằm nhọn và đen, đôi mắt to giống như hai quả mận. **Evgheni** mặc bộ đồng phục màu xanh nhạt[1] có hàng cúc mạ vàng và dòng chữ tên riêng cũng mạ vàng trên vai áo hẹp. Ông ta thường lắc đầu rất duyên dáng để hất mái tóc quăn dài rũ trên cái trán cao và nhẵn bóng lên, ông mỉm cười ra vẻ kẻ cả và thường hay kể chuyện với giọng khàn khàn, bắt đầu bằng những lời khéo léo:

- Các vị có biết không, theo ý tôi thì...

Mẹ tôi thường nghe ông ta nói, cặp mắt lim dim, mỉm cười và thường ngắt lời ông:

---

[1] Đồng phục màu xanh nhạt của sinh viên thời ấy.

- Xin lỗi, ông như trẻ con ấy, ông Evgheni Vaxilievitr...

Viên sĩ quan đập bàn tay to rộng lên đầu gối và kêu lên:

- Chính thế, đúng là trẻ con...

Năm ấy, những ngày lễ Noel thật là vui vẻ và náo nhiệt, hầu như tối nào cũng có khách khứa ăn mặc trá hình đến thăm mẹ tôi, mẹ tôi cũng mặc trá hình - bao giờ cũng đẹp hơn mọi người - và thường cùng với khách đi chơi.

Cứ mỗi khi mẹ tôi với đám bạn bè mặc quần áo sặc sỡ ra khỏi cổng là tôi thấy ngôi nhà lại như bị chìm sâu xuống đất, khắp nơi trở nên vắng lặng, buồn chán và dễ sợ. Bà tôi lạch bạch như một con ngỗng già đi khắp các phòng dọn dẹp, còn ông tôi thì đứng tựa lưng vào thành lò sưởi ấm và nói lẩm bẩm một mình:

- Được, tốt lắm... Rồi kết quả ra sao...

Sau lễ Noel mẹ tôi đưa tôi và Xasa, con cậu Mikhail đến trường. Bố của Xasa lấy vợ kế và ngay từ mấy ngày đầu người dì ghẻ đã tỏ ra không yêu thương gì đứa con chồng, bắt đầu đánh đập nó. Theo lời khẩn khoản của bà tôi, ông tôi nhận đưa Xasa về nuôi. Chúng tôi đi học được một tháng, trong tất cả những điều người ta dạy tôi ở trường, tôi chỉ nhớ là khi có ai hỏi:

- "Tên em là gì?", thì không được trả lời trống không: "Pescov", mà phải nói: "Em tên là Pescov".

Cũng như cấm không được nói với thầy giáo:

- "Này người anh em, đừng có quát tháo, tôi chẳng sợ người anh em đâu..."

Ngay từ đầu tôi đã không thích trường học, còn thằng em họ tôi mấy hôm đầu tỏ ý rất thích, nó kết bạn một cách dễ dàng. Nhưng một hôm đang giờ học nó ngủ gật và thình lình trong giấc mơ thét lên một tiếng nghe phát khiếp:

- Cháu xin chừa...

Khi người ta đánh thức nó dậy, nó xin phép ra ngoài, nó bị bạn bè cười cho một mẻ. Cho nên sáng hôm sau, khi hai đứa chúng tôi đang trên đường đi học, đến chỗ khe vực ở quảng trường Xennaia thì nó đứng lại và bảo tôi:

- Mày đi học đi, tao không đi đâu! Tao đi chơi thích hơn.

Nói rồi Xasa ngồi xổm xuống, vùi bọc sách vở cẩn thận vào trong tuyết và bỏ đi. Hôm ấy là một ngày tháng giêng trong trẻo, mọi vật lấp lánh dưới ánh mặt trời sáng như bạc. Tôi rất muốn đi chơi như Xasa, nhưng cố dằn lòng lại để đi học, vì không muốn làm cho mẹ tôi buồn phiền. Sách vở của Xasa cố nhiên là bị mất, và hôm sau nó lại có lí do chính đáng để không đi học. Đến ngày thứ ba thì ông tôi biết chuyện.

Chúng tôi bị đưa ra trước "tòa": ông tôi, bà tôi và mẹ tôi đều ngồi vào bàn trong bếp và hỏi cung chúng tôi. Tôi còn nhớ Xasa trả lời rất ngộ nghĩnh những câu hỏi của ông tôi:

- Sao mày lại không đến trường?

Đôi mắt hiền lành của Xasa nhìn chằm chặp vào mặt ông tôi, và nó chậm rãi trả lời:

- Cháu quên không biết trường ở đâu.

- Quên à?

- Vâng, cháu đã tìm mãi, tìm mãi...

- Sao mày không đi theo thằng Lecxei, nó nhớ đấy!

- Cháu lạc mất nó!

- Lạc mất thằng Lecxei ấy à?

- Vâng.

- Sao lại thế được?

Xasa suy nghĩ một lúc, thở dài và nói:

- Bão tuyết mù mịt, chẳng nom thấy gì cả.

Mọi người đều bật cười: hôm ấy đẹp trời và sáng sủa, Xasa cũng cười một cách dè dặt, ông tôi lại giễu cợt hỏi, hai hàm răng rít lại:

- Sao mày không nắm tay hay nắm lấy thắt lưng nó?

- Cháu có nắm nhưng gió mạnh quá thổi bay cháu đi. - Xasa giải thích.

Xasa với giọng uể oải, không tin tưởng, tôi thấy khó chịu phải nghe những lời nói dối vụng về vô ích ấy, và rất ngạc nhiên về thái độ bướng bỉnh của nó.

Kết quả là cả hai chúng tôi đều bị một trận đòn. Và ngay hôm đó ông thuê một lão già, nguyên là lính cứu hỏa cũ bị gãy tay, để đưa chúng tôi đi học. Lão có nhiệm vụ trông nom Xasa để nó khỏi phá ngang trên con đường tiến vào khoa học. Nhưng biện pháp ấy cũng chẳng ăn thua: ngay hôm sau vừa tới khe vực thì thình lình Xasa cúi xuống tháo chiếc ủng dạ ném đi thật xa, rồi tháo nốt chiếc kia ném về hướng khác và cứ để chân đi tất thế mà chạy băng băng qua quảng trường. Lão già thất vọng thốt kêu lên, lóc cóc chạy đi nhặt ủng rồi hốt hoảng dẫn tôi trở về nhà.

Suốt ngày hôm đó, ông bà tôi và mẹ tôi đi xe khắp thành phố để tìm Xasa, mãi đến chiều mới bắt gặp nó đang nhảy múa làm trò vui cho mọi người trong quán rượu của Tsieccov gần tu viện. Ông bà tôi và mẹ tôi đưa nó về, và thậm chí cũng chẳng đánh đập gì, ai nấy đều không biết làm thế nào trước thái độ cố tình im lặng một cách bướng bỉnh của thằng bé. Còn thằng Xasa nằm với tôi trên nóc lò sưởi, nó giơ chân lên, dùng gan bàn chân xoa vào trần nhà, và thì thầm bảo tôi:

- Dì tao ghét tao, bố tao cũng ghét tao, cả ông cũng ghét tao, thế thì tao sống với họ làm gì? Để tao hỏi bà xem bọn ăn cướp ở đâu, tao sẽ trốn đến ở với họ, chừng đó rồi mọi người sẽ biết... Mày có muốn đi cùng với tao không?

Tôi không thể trốn đi với nó được, vì lúc này tôi có ý định riêng của tôi, tôi muốn trở thành một sĩ quan có chòm râu

rậm vàng hoe, và muốn thế thì cần phải học. Khi tôi kể cho Xasa nghe ý định ấy, nó suy nghĩ một lúc rồi cũng đồng ý với tôi:

- Thế cũng tốt. Khi nào mày thành sĩ quan thì tao đã trở thành một tên cướp, và mày sẽ phải đi lùng bắt tao, trong hai đứa mình sẽ có đứa này phải giết đứa kia, hoặc bắt làm tù binh. Tao thì tao sẽ không giết mày đâu.

- Tao cũng thế.

Và chúng tôi cùng thỏa thuận với nhau như vậy.

Chợt bà tôi đến, trèo lên lò sưởi và nhìn chúng tôi hỏi:

- Gì thế, mấy con chuột nhắt? Chà, mấy chú bé mồ côi, rõ tội nghiệp!

Sau khi than thở cho số phận của chúng tôi, bà tôi đã bắt đầu chửi người dì ghẻ của Xasa thậm tệ, đó là mợ Nadejda béo mập, con gái lão chủ quán rượu. Sau đó bà tôi lại nguyền rủa tất cả các mụ gì ghẻ, bố dượng nói chung và nhân đó kể cho chúng tôi nghe câu chuyện nhà hiền giả ẩn sĩ Ion lúc còn trẻ đã kiện mụ dì ghẻ của mình trước tòa phán xử của Chúa như thế nào, khi mụ này lập mưu giết bố của Ion, một người dân của thành phố Uglits,[1] làm nghề đánh cá trên Bạch hồ:

Có người vợ trẻ mưu sát chồng:
Cho chồng uống rượu nồng cao độ,
Lại pha thêm một liều thuốc ngủ,
Rồi đặt người chồng đang ngủ say
Vào một chiếc thuyền nhỏ gỗ sồi
Như một chiếc quan tài chật chội.
Mụ cầm mái chèo đưa đẩy
Dẫn thuyền con ra tận giữa hồ.
Tới giữa vùng nước xoáy tít mù,

[1] Thành phố trên sông Volga cách Nijni - Novgorod 350km về phía Tây Bắc.

Nơi mụ sẽ dở trò độc ác,
Mụ khom lưng, nghiêng mình, lúc lắc.
Nước ùa vào lật úp thuyền con.
Người chồng chìm xuống đáy biệt tăm,
Còn mụ bơi vào bờ hấp tấp;
Lên tới bờ, mụ nằm lăn ra đất
Và gào lên, la khóc não nùng,
Như đau thương, như chua xót vô cùng,
Khiến những người từ tâm đều tin mụ.
Cùng với mụ họ khóc than đau khổ:
- Ôi người quả phụ trẻ đáng thương!
Nàng đã gặp điều bất hạnh tai ương
Nhưng số chúng ta trời đều định trước,
Người đã nằm trong tay quyền sinh sát!
Riêng người con chồng tên gọi Ionusco
Là không tin nước mắt kẻ khóc vờ,
Chàng đặt bàn tay lên trái tim của mụ,
Và dịu dàng chàng bảo người quả phụ:
- Hỡi ngôi sao chiếu mệnh của ta,
Dì là con chim đêm tinh quái, ranh ma,
Ta không tin nước mắt dì đâu nhé:
Trái tim dì đập rộn ràng vui vẻ!
Chúng ta hãy cầu Chúa xét soi,
Cầu các đấng thần linh khắp bốn phương trời
Hãy xét xử cho vụ án còn khúc mắc:
Xin nhờ ai cầm một con dao sắc
Tung lên trời, tít tận trời xa,
Nếu dì thật lòng - dao sẽ giết ta,
Nếu ta đúng - dao đâm dì chết!
Người mẹ kế chồm lên kêu thét,

Mắt lườm chàng như lửa ác bùng lên:
- À, mày là đồ bất nghĩa bất nhân,
Đồ đẻ non, đồ con hoang ghê tởm,
Sao mày dám đặt ra điều quái gở?
Mày ăn không nói có lạ lùng sao!
Mọi người nhìn họ, nghe họ cãi nhau,
Và cảm thấy có điều gì đen tối.
Ai nấy buồn phiền, lặng yên nghĩ ngợi,
Rồi cùng nhau bàn bạc rì rầm.
Cuối cùng có một lão ngư ông
Bước ra cúi chào về mọi phía
Và dõng dạc đọc to lời quyết nghị:
- Hỡi những người lương thiện, lại gần đây,
Đặt con dao găm lên bàn tay phải này,
Tôi sẽ tung lên trời cao vòi vọi,
Dao sẽ rơi và sẽ tìm người có tội!
Người ta trao cho cụ một con dao,
Cụ vung tay trên mái tóc trắng phau,
Lưỡi dao bay như cánh chim lên thẳng,
Chờ đã lâu vẫn thấy dao chưa xuống.
Mọi người vẫn nhìn lên trời cao,
Cất mũ ra và dịch sát bên nhau,
Cùng lặng lẽ như trời đêm lặng lẽ -
Mà dao sắc vẫn còn chưa giáng thế!
Chợt giữa hồ rực ánh bình minh.
Người mẹ kế mỉm cười, mặt bừng bừng đỏ.
Bỗng lưỡi dao lao mình như cánh én
Nhằm giữa tim ác phụ phóng xuyên qua.
Đám dân lành vội vàng quỳ xuống,
Ngợi ca Chúa đã xét xử rõ ràng:

- Sáng danh Chúa đã công minh chính trực!-
Còn lão ngư ông tay nắm Ionusco
Đưa chàng tới tu viện phương xa,
Trên bờ sông Kecjene[1] xanh biếc,
Gần thành phố vô hình Kitiec[2]. (*)

Hôm sau, lúc thức dậy tôi thấy mình mẩy đầy những nốt đo đỏ: tôi bị bệnh đậu mùa. Người ta đưa tôi lên gác thượng sau nhà, tôi phải nằm ở đó rất lâu như một người mù, tay chân bị bó chặt bằng những dải băng rộng khổ, và đã trải qua những cơn ác mộng hãi hùng, có lần một cơn mê đã làm tôi suýt chết. Chỉ có bà tôi là thường lên cho tôi ăn uống, bón thức ăn bằng thìa như bón cho trẻ con, kể cho tôi nghe những câu chuyện cổ tích dài vô tận và luôn luôn mới. Có lần vào buổi chiều khi tôi đã đỡ và nằm thoải mái sau khi được cởi băng - chỉ có ngón tay là phải cho vào bao tay vì sợ tôi cào mặt - bà tôi không hiểu vì sao đến thăm tôi chậm hơn mọi lần làm cho tôi rất lo. Rồi thình lình tôi tưởng như thấy bà tôi, nằm xoài sau cánh cửa trên sàn nhà đầy bụi, mặt úp sấp, tay dang rộng ra, cổ bị cắt một nửa giống như bác Piot. Từ một góc tối bụi rậm, có một con mèo lớn lừ lừ tiến đến chỗ bà tôi, đôi mắt xanh của nó trố ra với vẻ thèm thuồng.

Tôi nhảy phóc từ trên giường xuống, dùng chân và vai đập vỡ hai khung cửa kính cửa sổ rồi lao ra sân, ngã xuống một đống tuyết. Chiều hôm ấy mẹ tôi có khách, không ai nghe

---

(1) Sông chảy vào sông Volga ở phía dưới Nijni-Novgorod 50 km.
(2) Theo truyền thuyết, năm 1138 khi quân Tacta của Hãn Batdo định chiếm thành phố Kitiec thì thành phố liền biến mất. Tuy nó vẫn tồn tại, nhưng mắt người không thể nhìn thấy được. Chỉ đến ngày tận cùng của thế giới thì nó mới hiện ra trước mặt Chúa.
(*) Tại làng Kiliupanovca (tỉnh Tambov, khu Borixoglevxc) tôi được nghe một dị bản của chuyện này: dao găm rơi xuống đám chết đứa con chồng vu khống người mẹ kế (chú thích của tác giả).

thấy tôi đập kính và phá khung cửa sổ cả, tôi phải nằm giữa đống tuyết khá lâu. Tôi không bị gẫy xương, chỉ có bả vai bị sai khớp và bị mảnh thủy tinh làm toác cả da thịt, nhưng chân tôi tê cứng lại, thế là tôi phải nằm liệt gần ba tháng trời, không hề nhấc chân lên được. Tôi nằm và lắng nghe cuộc sống trong ngôi nhà mỗi ngày một ầm ĩ hơn, tiếng các cửa ra vào ở tầng dưới đóng mở luôn, tiếng chân nhiều người đi lại.

Tôi nghe thấy những cơn bão tuyết buồn chán xào xạc trên mái nhà, gió rít lên ở ngoài cửa gác thượng, thổi qua ống khói nghe như một điệu nhạc đưa đám, những chiếc nắp ống khói bị đập kêu lẻng xẻng, ban ngày quạ kêu quang quác, và những đêm yên tĩnh tiếng chó sói rú lên thê thảm vang từ ngoài đồng vào - chính điệu nhạc ấy đã ru tâm hồn trẻ thơ của tôi và làm cho nó trở nên dày dạn. Rồi mùa xuân e lệ và kín đáo bắt đầu liếc nhìn vào cửa sổ một cách rụt rè và lặng lẽ, nhưng ngày càng dịu dàng hơn, bằng con mắt trong sáng của ánh nắng tháng Ba. Trên mái nhà và trên gác thượng lũ mèo kêu ngoao ngoao, tiếng rì rào của mùa xuân xuyên qua những bức tường: những nhũ băng trong như thủy tinh vỡ ra, lớp tuyết đang tan cứ tuột dần từ cái đầu ngựa gỗ trang điểm trên mái nhà xuống, và tiếng chuông nhà thờ vang lên nghe trầm trầm hơn dạo mùa đông.

Khi bà tôi đến thăm tôi, tôi để ý thấy hơi thở của bà ngày càng sực mùi rượu votca. Sau đó bà tôi bắt đầu mang theo cả một cái ấm trắng to tướng, giấu dưới giường tôi và nháy mắt bảo tôi:

- Cháu yêu, cháu đừng nói gì với lão gia thần,... là ông ấy mà!

- Sao bà lại uống rượu?

- Im! Lớn lên rồi cháu sẽ biết...

Bà mút vòi ấm tu rượu, đưa ống tay áo lên lau mồm, rồi mỉm cười một cách âu yếm và hỏi tôi:

- Nào, cháu yêu, hôm qua bà đã kể cho cháu nghe những gì rồi?

- Kể chuyện bố cháu.

- Đến quãng nào rồi?

Tôi nhắc lại. Thế là bà tôi tiếp tục kể, và câu chuyện mạch lạc của bà tôi cứ tuôn mãi ra như những dòng suối nhịp nhàng.

Chính bà tôi đã bắt đầu kể chuyện về bố tôi cho tôi nghe. Một hôm không uống rượu, nom có vẻ buồn rầu và mệt mỏi, bà tôi bảo tôi:

- Bà nằm mơ thấy bố cháu, hình như bố cháu đang đi băng qua cánh đồng, tay cầm gậy gỗ hồ đào, vừa đi miệng vừa huýt sáo, một con chó khoang chạy theo sau, lè lưỡi ra. Không hiểu sao dạo này bà bắt đầu nằm mơ thấy Macxim Xapvateitr luôn, chắc là linh hồn nó lo lắng không được yên nghỉ...

Mấy tối liền, bà tôi kể chuyện bố tôi cho tôi nghe, câu chuyện đó cũng thú vị như mọi chuyện khác mà bà tôi kể.

Bố tôi là con một người lính đã đóng đến sĩ quan và bị đầy đi Xibiri vì tội đối xử tàn nhẫn với cấp dưới. Ở đấy, một nơi nào đó trong vùng Xibiri, bố tôi đã ra đời. Bố tôi đã sống một thời thơ ấu cực nhọc, từ bé bố tôi đã thường bỏ nhà trốn đi. Có lần ông nội tôi đã dẫn chó vào rừng để tìm bắt bố tôi như người ta săn thỏ vậy. Một bận khác tìm được bố tôi, ông tôi đánh cho một trận nên thân, đến nỗi hàng xóm phải giằng lấy bố tôi và giấu biệt đi.

- Thế ra trẻ con bao giờ cũng bị đánh phải không bà? - tôi hỏi.

Bà tôi thản nhiên đáp:

- Phải.

Bà nội tôi chết sớm khi bố tôi hãy còn bé. Khi bố tôi lên chín tuổi thì ông nội tôi cũng mất luôn. Một người thợ mộc là

cha đỡ đầu của bố tôi nhận bố tôi đem về nuôi, ghi tên bố tôi vào phường thợ mộc của thành phố Pecmo và bắt đầu dạy nghề cho bố tôi. Nhưng chẳng bao lâu bố tôi bỏ trốn đi và dắt những người mù lòa đi các hội chợ để kiếm ăn. Năm mười sáu tuổi, bố tôi đến thành phố Nijni và vào làm công cho một người thầu khoán đồ gỗ trên các tàu thủy của Consin. Năm hai mươi tuổi thì bố tôi đã trở thành một người thợ mộc chuyên làm hàng quý, thợ trang trí và thợ bọc[1] lành nghề. Xưởng làm việc của bố tôi nằm sát bên khu nhà ông ngoại tôi ở phố Covalikha.

Hàng rào giữa hai nhà thì thấp, mà bọn thanh niên thì táo bạo lắm, - bà tôi cười và nói. - Một hôm bà cùng với Varia đang hái phúc bồn tử trong vườn, tự nhiên bố cháu nhảy vọt qua hàng rào làm bà sợ hết hồn. Nó đi giữa vườn táo, dáng người khỏe mạnh, mặc áo sơ mi trắng, quần nhung, chân đi đất, đầu không đội mũ, mớ tóc dài được khoanh gọn trong một chiếc dây da. Bố cháu tới cầu hôn như thế đấy! Trước đó bà cũng đã thấy bố cháu, mỗi khi nó đi ngang qua cửa sổ bà lại nghĩ bụng: "Anh chàng này trông khá quá!" Bố cháu đến gần, bà hỏi: "Này, sao anh không đi qua cửa như mọi người mà lại băng hàng rào thế?" Bố cháu quỳ sụp xuống rồi nói: "Bác Aculina Ivanovna ạ, con xin thẳng thắn, chân thành đến thưa với bác, con yêu Varia! Bác hãy vì Chúa mà giúp đỡ chúng con, chúng con muốn lấy nhau". Khi ấy bà sửng sốt quá không nói được một lời. Bà nhìn lại mẹ cháu, con quái ấy nấp sau cây táo, mặt đỏ ửng lên như quả phúc bồn tử, nó ra hiệu cho bố cháu và rưng rưng nước mắt. Bà bảo: "Chao ôi, rõ khổ thân chúng mày! Sao chúng mày lại đâm đầu vào cái chuyện ấy thế? Mày lú lấp ruột gan rồi à, con Vacvara? Còn anh nữa, anh hãy suy nghĩ kĩ đi: anh không sợ với cao quá à? " Dạo đó

[1] Bọc thảm, vải da, giấy bồi... cho đồ gỗ hoặc nhà cửa.

ông cháu giàu lắm, của cải chưa chia cho con cái, trong tay có bốn tòa nhà, rất nhiều tiền, là một người danh giá. Cách đấy ít lâu, ông cháu lại được cấp một bộ lễ phục và một chiếc mũ có dải thêu kim tuyến vì ông cháu đã đứng đầu một phường thợ suốt chín năm trời. Hồi ấy ông cháu đang dương dương tự đắc lắm! Tuy nói vậy nhưng bà sợ run lên, bà thương hại chúng nó quá: cả hai đứa đều thật thiểu não. Rồi bố cháu nói: "Con biết là bác Vaxili Vaxiliev sẽ không bằng lòng gả Varia cho con đâu, nên con sẽ bắt cóc Varia, có điều là xin mẹ giúp đỡ chúng con". Nó còn nhờ tao giúp đỡ nữa kia đấy! Bà đã vung tay định đánh, nhưng bố cháu không buồn tránh: "Mẹ có lấy đá ném con, con cũng xin chịu, miễn mẹ giúp đỡ chúng con là được, dù sao con cũng chẳng chịu lùi đâu!" Lúc đó Vacvara liền đến bên bố cháu, đặt tay lên vai nó rồi nói: "Chúng con đã lấy nhau từ lâu rồi, từ hồi tháng Năm kia, chúng con chỉ thiếu có phép cưới ở nhà thờ nữa thôi!" Thế là bà cười phá lên: cha mẹ ôi!

Bà tôi cười, toàn thân rung lên, rồi hít thuốc lá, lau nước mắt, thở phào khoan khoái và nói tiếp:

- Cháu chưa hiểu thế nào là lấy nhau, thế nào là làm phép cưới đâu. Có điều là nếu con gái chưa làm phép cưới mà đã có con thì thật là tai vạ! Cháu nhớ lấy đấy, lớn lên cháu đừng làm cho bọn con gái lâm vào cái nông nỗi ấy, cháu làm thế là phạm một tội ác tày trời đấy, cô gái sẽ khổ và đứa con sẽ không được pháp luật thừa nhận. Cháu nhớ lấy nhé, cẩn thận đấy! Cháu nên thương đàn bà, thực lòng yêu họ, chớ xem họ như trò chơi, đó là bà khuyên cháu nên ăn ở cho phải đạo.

Bà ngồi trầm ngâm, khẽ lắc lư trên ghế, rồi bỗng bà giật mình và nói tiếp:

- Còn biết làm thế nào nữa? Bà bợp cho thằng bố Macxim một cái, và kéo bím tóc con mẹ cháu. Nhưng bố cháu nói rất

có lí: "Không phải dùng đánh đập mà dàn xếp được mọi chuyện đâu!" Mẹ cháu cũng bảo: "Mẹ nên liệu xem cần làm gì, rồi có đánh đập gì thì hãy đánh sau!" Bà hỏi bố cháu: "Anh có tiền không? - "Có, - bố cháu đáp. - Nhưng con đã đem mua nhẫn cho Varia rồi". - "Vậy thì anh có được bao nhiêu? Ba rúp ư? " - "Không, khi ấy con có được ngót một trăm". - Thời ấy tiền còn có giá, hàng họ rẻ. Bà nhìn chúng nó, bố mẹ cháu ấy, và nghĩ: thật là đồ trẻ ranh ngu ngốc! Mẹ cháu lại bảo: "Con giấu chiếc nhẫn ở dưới sàn nhà vì sợ bố mẹ nom thấy, có thể đem bán đi được đấy!" - Hừ, chúng nó thật là trẻ con quá! Nhưng rồi cuối cùng ba mẹ con cũng thỏa thuận với nhau là một tuần nữa sẽ làm phép cưới ở nhà thờ, bà sẽ tự lo liệu với cha cố. Và chính bà cũng nức nở khóc, lòng thổn thức run rẩy vì sợ ông cháu, cả Vacvara cũng rất lo. Thế rồi mọi việc đã được quyết định!

- Có điều là bố cháu bị một kẻ đem lòng thù ghét, đó là một gã thợ, một kẻ độc ác, từ lâu hắn đã đoán biết hết mọi chuyện và để ý theo dõi mấy mẹ con bà. Hôm ấy, bà cho cô con gái độc nhất của bà ăn mặc trang điểm những thứ đẹp nhất trong nhà rồi đưa nó ra cổng, một chiếc xe tam mã đang đứng đợi ngoài góc đường, mẹ cháu lên xe, Macxim huýt sáo, và họ lên đường. Bà quay về nhà, nước mắt giàn giụa, đột nhiên bà gặp gã thợ ấy, thằng đê tiện nó bảo: "Tôi là người lương thiện, tôi sẽ không quấy nhiễu đời tư của ai làm gì, nhưng bác Aculina Ivanovna ơi, bác phải đưa cho tôi năm mươi rúp thì mới yên chuyện được!" Bà thì không có số tiền đó, tính bà không ham tiền, không ki cóp dành dụm; bà không suy nghĩ bảo nó ngay: "Tao không có tiền, và sẽ chẳng cho mày gì đâu!" "Bác hứa cũng được!" - "Cứ hứa bừa đi rồi đào đâu ra mới được chứ?" Nó bảo: "Hừ, chồng giàu thế thì khó khăn gì mà không lấy được một ít nhỏ?" Đáng lí bà phải giả vờ mặc cả với nó để giữ chân nó

lại, nhưng bà ngốc quá, bà lại đi nhổ toẹt vào mặt nó và đi về! Nó vượt lên trước chạy về tới sân nhà và làm ầm lên!

Bà tôi nhắm mắt lại, vừa mỉm cười vừa nói:

- Mãi đến nay mà bà vẫn còn thấy rợn người khi nhớ lại cái chuyện táo bạo ấy! Ông cháu la hét, gầm lên như thú dữ - với ông thì chuyện ấy có phải là chuyện đùa đâu? Ông cháu vẫn thường nhìn Vacvara và ra vẻ đắc ý lắm: ta sẽ gả nó cho con nhà quý tộc, cho một lãnh chúa! Vậy mà bây giờ Vacvara đã lấy nhà quý tộc ấy! Đức Mẹ Đồng Trinh biết việc xe duyên kết nghĩa rõ hơn chúng ta nhiều. Ông cháu lồng lộn lên giữa sân như người bị thiêu, rồi ông ấy gọi thằng Iacov, thằng Mikhail, cầu cứu gã thợ mặt rỗ ấy, và bác đánh xe Clim. Bà thấy ông cháu vớ lấy một quả chuỳ, cháu biết không, đó là một quả tạ có dây da. Còn thằng Mikhailo thì vớ lấy một khẩu súng; hồi ấy nhà có mấy con ngựa rất khỏe, chạy hăng và một cỗ xe rất nhẹ. Bà nghĩ bụng: họ đuổi kịp chúng nó mất! Bỗng thiên thần hộ mệnh của Vacvara mới mách nước cho bà: bà lấy một con dao, ra cửa sợi dây thắng gần càng xe với hi vọng là dây thắng sẽ đứt dọc đường. Cơ sự đã xảy ra đúng như thế: càng xe văng ở dọc đường, ông cháu, thằng Mikhailo và bác Clim suýt nữa thì mất mạng. Họ phải dừng lại để chữa xe, khi đến nhà thờ thì Varia với Macxim đã làm phép cưới xong và đang đứng ở bậc thềm nhà thờ, nhờ ơn Chúa!

- Cả bọn xông vào, toan giã cho Macxim một trận, nhưng bố cháu rất khỏe, sức lực của nó thật là phi thường! Nó hất thằng Mikhailo lăn từ trên bậc thềm xuống trẹo cả cánh tay, bác Clim cũng bị đánh sây sát, còn ông cháu, thằng Iacov và gã thợ thì sợ quá không dám xông vào.

- Ngay trong cơn giận, bố cháu vẫn không mất bình tĩnh. Nó bảo ông cháu: "Bố bỏ chùy xuống, tôi là người không thích gây gổ, cái gì tôi đã giành được tức là Chúa đã ban cho tôi và

không ai có thể tước đoạt được. Tôi chẳng đòi hỏi gì hơn đâu". Cả bọn lùi lại, ông cháu leo lên xe ngựa và hét: "Vaevara, từ nay thì tao từ mày, mày không phải là con gái tao nữa, và tao không muốn nhìn mặt mày nữa, mày muốn sống thế nào thì sống, có chết đói cũng mặc xác mày". Về nhà ông cháu đánh bà, chửi bà, bà chỉ kêu rên nhưng không nói nửa lời và nghĩ bụng: mọi việc rồi đâu sẽ lại vào đấy thôi, muốn hay không muốn cũng chẳng được! Sau đấy ông cháu bảo bà: "Này Aculina, bà không còn con gái nữa đâu, bà nhớ lấy nhé!" Bà lại nghĩ bụng: ông chỉ nói gàn thế thôi, lão già tóc hung ạ, cơn giận cũng giống như băng tuyết, chỉ gặp ngày nắng ấm là tan ngay!

Tôi lắng nghe bà tôi một cách say mê chăm chú. Trong câu chuyện của bà tôi có một cái gì làm cho tôi ngạc nhiên. Ông tôi kể chuyện làm phép cưới cho mẹ tôi hoàn toàn khác hẳn. Ông tôi nhận là ông phản đối câu chuyện cưới xin ấy, và sau khi cưới ông tôi không cho mẹ tôi về nhà, nhưng theo lời ông thì lễ cưới không phải được cử hành vụng trộm như vậy và ông tôi cũng có mặt ở nhà thờ lúc hai người làm phép cưới. Tôi không muốn hỏi bà tôi là ai nói đúng, vì câu chuyện của bà tôi kể hay hơn và tôi thích hơn. Lúc kể chuyện, bà tôi cứ luôn luôn lắc lư người như đang ngồi trên thuyền. Nói đến đoạn nào buồn hoặc khủng khiếp bà tôi lại càng lắc lư mạnh hơn, với tay về phía trước như đỡ lấy một vật gì trong không khí. Bà tôi thường lim dim đôi mắt, và trong những nếp nhăn trên đôi má, thấp thoáng một nụ cười hiền hậu hồn nhiên, hai hàng lông mày rậm như rung lên. Đôi khi sự hiền từ khoan dung đến mù quáng muốn hòa giải hết thảy ấy làm tôi cảm động, nhưng cũng có khi tôi muốn cho bà tôi tức giận, la hét lên.

- Lúc đầu, khoảng hai tuần liền, bà cũng không biết Varia và Macxim ở đâu, sau đó mẹ cháu có nhờ một thằng bé khá

lanh lợi đến báo cho bà biết chỗ ở của bố mẹ cháu. Bà đợi đến thứ bảy giả vờ đi lễ, nhưng kì thực là đến thăm bố mẹ cháu! Bố mẹ cháu sống ở xa, tận dốc Xuetino. Hai vợ chồng sống trong một gian nhà gỗ. Ngôi nhà chật ních những người thợ khác ở; trong sân đầy rác rưởi, bẩn thỉu và ồn ào, thế mà hai vợ chồng cứ thản nhiên như không, suốt ngày nói nói cười cười, vui đùa như đôi mèo con. Bà đưa đến cho bố mẹ cháu tất cả những thứ gì có thể mang đi được: nào trà, nào đường, nào bột mì và đủ loại bột, nào mứt, nấm khô và cả một ít tiền nữa, bà không nhớ là bao nhiêu, bà lấy trộm của ông cháu - người ta có thể ăn cắp, nếu không phải là ăn cắp cho mình! Bố cháu không chịu nhận một thứ gì cả, và giận dỗi bảo: "Chúng con có phải là ăn mày đâu?" Và Vacvara cũng phụ hoạ theo: "Mẹ mang các thứ ấy đến để làm gì kia chứ?..." Bà mắng: "Thằng ngốc kia, tao là ai? Tao là mẹ mày, còn con ngốc kia, mày có còn là con gái tao không? Chúng mày không được làm phiền lòng tao: hễ khi nào làm cho mẹ ở trên đời này phải đau lòng, thì Đức Mẹ trên trời cũng đau khổ khóc than đấy!" Macxim liền nắm lấy tay bà, bế xốc bà lên và nhảy múa khắp gian buồng - nó khỏe như con gấu ấy! Còn Vacvara thì tỏ vẻ kiêu hãnh vênh vang, nó hãnh diện về bố cháu, như một con bé con hãnh diện về con búp bê mới. Mẹ cháu ngước mắt lên và luôn mồm kể chuyện nhà chuyện cửa nghiêm trang y như là một bà nội trợ thành thạo vậy, trông đến buồn cười! Nhưng đến bữa trà mẹ cháu dọn bánh ngọt ra mời bà, thì đến chó sói nhai món bánh ấy cũng phải gãy răng, còn món phó mát thì lổn nhổn như lẫn sỏi.

- Tình hình cứ như vậy một thời gian dài, mẹ cháu cũng sắp đến ngày sinh cháu, ông cháu vẫn làm thinh, cái lão quỷ già ấy đến là bướng! Bà thì cứ lén lút tới thăm nom bố mẹ cháu, ông cháu cũng biết đấy nhưng cứ lờ đi. Ông còn cấm cả nhà nhắc đến tên Vacvara, nên không ai dám nhắc tới, cả bà

cũng phải ngậm miệng, nhưng bà biết là tấm lòng của người cha không thể trơ trơ mãi được. Rồi một hôm giờ phút mong đợi ấy đã đến! Đêm đó bão tuyết dữ dội, gió lùa qua cửa sổ ào ào như có đàn gấu muốn xông vào nhà, gió rít lên qua các ống khói, dường như lũ quỷ sứ đã giật đứt xiềng xích trốn khỏi địa ngục. Bà nằm cạnh ông cháu nhưng không sao ngủ được, bà bảo ông: "Người nghèo khổ đêm nay thật đáng thương, nhưng những người lương tâm có điều gì day dứt, không yên lại còn khổ hơn!" Bỗng tự nhiên ông cháu hỏi: "Chúng nó sống ra sao?" - "Êm đẹp thôi, bà đáp, chúng nó sống khá lắm!" Ông lại hỏi: "Bà có biết tôi hỏi về ai không?" - "Hỏi chuyện con gái Vacvara với thằng con rể Macxim chứ còn hỏi chuyện ai nữa". - "Sao bà lại đoán ra là tôi hỏi chuyện chúng nó? " Bà bảo: "Thôi đi ông, đừng giả vờ ngớ ngẩn nữa, cái trò hề ấy kéo dài quá lâu rồi, chẳng hay ho gì đâu!" - Ông cháu thở dài và nói: "Chà, lũ chúng bay là đồ quỷ, đồ quỷ xám!" Rồi ông cháu lại hỏi: "Trông nó có vẻ ngốc, có thật nó là một thằng ngốc, một thằng đại ngốc không?" - ông nói về bố cháu đấy. Bà mới bảo: "Ai không muốn làm lụng mà chỉ chực ngồi lên cổ kẻ khác ăn bám mới là đồ ngốc, ông hãy xem hai thằng Iacov và Mikhail đấy, chúng chẳng sống như hai thằng ngốc là gì? Trong nhà này ông xem ai là người làm lụng, ai là người kiếm ra tiền? Ông. Ông tưởng chúng nó giúp ông nhiều lắm à?" Ông liền chửi bà, nào là đồ đê tiện, đồ ngu ngốc, đồ ma cô, bà chẳng biết là những gì gì nữa! Bà cứ lặng thinh. Đến khi ông cháu nói chán chê bà mới bảo: "Ông nên đến thăm chúng nó, xem chúng nó ăn ở ra sao, ông sẽ thấy chúng nó sống ung dung lắm!"

- "Tao mà đến thì quá vinh dự cho chúng nó, cho chúng nó tới đây đã là phúc lắm rồi..." - Bà khóc nức lên vì sung sướng. Ông tháo bím tóc của bà ra, vì ông thích nghịch tóc bà, và khẽ nói: "Đừng khóc nữa, bà ngốc lắm, bà tưởng tôi lòng lim

dạ sắt hay sao?" Cháu thấy không, thời ấy ông cháu là người rất tốt, nhưng chỉ từ khi tự cho mình là thông minh tài giỏi nhất trên đời này thì ông mới sinh ra độc ác và dần độn như thế.

- Thế rồi một bữa chủ nhật, nhân ngày lễ xá tội,[1] bố mẹ cháu đến, cả hai đều gọn gàng sạch sẽ. Macxim tiến đến trước mặt ông cháu; ông cháu cao ngang vai bố cháu, và nói: "Bố ạ, hãy vì Chúa, bố đừng tưởng con đến để xin của hồi môn đâu; không, con đến chỉ là để tỏ lòng tôn kính đối với bố vợ!" Nghe thấy thế, ông cháu bằng lòng lắm. Ông mỉm cười và nói: "Chà, thật là một thằng xác vâm, thằng tướng cướp! Thôi được, rồi đâu khắc có đó, vợ chồng mày về đây ở với tao!" Macxim cau mày: "Chuyện đó thì tùy ở Varia, con thì thế nào cũng được!" Thế là hai bố con cãi nhau rất găng, chẳng ai chịu nghe ai cả. Bà nháy mắt ra hiệu cho bố cháu vẫn cứ theo ý mình! Đôi mắt của bố cháu thật là đẹp, tươi vui, trong sáng; còn cặp lông mày thì đen, hễ mỗi lần bố cháu cau mày lại thì lông mày như che kín cả mắt, mặt rắn đanh lại như đá, đầy vẻ bướng bỉnh. Những khi đó bố cháu không chịu nghe ai cả, chỉ nghe bà thôi. Bà yêu bố cháu hơn cả con đẻ. Bố cháu cũng biết thế và cũng rất yêu bà! Thỉnh thoảng bố cháu lại ôm ghì lấy bà, có khi nắm chặt lấy tay lôi bà đi khắp phòng và nói: "Mẹ thực là mẹ đẻ của con, là đất nuôi dưỡng con,[2] con yêu mẹ hơn cả Vacvara"! Mẹ cháu rất tinh nghịch và vui tính bèn xông vào bố cháu và hét tướng lên: "Sao anh lại có thể như thế được, đồ tàn nhẫn?" Mấy mẹ con cùng nô đùa vui vẻ như vậy, sống rất hạnh phúc, cháu yêu

[1] Ngày lễ xá tội theo giáo hội chính thống là ngày chủ nhật cuối cùng, trước tuần chay. Theo phong tục rất phổ biến trong dân gian, ngày ấy mọi người phải công khai xin lỗi những người mình đã xúc phạm trong năm qua.

[2] Đất là mẹ nuôi của người - trong các tác phẩm dân gian Nga thường hay ví như vậy.

của bà ạ! Bố cháu nhảy múa rất giỏi, thuộc toàn những bài hát hay, học của những người mù, mà người mù chẳng ai hát hay bằng họ.

- Bố mẹ cháu ở trong một căn nhà nhỏ trong vườn; cháu cũng ra đời ở đó, đúng vào giữa trưa, khi bố cháu về ăn trưa. Bố cháu mừng rỡ rối rít cả lên, cuống cuồng như điên, vồn vã vuốt ve mẹ cháu, thằng ngốc, tưởng như để được một đứa con là khó khăn ghê gớm lắm ấy! Bố cháu vác bà lên vai chạy qua sân tìm gặp ông cháu để báo tin cho ông cháu biết là thêm một đứa cháu nữa của ông ra đời. Ông cháu cũng phải bật cười mắng: "Macxim ạ, mày là thằng quỷ sứ!"

- Các cậu cháu không ưa bố cháu vì bố cháu không uống rượu, lại bạo mồm bạo miệng và nghĩ ra lắm trò tinh quái. Chính vì những chuyện ấy mà bố cháu phải khốn khổ! Một hôm vào tuần chay, trời nổi gió đùng đùng và bỗng thình lình trong nhà vang lên những tiếng rít, tiếng hú kinh khủng. Cả nhà đều hoảng sợ, không biết có chuyện ma quỷ gì xảy ra thế này? Ông cháu cũng mất hồn mất vía, vội vàng sai thắp đèn khắp nơi, chạy lui chạy tới và quát: "Phải cầu kinh đi, phải cầu kinh đi!" Nhưng tự nhiên tiếng hú im bặt. Cả nhà lại càng sợ hơn! Cậu Iacov đoán: "Chắc là Macxim lại giở trò đây!" Quả thật, về sau bố cháu thú nhận là đã đem các loại chai lọ lớn bé đặt ở chỗ cửa sổ lộng gió, gió lùa vào miệng chai, mỗi chai phát ra một thứ tiếng khác nhau. Ông cháu đe dọa: "Những trò đùa ấy rất có thể sẽ làm cho mày lại trở về Xibiri đấy, Macxim ạ!"

- Có một năm, trời rét như cắt thịt, chó sói mò cả vào thành phố, khi thì chúng bắt chó, khi thì chúng làm cho ngựa phát hoảng lên, có lần chúng ăn thịt một người gác cổng say rượu, thành phố nhốn nháo cả lên vì cái nạn chó sói! Bố cháu vác khẩu súng săn, đi đôi thanh gỗ trượt tuyết, đêm đến mò

ra đồng, thế rồi bố cháu vác chó sói về, khi thì một con, khi thì hai con. Bố cháu đem lột da, thuộc đầu sói, lắp vào đó một đôi mắt giả bằng thủy tinh - trông đến là khéo! Một hôm cậu Mikhailo ra ngoài đi giải bỗng dưng nó chạy bổ trở vào, tóc gáy dựng đứng, mắt trợn ngược, cổ họng tắc không nói được một lời. Quần nó tụt xuống, nó vướng chân ngã sấp xuống, mồm thì thầm: "Chó sói!" Mọi người ai gặp gì vớ nấy, chạy ùa cả ra đầu nhà, mang theo đèn, nến sáng trưng. Quả thực có một con sói từ trong hòm gỗ nhô đầu ra! Thế là mạnh ai người ấy đánh, bắn, con sói vẫn cứ trơ trơ ra! Xem kĩ lại thì té ra đó chỉ là một bộ da và cái đầu sói rỗng, hai chân trước được đóng đinh chặt vào chiếc hòm! Hôm ấy ông cháu giận Macxim thật sự. Thế rồi thằng Iacov cũng bắt chước bố cháu: bố cháu dùng bìa cứng làm đầu người, cũng đủ mắt, mũi, miệng, lấy xơ đay giả làm tóc, rồi nó với thằng Iacov rủ nhau đi khắp các phố, thò cái mặt nạ gớm ghiếc ấy vào cửa sổ nhà người ta, cố nhiên là ai cũng hoảng hồn, kêu la ầm ĩ. Đêm đêm chúng lại khoác vải trải giường đón đường dọa cả cha cố, ông ta chạy vào bọng gác của cảnh sát, người gác cũng hoảng hốt kêu cứu ầm lên. Chao ôi, chúng bày đặt ra không biết bao nhiêu là trò tai quái, không sao bảo được chúng nó. Bà đã nhiều lần bảo chúng bỏ những trò đùa ấy đi. Varia cũng can, nhưng chúng có chịu thôi cho đâu! Macxim còn cười: "Được xem thiên hạ hoảng hồn mà chạy bán sống bán chết vì một cái trò bố láo, thú vị lắm!" Nói với nó cũng bằng thừa...

-Cũng vì những trò tinh nghịch ấy mà về sau bố cháu suýt mất mạng: cậu Mikhail giống ông cháu, hay giận, hay thù vặt, nó nghĩ cách hại bố cháu. Một tối đầu mùa đông, bốn người đi chơi về: Macxim, hai cậu cháu và một người phụ lễ - về sau hắn ta bị đuổi vì đã đánh chết một người đánh xe ngựa. Họ từ phố Iamxcaia về và các cậu cháu rủ bố cháu đến đầm Diucov nói là để trượt băng như bọn trẻ con vẫn chơi,

đến đó họ đẩy Macxim xuống một cái hố đục giữa lớp băng trên mặt đầm. Bà đã kể cho cháu nghe chuyện ấy rồi.

- Sao các cậu lại ác thế hở bà?

- Không, chúng nó không ác đâu, - bà tôi thản nhiên trả lời và hít thuốc lá. - Chúng chỉ là những đứa ngu ngốc mà thôi! Thằng Misca là một đứa láu cá nhưng ngu xuẩn; còn Iacov thì chỉ là một đứa ngờ nghệch, thế thôi...Bị đẩy xuống nước, bố cháu như cố ngoi lên, bám lấy miệng hố; chúng đánh vào tay bố cháu, dùng gót giày giẫm lên những ngón tay bố cháu. Cũng may là bố cháu thì tỉnh, còn các cậu cháu thì say rượu. Nhờ Chúa phù hộ, bố cháu duỗi người ra được, nằm nép dưới lớp băng, ngửa mặt lên giữa hố để thở, nên các cậu cháu không với tới được. Chúng ném băng vụn vào đầu bố cháu một lúc và cho rằng bố cháu sẽ chết đuối nên bỏ đi! Nhưng bố cháu bò lên được và chạy đến đồn cảnh sát. Đồn cảnh sát ở cạnh đấy, ngay trên quảng trường. Viên cảnh sát khu biết bố cháu và cũng biết cả nhà ta, lão mới hỏi đầu đuôi câu chuyện xảy ra như thế nào.

Bà tôi làm dấu và nói với một vẻ biết ơn:

- Lạy Chúa cho Macxim Xapvateitr được hưởng phúc đời đời, nó xứng đáng được như thế! Bố cháu không hé răng kể với đồn cảnh sát một tí gì! Bố cháu bảo: "Tôi say rượu nên đi lạc ra đầm và sẩy chân ngã xuống hố". Viên cảnh sát bảo: "Nói láo, anh có uống rượu bao giờ đâu!" Rồi người ta lấy rượu xoa nóng người bố cháu, mặc quần áo khô cho bố cháu và khoác áo **tulup**[1] cho rồi đưa bố cháu về nhà. Viên cảnh sát và hai người nữa cùng đi theo. Lúc ấy Iasca và Misca chưa về đến nhà, còn đang la cà ở các quán rượu nói xấu bố mẹ chúng. Bà và mẹ cháu nhìn Macxim, mãi mới nhận ra được:

[1] Áo bằng da cừu, lông ở mặt trong - áo mùa đông của nông dân Nga.

Người bố cháu đỏ tía, ngón tay giập nát, ứa máu, tóc bên thái dương trắng trắng như có tuyết bám, nhưng tuyết ấy không tan, tóc bố cháu đã bạc rồi!

- Vacvara hét váng lên: "Họ làm gì anh thế này?" Viên cảnh sát dò xét tất cả mọi người, căn vặn, bà cảm thấy có việc chẳng lành gì đây! Bà để Varia đối phó với viên cảnh sát, còn tự mình thì đến hỏi khẽ Macxim: "Có chuyện gì xảy ra thế?" Bố cháu thì thầm: "Mẹ ra đón Iacov và Mikhail, khi chúng nó về thì dặn chúng nó rằng viên cảnh sát có hỏi thì khai là chúng nó chia tay với con ở phố Iamxcaia, rồi đến nhà thờ Pocrovca, còn con thì rẽ sang đường Priadinnưi. Đừng nói nhầm, nếu không thì lôi thôi to với cảnh sát đấy!" Bà đi tìm ông cháu và bảo: "Ông dậy đi và sang tiếp chuyện lão cảnh sát, còn tôi phải ra cổng chờ chúng nó về". Rồi bà kể cho ông nghe câu chuyện tai vạ ấy. Ông cháu vừa mặc áo vừa run nói lẩm bẩm: "Tôi đã biết mà! Tôi đã chờ đợi chuyện này mà!" - Nói thế thôi chứ ông ấy có biết gì đâu! Bà ra đón, gặp các cậu cháu về, tát cho mỗi đứa một cái. Thằng Misca sợ quá liền tỉnh rượu ngay, còn thằng Iasenca thì tội nghiệp, líu cả lưỡi, nói lí nhí: "Con chẳng biết gì hết, Mikhailo gây ra cả đấy chứ! Anh ấy là đầu têu!" Phải nói mãi viên cảnh sát mới chịu nghe - lão ấy là người tốt! Nhưng lúc ra về lão ấy bảo: "Coi chừng đấy, nếu nhà này có xảy ra tai họa gì thì tôi sẽ tìm ra ngay thủ phạm đấy!" Ông cháu đến bên Macxim và nói: "Cảm ơn con, người khác mà ở địa vị con thì họ không làm thế đâu, tao biết điều đó lắm! Và cảm ơn con, con gái của bố, con đã tìm cho nhà ta một chàng rể hiền! Ông ngoại cháu hễ lúc nào hứng lên thì nói rất hay, chỉ có sau này vì ngu xuẩn nên ông mới khóa chặt lòng mình lại. Mọi người đi ra cả, chỉ còn lại ba người, bà và bố mẹ cháu, bố cháu mới khóc và nói như mê sảng: "Sao họ lại đối xử với tôi như vậy, tôi có điều gì không nên không phải với họ đâu? Mợ ơi, sao họ lại làm

thế?" Bố cháu không gọi bà là mẹ, mà gọi là mợ[1] như trẻ con ấy, mà kể ra thì tính tình bố cháu cũng chẳng khác gì một đứa trẻ. "Sao họ lại làm thế?" - bố cháu nhắc lại. Bà khóc nức nở, còn biết làm thế nào nữa. Iacov và Mikhailo dầu sao cũng là con bà, bà thương hại chúng nó! Mẹ cháu giật đứt hết cả khuy áo, ngồi đấy, đầu tóc rối bù như vừa đánh nhau xong, gầm lên: "Ta phải đi khỏi nơi này thôi, Macxim ạ! Anh em mà như kẻ thù ấy, em sợ họ lắm, ta đi thôi!" Bà phải quát mẹ cháu: "Đừng đổ thêm dầu vào lửa nữa, thế cũng đã đủ để đốt cháy rồi!" Ông cháu bắt các cậu cháu phải vào xin lỗi, mẹ cháu nhảy xổ đến tát vào mặt thằng Misca:"Này xin lỗi này!" Còn bố cháu trách: "Sao các cậu lại làm thế? Các cậu có biết là vì các cậu, tôi có thể trở thành người tàn tật suốt đời không? Mất hai bàn tay thì còn làm ăn gì được nữa?" Cuối cùng, chúng nó gượng gạo làm lành với nhau. Bố cháu ốm liệt giường gần bảy tuần lễ, và luôn mồm bảo: "Chà, mợ ơi, mợ đi với chúng con đến thành phố khác đi, ở đây chán lắm!" Ít lâu sau có dịp, bố cháu dọn đi Axt'rakhan. Hồi ấy vào mùa hè, ở đấy người ta đang sửa soạn đón rước Nga Hoàng; bố cháu được giao cho việc xây dựng cổng chào. Bố mẹ cháu đi chuyến tàu thủy đầu tiên: bà chia tay bố mẹ cháu mà tim thắt lại, bố cháu cũng buồn rười rượi và khẩn khoản bảo bà cùng đi về Axt'rakhan. Còn Vacvara thì sung sướng lắm, vui ra mặt, đồ không biết ngượng... Và bố mẹ cháu ra đi... Thế là hết...

Bà tôi uống một ngụm rượu votca, hít thuốc lá và nói tiếp, đăm chiêu đưa mắt nhìn qua cửa sổ ngắm bầu trời xanh xám:

- Phải, tuy bà và bố cháu không cùng máu mủ, nhưng lòng dạ rất giống nhau...

---

[1] Ở đây trong nguyên bản dùng chữ "mama" là tiếng trẻ con thường dùng để gọi mẹ cho ngắn gọn, đáng lẽ phải gọi là "mamasa" cũng có nghĩa là mẹ, nhưng là cách xưng hô thân mật của người Nga. Chúng tôi tạm chuyển sang tiếng Việt như vậy, tuy chưa được thích hợp lắm.

Đôi lúc, bà tôi đang kể chuyện thì ông tôi bước vào. Ông tôi ngẩng bộ mặt giống như con chồn hôi lên, phồng chiếc mũi nhọn đánh hơi, ngó bà tôi với một vẻ nghi ngờ, lắng tai nghe câu chuyện của bà tôi và lẩm bẩm:

- Lại những chuyện xuẩn ngốc của bà...

Đột nhiên ông tôi hỏi tôi:

- Lecxei, bà mày uống rượu đấy à?

- Không ạ.

- Mày nói láo, nhìn mắt mày tao đủ biết.

Rồi ông tôi ngập ngừng bước đi. Bà tôi nhìn theo nháy mắt và nói một câu pha trò:

- Ông đi đi cho được việc, ngựa thì làm sao mà dọa nổi...

Một hôm, ông tôi đứng giữa phòng, nhìn xuống sàn nhà và hỏi khẽ:

- Bà nó này!

- Gì?

- Bà có biết công việc ra sao rồi không?

- Có.

- Bà nghĩ thế nào?

- Cái số nó thế, ông nó ạ! Ông có nhớ xưa kia ông vẫn nói rằng phải là một quý tộc đấy không?

- Có.

- Thì đấy, gã quý tộc của ông đấy.

- Nghèo rớt mùng tơi.

- Ồ, đấy là chuyện của con Vacvara!

Ông tôi đi ra. Cảm thấy lo lắng, tôi hỏi bà tôi.

- Ông bà nói chuyện gì đấy?

- Cái gì cháu cũng muốn biết cả, - bà tôi vừa lẩm bẩm vừa đưa tay xoa xoa chân tôi. - Còn bé mà cái gì cũng biết cả thì lớn lên còn gì mà hỏi nữa?... - Rồi bà tôi lắc đầu cười.

- Chà! Ông ơi, ông ơi, ông chỉ là một hạt bụi nhỏ trước mắt Chúa mà thôi. Lionca, cháu đừng nói với ai điều này nhé: ông cháu đã bị phá sản sạch sành sanh rồi! Ông ấy giao một số tiền rất lớn, hàng mấy nghìn rúp cho một lão quý tộc, và lão ta vừa bị vỡ nợ...

Bà tôi mỉm cười, ngồi im lặng hồi lâu, đăm chiêu suy nghĩ, khuôn mặt to lớn của bà tôi cau lại, tối sầm và trở nên u buồn.

- Bà nghĩ gì thế?

Bà tôi giật mình:

- À, bà nghĩ về câu chuyện sắp kể cho cháu nghe. Chuyện Evxtine, cháu có muốn nghe không? Chuyện thế này:

Xưa có lão phụ lễ Evxtine,
Tự cho mình là thông minh bậc nhất.
Từ giáo sĩ lẫn các nhà quý tộc,
Đến lũ chó săn lão luyện cũng không bằng!
Như con gà tây, lão đi lại vênh vang,
Ví mình như chim Siren[1] tuyệt mĩ.
Lão la mắng láng giềng ầm ĩ,
Rằng thế này, rằng thế nọ, thế kia...
Nhìn nhà thờ, lão bảo: thấp ghê!
Ngắm đường phố, lão kêu: hẹp quá!
Quả táo chín, lão chê: chưa đỏ!
Mặt trời lên, lão gắt, sớm chưa?
Ai bảo gì lão cũng phán bừa:

Bà tôi phùng má, trợn mắt, khuôn mặt hiền hậu của bà tôi lúc này trông đần độn, buồn cười, bà kể tiếp, giọng trầm, lè nhè:

---

[1] Trong thần thoại Hy Lạp, những nhân vật hoang đường hình chim, đầu và ngực đàn bà, tay cầm một chiếc thụ cầm; giọng hát của nó rất êm ái để quyến rũ những người đi biển làm cho họ đâm tàu vào đá ngầm. Chim Siren hay có trong các thần thoại dân gian cổ của Nga.

- Ồ, cái này có gì là lạ?
Ta có thể làm hơn thế nữa,
Nhưng ta đây chẳng có thì giờ

Ngừng một lát bà tôi mỉm cười khe khẽ kể tiếp:

Và thế rồi đâu bỗng một đêm kia
Lũ quỷ kéo đến nhà lão, la hét:
- Này, thầy sáu, ở đây lão không thích,
Vậy xin mời lão tếch xuống âm ti,
Than đỏ lửa hồng rực rỡ mê li!
Lão phụ lễ mũ chưa kịp đội
Lũ quỷ đã kéo lão đi vội
Chúng vừa cù, vừa hét, vừa lôi.
Hai quỷ con leo tót lên vai,
Ấn lão ngã xuống lò lửa cháy.
- Evxtine, lão có vui lòng
ở với chúng tớ không đấy?
Lão cháy sém hết người, đảo mắt nhìn quanh,
Chống nạnh ngang hông, lão đứng tay khuỳnh,
Bĩu môi, lão kiêu ngạo nói:
- Chốn địa ngục các anh sao mà khói thế!

Bà tôi kết thúc câu chuyện bằng một giọng lè nhè, ề à. Rồi bà tôi thay đổi nét mặt, khe khẽ cười và giải thích cho tôi:

- Lão Evxtine ấy không chịu thua, vẫn khăng khăng bướng bỉnh, giống như ông cháu ấy! Thôi, cháu ngủ đi, khuya rồi...

Mẹ tôi ít khi lên thăm tôi, có lên thì cũng không nán lại lâu, nói ít, vì lúc nào mẹ tôi cũng vội vội vàng vàng. Tôi thấy mẹ tôi hình như ngày càng xinh ra, ăn mặc diện hơn. Nhưng ở mẹ tôi, cũng như ở bà tôi, tôi cảm thấy có cái gì khang khác, mà ai cũng cố giấu tôi, tôi chỉ cảm thấy thế và đoán thế thôi.

Những câu chuyện cổ tích của bà tôi càng ngày tôi càng ít thấy thích, cả đến những câu chuyện về bố tôi mà bà thường kể cũng không làm cho tôi dịu bớt nỗi lo lắng mơ hồ ngày càng tăng lên trong lòng. Tôi hỏi bà tôi:

- Tại sao vong hồn bố cháu lại không yên, hở bà?

- Bà biết làm sao được? - bà tôi lim dim mắt trả lời. - Đó là việc của Chúa, chúng ta không hiểu được...

Đêm đêm, những khi không ngủ được, nhìn qua cửa kính màu xanh, tôi ngắm nhìn những vì sao lênh đênh trôi chầm chậm trên trời, và tôi tưởng ra lắm chuyện buồn mà vai chính bao giờ cũng là bố tôi. Lúc nào tôi cũng thấy bố tôi đi đâu ấy, lủi thủi một mình, tay chống gậy, có một con chó xồm lẽo đẽo theo sau...

XII

Một hôm tôi ngủ thiếp đi từ lúc chập tối. Khi thức dậy tôi có cảm giác như chân tôi cũng thức dậy. Tôi thả chân xuống giường thì lại thấy hai chân bị tê cứng, nhưng lúc này tôi tin chắc rằng chân tôi vẫn còn nguyên và tôi vẫn đi được. Cảm giác đó rõ ràng đến nỗi tôi hét lên vì sung sướng. Hai chiếc chân không sao mang nổi thân tôi và tôi ngã lăn ra, nhưng tôi cũng bò được đến cửa và lần xuống cầu thang. Tôi tưởng tượng mọi người ở dưới nhà sẽ ngạc nhiên như thế nào khi trông thấy tôi.

Tôi không nhớ vì sao tôi lại mò được vào buồng mẹ tôi và ngồi lên lòng bà tôi. Trước mặt bà tôi có mấy người lạ đang đứng. Một bà lão người khô đét vận đồ xanh nói giọng nghiêm khắc, át cả tiếng mọi người:

- Cho nó uống phúc bồn tử rồi ủ kín đầu lại...

Tất cả mọi thứ trên người bà lão toàn là màu xanh: từ áo, mũ cho đến khuôn mặt điểm một nốt thịt thừa dưới mắt, đều xanh, thậm chí đến túm lông mọc trên nốt thịt thừa cũng xanh như một búi cỏ. Bà lão trề môi dưới xuống, vểnh môi trên lên và nhe những chiếc răng xanh ra nhìn tôi, đưa bàn tay đi găng đen không ngón rua đăng ten giơ lên che mắt.

- Ai đấy? - tôi rụt rè hỏi.

Ông tôi trả lời bằng một giọng nghe rất khó chịu:

- Đấy là bà mới của mày đấy...

Cượng cười, mẹ tôi đẩy Evgheni Macximov lại phía tôi:

- Bố con đấy...

Mẹ tôi nói gì rất nhanh và khó hiểu. Macximov nheo mắt, cúi xuống gần tôi và nói:

- Bố sẽ cho con một hộp thuốc màu.

Trong buồng rất sáng; góc phía trước, trên một cái bàn, có đặt những giá nến bằng bạc, trên mỗi giá có năm ngọn nến đang cháy. Giữa những giá nến đó là bức tượng thánh "Xin Đức Mẹ đừng khóc" mà ông tôi rất quý; những hạt ngọc trai gắn trên bức tượng lấp lánh và hình như chảy ra; những viên ngọc thạch lựu đỏ thẫm trên nền vàng của bức tượng phát ra những tia hào quang chói lọi. Những khuôn mặt lờ mờ, tròn trĩnh nom như những cái bánh tráng cùng với những cái mũi bẹt lặng lẽ như dán vào những tấm kính cửa sổ tối om trông ra phố. Tất cả mọi vật xung quanh tôi đều chập chờn nghiêng ngả. Còn bà lão vận đồ xanh thì đưa những ngón tay lạnh buốt sờ vào phía sau tai tôi và nói:

- Nhất định rồi, nhất định rồi...

- Nó ngất rồi, - bà tôi nói và bế tôi ra cửa.

Nhưng tôi không ngất, tôi chỉ nhắm mắt lại thôi. Lúc bà bế tôi lên cầu thang, tôi hỏi bà:

- Sao bà không bảo cháu chuyện ấy từ trước?

- Chà... thôi im đi!

- Các người là đồ lừa dối...

Đặt tôi vào giường xong, bà tôi rúc đầu vào gối và khóc, toàn thân rung lên. Hai vai rung động, bà tôi nghẹn ngào, nói lắp bắp:

- Cháu khóc đi... cháu khóc đi...

Tôi không muốn khóc. Căn gác tối và lạnh; tôi run lên, chiếc giường rung chuyển và kêu ken két. Bà lão vận đồ xanh vẫn hiện lên trước mắt tôi. Tôi giả vờ như ngủ, và bà tôi đi ra.

Mấy ngày trống rỗng trôi qua một cách đơn điệu như một dòng nước nhỏ. Sau lễ ăn hỏi, mẹ tôi đi đâu mất, không khí trong nhà trở nên vắng vẻ một cách nặng nề.

Một buổi sáng, ông tôi lấy ra một cái đục, đi tới cửa sổ và cậy mát tít trát ở khung cửa hồi mùa đông. Bà tôi đi tới, tay bưng chậu nước với chiếc giẻ lau. Ông tôi khe khẽ hỏi bà:

- Thế nào, mụ già?

- Cái gì kia?

- Mừng lắm phải không?

Bà tôi trả lời cũng giống như trả lời tôi lúc đi lên cầu thang:

- Chà... thôi im đi!

Những lời đơn giản đó lúc này có một ý nghĩa đặc biệt, chúng che giấu một sự kiện gì lớn, đáng buồn không cần phải nói ra nhưng mọi người đều biết.

Ông tôi thận trọng tháo khung cửa và đưa ra ngoài. Bà tôi mở rộng cánh cửa sổ. Trong vườn tiếng sáo sậu kêu, tiếng chim sẻ ríu rít. Mùi thơm ngây ngất của đất sau khi tuyết tan ùa vào trong phòng. Trên thành lò sưởi những viên gạch men hình vuông màu xanh nhạt ngượng nghịu ngả sang màu

trắng, nhìn chúng đủ cảm thấy lạnh lẽo. Tôi bò từ trên giường xuống sàn nhà.

- Không được đi chân đất, - bà tôi nói.

- Cháu muốn ra vườn.

- Hãy chờ ít lâu nữa có hơn không, ngoài ấy chưa khô đâu!

Tôi không muốn nghe lời bà tôi, thậm chí nhìn mặt người lớn tôi cũng cảm thấy khó chịu.

Trong vườn những ngọn cỏ non xanh mượt đã nhú lên, những nụ táo đã mọng ra và nở tung, rêu trên mái nhà của mụ Pet'rovna có một màu xanh nom thật thích mắt. Chỗ nào cũng thấy có nhiều chim. Tiếng chim hót rộn ràng, làn không khí thơm mát làm cho đầu óc tôi ngây ngất. Trong cái hố chỗ bác Piot cất cổ tự tử có những bụi cỏ dại màu vàng hoe bị tuyết đè nát, rối tung. Nhìn cái hố thật khó chịu, nó không có một vẻ gì là mùa xuân cả; những mẩu gỗ cháy dở đen bóng trông thật buồn thảm. Sự vô dụng của nó như chọc tức tôi. Tôi bực mình muốn nhổ tung những bụi cỏ dại đi, nhặt những viên gạch vỡ và những mẩu gỗ cháy dở vứt ra ngoài, dọn hết tất cả những thứ bẩn thỉu, vô ích đi, sửa sang cái hố thành một chỗ ở thật sạch sẽ và mùa hè sẽ sống trong đó một mình, không có người lớn. Tôi liền bắt tay ngay vào việc. Công việc đó làm cho tôi xa cách những gì xảy ra trong nhà suốt một thời gian dài, và tuy những chuyện ấy hãy còn làm cho tôi rất bực mình, nhưng càng ngày chúng càng làm tôi ít quan tâm hơn.

- Làm sao mà mày cứ quằm quặm như thế? - bà tôi hoặc mẹ tôi thường hỏi tôi như vậy.

Tôi thấy lúng túng mỗi khi bà và mẹ tôi hỏi câu đó. Nào tôi có giận gì bà và mẹ tôi đâu, tôi chỉ cảm thấy mọi thứ trong nhà đều trở nên xa lạ đối với tôi. Vào những bữa ăn trưa, chiều và những bữa trà tối thường có mặt bà lão vận đồ

xanh, nom hệt như một cái cọc mục ở giữa dãy hàng rào đổ nát. Cặp mắt của bà ta như được đính vào mặt bằng những sợi chỉ vô hình. Từ trong hai hốc mắt xương xẩu chúng nhẹ nhàng lăn ra và chuyển động thoăn thoắt. Hai con mắt đó nhìn không sót một cái gì. Chúng rướn lên mái nhà mỗi khi bà ta nói đến Chúa và cụp xuống má khi bà ta nói đến việc nhà. Cặp lông mày của bà ta trông như cám và như dán vào da. Những chiếc răng to, trơ trụi lặng lẽ nhai tất cả những gì bà ta nhét vào mồm, cánh tay không không trông đến buồn cười, ngón út chìa ra. Quanh tai bà những cục xương tròn chạy đi chạy lại. Hai tai luôn luôn cử động, cả đến túm lông xanh trên lớp da vàng khè, nhăn nheo và sạch bóng đến phát ghét lên được. Bà lão cũng ngượng nghịu và khó chịu. Mấy hôm đầu có lúc bà ta định đưa bàn tay như tay người chết ra sờ vào môi tôi - bàn tay có mùi hương và xà phòng Cazan. Tôi vội vàng quay đi và chạy mất.

Bà ta thường nói với con trai:

- Thằng bé này nhất định phải giáo dục cẩn thận, hiểu không Jenia?[1]

Người con trai cúi đầu ngoan ngoãn, cau mày và im lặng. Trước mặt bà ta ai cũng đều nhăn nhó cả.

Tôi hết sức căm ghét bà lão, và cả con trai bà ta nữa. Cũng chính vì cái tình cảm nặng nề đó mà tôi đã phải ăn nhiều trận đòn. Một lần đang ăn trưa, bỗng bà lão nói, hai mắt trố ra trông rất khủng khiếp:

- Chà, Aliosenca đi đâu vội mà cắn những miếng to thế? Khéo không lại nghẹn đấy.

Tôi lôi miếng đang nhai dở trong mồm ra, cắm lại vào dĩa và chìa ra trước mặt bà ta:

- Này, bà tiếc thì cầm lấy...

---

[1] Tức Evgheni Macximov.

Mẹ tôi kéo tôi ra khỏi bàn ăn, tôi bị đuổi lên gác thượng một cách nhục nhã. Bà tôi đi lên và bịt miệng cười:

- Cha mẹ ơi! Thật là đồ tinh quái! Cầu Chúa che chở cho mày.

Tôi không thích bà tôi bịt miệng lại như vậy. Tôi chạy đi chỗ khác. Tôi leo lên mái nhà và ngồi nấp phía sau ống khói một lúc lâu. Đúng, tôi rất muốn tinh nghịch, tôi muốn nói với tất cả mọi người những lời cay độc. Khó mà dập tắt được ý muốn đó, vậy mà vẫn buộc phải dập tắt. Một hôm tôi lấy nhựa anh đào bôi vào ghế của ông bố dượng tương lai và người bà mới của tôi, và cả hai đều bị dính vào ghế. Cảnh đó trông thật là buồn cười. Sau khi tôi bị ông tôi đánh, mẹ tôi lên gác thăm tôi. Mẹ tôi kéo tôi vào lòng, kẹp chặt tôi giữa hai đầu gối và hỏi:

- Nghe đây, sao con lại chơi ác như thế? Giá con biết được điều đó đã làm mẹ đau lòng như thế nào!

Mắt mẹ tôi rưng rưng những giọt lệ long lanh, mẹ tôi áp đầu tôi vào má. Tôi thấy đau khổ quá, thà mẹ tôi cứ đánh cho tôi một trận còn hơn. Tôi hứa sẽ không bao giờ xúc phạm đến hai mẹ con Macximov nữa, miễn là mẹ tôi đừng khóc.

- Phải đấy, - mẹ tôi nói nhỏ, - con không nên tinh nghịch nữa! Ít lâu nữa bố mẹ sẽ làm lễ cưới, rồi sau đó sẽ đi Moxcva. Sau đó bố mẹ trở về và con sẽ ở với mẹ. Evgheni Vaxilievitr[1] rất tốt và rất thông minh, ở với bố, con sẽ sung sướng. Rồi con sẽ vào trường trung học, sau đó sẽ trở thành sinh viên giống như bố bây giờ và rồi sẽ thành bác sĩ hoặc làm gì tùy ý. Người có học vấn thì muốn làm gì cũng được. Thôi, đi chơi đi con...

Tôi cảm thấy những tiếng "sau đó" mà mẹ tôi lần lượt nói ra đó là một cái thang đi xuống một nơi sâu thẳm nào đấy

[1] Tức Macximov.

mỗi lúc một xa mẹ tôi, đi sâu vào bóng tối, vào cảnh cô độc và điều ấy làm cho tôi buồn rầu vô hạn. Tôi rất muốn nói với mẹ tôi:

- Mẹ đừng đi lấy chồng mẹ ạ, con sẽ nuôi được mẹ!

Nhưng tôi không sao nói được điều đó. Mẹ tôi luôn luôn gợi lên trong tâm trí tôi rất nhiều ý nghĩ âu yếm về người, nhưng không bao giờ tôi muốn nói ra những ý nghĩ ấy cả.

Công việc của tôi ở trong vườn tiến hành rất trôi chảy: tôi lấy con dao to bản rẫy hết cỏ dại đi, xung quanh miệng hố, chỗ nào đất bị lở, tôi lấy gạch đắp lại. Tôi xếp gạch thành một chỗ ngồi rộng, có thể nằm được là đằng khác. Tôi nhặt thật nhiều mảnh thủy tinh màu và bát đĩa vỡ đem nhét vào những khe hở giữa các hàng gạch và lấy đất sét trát lại. Khi ánh nắng chiếu vào hố, chúng rực sáng lên những màu sắc rực rỡ giống như ở trong nhà thờ.

- Khéo nghĩ đấy! - một hôm, ông tôi ngắm nghía công trình của tôi và nói. - Có điều là cỏ nó sẽ làm mày gay đấy: rẫy cỏ mà không đánh hết rễ! Để tao xới đất lại cho, vào lấy cái mai ra đây!

Tôi đem ra một chiếc xẻng bằng sắt. Ông tôi nhổ nước bọt vào lòng bàn tay, vừa lẩm bẩm vừa đưa chân ấn sâu chiếc xẻng xuống lớp đất màu mỡ.

- Nhặt rễ đi!... Rồi tao sẽ trồng ở đây cho mày mấy cây hướng dương và cây cối xay! Đẹp lắm...

Và bỗng ông tôi im bặt, lặng người đi, người vẫn cúi trên chiếc xẻng. Tôi để ý nhìn: từ trong cặp mắt nhỏ thông minh giống như mắt chó của ông tôi, những giọt lệ lăn tăn liên tiếp nhỏ xuống đất.

- Ông làm sao thế?

- Ông tôi giật mình, đưa tay lau mặt và nhìn tôi bằng cặp mắt mờ đục.

- Ông toát mồ hôi đấy! Trông kìa, bao nhiêu là giun!

Rồi ông tôi lại tiếp tục đào và bỗng nhiên nói:

- Mày làm những cái này chỉ tổ phí công thôi, cháu ạ, tao sắp sửa bán nhà rồi, độ mùa thu này là bán. Cần có tiền để làm của hồi môn cho mẹ mày. Thôi thì cũng chỉ còn mong sao cho mẹ mày được sung sướng, cầu trời phù hộ cho mẹ mày...

Ông tôi vứt xẻng xuống đất, khoát tay và đi về phía sau nhà tắm ở góc vườn, chỗ có những ô che ươm cây. Đến lượt tôi đào và bị xẻng đâm toạc ngay một ngón chân.

Vì vậy tôi không đưa mẹ tôi đến nhà thờ để làm lễ cưới được. Tôi chỉ có thể ra cổng nhìn mẹ tôi khoác tay Macximov và cúi đầu thận trọng đặt từng bước trên nền gạch của lề đường, trên những bụi cỏ xanh từ trong các kẽ gạch nhô lên tựa như mẹ tôi đang đi trên những đầu đinh nhọn vậy.

Lễ cưới rất âm thầm; sau khi ở nhà thờ về mọi người uống trà một cách buồn tẻ. Mẹ tôi đi thay quần áo ngay rồi vào buồng ngủ xếp đặt hòm xiểng. Ông bố dượng tôi ngồi xuống cạnh tôi và nói:

- Bố có hứa cho con một hộp thuốc màu, nhưng ở đây không có loại nào tốt. Còn hộp của bố thì bố không thể cho con được, lên đến Moxcva bố sẽ gửi về cho con vậy...

- Con lấy thuốc màu làm gì?

- Con không thích vẽ à?

- Con không biết vẽ.

- Thôi được, bố sẽ gửi cho con một thứ gì khác vậy.

Mẹ tôi bước đến:

- Bố mẹ sẽ về ngay thôi mà. Khi nào bố con thi xong tốt nghiệp là bố mẹ trở về...

Tôi lấy làm thích thú thấy hai người nói chuyện với tôi như nói với người lớn, nhưng tôi rất lấy làm lạ thấy một người đã có râu mà vẫn còn đi học. Tôi hỏi:

- Bố học gì?

- Đạc điền...

Tôi cũng chẳng buồn hỏi đó là cái gì. Một sự im lặng buồn tẻ bao trùm căn nhà, có tiếng gì sột soạt như tiếng len dạ cọ sát vào nhau, mọi người như chỉ mong sao cho trời chóng tối. Ông tôi đứng tựa lưng vào lò sưởi, nheo mắt nhìn ra cửa sổ. Bà lão vận đồ xanh giúp mẹ tôi sắp xếp đồ đạc, vừa làm vừa càu nhàu và kêu rên. Còn bà tôi thì say rượu từ trưa, mọi người sợ xấu hổ nên lôi bà tôi lên gác thượng và nhốt ở trên ấy.

Sáng sớm hôm sau mẹ tôi lên đường. Khi từ biệt, người ôm lấy tôi, khẽ nhấc tôi lên khỏi mặt đất, nhìn vào mắt tôi bằng cặp mắt xa lạ rồi hôn tôi và nói:

- Thôi, con ở nhà nhé.

- Bảo nó ở nhà phải vâng lời tao, - ông tôi vừa nói, giọng gắt bẳn, vừa nhìn lên bầu trời còn đang ửng hồng.

- Con phải vâng lời ông nhé! - Mẹ tôi nói và giơ tay làm dấu cho tôi.

Tôi chờ đợi mẹ tôi sẽ nói những gì khác kia, và tôi rất bực ông tôi đã làm cho mẹ không nói nữa.

Hai vợ chồng lên xe ngựa. Tà áo của mẹ tôi bị móc vào cái gì gỡ mãi không được, mẹ tôi phát cáu.

- Lại giúp mẹ mày, không trông thấy gì à? - ông tôi bảo tôi.

Tôi vẫn đứng im, nỗi buồn nặng trĩu trong lòng.

Macximov chịu khó xếp đôi chân dài thuỗn bó sát trong hai ống quần xanh vào xe. Bà tôi giúi vào tay Macximov mấy cái tay nải, ông ta cầm đặt lên đầu gối, lấy cằm đỡ cho khỏi đổ, khuôn mặt tái mét nhăn lại với một vẻ hốt hoảng.

- Đủ rồi... - Macximov nói, giọng kéo dài.

Bà lão vận đồ xanh với người con trai cả là một sĩ quan

lên chiếc xe khác. Bà lão ngồi ngay như tượng, còn người con trai thì lấy chuôi kiếm cọ vào râu và chốc chốc lại ngáp.

- Thế là anh ra trận đấy hả? - ông tôi hỏi.

- Nhất định rồi!

- Tốt lắm! Cần phải đánh cho bọn Thổ Nhĩ Kỳ...[1]

Xe chuyển bánh. Mấy lần mẹ tôi quay lại giơ khăn tay vẫy. Bà tôi, một tay chống vào tường, cũng giơ tay lên vẫy vẫy, nước mắt đầm đìa. Ông tôi cũng lấy ngón tay quệt nước mắt và nói càu nhàu, giọng đứt quãng:

- Rồi chẳng... có gì tốt đâu... chẳng có...

Ngồi trên một khúc gỗ, tôi nhìn hai chiếc xe vừa chạy vừa nảy trên mặt đường. Khi chúng đã khuất vào một góc phố, thì trong lòng tôi hình như cũng có một cái gì thắt lại.

Trời hãy còn sớm lắm, cửa sổ ở các nhà vẫn còn đóng kín. Đường phố không một bóng người, tôi chưa bao giờ thấy nó vắng tanh vắng ngắt tiêu điều như thế. Từ xa vẳng lại điệu nhạc u uất của một gã mục đồng.

Đi uống trà thôi, - ông tôi nắm lấy vai tôi kéo đi và nói. - Số phận mày là ở với tao; cho nên mày còn phải đụng chạm với tao như que diêm xát vào gạch vậy.

Từ sáng đến chiều tôi với ông tôi lặng lẽ loay hoay công việc trong vườn. Ông tôi đánh luống, buộc các khóm phúc bồn tử, cạo rêu cho các cây táo và bắt sâu. Còn tôi thì chỉ loay hoay xây dựng và trang hoàng cho chỗ ở của tôi. Ông tôi lấy rìu chặt bớt đoạn cuối của cây gỗ cháy dở đi và cắm xuống đất những cái cọc bằng gỗ, tôi đem mấy lồng chim treo lên những cái cọc đó. Tôi lấy cỏ khô đánh một tấm gianh thật dày và làm thành cái mái ở phía trên chiếc ghế dài để che nắng che sương. Chỗ ở của tôi thế là tươm rồi.

---

[1] Đây nói đến cuộc chiến tranh Nga - Thổ năm 1877-1878.

Ông tôi nói:

- Cháu tập lo liệu lấy một mình như vậy là rất tốt.

Tôi rất coi trọng những lời của ông tôi. Thỉnh thoảng ông tôi tới nằm trên cái ổ cỏ của tôi và bằng một giọng chậm rãi, như cậy ra từng lời khó nhọc, ông tôi khuyên tôi:

- Bây giờ mày đã lìa khỏi mẹ mày như một miếng bánh đã cắt rời ra. Rồi mẹ mày sẽ có con khác, đối với mẹ mày chúng nó sẽ thân thiết hơn mày. Còn bà mày thì đã bắt đầu uống rượu rồi.

Ông tôi im lặng một lúc lâu như nghe ngóng cái gì, sau đó lại miễn cưỡng buông ra những lời nặng nề:

- Bà mày uống lần này là lần thứ hai đấy. Khi thằng Mikhailo phải đăng lính bà mày cũng đã uống rồi. Lúc ấy, bà mày đã năn nỉ tao mua được cho nó một cái giấy miễn đi lính, cái mụ già ngu ngốc ấy! Giá cứ đi lính quách thì bây giờ có thể nó lại khác... Chao ôi, lũ chúng bay...y... thật là... Còn tao thì đã gần kề miệng lỗ rồi, như thế là mày sẽ còn lại có một mình thôi, mày phải lo liệu lấy tất, phải tự kiếm lấy miếng ăn, hiểu không? Thế đấy! Phải tập chỉ trông cậy vào chính bản thân mình, đừng để kẻ khác dắt mũi mình! Hãy sống lặng lẽ, bình thản, nhưng phải cứng cỏi! Ai nói gì cũng nghe, nhưng cứ việc làm theo cách có lợi cho mình.

Suốt mùa hè, tất nhiên trừ những hôm trời mưa gió, tôi đều sống ở ngoài vườn, thậm chí vào những đêm ấm trời tôi còn ngủ luôn ở đấy trên miếng nỉ của bà tôi cho. Chính bà tôi cũng hay ngủ ngoài vườn. Bà tôi đem ra một ôm cỏ khô, rải gần chỗ tôi nằm rồi bà tôi nằm xuống và kể cho tôi nghe những câu chuyện rất dài, thỉnh thoảng lại ngừng kể và đột nhiên nói xen vào:

- Trông kìa, một ngôi sao sa! Chắc đó là linh hồn trong sạch của ai buồn nhớ đến Đất Mẹ đấy! Như thế tức là ở đâu đấy lại mới có một người tốt ra đời.

Hoặc bà tôi chỉ cho tôi xem:

- Nhìn kìa, một ngôi sao mới hiện ra! Trông long lanh như một con mắt ấy! Ôi, bầu trời, bầu trời xinh đẹp, ngươi là tấm áo khoác lộng lẫy của Chúa...

Ông tôi càu nhàu:

- Bà cháu mày rồi đến cảm lạnh mà ốm mất thôi, lũ ngốc ạ... Kẻ trộm mà vào thì nó bóp cổ...

Đôi khi, vào lúc chiều tà trên bầu trời tỏa ra vô số suối lửa. Chúng tàn dần và đổ xuống vườn cây xanh mượt như nhung một lớp tro màu đỏ pha sắc vàng óng ánh. Một lúc sau tất cả cảnh vật xung quanh đều tối sẫm nhanh chóng, lan rộng mãi ra, phồng lên, chìm vào trong màn đêm nóng bức. Những chiếc lá được tắm no ánh nắng rũ xuống, những ngọn cỏ nằm rạp xuống mặt đất. Tất cả đều trở nên êm dịu hơn, lộng lẫy hơn: muôn hương nhẹ nhàng tỏa ra, dịu dàng như tiếng nhạc. Tiếng nhạc từ cánh đồng xa vọng về: đó là tiếng kèn điểm danh trong trại lính. Đêm xuống dần, và cùng với đêm một cái gì mạnh mẽ, tươi mát như sự âu yếm dịu hiền của người mẹ tràn vào lồng ngực. Cảnh tĩnh mịch như một bàn tay ấm áp mịn màng như nhung khe khẽ vuốt ve trái tim. Và tất cả mọi ấn tượng xấu xa, tất cả làn bụi li ti và nóng bỏng trong ngày hôm đó đều bị xóa mờ trong tâm trí. Thật thú vị khi nằm ngửa mặt lên trời, ngắm những vì sao mỗi lúc một sáng thêm khiến cho bầu trời càng thêm sâu thẳm. Cái vực sâu thăm thẳm đó cứ vươn cao lên mãi, làm hiện ra những vì sao mới, nó nhẹ nhàng nâng bổng ta lên khỏi mặt đất và làm cho ta có một cảm giác thật là kì lạ: lúc thì ta cảm thấy toàn bộ trái đất thu nhỏ cho hợp với ta, lúc thì ta cảm thấy lớn lên một cách tuyệt vời, tỏa rộng và lan ra, hòa vào mọi vật xung quanh. Trời mỗi lúc một tối hơn, không khí mỗi lúc một thêm lặng lẽ. Nhưng khắp mọi nơi

như có căng những sợi dây đàn vô hình rất nhậy; mỗi một âm thanh, tiếng chim hót trong giấc ngủ, tiếng nhím chạy qua hoặc một giọng nói nhỏ ở đâu đó - tất cả những âm thanh đó đều được bầu không khí lặng như tờ làm vang lên, đều ngân lên rất đặc biệt, khác hẳn lúc ban ngày.

Tiếng phong cầm, tiếng cười của phụ nữ, tiếng gươm kéo lê trên nền gạch hè đường, tiếng chó sủa - tất cả những âm thanh vô ích đó đều giống như những chiếc lá rụng cuối cùng của một ngày tàn.

Có những đêm ở ngoài đồng hoặc trên đường phố bỗng dội lên tiếng hát của người say rượu, tiếng chân người chạy thình thịch nặng nề, nhưng những cái đó đã quá quen thuộc và không còn ai chú ý đến nữa.

Bà tôi thao thức rất lâu, bà tôi nằm, đầu gối lên hai bàn tay bắt chéo và kể chuyện với niềm hào hứng nhẹ nhàng, không hề để ý xem tôi có nghe hay không. Bao giờ bà tôi cũng khéo chọn những truyện cổ tích khiến cho đêm càng thêm ý vị và đẹp đẽ.

Giọng nói du dương của bà tôi thường làm tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết và tôi tỉnh dậy vào lúc chim hót. Ánh nắng chiếu thẳng vào mặt tôi, không khí ban mai run rẩy nhẹ nhàng, mỗi lúc một thêm ấm áp. Lá táo rũ những hạt sương xuống đất, những ngọn cỏ xanh ướt đẫm mỗi lúc một sáng rực lên, một làn hơi mỏng manh trong suốt như pha lê bốc lên từ mặt cỏ. Trên bầu trời tim tím những tia nắng mỗi lúc một tỏa rộng như chiếc quạt đang xòe dần ra, bầu trời chuyển thành màu xanh. Tiếng chim sơn ca hót tít trên cao, và tất cả những màu sắc, âm thanh thấm vào lòng như những giọt sương mai, khơi lên một niềm vui thanh thản khiến người ta muốn dậy ngay, làm việc và sống hòa thuận với tất cả mọi sinh vật xung quanh mình.

Đây là thời kì phẳng lặng và thơ mộng nhất trong đời tôi,

và chính trong mùa hè này cảm giác tự tin vào sức mình đã nảy nở và lớn mạnh. Tôi trở thành con người thờ ơ, thích cô độc. Nghe tiếng lũ trẻ nhà Ovxiannicov la hét tôi cũng mặc kệ. Bọn em họ có đến chơi tôi cũng không mừng rỡ chút nào, mà chỉ sợ chúng phá mất những công trình của tôi ở ngoài vườn - sự nghiệp đầu tiên do tôi tự tạo nên.

Cả những lời nói của ông cũng không còn làm cho tôi bận tâm nữa, càng ngày giọng của ông tôi càng trở nên khô khan gắt gỏng, than vãn. Ông tôi bắt đầu hay cãi cọ với bà tôi và đuổi bà tôi đi. Bà tôi lúc thì đến nhà cậu Iacov, lúc thì đến nhà cậu Mikhail. Đôi khi đến mấy ngày liền bà tôi không về, ông tôi phải thổi nấu lấy; bị bỏng tay, ông tôi la lối, chửi bới và đập phá bát đĩa. Tính keo kiệt của ông tôi ngày càng tăng.

Thỉnh thoảng ông tôi vào lều của tôi, ngồi chễm chệ lên ổ cỏ và lẳng lặng nhìn tôi một lúc lâu, rồi đột nhiên hỏi:

- Sao cứ im thin thít thế?

- Cháu vẫn thế... Sao kia ạ?

Và ông tôi bắt đầu "lên lớp" cho tôi:

- Chúng ta không phải là bọn quý tộc. Không ai dạy chúng ta hết. Chúng ta phải tự hiểu lấy tất cả. Người ta thì có sách vở để xem, có trường học để học, còn chúng ta thì chẳng có cóc khô gì sất. Phải tự hiểu lấy tất...

Rồi ông trầm ngâm suy nghĩ, ngồi trơ không nhúc nhích và im bặt, có thể nói là rất khủng khiếp.

Đến mùa thu thì ông tôi bán nhà. Trước khi bán ít lâu, một hôm trong lúc uống trà buổi sáng, ông tôi bỗng bao với bà tôi bằng một giọng buồn rầu, nhưng cương quyết:

- Này, bà nó ạ, tôi nuôi bà như thế đã đủ rồi! Bây giờ thì bà đi kiếm lấy mà ăn.

Bà tôi tỏ ra hết sức thản nhiên đối với những lời đó, dường như bà tôi đã biết từ lâu là ông tôi sẽ nói như vậy và

đang chờ đợi điều đó. Bà tôi thong thả mọi hộp thuốc ra, lấy thuốc lá nhét vào cái mũi xôm xốp và nói:

- Thôi được! Đã vậy thì...

Ông tôi thuê hai căn buồng nhỏ tối om om ở dưới hầm một ngôi nhà cũ trong một ngõ cụt, phía dưới một ngọn đồi. Khi dọn nhà, bà tôi lấy một chiếc giày gai cũ, cầm sợi dây giày ném vào bếp lò. Rồi bà ngồi xổm và bắt đầu gọi gia thần:

- Gia thần, gia thần, xe đã sẵn sàng, xin Người hãy cùng đi với chúng tôi tới nơi ở mới, đến với hạnh phúc mới...

Ông tôi ở ngoài sân nhòm vào cửa sổ, quát lên:

- Đợi đấy, sẽ có xe đấy, mụ tà giáo kia! Cứ liệu, đừng có bêu diếu tôi.

- Ôi, ông nó ơi, coi chừng kẻo khốn đấy! - bà tôi nói với ông tôi, giọng nghiêm trang.

Nhưng ông tôi nổi nóng và cấm bà tôi không được đưa gia thần đi theo. Bàn ghế và những đồ đạc linh tinh khác ông tôi đem bán cho những người Tacta buôn đồ cũ suốt hai ba hôm mới xong. Ông tôi đặt giá và chửi bới om sòm, còn bà tôi thì đứng ở cửa sổ nhìn ra, lúc khóc, lúc cười, miệng khẽ lẩm bẩm:

- Lôi cả đi! Đập hết đi!...

Tôi cũng muốn khóc, tôi tiếc cái vườn và túp lều của tôi quá.

Chúng tôi dọn nhà đi chỉ cần có hai chiếc xe ngựa. Tôi ngồi trên xe, giữa những đống đồ đạc linh tinh. Xe xóc một cách kinh khủng, dường như muốn hất tôi xuống đất.

Và tôi đã sống với cảm giác bị lắc lư liên miên như muốn hất tôi đi trong khoảng hai năm trời, cho đến tận ngày mẹ tôi mất.

Mẹ tôi trở về sau khi ông tôi dọn đến căn hầm được ít lâu. Mẹ tôi trông xanh nhợt, gầy còm, hai mắt mở to, ngỡ ngàng

ánh lên như trong cơn sốt. Mẹ tôi nhìn một cách chăm chú kì lạ như mới trông thấy ông bà tôi và tôi lần đầu vậy. Mẹ tôi lặng lẽ nhìn cả nhà, còn bố dượng tôi thì cứ đi đi lại lại ở trong phòng, hai tay chắp sau lưng, miệng huýt sáo khe khẽ, chốc chốc lại húng hắng ho, mấy ngón tay khẽ búng vào nhau.

- Trời, sao con lớn khiếp thế này! - Mẹ tôi nói, hai bàn tay nóng hổi áp vào má tôi.

Mẹ tôi ăn mặc trông rất xoàng xĩnh: chiếc áo dài màu da cam rộng thùng thình, ở nơi bụng lại phình ra.

Ông bố dượng chìa tay cho tôi:

- Chào cậu cả! Độ này thế nào?

Rồi ông ta hít hít không khí và nói:

- Này, ở đây ẩm ướt lắm!

Cả hai người như vừa mới qua một cuộc chạy dài, dáng mệt mỏi, quần áo trên người đều nhàu nát, phai bạc. Hai người hình như không còn muốn gì hơn là được nằm nghỉ.

Mọi người uống trà trong bầu không khí buồn tẻ. Nhìn những giọt nước mưa chảy trên cửa kính, ông tôi hỏi:

- Như vậy là cháy sạch cả nhà à?

- Cháy sạch, - bố dượng tôi trả lời, giọng quả quyết. - Chúng con phải khó khăn lắm mới lao ra được...

- Hừ, lửa chứ có phải chuyện đùa đâu!-Mẹ tôi áp sát vào vai bà tôi và nói thì thầm vào tai bà. Bà tôi nheo mắt lại như gặp ánh sáng chói. Không khí trong nhà mỗi lúc một buồn hơn.

Bỗng ông tôi nói rất to, giọng thản nhiên và có vẻ cay độc.

- Evgheni Vaxiliev, sao tôi nghe nói là chẳng có cháy chiếc gì cả, mà chỉ vì anh đánh bạc thua hết...

Không khí yên lặng như dưới mồ, chỉ nghe thấy tiếng ấm xamovar sôi phì phì và tiếng mưa rơi đập vào cửa kính. Một lúc sau mẹ tôi nói:

- Bố...

- Bố cái gì? - ông tôi thét đến đinh tai. - Còn muốn gì nữa? Tao đã chẳng bảo mày rằng ba mươi tuổi đầu đừng có đi lấy đứa hai mươi là gì? Đấy, mày đã được thỏa mãn, ông chồng thanh lịch của mày đấy! Mày đã là bà lớn, oai ghê! Thế nào, cô quý nữ của tôi!

Cả bốn người đều la hét ầm ĩ, la to nhất là bố dượng tôi. Tôi bỏ ra phòng ngoài, leo lên ngồi trên đống củi và lặng đi trong nỗi kinh ngạc: mẹ tôi đã bị người ta làm thay đổi hẳn, hoàn toàn không còn giống như trước nữa. Cảm giác này khi ở trong phòng ít thấy rõ hơn, nhưng ở đây trong bóng tối lờ mờ, tôi nhớ lại rõ ràng mẹ tôi trước kia như thế nào.

Tôi không còn nhớ rõ lắm tại sao về sau tôi lại ở Xormovo,[1] tại một ngôi nhà trong đó tất cả mọi thứ đều còn mới, tường không có giấy bồi, những khe hở giữa các cây gỗ[2] thì bịt bằng sợi gai và có rất nhiều gián ở trong. Mẹ tôi và bố dượng tôi ở hai phòng có cửa sổ trông ra đường, còn tôi với bà tôi ở gian bếp chỉ có mỗi một chiếc cửa sổ nhỏ. Vượt lên trên gác mái nhà, những ống khói nhà máy đâm thẳng lên trời trông như những ngón tay đen sì và nhả ra những làn khói dày đặc, xoắn tít. Gió mùa đông thổi chúng bay đi khắp xóm. Trong những căn phòng lạnh lẽo của chúng tôi lúc nào cũng có mùi dầu mỡ khét lẹt. Sáng sớm tiếng còi rú lên như tiếng chó sói.

- U..., u-u... u... u...

Đứng lên ghế dài nhìn qua những tấm kính bên trên của cửa sổ và qua các mái nhà, có thể thấy cái cổng nha máy sáng rực ánh đèn. Cánh cổng mở toang trông như cái mồm

---

[1] Một khu phố ở Nijni - Novgorod có những nhà máy quan trọng nhất ở nước Nga.

[2] Ở Nga nhà gỗ thường làm bằng những cây gỗ nguyên ghép lại.

móm đen ngòm của một lão hành khất đang há ra cho đám người bé nhỏ lũ lượt tuôn vào. Giữa trưa tiếng còi lại rúc lên, hai cánh cổng nom như cặp môi đen sì lại há ra, để lộ cái hốc mồm sâu hoắm; những con người đã bị nhà máy nuốt chửng lại như bị tuôn ra. Họ đổ ra đường như một dòng nước đen sì. Một cơn gió mang theo tuyết trắng như bông thổi lùa vào đường phố, xua đuổi và dồn họ về những căn nhà của họ. Bầu trời trên xóm làng rất ít khi nhìn thấy: ngày này qua ngày khác phía trên các mái nhà, trên các đống tuyết đen kịt muội bồ hóng, người ta thấy lơ lửng một cái mái khác màu xám và bằng phẳng; có đè trĩu lên óc tưởng tượng và làm lóa mắt người ta bởi cái màu sắc đơn điệu buồn tẻ của nó.

Tối tối trên bầu trời nhà máy lập lờ vừng ánh sáng màu đỏ đục chiếu vào các đỉnh ống khói; người ta có cảm tưởng như các ống khói từ trong đám khói nhô ra, không phải vươn lên trời, mà là chúc xuống đất. Chúng tuôn ra những tia lửa đỏ rực, gào rú lên. Nhìn tất cả những cái đó tôi cảm thấy bực dọc vô hạn, một nỗi buồn chua xót da diết trong lòng.

Bà tôi trở thành người làm bếp; bà tôi nấu nướng, cọ sàn, bổ củi, xách nước, quần quật suốt từ sáng đến tối, và khi đi nằm bà tôi rã rời chân tay, vừa than vãn, vừa rên rỉ. Thỉnh thoảng sau khi làm lụng xong, bà tôi mặc một chiếc áo cánh bông ngắn, vén váy lên thật cao và đi ra phố.

- Xem lão già ở trên đó sống ra sao...

- Cho cháu đi với!

- Cháu sẽ chết rét mất thôi. Xem bão tuyết kia kìa!

Rồi bà tôi đi hơn bảy verxta[1] trên con đường bị ngập giữa những cánh đồng tuyết. Mẹ tôi người vàng bủng, có chửa co ro trong chiếc khăn san rách màu xám, có tua rua xung quanh. Tôi căm ghét chiếc khăn đó, nó làm cho thân hình to

[1] Đơn vị chiều dài của Nga bằng 1,06km.

lớn, cân đối của mẹ tôi xấu xí hẳn đi. Tôi ghét và thường rứt đứt những tua ở xung quanh khăn. Tôi căm ghét cả ngôi nhà, xưởng máy và xóm làng. Mẹ tôi đi một đôi ủng bẹp dúm dó, mỗi khi ho thì cái bụng to phình lại lắc lư trông thật quái gở. Cặp mắt xanh xám của người ánh lên những nét khô khan và giận dữ, và thường hay nhìn trừng trừng vào những bức tường trơ trụi như bị dán chặt vào đó. Đôi khi mẹ tôi nhìn hàng giờ qua cửa sổ ra đường. Đường phố trông giống như một hàm răng, một số răng vì già nua nên đã đen kịt, khấp khểnh; một số đã rụng, và người ta đã vụng về thay vào đó những chiếc răng mới to quá khổ so với hàm.

- Chúng ta ở đây làm gì? - tôi hỏi.

Mẹ tôi trả lời:

- Ôi, im đi con ạ...

Mẹ tôi ít nói với tôi, mà thường chỉ ra lệnh!

- Đi đi... Đưa đây... Đem lại đây...

Tôi ít khi được ra đường; lần nào về nhà tôi cũng bị bươu đầu sứt trán vì bị tụi trẻ con đánh. Đánh nhau là thú vui duy nhất của tôi. Cho nên tôi đánh nhau rất say mê. Mẹ tôi lấy thắt lưng quất tôi, nhưng sự trừng phạt chỉ kích thích tôi thêm và lần sau tôi càng đánh nhau với tụi trẻ con một cách điên khùng hơn. Một lần tôi báo trước cho mẹ tôi biết rằng nếu mẹ không thôi đánh tôi thì tôi sẽ cắn tay mẹ tôi, rồi chạy ra đồng và ở lì đến chết cóng ở đó. Mẹ tôi sửng sốt đẩy tôi ra, rồi đi đi lại lại trong phòng và vừa thở với vẻ mệt nhọc vừa nói:

- Đồ bất trị!

Chiếc cầu vồng sinh động, lung linh của những tình cảm mà người ta gọi là lòng thương yêu đã phai nhạt đi trong tâm hồn tôi và càng ngày càng hay bùng lên những ngọn lửa xanh đầy thán khí - ngọn lửa tức giận đối với tất cả mọi thứ;

nỗi bất bình nặng nề, cảm giác sống cô độc trong cái thế giới vô nghĩa, một màu xám xịt và điêu tàn này, cứ âm ỉ trong trái tim tôi.

Bố dượng tôi rất nghiêm khắc đối với tôi và ít khi nói chuyện với mẹ tôi. Suốt ngày ông ta chỉ huýt sáo miệng, ho và sau bữa trưa thì đứng trước gương lấy tăm xỉa những chiếc răng khấp khểnh rất cẩn thận và rất lâu. Càng ngày bố dượng tôi càng hay cãi nhau với mẹ tôi, gọi mẹ tôi bằng "cô" một cách giận dữ. Lối xưng hô đó làm cho tôi tức giận ghê gớm. Những lúc cãi nhau bao giờ bố dượng tôi cũng đóng chặt cửa thông vào bếp, có lẽ ông ta không muốn cho tôi nghe thấy lời nói của mình, tuy vậy tôi vẫn lắng nghe được cái giọng trầm trầm, khàn khàn của ông ta.

Một lần ông ta giậm chân và hét:

- Chỉ vì cái bụng chướng mắt của cô mà tôi không thể mời ai đến chơi được, thật là giống bò cái!

Tôi sửng sốt và tức giận như điên dại đến nỗi tôi nhảy bắn lên ở trên lò sưởi, đập cả đầu vào trần nhà và cắn vào lưỡi đến chảy cả máu.

Cứ đến thứ bảy là có hàng chục người thợ đem phiếu thực phẩm đến bán cho bố dượng tôi. Người ta đã trả công cho họ bằng phiếu thay cho tiền mặt, và họ sẽ dùng phiếu để mua thực phẩm ở cửa hàng nhà máy. Bố dượng tôi mua lại những phiếu đó chỉ bằng nửa tiền. Ông ta tiếp họ ở trong bếp, ngồi sau một chiếc bàn, vẻ mặt quan trọng và cau có, ông ta cầm phiếu nói:

- Một rúp rưỡi.

- Evgheni Vaxiliev, ông hãy nể Chúa một chút..

- Một rúp rưỡi.

Cuộc sống vô nghĩa, tối tăm đó kéo dài không lâu. Trước khi mẹ tôi ở cữ, tôi được đưa tới chỗ ông tôi. Lúc này ông tôi

đã về ở Cunavino,[1] ông ở trong một căn phòng chật hẹp có lò sưởi Nga và hai cửa sổ trông ra sân trong một ngôi nhà hai tầng ở phố Pextsanaia. Phố này chạy dưới chân một quả đồi xuống đến hàng rào khu nghĩa địa của nhà thờ Đức Bà Đồng Trinh.

- Sao? - ông tôi hỏi khi thấy tôi và cất tiếng cười the thé. - Ngày xưa người ta nói: "Không có người nào đáng yêu hơn mẹ đẻ", còn bây giờ có lẽ chúng ta phải nói: "Không phải mẹ đẻ, mà chính là ông ngoại quái quỷ này!" Ôi chao, lũ chúng bay...y...y thật là...

Tôi chưa kịp quen với chỗ ở mới thì bà và mẹ tôi với em bé tôi tới. Bố dượng tôi bị đuổi khỏi nhà máy vì tội bòn mót của anh em thợ, nhưng ông ta chạy chọt và được tuyển ngay vào làm chân bán vé ở nhà ga.

Sau những ngày không có việc gì xảy ra, tôi lại được đưa về ở với mẹ tôi trong tầng hầm một ngôi nhà đá. Lập tức mẹ tôi tống tôi đến trường. Nhưng ngay từ ngày đầu tiên trường học đã làm tôi chán ghét.

Tôi đến trường với đôi giày của mẹ tôi, mặc chiếc áo bành tô nhỏ, nguyên là áo của bà tôi chữa lại, một chiếc sơ mi màu vàng và một cái quần dài bỏ ống ra ngoài ủng. Cách ăn mặc lố lăng đó lập tức bị đem chế giễu. Vì chiếc áo sơ mi màu vàng mà tôi bị gọi là "thằng át chủ bài". Với tụi trẻ con, tôi đã hòa hợp được nhanh chóng, nhưng thầy giáo và ông giáo sĩ thì vẫn ghét tôi.

Thầy giáo tôi có nước da vàng bủng, đầu hói, thường xuyên chảy máu cam, với hai lỗ mũi nhét đầy bông, ông ta bước vào lớp, ngồi vào bàn và hỏi bài bằng giọng mũi. Đang nói nửa chừng, ông ta bỗng im bặt, rút bông ở lỗ mũi ra, ngắm nghía rồi lắc đầu. Mặt ông ta nhẵn lì, nước da như màu đồng gỉ;

[1] Khu ngoại ô Nijni - Novgorod.

giữa những nếp nhăn có những vệt xanh xanh, nhất là cặp mắt màu thiếc hoàn toàn thừa trên bộ mặt đó lại càng làm cho nó thêm xấu xí. Hai con mắt ấy dính chặt vào mặt tôi rất khó chịu khiến tôi luôn luôn muốn đưa bàn tay lên lau má.

Mấy hôm đầu tôi ngồi ở dãy bàn trên cùng, ngay bàn đầu, gần sát với bàn thầy giáo. Ngồi ở đây thật khó chịu hết sức. Tôi có cảm giác như ông ta không nhìn thấy ai hết, ngoài tôi ra. Suốt buổi, ông ta nói bằng giọng mũi:

- Pescov, thay áo sơ mi đi! Pescov, đừng động đậy chân! Pescov, nước ở giày lại chảy ra thành vũng rồi!

Tôi trả thù ông ta bằng những trò nghịch ngợm quỷ quái. Một lần tôi kiếm được nửa quả dưa hấu bị băng lạnh. Tôi đem khoét ruột ra và lấy một sợi chỉ buộc nó vào chiếc ròng rọc ở cửa ra vào chỗ phòng ngoài tranh tối tranh sáng. Khi mở cửa thì quả dưa chạy lên trên, và khi thầy giáo khép cửa lại thì quả dưa chụp vào cái đầu hói của thầy y như một cái mũ vậy. Người gác trường dẫn tôi về nhà cùng với lá thư của thầy giáo, và vì trò tinh nghịch đó tôi đã bị một trận đòn nên thân.

Một lần khác tôi rắc loại thuốc lá dùng để hít vào ngăn bàn thầy. Thầy bị hắt hơi đến nỗi phải bỏ lớp về và cử anh con rể đến dạy thay. Người con rể đó là sĩ quan, y bắt cả lớp hát bài "Chúa hãy cứu giúp Sa hoàng" [1] và bài "Ôi, tự do, tự do của ta". Những ai hát không đúng bị y lấy thước kẻ gõ vào đầu. Y gõ rất kêu, nhưng không đau. Và làm cho cả lớp cười rộ lên. Thầy giáo dạy giáo lí - một giáo sĩ trẻ và đẹp trai có bộ tóc rất đẹp - rất ghét tôi vì tôi không có cuốn *Thánh sử của Cựu ước và Tân ước thư* và vì tôi hay nhại lại lối nói của ông ta.

Vào lớp, việc đầu tiên là ông ta hỏi tôi:

---

[1] Quốc ca của nước Nga thời Sa hoàng.

- Pescov, có đem sách đi không? Đúng. Có đem sách không.

- Tôi trả lời:

- Không ạ, con không đem. Đúng.

- Đúng cái gì?

- Không đẹm ạ.

- Thế thì đi về ngay! Đúng, đi về. Vì tao không có ý định dạy mày. Đúng, tao không định dạy đâu.

Điều đó không làm cho tôi buồn lắm. Tôi bỏ ra ngoài và đi tha thẩn trên những con đường bẩn thỉu ở trong xóm cho đến hết giờ học, vừa đi vừa để ý quan sát cuộc sống ồn ào của nó.

Viên giáo sĩ có khuôn mặt sùng kính của Chúa Jexu, cặp mắt dịu dàng như mắt phụ nữ và hai bàn tay nhỏ nhắn cũng dịu dàng đối với tất cả những gì được mó tới. Từ quyển sách, đến cái thước, cái quản bút - ông ta đều nhắc lên một cách thận trọng lạ thường, dường như đó là một sinh vật hay vật rất dễ vỡ, ông yêu mến mọi vật ấy lắm, chỉ sợ cầm không khéo thì hỏng mất.

Đối với trẻ con, ông ta không âu yếm như vậy, song chúng vẫn mến ông ta.

Mặc dầu học cũng tạm được, nhưng chẳng bao lâu tôi được báo rằng tôi bị đuổi ra khỏi trường vì hạnh kiểm xấu. Tôi chán nản vô cùng, vì chuyện này có thể đem lại cho tôi những rầy rà lớn: mẹ tôi càng đâm ra bẩn tính, và càng hay đánh đập tôi hơn.

Nhưng thật là may mắn cho tôi: giám mục Crixanthơ[1] đột nhiên tới trường. Ông ta giống như một thầy phù thủy, và tôi còn nhớ là ông ta gù lưng.

---

[1] Tác giả của tác phẩm nổi tiếng *Tôn giáo thời cổ đại* gồm ba tập của bài luận văn *thuyết luân hồi ở Ai Cập* và bài chính luận *Bàn về hôn nhân và phụ nữ*. Bài này tôi đọc trong thời trẻ, đã gây cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ. Hình như nhan đề tôi dẫn không đúng. Bài này được in trong một tạp chí thần học vào quãng 1870 (chú thích của tác giả).

Ông ta người bé nhỏ, mặc một chiếc áo đen rộng, đầu đội cái mũ như cái xô úp ngược trông thật ngộ nghĩnh. Khi ông ngồi vào bàn, thò hai tay từ trong tay áo ra và nói: "Nào, các con chúng ta hãy nói chuyện với nhau!", không khí lớp học lập tức trở nên ấm cúng, vui vẻ, gây nên một cảm giác dễ chịu khác thường.

Sau nhiều người, đến tôi được gọi lên bàn ông. Ông hỏi bằng giọng nghiêm trang:

- Con lên mấy?... Thế thôi à? Sao cao ghê thế, anh bạn? Con hay dầm mưa lắm phải không?

Ông ta đặt bàn tay khô khẳng với những móng tay dài và nhọn lên bàn, mấy ngón tay nắm lấy chòm râu lơ thơ. Ông nhìn đăm đăm vào mặt tôi bằng cặp mắt dịu hiền và nói:

- Nào, con hãy nói cho ta nghe, trong Thánh sử con thích chuyện gì nào?

Khi tôi nói rằng tôi không có sách và tôi không học Thánh sử, ông ta đưa tay sửa lại mũ và hỏi:

- Thế là thế nào? Cần phải học chứ? Có thể là con biết hoặc đã nghe kể về Thánh sử nữa chăng? Con biết Thánh thi à? Giỏi! Cả Kinh Thánh nữa chứ? Đó, thấy không? Biết cả sự tích các thánh nữa à? Bằng thơ à? A, con của cha cái gì cũng biết.

Ông giáo sĩ của chúng tôi bước vào mặt mũi đỏ bừng, thở hổn hển. Giám mục ban phúc cho ông ta, nhưng khi ông ta bắt đầu nói đến tôi thì giám mục nói và giơ tay lên:

- Xin phép một phút... Nào, con hãy kể về thánh Alecxei, người của Chúa xem nào...

- Những câu thơ rất hay, phải không anh bạn? - ông nói khi tôi quên một câu nào đó và ngừng lại. - Còn bài nào nữa không?... Về vua Davit à? Ta rất vui lòng nghe!

Tôi nhận thấy ông ta quả có lắng nghe và thích bài thơ

lắm. Ông hỏi tôi rất lâu, rồi bỗng ông ngắt lời tôi rất nhanh và hỏi:

- Con đọc theo Thánh thi à? Ai dạy? Chắc ông con hiền lắm phải không? Ác à? Chẳng có lẽ! Thế con có nghịch ngợm lắm không?

Tôi lúng túng, nhưng rồi trả lời:

- Có ạ.

Thầy giáo và ông giáo sĩ xác nhận lời thú nhận của tôi bằng những câu nói dài dòng. Giám mục ngồi nghe, mắt nhìn xuống đất, rồi thở dài và nói:

- Mọi người nói về con những gì con đã nghe thấy chưa? Nào, lại đây!

Ông đặt tay lên đầu tôi, bàn tay phảng phất mùi gỗ trắc bá, và hỏi tôi:

- Tại sao con lại nghịch như vậy?

- Học chán lắm ạ.

- Chán à? không đúng thế đâu, anh bạn ạ. Nếu con chán học thì con học phải kém chứ, đằng này các thầy giáo đều nói là con học khá cơ mà! Thế thì ắt phải có nguyên nhân gì khác đấy thôi.

Ông rút trong ngực áo ra một cuốn sổ nhỏ và ghi:

- Pescov, Alecxei. Được rồi! Dù sao cũng phải cố dằn lòng mới được, anh bạn ạ, và đừng có nghịch ngợm quá! Nghịch một chút thôi thì được, còn nếu nghịch quá thì sẽ làm cho thiên hạ bực mình! Ta nói có phải không, các con?

Nhiều giọng nói vui vẻ đáp lại:

- Vâng ạ.

- Cả các con cũng đều nghịch ngợm ít nhiều phải không?

Đám trẻ con mỉm cười ranh mãnh, trả lời:

- Có chứ! Cũng nghịch lắm ạ! Nghịch lắm ạ!

Giám mục ngả người lên thành ghế, ghì chặt lấy tôi và nói một cách hết sức lạ thường đến nỗi tất cả mọi người - ngay cả thầy giáo và ông giáo sĩ - đều phải bật cười:

- Thế đấy, các chú em của ta ạ, vào tuổi các em ta cũng là một ông tướng nghịch đấy! Vì sao thế nhỉ, các em?

Bọn trẻ con cười, ông ta hỏi han chúng, khéo làm cho cả lớp rối trí, khiến chúng phải tranh cãi với nhau. Không khí mỗi lúc một vui vẻ thêm. Cuối cùng ông đứng dậy và nói:

- Ở đây với các con rất thích, các chú bé nghịch ngợm ạ, nhưng đến lúc ta phải đi rồi!

Ông giơ tay lên, vén tay áo, khoát tay làm dấu cho tất cả mọi người và chúc:

- Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, chúc cho các con làm được những việc tốt lành! Thôi chào các con!

Tất cả bọn trẻ con đều kêu lên:

- Tạm biệt Đức Cha! Xin mời Đức Cha trở lại đây lần nữa.

Giám mục gật đầu, nói:

- Ta sẽ trở lại! Sẽ trở lại! Ta sẽ đem sách đến cho các con!

Vừa nhẹ nhàng rời khỏi lớp học, ông vừa bảo thầy giáo:

- Thầy cho các em về đi!

Ông nắm tay tôi dắt ra phòng ngoài. Ra đến nơi, ông cúi xuống bên tôi và nói khe khẽ:

- Con phải tự kiềm chế mình nhé, được không? Ta hiểu vì sao con nghịch ngợm rồi! Thôi, tạm biệt anh bạn nhỏ của ta!

Tôi hết sức xúc động, một cảm giác đặc biệt rạo rực trong lòng. Sau khi cho lớp học giải tán, thầy giáo giữ tôi lại và bảo tôi rằng từ giờ tôi phải ngoan ngoãn hơn,[1] tôi cũng lắng nghe một cách chăm chú và tự nguyện.

Ông giáo sĩ vừa khoác áo lông vào người, vừa nói bằng giọng dịu dàng:

- Từ nay mày phải đến học giờ của tao! Đúng. Phải đến. Nhưng phải ngồi cho nghiêm chỉnh! Đúng. Phải ngồi cho nghiêm chỉnh.

---

[1] Nguyên văn: lặng hơn nước, thấp hơn cỏ.

Công việc của tôi ở trường tạm ổn thì ở nhà lại xảy ra một chuyện không hay: tôi ăn cắp của mẹ tôi một rúp. Việc này tôi không có chủ ý trước.

Một hôm vào buổi tối mẹ tôi đi đâu không rõ, để tôi ở nhà trông em. Ngồi buồn, tôi giở một quyển sách của bố dượng ra xem - cuốn *Bút kí của người thầy thuốc* của Duyma Bố,[1] và giữa các trang sách tôi nhìn thấy hai tờ giấy bạc: một tờ mười rúp và một tờ một rúp. Cuốn sách tôi đọc không hiểu, tôi bèn gấp lại. Bỗng tôi hình dung ra rằng với một rúp không những tôi có thể mua được quyển *Thánh sử*, mà có lẽ còn mua được cả cuốn *Robinson*.[2] Tôi biết đến cuốn sách này trước đó không lâu, trong một buổi học ở trường. Vào một ngày giá rét, trong lúc ra chơi, tôi kể cho bọn trẻ con nghe một chuyện cổ tích. Bỗng một đứa trong bọn chúng có vẻ khinh miệt:

- Truyện cổ tích chỉ là một chuyện nhảm nhí thôi, *Robinson* mới thực là truyện!

Có mấy đứa nữa cũng đã đọc *Robinson* rồi, tất cả đều khen cuốn sách đó. Tôi cảm thấy bực mình vì chúng không thích truyện cổ tích của bà tôi. Tôi bèn định bụng đọc *Robinson* cho bằng được để rồi cũng sẽ bảo cuốn sách đó là truyện nhảm nhí!

Ngay hôm sau tôi mang tới trường cuốn *Thánh sử* và hai tập truyện cổ tích đã nhàu nát của Andecxen,[3] ba funt[4]

---

[1] Tức Alecxandr Duyma (1803 - 1870), nhà viết tiểu thuyết và viết kịch người Pháp; người ta gọi là ông Duyma Bố để phân biệt với con trai ông là nhà văn Alecxandr Duyma (1824 - 1895). Duyma Bố là tác giả của những cuốn tiểu thuyết *Ba người ngự lâm pháo thủ*, *Bá tước Monto Crixto* v.v...

[2] *Robinson Cruzo* là tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Anh Danien đơ Poe (1661 - 1731).

[3] H.C.Andecxen (1805 - 1875), nhà văn Đan Mạch chuyên viết truyện cổ tích.

[4] Một đơn vị trọng lượng của Nga bằng 409 gam.

bánh mì trắng và một funt xúc xích. Trong một cửa hàng nhỏ, tối om ở cạnh hàng rào nhà thờ Thánh Vladimir có bán cả *Robinson* - một cuốn sách mỏng, bìa vàng, trên trang đầu có vẽ một người râu ria xồm xoàm, đầu đội chiếc mũ lông hình chóp, trên vai khoác tấm da thú. Bức tranh đó tôi không thích; còn các truyện cổ tích thì bề ngoài trông cũng đã đáng yêu rồi, mặc dầu nhàu nát.

Trong giờ nghỉ giữa buổi, tôi đem phân chia cho bọn trẻ con bánh mì và xúc xích, rồi chúng tôi bắt đầu đọc truyện cổ tích kì lạ *Chim họa mi*. Truyện này ngay lập tức đã làm cho chúng tôi háo hức.

"Ở Trung Quốc mọi người dân đều là người Trung Quốc, cả vua cũng là người Trung Quốc" - tôi còn nhớ câu này đã làm cho tôi ngạc nhiên một cách dễ chịu như thế nào bởi tính cách giản dị của nó, bởi nhạc điệu như mỉm cười vui vẻ và một cái gì đó nữa đẹp đẽ lạ thường.

Tôi không đọc được hết *Chim họa mi* ở trường vì không đủ thì giờ. Khi tôi về đến nhà thì mẹ tôi đang đứng bên bếp lò tráng trứng, tay cầm một chiếc chảo nhỏ. Mẹ tôi hỏi tôi bằng giọng rất lạ, gần như hết hơi:

- Mày lấy một rúp của tao phải không?

- Phải, con lấy mua sách đấy. Đây, sách đây...

Mẹ tôi cầm chảo nện luôn cho tôi một cái rất đau, còn mấy cuốn sách của Andecxen thì mẹ tôi lấy và giấu biệt đi đâu mất, điều này còn làm tôi xót xa hơn cả bị đòn.

Mấy ngày liền tôi không tới trường. Trong thời gian đó hẳn là bố dượng tôi đã đem kể lại cái "thành tích" của tôi cho những người đồng sự nghe, và những người này lại kể cho con cái họ. Một đứa trong số đó đem chuyện này tới trường và đến khi tôi đi học liền được đón tiếp bằng một cái tên mới: "Thằng ăn cắp". Cái tên thật giản dị và rõ ràng, nhưng

không đúng, vì tôi có giấu việc tôi lấy đồng rúp đâu. Tôi muốn giải thích điều đó, nhưng người ta không tin tôi. Tôi bèn về nhà và bảo với mẹ tôi rằng tôi sẽ không đi học nữa.

Mẹ tôi ngồi bên cửa sổ; lúc đó mẹ tôi lại đang có mang, nước da xám ngoét, cặp mắt trông đờ dẫn và khổ não. Mẹ tôi đang cho Xasa bú, mẹ nhìn tôi, mồm há ra như cá.

- Mày nói láo, - mẹ tôi nói khẽ, - không ai có thể biết chuyện mày lấy đồng rúp cả.

- Mẹ cứ đi hỏi mà xem.

- Chính mày ba hoa thì có. Nào, nói đi, có phải chính mày đã ba hoa không? Liệu đấy, mai tao sẽ tìm cho ra đứa nào đem chuyện đó đến trường!

Tôi nói tên một đứa học sinh. Mặt mẹ tôi nhăn lại vẻ đau đớn và thổn thức khóc.

Tôi bỏ xuống bếp, lên giường nằm. Chiếc giường của tôi là những chiếc hòm kê ở đằng sau lò sưởi. Tôi nằm và nghe tiếng nức nở khe khẽ của mẹ tôi ở trong phòng:

- Trời ơi! Trời ơi!...

Không sao chịu nổi cái mùi kinh tởm bốc ra từ những mớ giẻ rách dính mỡ bị đốt, tôi trở dậy và đi ra sân, nhưng mẹ tôi gọi lại:

- Mày đi đâu thế? Đi đâu? Lại đây tao bảo!...

Chúng tôi ngồi trên sàn nhà. Xasa nằm trong lòng mẹ tôi, nó nắm lấy những chiếc khuy áo dài của mẹ tôi, cúi xuống và nói:

- *Huy*, - ý nó muốn nói: khuy.

Tôi ngồi sát vào bên sườn mẹ tôi. Mẹ tôi ôm lấy tôi và nói:

- Chúng ta nghèo. Đối với chúng ta mỗi copec, mỗi copec...

Mẹ tôi vẫn không nói hết một điều gì đó, người ghì chặt tôi trong cánh tay nóng hổi.

- Đồ vô lại... đồ vô lại! - mẹ tôi bỗng nhiên thốt ra những tiếng mà có lần tôi đã nghe thấy mẹ tôi nói.

Xasa nhắc lại:

- Vô *nại*!

Xasa là một thằng bé kì lạ: vụng về, đầu to, nó nhìn tất cả mọi vật xung quanh bằng cặp mắt xanh rất đẹp, miệng khẽ mỉm cười và hình như đang chờ đợi một cái gì. Nó biết nói sớm một cách lạ thường, không bao giờ khóc, luôn luôn sống trong trạng thái vui vẻ bình thản. Nó rất yếu ớt, chỉ bò được đôi chút và rất vui mừng mỗi khi nhìn thấy tôi. Nó hay đòi tôi bế và thích mân mê tai tôi bằng những ngón tay mềm mại nhỏ xíu mà không hiểu sao lại phảng phất mùi hoa violet. Nó chết đột ngột, không ốm đau gì cả. Buổi sáng nó còn vui vẻ, yên lành như mọi ngày, nhưng đến lúc lễ tối, nó đã nằm ở trên bàn rồi. Việc này xảy ra ít lâu sau ngày sinh đứa em thứ hai Nicolai.

Mẹ tôi làm đúng như lời hứa; sinh hoạt của tôi ở trường trở lại bình thường. Nhưng rồi tôi lại bị quẳng đến ở với ông tôi.

Một hôm trong bữa trà tối, lúc ở sân đi vào bếp, tôi bỗng nghe thấy tiếng mẹ tôi kêu não nuột:

-Evgheni, tôi xin anh, tôi xin anh...

- Ngu vừa vừa chứ! - bố dượng tôi nói.

- Thì tôi biết là anh đến với cô ta mà lại!

- Thì sao?

Trong mấy giây cả hai đều im lặng. Cuối cùng mẹ tôi vừa ho sù sụ vừa nói:

- Anh thật là một tên vô lại độc ác!...

Tôi nghe thấy tiếng bố dượng đánh mẹ tôi, tôi liền chạy bổ vào phòng thì thấy mẹ tôi ngã khuỵu xuống đất, lưng và khuỷu tay dựa vào ghế, ngực ưỡn ra, đầu ngửa lên, thở khò khè, hai mắt long lanh trông thật đáng sợ, còn bố dượng tôi thì ăn mặc sạch sẽ trong bộ lễ phục mới, đang giơ cái cẳng

dài ngoẵng ra đạp vào giữa ngực mẹ tôi. Tôi vơ lấy con dao có chuôi bằng xương mạ bạc dùng để cắt bánh mì ở trên bàn - vật duy nhất mẹ tôi còn giữ được sau khi bố tôi chết - và lấy hết sức đâm vào sườn bố dượng tôi.

May quá, mẹ tôi đã kịp đẩy Macximov sang bên. Con dao sượt qua sườn làm toạc mất một mảng lớn trên bộ lễ phục và chỉ làm sầy da thôi. Bố dượng tôi kêu "ối" bỏ chạy ra khỏi phòng, tay ôm sườn, còn mẹ tôi thì vồ lấy tôi, nhấc lên và ném tôi xuống sàn nhà cùng với một tiếng rú. Bố dượng tôi từ ngoài sân trở vào, giằng lấy tôi.

Tuy thế, bố dượng tôi vẫn cứ đi đến khuya, khi bố dượng tôi đã đi khỏi, mẹ tôi leo lên lò sưởi với tôi. Người khẽ ôm lấy tôi, hôn tôi và khóc:

- Con tha thứ cho mẹ, mẹ có lỗi với con! Ôi, con yêu quý, sao con lại có thể làm như thế được. Dùng đến cả dao ư?

Với một thái độ hết sức chân thành và hiểu rất rõ những điều mình nói, tôi bảo mẹ tôi rằng tôi sẽ đâm chết bố dượng, rồi cắt cổ tự tử luôn. Tôi nghĩ rằng tôi có thể làm như thế lắm, hoặc dù sao tôi cũng thử làm. Mãi đến nay tôi vẫn còn nhìn thấy cái chân dài ngoẵng đáng nguyền rủa đó với cái nẹp sặc sỡ chạy dọc theo ống quần. Tôi nhìn thấy nó vung lên trong không khí và phóng mũi giày vào ngực mẹ tôi.

Hồi tưởng lại những chuyện ghê tởm nặng nề này trong cuộc sống man rợ của người Nga, nhiều lúc tôi tự hỏi: có nên nhắc lại hay không? Và mỗi lần, với lòng tin tưởng mới, tôi lại tự trả lời: phải nhắc lại, bởi vì đó là một sự thật dai dẳng, đáng phỉ nhổ, mãi đến nay vẫn chưa bị thủ tiêu. Đó là một sự thật cần phải biết rõ đến tận gốc để nhổ bật nó ra khỏi trí nhớ, khỏi tâm hồn con người, khỏi toàn bộ cuộc sống của chúng ta, một cuộc sống nặng nề và nhục nhã biết bao.

Và có một nguyên nhân khác khẩn thiết hơn đã bắt buộc

tôi phải mô tả những sự việc ghê gớm đó. Mặc dầu chúng đáng ghét, thậm chí cũng còn đè nặng lên tâm hồn chúng ta và bóp chết nhiều tâm hồn đẹp đẽ, - con người Nga vẫn cứ còn có một tâm hồn lành mạnh, trẻ trung đến mức đủ để đấu tranh và khắc phục được chúng.

Cuộc sống của chúng ta kì lạ không những vì nó chứa đựng một lớp bùn lầy với đủ mọi thứ rác rưởi có khả năng sinh sôi nẩy nở và nhầy nhụa đến thế, mà vì nó còn chứa đựng những mầm mống tươi sáng, lành mạnh, đầy sức sáng tạo, không ngừng xuyên qua lớp bùn ấy để vươn lên một cách đắc thắng - những mầm mống tốt lành, nhân đạo vẫn tiếp tục vươn lên, khơi lên niềm hi vọng bất diệt vào khả năng tạo ra một cuộc sống tươi sáng hơn và nhân đạo hơn.

XIII

Tôi lại đến với ông tôi.

- Sao thế, thằng tướng cướp? - ông tôi kêu lên và đập tay xuống bàn khi thấy tôi. - Bây giờ tao không nuôi mày nữa, mặc cho bà mày nuôi!

- Được, tôi sẽ nuôi, - bà tôi nói, - ông tưởng việc đó khó lắm đấy!

- Đấy thì bà nuôi! - ông tôi nói to, nhưng lại dịu đi ngay khi cắt nghĩa cho tôi.

- Tao và bà mày đã dứt khoát ở riêng rồi, bây giờ mọi thứ của ông bà đều riêng biệt.

Bà tôi ngồi gần cửa sổ làm đăng ten nhanh thoăn thoắt, đôi kim đụng vào nhau kêu leng keng nghe rất vui tai, chiếc gối cắm đầy kim găm bằng đồng lấp lánh dưới ánh mặt trời

mùa xuân nom như một con nhím bằng vàng. Bà tôi cũng giống như một pho tượng đồng vậy, không thay đổi gì cả! Còn ông tôi thì càng ngày càng quắt lại, có nhiều nếp nhăn hơn, mái tóc hung đã chuyển thành xám, phong thái trang trọng được thay thế bằng những cử chỉ hấp tấp nóng nảy, cặp mắt xanh nhìn đầy vẻ nghi kị. Bà tôi cười và kể cho tôi nghe câu chuyện chia gia tài giữa hai ông bà: ông chia cho bà tất cả chai lọ, nồi niêu, bát đĩa và bảo:

- Đấy là những thứ của bà, ngoài ra đừng có xin xỏ gì tôi nữa!

Sau đó ông tôi tước hết đồ đạc, quần áo cũ áo, choàng bằng lông cáo của bà tôi và đem bán được bảy trăm rúp, rồi đem số tiền ấy cho đứa con đỡ đầu của ông - một người Do Thái buôn bán hoa quả - vay lấy lãi. Ông tôi trở nên keo kiệt vô độ và không còn biết hổ thẹn là gì nữa: ông tôi đến nhà những người quen biết cũ - những người trước đây cùng ở trong phường thợ với mình - đến nhà những phú thương, than thở rằng mình đã bị phá sản vì con cái và xin họ tiền tiêu đỡ túng. Ông tôi lợi dùng lòng quý trọng của mọi người. Người ta biếu ông tôi những món tiền lớn. Về nhà ông thường vung vẩy những tờ giấy bạc ngay trước mũi bà tôi, và khoe khoang, trêu chọc bà tôi như một đứa trẻ con.

- Thấy chưa, mụ ngốc! Bà thì một phần trăm số tiền này người ta cũng chẳng thí cho đâu!

Ông đem số tiền thu thập được cho hai anh em một nhà buôn vay lãi: ông anh là một người bạn mới của ông tôi - một người làm nghề thuộc lông thú, cao lêu nghêu, đầu hói, biệt hiệu trong làng là Khlưxt,[1] bà em là một mụ bán hàng béo ụt ịt, má đỏ, mắt màu nâu sẫm, làm lụng thì uể oải, nhưng mồm mép lại ngọt như mật.

[1] Tiếng Nga nghĩa là "Roi da".

Tất cả mọi thứ trong nhà đều chia hẳn ra: hôm nay bà xuất tiền ra mua thức ăn, hôm sau ông mua và cứ đến lượt ông là bữa ăn kém hơn: bà thường mua thịt ngon, chứ ông thì lần nào cũng chỉ mua lòng, gan, phổi, dạ dày. Trà và đường thì của ai người ấy dùng, nhưng trà thì thường pha chung vào một ấm. Ông thường lo lắng hỏi:

- Khoan, gượm hãng, bà cho bao nhiêu trà rồi?

Ông tôi dốc búp trà vào lòng bàn tay và đếm cẩn thận từng búp một, rồi nói:

- Búp trà của bà bé hơn của tôi, búp trà của tôi vừa to hơn vừa được nước hơn, nên tôi phải cho ít hơn.

Ông tôi rất chú ý theo dõi xem bà tôi rót nước trà có đặc như nhau không và có uống nhiều hơn không.

- Uống nốt chứ? - bà tôi hỏi trước khi rót hết nước trà.

Ông tôi nhìn vào ấm và nói:

- Thôi được, rót nốt đi!

Ngay đến dầu thắp đèn trước tượng thánh hai người đã cung chung lưng đấu cật với nhau hàng nửa thế kỉ nay cũng mua riêng!

Tất cả những trò ti tiện của ông tôi, tôi thấy vừa lố bịch vừa ghê tởm, nhưng bà tôi thì chỉ thấy buồn cười thôi.

- Thôi, cháu đừng nghĩ nữa! - bà tôi an ủi tôi. - Cái đó có gì đáng bận tâm? Ông lão già rồi nên đâm ra gàn dở đấy! Ông cháu đã tám chục tuổi đầu rồi, có phải chuyện đùa đâu! Cứ mặc cho ông cháu gàn dở, có hại gì đến ai đâu? Còn bà sẽ kiếm được đủ miếng ăn cho bà và cháu, không sợ cháu ạ!

Tôi cũng bắt đầu kiếm tiền: cứ đến ngày chủ nhật và ngày lễ là tôi dậy sớm, với lấy cái bị và đến các sân nhà, các phố để nhặt xương bò, giẻ rách, giấy vụn, đinh. Những người mua đồ cũ thường mua hai mươi copec một pút xương. Cả những ngày thường, cứ tan học là tôi đi nhặt, thứ bảy nào tôi bán

các thứ linh tinh cũng được chừng ba mươi hoặc năm mươi copec, có khi gặp may còn được nhiều hơn nữa. Bà tôi cầm lấy số tiền của tôi, vội vàng nhét vào túi váy rồi khen tôi; mắt nhìn xuống:

- Cám ơn cháu, cháu ngoan của bà! Cả hai bà cháu mà lại không kiếm nổi miếng ăn sao? Có phải là chuyện gì ghê gớm lắm đâu!

Một hôm tôi nhìn trộm thấy bà tôi giữ những đồng năm copec của tôi trong lòng bàn tay, nhìn những đồng tiền ấy và lặng lẽ khóc, một giọt nước mắt đục ngầu đọng trên cái mũi xôm xốp như đá bọt.

Có một cách kiếm được nhiều tiền hơn đi nhặt giẻ rách, đó là ăn trộm củi và ván trong những kho gỗ ở trên bờ sông Oca hoặc ở Pexki - một hòn đảo, nơi người ta thường buôn bán sắt trong những quán gỗ dựng vội trong kì hội chợ. Hội chợ xong người ta dỡ các quán đi, còn cột và ván thì xếp thành từng đống, và gần như chúng cứ nằm ở đó - ở Pexki - mãi cho đến kì nước lũ mùa xuân. Những tiểu thị dân có nhà mua mỗi tấm ván tốt là mười copec, một ngày có thể lấy được hai ba tấm. Nhưng chỉ có thể làm ăn được vào những ngày xấu trời, khi bão tuyết hoặc mưa xua đuổi và bắt buộc những người khác đi ẩn náu.

Chúng tôi tập họp được một bọn rất ăn ý với nhau: thằng Xanca Viakhi[1] lên mười tuổi, con trai một mụ ăn mày người Mordvin, một thằng bé rất đáng yêu, tính tình dịu dàng và luôn luôn vui vẻ điềm đạm; thằng Coxt'roma không cha không mẹ, tóc lúc nào cũng rối bù, người gầy giơ xương, mắt đen và to (sau này, năm mười ba tuổi nó đã thắt cổ tự tử trong trại giam các trẻ em phạm tội, nó bị đưa vào đây vì ăn cắp một đôi chim bồ câu). Thằng bé Khabi người Tacta, một

[1] Có nghĩa là "bồ câu rừng".

đại lực sĩ mười hai tuổi, tính tình hồn nhiên và tốt bụng. Thằng Iaz mũi to bẹt, con một người coi nghĩa địa và đào huyệt, tuổi chừng lên tám, tính tình trầm lặng, bị bệnh động kinh. Còn đứa lớn nhất trong bọn chúng tôi là thằng Grisca Tsurca, con một bà thợ may goá chồng, nó là một đứa biết suy tính, công bằng và lúc nào cũng sẵn sàng đánh nhau; tất cả đều là trẻ con cùng phố.

Ở cái xóm ngoại ô này việc ăn cắp không bị coi là một tội lỗi, mà đã thành tập quán và hầu như là cách sinh sống duy nhất đối với những người tiểu thị dân sống bữa no bữa đói.

Một tháng rưỡi hội chợ không nuôi sống được cả năm vì vậy có rất nhiều vị chủ nhà danh giá cũng đi "kiếm thêm" về đằng sông nước. Họ vớt củi và gỗ bị nước lũ cuốn đi, chuyên chở các hàng hóa nhỏ bằng thuyền gỗ, nhưng chủ yếu là ăn cắp ở các sà lan. Và nói chung là họ thường "xuất quỷ nhập thần" trên sông Volga và Oca, thó tất cả những gì để hớ hênh bừa bãi. Vào các ngày lễ, người lớn thường đem những "thành tích" của mình ra khoe, bọn trẻ nghe được và bắt chước.

Đến mùa xuân, vào thời kì sôi nổi nhất trước ngày khai mạc hội chợ, cứ tối đến là trên các đường trong xóm đầy những thợ các xưởng máy, những người đánh xe ngựa, đủ các loại thợ thuyền say mềm. Bọn trẻ con trong xóm thường đi móc túi họ, đó là một nghề đã được hợp pháp hóa, được chúng làm một cách bạo dạn, ngay trước mắt người lớn.

Chúng đánh cắp dụng cụ của thợ mộc, lấy khóa mô lết của những người đánh xe khách, lấy nồi trục và những miếng đệm trục xe bằng sắt của những người đánh xe chở hàng. Nhóm chúng tôi không làm những việc như vậy. Một hôm Tsursa tuyên bố dứt khoát:

- Tớ sẽ không ăn cắp đâu, mẹ tớ không muốn thế.

- Còn tớ thì sợ lắm! - Khabi nói.

Coxt'roma ghét cay ghét đắng những đứa ăn cắp vặt. Hễ nói đến tiếng "thằng ăn cắp" là nó sẵng giọng rất gắt, và khi thấy những đứa trẻ khác ăn cắp của những người say rượu là nó đuổi đi, còn nếu tóm được đứa nào là nó giã cho nên thân. Thằng bé mắt to, rầu rĩ đó cứ tưởng mình là người lớn, nó có một dáng đi đặc biệt, lắc lư hai vai như phu bốc hàng, nói thì cố bắt chước cho được cái giọng ồm ồm thô lỗ. Lúc nào nó cũng có vẻ như căng thẳng, không tự nhiên làm cho nó trông già đi. Viakhi thì tin chắc rằng ăn cắp là có tội.

Nhưng lấy ván và cột gỗ ở Pexki thì không bị coi là ăn cắp, không đứa nào trong bọn chúng tôi sợ việc đó cả, và chúng tôi đã nghĩ ra một loạt cách để có thể làm việc đó rất dễ dàng. Buổi tối hoặc hôm nào trời mưa gió, Viakhi và Iaz vượt qua sông, ở quãng rộng nhất, đi trên mặt băng ẩm ướt đã nổi lên. Chúng đi công khai, cố làm cho những người gác chú ý. Còn bốn đứa chúng tôi thì, lần lượt từng đứa một, lẻn sang bên đó. Trong khi những người gác đang lo ngại vì Iaz và Viakhi, chỉ để ý theo dõi chúng thì chúng tôi tập trung tại một đống gỗ đã định trước, chọn những tấm sẽ lấy về. Rồi trong lúc hai đứa nhanh chân đang trêu chọc những người gác, làm cho họ đuổi theo, thì chúng tôi trở về. Mỗi đứa chúng tôi có một sợi dây, đầu buộc một chiếc đinh lớn uốn cong như cái móc. Chúng tôi móc đinh vào những tấm ván hoặc cột gỗ, rồi kéo đi trên tuyết và trên mặt băng. Những người gác hầu như không bao giờ trông thấy chúng tôi, mà có thấy cũng không sao đuổi kịp. Sau khi bán những thứ đã lấy, chúng tôi chia số tiền thu được thành sáu phần. Mỗi đứa được năm copec, đôi khi được đến bảy copec.

Với số tiền đó có thể sống một ngày rất no nê, nhưng Viakhi bị mẹ nó đánh, nếu nó không mang về đủ số tiền mua cho bà ta một cốc hoặc nửa chai rượu votca. Coxt'roma dành dụm tiền vì nó đang mơ đi đánh chim bồ câu. Mẹ Tsurca bị

ốm, nó ra sức kiếm tiền. Khabi cũng gom góp tiền, mong quay về cái thành phố quê hương của mình. Bác nó đã đưa nó đến Nijni, được ít lâu thì bác nó chết đuối. Khabi đã quên mất tên thành phố đó, nó chỉ nhớ là thành phố ấy nằm trên bờ sông Cama, gần sông Volga.

Không hiểu tại sao cái thành phố ấy làm cho chúng tôi thấy rất buồn cười và chúng tôi thường trêu chú bé Tacta lác mất ấy bằng cách hát lên:

Có một thành phố
Trên sông Cama
Ngay đến chúng ta
Cũng không ai biết
Chân đi biền biệt
Tay với không vừa,
Tìm đâu cho ra?
Tìm đâu cho thấy?

Ban đầu Khabi cáu với chúng tôi, nhưng một hôm Viakhi - bằng một giọng gù gù như chim bồ câu, rất đúng với cái biệt danh của nó - bảo Khabi rằng:

- Mày làm sao vậy! Chẳng nhẽ đối với bạn bè mà cũng cáu à?

Thằng bé Tácta tỏ vẻ ngượng nghịu, và rồi chính nó cũng hát điệp khúc về "thành phố trên sông Cama".

Dù sao chúng tôi cũng thích đi nhặt giẻ rách và xương hơn là đi ăn trộm gỗ. Việc này đặc biệt thú vị vào mùa xuân, khi tuyết đã tan hết và sau những trận mưa rửa sạch các con đường lát đá ở khu hội chợ hoang vắng. Ở đây, trong khu hội chợ này, lúc nào cũng có thể nhặt được trong các cống rãnh rất nhiều đinh, mảnh sắt vụn. Chúng tôi thường nhặt được cả tiền đồng và tiền bạc. Nhưng để cho người gác các dãy quán khỏi đuổi và khỏi tước mất bị của chúng tôi, chúng tôi hoặc

phải biếu họ vài đồng copec, hoặc phải lạy lục họ rất lâu. Nói chung chúng tôi kiếm được không phải dễ dàng, nhưng chúng tôi sống với nhau rất thân ái, và mặc dầu thỉnh thoảng có cãi nhau tí chút, nhưng tôi nhớ là không hề có một cuộc đánh nhau nào giữa chúng tôi cả.

Người thường đứng ra hòa giải chúng tôi là Viakhi, nó luôn luôn biết nhằm đúng lúc mà nói với chúng tôi những lời đặc biệt đơn giản, làm chúng tôi phải ngạc nhiên và ngượng nghịu. Chính Viakhi cũng ngạc nhiên khi nói những lời đó. Những ngón ngỗ ngược của Iaz không làm cho Viakhi bực mình, cũng chẳng làm nó hoảng, nó coi những lối chơi xấu là không nên có và thường đáp lại một cách bình tĩnh và xác đáng.

- Hừ, làm thế để làm gì cơ chứ? - nó hỏi, và lập tức chúng tôi thấy rõ là đã sai lầm!

Viakhi gọi mẹ là "Bà Mordvin của tao", nhưng cái đó không làm cho chúng tôi buồn cười.

- Hôm qua bà Mordvin của tao về nhà lại say bí tỉ, - nó vui vẻ kể, hai con mắt tròn xoe màu vàng sáng long lanh. - Bà ấy đẩy cửa ra, ngồi xuống ngưỡng cửa và cứ hát lải nhải, y như một con gà mái cục tác!

Thằng Tsurca cái gì cũng muốn biết cặn kẽ, liền hỏi:

- Hát thế nào?

Viakhi đập tay vào đầu gối, và bằng giọng cao vút nó bắt chước hát lại bài hát của mẹ nó:

Có tiếng gõ cạnh cạch:
Chàng mục đồng dễ thương
Gõ gậy vào cửa sổ,
Chúng tôi chạy ra đường!
Đó là chàng Borica,
Chiều chiều thường thổi sáo,

Làm cả làng ngẩn ngơ,
Hết ồn ào, huyên náo.

Nó biết rất nhiều những bài hát ngắn lôi cuốn như vậy và hát những bài đó rất hay.

- Ử, - nó nói tiếp, - thế là bà ta ngủ luôn ngay ở ngưỡng cửa, làm gió lùa vào phòng lạnh quá, tớ rét run lên, suýt nữa thì chết cóng, nhưng lôi bà ta vào thì không đủ sức. Sáng nay tớ mới bảo mẹ tớ: "Mẹ say gì mà khiếp thế?" Mẹ tớ nói: "Không sao, hãy chịu khó một tí, tao sắp chết rồi!"

Tsurca nói với thái độ nghiêm trang:

- Bà ấy sắp chết thật đấy, người sưng phù cả lên rồi.

- Mày có thương không? - tôi hỏi.

- Sao lại không? - Viakhi ngạc nhiên đáp lại,- thì mẹ tao là một người rất tốt...

Và mặc dầu tất cả chúng tôi đều biết rằng người đàn bà Mordvin ấy đánh đập Viakhi như cơm bữa, nhưng chúng tôi vẫn tin rằng bà ta là người tốt. Thậm chí có hôm không kiếm được tiền, Tsurca còn đề nghị:

- Nào chúng ta hãy góp mỗi đứa một copec để mua rượu cho mẹ Viakhi, kẻo mẹ nó lại đánh nó!

Trong bọn có hai đứa biết chữ là Tsurca và tôi. Viakhi rất thèm muốn được như chúng tôi, nó lấy tay giật cái tai nhọn như tai chuột và nói bằng giọng gù gù:

- Bao giờ tao chôn cất xong bà Mordvin của tao, tao cũng sẽ đến trường, tao sẽ thụp xuống dưới chân thầy giáo để ông ta nhận tao vào học. Học xong, tao sẽ đi làm vườn thuê cho giám mục, không thì sẽ đi làm cho chính Sa hoàng Nga...

Đến mùa xuân thì người đàn bà Mordvin cùng với ông lão vẫn đi quyên tiền của để xây nhà thờ, và mang theo cả một chai rượu votca nữa, bị đống củi đè phải. Người ta chở bà vào nhà thương. Thằng Tsurca trịnh trọng bảo Viakhi:

- Đến ở với tao, mẹ tao dạy mày học...

Và chỉ ít lấu sau, Viakhi đã nghển cổ đọc những tấm biển:

- Cửa hàng "thức" phẩm...

Tsurca chữa lại:

- Cửa hàng "thực "phẩm, đồ ngốc ạ!

- Tớ nhìn thấy, nhưng sao "tữ" nó cứ nhảy lung tung.

- "Chữ" chứ!

- Nó nhảy vì nó sướng khi được người ta đọc đến đấy!

Viakhi làm cho tất cả chúng tôi rất buồn cười và ngạc nhiên vì lòng yêu cây cỏ của nó.

Xóm nằm rải rác trên vùng cát nên rất nghèo cây cỏ, chỉ rải rác đây đó, trong các sân nhà, lơ thơ vài ngọn bạch liễu đâm lên lẻ loi, những bụi hương mộc cong queo và chân hàng rào là những bụi cỏ khô cằn xam xám nằm nép mình như sợ sệt. Thảng hoặc có đứa nào trong chúng tôi ngồi lên những bụi cỏ đó, Viakhi liền càu nhàu bực bội:

- Ồ, sao lại làm nát cỏ thế? Ngồi tránh ra chỗ cát kia không được à?

Trước mặt nó, bẻ một nhánh bạch liễu, ngắt một cành hoa hương mộc hoặc chặt một cành liễu ở trên bờ sông Oca đều thấy ngượng. Nó thường tỏ vẻ ngạc nhiên, nhún vai và dang hai tay ra:

- Sao chúng mày bạ cái gì cũng bẻ thế? Thật là lũ quỷ sứ!

Và tất cả đều cảm thấy xấu hổ trước vẻ ngạc nhiên của nó.

Cứ đến thứ bảy là chúng tôi lại tổ chức trò vui. Chúng tôi đã chuẩn bị suốt cả tuần bằng cách đi nhặt trên các đường phố những đôi giày gai rách và giấu vào những xó kín. Chiều thứ bảy, khi những tốp phu bốc hàng người Tacta rời bến tàu Xibiri về nhà, chúng tôi liền chiếm lĩnh trận địa ở một chỗ nào đó trên ngã ba đường và lấy giày gai ném vào họ. Ban đầu họ nổi nóng, họ rượt theo chúng tôi và chửi rủa, nhưng

chẳng bao lâu chính họ cũng thích chơi trò này. Đã biết trước những gì đang chờ đợi họ, nên khi xuất trận họ cũng vũ trang bằng vô số giày gai, không những thế họ còn rình xem chúng tôi giấu vũ khí ở đâu và đã nhiều lần lấy trộm của chúng tôi. Chúng tôi phản kháng:

- Không chơi thế!

Khi đó họ bèn đem chia lại cho chúng tôi một nửa số giày gai, và cuộc chiến đấu bắt đầu. Thường thì họ dàn quân ở một chỗ trống, chúng tôi vừa hét vừa chạy xung quanh, lấy giày gai ném vào họ. Họ cũng la hét cười hô hố mỗi khi có đứa nào trong bọn chúng tôi chạy và ngã chúi đầu xuống cát vì bị giày ném đúng vào chân.

Cuộc chơi sôi nổi kéo dài rất lâu, có khi đến tối mịt. Dân kéo nhau ra xem, họ nấp vào các xó và nhìn ra, miệng càu nhàu lấy lệ. Những chiếc giày đầy bụi, xám xịt bay trong không khí như những con quạ, thỉnh thoảng một đứa trong chúng tôi bị ném rất đau, nhưng vẫn thích thú hơn là đau đớn và tức giận.

Những người Tacta cũng hăng không kém chúng tôi. Thường cứ đánh nhau xong là chúng tôi cùng đi với họ về acten,[1] họ thường thết chúng tôi món thịt ngựa nấu ngọt và một món canh rau rất lạ miệng. Ăn tối xong chúng tôi uống nước trà đặc và ăn bánh ngọt làm bằng bột trộn bơ viên thành những viên nhỏ. Chúng tôi rất mến những con người cao lớn đó, tất cả đều như những nhà đại lực sĩ. Họ có một cái gì rất giống trẻ con, rất dễ hiểu. Điều làm cho tôi hết sức ngạc nhiên là tính tình hồn nhiên, bản chất hiền lành không thay đổi và thái độ đứng đắn, ân cần đối với nhau của họ.

Tất cả mọi người trong bọn họ đều hay cười rất say sưa, cười sặc sụa đến chảy nước mắt. Trong bọn họ có một anh

[1] Phường hội của những người thợ thủ công và thợ tự do.

người ở Caximov,[1] mũi gãy, một mujic có sức mạnh kì diệu. Có lần anh ta vác từ dưới sà lan lên bờ sông rất cao một quả chuông nặng hai mươi bảy put, anh vừa cười vừa la hét om sòm:

- Ha, ha! Lời nói là cỏ rác, là đồng xu sứt mà cũng là bạc vàng đấy nhé!

Có lần anh để Viakhi ngồi lên bàn tay rồi nâng bổng nó lên cao và nói:

- Đó, cậu bé nhà Trời phải sống cao như thế này này!

Vào những hôm mưa gió chúng tôi tụ tập tại nhà Iaz ở nghĩa địa, trong chòi canh của bố nó. Bố nó là một người có bộ xương xộc xệch, hai tay dài, mình mẩy bẩn thỉu. Trên cái đầu bé tí và bộ mặt đen sạm của bác ta có những đám tóc và lông xam xám. Đầu bác ta nom tựa như một quả ngưu bàng khô, còn cái cổ nhỏ và dài thì giống như cái cuống. Bác lim dim cặp mắt vàng ệnh vẻ thích thú và nói lí nhí rất nhanh:

- Ôi, lạy Chúa đừng làm con mất ngủ!

Chúng tôi mua ba jolotnic trà, năm mươi gam đường, một ít bánh mì, và nhất thiết phải có một cốc rượu votca cho bố của Iaz. Bằng một giọng nghiêm nghị, Tsurca ra lệnh cho bác ta:

- Lão mujic vô dụng kia, đi đặt ấm xamovar!

- Lão "mujic" mỉm cười và nhóm cái ấm xamovar bằng sắt tây. Trong lúc đợi nước trà, chúng tôi bàn luận về công việc của mình, bố Iaz thường khuyên chúng tôi những điều chí lí:

- Này, ngày kia nhà Truxov sẽ làm lễ bốn mươi ngày[2] đấy, có cỗ to lắm, chúng mày đến đấy thì tha hồ mà nhặt xương nhé!

---

[1] Thành phố nhỏ trên sông Oca cách Nijni - Novgorod 360km về phía Tây Nam. Có một nhóm người Tacta sống ở đấy.

[2] Giỗ bốn mươi ngày sau khi chết.

- Xương ở nhà Truxov đã có mụ bếp nhặt rồi, thằng Tsurca lọc lõi nói.

Viakhi nhìn qua cửa sổ ra nghĩa địa, mong mỏi:

- Ôi, chúng ta sắp được vào rừng rồi!

Iaz bao giờ cũng lặng thinh, nó ngắm nghía tất cả mọi người rất chăm chú bằng cặp mắt buồn bã. Nó im lặng cả khi đưa cho chúng tôi xem những đồ chơi của nó: những người lính bằng gỗ nhặt được ở các hố rác, những con ngựa gẫy chân, những mảnh đồng vụn, những chiếc cúc áo.

Ông bố Iaz bày lên bàn đủ thứ cốc chén linh tinh và đặt ấm xamovar lên. Coxt'roma ngồi rót trà ra chén, còn bố Iaz thì sau khi nốc cạn cốc rượu liền leo lên lò sưởi, vươn cái cổ dài ngoẵng từ trên ấy xuống, nhìn chúng tôi bằng cặp mắt cú vọ và càu nhàu:

- Chết mẹ chúng mày đi! Chúng bay có phải là trẻ con nữa đâu, hử? - Hừ, quân ăn cắp, lạy Chúa đừng làm con mất ngủ!

Viakhi bảo bác ta:

- Chúng cháu không phải ăn cắp một tí nào!

- Chao ôi, thì là lũ ăn cắp vặt vậy...

Khi nào bác ta làm chúng tôi chán ngấy quá Tsurca liền quát bác ta bằng một giọng cáu kỉnh:

- Thôi đi lão mujic vô dụng kia!

Tôi, Viakhi và Tsurca rất không muốn nghe bác ta giở giọng kể lể nhà nào đang có người ốm, trong xóm có ai sắp chết. Bác ta kể lể với vẻ thích thú và nhẫn tâm. Khi thấy chúng tôi không thích nghe chuyện của bác, bác liền cố ý chọc tức và thách thức chúng tôi:

- Hừ, sợ à, lũ quỷ con? Thì ra thế! Sắp có một lão béo phị chết đấy! Chà, chắc phải lâu lắm mới rữa hết!

Chúng tôi bảo bác im đi, nhưng bác vẫn không chịu thôi:

- Rồi chúng bay cũng sẽ phải chết kia mà, quanh quẩn ở mấy cái hố rác thì chẳng sống lâu đâu!

- Kệ, chết thì chết, - Viakhi nói, - chết lại được làm thiên thần...

- Chúng mày ấy à? - Bố Iaz nín thở vì ngạc nhiên. - Chúng mày mà đòi làm thiên thần ư?

Bác ta cười hô hố và lại kể đủ thứ chuyện ghê tởm về người chết để chọc tức chúng tôi.

Nhưng cũng có khi con người ấy bỗng hạ giọng thủ thỉ kể một chuyện lạ lùng:

- Nghe đây, bọn nhãi ranh! Gượm tí nào! Hôm kia người ta chôn một người đàn bà, tao đã hỏi lai lịch mụ ta, chúng mày ạ! Tao hỏi mụ ta là ai?

Bác ta rất hay nói đến phụ nữ, và nói rặt những chuyện tục tĩu. Nhưng những câu chuyện bác ta kể vẫn chứa đựng một điều gì như thắc mắc, ai oán; bác như muốn mời chúng tôi cùng suy nghĩ với bác, và chúng tôi thường chăm chú nghe chuyện của bác. Bác ta nói không được khéo, không có mạch lạc, lại thường chen vào giữa câu chuyện những câu hỏi, nhưng những câu chuyện của bác thường để lại trong tâm trí mọi người những chi tiết khiến người ta phải băn khoăn:

- Người ta hỏi mụ: "Ai đốt?" - "Tôi đốt đấy" - "Thế là thế nào, mụ dẩn độn kia mà!" - "Tôi đốt đấy!" Mụ ta nói như thế để làm gì cơ chứ! Ôi, lạy Chúa đừng làm con mất ngủ!

Bác ta biết rõ lai lịch của hầu hết những người trong xóm mà bác đã chôn trong đống cát của cái nghĩa địa buồn thảm và trơ trụi ấy. Dường như bác đã mở ra trước chúng tôi những cánh cửa của các ngôi nhà, và chúng tôi bước vào, thấy mọi người sống như thế nào; chúng tôi cảm thấy trong câu chuyện của bác có một cái gì trang nghiêm và quan trọng. Có lẽ bác có thể nói đầu hôm suốt sáng, nhưng cứ đến lúc cửa sổ chòi gác mờ trong ánh nhá nhem là Tsurca lại dịch ghế đứng lên:

- Tớ phải về, kẻo có một mình mẹ tớ sợ. Có cậu nào đi với tớ không?

Cả bọn đều ra về. Iaz tiễn chúng tôi ra tới hàng rào, đóng

cổng lại rồi áp bộ mặt đen sạm, xương xẩu vào chấn song cửa và nói bằng giọng khàn khàn:

- Tạm biệt!

Chúng tôi cũng kêu to: "Tạm biệt". Bao giờ chúng tôi cũng không yên lòng khi phải để nó ở lại trong nghĩa địa. Có lần Coxt'roma ngoái lại nhìn rồi nói:

- Này, một ngày kia chúng mình ngủ dậy thấy nó chết rồi cũng chưa biết chừng đấy nhé!

- Thằng Iaz sống khổ hơn cả, - Tsurca thường nói như vậy, nhưng Viakhi luôn luôn phản đối:

- Chúng ta chẳng khổ tí nào...

Và theo tôi, thì chúng tôi sống cũng chẳng khổ. Tôi rất thích cái cuộc sống độc lập, tự do ở đầu đường xó chợ này, tôi cũng rất thích những thằng bạn của tôi. Chúng đã gây cho tôi một tình cảm sâu sắc, và bao giờ tôi cũng cảm thấy bứt rứt muốn làm được một điều gì tốt đẹp cho chúng.

Ở trường, tôi lại gặp phải chuyện bực mình. Bọn học trò thường chế tôi là thằng đi nhặt giẻ rách, thằng ăn xin. Có lần sau một trận cãi nhau, chúng thưa với thầy giáo là người tôi có mùi hố rác và chúng không thể ngồi cạnh tôi được. Tôi còn nhớ lúc ấy tôi đã xót xa như thế nào khi nghe thấy lời thưa đó và sau tôi đã khổ sở ra sao mỗi khi đến trường. Lời phàn nàn được bịa ra do ác ý: sáng nào tôi cũng tắm rửa kĩ càng và không bao giờ đến trường trong bộ quần áo vẫn mặc để đi nhặt giẻ rách.

Nhưng rồi cuối cùng tôi cũng lên được lớp ba. Tôi được thưởng một cuốn sách Phúc âm, một tập thơ ngụ ngôn của Crulov[1] đóng bìa cứng và một cuốn sách nhỏ không bìa với cái nhan đề khó hiểu: *Fata - Morgana*; tôi còn được một cái bằng khen nữa. Khi tôi đem những phần thưởng đó về nhà, ông tôi rất mừng và xúc động, tuyên bố rằng tất cả những

[1] L.A. Crulov (1769 - 1844), nhà thơ ngụ ngôn Nga.

thứ đó đều phải giữ gìn cẩn thận và ông tôi sẽ đem cất những cuốn sách vào trong chiếc hòm nhỏ của ông.

Bà tôi ốm đã mấy hôm, không có tiền; ông tôi rên rỉ và la hét:

- Bà rượu chè hết cả của cải của tôi, bà bòn rút tôi đến xương tủy! Chao ôi, lũ chúng bay...y... thật là...

Tôi đem mấy cuốn sách đến cửa hàng bán được năm mươi lăm copec về đưa cho bà tôi, còn cái bằng khen thì tôi bôi nguệch ngoạc và giao luôn cho ông tôi. Ông tôi đem cất thật cẩn thận, vì không giở ra nên ông cũng không trông thấy trò nghịch ngợm của tôi.

Sau khi từ giã mái trường, tôi lại bắt đầu cuộc sống đầu đường xó chợ, mà tôi càng thích thú hơn trước. Giữa mùa xuân, có thể kiếm được nhiều tiền. Cứ đến chủ nhật là cả bọn chúng tôi từ sáng sớm lại kéo nhau ra cánh đồng, vào rừng thông, và mãi đến tối mịt mới về đến xóm, người mỏi mệt một cách khoan khoái và lại càng gắn bó với nhau hơn.

Nhưng cuộc sống đó kéo dài không lâu: bố dượng tôi bị thải và lại biến đi đâu mất. Mẹ tôi cùng với đứa em trai nhỏ của tôi là Nicolai đến ở với ông tôi, và thế là cái trách nhiệm vú em được đặt lên vai tôi. Bà tôi bỏ ra thành phố và đến ở nhà một thương gia giàu có làm nghề thêu khăn thánh.[1] Người mẹ lặng lẽ hốc hác của tôi thường kéo lê đôi chân khó nhọc và nhìn mọi vật bằng cặp mắt đáng sợ, thằng em trai tôi thì bị tạng lao, lúc ở mắt cá chân. Nó yếu đến nỗi khóc cũng không ra tiếng, nếu đói thì chỉ rên lạc cả giọng đi, còn nếu no thì thiu thiu ngủ, đang ngủ nó cũng thở dài đến là lạ, lại còn kêu gừ gừ y hệt như một con mèo con.

Ông tôi sờ nắn nó hồi lâu rồi bảo:

- Đúng ra thì phải tẩm bổ cho nó một chút, nhưng tao đào đâu ra thức ăn cho cả lũ chúng mày...

---

[1] Khăn có thêu hình Chúa Jexu nằm trong quan tài.

Mẹ tôi ngồi trên chiếc giường kê ở góc nhà, thở dài, nói bằng giọng khàn khàn:

- Nó chỉ cần ít thôi...

- Đứa này một ít, đứa kia một ít, cộng lại sẽ thành to.

Ông tôi phẩy tay và bảo:

- Nên cho thằng Nicolai ra ngoài trời, cho nó ra chỗ nắng, chỗ có cát ấy.

Tôi lôi về một bao cát khô và sạch, đổ thành đống ở dưới cửa sổ, chỗ có nhiều nắng, và vùi đứa em vào trong cát cho ngập đến cổ như ông tôi bảo. Thằng bé thích ngồi trong cát, nó lim dim ra vẻ thích thú và nhìn tôi bằng cặp mắt khác thường, không có lòng trắng, chỉ thấy hai con ngươi màu xanh nằm giữa những vòng tròn nhỏ màu sáng bao quanh.

Ngay từ mấy ngày đầu, tôi đã gắn bó với em tôi. Tôi có cảm tưởng rằng nó hiểu hết tất cả những điều tôi suy nghĩ, khi tôi nằm với nó trên đống cát gần cửa sổ; từ trong cửa sổ vẳng đến bên tai chúng tôi giọng nói rin rít của ông tôi:

- Chết thì có gì là khó khăn, mày mà biết sống cho ra sống mới là tài!

Mẹ tôi ho từng cơn dài...

Colia[1] rút tay lên, chìa về phía tôi, lúc lắc cái đầu nho nhỏ tóc nâu. Tóc nó thưa, long lanh ánh bạc, bộ mặt nó trông nghiêm nghị như một ông cụ non.

Mỗi khi có con gà hay con mèo đến gần chỗ chúng tôi, Colia chăm chú nhìn chúng rất lâu, rồi nhìn tôi và thoáng mỉm cười. Nụ cười đó thường làm tôi bối rối, không hiểu có phải nó cảm thấy rằng tôi chán giữ nó lắm vì chỉ muốn bỏ nó đấy mà chạy ra đường hay không?

Sân nhà chúng tôi thật chật hẹp và rác rưởi. Từ cổng đi vào là một dãy nhà kho bé tí, nhà để củi và nhà hầm làm bằng ván chưa lột vỏ; đi một quãng chúng quặt sang bên và

[1] Tức Nicolai.

trong cùng là nhà tắm. Trên mái chất đầy những ván thuyền, gỗ củi, gỗ xẻ và những vỏ bào còn tươi. Tất cả đều là những thứ mà những người dân nghèo đã vớt được trên sông Oca trong lúc băng tan và trong khi nước to. Khắp sân cũng đầy những đống gỗ linh tinh nom rất bẩn, những đống gỗ ứ nước, bị nắng mưa làm mục nát, tỏa ra mùi gỗ mục.

Cạnh nhà là một cái lò sát sinh chuyên giết gia súc nhỏ. Hầu như sáng nào bên đó cũng vang lên tiếng bê rống, tiếng cừu kêu be be. Mùi máu xông lên nồng nặc đến nỗi đôi khi tôi có cảm tưởng rằng nó rung động trong bầu không khí bụi bặm như một cái màng lưới đỏ trong suốt...

Cứ nghe thấy tiếng những con vật rống lên khi bị búa bổ vào khoảng giữa hai sừng là Colia lại nheo mắt lại và phồng môi lên, chắc muốn bắt chước tiếng rống, nhưng nó chỉ thổi ra được chút hơi:

- Ph...phù...

Giữa trưa, ông tôi thò đầu ra ngoài cửa sổ, gọi:

- Ăn trưa!

Ông tôi tự tay bón cho thằng bé, giữ nó trên đầu gối mình, nhai ít khoai, bánh mì rồi lấy ngón tay không không nhét vào cái miệng nhỏ xíu của Colia, làm nhoe nhoét cả ra cặp môi mỏng và cái cằm nhọn của nó. Mới cho ăn được mấy miếng, ông tôi đã vén áo thằng bé lên, ấn ngón tay vào cái bụng ỏng của nó và nói:

- No rồi chứ? Hay còn muốn ăn nữa?

Từ trong một góc tối om cạnh cửa, tiếng mẹ tôi cất lên:

- Bố cũng thấy là nó đang giơ tay về phía miếng bánh đấy thôi?

- Bé dại như nó thì biết gì! Nó làm thế nào biết được là ăn bao nhiêu thì vừa...

Và ông tôi lại nhét vào mồm Colia miếng bánh đã nhai..

Nhìn cảnh cho ăn đó tôi cảm thấy xấu hổ đến đau xót, tôi cảm thấy nghẹt thở và buồn nôn.

- Thôi được rồi!-cuối cùng ông tôi nói. - Này, bế nó lại cho mẹ mày!

Tôi đỡ lấy Colia, nó rên rỉ và vươn người về phía bàn. Mẹ tôi thở khò khè, ngồi dậy giơ hai cánh tay khô đét chỉ còn da bọc xương ra đón lấy Colia. Mẹ tôi nom dài đuỗn đuỗn và mảnh khảnh như một cây thông chỉ còn lại mấy cái cành đã bị tỉa hết lá.

Mẹ tôi đã hoàn toàn câm lặng, họa hoằn lắm mới bật ra một tiếng nói giọng khò khè, còn thường ra suốt ngày mẹ tôi cứ nằm im lìm trong một xó. Mẹ tôi sắp chết - tôi cảm thấy thế và biết rõ thế. Và chính ông tôi cũng cứ lải nhải luôn mồm về cái chết, nhất là vào buổi chiều, lúc ngoài sân đã tối và mùi gỗ mục ngầy ngậy, nồng nồng như mùi da cừu luồn qua cửa sổ vào trong nhà.

Giường ông tôi kê ở góc ngoài, gần ngay dưới các tượng thánh. Ông tôi nằm quay đầu về phía các tượng và chiếc cửa sổ con. Ông tôi lên giường nằm và lâu bàu một lúc lâu trong bóng tối.

- Giờ chết đã điểm rồi đấy. Chúng ta sẽ đứng trước Chúa với mặt mũi như thế nào? Chúng ta sẽ nói gì? Ấy vậy mà suốt đời chúng ta đã lật bật, làm công nợ việc kia... Bây giờ chúng ta đạt được cái gì nào?

Tôi ngủ ở khoảng giữa lò sưởi và cửa sổ, ngay trên sàn nhà. Chỗ nằm ngắn quá, tôi phải cho chân vào gầm lò, gián đến bò vào chân làm tôi buồn như bị cù.

Cái xó bếp này đã đưa đến cho tôi nhiều niềm vui quái ác. Trong lúc làm bếp, ông tôi hay đụng đầu chiếc gậy thông lò và gậy kéo nồi[1] vào cửa sổ làm vỡ kính. Thật là buồn cười

[1] Một dụng cụ cán dài có móc sắt ở đầu dùng để kéo nồi trong lò ra.

và lạ lùng: một người thông minh như ông tôi mà không nghĩ ra cách cưa bớt đầu gậy đi.

Có lần không hiểu có cái nồi gì đã sôi quá lâu, ông tôi hấp tấp dùng gậy kéo nồi giật mạnh cái nồi làm bắn tung chiếc thanh ngang trên khung cửa sổ ra cùng với hai miếng kính, còn chiếc nồi trên bếp thì bị lật và vỡ tan. Chuyện rủi đó làm cho ông già đau khổ đến nỗi ông ngồi xệp ngay xuống sàn nhà và khóc:

- Lạy Chúa, ôi lạy Chúa...

Ban ngày, lúc ông vắng nhà, tôi lấy con dao cắt bánh mì chặt ngắn bớt chiếc gậy kéo nồi đi độ một phần tư. Nhưng lúc thấy thế, ông tôi liền mắng:

- Thằng quỷ tha ma bắt kia! Phải lấy cái cưa mà cưa chứ! Phải dùng cưa! Những cái đầu mẩu ấy có thể làm trục lăn được, còn có thể đem bán cho người ta đấy, đồ quỷ sứ!

Ông khoa tay chạy ra phòng ngoài, còn mẹ tôi lên tiếng:

- Mày nhúng vào làm gì?...

Mẹ tôi chết, vào một ngày chủ nhật tháng Tám, khoảng gần trưa. Bố dượng tôi vừa mới trở về sau một chuyến đi và đã lại tìm được việc làm. Bà tôi cùng với Colia đã đến ở với bố dượng tôi trong một căn nhà sạch sẽ ở gần ga, và đang định vài hôm nữa sẽ đưa cả mẹ tôi đến đấy.

Vào buổi sáng hôm mẹ tôi mất, mẹ tôi sẽ sàng nói với tôi, nhưng giọng rõ ràng và thều thào hơn thường lệ:

Con đến tìm Evgheni Vaxilievitr, bảo rằng mẹ mời bố lại ngay!

Mẹ tôi nhổm dậy, chống tay vào tường và ngồi lên, nói thêm:

- Chạy nhanh lên!

Tôi cảm thấy hình như mẹ tôi mỉm cười, và có một cái gì mới mẻ ánh lên trong cặp mắt của người. Bố dượng tôi còn đang làm lễ ở nhà thờ, bà tôi bèn sai tôi đi mua thuốc lá của một người đàn bà Do Thái làm nghề gác chắn xe lửa. Thuốc

lá thái sẵn không có, tôi phải đợi bà ta thái xong mới có thuốc đem về cho bà tôi.

Khi tôi về đến nhà ông tôi thì mẹ tôi đang ngồi ở bàn mặc chiếc áo dài tím sạch sẽ, tóc chải gọn gàng, vẻ đoan trang như trước đây.

- Mẹ đỡ rồi à? - tôi hỏi, không hiểu tại sao cảm thấy sờ sợ.

Mẹ tôi quắc mắt nhìn tôi:

- Lại đây! Mày la cà ở đâu, hả?

Tôi chưa kịp trả lời mẹ tôi đã túm lấy tóc tôi, tay kia vớ lấy một con dao dài, dẻo, làm bằng lưỡi cưa, và quật luôn mấy cái vào người tôi. Con dao tuột khỏi tay mẹ tôi.

- Nhặt lên! Đưa đây...

Tôi nhặt con dao ném lên mặt bàn. Mẹ tôi đẩy tôi ra. Tôi ngồi xuống bậc lò sưởi, sợ hãi theo dõi mẹ tôi.

Mẹ tôi rời bàn đứng dậy, men tới góc nhà, nằm xuống giường và lấy khăn tay lau mặt đầm đìa mồ hôi. Tay mẹ tôi cứ động chệch choạc, hai lần sượt qua mặt rơi xuống gối, kéo chiếc khăn tay lướt trên mặt gối.

- Cho tao chén nước...

Tôi múc ở trong thùng một chén nước. Mẹ tôi ngóc đầu lên vẻ khó nhọc, nhấp một tí nước rồi đưa bàn tay lạnh toát ẩy tay tôi ra và thở dốc. Sau đó mẹ tôi ngước nhìn các tượng thánh ở góc nhà, rồi đưa mắt nhìn tôi, đôi môi mấp máy như mỉm cười và từ từ buông hai hàng mi dài xuống mắt. Hai khuỷu tay mẹ tôi khép chặt vào sườn, và hai bàn tay vừa khẽ động đậy các ngón, vừa lần lên ngực, nhích đến gần cổ họng. Một bóng đen lướt trên khuôn mặt mẹ tôi, như ăn sâu vào khuôn mặt, làm cho lần da vàng căng lên, và cái mũi thêm nhọn. Mồm mẹ tôi há ra như tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng hơi thở thì không còn nghe thấy nữa.

Tôi đứng yên rất lâu với chiếc chén trong tay bên giường mẹ tôi, nhìn khuôn mặt mẹ tôi đang đờ ra và xám lại.

Ông tôi bước vào, tôi bảo ông tôi:

- Mẹ cháu chết rồi!

Ông tôi ngó lên giường:

- Mày nói nhằng cái gì thế?

Ông tôi đến bên bếp lò và lấy bánh nướng ra; tiếng miếng sắt nắp lò và vỉ nướng bánh vang lên đinh tai. Tôi nhìn ông tôi; biết chắc là mẹ tôi đã chết, tôi cứ chờ xem đến bao giờ ông tôi mới biết điều đó.

Bố dượng tôi đến, mặc chiếc áo vét tông bằng vải thô, đội mũ lưỡi trai trắng. Ông ta khẽ nhấc một chiếc ghế đến đặt xuống cạnh giường mẹ tôi, nhưng đột nhiên ông ta thả bịch chiếc ghế xuống sàn, kêu toáng lên như tiếng kèn đồng:

- Mà, mẹ nó chết rồi, trông kìa...

Ông tôi tròn xoe mắt, từ từ rời khỏi bếp với mảnh sắt nắp lò trong tay, bước loạng choạng như người mù.

Khi chiếc quan tài của mẹ tôi đã được chôn xuống dưới cát khô, bà tôi tha thẩn giữa những ngôi mộ như một người mù; bà tôi vấp phải một cây thánh giá và bị rách toạc cả mặt. Ông bố Iaz dẫn bà tôi vào chòi gác, và trong khi bà tôi rửa mặt, thì bác ta khẽ nói với tôi những lời an ủi:

- Ôi, cháu của bác! Cháu làm sao vậy? Lạy Chúa đừng làm con mất ngủ! Sự đời là thế thôi... Tôi nói có phải không cụ? Giàu nghèo gì thì cũng đến ra nghĩa địa cả thôi. Có phải thế không cụ?

Bác nhìn ra cửa sổ và bỗng nhảy ra khỏi chòi canh, nhưng ngay sau đó bác quay trở lại cùng với Viakhi mặt mày tươi tỉnh, hớn hở.

- Này, trông kìa! - bác nói và chìa cho tôi xem chiếc đinh thúc ngựa đã gẫy. Nhìn xem, tuyệt quá đấy! Đó là quà của bác và Viakhi tặng cháu đấy. Cháu trông xem, chiếc bánh xe nhỏ đây này, phải không? Nhất định đây là của một người

Cozac nào đánh mất đây... Bác định mua lại của Viakhi vật này, bác trả bảy copec...

- Bác chỉ nói điêu! - Viakhi nói nhỏ, nhưng giọng đượm vẻ cáu kỉnh, còn bố Iaz thì nhảy lên trước mặt tôi, nháy mắt làm hiệu về phía Viakhi và nói:

- Trông Viakhi kìa. Nghiêm gớm là nghiêm! Thôi được, không phải của bác tặng mà là của nó tặng cháu đấy, nó...

Bà tôi rửa mặt xong, trùm chiếc khăn vuông lên khuôn mặt sưng húp, tím bầm và gọi tôi ra về. Tôi không về vì biết rằng trong bữa cỗ tang ở nhà mọi người sẽ uống rượu votca và hẳn là sẽ cãi nhau. Ngay từ lúc còn ở nhà thờ, cậu Mikhail đã vừa thở dài vừa bảo với cậu Iacov:

- Hôm nay chúng ta sẽ được bữa say túy lúy, hả?

Viakhi cố làm cho tôi phải vui: nó cặp chiếc đinh thúc ngựa vào cằm và cố thè lưỡi xuống chiếc bánh xe, còn bố Iaz thì cố ý cười vang và hét:

- Trông kìa, cháu trông, nó là cái gì kia kìa!

Nhưng nhận thấy tất cả những trò đó đều không làm cho tôi vui lên được, bác liền cất giọng nghiêm trang.

- Này thôi đi, cháu đừng nghĩ ngợi gì nữa! Tất cả chúng ta đều sẽ chết; ngay chim chóc rồi cũng chết kia mà! Thôi, thế này vậy, bác trồng cỏ lên mộ mẹ cháu nhá, được không? Bây giờ cháu, Viakhi và bác, mấy bác cháu ta ra ruộng đi. Cả thằng Xanca của bác cũng cùng đi. Bác cháu ta sẽ đem cỏ về đắp lên mộ, như vậy rất tốt!

Việc đó tôi thấy rất thích, và chúng tôi đi ra ruộng.

Sau khi chôn cất mẹ tôi được vài ngày, ông tôi bảo tôi:

- Này, Lecxei mày không phải là cái mề đay, mày không thể lủng lẳng mãi trên cổ tao, mày hãy đi vào đời mà kiếm sống...

Và thế là tôi bước vào đời.

1913 - 1914

KIẾM SỐNG

THANH NAM

TRẦN KHUYẾN - CẨM TIÊU

dịch

LỜI GIỚI THIỆU

Kiếm sống[1] *là phần hai trong tác phẩm bộ ba tự thuật*[2] *của M. Gorki, miêu tả thời niên thiếu của cậu bé Aliosa Pescov, tức Gorki, từ năm 1878 đến năm 1884. Trong phần đầu, M. Gorki đã kết thúc* Thời thơ ấu *của mình bằng những dòng chua chát:*

"Sau khi chôn cất mẹ tôi được vài ngày, ông tôi bảo tôi:

- Này Lecxei, mày không phải là cái mề đay, mày không thể lủng lẳng mãi trên cổ tao, mày hãy đi vào đời mà kiếm sống...

Và thế là tôi bước vào đời".

Mới mười tuổi đầu, cậu bé mồ côi Aliosa đã bắt đầu ở với người đời, tìm hiểu cuộc sống và đấu tranh trong cuộc sống để tìm ra một lối thoát cho mình. Trong giai đoạn nhận thức cuộc sống này đã hình thành mối quan hệ mới của Aliosa đối với con người và thế giới xung quanh. Bước vào đời để kiếm sống, Aliosa luôn luôn va chạm với sự hèn hạ, đồi tệ của bọn "tiểu thị dân", những kẻ luôn luôn tự cho mình là "ưu việt nhất thành phố", họ tưởng rằng họ "biết những quy luật cư xử đúng nhất, và dựa trên những luật lệ mù mờ đó mà kết tội mọi người một cách tàn nhẫn, không thương tiếc". Những người này thường có thái độ ganh tị, ghen ghét đối với những điều tốt đẹp ở những con người mà họ không sao hiểu nổi. Để biện bạch cho cuộc sống nhỏ nhen và nghèo nàn của mình, làm cho nó tăng thêm cái vẻ quan trọng bề ngoài, họ giống như ông lão, Casirin keo kiệt, hung dữ, hay bà già Mat'rio độc ác, ích kỉ, luôn luôn lôi kéo Chúa vào những

---

[1] *Kiếm sống* được viết năm 1914-1915 và in năm 1915 -1916.

[2] Những nét khái quát của tác phẩm bộ ba tự thuật: *Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi*, chúng tôi đã giới thiệu trong phần *Thời thơ ấu*.

việc tẹp nhẹp buồn tẻ của mình, hoặc biến Chúa thành một sức mạnh trừng phạt mù quáng để bảo vệ cho những tội lỗi và lợi ích cá nhân của mình...

Aliosa càng ngày càng thấy rõ những "mặt trái" của cuộc sống, sự nhục mạ đối với nhân cách con người, sự lao động vô nghĩa đã bị bọn chủ biến thành khổ sai đối với những người nghèo khổ. Lúc ấy, theo như lời Gorki kể, cuộc sống đối với Aliosa như vĩnh viễn bị quy định một cách chặt chẽ trong các hình thức và các mối quan hệ mà Aliosa đã trông thấy ngày này qua ngày khác, mỗi ngày một buồn tẻ hơn, gay gắt hơn khiến khó mà nghĩ ra được những khả năng gì có thể tốt hơn là những điều vẫn thường có, vẫn thường hiện ra trước mắt hàng ngày đó.

Nhưng khi ấy sách vở - những kho tàng tư tưởng sáng tạo của con người - đã tới giúp Aliosa. Những tác phẩm của các nhà văn Nga ưu tú, những tác phẩm của Walter Scott, của Dickenx v. v... mà Aliosa đọc thời bấy giờ đã giúp cho cậu hiểu được rất nhiều điều mà trước đó Aliosa vẫn băn khoăn. Sách vở, theo như lời Gorki sau này kể lại, đã giúp cho Aliosa khắc phục tâm trạng bối rối, thiếu tin tưởng đối với con người. Mỗi cuốn sách hay như mở ra trước mắt Aliosa một chiếc cửa sổ hướng về một thế giới mới mẻ mà Aliosa chưa từng biết, chưa từng thấy. Càng đọc nhiều sách, Aliosa càng thấy gần gũi với thế giới hơn, cuộc sống đối với cậu càng trở nên sáng sủa hơn, có ý nghĩa hơn. Sau này, Gorki nhớ lại: "Sách vở đã chỉ cho tôi chỗ đứng của mình trong cuộc sống, nói cho tôi biết rằng con người thật là vĩ đại và đẹp đẽ, luôn hướng về cái tốt đẹp hơn, rằng con người đã làm nên nhiều thứ trên trái đất và vì cái đó mà họ phải chịu biết bao đau khổ".

Một nhân vật trong Kiếm sống *là Jikharev đã nói với Aliosa với vẻ đồng tình như sau: "Cháu không có thái độ dửng dưng, mà luôn luôn nhìn thẳng vào mọi công việc. Cháu cứ nên như thế mãi, điều đó rất tốt!" Aliosa đã dũng cảm lao vào cuộc sống, dũng cảm "bước vào đời" mặc dù nhiều khi va chạm phải mặt trái xấu xa ghê tởm của nó. Gorki viết:*

"Trong tôi có hai người: một người sau khi đã biết quá nhiều điều ghê tởm và bẩn thỉu, hơi sợ những điều đó; nản lòng trước sự hiểu biết những điều khủng khiếp xảy ra hàng ngày, hắn bắt đầu nhìn cuộc sống, nhìn mọi người với thái độ thiếu tin tưởng và hoài nghi, thương hại một cách bất lực tất cả mọi người cũng như chính bản thân mình. Con người ấy mơ ước một cuộc sống cô độc, yên tĩnh, chỉ có sách vở, không dính líu đến ai...

"Còn con người kia, được nuôi dưỡng bằng ý chí thiêng liêng của những cuốn sách tốt và sâu sắc, mỗi khi quan sát thấy sức chiến thắng của những điều khủng khiếp xảy ra hàng ngày đó, và cảm thấy sức mạnh ấy có thể dễ dàng đè bẹp mình, làm nhơ bẩn trái tim mình, liền cố sức tự vệ, cắn chặt răng, siết chặt nắm đấm, luôn luôn sẵn sàng xông vào bất kì cuộc tranh cãi và trận chiến đấu nào. Con người này yêu thương một cách tích cực..."

Trên bước đường kiếm sống, Aliosa đã gặp và sống với những con người lao động bình thường: những người thợ mộc, thợ nề, thợ làm tượng thánh, những người phu khuân vác v. v... trong đó có những nhà nghệ sĩ, nhà thơ, nhà triết học... Mỗi người, tuỳ theo mức độ đều cần thiết và quan trọng đối với Aliosa, làm cho tâm hồn cậu thêm phong phú, làm cho cậu trở nên mạnh mẽ và khôn ngoan hơn, giúp cậu có đủ nghị lực đương đầu với cuộc sống. Trong quá trình tiếp xúc với những người này, tính cách của Aliosa cũng dần dần hình thành.

Bác đầu bếp Xmurưi, một trong những "người thầy" như vậy của Aliosa, một người vốn nghiêm nghị và thích cô độc, có tâm hồn hiền hậu và tấm lòng công bằng, cao thượng. Khi Aliosa đọc cho bác nghe chuyện Tarax Bunba *của Gogol, tới cảnh chết của ataman*[1] *Cozac thì Xmurưi, người mà tất cả mọi người trên tàu đều sợ, đã khóc lên nức nở. Chính cũng nhờ cuộc gặp gỡ với Xmurưi mà Aliosa bắt đầu say mê đọc sách. Càng tiếp xúc với những người Nga bình thường, càng tìm hiểu họ sâu hơn, Aliosa càng thấy "những người chủ " là tầm thường, tẻ nhạt, thế giới của họ hoá ra không phải hoàn toàn bền vững và chắc chắn như cậu tưởng.*

Aliosa đã trải qua cả một trường học đường đời khi làm việc ở xưởng tượng thánh. Những người thợ trong xưởng mà Aliosa tiếp xúc nhiều là những người có tinh thần ham hiểu biết, có tâm hồn phong phú và có tài năng. Ở mỗi người, Aliosa đều cảm thấy họ thực sự hiểu biết cuộc sống và nghệ thuật. Những người đó tuy sống tù túng trong xưởng nhưng tâm hồn vẫn đầy lòng cao thượng, sức mạnh và vẻ đẹp. Không phải vô cớ khi kể về Xitanov, Gorki đã nhắc rằng trong anh hình như có một cái gì giống với "nhà quý tộc Tây Ban Nha", nhân vật mà Xitanov yêu thích hơn cả trong các sách vở.

Đặc biệt Jikharev đã làm cho Aliosa rất đỗi ngạc nhiên; đó là một

---

[1] Thủ lĩnh Cozac.

nghệ sĩ nhân dân, một người bị giày vò vì khát vọng hiểu biết và sáng tác tự do. "Chúng ta biết được những gì? Chúng ta sống thật quá tầm thường. Còn đâu là tâm hồn? Tâm hồn ở đâu rồi? Nguyên bản thì có đấy, nhưng trái tim thì không...", "Chúng ta sống như những con chó mù, chẳng biết cái quái gì cả..." Aliosa lo lắng và vui mừng nghe những lời lạ tai ấy của Jikharev.

Những người này càng ngày càng nhận thức rõ cuộc sống bất công, sự vô nghĩa của thứ lao động cưỡng bách. Họ bị dồn vào cảnh lao động kiệt sức và đơn điệu, mất hết cả niềm vui và phúc lợi ở đời. Họ rất thèm muốn ánh sáng, trí thức, cái đẹp. Những cuốn sách mà Aliosa đọc đã làm cho họ say mê, rung động. Khi Aliosa đọc tập thơ Con quỉ *của Lermontov thì những người này đã làm cho cậu hết sức ngạc nhiên bởi sự thụ cảm nghệ thuật rất tinh vi và sâu sắc của họ.*

Qua những năm sống phiêu lãng ấy, trong Aliosa đã nảy sinh tình yêu mạnh mẽ đối với con người, thứ tình yêu mà cậu sẽ mang suốt đời. "Chú được cái tốt là đối với ai chú cũng coi như họ hàng thân thích cả" Capendiukhin đã nói với Aliosa như vậy.

Aliosa luôn luôn có mặt trên con đường đi tìm chân lí, mục đích cuộc sống, đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi vẫn giày vò cậu: "Làm thế nào để giúp đỡ mọi người?" Đối với Aliosa, việc tìm hiểu được ông lão thợ mộc Oxiv là một điều "hết sức cần thiết". Tính tình phức tạp của Oxiv đã giúp cho Aliosa hiểu được bản tính mâu thuẫn của nông dân. (Về Oxiv, năm 1897 Gorki đã viết trong truyện ngắn Vanca Mazin *và năm 1912 trong truyện ngắn* Băng chuyền*). Aliosa biết tìm ở mọi người những điều cần thiết đối với cậu, mặc dù những người ấy hoàn toàn khác xa hẳn cậu.*

Trong ý thức, Aliosa đã phân biệt được ước mơ và thực tế. Giờ đây trong việc tìm tòi cái dũng cảm, cậu không chỉ hướng về sách vở, thơ ca, truyện thần thoại, mà trước hết hướng về cuộc sống hiện thực: "Tôi đã cảm thấy rõ những mâu thuẫn giữa thực tế và sách vở. Trước mắt tôi là những con người sinh động, trong sách vở không thấy những con người như vậy: không thấy bác Xumrưi, anh thợ đốt lò Iacov, ông khách lưu lạc Alecxan Vaxiliev, bác Jikharev, chị thợ giặt Natalia..." Những hình tượng của những con người sinh động này đã choán một vị trí quan trọng trong tâm trí của cậu bé Aliosa.

Trong chương cuối của Kiếm sống *đã xuất hiện một hình tượng đầy ý nghĩa - cảnh "trái đất nửa thức nửa ngủ". Aliosa muốn đá tung tất*

cả trái đất và ngay cả chính mình nữa để cho tất cả mọi vật "xoay như một cơn gió lốc mừng vui trong điệu múa tưng bừng của những con người yêu nhau say đắm, những con người đang yêu cuộc sống này, cuộc sống mở đầu cho một cuộc sống khác đầy tươi đẹp, phấn khởi và ngay thật..."

Nhưng trong giai đoạn phát triển này, sự hiểu biết của Aliosa còn hạn chế, cậu chưa trả lời được câu hỏi: phải làm gì một cách cụ thể để giúp mọi người, phải thực hiện lí tưởng xây dựng một thế giới hợp lí và công bằng đối với mọi người như thế nào?

Tác phẩm Kiếm sống *đã kết thúc bằng những suy nghĩ già dặn của cậu thiếu niên Aliosa mười sáu tuổi, qua những năm lăn lộn với sóng gió của cuộc đời để kiếm sống.*

"Tôi nghĩ bụng:

- Ta phải làm được một việc gì chứ, nếu không thì ta sẽ sống vô ích...

Vào những ngày thu ảm đạm, khi mà không những không nhìn thấy, không cảm thấy, mà còn quên mất cả mặt trời, vào những ngày thu như vậy, tôi thường bị lạc trong rừng. Tôi bị chệch đường chẳng tìm được một lối hẻm nào; cuối cùng sau khi tìm kiếm đến mệt bã người, tôi cắn răng lại và cứ đi thẳng xuyên qua rừng rậm, trên những cành cây mục nát, trên những mô đất tròng trành của vũng lầy. Cuối cùng, bao giờ tôi cũng tìm ra được đường đi. Tôi quyết định cũng sẽ làm như vậy..."

Nhưng mãi đến sau này, phải qua nhiều năm được tôi luyện trong "những trường đại học" thực tế của cuộc đời, chàng thanh niên Aliosa Pescov mới tìm được một hướng đi rõ rệt cho mình.

Truyện tự thuật không phải là một thể loại mới trong văn học. Trước kia ở Nga, Xantưcov Sedrin, Lev Tolxtoi, Pomialovxki, Acxacov... cũng đã từng sử dụng nó. Gorki đã phát triển một cách sáng tạo nhiều cái hay trong các truyền thống ưu tú của quá khứ và nâng cao tính tư tưởng của thể truyện này lên một mức.

Tác phẩm tự thuật của Gorki đóng một vai trò quan trọng trên con đường sáng tác của nhà văn. Chính nó là chiếc chìa khoá giúp ta hiểu thấu nguồn gốc thiên tài của Gorki, nắm chắc mối quan hệ vô cùng sâu sắc của Gorki với nhân dân, đất nước và cuộc sống. Con đường mà Gorki đã trải qua tiêu biểu cho nhiều người sống trên đất nước Nga cũ

bị mòn mỏi trong cảnh bần cùng hoá bi thảm, trong việc lao động cực nhọc, các khả năng phong phú của tuổi trẻ vươn lên thường gặp nguy cơ áp chế, bót nghẹt nhưng vẫn tràn trề lòng tin, vượt mọi trở ngại trên con đường đi tìm lẽ sống. Gorki không coi tiểu sử của Aliosa Pescov là một hiện tượng siêu việt, ông đã từng tuyên bố: "Lịch sử của Gorki" không phải là một trường hợp duy nhất và không phải là một trường hợp ngoại lệ đặc biệt".[1] *Các đặc tính của Aliosa là: lòng biết ơn nồng nhiệt đối với bà con và những người trong nhân dân đã có lòng tốt đối với mình hoặc nhiều hoặc ít, tình thương yêu những người bạn cùng lứa tuổi và đau khổ hơn mình vì tàn tật, nỗi khát vọng chính nghĩa tới mức say sưa, mối căm thù sâu sắc đối với bọn áp bức tàn bạo, tinh thần bất khuất, khắc phục khó khăn, lòng yêu lao động. Nổi bật nhất là tinh thần hiếu học, chí cầu tiến, óc quan sát tinh vi, nhìn thẳng vào sự việc để phân biệt rõ ràng cái tốt, cái xấu. Aliosa sống không hề thụ động mà tính cách của cậu dần dần được hình thành vững vàng trong cuộc đấu tranh chống lại những nguồn gốc xấu xa trong đời sống, trong sự khao khát hướng tới những điều tốt đẹp, công bằng và nhân đạo.*

Gặp Gorki lần đầu tiên năm 1905, Lenin nói: "Phải học ở Gorki cách nhìn và cách nghe". Tác phẩm tự thuật của Gorki là cả một kho vốn sống rất phong phú, diễn tả lại bước đường gian truân đã dẫn dắt Gorki tới tuổi trưởng thành, nêu lên những ấn tượng sâu sắc nhất đã gợi hình, gợi ý, chuẩn bị cho đời sống văn học của Gorki. Tác phẩm không phải chỉ là tiểu sử riêng của một cá nhân, mà còn cả một thế hệ, một bức hoạ rộng lớn về phong cảnh, đất nước và xã hội Nga cuối thế kỉ XIX với những nét khắc hoạ điêu luyện, sâu sắc về diện mạo và tâm lí rất sinh động của con người. Tính điển hình của những hiện tượng được miêu tả trong tác phẩm bộ ba được khái quát, điển hình đến cao độ làm rung động và chiếm được cảm tình lớn của độc giả. Nhà văn Alecxan Sirvanzade[2] *đã nói về tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorki như sau: " Theo quan điểm của tôi, toàn bộ cuốn sách tượng trưng cho cuộc sống của nhân dân Nga; cuốn sách đã kể về tâm hồn nặng trĩu không chỉ của dân tộc Nga, mà của tất cả các dân tộc nói chung. Anh xem, tôi có phải là người Nga đâu, tôi là người Acmêni, sinh trưởng và sống*

---

[1] Báo *Sự thật* ngày 6-6-1928.

[2] A. Sirvanzade (1858-1935), nhà văn xuất sắc của người Acmeni.

khác xa cuộc sống Nga, vậy mà tất cả những gì Anh đã miêu tả đều giống cuộc sống của dân tộc mà tôi xuất thân. Và Anh hãy tin rằng nhà văn Pháp, nhà văn Anh, hay bất kì một nhà văn nào khác, xuất thân từ nhân dân hoặc hiểu biết cuộc sống của dân tộc mình, cũng sẽ nói với Anh những điều như vậy".[1]

Nhà cách mạng Đức Roda Lucxamburg[2] *trong bài luận văn* Tinh thần văn học Nga *có bàn tới tác phẩm tự thuật vủa M. Gorki như sau: "Chú bé này đã kêu gào như một con sói con bị truy bức, nhe nanh vuốt sắc nhọn trước số mệnh. Cái tuổi ấu thơ đầy khốn quẫn, đau khổ, nhục nhã, hoài nghi, lưu lạc, gắn gũi với cặn bã của xã hội ấy, đã bao hàm tất cả những đặc trưng có tính chất điển hình của cuộc sống giai cấp vô sản đương thời. Chỉ có đọc những hồi ký của Gorki mới có thể lường được cái quá trình phát triển kinh khủng của ông - từ dưới đáy của xã hội vươn lên đến đỉnh cao của thế giới quan khoa học, của nghệ thuật thiên tài và sự tu dưỡng văn hoá. Về mặt này, cái vận mệnh cá nhân của Gorki là* tượng trưng giai cấp *của giai cấp vô sản Nga - giai cấp này nhìn bề ngoài thì thiếu văn hoá, thô bạo, dưới thời đế quốc Nga hoàng đã trải qua những thử thách của cuộc đấu tranh tàn khốc và trong một thời gian ngắn ngủi đến kinh người, trong vòng hai mươi năm, đã trở thành một lực lượng tích cực của lịch sử".*[3]

Đối với Gorki cuộc sống và số phận của ông cũng là cuộc sống và số phận của nhân dân ông; những điều khủng khiếp xảy ra xung quanh ông có ghê gớm đến thế nào đi chăng nữa cũng không thể làm ông mất lòng tin vào cuộc sống. Chính vì thế mà ông vẫn nhìn thấy trong cuộc sống những mầm non tốt đẹp của tương lai và vạch ra con đường của quá trình phát triển lịch sử sau này. Đó cũng là một trong những điểm khác nhau có tính chất nguyên tắc giữa tác phẩm tự thuật của Gorki và các tác phẩm tự thuật cổ điển khác. Trên cơ sở tài liệu tự thuật, Gorki đã đề ra một trong những vấn đề quan trọng nhất của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa - vấn đề hình thành tính cách của con người tiêu biểu cho những mối quan hệ mới - mà sau này nhiều nhà văn khác kế thừa. Có thể nói rằng tác phẩm tự thuật của Gorki là một

---

[1] Trích cuốn *Đọc Gorki* (nhà xuất bản Viện Hàn lâm Khoa học Liên xô, 1949, trang 149)

[2] Roda Lucxamburg (1871-1919), nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và Ba Lan.

[3] R. Lucxamburg: *Bàn về văn học*, Academia. 1934, trang 144.

tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa cổ điển đặc sắc, bởi vì Gorki đã cương quyết vạch trần chủ nghĩa tư sản theo lập trường quan điểm của Đảng, đồng thời cũng khẳng định tương lai vĩ đại của dân tộc Nga.

Các nhà nghiên cứu và phê bình văn học nhiều lần nhận định rằng chỉ xét về mặt miêu tả một cách tế nhị tinh vi tâm hồn, đặc điểm tâm lí, về mặt nghệ thuật thể hiện nội tâm thì tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorki có thể sánh ngang hàng với những tác phẩm ưu tú của nền văn học thế giới. Tuy nhiên, trung tâm chú ý của Gorki là quá trình hình thành tư tưởng cách mạng, quá trình con người nhận thức xã hội. Đó cũng chính là cái sáng tạo mà Gorki đã đóng góp thêm vào truyền thống văn học vẻ vang của quá khứ, và chính điều đó đã xác định giá trị tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorki đối với sự phát triển của nền văn học Xô viết và thế giới.

TRẦN KHUYẾN

I

Bước vào đời, tôi làm "thằng nhỏ" cho một hiệu giày "thời trang" ở phố chính của thành phố.[1]

Lão chủ của tôi người nhỏ bé, tròn trĩnh, mặt nhẵn lì ngăm ngăm nâu, răng nhờ nhờ xanh, cặp mắt đờ đẫn màu xám đục. Tôi tưởng lão mù và muốn thử xem có thật như vậy không, tôi liền nhăn mặt lại.

- Này, đừng có nhăn cái mõm, - lão nói nhỏ nhưng nghiêm khắc.

Thật là khó chịu khi cặp mắt mờ đục kia thấy được tôi. Và cũng khó mà tin được rằng chúng còn trông thấy rõ. Có lẽ lão chủ chỉ đoán mò là tôi nhăn nhó chăng?

- Tao đã bảo mày là đừng có nhăn cái mõm, - lão nói nhỏ hơn trước, cặp môi dày hầu như không động đậy.

- Đừng gãi tay, - tiếng thì thào khô khan của lão vọng đến tôi. - Phải nhớ rằng mày làm việc trong một cửa hiệu sang nhất ở phố chính của thành phố. Làm thằng nhỏ thì phải đứng nghiêm bên cửa như một pho tượng...

Tôi không biết như pho tượng là thế nào và cũng không thể nào không gãi tay được: hai tay tôi đầy nốt đỏ và mụn lở đến khuỷu, ghẻ cắn rứt ngứa không chịu được.

---

[1] Mùa thu năm 1878, vài ngày sau khi mẹ chết, chú bé Alecxei Pescov mới mười tuổi đã bắt đầu "bước vào đời" làm thằng nhỏ cho một hiệu giày ở thành phố Nijni-Novgorod (bây giờ là thành phố Gorki).

Lão chủ xem tay tôi và bảo:

- Mày làm những trò gì ở nhà?

Tôi kể hết mọi chuyện. Lão lúc lắc cái đầu tròn có dính mớ tóc hoa râm và khinh bỉ nói:

- Cái nghề đi lượm lặt và mua bán giẻ rách, đồ cũ của mày thật còn tồi tệ hơn cả nghề ăn mày, tồi tệ hơn cả nghề ăn cắp!

Tôi tuyên bố một cách kiêu hãnh:

- Thì cháu cũng đã từng ăn cắp rồi.

Lão chủ liền duỗi tay lên mặt quầy như con mèo duỗi chân, hoảng hốt nhìn chòng chọc vào mặt tôi bằng cặp mắt trống rỗng và rít lên:

- Sao... ơ? Ăn cắp à?

Tôi giải thích cho lão nghe tôi đã ăn cắp những gì và ăn cắp như thế nào.

- Hừ, những cái đó thì không hề gì. Nhưng nếu mày ăn cắp giày hoặc tiền của tao, tao sẽ tống cổ mày vào nhà tù cho đến tuổi thành niên...

Lão nói câu đó một cách bình thản. Tôi sợ hãi và càng không ưa lão.

Ngoài lão chủ ra, trong hiệu còn có em họ tôi là Xasa Iacovov[1] giữ việc bán hàng, và một gã quản lí người hồng hào, lanh lợi, ăn nói ngọt ngào. Xasa mặc một chiếc áo khoác ngoài màu hoe hoe nâu, mang "plaxtrong", thắt ca vát, quần bó ngoài ủng. Nó có vẻ kiêu hãnh, không để ý đến tôi, khi ông ngoại tôi dẫn tôi đến trước mặt lão chủ và nhờ Xasa giúp đỡ, dạy bảo tôi, nó cau mày ra vẻ trịnh trọng rồi giao hẹn:

- Cần nhất là nó phải nghe lời cháu mới được!

Ông ngoại đặt tay lên đầu tôi, giấn cổ tôi xuống.

---

[1] Xasa Iacovov là con của Iacov Vaxilievitr (Xem *Thời thơ ấu* của Gorki).

- Cháu hãy nghe lời nó nhé! Nó vừa lớn tuổi hơn cháu, vừa chức vụ cao hơn...

Còn Xasa trợn mắt răn dạy:

- Nhớ lời ông dặn đấy!

Và ngay từ buổi đầu nó đã ra sức lợi dụng mọi quyền hành của nó.

- Casirin,[1] đừng trợn mắt lên như vậy, - lão chủ khuyên nó.

- Không... Có gì đâu, - Xasa trả lời và cúi đầu xuống, nhưng lão chủ chưa tha:

- Đừng có bướng. Khách mua hàng có thể nghĩ rằng mày là một con dê đấy...

Gã quản lí cười nịnh, lão chủ trề môi ra nom thật dị dạng, còn Xasa thì đỏ mặt tía tai chuồn ra phía sau quầy.

Tôi không thích những câu nói như vậy. Có nhiều chữ tôi nghe không hiểu. Đôi lúc tôi có cảm giác như họ nói với nhau bằng tiếng nước ngoài.

Khi nào có một bà khách vào hiệu, lão chủ liền rút tay ra khỏi túi, vuốt vuốt bộ ria mép và gắn lên mặt một nụ cười đến là ngọt ngào làm cho má lão đầy những nếp nhăn, nhưng vẫn không thay đổi được cặp mắt gà mờ của lão. Gã quản lí đứng thẳng người lên, khép chặt cùi tay vào hông, bàn tay trang trọng duỗi ra trong không khí. Xasa thì sợ hãi chớp mắt lia lịa, cố giấu đôi mắt lồi đi. Tôi đứng cạnh cửa, lén gãi tay và theo dõi mọi nghi thức bán hàng.

Gã quản lí quỳ trước bà khách, ướm giày cho bà. Những ngón tay của gã xoè ra khéo léo lạ thường. Tay run rẩy, gã thận trọng chạm vào chân người đàn bà như sợ làm gẫy mất chân người ta, mà chân bà khách thì to tướng, giống như một cái chai bầu bầu dốc ngược.

---

[1] Họ của Xasa.

Có lần một bà khách giãy chân, co dúm người lại, thốt lên:

- Ôi, bác làm tôi buồn cười quá...

- Dạ, chúng tôi làm theo phép lịch sự ạ, - gã quản lí nhanh nhẩu và sôi nổi giải thích.

Thật là buồn cười khi trông gã quấn lấy các bà khách hàng. Tôi phải quay mặt vào tấm kính cửa ra vào để khỏi bật cười. Nhưng không làm sao cưỡng lại được ý muốn theo dõi cảnh mua bán đó, những cử chỉ của gã quản lí làm tôi rất thích thú, bụng tôi thầm nghĩ rằng chẳng bao giờ mình lại có thể xòe tay ra, nhã nhặn được như thế kia, lại có thể ướm giày vào chân kẻ khác một cách khéo léo đến thế được.

Thường thường thì lão chủ hay bỏ vào căn phòng con ở sau quầy hàng và gọi cả Xasa vào theo, để một mình gã quản lí ở ngoài với bà khách. Có lần, sau khi chạm vào chân một bà tóc hung, gã chụm ngón tay lại và hôn vào đầu mấy ngón tay đó.

- Ồ, cái bác này thật là tinh nghịch! - người đàn bà dài giọng ra nói.

Gã phồng má lên và nói một cách khó nhọc:

- Ph... u!

Tôi không nén được, cười phá lên đến nỗi sợ đứng không vững, tôi phải bám vào nắm đấm cửa. Cánh cửa bật ra, tôi đập đầu vào tấm kính và làm vỡ mất một mảng. Gã quản lí lấy chân đạp lên người tôi, lão chủ gõ chiếc nhẫn vàng mặt đá nặng lên đầu tôi. Còn Xasa thì cố sức beo tai tôi. Chiều tối lúc đi về nhà, nó nghiêm khắc bảo tôi:

- Người ta sẽ đuổi mày vì những trò ấy đấy! Hừ, có cái gì đáng buồn cười đâu cơ chứ?

Và nó giảng giải cho tôi rõ: nếu gã quản lí được các bà khách hàng thích thì hiệu sẽ đắt hàng hơn.

- Các bà ấy cũng chẳng cần giày đâu, nhưng vẫn đến mua

thêm một đôi cốt để nhìn bác quản lí dễ thương mà thôi. Có thế mà mày cũng không hiểu. Thật là vất vả vì mày...

Câu nói đó làm tôi rất ức. Có ai vất vả vì tôi đâu, nhất là đối với Xasa thì nó lại càng không hề dính dáng gì đến chuyện này.

Sáng nào mụ bếp - một người đàn bà ốm yếu và hay cáu kỉnh - cũng đánh thức tôi dậy trước Xasa một giờ. Tôi đánh giày, chải áo cho chủ, cho gã quản lí và Xasa, đun ấm xamovar, chuyển củi vào tất cả các bếp lò, cọ rửa bát đĩa chuẩn bị cho bữa ăn trưa. Sau đó tôi ra ngoài hiệu quét nhà, lau bụi, pha trà, đi giao hàng cho khách, rồi về nhà ăn trưa. Trong thời gian đó Xasa làm nhiệm vụ canh cửa thay tôi. Cảm thấy công việc này làm giảm giá trị của mình, nó chửi tôi:

- Đồ bị thịt! Tao phải làm thay cho mày như thế này đây...

Cuộc sống như vậy thật là nặng nề và buồn tẻ đối với tôi. Tôi đã quen sống độc lập từ sáng đến tối trên những đường phố đầy cát ở Cunavino, trên bờ sông Oca ngầu đục, giữa đồng ruộng, trong rừng cây. Thiếu bà ngoại và bè bạn, tôi chẳng biết trò chuyện cùng ai. Mà cuộc đời thì cứ trêu chọc tôi, phơi ra trước mắt tôi cái mặt trái đầy dối trá, xấu xa của nó.

Những khi khách ra khỏi hiệu mà không mua gì, cả ba đều có vẻ bực tức. Lão chủ cất ngay nụ cười ngọt ngào của mình vào túi, ra lệnh:

- Casirin, cất hàng đi!

Và chửi đổng:

- Hừ, đồ con lợn, vục mõm mãi! Con mụ ngu ngốc đó ngồi mãi ở nhà buồn tình nên mới đi lang thang mò vào các hiệu. Mày mà là vợ tao thì cứ gọi là...

Vợ lão chủ là một người đàn bà khô đét, mắt đen, mũi to. Mụ ta thường giậm chân quát tháo lão như quát tháo đầy tớ.

Thường thường sau khi lịch sự cúi đầu chào và nói những câu nhã nhặn tiễn một bà khách quen, họ lại kể với nhau những điều bẩn thỉu, bỉ ổi về bà ta, khiến tôi chỉ muốn chạy ngay ra phố, đuổi kịp khách và kể hết cho bà ta nghe những điều người ta đã nói về bà.

Tất nhiên tôi cũng biết rằng người đời nói chung thường hay nói xấu nhau sau lưng, nhưng đằng này bọn họ bình phẩm mọi người một cách thật quá bỉ ổi, tựa hồ như họ đã được công nhận là những kẻ siêu việt nhất, có quyền phê phán cả thiên hạ. Vì lòng ganh tị nên chẳng bao giờ họ khen ai. Đối với người nào họ cũng moi ra được một điều xấu xa nào đó.

Một lần có một thiếu phụ trẻ tuổi vào hàng. Thiếu phụ có đôi gò má ửng hồng, cặp mắt sáng long lanh. Bà ta khoác một chiếc áo choàng nhung, cổ bọc lông thú đen. Khuôn mặt thiếu phụ nhô lên trên đám lông thú trông như một bông hoa kì diệu. Sau khi cởi áo choàng ra và ném lên tay Xasa, thiếu phụ trông càng diễm lệ. Thân hình cân đối của bà ta bó sát trong tấm áo lụa màu xanh xám, trên tai bà ta óng ánh những hạt kim cương. Trông bà ta giống như Vaxilixa xinh đẹp[1] và tôi chắc đó chính là bà tỉnh trưởng. Bà ta được đón tiếp một cách kính cẩn đặc biệt. Họ cúi rạp xuống trước mặt bà ta như trước mặt nữ hoàng[2] và không ngớt lời tán tụng. Cả ba đều sấp sấp ngửa ngửa lăng xăng trong cửa hàng như một lũ quỷ. Bóng của họ lướt trên các tấm gương của tủ hàng, tựa như xung quanh mọi vật đều bốc cháy, tan biến và sắp hiện ra một cảnh khác, những hình dáng khác.

Nhưng sau khi thiếu phụ chọn mua xong rất nhanh một đôi giày đắt tiền và ra khỏi hiệu rồi, lão chủ liền bập môi một cái và nói, giọng như huýt sáo:

---

[1] Một nhân vật trong các chuyện cổ tích Nga.

[2] Nguyên văn: trước lửa.

- Đồ chó cái...

- Nữ tài tử mà lại! - gã quản lí cũng phụ họa theo với một vẻ khinh khi.

Và họ kể cho nhau nghe về những tình nhân của thiếu phụ, về sự ăn tiêu hoang toàng của bà ta.

Ăn trưa xong, lão chủ ngủ trong căn buồng con sau cửa hiệu. Tôi mở chiếc đồng hồ vàng của lão ra và nhỏ dấm vào. Tôi rất thích thú thấy lão, sau khi thức giấc, cầm đồng hồ từ trong buồng ra ngoài hiệu ngơ ngác lẩm bẩm:

- Quái, sao lại thế này? Tự dưng đồng hồ toát mồ hôi - chưa bao giờ lại có chuyện kì lạ như vậy! Có lẽ là điềm gở chẳng?

Mặc dù suốt ngày chạy ngược chạy xuôi trong hiệu, bận rộn với những công việc ở nhà, tôi vẫn thấy buồn tẻ vô cùng. Càng ngày tôi càng hay nghĩ đến cách làm thế nào để họ có thể đuổi mình ra khỏi hiệu.

Ngoài cửa những khách bộ hành người phủ đầy tuyết lặng lẽ thấp thoáng lướt qua. Có cảm giác như họ đi chôn cất ai, đưa tiễn ai ra nghĩa trang, nhưng vì chậm chân vào giờ khởi hành nên vội vã đuổi theo quan tài. Những con ngựa run rẩy vượt qua các tảng tuyết to một cách khó khăn. Đương tuần chay lớn, hàng ngày những tiếng chuông rầu rĩ từ gác chuông nhà thờ sau cửa hiệu vọng tới. Tiếng chuông như một chiếc gối bông đập vào đầu: không đau, nhưng nó làm cho mình đần độn đi và váng cả óc.

Một hôm, giữa lúc tôi đang tháo một thùng hàng mới về ở ngoài sân cạnh cửa hiệu thì ông già coi nhà thờ đến. Ông già bị vẹo sườn, người mềm như làm bằng giẻ rách. Trông ông lôi thôi lếch thếch như vừa bị chó cắn xé.

- Cháu là con của Chúa, cháu hãy lấy trộm cho ông một đôi giày cao su[1] nào! - ông già gạ gẫm.

---

[1] Một loại giày cao su bọc ngoài giày da để tránh ẩm.

Tôi lặng thinh. Ông già đang ngồi lên chiếc thùng rỗng, ngáp dài, làm dấu thánh giá lên miệng rồi lại nằn nì:

- Thế nào, xoáy cho ông một đôi chứ?

Tôi bảo ông ta:

- Không được ăn cắp!

- Thế mà người ta vẫn ăn cắp đấy cháu ạ. Cháu nên kính trọng tuổi già mới được!

Thật là dễ chịu khi thấy ông già chẳng giống những người đã sống với tôi một tí nào. Tôi cảm thấy rằng ông ta hoàn toàn tin tưởng vào việc tôi sẽ lấy cắp cho ông. Tôi đồng ý sẽ đưa qua chiếc cửa sổ thông hơi cho ông một đôi giày cao su.

- Thế là tốt rồi, - ông già thản nhiên nói, không tỏ vẻ gì là vui mừng, - không lừa ông chứ? Hề hề, ông cũng biết là cháu không lừa ông đâu...

Ông ngồi yên một lúc, lấy đế giày gạt lớp tuyết ướt bẩn, kéo một hơi thuốc trong chiếc tẩu bằng đất nung rồi thình lình dọa tôi:

- Nhưng nếu ta lừa chú thì sao? Ta sẽ mang chính đôi giày cao su đó đến cho ông chủ và nói rằng chú đã bán cho ta để lấy nửa rúp. Chú nghĩ thế nào? Giá đôi giày cao su những hơn hai rúp, vậy mà chú bán chỉ có nửa rúp! Để lấy tiền đi ăn quà mà lại! Chú nghĩ sao?

Tôi sửng sốt nhìn ông già tưởng đâu như ông đã thực hiện điều mình vừa nói, nhưng ông vẫn ngồi nhìn xuống đôi giày của mình, thở phì phèo những luồng khói xanh nhạt, rồi nói nho nhỏ bằng giọng mũi:

- Giả sử như ông chủ bày kế cho ta rằng: lão hãy đi dò thử thằng bé con xem nó ăn cắp tới mức nào, lúc bấy giờ thì chú tính sao?

- Tôi sẽ không cho ông nữa! - tôi cáu kỉnh nói.

- Bây giờ thì muộn mất rồi! Đã hứa là phải cho thôi.

Ông ta cầm tay tôi kéo lại gần, gõ ngón tay cóng lạnh lên trán tôi mà tiếp tục nói một cách uể oải:

- Tại sao tự dưng cháu lại cho như vậy, hả?

- Tại ông xin chứ.

- Ông có thể xin đến hàng trăm thứ nữa! Lỡ ông rủ cháu đi cướp nhà thờ cháu cũng đi à? Có nên tin người như vậy không? Cháu còn dại dột lắm...

Ông đẩy tôi ra, rồi đứng dậy:

- Ông không cần những của ăn cắp đâu! Chẳng phải là giàu có gì mà đi giày cao su. Ông đùa cháu đấy thôi... Còn để khen thưởng lòng chất phác của cháu thì khi nào đến lễ Phục sinh ông sẽ cho cháu lên gác chuông mà kéo chuông, xem thành phố...

- Cháu đã biết thành phố rồi.

- Nhưng đứng trên gác chuông trông xuống đẹp hơn nhiều...

Rồi ông chậm chạp đi về phía góc sau nhà thờ, mũi giày sục vào trong tuyết. Tôi nhìn theo, buồn bã và kinh hãi nghĩ: có thật là ông già đùa mình hay là do lão chủ phái đến để thử mình? Tôi sợ không dám bước vào hiệu.

Bống Xasa vụt chạy ra sân và kêu lên:

- Mày làm quái gì mà lâu thế!

Tôi nổi cáu, vung chiếc kìm lên.

Tôi vẫn biết Xasa và gã quản lí thường lấy cắp của lão chủ. Họ giấu từng đôi giày, đôi dép vào ống lò sưởi, đến khi về thì đút vào trong ống tay áo bành tô. Tôi không ưa việc đó và nhớ đến lời dọa của lão chủ, tôi đâm lo.

- Mày ăn cắp à? - tôi hỏi Xasa.

- Không phải tao mà là bác quản lí đấy, - Xasa nghiêm khắc giải thích, - tao chỉ giúp bác ta thôi. Bác ấy nhờ tao giúp. Tao phải nghe lời, nếu không bác ta sẽ gây nhiều trò đê

tiện với mình. Lão chủ ấy à! Lão ta trước kia cũng đã từng làm quản lí, lão còn lạ gì! Còn mày thì cứ câm họng lại!

Vừa nói nó vừa nhìn vào gương, sửa lại chiếc ca vát với những ngón tay xoè ra một cách thiếu tự nhiên như gã quản lí thường làm. Nó luôn luôn tỏ ra ta đây hơn tuổi và có uy quyền đối với tôi, quát tháo tôi bằng một giọng ồm ồm, mỗi khi sai bảo điều gì thì lại vung tay ra phía trước nom đến ghét.

Tôi cao hơn và khỏe hơn nó, nhưng gầy gò, vụng về, còn nó thì người đầy đặn, mỡ màng và mềm mại. Trông nó có vẻ đường hoàng trong chiếc áo khoác ngắn và chiếc quần bỏ ra ngoài ủng. Nhưng trông con người nó vẫn có một vẻ gì khó chịu, buồn cười. Nó rất ghét mụ bếp, một mụ đàn bà lạ lùng, khó mà biết được mụ hiền lành hay độc ác.

- Trên đời này tao thích nhất các cuộc đánh nhau, - mụ nói, giương to cặp mắt đen đầy nhiệt tình, - bất kì cuộc nào: chọi gà, chó cắn nhau, người vật nhau đều thế cả!

Hễ ngoài sân có gà hay chim cu cu chọi nhau là mụ vứt ngay công việc đấy rồi đứng ngây người nhìn qua cửa sổ theo dõi cuộc kịch chiến cho đến khi kết thúc mới thôi. Chiều nào mụ cũng giục tôi và Xasa:

- Này, lỏi con, sao lại ngồi suông thế? Đánh nhau có hơn không?

Xasa cáu lên:

- Tôi không phải lỏi con của mụ, mụ nỡm ạ! Tôi là phó quản lí!

- Hừ, tao chẳng biết phó phiếc gì cả, đối với tao thì đứa nào chưa vợ đều là nhóc con tất.

- Mụ nỡm, sao mụ ngu ngốc thế...

- Quỷ sứ dù có thông minh thì Thượng đế cũng chẳng yêu nào.

Những câu ví von của mụ làm Xasa càng cáu tiết. Nó nhại lại mụ. Mụ lườm nó một cách khinh bỉ và nói:

- Mày là đồ bọ hung[1]. Trời nhầm đấy thôi!

Nhiều lần Xasa xui tôi nhằm lúc mụ ngủ bôi xi đen hay nhọ nồi lên mặt mụ, cắm đinh ghim vào chiếc gối của mụ hoặc tìm cách gì đó "đùa" mụ, nhưng tôi sợ không dám làm. Hơn nữa mụ rất tỉnh ngủ và hay thức giấc. Thức dậy, mụ thắp đèn, ngồi trên giường nhìn vào một góc nào đó. Đôi khi mụ lại chỗ tôi nằm phía sau lò sưởi, đánh thức tôi dậy và nói, giọng khàn khàn:

- Mụ không sao ngủ được, Lecxeica[2] ạ. Trong người cứ bồn chồn lo sợ thế nào ấy! Chú nói chuyện với mụ đi!

Trong lúc nửa mơ nửa tỉnh không hiểu tôi đã kể với mụ những gì. Mụ ngồi lặng lẽ, người lắc lư. Tôi có cảm giác như thân thể nóng bừng của mụ có thoảng mùi trầm, mùi nến và tưởng như mụ sắp chết đến nơi. Rất có thể là ngay bây giờ mụ sẽ ngã sấp mặt xuống sàn mà chết. Tôi nói to lên để át ý nghĩ kinh khủng đó, nhưng mụ ngăn tôi lại:

- Xuyt..., nói khẽ chứ, kẻo bọn điếm cáng kia thức giấc lại ngỡ chú là tình nhân của mụ đấy...

Bao giờ mụ cũng ngồi cạnh tôi theo một kiểu: lưng khom khom, hai tay thu vào bụng, hai đầu gối xương xẩu kẹp chặt lấy bàn tay. Vú mụ lép kẹp. Thậm chí những chiếc xương sườn nhô ra dưới lần áo gai dày trông hệt như những vành đai của một chiếc thùng khô rạn. Mụ ngồi lặng hồi lâu rồi bỗng thầm thì:

- Thà chết quách đi còn hơn là cứ buồn phiền thế này...

Và như hỏi một người nào:

- Sống thế là đủ rồi đấy, còn gì nữa?

---

[1] Nguyễn văn: con gián.

[2] Tức Alecxei, một lối gọi âu yếm.

- Thôi, ngủ đi! - mụ ngắt lời tôi đang kể, rồi vươn vai, lặng lẽ biến trong màn đen tối của căn bếp.

- Thật là một mụ phù thủy! - Xasa nói sau lưng mụ như vậy.

Tôi bảo nó:

- Mày cứ nói thẳng vào mặt mụ ấy xem nào!

- Mày tưởng tao sợ à? - Xasa nói, nhưng rồi nhăn mặt lại ngay. - Thôi, chẳng dại gì mà nói. Lỡ mụ là phù thủy thật thì cũng phiền...

Vốn quen khinh miệt và hay nổi nóng với mọi người, nên cả đối với tôi, mụ cũng chẳng nể nang gì. Mới sáu giờ sáng mụ đã lôi chân tôi và quát tháo:

- Ngủ thế là đủ chảy thây ra rồi! Khuân củi vào đây! Đặt ấm xamovar lên! Gọt khoai đi!

Xasa chợt thức giấc càu nhàu:

- Mụ réo cái gì đấy? Không còn cho ai ngủ nữa. Tôi sẽ mách ông chủ cho mà xem...

Di chuyển bộ xương khô khẳng của mình thoăn thoắt trong gian bếp, mụ ngoảnh lại nhìn Xasa bằng đôi mắt đỏ ngầu vì mất ngủ.

- Thật là trời nhầm! Mày mà là con tao thì tao đã vặt trụi lông mày đi.

- Đồ chết giẫm, - Xasa rủa mụ, và khi đi từ nhà tới hiệu, nó bảo tôi: - Phải làm cho người ta tống cổ mụ đi mới được. Phải lén bỏ muối vào các món thức ăn. Nếu cái gì cũng mặn quá, người ta sẽ đuổi mụ đi. Không thì đổ dầu hỏa càng tốt! Mày còn đợi gì nữa mà không làm?

- Thế sao mày không làm?

Nó "xì" một tiếng có vẻ cáu kỉnh:

- Đồ hèn nhát!

Mụ bếp đã chết ngay trước mắt chúng tôi: mụ đang cúi

xuống để bưng ấm xamovar lên, thì bỗng ngồi thụp xuống sàn như bị người nào hích vào ngực. Mụ lặng lẽ ngã nghiêng người, hai tay duỗi ra phía trước, máu ộc ra miệng.

Hai đứa chúng tôi hiểu ngay là mụ đã chết, nhưng vì kinh hãi quá nên cứ đứng nép vào nhau nhìn mụ hồi lâu mà không thốt lên được một lời nào. Cuối cùng Xasa ba chân bốn cẳng chạy vụt ra khỏi bếp. Còn tôi thì không biết làm gì, chỉ ép mãi người về phía ánh sáng bên cửa sổ.

Lão chủ vào, lo lắng ngồi xổm bên cạnh, đưa ngón tay sờ vào mặt mụ bếp rồi nói:

- Chết thật rồi... Sao lại thế này?

Lão đi tới góc nhà, làm dấu trước tượng thánh "Nicola anh linh". Cầu nguyện xong, lão truyền lệnh ra nhà ngoài:

- Casirin, chạy đi báo cảnh sát!

Một viên cảnh sát đến. Y đứng quanh quẩn một lúc, nhận tiền thù lao rồi bỏ đi. Một lát sau y lại đến, mang theo một người đánh xe ngựa. Kẻ nâng đầu, người đỡ chân, họ khiêng mụ bếp ra ngoài đường.

Từ nhà ngoài, mụ chủ thò đầu ra sai tôi:

- Mày lau sàn đi nhé!

Lão chủ nói:

- Cũng may mà nó chết vào buổi chiều đấy...

Tôi không hiểu tại sao như thế là may. Khi đi ngủ, Xasa nói với tôi bằng một giọng dịu dàng khác thường:

- Đừng tắt đèn nhé!

- Mày sợ à?

Nó kéo chăn trùm đầu và nằm yên lặng một lúc lâu. Đêm tĩnh mịch tựa như đang lắng nghe, chờ đợi một cái gì. Tôi có cảm giác như chỉ phút chốc nữa người ta sẽ rung chuông báo động và nhân dân cả thành phố sẽ kéo nhau chạy, vừa hốt hoảng vừa la hét ầm ĩ.

Xasa ló mũi ra khỏi chăn, khe khẽ rủ:

- Ta leo lên lò sưởi nằm với nhau đi!

- Trên ấy nóng lắm!

Sau một lúc yên lặng, nó nói:

- Mụ ta chết nhanh nhỉ? Đúng là một mụ phù thủy!... Tao không làm sao mà ngủ được!...

- Tao cũng khó ngủ quá.

Xasa liền kể cho tôi nghe những chuyện về người chết. Họ chui ra khỏi mộ, đi lang thang đến nửa đêm trong thành phố để tìm nơi ở cũ, tìm họ hàng thân thuộc của mình.

- Ma chỉ nhớ có thành phố thôi, - Xasa thì thào nói, - nó không nhớ phố và số nhà đâu.

Không khí như trầm lặng hẳn xuống. Trời như tối hơn. Xasa ngóc đầu lên hỏi tôi:

- Mày có muốn xem hòm của tao không?

Đã từ lâu tôi muốn biết nó giấu những gì trong hòm. Nhưng nó khóa hòm bằng một ổ khóa treo, lúc nào mở cũng nhìn trước nhìn sau cẩn thận. Nếu bắt gặp tôi định ngó xem, nó hỏi một cách thô bạo:

- Mày muốn cái gì? Hử?

Thấy tôi đồng ý, nó ngồi trên giường không cho chân xuống sàn và lên giọng sai tôi bưng hòm đặt lên giường sát tận chân nó. Chiếc chìa khóa cùng với cây thánh giá được đeo ở trước ngực nó. Sau khi nhìn quanh các góc bếp tối om, nó trịnh trọng mở khóa, rồi thổi lên nắp hòm tựa như nóng lắm, sau đó mới hé nắp hòm, lôi vài bộ quần áo ra ngoài.

Một nửa hòm chất đầy những vỏ hộp thuốc, những bó giấy gói chè đủ các màu, những vỏ hộp đựng xi, đựng cá trích...

- Gì thế này?

- Rồi mày sẽ thấy...

Nó cúi lom khom trên chiếc hòm, hai chân cặp chắc lấy và hát nho nhỏ:

- Lạy Cha ở trên trời...

Tôi chờ đợi được trông thấy các đồ chơi: xưa nay tôi chưa bao giờ có lấy một thứ đồ chơi gì. Bề ngoài, tôi có vẻ khinh thường, nhưng trong bụng vẫn ngầm ganh tị với những kẻ có đồ chơi. Tôi rất thích thấy một tay chững chạc như Xasa mà cũng có đồ chơi. Mặc dầu nó xấu hổ vì chuyện đó và che giấu tôi, nhưng tôi rất thông cảm với sự xấu hổ đó.

Mở chiếc hộp đầu tiên, nó lôi ra một cái gọng kính, đeo lên mũi, rồi vừa nhìn tôi một cách đạo mạo vừa nói:

- Tuy không có mắt nhưng cũng chẳng sao. Như thế này cũng đã là kính rồi!

- Đưa tao xem nào!

- Không hợp với mắt mày đâu! Kính này dùng cho mắt màu sẫm, còn mắt mày thì trong quá, - nó giảng giải như vậy và đằng hắng như lão chủ, nhưng đột nhiên hốt hoảng nhìn quanh bếp.

Trong vỏ hộp xi có đựng nhiều loại khuy khác nhau. Nó kiêu hãnh giải thích:

- Tất cả những cái này tao đều nhặt ở ngoài phố đấy. Đã được ba mươi bảy cái rồi...

Hộp thứ ba đựng đầy kim găm to bằng đồng - cũng đều nhặt được ở ngoài phố. Rồi đến các loại cá đế giày, có cái mòn cũ, có cái gẫy, có cái còn nguyên, những khóa giày, khóa dép, một quả đấm cửa bằng đồng, mảnh cán ngà gẫy của chiếc can, một chiếc lược cài đầu của con gái, một quyển *Đoán mộng và bói toán* cùng vô số những vật linh tinh đại loại như thế.

Trong cái nghề đi lượm giẻ rách và xương xẩu của tôi, tôi có thể dễ dàng sưu tầm những của vớ vẩn này nhiều gấp mười lần trong vòng một tháng. Những đồ của Xasa làm tôi thất vọng. Tôi thấy ngượng ngùng và xót xa thương hại nó.

Còn nó thì vẫn chăm chú xem xét từng cái một, vuốt ve chúng một cách trìu mến, đôi môi dày của nó trịnh trọng bĩu ra, cặp mắt lồi nhìn một cách xúc động và lo âu. Nhưng cái kính làm cho khuôn mặt non trẻ của nó trở nên buồn cười.

- Mày lấy những cái này làm gì?

Nó thoáng nhìn tôi qua cặp gọng kính rồi hỏi bằng giọng lanh lảnh:

- Mày có muốn tao cho mày một cái gì không?

- Không, tao chẳng cần...

Rõ ràng bị chạm tự ái vì tôi từ chối và hờ hững với kho tàng của mình, nó yên lặng một lúc rồi khẽ nói:

- Đem khăn mặt lại đây, ta cùng lau tất cả đi, bụi lắm...

Khi đã lau chùi và cất các đồ vật đi rồi, nó lại nhảy tót vào chăn, nằm quay mặt vào tường. Trời đổ mưa, nước nhỏ giọt từ mái xuống. Gió đập vào cửa sổ.

Xasa nói, không quay mặt về phía tôi:

- Chờ đấy khi nào khô ráo, tao sẽ cho mày xem cái này trong vườn. Cứ gọi là choáng người ra kia!

Tôi lặng thinh nằm ngủ.

Sau chừng vài giây, Xasa đột nhiên vùng dậy cào vào tường và nói với giọng đầy khích động:

- Con sợ quá... Lạy Chúa, con sợ quá mất thôi! Xin Chúa che chở cho con! Sao thế này?

Tôi sợ cứng người lại. Tôi tưởng như cạnh cái cửa sổ nhìn ra sân, mụ bếp đang đứng quay lưng lại tôi, đầu cúi xuống, trán áp vào cửa kính, giống hệt như hồi mụ đang còn sống đứng xem chọi gà vậy.

Xasa nức nở, tay vẫn cào tường, hai chân run giật. Tôi không nhìn xung quanh, lần qua bếp một cách khó nhọc như người bước trên đống than hồng, lại nằm bên cạnh Xasa. Khóc một lúc mệt quá, chúng tôi ngủ thiếp đi.

Sau đó ít hôm là ngày hội. Cửa hàng mở bán đến trưa, sau đó mọi người ăn cơm ở nhà. Khi lão chủ ăn xong đi ngủ, Xasa bảo tôi với một vẻ bí mật:

- Đi ra đây!

Tôi đoán ngay là bây giờ tôi sẽ được xem "cái này" của nó - cái khiến tôi phải choáng người ra đây.

Chúng tôi ra vườn. Trên một dải đất hẹp, mười lăm cây bồ đề già đứng giữa hai ngôi nhà, thân to phủ rêu xanh mượt như nhung; những cành trụi lá đen đủi nhô lên im lìm vắng lặng. Không có lấy một tổ quạ nào giữa những cành cây đó. Dãy cây đứng như những tấm bia trên nghĩa địa. Ngoài những cây bồ đề ấy ra, trong vườn không có một bụi cây, một đám cỏ nào cả. Đất trên các lối đi bị giẫm nhiều, đen như gang. Ngay những khoảnh đất loang lổ phía dưới đám lá khô từ năm ngoái còn lại, cũng phủ một lớp mốc trông như váng bèo trên mặt nước ao tù.

Xasa đi ra phía góc hàng rào cạnh đường phố và dừng lại dưới một gốc cây bồ đề. Nó trố mắt nhìn lên những cửa sổ mờ đục của nhà hàng xóm, rồi ngồi xổm xuống, lấy tay bới đám lá, để lộ ra một chiếc rễ cây lớn, hai bên chèn hai hòn gạch sâu xuống đất. Nó nhấc gạch lên. Dưới hai hòn gạch là một tấm tôn. Dưới tấm tôn còn một mảnh ván hình vuông.

Cuối cùng trước mắt tôi hiện ra một cái hang to nằm sâu dưới rễ cây.

Xasa đánh diêm, đốt một mẩu nến cháy dở, luồn mẩu nến vào trong hang và bảo tôi:

- Nhìn xem! Cốt là đừng có sợ...

Nhưng rõ ràng là chính nó cũng sợ. Mẩu nến trong tay nó rung rung. Mặt nó tái lại, đôi môi trễ ra nom rất khó coi, cặp mắt trở nên ươn ướt. Nó giấu cánh tay kia ra sau lưng. Sự kinh hãi của nó cũng lây sang tôi. Tôi dè dặt nhìn vào cái

hang dưới rễ cây. Khúc rễ làm thành vòm hang. Trong cùng hang, Xasa đốt lên ba ngọn nến, khiến cả hang tràn ngập một ánh sáng xanh nhờ nhờ. Hang khá to, sâu như một chiếc thùng, nhưng rộng hơn, hai bên thành lát toàn bằng những miếng kính xanh đỏ và những mảnh ấm chén trà vỡ. Giữa hang, trên một mô đất phủ vải đỏ là một chiếc quan tài nhỏ bọc giấy thiếc, một nửa quấn bằng một miếng vải liệm giống như gấm. Từ dưới tấm vải liệm nhô ra chiếc chân chim xám ngắt và một cái đầu chim sẻ mỏ nhọn hoắt. Một cái bàn thờ nhỏ cao lên sau chiếc quan tài, trên có để một cây thánh giá nhỏ bằng đồng mà người ta thường đeo trước ngực. Xung quanh bàn thờ, ba mẩu nến đang cháy trên những chân nến quấn giấy trang kim bọc kẹo.

Những đầu ngọn lửa đều hướng về phía cửa hang. Các tia lửa, các đốm xanh đỏ tím vàng chiếu sáng lờ mờ bên trong. Mùi sáp nến, mùi xác rữa và mùi đất nồng nồng phả vào mặt tôi. Những mảnh cầu vồng nhảy nhót, lấp lánh trước mặt tôi. Tất cả những thứ đó gây nên một nỗi kinh ngạc nặng nề trong lòng tôi khiến tôi không cảm thấy sợ nữa.

- Có đẹp không? - Xasa hỏi.

- Cái này để làm gì thế?

- Miếu thờ đấy, - nó giải thích. - Có giống không?

- Tao cũng chẳng biết nữa.

- Con chim sẻ là người chết đấy! Xác nó có thể thành thánh tích vì nó là kẻ vô tội bị hành hạ...

- Mày nhặt được xác nó à?

- Không, nó bay vào nhà kho, tao lấy mũ úp được và bóp chết.

- Sao lại làm thế?

- Thích thì làm...

Nó nhìn vào mắt tôi và lại hỏi:

- Có đẹp không?

- Không!

Thế là nó cúi xuống hang, đậy nhanh mảnh ván và tấm tôn lên, chèn hai hòn gạch, đứng dậy, phủi bụi ở đầu gối và nghiêm khắc hỏi tôi:

- Tại sao mày không thích?

- Tội nghiệp cho con sẻ quá!

Nó nhìn tôi với cặp mắt đờ đẫn như mắt người mù rồi hích vào ngực tôi, quát lên:

- Đồ ngốc! Đó là vì mày ghen tị nên mới nói không thích! Mày tưởng trong vườn nhà mày ở phố Canatnaia đẹp hơn thế đấy hẳn?

Tôi nhớ đến chiếc nhà nghỉ mát con con của tôi và rắn rỏi trả lời:

- Đẹp hơn hẳn chứ lị!

Xasa liền cởi áo ngoài ném xuống đất, xắn tay áo lên, rồi nhổ nước bọt vào lòng bàn tay, đề nghị:

- Nếu vậy thì đánh nhau!

Tôi không muốn đánh nhau. Một nỗi buồn man mát đè nặng lên người tôi. Nhìn bộ mặt hùng hổ của thằng em họ, tôi thấy khó chịu.

Nó nhảy xổ lại tôi, húc đầu vào ngực, đè ngửa tôi ra, rồi ngồi lên mình tôi, hét:

- Muốn sống hay chết?

Nhưng tôi khỏe hơn nó và đã nổi cáu lên. Chỉ một phút sau, nó đã nằm úp xuống đất, tay duỗi sau đầu, thở khò khè. Tôi sợ hãi định nâng nó dậy, nhưng nó vùng, nó đạp khiến tôi càng thêm lo sợ. Tôi lùi sang một bên, không biết làm thế nào, còn nó thì ngóc đầu lên nói:

- Thế nào, thắng rồi chứ? Tao cứ nằm ở đây cho đến khi nào nhà chủ trông thấy. Bấy giờ tao mới kể tội mày và người ta sẽ tống cổ mày đi.

Nó la chửi, dọa dẫm. Những lời nói của nó làm tôi nổi xung. Tôi chạy lại cái hang, giật tung gạch ra, lôi chiếc quan tài cùng con chim sẻ ném qua bờ rào ra ngoài đường, phá phách mọi thứ trong hang và giậm chân lên trên hang.

- Đây này, thấy chưa?

Trước hành động hung bạo của tôi, Xasa có một thái độ lạ lùng: nó ngồi trên mặt đất, miệng hơi mở, lông mày nhíu lại, lặng lẽ theo dõi tôi, không nói một lời nào. Khi tôi làm xong, nó thong thả đứng dậy, phủi bụi, khoác áo ngoài lên vai rồi bảo tôi với vẻ bình tĩnh và dọa nạt:

- Rồi mày sẽ thấy hậu quả. Cứ chờ đấy. Đó là tao cố tình làm cho mày mắc phải. Chính là phép phù thủy đấy! Thế nào?...

Tôi ngồi thụp xuống, tựa như bị những lời nói của nó đánh gục. Toàn thân tôi lạnh toát. Còn nó thì bỏ đi không ngoái lại. Vẻ bình tĩnh của nó càng làm cho tôi cảm thấy nặng nề thêm.

Tôi định ngay ngày mai sẽ trốn khỏi thành phố, rời bỏ Xasa cùng với những trò phù thủy của nó, rời bỏ cái cuộc sống buồn tẻ và ngu ngốc này.

Sáng hôm sau, mụ bếp mới đánh thức tôi dậy và bỗng kêu lên:

- Eo ơi! Mặt mũi sao thế kia...

"Chết, phép phù thủy bắt đầu rồi", - tôi lo lắng nghĩ bụng.

Nhưng mụ bếp lại cười rũ rượi khiến tôi tự nhiên cũng phì cười và nhìn vào tấm gương của mụ: mặt tôi bị trát đầy bồ hóng.

- Xasa bôi phải không?

- Dễ thường tao đấy hẳn! - mụ bếp vừa cười vừa kêu lên.

Tôi bắt đầu đánh giày. Vừa thò tay vào trong giày thì một chiếc đanh ghim đã đâm vào ngón tay tôi.

"À, phép phù thủy đấy!"

Trong chiếc giày nào cũng có kim và danh ghim cắm rất khéo nên đã đâm vào lòng bàn tay của tôi. Tôi liền múc một gầu nước lạnh và giội một cách vô cùng thích thú lên đầu tên phù thuỷ đang còn ngủ hoặc đang vờ ngủ kia.

Nhưng dầu sao tôi vẫn cảm thấy khó chịu. Lúc nào tôi cũng mường tượng thấy chiếc quan tài với con chim sẻ, đôi chân xám ngắt, cong queo và chiếc mỏ màu sáp vểnh lên một cách dáng thương, xung quanh là những tia lửa nhiều màu sắc lập loè nối tiếp nhau hiện ra như muốn kết thành một cái cầu vồng nhưng không sao kết được. Chiếc quan tài rộng ra, những móng chân chim phình to, kéo dài lên trên và run rẩy sống lại.

Tôi quyết định trốn vào buổi tối hôm ấy. Nhưng trước bữa ăn, trong khi nấu một nồi xúp cải bắp trên bếp cồn, vì mải suy nghĩ để canh sôi sùng sục, tôi bèn vội tắt lửa và làm đổ lật cả xoong canh lên tay. Thế là người ta đưa tôi vào nhà thương.

Tôi còn nhớ mãi cơn ác mộng nặng nề khi nằm ở nhà thương. Những hình dáng xám và trắng quấn vải liệm cựa quậy, ú ớ, rền rĩ trong khoảng không trống rỗng, rung rinh và nhờ nhờ vàng. Một người dài ngoẵng có bộ lông mày giống như đôi ria mép, đi chống nạng, vừa lúc lắc bộ râu cằm rậm đen, vừa nức nở rít lên:

- Ta sẽ thưa với giá... áo... chủ...ủ...

Dãy giường giống như những chiếc quan tài. Bệnh nhân nằm hếch mũi lên như những con chim sẻ chết. Những bức tường vàng chập chờn. Trần nhà căng ra như một cánh buồm. Sàn nhà rung rinh, lúc thì đưa những dãy giường lại gần nhau, lúc thì đẩy chúng rời xa nhau. Mọi vật đều không vững chắc, làm cho người ta sợ hãi. Ngoài cửa sổ, những nhánh cây nhô lên như những chiếc roi do một người nào đó lúc lắc.

Một "xác chết" gầy gò, tóc hung, đang nhảy nhót trong khung

cửa ra vào. Anh ta kéo chiếc áo liệm của mình bằng đôi tay ngắn ngủn và rít lên the thé:

- Tôi không cần lũ điên ở đây!

Còn người chống nạng thì ghé vào tai người kia mà hét:

- Tao sẽ thưa với giá... áo... chủ...ủ...

Ông bà tôi và mọi người thường nói ở nhà thương người ta làm chết bệnh nhân. Tôi cho rằng đời mình thế là xong. Một người đàn bà deo kính đến bên tôi. Bà ta cũng mặc áo vải liệm trắng và viết gì đó trên một tấm bảng đen ở đầu giường tôi. Cục phấn vỡ ra, bụi phấn rắc lên đầu tôi.

- Tên em là gì? - bà ta hỏi.

- Chẳng là gì cả.

- Em có tên cơ mà?

- Không có.

- Này, đừng có trẻ ranh, người ta nện cho đấy!

Trước khi bà ta nói, tôi cũng đã nghĩ rằng người ta sẽ nện tôi, vì thế tôi không trả lời nữa. Bà ta giận dữ phì phì như con mèo và cũng nhẹ nhàng như con mèo lẳng lặng đi ra.

Hai chiếc đèn được thắp lên, những ngọn lửa vàng lủng lẳng dưới trần giống như những con mắt của ai bị bỏ quên đang treo và nhấp nháy, vừa chói sáng một cách khó chịu, vừa cố xích lại gần nhau.

Trong góc nhà có người nói:

- Chơi bài nhé!

- Tớ mất tay rồi còn chơi gì nữa?

- A, họ cắt mất tay cậu rồi nhỉ?

Tôi lập tức suy luận: đấy, họ đã cắt tay những người nào chơi bài. Còn tôi thì họ sẽ làm gì đây trước khi giết chết tôi?

Tay tôi nóng bỏng và nhức nhối tựa như bị ai rút xương ra. Tôi khóc thút thít vì đau đớn và sợ hãi. Muốn cho người ta khỏi thấy nước mắt, tôi nhắm mắt lại. Nhưng nước mắt cứ nâng mí mắt lên, chảy qua thái dương, nhỏ vào tai.

Đêm đến, mọi người lăn kềnh ra giường và nấp dưới những chiếc chăn xám. Không khí mỗi lúc một trầm lặng hơn, chỉ có một người nào đó phía góc nhà lẩm bẩm:

- Chẳng ăn thua gì đâu. Lão ta là đồ đểu, còn mụ ta cũng là loại bỏ đi...

Tôi muốn viết thư gọi bà tôi đến để đưa trộm tôi ra khỏi nhà thương trong lúc tôi đang còn sống, nhưng không sao viết được: tay tôi không cử động được và cũng chẳng có gì để mà viết. Hay thử xem có thể chuồn ra khỏi nơi này không.

Đêm càng trở nên trầm lắng như ngưng đọng lại mãi mãi. Tôi nhẹ nhàng thả chân xuống sàn và đi ra cửa. Chiếc cửa hé mở một cánh. Dưới ngọn đèn ngoài hành lang, trên một chiếc ghế gỗ dài có lưng tựa, một cái đầu tóc bạc lởm chởm như lông nhím đang nhô lên và toả khói, đôi hõm mắt đen ngòm đang nhìn về phía tôi. Tôi không kịp nấp nữa.

- Ai đi lang thang đấy? Lại đây!

Giọng nói nhẹ nhàng, không đáng sợ. Tôi lại gần và nhìn vào bộ mặt tròn lởm chởm những sợi râu ngắn. Tóc trên đầu dài hơn và tủa ra khắp tứ phía bao lấy chiếc đầu bằng những sợi cước bạc. Bên sườn người ấy đeo một chùm chìa khoá. Giá râu tóc ông ta dài chút nữa thì ông ta sẽ giống thánh tông đồ Fero đấy.

- Tay bỏng à? Đêm hôm sao cháu còn đi lang thang ở đấy. Ai cho phép?

Ông ta phả hàng đống khói vào ngực và mặt tôi, rồi lấy bàn tay ấm áp ôm cổ tôi, kéo lại gần mình:

- Cháu sợ hả?

- Cháu sợ!

- Ở đây ai mới đến cũng sợ cả. Nhưng chẳng có gì đáng sợ đâu. Nhất là với bác. Chẳng bao giờ bác để cho ai phải mất lòng... Cháu có muốn hút thuốc không? Phải, đừng hút làm gì. Đang còn sớm đối với cháu, chờ chừng hai năm nữa... Cha mẹ

cháu ở đâu? Không có cha mẹ à? Ồ, cũng chẳng sao. Không có họ, chúng ta vẫn cứ sống được, nhưng cốt đừng sợ. Cháu hiểu chứ?

Đã từ lâu tôi không thấy ai biết nói chuyện một cách giản dị và thân mật bằng những lời dễ hiểu như vậy. Tôi lắng nghe bác ta một cách thích thú không thể tả được.

Khi bác dẫn tôi về giường của tôi, tôi yêu cầu:

- Bác ngồi đây với cháu!

- Được, - bác đồng ý.

- Bác là ai vậy?

- Bác ấy à? Bác là lính, một người lính chính cống, lính Cavcaz. Bác đã từng tham gia chiến tranh. Làm thế nào khác được? Lính sống vì chiến tranh mà lại! Bác đã đánh nhau với người Hungari, người Tseckec, người Ba Lan,[1] nhiều vô kể. Chiến tranh là một trò đùa ghê gớm, cháu ạ!

Tôi nhắm mắt lại một lúc. Khi mở mắt ra, tôi thấy bà tôi mặc áo sẫm đang ngồi ở chỗ người lính, còn bác ta thì đứng bên cạnh bà và nói:

- Thế nào, cụ? Ông bà ấy chết cả rồi à?

Ánh nắng đùa giỡn trong phòng làm óng vàng mọi vật rồi trốn đi, sau đó lại ngó nhìn vào mọi người một cách chói chang tựa như một đứa trẻ nghịch ngợm.

Bà tôi cúi xuống hỏi tôi.

- Thế nào cháu? Chúng hành hạ cháu như vậy đấy à? Bà đã bảo ông cháu, cái lão quỷ tóc hung ấy rằng...

- Bây giờ tôi sẽ thu xếp mọi việc cho đâu vào đấy, - người lính nói và bỏ đi, còn bà tôi thì chùi nước mắt trên mặt và nói:

- Bác ấy là lính vùng ta, dân Balakhna đấy...

Tôi vẫn tưởng rằng mình đang nằm mơ nên lặng thinh. Bác

---

[1] Ý nói những cuộc đàn áp của quân đội Nga hoàng đối với cuộc cách mạng 1848 ở Hungari và cuộc khởi nghĩa 1863 ở Ba Lan.

sĩ đến thay băng cho tôi. Thế rồi tôi cùng với bà tôi đi xe ngựa trên các đường phố. Bà tôi kể lể:

- Ông cháu đến điên mất thôi. Ông trở nên bủn xỉn quá quắt, thật đau lòng! Đã thế gần đây lão thợ lông thú Khlưxt lại còn rút mất của ông một tờ bạc trăm rúp để ở trong quyển Thánh thi nữa chứ. Bạn mới của ông đấy! Thật đáng đời cháu ạ!

Mặt trời chói lọi. Những đám mây trôi trên bầu trời như những con chim trắng. Hai bà cháu đi trên những tấm ván bắc qua sông Volga. Mặt băng phồng lên, kêu lào xào. Nước ộc ách dưới những tấm ván cầu. Những chiếc thánh giá vàng rực trên ngôi nhà thờ màu đỏ loẹt bên hội chợ. Chúng tôi gặp một người đàn bà mặt to ôm một bó những cành liễu mềm mại trong tay - mùa xuân đang đến, sắp đến lễ Phục sinh rồi!

Tim tôi hồi hộp nhảy nhót như con chim sơn ca.

- Bà ơi, cháu yêu bà lắm!

Câu nói đó không làm bà ngạc nhiên. Bà tôi bình thản đáp:

- Bởi vì cháu là ruột thịt của bà. Bà chẳng nói khoe chứ ngay đến những người dưng nước lã cũng yêu bà nữa cơ. Lạy Đức Mẹ!

Bà mỉm cười nói thêm:

- Đấy, Đức Mẹ sắp đến ngày vui mừng rồi, con của Đức Mẹ sắp sống lại rồi. Còn Variusa,[1] con gái tôi...

Và bà nín lặng...

II

Ông tôi gặp tôi ở ngoài sân. Ông đang quỳ cầm rìu dẽo một cái chêm. Ông giơ rìu lên tựa hồ định quẳng nó lên đầu tôi, rồi bỏ mũ xuống mà nói với vẻ giễu cợt:

---

[1] Túc Vacvara, mẹ Gorki.

- Xin chào ngài, xin chào Đức Ông ạ! Ngài đã hết nhiệm kì phục vụ rồi à? Thôi được, bây giờ ngài muốn sống thế nào thì sống, phải! Ôi chao, lũ chúng bay... y... y thật là...

- Chúng tôi biết rồi, chúng tôi biết rồi! - Bà tôi vội nói và xua tay đuổi ông tôi. Sau khi vào trong phòng và nhóm ấm xamovar lên, bà kể lể:

- Ông cháu bây giờ hết sạch sành sanh rồi. Có bao nhiêu tiền đều cho thằng Nicolai con đỡ đầu vay lấy lãi, nhưng biên lai thì chắc lại không lấy. Bà cũng chẳng hiểu công việc ra sao, chỉ biết là sau đó ông cháu bị phá sản, tiền của mất hết. Tất cả những việc đó đều do tại chúng ta không giúp đỡ người nghèo khổ, không thương xót kẻ hoạn nạn. Chúa mới nghĩ: "Tại sao mình lại ban phước cho nhà Casirin?" Chúa nghĩ thế và lấy hết...

Bà nhìn quanh, rồi nói cho tôi biết:

- Bà cũng cố gắng làm cho Chúa vui lòng đôi chút để Chúa giảm bớt hình phạt đối với ông cháu. Dạo này bà thường lấy tiền kiếm được đêm đêm kín đáo mang đi bố thí. Cháu có muốn thì hôm nay đi với bà: bà có tiền đấy!

Ông tôi chợt tới, nheo mắt hỏi:

- Định chén đấy à?

- Không phải việc của ông! - bà tôi nói. - Nếu muốn ăn thì ngồi xuống đây với chúng tôi. Đủ cho cả ông nữa đấy!

Ông ngồi vào bàn, nói khẽ:

- Rót cho một cốc...

Mọi vật trong phòng đều nằm nguyên ở chỗ cũ. Chỉ có góc của mẹ tôi là trống trải một cách buồn thảm và ở trên tường phía giường ông tôi có treo thêm một tờ giấy viết bằng chữ in to:

"Chúa hằng sống đời đời! Danh Chúa đời đời cả sáng bên con, hằng ngày hằng giờ trong cuộc đời con ".

- Ai viết thế?

Ông tôi không trả lời. Bà tôi chờ một lúc rồi vừa cười vừa nói:

- Tờ giấy ấy giá một trăm rúp đấy!

- Không phải việc của mụ, - ông tôi hét lên. - Tao sẽ đem cho người dưng hết!

- Còn quái gì nữa mà cho. Khi có thì chẳng thấy cho, - bà tôi bình tĩnh trả lời.

- Câm họng! - ông tôi rít lên.

Ở đây mọi vật đều như xưa, cuộc sống cũng như xưa.

Phía góc nhà, thằng Colia[1] nằm trong thúng quần áo để trên mặt hòm sực tỉnh dậy nhìn ra, hai khe mắt xanh thấp thoáng dưới đôi mí mắt. Trông nó càng thiểu não, bủng beo, gầy gò hơn trước. Nó không nhận ra tôi, lặng thinh quay mặt đi và nhắm mắt lại.

Ra phố tôi nhận được những tin buồn: thằng Viakhi bị ngộ gió chết trong Tuần lễ Thánh, thằng Khabi thì rời lên tỉnh ở, còn thằng Iaz thì chân bị liệt không đi chơi được. Báo cho tôi những tin đó xong, thằng Coxt'roma mắt đen cáu kỉnh nói:

- Bọn trẻ con sắp chết hết mất!

- Chỉ mới có mình thằng Viakhi chết thôi mà?

- Thì cũng thế cả: đi nơi khác ở thì cũng coi như là chết rồi. Vừa mới kết bạn, quen nhau xong, đứa thì đi học việc, đứa thì chết. Ở nhà Tsexnocov, bên nhà mày ấy, có gia đình nhà Evxeenco mới đến ở. Thằng Niusca tạm được, nó ranh lắm. Nó có hai đứa em gái: một đứa còn nhỏ, còn đứa kia thì thọt chân phải chống nạng, trông xinh lắm.

Nghĩ ngợi một chút, nó nói thêm:

- Tao và thằng Tsurca cùng yêu con bé ấy. Bọn tao thường cãi nhau luôn.

- Với con bé ấy à?

- Không. Giữa tao với thằng Tsurca thôi. Với con bé ấy thì hoạ hoằn lắm.

---

[1] Em cùng mẹ khác cha với Gorki.

Dĩ nhiên tôi đã biết những chuyện yêu dương của thanh niên và của người lớn nữa, tôi còn biết cả ý nghĩa thô bỉ của vấn đề đó. Tôi thấy khó chịu và thương hại thằng Coxt'roma. Nhìn thân hình xương xẩu với cặp mắt đen cáu kỉnh của nó, tôi thấy lúng túng, ngượng ngập.

Ngay trong chiều hôm ấy, tôi trông thấy con bé thọt. Nó đánh rơi chiếc nạng trong khi bước từ bậc tam cấp xuống sân và đứng dừng lại, mảnh dẻ, yếu ớt, bất lực giữa bậc cửa, hai bàn tay trắng nhợt túm chặt lấy lan can. Tôi muốn nhặt chiếc nạng lên, nhưng hai tay bị băng bó cử động rất khó khăn. Tôi loay hoay mãi với chiếc nạng và bực mình quá, còn nó thì đứng cao hơn tôi, cười rất dễ thương:

- Tay đằng ấy làm sao thế?

- Bị bỏng.

- Còn tớ thì phải đi khập khiễng. Đằng ấy ở khu này đấy à? Nằm ở nhà thương có lâu không? Tớ nằm ở đấy lâ... âu ... u ghê... ê lắm!

Nó thở dài rồi nói thêm:

- Rất lâu!

Nó mặc một chiếc áo trắng chấm xanh da trời, cũ nhưng sạch sẽ. Tóc chải mượt, tết thành một bím ngắn và to bỏ thõng xuống ngực. Mắt nó to và nghiêm trang. Trong cái sâu thẳm dịu dàng của cặp mắt ấy ánh lên một ngọn lửa màu xanh nhạt làm ngời sáng cả khuôn mặt gầy nhỏ với chiếc mũi nhọn. Nó cười rất có duyên, nhưng tôi thấy không thích. Toàn bộ cái thân hình ốm yếu của nó như muốn nói: "Xin chớ có đụng đến tôi!"

Không hiểu sao bọn bạn tôi lại có thể yêu được nó?

- Tớ què đã lâu rồi, - nó sốt sắng kể, có vẻ như khoe khoang. - Mụ láng giềng bỏ bùa cho tớ. Mụ ấy cãi nhau với mẹ tớ rồi bỏ bùa cho tớ để trêu tức mẹ tớ... Đằng ấy nằm trong nhà thương có sợ không?

- Có...

Tôi thấy lúng túng khi nói chuyện với nó và bỏ vào phòng.

Gần nửa đêm, bà tôi âu yếm đánh thức tôi.

- Bà cháu ta đi thôi chứ? Cố giúp đỡ mọi người thì tay cháu sẽ chóng khỏi dấy!

Bà tôi nắm lấy tay tôi và dẫn tôi đi trong bóng tối như dẫn người mù. Đêm ẩm ướt và tối mò. Gió thổi liên tục tựa như một dòng sông đang chảy xiết. Cát lạnh giữ lấy chân. Bà tôi rón rén đến gần những chiếc cửa sổ tối om của những nhà nghèo, làm dấu ba lần, rồi đặt trên bậc cửa sổ năm copec cùng với ba chiếc bánh xoắn, sau đó bà lại làm dấu, nhìn lên bầu trời không trăng sao, thì thầm:

- Đức Mẹ Rất Thánh, xin Mẹ hãy cứu giúp chúng con! Tất cả chúng con đều là kẻ có tội đối với Mẹ!

Chúng tôi càng đi xa nhà thì xung quanh bóng tối càng dày đặc quạnh hiu. Bầu trời đêm sâu thăm thẳm, tựa hồ như mãi mãi giấu trăng sao đi. Một con chó ở đâu chạy tới, dừng lại trước mặt chúng tôi sủa lên. Đôi mắt của nó loé sáng trong màn đêm. Tôi sợ hãi nép vào bà tôi.

- Không có gì đâu, - bà nói, - con chó đấy mà! Bây giờ muộn rồi, không phải là giờ của ma quỷ nữa. Gà đã gáy rồi!

Bà vẫy con chó lại, vuốt ve nó và nói:

- Này cún, liệu hồn đấy, đừng có doạ cháu tao!

Con chó cọ cọ vào chân tôi. Cả ba lại đi xa hơn nữa. Mười hai lần bà đến bên cửa sổ, để lại "chút quà kín đáo" trên bậc cửa. Trời bắt đầu hửng sáng. Từ bóng đêm hiện ra những ngôi nhà xám, chiếc gác chuông nhà thờ Đức Mẹ. Ruộng đồng nhô lên trắng như đường; bức tường gạch mắt cáo ở nghĩa địa trông thưa như tấm vải gai rách.

- Bà lão mệt rồi! Về thôi! - bà tôi nói. - Ngày mai họ sẽ thức

dậy và thấy Đức Mẹ đã dành chút ít cho con họ. Khi thiếu thốn đủ mọi thứ thì một chút cũng là quý rồi! Chao ôi, Aliosa, dân chúng thì sống nghèo khổ mà chẳng có ai chú ý đến cả!

Người giàu đâu có nghĩ đến trời,
Đâu có nghĩ đến tội chờ xét xử,
Đâu có nghĩ đến những người nghèo khổ,
Chẳng họ hàng, chẳng bè bạn với ai!
Họ chỉ lo vàng bạc vét cho đầy,
Nhưng mỗi thỏi vàng
là một hòn than địa ngục
Đang chờ họ - lửa vạc dầu sôi sục...

Như vậy đấy! Người này sống phải nghĩ đến kẻ khác. Còn Chúa, Chúa sẽ nghĩ đến mọi người. Bà rất mừng vì cháu lại trở về với bà...

Tôi cũng cảm thấy một niềm vui thanh thản. Tôi mơ hồ cảm thấy mình đang tham dự vào một việc mà không bao giờ tôi quên được. Cạnh tôi con chó màu hung có chiếc mõm cáo, đôi mắt hiền lành, vẻ sợ sệt, đang run rẩy.

- Nó sẽ sống với chúng ta chứ bà?

- Chứ sao? Nó muốn ở thì ở. Để bà cho nó chiếc bánh xoắn, bà còn hai chiếc đây. Ta ngồi nghỉ ở ghế này đã, bà mệt mệt thế nào ấy...

Chúng tôi ngồi trên chiếc ghế dài gần một cái cổng. Con chó nằm dưới chân hai bà cháu, gặm chiếc bánh khô. Bà tôi kể:

- Ở nhà này có một bà Do Thái. Bà ta có chín đứa con, sàn sàn như trứng gà trứng vịt. Bà hỏi bà ta: "Bà sống thế nào được hả bà Moxevna?" Bà ấy trả lời: "Tôi sống được là nhờ có Chúa phù hộ, chứ còn có ai nữa?"

Tôi dựa vào bên sườn ấm áp của bà tôi và ngủ thiếp đi.

*

* *

Cuộc sống lại trôi qua một cách nhanh chóng và dồn dập. Những dòng ấn tượng phong phú mỗi ngày lại mang đến cho tâm hồn tôi một điều gì mới mẻ khiến cho tôi phải say mê, lo âu buồn tủi, nghĩ ngợi...

Chẳng bao lâu tôi cũng cố tìm mọi cách để có thể luôn luôn được trông thấy cô bé thọt chân, nói chuyện với nó hay ngồi yên lặng bên nhau trên chiếc ghế dài cạnh cổng. Bên nó, dù có im lặng cũng vẫn thấy dễ chịu. Nó ăn mặc sạch sẽ, như một con chim bông lau, kể chuyện rất hay về đời sống của những người Cozac vùng sông Đông. Nó đã sống ở đấy rất lâu, trong nhà người chú làm thợ máy ở xưởng làm bơ. Sau đó, bố nó làm thợ nguội chuyển đến Nijni ở.

- Tớ còn một chú thứ hai. Chú này được hầu gần Đức Sa hoàng cơ đấy!

Những buổi chiều ngày hội, cả dân phố đều ra khỏi nhà. Nam nữ thanh niên đưa nhau ra nghĩa địa tổ chức các cuộc nhảy múa, ca hát. Đàn ông tản vào các quán ăn. Ở phố chỉ còn lại đàn bà và trẻ con. Các bà ngồi ngay dưới cát hay trên các ghế dài trước cổng chuyện trò huyên náo, vừa cãi nhau vừa đơm đặt chuyện. Bọn trẻ con thì chơi bóng, chơi phá thành, chơi cầu. Các bà mẹ theo dõi các trò chơi, khuyến khích những đứa chơi hay, chế giễu những đứa chơi kém. Thật là ầm ĩ và vui không thể tả được. Sự có mặt và chú ý của người lớn đã khích lệ bọn nhóc chúng tôi, khiến cho các cuộc chơi đều mang một vẻ náo nhiệt khác thường, một sự ganh đua sôi nổi. Nhưng dù có say mê các cuộc chơi đến đâu chăng nữa, ba đứa chúng tôi - Coxt'roma, Tsurca và tôi - vẫn cứ lần lượt thay nhau chạy đến khoe khoang với con bé thọt chân.

- Liutmila, có thấy tớ ném văng hết năm thanh gỗ ra ngoài thành không?

Liutmila mỉm cười dịu dàng và gật đầu luôn mấy cái.

Trước kia bọn tôi thường cố tìm cách chơi chung với nhau trong mọi trò chơi. Nay tôi thấy Tsurca và Coxt'roma luôn luôn chơi ở hai phe khác nhau. Chúng trổ tài với nhau bằng mọi cách về khéo léo, về sức mạnh, nhiều khi dẫn đến những cuộc đánh nhau và khóc lóc. Có lần chúng đánh nhau một cách điên cuồng đến nỗi người lớn phải can thiệp và giội nước vào hai địch thủ như vào hai con chó.

Liutmila ngồi trên ghế dài, giậm giậm chiếc chân lành xuống đất. Khi hai địch thủ lăn đến chỗ nó, nó lấy nạng đẩy chúng đi và sợ hãi kêu lên:

- Đừng đánh nhau nữa!

Mặt nó tái mét đi, mắt sầm xuống và đảo đi đảo lại như người bị động kinh.

Một lần khác, Coxt'roma thua Tsurca một ván phá thành rất nhục nhã, nó liền ẩn sau thùng lúa mạch bên cửa hiệu tạp hoá, ngồi xổm ở đấy và lặng lẽ khóc. Cảnh tượng thật đáng sợ. Nó nghiến chặt răng, gò má nhô ra, bộ mặt xương xẩu đanh lại như đá. Từ cặp mắt đen cau có những giọt nước mắt to, nặng lăn xuống. Khi tôi an ủi nó, nó vừa nức nở, vừa thì thào:

- Được rồi xem... Tao sẽ tương cho nó một hòn gạch vào sọ cái...

Tsurca thì trở nên kiêu ngạo. Nó đi giữa phố với dáng điệu của một anh đến tuổi lấy vợ, chiếc mũ cát két đội lệch sang một bên, tay đút túi. Nó học được cách nhổ nước bọt qua kẽ răng với một vẻ ngạo nghễ và cam đoan:

- Tao sắp biết hút thuốc lá rồi. Tao đã thử hai lần nhưng buồn nôn quá.

Những điều đó làm tôi khó chịu. Tôi thấy mình đang mất bạn và tôi có cảm giác rằng Liutmila là nguyên nhân của việc này.

Một buổi chiều, khi tôi đang sắp xếp các loại xương, giẻ rách và các đồ tạp nham ở ngoài sân thì Liutmila khập khiễng đi đến bên cạnh tôi, cánh tay phải của nó vung vẩy:

- Chào cậu,- nó nói, gật gật cái đầu ba lần, - Coxt'roma chơi với cậu đấy chứ?

- Ừ.

- Thế còn Tsurca?

- Tsurca không chơi với bọn tớ nữa rồi. Tại cậu mà ra cả. Chúng nó yêu cậu cho nên mới đánh nhau...

Liutmila đỏ bừng mặt, nhưng trả lời với vẻ châm biếm:

- Lại còn thế nữa! Tớ có lỗi ở chỗ nào?

- Sao lại làm cho chúng nó yêu?

- Tớ có cầu cho chúng nó yêu đâu! - nó giận dữ nói, rồi vừa bỏ đi vừa tiếp: - Thật là một trò ngu xuẩn! Tớ lớn hơn chúng, tớ đã mười bốn tuổi rồi! Có ai lại đi yêu con gái lớn hơn mình bao giờ...

- Mày biết nhiều lắm đấy! - muốn chọc tức nó, tôi liền hét lên. - Đấy, mụ chủ hiệu em gái lão Khlưxt đấy, mụ ta đã già rồi mà vẫn còn đi lại với tụi con trai đấy!

Liutmila quay lại phía tôi, ấn sâu chiếc nạng trên sân cát.

- Chính cậu chẳng biết cái quái gì cả, - nó nói vội vã, giọng như khóc. Cặp mắt xinh xinh của nó bỗng sáng ngời lên một cách đẹp tuyệt. - Mụ chủ hiệu là một mụ đàn bà đĩ thõa, còn tớ, tớ có như vậy đâu? Tớ đang còn bé, không được đụng chạm, cấu véo tớ, không được... gì sất... Cậu cứ thử đọc truyện *Cô gái Camsadan*,[1] phần hai ấy, rồi hãy nói!

Nó ấm ức, bỏ đi. Tôi bỗng thấy thương nó quá. Trong những lời nói của Liutmila vang lên một sự thật nào đó mà tôi chưa hề biết tới. Tại sao bọn bạn tôi cấu véo nó? Thế mà chúng nó còn nói rằng chúng yêu đấy...

---

[1] Camsadan - một dân tộc phương Bắc sống ở Camsatca.

Ngày hôm sau, muốn chuộc lỗi của mình đối với Liutmila tôi mua hai copec kẹo mạch nha là thứ kẹo mà tôi biết là nó rất thích.

- Có ăn không ?

Nó nói, cố tình làm ra vẻ bực bội:

- Đi đi, tớ không chơi với cậu nữa!

Nhưng lại cầm ngay lấy kẹo và nhận xét:

- Sao không lấy giấy mà bọc lại một chút! Tay bẩn thế kia!

- Tớ rửa mãi nhưng không sao sạch được.

Nó đưa bàn tay khô ấm ra cầm lấy tay tôi và xem xét.

- Làm hỏng cả tay thế này...

- Ngón tay của cậu cũng bị châm thủng cả...

- Kim đâm đấy! Tớ khâu nhiều lắm...

Sau vài phút, nó nhìn quanh rồi đề nghị với tôi:

- Này, cậu có muốn chúng ta cùng nấp vào một chỗ và đọc quyển *Cô gái Camsadan* không ?

Chúng tôi tìm mãi chỗ nấp, nhưng chỗ nào cũng thấy bất tiện. Cuối cùng hai đứa quyết định rằng tốt nhất là chui vào phòng thay quần áo của nhà tắm. Ở đấy tuy tối, nhưng có thể ngồi ở bên cạnh chiếc cửa sổ trông ra một mảnh đất bẩn thỉu của nhà kho và lò sát sinh bên cạnh. Ít người nhòm ngó tới chỗ này lắm.

Liutmila đã ngồi bên cửa sổ, duỗi chiếc chân đau trên ghế dài, chiếc chân lành thì bỏ thõng xuống sàn, mặt khuất sau quyển sách đã nhàu nát, cảm động đọc những mớ chữ khó hiểu và buồn tẻ, nhưng cũng làm tôi xúc động. Tôi ngồi dưới sàn nhìn cặp mắt nghiêm trang đang di động trên những trang giấy như hai đốm lửa xanh. Đôi khi cặp mắt lại ướt lệ. Giọng nó run run, đọc vội vàng những chữ không quen thuộc trong những câu khó hiểu. Dầu sao, tôi cũng nhớ được những chữ đó và cố đảo

lên đảo xuống để sắp xếp chúng thành những câu thơ. Việc đó đã hoàn toàn cản trở tôi hiểu được cuốn sách nói gì.

Con chó nằm ngủ thiu thiu trên đầu gối tôi. Tôi đặt tên cho nó là "Gió" vì nó có bộ lông xù, mình dài, chạy nhanh và kêu gầm gừ như tiếng gió mùa thu thổi trong ống khói lò sưởi.

- Cậu có nghe không dấy? - cô bé hỏi.

Tôi lặng lẽ gật đầu. Đám chữ hỗn loạn càng khích động tôi, tôi càng bận bịu với ý định sắp xếp lại thứ tự các chữ như trong một bài ca, mà mỗi chữ trong đó đều sinh động và ngời sáng như một ngôi sao trong bầu trời.

Khi trời tối, Liutmila buông bàn tay trắng nhợt cùng với quyển sách xuống và hỏi:

- Hay chứ nhỉ? Cậu thấy chưa!...

Từ buổi chiều hôm ấy trở đi chúng tôi thường ngồi với nhau trong phòng thay quần áo của nhà tắm. May cho tôi là chẳng bao lâu Liutmila đã thôi không đọc quyển *Cô gái Camsadan* nữa. Tôi không thể trả lời được cho nó về nội dung của quyển sách vô tận ấy - vô tận là vì tiếp theo phần hai mà chúng tôi đã bắt đầu đọc còn phần ba và, cô bé nói với tôi rằng tiếp theo đó lại còn phần tư nữa.

Chúng tôi thích nhất là những ngày mưa u ám, nếu những ngày đó không trùng vào ngày thứ bảy là ngày đốt lò tắm.

Ngoài trời mưa tầm tã. Không ai bước ra sân, nhòm ngó vào cái góc tranh tối tranh sáng này của chúng tôi làm gì. Liutmila rất sợ người ta sẽ "bắt" được chúng tôi.

- Cậu có biết lúc bấy giờ người ta sẽ nghĩ thế nào không? - nó hỏi thầm thì.

Tôi biết và cũng sợ người ta "bắt" được. Chúng tôi ngồi hàng giờ liền với nhau, nói những chuyện đâu đâu. Đôi khi tôi kể lại những chuyện cổ tích của bà tôi. Liutmila thì kể cho tôi nghe về đời sống của những người Cozac bên sông Medveditxa.

- Ôi chao, ở đấy thật là tuyệt! - nó thở dài nói. - Ở đây bì thế nào được? Ở đây chỉ để cho ăn mày sống...

Tôi định bụng khi nào lớn nhất định sẽ đến thăm con sông Medveditxa mới được.

Ít lâu sau chúng tôi không phải dùng đến căn phòng thay quần áo của nhà tắm nữa. Mẹ Liutmila đã tìm việc làm ở nhà lão thợ thuộc da. Bà đi khỏi nhà từ sáng. Đứa em gái học ở trường. Anh trai làm việc ở nhà máy gạch tráng men. Những ngày mưa u ám, tôi đến nhà Liutmila giúp nó nấu nướng, dọn dẹp trong phòng và trong bếp. Nó cười bảo:

- Tới với cậu sống với nhau cứ như là vợ chồng ấy nhỉ. Chỉ có mỗi đứa ngủ riêng một nơi thôi! Chúng mình sống lại có phần vui hơn vợ chồng nữa cơ vì chồng có giúp vợ bao giờ đâu...

Khi nào có tiền tôi liền mua bánh kẹo rồi chúng tôi cùng uống trà với nhau. Sau đó hai đứa lấy nước lạnh giội vào ấm xamovar để cho bà mẹ lắm điều của Liutmila không thể đoán được là chúng tôi đã dùng đến ấm. Thỉnh thoảng bà tôi đến với chúng tôi. Bà vừa ngồi làm đăng ten hay thêu thùa, vừa kể những câu chuyện cổ tích tuyệt diệu. Còn khi nào ông tôi vào thành phố thì Liutmila lại lẻn tới nhà tôi, và ba bà cháu tha hồ cùng ăn uống, chuyện trò vui vẻ với nhau một cách tự do.

Bà tôi thường nói:

- Ôi, chúng tôi sống thật là tuyệt. Có dồng nào xào đồng ấy, mặc sức!

Bà khích lệ tình bạn của chúng tôi.

- Con trai kết bạn với con gái là một việc rất tốt. Chỉ cốt đừng "nghịch nhảm"...

Và bằng những lời lẽ giản dị nhất, bà cắt nghĩa cho chúng tôi biết thế nào là "nghịch nhảm". Bà nói rất văn vẻ, đầy tình cảm. Tôi hiểu rõ được rằng không nên chạm đến hoa khi chưa nở, nếu không thì hoa sẽ chẳng cho hương thơm, quả ngọt.

Chúng tôi không muốn "nghịch nhảm", nhưng điều đó không ngăn cản hai đứa nói với nhau những chuyện mà người ta thường kiêng nhắc đến. Tất nhiên chúng tôi không thể không nhắc đến những chuyện ấy vì những quan hệ nam nữ dưới những hình thức thô bỉ đã quá thường xuyên đập vào mắt như trêu ngươi khiến chúng tôi vô cùng bực tức.

Bố Liutmila là một người đẹp trai, tóc quăn, tuổi trạc bốn mươi. Bác ta để ria mép và thường nheo đôi lông mày rậm với một vẻ đắc thắng đến là đặc biệt. Bác ít nói lạ thường - tôi chẳng nhớ được lấy một lời nào của bác nói. Khi vuốt ve lũ trẻ, bác thường ầm ừ như người câm. Cả đến khi đánh vợ bác cũng lặng thinh.

Vào những buổi chiều ngày hội, bác mặc một chiếc áo xanh da trời, quần xa tanh rộng, đi đôi ủng đánh bóng lộn, đeo chiếc đàn phong cầm lớn ra sau lưng, rồi bước ra cổng, và đứng lại đấy giống hệt như người lính đứng gác. Lập tức một cuộc "du hành" được diễn ra trước cổng nhà chúng tôi: đàn bà, con gái, người nọ nối tiếp người kia như một đàn vịt vừa đi vừa đưa mắt nhìn bác Evxeenco, kẻ nhìn lén qua hàng lông mi, kẻ trâng tráo nhìn bằng cặp mắt thèm khát. Còn bác ta thì đứng đó, môi dưới trề ra, nhìn tất cả bọn họ với cặp mắt lựa chọn sẫm màu. Có một cái gì thật chướng mắt, đê tiện trong cuộc trao đổi thầm lặng bằng mắt kia, trong sự di động chậm chạp, yếu hèn của đám đàn bà quanh một người đàn ông kia. Tựa như chỉ cần người đàn ông nháy mắt ra lệnh cho bất kì một người nào trong bọn họ là kẻ đó sẽ ngoan ngoãn lăn ra ngay trước đám cát rác rưởi của đường phố như kẻ đã chết.

- Con dê xồm lại mò đi rồi, đồ mặt dày! - mẹ Liutmila càu nhàu nói. Bác ta người dong dỏng cao, khuôn mặt dài và nhơm nhớp. Sau trận sốt, tóc bác cắt ngắn. Trông bác giống như một chiếc chổi cùn xơ xác.

Liutmila ngồi bên mẹ, luôn mồm hỏi, cố gắng làm cho mẹ không chú ý đến cảnh ngoài phố, nhưng vô hiệu quả.

- Thôi yên đi, mày hay quấy rầy lắm, đồ quái thai! - mẹ nó vừa lẩm bẩm vừa chớp mắt lo lắng. Cặp mắt Mông Cổ nhỏ tí của bác sáng lên một cách lạ thường, đôi con ngươi không động đậy, tựa như bị thu hút trước một cảnh vật gì đấy.

- Mẹ ơi, mẹ đừng giận, có được gì đâu? - Liutmila nói. - Mẹ nhìn xem mụ hàng bao gai diện mới đẹp làm sao!

- Nếu không có ba đứa chúng mày thì tao còn mặc đẹp hơn nhiều. Chúng mày xâu xé tao, hốc hết cả! - Người mẹ tàn nhẫn trả lời, giọng như khóc, mắt nhìn chằm chằm vào mụ hàng bao gai goá chồng to béo.

Mụ này giống như một cái nhà nhỏ. Ngực mụ đô ra như mái hiên. Bộ mặt đỏ bị chiếc khăn xanh lá mạ che lại và hớt đi một ít trông tựa một chiếc cửa sổ tròn lắp kính đang phản chiếu ánh nắng mặt trời.

Evxeenco chuyển cây phong cầm ra trước ngực và bắt đầu chơi. Cây phong cầm có rất nhiều phím. Tiếng đàn ngân xa một cách lôi cuốn. Bọn trẻ con từ mọi nẻo của khu phố ùa đến sà xuống chân người kéo phong cầm, ngồi ngay trên cát lắng nghe say sưa, thán phục.

- Coi chừng đấy, người ta sẽ vặn cổ anh ra đấy! - Bà vợ doạ chồng.

Bác Evxeenco lườm vợ, không nói gì.

Còn mụ hàng bao gai thì ngồi như một tảng đá trên chiếc ghế dài bên cửa hiệu của lão Khlưxt cách đó không xa. Mụ nghiêng đầu lắng nghe, mắt sáng rực.

Ráng chiều làm đỏ ửng cả cánh đồng phía sau nghĩa địa. Những khối thịt to lớn, ăn mặc sặc sỡ, lướt trên đường phố như trôi trên mặt sông. Trẻ con chạy loăng quăng như gió lốc. Không khí ấm áp, dịu dàng làm cho người ta cảm thấy ngây

ngất. Cát bị nung nóng suốt ngày toả lên một mùi máu và mùi lờ lợ, ngậy mỡ của lò sát sinh. Từ phía khu nhà của thợ thuộc da thoảng đến mùi da lột mặn và hăng. Tiếng đàn bà nói chuyện, tiếng người say rượu la rống, tiếng trẻ con kêu lanh lảnh, tiếng phong cầm trầm trầm - tất cả những âm thanh ấy hoà trộn với nhau thành một tiếng ồn ào vang dội như tiếng thở dài mạnh mẽ của đất mẹ đang sáng tạo không ngừng, không mỏi. Tất cả mọi thứ đó đều thô bỉ, lộ liễu và gây nên một cảm giác tin cậy vững chắc lớn lao vào cuộc sống đen tối, thú vật một cách trắng trợn này. Cuộc sống ấy vừa khoe khoang sức lực của mình, vừa buồn rầu cố gắng tìm nơi để trút nguồn sức lực đó.

Và qua đám ồn ào, thỉnh thoảng lại có một vài tiếng đặc biệt khủng khiếp nào đấy lọt tới trái tim, mãi mãi gắn sâu vào trí nhớ.

- Nhiều người không được cùng đánh một người! Phải lần lượt mới được...

- Nếu ta không thương lấy thân, thì có ai thương ta nữa...

- Hay là trời sinh ra đàn bà để làm trò cười?...

Màn đêm từ từ xuống. Không khí trong lành hơn. Tiếng ồn ào nhỏ dần. Những ngôi nhà gỗ như phồng ra, lớn lên, đắm mình trong bóng tối. Bọn con nít đã bị lôi về nhà đi ngủ. Một số ngủ ngay bên các hàng rào, dưới chân hay trong lòng các bà mẹ. Trong bóng đêm bọn trẻ lớn tuổi cũng trở nên hiền lành, dịu dàng hơn. Bác Evxeenco không biết lẩn đi đâu từ lúc nào tựa như có phép biến. Mụ hàng bao gai cũng không còn đó. Tiếng phong cầm trầm trầm vang lên xa xa, sau nghĩa địa. Mẹ Liutmila ngồi trên ghế dài, người dúm dó, lưng khòm khòm như một con mèo. Bà tôi đi uống nước trà ở nhà láng giềng - một bà đỡ kiêm bà mối. Mụ ta người to lớn, gân guốc, có chiếc mũi như mỏ vịt và một chiếc mề đay vàng "Cứu người lâm nạn" đeo trên bộ ngực lép kẹp như ngực dàn ông. Cả phố đều sợ hãi mụ vì cho

mụ là phù thuỷ. Người ta đồn rằng mụ đã cứu khỏi vòng lửa ba đứa con và một người vợ ốm của một ông đại tá nào đó trong một vụ cháy nhà.

Bà tôi rất thân với mụ. Gặp nhau ngoài phố, cả hai đều cười với nhau từ xa với một vẻ thân thiện đặc biệt.

Coxt'roma, Liutmila và tôi cùng ngồi với nhau trên chiếc ghế dài bên cổng. Tsurca rủ anh của Liutmila ra vật nhau. Hai đứa ôm nhau, giậm chân trên cát làm bụi mù cả lên.

- Thôi đừng vật nhau nữa! - Liutmila sợ hãi nài nỉ.

Coxt'roma liếc cặp mắt về phía Liutmila rồi bắt đầu kể chuyện lão thợ săn Calinin mà cả xóm đều biết vì những "thành tích" bất hảo của lão. Đó là một lão già râu tóc bạc phơ có đôi mắt láu lỉnh. Lão mới chết cách đây ít lâu, nhưng người ta không chôn lão xuống dưới đất trong nghĩa địa mà lại đặt quan tài lên trên mặt đất, nằm tách ra khỏi các ngôi mộ khác. Chiếc quan tài đen sì, có chân cao. Trên nắp quan tài có vẽ một thập ác, một cái giáo, một cái gậy và hai chiếc xương bằng sơn trắng.

Đêm nào cũng vậy, cứ trời tối xuống là lão già lại từ trong quan tài nhỏm dậy đi lang thang trên nghĩa địa cứ như tìm kiếm một cái gì đấy cho đến tận gà gáy lần thứ nhất.

- Đừng kể những chuyện kinh khủng ấy nữa! - Liutmila van nài.

- Buông ra! - thằng Tsurca vừa kêu, vừa tuồn ra khỏi tay ôm của thằng anh Liutmila và nói với thằng Coxt'roma với một vẻ giễu cợt: - Mày nói láo cái gì thế? Chính tao đã trông thấy người ta lấp quan tài, cái ở trên thì rỗng, đấy là cái mộ. Còn có cái chuyện người chết biết đi thì chẳng qua là do bọn thợ rèn say rượu bịa đặt ra mà thôi.

Coxt'roma không nhìn Tsurca, cáu kỉnh đề nghị:

- Nếu thế thì mày thử đến ngủ ở nghĩa địa xem nào!

Hai đứa bắt đầu cãi nhau, còn Liutmila thì lắc đầu một cách chán ngán rồi hỏi:

- Mẹ ơi, ban đêm người chết có thức dậy không?

- Thức dậy, - mẹ nó nhắc lại như một tiếng vang từ xa vẳng đến.

Valioc, con trai mụ chủ hiệu, một thanh niên trạc hai mươi tuổi, người to béo hồng hào, đi đến, lắng nghe cuộc tranh cãi của bọn tôi và nói:

- Trong ba đứa mày, đứa nào nằm được trên quan tài đến sáng, tao sẽ cho hai mươi copec và mười điếu thuốc lá, còn đứa nào sợ thì tao sẽ xách tai đến kì chán mới thôi, thế nào?

Cả bọn im lặng, bối rối, còn mẹ Liutmila thì nói:

- Bậy nào! Ai lại đi xui bọn trẻ làm những chuyện ấy bao giờ...

- Đưa một rúp tôi đi cho, - thằng Tsurca cau có đề nghị.

Coxt'roma liền hỏi ngay một cách xỏ xiên:

- Còn nếu chỉ được hai mươi copec thì mày sợ à? - Rồi nó bảo Valioc: - Anh cứ đưa cho nó một rúp nó cũng không dám đi đâu, nó chỉ nói phét thôi...

- Ừ thì tao cho một rúp!

Tsurca đứng dậy, lặng lẽ và thủng thỉnh bỏ đi men theo bờ rào. Coxt'roma cho mấy ngón tay vào mồm, huýt inh ỏi theo Tsurca, còn Liutmila thì bồn chồn lên tiếng:

- A, Chúa tôi, đồ anh hùng rơm... Ai ngờ lại thế!

- Một lũ hèn, chúng mày làm được trò trống gì đâu! -Valioc chế nhạo. - Thế mà cứ tự cho mình là ngổ nhất phố đấy! Thật là một lũ mèo con...

Thật là tức khi phải nghe những lời giễu cợt của hắn. Chúng tôi không ưa cái thằng phì nộn đó, hắn hay xúi bẩy trẻ con làm những trò nghịch ngợm tinh quái, kể cho chúng những chuyện bẩn thỉu về đàn bà con gái và dạy chúng chòng ghẹo họ. Bọn trẻ nghe theo hắn ta và vì thế mà bị nhiều trận đòn khá đau. Không hiểu sao hắn rất căm ghét con chó của tôi, cứ lấy đá ném nó luôn, có lần cắm cả kim vào bánh mì rồi đưa cho nó ăn.

Nhưng tôi còn tức hơn khi trông thấy thằng Tsurca bỏ chuồn một cách co ro, hổ thẹn.

Tôi bảo Valioc:

- Đưa đồng rúp đây, tôi đi cho!...

Vừa giễu cợt, vừa doạ dẫm tôi, hắn đưa đồng rúp cho bác Evxeenco gái, nhưng bác ta nghiêm khắc nói:

- Tao không thèm, không cầm đâu!

Rồi bác giận dữ bỏ đi. Liutmila cũng không dám cầm đồng bạc, khiến Valioc càng lên nước thêm. Tôi đã định đi không cần đòi tiền hắn ta nữa, nhưng bà tôi đã tới. Sau khi biết rõ đầu đuôi câu chuyện, bà cầm lấy đồng rúp và bình tĩnh bảo tôi:

- Cháu mặc thêm áo ngoài vào và mang chiếc chăn đơn theo kẻo gần sáng lạnh đấy...

Lời của bà càng làm tôi thêm hi vọng rằng chẳng có gì đáng sợ có thể xảy đến với tôi.

Valioc ra điều kiện rằng tôi phải nằm hoặc ngồi trên quan tài đến sáng, dù có xảy ra chuyện gì cũng không được rời khỏi chỗ, cả lúc lão Calinin bắt đầu lắc quan tài để chui ra khỏi mộ cũng vậy. Nếu nhảy xuống đất, tôi sẽ thua.

- Liệu chừng, - Valioc giao hẹn trước, - tao sẽ theo dõi mày suốt đêm ấy!

Khi tôi đi ra nghĩa địa, bà tôi làm dấu thánh cho tôi rồi khuyên rằng:

- Nếu có thấy gì cháu đừng có cựa quậy, cứ đọc kinh *Kính mừng...*

Tôi rảo bước, lòng muốn chóng bắt đầu và kết thúc tất cả mọi việc này. Valioc, Coxt'roma và vài thanh niên nữa đi theo tôi. Khi leo qua dãy tường gạch, tôi vướng chăn, ngã xoài xuống, nhưng tôi vội đứng phắt ngay lên tựa như người bị nẩy trên mặt cát. Bên kia bức tường, bọn đi theo cười lên ha hả. Ngực tôi như thắt lại, lưng nổi gai ốc lên.

Vừa vấp ngã, tôi vừa đi đến chỗ chiếc quan tài đen. Nó bị lún một bên xuống cát, còn một bên thì để lộ ra những chân đế ngắn và to, tựa như có một người nào đó cố nâng nó lên và đẩy xiêu sang một bên. Tôi ngồi lên một góc quan tài, phía dưới chân, và nhìn quanh: những cây thánh giá màu xám dựng ngổn ngang chi chít trên khu nghĩa địa đầy gò đống, những bóng đen vươn lên, nằm dài trên các ngôi mộ, ôm lấy những gò đất lởm chởm. Đây đó dăm cây bạch dương thanh mảnh, khẳng khiu nhô lên lạc lõng giữa đám thánh giá, cành lá của chúng nối liền những ngôi mộ riêng biệt lại với nhau. Những ngọn cỏ thấp thoáng giữa bóng cây loang lổ như một tấm ren. Cái đám lởm chởm xám xịt ấy trông khủng khiếp nhất. Ngôi nhà thờ nhô lên bầu trời như một khối tuyết lớn. Mặt trăng lưỡi liềm nhỏ bé chiếu giữa những đám mây im lìm.

Bố thằng Iaz - "lão mujic bản thỉu" - uể oải điểm chuông cầm canh. Mỗi lần bác kéo dây chuông, chiếc dây lại mắc vào tấm tôn trên mái và kêu cót két một cách ai oán, sau đó mới vang lên tiếng đập khô khan của chiếc chuông con ngắn ngủi và tẻ ngắt.

"Lạy Chúa, đừng làm con mất ngủ!" - tôi chợt nhớ đến câu thành ngữ bác ta thường nói.

Thật là kinh khủng. Và không hiểu sao mà ngột ngạt đến thế. Tôi toát mồ hôi đầm đìa, tuy trời đêm mát mẻ. Nếu lão Calinin mò ra khỏi mộ, liệu tôi có kịp chạy đến chòi canh không?

Khu nghĩa trang đối với tôi rất là quen thuộc. Tôi đã chơi đùa hàng trăm lần giữa những ngôi mộ này với thằng Iaz và chúng bạn. Chỗ kia kìa, gần phía nhà thờ, là nơi chôn mẹ tôi...

Chưa phải là tất cả đều đã yên ngủ. Từ phía xóm vẳng lại những chuỗi cười, những câu hát. Trên các đồi, nơi người ta lấy cát để đắp đường tàu, hay là ở đâu từ phía làng Catưzovca, vẳng đến tiếng phong cầm rền rĩ, nức nở. Bác thợ rèn Miasov

thường xuyên say rượu đang đi bên ngoài tường và hát. Tôi nhận ra bác nhờ bài hát.

Còn mẹ của chúng tớ
Có tí lỗi nhỏ thôi:
Mẹ chẳng yêu một ai,
Chỉ yêu độc mình bố!...

Thật là dễ chịu khi nghe những hơi thở cuối cùng của sự sống ấy. Nhưng sau mỗi tiếng chuông, mọi vật trở nên lặng lẽ hơn. Sự tĩnh mịch như một con sông lan tràn trên đồng cỏ, làm chìm đắm và che giấu tất cả. Tâm hồn như chơi vơi trong khoảng không vô tận và tắt dần như ngọn lửa diêm trong bóng tối, rồi tan đi không một dấu vết để lại giữa một khoảng không trống trải như biển cả, nơi mà chỉ có những vì sao xa tít đang sống và sáng lấp lánh, còn mọi vật trên mặt đất đều không cần thiết, im lìm và biến đâu mất cả.

Tôi quấn chăn ngồi co chân lên trên quan tài, mặt quay về phía nhà thờ. Mỗi khi tôi cựa quậy, chiếc quan tài lại cọt kẹt, cát phía dưới lại lạo xạo.

Có một vật gì rơi xuống đất phía sau lưng tôi. Một tiếng... hai tiếng... Rồi một hòn gạch rơi xuống ngay cạnh người tôi. Tôi sợ quá, nhưng đoán ngay là Valioc và bọn của hắn ở phía sau tường ném vào để doạ tôi. Biết có người ở gần mình, tôi lại cảm thấy dễ chịu hơn.

Tự dưng tôi nghĩ tới mẹ tôi... Một lần mẹ tôi đánh tôi vì bắt được tôi đang tập hút thuốc lá, tôi bảo:

- Đừng có đụng vào con. Chẳng cần đánh, con cũng đã khổ sở, buồn nôn lắm...

Bị đánh xong, tôi ngồi sau lò sưởi, còn mẹ tôi nói với bà tôi:

- Thằng bé trơ như gỗ đá, chẳng yêu ai cả...

Nghe những lời nói đó tôi rất phật lòng. Những khi mẹ tôi

phạt tôi, tôi thường cảm thấy thương thương và lúng túng hộ cho mẹ tôi: ít khi mẹ tôi trừng phạt công bằng và đúng đắn.

Nhưng nói chung cuộc đời luôn luôn vẫn có nhiều điều đáng giận. Đấy, chẳng hạn như những đứa đang đứng sau bức tường kia. Chúng thừa biết rằng tôi đang sợ vì ngồi một mình giữa nghĩa địa, vậy mà chúng còn muốn làm cho tôi sợ hơn nữa. Tại sao lại như vậy?

Tôi muốn quát vào mặt chúng:

"Quỷ bắt chúng mày đi!"

Nhưng kêu như vậy cũng khá nguy hiểm. Ai biết được quỷ sẽ nghĩ như thế nào khi nghe tôi nói? Có lẽ nó cũng gần đâu đây thôi!

Trên mặt cát có nhiều mẩu mi ca vụn, lấp lánh lờ mờ dưới ánh trăng khiến tôi sực nhớ đến một lần nằm trên bè ở sông Oca. Tôi đang nhìn xuống mặt nước, bỗng có một con cá mè nổi lên ngay trước mặt tôi. Khi nó nghiêng mình trông nó giống như má của người; nó nhìn vào mặt tôi bằng con mắt tròn như mắt chim. Sau đó nó lặn xuống sâu, toàn thân rung động như một chiếc lá phong rụng.

Trí nhớ của tôi mỗi lúc một căng thẳng, nó hồi phục lại mọi chuyện linh tinh của cuộc đời tôi, dường như muốn dựa vào đó để chống lại óc tưởng tượng đang bướng bỉnh muốn tạo ra những hình ảnh khủng khiếp.

Một con nhím đang lăn, những cái chân cứng rắn của nó gõ gõ trên mặt đất. Trông nó giống như một vị gia thần - cũng nhỏ bé và bù xù như vậy!

Tôi lại nhớ đến bà tôi ngồi xổm trước bếp lò đọc thần chú:

- Gia thần từ bi, cầu Người khử sạch lũ gián đi...

Xa xa, phía sau thành phố mà ở đây tôi không thấy rõ, trời đã hửng sáng dần, hơi lạnh ban mai như chích vào má, hai mí mắt tôi cứ dính lại. Tôi nằm co dúm chân tay, lấy chăn trùm lên đầu - thôi được, muốn ra sao thì ra!

Người đánh thức tôi dậy là bà tôi. Bà đứng bên tôi, kéo chăn ra và nói:

- Dậy đi cháu! Có lạnh không? Sao, sợ chứ?

- Sợ lắm. Nhưng bà chớ có nói với ai về chuyện ấy, bà đừng có cho bọn trẻ con biết nhé!

- Sao lại không nói? - bà tôi ngạc nhiên. - Nếu mày không sợ thì chẳng có gì đáng khoe nữa...

Chúng tôi đi về nhà. Dọc đường bà tôi dịu dàng bảo tôi:

- Mọi việc đều phải tự mình trải qua, tự mình tìm hiểu, cháu ạ... Tự mình không chịu học hỏi thì chẳng có ai dạy được cho mình đâu.

Cho đến chiều, tôi đã trở thành một "anh hùng" của khu phố. Mọi người đều hỏi tôi:

- Không sợ thật à?

Và khi tôi nói: "Sợ chứ!" thì họ đều lắc đầu thốt lên:

- Ấy đấy, đã thấy chưa?

Mụ chủ hiệu thì tuyên bố thật to với một giọng đầy tin tưởng:

- Rõ ràng là người ta đã bịa ra chuyện ông già Calinin mò dậy. Nếu lão đã dậy được thì đời nào lão lại sợ thằng bé? Lão cứ hất tay một cái nó cũng đủ văng ra khỏi nghĩa địa, chưa biết đến tận đâu nữa đấy.

Liutmila nhìn tôi với một vẻ kinh ngạc đầy âu yếm. Cho đến ông tôi cũng có vẻ hài lòng về tôi. Ông luôn luôn mỉm cười, vẻ thoả mãn. Chỉ có thằng Tsurca thì nói cáu rẳu:

- Đối với nó thì dễ thôi: bà nó là phù thủy mà lại!

III

Colia, thằng em trai tôi chết lặng lẽ như một ngôi sao nhỏ tắt vào lúc bình minh. Bà tôi, nó và tôi thường ngủ trong căn

nhà kho nhỏ. Chúng tôi nằm trên đống củi, trên phủ một lô giẻ rách. Sau bức vách ván có nhiều khe hở, cạnh chỗ chúng tôi, là chuồng gà của nhà chủ. Ban đêm, chúng tôi nghe tiếng gà mái no căng diều rũ lông cánh và vừa ngủ vừa cục cục. Buổi sáng, con gà trống có bộ lông vàng óng và tiếng gáy nhức óc đánh thức chúng tôi dậy.

- Quỷ sứ xé xác mày ra! - bà tôi sực tỉnh, càu nhàu gắt.

Tôi đã thức từ lâu và đang quan sát những tia nắng lọt qua các khe hở của nhà chứa củi chiếu vào chỗ tôi nằm. Trong những tia nắng đó có những hạt bụi óng ánh như bạc đang nhảy múa - chúng giống như những câu ca trong các chuyện cổ tích. Trong đống củi, chuột chạy sột soạt, những con bọ đo đỏ, cánh có chấm đen bò lung tung.

Đôi khi muốn tránh khỏi hơi bốc ngột ngạt của phân gà, tôi bò ra khỏi kho củi, leo lên mái kho và ngồi theo dõi những người trong nhà thức dậy, mắt nhắm tịt, người to xù ra sau giấc ngủ.

Từ cửa sổ thò ra cái đầu râu tóc lởm chởm của bác lái đò Fecmanov, một tay nghiện rượu và hay cau có. Bác nhìn mặt trời bằng đôi mắt húp ti hí, rồi kêu hục hục như lợn rừng. Ông tôi chạy ra sân, hai tay vuốt mớ tóc hung: ông đang vội đi vào nhà tắm để tắm nước lạnh. Mụ bếp lắm điều của nhà chủ có chiếc mũi nhọn và bộ mặt đầy tàn hương trông như con chim gáy. Còn chính ông chủ nhà thì giống như một con bồ câu già béo núc. Mọi người nom đều giống như súc vật, giống như chim hoặc như thú dữ.

Buổi sáng thật là dịu dàng, trong sáng, nhưng tôi vẫn thấy buồn buồn và muốn đi ra ngoài đồng thanh vắng. Tôi biết rằng như thường lệ người ta sẽ lại bôi bẩn vào cái ngày trong sáng này.

Một hôm tôi đang nằm trên mái nhà thì bà tôi gọi xuống. Bà hất đầu về phía chỗ nằm của mình, nói khẽ:

- Colia chết rồi...

Thằng bé đã rời khỏi chiếc gối và nằm trên một miếng nỉ. Nó gần như trần truồng, da tái xám lại. Chiếc áo vén lên đến cổ để hở cái bụng trương phồng ra. Hai cái chân nhỏ khòng khòng của nó đầy mụn lở. Tay nó luồn dưới hông trông thật kì lạ, tựa như nó muốn nâng người lên. Đầu nó hơi lệch về một bên.

- Ơn Chúa, thằng bé "đi" rồi, - bà tôi vừa nói vừa chải mớ tóc của mình. - Tội nghiệp, nó tàn tật, sống thì làm gì được?

Ông tôi đến, chân giậm giậm như người nhảy múa. Ông thận trọng lấy ngón tay sờ vào đôi mắt đã nhắm nghiền của thằng bé. Bà tôi giận dữ nói:

- Tay chưa rửa ráy gì cả mà sờ như thế à?

Ông tôi lẩm bẩm:

- Thế đấy! Đẻ nó ra... Nó sống, nó ăn chơi... Thế mà tự dưng...

- Ông cứ tỉnh lại đi, - bà tôi ngắt lời ông.

Ông tôi đờ đẫn nhìn bà, rồi đi ra sân và nói:

- Tôi không có tiền để chôn cất nó đâu, tuỳ ý bà muốn làm sao thì làm...

- Hừ! Đồ bất hạnh!

Tôi bỏ đi và mãi đến tận chiều tối mới trở về nhà.

Thằng Colia được chôn vào sáng hôm sau. Tôi không đến nhà thờ và suốt cả buổi lễ ngồi cùng với con chó và bố thằng Iaz bên ngôi mộ của mẹ tôi đã được đào lên. Bác đào chiếc huyệt ấy với giá rẻ và luôn luôn khoe chuyện đó với tôi.

- Chỗ quen biết đấy nhé! Nếu không thì phải trả một rúp đấy!...

Nhìn xuống chiếc huyệt đất vàng bốc lên một mùi ngột ngạt, tôi thấy những tấm ván đen ẩm ướt nằm ở một bên huyệt. Mỗi lần tôi cử động nhẹ, những đống cát xung quanh huyệt lại đổ xuống, những dòng cát nhỏ chảy xuống tận đáy, để lại những

đường rãnh trên thành. Tôi cố ý cựa quậy để cho cát phủ kín những tấm ván ấy đi.

- Đừng nghịch! - bố thằng Iaz vừa hút thuốc vừa nói.

Bà tôi ôm trên tay một chiếc quan tài nhỏ màu trắng đến. Lão "mujic bẩn thỉu" nhảy xuống huyệt, đỡ lấy chiếc quan tài và đặt nó nằm bên cạnh những tấm ván đen. Sau đó bác nhảy ra khỏi huyệt, dùng cả chân lẫn xẻng hất cát xuống. Chiếc tẩu của bác bốc khói như bình hương. Ông bà tôi cũng lặng lẽ giúp bác ta. Không có cố đạo, cũng không có ăn mày, chỉ có bốn người chúng tôi giữa đám thánh giá mọc san sát.

Khi đưa tiền cho bác canh nghĩa địa, bà nói vẻ trách móc:

- Dầu sao bác cũng đã động đến vong linh con Varia[1] rồi đấy!

- Còn làm sao khác được? Như vậy mà tôi vẫn còn phải lấn sang phần đất của người khác nữa đấy. Nhưng không sao!

Bà tôi cúi rạp mình xuống chào ngôi mộ lần nữa rồi nức nở, than khóc. Sau đó bà bỏ đi. Ông theo sau bà, mắt che kín dưới tấm lưỡi trai của chiếc mũ, tay xốc lại chiếc áo khoác ngoài đã sờn cũ.

- Chúng ta đã gieo hạt giống vào miếng đất hoang mất rồi, - ông bỗng nhiên nói, rồi rảo bước lên phía trước như con quạ trên thửa ruộng đã cày rồi.

Tôi hỏi bà:

- Ông nói gì thế, bà?

- Kệ ông! Ông có những ý nghĩ riêng của ông. - bà tôi trả lời.

Trời rất nóng. Bà tôi đi, vẻ nặng nhọc. Chân bà lún xuống cát nóng. Bà luôn luôn dừng lại, lấy khăn lau mồ hôi trên mặt.

Tôi dánh bạo hỏi bà:

- Cái đen đen ở trong huyệt có phải là quan tài của mẹ cháu không hở bà?

---

[1] Tức Vacvara, mẹ Gorki.

- Phải, - bà tôi bực bội trả lời. - Chó má thật... Chưa đầy một năm mà con bé Varia đã thối rữa ra rồi! Đấy là do cát nó thấm nước đấy mà. Gặp chỗ đất sét có phải tốt hơn không...

- Ai cũng thối rữa ra à?

- Ai cũng vậy. Chỉ trừ có thánh thôi...

- Bà không rữa ra đâu!

Bà tôi dừng lại, sửa lại mũ lưỡi trai trên đầu tôi rồi nghiêm trang khuyên tôi:

- Cháu đừng nghĩ đến chuyện ấy làm gì. Không nên, cháu nghe chưa?

Nhưng tôi nghĩ: "Cái chết thật là đáng giận và đáng ghét. Thật là ghê tởm!"

Và tôi thấy trong người rất buồn bã.

Khi hai bà cháu về đến nhà thì ông tôi đã kịp đun ấm nước sôi, dọn cốc chén lên bàn rồi.

- Uống trà cái đã kẻo trời bức quá! - ông nói. - Tôi đã bỏ trà của tôi vào rồi. Đủ dùng cho cả ba.

Ông đến cạnh bà và vỗ vai bà:

- Thế nào, bà nó?

Bà tôi phẩy tay:

- Còn thế nào nữa!

- Như thế đấy! Chúa giận chúng ta nên tước đi phần này đến phần khác... Giá như gia đình ta sống đoàn tụ được như những ngón tay thì tốt biết bao...

Đã lâu ông tôi không nói những câu hiền từ và dịu dàng như vậy. Tôi lắng nghe và mong đợi sẽ dập tắt được nỗi đau xót của lòng tôi, giúp cho tôi quên được cái huyệt màu vàng và những mảnh ván ẩm ướt, đen sì nằm một bên huyệt kia đi.

Nhưng bà tôi đã ngắt lời ông bằng giọng gay gắt:

- Thôi ông im đi! Suốt đời ông nói những câu ấy, nhưng có làm cho ai bớt nỗi đau khổ? Suốt đời, ông đã làm cho mọi người mòn mỏi như gỉ ăn mòn sắt...

Ông tôi húng hắng ho, nhìn bà và yên lặng.

Buổi chiều, ở bên cổng, tôi buồn rầu kể lại cho Liutmila những việc mà tôi đã chứng kiến lúc ban sáng. Nhưng những chuyện đó không gây cho nó một ấn tượng gì đáng kể.

- Sống mồ côi thích hơn. Cha mẹ tớ mà chết đi là tớ để đứa em gái lại cho anh tớ, còn tớ thì sẽ đi tu suốt đời. Tớ còn đi đâu được nữa? Lấy chồng không được, chân khập khiễng chẳng làm được việc gì. Mà lại còn đẻ ra những đứa con cũng thọt nữa chứ...

Nó nói một cách khôn ngoan giống như những bà ở phố chúng tôi, và có lẽ cũng vì thế từ buổi chiều hôm đó tôi mất hẳn cảm tình đối với nó. Hơn nữa cuộc sống đã đi theo một chiều hướng khiến tôi càng ngày càng ít gặp đứa bạn gái ấy nữa.

Qua vài ngày sau khi đứa em tôi chết, ông tôi bảo tôi:

- Hôm nay cháu đi ngủ sớm hơn một chút. Mờ sáng ông sẽ đánh thức dậy, ông cháu ta vào rừng kiếm củi...

- Tôi cũng đi kiếm ít thuốc, - bà tôi nói.

Khu rừng thông và bạch dương nằm trên một bãi lầy cách xóm khoảng ba verxta.[1] Khu rừng đầy rẫy những cây khô và cành gẫy, một phía kéo dài đến sông Oca, còn phía kia đến tận con đường cái đi Moxcva và còn trải sang cả phía bên kia đường nữa. Trên đỉnh rừng lượn khúc đó, đám rừng thông Xavelova Griva nhô cao lên như một cái mái tròn đen sẫm.

Tất cả tài nguyên đó đều thuộc về công tước Suvalov. Chúng được bảo quản rất lỏng lẻo. Đám tiểu thị dân ở Cunavino xem khu rừng đó như của riêng của mình, đến kiếm củi, đẵn cây khô và cũng không từ cả những cây còn sống. Mùa thu để kiếm củi dự trữ cho mùa đông, hàng chục người, rìu và dây thừng giắt lưng, kéo nhau vào rừng.

---

[1] Đơn vị chiều dài Nga: 1,06 km.

Thế là từ tờ mờ sáng, ba chúng tôi đã đi trên cánh đồng xanh lấp lánh sương mai như bạc. Bên trái chúng tôi, phía bên kia sông Oca, mặt trời của nước Nga uể oải, chậm chạp thức dậy, giữa những đồi xanh của các vườn quả, những nóc tròn vàng óng của các nhà thờ, trên sườn núi "Chim gõ kiến" màu hung, trên thành phố Nijni - Novgorod trắng xoá. Một làn gió nhè nhẹ ngái ngủ thổi từ phía sông Oca êm đềm nước đục lờ lờ tới. Hoa mao lương vàng óng trĩu nặng sương mai khẽ lay động. Hoa chuông cánh màu tím thẫm lặng nghiêng mình sát đất. Hoa lạp cúc sặc sỡ lạnh lùng nhô lên trên đám đất cỏ khô cằn. Hoa cẩm chướng - "nàng tiên nữ ban đêm" - nở ra những ngôi sao hồng thắm...

Khu rừng tiến về phía chúng tôi như một đội quân màu sẫm. Những cây thông xoè cành lá như cánh những con chim lớn. Những cây bạch dương giống những cô thiếu nữ. Một mùi chua chua của bãi lầy tràn lan khắp cánh đồng. Con chó đi cạnh tôi thè chiếc lưỡi hồng ra, dừng lại, ngửi ngửi, rồi lắc lư chiếc đầu cáo của nó một cách băn khoăn.

Ông tôi mặc chiếc áo cộc của bà, đội chiếc mũ cát két cũ không có lưỡi trai. Ông nheo mắt, mỉm cười một mình, bước rón rén với đôi chân nhỏ nhắn tựa như người đi ăn trộm. Bà tôi mặc áo cánh xanh lơ, váy đen, trùm khăn trắng trên đầu. Bà lướt rất nhanh trên mặt đất, khó mà theo kịp bà.

Càng gần tới rừng, ông tôi càng hoạt bát. Ông vừa hít không khí bằng mũi, vừa đằng hắng, vừa nói, lúc đầu còn đứt quãng, không rõ, sau cao hứng lên ông nói với giọng vui vẻ, bay bướm:

- Rừng là vườn cây của Chúa. Không ai gieo chúng cả, ngoài luồng gió của Chúa, hơi thở thiêng liêng của miệng Người. Ngày xưa, ở vùng Jiguli, khi ông còn trẻ và còn làm phu kéo thuyền... Chao ôi, Lecxei, cháu sẽ không được thấy và chịu đựng những điều ông đã trải qua đâu! Dọc sông Oca suốt từ Caximov đến

Murom toàn là rừng, phía bên kia sông Volga cũng là rừng kéo dài đến tận Uran, chà!... Tất cả những khu rừng ấy thật là bao la, vô cùng tuyệt diệu...

Bà tôi liếc nhìn ông tôi và nháy mắt cho tôi. Còn ông tôi thì vừa vấp vào các mô đất, vừa đều đều tuôn ra những lời nói khô khan, mà tôi còn nhớ mãi:

- Bọn ông kéo một thuyền lớn chở bơ từ Xaratov đến chợ phiên ở Macari. Trong bọn ông có một lão quản lí là Kirilo ở Puriec và một phu trưởng người Tacta ở Caximov hình như tên là Axap thì phải. Tới Jiguli thì gió từ phía trên thổi xuống phả vào mắt. Bọn ông kiệt sức, đứng chết gí một chỗ, người lảo đảo... Cả bọn bèn cùng nhau lên bờ nấu cháo. Bấy giờ là vào hồi tháng Năm. Sông Volga rộng mênh mông như biển, sóng trên mặt sông đùa giỡn trông như hàng ngàn con thiên nga bồng bềnh trên biển Caxpien. Những rặng núi Jiguli chìm trong màu xanh của mùa xuân vươn thẳng lên cao. Trên bầu trời những đám mây trắng nhởn nhơ bay. Mặt trời như tưới vàng trên mặt đất. Bọn ông nghỉ ngơi, ngắm phong cảnh, mọi người đối với nhau trở nên thân thiện hơn. Dưới sông thì ẩm thấp, lạnh lùng, còn ở trên bờ thì thật ấm áp, dễ chịu. Đến chiều, lão Kirilo của bọn ông - một tay tính vốn âm thầm và đã đứng tuổi - đứng lên, bỏ mũ ra và nói: "Anh em ơi, tôi không còn là thầy cũng không còn là tớ của anh em nữa. Anh em hãy đi một mình, còn tôi, tôi vào rừng đây!" Bọn ông nhìn nhau ngơ ngác. Làm thế nào? Bọn ông không thể nào không có người chịu trách nhiệm trước chủ được. Người mất đầu còn đi sao được? Tuy là sông Volga đấy, nhưng trên con đường thẳng người ta cũng vẫn có thể lạc. Đôi lúc con người là một con thú dữ không có lương tri, không biết nể nang gì cả. Bọn ông hoảng cả lên. Còn lão Kirilo thì vẫn khăng khăng: "Tôi không muốn sống mãi cuộc đời làm kẻ chăn dắt anh em đâu. Tôi đi vào rừng đây!" Trong bọn ông, một số toan đánh và trói lão ta lại, một số thì đang suy nghĩ về lão ta

nên kêu lên: "Khoan đã!" Vừa lúc ấy lão phu trưởng người Tacta cũng kêu lên: "Tôi cũng bỏ đi đây!" Thật là tai vạ. Lão Tacta này đã hai mùa đánh cá bị chủ quỵt công rồi, lần này đang ngồi mùa thứ ba. Số tiền hồi ấy to lắm. Bọn ông la hét mãi, la hét đến tận tối mịt. Đến đêm thì có bảy người bỏ đi, bọn ông còn lại chừng mười sáu hoặc mười bốn người gì đó. Đấy, rừng như thế đấy!...

- Họ đi làm kẻ cướp cả hở ông?

- Có thể là kẻ cướp, mà cũng có thể là ẩn sĩ. Hồi đó người ta cũng không chú ý đến những việc này lắm.

Bà tôi làm dấu.

- Lạy Đức Mẹ Rất Thánh! Cứ nghĩ về con người bao nhiêu lại thấy thương cho họ bấy nhiêu.

- Người nào cũng có trí khôn cả, phải tự biết được ma quỷ muốn lôi cuốn mình về phía nào...

Chúng tôi đi vào rừng trên một con đường mòn ướt át, giữa những đám rừng thưa lầy lội và những đám thông xơ xác. Tôi nghĩ bụng cứ đi mãi vào sâu trong rừng như bác Kirilo ở Puriec chắc là thú vị lắm. Trong rừng không có những kẻ ba hoa, những cuộc gây gổ, những cảnh say rượu. Ở đây tôi sẽ quên được cái tính keo cú đáng ghét của ông tôi, quên được ngôi mộ cát của mẹ tôi, quên được tất cả những điều đã làm tôi đau khổ, đã đè nén trái tim tôi bằng một nỗi buồn nặng nề.

Đến một chỗ đất khô, bà tôi nói:

- Phải ăn cái đã, ngồi xuống đây!

Trong chiếc lẵng của bà có đủ các gói: bánh mì đen, hành tươi, dưa chuột, muối và pho mát tươi. Ông tôi nhìn các thứ đó một cách ngượng nghịu và nhấp nháy đôi mắt:

- Ôi, tôi chẳng mang cái gì đi ăn cả bà nó ơi...

- Đủ cho cả ba người đấy...

Chúng tôi ngồi dựa vào thân một cây thông màu đồng thẳng

đứng. Không khí tràn đầy mùi nhựa cây. Một làn gió nhẹ từ đồng nội thổi tới. Đám cây mộc tặc lay động. Bà tôi đưa bàn tay đen sạm ra ngắt dám cỏ lá và kể cho tôi nghe về tác dụng chữa bệnh của cây ban, cây hoắc dương, cây mã đề, về hiệu lực mầu nhiệm của cây dương xỉ, cây liễu diệp, cây "cỏ bay".

Ông tôi dẫn những cây khô và tôi phải mang xếp vào một chỗ. Nhưng tôi lén bỏ đi vào rừng theo bà tôi. Bà nhẹ nhàng bơi giữa đám thân cây to lớn và luôn luôn cúi xuống mặt đất phủ đầy lá thông nhọn. Bà vừa đi vừa nói một mình:

- Nấm apionole mọc sớm thì sẽ lại mất mùa nấm! Chúa ơi, Chúa còn thiếu chăm sóc đến kẻ nghèo khó. Đối với kẻ nghèo thì chút nấm cũng là một thức ăn ngon lành rồi!

Tôi im lặng rón rén đi sau bà, cố làm cho bà không để ý đến tôi. Tôi không muốn ngăn trở bà nói chuyện với Chúa, với cỏ cây, với ếch nhái...

Nhưng bà tôi đã trông thấy tôi:

- Chạy trốn ông dấy à?

Và vừa cúi chào mặt đất đen khoác một chiếc áo lễ xanh lộng lẫy, bà vừa kể chuyện ngày xưa có lần Chúa giận loài người, bèn đổ nước ngập mặt đất và làm chết đuối mọi sinh vật.

- Nhưng Đức Mẹ nhân từ đã thu nhặt trước cả các hạt giống cho vào lẵng và giấu đi. Sau đó Đức Mẹ cầu xin mặt trời: "Người hãy làm khô tất cả mặt đất đi, loài người sẽ ca tụng Người vì công ơn đó!" Mặt trời liền làm khô trái đất. Đức Mẹ bèn đem gieo những hạt giống đã giấu. Chúa nhìn xuống thấy trên mặt đất lại đầy rẫy sinh vật - cỏ cây, thú vật và người... Chúa phán hỏi: "Ai là kẻ đã cưỡng lại ý ta?" Bấy giờ Đức Mẹ mới thú lỗi với Chúa. Chính Chúa lúc ấy cũng hối tiếc vì thấy mặt đất trơ trụi quá, Chúa mới nói với Đức Mẹ rằng: "Người làm như vậy thật là tốt!"

Câu chuyện làm tôi rất thích. Nhưng ngạc nhiên quá, tôi nghiêm trang hỏi lại:

- Có thật như vậy không bà? Sau đời Hồng thuỷ lâu lắm rồi mới sinh ra Đức Mẹ cơ mà.

Bây giờ đến lượt bà tôi kinh ngạc.

- Ai nói với cháu như vậy?

- Ở trường, trong các sách đều có nói...

Câu trả lời đó làm cho bà yên lòng, bà khuyên tôi:

- Cháu đừng có nhớ cái đó làm gì. Sách vở đều nói láo tuốt. Sách với vở!

Và bà tủm tỉm cười vui vẻ.

- Cái bọn ngu ngốc ấy thật khéo là bịa chuyện! Có Chúa mà lại không có mẹ Chúa, hừ! Thế thì Chúa do ai sinh ra?

- Cháu không biết.

- Quý chửa! Học dược đến cái "cháu không biết" cơ à?

- Ông cố đạo nói rằng Đức Mẹ là con của Joasim và Ana.

- Tức là Maria Joximovna ấy à?

Bà tôi nổi cáu lên. Bà đứng trước mặt tôi và nghiêm khắc nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Nếu mày còn nghĩ như vậy, tao sẽ dần cho một trận đấy!

Nhưng sau một lát bà giải thích cho tôi:

- Đức Mẹ hằng có đời đời, có trước cả muôn loài... Chúa do Đức Mẹ sinh ra, sau đó...

- Thế còn Chúa Jexu thì ai sinh ra:

Bà tôi lúng túng nhắm mắt lại và im lặng.

- Chúa Jexu do ai sinh ra à...?

Tôi thấy rằng mình đã thắng và làm dược bà rối trí về những điều bí ẩn của các vị Chúa, nhưng tôi không cảm thấy thích thú với việc đó.

Chúng tôi mỗi lúc một đi sâu vào rừng, giữa bóng tối mờ mờ xanh đang bị những tia nắng vàng chói của mặt trời xuyên qua. Trong bầu không khí ấm cúng của khu rừng có những tiếng rì

rào đặc biệt, đầy mơ màng như đang dịu dàng thở, khêu gợi những niềm mơ ước. Chim mỏ chéo kêu ken két, chim sẻ ngô hót lanh lảnh, chim cu cu cười, chim vàng anh huýt sáo, tiếng hót ghen tuông của chim mai hoa ngân lên không ngừng, chim ác là - một giống kì lạ - hót trầm ngâm. Những con nhái con lóng lánh như ngọc bích nhảy dưới chân.

Giữa những rễ cây, một chàng rắn nước đang nằm ngóc chiếc đầu vàng óng lên rình chúng. Một chú sóc kêu lách tách, chiếc đuôi xù lông tơ của nó thấp thoáng giữa những cành thông. Tôi được thấy bao nhiêu là cảnh tượng, nhưng vẫn còn muốn thấy nhiều hơn nữa, muốn đi xa hơn nữa.

Giữa những thân cây thông, những bóng người to lớn trong suốt và lung linh hiện ra rồi lại biến mất trong đám lá xanh rậm rạp. Qua tấm màn xanh đó hé ra một mảnh trời xanh lơ trắng bạc. Đám rêu nằm dưới chân trông như một tấm thảm lộng lẫy, thêu bằng những bụi việt quất nhỏ và những dây leo khô. Những quả hạnh lấp lánh trong các bụi cỏ như những giọt máu. Mùi nấm sực nức như cố ý chọc tức người ta.

- Đức Mẹ Rất Thánh, Người là ánh sáng trong lành của trái đất, - bà tôi thở dài cầu nguyện.

Ở trong rừng bà tôi giống như một bà chủ, một người thân thích của mọi cảnh vật xung quanh. Bà bước đi như một mẹ gấu, cái gì cũng thấy hết, bà luôn ngợi khen và cảm ơn chung quanh. Từ người bà như toát ra một hơi ấm tràn lan khắp khu rừng. Tôi thích nhất khi trông thấy những đám rêu bị chân bà giẫm nhầu lại trở lại phẳng phiu vươn lên như cũ.

Tôi vừa đi vừa nghĩ: "Làm một tên tướng cướp thật là khoái. Cứ cướp hết của bọn tham lam, giầu có rồi đem phân phát những đồ đã cướp được đó cho những người nghèo; thế là mọi người đều được sống no nê, vui vẻ, không ghen ghét nhau, không cắn xé lẫn nhau như những con chó dữ. Và cũng tốt nếu

đi được đến tận Chúa và Đức Mẹ của bà tôi để kể tất cả mọi sự thật về cuộc sống vô cùng khổ sở của con người, về việc họ chôn nhau một cách thật là tủi nhục trong những lớp cát bẩn thỉu. Và nói chung, còn biết bao nhiêu điều tủi nhục trên mặt đất, những điều hoàn toàn chẳng cần thiết gì cả. Nếu Đức Mẹ tin tôi. Người hãy ban cho tôi một trí tuệ thông minh, để có thể xếp đặt mọi công việc một cách khác, cho tốt hơn lên. Hãy để mọi người tin và nghe lời tôi, tôi sẽ tìm ra được con đường cho họ sống tốt hơn. Tôi tuy còn nhỏ đấy những cũng chẳng sao. Chúa Jexu chỉ hơn tôi có một tuổi, vậy mà lúc đó mọi nhà hiền triết đều đã chẳng nghe lời Người đó sao?"

Một lần đang say sưa với những suy nghĩ, tôi ngã lăn xuống một hố sâu, gáy bị toạc da và một bên hông bị rễ cây cào xước. Ngồi dưới đáy hố trong đám bùn lạnh, dính nhớp nháp như nhựa, tôi thấy không thể leo lên được và xấu hổ quá. Mà kêu la để cho bà phải sợ hãi thật là không tiện. Nhưng rồi tôi cũng phải gọi bà lại.

Bà tôi lôi mạnh tôi ra khỏi hố rồi làm dấu và nói:

- Lạy Chúa tôi! Cũng may mà hang gấu trống không, chứ nếu chủ nó nằm nhà thì chết.

Bà dở cười dở khóc. Sau đó bà dẫn tôi ra suối rửa ráy cho tôi, lấy áo cánh của bà buộc các vết thương cho tôi sau khi đã đặt vào đấy những mớ lá gì đó để làm dịu bớt chỗ đau. Rồi bà dẫn tôi đến chòi canh bên đường xe lửa vì tôi mệt quá không thể đi về nhà được.

Từ đó hầu như ngày nào tôi cũng nài xin bà tôi:

- Bà ơi, vào rừng đi!

Bà luôn sẵn sàng ưng thuận ngay. Chúng tôi sống như vậy suốt cả mùa hè cho đến cuối mùa thu, chuyên đi hái lá thuốc, quả, nấm và hồ dào. Bà tôi mang bán những thứ hái được và hai bà cháu sống bằng số tiền kiếm được đó.

- Quân ăn bám! - ông lại hay rít lên như vậy, tuy chúng tôi hoàn toàn không đụng đến bánh mì của ông.

Rừng cây mang đến cho tôi một cảm giác thư thái và ấm cúng. Trong nguồn cảm giác đó, tôi quên hết mọi nỗi buồn rầu, mọi điều bực dọc, đồng thời trong người tôi lại thấy nẩy sinh tính nhậy cảm đặc biệt: thính giác và thị giác trở nên sắc bén hơn, trí nhớ tinh tế hơn, và sức thâu nhận các ấn tượng cũng sâu sắc hơn.

Bà tôi càng ngày càng làm tôi ngạc nhiên. Tôi đã quen coi bà tôi là một người vượt lên trên tất cả mọi người, một người hiền từ nhất và thông minh nhất đời, và bà vẫn không ngừng củng cố thêm lòng tin đó. Có một lần vào buổi chiều, sau khi hái xong mớ nấm trắng, chúng tôi đi trên đường về nhà. Ra tới cửa rừng, bà tôi ngồi nghỉ, còn tôi thì đi lùng sau đám cây xem có nấm nữa hay không.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy giọng nói của bà tôi. Nhìn ra, tôi thấy bà ngồi trên con đường mòn đang bình tĩnh cắt rễ nấm. Cạnh bà là một con chó xám, gầy guộc đứng thè lưỡi.

- Mày đi đi, đi nơi khác đi, - bà tôi nói, - cút đi!

Cách đó không lâu, Valioc đã đánh bả chết mất con chó của tôi, nên tôi rất muốn thu phục con chó mới này. Tôi liền chạy ra đường mòn. Con chó cong lưng lại một cách kì lạ. Không ngoái cổ, nó nhìn tôi bằng cặp mắt xanh lè háu đói rồi cụp đuôi nhảy vào rừng. Điệu bộ của nó không giống các con chó thông thường. Khi tôi huýt sáo, nó nhảy xộc vào bụi rậm.

- Thấy chưa? - bà tôi mỉm cười, hỏi tôi. - Thoạt đầu mới trông thấy, bà nghĩ nó là chó, nhưng nhìn kĩ thì mới thấy rằng nanh chó sói, cả cổ cũng vậy. Bà sợ quá. Bà bảo: "Thôi được, nếu mày là chó sói thì đi nơi khác đi!" Cũng may mà mùa hè chó sói còn hiền đấy...

Bà tôi không bao giờ lạc trong rừng, bao giờ bà cũng xác định

được rất đúng con đường trở về nhà. Ở một chỗ nhất định, qua mùi cỏ, bà có thể biết được có loại nấm nào mọc và bà luôn luôn khảo sát tôi:

- Nấm sữa hay mọc dưới cây nào? Cháu làm thế nào để phân biệt nấm *russule* lành với nấm độc? Còn loại nấm nào thích cây dương xỉ?

Dựa theo những vết xước khó thấy trên vỏ cây, bà tôi chỉ cho tôi những hốc của sóc ở. Tôi leo lên cây và khoắng sạch tổ của chúng, lấy hết những hạt hồ đào dự trữ cho mùa đông. Có khi tôi lấy được đến mười funt[1] trong một hốc...

Một lần, tôi đang làm công việc đó thì một người đi săn đã tương vào sườn bên phải tôi hai mươi bảy viên đạn chì săn chim dẽ. Bà tôi lấy kim khều ra được mười một viên; những viên còn lại cứ nằm lì trong da nhiều năm, rồi cũng dần dần thòi ra.

Bà tôi rất hài lòng khi thấy tôi chịu đau một cách kiên trì.

- Cừ lắm, - bà tôi khen, - có kiên trì là khắc có bản lĩnh.

Mỗi khi bán nấm và hồ đào mà dành dụm được ít tiền, bà tôi lại phân phát số tiền đó trên các bậc cửa sổ để "bố thí kín đáo", còn chính bà thì lại mặc áo rách dầy mụn vá, cả trong những ngày lễ.

- Bà ăn mặc tồi tệ hơn cả ăn mày, làm xấu hổ cả tôi, - ông tôi càu nhàu.

- Không sao! Tôi chẳng phải là con gái của ông, mà cũng không phải đến tuổi lấy chồng.

Những cuộc cãi cọ giữa ông bà tôi mỗi ngày mỗi thường xuyên.

- Tôi không nhiều tội hơn kẻ khác nhưng lại bị trừng phạt nhiều hơn thế này đây! - ông tôi tức giận kêu lên.

Bà tôi nhạo ông:

---

[1] Một funt bằng 409,5gr.

- Ma quỷ chúng biết thừa kẻ nào đáng tội gì.

Và bà nói riêng với tôi:

- Ông lão sợ ma quỷ lắm! Ấy đấy ông cháu già nhanh chỉ vì sợ... Thật tội nghiệp...

Suốt mùa hè tôi khoẻ hẳn ra và thường sống cô độc trong rừng, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của lũ bạn cùng lứa tuổi, đến Liutmila nữa - đối với tôi, nó có vẻ khôn ngoan một cách vô vị...

Một hôm, ông tôi từ thành phố trở về, khắp người ướt đẫm - trời đã sang thu, mưa rơi tầm tã - ông đứng ở ngưỡng cửa giũ quần áo như một con chim sẻ và trịnh trọng nói:

- Này, ôn con, mai sửa soạn đi nhậm chức nhé!

- Còn đi đâu nữa? - bà tôi giận dữ hỏi.

- Đến ở với thằng con của mụ Mat'riona, em gái bà ấy...

- Chao ôi, ông ơi, ông tính sai mất rồi!

- Thôi im đi, mụ ngốc! Có thể người ta sẽ dạy dỗ cho nó thành thợ vẽ đấy!

Bà tôi cúi đầu yên lặng.

Buổi chiều, tôi nói cho Liutmila biết rằng tôi sẽ ra tỉnh và sẽ sống ở đó.

- Tớ cũng sắp bị đưa ra ngoài ấy đấy, - nó đăm chiêu báo tin cho tôi. - Bố tớ muốn người ta cắt hẳn chân tớ đi. Không có chân, tớ sẽ khoẻ lên...

Mùa hè qua nó gầy hẳn đi. Da mặt nó xanh nhợt ra, mắt to hơn.

- Có sợ không? - tôi hỏi.

- Sợ chứ! - nó nói và khóc nức nở lên không thành tiếng. Tôi chẳng biết an ủi nó bằng cách gì vì chính tôi cũng sợ cuộc sống ở thành thị. Chúng tôi ngồi sát vào nhau rất lâu trong một bầu không khí lặng lẽ âm thầm.

Nếu là mùa hè thì tôi đã rủ bà tôi đi ăn xin như bà đã từng

đi hồi còn nhỏ, chúng tôi có thể mang Liutmila đi theo và tôi sẽ kéo nó đi trên một chiếc xe con...

Nhưng bây giờ đang là mùa thu. Gió ẩm ướt thổi trên đường phố. Bầu trời luôn luôn bị mây che phủ. Mặt đất thì nhăn nheo và trở nên bẩn thỉu, buồn tẻ quá chừng...

IV

Tôi lại ra tỉnh ở, trong một ngôi nhà hai tầng quét vôi trắng, giống như một chiếc quan tài chung cho rất nhiều người. Nhà thì mới, nhưng trông có vẻ ọp ẹp, sưng húp như một người ăn mày bỗng dưng giàu có và vội vã nhồi nhét đến phát phì ra. Ngôi nhà đứng quay sườn ra đường phố. Mỗi tầng có tám cửa sổ, còn phía mặt chính của nhà thì có bốn cửa sổ. Cửa sổ các tầng dưới trông ra sân và một ngõ hẹp. Cửa sổ tầng trên thì trông qua hàng rào sang căn nhà nhỏ của một mụ thợ giặt và một cái rãnh bẩn thỉu.

Không có phố nào cho ra phố. Một cái rãnh bẩn thỉu chạy dài trước nhà, có hai tấm ván hẹp bắc ngang. Bên trái, cái rãnh dẫn đến trại lính phạt tù. Rác rưởi của mọi nhà đều mang ra đổ xuống đấy, dưới đáy rãnh là một vũng bùn xanh thẫm đặc sệt. Bên phải, phía cuối rãnh là chiếc đầm Zvezdin nhiều bùn toả lên mùi chua chua. Giữa rãnh, vừa đúng đối diện với ngôi nhà. Một nửa bên này đầy rác rưởi, mọc đầy những cây gai, cây ngưu bàng, cây chua me ngựa. Nửa bên kia, linh mục Dorimedon Pocrovki sửa sang thành một khu vườn. Trong vườn có một ngôi nhà hóng mát làm bằng phên mỏng sơn xanh. Nếu liệng vài hòn đá to vào chiếc nhà đó, những tấm phên sẽ toạc ra kêu bùng bục.

Chỗ ở thật là buồn tẻ và bẩn thỉu kinh khủng. Mùa thu làm biến dạng hẳn mặt đất sét đầy rác rưởi, biến nó thành một lớp nhựa vàng khè dính lầy nhầy lấy chân. Tôi chưa bao giờ thấy nhiều bùn như vậy trong một khoảng không gian nhỏ chừng ấy! Vốn quen với sự sạch sẽ của đồng ruộng, rừng cây, cái góc này của thành phố gây cho tôi nỗi buồn nhớ và chán ghét.

Phía bên kia rãnh là những dãy hàng rào xám cũ nát nối nhau chạy dài. Xa xa, giữa đám hàng rào, tôi trông thấy ngôi nhà nhỏ màu nâu xám mà tôi đã sống ở đấy dạo mùa đông, khi còn làm thằng nhỏ đứng coi hàng cho cửa hiệu. Sự gần gũi với ngôi nhà ấy càng làm cho tôi thấy nặng nề. Tại sao một lần nữa tôi lại phải sống ở khu phố này?

Tôi đã biết người chủ của tôi từ trước. Cậu ấy thường đến thăm mẹ tôi cùng với người em của cậu, một người hay kêu the thé một cách buồn cười:

- Bố Andrei, bố Andrei!

Cả hai cậu trông vẫn như xưa: cậu anh mũi khoằm, để tóc dài, người trông dễ thương và có vẻ tốt bụng; cậu em là Victor vẫn còn giữ bộ mặt ngựa đầy tàn hương như trước kia. Mẹ của họ, tức là em bà ngoại tôi, là một người bẳn tính và hay la hét. Cậu anh đã có vợ. Vợ cậu trông rất diêm dúa, trắng như bột mì. Mợ có cặp mắt to màu huyền. Ngay những ngày đầu, mợ đã hai lần bảo tôi:

- Tao đã tặng cho mẹ mày một chiếc áo dài lụa ngắn tay có đính hạt cườm...

Không hiểu sao tôi không muốn tin rằng mợ đã tặng và mẹ tôi đã nhận món quà đó. Khi thấy mợ nhắc lại với tôi về chiếc áo đó một lần nữa, tôi bèn khuyên mợ:

- Đã tặng rồi thì dừng có khoe khoang nữa.

Mợ sợ hãi nhảy lùi lại phía sau, cách xa tôi.

- Sao? Mày nói với ai đấy?

Mặt mợ nổi lên những đốm đỏ, mắt trợn lên, mợ gọi chồng lại.

Người chồng đi vào bếp, tay cầm cái compa, bút chì giắt trên mang tai, lắng nghe vợ nói rồi bảo tôi:

- Phải xưng hô với mợ và với mọi người cho tử tế. Không được xấc láo!

Sau đó, cậu sốt ruột bảo vợ:

- Em đừng có quấy rầy anh với những chuyện vớ vẩn như vậy!

- Sao, chuyện vớ vẩn à? Nếu thằng cháu họ của anh...

- Quỷ bắt nó đi, họ với hàng! - cậu la lên và chạy mất.

Tôi cũng không thích cho những người đó là họ hàng với bà tôi. Theo sự quan sát của tôi thì người trong họ đối đãi với nhau còn tồi hơn là người ngoài. Họ biết những chuyện xấu và lố bịch của nhau nhiều hơn người ngoài, và họ càng đặt điều cho nhau một cách thâm độc hơn, càng cãi nhau và đánh nhau nhiều hơn.

Tôi thấy mến cậu chủ. Cậu thường có kiểu hất tóc rất đẹp, rồi giắt ra sau mang tai, khiến tôi thấy cậu có một cái gì giống như bác Tốt Lắm.[1] Cậu thường cười một cách khoái trí; cặp mắt xám nhìn thật hiền hậu; những nếp nhăn nho nhỏ hằn lên hai bên mũi khoằm trông thật ngộ nghĩnh.

- Đồ quỷ,[2] cãi nhau thế là đủ rồi đấy! - cậu nói với vợ và mẹ, để lộ ra bộ răng nhỏ và sít qua nụ cười dịu dàng.

Mẹ chồng và con dâu chửi nhau hàng ngày. Tôi rất lấy làm lạ thấy họ cãi nhau một cách dễ dàng và nhanh chóng. Từ sáng sớm, cả hai còn chưa kịp chải đầu, cài áo, họ đã bắt đầu lồng lộn lên trong phòng như là nhà bị cháy. Họ chạy ngược chạy xuôi suốt ngày, chỉ nghỉ khi ngồi vào bàn ăn trưa, uống trà chiều và ăn tối mà thôi. Họ ăn họ uống nhiều đến nỗi say tuý luý và mệt phờ ra.

---

[1] Xem chương VIII trong *Thời thơ ấu* của Gorki.

[2] Nguyên văn: đồ muông thú!

Trong bữa ăn, họ bàn tán về các món ăn và uể oải nói khấy nhau để chuẩn bị cho cuộc cãi nhau sắp tới. Dù cho mẹ chồng có nấu nướng như thế nào, nàng dâu cũng cứ nói:

- Mẹ tôi không làm như thế này đâu.
- Không làm như thế chỉ có tồi hơn thôi!
- Không, hơn chứ!
- Thế thì xéo về với mẹ mày mà ở.
- Tôi là chủ nhà ở đây!
- Thế còn tao thì là gì?

Cậu chủ xen vào:

- Thôi đủ rồi, đồ quỷ! Các người điên cả hay sao?

Mọi việc trong nhà đều lạ lùng và buồn cười hết sức. Lối đi từ bếp vào phòng ăn xuyên qua một chuồng xí độc nhất trong nhà, vừa nhỏ vừa hẹp, người ta phải đi qua đó để mang ấm xamovar và các món ăn vào phòng ăn. Cái chuồng xí này là một đề tài của những trò đùa vui nhộn và thường là nguyên nhân của những sự hiểu lầm tức cười. Tôi có nhiệm vụ phải đổ nước vào thùng trong chuồng xí. Còn ngủ thì ở trong bếp, đối diện với cửa chuồng xí, và cạnh chiếc cửa dẫn ra bậc hiên chính. Đầu tôi thì nóng vì cái bếp lò, mà chân thì bị gió lạnh ngoài hiên lùa vào. Khi đi ngủ, tôi thu nhặt tất cả các miếng thảm chùi chân và đắp lên chân.

Trong phòng khách lớn có hai tấm gương treo ở bức tường giữa các cửa sổ, những bức tranh được giải thưởng trong *Niva*[1] lồng khung thiếp vàng, hai chiếc bàn để đánh bài và một tá ghế mây kiểu Viên. Gian phòng hoang vắng và buồn tẻ. Gian phòng khách nhỏ thì chất chật ních những đồ gỗ linh tinh có đệm, những cái giá hình tháp để của "hồi môn", những đồ dùng bằng bạc, ấm chén trà. Ba chiếc đèn lớn nhỏ khác nhau tô điểm cho

[1] *Niva*: tên một tờ báo có những phụ trương in các tranh được giải thưởng. Tạp chí mang tính chất bảo thủ và phổ cập trong các giới quan lại, viên chức, giới tu hành, giới thị dân giàu có.

căn phòng. Trong phòng ngủ tối om không có cửa sổ, ngoài chiếc giường rộng ra, còn có những hòm xiểng và tủ đứng toả ra mùi thuốc lá và mùi hoa cúc Ba Tư. Ba căn phòng trên luôn luôn bỏ trống, còn chủ nhà thì chen chúc nhau trong gian phòng ăn nhỏ bé, người nọ vướng người kia. Khoảng tám giờ, ngay sau bữa uống trà sáng, hai người cậu kéo bàn rộng ra và bày lên trên những tờ giấy trắng, hộp đồ vẽ, bút chì, đĩa mực đen rồi bắt đầu làm việc, mỗi người ngồi một đầu bàn, đối diện nhau. Chiếc bàn cứ gập ghềnh. Nó choán khắp cả căn phòng. Vì vậy mỗi khi mụ vú nuôi và mợ chủ đi từ buồng trẻ ra, họ lại vướng phải các cạnh bàn.

- Đừng có quanh quẩn ở đây! - cậu Victor kêu lên.

Mợ chủ tức giận bảo chồng:

- Vaxia,[1] anh phải bảo cậu ấy đừng có mà quát tháo tôi!

- Nhưng em đừng có làm rung bàn, - cậu chủ giọng dàn hoà, ôn tồn khuyên vợ.

- Em bụng mang dạ chửa, mà ở đây thì chật chội...

- Thôi được, chúng tôi sẽ vào phòng lớn làm việc.

Nhưng mợ chủ tức giận kêu lên:

- Trời ơi, có ai làm việc trong phòng khách lớn bao giờ?

Từ sau chiếc cửa chuồng xí ló ra bộ mặt tức tối, nóng đỏ vì lửa bếp của bà lão Mat'riona Ivanovna. Bà ta kêu lên:

- Đấy, Vaxia, con thử nhìn xem: con làm việc, còn nó thì rặn đẻ trong cả bốn phòng vẫn chưa đủ. Cứ như bà chúa ấy, mà nào có giỏi giang gì...

Cậu Victor cười một cách châm chọc, còn cậu chủ thì quát lên:

- Thôi, đủ rồi!

Nhưng người con dâu sau khi đã trút như thác đổ lên đầu

[1] Tức Vaxili.

mẹ chồng những lời lẽ văn vẻ và cay độc nhất, bèn lăn ra ghế và rên rỉ:

- Tôi sẽ đi đây! Tôi chết mất thôi!

- Yên cho tôi làm việc, quỷ bắt các người đi! - cậu chủ quát tướng lên, mặt tái đi vì phải cố sức. - Thật là một cái nhà điên. Chính vì để nuôi các người mà tôi phải làm việc đến gẫy lưng ra đây! Chao ôi, đồ quỷ!...

Thoạt đầu những cuộc cãi cọ ấy làm tôi sợ hãi. Tôi sợ nhất hôm mợ chủ túm lấy con dao ăn và chạy vào chuồng xí. Mợ khoá trái cửa lại rồi gào khóc dữ dội ở trong đó. Trong nhà lặng đi một phút, rồi cậu chủ tì hai tay vào cánh cửa, cúi khom xuống và quát tôi:

- Trèo lên lưng tao đập vỡ kính rồi nhấc cái móc ra!

Tôi vội nhảy phắt lên lưng cậu, đập vỡ tấm kính phía trên cửa. Nhưng khi tôi định cúi người vào trong thì mợ chủ liền lấy chuôi dao cứ thế gõ vào đầu tôi một thôi. Dầu sao tôi cũng mở được cửa và cậu tôi phải trầy trật lắm mới kéo được vợ ra phòng ăn và tước lấy con dao. Ngồi trong bếp xoa bóp chỗ đầu bị đánh, tôi đoán ra ngay rằng mình đã uổng công chịu đau: con dao đã cùn đến nỗi cắt bánh mì còn khó thì cứa cổ thế nào được? Tôi không cần phải nhảy lên lưng cậu chủ làm gì. Đứng trên ghế, tôi cũng có thể đập vỡ tấm kính ra rồi. Và cuối cùng tốt nhất là để cho người lớn mở khoá ra vì tay của họ dài hơn! Sau câu chuyện đó, những cuộc cãi cọ trong nhà không còn làm tôi sợ hãi nữa.

Cả hai cậu cùng hát trong đội đồng ca ở nhà thờ. Có khi đang làm việc, họ cất tiếng hát khe khẽ, cậu anh mở đầu, giọng hơi trầm:

Tôi đã đánh rơi xuống biển
Chiếc nhẫn của người trinh nữ...[1]

[1] Bài hát cổ, lời của V. A. Jucovxki.

Cậu em tiếp, giọng nam cao:

Và cũng với chiếc nhẫn của nàng
Tôi đã mất cả hạnh phúc trần gian.

Từ trong phòng trẻ vẳng ra tiếng kêu khẽ của mợ chủ:

- Các người điên đấy à? Thằng bé đang ngủ...

Hoặc:

- Vaxia, anh đã có vợ rồi, có thể không cần hát về những nàng trinh nữ nữa, hát để làm gì mới được chứ? Mà bây giờ cũng sắp chuông chầu rồi...

- Thế thì bọn tôi hát một bài thánh ca vậy...

Nhưng mợ chủ khuyên rằng, nói chung không nên hát thánh ca bất cứ ở chỗ nào, nhất là... - và mợ chỉ tay một cách hùng hồn về phía chiếc cửa nhỏ.

- Phải chuyển nhà ở mới được. Không thì tôi đến điên lên mất! - cậu chủ nói.

Cậu cũng nói không ít về việc phải đổi bàn, nhưng cậu cứ nói như vậy suốt hơn ba năm trời.

Nghe những câu chuyện của nhà chủ bàn về người đời, tôi lại luôn luôn nhớ đến cửa hiệu giày, ở đấy người ta cũng hay nói đến những chuyện như vậy. Tôi thấy rõ rằng những người chủ này của tôi cũng tự cho mình là ưu việt nhất trong thành phố. Họ biết những phép cư xử đúng đắn nhất, và dựa trên những phép tắc mù mờ đối với tôi đó mà kết tội mọi người một cách tàn nhẫn không thương tiếc. Sự kết tội đó làm cho tôi bực tức điên cả người và cứ muốn chống lại những lệnh của nhà chủ. Phá vỡ những luật lệ đó là một nguồn thích thú đối với tôi.

Công việc của tôi rất nhiều: tôi phải làm nhiệm vụ của con sen, thứ tư lau sàn bếp, đánh ấm xamovar và các đồ đồng, thứ bảy - lau sàn cả nhà và hai chiếc cầu thang. Tôi chẻ củi và mang đến các bếp lò, rửa bát đĩa, nhặt rau, đi chợ với mợ chủ, xách giỏ thức ăn đi theo sau, chạy đi mua hàng lặt vặt, mua thuốc...

Người cai quản sát tôi nhất là em gái bà tôi - bà già hay làm ầm ĩ, lúc nào cũng nổi giận. Bà ta dậy sớm, vào khoảng sáu giờ sáng. Sau khi rửa mặt rất nhanh, mặc có độc một chiếc áo cánh, bà quỳ trước tượng Chúa và than thở rất lâu với Chúa về cuộc đời của mình, về con cái, nàng dâu.

- Lạy Chúa! - bà nghẹn ngào thốt lên, chụm ngón tay áp vào trán. - Lạy Chúa, con không cầu xin gì cả, con không cần gì cả. Chỉ xin Chúa cho con được nghỉ ngơi. Chúa hãy ban phước lành cho con!

Những tiếng kêu cầu của bà làm tôi tỉnh giấc. Tôi nằm trong chăn nhìn ra và sợ hãi lắng nghe những lời cầu nguyện sôi nổi đó. Buổi sáng mùa thu lờ mờ hiện trên những tấm kính đẫm nước mưa của chiếc cửa sổ nhà bếp. Trong bóng tối mờ mờ lạnh lẽo, một bóng xám lắc lư trên sàn nhà, vẫy vẫy bàn tay một cách lo lắng. Phía dưới chiếc khăn vuông đã xổ, vài mớ tóc nhạt màu từ trên chiếc đầu nhỏ xoã xuống cổ và vai. Chiếc khăn mỗi lúc một tụt khỏi đầu. Bà già đưa tay trái lên sửa vội chiếc khăn, miệng lẩm bẩm:

- Ma quỷ xé xác mày ra!

Bà run rẩy đập vào trán, vào bụng và hai vai rồi kêu rít lên:

- Xin Chúa hãy vì con mà trừng phạt đứa con dâu. Chúa hãy trút cho nó tất cả mọi nỗi bực tức của con! Xin Chúa hãy mở mắt cho đứa con trai của con, cho đứa con dâu và cho cả thằng Victorusca[1] nữa! Lạy Chúa, Chúa hãy giúp đỡ thằng Victorusca, ban phước lành cho nó...

Victorusca đang nằm ngủ trên gác lửng cạnh lò sưởi ở ngay trong bếp. Bị đánh thức bởi tiếng rên rỉ của mẹ, cậu ta quát lên bằng giọng ngái ngủ:

- Mới bảnh mắt ra, mẹ đã lại bù lu bù loa lên rồi! Thật là khốn khổ!

---

[1] Tức Victor.

- Thôi được, thôi được, ngủ đi, - bà già thì thào vẻ hối lỗi. Bà im lặng lắc lư một hai phút rồi bỗng lại kêu lên, giọng đầy thù hằn: - Làm sao cho chúng đau nhức khắp trong xương, không nhà không cửa, lạy Chúa...

Ngay đến ông tôi cũng không cầu nguyện một cách kinh khủng đến thế.

Cầu nguyện xong, bà đánh thức tôi dậy:

- Dậy đi thôi. Nuôi mày có phải là để nằm ườn ra đấy đâu!... Đi đặt ấm xamovar lên, mang củi vào. Hôm qua không chẻ đóm rồi phải không? Hừ!

Tôi cố gắng làm thật nhanh mọi công việc để khỏi phải nghe những tiếng léo nhéo của bà già; nhưng không thể nào làm vừa ý bà ta được. Bà lồng lên trong bếp như một cơn bão tuyết mùa đông, vừa gầm rống vừa kêu rít lên:

- Khẽ chứ, thằng quỷ sứ! Mày mà làm cậu Victorusca thức dậy thì tao sẽ cho mày một trận! Chạy ra hiệu...

Ngày thường, họ mua cho mợ chủ hai funt bánh mì trắng và hai copec bánh mì loại rẻ tiền để dùng cho bữa uống trà sáng. Khi tôi mang bánh về, hai người đàn bà ngắm nghía miếng bánh với vẻ nghi ngờ, cầm trên lòng bàn tay cân nhắc thử rồi hỏi:

- Còn có mẩu thêm nào nữa không? Không có à? Há mồm ra xem nào! - rồi họ đắc thắng kêu lên: - Nó chén mất miếng thêm ấy rồi. Thấy chưa, còn dính một chút ở răng kia kìa!...

Tôi làm việc một cách tự nguyện. Tôi thích làm cho nhà cửa thật sạch sẽ, tôi lau sàn, đánh đồ đồng, lau ống thông hơi và các nắm đấm cửa. Đã nhiều lần tôi nghe thấy bọn đàn bà nói về tôi trong những giờ phút họ hoà thuận với nhau.

- Thằng bé chịu khó đấy chứ.

- Nó ưa sạch sẽ.

- Chỉ phải cái xấc láo quá.

- Thì có ai giáo dục nó đâu, hở mẹ!

Và cả hai đều cố giáo dục tôi kính trọng họ, nhưng tôi cho họ là những kẻ điên dở nên không thích, không nghe lời và hay ăn miếng trả miếng với họ. Mợ chủ có lẽ nhận thấy nhiều câu nói của mình không có tác dụng gì đối với tôi nên hay nói:

- Mày phải nhớ rằng mày là con một gia đình hèn kém! Tao đã cho mẹ mày một chiếc áo dài lụa ngắn tay. Có đính hạt cườm nữa.

Một hôm, tôi đáp lại:

- Có lẽ vì chiếc áo đó mà cháu phải lột da ra để trả mợ chắc?

- Cha mẹ ơi, thằng này có thể đốt nhà được đấy! - Mợ chủ sợ hãi kêu lên.

Tôi vô cùng ngạc nhiên: tại sao lại đốt nhà!

Cả hai người đàn bà luôn luôn than phiền về tôi với cậu chủ. Cậu nghiêm khắc bảo tôi:

- Này anh bạn, liệu hồn đấy!

Nhưng có lần, cậu thờ ơ bảo vợ và mẹ:

- Còn các người thì cũng tốt lắm đấy! Các người làm tình làm tội thằng bé, như cưỡi một con ngựa thiến ấy. Giá như đứa khác thì nó đã chuồn từ lâu rồi, hay cũng đến chết rấp vì bấy nhiêu công việc...

Những lời đó làm cho hai mụ tức đến phát khóc lên được. Vợ cậu vừa giậm chân, vừa la hét như điên:

- Có thể nào lại nói như vậy trước mặt thằng bé được, hở đồ ngốc tóc dài kia? Nói như thế thì tôi còn ra cái quái gì đối với nó nữa? Tôi đang bụng mang dạ chửa...

Bà mẹ thì gào lên, nước mắt ròng ròng:

- Vaxili, lạy Chúa tha tội cho mày. Nhớ lấy lời mẹ nói: mày sẽ làm hỏng mất thằng bé thôi!

Khi họ giận dữ bỏ đi cả rồi, cậu chủ nghiêm khắc bảo tôi:

- Thấy chưa, thằng quỷ con? Vì mày mà ầm lên như thế đấy! Tao mà đưa mày về với ông mày thì lại đi nhặt giẻ rách sớm!

Không chịu được tủi nhục, tôi nói:

- Thà nhặt giẻ rách còn sướng hơn ở với cậu. Nhận cháu làm học trò, mà dạy được những gì nào? Đi đổ nước rác...

Cậu chủ túm lấy tóc tôi, nhưng khẽ thôi, khiến tôi không cảm thấy đau, rồi nhìn vào mắt tôi mà nói, vẻ kinh ngạc:

- Thì ra ông bạn cũng bướng bỉnh thật! Người anh em ạ, điều đó không hợp với tao đâu, khô ô... ông...

Tôi tưởng người ta sẽ đuổi tôi. Nhưng sau đó một hôm, cậu chủ xuống bếp, tay cầm một cuộn giấy dày cùng với bút chì, thước vuông góc và thước kẻ.

- Mài dao xong thì vẽ cái này!

Trên tờ giấy có vẽ hình mặt trước của một ngôi nhà hai tầng với rất nhiều cửa sổ và những hình trang trí đắp nổi.

- Compa của mày đây! Mày hãy đo mọi đường vẽ, đánh dấu điểm cuối của các đường lên mặt giấy bằng những dấu chấm. Sau đó lấy thước và bút chì gạch nối chấm này với chấm kia. Đầu tiên đặt ngang - kẻ những đường ngang, sau đặt dọc - kẻ những đường thẳng đứng. Cứ thế mà làm!

Tôi rất vui mừng với công việc sạch sẽ và bước đầu của việc học tập này. Nhưng tôi nhìn tờ giấy và những dụng cụ với một vẻ hết sức kinh sợ và không hiểu gì cả.

Tuy nhiên tôi lập tức rửa tay rồi ngồi học. Tôi kẻ tất cả những đường ngang trên tờ giấy và soát lại - tốt lắm. Nhưng thừa mất ba đường. Tôi kẻ tất cả đường thẳng đứng và ngạc nhiên thấy mặt nhà bị sai lệch một cách lố bịch: cửa sổ dời sang chỗ tường giữa hai cửa, có một chiếc cửa sổ chạy ra khỏi tường và treo lửng lơ trong không khí bên cạnh ngôi nhà. Thềm chính diện thì cũng lửng lơ trong không khí và nằm chót vót ở tầng thứ hai. Đầu hồi thì lọt ngay vào giữa mái. Cửa sổ tò vò thì nằm trên ống khói.

Tôi suýt phát khóc lên mà nhìn rất lâu vào những hình thù kì

dị không thể nào sửa chữa lại được ấy, cố tìm hiểu xem tại sao chúng lại thành ra như thế này, nhưng không sao hiểu được. Tôi bèn quyết định sửa chữa lại việc đó bằng trí tưởng tượng. Tôi vẽ la liệt những quạ bồ câu, chim sẻ ở mặt chính diện ngôi nhà, trên các đầu hồi và trên nóc nhà. Còn trên mặt đất phía trước cửa sổ thì tôi vẽ những người chân cong queo cầm ô, nhưng ô không che hết được hình thù xấu xí của họ. Sau đó tôi gạch những đường chéo đè lên tất cả những hình ảnh ấy và mang tác phẩm của mình nộp thầy giáo.

Cậu tôi rướn cao lông mày lên, vò tóc và cau có hỏi:

- Cái gì thế này?

- Trời mưa, - tôi cắt nghĩa. - Khi mưa thì nhà nào hình như cũng xiên xẹo, vì chính mưa cũng luôn luôn xiên mà lại! Còn tất cả đều là chim hết, chúng nó nấp ở đầu hồi. Khi trời mưa thì bao giờ cũng như vậy mà! Và đây là những người đang chạy về nhà. Đây là một bà quý phái bị ngã. Còn đây là người bán chanh rong...

- Cảm ơn lắm lắm, - cậu chủ nói và cúi gập mình xuống mặt bàn để tóc quét cả lên giấy; cậu vừa cười phá lên vừa kêu: - Hừ, con chim sẻ ngang ngạnh này, phải cho mày một trận tơi bời mới được!

Mợ chủ tới, đung đưa chiếc bụng như chiếc thùng con, nhìn công trình của tôi rồi bảo chồng:

- Anh phải dần cho nó một trận!

Nhưng cậu chủ ôn tồn nói:

- Không sao. Chính anh bắt đầu cũng không hơn gì nó...

Sau khi lấy bút chì đỏ đánh dấu những chỗ hư hỏng ở mặt chính diện ngôi nhà, cậu đưa thêm giấy cho tôi.

- Làm lại một lần nữa! Cứ vẽ cái này cho đến khi nào được thì thôi...

Bức hoạ thứ hai của tôi khá hơn, chỉ có một cửa sổ nằm đè

lên cửa ra vào ở bậc tam cấp. Nhưng tôi không thích cảnh nhà cửa vắng vẻ, nên cho đủ các khách trọ các nơi đến ở: những bà quý phái tay cầm quạt ngồi ở các cửa sổ, những tình nhân của họ đang hút thuốc lá, một người trong bọn họ không hút thuốc thì trêu chọc mọi người; trước bậc tam cấp có một người đánh xe ngựa đang đứng và một con chó đang nằm.

- Sao mày lại còn bôi bẩn ra như thế này? - cậu chủ giận dữ hỏi.

Tôi giải thích cho cậu rằng không có người thì rất buồn, nhưng cậu liền chửi ầm lên.

- Hỏng bét cả rồi! Nếu mày muốn học thì phải học cho tử tế. Còn cái này chỉ là trò tinh nghịch mà thôi...

Cuối cùng, khi tôi sao lại được hình mặt chính diện ngôi nhà giống như bản chính, cậu rất vui lòng.

- Cháu thấy chưa, cháu cũng biết làm đấy chứ! Cứ như thế này thì chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ làm được nhiều việc đấy!

Và trao nhiệm vụ cho tôi:

- Cháu hãy vẽ bản đồ một căn nhà: các phòng đặt ở chỗ nào, cửa ra vào và cửa sổ ở đâu, đồ đạc đặt ở đâu... Cậu sẽ không chỉ dẫn gì cả, cháu cứ tự xoay xở lấy!

Tôi đi xuống bếp và suy nghĩ - bắt đầu vẽ gì bây giờ?

Nhưng đến đây thì việc học nghệ thuật vẽ đồ án của tôi cũng đồng thời chấm dứt.

Một hôm bà mẹ cậu chủ đến gần tôi và hỏi với giọng chẳng lấy gì là tốt đẹp:

- Mày muốn vẽ à?

Rồi túm lấy tóc tôi, bà đập đầu tôi xuống bàn khiến tôi dập cả mũi lẫn môi, rồi bà vừa nhảy chồm chồm, vừa xé tan tờ giấy vẽ, vứt các dụng cụ ra sàn, rồi chống hai tay vào hông, bà la lên vẻ đắc thắng.

- Đấy, vẽ đi! Không, không thể thế được! Ai lại để cho một

đứa xa lạ đâu đến làm việc, còn đứa em độc nhất, ruột thịt của mình thì đuổi đi bao giờ?

Cậu chủ chạy đến, rồi vợ cậu cũng lạch bạch mò đến và bắt đầu một cuộc cãi lộn kinh khủng: cả ba người lăn xả vào nhau, nhổ nước bọt vào mặt nhau, gào rống lên. Cuối cùng khi hai người đàn bà khóc lóc bỏ đi, cậu chủ bảo tôi:

- Tạm thời cháu hãy gác mọi công việc lại đã, đừng học nữa. Đấy, cháu thấy là sự thể như vậy đấy!

Tôi thấy thương hại thay cho cậu, một kẻ bị giày vò, bất lực và suốt đời bị điếc tai vì những tiếng kêu la của hai mụ đàn bà.

Trước đây tôi cũng đã biết rằng bà không muốn cho tôi học, cố tình cản trở tôi trong việc đó. Trước khi ngồi vào bàn vẽ, bao giờ tôi cũng hỏi bà:

- Có việc gì làm không ạ?

Bà cau có trả lời:

- Khi nào có, tao khắc bảo. Cứ việc ngồi ở bàn mà nghịch ngợm đi...

Nhưng một lát sau bà lại đã sai tôi đi đâu đó, hoặc là nói:

- Cầu thang chính mày quét đấy à? Rác, bụi còn đầy ở các góc! Đi quét lại đi..

Tôi đến xem, chẳng thấy tí bụi nào.

- Mày lại cãi tao à? - bà la lên.

Một lần bà lấy nước cvax[1] đổ lên các bản vẽ của tôi. Một lần khác, bà làm đổ ngọn đèn dầu treo trước tượng thánh lên. Bà ta tinh quái như một con ranh con có tính ranh vặt và thói giấu đầu hở đuôi của trẻ con mỗi khi định giấu giếm những trò tinh nghịch của chúng. Tôi chưa từng thấy và sau này cũng không bao giờ thấy lại một người nổi nóng dễ dàng và nhanh chóng đồng thời thích than vãn về mọi người và mọi việc một cách

[1] Nước men chua làm từ bánh mì, hoa quả.

say sưa hơn bà ta. Người ta, nói chung, ai cũng thích than vãn nhưng bà ta làm việc này với một vẻ thích thú đặc biệt, tựa như bà ta ngâm thơ vậy.

Tình yêu của bà ta đối với con trai thật là mù quáng. Sức mạnh của tình yêu đó, mà tôi không thể nào gọi khác hơn được là sức mạnh cuồng bạo, đã làm tôi vừa buồn cười, vừa sợ hãi. Thỉnh thoảng, sau khi cầu nguyện buổi sáng, bà lại trèo lên bậc lò sưởi, chống khuỷu tay vào miếng ván ngoài cùng của gác lửng và sôi nổi rít lên:

- Đứa con trời tình cờ của mẹ, giọt máu nóng, trong sạch, quý báu của mẹ, chiếc lông thiên thần nhẹ nhàng của mẹ! Con ngủ đi, ngủ đi, con của mẹ! Cầu cho hồn con tràn ngập một giấc mơ vui vẻ! Cầu cho con mơ thấy một người vợ chưa cưới, một người con gái đẹp nhất trần đời, một nàng công chúa, một cô gái giàu có, con của một đại thương nhân! Cầu cho những kẻ thù của của con chưa đẻ đã chết tiệt. Còn bạn bè của con thì sống đến trăm tuổi. Cầu cho con gái chạy theo con hàng đàn như vịt cái theo vịt đực!

Tôi buồn cười không thể chịu được: cậu Victor thì thô lỗ và lười nhác giống như con chim gõ kiến - cũng sặc sỡ và mũi cũng dài như vậy, cũng ương bướng và đần độn như vậy.

Đôi khi tiếng rì rầm của mẹ làm Victor tỉnh giấc, cậu ngái ngủ càu nhàu:

- Mẹ cút ra chỗ khác đi, sao lại cứ thổi phì phì vào mặt tôi như thế này!... Không tài nào sống nổi nữa!

Có lúc bà ngoan ngoãn tụt khỏi bậc lò và cười nhạt:

- Thôi được, mày cứ ngủ đi, ngủ đi... đồ thô lỗ!

Nhưng cũng có khi chân bà khuỵu xuống, vấp vào mép lò sưởi; bà há mồm ra, thở hổng hộc như bị bỏng lưỡi và réo lên những lời lẽ cay nghiệt:

- Thế đấy ư? Mày đuổi mẹ mày cút đi à, hở thằng khốn nạn

kia? Chao ôi, cái đồ nhục nhã kia, cái dằm đáng nguyền rủa kia! Quỷ sứ đã bắt mày đầu thai vào người tao, sao mày không chết rữa ra từ lúc chưa đẻ?

Bà ta thốt ra những lời thật là bẩn thỉu, những lời của dân say rượu ngoài đường phố. Nghe bà ta nói mà rợn cả người.

Bà ta ngủ ít, hay trở mình. Trong một đêm có khi bà ta nhổm dậy khỏi lò sưởi đến mấy lần, vấp ngã vào chiếc đi văng của tôi và làm tôi thức dậy.

- Gì thế bà?

- Im đi, - bà ta thì thào, vừa làm dấu, vừa chăm chú nhìn vật gì trong bóng tối. - Lạy Chúa... Lạy Thánh Ilia... Đức Thánh Vacvara tử vì đạo... xin Người hãy bảo vệ cho khỏi những cái chết bất ngờ...

Bà ta đốt nến với bàn tay run rẩy. Khuôn mặt tròn với chiếc mũi to của bà căng phồng lên. Cặp mắt xám nhấp nháy một cách lo lắng, chăm chú nhìn những vật xung quanh đã bị bóng tối làm thay hình đổi dạng. Căn nhà bếp vốn to, nhưng bị những tủ và hòm choán lấp cả, ban đêm trông nó như bé hẳn lại. Ánh trăng lặng lẽ chiếu vào bếp, ngọn lửa nhỏ của chiếc đèn dầu thắp suốt ngày đêm trước tượng thánh run rẩy, những con dao trên tường loé sáng như băng nhũ, trên các ngăn tủ những chiếc chảo đen sì trông như những bộ mặt không mắt của người nào đó.

Bà già rón rén tụt khỏi lò sưởi như người tụt từ trên bờ sông xuống nước. Rồi cứ nguyên chân đất, bà đi lại góc nhà, chỗ có treo, phía trên chậu nước rác, một cái chậu rửa tay có quai xách trông như một cái đầu lâu. Ở chỗ này còn có để một thùng nước lã.

Bà ta vừa uống nước, vừa sặc và thở. Sau đó bà ta nhìn ra cửa sổ qua những hình màu xanh nhạt của những hạt băng đọng trên kính nom như những đường thêu.

- Xin Chúa tha thứ cho con, lạy Chúa, tha thứ cho con, - bà ta thầm thì cầu xin.

Đôi lúc, sau khi tắt nến rồi, bà ta quỳ xuống và rít lên:

- Lạy Chúa, có ai yêu con, có ai cần đến con đâu?

Rồi bà leo lên lò sưởi và sau khi làm dấu thánh giá vào cửa lò, bà ta sờ xem các chốt cửa lò đã cài chặt chưa. Tay bị quệt bẩn vào bồ hóng, bà ta chửi vung lên và chợt ngủ thiếp ngay lúc nào không biết, tựa như bị một sức vô hình nào đó quật chết. Khi nào tôi bị bà ta làm tủi nhục, tôi thường nghĩ: "Tiếc rằng ông ngoại tôi không lấy bà ta làm vợ. Bà ta sẽ trị được ông! Và ông cũng sẽ trị cho bà đến nơi đến chốn". Bà ta luôn luôn làm tôi bực mình; nhưng cũng có những ngày bộ mặt húp híp nhũn như bông của bà ta trở nên rầu rĩ; mắt đầy lệ, bà ta nói một cách rất tâm đắc:

- Mày tưởng tao nhẹ nhõm lắm à? Đẻ con ra, chăm bẵm nuôi nấng, dạy thành người - nhưng để làm gì? Đấy, bây giờ tao sống như con mụ bếp của chúng nó; có sung sướng gì đâu? Con trai mang một đứa đàn bà lạ mặt đến và coi vợ hơn máu mủ của mình, mày thử nghĩ xem có được không? Hở?

- Không được, - tôi thành thật nói.

- Đấy! Thế đấy...

Và bà bắt đầu kể một cách trắng trợn về con dâu:

- Tao đã cùng tắm với nó, tao thấy hết. Có cái gì mà nó say mê con ấy mới được chứ? Những của ấy mà gọi là đẹp à?...

Bà ta luôn luôn nói về những quan hệ giữa đàn ông và đàn bà một cách bẩn thỉu lạ lùng. Thoạt đầu những lời nói của bà ta làm cho tôi ghê tởm, nhưng chẳng bao lâu tôi đã quen nghe một cách chăm chú và rất hứng thú. Tôi cảm thấy có một phần sự thật nặng nề nào đó trong những lời nói của bà.

- Đàn bà là sức mạnh. Nó đã lừa dối đến cả Chúa nữa, ghê gớm như vậy đấy! - bà ta nói giọng đều đều, tay khẽ vỗ vỗ trên bàn. - Vì Eva mà cả loài người phải xuống địa ngục đấy, thấy chưa?

Về sức mạnh của đàn bà, bà ta có thể nói tràng giang đại hải. Tôi luôn có cảm giác rằng bà ta dùng những câu chuyện đó để doạ ai. Tôi nhớ nhất là chuyện "Eva đã lừa dối Chúa".

Ở khu nhà chúng tôi có một chái nhà nhìn ra sân, cũng to như một ngôi nhà. Trong số tám căn của hai toà nhà thì các sĩ quan ở bốn, căn thứ năm có linh mục của trung đoàn ở. Cả khu nhà đầy những lính cần vụ và loong toong. Các mụ thợ giặt, con sen, mụ bếp thường lui tới với bọn này. Trong mọi nhà bếp đều thường xuyên diễn ra những thiên tình sử và những tấn bi kịch kèm theo nước mắt và những lời chửi rủa, những vụ ẩu đả. Lính tráng lúc thì đánh lẫn nhau, lúc thì đánh thợ đấu, hoặc thợ mướn của nhà chủ. Họ đánh cả bọn đàn bà. Cả khu nhà thường xuyên sục sôi một không khí mà người ta thường gọi là dâm đãng, truỵ lạc - đó là sự đói khát đầy thú tính, không kìm chế nổi của đám trai trẻ khoẻ mạnh. Cuộc sống đó ứ thừa những tính dâm dục tàn nhẫn, sự bạo dâm vô nghĩa, lí sự khoe khoang đầy bẩn thỉu của những kẻ chiến thắng. Cuộc sống đó được nhà chủ của tôi mang ra bàn tán trong các bữa ăn trưa, uống trà chiều và ăn tối một cách tỉ mỉ và trắng trợn. Bà già thường biết hết mọi chuyện trong khu nhà, kể một cách say sưa, thích thú trên những đau khổ của kẻ khác.

Mợ chủ ngồi nghe những câu chuyện đó, lặng thinh mỉm cười bằng cặp môi căng mọng. Victor cười ha hả, còn cậu chủ thì nhăn mặt nói:

- Thôi đủ rồi, mẹ ạ!...

- Lạy Chúa, đến cả nói chuyện tao cũng không được nói hay sao! - bà ta than vãn.

Victor khuyến khích bà ta:

- Kể đi, mẹ, có gì mà phải e ngại! Người nhà cả...

Người con cả đối với mẹ có một thái độ thương hại lẫn khinh

miệt, cậu tránh đối diện một mình với mẹ. Nếu có xảy ra trường hợp ấy thì bà mẹ thường phun ra những lời than văn với cậu về nàng dâu và cuối cùng thế nào cũng xin tiền. Cậu vội vàng nhét vào tay mẹ vài ba rúp, hoặc một vài đồng hào bạc.

- Mẹ ạ, mẹ lấy tiền thật là vô ích, con không tiếc tiền đâu, nhưng... thật là vô ích!

- Mẹ dùng để bố thí cho ăn mày, mua nến, đi nhà thờ...

- Ăn mày ăn miếc gì! Mẹ đến làm hỏng thằng Victor mất thôi.

- Con chẳng thương em chút nào, tội lớn đấy con ạ!

Cậu khoát tay, bỏ đi.

Victor lúc nào cũng thô bỉ, giễu cợt đối với mẹ, cậu rất háu ăn và luôn luôn đói. Chủ nhật, bà mẹ thường rán bánh bột và hay giấu vài cái vào chiếc chậu rồi để xuống dưới gầm đi văng của tôi. Dự lễ sáng về, cậu Victor lôi chiếc chậu ra và càu nhàu:

- Không thể để phần được nhiều hơn nữa ư, hở mụ quản gia?

- Tọng nhanh lên, kẻo chúng nó thấy bây giờ...

- Con sẽ kể lại chuyện mẹ đã ăn cắp bánh bột cho con như thế nào, thật là cứng họng nhé![1]

Có một lần tôi lôi chiếc chậu ra, ăn mất hai chiếc bánh bột và bị Victor đánh cho một trận. Cậu không ưa tôi cũng như tôi không ưa cậu. Cậu ta làm tình làm tội tôi, bắt tôi ngày ba lần đánh giày cho cậu. Khi nằm ngủ trên gác lửng, cậu còn dịch những tấm ván ra và nhổ nước bọt qua kẽ hở, cố làm sao cho rơi trúng đầu tôi.

Hắn là muốn bắt chước người anh luôn luôn nói câu "đồ quỷ", cậu Victor cũng hay dùng "chữ", nhưng tất cả những câu cậu nói thật là lố bịch và vô nghĩa lí một cách kì lạ.

- Mẹ ơi, "dằng sau... quay lại bên phải!" - Đôi tất của của con đâu rồi?

---

[1] Nguyên văn: đĩa xiên vào gậy.

Cậu truy tôi bằng những câu hỏi ngu xuẩn:

- Aliosca,[1] mày thử trả lời xem tại sao lại viết là "màu xanh" mà lại nói là "mầu xanh"? Tại sao người ta nói "cái chuông" mà không nói "cái boong"? Tại sao nói "đến cái cây", mà không nói "đến con cây"?

Tôi không thích nghe bọn họ nói như vậy. Được giáo dục bằng thứ ngôn ngữ bóng bẩy của ông bà ngoại tôi, thoạt đầu ở đây tôi không hiểu được những tiếng không thể ghép với nhau được như: "buồn cười kinh khủng", "muốn ăn đến chết được", "vui khiếp". Tôi có cảm tưởng rằng cái mà đã buồn cười thì không thể nào lại kinh khủng, đã vui thì không khiếp và mọi người đều vẫn ăn uống cho đến tận khi chết cơ mà.

Tôi hỏi họ:

- Chẳng lẽ lại có thể nói như vậy được sao?

Họ chửi tôi:

- Ra cái điều ông giáo lắm! Thử ngắt hai tai mày xem thử...

Nhưng chữ "ngắt tai" đối với tôi cũng lại sai nốt: người ta chỉ có thể ngắt cỏ, ngắt hoa, ngắt quả bồ đào...

Họ cố gắng chứng minh cho tôi rằng tai cũng có thể ngắt được, nhưng điều đó không thể thuyết phục được tôi. Tôi nói với vẻ dắc thắng:

- Dầu sao thì tai cũng không thể dứt rời ra được!

Xung quanh tôi toàn là những trò đểu giả tàn nhẫn, những cảnh trơ trẽn bẩn thỉu, chúng nhiều vô kể, nhiều hơn ở những phố của Cunavino, nơi có nhiều "nhà thổ" và "gái điếm". Tại Cunavino, ở phía sau những trò bẩn thỉu và đểu giả ấy, người ta còn cảm thấy có một cái gì có thể giải thích cho cái tính tất yếu của những trò bẩn thỉu và đểu giả kia: đời sống khó khăn, đói khát, công việc nặng nề. Còn ở đây người ta sống no đủ, dễ dàng. Công việc được thay bằng những cảnh hỗn độn, chạy

[1] Tức Alecxei.

ngược chạy xuôi thật là khó hiểu và không cần thiết. Và tất cả mọi thứ ở đây đều chứa đựng một vẻ chán ngắt hết sức bực bội.

Tôi sống rất khổ, nhưng tôi còn khổ tâm hơn khi bà ngoại đến thăm tôi. Bà đi từ cửa sau vào bếp, làm dấu trước tượng thánh, rồi cúi mình chào em gái. Cái chào đó như một gánh nặng hàng tấn[1] đè lên tôi làm tôi nghẹt thở.

- À, chị Aculina đấy à! - bà chủ của tôi tiếp bà tôi với vẻ lạnh nhạt và khinh bạc.

Tôi không nhận ra bà tôi nữa: môi bà mím lại một cách khiêm tốn, bộ mặt bà thay đổi trông như xa lạ hẳn, bà sẽ sàng ngồi xuống chiếc ghế dài gần cửa ra vào, ngay bên cạnh chậu nước rác và lặng yên như kẻ có lỗi. Bà ngoan ngoãn và nhỏ nhẻ trả lời những câu hỏi của em gái.

Điều đó làm tôi thấy đau đớn. Tôi tức giận nói:

- Sao bà lại ngồi ở đấy?

Âu yếm nháy tôi, bà tôi đáp lại, vẻ quở trách:

- Cháu im đi, cháu không phải là chủ ở đây!

- Nó luôn luôn xen vào việc của người khác, dù có đánh có chửi nó cũng vậy, - bà chủ bắt đầu than vãn.

Bà ta thường hỏi bà tôi với vẻ ác ý:

- Thế nào, Aculina, chị vẫn sống như ăn mày vậy à?

- Rõ thật khốn khổ...

- Ai cũng thế, nếu không biết xấu hổ thì cũng chẳng khổ đâu.

- Người ta nói rằng Chúa Kito cũng đã sống bằng của bố thí...

- Cái mụ già ngốc này, chị lại đi nghe bọn ngu độn, bọn vô đạo nó nói thế à? Chúa Kito không phải là kẻ ăn xin mà là Con Đức Chúa Trời. Người ta nói rằng Chúa sẽ đến giữa muôn hào quang xét xử những người đang sống và đã chết - cả người chết nữa, chị hãy nhớ lấy điều đó! Không thể nào trốn nổi Chúa đâu,

---

[1] Nguyên văn: nhiều put.

bà chị ạ, dù đã thành tro bụi cũng không thoát... Chúa đã trả thù chị với anh Vaxili vì tính kiêu ngạo của các người, và trả thù cho tôi nữa, vì đã có lần tôi đến cầu xin anh chị lúc anh chị giàu có...

- Tôi cũng đã giúp đỡ dì trong mức độ có thể được. - Bà tôi thờ ơ nói. - Mà dì cũng biết Chúa đã trừng phạt chúng tôi...

- Còn ít lắm, còn ít...

Bà dì còn day nghiến, xói móc bà tôi rất lâu. Tôi nghe những tiếng rít độc ác của bà ta mà buồn bã thắc mắc sao bà lại có thể chịu dựng được điều đó? Và tôi thấy không ưa bà tôi trong những giờ phút này.

Mợ chủ từ trong phòng đi ra, thân thiện gật đầu chào bà tôi.

- Mời bác vào phòng ăn; không sao, cứ vào thôi!

Bà dì còn kêu theo bà tôi:

- Chùi chân đi, bà nhà quê nhá!

Cậu chủ vui vẻ đón chào bà tôi:

- A, bác Aculina đấy à? Bác có khoẻ không? Cụ Casirin nhà ta còn sống chứ?

Bà tôi mỉm cười với cậu bằng một nụ cười biểu lộ tất cả tâm hồn của bà.

- Cháu vẫn phải làm việc còm cọm suốt ngày dấy à?

- Vâng. Cháu vẫn phải làm việc suốt ngày y như một tên khổ sai!

Bà tôi âu yếm và thân mật nói chuyện với cậu, nhưng với thái độ của người trên. Đôi khi cậu lại nhắc đến mẹ tôi:

- Kiếm đâu ra được một người đàn bà khoẻ như chị Vacvara Vaxilievna nữa?

Vợ cậu quay lại phía bà tôi và nói xen vào:

- Bác còn nhớ cháu tặng chị ấy chiếc áo dài lụa đen có đính hạt cườm chứ?

- Nhớ...

- Chiếc áo ấy còn tốt lắm...

- Ừ hử..., cậu chủ lẩm bẩm. - áo với hạt, đời là lường gạt.

- Anh nói cái gì đấy? - người vợ nghi ngờ hỏi chồng.

- Anh ấy à? Có gì đâu... Những ngày tươi đẹp trôi qua, những con người tốt đẹp cũng không còn nữa...

- Em không hiểu anh nói điều đó để làm gì?- Mợ chủ băn khoăn nói.

Sau đó họ dẫn bà tôi đến thăm đứa bé mới đẻ. Tôi dọn ấm chén bẩn trên bàn. Cậu chủ khẽ nói với tôi, vẻ trầm ngâm:

- Bà mày là một bà cụ rất tốt...

Tôi vô cùng biết ơn cậu vì những lời đó. Khi còn riêng hai bà cháu với nhau, tôi xót xa hỏi bà tôi:

- Sao bà lại đến đây làm gì? Đến làm gì kia chứ? Bà còn không biết bọn họ như vậy hay sao...

- Chao ôi, Aliosa,[1] bà biết hết cả, cháu ạ! - bà tôi trả lời và nhìn tôi với nụ cười hiền hậu trên khuôn mặt kì diệu. Tôi cảm thấy hổ thẹn: phải rồi, tất nhiên là bà thấy tất cả, biết tất cả mọi việc, biết cả những điều tôi đang suy nghĩ trong đầu óc lúc này.

Cẩn thận nhìn quanh xem có ai đến không, bà tôi ôm lấy tôi và thân mật nói:

- Nếu cháu không ở đây thì bà cũng chẳng đến đâu, bà có cần gì đến họ? Hơn nữa, ông lại ốm, bà phải chăm sóc ông nên không làm được việc gì, tiền thì không có... Cậu Mikhail thì đuổi thằng Xasa đi, cũng phải nuôi nấng nó chứ. Ở đây họ hứa sẽ trả cho cháu sáu rúp một năm, thế là bà mới nghĩ bụng: may ra họ có thể đưa cho mình được một rúp chăng? Cháu ở đây đã gần nửa năm rồi còn gì nữa... - và bà ghé vào tai tôi thì thầm: - Họ bảo bà phải quở mắng, phải chửi cho cháu một trận, họ nói

---

[1] Tức Alecxei.

rằng cháu chẳng chịu nghe ai cả. Cháu yêu của bà ạ, cháu cứ sống ở đây với họ, chịu đựng độ hai năm nữa, chờ đến khi cứng cáp đã. Cháu cố chịu đựng chứ?

Tôi hứa sẽ chịu đựng. Điều đó quả thật là rất khó khăn. Cuộc sống cơ cực, tẻ ngắt, chạy ngược chạy xuôi chỉ vì miếng ăn này đè nặng lên người tôi, khiến tôi có cảm giác như sống trong một cơn mộng vậy.

Đôi lúc tôi nghĩ bụng: "Phải trốn đi nơi khác!" Nhưng mùa đông đáng nguyền rủa đã đến. Đêm đêm bão tuyết rít lên, gió rú trên gác thượng, những kèo nhà bị giá lạnh làm co lại, kêu răng rắc. Còn biết chạy trốn đi đâu bây giờ?...

*

* *

Người ta không cho tôi đi chơi, nhưng cũng chẳng có thì giờ mà đi chơi nữa: ngày đông ngắn ngủi tiêu tan đi một cách nhanh chóng không ngờ vì những công việc bận rộn trong nhà.

Nhưng tôi còn phải đi nhà thờ nữa: thứ bảy đi chầu, và ngày hội đi dự lễ cuối.

Tôi thích có mặt ở nhà thờ. Đứng trong một góc nào đó rộng hơn và tối hơn các chỗ khác, tôi thích nhìn từ xa lại phía bức tường có hình các thánh. Dưới các ngọn lửa nến, bức tường như bị chảy ra, tuôn thành từng dòng suối vàng óng, đặc chảy xuống nền đá màu xám của giảng đài trên giáo đường. Những hình tượng thánh màu thẫm nhẹ nhàng lay động. Những diềm mạ vàng của các vòm cửa thánh đường rung rinh một cách vui vẻ. Những ngọn lửa nến lửng lơ trong không khí xanh nhạt như những chú ong vàng, còn đầu những người đàn bà và các cô gái thì giống như những đoá hoa.

Mọi vật xung quanh như hoà nhịp với tiếng đồng ca. Tất cả như đang sống trong một thế giới thần tiên kì lạ. Nhà thờ chậm

chạp đu đưa như một chiếc nôi, chao đi chao lại trong khoảng không đen tối và dày đặc như nhựa.

Đôi lúc tôi có cảm giác như khu nhà thờ bị chìm sâu xuống đáy một cái hố. Nó trốn khỏi mặt đất để sống một cuộc đời lập dị, không giống một cuộc đời nào khác. Có lẽ cái cảm giác đó được gây nên do câu chuyện về thành phố Kitiec mà bà tôi đã kể. Tôi thường mơ mơ màng màng lắc lư cùng với mọi vật xung quanh, chập chờn ngủ trong tiếng ru của bài hợp xướng, tiếng cầu nguyện rì rầm, tiếng thở dài của mọi người và lẩm nhẩm một mình câu chuyện buồn bã và êm ái:

Quân Tacta binh hùng tướng dữ
Kéo nhau đi gươm giáo rợp đường
Tới vây thành Kitiec vinh quang
Vào buổi sáng đang trong giờ lễ...
Ôi! Lạy Chúa! Vinh quang thay Đức Mẹ!
Xin chở che cho nô lệ của Người,
Cho chúng con được dự lễ ban mai,
Được nghe xong những lời Chúa dạy!
Xin hãy ngăn đừng cho quân giặc tới,
Bọn Tacta sẽ nhạo báng nhà thờ,
Con gái, đàn bà sẽ bị chúng làm nhơ,
Lũ trẻ con là trò đùa cho chúng,
Các cụ già chúng sẽ đem chôn sống!
Lời kêu van của đám dân hiền,
Lời cầu xin của những con chiên
Đã lọt tới Đức Chúa Xavaov
Tới Đức Mẹ trên cao chót vót.
Chúa bèn truyền cho thánh Mikhailo:
- Hãy tới vùng Kitiec của ta
Làm rung chuyển đất đai ở đó,

Cho thành phố chìm sâu dưới hồ nọ,
Để con chiên được sống tự do,
Không nghĩ ngợi, không mỏi mệt, buồn lo,
Sáng đến khuya chúng yên tâm cầu nguyện
Dưới đáy hồ đời đời vĩnh viễn!...

Hồi đó, tâm hồn tôi chứa chất đầy thơ của bà tôi như một tổ ong đầy ắp mật. Hình như tôi nghĩ cũng bằng những vần thơ của bà tôi.

Tôi không cầu nguyện trong nhà thờ. Nhắc lại những lời cầu nguyện bực bội của ông tôi và những câu não ruột trong Thánh thi trước mặt Chúa của bà tôi thật là một điều khó xử. Tôi tin chắc rằng Chúa của bà tôi cũng như tôi không thể thích những cái đó được. Hơn nữa, những câu cầu nguyện đó đều đã được in trong sách, có nghĩa là Chúa cũng như những người có học đã thuộc lòng chúng rồi.

Vì thế nên ở nhà thờ, vào những phút mà tim tôi thắt lại bởi một nỗi buồn dịu dàng man mác, hoặc bị những điều tủi nhục nhỏ nhen trong ngày giày vò, cấn rứt, tôi cố sáng tác ra những lời cầu nguyện của mình. Tôi chỉ cần nghĩ đến cái số phận buồn tủi của mình là những chữ cứ tự nhiên sắp xếp thành những lời than thở một cách dễ dàng:

Chúa ơi! Chúa ơi! Con buồn quá!
Làm sao mà chóng lớn được lên!
Cuộc sống này không chịu được nữa,
Dù con tự tử - Chúa đừng phiền!
Học hành chẳng được cái gì cả,
Bà Mat'riona như quỷ dữ,
Như con chó sói cứ gầm gừ
Cuộc sống thế này - ôi khổ quá!

Nhiều lời "cầu nguyện" của tôi cho đến ngày hôm nay tôi vẫn còn nhớ. Hoạt động trí não của tuổi thơ thường hằn thành những vết sâu trong tâm hồn, đôi khi không sao lành lại được.

Trong nhà thờ thật là dễ chịu. Ở đấy tôi thấy thoải mái cũng như ở trong rừng hay ngoài đồng ruộng. Trái tim nhỏ bé của tôi, đã quen thuộc với nhiều điều tủi nhục và bị những điều cục cằn độc đáo của cuộc đời làm hoen ố, được rửa sạch trong những nguồn ước mơ sôi nổi, không rõ rệt.

Nhưng tôi chỉ thấy nhà thờ trong những ngày thật giá lạnh hoặc vào khi bão tuyết lồng lộn điên cuồng ngoài phố, khi mà bầu trời như đông cóng lại và bị gió phá vụn thành từng đám mây tuyết, còn mặt đất thì cóng dưới những đống tuyết lớn không bao giờ hồi sinh, tươi vui lại được.

Vào những đêm tĩnh mịch, tôi thường thích đi lang thang trong thành phố hơn cả. Từ phố này sang phố khác, tôi đi sâu vào những ngóc ngách thanh vắng nhất. Có lúc, tâm hồn như chắp cánh bay bổng, tôi đi một mình như vừng trăng giữa bầu trời, chiếc bóng của tôi bò đi trước, làm tắt ngấm những đốm sáng óng ánh trên tuyết, và leo lên cột hay hàng rào một cách đến tức cười. Một người tuần đêm đi giữa đường, mình mặc một chiếc áo da nặng, tay cầm mõ. Bên cạnh lão, một con chó run rẩy chạy theo.

Con người kì dị đó trông giống như một cái ổ chó trốn khỏi sân và chạy rông trên đường phố với một con chó run rẩy lẽo đẽo theo sau.

Đôi khi gặp những cô tiểu thư và những chàng công tử nói cười vui vẻ, tôi nghĩ bụng họ cũng đã bỏ buổi cầu nguyện.

Thỉnh thoảng, qua các cửa con thông hơi trên những cửa sổ sáng ánh đèn, thoảng đến những mùi thơm dìu dịu, xa lạ, gợi lên một cuộc sống khác mà tôi chưa từng biết. Tôi đứng dưới cửa sổ hít hít, lắng nghe, và cố đoán xem cuộc sống ở đây như thế nào và những người sống trong nhà này là những ai? Đang giờ nguyện mà họ vẫn ầm ĩ vui vẻ, cười đùa với nhau. Họ chơi một thứ đàn ghi ta đặc biệt, tiếng dây đồng âm vang trào qua những cửa sổ thông hơi ra ngoài.

Tôi đặc biệt chú ý tới ngôi nhà một tầng thấp nhỏ ở góc của hai khu phố vắng người, phố Tikhonovxcaia và phố Mactưnovxcaia. Tôi phát hiện ra nó trong một đêm trăng vào tiết trời đông ấm áp, trước ngày hội giả trang. Một âm thanh kì lạ tuôn ra phố, cùng với hơi ấm, qua chiếc lỗ thông hơi vuông của cửa sổ tựa hồ như có một người nào rất khoẻ và hiền hậu vừa hát, vừa che miệng; lời hát nghe không rõ, nhưng tôi thấy bài hát quen thuộc và dễ hiểu một cách lạ thường, mặc dù có tiếng đàn ngắt quãng tiếng ca ra nghe rất bực. Tôi vừa ngồi lên trên một cái trụ cửa, vừa nghĩ bụng rằng người ta đang chơi chiếc đàn vĩ cầm nào đó có một sức mạnh huyền diệu đến không thể chịu được, vì nghe tiếng vĩ cầm đó trong lòng tôi thấy gần như đau nhói. Đôi khi tiếng đàn vang lên mạnh quá khiến cả ngôi nhà tựa hồ rung chuyển, kính cửa ngân theo. Nước nhỏ giọt từ mái nhà xuống và mắt tôi cũng nhỏ lệ.

Một người tuần đêm đến sau tôi từ lúc nào không biết. Bác ta lôi tôi khỏi trụ cửa và hỏi:

- Mày quẩn quanh ở đây làm gì?

- Nghe âm nhạc, - tôi giải thích.

- Không được! Cút ngay...

Tôi chạy rất nhanh vòng quanh cả khu phố rồi lại trở về dưới chiếc cửa sổ. Nhưng trong nhà đã ngừng tiếng đàn. Những tiếng ồn ào náo nhiệt tuôn mạnh qua lỗ thông hơi ra ngoài phố khác hẳn, khiến tôi tưởng như vừa được nghe tiếng nhạc ảo não trong mơ.

Hầu như thứ bảy nào tôi cũng chạy lại ngôi nhà đó. Nhưng chỉ có một lần vào mùa xuân, tôi mới lại được nghe tiếng vĩ cầm ở đó. Tiếng đàn liên tục vang lên đến tận nửa đêm; khi mò về nhà, tôi bị một trận đòn nên thân.

Những cuộc dạo chơi đêm dưới vòm sao mùa đông, giữa những phố xá thanh vắng của thành phố, làm cho tâm hồn tôi

thêm phong phú. Tôi cố ý chọn những phố xa trung tâm hơn, vì đèn ở các phố trung tâm rất nhiều, những người quen của nhà chủ có thể trông thấy tôi và như thế thì chủ nhà sẽ biết là tôi trốn các buổi cầu nguyện đi chơi. Rồi những người say rượu, cảnh sát và gái điếm lại còn làm rầy tôi nữa. Ở các phố xa, tôi có thể nhìn qua được các cửa sổ tầng dưới, nếu chúng không bị băng đóng hay bị rèm che bên trong.

Những cửa sổ đó đã cho tôi xem nhiều bức tranh khác nhau. Tôi thấy người ta cầu nguyện, hôn nhau, đánh nhau, chơi bài, chuyện trò thì thào và với vẻ lo âu. Trước mắt tôi diễn ra một cuộc sống câm lặng của loài cá, giống như trong máy chiếu ảnh giá xem một copec.

Trong một tầng hầm, tôi thấy hai người phụ nữ ngồi sau bàn, một cô còn trẻ, một cô lớn tuổi hơn. Ngồi đối diện họ là một học sinh trung học tóc dài, tay vung vẩy, đang đọc cho họ nghe một quyển truyện. Cô trẻ lắng nghe, lông mày nhíu lại một cách khắc khổ, người ngả trên lưng ghế. Còn cô nhiều tuổi hơn, người thanh mảnh, tóc bồng, bỗng dưng lấy bàn tay che mặt, hai vai rung lên. Cậu học sinh quẳng quyển sách lên bàn và khi cô trẻ vùng dậy bỏ chạy thì cậu ta quỳ ngay xuống trước cô tóc bồng và hôn tay cô ta.

Trong một cửa sổ khác tôi nhìn trộm thấy một người rậm râu đang bế một người đàn bà mặc áo cánh đỏ đặt lên đùi mình. Ông ta đang đung đưa người đàn bà ấy như ru một đứa bé và có lẽ đang hát thì phải, mồm há rộng, mắt long lanh. Người đàn bà cười rung cả người lên, lưng ưỡn ra, hai chân vung vẩy. Ông này dựng bà ta dậy và lại hát. Người đàn bà lại cười rũ ra. Tôi nhìn họ hồi lâu và bỏ đi sau khi biết rằng họ đã định vui đùa như thế suốt cả đêm.

Nhiều cảnh tượng tương tự còn đọng trong tâm trí tôi. Nhiều khi, quá say sưa với chúng, tôi về nhà rất muộn khiến nhà chủ nghi ngờ và tra hỏi tôi:

- Mày đi nhà thờ nào? Cố đạo nào làm lễ?

Họ biết tất cả các cố đạo trong thành phố, họ biết rõ khi nào thì giảng đến phần nào trong Thánh kinh. Họ biết tất cả nên dễ lột trần được những câu nói dối của tôi.

Cả hai người đàn bà đều thờ vị ác Chúa của ông tôi, vị Chúa hay bắt người ta phải sợ hãi trước mình. Tên của vị Chúa ấy luôn luôn nằm trên miệng bọn đàn bà, thậm chí, khi cãi nhau họ cũng doạ nhau:

- Rồi mà xem! Chúa sẽ trừng trị mày. Chúa sẽ làm cho mày điêu đứng, con đê tiện kia!...

Một ngày chủ nhật của tuần chay đầu tiên, bà già rán bánh bột bị cháy hết cả; mặt đỏ bừng vì lửa, bà giận quá kêu lên:

- A, quỷ bắt chúng mày đi...

Và bỗng nhiên bà ngửi ngửi chiếc chảo. Mặt sa sầm lại, bà quăng chiếc chảo xuống sàn và tru tréo lên:

- Cha mẹ ơi! Chảo có mùi mỡ, ô uế cả rồi! Lạy Chúa, con chưa đốt chảo trong ngày đầu của tuần chay rồi...

Bà quỳ xuống, nghẹn ngào van xin:

- Lạy Chúa, xin Chúa lòng lành tha tội cho con, cho con mụ đáng nguyền rủa này! Xin Chúa đừng trừng phạt con mụ già ngu ngốc này...

Bánh bột cháy được quẳng cho chó ăn, chiếc chảo được đốt lên, còn người con dâu thì trách mẹ chồng trong lúc cãi nhau:

- Đến tuần chay mà mẹ còn rán bánh trong chiếc chảo uế tạp ấy ư...

Họ lôi cuốn Chúa của họ vào mọi công việc trong nhà, vào mọi ngóc ngách của cuộc sống nhỏ nhen của họ, nhờ đó mà cuộc sống nghèo nàn được mang thêm một ý nghĩa lớn lao và quan trọng bên ngoài, có vẻ như được phục vụ cho một sức mạnh cao cả từng giờ từng phút. Sự lôi cuốn Chúa vào những công việc vụn vặt chán ngắt ấy đè nặng lên tâm hồn tôi, khiến tôi tự

nhiên cứ phải nhìn quanh quẩn vào các góc nhà, cảm thấy như mình dưới quyền kiểm soát vô hình của một người nào đó. Đêm đêm nỗi lo sợ quấn lấy tôi như một đám mây lạnh toát: nó đến với tôi từ góc bếp - chỗ có ngọn đèn thờ cháy suốt ngày đêm trước những tượng thánh đen sẫm.

Cạnh giá gỗ trên tường là một chiếc cửa sổ lớn, hai khung cửa bị một cột chống cắt đôi. Một khoảng không gian trống rỗng xanh thẳm nhìn vào cửa sổ. Tựa như cả khu nhà, căn bếp và tôi đều treo lửng lơ bên rìa khoảng trống đó. Chỉ cần cử động mạnh là tất cả sẽ tuột xuống một cái hố xanh lạnh lẽo rồi bay đi, lướt qua các vì sao, vào một khoảng không lặng lẽ, không một tiếng động, như một hòn đá bị chìm nghỉm khi ném xuống nước. Tôi nằm yên rất lâu, sợ không dám trở mình và chờ đợi cái kết thúc kinh khủng của đời mình.

Không nhớ tôi đã chữa khỏi bệnh sợ hãi đó như thế nào, nhưng tôi chữa rất nhanh. Lẽ dĩ nhiên trong việc đó vì Chúa nhân từ của bà tôi đã giúp đỡ tôi. Tôi nghĩ rằng ngay lúc đó tôi đã cảm thấy cái chân lí đơn giản: mình chưa làm điều gì xấu. Không có luật lệ nào có thể trừng phạt tôi nếu tôi không có lỗi. Còn đối với những tội lỗi của kẻ khác thì tôi không chịu trách nhiệm.

Những buổi lễ sáng tôi cũng bỏ đi chơi. Nhất là vào mùa xuân, sức mạnh không gì ngăn cản nổi của nó đã nhất định không cho tôi đến nhà thờ. Nếu người ta đưa cho tôi hai copec để mua nến là cũng đủ làm hại tôi rồi: tôi mua cờ xương [1] chơi suốt cả buổi lễ sáng và nhất định thế nào cũng về muộn. Có lần tôi chơi thua sạch cả mười copec mà nhà chủ giao cho tôi để đi trả tiền lễ và bánh thánh. Tôi đành phải ăn trộm bánh thánh của người khác đặt trên đĩa mà thầy phụ lễ mang từ bàn thờ ra.

Tôi rất ham chơi và bị các trò chơi lôi cuốn đến mê mẩn. Tôi

[1] Một trò chơi bằng xương nhỏ.

tương đối khoẻ và khéo léo nên chẳng bao lâu đã nổi tiếng là tay chơi cờ, chọi bi, chơi phá thành cừ khôi trong những phố lân cận.

Vào tuần chay lớn, người ta bắt tôi phải đi xưng tội. Tôi liền đến xưng tội với cha Dorimedon Pocrovxki ở cạnh nhà tôi. Tôi thường cho ông ta là một người khắt khe. Riêng tôi lại có nhiều tội đối với ông: ném đá vào nhà hóng mát trong vườn của ông, gây sự với lũ con ông. Nói chung, ông có thể nhắc lại cho tôi nghe không ít những hành động ngang ngược của tôi đã làm cho ông khó chịu. Điều đó làm tôi rất bối rối, và khi đứng trong ngôi nhà thờ nghèo nàn chờ đến lượt vào xưng tội, tôi lo lắng, tim đập thình thịch.

Nhưng cha Dorimedon đã tiếp tôi với vẻ hiền hậu. Cha lúng búng thốt lên:

- A, chú láng giềng... Nào, con hãy quỳ xuống! Có tội gì?

Cha phủ lên đầu tôi một miếng nhung nặng. Tôi bị ngạt thở trong mùi sáp và trầm, nói rất khó khăn và cũng chẳng muốn nói:

- Con có nghe lời người lớn không?

- Không.

- Hãy nói: "Con có tội!"

Bỗng nhiên tôi buột miệng nói ra:

- Con đã ăn trộm bánh thánh.

- Ồ, sao lại thế? Ở đâu? - cha nghĩ ngợi rồi thong thả hỏi.

- Ở, nhà thờ Ba Ngôi, nhà thờ Pocrov, nhà thờ Nicola...

- Ồ, thế là đủ hết các nhà thờ! Chú em ạ, điều đó không tốt đâu. Có tội lớn đấy, con hiểu chứ?

- Hiểu ạ.

- Hãy nói: "Con có tội!" Con đã làm ρậy! Con lấy trộm để ăn à?

- Có lúc thì ăn, có lúc vì chơi cờ thua mất tiền, mà bánh thánh thì phải mang về nhà, thế là con lấy trộm...

Cha Dorimedon liền thì thào cái gì không rõ và có vẻ mệt mỏi, rồi cha hỏi thêm vài câu nữa. Bỗng nhiên cha nghiêm khắc hỏi:

- Con có đọc những sách in bí mật không?

Tất nhiên tôi không hiểu và hỏi lại:

- Cái gì ạ?

- Những sách cấm, con có đọc không?

- Không, con chẳng đọc quyển nào cả...

- Cha tha tội cho con... Đứng dậy!

Tôi ngạc nhiên nhìn thẳng vào mặt cha. Khuôn mặt có vẻ trầm ngâm và hiền từ. Tôi thấy lúng túng, hổ thẹn, khi cho tôi đi xưng tội các người chủ của tôi đã kể biết bao những điều đáng sợ, kinh khủng về buổi xưng tội này, họ đã thuyết phục tôi phải thành thật thú hết mọi tội lỗi của mình.

- Con đã ném đá vào nhà hóng mát của cha, - tôi nói.

Cha Dorimedon ngẩng đầu lên nói:

- Điều đó cũng không tốt! Thôi con đi ra...

- Và ném cả vào chó nữa...

- Người tiếp theo! - cha Dorimedon gọi, mắt nhìn qua người tôi.

Tôi đi ra và cảm thấy như mình bị lừa dối, bị sỉ nhục. Tinh thần tôi căng thẳng vì sợ hãi trước buổi xưng tội biết bao, thế mà mọi việc lại xảy ra chẳng có gì là đáng sợ, có phần đáng chán nữa là khác! Chỉ có câu hỏi về những cuốn sách mà tôi chưa biết là còn đáng chú ý. Tôi nhớ lại cậu học sinh đọc sách cho những người phụ nữ nghe ở dưới tầng hầm. Tôi nhớ đến bác Tốt Lắm. Bác ta cũng có nhiều sách bìa đen, dày cộp với những hình vẽ khó hiểu.

Ngày hôm sau, nhà chủ cho tôi mười lăm copec và bảo tôi đi chịu lễ. Lễ Phục sinh năm ấy đến muộn. Tuyết đã tan từ lâu, phố xá khô ráo. Bụi bay mù trên mặt đường. Suốt ngày vui và nắng ấm.

Một toán đông thợ đang say mê chơi cờ bên cạnh hàng rào nhà thờ. Tôi nghĩ mình cũng còn kịp đi chịu lễ nên nài xin bọn họ:

- Cho cháu chơi với!

- Bỏ ra đây một copec thì sẽ được chơi, - một người mặt rỗ, tóc hung kiêu ngạo nói.

Nhưng tôi cũng không kém phần kiêu ngạo lên tiếng:

- Đặt ba copec ở cạnh đôi thứ hai từ trái sang!

- Chồng tiền ra đây!

Thế là cuộc chơi bắt đầu.

Tôi đổi đồng mười lăm copec, đặt ba copec ở cạnh đôi quân cờ và chồng tiền ở một ô dài, ai hạ được đôi ấy, người ấy sẽ nhận tiền, nếu trượt, tôi sẽ nhận được của anh ta ba copec. May cho tôi: hai người rình cuỗm số tiền của tôi đều không trúng cả, thế là tôi thắng thêm được sáu copec ở bọn người lớn - ở bọn mujic ấy. Điều đó làm cho tôi cao hứng hẳn lên...

Nhưng có một người trong bọn họ bỗng nói:

- Các cậu ạ, phải để ý thằng bé, kẻo nó ăn non đấy...

Câu nói đó làm tôi bực mình, tôi liền hấp tấp tuyên bố như người đánh trống cơm:

- Đặt chín copec ở dưới đôi cuối bên trái!

Tuy nhiên điều đó không làm cho những người chơi chú ý tới chút nào. Chỉ có một thằng bé trạc tuổi tôi kêu lên để ngăn ngừa mọi người:

- Các bác coi chừng đấy, số nó đỏ lắm. Nó là thằng vẽ đồ án ở phố Zviozdinca đấy! Cháu còn lạ gì nó nữa!

Một anh thợ gầy gò mà chỉ cần ngửi mùi cũng biết anh ta là thợ thuộc da nói một cách thâm độc:

- Quỷ con[1] à? Càng tốt...

---

[1] Tiếng Nga chữ "người vẽ đồ án" nói trái đi thành "con quỷ con".

Ngắm nghía quân cờ cẩn thận, anh ta hạ ngay được ô tiền của tôi, rồi khom lưng xuống nhìn tôi mà hỏi.

- Có khóc không đấy?

Tôi trả lời:

- Đặt ba copec ở dưới đôi cuối bên phải!

- Tớ sẽ hạ cho mà xem! - anh thợ thuộc da nói khoác, nhưng lần này anh ta thua.

Không thể đặt tiền liền lên một ô quá ba lần, thế là tôi bèn đánh ô tiền của những người khác và được thêm bốn copec cùng một lô quân cờ nữa. Nhưng khi lại đến lượt tôi, tôi đặt tiền ba lần và đều thua sạch. Vừa lúc đó lễ sáng cũng tan, chuông nhà thờ vang lên, nhân dân kéo nhau rời khỏi nhà thờ.

- Có vợ chưa? - anh thợ thuộc da vừa hỏi vừa muốn túm lấy tóc tôi, nhưng tôi vùng ra được và bỏ chạy. Tôi đuổi kịp một thanh niên ăn mặc diện và lễ phép hỏi:

- Thưa anh, anh đã chịu lễ chưa?

- Ừ, thì sao kia? - anh ta trả lời và nhìn tôi với vẻ nghi ngờ.

Tôi đề nghị anh kể cho tôi nghe chịu lễ như thế nào, ông cố đạo nói những gì và tôi sẽ phải làm gì lúc đó.

Anh thanh niên cau có vẻ nghiêm khắc và quát to, giọng đáng sợ:

- Mày bỏ không chịu đi lễ à, thằng vô đạo kia? Đã thế tao sẽ không nói đâu. Để cho bố mày lột da mày ra mới được!

Tôi chạy về nhà, tin chắc rằng mọi người sẽ tra hỏi và tất nhiên họ sẽ biết được tôi không chịu đi lễ.

Nhưng sau khi chúc mừng tôi, bà già chỉ hỏi có một điều:

- Cháu cho thầy phụ lễ bao nhiêu tiền?

- Năm copec, - tôi trả lời bừa.

- Đưa cho thầy ta ba copec đã là phúc lắm rồi, giữ lại hai copec có phải hơn không, mày rõ thật ngốc nghếch!

... Mùa xuân. Mỗi ngày như được khoác thêm một chiếc áo

mới. Mỗi ngày lại rực rỡ hơn, đáng yêu hơn. Cỏ non và màu xanh tươi mát của những cây bạch dương toả ra một mùi say ngây ngất. Như có một sức mạnh nào không thể cưỡng được lôi cuốn tôi ra đồng, nằm ngửa mặt trên mảnh đất ấm áp, lắng nghe tiếng chim sơn ca hót. Nhưng tôi còn phải chải quần áo rét, giúp chủ xếp vào hòm, thái lá thuốc, lau bụi trên các đồ đạc, và suốt từ sáng đến tối phải quẩn quanh với những đồ vật không cần thiết, khó chịu đối với tôi.

Trong những giờ rảnh rang tôi hoàn toàn không biết làm gì. Khu phố nghèo nàn của chúng tôi thì vắng tanh vắng ngắt, đi xa hơn nữa thì không được phép; trong sân nhà toàn những người thợ đấu bẩn tính và mệt mỏi, những mụ bếp và những mụ thợ giặt nhếch nhác: chiều tối nào cũng có những trò bù khú chó má, điều đó làm tôi rất khó chịu và tức mình đến muốn mù hẳn mắt đi cho rảnh.

Tôi trèo lên tầng gác thượng, mang theo chiếc kéo và những tờ giấy màu; tôi cắt những hình hoa bướm và trang trí các kèo nhà... Tuy thế công việc đó càng khêu gợi thêm nỗi buồn. Tôi náo nức muốn đi đến một nơi nào đó mà người ta ít ngủ hơn, ít cãi nhau hơn, nơi mà người ta không làm chán tai Chúa bằng những lời than vãn, không hay làm cho kẻ khác buồn tủi vì những câu nhận xét bực tức của mình.

... Thứ bảy, nhân dịp lễ Phục sinh, người ta rước bức tượng màu nhiệm của Đức Mẹ vùng Vladimir từ tu viện Oranxki vào thành phố. Tượng Đức Mẹ sẽ ở thăm thành phố cho đến trung tuần tháng Sáu và sẽ đến thăm từng ngôi nhà, từng căn gác của mỗi tín đồ.

Tượng Đức Mẹ tới nhà của cậu chủ tôi vào một buổi sáng ngày thường. Tôi đang đánh nồi đồng trong bếp thì nghe thấy tiếng kêu hốt hoảng của mợ chủ từ trong phòng vẳng tới.

- Mở cửa chính ra! Người ta rước tượng Đức Mẹ đến rồi!

Tôi nhảy xổ xuống dưới nhà mở cửa, người lem luốc, hai tay

dính đầy mỡ và gạch vụn. Một thầy tu trẻ một tay cầm đèn, một tay cầm bình hương khẽ càu nhàu:

- Ngủ đấy à? Hãy giúp một tay...

Hai người dân thành phố khiêng một cái kiệu nặng trong có để tượng Đức Mẹ bước lên cầu thang gác hẹp. Tôi ghé vai và lấy hai bàn tay bẩn đỡ lấy mép kiệu khiêng giúp họ. Phía sau, những thầy tu nặng nề giậm chân và ngân nga bằng một giọng trầm vẻ miễn cưỡng:

- "Lạy Đức Mẹ Rất Thánh, cầu cho chúng con..."

Tôi buồn rầu đinh ninh trong bụng: "Đức Mẹ sẽ giận mình vì mình bẩn thỉu thế này mà dám đỡ Người. Tay mình sẽ bị tê liệt mất..."

Tượng Đức Mẹ được đặt trên hai chiếc ghế có phủ một tấm vải sạch ở góc trước cửa nhà. Hai thầy tu, đứng đỡ hai bên kiệu, trẻ và đẹp như thiên thần, mắt sáng ngời, vui vẻ, tóc phồng lên.

Họ bắt đầu làm lễ.

- "Ôi Đức Mẹ lòng lành"! - một cố đạo to lớn cất tiếng hát giọng lanh lảnh, ngón tay đỏ tía cứ mân mê chiếc dái tai sưng phồng lẩn sau đám tóc dài.

- "Đức Mẹ Rất Thánh, thương xót chúng con!" - các thầy tu mệt nhọc ngân nga.

Tôi yêu Đức Mẹ. Theo lời bà tôi kể thì chính Đức Mẹ đã gieo những hoa, những niềm vui - tất cả những cái gì tốt lành và đẹp đẽ - trên mặt đất để an ủi những kẻ nghèo khổ. Cho nên, khi phải đến hôn tay Đức Mẹ, vì không để ý xem người lớn đã làm như thế nào, tôi hồi hộp hôn vào mặt, vào môi bức tượng.

Một bàn tay khoẻ túm lấy tôi, quẳng vào góc nhà gần ngưỡng cửa. Tôi không nhớ các thầy tu đã ra khỏi nhà và mang bức tượng như thế nào, nhưng tôi còn nhớ rất rõ cảnh những người chủ của tôi quây lấy tôi - lúc bấy giờ tôi vẫn ngồi ở trên sân - và vô cùng sợ hãi bàn tán với nhau một cách lo lắng về số phận sắp tới của tôi.

Phải nói chuyện với một linh mục hiểu biết hơn cả - cậu chủ nói và mắng tôi với vẻ không có gì là ác ý:

- Đồ ngu, lẽ nào mày lại không biết rằng không được hôn vào môi hay sao? Thế mà cũng đòi... đã học ở trường rồi cơ đấy...

Suốt mấy ngày, tôi thấp thỏm chờ đợi: cái gì sẽ xảy ra bây giờ đây? Mó tay bẩn vào kiệu này, hôn không đúng luật này, lần này nhất định không thể thoát được rồi, không hòng thoát được!

Nhưng có lẽ Đức Mẹ đã tha thứ tội lỗi vô tình do lòng yêu chân thành gây nên. Hay là sự trừng phạt của Người quá nhẹ, đến mức tôi không nhận thấy giữa những sự trừng phạt thường xuyên do những người lương thiện đối với tôi.

Thỉnh thoảng muốn chọc tức bà già tôi lại ra vẻ buồn rầu nói với bà:

- Có lẽ Đức Mẹ đã quên không trừng phạt cháu rồi...

- Được, - bà già hẹn với vẻ độc địa, - cứ chờ đấy...

Vừa trang trí những chiếc kèo ở gác thượng bằng những hình cắt từ giấy trà màu hồng, giấy thiếc, bằng những lá cây và đủ mọi thứ linh tinh, tôi vừa ngâm nga những câu thơ chợt đến trong đầu óc theo điệu cầu nguyện ở nhà thờ, như những người Canmưc thường làm khi đi đường:

Tôi ngồi trên gác,
Chiếc kéo cầm tay.
Cắt giấy, cắt hoài...
Thằng ngốc buồn quá!
Nếu tôi là chó
Tôi sẽ chạy rông
Nhưng giờ ai cũng
Mắng tôi đủ đường:
"Câm đi thằng nhãi,
Ngồi yên, liệu hồn!"

Bà già nhìn công trình của tôi, cười nhạt, lắc đầu:

- Mày trang hoàng trong bếp như vậy có hơn không...

Một hôm cậu chủ lên gác thượng. Cậu nhìn những trò tôi làm, thở dài và nói:

- Mày cũng ngộ nghĩnh đấy, Pescov[1] ạ. Quỷ bắt mày đi. Có lẽ mày sẽ thành một tay làm ảo thuật mất! Chẳng đoán được ra cái gì cả...

Cậu cho tôi một đồng năm copec to có hình Nicolai.

Tôi lấy dây thép nhỏ, làm một cái móc rồi treo đồng tiền vào như một chiếc mề đay lên trên một chỗ nổi nhất giữa các công trình sặc sỡ của tôi.

Nhưng sang ngày hôm sau, đồng tiền cùng với những dây chằng của nó đều biến mất. Tôi biết chắc là bà già đã xoáy mất đồng tiền ấy.

V

Dầu sao, mùa xuân tôi cũng đã trốn khỏi nơi này.[2] Một buổi sáng, tôi đi ra hiệu mua bánh mì về uống trà sáng. Người chủ hiệu đang cãi nhau với vợ; anh ta lấy quả cân nện vào trán chị. Chị vợ chạy ra phố và ngã lăn ra đấy. Lập tức mọi người xúm quanh lại. Người ta đặt chị lên một chiếc xe ngựa bốn bánh và đưa đến bệnh viện. Tôi chạy theo sau xe rồi sau đó không biết thế nào lại lạc đến tận bờ sông Volga với đồng hai mươi copec trong tay.

---

[1] Họ của Alecxei.

[2] Mùa xuân năm 1880 Gorki bắt đầu làm việc trên tàu thuỷ "Dobruĭ" chạy giữa các thành phố Nijni và Pecmo.

Ngày xuân dịu dàng ngời sáng. Nước sông Volga tràn ngập mênh mông. Trên mặt đất đầy vẻ nhộn nhịp, phóng khoáng. Thế mà cho đến hôm đó tôi vẫn sống như một con chuột nhắt dưới hầm nhà. Tôi liền quyết định không quay về nhà chủ và cũng không về với bà tôi ở xóm Cunavino nữa - tôi ngượng không muốn gặp bà tôi vì đã không giữ lời hứa, còn ông tôi sẽ lại càng dắc chí hơn đối với tôi.

Tôi lang thang suốt hai ba ngày trên bờ sông, ăn uống bên cạnh những người phu khuân vác hiền lành giản dị, ngủ với họ trên các bến tàu. Sau đó một người trong bọn họ nói với tôi:

- Này chú bé, tớ thấy chú lang thang ở đây thật là vô ích. Hãy lại tầu "Dobrưi"[1] xem, ở đó người ta đang cần người rửa bát đĩa đấy...

Tôi đến tàu. Người chủ tiệm ăn cao lớn, râu ria xồm xoàm, đội chiếc mũ lụa đen không vành, nhìn tôi bằng đôi mắt mờ đục qua cặp kính và khẽ nói:

- Hai rúp một tháng. Giấy thông hành đâu?

Tôi không có giấy thông hành. Người chủ tiệm suy nghĩ và bảo:

- Dẫn mẹ mày tới đây.

Tôi chạy về gặp bà ngoại. Bà tán thành hành động của tôi và dụ ông đi đến sở thủ công nghiệp xin giấy thông hành cho tôi, còn bà thì thân chinh đi với tôi xuống tàu thuỷ.

- Được, - người chủ tiệm nhìn chúng tôi rồi nói. - Chúng ta đi xuống dưới này.

Ông ta dẫn tôi ra sau lái. Ở đấy có một người đầu bếp phục phịch mặc áo cánh trắng, đội mũ chụp trắng đang ngồi sau chiếc bàn con, vừa uống trà, vừa hút một điếu thuốc to tướng. Người chủ tiệm đẩy tôi lại phía bác đầu bếp:

---

[1] Có nghĩa là: Tốt lành.

- Đứa rửa bát đĩa đây!

Và ông ta bỏ đi thẳng. Bác đầu bếp thở phì phì, vểnh bộ ria mép đen lên, nói với theo người chủ tiệm:

- Mướn về đây dủ thứ quỷ sứ, cốt rẻ mà...

Rồi cáu kỉnh ngẩng chiếc đầu to với bộ tóc đen cắt ngắn lên, bác trợn tròn cặp mắt đen thẫm, vươn vai phùng má, làm ra vẻ quan trọng và quát oang oang:

- Mày là thằng nào?

Tôi rất không ưa con người ấy. Tuy mặc toàn đồ trắng, nhưng bác ta vẫn có vẻ nhem nhuốc, lông mọc đầy ngón tay bác ta và tua tủa cả trong hai lỗ tai to.

- Cháu đói quá, - tôi bảo bác ta.

Bác nheo mắt, và bỗng nhiên một nụ cười rộng mở đã làm thay đổi hẳn bộ mặt hung dữ của bác; đôi má đầy đặn, đỏ tía như những làn sóng chạy đến tận mang tai, để lộ ra những chiếc răng to như răng ngựa; bộ ria mép mềm mại buông thõng xuống; bác bỗng giống như một người dàn bà hiền lành, béo phục phịch.

Hắt chỗ nước trà còn lại ở cốc qua thành tàu, bác rót cho tôi một cốc mới, rồi đẩy về phía tôi một chiếc bánh mì trắng kiểu Pháp còn nguyên và một khúc xúc xích to.

- Chén đi! Có cha mẹ không? Có biết ăn cắp không? Không sao, đừng sợ. Ở đây toàn là một lũ trộm cắp cả, chúng nó sẽ dạy mày!

Bác ta nói như sủa. Khoảng gần mũi của khuôn mặt to lớn được cạo nhẵn hoá ra xanh, chằng chịt những mạch máu đỏ; chiếc mũi đỏ hồng cúi nhìn bộ ria; môi dưới của bác trề ra, vẻ nặng nề và khinh miệt; một điếu thuốc dính chặt bên mép và đang bốc khói. Có lẽ bác mới ở nhà tắm ra - người bác còn

thoảng mùi cành bạch dương[1] và lá ớt. Thái dương và cổ bác đầm đìa những hạt mồ hôi lóng lánh.

Khi tôi uống trà xong, bác giúi cho tôi tờ giấy bạc một rúp.

- Đi mua lấy hai chiếc tạp dề có yếm che mà mặc. Hượm, để tao mua cho cũng được!

Bác sửa lại chiếc mũ chụp rồi đi ra, người lắc lư nặng nề, chân dò dẫm trên boong như một con gấu.

... Trời về đêm. Mặt trăng chiếu sáng và chạy từ tầu thuỷ sang bên trái, về mạn những cánh đồng cỏ. Chiếc tàu thuỷ cũ kĩ màu gạch, với một viền trắng trên ống khói, thong thả và giậm giật đập cánh quạt vào làn nước bạc. Hai bờ sông đen ngòm lặng lẽ trôi về phía con tàu, in bóng xuống mặt sóng. Trên bờ, cửa sổ các ngôi nhà gỗ toả sáng màu đỏ quành quạch. Trong làng vang lên những tiếng hát: đó là các cô thôn nữ đang ca múa, điệp khúc "ailiuli" vẳng đến tai tôi nghe như khúc "aliluya"[2]...

Chiếc tầu thuỷ móc một sợi dây cáp dài kéo theo sau chiếc sà lan cũng màu gạch. Boong sà lan được che bằng hàng rào sắt. Trong chiếc lồng sắt đó là những tù nhân bị đi đầy hay đi làm khổ sai. Ở mũi sà làn, chiếc lưỡi lê của người lính canh sáng loáng như một ngọn nến. Trên bầu trời xanh, những ngôi sao nhỏ cũng lấp lánh như những ngọn nến. Một không khí yên lặng bao trùm lên chiếc sà lan. Ánh trăng tràn ngập trên mình nó. Những đốm tròn xám lờ mờ sau dãy hàng rào sắt đen ngòm - đó là những người tù đang nhìn dòng sông Volga. Nước sông nức lên, không hiểu nó đang khóc hay đang cười gượng gạo. Cảnh vật xung quanh trang nghiêm như không khí của nhà thờ, mùi dầu mỡ cũng xông lên nồng nặc như ở nhà thờ vậy.

Tôi nhìn chiếc sà lan và hồi tưởng lại hồi còn bé, nhớ đến

---

[1] Tắm bằng hơi nước nóng, lấy cành cây đập vào người để ra mồ hôi.

[2] Một khúc hát ở nhà thờ.

những đoạn đường đi từ Axt'rakhan đến Nijni, đến bộ mặt đanh thép của mẹ tôi, nhớ đến bà tôi, người đã dẫn tôi vào cuộc đời tuy khó khăn nhưng đầy thú vị này[1]. Và khi tôi nghĩ đến bà tôi, thì tất cả những điều xấu xa, tủi nhục như tan biến đi, như thay đổi khác hẳn, mọi vật lại trở nên thú vị hơn, dễ chịu hơn, mọi người trở nên tốt hơn, đáng yêu hơn...

Tôi xúc động gần muốn khóc trước cảnh đẹp ban đêm và cả trước chiếc sà lan kia, nó giống như một chiếc quan tài và như thừa hẳn trong khoảng không gian lồng lộng trên dòng sông mênh mông, trong bầu không khí thanh bình huyền ảo của trời đêm ấm áp này. Những đường nét nhấp nhô của bờ sông, khi lên, khi xuống, làm trái tim tôi bồi hồi một cách dễ chịu. Tôi muốn mình trở thành một người tốt, có ích cho tất cả mọi người.

Hành khách trên chiếc tàu thuỷ của chúng tôi thật đặc biệt. Tất cả - già, trẻ, đàn ông, đàn bà - tôi thấy hình như giống nhau hết. Tàu chúng tôi đi chầm chậm. Những người bận công việc thì đi tàu chở thư; còn tàu của chúng tôi thì chỉ thu hút các loại vô công rồi nghề. Từ sáng đến chiều họ ăn, uống, làm giây bẩn hàng đống bát đĩa, dao, dĩa, thìa. Công việc của tôi là rửa bát đĩa, lau dĩa và dao. Tôi làm những việc đó từ sáu giờ sáng và hầu như đến tận nửa đêm. Ban ngày, khoảng từ hai giờ đến sáu giờ và buổi tối từ mười giờ đến nửa đêm, công việc của tôi ít hơn: hành khách trong giờ nghỉ sau các bữa ăn thường chỉ uống nước trà, bia và rượu. Trong những giờ đó tất cả những người phục vụ trong tiệm - những kẻ phụ trách tôi - đều được rỗi rãi. Bác đầu bếp Xmurưi, bác phụ bếp Iacov Ivanưtr, anh rửa bát trong bếp Macxim và gã hầu bàn Xergei gù lưng chuyên phục vụ hành khách trên boong, có bộ mặt sần sùi những nốt đậu, gò má dô ra, cặp mắt dâm dãng, tất cả cùng ngồi với nhau quanh

---

[1] Mùa thu năm 1872, sau khi bố chết, chú bé Pescov lúc bấy giờ mới bốn tuổi, đi tàu thuỷ cùng với bà, mẹ từ Axt'rakhan đến Nijni để sống tại nhà ông ngoại (xem chương I trong tập *Thời thơ ấu*).

một chiếc bàn gần cửa ra vào uống nước trà. Bác Iacov Ivanưtr vừa kể những câu chuyện đểu giả vừa cười hô hố để lộ ra những chiếc răng sâu xanh nhợt. Xergei thì toác cái mồm nhăi rộng ra đến tận mang tai. Macxim rầu rĩ thì ngồi lặng thinh nhìn mọi người bằng cặp mắt nghiêm khắc không rõ màu gì.

- Lũ châu Á! Bọn Mordvin[1]! - Thỉnh thoảng bác đầu bếp lại thốt lên giọng ồm ồm.

Tôi chẳng ưa bọn người đó tí nào. Bác Iacov Ivanưtr to béo, hói đầu chỉ toàn nói chuyện về đàn bà và luôn luôn nói một cách bẩn thỉu. Bộ mặt bác ta phèn phẹt, điểm những nốt tím bầm. Ở một bên má có một nốt ruồi với một đám lông đỏ hoe, mà bác xoắn nhọn lại như một cái kim. Khi có một mụ khách hàng nào điệu bộ suồng sã, dễ tính lên tàu, là bác quẩn quanh mụ ta và với một vẻ rụt rè, nhút nhát đặc biệt như một anh hành khất. Bác nói với mụ ta bằng một giọng ngọt ngào và rầu rĩ; nước bọt sùi ra cả bên mép, thỉnh thoảng bác lại lia nhanh chiếc lưỡi ghê tởm ra để quét nước bọt. Không hiểu sao, tôi cứ có cảm giác rằng những tên đao phủ cũng đều phì nộn như vậy cả.

- Phải biết cách kích thích bọn đàn bà mới được, - bác ta dạy Xergei và Macxim. Bọn này phồng má, đỏ mặt chăm chú nghe bác ta nói.

- Đồ châu Á, - bác Xmurưi khàn khàn nói ra vẻ kinh tởm rồi nặng nề đứng dậy, ra lệnh cho tôi: - Pescov, đi thôi!

Về buồng riêng, bác vứt vào tay tôi một quyển sách nhỏ bìa da, rồi nằm dài lên giường kê áp vách buồng ướp lạnh.

- Đọc đi!

Tôi ngồi lên một thùng mì ống và đọc rất tận tâm:

"Umbracun, sặc sỡ những tinh cầu, có nghĩa là có thể giao thông thuận lợi với vũ trụ, nhờ đó mà họ có thể giải thoát mình khỏi bọn phàm tục và bọn phóng đãng"...[2]

---

[1] Ý nói: đồ thô lỗ, đồ mọi rợ!

[2] Đây là một loại sách bói toán.

Bác Xmurưi hút xong điếu thuốc, phào khói thuốc ra và càu nhàu:

- Đồ lạc đà! Viết với lách...

- "Để hở ngực bên trái chứng tỏ sự trinh bạch của lòng mình".

- Ai để hở?

- Không thấy nói đến.

- Thế có nghĩa là đàn bà đấy... Hừ, bọn phóng đãng!

Bác nằm nhắm mắt lại, tay duỗi ra làm gối, điếu thuốc lá dính vào bên mép thong thả bốc khói. Bác đưa lưỡi sửa lại điếu thuốc, hít mạnh đến nỗi trong ngực bác có tiếng réo lên, cả bộ mặt to lớn của bác chìm trong đám khói thuốc. Đôi khi tưởng bác ngủ, tôi ngừng đọc và ngẫm nghĩa quyển sách đáng nguyền rủa ấy, nó làm tôi chán đến phát lợm.

Nhưng bác ta lại khàn khàn lên tiếng:

- Đọc đi!

- "Venerap trả lời: hãy nhìn đây, anh Xuvoranh đáng mến của tôi..."

- Xeverian chứ...

- Đây in là Xuvoranh...

- Thế à? Khỉ thật! Ở cuối sách có thơ đấy, lướt qua xem nào...

Tôi lướt qua:

Bọn phàm tục tò mò muốn biết công việc
của chúng ta,
Không bao giờ cặp mắt kém cỏi
của các ngươi thấy được!
Và các ngươi cũng không thể biết chư huynh đã hát...

- Thôi! - bác Xmurưi nói. - dấy có phải là thơ đâu! Đưa quyển sách đây...

Bác giận dữ lật lật những trang giấy xanh dày rồi nhét quyển sách xuống dưới đệm.

- Lấy quyển khác xem...

Không may cho tôi, trong chiếc hòm đen bịt sắt của bác còn nhiều sách, đại loại: *Những lời giáo huấn của Omir, Hồi kí pháo binh, Những bức thư của Lor*[1] *Xedigan, Bàn về giống rệp nguy hại, Phương pháp diệt trừ rệp có kèm theo chỉ dẫn.* Nhiều quyển mất cả đầu lẫn đuôi. Thỉnh thoảng bác đầu bếp lại bắt tôi lục đống sách ra và đọc hết các tên sách lên. Tôi đọc, còn bác thì bực tức càu nhàu:

- Đồ vô lại, viết với lách... Cứ như là họ đấm vào tai[2] mình ấy, chẳng hiểu ý nghĩa ra sao cả! Gecve à! Cái lão Gecve ấy, tao cần tới lão ta làm cái của nợ gì kia chứ? Lại Umbracun?...

Những chữ kì quặc, những tên lạ tai in sâu vào trí nhớ tôi, ám ảnh tôi, rung rung ở đầu lưỡi tôi, khiến tôi cứ muốn nhắc đi nhắc lại chúng mãi, rồi may ra trong âm thanh có hé mở được ý nghĩa của chúng chăng? Trong khi đó thì phía ngoài cửa sổ, nước vẫn oàm oạp và róc rách không mệt mỏi. Thú biết bao nếu được chuồn ra đằng lái, nơi thuỷ thủ và thợ đốt lò đang quây quần giữa những kiện hàng và đang bóc lột hành khách bằng quân bài, đang ca hát, đang kể những câu chuyện lí thú! Thú biết bao khi ngồi bên cạnh họ, nghe những câu nói giản dị, dễ hiểu, nhìn lên bờ sông Cama, nhìn những cây thông thẳng như những sợi dây đồng, nhìn những cánh đồng cỏ mà cơn lũ chỉ để lại những hồ nhỏ nom như những mảnh gương vỡ phản chiếu vòm trời xanh thẳm! Chiếc tàu thuỷ của chúng tôi như tách biệt khỏi mặt đất và chạy xa dần. Trong bầu không khí lặng lẽ của một ngày mỏi mệt, tiếng chuông từ những gác chuông khuất không trông thấy vẳng đến, nhắc ta nhớ đến cảnh thôn xóm và dân làng. Một chiếc thuyền đánh cá tròng trành trên sóng như một miếng vỏ bánh mì. Và đây, trên bờ hiện ra một thôn nhỏ, lũ trẻ vùng vẫy

---

[1] Tiếng tôn xưng người quý tộc và nghị viên ở Thượng nghị viện nước Anh.

[2] Nguyên văn: đánh vào răng.

tắm dưới sông, một người nông dân mặc áo đỏ đang đi trên dải cát vàng. Nhìn từ xa, từ sông lên, mọi vật đều có vẻ duyên dáng, nhỏ bé, sặc sỡ, ngộ nghĩnh như những đồ chơi. Tôi muốn kêu vọng lên bờ và tới cả sà lan những câu nói thân ái, dịu dàng.

Chiếc sà lan màu gạch này rất lôi cuốn tôi. Tôi có thể ngồi liền hàng giờ nhìn nó rẽ sóng bằng chiếc mũi bèn bẹt. Chiếc tàu thuỷ lôi nó đi như lôi một con lợn. Thỉnh thoảng sợi dây cáp chùng, đập xuống mặt nước, rồi lại căng ra, ròng ròng những hạt nước và lôi giật mũi chiếc sà lan. Tôi rất muốn được thấy mặt những người bị nhốt như thú dữ trong chiếc lồng sắt đó. Tại Pecmo, khi người ta dẫn họ lên bờ, tôi len được đến cầu sà lan. Hàng chục người xanh xám đi ngang qua mặt tôi, chân giậm thình thịch, vòng xích lêu loảng xoảng, lom khom dưới những chiếc bị nặng vai. Có đủ cả đàn bà, đàn ông, người già, người trẻ, kẻ đẹp, kẻ xấu. Họ giống hệt như mọi người, chỉ có điều là ăn mặc khác hơn và râu ria cạo lam nham. Dĩ nhiên, họ là bọn kẻ cướp, nhưng bà tôi đã kể cho tôi nghe biết bao nhiêu chuyện tốt lành về những tên cướp.

Bác Xmurưi giống một tên hung đồ hơn ai hết. Bác bực bội nhìn chiếc sà lan và càu nhàu:

- Cầu trời đừng ban cho ta cái số phận như thế này!

Có một lần tôi hỏi bác:

- Bác thì nấu nướng, mà những kẻ khác thì giết người cướp của, sao lại thế nhỉ?

- Tao không nấu nướng mà chỉ chuẩn bị thức ăn thôi, còn bọn đàn bà thì mới nấu nướng. - Bác cười khẩy, nói; rồi nghĩ một chút, bác nói thêm: - Người ta khác nhau ở mức độ ngu ngốc. Người này thông minh, người khác kém thông minh một chút, còn hạng người thứ ba thì ngốc hoàn toàn. Muốn trở nên thông minh hơn, phải đọc những cuốn sách đứng đắn - đó là cái " ma

thuật" hay còn gọi là cái gì nữa đấy? Phải đọc tất cả các sách, rồi khi đó mới tìm được những quyển đứng đắn...

Bác thường bảo tôi:

- Cháu cứ đọc đi! Nếu đọc cuốn sách một lần chưa hiểu thì đọc bảy lần, bảy lần vẫn chưa hiểu thì đọc mười hai lần...

Bác Xmurưi nói với mọi người trên tàu thuỷ, kể cả với người chủ tiệm lầm lì, bằng một giọng nhát gừng, môi dưới trề ra với vẻ khinh miệt, ria mép vểnh lên. Bác nói như ném đá vào mọi người. Với tôi, bác đối xử dịu dàng và có vẻ chăm sóc, nhưng trong đó như có cái gì khiến tôi sờ sợ. Đôi lúc tôi thấy bác cũng có vẻ điên dở như bà Mat'riona, em bà ngoại tôi.

Thỉnh thoảng bác lại bảo tôi:

- Khoan hãy đọc...

Và bác nằm thật lâu, mắt nhắm nghiền, mũi thở phì phò, cái bụng to tướng của bác lúc lắc, những ngón tay đầy lông lá rộp bỏng xếp trước ngực như của người chết đang động đậy tựa hồ chúng đang đan một chiếc bít tất vô hình bằng những que đan vô hình.

Đột nhiên bác lầu bầu nói:

- Hừ! Đấy, trời phú cho mày trí tuệ đấy, đi mà sống với nó! Nhưng trí tuệ mà trời phú cho ấy thật là ít ỏi và có đều đâu. Giả như mọi người đều có một trí tuệ như nhau, nhưng đâu có được... Người này hiểu, kẻ khác không hiểu, và cũng có những đứa lại chẳng muốn hiểu gì tuốt. Thế đấy!

Ngắc ngứ từng câu, bác kể lại những mẩu chuyện trong cuộc đời đi lính của bác. Tôi không sao nắm được ý nghĩa của những mẩu chuyện ấy vì tôi thấy chúng không lí thú lắm, hơn nữa bác lại không kể từ đầu, mà chỉ nhớ đâu nói đấy.

- Trung đoàn trưởng liền gọi tên lính này đến và hỏi: "Trung uý đã nói với mày những gì? " Lính có nhiệm vụ phải trả lời cho thật đúng, thế là lính nói hết đầu đuôi câu chuyện. Còn tay

trung uý thì nhìn tên lính như nhìn một bức tường rồi quay lưng đi, cúi đầu xuống. Thế đấy...

Bác đầu bếp cáu kỉnh phào khói ra rồi càu nhàu:

- Lúc bấy giờ tao đâu có biết điều gì nên nói, điều gì nên không? Thế là người ta bỏ tù tay trung uý, còn mẹ tay ấy thì nói rằng... Ôi, trời ơi, tao nào có biết gì đâu...

Trời nóng nực. Mọi vật xung quanh khẽ rung rinh, rì rầm. Bên ngoài bức vách sắt của boong tàu, chiếc bánh xe tàu thuỷ khuấy động mặt nước ầm ầm. Dòng sông chảy thành một dải rộng lướt qua trước mặt chiếc cửa sổ tròn, xa xa hiện lên dải bờ cỏ và những hàng cây lờ mờ. Thính giác đã quen với mọi âm thanh - tựa như xung quanh đều lặng lẽ, mặc dầu ở mũi tàu có một người thuỷ thủ vẫn rầu rĩ rống lên:

- Bâ... ẩy, bâ... ẩy

Tôi thấy chẳng muốn tham dự vào một việc nào cả, chẳng muốn nghe, cũng chẳng muốn làm. Tôi chỉ muốn ngồi dưới một bóng râm nào đấy - nơi không có mùi mỡ ngầy ngậy và oi nồng của bếp núc - mơ mơ màng màng nhìn xem cuộc sống lặng lẽ, mỏi mệt này đang lướt trên mặt nước.

- Đọc đi! - bác đầu bếp giận dữ ra lệnh.

Cả đến những người hầu bàn hạng trên cũng sợ bác. Và ngay người chủ tiệm hiền lành ít nói, giống như con cá vược hình như cũng sợ bác Xmurưi.

- Ê, thằng này, đồ con lợn! - bác quát những người phục vụ trong tiệm, - lại đây, thằng ăn cắp kia! Đồ châu Á... Umbracun...

Bọn thuỷ thủ và thợ đốt lò cũng kính trọng và nịnh nọt bác vì bác cho họ thịt ninh, hay hỏi họ về chuyện gia đình, làng xóm.

Những người thợ đốt lò đen thủi đầy dầu mỡ người Bielorutxi bị liệt vào hạng thấp kém nhất trên tàu. Người ta gọi họ chỉ bằng độc một tên "Iagut" và trêu chọc:

- Iagut, chạy rông sống trên bờ sông.

Khi nghe câu đó, bác Xmurưi tức khí máu nóng bốc lên, bác quát anh thợ đốt lò:

- Sao mày lại để cho chúng nó chế giễu như vậy, hở thằng mặt thớt kia? Quại vào mõm thằng Catxap[1] ấy.

Có lần anh đội trưởng thuỷ thủ - một người đẹp trai và hung dữ - nói với bác Xmurưi:

- Iagut và Khokhon[2] thì cũng cùng một giuộc!

Bác đầu bếp túm lấy cổ áo và thắt lưng anh đội trưởng nhấc bổng lên trên không rồi vừa lắc vừa hỏi:

- Có muốn tao quật chết không?

Những trận cãi nhau thường xảy ra đôi khi dẫn tới chỗ đánh nhau nữa, nhưng không ai dám đụng đến bác Xmurưi: bác có một sức mạnh phi thường, hơn nữa bà vợ thuyền trưởng lại hay dịu dàng nói chuyện với bác. Đó là một người đàn bà cao lớn, đẫy đà, có khuôn mặt như đàn ông và mớ tóc cắt ngắn phẳng phiu như đứa con nít.

Bác uống rượu rất dữ, nhưng không bao giờ say. Bác bắt đầu uống từ sáng, tu bốn hơi hết một chai, rồi nốc bia suốt cho đến tận chiều. Mặt bác dần biến thành màu nâu sẫm, đôi mắt đen thẫm ngơ ngác giương to.

Chiều chiều bác thường ngồi trên một chiếc ghế đẩu người to lớn, trắng toát, Bác ngồi yên hàng giờ, nheo mắt nhìn về phía xa xa đang lùi dần. Trong những giờ phút đó, mọi người đặc biệt sợ bác, còn tôi thì thấy thương bác.

Từ bếp, bác Iacov Ivanưtr đi ra, mặt đỏ tưng bừng và ướt đẫm mồ hôi. Bác đứng gãi gãi chiếc đầu nhẵn thín rồi phất tay một cái, bỏ đi hoặc từ xa nói vọng lại:

---

[1] Tên gọi người Nga trước cách mạng với ý khinh miệt.

[2] Tên gọi người Ucraina trước cách mạng với ý khinh miệt.

- Cá xterlia ngoẻo cả rồi...

- Thôi được, cho vào món canh thập cẩm...

- Nhưng nếu họ đòi canh cá hay cá hấp thì sao?

- Cứ làm đi. Chúng nó khắc tọng hết.

Đôi lúc tôi quyết định đi đến chỗ bác đầu bếp. Bác nặng nề đảo cặp mắt nhìn tôi.

- Cái gì?

- Không, có gì đâu!

- Tốt!

Dầu sao, có một lần tôi cũng hỏi được bác trong những giờ phút ấy.

- Tại sao bác lại làm cho mọi người phải sợ? Bác vốn hiền từ cơ mà?

Trái với sự chờ đợi của tôi, bác không nổi cáu.

- Đấy là tao chỉ hiền từ với mình mày mà thôi.

Nhưng rồi bác lập tức nói thêm, vẻ hiền hậu và trầm ngâm:

- Mà thực thế, có lẽ tao hiền với tất cả mọi người. Có điều là tao không tỏ ra ngoài mặt thôi. Không nên để cho người ta biết điều đó, vì chúng sẽ đè đầu cưỡi cổ ngay. Người ta thường trèo lên cổ những thằng hiền lành như lên một mô đất khô giữa bãi lầy... Rồi chà đạp lên ngay. Đi mang bia lại đây...

Uống cốc này sang cốc khác, hết cả chai, bác liếm ria mép và nói:

- Chú em ạ,[1] chú mà lớn hơn chút nữa thì tao có thể dạy cho được nhiều điều đấy. Tao không phải là thằng ngốc, tao cũng có những điều có thể nói được cho kẻ khác nghe... Mày cứ đọc sách đi. Trong đó có đủ tất cả những điều cần thiết đấy. Sách vở không phải là trò vô bổ đâu! Có muốn uống bia không?

- Cháu không thích.

---

[1] Nguyên văn: con chim ạ.

- Tốt. Đừng uống làm gì. Nghiện ngập khổ lắm! Rượu chè là của ma quỷ. Tao mà giàu có thì tao đã cho mày đi học rồi. Người vô học chỉ là một con bò đực. Muốn đeo ách lên cổ nó hay muốn xẻo thịt nó ra thì nó cũng chỉ biết vẫy đuôi...

Bà vợ thuyền trưởng cho bác mượn một tập truyện của Gogol.[1] Tôi đọc *Chuyện báo thù khủng khiếp* và rất thích truyện ấy, nhưng bác Xmurưi lại cáu kỉnh kêu lên:

- Tầm bậy, chuyện bịa cả! Tao biết có những quyển sách khác...

Bác tước mất của tôi quyển sách, rồi mượn được ở bà vợ thuyền trưởng một quyển khác, bác cau có ra lệnh:

- Đọc *Tarax*[2]... xem sao? Mày tìm xem tên ông ta là gì. Bà ta khen hay lắm. Hay đối với ai mới được chứ? Đối với bà ta có lẽ hay, nhưng với tao có thể lại không thì sao? Bà ta đã cắt tóc ngắn rồi! Sao không cắt luôn cả tai một thể?

Khi Tarax thách Oxtav ra đọ sức, bác đầu bếp cười rống lên:

- A! Khá lắm! Mày có học, còn tao thì có sức! Sách thế mới là sách chứ! Lũ lạc đà!...

Bác nghe chăm chú, nhưng thường càu nhàu:

- Ê, tầm bậy! Không thể nào có thể chém đứt đôi người từ bả vai xuống đến mông được, không thể được! Và cũng không thể xóc vào ngọn giáo mà nâng lên được - giáo gẫy mất còn gì? Tao cũng đã từng là lính...

Sự phản bội của Andri làm cho bác ghê tởm.

- Thằng nhãi ranh đốn mạt! Chỉ vì đàn bà mà thôi! Phì...

Nhưng khi Tarax bắn chết đứa con thì bác đầu bếp liền bỏ thõng chân xuống giường, cúi mặt, tì tay vào giường mà khóc. Nước mắt từ từ chảy trên má, nhỏ giọt xuống sàn tàu. Bác sụt sịt và lẩm bẩm:

---

[1] Nhà văn Nga vĩ đại (1809-1852).

[2] Đây muốn nói đến cuốn *Tarax Bunba* của Gogol.

- Ôi, lạy Chúa... lạy Chúa tôi...

Rồi bỗng quát tôi:

- Đọc đi chứ, ranh con[1].

Bác lại khóc, và khi mà Oxtav trước khi chết kêu lên "Cha ơi! Cha có nghe không đấy?" thì bác khóc oà lên một cách dữ dội hơn và cay đắng hơn.

- Tất cả đều chết hết, - bác Xmurưi nức nở, - tất cả! Hết rồi à? Ôi, thật là tệ hại! Người như Tarax ấy mới là người! Phải, đấy mới thật là những con người...

Bác giằng quyển sách ở tay tôi rồi vừa chăm chú ngắm nghía nó vừa nhỏ lệ xuống bìa sách.

- Quyển sách hay thật! Thú vị thật!

Sau đó chúng tôi đọc truyện *Aivanho*[2]. Bác Xmurưi rất thích Risa Plantagenet.

- Đó mới là một ông vua chân chính! - bác nói một cách tin tưởng.

Còn tôi thì lại cho câu chuyện ấy đáng chán.

Nói chung sở thích của chúng tôi không giống nhau. Tôi rất say mê *Truyện chú bé Tomat Ionet*[3]- bản dịch cũ của *Truyện Tom Jon, đứa bé bỏ rơi*, nhưng bác Xmurưi thì lại càu nhàu:

- Vớ vẩn! Tao cần cóc gì thằng Tom ấy? Nó có giúp cho tao được quái gì đâu, cần phải có những quyển sách khác.

Một hôm tôi bảo bác rằng tôi biết có những quyển sách khác, những sách bí mật, sách cấm ấy chỉ có thể đọc vào ban đêm, ở dưới các hầm nhà. Bác trợn tròn mắt, vểnh râu lên.

- Sao? Mày nói bịa gì thế?

- Cháu không nói dối đâu. Có một cố đạo hỏi cháu trong

---

[1] Nguyên văn: cái xương quỷ này!

[2] Tiểu thuyết của W. Scott (1771- 1831).

[3] Tiểu thuyết của Henri Fidin (1707-1754).

buổi xưng tội về những quyển sách ấy. Và trước đó, chính cháu đã trông thấy người ta đọc những quyển sách ấy rồi, họ còn khóc nữa...

Bác đầu bếp cau mày nhìn thẳng vào mặt tôi hỏi:

- Ai khóc?

- Cô tiểu thư ngồi nghe. Còn cô kia thì sợ đến nỗi bỏ chạy mất.

- Mày nói mê đấy, tỉnh lại đi, - bác Xmurưi vừa nói vừa từ từ nhắm mắt lại. Sau một phút yên lặng, bác lẩm bẩm: - Tất nhiên là ở một nơi nào đó, phải có... một điều gì thầm kín. Không thể nào không có được... Tao không còn ở vào lứa tuổi đó nữa, và tính tao cũng không... Tuy nhiên...

Bác có thể nói một cách hùng hồn như vậy hàng giờ...

Dần dần tôi tự nhiên quen đọc và mượn sách đọc một cách hứng thú. Những điều kể trong sách đều khác hẳn với cuộc sống. Chúng dễ chịu hơn, còn cuộc sống thì mỗi ngày một nặng nề hơn.

Bác Xmurưi cũng ham đọc sách hơn. Bác thường bắt tôi bỏ dở công việc.

- Pescov đi lấy sách ra đọc.

- Cháu còn nhiều bát đĩa chưa rửa lắm.

- Thằng Macxim sẽ rửa cho.

Với giọng gắt gỏng, bác xua người rửa bát chính đi làm thay công việc cho tôi. Anh ta tức tối đập vỡ cốc để trả thù.

Người chủ tiệm hiền lành báo trước cho tôi biết:

- Tao sẽ đuổi mày khỏi tàu đấy!

Một lần Macxim cố ý để sót mấy chiếc cốc trong chậu nước bẩn lẫn nước trà uống thừa. Tôi hắt nước ra ngoài thành tàu và hắt luôn cả những chiếc cốc xuống sông.

- Đó là lỗi của tôi! - bác Xmurưi nói với người chủ tiệm, - ông ghi vào tài khoản tôi.

Bọn người phục vụ trong tiệm bắt đầu lườm nguýt tôi và bảo tôi:

- Ê, thằng kia, con mọt sách! Người ta thuê mày để làm gì?

Và họ thường làm bẩn bát đĩa một cách vô duyên cớ, cố đùn công việc cho tôi thật nhiều. Tôi hiểu rằng những việc đó sẽ đưa đến một kết thúc không tốt đối với tôi và tôi đã không lầm.

Gần tối, một mụ đàn bà mặt đỏ tía cùng với một cô con gái trùm khăn vàng, khoác áo blu mới màu hồng, từ một bến nhỏ lên tàu của chúng tôi. Cả hai đều ngà ngà say. Mụ đàn bà tủm tỉm cúi chào mọi người và nói nghe rõ chữ "ô" như thầy phụ lễ.

- Xin lỗi anh em nhé, tôi có uống một đôi tí rượu! Người ta kết án tôi, rồi lại tuyên bố trắng án cho tôi. Vì thế tôi mới uống mừng...

Cô gái cũng vừa cười khúc khích, vừa nhìn mọi người bằng cặp mắt mờ đục và đẩy mụ đàn bà:

- Đi đi, đồ thổ tả,[1] đi đi, liệu đấy...

Họ ở gần khoang hạng nhì, đối diện với buồng ngủ của bác Iacov Ivanưtr và Xergei. Chẳng bao lâu mụ đàn bà đã biến đâu mất, còn Xergei thì ngồi gần cô gái há hốc chiếc mồm nhái ra một cách khao khát.

Đến khuya, lúc tôi đã làm xong công việc, và sắp nằm ngủ trên bàn, Xergei đến bên cạnh và kéo tay tôi.

- Lại đây, chúng tao sẽ cưới vợ cho mày...

Hắn đang say rượu. Tôi cố gỡ tay ra, nhưng hắn liền quai cho tôi một cú.

- Đi đi!

Macxim chạy đến. Anh ta cũng say rượu. Cả hai lôi tôi lên boong tàu, đến buồng của mình, ngang qua chỗ các hành khách đang ngủ. Nhưng bác Xmurưi đã đứng ở cửa buồng. Bác Iacov

[1] Nguyên văn: đồ dịch hạch.

Ivanưtr thì đứng giữ chặt lấy khung cửa, còn cô con gái thì đang lấy tay thụi vào lưng bác ta và kêu lên bằng một giọng say chếch choáng:

- Bỏ ra...

Bác Xmurưi lôi tôi ra khỏi tay của Xergei và Macxim rồi túm lấy tóc họ, đập đầu họ vào nhau và ẩy họ ra. Cả hai cùng ngã quỵ xuống...

- Đồ châu Á! - bác nói với Iacov, rồi đóng sập cửa ngay trước mặt bác này. Vừa đẩy tôi, bác vừa rống lên:

- Cút đi ngay!

Tôi chạy ra đằng lái. Bầu trời đêm đầy mây. Sông đen sẫm. Hai con đường nhỏ màu xám sau đuôi tàu đang sôi lên và tách ra về phía đôi bờ không thấy rõ. Chiếc sà lan được kéo theo giữa hai con đường đó. Những đốm lửa đỏ hiện ra, lúc ở bên phải, lúc ở bên trái, không soi rõ được gì, rồi lại biến mất sau những chỗ ngoặt bất ngờ của bờ sông. Sau đấy, đêm càng như đen tối thêm và tôi càng thấy khổ sở hơn nữa.

Bác đầu bếp chợt đi đến, ngồi xuống cạnh tôi, thở dài với vẻ mặt nặng nề và đánh diêm châm thuốc hút.

- Chúng nó kéo mày đến với con ấy à? Hừ, lũ đốn mạt! Tao nghe được chúng nó mưu tính với nhau...

- Bác đã cứu cô ta khỏi bọn họ chứ?

- Cô ta ấy à? - bác chửi cô gái mấy câu thô tục và nói tiếp, giọng nặng nề, - tất cả bọn ở đây đều là một lũ chó chết. Cái tàu thuỷ này còn tệ hơn ở thôn quê nhiều. Mày đã sống ở nhà quê chưa?

- Chưa ạ.

- Thôn quê hoàn toàn hỏng cả! Nhất là mùa đông.

Vứt mẩu thuốc qua thành tàu, bác lặng yên một lúc rồi lại nói:

- Trong cái chuồng lợn này, mày đến hỏng mất! Tao thương

hại cho mày, con chó con ạ. Và thương cho cả mọi người. Đôi khi tao chẳng biết làm thế nào nữa... đến nỗi muốn quỳ xuống mà hỏi họ: "Các người làm gì thế, hở lũ chó má kia? Sao lại thế, hở lũ mù quáng kia? " Thật là lũ ngu xuẩn...

Còi tàu rúc lên một hồi dài. Chiếc dây cáp lại đập xuống mặt nước. Trong bóng đêm dày đặc, một đốm đèn lồng lắc lư chỉ cho biết chỗ nào là bến tàu. Từ trong bóng tối lại hiện ra vài đốm lửa nữa.

- Rừng "Say", - bác đầu bếp càu nhàu, - và có cả sông "Say" nữa. Có một tay quân nhu tên là "Say", rồi thư kí cũng "Say"... Thôi, phải lên bờ cái đã...

Một đám đàn bà và con gái to lớn vùng sông Cama khiêng củi trên những chiếc cáng dài từ trên bờ xuống tàu. Khom lưng dưới dây đeo, họ đi từng đôi, nhún nhẩy như nhẩy múa, tới phía hầm lò và trút những thanh củi dài nửa xajen[1] vào chiếc hầm đen ngòm, miệng kêu vang:

- Từ từ chứ!

Khi họ mang củi xuống, bọn thuỷ thủ liền sờ soạng vào vú, vào đùi họ. Lũ đàn bà hét inh ỏi và nhổ nước bọt vào bọn đàn ông. Khi quay lên bờ, họ dùng cáng để chống đỡ và đánh những người định véo và xô đẩy họ. Tôi thấy những cảnh tượng đó hàng chục lần: trong mỗi chuyến đi, ở tất cả những bến mà tàu dừng để lấy thêm củi đều xảy ra những trò như vậy.

Tôi có cảm giác như mình đã già, đã sống nhiều năm trên chiếc tàu thuỷ này và biết hết mọi điều có thể xảy ra ở trên tàu trong ngày mai, tuần sau, trong mùa thu và cả sang năm sau nữa.

Trời đã hửng sáng. Trên bờ cát dốc cao hơn bến tàu hiện ra một khu rừng thông rậm rạp. Những người đàn bà leo dốc đi về

---

[1] Một xajen bằng 2,13m.

phía rừng, vừa hát, vừa cười, vừa hú... Vũ trang bằng những chiếc cáng dài, trông họ như những người lính.

Tôi muốn khóc lên. Nước mắt sục sôi trong ngực. Trái tim như bị nung nấu trong đám nước mắt nóng bỏng đó. Tôi thấy đau nhói cả người.

Nhưng khóc thì thật là xấu hổ, nên tôi đi giúp anh thuỷ thủ Bliakhin rửa boong tàu.

Bliakhin là một con người tầm thường không có gì đặc sắc. Vẻ nhợt nhạt, ủ rũ, lúc nào anh cũng chúi vào các xó xỉnh và từ đó chỉ thấy ánh lên hai đốm mắt nhỏ xíu.

- Thực ra tên tục của tớ không phải là Bliakhin mà là... Bởi vì mẹ tớ đã sống một cuộc đời sa đoạ, chú mày hiểu chứ? Tớ có em gái, nhưng nó cũng giống mẹ. Có lẽ số phận đã dành cho cả hai như vậy. Số phận dành cho tất cả bọn chúng ta là cái neo, chú em ạ! Sao chú mày không đi nơi khác đi, à hãy khoan...

Anh ta vừa kéo lê chiếc chổi trên boong tàu vừa thủ thỉ nói với tôi:

- Chú mày thấy chúng nó chọc ghẹo lũ đàn bà như thế đấy! Thế đấy! Đến thanh củi ẩm đốt lâu rồi cũng phải cháy! Tớ không ưa điều đó, không thích chút nào, chú em ạ. Nếu như tớ sinh ra là đàn bà thì tớ sẽ tự vẫn ngay ở chỗ nước xoáy đen ngòm cho rảnh. Chúa Jexu che chở cho chúng sinh thế đấy!... Như thế này cũng đã chẳng ai muốn gì, thế mà chúng nó lại còn khơi lửa lên nữa chứ! Tớ nói thật đấy, bọn hoạn không phải là dân ngu ngốc đâu. Mày đã nghe nói về bọn hoạn rồi chứ? Thật là một bọn thông minh, chúng đã đoán rất đúng: hãy vứt béng đi mọi vật nhỏ nhặt và dốc lòng thờ phụng Chúa...

Bà vợ ông thuyền trưởng, váy xắn cao, đi tránh những vũng nước ngang qua chỗ chúng tôi. Bà luôn luôn dậy sớm. Người bà cao lớn, cân đối, khuôn mặt của bà rất là giản dị, sáng sủa... Tôi chỉ muốn chạy theo bà và thành khẩn van xin:

- "Bác hãy kể cho cháu nghe một chuyện gì đi, bác kể nhé!..."

Con tàu chậm chạp rời bến. Anh Bliakhin vừa làm dấu vừa nói:

- Tàu đi rồi...

VI

Đến Xarapun, Macxim rời bỏ tàu. Anh ra đi lặng lẽ, không chào ai, dáng điệu nghiêm trang và bình thản. Theo sau anh là mụ đàn bà vui tính, vừa đi, vừa cười tủm tỉm và cô con gái váy áo nhầu nát, cặp mắt sưng húp. Còn Xergei thì quỳ rất lâu trước buồng thuyền trưởng, hắn hôn tấm ván cửa, đập trán vào đó mà gào lên:

- Xin ông tha cho con, con không có lỗi đâu, Đấy là Macxim...

Thuỷ thủ, bọn hầu bàn và cả một vài hành khách tuy biết là hắn nói dối nhưng cũng khích lệ:

- Cứ thế, cứ thế! Ông ấy sẽ tha tội cho đấy!

Thuyền trưởng đuổi cổ hắn ra, thậm chí còn lấy chân đạp cho một cái khiến Xergei ngã lộn nhào, nhưng cuối cùng cũng tha thứ cho hắn. Xergei lập tức lại chạy khắp boong tàu, bưng các khay đựng ấm trà tới các bàn và nhìn thẳng vào mặt mọi người với vẻ xu nịnh như con chó.

Để thay chân Macxim, người ta tuyển trên bờ xuống một anh lính miền Viaxca nhỏ bé, gầy gò, có cái đầu nhỏ xíu, với cặp mắt màu nâu. Người phụ bếp liền sai ngay anh đi cắt tiết gà. Anh lính cắt được hai con, còn lại bao nhiêu thì đánh xổng ở trên boong. Hành khách chạy đi bắt gà. Ba con gà mái bay mất ra ngoài thành tàu. Anh lính bèn ngồi ngay trên đống củi cạnh bếp, khóc rưng rức...

- Mày làm sao thế hở đồ ngốc? - bác Xmurưi ngạc nhiên hỏi anh. - Lính tráng mà lại khóc à?

- Cháu ở đại đội hậu cần, - anh lính khẽ nói.

Việc mất gà và khóc lóc này đã làm hại anh lính. Nửa giờ sau, mọi người trên tàu thuỷ đều giễu cợt anh, họ đến sát bên anh, đưa mắt nhìn thẳng vào mặt anh và hỏi:

- Anh chàng này đây à?

Và họ phá lên cười rũ rượi, cái lối cười chọc tức thật lố bịch.

Ban đầu anh lính không nhìn ai, không nghe tiếng cười. Anh lấy tay áo bằng vải hoa đã cũ quệt nước mắt trên mặt, tựa như giấu những giọt nước mắt vào trong tay áo. Nhưng chẳng bao lâu cặp mắt nâu của anh loé lên vẻ giận dữ, anh cất giọng miền Viaxca nói líu ríu như tiếng chim ác là:

- Sao các người lại cứ giương nhõn cầu ra mà nhìn tôi như thế? Đem mà băm vằm các người ra...

Điều đó càng làm cho người xem vui nhộn thêm. Họ chọc vào người anh, túm lấy áo, lấy tạp dề của anh, trêu anh như trêu một con dê và cứ như vậy chòng ghẹo anh cho đến tận bữa ăn trưa. Sau bữa ăn, một người cắm một miếng chanh vắt rồi vào đuôi một chiếc thìa gỗ rồi buộc vào dải tạp dề sau lưng anh lính. Khi anh ta đi, chiếc thìa lủng lẳng sau lưng. Mọi người cười rộ lên, còn anh ta thì cứ chạy ngược chạy xuôi như một con chuột nhắt bị bắt, không hiểu vì sao người ta lại cười.

Bác Xmurưi lặng lẽ theo dõi anh lính với vẻ đứng đắn, bộ mặt của bác giống hệt như mặt đàn bà.

Tôi thấy thương hại anh lính. Tôi hỏi bác đầu bếp:

- Có thể bảo cho anh ấy biết chuyện cái thìa không, bác?

Bác yên lặng gật đầu.

Khi tôi nói cho anh lính biết người ta cười cái gì, anh liền quờ ngay được cái thìa, giật ra, ném xuống sàn và lấy chân giậm lên, rồi anh dùng hai tay túm lấy tóc tôi. Chúng tôi bắt đầu

đánh nhau. Đám người đứng xem rất khoái chí, họ lập tức vây tròn lấy chúng tôi.

Bác Xmurưi gạt đám người, tách hai đứa tôi ra và đầu tiên kéo tai tôi, sau kéo tai anh lính. Khi đám người đứng xem trông thấy cảnh anh lính bé nhỏ lắc lư cái đầu và nhảy nhót dưới cánh tay của bác đầu bếp, họ lại điên cuồng la hét, huýt sáo, giậm chân và cười rũ ra.

- Hoan hô chú lính! Húc đầu vào bụng lão bếp ấy!

Sự hân hoan mọi rợ của bầy người đó khiến tôi muốn nhảy xổ vào họ, cầm thanh củi mà phang thẳng cánh vào những cái đầu bẩn thỉu kia.

Bác Xmurưi thả anh lính ra rồi chắp hai tay sau lưng, bác đi về phía đám người xem như một con lợn lòi, râu vểnh lên, răng nhe ra một cách ghê sợ.

- Ai về chỗ nấy - bước! Đồ châu Á...

Anh lính lại xông đến chỗ tôi, nhưng bác Xmurưi dùng một cánh tay kẹp lấy anh, mang đến vòi nước và bơm nước giội lên đầu anh lính, lật ngang lật ngửa cái thân hình ốm yếu của anh ta như vần một con búp bê vải.

Các thủy thủ cùng người hoa tiêu và người giúp việc cho thuyền trưởng chạy đến; đám người lại xúm lại. Ông chủ tiệm đứng cao hơn mọi người đến một đầu. Như mọi khi, ông lặng thinh không nói một lời.

Anh lính ngồi thụp xuống đống củi cạnh bếp, hai tay run run tháo đôi ủng và bắt đầu vắt nước ở các miếng giẻ quấn chân. Nhưng những miếng giẻ ấy đều khô, mà nước thì lại nhỏ từ đám tóc lưa thưa của anh xuống. Cảnh tượng đó lại làm cho những người đứng xem phì cười.

- Các người đều cùng một giuộc cả, - anh lính nói bằng giọng the thé, - tôi sẽ giết chết thằng bé!

Vừa vịn vai tôi, bác Xmurưi vừa nói gì đó với người giúp việc

thuyền trưởng. Các thuỷ thủ giải tán đám đông. Khi mọi người đã tản đi hết, bác đầu bếp hỏi anh lính:

- Bây giờ biết xử trí với mày sao đây?

Anh ta lặng thinh, nhìn tôi bằng cặp mắt man rợ, người rung lên một cách lạ thường:

- Nghiê... iêm, thằng động kinh kia! - bác Xmurưi nói.

Anh lính trả lời:

- Gì mà la lên như cái kèn ấy? Đây không phải là trong trại lính!

Tôi thấy bác đầu bếp đó người ra vì mắc cỡ. Đôi má đang phồng của bác xẹp hẳn xuống và nhăn nhúm lại. Bác nhổ một bãi nước bọt và bỏ đi, kéo tôi đi theo. Tôi bàng hoàng bước sau bác, chốc chốc lại ngoái nhìn anh lính, còn bác Xmurưi thì nói lẩm bẩm, vẻ như băn khoăn:

- Hừ, gớm chửa? Thôi mặc chúng bay...

Xergei đuổi theo chúng tôi và không hiểu vì sao lại nói thì thầm:

- Nó định cắt cổ tự tử đấy!

- Đâu? - bác Xmurưi hét lên và chạy lại.

Anh lính đứng ở cửa buồng của những người hầu bàn, tay cầm một con dao to. Con dao này người ta thường dùng để chặt đầu gà và chẻ củi nên nó đã cùn và sứt mẻ như một cái cưa. Đám người đứng trước buồng đang theo dõi anh chàng bé nhỏ buồn cười đầu tóc ướt đẫm đó. Chiếc mũi tẹt của anh lính rung rung như miếng thịt đông, mồm há hốc ra, vẻ mệt mỏi, đôi môi mấp máy. Anh rống lên:

- Quân hành hạ người... Quân hành hạ... ạ...

Nhảy lên một chỗ cao, qua đầu đám đông, tôi nhìn vào mặt họ: đám người tủm tỉm, khúc khích cười và bảo nhau:

- Xem kìa, xem kìa...

Khi thấy anh lính đưa bàn tay gầy guộc như tay trẻ con nhét

chiếc áo tuột ra ngoài quần, một người đàn ông nom dễ coi đứng bên tôi thở dài nói:

- Sắp chết mà vẫn còn sửa quần...

Đám người đứng xem liền cười ồ lên. Rõ ràng là không ai tin anh lính có thể tự tử, cả tôi cũng vậy. Bác Xmurưi liếc nhìn anh lính, rồi vừa xô đẩy mọi người bằng cái bụng của mình vừa nói:

- Cút ngay, đồ ngốc!

Bác gọi chung mọi người là "đồ ngốc", rồi bác đi về phía một tốp, quát lên:

- Về chỗ, đồ ngốc!

Cái đó nghe cũng buồn cười, nhưng hình như đúng như vậy: ngày hôm nay, từ sáng tới giờ, mọi người chỉ là một thứ đại ngốc.

Đuổi xong đám đông, bác đi lại phía anh lính và giơ tay ra:

- Đưa con dao đây...

- Tất cả đều cùng một giuộc cả, - anh lính vừa nói vừa chìa lưỡi dao ra. Bác đầu bếp giúi con dao cho tôi rồi đẩy anh lính vào buồng.

- Nằm ngủ đi một lát! Sao mày lại thế, hở?

Anh lính lẳng lặng ngồi lên giường.

- Nó sẽ đưa rượu votca và thức ăn đến cho. Có uống được votca không ?

- Cũng uống được chút ít...

- Mày coi chừng đấy, đừng có đụng vào nó. Nó có chế nhạo mày đâu, hở? Tao bảo là không phải nó...

- Thế tại sao người ta lại làm tình làm tội cháu thế? - anh lính hỏi khe khẽ.

Bác Xmurưi chưa nói ngay, sau một lúc bác cau có trả lời:

- Tao biết đâu đấy!

Khi đi với tôi vào bếp, bác lẩm bẩm:

- Hừ, thật vậy, chúng nó châu vào mà vần thằng khố rách

ấy! Mày thấy thế nào? Đấy! Chú em ạ, chúng có thể làm cho kẻ khác phát điên lên được, có thể... chúng cứ bám lấy như một lũ rệp, thế là - tong! Rệp đã thấm vào đâu! Chúng còn độc ác hơn loài rệp nhiều...

Khi tôi mang bánh mì, thịt và rượu votca tới thì anh lính đang ngồi trên giường, người lắc lư nghiêng ngả và khóc ti tỉ, sụt sịt như đàn bà. Tôi đặt đĩa lên chiếc bàn con và nói:

- Ăn đi...

- Đóng cửa lại.

- Đóng thì tối om.

- Đóng, không có chúng nó lại mò vào...

Tôi bỏ đi. Tôi không thích anh lính. Anh không gợi được lòng trắc ẩn, lòng thương hại của tôi. Điều đó thật là khó xử, vì bà tôi nhiều lần vẫn dạy tôi:

"Phải biết thương người. Mọi người đều bất hạnh, đều sống chật vật..."

- Mang đến chưa?- bác đầu bếp hỏi tôi. - Thế nào, nó làm gì ở đằng ấy?

- Đang khóc.

- Hừ... đồ bị thịt! Lính tráng gì nó!

- Cháu không thể thương được nó đâu.

- Thế nào? Mày nói sao?

- Phải biết thương người...

Bác Xmurưi nắm lấy tay tôi kéo lại gần mình rồi trang trọng nói:

- Không nên thương người một cách miễn cưỡng, nhưng nói càn cũng không tốt đâu, hiểu chưa? Cháu không nên nghĩ vớ vẩn làm gì, hãy hiểu lấy mình đã...

Và đẩy tôi ra, bác cau có nói thêm:

- Đây không phải là đất sống của mày đâu! Này, hút một điếu...

Hành vi của hành khách dằn vặt tôi, làm tôi bị xúc động mạnh. Tôi cảm thấy trong việc họ chế nhạo anh lính, việc họ cười hô hố một cách khoái trá khi bác Xmurưi xách tai anh ta, có một cái gì đáng sỉ nhục khó tả, nó đè nặng lên tâm hồn tôi. Sao họ lại có thể thích thú với những trò ghê tởm, đáng thương ấy? Có gì đáng làm cho họ buồn cười một cách khoái trá đến như vậy?

Và giờ đây họ lại đang ngồi hoặc nằm dài dưới mui tàu thấp lè tè, ăn uống, đánh bài, nói chuyện với nhau một cách bệ vệ và hoà thuận, ngắm dòng sông, tựa hồ như không phải họ là những kẻ một giờ trước đã la ó, nhạo báng người khác vậy. Tất cả bọn họ đều có vẻ trầm lặng, uể oải như mọi khi. Từ sáng đến chiều họ chậm rãi chen lấn nhau trên tàu như lũ ruồi con hay đám bụi trong tia nắng. Và đây, hàng chục người đang chen nhau ở cầu tàu, vừa làm dấu vừa rời tàu lên bến. Và từ bến tàu lại có những người giống hệt như họ đang xô vào họ để xuống tàu, những người này cũng còng lưng dưới sức nặng của bị, bọc, hòm xiểng, cũng ăn mặc y như vậy...

Sự thay đổi hành khách thường xuyên đó không làm thay đổi tí nào cuộc sống trên con tàu. Những hành khách mới sẽ nói đến những chuyện mà các hành khách trước đã nói: chuyện ruộng đất, chuyện công ăn việc làm, chuyện Chúa, chuyện đàn bà - và cùng với những lời lẽ như vậy.

- Chúa đã bắt đầu phải chịu đựng thì con người phải chịu đựng! Số phận của chúng ta là như thế, biết làm sao được...

Những lời nói ấy nghe thật buồn tẻ và làm tôi rất bực tức. Tôi không thể nào chịu đựng được sự nhơ bẩn, tôi phẫn nộ trước những thái độ độc ác, bất công, sỉ nhục đối với tôi. Tôi cảm thấy rõ ràng tôi không đáng phải chịu những điều như thế. Và anh lính cũng không đáng phải chịu. Có thể là chính anh ta muốn trở thành trò cười cũng nên...

Anh Macxim - một thanh niên đứng đắn, hiền lành thì bị

người ta đuổi khỏi tàu. Còn Xergei - một tên đê tiện thì người ta để lại. Toàn là chuyện ngược đời. Mà tại sao những kẻ có thể làm tình làm tội người ta, khiến người ta gần như phát điên lên ấy, lại luôn luôn ngoan ngoãn phục tùng những tiếng la hét giận dữ của thuỷ thủ, lại có thể bình thản nghe những lời chửi rủa của họ?

- Gì mà đổ xô ra thành tàu thế này? - người hoa tiêu quát to, cặp mắt đẹp nhưng dữ tợn nheo lại.- Làm nghiêng cả tàu rồi. Giải tán đi, lũ quỷ mặc áo dạ này...

Lũ "quỷ" liền ngoan ngoãn kéo nhau sang thành tàu bên kia, nhưng ở bên đó người ta lại đuổi họ đi chỗ khác như đuổi một đàn cừu.

- A, cái lũ đáng nguyền rủa này...

Vào những đêm nóng nực, nằm dưới mái tôn bị thiêu đốt suốt cả ngày thật là ngột ngạt. Hành khách như những con gián bò lổm ngổm khắp boong tàu, bạ đâu nằm đấy. Trước khi tàu cập bến, các thuỷ thủ lấy chân đá họ dậy.

- Ê, sao lại nằm ườn cả ra lối đi thế này! Cút về chỗ ngay...

Họ dậy và mơ màng chuyển về phía mà người ta đẩy tới.

Những người thuỷ thủ cũng giống như họ thôi, có điều là ăn mặc khác họ, nhưng lại chỉ huy họ như những viên cảnh sát vậy.

Điều nổi bật trước hết trong những con người ấy là cái vẻ lặng lẽ, rụt rè, phục tùng một cách thảm hại của họ. Và cũng thật là lạ lùng, thật là đáng sợ khi thấy dưới lớp vỏ của sự phục tùng đó bỗng nhiên nổ ra một trò tinh quái tàn nhẫn, vô nghĩa và hầu như luôn luôn là những trò đùa đáng buồn. Tôi có cảm giác rằng họ không biết người ta sẽ chở họ tới đâu. Người ta cho họ lên bến nào họ cũng chẳng cần. Họ có lên một bến nào đi chăng nữa thì sau một thời gian không lâu ở trên bờ, họ lại xuống một chiếc tàu này hay tàu khác để đi đến một nơi nào đó.

Họ như những kẻ lạc đường, không người thân thích. Mọi bến bờ đều xa lạ đối với họ. Và tất cả bọn họ đều hèn nhát đến mức không thể tưởng tượng được.

Một lần vào lúc quá nửa đêm, trong máy có một bộ phận nào đó bị vỡ và nổ nghe như súng đại bác. Lập tức boong tàu bị bao phủ bởi một đám hơi nước trắng như mây từ hầm máy toả lên dày đặc và lọt qua mọi khe ngách. Một người đứng khuất ở đâu đó kêu thất thanh:

- Gavrilo, sơn đỏ, nỉ...

Tôi ngủ gần buồng máy, trên chiếc bàn vẫn dùng làm chỗ rửa bát đĩa. Khi tiếng nổ và sự rung chuyển làm tôi thức dậy thì trên boong còn yên lặng. Hơi nóng phun phì phì trong máy, tiếng búa đập hối hả. Nhưng một phút sau, tất cả hành khách trên boong đã rống lên, la ó hỗn loạn khiến cho tình hình bỗng chốc trở nên vô cùng khủng khiếp.

Trong đám sương mù trắng xoá đang tan rất nhanh, những người đàn bà để đầu trần, đàn ông quần áo tả tơi, mắt tròn xoe như mắt cá, chạy nhốn nháo, xô nhau ngã dúi dụi. Mọi người lôi kéo tay nải, bao bị, hòm xiểng chẳng biết đưa đi đâu. Họ vừa vấp ngã vừa cầu Chúa, cầu thánh Nicola thần thông, vừa đánh lẫn nhau. Cảnh tượng thật là khủng khiếp, nhưng đồng thời cũng rất thú vị. Tôi chạy theo mọi người và luôn luôn theo dõi xem họ làm những gì.

Lần đầu tiên tôi được thấy cảnh hốt hoảng ban đêm như thế và không hiểu sao tôi biết ngay là hành khách đã hoảng sợ một cách vô lí. Tàu thuỷ vẫn chạy với tốc độ như cũ, không hề chậm lại. Phía bên phải thành tàu rất gần, có những đống lửa của những người cắt cỏ đang cháy. Mặt trăng tròn lơ lửng trên cao, giữa bầu trời trong sáng.

Nhưng trên boong người ta vẫn nhốn nháo mỗi lúc một dữ hơn. Những hành khách ở các phòng hạng nhất lao lên boong.

Một người nhảy ùm xuống sông, người thứ hai nhảy theo, rồi người nữa... Hai người đàn ông và một thầy tu cầm những thanh củi ra sức phá long chiếc ghế dài gắn ở boong tàu. Phía đuôi tàu người ta quăng một lồng gà lớn xuống nước. Giữa boong tàu, bên cạnh chiếc thang lên đài thuyền trưởng, một người đàn ông vừa quỳ lạy những kẻ chạy qua trước mặt mình, vừa gào lên như một con chó sói:

- Các đồng hữu chính giáo ơi, tôi là kẻ có tội...

- Cho thuyền lại đây, lũ quỷ sứ kia! - một lão quý phái to béo mặc độc có một chiếc quần, không áo, nắm tay đấm vào ngực quát tháo.

Các thuỷ thủ chạy lại, túm lấy cổ áo từng người, nện lên đầu họ rồi quật họ xuống sàn tàu. Bác Xmurưi khoác một chiếc áo bành tô ra ngoài bộ quần áo ngủ, vừa đi đi lại lại với dáng nặng nề, vừa thuyết phục mọi người bằng một giọng oang oang.

- Các người không biết xấu hổ à? Chuyện gì mà làm loạn cả lên thế? Tàu đã dừng lại rồi, nó vẫn đứng yên, có việc gì đâu! Đấy, bờ sông kia kìa! Cái bọn ngu ngốc vội nhảy xuống sông đã được những người cắt cỏ vớt và lôi lên rồi. Kia, họ kia kìa! Hai chiếc thuyền đấy, có thấy không?

Còn đối với hành khách hạng ba thì bác lấy nắm tay nện vào đầu họ, và họ lặng lẽ ngã lăn quay ra trên sàn tàu như những cái bao tải.

Cuộc hỗn loạn chưa yên thì một bà mặc áo choàng dài, tay cầm một chiếc thìa xúp, nhảy xổ lại phía bác Xmurưi, vung nó sát vào mũi bác ta, kêu lên:

- Mày dám nói như thế à?

Một ông ướt lướt thướt giữ bà ta lại, vừa liếm hàng ria mép vừa bực tức nói:

- Thây kệ cái lão ngốc ấy...

Bác Xmurưi buông hai tay xuống, nhấp nháy mắt với vẻ lúng túng và hỏi tôi:

- Thế là thế nào, hở? Tại sao mụ ấy nhảy xổ vào tao? Xin đa tạ! Đúng là tao mới thấy mụ lần đầu!...

Một người đàn ông khác, khạc ra một cục máu, kêu lên:

- Con người như vậy đấy! Thật là một lũ ăn cướp!

Suốt mùa hè, tôi đã hai lần thấy sự kinh hoảng như vậy trên tàu thuỷ, và cả hai lần đều không phải do sự nguy hiểm trực tiếp gây nên, mà do sự khiếp sợ trước khả năng có thể xảy ra tai nạn. Lần thứ ba, hành khách tóm được hai thằng ăn cắp, một trong hai đứa ăn mặc như người lữ hành. Họ bí mật đánh chúng gần suốt một tiếng đồng hồ không cho thuỷ thủ biết. Khi thuỷ thủ dẫn bọn ăn cắp đi, họ liền chửi cả thuỷ thủ.

- Ai còn lạ gì phường ăn cắp lại bao che cho phường ăn cắp!

- Chính các người cũng là bọn lừa đảo nên các người phải dung túng cho bọn lừa đảo...

Hai tên ăn cắp bị đánh đến ngất đi, Khi người ta trao chúng cho đồn cảnh sát ở bến tàu tiếp đó thì chúng đứng không vững được nữa.

Và còn rất nhiều sự kiện như vậy khiến cho tôi lo lắng, vừa làm tôi không sao hiểu được tâm địa con người - không biết họ hiền hay ác? Ngoan ngoãn hay tinh quái? Và không hiểu tại sao họ đang giận dữ tàn nhẫn bỗng trở thành nhịn nhục một cách đáng hổ thẹn nhanh như vậy?

Tôi đem chuyện đó hỏi bác đầu bếp, nhưng bác phà khói thuốc mù mịt che kín cả khuôn mặt, rồi thường nói với vẻ miễn cưỡng:

- Xì, chuyện ấy làm mày băn khoăn à? Con người bao giờ cũng vẫn là con người... Đứa này thông minh, đứa kia ngu đần. Mày nên tìm sách mà đọc, đừng hỏi vớ vẩn. Trong sách, nếu là sách tốt chắc mọi điều đều được người ta nói đến...

Bác không ưa những sách nói về đạo và sự tích các vị thánh.

- Thôi, của này nhường cho các cố đạo, cho con cái cố đạo...

Tôi muốn làm vui lòng bác nên định tặng bác một quyển sách. Tại bến tàu ở Cazan tôi mua quyển *Truyền thuyết về chuyện một người lính đã cứu sống Piot Đại đế* giá năm copec. Nhưng lúc ấy bác đầu bếp đang say rượu và cáu giận nên tôi không dám tặng bác, mà đầu tiên tự mình đọc trước quyển truyện ấy đã. Tôi rất thích truyện ấy - nó thật là giản dị, dễ hiểu, lí thú và ngắn gọn. Tôi đinh ninh quyển sách ấy sẽ làm cho ông thầy của tôi vui lòng.

Nhưng khi tôi mang sách đến cho bác, bác lặng thinh vò nhầu nó trong lòng bàn tay thành một cục tròn rồi ném xuống sông.

- Đấy, sách của mày đấy, thằng ngốc kia! - bác cau có nói. - Tao dạy mày như dạy một con chó săn, vậy mà mày vẫn cứ muốn nuốt sống những giống thú săn được à?

Bác giậm chân và quát tướng lên:

- Cuốn sách đó là sách như thế nào? Tao đã đọc hết những điều ngu xuẩn ấy rồi. Những gì viết trong đó mày tưởng là thật cả đấy à? Sao, nói đi.

- Cháu không biết.

- Còn tao thì tao biết! Khi một đứa đã bị chặt đầu và ngã lăn từ bậc thang xuống đất, thì những đứa khác còn dại gì mà leo lên vựa cỏ khô nữa - bọn lính không phải là những đứa ngốc! Chúng nó chỉ việc đốt phăng vựa cỏ đi là xong chuyện! Hiểu chưa?

- Hiểu ạ.

- Thế đấy! Tao biết vua Piot mà - với ông ta không thể có những chuyện như vậy được! Thôi, xéo ngay...

Tôi hiểu rằng bác đầu bếp nói đúng, nhưng dẫu sao tôi vẫn thích quyển sách ấy. Tôi bèn đi mua một cuốn *Truyền thuyết*... khác về đọc lại một lần nữa và ngạc nhiên thấy rằng quyển sách đó quả thực là tồi. Điều đó làm tôi bối rối và tôi càng tin

bác đầu bếp hơn, chú ý đến bác hơn. Còn bác thì không hiểu sao ngày càng hay nói với vẻ bực dọc:

- Chà, phải làm thế nào đó cho mày đi học mới được! Đây không phải là đất sống của mày...

Tôi cũng cảm thấy rằng đây không phải đất sống của tôi. Xergei đối xử với tôi rất khả ố. Đã một vài lần tôi thấy hắn ta đánh cắp những đồ trà trên bàn của tôi và lén lút đưa cho hành khách, không cho người chủ tiệm biết. Tôi hiểu đó là trò ăn cắp. Bác Xmurưi nhiều lần đã dặn tôi:

- Coi chừng đấy, đừng để bọn hầu bàn lấy những đồ trà trên bàn cháu!

Còn nhiều chuyện không hay đã xảy đến với tôi. Tôi thường muốn trốn khỏi tàu thuỷ, xuống ngay bến đầu tiên và bỏ vào rừng. Nhưng bác Xmurưi đã giữ tôi lại: bác đối với tôi ngày một dịu dàng hơn. Và sự di chuyển không ngừng của con tàu cũng làm cho tôi say mê một cách kì lạ. Mỗi khi nó dừng lại tại bến là tôi lại cảm thấy khó chịu. Tôi chỉ mong xảy ra một chuyện gì đấy để chúng tôi dời sông Cama sang sông Bielaia, sông Viaca hoặc là đi dọc sông Volga. Tôi sẽ được trông thấy những bến bờ mới, những con người mới...

Nhưng việc đó lại không xảy ra. Cuộc sống của tôi ở trên tàu bị gián đoạn một cách bất ngờ và nhục nhã đối với tôi. Một buổi chiều, khi chúng tôi từ Cazan đi tới Nijni, người chủ tiệm gọi tôi tới. Khi tôi vào, ông ta liền khép cửa lại và nói với bác Xmurưi đang âu sầu ngồi trên chiếc ghế đẩu lót thảm:

- Nó đấy.

Bác Xmurưi hỏi tôi một câu cộc lốc.

- Mày đưa đồ trà cho thằng Xeriosca[1] phải không?

- Anh ấy tự lấy lúc nào cháu không trông thấy.

---

[1] Xergei.

Người chủ tiệm khẽ nói:

- Không trông thấy nhưng mà biết.

Bác Xmurưi nắm tay đấm vào đầu gối mình rồi vừa xoa đầu gối vừa nói:

- Khoan đã, còn kịp...

Và bác ngồi suy nghĩ. Tôi nhìn người chủ tiệm, ông ta nhìn tôi, nhưng sau cặp kính hình như ông ta không có mắt.

Ông ta sống lặng lẽ, đi đứng nhẹ nhàng không có tiếng động, nói năng thường hạ thấp giọng. Đôi khi bộ râu cằm đã bạc màu và đôi mắt lờ đờ của ông nhô ra từ một xó nào đó rồi lại biến ngay mất. Trước khi đi ngủ, ông ta quỳ rất lâu trước tượng thánh bên ngọn đèn dầu cháy suốt ngày đêm ở trong tiệm. Tôi nhìn thấy ông ta qua một lỗ cửa giống như hình con át cơ, nhưng tôi không nghe được ông ta cầu nguyện như thế nào: ông ta chỉ quỳ và nhìn lên bức tượng thánh và ngọn đèn dầu, rồi vừa vuốt râu vừa thở dài. Lặng yên một lúc, bác Xmurưi lại hỏi:

- Thằng Xeriosca có cho mày tiền không?

- Không.

- Không bao giờ cho à?

- Không bao giờ.

- Nó không nói dối đâu, - bác Xmurưi bảo người chủ tiệm, nhưng ông này khẽ trả lời:

- Dầu sao cũng thế thôi. Anh cứ thế mà làm.

- Thôi đi ra! - bác đầu bếp quát bảo tôi rồi đi lại phía chiếc bàn của tôi, lấy tay búng khẽ vào đỉnh đầu tôi. - Mày là thằng ngốc! Và tao cũng là thằng ngốc! Lẽ ra tao phải để mắt đến mày...

Đến Nijni người chủ tiệm tính và trả tiền công cho tôi. Tôi nhận được gần tám rúp - món tiền lớn đầu tiên do công sức của mình làm ra.

Lúc từ biệt tôi, bác Xmurưi buồn rầu bảo:

- Thế đấy... Từ nay về sau phải mở mắt ra, hiểu chưa? Đừng có lơ mơ mà chết đấy...

Bác nhét vào tay tôi một cái túi con đính hạt cườm sặc sỡ.

- Cho cháu cái này! Đây là một đồ thêu rất đẹp, do đứa con gái nuôi của bác thêu đấy... Thôi, từ biệt! Hãy đọc nhiều sách vào, đó là điều tốt nhất!

Bác bế xốc nách tôi lên, hôn tôi và thong thả đặt tôi xuống sàn bến tàu. Tôi thấy thương bác và thương cả mình nữa. Suýt nữa thì tôi khóc oà lên khi nhìn thấy bác chen lấn những người phu khuân vác để trở về tàu. Trông bác to lớn, nặng nề và cô đơn làm sao.

Sau này tôi còn gặp biết bao nhiêu người hiền từ cô đơn và tách lìa khỏi cuộc sống như bác!...

VII

Ông bà tôi lại dời ra thành phố ở. Tôi về nhà ông bà với tâm trạng bực bội và muốn gây gổ, trong lòng nặng trĩu. Vì sao người ta lại xem tôi như là ăn cắp?

Bà tôi âu yếm đón tôi và đi đặt ngay ấm xamovar. Ông tôi hỏi tôi với vẻ giễu cợt như mọi khi:

- Có để dành được nhiều vàng không?

- Được bao nhiêu thì cũng đều là của cháu cả,- tôi trả lời và ngồi xuống bên cửa sổ. Trịnh trọng rút bao thuốc lá ra khỏi túi, tôi làm bộ làm tịch châm lửa hút.

- Hừ, - ông tôi nói và chăm chú quan sát những hành động của tôi, - ra thế đấy. Mày đã hút cái thứ lá quỷ độc ấy rồi à. Có hơi sớm không?

- Người ta còn tặng cháu cả túi đựng thuốc nữa đây này, - tôi khoe khoang nói.

- Túi đựng thuốc à? - ông tôi rít lên. - Sao, mày muốn nhạo tao phải không?

Ông xô về phía tôi, hai cánh tay xương xương nhưng cứng rắn vươn ra, cặp mắt xanh long lên sòng sọc. Tôi chồm dậy, húc đầu vào bụng ông. Ông tôi đã ngã xuống sàn, mồm há hốc, mắt nhấp nháy với vẻ kinh ngạc. Ông nhìn tôi đến mấy giây, những giây phút đó thật là nặng nề. Sau đó ông bình tĩnh hỏi:

- Mày húc ông mày đấy à? Húc bố đẻ ra mẹ mày đấy ư?

- Ông đã đánh cháu nhiều lắm rồi, - tôi làu bàu nói, trong bụng nghĩ rằng mình đã làm một việc rất không phải.

Ông tôi đứng lên, người gày guộc, mảnh khảnh. Ông tới ngồi bên cạnh tôi, nhanh nhẹn giằng lấy điếu thuốc của tôi ném ra ngoài cửa sổ rồi nói với giọng sợ hãi:

- Thằng ranh con mọi rợ, mày có hiểu rằng suốt đời mày Chúa sẽ không bao giờ tha thứ cho cái việc mày vừa làm đấy không? Bà nó ơi, - ông tôi quay về phía bà tôi, - bà thử xem, chính nó, nó đã đánh tôi đấy! Bà cứ hỏi nó mà xem!

Bà tôi không hỏi han gì cả, bà chỉ đi lại túm lấy tóc tôi, vừa lắc vừa tuyên án:

- Cái tội ấy thì cứ phải như thế này nó mới chừa...

Tôi không đau, nhưng bực không thể chịu được. Nhất là tiếng cười gằn độc địa của ông tôi lại càng làm cho tôi bực tức. Ông nhảy nhót trên chiếc ghế, vỗ hai tay vào đầu gối, vừa cười vừa nói quàng quạc:

- Thế, cứ... thế...

Tôi vùng thoát, bỏ chạy ra phòng ngoài. Nằm trong một góc nhà nghe tiếng nước sôi reo, tôi thấy lòng thật nặng nề và trống trải.

Bà tôi đến bên cạnh tôi, cúi xuống nói thì thào rất nhỏ:

- Cháu đừng giận bà làm gì, bà kéo tóc cháu có đau đâu. Bà cố tình làm như vậy. Không còn cách nào khác nữa. Ông cháu

đã già rồi, phải kính trọng ông mới được. Xương của ông cũng đã long gẫy cả rồi; ông đã chịu biết bao nhiêu điều đau khổ, cháu không nên chọc tức ông làm gì. Cháu đã lớn rồi, phải hiểu điều đó... Aliosa ạ, cháu phải hiểu rằng ông cũng như một đứa trẻ con mà thôi...

Lời nói của bà như một dòng nước nóng đã rửa sạch lòng tôi. Những tiếng thì thào thân mật đó làm tôi cảm thấy vừa nhẹ nhõm, vừa hổ thẹn. Tôi ôm chặt lấy bà tôi, hai bà cháu cùng hôn nhau.

- Cháu hãy lại với ông. Cứ đi đi, không sao đâu! Có điều là đừng có hút thuốc ngay trước mặt ông, phải để cho ông quen dần đã...

Tôi vào phòng, nhìn ông và suýt nữa phì cười: ông tôi quả thực hớn hở như một đứa trẻ con, mặt mày tươi tỉnh, hai chân vung vẩy chạm vào nhau, bàn tay đầy lông màu hung gõ gõ trên mặt bàn.

- Thế nào hở con dê kia? Lại đến để húc nữa chăng? Mày thật là một thằng tướng cướp! Giống thằng bố mày như đúc! Thật là đồ vô lại, vào nhà chưa làm dấu thánh đã giở ngay thuốc ra hút. Hừ, quân Bonapact[1] kia, đồ chỉ đáng một xu nhỏ kia!

Tôi lặng thinh. Ông tôi nói hết rồi cũng lặng yên, vẻ mệt mỏi. Nhưng đến lúc uống trà ông lại bắt đầu dạy tôi:

- Người ta cần phải sợ Chúa như con ngựa cần dây cương vậy. Trừ Chúa ra thì không có ai là bạn của mình đâu! Người với người là kẻ thù tàn bạo nhất!

Tôi cảm thấy trong câu người là kẻ thù của nhau có phần nào sự thật; nhưng còn các câu khác đều không làm tôi động lòng.

- Bây giờ mày lại đến nhà bà dì Mat'riona mà ở. Bao giờ đến

---

[1] Họ của Napoleon. Sau khi quân Pháp do Napoleon dẫn đầu xâm chiếm nước Nga, người Nga dùng chữ Bonapact để chửi rủa.

mùa xuân thì sẽ làm việc trên tàu thuỷ. Mùa đông ở nhà họ. Nhưng đừng có nói cho họ biết là mùa xuân mày sẽ đi đấy!...

- Chà, lừa dối người ta làm gì? - bà tôi nói sau khi vừa mới lừa ông tôi bằng cách giả vờ đánh tôi xong.

- Không lừa dối thì sống sao được, - ông tôi vẫn giữ ý của mình. - Bà thử nói xem có ai sống mà không lừa dối nào?

Buổi chiều, khi ông tôi ngồi đọc Thánh thi, tôi và bà tôi ra cổng đi về phía cánh đồng. Căn nhà lụp xụp có hai cửa sổ của ông tôi nằm ở ngoại ô thành phố, phía sau của phố Canatnaia, nơi mà ngày trước ông tôi đã có nhà ở đó.

- Đấy, chúng ta lạc mãi đến chỗ này đấy! - bà tôi giễu cợt nói. - Lão già không sao tìm được chỗ ở vừa ý, cứ dời hết chỗ này đến chỗ khác. Ở đây ông cháu cũng không thích, nhưng bà thì lại thích.

Trước mặt chúng tôi là một đồng cỏ xơ xác kéo dài đến ba verxta, bị khe rãnh cắt ra thành nhiều mảnh, bao quanh bởi một đám rừng nhấp nhô và một hàng bạch dương ven đường cái đi Cazan. Từ dưới các khe rãnh nhô lên những cành cây như những chiếc roi. ánh nắng hoàng hôn lạnh lẽo nhuộm những bụi cây thành một màu đỏ máu. Làn gió chiều nhẹ nhàng lay động những thân cỏ khô màu xám. Phía sau khe gần nhất, những bóng đen của đám nam nữ thanh niên tiểu thị dân cũng lắc lư như những thân cỏ khô. Xa xa, phía bên phải, là bức tường màu đỏ của nghĩa địa những người cựu giáo, mà người ta thường gọi là "tu viện Bugrovxki". Bên trái, trên miệng khe có một đám cây xanh thẫm từ phía cánh đồng nhô lên - nơi đó là nghĩa địa của những người Do Thái. Mọi vật xung quanh đều nghèo nàn, đều thầm lặng nép mình xuống mảnh đất đầy thương tích. Những căn nhà nhỏ của ngoại ô thành phố dè dặt mở cửa sổ nhìn ra con đường đầy bụi có những con gà mái nhỏ, gầy đói đi lang thang. Một đàn bò vừa đi vừa rống ầm ĩ bên

cạnh nhà tu kín. Từ trại lính vẳng lại tiếng nhạc binh với những tiếng kèn đồng đinh tai nhức óc.

Một người say rượu vừa đi vừa kéo mạnh chiếc phong cầm. Gã ta vấp ngã và lẩm bẩm:

- Tao sẽ đi tới nhà mày... nhất định...

- Thằng ngốc, - bà tôi nhíu mày nhìn mặt trời đỏ lòm và nói. - Mày còn đi được tới đâu cơ chứ? Mày sắp ngã dúi bây giờ, rồi sẽ nằm đấy mà ngủ một giấc, trong khi đó thì người ta sẽ lột hết... Cả cây phong cầm, niềm vui của mày, rồi cũng sẽ mất nốt...

Tôi kể cho bà tôi nghe cuộc sống của tôi trên tàu thuỷ và nhìn xung quanh. Sau những điều tôi đã từng trông thấy, cảnh vật ở đây khiến cho tôi buồn rầu, tôi cảm thấy mình như một con cá nằm trên chảo. Bà tôi yên lặng và chăm chú nghe, giống hệt như tôi thường thích lắng nghe bà nói. Khi tôi kể đến chuyện bác Xmurơi, bà tôi làm dấu thật nhanh và nói:

- Đó là một con người tốt, cầu Đức Mẹ che chở cho bác ta! Cháu đừng có quên bác ta nhé! Những điều gì tốt cháu cần phải luôn luôn nhớ kĩ, còn điều gì xấu thì hãy quên nó đi...

Khó khăn lắm tôi mới kể được cho bà tôi nghe chuyện vì sao mà người ta đuổi tôi, nhưng tôi cố dằn lòng để nói ra. Câu chuyện đó chẳng làm cho bà tôi kinh ngạc mảy may, bà chỉ thờ ơ nhận xét:

- Cháu còn bé, cháu chưa biết sống...

- Đấy, ai cũng cứ bảo nhau là chưa biết sống: từ những người mujic đến những người thuỷ thủ, cả bà Mat'riona cũng nói với các cậu như vậy. Nhưng phải biết những gì mới được chứ?

Bà tôi cắn môi, lắc đầu:

- Cái đó thì bà cũng chịu!

- Thế sao bà còn nói làm gì?

- Sao lại không nói? - bà tôi bình tĩnh đáp. - Cháu đừng bực mình, cháu đang còn nhỏ, cho nên cháu cũng không cần biết.

Và cũng có ai biết sống? Có lẽ chỉ có bọn chuyên lừa đảo. Đấy, ông cháu cũng là người thông minh, có học thức, vậy mà ông cũng có biết gì đâu...

- Thế còn bà, bà sống có sung sướng không?...

- Bà ấy à? Sung sướng chứ! Và cả khổ sở nữa, thôi thì đủ thứ...

Bên cạnh chúng tôi, người qua lại đi thong thả, kéo theo những chiếc bóng dài bị bụi dưới chân họ bốc lên như khói che phủ. Cảnh chiều buồn càng trở nên nặng nề. Từ các cửa sổ giọng cầu nhàu của ông tôi vẳng ra:

- "Lạy Chúa, xin Chúa hãy nguôi cơn thịnh nộ đối với con, xin Chúa tha thứ cho con..."

Bà tôi mỉm cười, nói:

- Chắc chắn là ông cháu làm Chúa đến chán ngấy! Chiều nào cũng rên rỉ, chẳng hiểu để làm gì? Ông cháu đã già lắm rồi, có cần gì nữa đâu, ấy thế mà vẫn cứ luôn luôn kêu ca than vãn... Chúa cứ nghe những lời cầu nguyện buổi chiều ắt sẽ mỉm cười và nói: "Lại lão Vaxili Casirin càu nhàu rồi!..." Thôi, bà cháu ta về đi ngủ...

*

* *

Tôi quyết định đi đánh bẫy những loài chim biết hót. Tôi thấy hình như việc này có thể đủ nuôi sống cho hai bà cháu: tôi sẽ bẫy chim, còn bà tôi thì mang chim đi bán. Tôi mua lưới, vòng, bẫy và làm một lô lồng. Thế là cứ mờ sáng tôi đã ngồi trong bụi cây dưới khe, còn bà tôi thì mang lẵng và bị đi vào trong rừng kiếm những nấm cuối mùa, quả tú cầu đỏ và quả hồ đào.

Mặt trời tháng Chín mỏi mệt vừa thức dậy. Những tia nắng trong trẻo của nó lúc thì tắt đi trong những đám mây, lúc thì rọi

chiếu xuống khe của tôi như một chiếc quạt bằng bạc. Đáy khe còn tối mờ mờ, một màn sương mù trắng đục từ dưới đáy dâng lên. Một bên bờ khe bằng đất sét thì dốc đứng, trần trụi và đen sẫm. Bờ bên kia đỡ dốc hơn, bao phủ bằng những đám cỏ úa vàng, những bụi rậm có đủ các màu lá: vàng, hung hung, đỏ. Những luồng gió trong lành ngắt lá ném xuống khe.

Dưới đáy khe những con chim oanh nhỏ đang hót vang trong các bụi ngưu bàng. Trong những đám cỏ dại nhạm nhở màu xám, tôi thấy thấp thoáng những chiếc mào màu đỏ tươi trên những cái đầu linh lợi của đám chim. Đàn chim sẻ ngô tò mò ríu rít quanh tôi, phồng đôi má trắng lên kêu ầm ĩ và nhảy nhót lung tung một cách ngộ nghĩnh như đám thanh niên tiểu thị dân ở Cunavino trong ngày hội. Chúng nhanh nhẹn láu lỉnh, dữ tợn, cái gì cũng muốn biết, muốn đụng tới và lần lượt con nọ tiếp con kia sa vào bẫy. Trông chúng lăn lộn vùng vẫy thật đáng thương, nhưng công việc của tôi là việc buôn bán, việc quan trọng chứ không phải chơi. Tôi chuyển những con chim đó sang các lồng dự trữ và lấy bao phủ lên: trong bóng tối, lũ chim sẽ ngồi yên.

Một đàn chim yến hạ cánh đậu xuống một bụi gai chan hoà ánh nắng. Những chú chim yến say sưa với ánh nắng lại càng hót líu lo vui hơn. Điệu bộ của chúng giống như những chú học trò. Một con bách thiệt tham lam và to chưa kịp bay đến những miền ấm áp, đang đậu trên một cành hồng dại dẻo và lấy mỏ rỉa lông cánh. Đôi mắt đen láy của nó tìm mồi một cách tinh tường. Một con sơn ca bay vụt lên cao, bắt được một chú ong đất, cẩn thận găm nó vào một cái gai rồi lại đậu yên một chỗ, chiếc đầu xám gian giảo đung đưa. Con chim ác là báo điềm lành, bay ngang qua không một tiếng động. Nó là đối tượng của lòng ước muốn sôi nổi nhất của tôi. Tóm được nó thì thích biết nhường nào! Một chú sơn tước lạc bầy đậu trên một cây trăn,

lông đỏ chói, đường bệ như một ông tướng, vừa cáu kỉnh kêu ken két, vừa lúc lắc chiếc mỏ đen.

Mặt trời càng lên cao, chim chóc càng nhiều và tiếng hót líu lo của chúng nghe càng rộn rã. Khắp cả khe vực tràn ngập một điệu nhạc mà chủ âm của nó là tiếng rì rào không ngớt của những bụi cây trong gió. Tiếng hót sôi nổi của đám chim không sao át được tiếng rì rào buồn dịu êm đềm đó, tôi nghe như khúc hát từ biệt của mùa hè; nó thì thầm với tôi những lời thật là đặc biệt, những lời đó, cứ tự nhiên kết thành bài ca. Và đồng thời trí nhớ, bất chấp ý muốn của tôi, cứ gợi lại những cảnh tôi đã sống trong những ngày qua.

Từ phía trên, bà tôi gọi vẳng xuống:

- Cháu ở đâu đấy?

Bà ngồi trên miệng khe, trải chiếc khăn vuông ra và đặt bánh mì, dưa chuột, củ cải, táo lên đấy. Giữa đám thức ăn ngon lành đó, một chiếc bình nhỏ nhiều mặt rất đẹp, với chiếc nút pha lê hình đầu Napoleon óng ánh dưới ánh nắng. Trong bình có chừng hơn trăm gam rượu votca ngâm rễ cây ban.

- Lạy Chúa, như thế này cũng là tốt rồi! - bà tôi nói với vẻ biết ơn.

- Cháu vừa đặt xong được một bài ca, bà ạ!

- Thật à? Đọc bà nghe!

Tôi liền đọc cho bà tôi nghe một bài từa tựa như thơ:

Mùa đông đã đến gần rồi,
Vĩnh biệt mùa hè nắng của tôi!...

Nhưng bà tôi chưa nghe hết đã ngắt lời:

- Có một bài ca giống như vậy, có điều hay hơn nhiều!

Và bà ngâm nga:

Nắng hè đã tắt trong đêm tối,
Và đã khuất sau rừng cây xa!
Riêng tôi đứng một mình thui thủi,

Niềm vui xuân trẻ đã vèo qua...
Buổi sáng tôi ra khỏi làng,
Nhớ lại những ngày vui chứa chan;
Đồng vắng giờ đây sao tẻ ngắt,
Như tuổi xuân tôi để nhỡ nhàng.
Chị em bạn gái mến thương ơi!
Chờ đến mùa đông giá tuyết rơi;
Hãy móc tim tôi ra khỏi ngực,
Và chôn trong đám tuyết giùm tôi!...

Lòng tự ái nhà nghề của tôi không bị thương tổn chút nào. Tôi rất thích bài hát ấy và rất thương người con gái trong bài hát.

Bà tôi nói:

- Đấy, nỗi đau khổ đã trở thành lời ca như vậy đấy! Chính một cô thanh nữ đã làm bài thơ ấy; mùa xuân cô ta đi chơi với người yêu, nhưng đến mùa đông thì tình nhân của cô ta bỏ rơi cô, có thể là hắn đã đến với cô khác, thế là cô gái với trái tim đau khổ đó đã khóc than số phận của mình... Những điều mà ta không trải qua, thì không sao nói lên được thật đúng, thật hay như thế. Cháu thấy đấy, cô ta đã đặt được một bài ca hay biết nhường nào!

Khi bà tôi lần đầu tiên bán chim được bốn mươi copec, bà rất ngạc nhiên.

- Lạ thật! Bà cứ tưởng đó chỉ là một việc vô ích, một trò nghịch ngợm của trẻ con, ấy thế mà lại ra tiền chứ!

- Bà bán vẫn còn rẻ...

- Thật à?

Gặp những ngày phiên chợ, bà tôi bán được một rúp hoặc hơn nữa. Bà luôn ngạc nhiên không hiểu sao những việc vớ vẩn này lại có thể kiếm được nhiều tiền đến như vậy!

- Bọn đàn bà suốt ngày giặt quần áo hoặc lau sàn cũng chỉ

được có hai mươi lăm copec một ngày, thế mà ta kiếm được hàng rúp, có ai mà hiểu được chứ! Mà việc này có tử tế gì đâu! Cả việc nhốt chim vào lồng cũng là không tốt rồi. Aliosa ạ, cháu hãy bỏ cái trò này đi!

Nhưng thú bắt chim đã hấp dẫn tôi rất mãnh liệt. Tôi thích nó, vì tôi vừa được tự do, vừa không làm cho ai phải khó chịu trừ lũ chim ra. Tôi sắm sửa đủ các loại lồng bẫy tốt. Các cuộc nói chuyện với những nhà bẫy chim lão luyện đã dạy tôi rất nhiều điều. Tôi đã bẫy chim một mình ở xa hàng ba chục verxta, trong khu rừng Cxtovxki, trên bờ sông Volga, nơi trong đám rừng thông cao, có những loại chim mỏ chéo và loại chim sẻ ngô apolon mình trắng đuôi dài có một vẻ đẹp hiếm có đã được những người yêu chim ưa chuộng.

Có khi tôi ra đi từ chiều và suốt đêm lần mò trên đường cái Cazan, đôi lúc lội giữa đám bùn sâu dưới những cơn mưa thu. Sau lưng tôi một cái túi vải sơn, trong túi có lồng chim, bẫy với chim mồi. Tay tôi cầm một cái gậy to chắc bằng gỗ hồ đào. Đêm mùa thu tối mịt, thật là lạnh lẽo và đáng sợ, sợ đến rợn cả người!... Những cây bạch dương già cỗi bị sét đánh đứng hai bên đường vươn dài cành lá ẩm ướt trên đầu tôi. Bên trái, dưới chân núi, những đốm lửa thưa thớt trên các cột của những chiếc tàu thuỷ và sà lan cuối cùng đang trôi trên sông Volga đen ngòm tựa như đang đi vào một cái vực sâu không đáy. Bánh xe đập nước ầm ĩ. Tiếng còi tàu rú lên ù ù.

Từ trên mặt đất đen sì, hiện ra những căn nhà gỗ lụp sụp của những làng ven đường. Vài con chó đói gầm gừ chạy sán đến chân. Người tuần canh gõ kẻng và sợ hãi kêu lên:

- Ai đi đấy? Đêm khuya thế này, quỷ bắt các người đi hay sao đấy?

Tôi sợ nhất là người ta sẽ tước mất đồ nghề của mình nên

luôn mang theo những đồng năm copec để cho bọn tuần canh. Bác tuần phu ở làng Fokino thân với tôi, luôn luôn kêu lên:

- Lại chú mày đấy à? Chà, thật là một tay ăn sương gan dạ, không chịu ngồi yên đêm nào!

Tên bác là Nifon. Bác người nhỏ bé, tóc bạc, trông giống như một vị thánh. Bác thường móc ở trong áo ra một nắm đậu, một củ cải, một quả táo và vừa nhét vào tay tôi, vừa nói:

- Cầm lấy, chú bé. Tao dự trữ cho chú mày ít quà đấy, ăn cho vui.

Bác tiễn tôi đến tận cuối làng rồi nói:

- Thôi, cầu Chúa che chở cho cháu!

Hửng sáng thì tôi vào tới rừng. Sửa sang lồng bẫy, treo mồi lên xong, tôi nằm ngay ở cửa rừng chờ trời sáng. Cảnh vật thật là tĩnh mịch, như còn chìm đắm trong giấc ngủ say sưa của mùa thu. Những đồng cỏ rộng dưới chân núi thấp thoáng hiện qua đám màn đêm xam xám. Đồng cỏ bị con sông Volga cắt ngang, chạy lan sang bờ bên kia, tản ra nhiều nơi rồi tan biến đi trong lớp sương mù. Xa xa, sau đám rừng phía đồng cỏ, mặt trời hửng sáng từ từ lên. Ánh hồng bừng sáng trên các đỉnh rừng đen hình răng lược và cảnh vật bỗng nhiên sinh động lên một cách kì lạ: sương mù dâng lên khỏi mặt đồng cỏ mỗi lúc một nhanh hơn và lóng lánh như bạc dưới ánh nắng mặt trời, tiếp theo đó là những bụi rậm, những cây cối, những đống cỏ khô cũng từ mặt đất hiện lên. Những cánh đồng cỏ như tan ra dưới ánh mặt trời và bị ánh vàng rực quét lên, chảy lan ra khắp chốn. Kìa, mặt trời đã chạm được tới làn nước êm ả ven bờ sông. Cả con sông tựa như dâng cao lên, đổ dồn về phía mặt trời đang chìm ngập. Mặt trời mỗi lúc một cao, hân hoan chào mừng và sưởi ấm cho mặt đất xác xơ, cóng lạnh. Còn mặt đất thì toả lên nghi ngút hơi thu ngọt ngào. Lớp không khí trong suốt làm cho đồng ruộng như to ra, rộng mênh mông không bờ không bến.

Mọi cảnh vật như bơi về phía xa xăm và lôi cuốn mình đi tới tận chân trời xanh thẳm. Tôi đã từng ngắm cảnh mặt trời lên ở chỗ ấy không biết bao nhiêu lần, và mỗi lần trước mắt tôi lại hiện ra một thế giới mới với một vẻ đẹp luôn luôn mới.

Tôi yêu mặt trời một cách khác thường. Tôi thích ngay chính cả tên gọi của nó, với những âm thanh ngọt ngào, với tiếng ngân huyền bí trong đó. Tôi ưa nhắm mắt lại và hứng những tia nắng nóng ấm trên mặt, ưa đưa bàn tay ra bắt một tia nắng như một lưỡi gươm đang xuyên qua kẽ hàng rào hay qua đám cành lá. Ông tôi rất thích quyển *Ông hoàng Mikhail Tsecnigovxki và Feodor, những kẻ không khuất phục mặt trời*. Tôi hình dung họ như những người Txugan[1] đen đủi, cau có, hung dữ, mắt luôn luôn bị đau như dân Mordvin nghèo khổ. Khi mặt trời lên cao dần trên đồng cỏ, tôi tự dưng mỉm cười vui sướng.

Trên đầu tôi, rừng thông reo vi vút và rũ những hạt sương mai khỏi đám cành lá xanh của mình. Dưới bóng cây, những hạt băng đọng vì cơn rét buổi sáng, óng ánh như một tấm vóc thêu chỉ bạc trên đám lá lỗ chỗ của cây dương xỉ. Đám cỏ úa vàng bị những cơn mưa làm rạp xuống, nằm nghiêng bất động trên mặt đất. Nhưng khi có một tia nắng rọi tới, thân cỏ tựa như rung rinh, có lẽ đấy là sự cố gắng cuối cùng của cuộc sống.

Chim chóc đã thức giấc. Những con chim sơn tước đen xám như những búp lông tơ, rơi từ cành nọ xuống cành kia. Chim mỏ chéo đỏ như lửa mổ vụn quả trên đỉnh cây thông bằng chiếc mỏ khoằm. Ở cuối một cành thông một con chim sẻ ngô *apolon* trắng lắc lư, xoè mớ lông cánh dài, con mắt của nó đen như hạt cườm, liếc nhìn chiếc lưới của tôi căng với vẻ nghi ngại. Và tự dưng, cả khu rừng vừa đầy trầm ngâm là thế, oai nghiêm là thế bỗng vang lên trăm ngàn tiếng chim hót líu lo,

[1] Một dân tộc sống lang thang trên các nước châu Âu và châu Á.

Bà tôi ngồi bên cửa sổ xe chỉ để thêu đăng ten. Búp chỉ kêu vù vù trong hai bàn tay khéo léo của bà. Bà lặng yên nghe ông tôi nói hồi lâu rồi bỗng nhiên cất tiếng:

- Tất cả mọi việc đều do Đức Mẹ sắp xếp cả rồi.

- Thế nào, - ông tôi kêu lên, - Chúa à! Tôi không quên Chúa đâu, tôi biết Chúa như thế nào rồi! Mụ già ngu ngốc kia ơi, thế có phải Chúa đã cho những lũ ngu xuẩn xuống trần gian này không?

*

* *

... Tôi có cảm tưởng rằng người Cozac và binh lính là những kẻ sống sung sướng nhất trên trái đất này. Cuộc sống của họ thật là giản dị và tươi vui. Những hôm tốt trời, họ đã tập trung từ sáng sớm trước nhà tôi, ở phía sau vực và đứng rải rác như những chiếc nấm trắng trên cánh đồng trơ trụi, rồi bắt đầu chơi một trò chơi phức tạp và thú vị: nhanh nhẹn, mạnh khoẻ, áo sơ mi trắng, súng cầm tay, họ vui vẻ chạy trên cánh đồng, biến xuống vực, rồi bỗng nhiên lại ùa ra cánh đồng theo tiếng gọi của chiếc kèn trận. Dưới nhịp trống thúc dữ dội, họ kêu "ura"[1] và chạy thẳng tới phía nhà tôi, lưỡi lê tua tủa, tựa như họ sắp phá trụi cả mặt đất, đâm nát ngôi nhà của chúng tôi ra như xới một đống cỏ khô.

Tôi cũng kêu "ura" và hăng hái chạy theo họ. Tiếng trống dồn dập thúc đẩy tôi thêm sôi nổi muốn đập phá một cái gì đó, muốn đạp đổ hàng rào và đánh đấm bọn lỏi con.

Trong giờ nghỉ những người lính mời tôi hút thuốc loại rẻ tiền, cho tôi xem những cây súng nặng nề, đôi lúc có người lại chĩa lưỡi lê vào bụng tôi và hét lên ra bộ hung dữ:

---

[1] Xung phong.

- Xiên chết con gián này!

Chiếc lưỡi lê sáng loáng, sinh động như một con rắn đang uốn mình và muốn cắn tôi, tôi thấy hơi rờn rợn, nhưng rất khoái.

Anh lính đánh trống, người Mordvin, dạy tôi gõ trên mặt trống. Đầu tiên anh túm chặt hai bàn tay tôi, làm cho chúng mỏi nhừ đến đau điếng, rồi sau đó mới giúi đôi dùi trống vào những ngón tay đã rã rời của tôi.

- Gõ đi! Một, hây! Một, hây! Tram-ta-ta-tam! Gõ vào mặt trống. Bên trái nhẹ, bên phải mạnh, tram-ta-ta-tam! - anh ta quát lên nghe phát khiếp, cặp mắt chim của anh mở to.

Tôi chạy theo những người lính trên cánh đồng đến hết buổi tập rồi tiễn chân họ đi suốt cả thành phố cho tới trại lính mới thôi. Tôi vừa đi vừa nghe những bài hát vang vang vừa ngắm nghía những khuôn mặt hiền lành, tất cả đều còn mới mẻ tựa như những đồng năm copec mới dập.

Khối người đồng nhất dày đặc đó vui vẻ trôi trên đường phố với một sức mạnh thống nhất đã gây được thiện cảm, khiến cho người ta cũng muốn hoà vào làm một như trôi trên một dòng sông hoặc đi giữa một khu rừng. Những người đó không biết sợ là gì, họ nhìn mọi sự vật một cách dũng cảm, họ có thể chiến thắng được tất cả, họ có thể đạt được những điều gì mà họ muốn, và cái chính là tất cả bọn họ đều giản dị, hiền hậu.

Nhưng một hôm, trong giờ nghỉ, một viên hạ sĩ quan trẻ tuổi cho tôi một điếu thuốc to tướng và nói:

- Hút chơi! Loại thuốc này tao rất quý, tao không cho ai mấy khi, chỉ có chú mày ngoan tao mới cho đấy!

Tôi châm thuốc lá hút. Viên hạ sĩ lùi lại một bước. Bỗng nhiên một luồng lửa đỏ loé lên làm tôi mờ cả mắt và bị cháy sém cả tay, mũi, lông mày. Đám khói xám mằn mặn khiến tôi phải hắt hơi và ho sặc sụa. Tôi sợ hãi nhắm tịt mắt lại, giậm chân, còn những người lính thì vây lấy tôi thành một vòng tròn dày đặc, vui vẻ

cười lên hô hố. Tôi đi về nhà, nhưng tiếng huýt sáo, tiếng cười vẫn còn đuổi theo tôi. Có một cái gì quất vào tôi như chiếc roi dây da của người mục đồng. Những ngón tay bị bỏng của tôi nhức nhối, mặt ngứa ngáy, nước mắt trào ra, nhưng điều đã làm cho tôi khổ tâm nhất, không phải là sự đau đớn, mà là sự kinh ngạc lờ mờ, nặng nề không hiểu tại sao người ta đối với tôi lại như vậy? Tại sao điều đó lại làm cho đám thanh niên vốn hiền lành thích thú đến như thế?

Về tới nhà, tôi leo lên gác thượng và ngồi trên đấy rất lâu để hồi tưởng lại tất cả những điều tàn nhẫn không sao giải thích được mà tôi đã gặp rất nhiều lần trên đường đời. Hình ảnh sáng rõ và sinh động nhất mà tôi nhớ lại là hình ảnh của anh lính nhỏ bé ở Xarapun. Anh đứng trước mặt tôi như thật và hỏi tôi:

- Thế nào? Mày đã hiểu chưa?

Chẳng bao lâu tôi còn phải chịu đựng một cảnh tượng nặng nề và quái gở hơn nữa.

Tôi hay chạy đến trại lính của những người Cozac ở gần xóm Petsecxcaia. Những người Cozac này có vẻ khác hẳn những người lính, không phải họ cưỡi ngựa giỏi hơn và ăn mặc đẹp hơn, mà vì họ nói năng khác hơn, hát những bài hát khác hẳn và nhảy múa rất đẹp. Có lần, vào buổi chiều, sau khi chải cho ngựa xong họ quây lại thành một nhóm cạnh chuồng ngựa, rồi một anh chàng Cozac nhỏ bé tóc hung hất mớ tóc xoã lên, nhẹ nhàng vươn dài người ra và cất cao giọng như kèn đồng, lên tiếng ca một bài buồn thảm về sông Đông êm đềm, về dòng sông Danuyp xanh biếc. Anh nhắm nghiền mắt lại như con chim "cổ đỏ" nhắm mắt và thường hót cho đến khi ngã lăn từ trên cành xuống đất mà chết. Cổ sơ mi của anh không cài để lộ ra cặp xương quai xanh giống bộ hàm thiếc ngựa bằng đồng. Con người anh ta cũng như được đúc bằng đồng. Anh lắc lư trên cặp chân dong dỏng tựa hồ đất dưới chân anh bị chấn động, tay anh dang ra, mắt nhắm

nghiền lại, giọng vang vang, hình như anh không phải là người nữa mà đã biến thành chiếc kèn của người thổi kèn đồng, chiếc sáo của người mục đồng. Đôi lúc tôi có cảm tưởng anh sẽ ngã lộn nhào, lưng úp xuống đất chết như con chim "cổ đỏ", vì anh đã dốc hết cả nghị lực, hết cả tâm hồn của mình vào bài ca rồi.

Bạn của anh đứng vây quanh lấy anh như một vòng hoa, tay đút túi hoặc chắp sau lưng, nghiêm nghị nhìn vào khuôn mặt như đồng của anh và theo dõi bàn tay đang bơi trong không khí. Họ hát trịnh trọng, bình tĩnh như trên bục hát nhà thờ. Trong giờ phút đó tất cả bọn họ, kể cả người rậm râu lẫn không râu, đều giống như những pho tượng thánh: họ cũng đều mang vẻ hăm doạ và xa lạ hẳn với những con người bình thường. Bài hát dài như một con đường thênh thang, cũng bằng phẳng, mênh mông và sáng suốt làm sao. Khi nghe tiếng hát, tôi quên hết tất cả mọi thứ trên đời, không hiểu bây giờ là ngày hay đêm, tôi là trẻ con hay đã thành ông lão! Giọng hát đã tắt và chỉ còn nghe thấy tiếng thở dài của bầy ngựa buồn nhớ cảnh tự do phóng khoáng của thảo nguyên, tiếng đêm thu từ đồng nội đang chầm chậm lan tới không gì ngăn chặn được. Và trái tim thì cứ lớn mãi lên, như muốn vỡ tung ra vì đã tràn trề những nguồn cảm xúc phi thường, vì tình yêu vĩ đại thầm lặng đối với con người, với trái đất.

Đối với tôi, anh chàng Cozac nhỏ bé và như được đúc bằng đồng ấy không phải là một con người bình thường mà là một nhân vật siêu quần - một nhân vật thần thoại, tốt đẹp hơn, cao thượng hơn tất cả mọi người. Tôi không thể nào nói chuyện được với anh, khi anh hỏi tôi một điều gì, tôi sung sướng mỉm cười và lúng túng lặng yên. Tôi sẵn sàng nín thinh và ngoan ngoãn như một con chó đi theo anh, chỉ cốt để trông thấy anh nhiều hơn và nghe anh hát.

Có lần tôi thấy anh đứng trong một xó chuồng ngựa đưa tay lên mặt để ngắm nghía chiếc nhẫn trơn bằng bạc đeo trên ngón

tay. Đôi môi xinh đẹp của anh mấp máy, bộ ria mép ngắn đỏ hoe rung rung, khuôn mặt có vẻ buồn rầu, bực bội.

Một hôm vào lúc tối, tôi xách lồng chim vào một quán ăn ở quảng trường Xennaia cũ. Người chủ quán vốn là một tay thích chơi loại chim hót và thường mua chim của tôi.

Anh Cozac ngồi trong góc quán cạnh bàn bán thức ăn, giữa chiếc lò sưởi và bức tường. Ngồi cạnh anh là một người đàn bà đẫy đà to gần gấp đôi anh. Khuôn mặt tròn trĩnh của bà ta nhẵn bóng như một miếng da dê thuộc. Người đàn bà nhìn anh ta bằng cặp mắt âu yếm của người mẹ, hơi pha chút lo âu. Anh say mềm, đôi chân duỗi ra kéo lê trên sàn và có lẽ chạm mạnh vào chân người đàn bà nên thấy bà ta giật mình nhăn mặt lại và nhẹ nhàng bảo anh ta:

- Đừng có vớ vẩn...

Anh Cozac cố giương lông mày lên, nhưng chúng lại uể oải hạ xuống. Anh ta nóng quá bèn cởi cả cúc áo khoác ngoài lẫn cúc áo sơ mi để hở cổ ra. Người đàn bà tụt chiếc khăn trùm đầu xuống vai rồi đặt hai cánh tay trắng trẻo, khoẻ mạnh lên bàn, những ngón tay cấu vào nhau đỏ cả lên. Tôi càng nhìn họ kĩ bao nhiêu thì lại thấy anh ta càng giống một đứa con có lỗi đối với một người mẹ hiền từ bấy nhiêu. Bà ta nói với anh bằng một giọng âu yếm và trách móc, còn anh thì lúng túng yên lặng vì không có cách gì để trả lời được những lời quở mắng xứng đáng kia.

Bỗng nhiên anh đứng bật lên như người bị kim châm. Anh chụp chiếc mũ cát két xuống quá trán rồi lấy lòng bàn tay đập đập vào chiếc mũ. Không cài áo, anh đi ra cửa. Người đàn bà cũng đứng dậy nói với chủ quán:

- Chúng tôi sẽ trở lại ngay, bác Cuzmitr ạ...

Mọi người tiễn chân họ bằng những chuỗi cười, những câu nói đùa. Có một người thốt lên bằng một giọng oang oang và nghiêm khắc:

- Lão hoa tiêu mà trở về nó sẽ cho mụ một trận!

Tôi đi theo sau hai người. Họ đi trước tôi chừng mười bước. Trong bóng đêm họ đi chéo qua quảng trường lầy lội về phía bờ dốc cao của sông Volga. Tôi trông thấy người đàn bà vừa đỡ anh chàng Cozac, vừa đi lắc lư và nghe thấy tiếng bùn lép nhép dưới chân họ. Người đàn bà khẽ hỏi anh ta với giọng van xin:

- Anh đi đâu thế? Hở, còn đi đâu nữa?

Tôi lội bùn đi theo họ, mặc dù không phải là đường mà tôi phải đi. Khi họ đi tới lề đường bên bờ dốc, anh Cozac dừng lại, lùi cách xa người đàn bà chừng một bước rồi thình lình thụi vào mặt bà ta. Người đàn bà kêu lên vẻ ngạc nhiên và sợ hãi:

- Ối, sao lại như vậy?

Tôi cũng kinh hoảng và chạy đến gần họ. Nhưng anh Cozac ôm ngang lưng người đàn bà, quăng bà ta qua lan can xuống sườn dốc rồi nhảy theo bà ta. Cả hai cũng lăn trên lớp cỏ của sườn dốc xuống dưới như những bao cát đen sì. Tôi rụng rời tay chân, đứng yên không nhúc nhích, nghe tiếng váy áo bị xé soàn soạt ở phía dưới chân, tiếng anh Cozac gầm gừ và tiếng lắp bắp trầm trầm, đứt quãng của người đàn bà:

- Tôi kêu lên bây giờ... tôi kêu...

Bà ta kêu ối lên một tiếng thật to và dau đớn, rồi xung quanh bỗng trở nên yên lặng. Tôi sờ soạng tìm được một hòn đá ném xuống. Có tiếng cỏ kêu lào xào. Trên quảng trường có tiếng đập cửa kính ở một quán rượu. Ai đó bỗng kêu "ái" lên, có lẽ là bị ngã. Và yên lặng lại trở lại như chuẩn bị đe doạ một điều gì đấy, từng giây phút một.

Dưới chân dốc bỗng hiện ra một cục gì to và trắng. Nó vừa nức nở, vừa thở phì phò và chập chững, chậm chạp tiến dần lên phía trên. Tôi nhận ra được ngay người đàn bà. Bà ta bò lên bằng hai chân và hai tay như một con cừu. Tôi trông thấy bà ta trần đến thắt lưng, hai chiếc vú to lủng lẳng, tựa như bà ta có

ba cái mặt. Cuối cùng, bà ta lên được tới dãy lan can và ngồi ngay lên bờ lan can cạnh tôi. Bà thở hổn hển như một con ngựa bị quần mệt nhừ, sửa lại mớ tóc rối bù. Trên tấm thân trắng nõn của bà, trông thấy rõ những vệt bùn đen kịt. Bà ngồi khóc và chùi nước mắt trên má như một con mèo ngồi rửa mặt. Trông thấy tôi, bà kêu khe khẽ:

- Trời ơi, ai đấy? Đi đi, rõ dơ!

Tôi không thể nào đi được. Sửng sốt vì ngạc nhiên, vì cảm giác cay đắng, tê tái, tôi lại nhớ đến câu nói của bà dì Mat'riona:

"Đàn bà là sức mạnh. Eva còn lừa dối cả Chúa nữa đấy..."

Người đàn bà đứng dậy lấy những mảnh váy che ngực lại, để hở chân ra và vội vã bỏ đi thẳng. Phía chân dốc, anh chàng Cozac hiện ra, vẫy vẫy những mảnh giẻ trắng rách trong không khí. Anh khẽ huýt sáo, lắng nghe một lúc rồi cất tiếng vui vẻ nói:

- Daria ơi! Sao thế? Người Cozac là bao giờ cũng đoạt được thứ mà anh ta cần... Em tưởng anh say rượu hay sao? Không đâu, đấy là anh vờ vĩnh với em thôi... Daria ơi!

Anh ta đứng vững vàng, giọng giễu cợt và không có vẻ gì là say rượu cả. Anh khom lưng lấy những mảnh giẻ lau ủng và cất tiếng nói:

- Này, cầm lấy áo... Dasca[1] ơi! Thôi đừng có uốn éo nữa...

Và anh văng lên một câu tục tĩu thật to với người đàn bà.

Tôi ngồi trên đống đá dăm và nghe thấy giọng nói đó thật là đơn độc trong màn đêm tịch mịch và cũng thật là hách dịch quá chừng.

Những đốm lửa của những chiếc đèn lồng trên quảng trường nhảy nhót trước mặt tôi. Bên phải, ngôi trường cao đẳng quét vôi trắng dành cho các tiểu thư quý phái nổi bật lên giữa đám cây cối

[1] Tức Daria, cách gọi thân mật.

đen sì. Anh Cozac vừa uể oải tuôn ra hàng tràng những tiếng tục tằn, vừa đi trên quảng trường, tay vẫy vẫy mảnh giẻ trắng. Cuối cùng anh biến mất như một giấc mộng dữ.

Ở dưới chân dốc, một ống thoát hơi đang phụt hơi ở trạm máy bơm. Trên bến sông một chiếc xe ngựa đang chạy. Xung quanh vắng vẻ không một bóng người. Tôi đi ven bờ dốc, người mê mẩn, tay vẫn nắm chặt hòn đá lạnh giá mà tôi không kịp ném vào người anh chàng Cozac. Đến gần nhà thờ Thánh George Pabedonotx[1] tôi bị một người tuần đêm ngăn lại. Bác giận dữ hỏi tôi là ai và mang cái gì trong bị sau lưng.

Tôi kể cho bác nghe tỉ mỉ về anh Cozac. Bác cười hô hố và hét lên:

- Tài quá nhỉ! Chú mày à, bọn Cozac vốn là dân sành sỏi, họ không như chúng ta đâu? Còn mụ kia thì thật là đồ chó đẻ.

Bác ta cười rũ rượi, còn tôi thì tiếp tục đi xa hơn, lòng vẫn không hiểu bác ta cười cái gì?

Và tôi bỗng kinh khủng khi nghĩ rằng: nếu sự việc này cũng xảy ra với mẹ tôi, với bà tôi thì sẽ ra sao nhỉ?

VIII

Khi tuyết bắt đầu rơi, ông tôi lại dẫn tôi đến nhà bà dì.

- Việc này đối với cháu không phải là việc xấu đâu, không tồi đâu, - ông tôi bảo tôi.

Tôi có cảm tưởng trong mùa hè qua tôi đã sống quá nhiều, đã già đi và khôn hơn trước, còn ở nhà chủ thì trong thời gian đó lại càng buồn tẻ hơn. Mọi người vẫn thường xuyên đau ốm như

[1] Chiến thắng.

trước vì nhồi nhét quá nhiều thức ăn làm hỏng cả dạ dày. Họ vẫn kể cho nhau nghe tỉ mỉ về tình hình bệnh tật như trước. Bà già vẫn cầu Chúa với vẻ khủng khiếp và hằn học. Mợ chủ sau khi đẻ rồi có gầy và thon người lại, nhưng đi đứng vẫn ra vẻ đường bệ và chậm chạp như khi có mang. Khi mợ ngồi khâu quần áo cho các con, mợ thường hát khe khẽ một bài độc nhất:

Xpiria, Xpiria, Xpiridon
Xpiria, chú em mến yêu ơi,
Chị sẽ ngồi vào xe trượt tuyết,
Cho Xpiria ngồi kèm bên mép...

Hễ thấy tôi đi vào phòng, mợ vội thôi hát và cáu kỉnh quát:

- Mày muốn gì?

Tôi tin rằng ngoài bài hát ấy ra mợ chẳng biết được một bài nào nữa.

Chiều đến, nhà chủ gọi tôi vào phòng và bảo:

- Nào, kể xem mày đã sống trên tàu thuỷ ra sao!

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế cạnh cửa nhà xí và kể chuyện. Tôi khoan khoái ôn lại một cuộc sống khác hẳn với cuộc sống hiện nay mà người ta nhét tôi vào, trái với ý nguyện của tôi. Tôi kể say sưa quên cả người nghe, nhưng không được lâu; bọn đàn bà chưa bao giờ đi tàu liền hỏi tôi:

- Dẫu sao, cũng thấy sợ chứ?

Tôi không hiểu họ sợ cái gì.

- Lỡ sa chân vào chỗ sâu và chìm mất thì chết.

Cậu chủ cười phá lên. Còn tôi thì tuy biết rằng tàu thuỷ không chìm ở chỗ nước sâu nhưng không thể nào nói cho bọn đàn bà tin được. Bà già tin chắc là tàu thuỷ không nổi trên mặt nước mà đi bằng bánh xe trên đáy sông như chiếc xe ngựa đi trên mặt đất vậy.

- Nếu nó bằng sắt thì làm sao mà nổi được? Đấy, cái bùa có nổi đâu...

- Thế cái gầu có chìm trong nước không?

- Cũng đòi so với sánh! Cái gầu vừa nhỏ lại vừa rỗng...

Khi tôi kể đến chuyện bác Xmurưi và những quyển sách của bác, họ nhìn tôi với vẻ nghi ngờ. Bà già nói rằng sách là do bọn ngu ngốc và lũ vô đạo viết ra.

- Thế còn Thánh thi? Còn vua David thì sao?

- Thánh thi là quyển sách thiêng liêng. Và chính vua David còn phải xin Chúa tha tội vì viết quyển Thánh thi đấy.

- Ở đâu nói như vậy?

- Ở lòng bàn tay của tao chứ đâu. Tao mà túm lấy gáy mày, thì mày khắc biết ở đâu!

Chuyện gì bà già cũng biết. Bà già nói về mọi việc với vẻ tin chắc và luôn luôn bằng một giọng thô lỗ.

- Ở Petsorca có một lão Tacta vừa chết. Hồn của lão chảy từ cuống họng ra, đen như hắc ín!

- Hồn lão là thần đấy, - tôi nói như vậy, nhưng bà khinh bỉ quát lên:

- Cả hồn của lão Tacta ấy à? Đồ ngốc!

Mợ chủ cũng sợ sách vở.

- Đọc sách vào là hại lắm, nhất là khi còn trẻ tuổi, - mợ nói. - Ở quê tôi tại Grebisca có một cô gái con nhà tử tế cứ miệt mài đọc sách mãi, thế rồi phải lòng ngay thầy phụ lễ. Vợ thầy ta làm cho cô này đến nhục nhã điêu đứng. Thật là khủng khiếp! Ngay giữa phố trước mặt mọi người...

Đôi khi tôi dùng những chữ lấy trong sách của bác Xmurưi. Trong một quyển có một câu không đầu không đuôi như sau: "Nói đúng ra, thì không có ai sáng chế ra thuốc súng cả. Như thường lệ, nó xuất hiện ra sau một thời gian tìm tòi, khám phá lâu dài".

Không hiểu tại sao tôi lại nhớ kĩ câu ấy đến thế, tôi thích nhất ba chữ "nói đúng ra" và cảm thấy chúng có một hiệu lực

lớn. Nhưng chúng cũng mang lại cho tôi nhiều điều buồn phiền đến tức cười. Có những chuyện như vậy đấy.

Một hôm, khi nhà chủ đề nghị tôi kể chuyện thêm về tàu thuỷ, tôi trả lời:

- Nói đúng ra thì cháu cũng chẳng còn gì để kể nữa...

Câu ấy làm cho tất cả mọi người kinh ngạc, họ kêu lên nhốn nháo:

- Sao? Mày nói sao?

Và cả bốn người cùng đồng thanh cười rống lên, nhại lại:

- Nói đúng ra, ôi, cha mẹ ơi!...

Cho đến cả cậu chủ cũng bảo tôi:

- Thằng quỷ quái này mày bịa ra những chữ thật là dở!

Từ đó mãi về sau họ cứ thường gọi tôi:

- Này, nói đúng ra ơi! Đi chùi sàn cho thằng bé đi, nói đúng ra...

Sự giễu cợt vô nghĩa lí đó không làm cho tôi bực tức, nhưng làm cho tôi rất ngạc nhiên.

Tôi sống trong một đám mây mù của sự buồn tẻ làm cho người như ngây độn ra. Để khỏi buồn, tôi cố gắng làm việc thật nhiều. Công việc cũng chẳng thiếu đâu; trong nhà có hai đứa bé, các vú nuôi không hợp ý nhà chủ nên luôn luôn phải thay đổi. Tôi phải trông coi bọn nhỏ, hàng ngày giặt tã lót và hàng tuần đi giũ quần áo ở suối "Sen đầm". Bọn đàn bà thợ giặt ở đấy thường chế nhạo tôi:

- Sao mày lại đi làm công việc của đàn bà thế kia?

Đôi khi họ làm tôi tức quá, tôi cầm cả bó quần áo ướt mới vắt đập vào người họ; họ cũng trả miếng tôi như vậy. Nhưng có họ bên cạnh cũng thấy vui vui thú vị.

Suối "Sen đầm" chảy dưới đáy vực sâu và đổ vào sông Oca. Khe vực ngăn cách thành phố với một cánh đồng mang tên của

một vị thần cổ đại là Iarilo.[1] Vào ngày hội Xemic,[2] đám tiểu thị dân của thành phố thường tổ chức những cuộc dạo chơi trên cánh đồng đó. Bà ngoại tôi có nói với tôi rằng hồi bà còn trẻ, nhân dân ở đây còn tin vào thần Iarilo và thường dâng lễ vật cho thần; họ lấy một cái bánh xe và lấy dây bôi nhựa quấn chặt lại rồi thả cho lăn xuống sườn dốc, Họ la hét, ca hát và theo dõi xem bánh xe lửa đó có lăn được tới sông Oca không. Nếu lăn tới được, tức là thần Iarilo đã nhận tế vật đó, và mùa hè năm ấy nhất định sẽ mưa thuận gió hoà.

Bọn thợ giặt phần đông là người vùng Iarilo. Họ đều nhanh nhẩu, lắm mồm lắm miệng. Họ biết hết mọi chuyện trong thành phố. Những câu chuyện họ kể về nhà chủ của họ là những thương gia, viên chức, sĩ quan nghe rất thú vị. Mùa đông giặt quần áo trong nước suối giá như băng thật không khác gì công việc khổ sai. Tay bà nào cũng bị cóng buốt đến nỗi da nứt nẻ hết ra. Dưới tấm mái che ọp ẹp có nhiều khe hở không thể nào chắn được tuyết và gió, họ khom lưng giặt giũ quần áo trên dòng suối đã được đóng khung trong những khúc gỗ. Giá buốt cắn xé nát mặt họ khiến cho máu đổ dồn lên cả mặt, những ngón tay ướt cứng đờ không co lại được, nước mắt ứa ra, nhưng bọn họ vẫn tán chuyện không ngớt và kể cho nhau nghe đủ thứ chuyện linh tinh; đối với mọi người, mọi sự việc, họ đều có một cách nhận xét đặc biệt táo bạo.

Trong đám thợ giặt có chị Natalia Cozlovxcaia kể chuyện hay nhất. Chị trạc ngoài ba mươi tuổi, người tươi tắn, mạnh khoẻ, mắt luôn nhìn với vẻ giễu cợt. Những câu nói của chị rất linh hoạt và sắc sảo. Các bạn của chị đều vì nể chị. Họ thường hỏi ý kiến chị vì chị khéo léo trong công việc, vì chị ăn mặc đứng đắn và vì chị đã cho con gái mình theo học ở trường trung học. Khi

[1] Thần mặt trời của người Xlav ngày xưa.

[2] Ngày hội đón xuân của tôn giáo.

thấy chị khom lưng dưới hai thúng nặng quần áo ướt đi xuống dốc trên con đường trơn nhỏ, họ đều chào chị một cách vui vẻ và săn sóc hỏi han:

- Cháu gái ra sao rồi?

- Cám ơn bác, không đến nỗi tồi. Ơn Chúa, cháu nó vẫn đi học.

- Trông chừng cô ấy rồi sẽ thành bà quý phái đấy!

- Tôi cho cháu đi học cũng vì thế. Bọn quý phái, cái bọn được nâng niu, chiều chuộng ấy ở đâu mà ra? Tất cả bọn họ đều từ chúng ta, từ đám dân đen mà ra cả chứ còn từ đâu nữa? Học được nhiều bao nhiêu, tay càng dài ra bấy nhiêu. Mà kẻ nào đã thu nhặt được nhiều thì kẻ ấy muốn làm vương làm tướng gì cũng được... Chúa đày chúng ta xuống dưới trần làm những đứa trẻ ngu dại, nhưng đôi khi trở về, chúng ta phải là những người già thông minh hiểu biết. Có nghĩa là phải học mới được!

Khi chị nói, mọi người đều lặng yên chăm chú nghe những câu chuyện mạch lạc, đúng đắn kia. Trước mặt chị cũng như sau lưng chị, họ đều ngợi khen và ngạc nhiên về sức bền bỉ và trí thông minh của chị, nhưng không có người nào bắt chước chị cả. Chị khâu thêm vào chiếc áo khoác của mình những ống tay áo làm bằng da màu hung lấy ở ống giày ủng ra, nhờ đó mà tay chị khỏi bị để trần đến khuỷu và không bị ướt áo. Mọi người đều ca ngợi sáng kiến của chị nhưng không ai làm theo cả. Khi tôi cũng làm như vậy họ giễu cợt tôi.

- Ô, mày lại phải học trí khôn của đàn bà sao!

Về con gái của chị, người ta nói:

- Có hay hớm gì đâu! Ừ thì thêm lên một bà quý phái nữa đấy, nhưng cuộc sống có dễ dàng được hơn chăng? Mà đã chắc đâu nó học được đến nơi đến chốn, khéo lại chết giữa chừng...

- Ngay đến những người có học cũng sống chẳng ra gì: đấy con gái nhà Bakhilov, học chết học sống, sau cùng đi dạy học. Mà đã là cô giáo thì rồi đến làm "bà cô" suốt đời thôi...

- Còn phải nói gì nữa! Chọn vợ có thể chọn người không có học thức, để còn sai bảo được nữa chứ...

- Trí óc đàn bà con gái có ra gì...

Thật là lạ lùng và khó hiểu khi nghe thấy chính họ nói về bản thân họ với một vẻ trắng trợn như vậy. Tôi đã từng biết những người thuỷ thủ, binh lính, thợ đấu nói về đàn bà như thế nào, tôi đã từng nghe những người đàn ông luôn luôn khoe khoang trước mặt nhau sự khéo léo của mình trong việc lừa dối những người đàn bà, sự dẻo dai của mình trong khi tiếp xúc với phụ nữ như thế nào, tôi cảm thấy rằng họ có một quan niệm thù ghét đối với đàn bà, nhưng hình như trong hầu hết những câu chuyện của đám đàn ông về những thắng lợi của họ, thì ngoài sự khoe khoang ra còn có một cái gì khiến tôi thấy những câu chuyện đó có nhiều lời khoe mẽ và bịa đặt hơn là sự thật.

Những người đàn bà thợ giặt không kể cho nhau nghe về những cuộc tình duyên của mình, nhưng trong tất cả những điều mà họ nói về đàn ông, tôi đều thấy có mang một vẻ giễu cợt, độc ác. Tôi nghĩ rằng câu: "Đàn bà là sức mạnh" có lẽ đúng thật!

- Dù có đi đến đâu, có quen với ai rồi cũng phải tìm đến đàn bà, không sao thoát khỏi đâu, - một hôm chị Natalia nói như vậy. Một bà già thốt lên phụ hoạ với chị bằng giọng người bị cúm:

- Còn đi đâu nữa! Cả tu sĩ lẫn ẩn sĩ cũng bỏ Chúa để mò đến với chúng ta nữa là...

Những câu chuyện bên tiếng nước róc rách khóc than, bên tiếng giẻ ướt vỗ bì bạch trong khe bẩn, dưới một đáy vực mà cả những bông tuyết mùa đông trong sạch cũng không thể phủ kín được; những câu chuyện trao đổi một cách trắng trợn ấy về điều bí mật sinh ra mọi bộ lạc, mọi dân tộc đã gây nên trong lòng tôi một sự ghê tởm kinh sợ, xua đẩy ý nghĩ và cảm giác của tôi lánh xa những "thiên tình sử" chỗ nào cũng đầy dẫy đến phát

ngấy. Đối với tôi khái niệm về "thiên tình sử" đã trở thành khái niệm về những chuyện bẩn thỉu và ghê tởm.

Nhưng dầu sao giữa đám thợ giặt phụ nữ ở dưới vực, bên bọn lính cần vụ trong các nhà bếp, hoặc bên những người thợ đấu trong các tầng hầm, tôi vẫn thấy thích thú hơn ở nhà nhiều. Những câu nói, những ý nghĩ, những sự việc đều đều tẻ ngắt ở nhà, khiến cho lòng tôi thấy nặng nề và buồn chán khủng khiếp. Nhà chủ sống trong một thế giới chật hẹp toàn những chuyện ăn uống bệnh tật, ngủ ngáy, những sự chuẩn bị lăng xăng suốt ngày cho ăn và ngủ. Họ nói chuyện về tội lỗi, về cái chết và rất sợ phải chết. Họ chen chúc nhau như những hạt gạo quanh cối xay, luôn luôn chờ đợi giây phút bị nghiến nát.

Vào những giờ rỗi rãi, tôi vào nhà kho chẻ củi, mong được yên tĩnh một mình ở đấy; nhưng ít khi tôi đạt được ý nguyện, những người lính cần vụ thường vào và kể những chuyện về đời sống của khu nhà.

Những người hay vào nhà kho với tôi nhất là Ecmokhin và Xidorov. Ecmokhin quê ở Caluga, người gân guốc, cao lêu khêu, lưng gù gù, đầu bé, mắt lờ đờ. Hắn lười biếng và ngốc không chịu được, đi đứng thì chậm chạm vụng về. Nhưng khi trông thấy đàn bà thì hắn ta rống lên và vươn người ra phía trước, tựa hồ muốn nằm phục xuống dưới chân họ. Mọi người trong khu nhà đều ngạc nhiên vì thấy hắn chinh phục được bọn mụ bếp, con sen một cách nhanh chóng. Họ ghen tị với hắn và đều sợ sức khoẻ như gấu của hắn. Xidorov quê vùng Tula, người gầy gò xương xẩu, lúc nào cũng có vẻ ủ ê. Anh nói năng nhỏ nhẻ, ho hắng thận trọng, đôi mắt anh thường có vẻ sợ sệt. Anh ưa nhìn vào những góc tối. Khi thầm thì kể một câu chuyện gì đấy hoặc khi ngồi lặng yên, anh đều luôn luôn nhìn vào xó tối nhất.

- Anh nhìn cái gì thế?

- Có lẽ một con chuột sắp chạy ra... Tao thích chuột lắm. Chúng bò mới nhẹ nhàng làm sao...

Tôi viết thư gửi về gia đình hộ cho những người cần vụ, viết những mảnh giấy hò hẹn để gửi cho tình nhân của họ. Việc đó làm tôi thích thú, nhưng tôi thích viết thư cho anh Xidorov hơn viết cho những người khác. Thứ bảy nào anh cũng gửi thư cho em gái ở Tula một cách chu đáo.

Anh mời tôi vào bếp rồi ngồi bên cạnh tôi. Tay xoa mãi chiếc đầu húi ngắn, anh thầm thì vào tai tôi:

- Nào, viết đi! Đầu tiên hãy viết: "Em gái mến yêu nhất của anh, chào em!" như thường lệ. Bây giờ viết: "Anh đã nhận được một rúp rồi. Cảm ơn em nhé, có điều là không cần gửi làm gì. Anh chẳng cần gì cả đâu. Các anh sống rất dễ chịu", - bọn tao sống chẳng dễ chịu tí nào đâu, mà chỉ như những con chó ấy, nhưng mày đừng có viết điều đó vào, mà chỉ viết là: dễ chịu. Nó đang còn bé, mới mười bốn tuổi đầu, để nó biết làm gì? Bây giờ thì mày tự viết lấy như người ta đã dạy mày...

Anh ép sườn trái sát vào tôi, hơi thở nóng phì phào vào tai tôi, anh thầm thì nhấn mạnh:

- Bảo nó đừng để cho bọn con trai ôm và sờ vào ngực. Mày viết đi: "Nếu có kẻ nào nói dịu dàng với em, em đừng có tin nó. Đó là nó muốn lừa dối em. muốn làm em khổ..."

Vì cố giữ cho khỏi ho nên khuôn mặt đen sạm của anh đỏ tía lên: anh phồng má, nước mắt ứa ra: anh cựa quậy trên ghế và thúc vào tôi.

- Anh làm vướng tay quá!

- Không sao, viết đi! "... Nhất là bọn nhà chủ thì em đừng có tin chúng. Gặp dịp là chúng sẽ lừa dối em ngay. Chúng biết cách nói hứa hẹn đủ mọi chuyện, nhưng nếu em tin lời bọn chủ là em sẽ rơi ngay vào nhà thổ đấy thôi. Nếu có để dành được rúp nào thì cứ giao cho giáo trưởng; nếu là người tốt thì ông ta sẽ giữ cho. Nhưng tốt hơn hết là em cứ chôn nó xuống đất, đừng để cho ai thấy và phải nhớ chỗ đã chôn..."

Nghe những tiếng thì thầm lẫn trong tiếng cót két của cái quạt máy bằng sắt tây trên tấm cửa thông hơi thật là buồn. Tôi đảo mắt nhìn chiếc cửa lò bị ám khói, chiếc tủ đựng bát đĩa đầy cứt ruồi. Căn bếp vô cùng bẩn thỉu đầy những rệp, sặc mùi mỡ cháy, mùi dầu hoả và khói. Những con gián bò sột soạt trong mớ đóm trên lò. Tâm hồn tôi tràn ngập sự buồn chán, tôi thấy thương anh lính và cô em của anh ta đến suýt phát khóc lên được. Lẽ nào có thể sống như vậy được? Lẽ nào sống như vậy tốt chăng?

Tôi viết lia lịa, không để ý nghe lời thầm thì của anh Xidorov nữa. Tôi viết rằng cuộc sống thật là buồn chán và đầy tủi nhục, còn anh thì thở dài bảo tôi:

- Chú viết dài thế, cảm ơn chú nhé. Bây giờ ít ra thì nó sẽ biết là phải sợ những gì...

- Chẳng có gì phải sợ cả, - tôi bực tức nói, tuy trong thâm tâm chính của tôi vẫn sợ rất nhiều thứ.

Anh lính ho húng hắng và cười:

- Thằng bé này lạ thật! Sao lại không sợ? Thế còn bọn chủ, còn Chúa? Và còn bao nhiêu là điều đáng sợ khác!

Khi nhận được thư của em gái, anh lo lắng cầu khẩn tôi:

- Đọc đi, chú mày, đọc nhanh lên...

Và anh bắt tôi đọc đi đọc lại hàng ba bốn lần bức thư nguệch ngoạc, ngắn ngủi và vô vị khiến tôi rất bực mình.

Tính tình anh hiền hậu, dịu dàng, nhưng đối với phụ nữ anh cũng có thái độ giống như mọi người: đơn giản và thô bỉ một cách chó má. Trong khi vô tình hay chủ tâm quan sát những quan hệ mà chúng thường phát triển một cách nhanh chóng lạ lùng và đáng tởm trước mặt tôi từ đấu chí cuối đó, tôi thấy anh Xidorov thoạt đầu thường làm cho đàn bà động lòng trắc ẩn vì những lời than vãn về cuộc đời lính của mình, quyến rũ họ bằng sự lừa dối dịu dàng và sau khi mọi việc đã xong xuôi, anh lại nhăn mặt kể

những chiến công của mình cho Ecmokhin nghe, miệng nhổ nước bọt với một vẻ ghê tởm, tựa hồ như anh vừa uống xong một liều thuốc đắng. Điều đó làm cho tim tôi như thắt lại, tôi vội hỏi anh lính rằng tại sao tất cả bọn họ lại hay lừa bịp, nói dối phụ nữ, rồi sau đó lại chế giễu họ, chuyển họ từ người này sang người khác, tại sao họ lại hay đánh phụ nữ như vậy?

Anh chỉ cười nhạt và nói:

- Mày chưa nên biết chuyện ấy làm gì. Đó là những chuyện xấu, những tội cả đấy! Mày còn ít tuổi, những chuyện đó đối với mày đang còn sớm...

Nhưng có một lần tôi đã đạt được một câu trả lời rõ ràng hơn mà tôi còn nhớ mãi:

- Mày tưởng bọn đàn bà không biết tao lừa dối họ hay sao? - anh nói vừa nháy mắt, vừa ho. - Họ biết quá đi chứ! Chính họ cũng muốn để cho người khác lừa dối mình. Trong việc này mọi người đều lừa dối nhau tuốt. Đó là một việc mà ai cũng thấy hổ thẹn. Có người nào yêu người nào đâu, chẳng qua chỉ là trò đùa đấy thôi. Thật quả là một điều vô cùng đáng xấu hổ! Đấy, cứ chờ ít lâu rồi mày sẽ biết. Chỉ cần trời tối là được. Còn ban ngày thì tìm chỗ nào tối tối hay vào trong nhà kho ấy, thế đấy! Cũng vì thế mà Chúa đã đuổi loài người ra khỏi thiên đường, vì thế mà ai cũng đều phải khổ sở...

Anh nói thật hay, giọng anh có vẻ ăn năn buồn bã khiến cho tôi cũng bớt khắc nghiệt với những thiên tình sử của anh. Tôi thích chơi với anh hơn là Ecmokhin. Gã này, tôi rất ghét và luôn tìm mọi cách để chế nhạo, làm cho hắn phát khùng. Tôi thường đạt được mục đích đó và hắn phải chạy đuổi tôi khắp sân với những ý đồ không có gì tốt lành cho tôi cả. Chỉ vì vụng về mà ít khi hắn có dịp thực hiện được ác ý đó.

- Chuyện ấy cấm đấy! - anh Xidorov thường bảo tôi như vậy.

Tôi hiểu đó là chuyện cấm, nhưng nói rằng vì thế mà ai cũng

đều khổ sở thì tôi không tin. Tôi đã từng trông thấy nhiều người khổ sở nhưng không tin, vì tôi vẫn thường quan sát thấy những nét biểu lộ khác thường trên đôi mắt của những người yêu nhau, và cảm thấy sự hiền hậu đặc biệt của những cặp tình nhân. Thật là dễ chịu khi trông thấy niềm vui sướng của tình yêu đó.

Nhưng dầu sao tôi cũng còn nhớ rằng cuộc sống đối với tôi mỗi ngày một buồn tẻ hơn, gay gắt hơn, nó vĩnh viễn bị ấn định một cách chặt chẽ trong các hình thức và các mối quan hệ mà tôi đã trông thấy ngày này qua ngày khác. Khó mà nghĩ ra được những khả năng gì có thể tốt hơn là những điều vẫn thường có, những điều vẫn hiện ra trước mắt mình hàng ngày không sao xoá bỏ được.

Một hôm, những người lính kể cho tôi nghe một câu chuyện làm cho tôi vô cùng xúc động.

Trong một căn nhà, có một anh thợ chuyên cắt quần áo cho một hiệu may nổi tiếng của thành phố. Anh ta không phải người Nga, tính nết hiền lành, khiêm tốn. Anh có một người vợ nhỏ bé, không có con, ngày đêm chỉ đọc sách. Hai vợ chồng sống một cách kín đáo và thầm lặng, giữa một khu huyên náo, bên những căn nhà đầy ních những người say rượu, Họ không tiếp khách, cũng chẳng đi đâu, chỉ đi xem hát với nhau trong những ngày hội.

Anh chồng từ sáng đến chiều tối ở nơi làm việc. Còn chị vợ thì giống như một cô thiếu nữ cứ mỗi tuần đến thư viện hai lần vào buổi trưa. Tôi thường thấy chị bước những bước ngắn trên đường, lắc lư như người khập khiễng, sách vở bó dây, trông như một cô nữ sinh giản dị, dễ thương, váy áo mới và sạch sẽ, đôi tay nhỏ nhắn đeo găng. Với bộ mặt chim, cặp mắt đảo nhanh, nom chị đẹp như một pho tượng bằng sứ trên giá gương. Những người lính nói rằng chị thiếu một

chiếc xương sườn bên phải, vì thế nên chị mới lắc lư và đi trông lạ lùng như vậy, nhưng điều đó làm cho tôi thấy chị càng dễ thương và càng khác hẳn những bà vợ sĩ quan của khu nhà. Những người này, mặc dầu giọng nói vang vang, váy áo sặc sỡ, dáng điệu cao kì, nhưng vẫn có vẻ cũ kĩ, tựa hồ như họ đã bị bỏ quên rất lâu trong nhà kho, giữa đống đồ đạc không cần thiết.

Mọi người trong khu nhà này đều cho chị vợ anh thợ cắt nhỏ bé đó là người dở ngây dở dại. Họ nói rằng chị bị mất trí vì ham đọc sách quá, và không thể làm công việc nội trợ; chồng chị phải đích thân đi chợ mua thức ăn và đặt các món ăn trưa, ăn chiều cho mụ bếp, một mụ đàn bà to béo, cau có, không phải người Nga, một mắt đỏ ngầu và luôn lèm nhèm, còn mắt kia chỉ là một khe nhỏ màu hồng. Còn chính bà chủ thì người ta đồn rằng không thể phân biệt được thịt lợn thăn với thịt bê và đã có lần, thật đến nhục, mua lầm rau mùi tây ra củ cải ngựa! Các người nghĩ xem, thật là một điều kinh khủng đến nhường nào!

Cả ba đều như người xa lạ ở trong khu nhà, hình như họ tình cờ lạc vào chung một ngăn trong chiếc chuồng gà lớn này. Họ giống như con chim sẻ ngô vì tránh băng giá mà bay qua cửa thông hơi vào khu nhà ngột ngạt và bẩn thỉu của loài người.

Bỗng một hôm những người cần vụ kể cho tôi biết bọn sĩ quan đang bầy ra một trò chơi ác với chị vợ bé nhỏ của anh thợ cắt. Hầu như ngày nào họ cũng thay phiên nhau, lúc người này, khi người khác, gửi thư cho chị bầy tỏ tình yêu, những đau khổ của mình và ca ngợi sắc đẹp của chị. Chị viết thư trả lời họ, van xin họ để cho chị được yên tĩnh và tiếc rằng mình đã là nguyên nhân gây nên nỗi đau khổ của họ. Chị cầu Chúa mong Người giúp họ có thể quên được chị đi. Khi nhận được bức thư như vậy, đám sĩ quan liền đem ra đọc chung rồi cười nhạo người đàn bà và lại viết ngay một lá thư tình khác kí tên một người nào đó gửi cho chị.

Khi kể cho tôi nghe chuyện đó, những người cần vụ cũng giễu cợt và chửi rủa chị.

- Đồ ngu xuẩn! Nó làm bộ đấy mà! - Ecmokhin nói, giọng trầm trầm, còn anh Xidorov thì phụ hoạ theo, giọng nhỏ nhẹ:

- Đàn bà, ả nào cũng muốn cho người ta lừa dối mình cả. Nó còn lạ gì...

Tôi không tin rằng chị vợ anh thợ cắt biết chuyện mọi người giễu cợt mình như thế nào, nên lập tức quyết định kể cho chị biết điều đó. Chờ khi mụ bếp nhà chị đi xuống hầm rượu, tôi liền chạy lên thang sau nhà người đàn bà bé nhỏ đó, và chuồn vào trong bếp. Ở đó không thấy ai, tôi liền đi vào phòng. Chị đang ngồi bên bàn, một tay cầm một chiếc tách nặng mạ vàng, tay kia cầm một quyển sách đang mở. Chị kinh hãi ép quyển sách vào ngực và kêu lên khe khẽ:

- Ai đấy? Em là ai?

Tôi liền kể cho chị nghe rất nhanh, câu nọ xọ câu kia, đinh ninh là chị sẽ ném quyển sách hay chiếc tách vào người tôi. Chị ngồi trong một chiếc ghế bành to màu tím, mặc một chiếc áo choàng màu xanh da trời có tua dưới gấu, cổ áo và tay áo có viền ren. Mớ tóc màu hạt dẻ buông xoã xuống vai như những làn sóng, Trông chị giống như một nữ thiên thần trước thánh đường. Chị ngả người vào lưng ghế và nhìn tôi bằng cặp mắt tròn xoe. Đầu tiên chị nhìn tôi với vẻ giận dữ, nhưng sau chị có vẻ ngạc nhiên và hơi mỉm cười.

Khi tôi kể hết mọi điều muốn nói rồi, thấy mọi dũng khí của mình đã tiêu tan đâu mất cả, tôi bèn quay về phía cửa, nhưng chị đã gọi tôi:

- Đứng lại đã!

Dằn tách xuống khay, chị quăng sách lên bàn và nắm bàn tay lại rồi thốt lên với giọng nói âm vang của người lớn:

- Em thật là một đứa bé kì dị... Em lại gần đây!

Tôi thận trọng nhích vài bước lại gần. Chị nắm lấy tay tôi, vuốt ve chúng bằng những ngón tay nhỏ nhắn lành mạnh, rồi hỏi:

- Không ai bầy cho em nói những chuyện đó với chị chứ? Thật chứ? Được rồi, được rồi, chị cũng biết vậy. Chị tin rằng em đã tự nghĩ như vậy...

Buông tay tôi ra, chị nhắm mắt lại và chậm rãi nhẹ nhàng nói:

- Bọn lính bẩn thỉu nói như vậy đấy!

- Chị nên dời nhà đi chỗ khác mà ở, - tôi khuyên chị với vẻ đường hoàng.

- Tại sao vậy?

- Họ sẽ làm khổ chị đấy.

Chị cười rất dễ thương, rồi hỏi tôi:

- Trước em có đi học chứ? Em có thích đọc sách không?

- Em chẳng có thì giờ nào mà đọc sách nữa.

- Nếu đã thích thì khắc sẽ tìm được thì giờ. Thôi được, cám ơn em nhé!

Chị đưa tay cho tôi, trong những ngón tay chúm lại đó có một đồng hai mươi copec bằng bạc. Tôi thấy ngượng phải cầm đồng hào lạnh lẽo ấy, nhưng tôi không dám từ chối. Khi ra về, tôi để đồng hào đó lại trên đầu một chiếc cột cầu thang.

Người đàn bà đó đã cho tôi một ấn tượng sâu sắc và mới mẻ. Trước mắt tôi, tựa như tuyền một màu hồng của buổi bình minh. Suốt mấy ngày sau tôi sống trong một niềm vui sướng, mỗi khi hồi tưởng lại căn phòng rộng thênh thang và chị vợ anh thợ cắt mặc chiếc áo xanh màu da trời, giống như một nữ thiên thần trong căn phòng đó. Mọi cảnh vật xung quanh đều đẹp một cách lạ lùng, tấm thảm lộng lẫy óng ánh vàng trải dưới chân chị: ánh sáng ngày đông lọt qua những tấm kính cửa sổ sáng như bạc vào trong phòng, như đến để sưởi ấm bên người chị.

Tôi bỗng muốn được nhìn chị một lần nữa. Cứ thử đến mượn sách của chị xem sao?

Tôi bèn làm như vậy và thấy chị vẫn ngồi ở chỗ cũ cũng với quyển sách trên tay, nhưng một bên má chị băng mùi soa màu vàng và mắt chị sưng vù. Chị đưa cho tôi một quyển sách bìa đen và nói lí nhí những gì không rõ. Tôi buồn rầu mang quyển sách về nhà. Quyển sách sực nức mùi creozot[1] và dầu hỏi. Tôi bọc quyển sách vào trong một chiếc áo sạch, lấy giấy bọc ra ngoài rồi giấu lên gác thượng vì sợ nhà chủ lấy mất hay làm hỏng mất.

Nhà chủ thường xuyên nhận được tờ *Niva* chỉ cốt để lấy các mẫu cắt quần áo và giải thưởng. Họ không đọc, nhưng sau khi xem các trang ảnh trong tạp chí xong, họ lại xếp đống vào tủ trong phòng ngủ. Cuối năm họ đóng bìa lại và giấu xuống dưới gầm giường, chỗ vẫn để ba tập *Bình luận về hội hoạ*[2]. Khi tôi lau sàn trong phòng ngủ, nước bẩn chảy lênh láng phía dưới những quyển sách ấy. Cậu chủ đặt mua tờ báo *Tin nhanh nước Nga*[3] và chiều chiều, mỗi khi đọc báo lại chửi đổng.

- Có quỷ biết tại sao chúng nó lại viết những tin này! Chán quá chừng...

Thứ bảy. trong khi đang phơi quần áo trên gác thượng tôi sực nhớ tới quyển sách bèn lấy nó ra, mở gói và đọc ngay dòng đầu tiên: "Nhà cửa cũng như con người, cái nào cũng có bộ mặt riêng của nó." Câu ấy đúng quá làm tôi sửng sốt cả người. Tôi bèn đứng bên chiếc cửa tò vò đọc tiếp, đọc cho đến khi khắp người bị lạnh cóng mới thôi. Buổi chiều khi nhà chủ đi cầu nguyện ở nhà thờ tôi mang sách xuống bếp và chúi đầu vào những trang sách sờn rách đã úa vàng như những chiếc lá

---

[1] Một thứ nhựa cây dùng làm thuốc.

[2] Một loại tạp chí tính chất như tờ *Niva*.

[3] Một tờ báo lưu hành rộng trong tầng lớp tiểu tư sản.

mùa thu. Chúng đưa tôi tới một cuộc sống mới một cánh dễ dàng, dẫn tôi đến với những tên người mới mẻ, những quan hệ mới mẻ, chỉ cho tôi thấy những nhân vật nhân hậu, những kẻ tàn ác đen tối không giống những con người mà tôi đã chán ngấy. Đó là một quyển tiểu thuyết của Xavie đơ Montepin[1] dài như tất cả những truyện khác của ông, quyển truyện đầy nhân vật và sự kiện, mô tả một cuộc sống mãnh liệt mà trước đây tôi không biết. Tất cả mọi sự việc trong truyện đều giản dị và rõ ràng một cách lạ lùng, tựa như có một nguồn ánh sáng nào đó ẩn giữa các hàng chữ soi sáng điều lành và điều dữ, giúp cho tôi biết yêu biết ghét và bắt tôi phải chăm chú theo dõi số phận những con người chen chúc trong đó. Đột nhiên tôi nẩy ý muốn sôi nổi giúp đỡ người này, cản trở người khác, quên mất rằng tất cả các cuộc sống đang hé mở đột ngột đó chỉ là chuyện bịa đặt thuần tuý trên giấy tờ. Trong những diễn biến của cuộc đấu tranh, tôi quên hết mọi chuyện, tâm hồn lúc thì chan chứa niềm vui trước trang sách này, khi thì tràn ngập buồn rầu trước trang sách khác.

Tôi đọc mải mê đến nỗi, khi nghe tiếng chuông réo ở ngoài cổng chính, tôi chưa hiểu được ngay là ai giật chuông và giật chuông để làm gì.

Ngọn nến hầu như cháy gần hết, Cái chân nến sáng nay tôi vừa mới lau chùi xong bây giờ đã nhoè nhoẹt mỡ. Chiếc đèn thờ mà tôi phải trông nom tụt bấc và tắt ngấm. Tôi chạy ngược chạy xuôi trong bếp, cố giấu mọi vết tích tội lỗi của mình. Tôi nhét quyển sách vào hốc lò sưởi và loay hoay sửa chiếc đèn thờ. Mụ vú ở trong buồng nhảy xổ vào và quát tôi:

- Mày điếc sao? Chuông gọi kìa!

Tôi vội chạy ra mở cửa.

---

[1] *Xavier de Montépin*: một nhà văn Pháp vào thế kỉ XIX. Quyển sách đầu tiên mà chị vợ anh thợ cắt cho Gorki mượn là quyển *Bi kịch của Pari*.

- Ngủ à? - cậu chủ nghiêm khắc hỏi, vợ cậu vừa khệ nệ leo lên thang gác vừa than phiền rằng tôi đã làm cho mợ bị cảm lạnh, bà già cũng chửi mắng làu bàu. Vào tới bếp, bà trông thấy ngay mẩu nến bị đốt và tra hỏi tôi ở nhà làm gì.

Tựa hồ bị rơi từ chín tầng mây xuống, tôi nín thinh, chân tay bủn rủn vì sợ bà già tìm thấy quyển sách, nhưng bà ta chỉ kêu la rằng tôi sẽ đốt nhà mất. Khi cậu chủ và mợ xuống ăn tối, bà ta lại phàn nàn:

- Đấy, chúng mày nhìn xem, nó đốt hết cả nến rồi, cả cái nhà này rồi nó cũng sẽ thiêu nốt...

Bốn người vừa ăn vừa đay nghiến tôi bằng đủ mọi giọng lưỡi của mình. Họ nhắc lại những lỗi lầm vô tình hay hữu ý của tôi và mang cái chết ra để doạ tôi. Nhưng tôi biết rằng họ nói tất cả những điều đó với tôi không phải vì ác tâm, cũng không phải vì lòng thiện, mà chỉ vì buồn chán. Thật là kì lạ khi thấy họ rỗng tuếch, lố bịch làm sao, so với những nhân vật trong truyện.

Ăn uống xong, người nặng nề thêm, họ uể oải đi ngủ mỗi người một nơi. Bà già, sau khi quấy rầy Chúa bằng những lời than phiền của mình, đã leo lên mặt bệ lò và im tiếng. Khi đó tôi mới nhỏm dậy, lôi quyển sách ở trong hốc ra và đi đến bên cửa sổ. Trời đêm trong sáng, ánh trăng chiếu thẳng vào cửa sổ, nhưng chữ nhỏ quá không sao đọc được. Mà lòng tôi thì háo hức muốn đọc sách không thể chịu được. Tôi bèn lấy ở chạn ra một chiếc xanh đồng và thử dùng nó để phản chiếu ánh trăng lên trang sách, nhưng kết quả lại càng tồi hơn, càng tối hơn. Tôi liền trèo lên ghế kê ở góc nhà, chỗ có tượng thánh, và đứng trên ghế đọc, dưới ánh sáng của ngọn đèn thờ. Đến lúc mệt quá, tôi ngồi xuống ghế và ngủ thiếp đi! Tiếng bà già vừa réo vừa đập làm tôi chợt tỉnh. Bà già cầm quyển sách trong tay và cứ thế quật mạnh vào vai tôi. Đi

chân đất, mặc áo ngủ, bà ta thịnh nộ lắc lắc chiếc đầu hung hung, mặt đỏ bừng lên vì giận dữ. Cậu Victor rền rĩ từ phía trên phản.

- Mẹ ơi, đừng có la ầm lên như vậy! Sống làm sao yên được...

"Thế là đi đời quyển sách, họ đến xé nát mất!"- tôi nghĩ thầm trong bụng.

Sau bữa trà sáng, mọi người xét xử tôi. Cậu chủ nghiêm khắc hỏi:

- Mày lấy sách ở đâu ra?

Hai người đàn bà cùng hò hét, người nọ át lời người kia. Cậu Victor ngửi những trang giấy với vẻ nghi ngờ và nói:

- Có mùi nước hoa, thật đấy...

Khi nghe tôi nói quyển sách đó của cha cố, cả bọn xem xét quyển sách lại một lần nữa, vừa ngạc nhiên, vừa bất bình rằng sao cha cố lại đọc tiểu thuyết, nhưng dầu sao câu trả lời đó cũng làm họ dịu xuống. Tuy nhiên cậu chủ vẫn nhắc đi nhắc lại với tôi rằng đọc sách là có hại và nguy hiểm.

- Đấy, cái bọn đọc sách báo ấy đã phá đường sắt, muốn giết...

Mợ chủ quát chồng với một vẻ giận dữ và sợ hãi:

- Anh điên à! Anh nói với nó cái gì vậy!

Tôi mang quyển truyện của Montepin đến chỗ anh Xidorov và kể cho anh nghe đầu đuôi câu chuyện. Anh lính cầm lấy quyển sách, lặng lẽ mở chiếc hòm con của mình, lấy ra một chiếc khăn mặt sạch, bọc cuốn sách lại, rồi cất cả vào hòm. Anh bảo tôi:

- Em đừng nghe lời họ làm gì. Cứ đến nhà anh mà đọc sách, anh không nói cho ai biết đâu! Nếu em đến không thấy anh ở nhà thì cứ lấy chìa khoá treo sau tượng thánh, mở hòm lấy sách ra mà đọc...

Thái độ của nhà chủ đối với sách vở đã đề cao ngay chúng lên trước mắt tôi ngang với những sự bí mật quan trọng và khủng

khiếp. Cái việc mà "những người đọc sách báo" đã phá đường sắt để giết ai đó không làm tôi bận tâm, nhưng tôi lại nhớ đến câu hỏi của vị linh mục trong buổi xưng tội, đến việc đọc sách của người học sinh trung học dưới tầng hầm, đến những lời nói của bác Xmurưi về "những quyển sách đúng đắn", và tôi lại nhớ đến những câu chuyện của ông ngoại tôi kể về những nhà ảo thuật biết sử dụng âm binh:

- "Dưới triều vua Alecxandr Pavlovitr thái bình, có một bọn quý tộc bị bọn phù thuỷ và bọn ảo thuật lôi cuốn đã âm mưu bán rẻ toàn dân Nga cho giáo hoàng La Mã, thật là bọn vô đạo! Tướng Aracseev bắt được quả tang bọn chúng đang mưu đồ, bèn đầy cả bọn đi Xibiri làm khổ sai, không kể gì đến chức tước, cấp bậc. Chúng chết mòn ở đấy như giống bọ xanh"...

Tôi nhớ đến câu "umbracun sặc sỡ những tinh cầu", đến "Gecvaxi" và đến những câu trang trọng đáng buồn cười:

"Bọn phàm tục tò mò muốn biết công việc của chúng ta!

Không bao giờ cặp mắt kém cỏi của các ngươi thấy được!

Tôi cảm thấy như mình đang đứng trước ngưỡng cửa của những bí mật lớn lao nào đó và sống như người mất trí. Tôi muốn đọc hết quyển sách, nhưng lại sợ nó mất ở nhà anh lính hoặc vì sao đó mà anh làm hỏng mất quyển sách. Lúc bấy giờ tôi biết ăn nói với chị vợ anh thợ cắt ra sao?

Còn bà già vừa ráo riết theo dõi tôi không cho tôi chạy đến chỗ anh lính cần vụ, vừa nhiếc móc tôi:

- Con mọt sách! Sách vở chỉ dạy độc những điều phóng đãng. Đấy, con mẹ ấy cũng mê mải với sách vở đến nỗi không thể nào đi chợ được, chỉ luẩn quẩn với bọn sĩ quan, tiếp chúng giữa ban ngày ban mặt, tao còn lạ gì mà không biết!

Tôi muốn quát to lên:

- "Không đúng! Chị ấy không luẩn quẩn..."

Nhưng tôi sợ không dám che dỡ cho chị vợ anh thợ cắt. Lỡ bà già thình lình đoán được quyển sách đó của chị thì sao?

Suốt trong mấy ngày, tôi sống thật là vô cùng khổ sở. Tôi vừa đãng trí, vừa buồn, vừa hốt hoảng; tôi không sao ngủ được vì lo lắng cho số phận của Montepin, cho đến một hôm mụ bếp của chị vợ anh thợ cắt chặn tôi lại ở ngoài sân và bảo:

- Mang sách đến trả nhé!

Tôi chọn lúc ăn trưa xong, khi nhà chủ đã nằm nghỉ, để đến nhà chị vợ anh thợ cắt, vẻ ngượng nghịu chán nản.

Chị tiếp tôi như lần đầu tôi gặp chị, chỉ có ăn mặc thì khác hẳn: váy xám, áo cánh bằng nhung đen, chiếc thánh giá bằng ngọc xanh deo trên chiếc cổ để trần. Trông chị giống như con chim sơn tước mái.

Khi tôi nói với chị rằng tôi không kịp đọc hết quyển sách và người ta cấm tôi không được đọc sách, thì tôi rưng rưng nước mắt vì tôi nửa tủi nửa mừng được trông thấy chị.

- Chà, cái bọn mới ngu xuẩn làm sao! - chị nhíu cặp lông mày thanh tú lại. - Thế mà trông khuôn mặt của cậu chủ em cũng có vẻ sáng sủa đấy chứ. Em đừng buồn, để chị nghĩ xem đã. Chị sẽ viết thư cho chủ em...

Nghe thế tôi sợ quá. Tôi bảo chị rằng tôi đã nói dối nhà chủ là mượn sách của cha cố chứ không phải của chị.

- Không nên dâu, chị đừng viết! - tôi yêu cầu chị. - Họ sẽ chế nhạo chị và sẽ nói chị không ra gì dâu. Ở khu nhà này không có ai thích chị dâu. Ai cũng chế giễu chị, họ nói rằng chị gàn và chị thiếu mất xương sườn...

Nói một mạch xong điều đó tôi hiểu ngay rằng mình đã nói những điều vô ích và đáng bực mình đối với chị. Chị cắn môi trên và vỗ tay vào hai bên hông tựa như người cưỡi ngựa. Tôi ngượng nghịu cúi đầu, muốn chui xuống đất cho rảnh nhưng chị đã ngả người trên ghế, cười khanh khách và nhắc đi nhắc lại:

- Ôi, ngu xuẩn... ôi là ngu xuẩn! Nhưng biết làm thế nào? -

chị tự hỏi thế và chăm chú ngắm nghía tôi, sau đó chị thở dài và nói: - Em là một đứa bé kì dị, rất...

Tôi liếc nhìn vào tấm gương để cạnh chị và thấy một khuôn mặt có cái mũi tẹt, hai gò má cao, một vết tím bầm to trên trán, và mớ tóc từ lâu chưa cắt dựng tua tủa từng đám; đấy phải chăng là "một đứa bé rất kì dị"?... Đứa bé kì dị đó chẳng giống cái hình dáng thanh tú như đồ sứ kia chút nào...

- Hôm trước em không lấy đồng tiền chị cho à? Tại sao vậy?

- Em không cần.

Chị thở dài.

- Biết làm thế nào được! Nếu người ta cho phép em đọc sách thì cứ đến, chị sẽ cho em mượn sách...

Trên giá gương có đặt ba quyển sách, quyển tôi mang đến là quyển dày nhất. Tôi buồn rầu nhìn nó. Chị chìa bàn tay xinh xinh màu hồng ra cho tôi.

- Thôi, chào em nhé!

Tôi thận trọng chạm vào tay chị và đi rất nhanh khỏi phòng.

Người ta bảo chị chẳng hiểu gì hết, có lẽ cũng đúng. Đấy, đồng hai mươi copec thì gọi là đồng tiền, cứ như là một đứa trẻ con vậy.

Nhưng điều đó khiến tôi càng mến chị...

IX

Thật là buồn vui lẫn lộn mỗi khi nhớ lại lòng say mê đọc sách bùng cháy của tôi đã mang lại cho tôi biết bao nhiêu điều quỵ luỵ, bực bội và lo âu nghiệt ngã!

Thấy sách của chị vợ anh thợ cắt đắt tiền quá, và sợ bà chủ

già sẽ thiêu chúng vào lò mất, nên tôi cố gắng không nghĩ đến chúng nữa. Tôi bắt đầu đi mượn loại sách nhỏ đủ các màu sắc khác nhau ở quầy hàng nhỏ, nơi sáng nào tôi cũng tới mua bánh mì về uống trà sáng.

Chủ là một gã thanh niên rất đáng ghét lúc nào cũng nhễ nhại mồ hôi, mặt nhăn nheo trắng bệch, đầy những đốm và sẹo tràng nhạc, môi dầy, mắt trắng dã và nhỏ, những ngón tay thì thật là vụng về trên hai bàn tay to mập. Buổi tối, quầy hàng của gã là nơi tụ tập của đám con trai mới lớn lên và lũ con gái nhẹ dạ hàng phố. Hầu như chiều nào người em cậu chủ tôi cũng đến quầy để uống bia và đánh bài. Tôi thường phải đi gọi cậu về ăn bữa tối, và thường trông thấy người vợ hồng hào, đần độn của gã chủ ấy ngồi trên đùi cậu Victorusca hay trên đùi một thanh niên khác, trong căn phòng nhỏ hẹp phía sau quầy hàng. Điều đó có lẽ không làm cho gã chủ khó chịu. Cả khi bọn ca sĩ, bọn lính tráng và những bọn cùng một giuộc ôm chặt lấy đứa em gái của gã vẫn giúp gã bán hàng trong quầy, gã cũng chẳng bực bội tí nào. Háng hoá ở quầy không nhiều lắm, gã giải thích rằng mình mới mở cửa hàng nên chưa kịp sửa sang tu bổ, mặc dầu quầy hàng đã mở từ dạo mùa thu. Gã đưa cho khách đến chơi và khách mua hàng xem những bức tranh khoả thân, cho người ta chép lại những bài thơ tục tĩu, nếu ai muốn.

Tôi đọc những quyển sách vô vị của Misa Evxtigneev, mỗi quyển phải trả một copec. Tiền thuê thì đắt mà sách thì chẳng làm cho tôi hài lòng chút nào. Những quyển: *Guac hay là lòng chung thuỷ vô song, Fraxưn Venexian, Cuộc chiến đấu giữa người Nga và người Cabarda,*[1] *hay là Người nữ tín đồ Hồi giáo tuyệt mĩ đã chết trên quan tài chồng*[2] và tất cả những sách loại

[1] Một dân tộc ở bắc Caxicaj, hiện nay nằm trong liên bang Nga.

[2] Những quyển sách nêu trên là những loại sách phóng tác dựa theo những chuyện hiệp sĩ thời cổ.

tương tự như vậy không thoả mãn được tôi, chúng thường làm cho tôi cáu giận: tựa hồ như chúng giễu cợt tôi như đối với một thằng ngốc, bằng cách kể cho tôi nghe những chuyện phi lí với những câu văn hiểm hóc.

Tôi thích những quyển *Những người xạ thủ, Iuri Miloxlavxki, Người thầy tu bí mật*[1], *Iapantsa, Người kị sĩ Tacta* và những quyển cùng loại hơn. Sau khi đọc xong, những quyển ấy còn như giữ lại được chút gì trong trí óc. Nhưng tôi thích hơn cả là loại sách sự tích các thánh. Trong những sự tích đó có một vẻ nghiêm chỉnh đáng tin và đôi lúc khiến tôi vô cùng xúc động. Những thánh tử vì đạo, tôi thấy họ đều hao hao giống bác Tốt Lắm, những thánh nữ thì tựa như bà ngoại tôi, còn những tu sĩ thì giống ông ngoại tôi vào những giờ mà ông vui vẻ, dễ dãi.

Tôi đọc sách trên gác thượng hoặc khi chẻ củi trong nhà kho, chỗ nào cũng đều bất tiện và lạnh lẽo. Thỉnh thoảng, gặp quyển sách hay hoặc phải đọc cho chóng xong, tôi thức dậy lúc nửa đêm và đốt nến lên. Nhưng bà chủ già để ý thấy nến chóng hết quá nên đã dùng một que đóm để đo chúng và giấu cái thước ấy vào một chỗ. Nếu sáng hôm sau, cây nến thiếu đi một mấu.[2] hoặc nếu tôi tìm thấy que đóm mà không bẻ gẫy nó đi một đoạn bằng đoạn nến đã cháy, thì trong bếp lại ầm ĩ huyên náo lên. Một hôm cậu Victorusca nằm trên phản phát bực đã tuyên bố:

- Đừng có bù lu bù loa mãi lên như thế, mẹ ơi! Không tài nào sống được! Tất nhiên là nó đã thắp nến vì nó đọc sách mượn của thằng chủ quầy hàng, con còn lạ gì nữa. Mẹ cứ xem trên gác thượng của nó ấy...

Bà già vội trèo lên gác, tìm được một quyển không biết là quyển gì và xé nát nó ra.

---

[1] *Những người xạ thủ, Iuri Miloxlavxki* và *Người thầy tu bí mật* cũng là những truyện phóng tác dựa theo các tiểu thuyết lịch sử của Maxnoxki, Zagoxki và Zotov.

[2] Nguyên văn: một versoc (đơn vị đo lường cũ của nước Nga bằng 4,4 cm).

Lẽ dĩ nhiên việc đó làm tôi rất buồn phiền, nhưng lòng ham muốn đọc sách vẫn càng ngày càng mạnh. Tôi hiểu rằng nếu có một vị thánh nào đến nhà này thì các chủ nhân của tôi cũng sẽ dạy vị đó, cải tạo vị đó theo lối sống của họ, họ sẽ làm điều ấy vì buồn chán. Nếu họ không được buộc tội mọi người, không được la lối, chế giễu những người khác thì họ sẽ quên dần mất tiếng nói, sẽ trở thành những kẻ câm và sẽ không biết đến chính bản thân mình nữa. Con người muốn cảm thấy sự tồn tại của mình, cần phải có một thái độ nhìn nhận nào đó đối với những người xung quanh. Các chủ nhân của tôi không có thái độ nào hơn đối với những người thân cận là thái độ lên mặt dạy đời, thái độ chỉ trích. Và nếu có người nào cũng bắt đầu sống theo như họ, cũng suy nghĩ, cũng cảm giác như họ, thì rồi họ vẫn chỉ trích người ấy như thường. Bản chất của họ là như vậy.

Tôi lập đủ mưu mẹo để đọc sách. Bà già xé sách của tôi mất mấy lần. Và bỗng nhiên tôi nợ gã chủ quầy hàng một món tiền kếch xù là bốn mươi bảy copec. Gã đòi tiền và doạ rằng khi tôi đến quầy mua hàng, gã sẽ lấy tiền của nhà chủ để trừ vào món nợ của tôi.

- Lúc đó mày sẽ thế nào? - gã vừa giễu cợt tôi vừa hỏi như vậy.

Tôi ghét gã vô ngần. Có lẽ gã cũng cảm thấy điều đó và dùng đủ mọi lời doạ dẫm để hành hạ tôi với một sự khoái trá đặc biệt. Khi tôi vào quầy hàng, khuôn mặt lốm đốm của gã phình to ra, và gã ngọt ngào hỏi tôi:

- Chú mang tiền nợ đến đấy chứ?

- Không.

Câu trả lời đó làm gã khá hoảng, gã cau mặt và nhíu lông mày lại.

- Thế nào? Không lẽ tao lại đưa mày ra toà à? Để cho người ta tống vào trại nhé?

Tôi không biết lấy tiền ở đâu ra bây giờ. Tiền công của tôi người ta đã trả cho ông ngoại tôi rồi. Tôi bối rối không biết nên xử trí thế nào đây? Mà gã chủ quầy hàng thì trả lời đề nghị khất nợ của tôi bằng cách giơ bàn tay to mập đầy dầu mỡ như chiếc bánh bọc bột rán ra cho tôi và nói:

- Mày hôn đi, tao sẽ cho khất.

Nhưng khi tôi túm lấy quả cân trên quầy hàng, vung lên định đánh gã thì gã ngồi thụp xuống quát:

- Ấy, mày làm gì thế, mày làm gì thế, tao nói đùa đấy mà!

Hiểu rằng gã không nói đùa, tôi bèn quyết định ăn cắp tiền để trả nợ cho xong. Sáng sáng, khi tôi chải quần áo cho cậu chủ, tiền trong túi quần của cậu thường kêu xủng xoảng, đôi khi chúng văng ra ngoài túi và lăn trên sàn. Một hôm có đồng rơi xuống khe trong chỗ chứa củi dưới cầu thang. Tôi quên nói với cậu và mãi mấy hôm sau mới chợt nhớ đến khi thấy đồng hai mươi copec nằm trong đống củi. Lúc tôi trao tiền cho cậu, vợ cậu bảo cậu:

- Đấy anh thấy chưa? Tiền nong khi bỏ vào túi phải đếm chứ!

Nhưng cậu cười với tôi và bảo mợ:

- Anh biết là nó không ăn cắp đâu!

Bây giờ khi quyết định ăn cắp tiền, tôi lại nhớ đến những lời nói đó, nhớ đến nụ cười tin tưởng của cậu và tôi cảm thấy mình khó mà ăn cắp được. Đã một vài lần, tôi móc mấy đồng trong túi ra đếm, nhưng tôi không thể nào bỏ vào túi mình được. Suốt trong ba ngày tôi loay hoay vắt óc nặn trán vì chuyện đó. Tình cờ sao mọi việc lại được giải quyết một cách thật là vô cùng nhanh chóng và đơn giản; cậu chủ bỗng nhiên hỏi tôi:

- Mày sao trông ủ rũ thế, Pescov?Ốm à?

Tôi thú thực hết với cậu nguồn cơn. Cậu cau mày lại.

- Đấy mày thấy chưa, sách vở làm cho người ta phải như vậy đấy! Không thế này thì thế khác - chúng chỉ mang lại độc có tai hoạ...

Cậu cho tôi năm mươi copec và nghiêm khắc bảo:

- Liệu đấy, đừng có nói cho mợ và bà biết, kẻo lại ầm lên bây giờ!

Sau đó cậu cười vẻ thân mật và nói thêm:

- Mày cùng là thằng bé kiên gan đấy, đồ quỷ bắt! Không sao, cái đó cũng tốt thôi. Nhưng đừng có đọc sách nữa. Sang năm tao sẽ đặt mua một loại báo thật hay, lúc bấy giờ tha hồ mà đọc...

Thế là chiều chiều, từ bữa uống trà đến bữa ăn tối tôi đọc cho nhà chủ nghe những tiểu thuyết của Vascov, Rocsanin, Rutnicovski và những bài khác trên tờ *Nhật báo Moxcva*[1] để tiêu khiển cho những con người đang bị chết dần chết mòn vì buồn tẻ.

Tôi không thích đọc to vì như thế khó hiểu được những điều mình đọc, nhưng các chủ nhân của tôi thì lại nghe rất chăm chú với vẻ như là say sưa một cách tôn kính. Họ ngạc nhiên kêu lên trước những tội ác của các nhân vật và kiêu hãnh nói với nhau:

- Còn chúng ta thì ơn Chúa, chúng ta sống êm đềm, yên ổn như thế này, chẳng biết gì đến những chuyện xấu xa đó cả!

Họ hay lầm lẫn các sự việc, gán nhiều hành động của tên tướng cướp nổi tiếng Tsuockin cho người đánh xe ngựa Foma Crutsina, lẫn lộn các tên với nhau. Tôi thường phải sửa những chỗ sai đó của những người nghe. Điều đó làm họ rất ngạc nhiên.

- Nó nhớ mới gớm chứ!

Trong *Nhật báo Moxcva* thường đăng thơ của Leonit Grave. Tôi thích những bài thơ ấy và chép một vài bài vào vở, nhưng các chủ nhân của tôi thì lại nói về thi sĩ như sau:

- Lão đã già mà còn làm thơ với thẩn:

---

[1] Một tờ báo lá cải có khuynh hướng phản động.

- Rượu chè be bét, nửa điên nửa dại, lão có thiết gì đâu.

Tôi thích thơ của Xtruzkin, của bá tước Memento Mori,[1] còn hai người đàn bà, cả già lẫn trẻ, đều khẳng định rằng thơ chỉ là trò hát xẩm.

- Chỉ có lũ con rối và bọn đào kép mới nói bằng thơ mà thôi.

Những tối mùa đông, phải ngồi trước nhà chủ, trong căn phòng hẹp này, đối với tôi thật là nặng nề. Ngoài cửa sổ, trời đêm thanh vắng. Thỉnh thoảng băng giá lại kêu lách tách. Mọi người ngồi trên bàn, câm lặng như những con cá bị ướp lạnh. Có lúc bão tuyết lại quất vào mặt kính, tường nhà, kêu ù ù trong ống khói, đập nắp lò sưởi cành cạch. Lũ trẻ khóc váng lên trong buồng trẻ con. Tôi chỉ muốn ngồi trong một xó tối và co dúm người lại rống lên như chó sói.

Hai người đàn bà ngồi ở cuối bàn, khâu vá hoặc đan tất. Cậu Victorusca ngồi phía đầu bàn, khom lưng đồ lại bản vẽ một cách miễn cưỡng, thỉnh thoảng lại kêu lên:

- Đừng có rung bàn! Không tài nào sống được, cứ như là chó với mèo ấy!

Cậu chủ ngồi sau chiếc khung thêu to rộng kê ở bên cạnh và thêu theo kiểu chữ thập một tấm khăn bàn vải gai. Dưới bàn tay cậu hiện dần ra những con tôm đỏ, cá xanh, bướm vàng và những chiếc lá thu màu đỏ hoe. Chính cậu đã vẽ ra mẫu thêu và đã ngồi thêu như thế ba mùa đông rồi. Công việc này đã làm cậu chán ngấy. Nhiều lúc vào buổi trưa, thấy tôi rỗi rãi, cậu bảo tôi:

- Pescov này, ngồi thêu khăn bàn một lúc xem!

Tôi ngồi xuống và cầm chiếc kim to chọc lên chọc xuống. Tôi thương cậu và luôn luôn muốn hết sức giúp đỡ cậu trong mọi việc. Tôi vẫn cảm thấy rằng một ngày nào đó cậu sẽ vứt hết những việc

---

[1] Leonit Grave, Xtruzkin và bá tước Memento Mori là những nhà thơ của những năm tám mươi, thế kỉ XIX.

vẽ, thêu, chơi bài đi và sẽ bắt đầu làm việc gì khác thật là thú vị, việc mà cậu thường suy nghĩ đến. Đôi khi đang làm, cậu bỗng dừng tay lại và nhìn công trình của mình với cặp mắt ngạc nhiên bất động, tựa như nhìn một cái gì xa lạ: tóc xoã xuống trán, xuống má, trông cậu giống như một thầy dòng trong tu viện

- Anh nghĩ về điều gì thế? - vợ cậu hỏi.

- Chẳng nghĩ gì cả, - cậu trả lời và lại cúi xuống làm việc.

Tôi ngạc nhiên yên lặng: sao lại có thể hỏi người ta nghĩ về điều gì nhỉ? Không thể nào trả lời được câu hỏi ấy, vì người ta thường nghĩ một lúc về đủ mọi thứ: về tất cả những cái gì đang phơi bày ra trước mắt mình, về những điều mà người ta trông thấy hôm qua, năm trước. Tất cả những điều ấy đều mơ hồ, khó nắm được, luôn luôn di chuyển và thay đổi.

Những truyện đăng nhiều kì phía dưới tờ *Nhật báo Moxcva* không đủ để đọc trong buổi tối nữa. Tôi đề nghị đọc thêm những tạp chí xếp dưới gầm giường trong phòng ngủ. Mợ chủ nói với giọng thiếu tin tưởng:

- Đấy có gì đâu mà đọc? Rặt những tranh ảnh...

Nhưng dưới gầm giường, ngoài những tập *Bình luận về hội hoạ* ra còn có tạp chí *Tia lửa nhỏ*.[1] Tôi bèn đọc truyện *Công tước Tiantin Bantixki* của Xaliat.[2] Cậu chủ rất thích nhân vật ngây ngô trong truyện. Cậu cười hô hố một cách không thương xót, cười đến chảy cả nước mắt, trước những cảnh rủi ro đáng buồn của cậu ấm, cậu kêu lên:

- Chà, thật là tuyệt!

- Chuyện bịa cả, có ra cái gì đâu! - mợ chủ nói để tỏ ra mình cũng có nhận xét riêng của mình.

---

[1] Thời bấy giờ tạp chí này cũng cùng một tính chất như tờ *Niva*.

[2] Nhà văn Nga thế kỉ XIX, tác giả của những tiểu thuyết lịch sử có khuynh hướng phản động.

Đống sách dưới gầm giường đã giúp cho tôi rất nhiều việc: tôi đã được phép mang tạp chí xuống bếp, nhờ đó mà có thể đọc ban đêm được.

Cũng may cho tôi là bà già lại vào ngủ trong phòng trẻ và mụ vú thường uống rượu say bí tỉ. Cậu Victorusca cũng không cản trở gì tôi. Khi mọi người trong nhà ngủ rồi cậu lén dậy mặc quần áo và biến mất cho đến sáng mới về. Nhà chủ mang hết nến vào phòng, không để cho tôi đèn đóm gì cả. Tôi không có tiền mua nến. Tôi bèn lén cạo mỡ ở các chân nến, và bỏ vào một cái vỏ hộp cá trích bằng sắt tây, rồi rót thêm dầu trong chiếc đèn để trước tượng thánh vào đó. Tôi lấy chỉ xe thành bấc, và đêm nào cũng đốt một ngọn lửa con tí khói um trên lò sưởi.

Mỗi khi tôi lật một trang của tập tạp chí to nặng, đốm lửa đỏ của chiếc bấc lại rung rinh run rẩy doạ tắt. Chiếc bấc mỗi lúc lại ngập sâu vào lớp mỡ chảy hôi rích, khói cay sè cả mắt. Nhưng tất cả những điều bất tiện đó đều tiêu tan hết khi tôi say sưa xem những bức tranh và đọc những lời giải thích ở dưới.

Những bức tranh đó dã mở ra trước mắt tôi những đất đai ngày một rộng mãi ra, tô điểm chúng bằng những thành phố thần tiên, cho tôi thấy những núi cao, những bờ biển dẹp. Cuộc sống phong phú lên một cách kì diệu. Mặt đất đầy sức khêu gợi, quyến rũ, người đông đúc hơn, thành phố cũng nhiều hơn, mọi cảnh vật đều muôn hình muôn vẻ. Bây giờ mỗi khi nhìn xa tít sang phía bên kia sông Volga, tôi biết rằng ở đấy không phải chỉ là không gian trống rỗng nữa. Trước kia nhiều lần tôi nhìn sang phía bên kia sông Volga và thấy trong lòng không hiểu sao buồn chán lạ lùng: những cánh đồng cỏ bằng phẳng xen lẫn với những bụi cây đen sì sì như những mụn vá; cuối các đồng cỏ là dãy rừng như bức tường đen nhấp nhô; phía trên các đồng cỏ là một bầu trời xanh nhờ, vẩn đục, lạnh lẽo. Trái đất thật hoang vắng, cô độc. Tâm hồn tôi cũng trống rỗng theo, một nỗi buồn

man mác đến xâm chiếm trái tim. Mọi ước vọng như tiêu tan mất cả, tôi chỉ muốn nhắm mắt lại và không nghĩ ngợi gì nữa. Khoảng không gian trống rỗng buồn bã đó chẳng hứa hẹn một điều gì tốt đẹp, nó chỉ khiến cho trái tim trở thành trơ trọi, trống rỗng.

Những lời giải thích dưới các bức tranh kể rất rõ ràng về những xứ sở khác, những con người khác, nói về những sự kiện khác nhau trong thời trước và ngày nay. Có nhiều điều tôi không sao hiểu được, khiến tôi thật là trầy trật khổ sở. Đôi lúc có những chữ kì quái xuyên vào óc tôi: "siêu hình học", "khiliazm",[1] "sartist".[2] Chúng quấy rầy tôi không cho tôi yên ổn phút nào, mỗi ngày chúng một nảy nở đến khủng khiếp, luôn luôn chúng cứ hiện ra mờ mờ ảo ảo. Tôi cảm thấy rằng nếu không khám phá ra được ý nghĩa của những chữ đó thì tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu được một điều gì cả, vì chính những chữ đó đã đứng chặn ở ngưỡng cửa của tất cả những điều huyền bí tựa như những bác gác cổng vậy. Nhiều khi có những câu còn đọng mãi trong óc tôi như cái dằm nằm trong ngón tay, ngăn cản tôi nghĩ đến những điều khác.

Còn nhớ có một lần tôi đọc những câu thơ lạ lùng như sau.

Như ngôi mộ, âm thầm câm lặng
Attila[3] *- vua của Hung Nô*
Nịt giáp sắt đi trên đường vắng

Theo sau ông là một đoàn quân đi như một đám mây đen và la hét:

La Mã đâu? Đâu La Mã hùng cường?

La Mã là một thành phố, điều đó tôi đã biết, thế nhưng Hung Nô là ai? Nhất thiết phải hỏi cho ra mới được.

---

[1] Một học thuyết tôn giáo.

[2] Người theo chủ nghĩa cải lương hiến pháp.

[3] Lãnh tụ của Hung Nô, thế kỉ V sau công nguyên, quân Hung Nô đã tàn phá miền Đông đế quốc La Mã và miền Bắc nước Ý.

Lựa được giây phút thuận lợi, tôi hỏi cậu chủ.

- Hung Nô à? - cậu ngạc nhiên nhắc lại. - Có quỷ biết được nó là cái gì! Chắc là chữ nhảm nhí gì đấy...

Và cậu lắc đầu khiển trách tôi:

- Đầu óc mày chỉ chứa rặt những trò vớ vẩn cả, không tốt lành gì đâu, Pescov ạ!

Tốt hay xấu cũng chẳng sao, tôi chỉ cần biết đã.

Tôi nghĩ rằng linh mục Xoloviov của trung đoàn hẳn phải biết Hung Nô là gì, nên khi gặp ông ta ở ngoài sân, tôi liền hỏi ngay.

Linh mục người xanh xao ốm yếu và luôn luôn cáu kỉnh. Mắt đỏ ngầu, lông mày không có, râu cằm vàng hoe, cha vừa nói với tôi vừa chọc chiếc gậy đen xuống đất.

- Nhưng mày cần biết để làm gì, hả?

Trung uý Nexterov thì trả lời câu hỏi của tôi bằng một vẻ hung dữ:

- Cái gì... ì?

Tôi bèn quyết định phải vào hiệu thuốc hỏi ông dược sĩ xem Hung Nô là gì. Ông ta vẫn thường nhìn tôi với một vẻ dịu dàng. Khuôn mặt của ông trông rất thông minh. Ông có chiếc kính gọng vàng đeo trên chiếc mũi thật là to.

- Hung Nô là một dân tộc du mục, tựa như người Kiecghi ấy! - dược sĩ Pavel Golbec bảo tôi. - Dân tộc đó bây giờ không còn tồn tại nữa đâu, họ chết hết cả rồi.

Tôi đâm ra buồn và phát bực - không phải vì dân Hung Nô bị chết, mà vì cái chữ đã giày vò tôi khốn khổ suốt một thời gian lâu như vậy lại chỉ mang một nghĩa thật quá đơn giản chẳng đem lại cho tôi cái gì cả.

Nhưng tôi rất cám ơn quân Hung Nô, vì sau cuộc va chạm với họ, những chữ trong sách đã ít quấy rầy tôi hơn và nhờ có Attila mà tôi đã làm quen được với dược sĩ Golbec.

Con người ấy biết được những ý nghĩa giản đơn của tất cả những chữ thông thái trên đời. Ông ta có cái chìa khoá để mở mọi kho tàng bí mật. Ông lấy hai ngón tay sửa kính và chăm chú nhìn qua lớp kính dày vào mắt tôi. Tiếng ông nói như những chiếc đinh nhỏ đóng vào trán tôi:

- Chú bạn nhỏ ạ, chữ cũng giống như lá trên cây vậy. Muốn hiểu tại sao lá lại như thế này mà không thế khác thì cần phải biết cây đã sinh trưởng như thế nào, tức là phải học mới biết được! Chú em ạ, sách vở như một khu vườn tuyệt diệu nơi đây có tất cả: những điều lí thú và bổ ích...

Tôi thường phải chạy tới hiệu thuốc của ông để mua xút và bột oxit manhedi cho chủ vì họ thường xuyên bị ăn không tiêu hoặc mua thuốc mỡ và thuốc tẩy cho bọn trẻ con. Những lời khuyên bảo vấn tất của ông dược sĩ khiến tôi ngày càng có thái độ kính trọng sách vở. Dần dần chúng đã trở thành gắn bó với tôi như rượu votca đối với người nghiện rượu vậy.

Sách vở dẫn dắt tôi tới một cuộc sống khác hẳn - một cuộc sống đầy những tình cảm và ước mơ lớn lao có thể đưa người ta tới những sự nghiệp cao cả và những tội lỗi. Tôi thấy những người sống quanh tôi không có khả năng làm điều hay hoặc điều dở, họ sống ở ngoài rìa cuộc sống nêu lên trong sách và thật khó mà tìm được trong cuộc sống của họ một cái gì thú vị. Tôi không muốn sống một cuộc sống như vậy... Điều đó tôi đã biết rõ, tôi không muốn...

Qua những lời giải thích dưới các tranh ảnh, tôi biết rằng ở Praha, Luân Đôn, Pari, không có hào rãnh và đường sá bẩn thỉu đầy rác giữa thành phố. Ở đấy không có những mùa đông dài hàng nửa năm trời hãm người ta phải ngồi ở nhà, không có những tuần chay lớn chỉ có thể được ăn dưa cải chua, nấm muối, bột lúa mạch và khoai với cái món dầu gai đáng ghét kia.

Trong tuần chay lớn không được đọc sách. Nhà chủ tước mất

tập *Bình luận về hội hoạ* của tôi và cái cuộc sống ảo não trống rỗng này lại đến kèm sát tôi. Bây giờ, tôi đã có thể so sánh cuộc sống ấy với những cuộc sống mà tôi được biết qua sách vở, tôi thấy nó lại càng nghèo nàn và quái gở hơn nữa. Khi đọc sách, tôi cảm thấy mình khoẻ hơn, mạnh hơn. Tôi làm việc trôi chảy và khéo léo vì có một mục tiêu rõ ràng: việc càng chóng xong bao nhiêu thì thời gian để đọc sách càng thừa ra nhiều bấy nhiêu. Bị lấy mất sách, tôi đâm ra uể oải, lười biếng. Tôi bắt đầu đãng trí bất thường, việc mà trước kia chưa bao giờ xảy ra với tôi cả.

Tôi còn nhớ chính trong những ngày trống rỗng đó đã xảy ra một chuyện thật là bí ẩn: Một hôm vào lúc tối, khi mọi người đã đi nằm, bỗng nhiên chuông nhà thờ vang lên. Tiếng chuông làm chấn động cả mọi người trong nhà, họ để nguyên quần áo ngủ chạy vội ra cửa sổ hỏi nhau:

- Cháy nhà à? Chuông báo động hay sao?

Trong nhà nào cũng nghe thấy tiếng người chạy xồn xác, tiếng cửa đập sầm sầm. Một người cầm cương dắt một con ngựa chạy qua sân. Bà già la tướng lên là có kẻ cướp đến phá nhà thờ; cậu chủ bảo bà:

- Thôi đủ rồi mẹ ơi, mẹ cũng nghe thấy đấy, có phải chuông báo động đâu!

- Thế thì chắc là đức giáo chủ đã mất rồi...

Cậu Victorusca tụt từ trên phản xuống, mặc quần áo và lẩm bẩm:

- Tôi biết cả rồi. Tôi biết cái gì đã xảy ra rồi!

Cậu chủ sai tôi lên gác thượng xem có thấy ánh lửa không. Tôi cắm đầu chạy, chui qua chiếc cửa tò vò và leo lên mái nhà - chẳng thấy có gì là lạ cả. Tiếng chuông thong thả âm vang trong làn không khí giá buốt tĩnh mịch. Thành phố ngái ngủ thu mình xuống sát mặt đất. Những bóng người vô hình chạy trong bóng tối làm tuyết kêu lạo xạo, tiếng bánh xe trượt tuyết

rít lên. Tiếng chuông vẫn cứ rền ngân báo hiệu tin chẳng lành. Tôi trở lại phòng.

- Không có ánh lửa gì cả ạ!

- Hừ, trời với đất! - cậu chủ đã khoác áo đội mũ, vừa nói vừa bật cổ áo lên. Cậu lưỡng lự xỏ chân vào giày cao su. Mợ chủ nài cậu:

- Anh dừng đi! Thôi, đừng đi nữa, anh ơi...

- Có việc quái gì đâu!

Cậu Victorusca cũng đã quần áo chỉnh tề, giễu cợt mọi người:

- Tôi biết cả rồi...

Khi hai anh em đã đi ra phố, hai người đàn bà liền sai tôi đặt ấm xamovar, còn họ thì chạy ra phía cửa sổ. Nhưng hầu như cũng ngay lúc đó, cậu chủ đã giật chuông ngoài ngõ. Cậu lặng thinh chạy lên thang, mở cửa phòng ngoài và nói bằng một giọng trầm trầm:

- Đức vua bị ám sát rồi![1]

- Họ giết được ư! - bà già kêu thốt lên.

- Họ giết chết rồi, một sĩ quan đã nói với con như vậy... Bây giờ sẽ ra sao đây?

Cậu Victorusca cũng quay về. Cậu vừa miễn cưỡng cởi quần áo, vừa giận dữ nói:

- Thế mà mình cứ tưởng là chiến tranh xảy ra!

Rồi tất cả bốn người lại cùng ngồi uống trà và chuyện trò một cách thản nhiên, nhưng khe khẽ và thận trọng. Ngoài phố không khí cũng lại yên tĩnh như cũ, tiếng chuông đã lặng. Suốt trong hai ngày họ cứ thì thào với một vẻ bí mật, họ đi không biết những đâu; khách khứa cũng đến chơi với họ và kể tỉ mỉ những chuyện gì không rõ. Tôi cố gắng tìm hiểu xem là chuyện gì đã xảy ra. Nhưng nhà chủ đã cất báo đi không cho

---

[1] Vua Alecxan II bị những người dân tuý ám sát vào 1-3-1881.

đọc. Khi tôi hỏi anh Xidorov vì sao đức vua bị giết, anh thầm thì trả lời:

- Người ta cấm không được nói đến chuyện ấy...

Những sự việc đó rồi cũng dần dần mờ nhạt đi và bị những công việc vặt vãnh hàng ngày bao phủ lên. Chẳng bao lâu tôi lại vấp phải một chuyện thật đáng buồn.

Một hôm, vào chủ nhật, khi nhà chủ đi lễ, tôi đặt ấm xamovar nấu nước và đang dọn dẹp trong phòng thì đứa con lớn của cậu tôi lẻn vào bếp tháo khoá vòi nước ở chiếc xamovar ra và chui xuống gầm bàn ngồi nghịch với chiếc khoá ấy. Than chất rất nhiều trong chiếc ống ở giữa ấm xamovar nên khi nước chảy ra ngoài hết, chiếc ấm bị nung long cả mối hàn ra. Ngay từ lúc còn ở trong phòng, tôi đã nghe thấy tiếng ấm xamovar kêu rít lên một cách dữ dội khác thường. Khi vào bếp, tôi hoảng cả người trông thấy chiếc ấm đã xanh lè và lắc lư tựa như muốn nhảy lên khỏi sàn. Chiếc vòi ấm bị long mối hàn trễ xuống một cách thiểu não, nắp ấm nằm trật nghiêng sang một bên, những giọt thiếc chảy ra ở chỗ quai ấm. Chiếc xamovar màu xanh tím tựa như một anh chàng uống rượu say mềm. Tôi lấy nước giội vào ấm. Nó kêu xèo xèo và lăn kềnh xuống sàn một cách đáng buồn.

Ngoài cổng chính có tiếng chuông gọi. Tôi ra mở cửa và khi bà già hỏi tôi đã đun xong nước pha trà chưa, tôi trả lời cụt lủn:

- Xong rồi!

Có lẽ vì lúng túng và sợ hãi mà tôi nói như vậy, nhưng bà già lại cho là tôi giễu cợt bà vì thế mà tội tôi lại càng nặng thêm. Tôi bị một trận đòn nên thân. Bà già cầm một nắm đóm gỗ thông vụt tôi. Tuy bà đánh không đau lắm, nhưng vô số dằm cắm sâu vào da lưng tôi. Đến chiều thì lưng tôi sưng vù lên như một cái gối. Trưa hôm sau, cậu chủ phải chở tôi đến nhà thương. Ông bác sĩ người cao lênh khênh và gầy gò trông đến

buồn cười. Sau khi xem cho tôi xong, ông điềm tĩnh nói với giọng trầm ồ ồ:

- Cần phải lập biên bản về việc hành hạ thằng bé đã!

Cậu chủ đỏ bừng mặt lên. Cậu di di hai bàn chân và nói lí nhí gì đấy với ông bác sĩ. Ông này nhìn qua chiếc đầu của cậu và trả lời cộc lốc:

- Tôi chịu thôi. Không được đâu.

Rồi ông hỏi tôi:

- Em có khiếu nại không?

Tôi đau khắp cả người, nhưng tôi nói:

- Cháu không muốn. Bác chữa nhanh cho cháu...

Người ta đưa tôi sang một phòng khác và đặt tôi lên bàn.

Ông bác sĩ rút những chiếc dằm ra bằng chiếc cặp nhỏ và lạnh đến là dễ chịu, rồi ông nói khôi hài:

- Họ trang điểm cho chú một bộ da cứng tuyệt đấy chứ, chú em? Bây giờ chú đã trở thành xương đồng da sắt rồi đấy...

Cái cặp của ông làm tôi buồn không chịu được. Khi nhổ hết dằm, ông nói:

- Bốn mươi hai chiếc dằm đã được lôi ra rồi đấy chú em ạ! Nhớ lấy để mà còn khoe! Ngày mai cũng vào giờ này em đến đây để thay băng. Họ hay đánh em lắm à?

Tôi nghĩ một lúc và nói:

- Trước kia cháu bị đánh nhiều hơn.

Ông bác sĩ cười ồ ồ:

- Mọi việc mỗi ngày một tốt hơn, chú em ạ! Việc nào cũng vậy!

Khi dẫn tôi đến với cậu chủ, ông nói với cậu:

- Xin trao trả cho ngài, em bé đã được chữa xong rồi. Ngày mai cho em đến, chúng tôi sẽ băng lại. Cũng may cho ngài, chú bé này là một tay bông lơn tốt bụng...

Lúc ngồi trên xe ngựa, cậu chủ bảo tôi:

- Trước kia, cậu cũng bị đánh, Pescov ạ! Biết làm sao được? Cậu vẫn bị đánh luôn, cháu ạ. Đối với cháu dù sao cũng còn có cậu thương, chứ cậu thì có ai thương đâu, chẳng có ai thương cậu cả! Trên thế gian này dẫy dẫy bao nhiêu là con người, thế mà chẳng có lấy một đứa chó đẻ nào biết thương mình cả. Chao ôi, thật là lũ quỷ...

Cậu chửi rủa suốt dọc đường. Tôi thấy thương cậu và cũng rất cám ơn cậu vì cậu đã nói chuyện với tôi như với một con người thực sự.

Ở nhà, mọi người đón tiếp tôi như trong ngày sinh nhật của tôi. Lũ đàn bà bắt tôi phải kể tỉ mỉ chuyện ông bác sĩ đã chữa cho tôi như thế nào, ông ta đã nói những gì. Họ vừa nghe vừa xuýt xoa, lúc thì khoái chí chặc lưỡi, khi thì nhăn mặt. Sự chăm chú nhiệt thành của họ đối với bệnh tật, đối với tất cả những điều đau khổ bất hạnh khiến tôi phải sửng sốt.

Tôi thấy họ rất hài lòng khi biết tôi từ chối không làm đơn khiếu nại họ. Lợi dụng điều đó, tôi bèn xin phép được mượn sách của chị vợ anh thợ cắt. Họ không dám từ chối tôi. Chỉ có bà già kinh ngạc thốt lên:

- Mày thật là thằng quỷ sứ!

Sau đó một ngày, tôi đã tót đến nhà chị vợ anh thợ cắt. Tôi đứng trước mặt chị, còn chị âu yếm bảo tôi:

- Thế mà người ta nói với chị rằng em ốm, phải chở đến nhà thương. Em có thấy thiên hạ hay nói dối không?

Tôi nín thinh. Nói cho chị biết sự thật thì xấu hổ quá. Kể cho chị biết những điều thô bỉ và đáng buồn ấy để làm gì? Tôi rất sung sướng thấy chị không giống chút nào với những kẻ khác.

Tôi lại tiếp tục đọc những tập sách dầy của Duyma cha, Ponxon đuy Terai, Montepin, Zacon, Gaborio, Emar, Boagobe.[1]

---

[1] Các nhà văn Pháp: *Dumas père, Ponson du Terrail, Zaccone, Gaboriau, Aymard, Boisgobey.*

Tôi đọc ngấu nghiến hết quyển này đến quyển khác rất nhanh và thấy lòng mình phơi phới. Tôi cảm thấy mình là thành viên của một cuộc sống lạ kì, khiến cho tâm hồn tôi xúc động nhẹ nhàng và gây thêm cho tôi niềm hưng phấn. Chiếc đèn của tôi tự làm lấy lại ám đầy muội khói. Tôi thường đọc suốt đêm đến sáng. Mắt tôi dần dần sưng lên. Bà già nhắc khéo tôi:

- Cứ chờ ít lâu nữa mà xem, con mọt sách ạ. Rồi mày sẽ nổ con ngươi mà mù mất thôi!

Nhưng chẳng bao lâu tôi đã hiểu rằng trong tất cả những quyển sách rắc rối một cách thú vị đó, mặc dầu có những sự kiện phong phú khác nhau, những đất nước, những thành phố khác nhau, tất cả đều quy tụ vào một điểm: những người tốt thường đều bất hạnh, đều bị bọn người xấu xua đuổi, còn những kẻ xấu thường may mắn và khôn ngoan hơn người tốt, nhưng mặc dù vậy cuối cùng thì một điều bí ẩn nào đấy sẽ đánh bại lũ người xấu, còn con người tốt nhất định sẽ giành được phần thắng. Cái "tình yêu" mà tất cả đàn ông và đàn bà nói đến cùng một giọng lưỡi đã khiến tôi chán ngấy. Cái trò đơn điệu ấy không những chán ngắt mà còn gợi lên trong lòng tôi một tình cảm nghi hoặc vẩn vơ nữa.

Đôi khi, ngay từ những trang đầu, tôi đã bắt đầu đoán được ai thắng, ai bại, và khi mà đầu mối của các sự kiện đã rõ ràng, tôi liền cố gắng tìm cách gỡ các mối ấy ra bằng trí tưởng tượng của mình. Đọc sách xong, tôi suy nghĩ về câu chuyện như nghĩ về một bài toán trong sách giáo khoa số học. Mỗi ngày tôi càng giải đúng hơn việc sắp xếp nhân vật nào trong sách sẽ được sống vinh hoa phú quý, nhân vật nào sẽ bị khổ ải đầy đọa.

Nhưng ngoài những điều đó ra, tôi còn thấy được những tia sáng lờ mờ của một sự thật sinh động và đáng kể đối với tôi, còn thấy được những nét cạnh của một cuộc sống khác, của những

quan hệ xã giao khác. Tôi nhận thấy rằng ở Pari những người đánh xe ngựa, thợ thuyền, binh lính và tất cả "đám dân đen" đều không giống như ở Nijni, Cazan, Pecmo. Họ nói chuyện với các ông chủ một cách mạnh dạn hơn, đối xử với chủ đơn giản hơn và thoải mái hơn. Đấy, cũng một người lính, nhưng anh chàng lính này không giống một người nào trong số những người mà tôi biết - chẳng giống anh Xidorov, cũng không giống anh lính miền Viaxca trên tàu thuỷ, lại càng không giống Ecmokhin nữa. Anh chàng lính này là một con người hơn tất cả bọn họ. Trong con người anh ta có một điều gì gần giống như bác Xmurưi, nhưng anh không dữ tợn và cục cằn như bác. Và đây là một người chủ quầy hàng, nhưng người này cũng tốt hơn tất cả những người chủ các quầy hàng mà tôi biết. Cho đến các linh mục trong truyện cũng không giống như những linh mục mà tôi được biết - họ chân thành hơn và đối xử với mọi người một cách thông cảm hơn. Nói chung, tất cả cuộc sống ở nước ngoài đã nêu lên trong sách đều thú vị hơn, dễ dãi hơn, tốt đẹp hơn cuộc sống mà tôi biết; ở nước ngoài người ta không đánh nhau thường xuyên và dữ dội như vậy, không nhạo báng con người một cách đau đớn ê chề như họ đã nhạo báng anh lính miền Viaxca, không cầu Chúa một cách cuồng bạo như bà chủ già vẫn thường cầu nguyện.

Điều thấy rõ nhất là trong nhiều truyện khi nói đến những kẻ tàn ác, những con người tham lam, đê tiện, thường không thấy nói đến cái tính tàn nhẫn khó hiểu trong những con người ấy, không thấy nói đến cái khát vọng nhạo báng con người, điều mà tôi rất quen thuộc, vì hàng ngày thường quan sát thấy. Những kẻ tàn ác trong truyện đều tàn nhẫn một cách có ý thức, hầu như lúc nào cũng có thể hiểu được vì sao mà họ lại tàn nhẫn như vậy. Còn tôi nhìn thấy sự tàn nhẫn vô ý thức, vô bằng cớ. Người ta tàn nhẫn chỉ cốt để tiêu khiển mà không chờ đợi ở đấy một lợi ích gì.

Mỗi một quyển sách mới càng làm tôi thấy rõ thêm sự

khác biệt giữa cuộc sống của người Nga với cuộc sống của các nước khác, gợi lên trong lòng tôi một nỗi bất bình lờ mờ, khiến tôi càng thêm ngờ vực những sự thật mà tôi đã đọc được trên những trang giấy vàng úa, mép lem luốc kia.

Nhưng bỗng một hôm tôi kiếm được cuốn tiểu thuyết *Anh em nhà Zemganno* của Gongcua.[1] Tôi đọc xong quyển truyện trong một đêm và sửng sốt vì một điều gì đấy mà từ trước tới nay chưa hề cảm thấy, tôi bèn bắt đầu đọc lại câu chuyện đơn giản và buồn thảm ấy. Câu chuyện đó không có gì là rắc rối, bề ngoài chẳng hấp dẫn tí nào; từ những trang đầu tiên, nó đã có vẻ như một câu chuyện nghiêm trang và khô khan như cuộc đời của các vị thánh. Thoạt đầu lối hành văn chính xác, không tô vẽ thêm của quyển truyện làm tôi ngạc nhiên một cách khó chịu, nhưng những chữ hàm xúc, những câu chặt chẽ đã thấm chặt vào trái tim tôi, đã hùng hồn kể lại tấn bi kịch của anh em nhà nghệ sĩ nhào lộn khiến cho tay tôi run lên vì cảm xúc khi đọc quyển sách đó. Tôi vừa khóc nức nở vừa đọc đoạn nhà nghệ sĩ bất hạnh lê cặp chân gầy leo lên gác thượng, nơi mà người em của anh ta thường bí mật luyện tập nghệ thuật ưa thích của mình.

Khi trả quyển sách tuyệt diệu đó cho chị vợ anh thợ cắt, tôi đề nghị cho tôi mượn một quyển như thế nữa.

- Quyển như thế là như thế nào? - chị mỉm cười, hỏi tôi.

Nụ cười của chị làm tôi lúng túng. Tôi không sao cắt nghĩa được cho chị rõ là mình muốn gì. Và chị nói với tôi:

- Quyển này chán lắm. Em cứ chờ ít lâu, chị sẽ cho em mượn một quyển khác hay hơn...

Sau ít ngày chị cho tôi mượn cuốn *Câu chuyện có thật về một chú bé lang thang* của Grinvut.[2] Đầu đề sách hơi xúc phạm đến tôi, nhưng ngay từ đầu trong lòng tôi đã ngời lên một niềm vui

---

[1] *Edmond de Goncourt*: nhà văn Pháp (1822- 1896).

[2] *Greenwood*: nữ văn sĩ Mỹ thế kỉ XIX.

thích. Với niềm vui đó tôi đọc toàn bộ cuốn sách đến trang cuối cùng, có trang tôi đọc đi đọc lại tới hai, ba lần.

Thì ra cả lũ trẻ con ở nước ngoài cũng có những đứa phải sống cực khổ, vất vả biết bao! Như vậy thì cuộc sống của tôi cũng chưa lấy gì làm khổ lắm, có thể không cần buồn nản làm gì!

Nhà văn Grinvut đã mang lại cho tôi rất nhiều niềm phấn khởi. Ít lâu sau tôi lại tìm được một quyển sách thật là "đúng đắn" - quyển *Ogieni Grangde*.[1]

Ông lão Grangde khiến tôi hình dung ngay tới ông ngoại tôi. Tôi bực mình vì quyển sách ngắn quá, nhưng ngạc nhiên vì thấy trong đó chứa đựng biết bao nhiêu là sự thật. Cái sự thật rất quen thuộc đối với tôi và đã làm tôi ngấy lên trong cuộc sống đó đã được cuốn sách diễn đạt lên với một màu sắc hoàn toàn mới mẻ: vô tư, bình thản. Những sách mà tôi đã đọc trước đây, trừ sách của Gongcua ra, đều kết tội con người một cách khe khắt và hay la lối hệt như những nhà chủ của tôi vậy. Những cuốn sách đó thường làm cho mình cảm mến những kẻ phạm tội ác và bất bình đối với những con người đức hạnh. Thật là đáng tiếc vì lúc nào cũng thấy rằng con người tuy hao phí bao nhiêu tâm não và ý chí cũng không sao đạt được điều mong muốn - những con người đức hạnh từ trang đầu đến trang cuối vẫn đứng trước mặt họ như những chiếc cột đá không gì lay chuyển nổi. Mặc dầu mọi dự định xấu xa độc ác đều không khỏi tan tành trước những chiếc cột đó, những cột đá vẫn không gây được cảm tình với người đọc. Cũng như một bức tường dù có đẹp và vững chắc đến chừng nào, nhưng khi mình đã muốn hái táo trên cây phía sau tường thì không nên ngắm nghía mãi bức tường làm gì. Tôi cứ nghĩ rằng cái điều quý hơn, sinh động hơn phải là điều nằm ẩn nấp ở đâu phía sau những đức hạnh ấy...

---

[1] Của văn hào Pháp: *Honoré de Balzac* (1799-1850).

Trong các sách của Gongcua, Grinvut, Balzac, ta không gặp những kẻ hoàn toàn ác cả hoặc thiện cả, mà chỉ có những nhân vật rất sinh động một cách tuyệt diệu; không thể nào nghi ngờ được: tất cả những điều họ nói và làm nhất thiết phải như vậy chứ không thể nào khác.

Nhờ đó mà tôi hiểu được rằng gặp một "quyển sách hay" "một quyển sách đúng đắn" thật là một niềm vui lớn. Nhưng làm thế nào để mà tìm ra được những sách ấy? Chị vợ anh thợ cắt cũng không thể giúp được tôi trong việc lựa chọn đó.

- Đấy là một quyển sách hay, - chị nói và đưa cho tôi quyển *Những bàn tay đầy hoa hồng, vàng và máu* của Arxen Huxe,[1] cùng với những tiểu thuyết của Belo[1], Pon đơ Coc[1], Pon Fevan[1], nhưng tôi đã phải đọc những quyển sách ấy với một sự căng thẳng cao độ.

Chị thích những tiểu thuyết của Mariet[2], Vecne,[3] nhưng tôi thì lại cho chúng là buồn tẻ. Truyện của Spinhagen,[3] tôi cũng không thích, nhưng rất thích những truyện của Auerbach[3]. Xuy[4] và Huygo[5] không lôi cuốn được tôi bằng Walter Scott.[6] Tôi muốn đọc những cuốn sách làm tôi phải xúc động, phải vui sướng như những sách của nhà văn Balzac tuyệt diệu.

Người phụ nữ như pho tượng sứ cũng càng ngày tôi càng ít thích hơn.

Khi đến nhà chị, tôi thường mặc chiếc áo sơ mi sạch, đầu tóc chải gọn ghẽ, cố gắng tìm mọi cách cho ra vẻ tề chỉnh. Chưa chắc tôi đã đạt được điều đó, nhưng tôi vẫn cứ chờ mong chị sẽ chú ý đến vẻ chỉnh tề của tôi và sẽ nói chuyện với tôi một cách

---

[1] Nhà văn Pháp.

[2] Nhà văn Anh.

[3] Nhà văn Đức.

[4] Nhà văn Pháp.

[5] Đại văn hào Pháp (1802- 1885).

[6] Nhà văn Anh (1771- 1832).

giản dị hơn, thân mật hơn, mà bỏ cái nụ cười mỉm nhạt nhẽo trên khuôn mặt trau chuốt, luôn luôn hớn hở ấy. Nhưng chị cứ vừa mỉm cười, vừa hỏi tôi bằng một giọng mệt mỏi và dịu dàng:

- Em đọc xong rồi à? Có thích không ?

- Không ạ.

Khẽ nhích đôi lông mày thanh tú lên, chị nhìn tôi, thở dài và nói bằng giọng mũi quen thuộc:

- Tại sao thế?

- Em đã đọc về những chuyện ấy rồi.

- Về chuyện gì kia?

- Về tình yêu...

- Chị nheo mắt lại, cười ngọt ngào:

- À, nhưng có sách nào mà lại chẳng nói đến tình yêu?

Ngồi trong một chiếc ghế bành lớn, đôi chân nhỏ nhắn vung vẩy trong đôi dép da bọc lông thú, mình khoác một chiếc áo choàng màu xanh da trời, chị vừa ngáp vừa gõ gõ những ngón tay hồng lên bìa sách để trên đùi.

Tôi muốn hỏi chị:

"Sao chị chưa dời nhà đi chỗ khác? Bọn sĩ quan vẫn cứ viết thư cho chị, cười giễu chị cơ mà..."

Nhưng tôi không đủ can đảm để nói với chị điều đó và tôi ra về, mang theo tập sách dày cộm về "tình yêu", với một mối thất vọng sâu sắc trong lòng. Trong khu nhà, người ta bàn tán về chị mỗi ngày một thậm tệ hơn, khả ố hơn, độc ác hơn. Tôi rất bực tức khi nghe thấy những lời bịa đặt bẩn thỉu và chắc chắn là không đúng sự thực đó. Sau lưng chị tôi thấy thương và lo thay cho chị. Nhưng khi tới nhà chị, trông thấy cặp mắt nhỏ nhắn tinh anh của chị, tấm thân nhỏ bé mềm mại như con mèo của chị và khuôn mặt luôn luôn vui tươi của chị thì lòng thương hại và lo sợ của tôi lại tan biến như mây khói.

Sang mùa xuân chị bỗng bỏ đi đâu mất. Sau đó vài ngày chồng chị cũng dời chỗ ở.

Khi căn phòng đã dọn trống để chờ đợi khách thuê mới, tôi ghé tới xem những bức tường chơ vơ với những ô vuông ở chỗ trước kia vẫn treo tranh, với những chiếc đinh cong queo và những lỗ đinh đóng. Trên mặt sàn đánh xi vương vãi những miếng vải màu, giấy vụn, những hộp thuốc rách, những lọ nước hoa, một chiếc đanh ghim to bằng đồng óng ánh.

Lòng buồn rười rượi, tôi ước gì được gặp chị vợ nhỏ bé của anh thợ cắt một lần nữa để nói với chị rằng tôi rất biết ơn chị...

X

Ngay từ hồi chị vợ anh thợ cắt chưa đi, phía dưới nhà của cậu chủ tôi đã có một người thiếu phụ mắt đen đến thuê. Bà có một đứa con gái nhỏ và một người mẹ già tóc bạc lúc nào cũng hút thuốc lá trong chiếc tẩu bằng hổ phách. Thiếu phụ người rất đẹp, trông có vẻ quyền thế, kiêu hãnh. Giọng nói của bà âm vang, dễ nghe. Nhìn mọi người bà thường ngửng cao đầu hơi ngửa về sau, mi mắt hơi nheo lại, tựa như người ta đứng cách bà quá xa và bà không thấy rõ họ. Hầu như ngày nào anh lính đen đen Chufaiev cũng dắt một con ngựa lông hung hung chân nhỏ đến trước hiên cửa nhà bà. Thiếu phụ đi ra hiên. Bà mặc một chiếc áo nhung dài màu thép, tay đeo găng xoè trắng, chân đi ủng vàng. Một tay cầm vạt áo và chiếc roi ngựa cán nạm mặt đá màu tím, tay kia bà ấu yếm vuốt ve chiếc mõm ngựa đang há ra. Con ngựa liếc nhìn bà bằng con mắt đỏ như lửa; người rung lên bần bật nó khẽ dập móng xuống mặt đất đã bị giẫm nát.

- Rôbe. Rô... ôbe, - bà khẽ nói và vỗ mạnh tay lên cái cổ vươn thẳng rất đẹp của con ngựa.

Rồi đặt chân lên đầu gối anh Chufaiev, bà nhảy rất gọn lên yên ngựa. Con ngựa kiêu hãnh nhảy nước kiệu trên mặt đường. Bà ngồi rất khéo trên yên tựa như gắn liền với ngựa.

Thiếu phụ có một sắc đẹp hiếm có, một vẻ đẹp lúc nào trông cũng như mới, khiến ta bồi hồi và làm cho tâm hồn ta lúc nào cũng tràn ngập một niềm vui sướng say sưa. Nhìn bà, tôi cứ nghĩ rằng dấy chính là hình ảnh của Diano Poachie, của Nữ hoàng Macgo, của cô Đơ La Valie và của những nữ nhân vật điển hình khác trong các cuốn tiểu thuyết lịch sử![1]

Đám sĩ quan của sư đoàn đóng trong thành phố lúc nào cũng quấn quanh lấy bà. Tối nào họ cũng chơi đàn dương cầm, vĩ cầm, ghi ta, khiêu vũ và ca hát ở nhà bà. Bám sát bà nhất là ông thiếu tá Olexov. Ông ta có đôi chân ngắn cũn cỡn, người to béo, tóc đốm bạc, mặt đỏ gay và nhầy mỡ hệt như anh thợ máy trên tàu thuỷ. Ông chơi đàn ghi ta rất hay và xử thế giống như một người đầy tớ trung thành và ngoan ngoãn của thiếu phụ.

Đứa con gái nhỏ năm tuổi tóc quăn, mũm mĩm trông cũng đẹp lộng lẫy như mẹ. Cặp mắt xanh to của nó nhìn với một vẻ nghiêm trang, điềm tĩnh chờ đợi. Trong dáng điệu của con bé có một vẻ chín chắn như người lớn.

Người bà thì từ sáng đến chiều tối bận rộn công việc nội trợ với anh Chufaiev lầm lì, cau có và với một người hầu gái to béo mắt hiếng. Con bé không có vú nuôi. Nó sống hầu như không có người săn sóc, suốt ngày chơi ở ngoài hiên hay trên đống gỗ trước hiên. Chiều chiều tôi thường đến chơi với nó và thấy rất mến con bé ấy. Còn nó thì cũng rất chóng quen tôi. Khi tôi kể chuyện cổ tích cho nó nghe, nó nằm ngủ thiếp trên tay tôi. Khi nó ngủ, tôi bế nó vào giường. Chẳng bao lâu nó quen tôi đến nỗi khi đi ngủ thế nào

---

[1] Diano đơ Poachie là nhân vật trong nhiều truyện lịch sử phiêu lưu. Nữ hoàng Macgo là nhân vật trong truyện *Nữ hoàng Macgo*. Cô Đơ La Valie là nhân vật trong truyện *Hai mươi năm sau* của A. Duyma cha.

cũng đòi cho được tôi đến để chia tay với nó. Khi tôi đến nó trịnh trọng duỗi bàn tay mũm mĩm ra cho tôi và nói:

- Chào anh, đến ngày mai lại gặp nhé! Bà ơi, phải nói thế nào hở bà?

- Cầu Chúa che chở cho anh, - người bà nói, tuôn những luồng khói xám ra khỏi miệng và qua cái mũi nhọn.

- Cầu Chúa che chở cho anh đến ngày mai nhé, còn em thì đi ngủ đây, - con bé nhắc lại rồi chui vào chăn viền đăng ten.

Người bà khuyên:

- Không phải "đến ngày mai" mà là "mãi mãi" chứ!

- Nhưng ngày mai vẫn là mãi mãi cơ mà, hở bà?

Nó thích dùng chữ "ngày mai" và tất cả những cái gì mà nó thích đều được nó chuyển về tương lai cả. Khi cắm xuống đất những bông hoa, những cành gẫy, nó nói:

- Ngày mai đây sẽ là một vườn hoa...

- Ngày mai em cũng sẽ mua một *coong* ngựa và em sẽ cưỡi *lêêng trèêng* như mẹ em ấy...

Nó rất thông minh, nhưng không vui lắm. Nhiều lúc nó đang chơi đùa ầm ĩ bỗng nhiên dừng lại tư lự và độp hỏi:

- Tại sao cố đạo lại có tóc dài như *đààng* bà nhỉ?

Khi bị gai làm sây sát, nó chỉ tay vào cây và doạ:

- Mày liệu *hồồng* đấy, tao sẽ cầu Chúa để Chúa *phạạc* mày. Ai Chúa cũng có thể *phạạc* được cả. Đến mẹ cũng bị Chúa *phạạc* đấy...

Đôi khi khuôn mặt của nó trở nên trầm lặng, phảng phất một vẻ buồn nghiêm trang. Nó nép vào người tôi, nhìn bầu trời với cặp mắt xanh như chờ đợi và nói:

- Bà còn có lúc cáu *giậng*, chứ mẹ thì không bao giờ *giậng* dâu. Mẹ chỉ cười thôi. Ai cũng y... êu mẹ cả vì lúc nào mẹ cũng *bậng* cả. Khách đến nhiều nhiều là, ai cũng thích ngắm mẹ vì mẹ *đẹẹp* lắm. Mẹ đáng y... êu lắm. Bác Olexov cũng nói thế.

Tôi rất thích nghe con bé nói chuyện. Nó kể cho tôi nghe về cái thế giới rất xa lạ đối với tôi. Nó luôn luôn nói về mẹ nó với một vẻ sốt sắng và nói mãi không hết chuyện.

Một cuộc sống mới êm đềm mở ra trước mắt tôi, tôi lại nhớ đến nữ hoàng Macgo; điều đó càng tăng thêm lòng tin tưởng của tôi vào sách vở cũng như lòng thiết tha với cuộc sống.

Một buổi chiều, tôi đang ngồi ở ngoài hiên chờ nhà chủ đi dạo chơi ở Otcot chưa về, và con bé đang thiu thiu ngủ trên tay tôi, thì mẹ nó cưỡi ngựa về. Bà nhẹ nhàng nhảy xuống đất, hất đầu hỏi tôi:

- Sao nó ngủ rồi à?

- Vâng.

- Ra thế đấy...

Anh lính Chufaiev chạy ra dẫn ngựa đi. Thiếu phụ giắt roi vào thắt lưng và chìa tay ra bảo tôi:

- Cháu đưa nó cho bác!

- Bác để cháu bế em vào nhà cho!

- Nào!... - thiếu phụ quát tôi như quát con ngựa của bà, chân bà giậm lên bực tam cấp.

Con bé sực tỉnh dậy, hấp háy mắt nhìn mẹ và cũng chìa tay ra cho thiếu phụ, hai mẹ con vào nhà.

Tôi đã quen với việc người ta quát tôi, nhưng thật là khó chịu khi thấy người thiếu phụ cũng quát như vậy. Ai mà chẳng nghe lời bà, dù bà chỉ khẽ ra lệnh thôi.

Sau đó vài phút chị hầu gái mắt hiếng chạy đến gọi tôi: con bé làm nũng không chịu đi ngủ nếu chưa được chìa tay với tôi.

Tôi bước vào phòng khách, không khỏi có phần kiêu hãnh trước người mẹ. Con bé đang ngồi trong lòng mẹ, bà đang khéo léo nhẹ nhàng cởi áo cho nó.

- Đấy, - bà nói, - nó đến rồi đấy, con quái vật đấy!

- Không phải con quái vật mà là *baạng* của con...

- Ra thế đấy! Được, tốt lắm. Chúng ta sẽ tặng cho cậu bạn của con một món quà nhé. Con có muốn như thế không?

- Có, có!

- Được rồi, mẹ sẽ tặng cho nó. Còn con thì đi ngủ nhé.

- Chào anh, đến ngày mai lại gặp nhé! - con bé vừa chìa tay cho tôi vừa nói. - Cầu Chúa che chở cho anh đến ngày mai...

Thiếu phụ ngạc nhiên kêu lên:

- Ai dạy con như vậy đấy - bà phải không?

- Vâ... âng.

Khi nó đi ra khỏi phòng, thiếu phụ vẫy vẫy một ngón tay gọi tôi lại.

- Tặng cháu cái gì được đây?

Tôi nói rằng tôi chẳng cần tặng gì cả, nhưng bà có quyển sách nào cho tôi mượn để đọc không?

Thiếu phụ nâng cằm tôi lên bằng những ngón tay thơm tho nóng hổi và hỏi tôi với một nụ cười dịu dàng:

- Ra thế đấy, cháu thích đọc sách à? Cháu đã đọc những quyển gì rồi?

Khi cười, trông bà lại càng đẹp hơn. Tôi lúng túng kể ra vài tên sách.

- Cháu thích những gì trong các sách ấy? - bà hỏi tôi, tay để trên bàn, ngón tay khe khẽ động đậy.

Người bà tỏa ra một mùi thơm vừa đậm vừa dịu dàng của một thứ hoa nào đấy, hoà lẫn một cách lạ thường với mùi mồ hôi ngựa. Thiếu phụ trầm ngâm và nghiêm trang nhìn tôi qua hàng mi dài - xưa nay chưa ai nhìn tôi như vậy cả. Căn phòng ngổn ngang những bàn ghế đẹp có nệm khiến nó hẹp lại giống như một tổ chim. Các cửa sổ được che bằng một màu xanh thẫm như hoa lá. Những tấm gạch tráng men trắng như tuyết trên lò sưởi lấp lánh trong bóng tối; chiếc dương cầm đen đặt bên cạnh đó cũng phản chiếu ánh sáng trông óng ánh lên. Trên tường, trong những chiếc khung mạ vàng nhợt nhạt, có những tấm bằng khen sẫm màu đầy những chữ in Xlav to, và dưới mỗi tấm

đều có treo một cái ấn to màu đen lủng lẳng ở đầu một sợi giây. Tất cả những đồ vật ấy đều nhìn thiếu phụ với một vẻ phục tùng, nhút nhát như tôi vậy.

Tôi cố cắt nghĩa cho bà hiểu rằng cuộc sống của tôi thật là nặng nề, buồn tẻ và tôi đọc sách là để quên đi những điều đó.

- À, ra thế đấy? - bà đứng dậy nói. - Cháu nói cũng có lí, cũng đúng đấy... Nào, chúng ta sẽ làm gì đây. Bác sẽ cho cháu mượn sách, nhưng bây giờ bác chưa có... Thôi được, cháu lấy tạm quyển này nhé...

Bà lấy quyển sách để trên đi văng bìa vàng đã sờn nát.

- Cháu đọc xong, bác sẽ cho mượn tập thứ hai. Tất cả bốn tập...

Tôi ra về mang theo quyển sách *Những sự bí mật của Peterburg* của công tước Mesecxki và bắt đầu đọc rất chăm chú. Nhưng ngay từ những trang đầu, tôi đã thấy "những sự bí mật" của kinh thành Peterburg có phần nhạt nhẽo hơn "những sự bí mật" của Madrit, Luân Đôn hay Pari nhiều. Chỉ có bài ngụ ngôn về Tự do và Chiếc gậy là làm tôi thích thú.

"Tao hơn mày, - Tự do nói, - vì tao thông minh hơn".

Nhưng Chiếc gậy trả lời:

"Không, tao hơn mày, vì tao mạnh hơn mày."

Hai bên cãi nhau mãi, cãi nhau mãi, sau cùng chúng đánh nhau. Chiếc gậy đánh quị Tự do, còn Tự do thì tôi nhớ là đâu như bị chết trong nhà thương vì bị đánh dữ quá.

Trong quyển sách có đoạn nói về người theo phái vô thần. Tôi còn nhớ công tước Mesecxki cho người theo phái vô thần là một loại người độc ác đến mức độ anh ta nhìn gà thì gà chết.

Tôi cảm thấy chữ vô thần hơi thô lỗ, dễ làm mình khó chịu, nhưng tôi không hiểu được gì hơn, nên đâm ra buồn nản. Tất nhiên là tôi không biết đánh giá những quyển sách hay, tôi tin chắc rằng đây là một quyển sách hay vì chả nhẽ thiếu phụ đường bệ và xinh đẹp như thế kia mà lại đi đọc những loại sách tồi hay sao?

- Thế nào, cháu có thích không? - thiếu phụ hỏi tôi, khi tôi trả bà quyển tiểu thuyết bìa vàng của Mesecxki.

Tôi trả lời "không" một cách khó khăn, tôi sợ rằng điều đó sẽ làm bà tức giận.

Nhưng bà chỉ cười to và đi ra phía sau rèm cửa phòng ngủ mang ra một cuốn sách nhỏ bìa da dê thuộc màu xanh.

- Quyển này hẳn cháu sẽ thích, nhưng cháu đừng làm bẩn nhé!

Đó là tập thơ của Puskin. Tôi đọc một hơi tất cả những bài thơ đó, lòng tràn ngập một cảm giác khát khao như một người lạc vào một nơi đẹp chưa từng thấy, muốn chạy khắp mọi nơi để xem ngắm. Đó cũng là cảm giác của ta, sau khi đi rất lâu trên những mỏm đất đầy rêu của một khu rừng lầy, bỗng nhiên thấy hiện ra trước mắt một bãi cỏ khô ráo, đầy hoa và tràn ngập ánh nắng. Ta đứng lại, sững sờ nhìn cảnh tượng đó trong phút giây, rồi hớn hở tung tăng chạy khắp nơi: mỗi một lần chân ta chạm vào một lớp cỏ mềm mại trên miếng đất mầu mỡ đó là mỗi lần lòng ta rung lên một niềm vui man mác.

Vẻ giản dị và nhạc điệu của thơ Puskin làm tôi ngạc nhiên đến mức độ suốt một thời gian dài, văn xuôi đối với tôi trở thành những câu văn giả tạo, đọc lên không thấy tự nhiên chút nào. Phần mở đầu của truyện thơ *Ruxlan* khiến tôi nhớ đến những câu chuyện cổ tích hay nhất của bà tôi đã được cô đọng lại thành một khối trong thơ. Có những dòng thơ khiến tôi rất đỗi ngạc nhiên vì sự đúng đắn rõ ràng của chúng.

Nơi kia trên những đường hoang vắng.
Có dấu chân thú dữ dị kì.

Tôi thầm nhắc đi nhắc lại mãi câu thơ tuyệt diệu đó trong óc và tôi nhìn thấy hình ảnh những con đường mòn hẻo lánh rất quen thuộc đối với tôi, tôi nhìn thấy những dấu vết bí ẩn đã làm nhầu nát lớp cỏ còn trĩu nặng những giọt sương long lanh như

thuỷ ngân. Những dòng thơ âm vang, dễ nhớ một cách lạ lùng: chúng tô thắm cho tất cả những gì mà chúng gợi lên. Tôi cảm thấy sung sướng vô vùng, cuộc sống của tôi trở nên nhẹ nhàng và dễ chịu. Những lời thơ vang lên như những tiếng chuông báo hiệu một cuộc sống mới. Hạnh phúc biết bao khi mình biết đọc, biết viết!

Những chuyện cổ tích tuyệt mĩ của Puskin đều dễ hiểu và gần gũi với tôi hơn tất cả. Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần và đã thuộc lòng. Lên giường, tôi vẫn nhắm mắt đọc thì thầm những câu thơ, cho đến khi ngủ thiếp đi mới thôi. Đôi khi tôi kể những chuyện ấy cho những người lính cần vụ nghe. Họ vừa nghe vừa cười ha hả, vừa văng tục không chút ác ý. Anh Xidorov vò đầu tôi, khẽ nói:

- Chà, lạy Chúa, thật là tuyệt!

Những người trong nhà đều biết tôi đang sống trong một trạng thái khích động. Bà chủ già chửi tôi:

- Cái thằng chết giẫm ấy suốt ngày chỉ chúi đầu vào sách! Còn cái ấm xamovar kia đã bốn ngày chưa chùi đấy! Tao mà vớ được một cái gậy[1] thì cứ gọi là...

Cái gì - gậy à? Tôi bèn dùng mấy câu thơ giễu bà để tự vệ:

Tâm hồn đen tối xấu xa.
Mụ già phù thuỷ chỉ ưa oán thù...[2]

Người thiếu phụ lại càng vượt cao hẳn lên trước mặt tôi. Đấy, bà ta đã đọc được những quyển sách như vậy đấy! Đâu có phải như chị vợ anh thợ cắt giống pho tượng sứ kia!...

Khi tôi mang quyển sách đến nhà bà và ngùi ngùi đưa trả, bà nói với tôi bằng giọng đầy tin tưởng:

- Cháu đọc thích chứ? Cháu đã nghe nói về Puskin chưa?

---

[1] Nguyên văn: con lăn.

[2] Thơ của Puskin.

Tôi đã đọc một bài nói về cuộc đời thi sĩ trong một tờ tạp chí, nhưng muốn được chính bà kể cho nghe, nên tôi bảo tôi không biết gì về nhà thơ cả.

Sau khi kể vắn tắt cho tôi nghe về cuộc đời và cái chết của Puskin, bà mỉm cười tươi như một ngày xuân và hỏi tôi:

- Yêu đàn bà nguy hiểm như thế đấy, cháu thấy chưa?

Qua những quyển sách đã đọc, tôi cũng biết đó quả thực là một điều nguy hiểm, nhưng cũng là một điều vui sướng nữa. Tôi nói:

- Nguy hiểm thật đấy, nhưng mà người ta vẫn cứ yêu! Ngay cả phụ nữ cũng đau khổ vì tình yêu mà...

Qua lớp lông mi, đôi mắt người thiếu phụ nhìn lướt qua tôi như nhìn mọi sự vật... Bà nghiêm trang nói:

- Ra thế đấy? Cháu hiểu điều ấy à? Vậy thì bác cũng mong cho cháu đừng quên điều ấy!

Và bà bắt đầu hỏi tôi thích những bài thơ nào?

Tôi trả lời câu được câu chăng, vừa giơ tay làm điệu bộ, vừa đọc thuộc lòng những bài thơ. Bà yên lặng chăm chú nghe tôi, rồi đứng lên đi đi lại lại trong phòng, trầm ngâm nói:

- Con quỷ đáng yêu này, cháu phải đi học mới được! Bác sẽ chú ý đến việc này... Chủ nhà có họ với cháu phải không?

Khi tôi nói "vâng", bà thốt lên: "ồ!" - tựa như muốn chê trách tôi. Bà cho tôi mượn tập *Thi ca của Beranje*[1] in rất đẹp kèm theo những bản vẽ khắc, cạnh vàng, bìa da đỏ. Tâm thần tôi như mê mẩn trong những mối buồn đau gắn bó chặt chẽ một cách kì lạ với những niềm vui dạt dào trong tập thơ.

Tôi thấy tê tái trong lòng khi đọc những câu thơ đầy cay đắng của *Người hành khất già*:

Là giun độc, tôi phiền ngài lắm nhỉ?
Vậy xin ngài cứ giẫm chết tôi đi!

---

[1] *Béranger*: nhà thơ cách mạng Pháp (1780- 1857).

Giẫm bẹp đi, đừng thương tiếc làm gì!
Tại sao ngài không cho tôi được học,
Để sức mạnh của tôi dùng đúng lúc?
Từ kiếp giun thành kiếp kiến tái sinh,
Khi chết còn ôm ấp được cha anh!
Nhưng thân già giờ chơ vơ mòn mỏi
Đang gọi kêu lòng căm thù nhân loại.

Tiếp theo đó tôi cười đến chảy nước mắt ra khi đọc bài *Người chồng hay khóc*. Tôi còn nhớ nhất là câu sau đây của Beranje:

Bí quyết của cuộc sống vui tươi
Không khó gì đối với người bình dị!...

Beranje đã khuấy động lên một niềm vui không gì kiềm chế nổi trong lòng tôi, khiến tôi muốn nghịch ngợm, muốn nói với mọi người bằng những câu bướng bỉnh, châm chọc, và chỉ trong một thời gian ngắn, tôi đã quá thành thạo trong những món đó. Tôi cũng học thuộc lòng những bài thơ của ông và hào hứng đọc cho những người lính cần vụ nghe mỗi khi tạt qua bếp của họ trong vài phút.

Nhưng chẳng bao lâu, tôi không đến với họ nữa, vì hai câu thơ:

Chiếc mũ nào mà chẳng vừa
Với cô gái mười bảy tuổi![1]

đã trở thành đầu đề cho những câu chuyện khả ố về phụ nữ. Tôi tức điên lên, cầm một cái xoong phang vào đầu gã Ecmokhin. Anh Xidorov và những người khác gỡ được tôi ra khỏi đôi tay hung dữ của Ecmokhin, nhưng từ đó tôi không dám xuống các bếp của cánh sĩ quan nữa.

Tôi không được đi chơi phố. Mà cũng chẳng còn có thì giờ nào mà đi chơi nữa. Công việc mỗi ngày một nhiều. Bây giờ ngoài

[1] Thơ của Puskin.

những công việc thường ngày của con sen, người quét sân và của "thằng nhỏ để sai vặt" ra, hàng ngày tôi còn phải đóng đinh căng vải lên những tấm bảng to, dán các bản vẽ lên đó, chép lại bản dự toán của các công trình xây dựng cho cậu chủ, tính lại tiền trả cho những chủ thầu. Cậu chủ cặm cụi làm việc từ sáng đến tối như một cái máy.

Hồi đó những dãy nhà công cộng của hội chợ sắp được chuyển thành tư hữu của các thương gia. Những dãy hàng quán đều được tu sửa gấp, cậu chủ tôi nhận thầu sửa chữa các cửa hàng và xây dựng các công trình mới. Cậu lập các bản vẽ: "Sửa chữa lại các đầu hồi giáp nhau, đục cửa tò vò trên mái" và những bản vẽ tương tự, còn tôi thì mang những bản vẽ đó tới một ông kiến trúc sư già kèm theo với một chiếc phong bì bên trong có nhét một tờ hai mươi lăm rúp. Ông kiến trúc sư nhận tiền và phê chuẩn: "Bản vẽ đúng với nguyên bản. Mọi công việc đã được ông "Mỗ" kiểm soát". Lẽ dĩ nhiên là có bao giờ ông trông thấy nguyên bản đâu, còn kiểm soát các công việc thì ông cũng không sao làm được vì ông ốm không bao giờ đi ra khỏi nhà cả. Tôi cũng mang của hối lộ đến cho ông quản lí khu hội chợ và cho một số công chức quan trọng khác nữa, và đều nhận được ở họ những "giấy phép để làm những việc phi pháp" như lời cậu chủ tôi thường mệnh danh cho những giấy tờ đó. Nhờ đó mà tôi được phép chiều chiều chờ nhà chủ ở cửa, ở ngoài hiên, khi họ đi đến các nhà quen thuộc chơi. Những dịp như thế cũng không phải là thường xuyên lắm. Nhưng nhà chủ thường về vào lúc quá nửa đêm, và suốt trong mấy tiếng đồng hồ liền, tôi ngồi trên thềm hiên hay trên đống gỗ trước hiên, nhìn vào cửa sổ nhà bà thiếu phụ của tôi và khát khao lắng nghe tiếng nhạc, tiếng chuyện trò vui vẻ.

Các cánh cửa đều mở. Qua tấm rèm cửa và màng lưới hoa tôi thấy những bóng dáng cân đối của những sĩ quan đang di động trong các phòng khách. Ông thiếu tá to béo đang đi đi lại lại,

bóng dáng thiếu phụ uyển chuyển lướt qua, bà mặc giản dị và đẹp một cách lạ thường.

Tôi thầm gọi bà là Nữ hoàng Macgo.

"Chính đây là cuộc sống vui thú mà các tiểu thuyết Pháp thường miêu tả", - tôi nghĩ vậy khi nhìn vào các cửa sổ. Những lúc đó tôi thường thấy buồn buồn: lòng ghen trẻ thơ của tôi khiến tôi phải đau lòng khi thấy có nhiều đàn ông xung quanh Nữ hoàng Macgo. Họ quấn lấy bà như đàn ong bò vẽ quấn quanh một bông hoa.

Một sĩ quan cao dong dỏng và lúc nào cũng ủ ê ít đến hơn những người khác. Trán ông bị nhiều vết chém và mắt hõm sâu. Lần nào ông cũng mang theo một cây vĩ cầm và chơi rất hay đến nỗi khách qua đường phải dừng lại dưới cửa sổ, dân trong phố kéo ra tập hợp trên các đống gỗ, ngay cả đến nhà chủ của tôi, nếu họ không đi vắng, cũng mở cửa sổ ra vừa nghe vừa khen ngợi người chơi đàn. Tôi không nhớ rằng ngoài thầy phụ lễ ở nhà thờ ra, họ còn khen ai nữa, và cũng biết rằng dầu sao họ vẫn thích bánh rán với mỡ cá hơn là thích âm nhạc.

Thỉnh thoảng ông sĩ quan lại hát và ngâm thơ bằng một giọng trầm trầm. Ông vừa thở hổn hển một cách khác thường, vừa ấp lòng bàn tay vào trán. Một hôm, khi tôi đang chơi với con bé dưới cửa sổ, Nữ hoàng Macgo đề nghị ông ta hát, ông từ chối năm lần bảy lượt, và cuối cùng tuyên bố bằng một giọng rành rọt:

Chỉ bài ca mới cần vẻ đẹp,
Còn vẻ đẹp đâu cần đến bài ca...[1]

Tôi rất thích hai câu thơ đó và không hiểu tại sao lại thấy thương thương ông sĩ quan. Tôi thích nhất khi được nhìn bà thiếu phụ của tôi ngồi trước dương cầm chơi đàn một mình trong phòng. Tiếng nhạc làm tôi ngây ngất say sưa. Tôi không

[1] Hai câu cuối của bài thơ *Vừa thấy nụ cười của em* của Piot.

còn thấy gì ngoài chiếc cửa sổ và hình dáng thanh tú của người đàn bà dưới ánh sáng vàng của ngọn đèn bên trong cửa sổ, ngoài vẻ mặt trông nghiêng kiêu hãnh của thiếu phụ và những ngón tay trắng trẻo lướt nhanh thoăn thoắt như những cánh chim trên phím đàn.

Tôi vừa nhìn thiếu phụ, vừa lắng nghe tiếng đàn rầu rĩ và tôi mơ ước: nếu tôi tìm được một kho tàng thì tôi sẽ đem biếu bà hết, để bà trở thành một người thật giàu có. Còn nếu tôi là Xcobelev[1] thì tôi lại sẽ tuyên chiến với Thổ Nhĩ Kì, để rồi lấy tiền bồi thường của họ xây một ngôi nhà trên bờ dốc Otcot - nơi nơi đẹp nhất của thành phố. Tôi sẽ tặng bà ngôi nhà đó, chỉ mong sao cho bà rời khỏi khu phố này, rời khỏi căn nhà này, nơi mà người ta đồn đại nhiều điều đáng bực và xấu xa về bà.

Những người láng giềng và người phục vụ trong khu nhà ở của chúng tôi, nhất là nhà chủ của tôi, đều nói xấu Nữ hoàng Macgo một cách độc địa cũng như họ đã nói về chị vợ anh thợ cắt, nhưng có điều thận trọng hơn, mỗi khi nói họ lại nhìn xung quanh và hạ thấp giọng xuống.

Họ sợ bà, có lẽ vì bà là vợ goá của một nhân vật rất quyền quý. Anh lính Chufaiev - một con người có chữ nghĩa, luôn luôn đọc kinh Phúc Âm - nói với tôi rằng những bằng khen treo trên tường trong phòng của bà đều do các vua Nga cổ xưa: Godunov, Alecxei và Piot Đại đế tặng cho ông cha của chồng bà. Cũng có lẽ người ta sợ bà cầm chiếc roi ngựa cán nạm mặt đá màu tím vụt vào mình nữa. Người ta đồn rằng có lần bà đã cầm roi vụt vào một viên chức quan trọng nào đấy.

Nhưng những lời nói thì thầm ấy cũng chẳng hơn gì những lời đồn đại ầm ĩ. Bà thiếu phụ của tôi sống trong một không khí hằn thù, khó hiểu đối với tôi và nó cứ giày vò tôi. Cậu Victorusca kể

[1] Một tướng Nga nổi tiếng trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kì (1877- 1878).

rằng có lần về nhà vào lúc quá nửa đêm, cậu thoáng nhìn vào cửa sổ phòng ngủ của Nữ hoàng Macgo và trông thấy bà ngồi trên đi văng chỉ mặc độc một chiếc áo lót, còn thiếu tá thì quỳ gối cắt móng chân cho bà rồi lấy bọt biển đánh bóng móng chân cho bà.

Bà già vừa nhổ nước bọt vừa chửi rủa. Mợ chủ thì đỏ mặt tía tai réo lên:

- Xì, chú Victor! Chú thật là trơ trẽn! Mà các ông bà kia thì cũng thật là lũ đốn mạt!

Cậu chủ lặng yên mỉm cười. Tôi rất biết ơn cậu vì cậu đã nín lặng, nhưng cũng phấp phỏng lo cậu sẽ đồng tình tham gia vào những chuyện nói xấu kia. Hai người đàn bà vừa xuýt xoa, vừa kêu ơi ới lên, vừa tỉ mỉ hỏi cậu Victorusca xem thật bà ta đã ngồi như thế nào, ông thiếu tá đã quỳ ra sao. Cậu Victorusca không ngừng tô thêm những chi tiết mới vào:

- Mặt ông ta đỏ ửng lên, lưỡi thè ra...

Tôi thấy chẳng có gì là xấu xa trong việc ông thiếu tá cắt móng chân cho thiếu phụ cả, nhưng tôi không tin rằng ông ta đã thè lưỡi. Tôi cho rằng đó là chuyện bịa đặt có tính chất lăng mạ, và tôi bảo cậu Victorusca:

- Nếu đấy là chuyện xấu thì cậu còn đứng nhìn vào cửa sổ làm gì? Cậu có còn bé bỏng gì cho cam...

Tất nhiên là tôi bị chửi một trận nên thân, nhưng những lời chửi mắng không làm tôi bực tức. Tôi chỉ muốn một điều: chạy ngay xuống nhà dưới, quỳ trước mặt thiếu phụ như ông thiếu tá và cầu xin bà:

"Bác ơi, bác hãy rời khỏi khu nhà này đi!"

Từ ngày tôi biết có một cách sống khác, những con người, những tình cảm và ý nghĩ khác, thì khu nhà này với những người ở trong đó càng gây thêm trong lòng tôi sự chán ghét sâu sắc. Cả khu nhà bị bao trùm trong những màng dây bẩn thỉu của những câu chuyện đơm đặt vô liêm sỉ, trong đó không có ai là không bị

nói xấu. Ông cố đạo ốm yếu đáng thương của trung đoàn bị mang tiếng là tay rượu chè be bét và truỵ lạc. Theo lời kể của nhà chủ tôi thì các sĩ quan và vợ của họ đều sống trong những hố lầy tội lỗi. Những câu chuyện đơn điệu của đám lính về phụ nữ làm tôi khó chịu. Đáng ghét nhất là nhà chủ của tôi. Tôi hiểu rất rõ cái chân giá trị của những lời phê phán người đời một cách tàn nhẫn vẫn được họ ưa chuộng. Việc quan sát những thói hư tật xấu của con người là một trò tiêu khiển không mất tiền duy nhất của họ. Nhà chủ của tôi chỉ giải trí bằng cách dùng lời nói để dằn vặt, châm chọc những người lân cận, tựa như họ muốn trả thù tất cả mọi người vì chuyện chính họ phải sống lương thiện, chật vật và buồn tẻ như vậy.

Khi nghe người ta kể những điều bỉ ổi về Nữ hoàng Macgo, tôi rất phẫn nộ. Ôi! Đâu có phải là sự phẫn nộ của trẻ thơ nữa! Tim tôi sôi sục lòng căm ghét những kẻ hay bịa đặt điều nọ tiếng kia, tôi không sao nén được ý muốn chọc tức tất cả mọi người, làm những điều tai quái. Đôi lúc tôi lại thấy trong lòng bị dằn vặt vì lòng thương hại bản thân, thương hại mọi người. Lòng thương hại thầm lặng đó còn làm cho tôi khổ sở hơn là lòng căm ghét.

Tôi biết về Nữ hoàng nhiều hơn là những người xung quanh, và tôi ngại rằng họ không thể biết hết được những điều mà tôi biết.

Vào những ngày lễ, khi nhà chủ kéo nhau đến nhà thờ xem lễ lớn đến trưa mới về, tôi sang nhà thiếu phụ cả buổi sáng. Bà gọi tôi vào phòng ngủ của mình. Tôi ngồi trên một chiếc ghế bành nhỏ bọc lụa vàng. Con bé leo lên đùi tôi ngồi. Tôi kể cho bà nghe về những sách tôi đã đọc. Bà nằm trên chiếc giường rộng, hai lòng bàn tay nhỏ nhắn của bà úp vào nhau tì dưới má. Thân hình bà khuất dưới chiếc chăn màu vàng óng, như mọi đồ đạc trong phòng ngủ. Mớ tóc đen tết thành bím vắt trên vai, nằm ra phía trước và đôi khi thõng từ trên giường xuống sàn nhà.

Vừa nghe, bà vừa nhìn vào mặt tôi bằng cặp mắt dịu dàng rồi hơi mỉm cười nói:

- Ra thế đấy?

Cho đến cả nụ cười đầy thiện cảm của bà trước mắt tôi cũng chỉ là một nụ cười độ lượng bề trên của một bà hoàng. Bà nói bằng một giọng ấm dịu và tôi có cảm tưởng như lúc nào bà cũng nói một câu:

"Ta biết rằng ta tốt hơn hẳn, trong sạch hơn hẳn mọi người. Ta không cần đến một kẻ nào trong bọn họ cả".

Đôi khi tôi gặp bà ngồi chải tóc trước gương, trên một chiếc ghế bành thấp. Đuôi tóc của bà xoã ra trên đầu gối, trên tay ghế bành, vắt qua lưng ghế và buông thõng xuống tận sàn. Tóc bà cũng dài và tốt như tóc của bà ngoại tôi. Tôi trông thấy bộ ngực nở và ngăm ngăm của bà trong gương. Bà mặc áo nịt và đi tất ngay trước mặt tôi. Nhưng vẻ khoả thân trong sạch của thiếu phụ không gợi cho tôi một ước muốn xấu xa nào; tôi chỉ thấy vui sướng và hãnh diện về bà. Người bà lúc nào cũng toả ra một mùi hoa thơm ngát ngăn chặn người khác khỏi có những ý nghĩ xấu về bà.

Lúc bấy giờ tôi là một thiếu niên khoẻ mạnh, cường tráng, và đã biết rõ những điều bí mật trong quan hệ giữa đàn ông với đàn bà. Nhưng người ta đã nói trước mặt tôi về những điều bí mật ấy với một ác ý thật nhẫn tâm, với một sự tàn bạo thật phũ phàng một cách bẩn thỉu đến nỗi tôi không thể nào hình dung được rằng người đàn bà ấy lại có thể để cho một người đàn ông nào ôm ấp. Tôi rất khổ tâm khi nghĩ rằng một người nào đó có quyền đụng chạm tới người bà một cách táo bạo và suồng sã, rằng bàn tay của người đó lại có thể làm chủ thân thể của bà được. Tôi tin chắc rằng Nữ hoàng Macgo không biết đến những loại tình ái trong xó bếp hoặc góc kho. Bà biết những niềm vui khác cao cả hơn, một tình yêu khác hơn...

Nhưng có một hôm, vào lúc xế chiều, khi đi vào phòng khách

tôi bỗng nghe thấy ở phía sau chiếc màn của phòng ngủ vang lên tiếng cười giòn giã của Nữ chủ trái tim tôi và một giọng đàn ông đang yêu cầu.

- Hẵng hượm đã nào... Trời ơi! Anh không tin...

Tôi hiểu rằng mình phải quay ra, nhưng không làm sao mà bỏ đi được...

- Ai đấy? - thiếu phụ hỏi, - cháu đấy à? Vào đây...

Trong phòng ngủ mùi hoa ngột ngạt. Ánh sáng chiếu lờ mờ. Các cửa sổ đều buông rèm kín. Nữ hoàng Macgo nằm trên giường, chăn phủ kín đến cằm. Ông sĩ quan chơi vĩ cầm ngồi bên tường ngay cạnh bà. Ông mặc một chiếc áo lót để hở ngực. Trên ngực ông cũng có một vết sẹo. Nó kéo dài thành một dải đỏ từ vai phải tới đầu vú và nổi lên rõ ràng đến nỗi mặc dầu ánh sáng lờ mờ tôi vẫn trông thấy rõ. Tóc của ông sĩ quan bị vò rối trông thật là buồn cười. Lần đầu tiên tôi trông thấy một nụ cười trên khuôn mặt đầy sẹo buồn bã của ông. Ông cười trông đến lạ. Còn đôi mắt to như mắt phụ nữ của ông thì nhìn Nữ hoàng tựa hồ như lần đầu tiên ông mới được ngắm sắc đẹp của bà.

- Đây là bạn của tôi,- Nữ hoàng Macgo nói, không hiểu là với tôi hay với ông sĩ quan.

- Cháu sợ cái gì? - giọng bà như từ xa vẳng tới. - Cháu lại đây...

Khi tôi đến gần, bà ôm lấy cổ tôi bằng cánh tay trần ấm áp và nói:

- Lớn lên cháu cũng sẽ được hạnh phúc... Thôi, cháu ra đi! Tôi đặt quyển truyện lên giá sách, lấy một quyển khác rồi ra khỏi phòng, bàng hoàng như trong một giấc mơ.

Một cái gì tan vỡ trong tim tôi. Tất nhiên, không một giây phút nào tôi lại nghĩ rằng Nữ hoàng của tôi cũng yêu đương giống như những người đàn bà khác. Và cả người sĩ quan cũng không cho phép tôi nghĩ như vậy. Tôi trông thấy gương mặt

ông, nụ cười của ông hiện ra trước mắt. Ông cười với một vẻ sung sướng như một đứa trẻ con ngạc nhiên trước một điều bất ngờ nào đấy. Khuôn mặt buồn rầu của ông bỗng đổi mới một cách kì diệu. Chắc ông phải yêu Nữ hoàng lắm, - lẽ nào lại không yêu được người đàn bà ấy? Và bà cũng có thể rộng lượng mà ban tình yêu cho ông: ông ta chơi đàn hay biết chừng nào, và ngâm thơ mới tình cảm làm sao...

Nhưng chính cũng vì phải tìm những điều an ủi đó mà tôi càng thấy rõ rằng mọi việc không phải đều tốt đẹp, đều đúng đắn cả trong thái độ của tôi đối với những điều tôi đã trông thấy và đối với chính bản thân Nữ hoàng Macgo. Tôi cảm thấy mình bị mất một cái gì và suốt mấy ngày tôi sống trong một trạng thái hết sức buồn rầu.

... Một hôm, tôi gây ra một trò nghịch ngợm tai quái và ngu xuẩn. Khi tôi đến nhà thiếu phụ để mượn sách, bà nghiêm khắc bảo tôi.

- Thế mà bác cũng nghe người ta nói rằng cháu nghịch lắm đấy! Bác thật không ngờ...

Tôi không nín được nữa, bèn kể cho bà biết rằng tôi sống thật đau khổ, thật nặng nề, mỗi khi nghe người ta nói xấu bà. Thiếu phụ đứng trước mặt tôi, tay đặt lên vai tôi, thoạt đầu bà nghiêm trang chăm chú nghe tôi nói, nhưng sau đó bà phì cười và khẽ ẩy tôi ra.

- Thôi đủ rồi, bác đã biết tất cả những chuyện đó, cháu hiểu chứ? Bác biết cả!

Rồi bà nắm lấy hai tay tôi mà nói với một giọng rất triu mến:

- Cháu càng ít chú ý đến những chuyện đê tiện ấy bao nhiêu thì càng tốt cho cháu bấy nhiêu... Mà sao cháu để tay bẩn thế này...

Chao ôi, bà còn phải nói làm gì điều đó! Nếu như bà cũng phải đánh các đồ đồng, lau sàn, giặt tã lót thì tôi chắc tay bà cũng sẽ không hơn gì tay tôi.

- Biết sống thì thiên hạ căm tức, ganh tị. Còn không biết sống thì người ta khinh, - thiếu phụ ôm lấy tôi trầm ngâm nói. Bà vừa kéo tôi sát vào người, vừa nhìn vào mắt tôi mỉm cười. - Cháu có yêu bác không?

- Có.

- Yêu lắm chứ?

- Vâng.

- Nhưng yêu như thế nào?

- Cháu không rõ.

- Cám ơn nhé. Cháu thật là tốt! Bác rất thích khi thấy mình được người ta yêu quý...

Bà mỉm cười, muốn nói với tôi một điều gì, nhưng bỗng thở dài rồi nín thinh hồi lâu, tay vẫn chưa buông tôi ra.

- Cháu cứ đến chơi luôn với bác nhé. Lúc nào đến được thì cứ đến...

Tôi tận dụng đặc quyền đó và nhờ lui tới luôn nên tôi thâu nhận được rất nhiều điều bổ ích. Sau bữa ăn trưa, nhà chủ của tôi thường ngủ, còn tôi thì chạy xuống nhà dưới và nếu bà có nhà, tôi ngồi chơi với bà hàng giờ, có khi còn lâu hơn.

- Phải đọc những sách Nga, phải hiểu biết được cuộc sống của người Nga chúng mình mới được, - bà vừa găm cặp tóc vào mớ tóc thơm thơm bằng những ngón tay đỏ hồng khéo léo, vừa bảo tôi như vậy.

Rồi bà kể ra những tên của các nhà văn Nga và hỏi tôi:

- Cháu nhớ chứ?

Bà hay nói với một vẻ suy nghĩ và hơi bực tức:

- Cháu phải đến trường mới được, phải học mới được! Khổ, thế mà bác vẫn cứ quên mất chuyện ấy!...

Sau những buổi ngồi dưới nhà bà, tôi lại chạy lên gác với một quyển truyện mới trong tay, lòng lâng lâng nhẹ nhõm.

Tôi đã đọc quyển *Kí sự gia đình* của Acxacov, thiên trường

ca nổi tiếng của nước Nga *Trong rừng*,[1] tập *Nhật kí của người đi săn* hay tuyệt diệu, những tập truyện ngắn của Grebionca[2] và Xologuv,[3] các tập thơ của Venevitinov,[4] Odoevxki[5] Chiutsev.[6] Những sách ấy đã gột rửa khỏi tâm hồn tôi lớp vỏ ngoài của những ấn tượng về cuộc sống thực tế bần cùng đầy cay đắng. Tôi đã cảm thấy được thế nào là một quyển sách hay và hiểu được sự cần thiết của sách vở đối với tôi. Đọc những quyển sách ấy, tâm hồn tôi thư thái lại vì một niềm tin tưởng vững chắc: không phải chỉ có mình tôi trên trái đất này và tôi sẽ không trở nên vô ích đâu!

Khi bà ngoại tôi đến thăm, tôi thích thú kể cho bà nghe về Nữ hoàng Macgo. Bà tôi vừa khoan khoái hít thuốc lá vừa nói với một vẻ tin tưởng:

- Hừ, tốt thế đấy! Trên đời thiếu gì người tốt, cứ chịu tìm là sẽ gặp thôi!

Có lần bà đề nghị:

- Có lẽ bà nên đến nhà người ta để cám ơn cho cháu?

- Không cần đâu, bà ạ...

- Ừ thì thôi... Lạy Chúa tôi, cuộc sống thật là tốt đẹp! Con chỉ muốn sống mãi!

Nữ hoàng Macgo chưa kịp lo đến việc cho tôi đi học thì ngày lễ Ba Ngôi đã xảy ra một chuyện bực mình suýt nữa làm hại tôi.

Trước dịp lễ ít ngày, hai mí mắt tôi bỗng sưng vù lên làm

---

[1] *Kí sự gia đình* của Acxakov (1791- 1859) mô tả những sinh hoạt của tầng lớp địa chủ thời xưa. *Trong rừng* của Menicov Petserxki (1819-1883) mô tả cuộc sống của những thương gia cựu giáo vùng ven sông Volga.

[2] Grebionca (1812 - 1848), nhà văn và nhà thơ người Ucraina.

[3] Xologuv (1814 - 1882), nhà văn và nhà viết kịch.

[4] Venevitinov (1805 - 1827), nhà thơ.

[5] Odoevxki (1802 - 1839), nhà thơ trong nhóm những người tháng Chạp.

[6] Chiutsev, nhà thơ.

mắt nhắm tịt hẳn lại. Nhà chủ lo tôi mù, chính tôi cũng hoảng. Người nhà đưa tôi đến bác sĩ sản khoa quen là ông Henri Rotzvitr. Ông ta nạo phía trong mí mắt tôi. Suốt mấy ngày tôi phải nằm đeo băng trên mắt buồn chán trong màn đen tối nặng trĩu. Trước ngày lễ một hôm, người ta tháo băng ra cho tôi. Tôi lại đi đứng như thường, tựa như mình vừa bị chôn sống nhưng đã lần mò được ra khỏi ngôi mộ. Không có gì khủng khiếp bằng cảnh mù, đó là một điều đau khổ không sao diễn tả nổi, nó tước đoạt mất của con người đến chín phần mười thế giới xung quanh.

Trong ngày lễ Ba Ngôi tưng bừng ấy, vì còn đau nên từ trưa trở đi tôi đã được miễn hết mọi công việc lặt vặt trong nhà. Tôi tha thẩn đến các nhà bếp thăm những anh lính cần vụ. Trừ Chufaiev nề nếp ra, ai cũng đều say mềm. Chập choạng tối. Ecmokhin cầm thanh củi phanh vào đầu Xidorov. Anh này nằm lăn ra bất tỉnh nhân sự ở phòng ngoài, còn Ecmokhin thì hoảng sợ chạy xuống khe trốn.

Tiếng đồn xôn xao đã truyền đi rất nhanh khắp cả khu nhà rằng Xidorov đã bị đánh chết. Người ta xúm lại trước cửa hiên đứng nhìn anh lính nằm thẳng đờ, đầu vắt qua ngưỡng cửa từ nhà bếp ra nhà ngoài. Họ xì xào là phải gọi cảnh sát đến, nhưng chẳng ai chịu đi và cũng chẳng ai dám đụng đến người anh lính.

Bỗng chị thợ giặt Natalia Cozlovxcaia hiện ra. Chị mặc một chiếc áo dài mới tinh màu phơn phớt tím với chiếc khăn vuông trắng quàng trên vai. Chị giận dữ xô đẩy mọi người, bước vào phòng ngoài, ngồi xổm xuống và nói to:

- Thật là lũ ngốc - anh ta còn sống đây này! Mang nước lại đây...

Người ta khuyên chị:

- Đừng có nhúng tay vào việc của người khác làm gì!

- Tôi bảo là mang nước lại đây cơ mà! Chị ta quát lên như

người la cháy nhà, rồi với vẻ thông thạo, chị vén chiếc váy mới của mình lên quá đầu gối, sửa lại váy lót bên trong và đặt cái đầu đầm đìa máu của anh lính lên đầu gối mình.

Đám người đứng xem sợ sệt bỏ ra về, vẻ không tán thành hành động của chị. Trong bóng tối nhá nhem của căn phòng ngoài, tôi trông thấy cặp mắt đầy lệ của chị thợ giặt long lanh một cách giận dữ trên khuôn mặt trắng trẻo tròn trĩnh. Tôi bèn xách một thùng nước đến. Chị bảo tôi giội lên đầu, lên ngực anh Xidorov và dặn trước tôi:

- Đừng có giội vào người chị. Chị còn phải đến thăm nhà một người bạn nữa...

Anh lính hồi tỉnh lại, mở đôi mắt đờ đẫn ra và cất tiếng rên rỉ.

- Đỡ anh ta lên, - chị Natalia vừa nói vừa xốc nách anh lính lên, không cho chạm vào người vì chị sợ bẩn váy. Chúng tôi khiêng anh lính vào bếp vào đặt anh lên giường. Chị lấy một miếng giẻ ướt lau mặt cho anh và dặn tôi:

- Em thấm nước vào giẻ rồi đặt lên đầu anh ấy để chị đi lùng cho ra cái thằng khốn kiếp kia. Đồ quỷ này, cứ rượu chè bê tha rồi cũng có ngày đi đày sớm.

Chị tụt chiếc váy lót đã bị giây bẩn xuống sàn rồi quăng vào một xó nhà, cẩn thận sửa lại chiếc váy ngoài nhầu kêu sột soạt và bỏ đi.

Anh Xidorov cựa quậy duỗi tay chân, vừa nằm vừa kêu ú ớ. Những giọt máu đặc thẫm nặng nề rơi từ đầu anh xuống bàn chân không của tôi. Thật là khó chịu, nhưng tôi sợ quá, không dám nhích chân tránh những giọt máu đó.

Tôi thấy đau khổ vô cùng. Ngày hội tưng bừng khắp khu nhà. Ngoài hiên, cổng ra vào được trang trí bằng những cây bạch dương nhỏ. Những cành phong, cành thanh lương trà mới chặt được buộc vào cột ven đường. Cả khu phố ngập trong một

màu xanh trông thật vui mắt. Cảnh vật như trẻ lại, mới ra. Từ sáng sớm tôi đã có cảm giác rằng ngày hội xuân sẽ còn kéo dài mãi và cuộc sống từ ngày hôm nay trở đi sẽ trong sạch hơn, sáng sủa hơn, vui tươi hơn.

Anh lính bỗng nôn nao. Căn bếp sặc mùi rượu và mùi hành sống. Thỉnh thoảng lại có những bộ mặt to lớn, lờ mờ, mũi bẹp gí dán vào tấm cửa kính. Những bàn tay tì vào làm cho những khuôn mặt đó như có thêm những chiếc tai to một cách quái dị.

Anh lính tỉnh lại, lẩm bẩm:

- Tôi làm sao thế này? Ngã à? Thằng Ecmokhin phải không? Thằng bạn quý thật...

Rồi anh ho húng hắng và khóc lè nhè. Anh rên rỉ:

- Em gái của anh ơi... em gái...

Anh đứng được lên, người loạng choạng, ướt át và hôi thối, nhưng lại lảo đảo ngã phịch xuống giường. Anh đảo mắt một cách kì quái và nói:

- Chúng nó giết mình chết mất rồi:

Tôi phì cười lên.

- Ai cười đấy, đồ quỷ? - anh lính đờ đẫn nhìn tôi và hỏi. - Mày cười thế à? Chúng nó đã giết tao hẳn rồi...

Anh lấy hai tay đẩy tôi ra và lẩm bẩm:

- Hạn thứ nhất Ilia phát nguyện; hạn thứ hai Egori lên ngựa; hạn thứ ba chớ có đến tôi! Cút ngay, đồ chó sói...

Tôi nói:

- Đừng có vớ vẩn!

Bỗng dưng anh nổi cáu, giậm chân và quát tôi:

- Chúng nó đã giết chết tao, thế mà mày còn...

Và anh tống mạnh bàn tay khẳng khiu, bẩn thỉu vào mắt tôi. Tôi hét to, mắt hoa lên chẳng thấy gì nữa và chạy ra ngoài sân, về phía chị Natalia đang đi đến. Chị nắm tay lôi Ecmokhin tới và kêu:

- Đi đi, cái con ngựa này! Em làm sao thế? - chị túm lấy tôi và hỏi:

- Anh ấy đánh em...

- Đánh à... à...? - chị ngạc nhiên kéo dài giọng ra rồi kéo Ecmokhin nói với hắn:

- Đồ quỷ này, may nhé, hãy cảm tạ Chúa đi!

Tôi lấy nước rửa mắt. Đứng từ phòng ngoài nhìn vào cửa tôi thấy hai anh lính đã làm lành với nhau, ôm nhau khóc, rồi họ cùng ôm chầm lấy chị Natalia. Còn chị thì đấm vào tay họ, quát lên:

- Bỏ tay ra, lũ chó này! Tôi là nhân tình, nhân ngãi của các người đấy hẳn? Đi ngủ cả đi trong lúc nhà chủ của các người chưa về. Nào, nhanh lên! Không có thì lôi thôi đấy!

Chị đặt họ ngủ như đặt lũ trẻ con, một người nằm dưới sàn, một người nằm trên giường. Khi họ đã ngáy cả rồi, chị đi ra nhà ngoài.

- Áo xống của chị bẩn hết cả rồi, thế mà định mặc để đi thăm bạn đấy! Nó đánh em à?... Thằng ngu xuẩn đến thế thì thôi! Rượu chè tai hại như vậy đấy! Đừng uống làm gì, em nhé, đừng có bao giờ uống...

Sau đó tôi ngồi với chị trên chiếc ghế dài ngoài cổng và hỏi chị sao không sợ những người say rượu...

- Cả những người tỉnh chị cũng không sợ. Chị trị được tuốt! - Chị giơ nắm đấm đỏ hồng siết chặt lên. - Hồi còn mồ ma chồng chị, hắn cũng rượu chè bí tỉ; có lần hắn say rượu bị chị trói cả tay lẫn chân lại. Chị bảo: đừng có rượu chè say sưa. Anh đã lấy vợ thì vợ anh sẽ tiêu khiển cho anh, chứ không phải là rượu! Chị nói thế và nện cho hắn một trận nhừ tử rồi mới cởi trói, đến nỗi sau trận đòn đó anh chàng cứ gọi là hiền như bụt...

- Chị khoẻ thật, - tôi bảo chị và lại nhớ đến bà Eva lừa cả Chúa trời.

Chị Natalia thở dài nói:

- Đàn bà phải khoẻ hơn đàn ông mới được. Lẽ ra là phải khoẻ gấp đôi ấy, nhưng Chúa đã ăn bớt mất cả. Đàn ông là loại người hay thay đổi tính nết.

Chị bình thản nói không có vẻ gì là ác ý cả. Chị ngồi dựa lưng vào bờ rào, tay khoanh trước bộ ngực nở nang, buồn rầu đưa mắt nhìn chiếc đập đầy gạch đá rác rưởi. Tôi quên cả thời gian, mải mê nghe những lời nói thông minh đó. Thình lình tôi trông thấy mợ chủ khoác tay chồng hiện ra ở phía cuối chiếc đập. Họ bước khoan thai, dường bệ như một cặp gà trống mái. Họ chăm chú nhìn chúng tôi và nói gì với nhau không rõ.

Tôi chạy lại mở cửa chính. Mợ chủ vừa lên thang vừa bảo tôi một cách thâm thiểm:

- Mày đã đánh bạn với lũ thợ giặt rồi đấy à? Đã học đòi cách tán tỉnh lũ đàn bà hạ lưu rồi cơ à?

Câu nói đó ngu xuẩn đến nỗi tôi không buồn để ý. Điều đáng bực hơn là cậu chủ cũng cười nhạt nói:

- Còn sao nữa, cũng đến tuổi rồi!...

Sáng hôm sau, khi xuống nhà kho lấy củi, tôi bắt được một cái túi đựng tiền, rỗng không, bên cạnh tấm cửa vuông của chuồng mèo ở cửa kho. Tôi đã nhiều lần thấy cái túi này trong tay anh Xidorov, nên tôi mang ngay đến cho anh.

- Thế nào tiền đâu? - anh khoắng tay vào trong túi và hỏi. - Một rúp ba copec đâu rồi? Đưa tiền đây!

Đầu anh quấn một chiếc khăn mặt như kiểu tín đồ Hồi giáo, người vàng vọ, gầy gò, anh cáu kỉnh hấp háy cặp mắt sưng vù vẫn không tin rằng tôi đã tìm thấy cái túi rỗng kia.

Ecmokhin chợt đi đến, hất đầu về phía tôi và lại xúi thêm anh Xidorov:

- Chính nó ăn cắp rồi! Nó đấy! Mày cứ lôi nó đến nhà chủ của nó! Lính không ăn cắp của lính đâu!

Câu nói đó đã thầm mách với tôi rằng chính hắn là kẻ ăn cắp tiền, và cũng chính hắn ném chiếc túi tiền vào nhà kho để cho tôi bắt được.

Tôi liền hét thẳng vào mặt hắn:

- Nói láo, chính anh ăn cắp thì có!

Và tôi hoàn toàn tin tưởng rằng mình đã đoán đúng, vì bộ mặt thốt của hắn nhăn nhó lại vì sợ hãi và tức giận; hắn lồng lộn và hét lên the thé:

- Mày cứ đưa bằng chứng ra đây!

Tôi biết lấy gì làm bằng chứng được? Ecmokhin vừa la hét vừa kéo tôi ra sân, anh Xidorov đi theo sau chúng tôi và cũng la lên những gì không rõ.

Những chiếc đầu nhô ra ở các cửa sổ; bà mẹ của Nữ hoàng Macgo vừa nhìn vừa bình thản hút thuốc lá. Tôi hiểu rằng mình đã bị mất hết tín nhiệm trước mắt Nữ hoàng của tôi và cứ điên cả người lên.

Tôi còn nhớ cảnh bọn lính túm lấy tay tôi, còn nhà chủ thì đứng trước mặt họ vừa nghe những lời buộc tội, vừa đồng tình phụ hoạ. Mợ chủ thì nói một cách quả quyết:

- Tất nhiên là nó lấy rồi! Hôm qua nó tán tỉnh với con mụ thợ giặt ở ngoài cổng chứng tỏ nó có tiền. Với mụ ta mà không có tiền thì đừng có hòng...

- Đúng như vậy đấy ạ! - Ecmokhin kêu lên.

Sàn dưới chân tôi như sụt xuống, một mối căm phẫn điên cuồng thiêu đốt người tôi, tôi liền chửi mợ một thôi và bị một trận đòn nên thân.

Nhưng không phải chỉ có trận đòn hành hạ tôi mà còn cả ý nghĩ không hiểu bây giờ Nữ hoàng Macgo sẽ nghĩ về tôi ra sao đã giày vò tôi. Làm sao mà bào chữa được trước mặt bà? Lòng tôi thật vô cùng đau khổ trong những giờ phút đen tối ấy.

May mắn sao cho tôi, bọn lính lại phao truyền rất nhanh câu

chuyện này đi khắp khu nhà, khắp dãy phố và đến chiều, khi đang nằm trên gác thượng tôi bỗng nghe thấy tiếng kêu của chị Natalia Cozlovxcaia ở phía dưới.

- Không, việc gì mà tôi phải im! Không được, chú mình ạ, đi đi, đi đi! Tôi đã bảo là anh đi cơ mà! Không có tôi sẽ đến thưa với chủ của anh, ông ta sẽ bắt anh phải...

Tôi linh cảm thấy ngay rằng chuyện ồn ào đó có liên quan tới tôi. Chị Natalia kêu gần phía hiên nhà của chúng tôi, giọng của chị vang lên mỗi lúc một to hơn, đắc thắng hơn.

- Hôm qua anh đã đưa cho tôi xem bao nhiêu tiền? Anh lấy tiền đó ở dâu ra, nói xem nào?

Tôi nghẹn lên vì sung sướng nghe thấy anh Xidorov rền rĩ:

- Chà... chà... Ecmokhin...

- Còn thằng bé thì bị người ta bêu riếu, đánh đập như thế đấy, hở?

Tôi muốn chạy ngay xuống dưới sân, nhảy múa lên vì vui sướng, và hôn đền ơn chị thợ giặt, nhưng vừa lúc đó mợ chủ của tôi đã kêu lên - có lẽ mợ từ cửa sổ nói xuống:

- Thằng bé bị đòn vì nó hỗn láo, chứ không ai cho nó là đứa ăn cắp, trừ nhà chị ra thôi, đồ điêu ngoa!

- Thưa bà, chính bà là đồ điêu ngoa, bà là đồ con bò cái, xin phép được nói với bà như vậy!

Tôi nghe câu chửi ấy như nghe một điệu nhạc. Những giọt lệ nóng hổi vì tủi cực, vì biết ơn chị Natalia như đốt bỏng lòng tôi; tôi nghẹn ngào vì cố ngăn cầm chúng lại.

Sau đó, cậu chủ thong thả trèo lên gác áp mái, ngồi xuống chỗ giáp đòn tay nhà cạnh tôi và vừa vuốt tóc, vừa nói:

- Sao, Pescov, bị xúi quẩy à, chú em?

Tôi lặng thinh quay mặt đi.

- Dầu sao thì cháu chửi cũng thật là quá quắt, - cậu nói tiếp.

Tôi khẽ bảo cậu:

- Khi nào khỏi, cháu sẽ không ở đây nữa...

Cậu ngồi lặng yên một lúc, vừa hút thuốc, vừa chăm chú nhìn vào đầu điếu thuốc và nói nhỏ nhẹ:

- Biết làm thế nào được, đó là việc của cháu! Cháu chẳng phải còn bé bỏng gì nữa, tự mình nghĩ lấy, cái gì có lợi cho mình nhất thì làm...

Rồi cậu bỏ đi. Như những lần khác, tôi thấy thương thương cậu.

Bốn ngày sau, tôi bỏ khu nhà đó. Tôi khao khát muốn đến từ biệt Nữ hoàng Macgo, nhưng tôi không đủ can đảm để đến gặp bà. Thú thực, tôi cũng mong rằng tự bà sẽ gọi tôi đến.

Khi chia tay với con bé, tôi nhờ nó:

- Em nhớ nói với mẹ rằng anh rất cám ơn mẹ nhé! Em có nói không?

- Em sẽ nói, - nó hứa và dịu dàng, âu yếm mỉm cười.

- Tạm biệt anh đến ngày mai nhé, phải không?

Hai mươi năm sau, tôi gặp lại cô bé, lúc bấy giờ đã là vợ của một sĩ quan hiến binh...

XI

Tôi lại làm nghề rửa bát trên tàu thuỷ Pecmo,[1] một chiếc tàu rộng lớn, chạy nhanh và trắng như một con thiên nga. Bây giờ tôi là tay rửa bát "chuyên nghiệp" hay còn gọi là "hầu bếp" nữa. Nhiệm vụ của tôi là giúp đỡ các đầu bếp, hàng tháng tôi được trả bảy rúp.

Chủ tiệm ăn là một người to béo, đầy vẻ dương dương tự đắc. Đầu lão hói như một quả bóng. Tay chắp sau lưng, suốt ngày

[1] Gorki bỏ nhà người cậu đến làm trên tàu Pecmo từ mùa xuân năm 1882.

lão đi đi lại lại một cách nặng nề trên boong tàu tựa như con lợn thiến đi tìm chỗ râm mát trong ngày oi bức. Tiệm ăn do vợ lão phụ trách, một người đàn bà tuổi ngoài bốn mươi, đẹp nhưng sồ sề, mặt trát bự phấn đến nỗi bụi nhờn trắng rơi từ má xuống đầy chiếc áo màu rực rỡ của mụ.

Bác đầu bếp hạng giỏi Ivan Ivanovitr, bí danh là "Gấu Con", cai quản khu bếp. Bác người thấp nhỏ, đầy đặn, có chiếc mũi như mỏ kền kền và cặp mắt giễu cợt. Bác ăn mặc rất chải chuốt, mang cổ cồn hồ bột, ngày nào cũng cạo râu. Đôi má của bác xanh, bộ ria đen vểnh ngược lên. Hễ rỗi là bác lại làm tình làm tội bộ ria, vân vê chúng bằng những ngón tay đỏ hồng vì lửa bếp và không ngừng soi ngắm trong một chiếc gương tròn con tí.

Người đáng chú ý nhất trên tàu thuỷ là anh thợ đốt lò Iacov Sumov, một người mujic vuông vức ngực rộng. Khuôn mặt với chiếc mũi hếch của anh bèn bẹt như một cái xẻng. Cặp mắt gấu nhỏ như bị đôi lông mày rậm che lấp. Má anh lún phún lông như rêu trên bãi lầy. Tóc trên đầu như một chiếc mũ lông rậm, khiến anh phải khó khăn lắm mới lùa được những ngón tay cong queo vào.

Anh chơi bài ăn tiền rất cừ và háu ăn một cách kinh khủng. Như một con chó đói, anh thường luẩn quẩn gần bếp để xin những mẩu thịt, khúc xương. Chiều nào anh cũng uống trà với bác Gấu Con và kể nhiều chuyện kì lạ về đời mình.

Hồi nhỏ anh giúp việc cho người chăn cừu của thành phố ở Riazan, sau đấy một ông thầy tu qua đường đã dụ dỗ anh vào tu viện và anh đã ở đấy trong bốn năm.

- Lẽ ra thì tớ cũng thành thầy tu, một ngôi sao đen của Chúa rồi đấy, - anh nói đùa giọng liến thoắng, nếu không có một nữ tín đồ ở Penza đến viếng tu viện của bọn tớ. Bà ta thật ngộ nghĩnh, bà ta dỗ dành tớ: "Anh trông đẹp trai như thế này, khoẻ như thế

này, còn tôi là một người đàn bà lương thiện, sống cô đơn goá bụa, thôi thì anh cứ đến ở với tôi, trông nom sân vườn cho tôi, tôi có nhà riêng và buôn bán các loại lông thú, lông chim..."

- Thế là bà ta chọn tớ làm người quét sân, còn tớ thì thành nhân tình của bà ta. Suốt ba năm trời, tớ được ăn no mặc ấm ở nhà bà ta...

- Mày nói phét khá lắm! - bác Gấu Con ngắt lời và đăm đăm nhìn những nốt sần sùi trên mũi mình. - Nếu nói phét mà được tiền thì chẳng mấy lúc mày có bạc nghìn!

Anh Iacov vẫn nhai, những mớ lông xanh xám chuyển động trên bộ mặt đờ đẫn của anh, hai vành tai đầy lông lá nhúc nhích. Nghe xong lời nhận xét của bác đầu bếp, anh lại nói nhanh và nhịp nhàng như trước:

- Bà ta nhiều tuổi hơn tớ, nên tớ đâm ra chán bà ta, tớ buồn quá bèn léng phéng với hai đứa cháu gái của bà ấy; không ngờ bà ta biết chuyện và tống cổ tớ ra khỏi nhà...

- Với mày, phải như vậy mới được, không còn cách gì hơn đâu, - bác đầu bếp nói, giọng cũng nhẹ nhàng và mạch lạc như anh Iacov.

Sau khi nhét một miếng đường vào miệng, anh thợ đốt lò lại tiếp tục:

- Tớ sống vất va vất vưởng một thời gian, sau đó đi theo một ông già bán hàng rong người vùng Vladimir. Thế là tớ đi với ông ta khắp mọi chân trời góc biển: trên các dãy núi Bancal, đến xứ sở người Thổ Nhĩ Kỳ, người Rumani, người Hy Lạp, đủ thứ người áo; dân tộc nào chúng tớ cũng đều gặp, mua hàng chỗ này, bán lại chỗ khác...

- Thế có ăn trộm không? - bác đầu bếp nghiêm trang hỏi.

- Không bao giờ! Ông già muốn thế! Ông ta bảo tớ: "Con hãy sống cho lương thiện ở đất nước người. Luật lệ ở đây không nể con đâu. Chỉ một tí là người ta chặt mất đầu đấy!" Thực ra tớ

cũng có thử đi ăn trộm, những chẳng ăn thua gì: một lần tớ định dắt ngựa của một lão nhà buôn ta khỏi sân, nhưng không dắt được. Người ta tóm tớ và tất nhiên họ nện tớ nhừ tử, nện xong họ lôi tớ đến sở cẩm. Chúng tớ có hai đứa, thằng kia cừ khôi lắm, nó mới thực là tay ăn trộm ngựa chính cống, còn tớ thì chỉ vào loại xoàng, tò mò nhiều hơn. Tớ vốn làm việc với tay nhà buôn kia, xây lò trong nhà tắm mới cho lão. Thế rồi lão ta bỗng ốm và nằm mơ thấy tớ; giấc mơ rất kinh khủng. Lão ta hoảng hốt lên bèn xin với sở cẩm: "Xin các ông tha cho hắn ta - tức là tớ đấy, - các ông tha cho hắn ta kẻo hắn ta báo mộng cho tôi là nếu không thả hắn ra thì không khoẻ được đâu, có lẽ hắn là phù thuỷ đấy!" - tức là tớ là phù thuỷ đấy! Chà, lão nhà buôn đó là một tay có tiếng tăm nên người ta mới tha cho tớ ra...

- Tha mày ra làm gì, cứ đem ngâm mày xuống nước lấy ba ngày để cho mọi tật xấu trong người mày tan đi hết mới được, - bác đầu bếp nói chen vào.

Anh Iacov cũng phụ hoạ ngay theo câu nói đó:

- Đúng đấy, tớ có nhiều tật xấu lắm, có thể nói là những tật xấu của tớ chứa cả làng không hết...

Luồn ngón tay vào chiếc cổ áo đã cài chặt, bác đầu bếp cáu kỉnh kéo căng nó ra. Bác vừa lắc đầu vừa bực bội than vãn:

- Thật là một điều vô nghĩa lí! Một tên tội nhân sống trên trái đất như vậy đấy, nó ăn, nó uống, nó đi lang thang, để làm gì mới được chứ? Nào, mày thử nói xem mày sống để làm gì.

Anh thợ đốt lò vừa nhai tóp tép vừa trả lời:

- Tớ chẳng biết gì sất. Sống là sống, có thế thôi. Người này nằm, kẻ khác đi, công chức thì suốt đời ngồi, nhưng ăn thì người nào cũng phải ăn cả...

Bác đầu bếp lại càng thêm cáu kỉnh.

- Thế nghĩa là mày là đồ con lợn, thật không biết gọi thế nào hơn được nữa! Đồ cặn bã...

- Sao dằng ấy lại chửi tớ? - anh Iacov ngạc nhiên hỏi. - Bọn mujic chúng mình đều cùng một gốc mà ra cả thôi.[1] Đằng ấy đừng chửi nữa, tớ cũng chẳng nhờ thế mà khá hơn được đâu...

Con người ấy hấp dẫn tôi rất nhanh và mãnh liệt. Lúc nào tôi cũng ngạc nhiên nhìn anh ta, mồm há hốc ra để nghe anh ta nói. Theo tôi, anh ta có một hiểu biết vững vàng, theo lối phán đoán riêng của anh ta, về cuộc sống. Anh dùng chữ "đằng ấy" để gọi tất cả mọi người. Với ai anh cũng nhìn thẳng vào mặt họ một cách dàng hoàng dưới cặp lông mày rậm của mình. Kể từ thuyền trưởng đến chủ tiệm ăn và các hành khách sang trọng ở buồng hạng nhất anh đều coi ngang hàng như mình, như những người thuỷ thủ, dám hầu bàn và những hành khách trên boong vậy.

Có lần anh đứng trước mặt thuyền trưởng hoặc thợ máy hai cánh tay dài như tay khỉ chắp sau lưng và lặng lẽ nghe người ta mắng anh vì tội lười biếng hay vì đã chơi bài ăn hết tiền của một hành khách. Anh cứ đứng trơ ra như vậy; rõ ràng là những lời chửi mắng chẳng có tác dụng gì đối với anh, và những câu doạ đuổi anh khỏi tàu khi cập bến sắp tới cũng chẳng làm anh kinh sợ.

Trong con người anh có một cái gì đó khác hẳn mọi người như ở bác Tốt Lắm, và có lẽ chính anh cũng tin vào cái đặc điểm ấy của mình mà cho là không ai có thể hiểu được mình.

Tôi chưa bao giờ thấy anh giận dữ hay suy nghĩ. Cũng không nhớ có lần nào anh nín lặng được một lúc. Hầu như ngoài cả ý muốn của anh, lời nói cứ luôn luôn tuôn ra như một dòng suối bất tận từ cái mồm râu ria xồm xoàm ấy. Khi người ta chửi rủa anh hoặc khi anh nghe ai kể một câu chuyện thú vị, môi của anh cứ lắp bắp tựa hồ anh nhắc thầm lại những điều đã nghe

[1] Nguyên văn: những quả sồi của cùng một cây sồi.

hay là tiếp tục nói thầm ý nghĩ của mình. Ngày ngày, sau phiên trực, anh chui từ chiếc cửa hầm lò ra, chân không, người đầm đìa mồ hôi và dầu mỡ. Chiếc áo không đai của anh ướt đẫm để hở ra bộ ngực phủ đầy những sợi lông rậm loăn xoăn. Và lập tức trên boong tàu lại vang lên giọng nói đều đều, đơn điệu, hơi khàn khàn của anh. Những câu nói ấy cứ rào rào xuống như những giọt mưa.

- Chào mẹ! Mẹ đi đâu đấy? Đi Tsixtopol à? Biết rồi, con đã ở đấy, đã đi làm thuê cho một lão Tacta giàu sụ ở đấy, tên là Uxan Gubaidulin. Lão già ấy có ba vợ, lão khoẻ lắm, mặt đỏ như gấc. Mụ vợ trẻ người Tacta của lão thật là ngộ nghĩnh, con cũng có tí tội lỗi với mụ ta...

Anh đã ở khắp mọi nơi; với tất cả những người đàn bà đã gặp trong đời anh đều có dính líu "tí tội lỗi". Anh ta kể mọi chuyện với một vẻ vô tâm, bình thản, tựa như trong cuộc sống, anh không hề gặp những điều tủi nhục, những lời xỉ vả. Chỉ một lúc sau, tiếng nói của anh lại vang lên ở phía đuôi tàu.

- Bà con đáng kính, nào ai là người biết cờ bạc! Chơi xtuconca, chơi bài ba lá, chơi remesoc... Chà, nghề cờ bạc cũng hay hay đấy chứ! Ngồi một chỗ, hái ra tiền, có khác gì đi buôn...

Tôi thấy anh ít khi nói những chữ: tốt, xấu, tồi, nhưng hầu như lúc nào cũng nói: ngộ nghĩnh, hay hay, thú vị. Người đàn bà đẹp đối với anh là một con bướm ngộ nghĩnh, một ngày nắng đẹp là một ngày hay hay. Nhưng anh thường nói nhất chữ: cóc cần!

Ai cũng cho anh là lười biếng, nhưng tôi cảm thấy anh làm công việc nặng nhọc của mình trước lò, trong hơi nóng cực kì ngột ngạt, hôi hám, cũng tận tuỵ như mọi người. Hơn nữa chưa bao giờ tôi thấy anh kêu mệt mỏi như những người thợ đốt lò khác vẫn hay phàn nàn.

Một hôm có một bà hành khách già bị đánh cắp mất túi tiền. Lúc bấy giờ đang là buổi chiều quang đãng, yên tĩnh, mọi người

sống với nhau trong một bầu không khí nhân hậu và hoà thuận. Thuyền trưởng cho bà cụ năm rúp, các hành khách cũng lạc quyên được một số tiền như thế. Khi người ta đã trao tiền cho bà cụ, bà vừa làm dấu vừa khom lưng cảm tạ mọi người và nói:

- Bà con ơi, đây nhiều hơn số tiền của tôi ba rúp mười copec.

Một hành khách vui vẻ thốt lên:

- Cứ giữ cả lấy, bà cụ ạ, việc gì phải kêu lên thế? Ba rúp chẳng bao giờ thừa đâu...

Một hành khách khác nói rất ý nhị:

- Tiền không như người, chẳng bao giờ thừa đâu...

Còn anh Iacov thì đi tới trước mặt bà cụ và đề nghị với một vẻ thành thật:

- Cho con số tiền thừa ấy cho, để con đánh bạc.

Chung quanh cười ầm lên, nghĩ rằng anh thợ đốt lò nói đùa, nhưng anh ta vẫn nằng nặc dỗ dành bà cụ già đang bối rối kia:

- Nào đưa đây, cụ! Cụ giữ tiền làm quái gì? Cụ cũng sắp sửa về chầu trời đến nơi rồi còn gì nữa...

Người ta chửi rủa và đuổi anh đi chỗ khác. Anh lắc đầu, ngạc nhiên nói với tôi:

- Thật là lũ người quái gở! Sao họ cứ dây vào việc của người khác làm gì? Chính bà cụ nói số tiền ấy là thừa cơ mà! Mà tớ thì chỉ ba rúp là đủ vui rồi...

Tiền bạc hình như làm cho anh vui thích với cái vẻ bên ngoài của chúng. Trong khi nói chuyện, anh ưa mài những hào bạc và xu đồng vào quần cho thật sáng bóng lên, rồi cầm giơ lên bằng mấy ngón tay cong queo trước chiếc mũi hếch và nhíu lông mày lại ngắm. Nhưng anh không phải là người hám tiền.

Có lần anh rủ tôi chơi xtuconca, nhưng tôi không biết chơi.

- Không biết à? - anh ngạc nhiên hỏi. - Sao mày lại như vậy? Thế mà cũng gọi là biết đọc biết viết đấy! Phải dạy cho mày mới được. Chơi xtuconca ăn đường nhé!

Anh được tôi nửa funt đường cục và nhét dần tất cả vào cái mồm lông lá của mình. Sau khi thấy tôi đã biết chơi, anh đề nghị:

- Bây giờ chơi ăn tiền hẳn hoi nhé! Mày có tiền không?

- Em có năm rúp.

- Tao có hơn hai rúp đây.

Lẽ dĩ nhiên chỉ thoáng một chốc là tôi nhẵn túi. Cay gỡ tôi liền đổi chiếc áo khoác lấy năm rúp để đánh tiếp và lại thua. Đôi ủng mới đổi lấy ba rúp cũng thua nốt. Anh Iacov bèn bất bình bảo tôi với một vẻ gần như cáu giận:

- Xì, mày không thể chơi được đâu! Mày nóng quá. Bây giờ cái áo này xếp lại, cả đôi ủng này nữa. Tao lấy làm gì. Thôi, cầm lấy cả giày lẫn tiền. Mày lấy bốn rúp, còn một rúp thì tao lấy coi như tiền công dạy... Được chứ?

Tôi rất cảm ơn anh ta.

- Cóc cần! - anh trả lời câu cảm ơn của tôi. - Cờ bạc là cờ bạc, là một thú tiêu khiển, thế mà mày thì cứ lao vào như đi đánh nhau ấy. Ngay lúc đánh nhau cũng không nên nóng nảy. Đánh phải có suy nghĩ hẳn hỏi. Nóng nảy thì được gì? Mày đang còn trẻ, phải biết tự nén mình mới được. Một lần không xong, năm lần không đạt, bảy lần không được, thì nhổ một bãi nước bọt vào dấy, đừng chơi nữa. Khi nào thấy nguôi nguôi thì lại chơi! Thế mới thật là biết chơi!

Càng ngày tôi càng thích và cũng càng ghét anh hơn. Đôi khi những câu chuyện anh kể làm tôi nhớ đến bà ngoại tôi. Con người của anh có nhiều cái lôi cuốn tôi, nhưng tính quá thờ ơ với mọi người của anh, có lẽ nó thành một cố tính suốt đời của anh, làm cho tôi rất ghét anh.

Một hôm vào lúc mặt trời sắp lặn có một hành khách hạng nhì say rượu ngã xuống sông. Đó là một thương gia đẫy đà người vùng Pecmo. Ông ta vừa vùng vẫy, vừa trôi trên dòng

nước vàng óng pha sắc đỏ. Người ta vội hãm máy. Chiếc tàu thuỷ tuôn ra những đám bọt từ phía dưới những bánh xe và dừng lại. Những tia sáng đỏ chói của chiều tà nhuộm những đám bọt thành màu máu. Xa xa, phía sau đuôi tàu, một thân hình đen đen chơi vơi trong đám máu đang sôi sục đó. Trên mặt sông, tiếng kêu thất thanh vang lên làm nôn nao cả người. Hành khách cũng la ó và túm tụm, chen lấn nhau trên boong, tụ họp lại ở đuôi tàu. Ông bạn đồng hành của người bị đắm có bộ tóc hung hung, trán hói cũng say rượu. Ông ta nắm tay đấm lung tung để len tới boong và rền rĩ:

- Cút đi! Tôi sẽ cứu...

Đã có hai người thuỷ thủ nhảy xuống nước và bơi sải tới phía người bị ngã tàu. Xuồng được thả từ đuôi tàu xuống nhưng giữa những tiếng la ó của thuỷ thủ, giữa những tiếng kêu thét của phụ nữ, giọng nói khàn khàn của anh Iacov vẫn tuôn ra như một dòng suối yên tĩnh và đều đều:

- Ông ta chết đuối mất thôi, không thoát được đâu. Vì ông ta mặc áo khoác ngoài! Quần áo lụng thụng là thế nào cũng chìm thôi. Xem như đàn bà đấy, tại sao họ lại chóng chìm hơn đàn ông? Là vì họ mặc váy! Đàn bà mà đã rơi xuống nước thì cứ gọi là chìm xuống tận đáy như quả tạ[1] vậy! Đấy, các người cứ nhìn xem, lão ta chìm nghỉm rồi đấy, tớ nói có sai đâu...

Người lái buôn bị chết đuối thật. Người ta lùng vớt ông ta suốt hai tiếng đồng hồ nhưng không thấy. Người bạn của ông ta sau khi tỉnh rượu cứ ngồi ở đuôi tàu thở hổn hển và lẩm bẩm một cách rầu rĩ:

- Hừ! Cơ sự thế đấy! Bây giờ tôi biết làm thế nào? Biết nói năng ra sao với gia đình bác ta đây? Gia đình bác ấy...

Anh Iacov đến đứng trước mặt ông ta, tay chắp ra phía sau lưng và tìm cách an ủi:

---

[1] Nguyên văn: quả cân nặng một put.

- Không việc gì đâu, bác lái ạ! Có ai biết được số mình phải chết ở chỗ nào. Có người chỉ vì ăn nấm và lăn đùng ra chết thì sao? Hàng ngàn người ăn nấm không việc gì, còn anh ta ăn vào thì ngoẻo! Đấy là tôi chỉ nói về nấm thôi!

Người to lớn, lực lưỡng, anh đứng trước mặt người lái buôn và tuôn ra hàng tràng lí lẽ như chiếc cối xay tuôn trấu. Thoạt đầu ông khách vừa lặng lẽ khóc, vừa lấy lòng bàn tay to lớn quệt nước mắt trên râu, nhưng sau khi nghe lọt những câu nói của anh Iacov, ông rít lên:

- Đồ quỷ! Tại sao mày còn đến đây hành hạ tao nữa? Các ông bà ơi, lôi nó đi chỗ khác, không có tôi giết chết nó bây giờ!

Anh Iacov bình tĩnh rút lui và nói:

- Con người thật là lạ! Mình muốn điều hay cho họ thế mà người ta lại định gây sự cả với mình...

Có lúc tôi có cảm giác như anh Iacov là một người ngốc nghếch. Nhưng nhiều khi tôi lại cho rằng anh cố ý làm ra vẻ ngu ngốc. Tôi háo hức rất muốn hỏi anh cho kì hết những chuyện anh đã đi lang thang trên trái đất này như thế nào, đã thấy những gì, nhưng ít khi tôi đạt được mục đích đó. Đầu ngẩng lên, đôi mắt gấu đen thẫm lim dim, anh lấy tay vuốt khuôn mặt lông lá của mình, vừa hồi nhớ, vừa nói chậm rãi:

- Ở chỗ nào người cũng đông như kiến ấy, chú em ạ. Chỗ này người, chỗ kia cũng người! Đông nhất tất nhiên là nông dân. Có thể nói là trên mặt đất này dân mujic đông như lá thu rụng vậy. Người Bungari ấy à? Tớ đã thấy họ rồi, cả người Hy Lạp nữa. Tớ còn thấy cả người Xecbi, người Rumani và đủ các thứ dân du mục nữa, nhiều lắm, đủ mọi thứ người. Họ thế nào ấy à? Còn thế nào nữa? Ở thành phố thì là dân thành thị, còn ở thôn quê thì là dân quê, cũng hệt như chúng ta vậy. Nhiều cái giống nhau lắm. Có cả những người cũng nói tiếng Nga nữa, nhưng họ nói tồi như người Tacta hay người Mordvin ấy. Người Hy Lạp thì không nói được tiếng Nga, Họ nói liến thoắng lắp bắp,

nghe như có câu cú hẳn hoi, mà chẳng hiểu đâu vào đâu cả. Với bọn họ thì chỉ có xoè tay ra làm hiệu mà thôi. Còn ông già của tớ thì hay làm ra vẻ như ta đây biết nói tiếng Hy Lạp. Ông cụ cứ nói lúng ba lúng búng những Caramara với Calimera, ông cụ láu cá lắm. Ông ta xoay xở chúng nó ra trò!... Mày lại hỏi chúng nó là ai à? Thằng nỡm, còn ai vào đấy nữa? Tất nhiên là bọn da đen chứ còn ai nữa. Cả người Rumani cũng đen. Họ cùng thờ một Chúa. Người Bungari cũng đen, nhưng họ theo đạo của chúng ta. Còn người Hy Lạp thì cũng tựa như người Thổ Nhĩ Kì ấy...

Tôi có cảm giác như anh nói chưa hết được những điều anh biết. Còn có một điều nào đấy nữa mà anh không muốn nói ra.

Xem các tranh trên tạp chí tôi biết rằng thủ đô Aten của Hy Lạp là một thành phố cổ kính và rất đẹp, nhưng anh Iacov thì lại lắc đầu một cách nghi ngờ, phủ nhận Aten.

- Họ nói láo với chú em đó. Chẳng có Aten nào cả, mà chỉ có Aton tôi. Nhưng Aton không phải là thành phố, mà là một ngọn núi, trên đó có tu viện.[1] Ngoài ra chẳng có gì hết. Núi ấy gọi là núi thánh Aton, có những bức tranh như vậy. Ông già cũng đã từng buôn bán những bức tranh ấy. Còn có thành phố Bengorod[2] trên sông Danuyp cũng như Iaroxlav hay Nijni của ta vậy. Thành phố của họ trông xấu xí, nhưng làng quê thì lại đẹp. Đàn bà cũng như vậy thôi. Chà, đàn bà của họ cũng dễ làm say đắm lòng người lắm! Tớ suýt nữa thì ở lại hẳn đấy với một cô ả... không hiểu tên là gì nhỉ?

Anh lấy tay vuốt mạnh khuôn mặt đỏ dẫn của mình. Mớ râu cứng khẽ lạo xạo. Từ phía trong cuống họng anh vẳng lên một tiếng cười giống như tiếng trống cơm vỡ.

- Con người ta cũng hay quên thật! Thế mà hai đứa đã có lúc... Khi chia tay cô ả khóc ghê quá, cả tớ cũng khóc, thật đấy.

---

[1] Núi Aton ở Makedonia có nhiều tu viện.

[2] Tức là Bengrad bây giờ.

Trắng trợn một cách thản nhiên, anh bắt đầu dạy tôi cách đối xử với phụ nữ như thế nào.

Chúng tôi ngồi ở phía đuôi tàu. Trời đêm ấm áp và mặt trăng như trôi về phía chúng tôi. Bờ cỏ thấp thoáng nhô lên trên làn nước bạc. Những đốm lửa vàng nhấp nháy trên phía bờ dốc như những ngôi sao đang bị trái đất giam giữ. Mọi vật xung quanh đều di chuyển, như thao thức thì thầm, như sống một cuộc sống trầm lặng, nhưng rất kiên trì. Trong bầu không khí tĩnh mịch buồn buồn và dịu dàng đó lọt thỏm vào những tiếng khàn khàn:

- Đôi khi cô ta duỗi tay, dang chân...

Những câu chuyện của anh Iacov thường trắng trợn, nhưng không chối tai; trong đó không có vẻ gì khoe khoang tàn nhẫn, mà chỉ đượm một vẻ chất phác pha đôi chút buồn bã. Mặt trăng trên bầu trời cũng trần trụi một cách trơ trẽn, nhưng cũng khiến cho tôi phải cảm động, phải buồn vô duyên cớ. Trong tâm trí, tôi chỉ nhớ lại những điều tốt lành, tươi đẹp nhất trong đời. Tôi nhớ đến Nữ hoàng Macgo, đến những câu thơ không thể nào quên được vì cái chân lí đúng đắn của chúng:

Chỉ bài ca mới cần vẻ đẹp
Còn vẻ đẹp đâu cần đến bài ca...

Xua đuổi cơn mơ mộng đó như xua đuổi một giấc ngủ chập chờn, tôi lại tiếp tục gặng hỏi anh thợ đốt lò về cuộc đời của anh và những điều anh đã thấy.

- Chú mày thật là kì khôi, - anh nói, - chú muốn tớ kể gì với chú? Tớ đã thấy đủ mọi thứ trên đời này rồi. Tu viện đã thấy chưa? Thấy rồi! Quán ăn thấy chưa? Cũng thấy rồi! Tớ thấy cả cuộc sống của quý tộc lẫn cuộc sống của mujic. Tớ đã từng lúc no lúc đói...

Anh hồi tưởng lại chuyện cũ, thong thả như người đi trên một chiếc cầu tròng trành, nguy hiểm trên một dòng suối sâu.

- À, thí dụ chuyện này nhé. Một lần vì ăn trộm ngựa, tớ bị

giải đến đồn cảnh sát. Tớ nghĩ bụng: thôi chuyến này phải đi Xibiri mất rồi! Nhưng lão đồn trưởng lúc ấy đang gắt ầm ĩ vì chiếc lò toả khói um khắp căn nhà mới của lão. Tớ bèn nói: "Thưa ngài, việc này tôi có thể sửa chữa được". Lão ta quát tớ: "Câm mồm! Ngay đến thợ lành nghề nhất cũng còn chịu bó tay nữa là mày..." Tớ bảo lão: "Thưa ngài, cũng có lúc anh chàn cừu lại còn khôn hơn ông đại tướng cơ đấy". Kể tớ lúc bấy giờ cũng táo gan thật: đằng nào thì cũng bị đày đi Xibiri rồi! Lão ta bảo tớ: "Thôi được, mày cứ làm đi. Nhưng coi chừng đấy, nếu lại tồi hơn trước thì tao sẽ tán vụn xương mày ra!" Trong hai ngày tớ sửa xong chiếc lò sưởi. Lão đồn trưởng ngạc nhiên thốt lên: "Chà, đồ ngu, đồ xuẩn thật! Mày là một tay thợ lò giỏi, sao mày lại đi làm cái chuyện ăn trộm ngựa như vậy, hả" Tớ bèn nói: "Thưa ngài, đấy chỉ là do sự ngu xuẩn mà thôi". "Đúng, - lão nói, - đó là do sự ngu xuẩn đấy thôi. Đáng thương cho mày thật". Đấy, lão nói rằng lão thương tớ, chú mày thấy đấy chứ? Một lão cẩm, vì chức vụ, không biết thương ai bao giờ, ấy thế mà lão ấy thương tớ...

- Rồi sao nữa? - tôi hỏi.

- Chẳng sao cả. Lão ấy thương tớ chứ còn gì nữa?

- Thương anh làm gì cơ chứ. Anh như hòn đá ấy?

Anh Iacov cười hiền hậu:

- Thằng bé mới lạ chứ! Chú nói hòn đá à? Vậy thì chú hãy biết thương hòn đá đi, hòn đá cũng có ích của hòn đá, có đá mới lát được đường phố đấy. Bất cứ vật liệu nào cũng phải biết thương tiếc chúng, chẳng có cái gì là vô ích đâu. Cát là gì? Ấy thế mà cỏ vẫn mọc trên cát đấy!

Khi anh Iacov nói những câu như vậy, tôi càng thấy rõ rằng anh biết nhiều điều mà tôi chưa thể hiểu được.

- Anh thấy bác đầu bếp thế nào? - tôi hỏi anh.

- Lão Gấu Con ấy à? - anh Iacov thản nhiên nói. - Thấy lão

ta thế nào ư? Chẳng có cái quái gì mà phải nghĩ với ngợi về lão ấy cả.

Đúng, Ivan Ivanovitr quá đứng đắn, quá phẳng lặng, không hề làm cho người khác phải nghĩ ngợi về mình. Chỉ có một điều đáng chú ý là bác không thích anh thợ đốt lò, luôn luôn chửi rủa anh ta, nhưng lại luôn luôn mời anh ta uống trà.

Một lần bác bảo anh Iacov:

- Đồ khốn kiếp, nếu như còn chế độ nông nô mà tao lại là chủ của mày thì mỗi tuần tao phải dần mày ít nhất là bảy lần.

Anh Iacov nhận xét một cách thành thật:

- Bảy lần thì hơi nhiều một chút đấy!

Tuy chửi rủa anh Iacov, nhưng không hiểu sao bác đầu bếp lại vẫn cứ cho anh ăn đủ mọi thứ tạp nham. Bác giúi cho anh một miếng ăn rồi bảo:

- Tọng đi!

Anh Iacov nhai thong thả và nói:

- Ivan Ivanovitr ạ, nhờ đằng ấy mà tớ mới lấy lại sức được đấy.

- Mày cần sức lực làm gì hở đồ lười kia?

- Làm gì à? Sống, tôi còn sống lâu...

- Mày sống để làm gì, đồ quỷ?

- Quỷ cũng thích sống chứ. Hay là đằng ấy cho sống chẳng vui sướng quái gì? Ivan Ivanovitr ạ, cuộc sống thú vị lắm...

- Thật là đồ nghếch!

- Cái gì?

- Đồ nghếch!

- Chữ với nghĩa, - anh Iacov ngẩn người ra, còn bác Gấu Con thì bảo tôi:

- Đấy, mày thấy không: chúng mình thì đổ mồ hôi, sôi nước mắt bên cái bếp nóng như địa ngục này, ấy thế mà nó, xem đấy, vẫn cứ tọng nhét mãi y như một con lợn thiến vậy!

- Mỗi người một số phận, - anh thợ đốt lò vừa nhai vừa nói.

Tôi biết rằng làm việc bên cái lò đốt của anh còn vất vả và nóng nực hơn ở bếp nhiều. Có nhiều đêm tôi đã thử đốt lò cùng với anh Iacov, cho nên tôi lấy làm lạ rằng tại sao anh không muốn nói cho bác đầu bếp biết những nỗi cực nhọc trong công việc của mình. Không, con người ấy còn biết đến một điều gì khác thường nữa...

Thuyền trưởng, thợ máy, đội trưởng và mọi người đều chửi rủa anh, nhưng có một điều lạ là người ta không đuổi anh. Những người thợ đốt lò đối với anh rõ ràng là tốt hơn đối với những người khác, mặc dù họ cũng chế giễu anh vì tội hay ba hoa và tội đánh bạc. Tôi hỏi họ:

- Anh Iacov có tốt không?

- Iacov ấy à? Tốt chứ! Hắn ta không hay tự ái. Muốn làm gì hắn thì làm, cho đến cả gắp than nóng bỏ vào áo hắn cũng vậy...

Mặc dầu phải làm việc vất vả bên nồi hơi và ăn khoẻ như voi,[1] anh Iacov ngủ rất ít. Nhiều khi hết ca làm, anh chẳng thay quần áo gì cả, cứ để người đầm đìa mồ hôi và bẩn thỉu như vậy mà ngồi lì suốt đêm ở đuôi tàu để nói chuyện với hành khách hoặc để đánh bạc.

Anh đứng trước mặt tôi y như một cái hòm khoá kín. Tôi cảm thấy trong hòm có chứa một cái gì cần thiết đối với tôi và tôi cứ muốn tìm được cái chìa khoá để mở nó ra.

- Này chú em, tớ chẳng hiểu là chú muốn gì nữa? - anh vừa hỏi vừa nhìn tôi bằng cặp mắt khuất sau đám lông mày. - Ừ thì tớ đã đi đây đi đó nhiều nơi trên trái đất chứ sao? Thằng bé mới lạ chứ! Thôi, hãy nghe tớ kể cho một câu chuyện đã xảy ra với tớ nhé.

Và anh bắt đầu kể. Hồi ấy ở một tỉnh lị có một ông thẩm phán trẻ tuổi. Ông ta bị lao phổi. Còn vợ ông là người Đức thì

---

[1] Nguyên văn: như ngựa.

lại khoẻ mạnh, chưa con cái gì cả. Chị ta phải lòng một thương gia đã có một người vợ xinh đẹp và ba đứa con. Tay này biết rằng chị người Đức kia yêu mình, bèn muốn đùa chơi để chế giễu chị này. Hắn ta hẹn chị đến vườn nhà hắn vào ban tối, rồi lại rủ hai người bạn quen đến nấp sau bụi trong vườn nhà hắn nữa.

- Thật là thú vị! Thế là chị người Đức đến đấy. Hắn ta bảo chị: "Thưa cô, tôi không thể nào yêu cô được. Tôi đã có vợ rồi. Nhưng tôi đã dự trữ cho cô hai người bạn, một người goá vợ và một người chưa vợ con gì cả". Chị người Đức kêu lên một tiếng và tát cho hắn một cái vào mặt. Hắn ngã lộn nhào qua chiếc ghế dài. Còn chị ta thì cứ quật giày vào mõm hắn tới tấp. Chính tớ dẫn chị ta đến, vì tớ làm vườn cho tay thương gia ấy mà lại. Tớ nhìn qua khe rào thấy cứ tíu mù tít cả lên[1]. Hai người bạn vội chạy tới túm lấy tóc chị ta. Tớ bèn nhảy qua rào vào và ấy họ ra: "Các ông ơi, không nên như vậy". Chị ta thật tâm mà đến với hắn, thế mà hắn nỡ bày trò làm nhục chị. Tớ dẫn chị ấy đi khỏi nơi đó. Còn bọn họ lấy gạch ném tớ sưng cả đầu... Chị ta buồn rầu quá, cứ đi đi lại lại trong sân như người mất hồn và bảo tớ: "Anh Iacov, tôi sẽ về Đức thôi, khi nào chồng tôi chết, tôi sẽ đi khỏi đây!" Tớ bảo: "Tất nhiên rồi, phải đi thôi". Ông thẩm phán chết, chị ta cũng đi biệt. Thật là một người đàn bà dịu dàng, khôn ngoan. Và ông thẩm phán cũng thật là một người hiền lành, cầu Chúa thương xót đến ông ta...

Tôi im lặng vì thắc mắc không hiểu được ý nghĩa của câu chuyện. Tôi cảm thấy trong đó có một cái gì quen thuộc, tàn nhẫn, vô nghĩa, nhưng chẳng biết nói như thế nào.

- Chuyện có hay không? - anh Iacov hỏi.

Tôi nói lung tung một thôi và chửi rủa một cách phẫn nộ, nhưng anh chỉ bình tĩnh giải thích:

---

[1] Nguyên văn: như cháo sôi sục.

- Người ta sống no đủ rồi, cái gì cũng thích. Có lúc muốn đùa chơi một chút, nhưng không thành vì họ không biết cách. Dân buôn tất nhiên là loại người thực tế. Việc buôn bán đòi hỏi phải dùng đến mưu mẹo nhiều. Sống mãi với tính toán cũng buồn, thế là họ muốn chơi dùa chút chút mà!

Dòng sông sủi bọt trôi nhanh sau đuôi tàu. Nghe thấy rõ tiếng sôi sục của nước chảy. Bờ sông đen ngòm chậm chạp chạy theo dòng nước. Hành khách ngáy ngủ trên boong tàu. Một người đàn bà cao gầy mặc áo dài đen, đầu trần, tóc bạc, lò dò lần bước giữa những đám người đang thiu thiu ngủ trên những hàng ghế dài, đi về phía chúng tôi... Anh thợ đốt lò hích vai tôi, khẽ nói:

- Nhìn kìa, đang buồn đấy...

Tôi có cảm giác như anh ta thấy thú vị trước những nỗi buồn của kẻ khác.

Anh kể rất nhiều chuyện. Tôi say sưa lắng nghe, nhớ hết mọi chuyện anh kể, nhưng không nhớ có chuyện nào vui. Anh nói với một giọng bình thản hơn cả sách. Trong sách tôi thường thấy được tình cảm của nhà văn, thấy được sự giận dữ, niềm vui sướng, nỗi lo âu, vẻ giễu cợt của tác giả. Còn anh thợ đốt lò thì không cười, không phê phán: hình như chẳng có gì khiến anh phải tức giận và cũng không có gì làm anh thấy vui sướng rõ rệt. Anh nói như một người làm chứng bàng quan trước quan toà, như người hờ hững với cả bên nguyên, bên bị lẫn quan toà. Sự bàng quan đó càng ngày càng làm gây thêm trong lòng tôi một nỗi bực tức, khiến tôi thấy ghét anh Iacov.

Cuộc sống sôi sục trước mặt anh như ngọn lửa trong lò, phía dưới nồi hơi. Anh đứng trước lò, bàn tay sần sùi cầm chiếc búa gỗ khẽ gõ vào van vòi hơi để điều hoà sức đốt.

- Họ có làm anh bực mình không?

- Ai dám làm tớ bực? Tớ khoẻ như thế này, chỉ quại cho một cái...

- Em không nói đến chuyện đánh đấm, mà muốn nói về tâm hồn anh. Họ có làm cho tâm hồn anh bực tức không?

- Không thể nào làm bực tức tâm hồn. Những chuyện bên ngoài không sao chạm được đến tâm hồn, - anh nói. - Không có gì có thể chạm tới tâm hồn của con người cả.

Hành khách trên boong, thuỷ thủ và mọi người thường hay nói nhiều đến chữ tâm hồn như nói đến đất đai, lúa gạo, công việc, hoặc phụ nữ. Đó là chữ đầu lưỡi trong những câu chuyện của mọi người và thông dụng như đồng năm copec. Tôi không muốn nghe chữ ấy trên đầu lưỡi cay độc của mọi người. Khi những người mujic mang chữ tâm hồn ra để chửi rủa nhau, dù là đùa vui hay với ác ý, tôi thấy tim tôi như bị thắt lại.

Tôi còn nhớ rất kĩ bà tôi đã nói về tâm hồn một cách trân trọng biết nhường nào. Đó là đài hoa thần bí của tình yêu, của sắc đẹp, của niềm vui. Tôi tin rằng sau khi những con người lương thiện chết đi thì các thiên thần cánh trắng sẽ mang tâm hồn của họ lên tận trời xanh, tới chỗ vị Chúa hiền từ của bà tôi. Chúa âu yếm đón những tâm hồn đó và nói:

- Thế nào, tâm hồn yêu quý, trong sạch của ta, chắc con đã đau khổ nhiều, và mệt mỏi lắm phải không?

Và người ban cho tâm hồn sáu chiếc cánh trắng của thiên sứ.

Anh Iacov Sumov cũng ít nói về tâm hồn và nói với một vẻ thận trọng, miễn cưỡng giống như bà tôi. Khi chửi, anh không đả động đến tâm hồn. Còn khi những người khác tranh cãi nhau về tâm hồn thì anh cúi chiếc cổ bò đỏ tía xuống và im lặng. Khi tôi hỏi anh tâm hồn là gì, anh trả lời:

- Là linh hồn, là hơi thở của Chúa...

Tôi chưa thoả mãn và gặng hỏi thêm. Anh bèn cúi đầu xuống bảo tôi:

- Về chuyện linh hồn thì ngay đến các cha cố cũng chẳng hiểu thêm được là mấy đâu, chú em ạ. Đó là một chuyện bí ẩn...

Anh khiến tôi phải luôn luôn nghĩ đến anh, phải gắng sức một cách rất căng thẳng để hiểu anh. Nhưng sự gắng sức của tôi vô hiệu quả. Ngoài anh ra, tôi chẳng thấy gì cả. Với thân hình to lớn của anh, anh đã che lấp mất tất cả. Mụ vợ người chủ tiệm đối với tôi có vẻ dịu dàng rất khả nghi. Sáng sáng tôi phải bưng nước cho mụ rửa mặt, mặc dù đó là nhiệm vụ của cô hầu gái hành khách hạng hai Lusa - một cô gái sạch sẽ và tươi tắn. Đứng trong buồng tàu chật hẹp, bên cạnh mụ chủ tiệm cởi trần đến tận thắt lưng, và trông thấy tấm thân vàng ệch nhăn nheo như bột chua của mụ, tôi lại nhớ đến thân hình chắc mịn với nước da ngăm ngăm của Nữ hoàng Macgo và thấy khó chịu vô cùng. Còn mụ chủ tiệm thì vẫn nói huyên thuyên, lúc thì than vãn cằn nhằn, lúc thì giận dữ mỉa mai.

Ý nghĩa những lời nói của mụ không lọt vào tiềm thức của tôi, mặc dầu tôi cũng có đoán mang máng ra được. Đó là những ý nghĩa đáng thương, thấp hèn, đáng xấu hổ. Nhưng tôi không thấy tức giận, vì tôi sống xa lạ hẳn với người đàn bà kia và với tất thảy những gì xảy ra trên tàu. Tôi như được ẩn sau một tảng đá lớn phủ đầy rêu. Nó ngăn cách tôi với cái thế giới kia, cái thế giới lênh đênh suốt ngày đêm đến một nơi nào đó không rõ.

- Gavrilovna của chúng tôi đã phải lòng anh rồi đấy. Há miệng ra mà đón hạnh phúc đi, - tôi nghe những lời nói giễu cợt của cô Lusa như thoảng đến tai tôi trong một giấc mơ.

Không riêng mình cô ta nhạo báng tôi. Tất cả đám người hầu trong tiệm đều biết rõ nhược điểm của bà chủ. Bác đầu bếp nhăn mặt nói:

- Mụ ta cái gì cũng đã nếm rồi, bây giờ lại muốn ăn quả đầu mùa đấy! Thật là đồ... Cẩn thận, Pescov ạ!

Cả anh Iacov cũng khuyên tôi như tình cha con:

- Tất nhiên nếu mày lớn thêm hai tuổi nữa thì tao sẽ khuyên

mày nên thế nào, nhưng bây giờ, vào tuổi mày, tốt hơn hết là dừng có dây vào làm gì! Còn thì tùy mày thôi...

- Anh đừng nói đến những trò đê mạt đó. - tôi nói.

- Tất nhiên rồi...

Nhưng ngay đó, anh lại đưa mấy ngón tay lên xoa bù thêm đám tóc rối trên đầu rồi lại tuôn ra những lời thao thao bất tuyệt của anh:

- Nhưng cũng phải hiểu cho mụ ta mới được. Nhu cầu không thoả mãn, tuổi già lại đến nơi... Ngay đến chó còn thích được vuốt ve nữa là con người! Đàn bà sống bằng mơn trớn cũng như cây nấm sống nhờ sự ẩm ướt vậy. Chính bản thân mụ ta cũng ngượng chứ, nhưng biết làm thế nào? Xác thịt đòi hỏi phải được mơn trớn, chỉ có thế mà thôi...

Tôi cố nhìn thẳng vào cặp mắt khó hiểu của anh và hỏi:

- Anh có thương hại bà ta không?

- Tớ ấy à? Mụ ta là mẹ tớ hay sao? Đến mẹ người ta còn không thương nữa là. Còn mày thì thật là kì quặc!

Anh cười hềnh hệch như tiếng trống cơm vỡ. Đôi lúc tôi nhìn anh và có cảm giác như mình rơi vào một khoảng không trống rỗng im lìm, lọt xuống một cái hố không đáy, đen tối.

- Anh Iacov này, anh xem, ai cũng có vợ cả, tại sao anh không lấy vợ đi!

- Để làm gì? Đàn bà thì lúc nào tớ cũng có thể kiếm được, điều đó ơn Chúa cũng dễ dàng thôi... Có vợ rồi thì phải sống yên một nơi mà làm ruộng, còn tớ thì chỉ có tí ruộng đất, ruộng xấu, mà cũng bị ông chú chiếm mất rồi. Thằng em tớ mãn hạn lính trở về, cãi nhau với ông chú, kiện cáo rồi lấy cọc nện lên đầu ông ta một cái. Máu phụt ra. Thế là nó phải ngồi tù mất năm rưỡi. Ở nhà tù ra thì chỉ có một con đường là lại vào tù nữa. Còn vợ nó là một người đàn bà trẻ trông cũng hay hay... chà, nhưng kể đến làm gì mới được chứ! Lấy vợ có nghĩa là phải ngồi

quanh quẩn bên chiếc cũi chó của mình làm một ông chủ gia đình, nhưng lính tráng thì đâu có được làm chủ cuộc đời mình.

- Anh có cầu nguyện không đấy?

- Thằng mới kì chứ! Tất nhiên là tớ có cầu nguyện...

- Cầu như thế nào?

- Đủ mọi thứ.

- Anh đọc kinh gì?

- Tớ không thuộc kinh. Tớ chỉ nói: "Lạy Chúa Jexu, xin Chúa hãy ban phước cho con lúc con sống, và cho con được thanh thản lúc nào con chết... Xin Chúa hãy cứu con khỏi ốm đau..." Đấy, tớ còn nói thêm ít câu nữa...

- Câu như thế nào?

- Còn thế nào nữa? Nói gì thì Chúa cũng đều nghe được hết!

Anh đối xử với tôi dịu dàng và với một vẻ hiếu kì như đối với một con chó khôn ngoan biết làm những trò ngộ nghĩnh. Có lần tôi ngồi với anh ban đêm; người anh lúc nào cũng có mùi dầu hoả, mùi khói và mùi hành, - anh thích ăn hành sống như ăn táo - bỗng anh đề nghị:

- Nào, Aliosa, đọc thơ đi chứ!

Tôi thuộc lòng nhiều bài thơ, ngoài ra tôi còn có một quyển vở dày trong đó ghi những bài thơ tôi thích. Tôi đọc *Ruxlan*[1] cho anh nghe. Anh ngồi ngay người ra nghe như một người mù và câm, không thở khò khè nữa, rồi anh nói nho nhỏ:

- Câu chuyện cũng có mạch lạc và hay hay đấy chứ! Mày nghĩ ra đấy ư? Puskin à? Có một người tên là Mukhin Puskin, tớ đã thấy ông ta...

- Không phải đâu, ông này bị người ta giết từ lâu rồi!

- Vì sao thế?

Tôi kể vắn tắt cho anh nghe như Nữ hoàng Macgo đã kể với tôi. Anh Iacov nghe xong, thản nhiên nói:

---

[1] Chuyện thơ của Puskin.

- Bao nhiêu người khốn khổ vì đàn bà...

Tôi thường kể lại cho anh nghe những câu chuyện đã đọc trước kia. Những câu chuyện ấy lẫn lộn với nhau, quyện lại trong đầu óc tôi thành một câu chuyện dài dằng dặc về một cuộc sống đẹp đẽ, sôi nổi, hừng hực những nhiệt tình nồng cháy, đầy dẫy những chiến công điên cuồng, những gương cao thượng sáng ngời, những may mắn kì diệu, những cuộc đọ súng và những cái chết, những lời nói cao thượng cùng những hành vi bỉ ổi. Tôi cho Rocambon có những nét hào hiệp của La Mole, Anniba và Colonna; Luy XI có tính tình như cụ Grangde; còn chuẩn uý Oletaev thì giống như Henry IV.[1] Câu chuyện mà vì hứng lên tôi đã thay đổi tính tình của nhân vật và xáo trộn các sự kiện đó đi, đối với tôi là một thế giới trong đó tôi được tự do, giống như vị Chúa của ông tôi đã sắp đặt mọi người tuỳ theo ý muốn của Người. Cái mớ hỗn độn sách vở đó không ngăn cản tôi trông thấy được những điều hiển nhiên của thực tế, cũng không làm tôi nguội lạnh cái ý muốn tìm hiểu những con người sống thực; nó bao trùm lấy tôi như một làn mây trong suốt, nhưng không thể xuyên qua, không để cho những nhơ bẩn truyền nhiễm, những nọc độc của cuộc sống lọt vào.

Sách vở giúp tôi trở nên vững vàng trước nhiều sự kiện: biết con người có thể yêu như thế nào và đau khổ như thế nào, tôi không thể nào lui tới những nơi nhà thổ; cái kiểu ăn chơi dung tục và thấp hèn khiến tôi ghê tởm và thương hại những kẻ thoả mãn với nó. Rocambon dạy tôi phải kiên cường, không để cho hoàn cảnh khuất phục được mình, các nhân vật của Duyma trau dồi cho tôi ý nguyện đem hết sức mình để phụng sự một sự

---

[1] La Mole và Colonna là các nhân vật trong truyện *Nữ hoàng Macgo* của Duyma cha; Anniban là tướng Cactajo sống khoảng thế kỉ thứ 3, thứ 2 trước công nguyên; Luy XI (1423- 1483) - vua Pháp, người củng cố cho chính thể chuyên chế, nhân vật trong tiểu thuyết của Walter Scott; Grangde - nhân vật trong chuyện Ogieni Grangde của Balzac; Oletaev - nhân vật trong truyện *Thiếu uý kị binh Oletaev* của bá tước Cugusev; Henry IV- vua Pháp.

nghiệp lớn lao và cao cả. Nhân vật mà tôi thích nhất là vua Henry IV vui vẻ. Tôi nghĩ rằng bài hát nổi tiếng của Beranje chính là nói đến vua Henry IV:

Vua ban cho dân cày nhiều quyền lợi
Còn riêng vua vui thú rượu với đầy:
Có gì đâu, nếu toàn dân hạnh phúc
Thì việc gì vua chẳng uống cho say? [1]

Những cuốn tiểu thuyết thường mô tả Henry IV là một người nhân hậu, gần gũi với nhân dân nước Pháp. Trong sáng như thái dương, nhà vua làm cho tôi tin tưởng rằng nước Pháp là một nước tuyệt mĩ nhất trên trái đất, là quê hương của những nhà hiệp sĩ, dù khoác áo vua hay là mặc quần áo nông dân cũng đều cao thượng như nhau: Anjo Pitu cũng là một hiệp sĩ khác nào Đơ Actanhang.[2] Khi vua Henry IV bị giết, tôi buồn ứa nước mắt và căm thù nguyền rủa Ravaiac.[3] Vua Henry hầu như lúc nào cũng là nhân vật chính trong các chuyện mà tôi kể cho anh thợ đốt lò nghe, và tôi nhận thấy rằng anh Iacov cũng thích nước Pháp với Henry. Anh nói:

- Vua Henry là một người tốt đấy chứ! Với ông ta có muốn đi bắt cá chép hay muốn làm gì cũng được.

Anh không biểu lộ tình cảm một cách ầm ĩ, không ngắt lời kể chuyện của tôi bằng những câu hỏi. Anh im lặng ngồi nghe, lông mày nhíu xuống, khuôn mặt bất động tựa như một hòn đá lâu đời bị mốc bao phủ. Nhưng nếu vì một lí do gì đó mà tôi ngừng kể là anh lập tức hỏi ngay:

- Hết rồi à?

- Chưa.

---

[1] Trong bài ca *Vua Ivoto* (ám chỉ vua Henry IV) của Beranje.

[2] Anjo Pitu- nhân vật trong truyện *Anjo Pitu* của Duyma. Đơ Actanhang - nhân vật trong chuyện *Ba chàng ngự lâm pháo thủ* của Duyma.

[3] Người giết vua Henry IV.

- Thế thì đừng có ngừng làm gì!

Anh thở dài nói về người Pháp:

- Họ sống thoải mái thật...

- Anh bảo cái gì?

- Đấy, tớ với chú thì sống và làm việc quần quật như thiêu đốt, còn họ thì sống thoải mái quá. Họ có công việc gì làm đâu, chỉ uống rượu và rong chơi, kể sống như vậy cũng hay hay đấy!

- Họ cũng có làm việc chứ!

- Trong những chuyện chú kể, tớ có thấy điều đó đâu, - anh thợ đốt lò nhận xét một cách đúng đắn như vậy, và tôi bỗng nhiên cũng thấy rõ ràng là đại đa số những sách mà tôi đã đọc hình như hoàn toàn không nói đến chuyện những nhân vật cao thượng đã sống bằng gì và làm việc như thế nào.

- Thôi, tớ ngủ một chút đã, - anh Iacov nói và nằm lăn lưng ngay tại chỗ mình vừa ngồi. Chỉ một lúc, anh đã thở phì phò một cách đều đặn.

Mùa thu, khi bờ sông Cama đã ngả sang màu đỏ hoe, cây cối đã óng vàng và những tia nắng xiên đã nhợt nhạt, anh Iacov bỗng rời bỏ tàu thuỷ một cách đột ngột. Mới hôm trước đó, anh còn bảo tôi:

- Aliosa, ngày kia chúng ta sẽ tới Pecmo, ta sẽ đi nhà tắm cho tâm hồn được sảng khoái, rồi sau đó thắng bộ vào, đi tới quán ăn nghe nhạc, cũng hay hay đấy chứ! Tớ thích nghe máy hát lắm.

Nhưng tới Xarapun thì có một hành khách lên tàu. Ông ta người to béo, mặt nhăn nheo và không có râu ria như mặt đàn bà. Chiếc áo dạ dài ấm với chiếc mũ có tai bằng lông cáo càng làm cho ông giống đàn bà. Ông lập tức chiếm ngay lấy chiếc bàn con gần bếp là chỗ ấm hơn cả, gọi pha trà và bắt đầu uống nước nóng, mặc cho mồ hôi ra nhễ nhại mà không chịu cởi áo và bỏ mũ ra.

Những dám mây mùa thu không ngớt gieo xuống những hạt mưa nhỏ. Hình như cứ mỗi lần người hành khách đó lấy chiếc khăn tay kẻ ô ra lau mồ hôi trên mặt thì mưa rơi nhẹ hơn, nhưng lúc nào ông ta ra nhiều mồ hôi, thì mưa lại càng nặng hạt.

Chẳng bao lâu anh Iacov đã quẩn quanh bên ông ta. Họ bắt đầu cùng nhau xem bản đồ trong lịch. Người hành khách lấy tay chỉ lên bản đồ, còn anh thợ đốt lò thì bình thản nói:

- Cũng được! Chẳng sao. Tớ cóc cần...

- Thế thì tốt, - người hành khách nói với giọng nhỏ nhẻ, sau khi đã nhét quyển lịch vào chiếc túi da hé mở ở phía dưới chân. Họ bắt đầu uống trà và nói chuyện thì thầm với nhau.

Trước khi anh Iacov đi làm việc, tôi hỏi anh người hành khách kia là ai. Anh cười tủm tỉm nói:

- Thấy chưa, hình như dân hoạn đấy, chú em ạ! Ông ta từ Xibiri tới, xa lắm! Ông ta cũng ngộ nghĩnh đấy chứ, sống theo kế hoạch hẳn hoi...

Anh bỏ đi, hai gót chân đen sì và rắn chắc như móng ngựa của anh dậm trên boong tàu, nhưng anh lại dừng lại và gãi hông.

- Tớ sẽ đi giúp việc cho ông ta đấy! Khi nào tới Pecmo tớ sẽ xuống tàu và vĩnh biệt Aliosa nhé! Tớ sẽ đi tàu hoả, sau đó sẽ đi đường thuỷ, rồi lại còn đi ngựa nữa. Phải đi mất đâu những năm tuần cơ đấy. Chà, con người ta đã lạc tới đâu kia chứ.

- Anh quen ông ta à? - tôi hỏi và lấy làm ngạc nhiên vì quyết định bất ngờ của anh Iacov.

- Quen ở đâu? Tớ chưa bao giờ gặp ông ta trước đây và cũng chưa từng sống ở những nơi ông ta đã sống...

Sáng hôm sau, anh Iacov mặc chiếc áo khoác ngắn đầy dầu mỡ, chân đi giày cũ, đầu đội chiếc mũ cói rách long vành của bác Gấu Con, nắm chặt tay tôi trong những ngón tay cứng như gang của anh mà nói:

- Có đi với tớ không? Nếu nói, ông ta sẽ nhận cả chú nữa đấy. Có muốn đi thì tớ sẽ bảo ông ta. Người ta sẽ hoạn cái của thừa của chú đi và sẽ cho chú tiền. Làm tàn tật con người là cái thú của họ, họ còn thưởng nữa là khác...

Ông khách hoạn đứng bên thành tàu, chiếc tay nải trắng cặp nách. Ông ta nhìn chằm chặp vào anh Iacov bằng cặp mắt của người chết, người phục phịch, trương phình như kẻ chết trôi. Tôi lầm bầm nguyền rủa ông ta. Anh Iacov xiết chặt bàn tay tôi một lần nữa:

- Kệ ông ta, cóc cần! Kẻ nào có Chúa của kẻ ấy, việc quái gì đến ta. Thôi vĩnh biệt nhé! Tớ mong cho chú được hạnh phúc!

Rồi anh Iacov Sumov ra đi, như một con gấu, để lại trong lòng tôi một cảm giác nặng nề, phức tạp. Tôi vừa thương anh, vừa bực cho anh, lại vừa có vẻ như hơi ganh tị với anh. Tôi lo lắng suy nghĩ: người ta đi tới những nơi xa lạ để làm gì?

Còn anh Iacov Sumov thì là người như thế nào nhỉ?

XII

Cuối mùa thu, khi những chuyến đi của tàu thuỷ chấm dứt tôi xin vào học việc trong một xưởng làm tượng thánh.[1] Nhưng qua hai ngày sau, bà chủ của tôi - một mụ già mềm mỏng và lúc nào cũng ngà ngà say - bảo tôi với giọng nói của dân miền Vladimir:

- Ngày bây giờ ngắn, đêm thì dài. Cho nên buổi sáng cháu sẽ ra cửa hiệu đứng coi hàng, buổi chiều sẽ học việc!

---

[1] Gorki làm việc ở xưởng làm tượng thánh từ cuối mùa thu 1882 đến mùa xuân 1883.

Và bà giao tôi cho một gã quản lí nhỏ bé sai bảo. Gã này còn trẻ, chân bước thoăn thoắt, bộ mặt bảnh trai, ngọt ngào. Sáng sáng, trong bóng mờ mờ lạnh lẽo của ban mai, tôi đi với gã qua suốt thành phố dọc theo đường phố buôn Ilinca còn đang mơ màng ngái ngủ về phía chợ Nijni. Cửa hiệu nằm ở tầng hai của toà nhà buôn. Đó là một căn phòng tối, trước đây là kho. Nó có một cửa ra vào bằng sắt và một cửa sổ nhỏ trông ra sân gác có mái che bằng tôn. Cửa hiệu xếp đầy chật những tượng thánh đủ các cỡ, những tủ đựng tượng, nhẫn có, trạm trổ có, những sách kinh in bằng chữ Xlav cổ, bìa da vàng. Bên cạnh cửa hiệu của chúng tôi là một cửa hiệu khác cũng bán tượng thánh và sách. Chủ hiệu ấy là một thương gia râu đen có họ với một nhà thông thái, cựu giáo, nổi tiếng ở vùng Kecjenet phía bên kia sông Volga. Lão thương gia này có một đứa con trai trạc tuổi tôi, khô khẳng và lanh lợi, khuôn mặt xám nhỏ choắt như mặt cụ già, mắt luôn luôn nhìn ngược nhìn xuôi như mắt chuột.

Mở xong cửa hiệu, tôi phải chạy đi mua nước sôi ở quán ăn. Uống trà xong, tôi phải dọn dẹp cửa hàng, lau bụi trên hàng hoá. Sau đó tôi đứng ở sân gác và chú ý theo dõi để khách hàng khỏi vào cửa hiệu bên cạnh.

- Khách hàng là một lũ ngốc, - gã quản lí bảo tôi với giọng đầy tin tưởng. - Họ mua ở đâu cũng được, chỉ cốt rẻ thôi, chứ có biết quái gì đến hàng tốt xấu!

Gõ gõ những tượng thánh bằng gỗ vào nhau khoe khoang sự am hiểu tinh tế về công việc của mình, gã dạy tôi:

- Những hàng này đều là hàng rẻ tiền. Loại 12 x 16 phân giá là..., 24 x 18 phân giá là... Mày hiểu biết các thánh đấy chứ? Phải nhớ lấy: thánh Vonifati chuyên trị bệnh nghiện rượu, thánh Vacvara tử vì đạo chữa đau răng và chết bất ngờ; thánh Vaxili Hạnh phúc trị cảm sốt... Các Đức Mẹ mày cũng biết đấy chứ? Nhìn đây này! Đức Mẹ Thương khó, Đức Bà Ba Ngôi, Đức Mẹ Alaba Báo

mộng, Đức Mẹ Đừng khóc con, Hãy an ủi con, Đức Mẹ Cazan, Đức Mẹ Pocrov, Đức Mẹ Xemixtrenaia...

Tôi thuộc rất chóng giá các tượng thánh, tuỳ theo cỡ và phẩm chất của chúng, tôi nhớ những chỗ khác nhau giữa các tượng Đức Mẹ, nhưng khó mà nhớ được tài đức của các vị thánh.

Có khi tôi đang đứng ngoài cửa hiệu và suy nghĩ về một điều gì đó thì gã quản lí bỗng thình lình kiểm tra lại kiến thức của tôi:

- Ai giúp đỡ được những trường hợp khó đẻ?

Nếu tôi lầm lẫn, gã hỏi một cách khinh bỉ:

- Thế đầu óc mày để làm gì?

Việc mời mọc khách đối với tôi lại càng khó khăn hơn nữa. Tôi không thích những tượng thánh vẽ xấu xí đó, bán những của nợ này thật ngượng ngùng. Theo những câu chuyện bà tôi kể, tôi hình dung Đức Mẹ hiền từ, trẻ đẹp. Trên các trang trong tạp chí, hình của Đức Mẹ cũng đúng như vậy. Thế mà những bức tượng ở đây lại trình bày Đức Mẹ già, nghiêm khắc với chiếc mũi vừa cong vừa dài và những cánh tay cứng đờ như gỗ.

Những ngày phiên chợ, thứ tư và thứ sáu hàng bán rất chạy; trên sàn gác luôn luôn có những ông mujic và những bà già, đôi khi đầy đủ cả từng gia đình một nữa. Họ đều là những người dân theo cựu giáo vùng ven sông Volga, những người dân vùng rừng rú ít nói và đa nghi. Có lần tôi gặp một người to lớn nặng nề, quấn da cừu và nỉ dày dệt lấy, đi rón rén trên sàn gác, tựa như sợ bị ngã xuống dưới. Trước mặt bác ta, tôi đâm ra lúng túng, xấu hổ. Thật phải gắng gượng lắm tôi mới dám chặn lối đi của bác, quẩn quanh bên đôi ủng khổng lồ của bác, và vo ve như một con muỗi:

- Thưa ngài, ngài muốn mua gì ạ? Xin mời ngài xem, đây là những sách Thánh thi giáo huấn và diễn giảng, đây là sách của Efrem Xirin, của Kirin, đây là luật Thánh, sách kinh. Đây là

các tượng thánh sơn đậm màu, loại tốt nhất, đủ mọi giá, ngài muốn thứ nào cũng có! Theo ý muốn của khách hàng, chúng tôi nhận đặt vẽ tất cả các thánh và tất cả các Đức Bà Đồng Trinh. Có lẽ ngài muốn đặt một bức cá nhân, hay một bức gia đình chăng? Xưởng chúng tôi là xưởng nổi tiếng nhất nước Nga! Cửa hàng của chúng tôi là cửa hàng lớn nhất trong thành phố!

Người khách hàng khó hiểu và kín đáo ấy im lặng hồi lâu; ông ta nhìn tôi như nhìn một con chó, rồi bỗng đưa cánh tay thô kệch ra gạt tôi sang một bên, đi vào cửa hàng bên cạnh. Còn gã quản lí của tôi thì vừa vân vê đôi tai to vừa giận dữ càu nhàu:

- Mày để lọt lưới mất rồi... thế mà cũng đòi mời khách đấy...

Ở cửa hiệu bên cạnh vẳng lên một giọng nói mềm mỏng, ngọt ngào, tuôn ra những câu dễ mê hoặc lòng người:

- Anh bạn thân mến ạ, chúng tôi không phải loại buôn da cừu, buôn giày dép. Chúng tôi bán những lời phán truyền của Chúa, những thứ mà vàng bạc cũng không thể nào đo được, những vật vô giá...

- Quỷ quái thật! - gã quản lí của tôi lẩm bẩm với một vẻ ganh tị và khâm phục. - Nó câu bọn mujic mới giỏi chứ! Mày học lấy! Học lấy!

Tôi học rất tận tình, - mọi việc đều cần làm cho ra trò nếu đã bắt tay vào làm. Nhưng tôi đã đạt được những kết quả rất tồi trong khoa mời chào khách và bán hàng. Những người mujic cau có, lầm lì, những bà già giống như những con chuột nhắt ấy, luôn luôn khúm núm như sợ sệt một cái gì làm cho tôi thấy thương hại họ; tôi muốn khẽ mách cho họ biết giá thật của các bức tượng thánh mà không lấy một copec lãi nào. Đối với tôi, tất cả họ đều có vẻ nghèo đói cùng khổ. Thật là lạ khi thấy họ có thể bỏ ra ba rúp rưỡi để mua một quyển Thánh thi là quyển sách được nhiều người mua nhất.

Kiến thức của họ về các sách và về giá trị lối vẽ tượng thánh

làm tôi rất ngạc nhiên. Một lần có một ông già tóc bạc bị tôi lùa vào hiệu đã nhẹ nhàng bảo tôi:

- Chú em ơi, xưởng làm tượng thánh của chú không phải là xưởng giỏi nhất nước Nga đâu. Xưởng nổi tiếng nhất là xưởng của Rogojin ở Moxcva kia!

Tôi ngượng quá, rút lui. Còn ông ta lại tiếp tục thong thả đi, không buồn ghé vào cửa hiệu bên cạnh.

- Chết cứng lưỡi chứ? - gã quản lí hỏi tôi với một vẻ thâm độc.

- Anh có nói cho em biết xưởng của Rogojin đâu...

Gã bắt đầu chửi rủa:

- Cái bọn tẩm ngẩm tầm ngầm ấy la lết mọi nơi, cái gì cũng biết, quân vô lại, cái gì cũng hiểu, lũ chó già...

Bảnh trai, no đủ và giàu tự ái, gã rất ghét những người mujic. Trong những phút thân mật, gã than phiền với tôi:

- Tao là một người thông minh, ưa sạch sẽ, ưa những mùi thơm tho như mùi hương, mùi nước hoa. Thế mà với một phẩm chất như vậy, tao phải cúi rạp mình xuống đến thắt lưng trước cái bọn mujic hôi hám ấy để chúng cho bà chủ dăm copec tiền lãi! Còn thích thú gì đối với tao nữa cơ chứ? Bọn mujic là cái gì? Đó là một lũ lông lá hôi hám, rận chấy đầy người, ấy thế mà...

Gã lặng im một cách cay đắng.

Tôi thích những người mujic. Ở mỗi người bọn họ tôi đều thấy có một vẻ gì bí ẩn giống như ở anh Iacov.

Có lần, có một người to lớn mặc tsapan[1] phủ ngoài áo lông cừu ngắn bước vào hiệu. Bác ta bỏ chiếc mũ lông xuống, vừa lấy hai ngón tay làm dấu thánh, vừa nhìn về phía góc nhà có ngọn đèn thờ leo lét cháy, cố ý không liếc mắt vào những bức tượng thánh khác, sau đó bác lặng lẽ đưa mắt nhìn quanh và hỏi:

- Cho một tập Thánh thi diễn giảng.

---

[1] Một loại áo của nông dân.

Bác xốc ống tay áo lên, đọc rất lâu trang đầu, cặp môi xám nứt nẻ đến rớm máu khẽ động đậy.

- Không có quyển cổ hơn à?

- Ông cũng biết đấy, sách cổ giá hàng ngàn rúp cơ...

- Chúng tôi biết!

Bác ta thấm nước bọt vào tay, rồi lật trang khác, chỗ bác ta vừa chạm tới hằn lại vết ngón tay đen sì. Gã quản lí lườm ông khách hàng với một vẻ hung dữ rồi nói:

- Sách thánh nào cũng đều cổ như nhau cả, Chúa có bao giờ thay đổi lời phán truyền của Người đâu...

- Chúng tôi cũng đã biết, đã nghe nói như vậy rồi! Chúa không thay đổi, nhưng mà Nicon thay đổi[1].

Rồi ông khách gấp quyển sách lại, lặng lẽ bỏ đi.

Đôi lúc những con người rừng núi ấy tranh cãi với gã quản lí, và tôi thấy rõ ràng rằng họ giỏi đạo lí hơn gã.

- Gớm những cái lưỡi đầm lầy, - gã quản lí càu nhàu.

Tôi cũng thấy rằng tuy sách mới không được những người mujic thích lắm, nhưng họ vẫn kính cẩn nhìn chúng, sờ vào chúng một cách thận trọng tựa hồ như những quyển sách ấy có khả năng bay khỏi tay họ như chim vậy. Được thấy điều đó lòng thật dễ chịu, vì đối với tôi, sách vở là một vật kì diệu, trong đó chứa đựng tâm hồn của người viết ra nó. Khi mở sách ra, tôi đã giải thoát cho tâm hồn đó và nó bí mật nói chuyện với tôi.

Những ông già, bà già thường hay mang tới hiệu để bán những sách in cổ trước thời Nicon, hoặc bản sao các sách do những bà phước ở Irgiz và Kecjenet chép rất đẹp, bản sao sự tích các thánh chưa bị Dmit'ri Roxtovxki sửa chữa lại, những

---

[1] Nicon (1605-1681), giáo chủ nước Nga, người thực hiện việc tập trung quyền hành của nhà thờ để củng cố chế độ nông nô. Nhiều địa chủ, thương gia, nông dân đã tập hợp lực lượng để chống đối lại. Khởi đầu cho việc phân hóa này là việc Nicon cho sửa lại những sách kinh theo kiểu mẫu của Hy Lạp.

tượng thánh cổ, những thánh giá, thánh tích bằng đồng tráng men được đúc ở vùng biển phương Bắc, những bình bạc mà những ông hoàng ở Moxcva đã tặng cho những tiệm rượu. Tất cả những thứ đó, họ đều bí mật giấu giếm trong áo và nhìn ngó quanh quẩn rồi mới đưa ra.

Các gã quản lí của tôi lẫn lão láng giềng đều rình đón những người mang đồ tới bán đó và ra sức hớt tay trên của nhau. Mua những thứ đồ cổ đó chỉ mất một vài rúp hay vài chục rúp, nhưng họ bán lại cho những người theo cựu giáo giàu có ở hội chợ để lấy hàng trăm rúp.

Gã quản lí dạy tôi:

- Mày phải theo dõi bọn quỷ quái, bọn phù thủy ấy nhé, nhìn cho kĩ vào! Chúng nó mang vận may tới đấy.

Khi có một người đến bán những đồ kể trên, gã quản lí liền sai tôi đi mời lão già thông thái Piot Vaxilievitr, một tay am hiểu rất thông thạo những sách vở, tượng thánh và các đồ cổ khác.

Lão cao lêu nghêu, có bộ râu dài như râu của Vaxili Hạnh Phúc, với cặp mắt thông minh trên khuôn mặt dễ có cảm tình. Một bàn chân của lão bị chặt đứt nên lão đi khập khiễng, tay chống một chiếc gậy dài. Mùa đông lẫn mùa hè lão đều mặc một chiếc áo mỏng, nhẹ, trông tựa như áo thầy tu, đội một chiếc mũ nhung hình thù kì quái hệt như một chiếc xoong. Người lão còn dồi dào khí lực, lưng còn thẳng, nhưng khi bước vào hiệu, lão liền xuôi vai xuống, còng lưng lại, khe khẽ rên rỉ, luôn luôn lấy hai ngón tay làm dấu thánh giá và lúc nào cũng lầm rầm cầu nguyện, đọc kinh. Sự trọng đạo đó cùng vẻ già yếu của lão dễ khiến cho người mang đồ tới bán tin lão.

- Có việc gì đấy? - Lão già hỏi.

- À, có bác này mang tượng tới bán, bác ta bảo là của Xt'roganov.

- Cái gì?

- Của Xt'roganov.

- À ra thế. Tôi nghe kém quá. Chúa đã ngăn tai tôi lại không cho nghe những câu ghê tởm của bọn Nicon...

Lão bỏ mũ xuống, để bức tượng nằm ngang, nhìn dọc, nhìn nghiêng, nhìn thẳng các nét vẽ, xem xét cái chốt trên tấm gỗ rồi nheo mắt lại và nói phì phì như mèo:

- Cái bọn Nicon vô đạo này, cái lũ quỷ quái này biết chúng ta ưa chuộng đồ cổ, chúng bày ra đủ thứ giả mạo thâm thuý. Chà, bây giờ người ta làm những tượng thánh giả mới khéo chứ, khéo lắm! Trông bên ngoài thì hình như đúng là tượng thời Xt'roganov, Uxtiugoxki hay Xuzdan. Nhưng nhìn kĩ thì hoá ra là của giả mạo!

Nếu lão nói "của giả mạo" thì câu ấy có nghĩa là bức tượng vào loại đắt và hiếm. Một số tiếng lóng mách cho gã quản lí biết số tiền cần phải trả để mua một bức tượng hay một quyển sách là bao nhiêu. Tôi biết rằng chữ "đáng buồn và đáng giận" có nghĩa là mười rúp, chữ "con hùm Nicon" có nghĩa là hai mươi lăm rúp. Tôi hổ thẹn khi thấy họ lừa dối những người mang đồ tới bán, nhưng cái trò chơi khôn ngoan của lão già thông thái đã lôi cuốn tôi.

- Cái bọn Nicon, lũ con đen đủi của con hùm Nicon ấy có thể làm đủ mọi chuyện. Chúng nó bị quỷ sai khiến mất rồi. Trông nước sơn tưởng như thực, thế nhưng toàn thân thì do một người vẽ, còn khuôn mặt thì cứ nhìn kĩ mà xem, nét bút lại là của người khác. Những thợ vẽ ngày xưa như Ximon Usacov tuy là kẻ vô đạo nhưng ông ta đã vẽ được toàn chân dung từ thân đến đầu, tự tay ông ta bào gỗ quét sơn. Ấy thế mà bây giờ lũ dân vô đạo này không sao làm được như thế nữa! Ngày xưa việc vẽ tượng thánh là một việc thiêng liêng, bây giờ nó chỉ còn là một nghệ thuật, thế đấy các con ạ!

Cuối cùng lão thận trọng đặt bức tượng lên quầy hàng rồi đội mũ và nói:

- Thật là tội lỗi!

Câu đó có nghĩa là: mua được đấy!

Bị ngập trong những câu ngọt ngào của lão, và choáng váng trước kiến thức của lão, người mang đồ tới bán kính cẩn hỏi:

- Dạ thưa cụ, thế bức tượng này thế nào ạ!

- Thế nào à? Đó là tượng thời Nicon.

- Vô lí! Cha ông, cố kỉnh nhà cháu đều thờ tượng thánh này...

- Nicon còn sống trước cả cụ cố nhà bác nữa cơ đấy.

Lão già gí bức tượng vào sát mặt người mang bán rồi nghiêm nghị giảng giải:

- Bác thử nhìn xem, khuôn mặt tươi cười như thế này, như vậy mà gọi là tượng thánh à? Đó chỉ là một bức tranh, một lối vẽ vô nghĩa, một trò đùa của bọn Nicon. Bức tranh chẳng có một chút tinh thần nào cả! Chẳng lẽ tôi lại nói điêu hay sao? Tôi đã già rồi, chỉ biết có sự thật mà thôi. Tôi cũng sắp đến ngày về chầu trời rồi, còn nói dối làm gì cơ chứ!

Lẩy bẩy vì già yếu, lão đi từ cửa hiệu ra sân gác, ra vẻ bực mình vì người ta đã không tin vào sự đánh giá của mình. Gã quản lí trả vài rúp để mua bức tượng. Người bán tượng cúi rạp xuống chào lão Piot Vaxilievitr rồi đi ra. Người ta sai tôi đến quán ăn để mua nước sôi về pha trà. Khi trở về, tôi đã thấy lão già đấy phấn chấn, vui vẻ. Lão thích thú ngắm nghía món hàng mới mua được và dạy gã quản lí:

- Nhìn xem, bức tượng rất trang nghiêm, nét vẽ rất nhã đầy lòng thành kính Chúa, không có một chút nào là phàm tục...

- Ai vẽ thế? - gã quản lí sung sướng nhún nhảy cả người lên, hỏi.

- Anh chưa cần biết cái đó vội.

- Thế bọn sành chơi sẽ trả được bao nhiêu tiền?

- Tôi biết thế nào được! Anh đưa tôi, tôi muốn cho một vài người xem đã...

- Chà, cụ Piot Vaxilievitr...

- Nếu bán được, tôi sẽ đưa cho anh năm chục, còn lại bao nhiêu là phần của tôi!

- Chà...

- Chỉ cần anh đừng có la lên như vậy thôi...

Họ uống trà và mặc cả với nhau một cách trắng trợn, nhìn nhau với cái nhìn của những tên lừa đảo. Gã quản lí đã hoàn toàn nằm trong tay lão già, điều đó thật là rõ ràng. Khi lão già ra về, gã bảo tôi:

- Mày liệu hồn đấy, đừng có nói gì với bà chủ về bức tượng này, nghe chưa!

Thoả thuận xong với nhau về việc bán tượng, gã quản lí hỏi:

- Có tin gì mới trong thành phố không, cụ Piot Vaxilievitr?

Lão già đưa bàn tay vàng khè lên vuốt râu, để hở ra cặp môi nhờn mỡ và bắt đầu kể chuyện về đời sống của những thương gia giàu có: chuyện buôn bán phát tài, chuyện ăn chơi hoang phí, chuyện ốm đau, chuyện cưới xin, chuyện tình phụ vợ chồng... Lão thêu dệt những câu chuyện phong phú ấy một cách nhanh chóng và khéo léo như một mụ bếp giỏi tráng bánh bột blin và tưới thêm vào những câu chuyện ấy những tiếng cười khe khẽ. Bộ mặt tròn trĩnh của gã quản lí xám lại vì thèm thuồng và khâm phục, cặp mắt gã phủ một vẻ mơ màng. Gã vừa thở dài, vừa rền rĩ:

- Người ta sống như thế đấy! Vậy mà cháu thì cứ vất vưởng thế này đây...

- Số kiếp mỗi người một khác, - lão già thông thái nói giọng trầm trầm, - người thì được thiên thần dùng búa bạc rèn cho một số phận tốt đẹp, kẻ thì do quỷ sứ lấy đầu rìu đẽo...

Lão già rắn rỏi, quắc thước ấy cái gì cũng biết. Lão biết mọi sinh hoạt trong thành phố, mọi điều bí mật của các thương gia, quan lại, của các cha cố và các tiểu thị dân, Không một việc gì

lọt qua con mắt ác điểu của lão. Trong người lão trà trộn những tính chất của loài cáo và loài chó sói. Tôi luôn luôn muốn trêu tức lão, nhưng lão nhìn tôi với một vẻ xa lạ tựa như qua một lớp mây mù. Đối với tôi, lão như bị bao bọc trong một khoảng không trống rỗng, nếu đến gần lão thì sẽ bị lăn vào khoảng không đó mất. Tôi có cảm giác như trong người lão có một cái gì giống anh thợ đốt lò Sumov.

Tuy gã quản lí khâm phục trí thông minh của lão trước mặt cũng như sau lưng, nhưng cũng như tôi, có những lúc gã muốn trêu chọc, làm cho lão già tức mình.

- Nhưng bác cũng là một tay lừa đảo thiên hạ đấy chứ! - gã bỗng nói và nhìn thẳng vào mặt lão với một vẻ thách thức.

Lão già uể oải cười nhạt và đáp lại:

- Chỉ có một mình Chúa là không lừa đảo thôi. Còn chúng ta thì đều sống với những kẻ ngu ngốc. Nếu không lừa những thằng ngốc, thì chúng còn có công dụng gì nữa cơ chứ?

Gã quản lí hăng lên:

- Bọn mujic không phải đều ngu ngốc cả đâu. Ngay bọn thương gia thì cùng xuất thân từ mujic mà ra chứ còn từ đâu nữa?

- Chúng ta không nói đến bọn thương gia làm gì! Bọn ngu ngốc không biết lừa đảo. Chúng là những ông thánh, trí óc của chúng không hoạt động...

Lão nói mỗi lúc một uể oải hơn, điều đó dễ làm cho người nghe nổi cáu. Tôi có cảm giác như lão đứng trên một mỏm đất, còn xung quanh lão toàn là đồng lầy. Không thể nào làm cho lão tức giận được. Lão không bao giờ nổi cáu, hoặc có thể là lão biết cách tự chủ được mình.

Nhưng cũng có những lúc chính lão lại khiêu khích tôi. Lão đến sát tôi, tủm tỉm cười trong bộ râu và hỏi:

- Cháu gọi cái anh chàng viết văn người Pháp ấy là gì - Ponox[1] phải không?

---

[1] Nghĩa tiếng Nga là bệnh đi ngoài.

Tôi rất ghét cái lối xỏ xiên hay xuyên tạc tên người ấy nhưng cũng kịp giữ bình tĩnh để trả lời:

- Ponox đơ Terai.

- Mất[1] ở đâu?

- Ông đừng có vớ vẩn! Ông có phải là trẻ con nữa đâu!

- Đúng, ông có phải là trẻ con nữa đâu. Cháu đọc gì đấy?

- Sách của Efrem Xirin.

- Thế cái anh người Nga ấy với cái anh người Pháp kia ai viết hay hơn?

Tôi nín thinh.

- Người Nga chúng ta hay viết về chuyện gì nhiều nhất? - lão vẫn không thôi, gặng hỏi nữa.

- Họ viết về đủ mọi chuyện có trên đời này.

- Tức là họ viết cả chuyện chó chết[2] nữa à, chuyện ấy cũng có đấy.

Gã quản lí cười rống lên. Tôi tức quá, cảm thấy nặng nề, khó chịu, nhưng nếu tôi tìm cách lảng thì gã quản lí liền ngăn tôi lại:

- Mày đi đâu?

Còn lão già lại vẫn hành hạ tôi:

- Nào, con người có học thức, cháu thử giải câu đố này xem nào: Trước mặt cháu có một ngàn người đứng trần truồng: năm trăm đàn bà, năm trăm đàn ông. Trong số họ có Adam và Eva. Đố cháu làm thế nào để nhận ra được Adam và Eva?

Lão truy hỏi tôi rất lâu và cuối cùng đắc thắng tuyên bố:

- Chú ngốc ơi, Adam và Eva không do ai đẻ ra, mà do Chúa tạo nên, như vậy tức là họ không có rốn!

Lão già biết vô số những loại "câu đố" như trên. Lão có thể làm khổ tôi mãi với những câu đố ấy.

---

[1] Âm của chữ "terai" gần giống chữ "mất" tiếng Nga.

[2] Nguyên văn: chuyện chó và ngựa.

Trong thời gian đầu đứng trông hàng, tôi thường kể cho gã quản lí nghe nội dung một vài quyển truyện mà tôi đã đọc. Bây giờ họ dùng những câu chuyện ấy phản lại tôi; gã quản lí kể lại cho lão Piot Vaxilievitr nghe, nhưng cố tình lầm lẫn và xuyên tạc một cách đê tiện. Lão già khéo léo giúp đỡ hắn bằng cách đặt những câu hỏi nhảm nhí. Miệng lưỡi bẩn thỉu của họ tuôn ra rặt những câu bình phẩm trơ tráo về Ogieni Grangde, Liutmila, Henry IV.

Tôi hiểu họ làm điều đó chỉ vì vô công rồi nghề, chứ không có ác tâm gì, nhưng tôi vẫn không kém phần đau khổ. Sau khi khoắng bùn lên, họ sục sạo trong chỗ bẩn thỉu ấy như những con lợn và rống lên vì thích thú được bôi nhọ, được chế giễu những điều đẹp đẽ nhưng quá xa xôi, khó hiểu và buồn cười đối với họ.

Tất cả những thương gia và quản lí của khu buôn bán đều sống một cuộc đời bất thường, đầy những trò tiêu khiển ngu xuẩn, trẻ con, nhưng lúc nào cũng độc ác. Nếu có người mujic nào ở xa đến hỏi thăm đường đi gần nhất tới một nơi nào đó trong thành phố, bao giờ người ta cũng chỉ cho anh ta đi theo hướng khác. Cái chuyện đó đã quá quen thuộc với mọi người đến nỗi bản thân kẻ nói dối cũng chẳng lấy làm thích thú gì với cái trò đùa của mình nữa. Bắt được một đôi chuột cống, họ bèn buộc đuôi chúng lại với nhau, thả ra ngoài đường rồi thích thú đứng xem chúng giằng co nhau về mọi phía và cắn xé nhau. Đôi khi họ tẩm dầu hoả lên mình chuột rồi thiêu sống chúng. Họ còn lấy một cái xô sắt tây buộc vào đuôi chó; con vật điên cuồng sợ hãi vừa chạy vừa sủa giữa tiếng loảng xoảng, còn họ thì đứng nhìn, cười hô hố với nhau.

Những trò tiêu khiển tương tự như trên nhiều vô kể. Tôi có cảm giác như mọi người - nhất là những người dân quê - sống chỉ để làm trò tiêu khiển cho khu buôn bán này. Hầu như bọn họ luôn luôn đem con người ra mà giễu cợt, mà làm cho anh ta

lúng túng, đau đớn. Một điều lạ là những sách mà tôi đã đọc qua đều không nói cái khuynh hướng đốn mạt nhưng rất phổ biến ấy.

Một trong những trò tiêu khiển dưới đây của khu buôn bán làm cho tôi thấy vô cùng bực tức và khó chịu.

Lão chủ một hiệu bán đồ len và giày ủng dạ ở phía dưới cửa hiệu của chúng tôi có nuôi được một anh quản lí nổi tiếng khắp chợ Nijni về tính phàm ăn. Lão khoe khoang khả năng ấy của người giúp việc cho mình như người ta thường khoe tính hung dữ của một con chó hoặc sức khoẻ của một con ngựa. Lão thường hay đòi đánh cuộc với các nhà buôn bên cạnh:

- Ai dám đặt cuộc mười rúp nào? Tôi cam đoan rằng thằng Misca sẽ ăn hết mười funt giăm bông trong hai giờ đấy!

Nhưng mọi người đều biết rằng Misca có khả năng ăn hết nên họ nói:

- Đánh cuộc làm cái gì. Nhưng có thể mua giăm bông về đây để xem nó ăn ra sao được đấy!

- Nhưng cần phải mua tuyền thịt nạc chứ không được có xương đâu nhé!

Họ uể oải tranh cãi nhau một lúc. Và thế là từ căn nhà kho tối om hiện ra một thanh niên gầy còm, cằm không râu, gò má to. Anh ta mặc một chiếc va rơi, quấn một chiếc thắt lưng vải đỏ lấm tấm, người dính đầy những mẩu len. Trịnh trọng trật mũ khỏi cái đầu bé nhỏ, anh ta đưa đôi mắt sâu hoắm sũng sờ nhìn vào khuôn mặt tròn, đỏ như gấc và râu ria tua tủa của lão chủ.

- Cậu có chén hết được tảng[1] thịt này không?

- Trong bao lâu ạ? - anh Misca nhỏ bé hỏi, vẻ thông thạo.

- Trong hai tiếng đồng hồ.

---

[1] Nguyên văn: batman - đơn vị đo lường Nga (bằng 4 cân rưỡi).

- Thưa cũng khó đấy!

- Có gì mà khó!

- Xin cho thêm hai chai bia nữa!

- Được, - lão chủ nói và khoe khoang, - các ngài đừng nghĩ rằng hắn đói đâu nhá. Từ sáng hắn đã ngốn hai funt bánh mì, buổi trưa cũng đã ăn như thường lệ...

Người ta mang đùi giăm bông tới. Khán giả quây quần lại. Tất cả đều là những thương gia béo tốt, quấn chặt trong áo khoác lông nặng nề như những quả tạ khổng lồ. Bụng phình to, mắt ti hí, người nào cũng có những báng mỡ và bị day dứt bởi những nỗi buồn tẻ đang vây bọc họ như một đám mây mù chập chờn.

Tay luồn vào ống tay áo, họ vây thành một vòng tròn chật ních quanh anh quản lí đang cầm một con dao và một tảng bánh mì đen to tướng. Anh thành kính làm dấu thánh giá rồi ngồi lên một bao len, đặt tảng giăm bông lên một cái thùng bên cạnh và đưa cặp mắt lờ đờ ước lượng món ăn đó.

Sau khi cắt một miếng bánh mỏng và một miếng thịt dày, anh cẩn thận chồng chúng lên nhau rồi dùng cả hai tay nâng lên miệng. Môi rung rung, anh thè cái lưỡi dài như lưỡi chó ra liếm môi, để lộ hàm răng nhỏ và nhọn, rồi vục mõm xuống miếng thịt, khéo léo như con chó.

- Bắt đầu rồi!

- Nhìn đồng hồ đi!

Mọi con mắt đều nghiêm chỉnh hướng về bộ mặt anh quản lí, về phía hàm dưới và những u tròn nổi quanh tai anh. Người ta nhìn vào chiếc cằm nhọn đang đều đặn nâng lên, hạ xuống và uể oải trao đổi với nhau:

- Nó ăn cứ như gấu ấy!

- Thế bác đã thấy gấu ăn thế nào chưa?

- Dễ thường tôi sống trong rừng đấy hẳn? Chẳng qua là người ta thường ví: ăn như gấu ấy.

- Người ta hay nói ăn như lợn chứ.

- Lợn không ăn thịt lợn đâu...

Người ta cười gượng gạo và ngay lúc đó một người hiểu biết trong bọn họ chữa lại:

- Giống lợn ăn đủ mọi thứ. Nó ăn cả con nó, cả chị em của nó...

Bộ mặt của anh quản lí sẫm dần, tai xám ngắt lại, cặp mắt sâu lồi ra khỏi hốc. Anh thở một cách nặng nhọc, nhưng cằm anh vẫn chuyển động đều đặn.

- Cố lên, Misca, chú ý đến thời gian đấy! - Người ta khuyến khích anh. Anh bồn chồn lấy mắt ước lượng khối thịt còn lại, uống bia và ăn nhai tóp tép. Người xem nhốn nháo, mỗi lúc càng nhìn nhiều hơn vào chiếc đồng hồ trong tay lão chủ của Misca. Họ dặn nhau:

- Cầm lấy đồng hồ kẻo ông ấy vặn lùi lại đấy!

- Chú ý nhìn Misca, khéo nó bỏ thịt vào ống tay áo đấy!

- Nó ăn không kịp đâu!

Lão chủ của Misca nói to với vẻ thách thức:

- Đánh cuộc hai mươi lăm rúp nào! Misca, đừng phụ lòng tao nhé!

Mọi người cũng thách thức lão chủ, nhưng không ai nhận đặt cuộc với lão cả. Còn Misca thì vẫn cứ điềm nhiên nhai không biết mỏi. Mặt anh đã giống chiếc đùi lợn. Chiếc mũi nhọn sần sùi thở phì phò một cách thiểu não. Trông anh thật khiếp. Tôi có cảm giác anh sẽ khóc oà và kêu lên:

- "Hãy thương tôi một chút..."

Hay là anh sẽ nhét thịt đến tận cuống họng rồi ngã đập đầu xuống chân khán giả và chết.

Cuối cùng anh ăn hết sạch mọi thứ, giương tròn cặp mắt say lên và nói thều thào một cách mệt nhọc:

- Cho xin hụm nước...

Còn lão chủ của anh thì nhìn vào đồng hồ và càu nhau:

- Chậm mất bốn phút rồi, thằng đốn mạt...

Mọi người chế giễu lão:

- Tiếc rằng không đánh cuộc với bác, chứ không thì bác thua rồi còn gì!

- Dầu sao thằng bé cũng khoẻ như một con thú ấy!

- Ừ, cho nó đi làm xiếc được đấy...

- Chà, Chúa có thể làm cho con người đến nông nỗi thế ư?

- Thôi, đi uống trà chứ?

Họ lũ lượt kéo nhau vào quán ăn như đám thuyền trôi dạt.

Tôi muốn hiểu điều gì đã tập hợp được những con người nặng nề phục phịch ấy lại xung quanh anh chàng bất hạnh kia, tại sao tính phàm ăn xấu xa của anh lại làm cho họ thích thú đến như vậy?

Trong dãy hành lang hẹp xếp chật ních những đống len, da cừu, dây gai, dây thừng, ủng dạ, yên cương trông thật là tối tăm, ảm đạm. Những cột gạch thô kệch, vụng về, ngăn cách hành lang với vỉa hè đã bị thời gian gặm mòn và bụi bẩn của đường phố phủ lên. Mọi hòn gạch, mọi khe hở chắc đã được thầm đếm đi đếm lại hàng ngàn lần và vĩnh viễn ghi trong trí nhớ với cái mạng lưới nặng nề đầy những hình thù quái gở.

Khách bộ hành thong thả đi trên vỉa hè. Những chiếc xe ngựa, xe trượt tuyết chở hàng chậm rãi di chuyển trên đường phố. Phía sau phố, giữa một ô vuông của những cửa hiệu hai tầng bằng gạch đỏ là một quảng trường ngổn ngang những thùng hộp, rơm rác, giấy bọc nhầu nát và phủ đầy những lớp tuyết bẩn thỉu đã bị dẫm nát.

Tất cả những cảnh vật đó cùng với người ngựa, tuy di chuyển nhưng dường như không nhích thêm một chút nào, mà chỉ lười biếng xoay quanh một chỗ. Sự di chuyển đó như bị gắn chặt vào chỗ ấy bằng những sợi dây vô hình. Tôi bỗng cảm thấy cuộc sống đó hầu như không có lấy một tiếng vang, nó

nghèo nàn âm thanh đến câm lặng. Những thanh trượt của xe trượt tuyết kêu ken két, cửa các hiệu đập thình thình, những người bán bánh rán, chè mật ong, bánh bàng rao hàng, nhưng tiếng của họ vang lên với một vẻ buồn buồn, miễn cưỡng. Những âm thanh ấy đều đơn điệu khiến ta nghe chóng quen và không chú ý tới chúng nữa.

Tiếng chuông nhà thờ ảo não như đưa tang. Tiếng ngân ai oán ấy lúc nào cũng như còn vọng mãi trong tai. Dường như từ sáng đến tối nó không ngớt chơi vơi trong khoảng không gian của khu chợ. Nó phân chia mọi ý nghĩ, mọi cảm xúc thành từng lớp và như những lớp cặn đồng nằm chặn lên trên mọi cảm tưởng.

Sự buồn chán lạnh lẽo toả lên từ khắp mọi nơi: từ mặt đất phủ đầy tuyết bẩn, từ những đống tuyết xám trên mái nhà, từ những viên gạch đỏ bầm của những ngôi nhà to lớn. Nỗi buồn toả ra từ các ống khói trong làn khói xám tràn lan trên bầu trời ảm đạm, thấp và trống rỗng. Nỗi buồn toả ra trong hơi thở của người và ngựa. Nó có mùi vị riêng của nó, một mùi nặng nề phảng phất của mồ hôi, của mỡ, của dầu gai, của bánh nướng và của khói. Mùi vị đó siết chặt lấy đầu ta như một chiếc mũ ấm và chật, nó ùa vào ngực ta khiến ta choáng váng, gây cho ta một ý muốn đen tối: muốn nhắm mắt lại, la hét lên một cách tuyệt vọng rồi bỏ chạy đến một nơi nào đấy và theo đà mà đâm đầu vào bức tường đầu tiên.

Tôi chăm chú nhìn những bộ mặt phì nộn của những thương gia đang bị băng giá day dứt, chúng mọng căng những tia máu ngầy ngậy và bất động như đang ngủ. Họ hay ngáp, mồm há hốc như cá bị quẳng lên bãi cát khô.

Mùa đông hàng quán thưa khách và trong ánh mắt của các nhà buôn không còn vẻ gian giảo, đề phòng như mùa hè nữa. Những chiếc áo lông nặng làm cho cử động khó khăn và kéo con

người khom thêm xuống mặt đất. Các thương gia nói chuyện với vẻ uể oải. Khi nào nổi cáu thì họ tranh cãi nhau. Tôi nghĩ rằng họ cố tình làm như vậy cốt để tỏ cho nhau biết mình đang còn sống đây.

Tôi thấy rất rõ nỗi buồn đè nặng lên họ, làm cho họ mòn mỏi, đần độn. Và chỉ có kinh qua cuộc đấu tranh vô hiệu quả với sức mạnh toàn năng của nỗi buồn đó, tôi mới tự giải thích được nguyên nhân những trò tiêu khiển ngu xuẩn và tàn nhẫn kia của họ.

Đôi lúc tôi nói ý nghĩ đó với Piot Vaxilievitr. Tuy nói chung lão hay giễu cợt, chế nhạo tôi, nhưng lão thích tính ham mê đọc sách của tôi và nhiều khi lão nói với tôi bằng một vẻ nghiêm trang, dạy dỗ.

- Cháu không thích những nhà buôn sống như vậy, - tôi nói.

Lão lấy ngón tay dài quấn một mớ râu lại rồi hỏi:

- Làm sao cháu biết được họ sống như thế nào? Hay là cháu thường được đến chơi với họ? Cậu cả ạ, ở đây là đường phố, mà trên đường phố thì không có ai ở cả. Người ta buôn bán trên đường phố, hoặc đi lại trên đó chốc lát rồi lại trở về nhà. Khi đi ra phố mọi người đều ăn mặc chỉnh tề, nhưng sau lớp quần áo ấy, ai biết được họ như thế nào. Con người ta chỉ sống cởi mở ở nhà, trong bốn bức tường của mình. Nhưng họ sống ở đấy như thế nào thì cháu làm sao mà biết được!

- Nhưng mà ý nghĩ của họ thì dù ở nhà hay ở ngoài phố cũng đều giống nhau cả cơ mà?

- Thế ai biết được người láng giềng của mình có những ý nghĩ gì? - lão trợn tròn mắt lên vẻ nghiêm khắc và nói với một giọng trầm đầy sức nặng. - Các cụ vẫn nói: ý nghĩ cũng giống như rận, không sao đếm xuể được chúng! Có thể là khi về nhà, người ra sẽ quỳ xuống, kêu khóc và cầu xin Chúa: "Lạy Chúa, xin Chúa tha cho con những tội lỗi con đã phạm trong ngày tốt lành của

Chúa!" Có thể rằng nhà của anh ta là một tu viện và anh ta chỉ sống ở đó một mình với Chúa. Có thể như vậy đấy! Mỗi con nhện cần biết xó nhà của mình đã, có chăng lưới thì cũng phải biết liệu trù sức nặng của mình sao cho đỡ được...

Khi lão nói nghiêm trang, giọng lão thấp xuống, trầm hơn, như muốn báo những điều bí mật quan trọng.

- Đấy, cháu hay suy luận, nhưng việc suy luận đối với cháu còn sớm quá. Tuổi cháu chưa phải tuổi sống bằng trí óc, mà bằng con mắt. Nói thế có nghĩa là cháu cứ quan sát và nhớ lấy mọi sự việc, nhưng hãy ngậm miệng lại đã. Lí trí dùng để làm việc, còn đối với tâm hồn thì cần phải có lòng tin. Cháu hay đọc sách, đó là điều tốt, nhưng cái gì cũng phải có chừng mực: có kẻ đọc nhiều quá hoá điên, có kẻ trở thành vô đạo...

Tôi mường tượng lão là người bất tử, thật khó hình dung được lão có thể già và thay đổi thêm nữa. Lão thích kể chuyện về các thương gia, về bọn ăn cướp, về những tay làm bạc giả mà trở nên những nhân vật nổi tiếng. Những chuyện ấy tôi đã nghe ông tôi kể rất nhiều. Ông tôi kể hay hơn lão thông thái này, nhưng ý nghĩa của các câu chuyện đều tương tự như nhau: sự giàu sang luôn luôn đạt được bằng con đường tội lỗi đối với người và với Chúa. Piot Vaxilievitr không thương hại con người, nhưng lão lại nhiệt tình nói về Chúa, vừa thở dài, vừa như giấu mất đi.

- Thế đấy, chúng lừa dối cả Chúa. Còn Chúa thì trông thấy tất cả những điều đó và Chúa than khóc: "Các con ơi, những đứa con đáng thương của ta ơi, địa ngục đang chờ các con đó!"

Một lần tôi cả gan nhắc lão:

- Nhưng chính ông cũng lừa dối những người mujic cơ mà...

Điều đó không mảy may làm lão tức giận.

- Việc của ông làm thì có nghĩa lí gì? - lão nói. - Chấm mút dăm ba rúp; quanh quẩn chỉ có thế thôi.

Bắt gặp tôi đang đọc sách, lão giằng quyển sách khỏi tay tôi, bẻ hoẹ tra hỏi tôi về những điều tôi vừa đọc xong, rồi ngẩn người ra với một vẻ phân vân bảo gã quản lí:

- Trông kìa, thằng lỏi con này nó cũng hiểu sách đấy chứ!

Và lão giảng giải cho tôi một cách rõ ràng, dễ nhớ:

- Cháu nghe đây, những lời ông nói đều sẽ có ích cho cháu cả. Có hai Kirin. Cả hai đều là giáo chủ. Người thứ nhất ở Alexandria, còn người thứ hai thì ở Eruxalim. Người thứ nhất nổi dậy chống lại tên vô đạo đáng nguyền rủa Nextori. Tên này trắng trợn giảng dạy rằng Đức Mẹ là người trần tục, vì thế nên không đẻ ra Chúa được, mà chỉ đẻ ra một con người bình thường tên là Jexu, tức là Đấng Cứu Thế. Như vậy thì không nên gọi là Đức Mẹ mà gọi là Mẹ đẻ ra Jexu thôi, cháu hiểu chưa? Đó là bọn vô đạo! Còn Kirin ở Eruxalim thì đấu tranh chống lại tên vô đạo...

Tôi rất phục sự hiểu biết của lão về lịch sử đạo. Còn lão thì đưa bàn tay chau chuốt như tay cố đạo vuốt râu và khoe khoang:

- Về mặt này thì ông có thể làm vương làm tướng được. Ông đã từng đi dự lễ Ba Ngôi ở Moxcva và tranh luận lí lẽ với bọn theo học thuyết Nicon thâm độc, với các cha cố và cả giới thượng lưu nữa. Chú bé ạ, ông cũng đã từng nói chuyện với các giáo sư nữa đấy! Có một cha cố bị ông dồn cho như roi quất vào mặt đến nỗi chảy cả máu mũi ra, thật đấy!

Má lão ửng đỏ, mắt sáng lên hớn hở.

Việc đối phương chảy máu mũi có lẽ lão cho là đỉnh thắng lợi cao nhất, một viên ngọc đỏ rực rỡ nhất giữa vòng hoa vinh quang vàng chói của mình nên lão thường kể chuyện ấy với một giọng say sưa:

- Ông cố đạo ấy người to lớn và đẹp ra phết! Ông ra đứng trước giá kinh giữa giáo đường, còn máu ở mũi thì cứ... tí, tách, tí tách!

Mà ông ta cũng không biết đến cái điều nhục nhã ấy nữa. Ông ta hung dữ lắm, cứ như là con sư tử ở giữa sa mạc vậy. Giọng ông ta sang sảng như chuông! Còn ông thì cứ nhẹ nhàng nói, nói câu nào trúng tim câu ấy, những câu của ông cứ như những ngọn giáo chích vào sườn ông ta... Ông ta thì cứ như một cái lò bừng bừng những tư tưởng hằn thù của lũ phản đạo... Chà, chuyện đời còn là lắm thứ!...

Hay đến cửa hiệu còn có những lão già thông thái khác: lão Pakhomi bụng to, mắt chột, người béo phì, hay lầu bầu trong họng như lợn kêu và lúc nào cũng mặc một chiếc áo khoác ngoài nhờn mỡ; lão Lukian, một lão già nhỏ bé, nhẫn nhụi như con chuột nhắt, tính dịu dàng, hoạt bát. Đi với lão là một người to lớn điệu bộ rầu rĩ, giống như người đánh xe ngựa. Người này râu đen, khuôn mặt đờ đẫn với cặp mắt bất động, trông đẹp, nhưng thật đáng ghét.

Hầu như lần nào họ cũng mang đến bán những sách, tượng thánh, lư hương cổ và những loại cốc chén cổ. Đôi khi họ dẫn khách bán - những ông già, bà lão ở phía bên kia sông Volga tới. Xong công việc mua bán, họ ngồi bên cạnh quầy hàng trông giống như lũ quạ đậu trên bờ ruộng, uống trà với bánh mì vòng và đường rồi kể cho nhau nghe những chuyện truy nã do phe đạo Nicon gây ra: chỗ này người ta khám xét và tịch thu những sách kinh, chỗ kia cảnh sát đóng cửa thánh đường và kiện cáo các chủ nhân trước toà theo Điều luật 103.[1] Điều luật 103 đó thường xuyên là đề tài trong các buổi nói chuyện của họ nhưng họ nói về chuyện ấy với một vẻ bình thản như nói về một điều tất nhiên nào đó, chẳng hạn như mùa đông người ta thường nói về chuyện buốt giá vậy.

Những chữ cảnh sát, khám xét, nhà tù, toà án, Xibiri là những chữ thường được nhắc tới luôn trong các câu chuyện của

[1] Điều luật của Nga hoàng nhằm trừng trị những người theo cựu giáo.

họ về việc truy nã dạo giáo. Những chữ đó thấm vào tâm hồn tôi như những hòn than hồng, nung nấu thiện cảm và lòng thông cảm với những ông già đó. Những sách mà tôi đã đọc đều dạy tôi biết kính trọng những người kiên trì để đạt mục đích của mình, biết quý trọng tinh thần kiên định của họ.

Tôi quên tất cả những điều xấu xa mà tôi đã thấy ở những ông thầy dạy tôi về cuộc đời đó. Tôi chỉ cảm thấy sự kiên trì bình tĩnh của họ, và phía sau sự kiên trì đó tôi cảm thấy như còn ẩn giấu một niềm tin không gì lay chuyển nổi vào chân lí của họ, sự chuẩn bị chịu đựng mọi cực hình vì chân lí đó của họ.

Sau này, khi được thấy nhiều kẻ bảo vệ cựu giáo tương tự như trên ở trong nhân dân cũng như trong tầng lớp trí thức, tôi hiểu rằng sự kiên trì đó là tính thụ động của những kẻ không còn chỗ nào khác để đi, ngoài chỗ đứng của mình. Và chính họ cũng không muốn đi đâu cả vì bị ràng buộc chặt chẽ trong khuôn khổ của những chữ cổ, của những khái niệm đã lỗi thời; họ trở nên đần độn trong những chữ và khái niệm đó. Ý chí của họ đã cố định, không có khả năng phát triển để hướng về tương lai, và khi có một sự tấn công nào từ ngoài tới, hất họ ra khỏi vị trí quen thuộc thì họ lăn lông lốc như một hòn đá lăn từ trên núi xuống. Họ cố bảo vệ cái nghĩa trang của những chân lí lỗi thời đó bằng sức mạnh đã tàn tạ của những kí ức về dĩ vãng và bằng một tình yêu yếu đuối đối với sự đau khổ áp bức; nhưng nếu họ bị tước mất khả năng đau khổ thì họ sẽ trở nên trống rỗng và bị biến mất như những đám mây trong một ngày gió mát.

Lòng tin mà họ sẵn sàng chịu đau khổ với một vẻ hào hứng và hỉ xả lớn lao ấy quả là lòng tin vững vàng, nhưng nó giống như bộ quần áo dã sờn cũ vì được phủ một lớp nhờn bẩn nên nhờ thế mà ít bị thời gian huỷ hoại. Tư tưởng và tình cảm, một khi đã quen với cái vỏ nặng nề, chật hẹp của những thành kiến, giáo điều, thì cho dù chúng có gẫy cánh và bị mòn mỏi, chúng vẫn sống một cách thoải mái thuận tiện.

Lòng tin theo thói quen ấy là một trong nhưng hiện tượng đáng buồn và có hại hơn cả trong cuộc sống của chúng ta. Trong phạm vi của lòng tin đó, tựa như trong bóng râm của một bức tường đá, những cái mới phát triển một cách chậm chạp, méo mó và lớn lên một cách cằn cỗi. Lòng tin u ám đó thiếu rất nhiều ánh sáng của tình yêu, mà chỉ mang nặng những điều nhục mạ, những tính độc ác ganh tị và cùng với lòng căm ghét. Ngọn lửa của lòng tin ấy là những ánh lân tinh ở những chỗ thối nát.

Nhưng để hiểu rõ điều đó, tôi còn phải sống qua nhiều năm cay cực, phải khắc phục nhiều điều trong tâm hồn, phải gạt bỏ nhiều điều ra khỏi trí nhớ của mình. Tuy nhiên trong lúc này, khi lần đầu tiên tôi gặp những ông thầy của cuộc sống trong một thực tại tẻ nhạt và bất lương này, thì tôi cho họ đều là những người có một sức mạnh tinh thần lớn, là những con người giỏi nhất trên đời. Hầu hết mỗi người trong bọn họ đều can án, bị ngồi tù, bị trục xuất ra khỏi các thành phố khác nhau, và cùng với các tù nhân khác bị giải đi khắp nơi này đến nơi nọ. Họ sống một cách e dè, lẩn tránh mọi người.

Tuy nhiên tôi chú ý thấy rằng trong khi than phiền về "sự áp đảo tinh thần" của phái Nicon, chính những ông già này cũng rất sẵn sàng áp đảo nhau và thậm chí có phần hào hứng với chuyện đó là khác.

Lão già chột Pakhomi khi uống rượu say thường hay khoe trí nhớ thật kì dị của mình. Lão thuộc làu một vài quyển sách như học trò trường đạo Do Thái thuộc *tanmut*[1] vậy. Lão chỉ tay vào bất kì một trang nào và bắt đầu đọc làu những câu tiếp theo kể từ chữ ở ngón tay chỉ với một giọng mũi dịu dàng. Lúc nào lão cũng nhìn xuống sàn. Con mắt độc nhất của lão lo lắng nhìn trên mặt sàn như đang tìm kiếm một vật gì quý giá bị mất. Lão

[1] Đạo lí của người Do Thái

hay giở trò ảo thuật ấy ra nhất đối với quyển *Dàn nho Nga* của bá tước Mưsetxki. Đặc biệt lão rất nhớ những "nỗi đau khổ đầy nhẫn nại và đầy dũng cảm của những kẻ đau khổ gan dạ và kì diệu". Còn Lão Piot Vaxilievitr thì cố tìm mọi cách để bắt lỗi của Pakhomi:

- Nói láo! Chuyện đó không xảy ra với Kiprian Chí Cao, mà là với Denit Chí Thánh.

- Denit nào nữa? Dionixi nói rằng...

- Ông không nên bám lấy lời nói!

- Ông đừng có dạy tôi!

Một lúc sau cả hai đều bừng bừng nổi giận, nhìn thẳng vào mặt nhau mà nói:

- Đồ phàm ăn tục uống, cái mặt thì trơ trơ ra thế kia, cái bụng thì tọng đầy vào...

Pakhomi trả lời như đếm trên bàn tính:

- Đồ hiếu sắc, đồ con dê, đồ nịnh đầm.

Gã quản lí luồn tay vào ống tay áo, mỉm cười vẻ thâm độc và khích lệ những nhà bảo vệ nền cựu giáo như xúi bẩy lũ trẻ con:

- Đúng đấy! Cho ông ấy một trận! Thế!

Có lần các ông già đánh nhau. Lão Piot Vaxilievitr nhanh như cắt, tát vào mặt đối thủ khiến đối thủ phải bỏ chạy, rồi mệt nhọc chùi mồ hôi trên mặt, lão kêu với theo kẻ bỏ chạy:

- Liệu thần hồn. Tội lỗi là ở ông cả đấy! Đồ quỷ quái, làm cho tay của người ta phải phạm giới rồi. Phì...

Lão đặc biệt thích chê bai tất cả bạn bè của mình rằng họ còn thiếu lòng tin vững chắc và họ đều rơi vào cái thuyết "phủ định" mất rồi.

- Đó đều là do lão Alecxan làm các ông lung tung cả lên. Thật là cứ như con gà trống gáy ấy.

Thuyết phủ định làm lão bực tức và hình như còn làm cho lão sợ nữa. Nhưng khi hỏi đến nội dung của học thuyết đó như thế nào, thì lão trả lời lơ mơ:

- Bọn theo học thuyết phủ định là bọn vô đạo cay cú nhất, chúng chỉ tin vào lí trí thôi chứ chẳng tin trời đất gì cả đâu! Như bọn Cozac ấy, ngoài Kinh thánh ra, chúng chẳng tôn trọng cái gì nữa. Mà Kinh thánh là của bọn Đức ngụ ở Xaratov, của Lute[1] viết ra chứ còn ai! Người ta đã nói về Lute như sau: "Cái tên của hắn nghe tưởng như là tao nhã, nhưng thực ra thì Lute ở chữ *liut* mà ra, có nghĩa là hung dữ!" Bọn phủ định còn gọi là *saloput* hoặc *stunda*,tất cả những chữ ấy đều là của phương Tây, của bọn vô đạo ở đó cả.

Lão giậm cái chân tàn tật của mình và nói một cách lạnh nhạt, nghiêm trang:

- Đấy, chính ra là phải đuổi cổ bọn tà đạo ấy đi, phải tiêu diệt và thiêu chết bọn chúng nó, chứ không phải chúng ta! Chúng ta gốc gác là người Nga. Đạo của chúng ta là đạo chính thống, đạo phương Đông, đạo gốc của người Nga. Còn tất cả những trò kia đều là của phương Tây, đều toàn là chuyện bịa đặt xuyên tạc cả! Bọn Đức, bọn Pháp có mang lại cái gì tốt đẹp đâu? Đấy chúng nó hồi năm một ngàn tám trăm mười hai...

Trong lúc cao hứng, lão quên rằng trước mặt lão chỉ là một đứa trẻ; lão túm lấy thắt lưng tôi bằng bàn tay rắn chắc rồi, lúc kéo lại gần, lúc đẩy ra xa, lão xúc động nói thao thao một cách nồng nhiệt như trẻ hẳn lại.

- Trí khôn của con người mò mẫm trong những điều bịa đặt rắc rối của mình giống như con chó sói hung dữ. Nó bị lạc lõng, rồi thì nghe lời quỷ sứ mà hành hạ linh hồn con người vốn là của trời phú cho. Cái lũ tôi tớ của quỷ ấy đã bịa đặt ra những gì? Bọn Bogomin cũng giống như bọn phủ định đã dạy người ta rằng: quỷ Xa Tăng cũng là con trời, là anh cả của Chúa Jexu, đấy, chúng nó tệ đến thế thì thôi! Chúng nó còn dụ người ta không nghe lời người trên, bỏ công ăn việc làm, bỏ vợ bỏ con đi

[1] *Luther* (1483- 1546), người cải cách đạo giáo người Đức.

nữa. Con người không cần gì cả, không theo một tôn ti trật tự nào cả. Cứ để cho con người sống theo ý mình, quỷ bảo sao thì tao làm vậy. Đấy cái lão Alecxan lại xuất hiện, ôi, cái lũ sâu bọ này...

Có lần, giữa lúc đó thì gã quản lí sai tôi đi làm một việc gì đấy. Tôi rời khỏi lão, nhưng còn lại một mình ở hành lang lão vẫn tiếp tục nói vào khoảng không quanh mình:

- Ôi, cái lũ tầm thường này, cái bọn mèo mù từ khi mới đẻ này, ta bỏ các người để đi đâu đây?

Rồi sau đó lão chống tay vào đầu gối, ngửa đầu ra và lặng thinh hồi lâu, mắt chăm chú nhìn chòng chọc vào bầu trời mùa đông xám ngắt.

Đối với tôi, lão trở nên chú ý và dịu dàng hơn. Thấy tôi đọc sách, lão vỗ vai tôi và nói:

- Cứ đọc đi chú em ạ, cứ đọc đi, cái đó sẽ có lợi cho cháu. Hình như cháu cũng có trí khôn đấy. Chỉ tiếc là cháu không chịu kính trọng người lớn, đối với ai cũng bốp chát, thẳng thừng. Cháu nghĩ xem, cái tính tinh nghịch đó sẽ dẫn cháu tới đâu? Chú bé ạ, cái đó chẳng có gì khác hơn là dẫn cháu vào vòng tù tội. Đọc sách thì cứ đọc, nhưng sách là một chuyện, mà phải biết suy nghĩ theo ý mình lại là một chuyện khác. Đấy, có một tay trưởng giáo thuộc giáo phái Cluxt[1] tên là Danilo. Lão ta cho rằng các loại sách cả cũ lẫn mới đều không cần thiết. Lão thu các sách lại thành một đống rồi đem quẳng hết xuống sông. Thật đấy... Tất nhiên, đó cũng là trò ngu xuẩn mà thôi! Đấy, cái lão Alecxan, cái đầu óc chó má ấy đang đi khuấy động...

Càng ngày lão càng nói về cái ông Alecxan đó nhiều hơn, cho đến một đêm lão đến hiệu với vẻ lo âu, cáu kỉnh và bảo gã quản lí:

- Lão Alecxan Vaxiliev hiện đang ở đây, trong thành phố

[1] Một nhánh đạo của đạo Thiên Chúa tại nước Nga trước cách mạng.

này. Lão đến từ hôm qua. Tôi tìm lão mãi mà vẫn chẳng thấy đâu. Lão giấu mặt rồi! Ngồi chờ đấy một lát xem lão có ghé qua không...

Gã quản lí đáp lại với một vẻ thiếu thiện ý:

- Tôi không biết chuyện gì và cũng không biết đến ai đâu!

Lão già gật đầu nói:

- Thế cũng phải. Đối với anh thì ai cũng đều là kẻ mua hoặc người bán, chứ còn thứ người nào khác nữa đâu? Thôi mang trà ra đây mời khách chứ...

Khi tôi mang ấm nước sôi to bằng đồng tới thì trong cửa hiệu đã có khách đến: lão già Lukian tươi cười vui vẻ, còn trong góc tối phía sau cửa thì có một khách lạ ngồi. Ông ta mặc áo bành tô ấm, đi ủng dạ cao, thắt lưng bằng vải xanh. Ông ta đội chiếc mũ chụp tới lông mày trông thật vụng về. Mặt ông ta không có gì đặc biệt: Ông ta có vẻ hiền lành, khiêm tốn, tựa như một người quản lí vừa bị mất việc và đang đau khổ vì điều đó.

Lão Piot Vaxiliev không nhìn về phía người lạ mặt; lão nói gì đó với vẻ quả quyết, nghiêm khắc. Còn ông này thì vẫn cứ lẩy bẩy đẩy chiếc mũ với bàn tay phải: cánh tay đưa lên tựa như định làm dấu thánh, nhưng ông ta chỉ đẩy chiếc mũ mỗi lúc một cao lên, đẩy ngược nó lên tận đỉnh đầu, rồi lại kéo úp chặt xuống lông mày, vẻ vụng về. Cái dáng điệu lẩy bẩy như động kinh ấy khiến tôi nhớ đến lão già ngốc nghếch Igosa "Thần Chết ở trong túi".[1]

- Đủ mọi loại cá chuối bơi trong khúc sông đục này của chúng ta, chúng chỉ tổ làm đục thêm nước mà thôi. - Lão Piot Vaxiliev nói.

Người giống như ông quản lí đó bỉnh thản hỏi nhỏ:

- Anh nói về tôi đấy à?

- Ừ thì cứ cho là nói về anh đi...

Người đó bèn hỏi tiếp, giọng nhỏ nhưng rất chân thành:

---

[1] Xem chương VII *Thời thơ ấu* của Gorki.

- Thế thì anh sẽ nói về bản thân mình như thế nào, anh bạn?

- Về bản thân thì tôi chỉ nói với Chúa thôi. Đó là việc của tôi.

- Không anh bạn ạ, đó cũng là việc của tôi nữa, - người lạ mặt nói, giọng trịnh trọng và rắn rỏi. - Đừng có quay mặt tránh sự thật, cũng đừng tự tiện làm mê muội bản thân, đó là một tội rất lớn đối với Chúa và với mọi người!

Tôi thích ông ta khi thấy ông ta gọi lão Piot Vaxiliev là anh bạn. Giọng nói nhỏ nhẹ, trịnh trọng của ông ta làm tôi cảm động. Ông ta nói chuyện giống như những cha cố đọc kinh "Lạy Chúa, chủ sinh mệnh của con"; người ông ta mỗi lúc một nghiêng về phía trước, ông ta tụt khỏi ghế và vung tay ra trước mặt.

- Đừng cố buộc tội cho tôi, tội của tôi cũng không nhơ bẩn hơn anh đâu.

- Lại phun ra như ấm nước sôi rồi, - lão già thông thái thốt lên, vẻ miệt thị. Còn ông khách thì vẫn tiếp tục nói, không chú ý tới lời của lão:

- Chỉ có Chúa mới biết được ai là kẻ khuấy đục hơn nguồn nước thánh thiêng liêng ấy. Có thể đó là lỗi của các anh, những con người sách vở, giấy tờ, còn tôi thì không phải là loại giấy tờ sách vở, mà chỉ là một con người bình thường sinh động...

- Tôi đã được biết cái bình thường của anh rồi, đã nghe đồn về nó khá nhiều rồi.

- Chính các anh đã làm cho mọi người lầm đường lạc lối, các anh đã bẻ quặt đi những tư tưởng chính đáng, các anh là bọn mọt sách, bọn đạo đức giả... Tôi nói như thế đó, anh thử trả lời đi!

- Đồ vô đạo! - lão Piot Vaxiliev nói; nhưng người lạ mặt giơ bàn tay ra trước mặt, tựa như để đọc những điều gì viết trong lòng bàn tay đó và hăng hái nói:

- Anh tưởng rằng chăn dắt con người từ chuồng này sang chuồng khác có thể làm cho họ sướng hơn hay sao? Tôi nói rằng: không! Tôi nói rằng: phải giải thoát khỏi tất cả, anh bạn ạ! Nhà

cửa, vợ con và tất cả của cải của anh đối với Chúa có nghĩa lí gì đâu? Anh bạn ạ, phải thoát khỏi tất cả những gì khiến người ta đâm chém, cắn xé lẫn nhau, khỏi mọi thứ bạc vàng, của cải khác, tất cả cái đó đều là những thứ thối rữa, những thứ đê mạt! Cứu vớt linh hồn con người không phải ở trên mặt đất trần tục này, mà là ở trên những thung lũng thiên đường kia! Phải từ bỏ tất cả, tôi nói như vậy đấy, hãy cắt đứt hết mọi dây nhợ liên quan, hãy phá huỷ mọi màng lưới trên cõi đời này đi. Những đầu mối đó đều phản lại Chúa cả... Tôi đi trên con đường thẳng, không hề quanh co ngoắt ngoéo, không hề tiếp nhận những cái mờ ám...

- Thế anh có tiếp nhận bánh mì, nước uống, quần áo không? Đó cũng đều là những đồ trần tục cả đấy thôi! - lão già nói vẻ thâm độc.

Nhưng những lời nói đó không làm Alecxan sờn lòng, ông tiếp tục nói, giọng mỗi lúc một chân thành hơn. Tuy giọng ông không to, nhưng có cảm giác như ông thổi một chiếc kèn đồng.

- Anh bạn ạ, cái gì thân thiết đối với anh? Chỉ có một mình Chúa là thân thiết thôi. Hãy đứng trước Người với một tâm hồn trong sạch không nghĩ đến điều gì khác, hãy dứt bỏ mọi xiềng xích trần tục trong lòng anh, và lúc ấy Chúa sẽ thấy: chỉ có mình anh trước Chúa thôi, chỉ có thế anh mới có thể gần Chúa được. Đó là con đường duy nhất để đến với Người! Chính vì thế mà muốn giải thoát thì phải từ bỏ cha mẹ, từ bỏ tất cả mọi thứ cho đến cả con mắt nếu nó còn cám dỗ anh thì hãy móc vứt nó đi! Vì Chúa, anh hãy tiêu huỷ mọi thứ đi và hãy giữ lấy linh hồn lại. Linh hồn của anh sẽ đời đời sáng chói...

- Có cái lũ chó thối chúng mới nghe được anh,- lão Piot Vaxiliev đứng dậy nói, - tôi cứ tưởng rằng từ năm ngoái đến nay anh đã khôn hơn ra, ai ngờ mỗi ngày anh lại đổ đốn thêm...

Lão lắc lư mình rời khỏi cửa hiệu ra ngoài sân. Điều đó làm Alecxan lo lắng. Ông ta ngạc nhiên vội hỏi:

- Anh đi đấy à? Sao... lại thế?

Nhưng lão già Lukian hiền lành đã nháy mắt để an ủi ông ta và bắt đầu lên tiếng:

- Không sao đâu... Không sao đâu...

Ông Alecxan liền chồm sang lão:

- Còn ông nữa. Một người trần tục vất vả ngược xuôi như ông mà cũng gieo rắc những lời nói vô bổ ấy à, nhưng liệu có mang lại lợi ích gì không? Nào những "Lạy Chúa tôi", nào những...

Lão Lukian tủm tỉm với ông ta rồi cũng bỏ chuồn ra sân gác. Còn ông ta thì quay lại phía gã quản lí nói với giọng tự tin:

- Bọn họ không sao chịu được tính tôi. Thế là lại bỏ đi như mặt trăng mặt trời...[1]

Gã quản lí lườm ông và lạnh nhạt nói:

- Tôi không biết đến chuyện ấy.

Người lạ mặt dường như xấu hổ, ông ta đẩy mũ lên lẩm bẩm:

- Sao lại có thể không biết được? Đó là những vấn đề... đòi hỏi phải đi sâu vào ...

Ông ta ngồi cúi đầu, lặng yên một lúc; sau đó các lão già gọi ông ta và cả ba người, không chào hỏi ai, cùng kéo nhau ra khỏi hiệu. Con người đó hiện ra trước mắt tôi như một ngọn lửa bừng sáng trong đêm tối; nó cháy rực lên và lại tắt ngay khiến tôi cảm thấy ngay được một sự thật nào đó trong việc phủ nhận cuộc sống của ông ta.

Buổi chiều, chờ dịp thuận tiện, tôi say sưa kể lại cho bác Ivan Larionovitr, một người thợ cả, tính hiền lành và dịu dàng của xưởng làm tượng thánh nghe. Bác nghe tôi kể xong bèn giải thích:

- Chắc hẳn là dân lưu lạc rồi! Có một giáo phái như vậy, họ chẳng công nhận cái gì cả.

---

[1] Nguyên văn: như khói rời ngọn lửa.

- Thế thì họ sống làm sao?

- Sống lang thang nay đây, mai đó, phiêu bạt khắp mọi nơi trên trái đất này, vì thế người ta mới gọi là dân lưu lạc. Họ nói rằng trái đất và mọi vật trên đời này đều xa lạ đối với họ. Còn cảnh sát thì cho họ là lũ dân nguy hiểm nên lùng bắt họ...

Mặc dù tôi sống rất khổ cực, nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao lại có thể từ bỏ hết mọi thứ được? Trong cuộc sống xung quanh tôi lúc bấy giờ có biết bao là những điều thú vị, thân thiết đối với tôi, cho nên chẳng bao lâu hình ảnh của Alecxan Vaxiliev cũng mờ nhạt dần trong trí óc tôi.

Nhưng đôi lúc, vào những giờ phút cay cực nhất, ông ta lại hiện ra trước mắt tôi: Ông ta đi băng qua đồng, trên một con đường mờ xám, tới phía rừng, bàn tay "thư sinh"[1] trắng trẻo, lẩy bẩy đập đập chiếc gậy và lẩm bẩm:

- Tôi đi trên con đường thẳng, tôi không tiếp nhận cái gì cả! Hãy dứt bỏ hết mọi mối liên hệ...

Bên cạnh hình ảnh đó, tôi lại nhớ đến bố tôi, nhớ đến cảnh bà ngoại tôi nằm mơ[2] thấy người đang chống một chiếc gậy bằng gỗ đào, sau lưng người là một con chó khoang thè lưỡi chạy theo...

XIII

Xưởng làm tượng thánh choán mất hai căn phòng của một ngôi nhà to, nền đá. Một phòng có ba cửa sổ trông ra sân và hai cửa sổ trông ra vườn. Còn phòng kia có một cửa sổ trông ra

---

[1] Nguyên văn: không lao động.

[2] Xem chương XI *Thời thơ ấu* của Gorki.

vườn và một cửa sổ trông ra đường phố. Các cửa sổ đều bé nhỏ, vuông vắn. Những tấm kính cửa sổ vì cũ quá nên nổi vân cả lên và miễn cưỡng để lọt vào xưởng một làn ánh sáng mờ mờ, tản mạn những ngày đông.

Cả hai phòng đều chật ních những bàn là bàn. Sau mỗi bàn, có một hoặc hai người thợ vẽ tượng khom khom ngồi. Những quả cầu thuỷ tinh đầy nước treo trên trần, tập trung ánh đèn lại rồi toả những luồng ánh sáng trắng lạnh xuống những bức tượng gỗ vuông.

Trong xưởng nóng và ngột ngạt. Khoảng hai chục thợ vẽ tượng Chúa ở Palekho, Kholui, Moxtera[1] ngồi làm việc. Họ đều mặc sơ mi vải màu, cổ hở, quần lót chéo go, chân đi đất hoặc đi những đôi giày đã rách nát. Một màng khói xám, khét mùi thuốc lá rẻ tiền bay trên đầu đám thợ. Căn phòng sực mùi dầu gai, mùi sơn, mùi trứng ung. Một khúc hát buồn buồn của vùng Vladimir thong thả ngân lên như một dòng nhựa chảy.

Thời nay phong hoá suy đồi
Gái trai tình tự lả lơi giữa đường

Người ta còn hát nhiều bài khác cũng không lấy gì làm vui, nhưng bài này được hát nhiều hơn cả. Âm điệu ngân nga của bài hát không ngăn trở người ta suy nghĩ, cũng như dưa chiếc bút lông chồn nhỏ nhắn trên bức tượng, tô màu vào những nếp áo, thêm những nếp nhăn đau khổ rất nhỏ trên khuôn mặt xương xẩu của các vị thánh. Lão thợ chạm Gogolev, một lão già nát rượu có chiếc mũi xanh to tướng ngồi gõ búa dưới cửa sổ. Tiếng búa khô khan xen đều đều với điệu hát uể oải như tiếng mọt gặm gỗ.

Nghề vẽ tượng thánh này chẳng lôi cuốn được ai cả. Không

[1] Tên những làng thuộc vùng Ivanov, nổi tiếng vì có nhiều thợ vẽ tượng thánh giỏi. Hiện nay, những hoạ sĩ ở các làng trên cũng nổi tiếng ở nước Nga về phong cách vẽ dân tộc.

biết kẻ thông thái ác độc nào đã xé vụn công việc thành ra một tràng động tác dài, vừa thiếu vẻ đẹp vừa chẳng khêu gợi được chút yêu thích, hứng thú nào đối với công việc cả. Bác thợ mộc lác mắt Panfin, một người độc ác và hay châm chọc, mang lại cho họ những tấm ván trắc bá, ván bồ đề dán đã bào nhẵn và đủ các cỡ khác nhau. Anh thợ lao phổi Davidov phủ sơn lót nền, bạn của anh ta là anh Xorokin tô thêm màu. Anh Miliasin dùng bút chì vẽ theo bản mẫu. Lão Gogolev thếp vàng và khắc hình. Những thợ "phong cảnh" vẽ phong cảnh và quần áo. Sau đó tượng được xếp cạnh tường, không đầu, không tay, chờ "thợ mặt".

Thật là khó chịu khi trông thấy những bức tượng lớn dùng để trang trí bàn thờ và những cửa giáo đường còn xếp cạnh tường, chưa có mặt mũi chân tay - chỉ rặt những nếp viền hoặc những binh giáp và những chiếc áo ngắn của thiên sứ. Từ những tấm gỗ vẽ sặc sỡ đó toả ra một cảm giác chết chóc, không gì có thể làm cho chúng sinh động lên được. Nhưng hình như vẻ sinh động đó đã có trước đây và đã biến mất một cách kì diệu và chỉ để lại những nét viền nặng nề.

Khi "thợ mặt" đã vẽ xong "thánh thể", tượng được chuyển đến một anh thợ chuyên "đánh bóng" các hình chạm; chữ cũng do một người chuyên môn viết, còn phủ sơn thì do chính trưởng xưởng là bác Ivan Larionovitr, một người tính tình điềm đạm làm.

Bác có khuôn mặt xam xám, chòm râu mảnh như tơ cũng màu xám; cặp mắt sáng của bác trông dường như sâu thẳm lạ lùng và đượm một vẻ buồn rầu ảo não. Bác cười rất tươi, nhưng không ai cười lại với bác vì họ cảm thấy lúng túng thế nào ấy. Bác giống như tượng thánh Ximeon Xtonpnitr - người cũng gầy còm, hốc hác như vậy và đôi mắt bất động của bác cũng nhìn qua mọi người và những bức tường về phía xa xăm một cách lơ đãng như vậy.

Tôi tới xưởng được vài ngày thì anh thợ vẽ phướn người Cozac vùng sông Đông tên là Capendiukhin, một gã đẹp trai, lực lưỡng, say bí tỉ đi vào xưởng. Anh nghiến chặt răng, nheo cặp mắt hiền hậu như mắt đàn bà lại, rồi chẳng nói chẳng rằng, đánh tất cả mọi người bằng những cú thụi nặng như sắt. Người tầm thước, cân đối, anh lồng lộn trong xưởng như con mèo giữa một hầm rượu đầy chuột. Mọi người cuống quýt nấp vào các góc nhà và quát nhau:

- Đánh đi!

Anh thợ chuyên vẽ mặt là Evgheni Xitanov đã kịp dùng ghế đẩu nện vào đầu tên điên cuồng hung hăng ấy. Anh chàng Cozac ngồi thụp xuống sàn. Người ta lập tức vật ngửa anh ta ra và dùng khăn mặt trói lại. Anh ta cắn xé khăn mặt như một con thú dữ. Thấy vậy anh Xitanov nổi xung, nhảy lên bàn, co tay định nhảy xuống người anh chàng Cozac. Người cao lớn gân guốc, có lẽ anh đạp vỡ ngực anh Capendiukhin mất, nhưng vừa lúc đó thì bác Larionovitr đội mũ, mặc áo khoác hiện ra bên cạnh anh. Bác giơ ngón tay dọa anh Xitanov và bảo những người thợ, giọng bình tĩnh và dứt khoát:

- Mang hắn ra ngoài hành lang cho hắn tỉnh lại đã...

Người ta lôi anh Cozac ra khỏi xưởng, sắp xếp lại bàn ghế và lại ngồi làm việc. Họ trao đổi với nhau những nhận xét vắn tắt về sức lực của Capendiukhin, đoán trước rằng sẽ có ngày anh ta bị đánh chết trong khi gây gổ.

- Khó đánh hắn chết lắm, - anh Xitanov nói giọng rất thản nhiên như nói về một chuyện mình biết rất tường tận.

Tôi nhìn bác Larionovitr và thắc mắc suy nghĩ: tại sao những con người lực lưỡng, dữ tợn này lại phục tùng bác dễ dàng như vậy?

Bác thường chỉ dẫn cho mọi người cách làm việc, đến cả những người thợ giỏi nhất cũng vui vẻ nghe theo lời khuyên của

bác. Bác chỉ bảo cho Capendiukhin nhiều hơn và cặn kẽ hơn so với những người khác.

- Capendiukhin, chú tự cho mình là hoạ sĩ thì chú phải vẽ cho sinh động, theo phong cách của Ý. Nghệ thuật vẽ sơn dầu đòi hỏi phải hoà hợp ở các màu ấm với nhau, thế mà chỗ này chú lại cho quá nhiều màu trắng, khiến mắt Đức Mẹ lạnh nhạt, thiếu hẳn thần sắc. Má thì hồng như quả táo, nhưng mắt thì lại trái hẳn so với má. Mà vẽ cũng không đúng nữa, một mắt nhìn vào chót mũi, một mắt hếch lên thái dương, thành ra không phải là một khuôn mặt thần thánh nữa mà là một khuôn mặt trần tục, láu lỉnh. Chú không chịu suy nghĩ gì đến công việc của mình cả, chú Capendiukhin ạ.

Anh Cozac vừa nghe vừa nhăn mặt. Sau đó anh cười một cách trơ trẽn với cặp mắt đàn bà và nói, giọng rất dễ thương hơi khàn khàn vì rượu:

- Chà, bố Ivan Larionovitr ơi, nghề này có hợp với con đâu! Con sinh ra để làm nhạc sĩ, thế mà lại phải làm anh thầy tu thế này!

- Có công mài sắc, có ngày nên kim...[1]

- Không đâu, con là người như thế nào mới được chứ? Con chỉ cần là một gã đánh xe với ba con ngựa thôi, chà...

Rồi gân cổ lên, anh gào to thảm thiết:

Ô... ôi, ta thắng vào xe
Ba con ngựa hồng thiên lí
Phóng nhanh trong đêm giá băng
Thẳng tới nhà em yêu quý!

Ivan Larionovitr cười một cách dễ dãi, sửa lại kính trên chiếc mũ xám thiểu não rồi bỏ đi. Hàng chục giọng đồng thanh cất lên, ngân theo bài hát, hoà thành một dòng chảy hùng mạnh,

[1] Nguyên văn: có cố gắng thì việc gì cũng làm được.

như muốn nâng bổng cả xưởng lên không và nhịp nhàng đung đưa:

Theo lối quen, ngựa đã biết
Nhà nàng ở nơi nao...

Pasca[1] Odinxov, thợ học việc cũng ngừng chuyên lòng trứng, mỗi tay cầm một mảnh vỏ, miệng hát bè đệm với một giọng cao vút hay tuyệt.

Say sưa với âm thanh, mọi người quên tất cả, như thở chung một lồng ngực, sống chung một tình cảm và đều liếc nhìn theo dõi anh Cozac. Khi anh hát, cả xưởng đều xem anh như thủ lĩnh của mình. Mọi người đều hướng về anh, theo dõi nhịp tay phóng khoáng của anh. Anh dang cánh tay ra như người muốn bay bổng. Tôi tin chắc rằng nếu đột nhiên anh ngừng hát và quát lên: "Đập phá tất cả đi!" thì mọi người, kể cả những người thợ đứng đắn nhất, đều có thể đập phá tan tành cả xưởng ra trong giây phút.

Capediukhin không hay hát, nhưng sức mạnh của những bài hát sôi nổi bao giờ cũng quyến rũ và lấn át tất cả. Dù mọi người đang ở trạng thái nặng nề đến thế nào, anh cũng kích thích được họ và làm cho họ phấn khởi hẳn lên, mọi người đều trỗi dậy và trở thành một sức mạnh ào ạt giữa bao nhiêu tình cảm nồng cháy đang tan hoà với nhau.

Những bài hát đó gợi lên trong lòng tôi một cảm giác háo hức ganh tị với người hát, với cái quyền lực to lớn của anh trước mọi người. Một cái gì cảm động, bồi hồi lan tràn vào tim tôi, làm giãn nở ra đến nhức nhối. Tôi muốn khóc lên, muốn kêu to với đám người đang hát kia:

"Tôi yêu các người lắm!".

Anh Davidov lao phổi, da vàng vọt, người lởm chởm những

[1] Tức Pavel, cách gọi thân mật.

lông cùng lá, cũng há miệng giống hệt như một con quạ đen nhỏ vừa mới phá vỏ trứng chui ra.

Chỉ khi nào anh Cozac bắt đầu cất giọng, mọi người mới hát những bài hát vui vẻ, hùng tráng. Nếu không thì họ ngân nga những bài buồn buồn "Thời nay phong hoá suy đồi", "Trong khu rừng nho nhỏ" hoặc về cái chết của vua Alecxan đệ nhất: "Alecxan của chúng ta duyệt binh".

Đôi khi, theo đề nghị của bác Jikharev, một người thợ chuyên vẽ mặt giỏi nhất xưởng, mọi người cũng thử hát những bài thánh ca, nhưng ít khi hát được đạt. Bác Jikharev lúc nào cũng dòi hỏi mọi người phải theo một kiểu đặc biệt mà chỉ mình bác hát được và làm trở ngại mọi người hát.

Bác Jikharev trạc bốn mươi lăm tuổi, người gầy gò, đầu hói, có một vành tóc đen quăn như tóc dân Txigan, cặp lông mày đen, to như ria mép. Chòm râu rậm tỉa nhọn tô điểm thêm cho khuôn mặt thanh tú, ngăm ngăm đen không giống người Nga của bác. Những bộ ria cứng nhô ra dưới chiếc mũi gẫy đâm ra thừa dưới cặp lông mày. Đôi mắt xanh của bác không đồng đều: mắt trái to hơn mắt phải một cách rõ rệt:

- Pasca! - bác quát thằng bạn học việc của tôi bằng một giọng nam cao, - nào, mày bắt đầu đi: "Hãy ngợi ca!" Các bạn, chú ý nhé!

Pasca chùi tay vào tạp dề, cất tiếng hát:

- "Hãy ngợi... ca...a..."

- "...da... anh Chúa", - một vài giọng cất lên hoà theo nhưng bác Jikharev đã hốt hoảng kêu lên:

- Evgheni, hát thấp xuống! Phải hạ giọng xuống tận đáy lòng...

Anh Xitanov bỗng rống lên ồm ồm như người gõ thùng:

- "Hỡi b...ầy tôi của Chúa"...

- Không phải thế! Chỗ này phải bắt vào như thế nào để cho đất đai rung chuyển cả lên, để cho tất cả các cửa ra vào, các cửa

sổ phải mở toang cả ra! Bác Jikharev toàn thân nhún nhảy trong một trạng thái kích động khó hiểu. Cặp lông mày kì diệu của bác rướn lên, nhíu xuống trên trán. Giọng bác lạc đi, những ngón tay của bác như đang gẩy một chiếc đàn guxli[1] vô hình...

- Lũ bầy tôi của Chúa - hiểu chưa? - bác nói, giọng bao hàm nhiều ý nghĩa. - Phải hiểu điều đó không những chỉ qua vỏ ngoài mà tận trong tâm can nữa. Lũ b...ầy tôi, hãy ngợi ca Chúa! Có thế mà các cậu không hiểu sao?

- Bác đã thấy đấy, không bao giờ chúng ta hát nổi đâu, - anh Xitanov lễ phép nói.

- Ừ, thì thôi vậy!

Bác Jikharev giận dỗi tiếp tục làm việc. Bác là một người thợ giỏi có thể vẽ được các kiểu mặt theo phong cách Bizanx, Pháp, theo phong cách nghệ thuật Ý. Khi nhận những đơn đặt tượng cho bàn thờ, bác Larionovitr đều hỏi ý kiến bác Jikharev vì bác này rất sành về tượng cổ. Mọi phiên bản đắt tiền về các tượng thánh của Đức Mẹ Feodorov, Xmolen, Cazan mầu nhiệm và các tượng khác đều qua bàn tay của bác cả. Nhưng vừa loay hoay với những nguyên bản, bác vừa lầu bầu ầm lên:

- Những nguyên bản này bó tay ta quá! Phải nói thẳng là: chúng trói tay mình lại!

Tuy giữ một vai trò quan trọng trong xưởng, bác ít kiêu căng hơn những người khác. Đối với học trò - với tôi và với Pavel - bác rất âu yếm. Bác muốn dạy nghề cho chúng tôi, điều mà ngoài bác ra không ai nghĩ tới cả.

Bác là người khó hiểu. Nói chung thì tính bác không vui, đôi khi bác làm việc lặng lẽ hàng tuần như người câm. Bác nhìn mọi người với vẻ ngạc nhiên và xa lạ như lần đầu tiên mới gặp họ. Và tuy bác rất thích hát, nhưng trong những

[1] Một loại đàn dây cổ.

ngày đó bác không hát, thậm chí hầu như bác không nghe thấy tiếng hát nữa. Mọi người vừa nháy nhau về phía bác, vừa chú ý theo dõi bác. Bác gò lưng trên bức tượng đặt nghiêng trên đầu gối, phần bức tượng tựa vào thành bàn. Chiếc bút lông nhỏ của bác nắn nót tô vẽ khuôn mặt mờ tối, xa lạ, cũng xa lạ mờ tối như chính bản thân bác.

Bỗng nhiên bác thốt lên, giọng rành rọt, bực tức:

- Tiền nhân là cái gì? Tiếng cổ thì tiền có nghĩa là trước. Tiền nhân là người lớp trước, có phải thế không?...

Không khí trong xưởng bỗng lắng hẳn xuống. Mọi người tủm tỉm cười liếc nhìn bác Jikharev, còn trong không gian vẫn vẳng lên những câu nói kì lạ:

- Phải vẽ ông ta có cánh chứ không phải là mặc áo da cừu...

- Bác nói với ai đấy? - người ta hỏi bác.

Bác lặng thinh vì không nghe thấy câu hỏi hoặc vì không muốn trả lời. Rồi những lời nói của bác lại rơi tõm vào khoảng không lặng lẽ đang đợi chờ đó:

- Cần phải biết sự tích các thánh, nhưng ai biết những sự tích ấy? Chúng ta biết được những gì? Chúng ta sống thật quá tầm thường... Còn đâu là tâm hồn? Tâm hồn ở đâu rồi? Nguyên bản thì có đấy, nhưng trái tim thì không...

Những suy nghĩ nói lên thành tiếng đó khiến mọi người, trừ anh Xitanov ra, đều mỉm cười vẻ giễu cợt; hầu như lúc nào cũng có một người nào đó đắc ý thầm thì:

- Thứ bẩy này lại rượu chết thôi...

Anh Xitanov, một thanh niên khoảng hai mươi hai tuổi, cao lớn, gân guốc, có khuôn mặt tròn trĩnh, mày râu nhẵn nhụi, đăm đăm nhìn vào góc nhà với một vẻ nghiêm trang buồn bã.

Tôi còn nhớ sau khi sao xong hình Đức Mẹ để đem đến Cungua thì phải, bác Jikharev để bức tượng lên bàn và nói to, giọng cảm động:

- Thế là xong Đức Mẹ! Mẹ như một chiếc cốc, một chiếc cốc không đáy, trong đó những giọt nước tâm tình cay đắng của loài người bây giờ sẽ nhỏ vào...

Rồi quàng lên vai chiếc áo khoác của một người nào đó, bác đi đến quán rượu. Đám thanh niên huýt sáo, cười ầm ĩ. Những người đứng tuổi thở dài tị nạnh nhìn theo bác. Còn anh Xitanov thì đến cạnh bức tượng, nhìn chăm chú và nói:

- Tất nhiên là bác ấy sẽ uống chết thôi vì phải nộp mất công trình này thật là đáng tiếc. Lòng tiếc rẻ ấy dễ mấy người có được...

Những trận uống tuý luý của bác Jikharev thường bắt đầu vào những ngày thứ bảy. Phải nói rằng đó không phải là cái bệnh thông thường của một tay nghiện chuyên nghiệp. Việc đó bắt đầu như sau: buổi sáng bác viết một mẩu giấy và sai Pavel mang đi, rồi tới trước bữa ăn trưa, bác nói với bác Larionovitr:

- Hôm nay tôi đến nhà tắm đây.

- Có lâu không?

- Còn nhờ Chúa...

- Thôi được, nhưng không được muộn quá thứ ba đấy!

Bác Jikharev gật gật cái sọ nhẵn nhụi ra chiều đồng ý; cặp lông mày của bác rung rung.

Ở nhà tắm về, bác đóng bộ, đeo plaxtrong, buộc khăn chéo vào cổ, thả một dây chuyền bạc dài trên chiếc áo gi lê xa tanh rồi lặng lẽ bỏ đi, sau khi bảo tôi và Pavel:

- Chiều này dọn xưởng cho sạch sẽ nhé. Cái bàn lớn kì cọ và rửa ráy cẩn thận vào!

Mọi người đều có vẻ hớn hở như trong ngày hội. Họ chỉnh tề hơn mọi ngày, chải chuốt quần áo, tắm táp và ăn bữa chiều rất nhanh. Bác Jikharev đến sau bữa ăn chiều với những gói đồ nhắm, rượu vang và bia. Theo sau bác là một người đàn bà tầm

vóc cao lớn một cách kinh khủng. Mụ cao chừng hai mét.[1] Tất cả những ghế tựa, ghế đẩu của chúng tôi đều trở thành những thứ đồ chơi bên cạnh mụ, cho đến cả anh Xitanov cao lớn cũng chỉ là hạng nhóc khi đứng bên mụ. Người mụ rất cân đối, nhưng ngực mụ như một quả đồi nhô lên phía cằm. Mụ cử động chậm chạp, vụng về. Mụ trạc ngoài bốn mươi tuổi, nhưng khuôn mặt trơ trơ và tròn trĩnh, với cặp mắt to như mắt ngựa còn tươi mịn; cái miệng nhỏ của mụ như được vẽ trên mặt một con búp bê rẻ tiền. Mụ mỉm cười yểu điệu chìa bàn tay lớn và ấm áp cho mọi người và nói những câu chẳng đâu vào với đâu cả:

- Chào anh. Hôm nay lạnh lắm. Nhà các anh khó thở quá. Đó là mùi sơn đấy mà. Chào anh.

Trông mụ với vẻ lực lưỡng và điềm đạm như một dòng sông tràn trề nước thì cũng thấy hay hay, nhưng nghe mụ nói thì chán đến phát buồn ngủ; những câu chuyện của mụ đều vô vị và dễ làm người ta chán. Trước khi thốt lên một tiếng, mụ làm ra vẻ trịnh trọng, đôi má hầu như đỏ tía của mụ căng phồng thêm.

Đám thanh niên cười khẩy, rỉ tai nhau:

- Thật là một cái đầu tàu hoả[2] nhé!

- Cứ như cái gác chuông ấy!

Mụ chúm môi lại, tay khoanh dưới ngực, ngồi vào bàn đã bày sẵn thức ăn, bên cạnh chiếc ấm xamovar và lần lượt nhìn mọi người bằng cặp mắt ngựa hiền lành.

Mọi người đối với mụ có vẻ kính cẩn, đám thanh niên có phần hơi sợ mụ là khác; một chàng nhìn cái thân hình to lớn của mụ với một vẻ thèm thuồng, nhưng khi cặp mắt của anh ta bắt gặp cái nhìn ôm ấp mơn trớn của mụ, anh lại ngượng nghịu

---

[1] Nguyên văn: Mụ cao chừng hai acsin cộng thêm với mười hai versoc nữa (Một acsin bằng 0.71 m; một versoc bằng 4.4 cm - đơn vị đo lường của nước Nga cổ).

[2] Nguyên văn: cái máy.

nhìn xuống. Bác Jikharev cũng kính nể bà khách, gọi mụ là "bà chị", là cumusca.[1] Khi mời mụ ăn, bác cúi đầu thấp xuống.

- Ông cứ yên tâm, - mụ ngọt ngào nói, giọng kéo dài, - ông cứ phải lo lắng làm gì thế, thật đấy!

Chính bản thân mụ cũng chậm chạp, cánh tay mụ cử động chỉ từ khuỷu đến bàn, còn khuỷu tay thì khép chặt vào sườn. Người mụ toả ta mùi men nồng nồng của bánh mì nóng.

Lão Gogolev lắp bắp vì khoái trá, ca ngợi sắc đẹp của người đàn bà, trông lão hệt như người thầy phụ lễ đọc kinh. Mụ vừa nghe vừa tủm tỉm cười, vẻ hiền hậu. Gặp lúc lão nói câu nọ xọ câu kia mụ bèn nói về mình:

- Cái hồi còn con gái, chúng tôi cũng không đẹp đâu. Đó là nhờ cái cuộc đời phụ nữ của chúng tôi mà mỗi ngày một khá thêm. Khoảng năm ba mươi tuổi, chúng tôi đã nổi tiếng đến nỗi nhiều nhà quý tộc phải chú ý tới. Có một ông quan huyện đã hứa hẹn một cỗ xe song mã...

Capendiukhin say ngật ngưỡng, đầu tóc rối bù, nhìn mụ, vẻ căm thù và thô bạo hỏi:

- Vì cái gì mà hứa hẹn?

- Tất nhiên là vì tình yêu của chúng tôi, - bà khách giải thích.

- Tình yêu, - Capendiukhin bối rối lầu bầu nói, tình yêu gì ở đấy?

- Anh là một con người bảnh trai thế kia thì còn lạ gì tình yêu nữa, - người đàn bà nói một cách thản nhiên.

Cả xưởng rung chuyển lên trong tiếng cười ầm ĩ, còn anh Xitanov thì càu nhàu nói với Capendiukhin:

- Mụ ngốc, không hơn không kém! Ai mà chẳng thấy, chỉ khi nào chán chường quá quắt lắm người ta mới có thể yêu được mụ ta thôi...

---

[1] Mẹ đỡ đầu cho con mình.

Rượu vang làm cho mặt anh trắng nhợt ra, trên thái dương anh mồ hôi chảy lấm tấm như những hạt trai, cặp mắt thông minh của anh như bồi hồi bốc lửa. Còn ông lão Gogolev thì vừa đung đưa chiếc mũi xấu xí, vừa lau nước mắt hỏi:

- Chị được mấy cháu rồi?

- Dạ, chúng tôi trước đây có một cháu...

Một chiếc đèn treo trên bàn; sau góc lò sưởi là một chiếc khác. Chúng toả sáng một cách yếu ớt; những bóng đen tụ lại ở các góc xưởng, nơi có những hình thù cụt đầu, vẽ dở dang nhìn ra. Trên những đốm xám phẳng phiu ở chỗ lẽ ra phải có tay và đầu đó, như phảng phất một điều gì ghê rợn, khủng khiếp hơn mọi ngày. Dường như thân hình của các thánh bỗng tan mất một cách kì ảo sau đám quần áo sơn vẽ kia và biến khỏi căn hầm này. Những quả cầu thuỷ tinh được rút lên sát trần nhà và treo trên móc. Chúng nằm giữa đám khói dày đặc như mây phủ và óng ánh một màu xanh biếc.

Bác Jikharev lăng xăng đi lại quanh bàn, mời mọc mọi người. Chiếc sọ nhẵn nhụi của bác lúc nghiêng xuống người này, lúc cúi xuống người khác, những ngón tay thon nhỏ của bác luôn luôn như đang gảy đàn. Bác gầy hẳn đi, chiếc mũi hung dữ của bác như nhọn thêm ra. Khi bác đứng nghiêng về phía đèn, trên má bác hiện lên bóng đen sì của chiếc mũi.

- Các bạn, ăn uống đi chứ, - bác nói, giọng nam cao ngân nga như tiếng chuông. Còn bà khách thì nói thánh thót, giọng đảm đang:

- Có gì mà phải lo, ông dượng? Ai chả có tay, muốn ăn gì thì tuỳ thích. Hơn nữa, có muốn ăn bây giờ cũng không ai ăn được rồi.

- Hãy nghỉ đã, các bạn ơi! - bác Jikharev kêu lên, vẻ khích động, - các bạn thân mến của tôi, tất cả chúng ta đều là bầy tôi của Chúa cả, vậy thì chúng ta hãy cùng nhau hát bài "Hãy ngợi ca danh Chúa" nhé.

Bài hát không thành: mọi người đều chếch choáng say vì rượu và đồ nhắm. Capendiukhin cầm chiếc đàn phong cầm có hai dãy nút bấm trên tay. Anh Victor Xalantin, một người thợ trẻ, đứng đấn và đen dủi như một chú quạ con, lấy chiếc trống cơm và rê ngón tay trên lớp da căng. Mặt trống rền lên một âm thanh bùng bục, những chiếc chuông leng keng inh ỏi.

- Chơi một bài Nga, - bác Jikharev ra lệnh. - Cumusca, xin mời bà chị!

- A, - mụ đàn bà đứng dậy, thở dài, - sao ông cứ phải bận tâm thế!

Mụ bước ra chỗ trống và đứng ở đấy vững vàng như một cái tháp. Mụ mặc váy nâu rộng, áo cộc vàng bằng vải mịn, đầu trùm một chiếc khăn đỏ chói.

Tiếng đàn phong cầm nghe dồn dập ngân vang, chuông kêu leng keng. Mặt trống phát ra một âm thanh nặng nề như tiếng thở dài khàn khàn nghe thật là khó chịu: dường như có một người điên đang kêu la, nức nở và đập trán vào tường.

Bác Jikharev không biết nhảy. Bác chỉ chạy lon ton, giậm giậm gót đôi ủng đã được lau chùi bóng loáng, nhảy lên như con dê mà vẫn không sao đúng nhịp với điệu nhạc kích động. Chân bác như chân gỗ chắp vào, người bác uốn éo một cách xấu xí, bác lồng lộn như con ong bò vẽ vướng mạng nhện hay như con cá bị sa lưới, trông thật chẳng vui vẻ tí nào. Nhưng mọi người, cho đến cả những người say bí tỉ, đều chăm chú nhìn cơn động kinh của bác: họ lặng lẽ theo dõi tay và mặt bác. Bác biểu diễn khuôn mặt mình một cách tuyệt diệu, lúc thì dịu dàng, ngượng nghịu, lúc thì bỗng trở nên kiêu hãnh và cau mày lại một cách nghiêm khắc. Có lúc bác như kinh ngạc vì một điều gì đấy, kêu lên, nhắm mắt lại trong giây phút, khi mở mắt ra khuôn mặt bác lại trở nên buồn rầu, ảo não. Tay nắm lại thành củ thụi, bác rón rén đến phía người đàn bà rồi bỗng giậm chân một cái và quỳ xuống trước mụ.

Tay bác dang rộng ra, lông mày giương lên, bác mỉm cười hiền hậu.

Mụ nhìn bác từ trên xuống dưới với một nụ cười hảo tâm và bình tĩnh báo trước.

- Ông dượng ơi, ông sẽ mệt đấy!

Mụ cố lim dim mắt một cách duyên dáng, nhưng cặp mắt to bằng đồng xu[1] của mụ không khép lại được, và khuôn mặt nhăn nhó của mụ nom thật khó coi.

Mụ cũng không biết nhảy mà chỉ lúc lắc tấm thân đồ sộ của mình một cách chậm chạp và lặng lẽ xê dịch tấm thân đó từ chỗ này sang chỗ khác. Tay trái mụ cầm chiếc khăn và uể oải phe phẩy. Tay phải của mụ chống vào sườn. Tư thế đó khiến cho mụ giống như một chiếc bình khổng lồ có quai.

Còn bác Jikharev thì cứ vừa đi lại xung quanh pho tượng đá đó, vừa thay đổi nét mặt một cách trái ngược nhau. Hầu như không phải là một người nhảy mà là hàng chục người khác nhau: người này thì dịu dàng, ngoan ngoãn; người kia thì cáu kỉnh, doạ nạt; người thứ ba thì như sợ hãi một điều gì đó, vừa la khe khẽ, vừa muốn lén chuồn khỏi người đàn bà to lớn, khó chịu này. Và kia là một người nữa, anh ta nhe răng ra và khom lưng run rẩy như một con chó bị thương. Điệu nhảy xấu xí, tẻ ngắt đó khiến tôi chán ngán vô cùng; nó thức tỉnh lại những kí ức không lấy gì làm tốt đẹp về những người lính, những mụ bếp và đám thợ giặt, những chuyện bù khú dồi tệ.

Những lời nói nho nhỏ của anh Xidorov lại vang lên trong óc.

"Trong việc này, mọi người đều lừa dối nhau tuốt. Đó là một việc mà ai cũng thấy hổ thẹn. Có người nào yêu người nào đâu, chẳng qua chỉ là trò đùa dấy thôi...".

---

[1] Nguyên văn: ba copec.

Tôi không muốn tin rằng "mọi người đều lừa dối nhau trong việc này", nếu như vậy thì Nữ hoàng Macgo sẽ như thế nào? Và tất nhiên, bác Jikharev cũng không lừa dối rồi. Tôi biết anh Xitanov đã yêu một cô gái "giang hồ"; cô này truyền cho anh một cái bệnh thật ô nhục, nhưng anh không vì điều ấy mà đánh đập cô ta như bạn bè thường khuyên nhủ, mà lại thuê cho cô ta căn phòng, chữa chạy cho cô ta và bao giờ cũng nói về cô ta bằng một giọng thật vô cùng dịu dàng lúng túng.

Người đàn bà to lớn vẫn lắc lư, cười một cách nhạt nhẽo, tay vẫy vẫy chiếc khăn. Bác Jikharev vẫn nhảy nhót run rẩy xung quanh mụ. Tôi nhìn và nghĩ bụng: lẽ nào bà Eva lừa dối cả Chúa Trời mà lại giống như con ngựa này chăng? Và tôi thấy ghét mụ cay đắng.

Những bức tượng thánh cụt đầu dựng bên các tường tối om nhìn ra. Bóng đêm nép sát mình vào các tấm kính cửa sổ. Đèn cháy lù mù trong khoảng không ngột ngạt của gian xưởng.

Nếu chú ý lắng nghe thì sẽ thấy, giữa tiếng giậm chân nặng nề, giữa những tiếng nói ồn ào, tách riêng ra tiếng nước nhỏ mau từ chậu rửa mặt bằng đồng xuống thùng nước rác.

Tất cả những cảnh tượng trên chẳng giống chút nào với cuộc sống mà tôi đọc trong các sách. Hoàn toàn chẳng giống một chút nào cả. Cuối cùng mọi người cũng đều cảm thấy chán, Capendiukhin vứt phong cầm vào tay Xalantin và quát lên:

- Chơi đi! Nhanh lên!

Anh nhảy giống anh Vanca Txulganoc,[1] người như bay trong không khí. Sau đó đến Pavel Odinxov và anh Xorokin nhảy rất hăng, rất khéo. Anh Davidov lao phổi cũng rê chân trên sàn và ho húng hắng vì bụi, khói, mùi rượi mạnh, mùi xúc xích lúc nào cũng có mùi như da thuộc.

---

[1] Xem chương II, chương III *Thời thơ ấu* của Gorki.

Họ nhảy, họ hát, họ la hét, nhưng ai cũng nhớ rằng mình đang vui chơi. Tựa hồ như họ thi nhau, một cuộc thi tài khéo léo và dẻo dai.

Anh Xitanov say chếch choáng, hỏi hết người này đến người khác:

- Có thể nào yêu được người đàn bà như thế kia, hả?

Có lẽ anh sắp khóc oà lên mất.

Bác Larionovitr nhô chiếc xương vai nhọn lên trả lời anh:

- Đàn bà nào chả là đàn bà, mày muốn gì cơ chứ?

Những người được nói đến dần dần biến đi đâu mất cả. Khoảng hai, ba ngày sau, bác Jikharev mới lại trở về xưởng. Bác sẽ đến nhà tắm, sau đó hàng nửa tháng bác lại sẽ lặng lẽ ngồi làm việc trong góc của mình, vẻ quan trọng, xa lạ với mọi người.

- Họ đi rồi à? - Anh Xitanov tự hỏi và đưa cặp mắt xám xanh buồn bã xem xét khu xưởng. Khuôn mặt anh không đẹp trông hơi già, nhưng cặp mắt của anh thì trong sáng và hiền hậu.

Anh Xitanov đối với tôi rất thân thiết. Đó cũng là nhờ quyển vở dày của tôi, trong đó chép những bài thơ.

Anh không tin Chúa, nhưng cũng khó mà biết được rằng trong xưởng này ai là người tin yêu Chúa, trừ bác Larionovitr ra. Mọi người đều nói về Chúa với một vẻ hời hợt, giễu cợt như khi nói về bà chủ. Tuy vậy khi ngồi ăn trưa và chiều, mọi người đều làm dấu, khi đi ngủ họ cầu nguyện, ngày lễ họ vẫn tới nhà thờ.

Anh Xitanov không làm gì trong số những điều kể trên nên người ta cho anh là vô đạo.

- Chẳng có Chúa đâu, - anh nói.

- Thế thì mọi vật do đâu mà có?

- Tôi không biết...

Khi tôi hỏi anh tại sao lại không có Chúa, anh giảng giải:

- Thế này nhé: Chúa thì cao siêu như thế này này! Anh giơ

cánh tay dài lêu nghêu lên trên đầu, sau đó hạ thấp tay xuống cách mặt sàn chừng một acsin, rồi nói: - Còn con người thì thấp hèn như thế này này! Có đúng không? Thế mà lại nói rằng "con người được tạo nên theo hình dáng giống như Chúa" như mày đã biết đấy! Thế lão Gogolev thì giống cái gì nào?

Lí lẽ đó của anh đã thuyết phục được tôi: lão Gogolev bẩn thỉu và nát rượu, tuy đã già rồi mà vẫn còn giữ tật thủ dâm. Tôi lại nhớ đến anh lính người vùng Viaxca, gã Ecmokhin, bà dì Mat'riona, họ có những gì giống Chúa?

- Con người đều một loại chó lợn cả, điều đó đã rõ rồi, - anh Xitanov nói như vậy, nhưng lập tức lại an ủi tôi:

- Chẳng sao, Macximitr ạ, còn có những người tốt nữa chứ!

Nói chuyện với anh thật thoải mái, giản đơn. Khi không biết điều gì, anh thành thật nói:

- Tao không biết, không hề nghĩ đến chuyện ấy bao giờ!

Đó cũng là một điều khác thường, vì trước khi gặp anh, tôi thấy toàn những người cái gì cũng biết, chuyện gì cũng nói đến được.

Tôi lấy làm lạ khi thấy trong quyển vở của anh, bên cạnh những bài thơ hay, làm xúc động lòng người, có nhiều bài thơ bẩn thỉu, khiến đọc lên phải xấu hổ lây. Khi tôi nói với anh về Puskin, anh chỉ vào bài *Gavriliada* mà anh đã chép vào vở...

- Puskin thì có nghĩa lí gì? Ông ta chỉ là một người thích bông đùa thôi, chứ còn Benedictov[1] này mới thật đáng chú ý, Macximitr ạ!

Rồi anh nhắm mắt lại, khẽ đọc:

Hãy ngắm nhìn cô em xinh đẹp
Bộ ngực mê hồn gợi đắm say...

---

[1] Nhà thơ Nga vào những năm ba mươi của thế kỉ XIX. Những tác phẩm của Benedictov bị nhà phê bình Belinxki phê phán là vô vị, tầm thường.

Và không hiểu tại sao, anh lại đặc biệt nhấn mạnh đến ba câu sau và đọc lên với vẻ vui sướng kiêu hãnh:

Nhưng đến cả đại bàng cũng chịu
Không nhìn qua được cửa thâm nghiêm,
Để mà xem cùng tận trái tim...

- Có hiểu không?

Tôi rất lúng túng thú nhận rằng mình không sao hiểu được điều đã làm anh vui sướng như vậy.

XIV

Nhiệm vụ của tôi ở xưởng không có gì là phức tạp: sáng sớm khi tất cả mọi người còn ngủ tôi phải chuẩn bị ấm xamovar cho anh em thợ; trong khi họ uống trà ở nhà bếp, tôi cùng với Pavel thu dọn xưởng và chuyên lòng đỏ riêng khỏi lòng trắng trứng để pha màu, sau đó tôi đi ra cửa hiệu. Buổi tối người ta bắt tôi tán nhỏ thuốc màu và "làm quen" với nghề nghiệp. Lúc đầu tôi "làm quen" rất hứng thú, nhưng chẳng bao lâu tôi hiểu rằng hầu hết tất cả những người theo đuổi cái nghệ thuật đã bị phân chia ra làm nhiều mảnh như thế này đều không thích nghề đó và khổ sở đến phát ngấy lên được.

Các buổi tối tôi được rỗi, tôi kể cho mọi người nghe về cuộc sống ở trên tàu thuỷ, tôi kể cả những câu chuyện khác nhau trong sách vở và vô hình chung tôi đã giữ một địa vị đặc biệt trong xưởng - địa vị người kể chuyện và đọc sách.

Chẳng bao lâu tôi hiểu rằng tất cả những người này đều thấy ít và biết ít hơn tôi; hầu hết ngay từ khi còn nhỏ họ đã bị giam chân trong một cái lồng nghề nghiệp chật hẹp và từ đó cứ

bị nhốt trong ấy. Cả xưởng chỉ có một mình Jikharev là đã đến Moxcva, bác nói về thành phố đó với một giọng oai vệ và cau có.

- Moxcva không tin ở những giọt nước mắt đâu, ở đấy phải cẩn thận!

Tất cả những người còn lại mới đến có Suia, Vladimir. Khi nói đến Cazan, họ hỏi tôi:

- Ở đấy có nhiều người Nga không? Có nhà thờ không?

Theo họ thì Pemo ở tận Xibiri, họ không tin rằng Xibiri lại ở phía bên kia dãy Uran.

- Người ta chở cá vược và cá chiên của Uran từ đấy lại, từ biển Caxpien lại phải không? Như vậy là Uran thuộc miền biển!

Đôi khi tôi tưởng họ chế giễu tôi, họ nói nước Anh nằm ở phía bên kia đại dương, còn Bonapact thì vốn xuất thân từ dòng dõi quý tộc ở Caluga. Khi tôi kể cho họ những điều tai nghe mắt thấy, họ không tin tôi lắm, nhưng mọi người đều thích những câu chuyện khủng khiếp và rắc rối. Ngay cả những người đứng tuổi cũng rõ ràng là thích chuyện bịa đặt hơn chuyện thật. Tôi thấy rõ rằng những sự việc càng vô lí bao nhiêu, câu chuyện càng hoang đường bao nhiêu, người ta càng chú ý nghe bấy nhiêu. Nói chung, thực tại không cảm kích được họ, tất cả đều nhìn về tương lai với con mắt mơ màng, không muốn nhìn đến sự nghèo nàn và xấu xa của hiện tại.

Điều đó càng làm cho tôi ngạc nhiên hơn, tôi đã cảm thấy rất rõ những mâu thuẫn giữa thực tế và sách vở. Trước mặt tôi là những con người sinh động, trong sách vở không thấy những con người như vậy: không thấy bác Xmurưi, anh thợ đốt lò Iacov, ông già chạy lăng xăng Alecxan Vaxiliev, bác Jikharev, chị thợ giặt Natalia...

Trong hòm của Davidov có tập truyện ngắn của Golitxinxki đã rách nát, cuốn *Ivan Vưjigin* của Bungarin, cuốn sách nhỏ

của Nam tước Brambeut.[1] Tôi đã đọc to tất cả những cuốn sách nhầu nát đó cho mọi người nghe, họ đều rất thích. Bác Larionovitr bảo:

- Việc đọc sách dẹp được những cuộc cãi cọ và tán nhảm - cái đó tốt lắm!

Tôi liền lo đi kiếm sách; thỉnh thoảng tôi đã tìm ra và hầu như tối nào cũng đọc. Thật là những buổi tối tuyệt diệu; trong xưởng im lặng như đêm khuya, phía trên bàn có treo những đèn thủy tinh hình cầu như những ngôi sao vừa trắng vừa lạnh; tia sáng của chúng chiếu vào những chiếc đầu hói hoặc rối bù đang cúi gần sát xuống bàn. Tôi trông thấy những khuôn mặt trầm lặng, đăm chiêu. Thỉnh thoảng lại có người thốt lên một tiếng khen nhân vật hoặc tác giả cuốn sách. Mọi người đều chăm chú và dịu dàng, trông khác hẳn trước đây; tôi rất thích họ trong những giờ phút đó, và họ đối với tôi cũng rất tốt, tôi cảm thấy trong người thoải mái dễ chịu.

- Có sách vở ở chúng ta đây đã trở nên như mùa xuân, khi lần đầu tiên những cửa sổ mùa đông được mở toang ra cho không khí trong sạch tràn vào, - có lần Xitanov đã nói như vậy.

Kiếm được sách không phải là chuyện dễ; chẳng ai nghĩ tới chuyện ghi tên đọc sách ở thư viện cả. Nhưng dù sao thì tôi cũng dùng mọi mánh khoé, nài xin khắp nơi như xin của bố thí, và vẫn kiếm được những cuốn sách nhỏ. Một hôm ông đội trưởng đội chữa cháy cho tôi một tập sách của Lermontov,[2] và lúc đó tôi mới cảm thấy sức mạnh của thơ ca, ảnh hưởng lớn lao của nó tới mọi người như thế nào.

Tôi nhớ là ngay từ khi mới đọc những dòng chữ đầu của bản trường ca *Con quỷ*, Xitanov liền nhìn vào cuốn sách, sau đó nhìn vào mặt tôi. Anh đặt bút lông trên bàn, nhét hai tay dài

---

[1] Các nhà văn phản động viết theo thị hiếu của đám tiểu thị dân.

[2] Nhà thơ Nga (1814- 1841)

ngoằng ngoẵng vào giữa hai đầu gối, người lắc lư, miệng mỉm cười. Chiếc ghế ở phía dưới anh kêu cọt kẹt.

- Im lặng nào, các cậu, - bác Larionovitr nói rồi cũng bỏ việc đi đến chỗ bàn của Xitanov, nơi tôi ngồi đọc. Bản trường ca làm tôi xúc động say sưa và nghẹn ngào, giọng của tôi thường bị ngắt quãng, tôi nhìn không rõ những câu thơ, nước mắt cứ trào ra. Nhưng cảm động hơn nữa là sự đi lại im lặng và rón rén trong xưởng, mọi người từ từ quay lại, dường như có một miếng nam châm hút họ tới chỗ tôi. Khi tôi đọc xong phần đầu hầu hết anh em thợ đều đứng xung quanh bàn, tựa sát vào nhau, ôm nhau, tươi cười hoặc trang nghiêm.

- Đọc đi, đọc đi, - bác Jikharev vừa nói vừa ấn đầu tôi xuống cuốn sách.

Tôi đọc xong, bác giằng lấy cuốn sách, nhìn tên nó rồi cặp vào nách và tuyên bố:

- Cuốn này cần phải đọc lại một lần nữa! Ngày mai cháu lại đọc. Để bác giấu cuốn sách cho.

Bác đem Lermontov cất vào trong ngăn kéo bàn của bác rồi lại bắt tay vào công việc. Trong xưởng im lặng; mọi người rón rén trở về chỗ của mình. Xitanov lại gần cửa sổ, tựa trán vào kính và đờ ra, còn bác Jikharev thì đặt bút lông xuống và nói, giọng nghiêm nghị:

- Thế mới là cuộc sống chứ, ôi những bầy tôi của Chúa Trời!...

Bác khẽ nhún vai, giấu đầu xuống rồi tiếp tục:

- Thậm chí tôi có thể vẽ được con quỷ: mình đen và đầy lông lá, cánh đỏ như lửa - màu hồng đơn, còn mặt mũi chân tay đều trắng xanh như tuyết trong đêm sáng trăng.

Cho đến tận bữa ăn tối, bác không thể ngồi yên trên ghế đẩu, luôn luôn cựa quậy khác hẳn mọi ngày, tay gõ gõ, miệng nói linh tinh về ma quỷ, về đàn bà và Eva, về thiên đường và các vị thánh phạm tội như thế nào.

- Tất cả những cái đó đều có thực! - bác xác nhận. Nếu các vị thánh đều có thể phạm tội với những người đàn bà có tội thì dĩ nhiên quỷ sứ cũng thích phạm tội với linh hồn trong sạch...

Mọi người đều im lặng nghe bác nói, có lẽ tất cả cũng giống tôi, không ai muốn nói cả. Họ làm việc một cách miễn cưỡng luôn luôn nhìn đồng hồ, và khi chuông đồng hồ điểm chín giờ thì tất cả cùng nhất loạt bỏ việc.

Xitanov và bác Jikharev bước ra ngoài sân, tôi cũng đi theo họ. Đứng ở dưới sân, Xitanov ngắm các vì sao và nói:

Đàn lạc đà đi lang thang đây đó
Trong không gian lạc lõng những vì sao...[1]

Câu đó không thể bịa ra được!

- Tôi không nhớ câu nào hết, - bác Jikharev vừa nói vừa rùng mình vì đứng ở ngoài trời lạnh buốt. - Tôi không nhớ gì cả, nhưng nhìn thấy hắn! Cái đó thật kì lạ - con người lại có thể bắt ta phải thương xót con quỷ ư? Thật đáng thương hắn, phải không?

- Đáng thương, - Xitanov tán thành.

- Đấy, con người là thế đấy! - bác Jikharev thốt lên một câu thật khó mà quên được.

Vào tới phòng ngoài, bác dặn tôi:

- Macximitr, cháu không được nói với ai ở cửa hiệu về cuốn sách này nhé: tất nhiên đây là một cuốn sách cấm!

Tôi rất vui mừng: thì ra vì những cuốn sách này mà lão cố đạo lúc tôi xưng tội đã hỏi tôi đây!

Mọi người ăn tối một cách uể oải, không ồn ào và nói chuyện như mọi khi, dường như có chuyện gì quan trọng đã xảy ra với họ khiến họ phải suy nghĩ dai dẳng. Sau bữa ăn tối, khi tất cả đã nằm ngủ, bác Jikharev rút cuốn sách và bảo tôi:

---

[1] Trích trong bản trường ca *Con quỷ* của Lermontov.

- Nào, cháu hãy đọc một lần nữa! Đọc chậm thôi, đừng có vội vã...

Vài người mặc quần áo lót lặng lẽ nhổm dậy khỏi giường đi lại gần bàn và ngồi co chân lại xung quanh.

Khi tôi đọc xong, bác Jikharev lại gõ gõ ngón tay lên mặt bàn và nói:

- Thế mới là cuộc sống chứ! Chà, còn quỷ, con quỷ... thế đấy, anh bạn ạ!

Xitanov chồm qua vai tôi, đọc một câu, và cười nói:

- Tôi sẽ chép lại vào cuốn vở của tôi...

Bác Jikharev đứng dậy và đem cuốn sách tới chỗ bàn của bác, nhưng bỗng nhiên bác dừng lại và bắt đầu nói với giọng run run và tức giận:

- Chúng ta sống như những con chó mù, chẳng biết cái quái gì cả, chúng ta không ích gì cho Chúa mà cũng chẳng ích gì cho ma quỷ! Chúng ta thế này mà là bầy tôi của Chúa à? Jov là bầy tôi của Chúa, chính Chúa đã nói chuyện với Jov! Cả với Moiz nữa![1] Thậm chí Chúa còn đặt tên cho Moiz: họ đều là người của Chúa. Còn chúng ta là của ai?...

Bác cất cuốn sách, mặc quần áo và hỏi anh Xitanov:

- Có đi ra quán rượu không?

- Tôi phải đi tới chỗ ấy bây giờ, - Xitanov khẽ đáp.

- Khi họ đi khỏi, tôi nằm xuống sàn ở cạnh cửa, bên cạnh Pavel Odinxov. Nó nằm trằn trọc hồi lâu không ngủ được, đột nhiên nó sụt sịt và thổn thức khóc.

- Cậu làm sao vậy?

- Tớ thương bọn họ quá,[2] - nó nói, - tớ đã sống cùng với họ hơn ba năm nay rồi, tớ biết tất cả mọi người...

---

[1] Jov và Moiz là các nhân vật trong Kinh thánh.

[2] Nguyên văn: thương đến chết.

Tôi cũng thương những người này; chúng tôi nằm nói chuyện thì thầm về họ mãi không sao ngủ được. Chúng tôi thấy ở mỗi người đều có những đức tính, những nét trung hậu, và ở tất cả mọi người đều có một cái gì đó khiến chúng tôi càng thêm thương họ với lòng thương trẻ thơ của chúng tôi.

Tôi sống với Pavel Odinxov rất thân ái; sau này nó trở thành một người thợ giỏi, nhưng cũng chẳng được bền lâu; tới năm ba mươi tuổi nó bắt đầu uống rượu tợn; sau đó tôi gặp nó ở chợ Khitrov ở Moxcva, lúc này nó đã biến thành một tay lưu manh. Gần đây tôi nghe đồn nó chết vì bệnh thương hàn. Tôi rùng mình khi nghĩ đến biết bao nhiêu người trung hậu đã chết, một cách vô nghĩa ở thời đại của tôi! Tất cả mọi người đều mòn mỏi đi rồi chết, điều đó là lẽ tự nhiên, nhưng không nơi nào người ta lại mòn mỏi một cách nhanh chóng đáng sợ và vô nghĩa như ở nước Nga chúng ta...

Lúc ấy nó còn là một đứa bé đầu tròn, lớn hơn tôi hai tuổi, linh lợi thông minh và ngay thật. Nó rất có tài: vẽ chim, mèo chó rất giỏi và vẽ tranh châm biếm anh em thợ rất khéo, lúc nào nó cũng vẽ họ là loài chim. Xitanov là con chim mỏ nhát buồn bã đứng một chân, Jikharev là con gà trống có cái mào rách, không có lông ở chóp, Davilov ốm yếu là con chim te te khiếp sợ. Nhưng đạt hơn cả là ông thợ chạm Gogolev được vẽ dưới hình thức một con dơi có tai to, mũi rất mỉa mai và đôi chân nhỏ, mỗi chân có sáu cái móng. Trên khuôn mặt tròn đen hiện lên hai vòng mắt trắng, hai con ngươi giống như hai hột đậu và đứng dựng giữa mắt, - cái đó khiến cho khuôn mặt như sống hẳn lên và trông rất xấu.

Anh em thợ không bực mình khi Pavel cho xem những bức tranh châm biếm, nhưng bức biếm hoạ về Gogolev đã gây cho tất cả một ấn tượng khó chịu, họ nghiêm khắc khuyên nhà hoạ sĩ:

- Tốt hơn cả mày nên xé đi ngay, không có lão già mà nhìn thấy thì lão sẽ đánh mày chết mất!

Lão già vừa bẩn vừa hôi hám, luôn luôn say khướt ấy là một người sùng đạo một cách cuồng tín, độc ác ra mặt và hay đem chuyện của cả xưởng đến hớt lẻo với gã quản lí. Bà chủ định gả đứa cháu gái cho gã, vì vậy gã cảm thấy mình đã là chủ toàn bộ ngôi nhà và mọi người. Cả xưởng thù ghét gã, nhưng lại sợ, vì vậy cũng sợ cả Gogolev.

Pavel luôn luôn dùng đủ mọi cách quấy rầy gã thợ chạm giống như nó tự đặt cho mình nhiệm vụ không để cho Gogolev được yên tĩnh lấy một giây một phút. Tôi cũng hết sức giúp đỡ nó trong việc này; cả xưởng thường thích thú trước những trò quấy tếu, thường là thô lỗ một cách tàn nhẫn của chúng tôi, tuy nhiên họ cũng ngăn ngừa chúng tôi:

- Khéo không lại khốn đấy, các chú ạ! "Cuzma Bọ Hung" sẽ trị các chú mất! "

"Cuzma Bọ Hung" - đó là tên lóng mà xưởng đã đặt cho gã quản lí.

Những lời ngăn ngừa ấy vẫn không làm cho chúng tôi sợ hãi, chúng tôi lấy màu bôi vào mặt lão thợ chạm lúc lão ngủ. Một hôm lão uống rượu say lăn ra ngủ, chúng tôi liền mạ vàng chiếc mũi của lão và suốt ba ngày không thể nào tẩy sạch vết vàng trong những khe kẽ của chiếc mũi xốp. Nhưng mỗi lần chúng tôi làm được lão tức giận, tôi lại nhớ tới tàu thuỷ, nhớ tới anh lính bé nhỏ người vùng Viaxca và trong lòng tôi lại thấy bối rối. Mặc dù đã có tuổi, Gogolev vẫn khỏe, nên lão thường xông vào đánh chúng tôi một cách bất ngờ, đánh chúng tôi xong, lão còn đi than phiền với bà chủ.

Bà này ngày nào cũng say rượu nên bao giờ cũng hiền hậu vui vẻ. Bà cố làm cho chúng tôi sợ, đấm hai tay béo húp lên bàn và la lên:

- Lại lũ quỷ sứ, sao chúng mày tinh nghịch thế? Bác ấy già rồi, phải kính trọng bác ấy chứ! Đứa nào đã rót dầu hoả vào cốc bác ấy giả làm rượu?

- Chúng cháu đấy ...

Bác chủ ngạc nhiên:

- Trời đất ơi, chúng nó lại còn thú nhận nữa kia! Chà, lũ đáng nguyền rủa này... phải kính trọng người già chứ!

Bà đuổi chúng tôi ra và đến tối lại than phiền với gã quản lí; gã này liền nghiêm khắc mắng tôi:

- Sao mày lại làm thế: mày đọc sách, thậm chí cả Kinh thánh nữa, thế mà mày lại dám tinh nghịch như vậy ư? Coi chừng đấy, chú mình ạ!

Bà chủ sống độc thân và rất đáng thương; thỉnh thoảng uống rượu ngọt xong bà ngồi bên cạnh cửa sổ hát nghêu ngao:

Có ai để ý đến ta,
Có ai thương đến bà già này đâu,
Có ai thấu được nỗi sầu,
Biết cùng ai trút cạn bầu tâm tư?

Rồi bà khóc nức nở, kéo dài cái giọng run run của người già:

- Hu-u-u-u-u...

Một hôm tôi trông thấy bà bưng bình sữa hâm nóng đi về phía cầu thang, nhưng bỗng nhiên bà khuỵu chân rồi cứ tuột dần theo từng bậc thang xuống, nặng nề, tay vẫn không buông bình sữa. Sữa sánh ra cả áo, còn bà thì duỗi tay ra, bực tức mắng nhiếc cái bình:

- Mày làm sao thế, hở đồ quỷ? Mày định đi đâu thế này?

Bà không to nhưng thân hình mềm nhẽo, giống như một con mèo già không thể bắt chuột được nữa và vì ăn no quá, nên chỉ gừ gừ, nhớ lại một cách thú vị những thành công và khoái lạc của mình.

- Hừ, - Xitanov vừa nói vừa cau mày, vẻ đăm chiêu, - đã có thời kì công việc phát đạt, xưởng làm ăn khấm khá, một người thông minh cai quản mọi việc đâu vào đấy, nhưng bây giờ hoá ra vô ích, tất cả đều lọt vào tay "Cuzma Bọ Hung" cả! Dù có làm

bao nhiêu thì cũng chỉ là làm cho kẻ khác! Cứ nghĩ đến chuyện đó là trong đầu óc như có một cái lò xo nào đó bỗng nhiên bị đứt - chẳng muốn làm gì nữa, chỉ muốn bỏ hết mọi việc, leo lên mái nhà và nằm ngắm bầu trời suốt cả mùa hè...

Pavel Odinxov cũng nhiễm những suy nghĩ ấy của Xitanov. Nó vừa phì phèo hút thuốc ra vẻ người lớn vừa triết lí về Chúa, về rượu chè, về đàn bà, và nói rằng công việc gì rồi cũng sẽ hỏng hết, một số người làm ra một cái gì đó, nhưng số khác lại phá hoại cái đã được tạo nên, không hiểu biết và không quý trọng nó.

Trong những giờ phút đó, khuôn mặt sắc sảo dễ thương của nó nhăn lại như già đi. Nó ngồi lên giường kê trên sàn, ôm hai đầu gối và nhìn rất lâu những chiếc cửa sổ vuông sơn màu xanh da trời, mái nhà kho bị những tảng tuyết đè lên và những ngôi sao trên bầu trời mùa đông.

Thợ vừa ngủ vừa ngáy khò khò và rên rỉ; có người mê sảng, nói những câu ngắt quãng, Davidov nằm trên phản khạc nhổ nốt ra mẩu đời còn lại của mình. Trong góc nhà những "bầy tôi của Chúa" là Capendiukhin, Xorokin và Pecsin nằm sát vào nhau như bị trói chặt bởi giấc ngủ và cơn say rượu. Những bức tượng thánh không mặt, không chân, không tay, dựng ở tường nhìn ra. Mùi dầu gai nồng nặc, mùi trứng thối, bùn chua kết lại ở kẽ sàn toả ra ngột ngạt.

- Lạy Chúa! Tớ thương họ quá! - Pavel thì thầm.

Lòng thương người ấy càng ngày càng làm cho tôi băn khoăn. Như trên tôi đã nói, hai đứa tôi cảm thấy tất cả anh em thợ đều là những người tốt, thế mà cuộc sống của họ lại khổ cực, không xứng đáng với họ và buồn chán không thể chịu được. Vào những ngày đông bão tuyết, khi tất cả mọi vật trên mặt đất - nhà cửa cây cối - đều rung chuyển, gào thét, khóc lóc, khi những tiếng chuông sầu não vang lên báo hiệu tuần chay, thì nỗi buồn chán

lại tràn vào xưởng, tựa một làn sóng nặng như chì đè lên mọi người, huỷ hoại tất cả những gì còn sống trong người họ, đẩy họ vào quán rượu, tới đàn bà, một phương tiện để lãng quên cũng giống như rượu chè.

Vào những tối buồn thảm như vậy, sách vở không có tác dụng gì nữa. Khi ấy tôi cùng với Pavel cố gắng dùng mọi phương tiện của mình để làm cho anh em thợ vui vẻ: chúng tôi lấy bồ hóng, thuốc màu bôi mặt, lấy xơ gai hoá trang và đóng những vở hài kịch do chúng tôi soạn; chúng tôi dũng cảm đấu tranh với buồn chán và bắt mọi người phải cười. Tôi nhớ lại *Chuyện một anh lính cứu sống Piot Đại đế* và đem trình bày câu chuyện nhỏ đó dưới hình thức hội thoại; chúng tôi leo lên chỗ gác lửng của anh Davidov và diễn ở đó, vui vẻ chặt đầu những người Thuỵ Điển trong tưởng tượng khiến các khán giả đều cười phá lên.

Họ rất thích chuyện *Con quỷ Trung Quốc Trần Hữu Đông*; Pasca đóng vai con quỷ bất hạnh muốn làm điều thiện, còn tôi đảm nhiệm tất cả những phần còn lại: tôi đóng vai nam lẫn vai nữ, vai các đồ vật, vai thần Thiện và thậm chí đóng cả vai hòn đá để con quỷ Trung Quốc ngồi nghỉ trong lúc nó vô cùng chán nản sau mỗi lần định làm điều thiện mà không kết quả.

Các khán giả cười phá lên, và tôi rất ngạc nhiên không hiểu vì sao lại có thể làm cho họ cười một cách dễ dàng như thế, sự dễ dàng ấy khiến tôi hết sức bực mình.

- Chà, lũ hề! Lũ múa rối! - họ gọi chúng tôi như vậy.

Nhưng càng về sau tôi càng có ý nghĩ ám ảnh rằng nỗi buồn thương gần với tâm hồn của những người này hơn là niềm vui.

Niềm vui không bao giờ tự nó có được ở chúng tôi và bản thân nó cũng không đáng kể, nó có được là do người ta cố ý khơi lên từ lãng quên, như một phương tiện để làm giảm bớt nỗi buồn rầu nặng trĩu của người Nga. Sức mạnh bên trong của

niềm vui thật đáng nghi, bản thân niềm vui không có, không phải vì nó muốn có, mà chỉ xuất hiện khi bị những ngày buồn bã khích động.

Niềm vui của người Nga thường hay đột nhiên biến thành một tấm thảm kịch tàn khốc khó mà thấy được. Có người nhảy múa như đang đập tan xiềng xích trói buộc mình, bỗng đột nhiên thả con thú hung dữ nhất trong người ra, rồi trong cơn buồn chán dữ dội đó, anh ta nhảy xổ vào mọi người và cắn xé, đập phá hết mọi thứ.

Niềm vui giả tạo do những sự thúc đẩy từ bên ngoài gây nên đã làm cho tôi tức giận. Bị kích động đến quên cả bản thân, tôi bắt đầu kể và đóng những chuyện ngông cuồng do tôi đột xuất tưởng tượng ra, vì tôi muốn gây cho mọi người một niềm vui thực sự, tự do và thoải mái! Tôi cũng đạt được đôi chút thành công, người ta khen ngợi tôi, ngạc nhiên về tôi, nhưng nỗi buồn mà tôi tưởng đã lay chuyển được vẫn cứ từ từ đậm đặc thêm, củng cố thêm và đè trĩu lên mọi người.

Bác Larionovitr âu yếm bảo tôi:

- Trời ơi, cháu vui tính quá.

- Nó biết cách pha trò đấy! - Jikharev đỡ lời bác. - Macximitr ạ, cháu phải xin vào một rạp xiếc hay rạp hát nào đó, nhất định cháu sẽ trở thành một tay hề giỏi đấy!

Cả xưởng chỉ có hai người, Capendiukhin và Xitanov, là đi xem kịch vào ngày lễ Giáng sinh và tuần chay. Những người thợ lớn tuổi hơn nghiêm chỉnh khuyên họ giải tội ấy bằng cách tắm ở hố băng, nơi lấy nước rửa tội. Xitanov đặc biệt hay khuyên tôi:

- Bỏ mẹ nó đấy, đi mà học thành tài tử!

Rồi anh xúc động kể lại cuộc đời đáng buồn của diễn viên Iacovlev.[1]

---

[1] Diễn viên Nga nổi tiếng A. X. Iacovlev (1777- 1817).

- Có như thế đấy!

Anh thích kể về nữ hoàng Mari Xtuar,[1] gọi bà là "kẻ bịp bợm", nhưng anh khâm phục nhất *Nhà quý tộc Tây Ban Nha*.[2]

- Don Xeza đơ Bazan, Macximitr ạ, là một người vô cùng cao thượng! Một người tuyệt diệu!

Trong chính bản thân anh hình như cũng có một cái gì giống với "nhà quý tộc Tây Ban Nha". Một hôm tại quảng trường trước chòi canh có ba tên lính chữa cháy đánh một người mujic để giải trí: đám đông, khoảng bốn mươi người, đứng xem và khen ngợi bọn lính, Xitanov xông vào đám đánh nhau, vung đôi tay dài, thụi bọn lính túi bụi, nâng người mujic dậy, ẩy anh ta vào đám đông, và quát ầm lên:

- Đưa anh ta đi!

Còn anh thì ở lại, một mình chọi với ba tên lính chữa cháy. Sân của đội chữa cháy ở cách đó khoảng mười bước, bọn lính có thể gọi người tới giúp và họ có thể đánh cho Xitanov một trận tơi bời, nhưng may cho anh, bọn này hoảng sợ, chạy biến ngay vào trong sân.

- Lũ chó! - anh mắng với theo bọn chúng.

Cứ chủ nhật là bọn thanh niên lại kéo nhau tới những bãi rừng sau nghĩa địa Pet'ropavlovxcoie để đấu quyền. Họ tụ tập ở đây để đấu với cánh đổ rác và cánh mujic ở các làng lân cận. Đội đổ rác cử ra một đấu thủ trứ danh để đấu với bọn ở thành phố tới: một người Mordvin khổng lồ đầu nhỏ, mắt đau, lúc nào cũng ướt nhèm. Gã lấy vạt áo cánh ngắn và bẩn lau nước mắt rồi đứng trước đồng bọn, dạng chân, hướng về địch thủ gọi một cách thân mật:

---

[1] Mari Xtuar (1542 - 1587) - nữ hoàng của Ecot, nhân vật trong bi kịch *Mari Xtuar* của Sile.

[2] "Nhà quý tộc Tây Ban Nha Don Xeza đơ Bazan", nhân vật trong vở kịch của Huygo *Ruy Blat* và vở kịch *Nhà quý tộc Tây Ban Nha* của hai nhà viết kịch người Pháp Duymanua và Deckecto.

- Ra đi chứ, kẻo cảm lạnh mất!

Phía chúng tôi cử Capendiukhin; gã Mordvin bao giờ cũng thắng. Nhưng anh Cozac luôn luôn bị sứt đầu chảy máu và mệt gần chết ấy vẫn nói:

- Chết sống cũng phải thắng được tên Mordvin kia!

Rút cục, điều đó đã trở thành mục đích của đời anh, thậm chí anh bỏ uống rượu, trước khi đi ngủ lấy tuyết sát mình, ăn nhiều thịt, mỗi tối anh đều cử nhiều lần quả tạ nặng hai put để cho bắp thịt nở nang. Nhưng làm thế vẫn chẳng ăn thua. Anh liền khâu vào trong bao tay những mảnh chì và khoe với Xitanov:

- Lần này thì tên Mordvin phải chết!

Xitanov nghiêm khắc cảnh cáo anh:

- Thôi ngay đi, không có tao sẽ nói ra trước khi đấu cho mà xem!

Capendiukhin không tin lời anh, nhưng khi đến chỗ đấu, Xitanov đột nhiên bảo gã Mordvin:

- Tránh ra, Vaxili Ivanutr, để tôi đấu với Capendiukhin trước!

Anh Cozac đỏ mặt tía tai gầm lên:

- Mình không đấu với cậu, tránh ra!

- Phải đấu, - Xitanov vừa nói vừa đi về phía anh Cozac, mắt nhìn chằm chằm vào khuôn mặt anh. Capendiukhin giậm chân tại chỗ, tháo bao tay ra, nhét vào trong áo rồi vội vàng rời khỏi nơi đấu.

Cả phía chúng tôi lẫn phía địch đều ngạc nhiên một cách khó chịu. Một người có vẻ đứng đắn nói với Xitanov, giọng bực tức:

- Anh bạn ạ, giải quyết việc trong nhà ở ngoài bãi đấu công cộng là hoàn toàn không hợp pháp!

Mọi người từ tứ phía đổ dồn về chỗ Xitanov, chửi rủa anh; anh im lặng hồi lâu, cuối cùng anh nói với người đứng đắn kia:

- Nếu như tôi muốn ngăn một vụ giết người thì sao?

Người đứng đắn đó lập tức đoán được ngay và thậm chí ngả mũ cát két ra nói:

- Thế thì về phía chúng tôi, chúng tôi cần phải cám ơn anh!

- Nhưng xin bác chớ làm ầm lên đấy!

- Làm ầm để làm gì kia chứ? Capendiukhin là một đấu thủ hiếm có, thất bại làm anh ta cáu, chúng tôi hiểu lắm! Bây giờ trước khi đấu chúng tôi sẽ xem xét bao tay của anh ta.

- Đó là việc của bác!

Khi người đứng đắn đó đi khỏi, phía chúng tôi bắt đầu chửi Xitanov:

- Mày ngứa mồm chõ vào làm gì mới được chứ! Đáng lẽ hôm nay anh chàng Cozac thắng, nhưng từ nay chúng ta sẽ lại thất bại mãi...

Người ta chửi rủa anh hồi lâu, chửi bằng chán, bằng thích mới thôi.

Xitanov thở dài và nói:

- Chao ôi, các người thật đê tiện...

Rồi thật là bất ngờ đối với tất cả, anh gọi gã Mordvin ra đấu tay đôi. Gã này đứng ngay vào vị trí, vui vẻ vung vẩy nắm đấm và nói đùa:

- Đấu đi cho nó ấm người lên...

Mấy người nắm tay nhau dùng lưng gạt những người đứng đằng sau và làm thành một vòng tròn rộng lớn.

Hai đấu thủ nhìn nhau chằm chặp, tay phải giơ về phía trước, tay trái để trước ngực. Những người giàu kinh nghiệm nhận thấy ngay tay của Xitanov dài hơn tay gã Mordvin. Xung quanh đều im lặng, tuyết dưới chân hai đấu thủ kêu lạo xạo. Một người nào đó không chịu nổi sự căng thẳng, lắp bắp với giọng ta thán và háu ăn:

- Bắt đầu đi thôi...

Xitanov vung tay phải lên, gã Mordvin khẽ đưa tay trái ra đỡ và bị tay trái Xitanov đấm thẳng một cú vào bụng. Gã đằng hắng một tiếng, lùi lại và khoái chí nói:

- Trẻ, nhưng không phải là tay ngốc!

Họ bắt đầu xông vào nhau và vung những quả đấm nặng nề vào ngực nhau. Sau mấy phút, những người đứng xem của cả hai bên đều kêu ầm lên!

- Nhanh tay lên, anh thợ họa[1]! Hãy họa hắn ta đi, chạm trổ đi nào!

Gã Mordvin khoẻ hơn Xitanov nhiều, nhưng thân hình lại khá nặng nề nên gã không thể đánh nhanh, và cứ mỗi lần đấm được một quả thì lại bị giáng trả lại hai ba cú. Nhưng thân hình bị đấm của gã Mordvin có lẽ không đau đớn lắm nên gã vẫn hăng, vẫn cười cợt rồi bỗng đưa mạnh từ phía dưới lên trúng nách làm sái cánh tay phải của Xitanov.

- Giãn ra, hoà! - mấy người lập tức kêu lên. Người ta phá vỡ vòng và bắt các đấu thủ giãn ra.

Gã Mordvin nói với vẻ hiền hậu:

- Tay thợ họa ấy không khoẻ lắm, nhưng nhanh! Hắn sẽ trở thành một đấu thủ cừ, tôi có thể cam đoan với tất cả mọi người điều ấy.

Bọn thiếu niên bắt đầu một trận đấu chung; còn tôi dẫn anh Xitanov tới chỗ viên y sĩ chữa xương. Hành vi của anh càng đề cao anh trước mặt tôi, càng làm tăng thêm cảm tình và lòng kính trọng của tôi đối với anh.

Anh là người rất thẳng thắn, ngay thật và hình như coi đó là nghĩa vụ của mình, nhưng anh Capendiukhin ngang tàng lại khéo léo nói khấy anh:

- Chà Jenia,[2] cậu sống như để bày hàng ấy! Cậu đánh sạch tâm hồn cậu như đánh cái ấm xamovar trước ngày lễ để hễ có ai đến thì khoe: sáng nhoáng đấy chứ! Nhưng tâm hồn cậu bằng đồng nên chơi với cậu chán lắm...

---

[1] Nguyên văn: thợ họa tượng thánh.

[2] Tức Xitanov.

Xitanov thản nhiên không nói gì cả, anh chăm chỉ làm việc hoặc chép vào những bài thơ của Lermontov. Anh đã bỏ tất cả thì giờ rỗi để chép thơ, và khi tôi bảo anh: "Anh có tiền sao không đi mua quách một cuốn sách có được không?" - Anh đáp:

- Không, tự chép tay tốt hơn cả!

Sau khi chép được một trang với nét chữ nhỏ và đẹp, có hình vẽ ở cuối, trong khi chờ đợi mực khô, anh khẽ đọc:

Không chút xót thương, dửng dưng xa lạ
Bạn sẽ nhìn vào cõi trần ai,
Nơi chẳng có hạnh phúc nào chân thật
Và cũng không có sắc đẹp lâu dài.[1]

Rồi anh lim dim mắt nói tiếp:

- Điều đó rất đúng! Chà, sao ông ta biết rất rõ sự thật như vậy!

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên về quan hệ giữa Xitanov với Capendiukhin. Sau khi uống rượu vào, anh Cozac bao giờ cũng sinh sự với bạn, Xitanov khuyên can anh ta hồi lâu:

- Thôi đi! Đừng có mà sinh sự...

Nhưng sau đó, anh đánh cho tên say rượu một trận nên thân, đến nỗi anh em thợ vốn coi những cuộc đánh nhau như cơm bữa[2] cũng phải can thiệp vào và bắt đôi bên phải giãn ra.

- Không kịp thời ngăn Evgheni[3] lại thì cậu ta sẽ giết chết hắn mất và cậu ấy cũng chẳng tiếc thân đâu, - họ nói. Khi tỉnh, Capendiukhin vẫn không ngớt lời nhạo báng Xitanov, chế giễu lòng say mê thơ ca của anh và mối tình bất hạnh của anh, khêu gợi ở anh lòng ghen tuông một cách bỉ ổi, nhưng vô hiệu quả, Xitanov dửng dưng, im lặng nghe những

---

[1] Trích trong bản trường ca *Con quỷ* của Lermontov.

[2] Nguyên văn: như ngắm cảnh.

[3] Tức Xitanov.

lời nhạo báng ấy, nhưng đôi khi chính anh cũng cười với Capendiukhin.

Họ ngủ cạnh nhau và đêm đêm thường thì thầm nói chuyện hồi lâu về một chuyện gì đó.

Những câu chuyện ấy khiến tôi không thể nào ngủ yên được. Tôi muốn biết những con người tính tình bất đồng này lại có thể tâm sự thân mật được với nhau về chuyện gì? Nhưng khi tôi tới gần họ thì anh Cozac gầm lên:

- Mày đến đây làm gì?

Còn Xitanov coi như không nhìn thấy tôi.

Nhưng có lần họ gọi tôi, anh Cozac hỏi:

- Macximitr, nếu như mày giàu có, mày sẽ làm gì?

- Sẽ mua sách.

- Gì nữa?

- Không biết.

- Ồ, - Capendiukhin ngoảnh mặt đi với vẻ bực bội, còn Xitanov bình tĩnh nói:

- Thấy chưa, không ai biết, cả người già lẫn trẻ con! Tớ có thể nói với cậu rằng: bản thân sự giàu có cũng chẳng cần thiết! Tất cả mọi vật đều đòi hỏi một sự ứng dụng nào đó...

Tôi hỏi:

- Các anh nói chuyện gì thế?

- Không muốn ngủ, nên tán gẫu đấy thôi, - anh Cozac đáp.

Sau này lắng nghe những câu chuyện của họ, tôi mới biết rằng đêm đêm họ nói về những chuyện mà người ta thích nói cả ban ngày: về Chúa, về chân lí, hạnh phúc, về sự ngu ngốc và mánh khoé của đàn bà, về lòng tham của kẻ giàu, về tất cả những điều rắc rối và khó hiểu của cuộc sống.

Tôi thường nghe những câu chuyện ấy một cách say mê, chúng làm cho tôi xúc động. Tôi rất thích khi thấy rằng hầu như tất cả mọi người đều nói giống nhau: cuộc sống rất tồi, cần phải sống tốt

hơn! Nhưng đồng thời tôi thấy ý muốn sống tốt hơn chẳng phát sinh tác dụng gì hết, chẳng làm thay đổi gì cả trong cuộc sống của xưởng, trong quan hệ giữa anh em thợ với nhau. Tất cả những lời nói ấy soi sáng cuộc sống trước mắt tôi, mở ra đằng sau nó một khoảng không buồn tẻ trong đó người ta bơi ngụp một cách hỗn loạn và bực tức, giống như những hạt bụi ở nước ao khi trời gió. Những người bơi đó lại chính là những người nói rằng sự xô đẩy nhau ấy vô nghĩa và làm cho họ tức giận.

Ở xưởng, họ thường bàn luận rất nhiều và thích thú; họ kết tội, chê bai một người nào đó, họ hối hận, khoe khoang, cãi nhau rất dữ vì những điều không đâu và làm cho nhau khổ nhục đủ điều. Họ cố đoán xem sau khi chết họ sẽ như thế nào. Cạnh cửa xưởng, nơi để thùng nước rác, có một tấm ván mục thối, gió lạnh và mùi đất chua từ dưới sàn lùa qua lỗ hổng ẩm ướt, hôi thối đó vào khiến cho chân họ rét cóng, tôi cùng với Pavel lấy giẻ rách và cỏ khô nhét vào lỗ hổng đó. Họ thường nói cần phải thay tấm ván đó, nhưng lỗ hổng càng ngày càng to thêm. Vào những ngày bão tuyết, gió lùa qua đấy như lùa qua ống khói, mọi người đều cảm lạnh và ho. Cánh quạt thông gió bằng sắt tây của chiếc cửa sổ con thông hơi rít lên két két nghe thật đáng ghét; người ta chửi rủa nó thậm tệ, nhưng lúc tôi lấy dầu tra vào đó, bác Jikharev lắng nghe xong lại bảo:

- Cửa sổ không kêu nữa, buồn quá!

Mới từ nhà tắm về là họ đặt mình xuống những tấm phản bẩn thỉu và bụi bặm; bẩn thỉu và hôi hám hoàn toàn không làm cho ai khó chịu cả. Có nhiều chuyện nhỏ mọn không tốt đã cản trở cuộc sống, người ta có thể dễ dàng trừ bỏ những cái đó đi, nhưng không ai làm chuyện đó cả.

Họ thường nói:

- Không ai thương người đâu, kể cả Chúa lẫn chính bản thân mình...

Khi chúng tôi - tôi và Pavel - tắm rửa cho Davidov đang hấp

hối và bị cáu ghét, rận chấy cắn rứt, thì họ chế giễu chúng tôi. Họ cởi sơ mi ra đề nghị chúng tôi bắt rận hộ; họ gọi chúng tôi là "bồi" tắm và nói chung họ nhạo báng chúng tôi dường như chúng tôi đã làm một việc gì ô nhục và rất buồn cười.

Suốt từ hôm lễ Giáng sinh cho đến tận tuần chay, Davidov nằm liệt trên tấm phản, ho liên miên, khạc ra những cục máu đỏ lòm: máu nhổ không trúng chậu nước rác rơi cả ra sàn. Đêm đêm mê sảng, anh làm cho mọi người mất ngủ.

Hầu như ngày nào người ta cũng nói:

- Cần phải đưa hắn đi nhà thương thôi!

Nhưng đầu tiên thì vì giấy thông hành của Davidov đã quá hạn, sau đó anh có đỡ hơn, và cuối cùng người ta quyết định:

- Dù sao thì hắn cũng sắp chết rồi!

Chính anh cũng bảo:

- Tôi chẳng sống được bao lâu nữa!

Anh là một nhà khôi hài hiền lành và bao giờ cũng cố gắng làm tiêu tan nỗi buồn nặng nề bực dọc trong xưởng bằng những câu pha trò hóm hỉnh. Anh cúi khuôn mặt xương xẩu đen sạm xuống và the thé hô to:

- Hỡi nhân dân, hãy lắng nghe tiếng nói của người đã được khiêng lên gác lửng...

Rồi anh nói rất mạch lạc những điều nhảm nhí buồn tẻ:

Tôi sống trên gác lửng
Thức giấc dậy rất sớm
Lũ gián ăn thịt tôi
Trong lúc tôi mê sảng...

- Hắn vẫn lạc quan! - mọi người khâm phục nói.

Thỉnh thoảng tôi cùng với Pavel leo lên chỗ anh, anh nói đùa với vẻ gượng gạo:

- Các vị quý khách, biết lấy gì để thết đãi các vị đây? Các vị xơi một chú nhện con tươi nhé!

Anh chết rất chậm, điều đó làm cho anh rất chán ngán, anh nói với một vẻ bực bội thành thực:

- Tôi không thể nào chết được, thật là một điều bất hạnh!

Sự dửng dưng của anh trước cái chết đã làm cho Pavel rất hoảng sợ; đêm đêm Pavel thường đánh thức tôi và thì thầm:

- Macximitr, hình như hắn chết rồi... Hắn mà chết vào ban đêm thì chúng ta sẽ nằm dưới xác hắn. Ôi! Tớ sợ người chết lắm!...

Hoặc nó bảo:

- Ôi, sống như thế thì sống làm gì? Mới chưa đầy hai mươi tuổi đầu mà phải chết...

Một hôm vào đêm sáng trăng nó đánh thức tôi dậy, nhìn tôi bằng cặp mắt tròn xoe hoảng sợ và nói:

- Nghe kìa!

- Trên gác lửng Davidov thở khò khè, nói hấp tấp những rất rành mạch:

- Đưa đây nào, đư...ưa...

Sau đó anh bắt đầu nấc lên.

- Hắn đang hấp hối, lạy Chúa, thấy chưa? - Pavel hốt hoảng.

Suốt ngày tôi phải chở tuyết từ sân ra ngoài đồng nên rất mệt; tôi buồn ngủ quá, nhưng Pavel van nài tôi:

- Đừng ngủ, tao lạy mày, vì Chúa, đừng ngủ!

Rồi bỗng nhiên nó nhổm dậy, hét tướng lên như người hoá dại:

- Tất cả dậy đi thôi, Davidov chết rồi!

Có mấy anh tỉnh dậy, vài bóng người nhổm khỏi giường, những câu hỏi giận dữ thốt lên.

Capendiukhin leo lên gác lửng và ngạc nhiên nói:

- Hình như hắn chết thật rồi... nhưng người vẫn nong nóng...

Bốn bề yên lặng như tờ. Bác Jikharev làm dấu thánh giá rồi vừa trùm chăn vừa nói:

- Thế thì cầu cho anh ta được lên thiên đàng!

Có người đề nghị:

- Đưa hắn ra nhà ngoài thôi...

Capendiukhin tụt xuống khỏi gác lửng và nhìn ra cửa sổ.

- Thôi để hắn nằm đến sáng, khi sống hắn cũng chẳng quấy rầy ai nữa là...

Pavel rúc đầu xuống dưới gối và khóc nức nở. Còn Xitanov vẫn không thức dậy.

XV

Tuyết ngoài đồng đã tan, những đám mây mùa đông trên trời cũng tan ra, biến thành mưa và tuyết rơi xuống đất. Mặt trời di chuyển mỗi ngày một chậm rãi thêm, khí trời trở nên ấm áp hơn. Hình như ngày xuân tươi vui đã đến, nó đang vui đùa ẩn nấp đâu đây trên cánh đồng ngoại ô và sắp sửa ập vào thành phố. Đường phố đều phủ một lớp bùn đỏ quạch. Dọc vỉa hè có những lạch nước chảy. Đàn chim sẻ vui vẻ nhảy nhót giữa những vũng nước trên quảng trường Arextantxcaia. Và mọi người cũng có vẻ vội vàng bận rộn như chim sẻ vậy. Trong tiếng ồn ào của mùa xuân, tiếng chuông của tuần chay vang lên hầu như liên tục suốt từ sáng đến tối; những tiếng ngân nhè nhẹ làm lay động lòng người. Trong tiếng chuông ấy, cũng như trong tiếng nói của các cụ già, có một điều gì bất mãn; hình như chuông kia đang nói đến mọi thứ trên đời với một niềm tuyệt vọng xót xa:

"Thế là hết, là hết, là hết..."

Nhân ngày lễ thánh của tôi, xưởng tặng tôi một bức tượng

nhỏ xinh xắn được khắc hoạ rất đẹp - tượng thánh Alecxi. Bác Jikharev đã đọc một bài diễn thuyết dài với giọng trang nghiêm khiến tôi không bao giờ có thể quên được.

- Cháu là người thế nào? - bác vừa nói vừa gõ gõ ngón tay, lông mày khẽ rướn lên. - Cháu chỉ là một đứa trẻ mồ côi mới mười ba tuổi đầu. Bác nhiều tuổi hơn cháu gần như gấp bốn lần, vậy mà bác vẫn khen ngợi cháu, đồng tình với cháu vì cháu không có thái độ dửng dưng, mà luôn luôn nhìn thẳng vào công việc. Cháu cứ nên như thế mãi, điều đó rất tốt!

Bác nói đến cả những bầy tôi của Chúa và con người nhưng tôi không thể hiểu được sự khác nhau giữa hai lớp người đó, và có lẽ chính bác ta cũng không rõ. Bác nói nghe rất chán, cả xưởng đều cười nhạo bác. Tôi đứng im, cầm bức tượng thánh trong tay, lòng rất cảm động và bối rối, không biết nên làm gì. Cuối cùng Capendiukhin nóng ruột phải kêu lên:

- Có thể chấm dứt cái bài điếu văn ấy được rồi đấy, tai nó đã tím ngắt lại rồi kia kìa.

Sau đó anh vỗ vai tôi và cũng khen ngợi:

- Chú được cái tốt là đối với ai chú cũng coi như họ hàng thân thích cả, cái đó rất tốt! Khi chú có điều gì không nên không phải, đừng nói đến chuyện đánh chú, mà ngay cả việc mắng nhiếc, người ta cũng phải thấy không tiện!

Tất cả nhìn tôi bằng con mắt thiện cảm, họ âu yếm chế giễu sự lúng túng của tôi. Chỉ một tí nữa thì có lẽ tôi đã khóc oà lên vì niềm vui sướng đột ngột cảm thấy mình hữu ích đối với tất cả những con người ấy. Nhưng cũng chính vào buổi sáng hôm ấy, ở cửa hiệu, gã quản lí bán hàng vừa hất đầu về phía tôi vừa nói với lão Piot Vaxiliev.

- Thằng nhãi ranh nom đến khó chịu và chẳng được cái tích sự gì cả!

Như thường lệ, tôi đến cửa hiệu từ sáng sớm, nhưng quá trưa, lão quản lí bảo tôi:

- Đi về nhà, gạt tuyết trên mái nhà kho xuống và đổ đầy vào hầm đá...

Gã không biết hôm nay là ngày lễ thánh của tôi. Tôi cũng tin rằng không ai biết điều đó. Sau khi nghi thức chúc mừng ở xưởng kết thúc, tôi thay quần áo, chạy ra ngoài sân và trèo lên mái nhà kho, gạt đám tuyết nặng nề, rắn chắc và rất nhiều trong mùa đông ấy xuống. Nhưng vì xúc động, tôi đã quên mở cửa nhà hầm và để tuyết lấp cả cửa. Sau khi nhảy xuống đất, thấy sự sai lầm đó, tôi lập tức bắt tay vào gạt tuyết ra khỏi nắp hầm. Tuyết ẩm nên đặc cứng lại, xẻng gỗ khó lòng mà xúc được, mà xẻng sắt thì không có. Vừa đúng lúc gã quản lí xuất hiện ở cổng thì tôi làm gãy xẻng. "Sướng lắm khổ nhiều", câu tục ngữ Nga ấy trở thành sự thật.

- Thế-ế đấy, - gã quản lí vừa nói với giọng châm biếm vừa tiến lại gần tôi. - Chao ôi, làm với ăn, sao quỷ không tha, ma không bắt mày đi! Tao phải nện vào cái đầu mất trí của mày...

Gã giơ cán xẻng doạ đánh tôi, tôi lùi lại và tức giận nói:

- Tôi đến đây không phải để làm người quét sân cho anh...

Gã lao chiếc cán vào chân tôi, tôi chụp lấy một nạm tuyết và ném vào giữa mặt gã; gã vừa nhổ vừa cắm đầu chạy mất, còn tôi thì bỏ việc đi vào xưởng. Một phút sau, cô vợ chưa cưới của gã, một cô gái hiếu động, mặt đầy trứng cá, từ trên gác chạy xuống.

- Macximitr, lên gác ngay!

- Không lên, - tôi đáp.

Bác Larionovitr ngạc nhiên khẽ hỏi tôi:

- Sao lại không lên?

Tôi kể cho bác nghe câu chuyện vừa rồi, bác cau mày vẻ suy nghĩ rồi đi lên gác, sau khi nói thầm với tôi:

- Cháu bướng quá, chú em ạ...

Trong xưởng nhốn nháo hẳn lên, người ta chửi rủa gã quản lí. Capendiukhin nói:

- Chà, lần này thì người ta đuổi mày mất!

Điều đó tôi không sợ. Quan hệ của tôi với gã quản lí đã từ lâu không thể nào chịu nổi. Gã thù ghét tôi ra mặt và càng ngày càng ghét cay ghét đắng. Tôi cũng không thể chịu nổi gã, nhưng tôi muốn hiểu vì sao gã lại đối với tôi vô lí như thế.

Gã vứt tiền ra sàn cửa hiệu. Khi quét nhà, thấy tiền, tôi liền xếp vào cái chén nhỏ ở quầy hàng, nơi vẫn để tiền xu cho ăn mày. Khi tôi đoán ra được dụng ý của những vật tìm thấy ấy, tôi bèn nói với gã quản lí:

- Anh vãi tiền ra đất cho tôi nhặt thì chỉ mất thì giờ của anh thôi.

Gã đỏ mặt và buột miệng quát lên:

- Mày không có quyền dạy tao, tao khắc biết việc tao làm!

Nhưng lập tức gã chữa lại ngay:

- Tao vãi tiền ra để mà làm gì? Tự nó rơi đấy chứ.

Gã cấm tôi đọc sách ở cửa hiệu, gã nói:

- Đấy không phải là việc hợp với đầu óc mày! Hay mày định trở thành một nhà thông thái, hở thằng nhãi lười biếng ăn bám kia?

Gã chưa thôi ý định dùng những đồng hai mươi copec để câu tôi; tôi thừa hiểu nếu trong lúc tôi quét sàn, đồng tiền có lăn vào kẽ ván là gã sẽ tin chắc rằng tôi lấy cắp. Lúc đó tôi lại đề nghị với gã một lần nữa bỏ cái trò ấy đi. Nhưng cũng ngay hôm đó, khi mang ấm nước sôi từ quán ăn về, tôi nghe thấy gã gợi ý cho tên quản lí vừa tới làm thuê cho cửa hiệu bên cạnh:

- Cậu hãy xúi nó lấy cắp tập Thánh thi, chúng tớ sắp nhận được những tập Thánh thi đấy, ba hộp cả thảy...

Tôi hiểu gã đang nói về tôi. Khi tôi bước vào cửa hiệu, cả hai tên cùng lúng túng. Nhưng ngoài dấu hiệu đó ra, tôi còn nhiều lí do khác để tình nghi bọn họ đang bàn những mưu mô ngu xuẩn chống lại tôi.

Tên quản lí bên cạnh không phải là lần đầu tiên phục vụ cho gã; y được coi là một tay buôn bán khôn khéo, nhưng bị điêu đứng vì bệnh nghiện rượu, y đã bị lão chủ đuổi đi, nhưng sau đó lão chủ lại vẫn phải dùng đến tên quản lí gày đét và yếu đuối có cặp mắt giảo quyệt đó. Nhìn bề ngoài, y ăn nói có vẻ ngọt ngào, nhất cử nhất động đều tuân theo lão chủ. Y luôn luôn mỉm cười kín đáo, láu lỉnh, thích dùng những tiếng cay độc. Người y tanh tanh, hôi hôi như những người sâu răng, mặc dù răng y trắng tinh và chắc chắc...

Có hôm y làm cho tôi rất đỗi ngạc nhiên: y lại gần tôi, miệng mỉm cười có vẻ dịu dàng, nhưng đột nhiên y gạt mũ của tôi xuống và túm lấy tóc tôi. Chúng tôi bắt đầu đánh nhau, y đẩy tôi từ ngoài hành lang vào cửa hiệu, và cố làm cho tôi ngã vào những tủ kính lớn kê ở trên sàn. Nếu y đạt được điều đó, chắc chắn tôi sẽ làm vỡ kính, làm hỏng những bức tranh khắc và có thể sẽ làm sây sát những bức tượng thánh đắt tiền. Y rất yếu nên tôi đã thắng được y; nhưng sau đó tôi rất ngạc nhiên khi thấy tên râu xồm ấy ngồi trên sàn, vừa lau chiếc mũi bị đánh tơi bời vừa khóc sướt mướt.

Sáng hôm sau, khi nhà chủ đi vắng và chỉ còn lại một mình chúng tôi, y vừa xoa bóp chỗ sưng trên sống mũi và ở sát ngay dưới mắt vừa thân mật nói với tôi:

- Chú tưởng hôm qua tớ tự ý và thích thú chồm vào người chú à? Tớ không phải là thằng ngốc, vì tớ biết rằng chú sẽ thắng tớ, tớ vừa yếu lại vừa say rượu. Đó là tại lão chủ sai tớ. Lão bảo: "Mày cứ gây sự với nó, cố để nó làm hỏng thật nhiều đồ đạc ở cửa hiệu của nó trong lúc đánh nhau, dù sao thì cũng gây thiệt hại cho chúng!" Còn tự tớ thì không đời nào, chú xem đấy, chú đã làm méo cái mặt mẹt của tớ như thế đấy...

Tôi tin lời y và thấy thương hại y. Tôi biết y sống thiếu thốn bên một mụ đàn bà thường hay đánh đập y. Nhưng dù sao tôi vẫn hỏi y:

- Thế nếu như người ta bắt anh đầu độc một người nào đấy, chắc anh cũng đầu độc chứ?

- Lão sẽ bắt, - tên quản lí khẽ nói và mỉm cười một cách đáng thương. - Lão có thể...

Một lát sau y hỏi tôi:

- Này, tớ không có lấy một đồng xu nào dính túi, ở nhà không có gì ăn, vợ nó sẽ mè nheo. Anh bạn hãy xoáy ở trong kho một bức tượng thánh nào đấy cho tớ, tớ sẽ đem bán đi, nhá? Có xoáy được không ? Hay là xoáy tập Thánh thi vậy?

Tôi nhớ lại hiệu giày và ông lão gác nhà thờ; tôi nghĩ bụng: thằng này sẽ phản bội mình! Nhưng khó lòng mà từ chối được, tôi bèn cho y một bức tượng thánh, còn việc xoáy tập Thánh thi đáng giá mấy rúp thì tôi không dám, tôi cảm thấy đó là một tội lỗi lớn. Biết làm thế nào được? Trong đạo đức luôn luôn che giấu sự tính toán hơn thiệt: "Hình pháp" thiêng liêng trong trắng đã tiết lộ rõ điều bí mật nhỏ bé ấy; đằng sau nó bao giờ cũng ẩn nấp sự dối trá to lớn của óc tư hữu.

Khi tôi nghe thấy gã quản lí của tôi gợi cho con người đáng thương này dạy tôi lấy cắp tập Thánh thi, tôi sợ quá. Rõ ràng là gã quản lí của tôi biết tôi có lấy đồ của hắn để đem cho và tên quản lí bên cạnh đã kể cho gã nghe về bức tượng thánh.

Sự xấu xa của việc làm phúc nhờ vào phương tiện của kẻ khác và cạm bẫy ti tiện đã kết hợp với nhau và gây cho tôi một cảm giác phẫn nộ, chán ghét chính bản thân mình và tất cả mọi người. Suốt mấy ngày, tôi rất đau khổ chờ đợi giờ phút người ta mang những hộp sách đó tới. Cuối cùng người ta đưa sách tới, tôi xếp những hộp đó vào kho. Tên quản lí của nhà láng giềng tìm gặp tôi và xin tôi cho y một tập Thánh thi.

Tôi bèn hỏi y:

- Thế anh đã kể cho tay chủ tôi về chuyện bức tượng thánh rồi à?

- Kể rồi, - y đáp với giọng buồn rầu. - Anh bạn ạ, tính tôi không thể giấu được chuyện gì...

Câu nói đó làm tôi kinh ngạc, tôi ngồi thụp xuống sàn và tròn xoe mắt nhìn y. Y bắt đầu vội vã nói lắp bắp, trông y vừa có vẻ ngượng nghịu vừa đáng thương một cách vô cùng thiểu não:

- Chú mình có biết không, chính nhà chủ của chú đã đoán ra, tức là lão chủ của tôi đã đoán ra và nói với nhà chủ của chú...

Tôi tưởng tôi chết mất. Những con người này đã chơi xỏ tôi, và giờ đây ở trại giam những tội phạm ít tuổi đã dành sẵn cho tôi một chỗ rồi! Đã vậy thì được! Đã chết đuối thì chết hẳn ở chỗ sâu cho cam. Tôi liền giúi vào tay tên quản lí nhà láng giềng một tập Thánh thi, y giấu vào trong áo bành tô và đi ngay, nhưng y lại lập tức quay lại và ném tập Thánh thi vào chân tôi, vừa nói vừa bỏ đi thẳng:

- Tớ không lấy đâu! Tớ sẽ chết theo chú mất...

Tôi không hiểu những lời nói ấy. Tại sao y lại sẽ chết theo tôi? Nhưng tôi rất hài lòng là y không lấy cuốn sách. Sau việc này gã quản lí nhỏ bé của tôi càng nhìn tôi với vẻ tức giận và nghi ngờ hơn.

Tôi đã nhớ lại tất cả chuyện đó khi bác Larionovitr đi lên gác. Bác ở trên đó không lâu rồi trở xuống với vẻ chán nản và trầm lặng hơn mọi khi. Trước bữa ăn tối bác nói riêng với tôi:

- Bác hết sức nài xin cho cháu thôi ở cửa hiệu và tới làm việc ở xưởng. Nhưng không ăn thua! Cuzma không thích thế. Hắn rất không ưa cháu...

Ở nhà này tôi còn có một kẻ địch nữa là cô vợ chưa cưới của gã quản lí, một cô gái cợt nhả quá mức. Tất cả bọn thanh niên của xưởng đều bông đùa với cô ả, họ đón cô ở phòng ngoài và ôm lấy cô. Cô ả không bực mình về chuyện đó, chỉ khẽ kêu ư ử như chó con. Từ sáng đến tối, cô ả luôn mồm nhai tóp tép, trong túi

nào cũng nhét đầy bánh bàng, bánh xốp. Hai hàm của cô ả không ngừng động đậy. Nhìn khuôn mặt vô vị có cặp mắt xam xám không lúc nào yên của cô ả, thật là khó chịu. Cô ả thường đố tôi và Pavel những câu đố bao giờ cũng bao hàm một ý nghĩa thô tục. Cô ả dạy cho chúng tôi những câu nói nhanh thành ra những câu tục tĩu.

Một hôm có một người nào đấy trong đám thợ cả đứng tuổi đã nói với cô ả:

- Kể thì cô cũng lẳng lơ quá đấy!

Cô ả trâng tráo dùng lời của một bài hát thô bỉ đáp lại:

Nếu gái tơ biết ngượng,
Sao trở nên đàn bà?

Lần đầu tiên tôi thấy một cô gái như vậy. Cô ả ve vãn tôi một cách thô bạo làm tôi sợ và ghê tởm cô. Khi thấy tôi không ưa những trò ve vãn ấy, cô ả càng hay quấy rầy hơn.

Có một lần ở dưới hầm rượu, khi tôi cùng với Pavel giúp cô ả giội nước sôi vào những thùng gỗ để đựng cvax và dưa chuột, cô ả bảo chúng tôi:

- Này, các cậu, có muốn tớ dạy các cậu hôn không?

- Tôi còn biết giỏi hơn chị là đằng khác, - Pavel vừa cười vừa trả lời cô ả. Còn tôi thì bảo cô ả đi mà hôn chồng chưa cưới của cô. Tôi đã nói câu đó không được nhã nhặn lắm làm cô ả nổi giận:

- Chà đồ lỗ mãng! Một tiểu thư nhã nhặn với hắn, mà hắn lại lên mặt như vậy, gớm, ta đây ghê nhỉ!

Cô ả giơ ngón tay doạ tôi và nói thêm:

- Này, liệu hồn, tao sẽ cho mày biết tay!

Pavel cũng vừa ủng hộ tôi vừa bảo cô ả:

- Nếu chồng chưa cưới của chị mà biết thì hắn sẽ cho chị một mẻ.

Cô ả nhăn bộ mặt đầy trứng cá với vẻ khinh bỉ:

- Tao không sợ hắn! Với số hồi môn của tao, tao có thể kiếm được hàng chục đứa hơn hắn. Con gái chỉ còn được đùa nghịch trước khi cưới mà thôi.

Cô ả bắt đầu đùa nghịch với Pavel. Từ đấy tôi lại có thêm một kẻ mách lẻo thường xuyên về mình là cô ả.

Cuộc sống ở cửa hiệu càng ngày đối với tôi càng khó chịu hơn. Tôi đã đọc hết tất cả các sách của tôn giáo, những cuộc tranh luận và trò chuyện của những nhà thông thái đã không còn lôi cuốn được tôi: họ nói đi nói lại cũng vẫn ngần ấy chuyện mà thôi. Chỉ có lão Piot Vaxiliev với cái vốn hiểu biết các khía cạnh tăm tối của cuộc sống con người và cái tài nói vừa sôi nổi vừa hấp dẫn là còn lôi cuốn tôi như trước kia. Đôi lúc tôi nghĩ rằng nhà tiên tri Elixei đơn độc và hay thù hằn cũng đã sống trên trái đất như vậy.

Nhưng mỗi lần tôi nói chuyện cởi mở với lão già về mọi người, về những ý nghĩ của mình thì sau khi gật gù đồng tình nghe tôi, lão lại kể lại cho gã quản lí những điều tôi đã nói. Gã này hoặc chế nhạo tôi thậm tệ, hoặc là cáu kỉnh chửi mắng tôi.

Một hôm tôi nói với lão già rằng thỉnh thoảng tôi có ghi những lời lẽ của lão vào quyển vở, trong đó tôi đã ghi nhiều câu thơ và nhiều câu châm ngôn trích trong các sách. Lão già thông thái rất kinh hãi, vội vàng ngất ngưởng đến chỗ tôi và lo lắng hỏi tôi:

- Cháu làm thế để làm gì? Cái đó, cháu bé ơi, không lợi đâu! Để ghi nhớ ư? Không, cháu hãy gác việc đó đi! Cháu thật là lạ lùng! Cháu đưa cho ông cuốn vở ghi ấy nhé, thế nào?

Lão kiên trì thuyết phục tôi hồi lâu để tôi đưa cho lão cuốn vở ấy hoặc sẽ đốt đi. Sau đó lão bực tức thì thầm với gã quản lí.

Trên đường về nhà, gã quản lí nghiêm khắc bảo tôi:

- Nghe nói mày vẫn hay ghi chép gì đó - không được làm cái trò ấy nữa, nghe chưa? Chỉ có bọn mật thám mới làm việc ấy thôi.

Tôi thiếu thận trọng hỏi:

- Thế Xitanov thì sao? Anh ấy cũng ghi chép.

- Cũng ghi chép à? Thằng ấy lớn đầu mà ngốc...

Sau khi im lặng hồi lâu, gã gạ gẫm tôi, giọng dịu dàng khác thường:

- Này, đưa cho ta xem cuốn vở của chú và cả của Xitanov, ta sẽ cho chú năm mươi copec! Nhưng phải làm thế nào cho Xitanov không biết, phải thật khéo...

Có lẽ gã tin rằng tôi sẽ thực hiện ý muốn của gã, nên chẳng nói thêm một lời nào nữa và chạy vượt lên phía trước tôi bằng đôi chân ngắn cũn cỡn.

Về nhà, tôi kể cho Xitanov nghe chuyện gạ gẫm của gã quản lí, Xitanov cau mày lại.

- Em đã nói lộ bí mật một cách vô ích rồi đấy... Bây giờ thì nhất định hắn sẽ dụ một tay vào đấy lấy cắp cuốn vở của anh và của em. Em nên đưa anh cuốn vở của em để anh giấu đi... Coi chừng, hắn sắp đuổi em đấy!

Tôi tin như vậy và đã quyết định chờ khi bà tôi trở về thành phố là lập tức rời khỏi nơi đây. Suốt cả mùa đông bà tôi sống ở Balakhna vì có người mời bà tôi tới dạy các cô gái làm đăng ten. Ông tôi lại đến ở Cunavino; tôi không đi thăm ông, và ông tôi tuy luôn vào thành phố, nhưng cũng không đến thăm tôi. Một hôm tôi chạm trán ông tôi ở ngoài phố; ông mặc chiếc áo lông gấu chuột nặng nề và đi có vẻ trịnh trọng, chậm rãi như một ông cố đạo. Tôi chào ông, ông che lòng bàn tay nhìn tôi rồi nói ề à, vẻ suy nghĩ:

- A, mày đấy ư... bây giờ mày là tay vẽ tượng thánh đúng, đúng... Thôi, đi nhé, đi nhé!

Ông đẩy tôi lui ra bên đường, rồi lại đi vẫn với dáng điệu trịnh trọng và chậm rãi.

Tôi ít gặp bà tôi; bà tôi làm việc không biết mệt mỏi để nuôi

thêm ông tôi bị bệnh lẫn cẫn tuổi già; ngoài ra bà còn phải vất vả với lũ con của các cậu tôi. Nhất là thằng Xasa, con cậu Mikhail, một thanh niên đẹp trai, một người hay mơ ước và hay đọc sách, đã làm cho bà tôi phải lo nghĩ rất nhiều. Nó làm việc ở các xưởng nhuộm, và thường đổi chủ luôn. Trong những khoảng thời gian chờ đợi, nó sống bám và bà tôi, yên trí chờ bà tôi tìm cho nó một chỗ mới. Em gái của Xasa cũng ăn bám bà tôi. Nó không may lấy phải một người thợ nghiện rượu, gã này đã đánh đập nó và đuổi nó khỏi nhà.

Mỗi khi gặp bà tôi; tôi khâm phục tâm hồn của bà tôi một cách có ý thức hơn; nhưng tôi đã cảm thấy rằng tâm hồn đẹp đẽ ấy đã bị những chuyện thần thoại làm cho mù quáng, nó không có khả năng nhìn thấy, hiểu được những hiện tượng thực tế chua xót. Những nỗi lo âu của tôi, những nỗi lo lắng của tôi đều xa lạ đối với bà tôi.

- Phải chịu đựng, Aliosa ạ!

Đó là tất cả những gì mà bà tôi có thể nói với tôi để đáp lại những câu chuyện của tôi về cuộc sống quái gở, về nỗi đau khổ của mọi người, về nỗi buồn chán của tôi, về tất cả những điều gì đã làm tôi phẫn nộ.

Tôi không sao quen được với tính chịu đựng và nếu đôi khi tôi có biểu lộ đức tính ấy, vốn dĩ là của thú vật, của cỏ cây, của đá sỏi, thì chẳng qua cũng chỉ để tự thử thách để biết khả năng của mình đến đâu, biết mức độ chịu đựng để sống trên trái đất của mình. Đôi khi những thiếu niên mới lớn, vì tính trẻ con ngu xuẩn, ganh tị với sức lực người lớn, mà đã cố sức nâng những quả tạ quá nặng so với bắp thịt và xương cốt của chúng, huênh hoang như các lực sĩ làm dấu thánh giá với những quả tạ hai put.

Tôi cũng đã làm tất cả cái đó, theo nghĩa đen và nghĩa bóng, bằng thể lực và tinh thần. Chỉ nhờ một sự ngẫu nhiên nào đấy

mà tôi đã không chết vì cố gắng, và đã không tàn tật suốt đời. Bởi vì không có gì hủy hoại con người một cách đáng sợ bằng tính chịu đựng, bằng sự khuất phục trước những sức mạnh của hoàn cảnh bên ngoài.

Tuy nhiên, nếu cuối cùng tôi có bị tàn phế và ngã xuống thì trong giờ phút cuối cùng, tôi sẽ có thể hãnh diện nói rằng suốt bốn chục năm trời có những người lương thiện đã làm đủ mọi cách để bóp méo tâm hồn tôi, nhưng công việc ngoan cố của họ đã không lấy gì làm thành công lắm.

Ý muốn mãnh liệt thích nghịch ngợm, làm trò vui cho thiên hạ, bắt họ phải cười, càng ngày càng choán lấy tôi nhiều hơn. Tôi đã đạt được cái đó; tôi khéo kể chuyện về những con buôn ở chợ Nijni, tôi bắt chước họ. Tôi cũng biết bắt chước những ông mujic và những bà nông dân mua bán tượng thánh, gã quản lí khéo léo lừa dối họ và những nhà thông thái tranh cãi nhau.

Mọi người trong xưởng đều cười rộ; anh em thợ thường bỏ việc để xem tôi biểu diễn, nhưng sau đó bao giờ bác Larionovitr cũng khuyên tôi:

- Sau bữa ăn tối cháu hãy biểu diễn thì hơn, kẻo làm cản trở cả công việc...

Sau khi "biểu diễn" xong. tôi cảm thấy nhẹ nhõm như vừa trút được gánh nặng đè lên người. Khoảng nửa giờ, một giờ đầu óc tôi trở nên thảnh thơi dễ chịu; nhưng sau đó hình như đầu tôi lại đầy những chiếc đinh nhỏ nhọn hoắt, chúng quấy rầy, khiêu khích không để tôi yên.

Xung quanh tôi như có sự rối beng bẩn thỉu nào đó sôi lên sùng sục, tôi cảm thấy mình như đang bị rối lên ở trong đó

Tôi nghĩ bụng: "Chẳng lẽ suốt đời như thế này ư? Ta sẽ sống như những con người này, sẽ không tìm thấy, không nhìn thấy cái gì tốt đẹp hơn ư?".

- Macximitr ạ, sao dạo này cháu hay cáu thế? - bác Jikharev vừa nói vừa chăm chú nhìn tôi.

Xitanov thường hỏi tôi:

- Em làm sao thế?

Tôi không biết trả lời sao cả.

Cuộc sống đã ngang nhiên xoá bỏ một cách thô bạo khỏi tâm hồn tôi những bản năng tốt đẹp nhất, thay thế một cách trắng trợn vào đấy bằng những điều ngu xuẩn phi lí. Tôi phẫn nộ và kiên trì chống lại sự cưỡng bức của nó. Tôi cũng bơi trên một dòng sông như tất cả mọi người, nhưng đối với tôi nước có phần lạnh giá hơn và nó không giữ tôi dễ dàng như những người khác: đôi khi tôi cảm thấy mình bị chìm xuống một nơi nào đó.

Mọi người đối với tôi ngày càng tốt hơn: họ không mắng tôi như đối với Pavel, không chế giễu tôi, họ gọi tôi bằng tên lót của cha để nhấn mạnh thái độ quý trọng đối với tôi. Tôi rất hài lòng với điều đó, nhưng tôi rất khổ tâm thấy họ uống nhiều rượu votca quá, thấy họ là đáng ghét những lúc say rượu, thấy thái độ thô bỉ của họ đối với phụ nữ, mặc dù tôi hiểu rằng rượu votca và đàn bà là những trò tiêu khiển duy nhất trong cuộc sống của họ.

Tôi thường buồn rầu nhớ lại rằng ngay cả Natalia Cozlovxcaia thông minh và can đảm cũng gọi đàn bà là trò tiêu khiển.

Nhưng còn bà tôi thì sao? Còn Nữ hoàng Macgo thì sao?

Tôi nhớ đến Nữ hoàng với một cảm giác gần như sợ hãi. Trong kí ức tôi, bà như hư ảo, xa xăm tựa như tôi đã gặp bà trong mộng vậy.

Tôi đã bắt đầu nghĩ quá nhiều về phụ nữ và đã tự đặt câu hỏi: tại sao chủ nhật lại không đi tới chỗ mà tất cả mọi người đều tới? Cái đó không phải là đòi hỏi của xác thịt, - tôi khoẻ mạnh và thường khó tính: nhưng đôi khi tôi khao khát đến điên cuồng được ôm một người thân yêu thông minh và muốn nói rất lâu, rất cởi mở với người đó về những băn khoăn day dứt của tâm hồn mình như nói với một bà mẹ.

Tôi thèm muốn được như Pavel. Đêm đêm nó thường nói với tôi về mối tình của nó với cô hầu phòng ở nhà đối diện.

- Cậu này, thật là một chuyện buồn cười: một tháng trước đây mình lấy tuyết ném cô ấy, mình không thích cô ta, nhưng bây giờ mỗi khi mình ngồi trên ghế nép chặt vào người cô ta, mình thấy không còn có ai yêu quý hơn cô ta nữa!

- Cậu với cô ta nói những chuyện gì?

- Dĩ nhiên là đủ mọi chuyện. Cô ấy kể cho mình về cuộc đời cô ta, mình cũng kể cho cô ấy về mình. Rồi chúng mình hôn nhau... Được cái là cô ấy rất ngay thật... Giá cậu biết cô ấy đáng yêu như thế nào!... Chà, cậu hút thuốc như một tay lính già ấy!

Tôi hút rất nhiều. Thuốc lá khi say thường làm dịu bớt những ý nghĩ băn khoăn, những cảm giác lo âu. Rất may là rượu votca lại làm cho tôi ghê tởm vì mùi vị của nó. Nhưng Pavel lại thích uống và khi say rượu nó thường khóc lóc thảm thương:

- Tôi muốn đi về nhà, về nhà! Buông cho tôi đi về nhà...

Tôi nhớ là nó cũng mồ côi, bố mẹ nó đã mất từ lâu, anh chị em đều không có; mới tám tuổi đầu nó đã phải đi ở cho người khác.

Với tâm trạng dằn vặt ấy, lại thêm tiếng gọi của mùa xuân kích thích, tôi lại quyết định sẽ làm việc trên tàu thuỷ và, khi xuống đến Axt'rakhan, sẽ chạy trốn sang Ba Tư.

Tôi không nhớ tại sao lại quyết định đi đến Ba Tư; có lẽ chỉ vì tôi rất thích người lái buôn Ba Tư ở hội chợ Nijni Novgorod: họ ngồi im như những bức tượng thần bằng đá. chìa bộ râu nhuộm ra nắng, điềm tĩnh hút ống điếu; mắt họ vừa to vừa đen, dường như có thể am hiểu được mọi thứ trên đời này.

Đáng lẽ tôi đã bỏ đi đến bất cứ một nơi nào đó rồi, nhưng trong tuần lễ Phục sinh, nhân lúc một số thợ về quê thăm nhà, số còn lại la cà trong các quán rượu, thì vào một ngày nắng ráo,

đang lúc dạo chơi ở cánh đồng bên sông Oca, tôi gặp cậu chủ, cháu của bà ngoại tôi.

Cậu mặc chiếc áo khoác mỏng màu xám, tay thọc vào túi quần, mồm ngậm điếu thuốc lá, đầu đội mũ hất ngược ra sau gáy; khuôn mặt nhã nhặn của cậu như mỉm cười thân mật đối với tôi. Cậu có cái vẻ dễ thương của một người tự do, vui vẻ. Ngoài hai người chúng tôi ra, không có ai trên đồng cả.

- A, Pescov, Chúa đã sống lại! Chúc mừng cháu!...

Chúc mừng nhau xong, cậu hỏi tôi sống ra làm sao; tôi thành thật kể với cậu rằng xưởng, thành phố, và mọi thứ nói chung, đều làm cho tôi chán ngán và tôi đã quyết định đi Ba Tư.

- Không nên! - cậu nói rất đứng đắn. - Đi Ba Tư làm khỉ gì kia chứ? Này anh bạn, tôi biết chuyện đó lắm; hồi vào trạc tuổi anh, tôi cũng thích bay nhảy khắp bốn phương trời.

Tôi thích lối nói nhẹ nhàng phóng khoáng như vậy. Trong cậu có một cái gì lôi cuốn, tươi xanh của trời xuân. Từ chân đến đầu, trông cậu rất là ngang tàng.

- Hút thuốc không? - cậu vừa hỏi vừa chìa cho tôi chiếc hộp đựng thuốc lá bằng bạc có những điếu thuốc kếch xù.

Sự mời mọc đó đã hoàn toàn chinh phục được tôi.

- Thế này nhé, Pescov, anh lại đến ở với tôi! - cậu đề nghị. - Này anh bạn, năm nay tôi đã nhận thầu khoảng bốn mươi ngàn rúp những công trình kiến trúc ở hội chợ, anh có hiểu không? Vậy tôi sẽ phái anh tới hội chợ làm việc giống như một người đốc công[1] của tôi. Anh sẽ nhận vật liệu, sẽ trông nom cho công việc được tiến hành đúng lúc, đúng chỗ và đừng để cho đám thợ lấy cắp, thế có được không? Tiền công mỗi tháng năm rúp, ngoài ra mỗi bữa ăn trưa được trả thêm năm copec! Mấy mụ đàn bà không dính dáng gì tới anh cả; sáng sớm anh ra đi, tối

[1] Gorki trở lại làm việc cho người cậu từ mùa xuân năm 1883 đến mùa xuân năm 1884.

trở về, phớt tỉnh họ đi! Nhưng anh chớ có nói với họ chuyện chúng ta gặp nhau đấy, đến chủ nhật này, nhân ngày lễ Thánh Foma, anh cứ tới, như thế nhé!

Chúng tôi chia tay nhau như những người bạn. Lúc tạm biệt, cậu bắt tay tôi và thậm chí lúc đi xa rồi cậu vẫn còn vẫy mũ vẻ niềm nở.

Về xưởng, tôi nói với mọi người rằng tôi sẽ đi khỏi nơi đây, lúc đầu mọi người luyến tiếc khiến tôi cũng cảm động; người tỏ vẻ lo ngại nhất là Pavel.

- Cậu hãy suy nghĩ kĩ đi, - nó nói với vẻ trách móc. - Bọn mình sống với nhau đã quen rồi, cậu làm sao có thể sống nổi với bọn mujic phức tạp, bọn thợ mộc thợ nề ấy... Chao ôi, cậu quên câu tục ngữ: "Cha cố đời nào lại đi làm thằng nhỏ" rồi à?

Bác Jikharev lẩm bẩm:

- Cá tìm đến chỗ sâu, còn thanh niên thường tìm đến chỗ khó khăn nhất...

Buổi chia tay với tôi do xưởng tổ chức vừa buồn vừa nặng nề.

- Tất nhiên là cái gì cũng nên trải qua, - bác Jikharev nói, mặt bác vàng khè vì nôn nao sau khi uống rượu. - Nhưng tốt hơn cả là nên bám thật chắc ngay tức khắc vào một cái gì đó...

- Và cứ bám như thế suốt đời, - bác Larionovitr khẽ bổ sung thêm.

Nhưng tôi cảm thấy họ nói với vẻ gắng gượng và hình như chỉ làm theo bổn phận. Sợi chỉ thắt chặt tôi với họ dường như đã mục nát và đột nhiên bị đứt.

Lão Gogolev say rượu trở mình trên gác lửng và thở khò khè:

- Tôi muốn tất cả đều bị bỏ tù hết! Tôi biết một điều bí mật! Ở đây những ai tin vào Chúa? A-ha-a-a!

Giống như mọi khi, những bức tượng thánh vẽ dở chưa có mặt mũi đến đứng tựa vào tường, những quả cầu thuỷ tinh thì dính chặt vào trần nhà. Đã từ lâu người ta không làm việc bằng

đèn, không dùng những quả cầu ấy nên chúng bị phủ một lớp bồ hóng và bụi màu xám. Tất cả mọi thứ xung quanh đã in sâu trong trí nhớ tôi đến nỗi nhắm mắt lại, tôi vẫn nhìn thấy trong bóng tối toàn bộ cái hầm nhà, tất cả những cái bàn, những hộp sơn ở trên bệ cửa sổ, những chùm bút lông có cán, những bức tượng thánh, thùng nước rác ở góc nhà, dưới chiếc chậu rửa tay bằng đồng giống như chiếc mũ sắt của người lính chữa cháy, và cái chân trần trụi của lão Gogolev buông thõng từ trên gác lửng xuống, xanh tái như chân người chết đuối.

Bác Jikharev nhíu mày nói với tôi:

- Cuốn sách *Con quỷ* ấy bác không thể trả cháu đâu, nếu cần bác sẽ trả cho cháu hai mươi copec nhé?

Cuốn sách đó là của riêng tôi, ông già đội trưởng đội chữa cháy đã tặng tôi, tôi rất tiếc phải nhượng Lermontov cho người khác. Nhưng lúc tôi hơi có vẻ bực tức từ chối lấy tiền thì bác Jikharev bình tĩnh nhét đồng hai mươi copec vào ví và tuyên bố dứt khoát:

- Muốn thế nào thì bác cũng không trả cháu cuốn sách này đâu. Cuốn sách này không phải là loại để cho cháu, đó là một cuốn sách mà hễ đem theo mình ít lâu sau là có thể phạm tội ngay...

- Cuốn sách này ở hiệu cháu thấy người ta có bán đấy!

Nhưng bác nói với tôi với vẻ rất khẩn khoản:

- Cái đó không lạ, ở hiệu ngay cả súng lục cũng có bán...

Thế là bác không trả Lermontov cho tôi.

Khi đi lên gác để từ biệt bà chủ, tôi bỗng gặp người cháu gái bà ở phòng ngoài, cô ả hỏi:

- Nghe nói anh sắp đi phải không?

- Phải.

- Nếu anh không đi thì cũng bị đuổi thôi, - cô ả nói với tôi không được nhã nhặn lắm, nhưng giọng rất chân thành.

Còn bà chủ say rượu thì nói:

- Thôi từ biệt nhé, cầu Chúa phù hộ cho cháu! Cháu là một thằng bé hư và hỗn láo! Mặc dù chính ta chưa nhìn thấy cháu làm gì xấu, nhưng tất cả đều nói cháu là một đứa bé hư!

Rồi bỗng nhiên bà bắt đầu khóc và nói với giọng nghẹn ngào:

- Giá mà chồng bà còn sống, ông ấy là một người dịu dàng, có tấm lòng đáng quý, nhất định ông chỉ chửi mắng hoặc bợp gáy cháu thôi, nhưng vẫn giữ cháu lại, không đuổi đi! Còn bây giờ mọi chuyện đều khác trước, đụng một tí là đuổi luôn! Chà, cháu định bỏ đi đâu bây giờ, nương tựa vào đâu bây giờ?

XVI

Tôi cùng với cậu chủ đi thuyền dọc theo những đường phố của hội chợ, giữa những cửa hiệu xây bằng đá bị ngập nước lũ đến tận tầng thứ hai. Tôi chèo thuyền; cậu chủ ngồi ở phía lái điều khiển một cách vụng về: cậu buông mái chèo phía lái quá sâu xuống nước. Chiếc thuyền xoay quẩn quanh, chuyển từ phố này sang phố kia trên mặt nước yên lặng, trầm tư vẩn đục.

- Chà, năm nay nước to quá, mẹ kiếp! Nó làm cản trở cả công việc, - cậu chủ càu nhàu, miệng hút điếu thuốc xì gà, khói thuốc toả ra mùi dạ cháy.

- Nhẹ chứ! - cậu kêu lên với vẻ sợ hãi. - Đi về phía cột đèn!

Cậu xoay xở với chiếc thuyền, mồm chửi rủa:

- Lũ đê tiện, đưa cho chúng ta chiếc thuyền như thế đấy!

Cậu chỉ cho tôi những chỗ mà sau khi nước rút sẽ bắt đầu công việc sửa chữa lại các quán hàng. Râu cạo nhẵn nhụi, ria mép tỉa tót, mồm ngậm điếu thuốc lá xì gà, trông cậu không giống như một người thầu khoán chút nào. Cậu mặc áo da, đi

đôi ủng cao đến tận đầu gối, vai đeo chiếc túi dết của người đi săn, ở phía chân nhô lên một khẩu súng hai nòng. Cậu hay mó máy chiếc mũ cát két bằng da với vẻ băn khoăn, lúc thì kéo sụp nó xuống mắt, bĩu môi và nhìn xung quanh với vẻ lo lắng, lúc thì hất ngược nó ra sau gáy, trông trẻ hẳn ra, rồi mỉm cười trong bộ ria mép và suy nghĩ về một điều thú vị gì đó. Khó mà tin được rằng cậu đang rất bận, rằng việc nước rút xuống chậm đang làm cậu lo lắng. Có lẽ trong con người cậu đang dào dạt một luồng suy nghĩ nào đấy không dính líu gì đến công việc cả.

Còn tôi thì bị một cảm giác ngạc nhiên trầm lắng trấn áp: nhìn thành phố chết này, nhìn những dãy nhà thẳng tắp có cửa sổ đóng kín này, thật là kì lạ. Thành phố bị ngập đầy nước và giống như đang trôi bên cạnh chiếc thuyền của chúng tôi.

Bầu trời xám xịt. Mặt trời lạc vào trong những đám mây, thỉnh thoảng mới lộ qua những đám mây dày đặc hiện ra như một vệt lớn bàng hoàng lạnh lẽo.

Nước cũng xám xịt và lạnh ngắt, khó mà thấy được lòng nước chảy; hình như nó đông lại, ngủ thiếp đi cùng với những ngôi nhà trống rỗng, những dãy cửa hiệu sơn màu vàng ố. Khi mặt trời trắng nhợt ngó qua những đám mây, tất cả mọi vật xung quanh hơi sáng lên, nước phản chiếu màn trời màu xám thì chiếc thuyền của chúng tôi treo lơ lửng giữa hai bầu trời; những tòa nhà bằng đá cũng khẽ nhô lên và dường như đang nhẹ nhàng trôi về phía sông Volga và Oca. Xung quanh chiếc thuyền, thùng gỗ, hòm sọt hỏng, những dăm gỗ vụn và rơm rạ trôi bập bềnh, thỉnh thoảng có một cái sào hay một cây gỗ trôi qua như một con rắn chết.

Đây đó có những cửa sổ mở, trên mái hành lang có phơi quần áo lót, những đôi ủng dạ thò ra ngoài; một người đàn bà đứng nhìn qua cửa sổ xuống mặt nước màu xám; một chiếc thuyền buộc vào đỉnh một cái cột gang của dãy hành lang,

mạn thuyền màu đỏ phản chiếu xuống mặt nước trông như một miếng thịt mỡ.

Cậu chủ hất đầu về phía những dấu hiệu của sự sống ấy và giải thích cho tôi:

- Đó là chỗ ở của bọn gác hội chợ. Họ bò qua cửa sổ ra mái nhà, ngồi vào thuyền rồi đi kiểm soát xem có kẻ cắp ở đâu không? Nếu không có kẻ cắp thì chính họ lại ăn cắp...

Cậu nói với vẻ uể oải, bình thản, hình như đầu óc đang suy nghĩ về chuyện gì khác. Xung quanh im lặng, vắng vẻ và huyền diệu y như trong giấc mơ vậy. Sông Volga và Oca hoà vào nhau thành một cái hồ lớn. Xa xa, trên một quả núi lởm chởm, thành phố hiện ra đẹp đẽ với nhiều màu sắc sặc sỡ. Cả thành phố chìm trong các vườn cây còn đen sẫm, nhưng cây đã nảy lộc, vườn cây như khoác lên các ngôi nhà và nhà thờ chiếc áo lông ấm áp màu xanh nhạt. Tiếng chuông trầm trầm của ngày lễ Phục sinh ngân trên mặt nước. Nghe thấy rõ cả tiếng ồn ào của thành phố, còn ở đây thì giống như trên một bãi tha ma đã bị lãng quên.

Thuyền chúng tôi lượn giữa hai hàng cây đen sẫm, theo đường phố chính về phía nhà thờ cũ. Điếu xì gà đã quấy rầy cậu chủ, khói hăng che kín cặp mắt cậu; mạn thuyền, mũi thuyền luôn luôn dụng vào thân cây. Cậu chủ ngạc nhiên nói, vẻ tức giận:

- Chiếc thuyền này đểu thật!

- Thế thì cậu đừng lái nữa.

- Sao lại có thể được? - cậu càu nhàu. - Nếu trên thuyền có hai người thì bao giờ cũng có một người chèo, một người lái. Trông kìa, đấy là những dãy cửa hiệu Trung Quốc...

Tôi biết rõ khu hội chợ từ lâu; tôi biết cả những dãy nhà buồn cười, mái lố lăng này. Trên các góc mái nhà có những bức tượng bằng thạch cao ngồi, chân xếp vòng tròn. Ngày xưa tôi

cùng các bạn tôi đã lấy đá ném vào những bức tượng ấy nên một số đã bị chính tôi làm cụt đầu, cụt tay. Nhưng tôi đã không lấy làm tự hào về việc đó...

- Thật vô ý nghĩa, - cậu chủ vừa nói vừa chỉ về phía những dãy nhà ấy. - Giá mà người ta để cho mình xây dựng cái đó...

Cậu huýt sáo và hất chiếc mũ về phía sau gáy.

Còn tôi thì không hiểu sao, tôi lại nghĩ bụng rằng cậu cũng sẽ dựng thành phố bằng đá này buồn tẻ như vậy thôi, và cũng ở một chỗ trũng hàng năm bị nước của hai con sông làm ngập như vậy. Và những dãy nhà Trung Quốc cậu cũng sẽ xây dựng như vậy.

Cậu vứt điếu xì gà ra ngoài mạn thuyền rồi nhổ nước bọt theo với vẻ chán ngán và nói:

- Chán ngấy, Pescov ạ! Chán ngấy! Ở đây không có những người học thức, chẳng có ai mà nói chuyện cả. Muốn khoe khoang, nhưng biết khoe khoang với ai? Không có người. Chỉ toàn là bọn thợ mộc, thợ nề, bọn mujic, bọn kẻ cắp...

Cậu nhìn sang ngọn đồi bên phải, phía ngôi nhà thờ quét vôi trắng rất đẹp nhô lên trên mặt nước rồi lại tiếp tục nói, như sực nhớ lại một chuyện gì đã bị lãng quên:

- Tôi đã bắt đầu uống bia, hút xì gà, sống theo người Đức. Anh bạn ạ, người Đức là những người sành sỏi, chà cái lũ quỷ ấy! Uống bia thật là dễ chịu, còn hút xì gà tôi vẫn chưa quen! Hút nhiều quá, nhà tôi hay càu nhàu: "Anh có mùi gì như là một mùi của thợ đóng yên ngựa thế?" Đấy, anh bạn ạ, chúng ta sống phải có mánh khoé mới được... Thôi anh tự lái lấy nhé...

Sau khi đặt mái chèo lên mạn thuyền, cậu cầm súng bắn một phát vào bức tượng ở mái nhà. Bức tượng không bị hư hại, viên đạn chì trượt vào mái nhà và bức tường, những đám bụi bốc lên trong không khí.

- Không trúng rồi, - xạ thủ thú nhận một cách không thương tiếc rồi lại nhồi đạn vào súng.

- Anh đối với bọn con gái ra sao, đã phá giới chưa? Chưa à? Còn tôi mới mười ba tuổi đầu đã yêu đương rồi...

Cậu kể, như kể một giấc mơ, câu chuyện mối tình đầu của mình với cô hầu phòng của vị kiến trúc sư; cậu đã từng sống ở nhà ông ta với tư cách là học trò. Làn nước xám khẽ vỗ oàm oạp, cọ sạch các góc nhà, ở phía sau nhà thờ là một biển nước hoang vắng mờ mờ lấp lánh, đó đây trên mặt nước nhô lên những cành liễu đen sì.

Ở xưởng làm tượng thánh người ta hay hát bài hát của trường Dòng:

Biển xanh
Biển rộng...

Có lẽ cái biển xanh ấy trông đến chán ngấy lên được...

- Ban đêm tôi không ngủ, - cậu chủ nói, - có khi tôi trỗi dậy khỏi giường và đứng cạnh cửa buồng cô ấy, run như cầy sấy; ngôi nhà rất lạnh lẽo! Đêm đêm lão chủ của cô ấy thường mò tới, có thể bắt gặp tôi, nhưng tôi cóc sợ, thật đấy...

Cậu nói với vẻ suy nghĩ, như đang xem xét một chiếc áo cũ đã hỏng, xem liệu có thể mặc được một lần nữa hay không?

- Cô ấy trông thấy tôi, thương hại, mở rộng cửa ra và gọi: "Vào đi, anh chàng ngốc..."

Tôi đã nghe nhiều câu chuyện như vậy, chúng đã làm cho tôi phát ngấy, mặc dù trong mỗi chuyện đều có một nét gì thú vị. Về "mối tình đầu" của mình, hầu hết mọi người đều nói một cách không khoác lác, không bỉ ổi, mà thường là dịu dàng và buồn bã khiến tôi hiểu rằng đó là cái tốt đẹp nhất trong cuộc đời của người kể chuyện. Hình như nhiều người chỉ có một cái đó là tốt đẹp thôi.

Cậu chủ vừa cười vừa gật đầu và thốt lên với vẻ kinh ngạc:

- Anh không được nói chuyện này cho nhà tôi nhé, tuyệt đối không được nói đấy! Chuyện cũng chẳng có gì là đáng kể Nhưng chớ có nói lại đấy! Câu chuyện thế này nhé...

Hình như không phải cậu kể cho tôi, mà cho chính cậu nghe. Nếu cậu có im lặng thì tôi cũng sẽ nói, vì trong bầu không khí yên tĩnh và vắng vẻ này, cần phải nói, hát, chơi đàn phong cầm; nếu không thì sẽ vĩnh viễn ngủ thiếp đi trong giấc mơ nặng nề giữa thành phố chết đang chìm đắm trong làn nước giá lạnh và xám xịt này.

- Điểm trước tiên là không nên lấy vợ sớm! - cậu khuyên tôi. - Lấy vợ, anh bạn ạ, đó là một việc vô cùng trọng đại! Chưa vợ có thể muốn sống ở đâu và sống ra sao thì tuỳ ý anh bạn! Có thể sống ở Ba Tư làm tín đồ Hồi giáo, cũng có thể làm cảnh sát ở Moxcva; muốn đốt nhà cướp của cũng được, tất cả cái đó đều có thể sửa chữa được! Còn lấy vợ vào, anh bạn ạ, nó giống như là thời tiết ấy, không thể nào sửa chữa được đâu... Thật đấy! Anh bạn ạ, vợ không phải là chiếc ủng có thể tháo ra và quẳng đi dễ dàng được...

Nét mặt của cậu thay đổi, cậu nhìn xuống dòng nước xám, khẽ cau mày, lấy ngón tay xoa chiếc mũi gồ và nói lẩm bẩm:

- Thật đấy, anh bạn ạ... Hãy thận trọng! Giả sử anh có bị lôi cuốn về phía nào đi chăng nữa thì anh vẫn cứ đứng cho thẳng... Tuy nhiên, anh nào rồi cũng mắc bẫy cả thôi...

Thuyền chúng tôi đi vào đám bụi của hồ Mesecxcoie, hồ này hoà vào với sông Volga.

- Chèo khẽ chứ, - cậu chủ nói thầm và chĩa súng vào bụi rậm.

Sau khi bắn được mấy con chim mỏ nhát gày nhom, cậu ra lệnh.

- Chúng ta đi tới Cunavino thôi! Tôi sẽ ở lại đó cho đến tối, còn anh về nhà bảo rằng tôi bận làm việc với những người thầu khoán nên về muộn.

Sau khi đưa cậu lên một đường phố thuộc vùng ngoại ô cũng bị ngập nước lũ, tôi trở về theo đường hội chợ tới phố Xt'renca, buộc thuyền lại và ngồi ở đó nhìn chỗ hai con sông hoà vào

nhau, nhìn thành phố, tàu thuỷ và bầu trời. Bầu trời giống như chiếc cánh lộng lẫy của một con chim to lớn khoác bộ lông trắng bằng mây. Trong những vực thẳm xanh biếc, giữa những đám mây, mặt trời vàng ông lộ ra, nó vừa thoáng nhìn xuống mặt đất là cảnh vật trên mặt đất liền thay đổi. Mọi vật chung quanh đều chuyển động một cách phấn chấn và vững chắc, dòng sông chảy xiết dễ dàng cuốn theo vô số những bè gỗ. Những người mujic rậm râu đứng vững trên bè, điều khiển những mái chèo dài và gọi nhau ơi ới mỗi khi gặp tàu thuỷ đi ngược lại. Chiếc tàu thuỷ bé nhỏ, kéo theo một chiếc sà lan không, đi ngược dòng; dòng sông cuốn lôi nó đi. Chiếc tàu xoay mũi như một con cá măng, thở phì phì, bánh lái bướng bỉnh rẽ mặt nước đang chảy xiết về phía tàu. Trên sà lan, bốn người mujic ngồi sát vai nhau, chân thõng ra ngoài thành; một người mặc sơ mi đỏ. Họ hát một bài không nghe rõ lời, nhưng tôi biết bài hát ấy.

Tôi cảm thấy rằng ở đây, trên dòng sông sinh động này, mọi vật đều gần gũi với tôi, tôi biết và có thể hiểu tất cả mọi vật, còn thành phố bị chìm đắm ở phía sau tôi thì như một cơn ác mộng, như câu chuyện bịa đặt của cậu chủ, cũng khó hiểu như chính bản thân cậu vậy.

Sau khi ngắm chán mọi vật, tôi trở về nhà, cảm thấy mình như một người lớn có khả năng làm đủ mọi việc. Trên đường về, tôi nhìn từ trên núi Cremlin xuống dòng sông Volga; từ trên núi này nhìn xuống, trái đất dường như rộng bao la và hứa hẹn cho tất cả những gì mà ta muốn.

Ở nhà, tôi có nhiều sách vở. Căn nhà của Nữ hoàng Macgo trước đây, bây giờ có một gia đình đông người ở: năm cô tiểu thư, cô nào cũng đẹp và hai cậu học sinh trung học. Họ thường cho tôi mượn sách. Tôi say mê đọc Turghenev và ngạc nhiên vì thấy mọi điều đều dễ hiểu, giản đơn và trong sáng như mùa thu, các nhân vật của ông đều cao thượng và tất cả những gì ông nói tới một cách dịu dàng đều tốt đẹp.

Tôi đọc cuốn *Trường đạo* của Pomialovxki[1] và cũng lấy làm ngạc nhiên vì những chuyện tả ở trong này rất giống cảnh sinh hoạt của xưởng làm tượng thánh. Nỗi tuyệt vọng vì buồn chán biến thành sự cuồng loạn dã man cũng rất quen thuộc đối với tôi.

Tôi rất thích đọc sách Nga, trong đó tôi thường cảm thấy có một cái gì quen thuộc và buồn buồn, dường như giữa những trang sách có ẩn náu tiếng chuông của tuần chay; tôi vừa mới dở cuốn sách ra là nó khe khẽ ngân vang.

Những linh hồn chết[2] tôi đã đọc một cách miễn cưỡng; *Bút kí từ ngôi nhà chết*[3] cũng vậy; *Những linh hồn chết, Ngôi nhà chết, Cái chết, Ba cái chết, Những cái xác còn sống*[4] - tên gọi đều đều của những cuốn sách này tình cờ làm cho tôi chú ý đến, chúng gây một mối ác cảm không rõ rệt đối với những cuốn sách như vậy. *Triệu chứng của thời đại*,[5] *Bước một*,[6] *Làm gì?*,[7] *Kí sự làng Xmurin*[8] - tất cả những cuốn sách đại loại như vậy tôi đều không thích.[9]

Nhưng tôi rất thích Dicken và Walter Scott. Tôi đã đọc những tác giả này một cách thích thú đặc biệt. Mỗi cuốn tôi thường đọc đi đọc lại hai, ba lượt. Những cuốn sách của Walter Scott làm cho tôi nhớ đến những buổi lễ sáng lộng lẫy ở nhà thờ, tuy có hơi kéo dài và chán, nhưng bao giờ cũng trang

---

[1] N. G. Pomialovxki (1835- 1863), nhà văn Nga.

[2] Tác phẩm của N. V. Gogol (1809- 1852), nhà văn Nga.

[3] Tác phẩm của T. M. Doxtoevxki (1821- 1881), nhà văn Nga.

[4] Tác phẩm của I. X. Turghenev (1818- 1883), nhà văn Nga.

[5] Tác phẩm của D. I. Mordovsev (1880- 1905), nhà văn Nga.

[6] Tác phẩm của Omulevxki (tên thật là I. V. Fiodorov) (1837- 1883), nhà văn Nga.

[7] Tác phẩm của N. G. Tsecnusevxki (1828- 1889), nhà văn Nga.

[8] Tác phẩm của P. V. Zaxodimxki (1843- 1912), nhà văn Nga.

[9] Sau này Gorki đã thay đổi hẳn thái độ của mình đối với những tác phẩm nổi tiếng của văn học Nga vì đại *Những linh hồn chết* và *Làm gì?*

nghiêm, Dicken đối với tôi đã trở thành một nhà văn mà tôi sùng kính, ông đã nắm được một cách tài tình thứ nghệ thuật khó khăn nhất là lòng yêu mến con người.

Tối tối trên thềm nhà tụ tập một đám đông; anh chị em nhà K., bọn thiếu niên, cậu học sinh trung học mũi hếch Viatsexlav Xemasco; thỉnh thoảng cô tiểu thư Ptitxưna, con gái của một vị quan to, cũng đến. Mọi người bàn luận về văn học, về thơ ca: đề tài đó đối với tôi rất gần gũi và dễ hiểu, tôi đọc nhiều hơn tất cả bọn họ. Nhưng thường thường họ hay kể cho nhau nghe về những chuyện xảy ra ở trường trung học, than phiền về các thầy cô giáo. Nghe họ kể chuyện, tôi cảm thấy mình tự do hơn bọn họ và rất lấy làm ngạc nhiên về sức chịu đựng của họ nhưng dù sao tôi vẫn thèm muốn được như họ vì họ được cắp sách tới trường.

Các bạn tôi đều lớn tuổi hơn tôi, nhưng tôi cảm thấy mình già dặn hơn, chín chắn hơn và có kinh nghiệm hơn họ. Điều đó hơi khiến tôi bối rối, tôi muốn cảm thấy mình gần gũi hơn đối với họ. Thường thường tối mịt tôi mới về nhà, người đầy bụi bặm và đầy cát, đầy ấn tượng khác hẳn những ấn tượng thực ra rất tầm thường của họ. Bọn con trai bàn tán nhiều về con gái, yêu hết cô này đến cô nọ, và cố công làm thơ. Trong việc này thường họ phải nhờ đến tôi: tôi thích tập làm thơ, vì tôi tìm ra vần rất dễ dàng; nhưng không hiểu sao, thơ của tôi bao giờ cũng trở thành thơ hài hước. Thơ làm để gửi cho cô Ptitxưna thường nhiều hơn cả, trong các bài thơ này lúc nào tôi cũng ví cô ta với rau cỏ, với củ hành.

Xemasco bảo tôi:

- Thơ thẩn gì mà lại thế? Đó chỉ là những cái đinh đóng giày.

Không muốn thua kém họ về mặt nào, tôi cũng yêu cô Ptitxưna. Tôi không nhớ tôi đã tỏ tình như thế nào nhưng câu

chuyện kết thúc không được tốt đẹp lắm: có một tấm ván nổi lềnh bềnh trên mặt nước xanh lè và hôi thối ở ao Zvezdin, tôi mời cô đi dạo trên tấm ván đó. Cô ta đồng ý, tôi kéo tấm ván vào gần bờ và đứng lên đó; một mình tôi đứng không sao cả. Nhưng khi cô tiểu thư ăn mặc lộng lẫy, toàn là đăng ten và dải lụa, duyên dáng đứng lên đầu kia tấm ván và tôi hãnh diện lấy gậy đẩy ra khỏi bờ thì tấm ván đáng nguyền rủa kia tròng trành dưới chân chúng tôi, và cô tiểu thư ngã lộn nhào xuống ao. Tôi lao theo cô ta như một chàng hiệp sĩ và đưa ngay được cô ta lên bờ. Kinh hãi và bùn xanh đã làm tiêu ma vẻ đẹp nàng tiên của tôi!

Cô ta giơ nắm dấm ướt doạ tôi và hét lên:

- Anh cố ý dìm tôi!

Rồi, không tin những lời biện bạch chân thành của tôi, từ đó cô bắt đầu coi tôi như thù địch.

Nói chung, sống ở thành phố không thú vị lắm. Bà chủ già đối với tôi vẫn ác cảm như trước đây, mợ chủ nhìn tôi với con mắt nghi ngờ, cậu Victorusca, mặt mũi ngày càng đỏ vì những nốt tàn nhang, như có điều gì bực bội không ngăn chặn được và thường hay cáu gắt với mọi người.

Cậu chủ rất bận công việc vẽ đồ án, cả hai anh em cùng làm mà vẫn không xuể; cậu mời thêm bố dượng tôi tới giúp.

Một hôm tôi ở chỗ hội chợ về sớm, vào khoảng năm giờ chiều; khi bước vào phòng ăn tôi thấy một người mà tôi đã lãng quên ngồi ở cạnh bàn trà, bên cạnh cậu chủ. Ông đưa tay cho tôi bắt.

- Chào anh...

Tôi choáng váng vì bất ngờ; quá khứ bùng lên như một dám cháy, lòng tôi se lại.

- Anh ta sợ kìa! - cậu chủ kêu lên.

Ông bố dượng mỉm cười nhìn tôi; trên khuôn mặt hốc hác cặp mắt đen của ông lại càng to hơn, toàn thân ông nom tiều tuỵ và

quắt queo lại. Tôi nắm lấy những ngón tay thanh tú và nóng hổi của ông.

- Thế là chúng ta lại gặp nhau, - ông vừa nói vừa ho sù sụ.

Tôi bước ra, bải hoải như người bị đánh. Giữa chúng tôi phát sinh một quan hệ không rõ ràng và dè dặt; ông gọi tôi bằng tên riêng kèm tên lót và nói với tôi như với một người ngang hàng.

- Khi nào đi ra hiệu, anh mua giùm tôi một phần tư funt thuốc lá Lafecmo, một trăm giấy thuốc lá Victorxon và một funt xúc xích...

Tiền ông đưa cho tôi bao giờ cũng nóng hầm hập rất khó chịu vì bàn tay nóng hổi của ông. Rõ ràng là ông bị lao và chẳng còn sống được bao lâu nữa. Ông biết điều đó và nói với một giọng trầm tĩnh, tay vê vê bộ râu cằm đen và nhọn hoắt:

- Bệnh của tôi hầu như không chữa được. Tuy vậy, nếu ăn nhiều thịt vào thì cũng có thể. Có lẽ tôi sẽ bình phục...

Ông ăn rất nhiều, ăn và hút thuốc lá, chỉ khi nào ăn mới rời thuốc lá khỏi miệng. Hàng ngày tôi đều mua xúc xích, giăm bông, cá trích cho ông, nhưng bà em bà tôi vẫn cam đoan với vẻ ác ý không duyên cớ.

- Không nuôi thần chết bằng những món ăn nhẹ được đâu, không lừa dối nó được đâu, chẳng ăn thua gì hết!

Bà già và mợ chủ săn sóc bố dượng tôi một cách đến khó chịu, họ luôn mồm khuyên ông thử hết thứ thuốc này đến thứ thuốc khác, nhưng sau lưng, họ lại chế giễu ông:

- Thật là nhà quý tộc! Hắn bảo phải phủi sạch vụn bánh trên bàn, kẻo ruồi nó đến,- mợ chủ kể; bà lão cũng hùa theo:

- Chứ sao, dòng dõi quý tộc mà lại! Chiếc áo trào thì đã sờn, bóng cả lên, thế mà hắn vẫn chải luôn tay. Thật là một con người kì quặc, trên người hắn không có lấy một hạt bụi.

Còn cậu chủ có vẻ như là an ủi họ:

- Hãy chờ đợi ít lâu nữa, lũ quỷ ạ, ông ta sắp chết rồi đấy!...

Thái độ thù địch vô nghĩa ấy của những người tiểu thị dân

đối với nhà quý tộc vô tình đã làm cho tôi gần gũi với bố dượng tôi. Mukhomo cũng là một thứ nấm bỏ đi, thế mà nó rất đẹp!

Sống ngột ngạt giữa những con người này, bố dượng tôi giống như một con cá tình cờ sa vào chuồng gà mái; một lối so sánh thật lố lăng, giống như toàn bộ cuộc sống lố lăng này vậy...

Tôi bắt đầu tìm thấy ở bố dượng tôi những nét của bác Tốt Lắm, người mà tôi không bao giờ quên; tôi đã tô điểm cho bác và Nữ hoàng bằng tất cả những gì tốt đẹp nhất mà sách vở đã mang lại cho tôi; tôi đã hiến cho họ những gì trong sạch nhất trong tôi và tất cả những mơ tưởng do việc đọc sách sinh ra. Bố dượng tôi cũng là người xa lạ, bị người ta ghét bỏ như bác Tốt Lắm. Ông đối xử với tất cả mọi người trong nhà đều như nhau; không bao giờ ông nói trước tiên, ông trả lời câu hỏi của người khác với một vẻ lịch sự và ngắn gọn đặc biệt. Tôi rất thích khi ông khuyên cậu chủ: ông đứng ở bên chiếc bàn, cúi gập người xuống, lấy móng tay khô héo gõ gõ vào mặt giấy dày cộp và bình tĩnh giảng giải:

- Ở đây cần phải nối cái đầu đòn tay bằng một vòm cuốn. Nhờ đó sẽ phân tán sức ép lên các bức tường, nếu không đòn tay sẽ sập mất.

- Đúng, khỉ thật! - cậu chủ nói lẩm bẩm.

Khi bố dượng tôi đi rồi, bà vợ bảo ông chồng:

- Em rất lấy làm lạ, sao anh lại để cho người ta dạy như vậy!

Mợ khó chịu nhất khi thấy ăn tối xong ông bố dượng tôi lại đi đánh răng và súc miệng, để nổi cục yết hầu nhọn ra.

- Theo tôi, - mợ nói, giọng chua loét - Evgheni Vaxilievitr, ông ngửa cổ như vậy rất có hại.

Ông mỉm cười lịch sự và hỏi:

- Vì sao vậy?

- Thế... đấy...

Ông bèn lấy chiếc que bằng xương đánh những móng tay tái nhợt của mình.

- Anh xem, ông ta còn đánh móng tay nữa! - mợ chủ lo ngại nói. - Sắp chết rồi, mà còn...

- Chao ôi! - cậu chủ thở dài. - Cái lũ quỷ này, sao các người ngốc không đổ đâu hết thế...

- Anh nói gì? - mụ vợ nổi tam bành lên.

Còn bà lão đêm đêm thường sôi nổi than vãn với Chúa:

- Lạy Chúa, bây giờ người ta lại khoác lên cổ con cái tên bệnh hoạn này, còn thằng Victorusca lại bị bỏ rơi...

Victorusca bắt đầu bắt chước kiểu cách của bố dượng tôi, dáng đi chậm rãi, cử chỉ đường hoàng của đôi tay quý tộc, cách thắt ca vát hoa mĩ hơi có phần đặc biệt và cách ăn khéo léo, không nhồm nhoàm của ông. Cậu thường hỏi một cách thô bỉ:

- Macximov, đầu gối tiếng Pháp nói như thế nào?

- Tên tôi là Evgheni Vaxilievitr, - bố dượng tôi thản nhiên nhắc.

- Thôi được! Thế vú gọi là gì?

Trong khi ăn tối Victorusca ra lệnh cho mẹ:

- *Ma mère, donnez-moi encore du*[1] thịt muối.

- Chà, mày là người Pháp rồi, - bà lão xúc động.

Bố dượng tôi như một người vừa câm vừa điếc, không nhìn ai cả, điềm nhiên nhai thịt.

Một hôm cậu anh bảo cậu em:

- Victor ạ, bây giờ mày đã học được tiếng Pháp rồi, mày nên đi kiếm tình nhân đi thôi.

Đó là lần duy nhất mà tôi nhớ là bố dượng tôi lặng lẽ mỉm cười.

Còn mợ chủ thì tức giận ném chiếc thìa xuống mặt bàn và quát chồng:

- Thế mà anh không biết xấu hổ, có mặt tôi mà anh dám nói những điều đê mạt như vậy à!

---

[1] Tiếng Pháp: Mẹ ơi, đưa thêm cho con...

Thỉnh thoảng bố dượng tôi tới chỗ tôi ở, trong một phòng xép tối om; tôi ngủ ở đấy, phía dưới cầu thang lên gác thượng. Tôi thường ngồi đọc sách ở bậc cầu thang, đối diện với cửa sổ.

- Anh đọc sách đấy à? - ông vừa hỏi vừa thở ra khói, trong ngực ông như có những thanh củi cháy nổ lép bép. - Sách gì thế?

Tôi đưa cho ông xem cuốn sách.

- À, - ông nói sau khi liếc nhìn tên sách, - cuốn này hình như tôi đã đọc rồi! Anh có muốn hút thuốc không?

Chúng tôi vừa hút thuốc vừa nhìn qua cửa sổ ra ngoài sân bẩn thỉu, Ông nói:

- Rất đáng tiếc là anh không được học; theo tôi nghĩ anh có nhiều khả năng. ...

- Con vẫn học đấy chứ, vẫn đọc sách...

- Như thế chưa đủ, cần phải đến trường, học có hệ thống...

Tôi muốn nói với ông:

"Dạ thưa ngài, ngài đã học ở nhà trường và học có hệ thống, nhưng kết quả ra sao?".

Nhưng hình như cũng đoán được ý nghĩ của tôi, ông nói thêm:

- Người có chí khí thì nhà trường sẽ phát triển cho người đó rất nhiều. Chỉ có những người có học vấn cao mới có thể đẩy cuộc sống tiến lên được!

Nhiều lần ông khuyên tôi:

- Tốt hơn hết anh nên rời khỏi nơi đây; tôi thấy đối với anh không có ý nghĩa gì, và cũng không lợi gì mà ở lại đây...

- Con thích những người thợ.

- A... Thích ở chỗ nào?

- Sống với họ rất thú vị.

- Cũng có thể...

Nhưng có lần ông nói:

- Thật ra, lũ chủ ở đây đều là lũ hèn hạ, hèn hạ...

Nhớ lại mẹ tôi đã nói tiếng ấy vào lúc nào và như thế nào[1], tôi vô tình lùi lại. Ông mỉm cười và hỏi:

- Anh không tin như vậy à?

- Có...

- Đúng... Tôi biết mà.

- Dù sao thì con vẫn thích cậu chủ...

- Phải, ông ta có lẽ là người tốt... Nhưng hơi ngộ nghĩnh...

Tôi muốn nói với ông về chuyện văn chương, nhưng ông không thích sách và nhiều lần khuyên tôi:

- Anh không nên say mê quá: trong sách mọi vật đều được tô vẽ thêm, đều bị xuyên tạc về mặt này hay mặt khác. Phần lớn những người viết sách đều là những người tầm thường đại loại như ông chủ của chúng ta vậy.

Tôi cảm thấy những nhận xét ấy thật táo bạo khiến tôi đối với ông càng có cảm tình hơn.

Có lần ông hỏi tôi:

- Anh đã đọc Gontsarov chưa?

- Mới đọc cuốn *Chiến hạm Pallada* thôi.

- Cuốn *Pallada* ấy rất chán. Nhưng nói chung Gontsarov là một nhà văn thông minh nhất ở Nga. Tôi khuyên anh nên đọc cuốn *Oblomov* của ông ta. Cuốn sách này của ông ta chân thật và táo bạo hơn cả. Và nói chung trong văn học Nga đó là cuốn sách hay nhất...

Về Dicken ông nói:

- Tôi cam đoan với anh rằng đó là một tay hồ đồ... Trong phụ lục của báo *Thời mới*[2] có đăng một tác phẩm rất hay *Sự cám dỗ*

---

[1] Xem chương XII *Thời thơ ấu* của Gorki.

[2] Một tờ báo phản động.

của thánh Antoni[1] - anh nên đọc truyện đó! Hình như anh thích tôn giáo và tất cả các chuyện đó đều thuộc về tôn giáo thì phải? Cuốn *Sự cám dỗ* đối với anh rất có lợi...

Chính tay ông cầm đến cho tôi một tập phụ lục.Tôi đã đọc một tác phẩm viết rất khéo của Flobe. Tác phẩm này đã làm tôi nhớ đến vô số sự tích của các thánh, có đôi chuyện do lão già thông thái đã kể cho tôi nghe. Nhưng tác phẩm này không gây cho tôi một ấn tượng đặc biệt sâu sắc. Tập *Hồi kí của Upilio Faimali, người nuôi dạy thú dữ* đăng ở bên cạnh lại làm cho tôi thích hơn.

Khi tôi nói với bố dượng tôi điều đó ông thản nhiên bảo:

- Có nghĩa là anh chưa đến tuổi đọc những tác phẩm như vậy. Nhưng chớ quên về cuốn sách ấy...

Đôi khi ông ngồi với tôi rất lâu, không nói không rằng, chỉ ho và liên tiếp thở khói ra. Cặp mắt đẹp của ông sáng lên nom rất dễ sợ. Tôi nhìn trộm ông và quên rằng con người đang chết dần chết mòn một cách ngay thật và giản dị, không kêu ca than vãn này, ngày xưa là người thân yêu của mẹ tôi và đã làm nhục mẹ tôi. Tôi biết hiện giờ ông đang sống với một cô thợ may nào đấy, tôi thấy băn khoăn và thương hại cho cô ta. Có thể nào cô không kinh tởm khi ôm bộ xương dài kia, khi hôn cái mồm sặc mùi hôi thối nồng nặc kia? Cũng như bác Tốt Lắm trước đây, bố dượng tôi thỉnh thoảng đột nhiên nói ra những câu rất độc đáo:

- Tôi thích lũ chó săn, chúng ngốc, nhưng mà đẹp. Đàn bà đẹp thường là ngốc...

Tôi không thể không kiêu hãnh mà nghĩ:

"Giá mà ngài được biết Nữ hoàng Macgo!"

- Những người sống lâu trong một ngôi nhà, thì cuối cùng khuôn mặt họ đều trở thành như nhau hết, - có lần ông đã nói câu đó. Tôi liền ghi nó vào cuốn vở của tôi.

---

[1] Tiểu thuyết của nhà văn Pháp: G. Flobe (1821- 1880).

Tôi chờ đợi những câu châm ngôn ấy như đợi một việc thiện. Thật là thú vị khi nghe được những câu nói độc đáo trong ngôi nhà mà tất cả mọi người đều nói bằng một thứ tiếng tầm thường, cứng đờ theo những khuôn mẫu đơn điệu, cũ rích.

Bố dượng tôi không bao giờ nói với tôi về mẹ tôi, ngay cả tên mẹ tôi hình như cũng không bao giờ ông nhắc đến. Điều đó làm tôi rất biết ơn ông, gây cho tôi cảm giác gần như là tôn kính đối với ông.

Có một lần tôi hỏi ông về Chúa; tôi không nhớ rõ tôi đã hỏi như thế nào về vấn đề này; ông nhìn tôi và nói rất bình tĩnh:

- Tôi không biết. Tôi không tin vào Chúa.

Tôi nhớ đến Xitanov và kể chuyện về anh. Sau khi chăm chú nghe tôi kể, bố dượng tôi nhận xét, vẫn với giọng bình tĩnh:

- Anh ta biện luận, mà người biện luận thì dù sao cũng tin vào một cái gì đấy... Còn tôi, tôi không tin, có thế thôi!

- Lại có thể thế ư?

- Tại sao lại không? Anh cũng thấy rõ như vậy, tôi không tin...

Tôi chỉ thấy có một điều: ông đang chết mòn. Chưa chắc tôi đã thương tiếc ông, nhưng lần đầu tiên tôi thấy mình quan tâm một cách tự nhiên và sâu sắc đối với người thân cận sắp chết, đối với sự bí mật của cái chết.

Người ấy đang ngồi đây, đầu gối chạm vào tôi, toàn thân nóng bừng, và đang suy nghĩ. Ông ta phân loại mọi người với một vẻ tự tin theo thái độ của mình đối với họ. Ông nói về tất cả, như người có quyền nhận định và giải quyết mọi việc. Trong con người ông như có một cái gì vừa cần thiết vừa không cần thiết đối với tôi. Đó là một con người phức tạp không thể hiểu nổi, là trung tâm một cơn lốc thường xuyên của những ý nghĩ. Dù tôi có đối xử với ông như thế nào chăng nữa, ông vẫn là một bộ phận của chúng tôi, vẫn sống ở đâu đây trong con người tôi, tôi vẫn nghĩ tới ông, và linh hồn ông vẫn hoà lẫn với linh hồn

tôi. Mai đây, ông sẽ biến mất, hoàn toàn biến mất; tất cả những gì ẩn náu trong đầu óc, trái tim ông mà tôi cảm thấy được, mà tôi tưởng có thể đọc được trong cặp mắt đẹp của ông, cũng sẽ biến đi. Khi nào ông biến mất thì một trong những sợi chỉ sống ràng buộc tôi với thế giới cũng sẽ đứt; chỉ còn có hồi ức mà thôi, nhưng hồi ức ấy sẽ ở trong tôi nguyên vẹn, sẽ vĩnh viễn tồn tại, không gì có thể xoá nhoà được. Còn cái thể xác phải chết kia, nó sẽ thay đổi, sẽ biến mất...

Nhưng đó là những ý nghĩ, đằng sau những ý nghĩ ấy có một cái gì không thể nói ra bằng lời được, nó đang sinh ra và nuôi dưỡng những ý nghĩ ấy, nó đang có uy thế cưỡng bức phải nhìn kĩ các hiện tượng của cuộc sống, mỗi hiện tượng ấy đều đòi hỏi câu trả lời - để làm gì?

- Anh có biết không, hình như tôi sắp qụy rồi thì phải, - bố dượng tôi nói với tôi vào một hôm trời mưa. - Tôi yếu lắm rồi! Và cũng chẳng muốn gì nữa...

Hôm sau, trong một bữa uống trà tối, ông phủi rất cẩn thận những vụn bánh khỏi bàn và đầu gối, như gạt khỏi mình một cái gì vô hình. Bà chủ già vừa lườm ông vừa nói thầm với ả con dâu:

- Trông kìa, hắn đang rỉa lông và chải chuốt...

Hai ngày sau ông không tới làm việc nữa: sau đó bà chủ già giúi cho tôi một chiếc phong bì trắng to và nói:

- Này, trưa hôm qua có một cô mang cái này tới, tao quên chưa đưa cho mày. Cô ả trông cũng dễ thương, không hiểu đối với mày là thế nào, tao cũng chẳng rõ nữa!

Trong phong bì, trên tờ giấy in mẫu sẵn của nhà thương, có viết những hàng chữ lớn:

"Nếu anh rỗi, mời anh tới thăm tôi. Tôi ở Mactunovxcaia. E. M.".

Sáng hôm sau, tôi đã ngồi ở trong phòng nhà thương, trên

giường của bố dượng tôi. Thân hình ông dài hơn chiếc giường nên hai bàn chân đi đôi tất xộc xệch màu xám thò qua cả cọc thành giường. Cặp mắt lờ đờ dò dẫm trên những bức tường quét vôi vàng rồi dừng lại trên khuôn mặt tôi và dừng lại trên đôi tay nhỏ nhắn của cô gái ngồi trên chiếc ghế đẩu ở đầu giường. Cô đặt hai tay trên chiếc gối, và bố dượng tôi há mồm ra, lấy má cọ vào tay cô. Cô gái nom đầy đặn, cô mặc chiếc áo đen giản dị; trên khuôn mặt trái xoan của cô nước mắt từ từ chảy; cặp mắt xanh ướt đẫm nhìn chằm chằm vào khuôn mặt hom hem, vào cái mũi to nhọn hoắt và cái miệng thâm sì của bố dượng tôi.

- Đáng lẽ phải gọi cha cố đến, - cô nói thầm, - nhưng anh ấy không cho gọi... anh ấy chẳng hiểu gì cả...

Cô nhấc hai tay khỏi chiếc gối, áp tay vào ngực như thể cầu nguyện.

Bố dượng tôi hồi tỉnh lại trong giây lát, nhìn lên trần nhà, cau mày với vẻ nghiêm khắc và giống như nhớ lại chuyện gì, sau đó nhích bàn tay xương xẩu lại gần phía tôi.

- Anh đấy à? Cảm ơn. Anh thấy đấy... Tôi cảm thấy mình... thật là...

Nói xong câu đó, ông mệt lử, nhắm mắt lại. Tôi vuốt ve những ngón tay lạnh giá dài ngoằng ngoẵng, móng tay tái nhợt của ông. Cô gái khẽ hỏi:

- Evgheni Vaxilievitr, xin anh ưng thuận cho!

- Đấy, làm quen với nhau đi, - ông đưa mắt về phía cô và bảo tôi. - Một người rất tốt...

Ông im lặng, miệng mở rộng hơn, rồi bỗng nhiên kêu thét lên khò khè như một con quạ; ông lồng lộn trên giường, tung chăn ra, hai tay trần trụi sờ soạng quanh mình. Cô gái cũng kêu lên, rúc đầu và chiếc gối nhầu nát.

Bố dượng của tôi chết rất nhanh và lập tức nét mặt của ông biến đổi, nom rất dễ thương.

Tôi khoác tay cô gái bước ra khỏi bệnh viện. Cô chệnh choạng như một người ốm và khóc nức nở. Cô cầm chiếc mùi soa vo chặt trong tay, hết đặt lên mắt này lại đặt lên mắt kia. Cô cuộn tròn chiếc khăn chặt hơn và nhìn nó, dường như đó là vật quý nhất và là vật cuối cùng của cô.

Bỗng nhiên cô dừng lại, nép vào người tôi và nói với giọng trách móc:

- Anh ấy không sống nổi đến mùa đông... Ôi, trời đất ơi, trời đất ơi, thế là thế nào nhỉ?

Sau đó cô giơ bàn tay ướt đẫm nước mắt bắt tay tôi.

- Xin từ biệt. Anh ấy rất khen ngợi anh. Ngày mai sẽ chôn cất.

- Có thể tiễn chân chị về nhà không?

Cô nhìn quanh.

- Tiễn làm gì? Trời hãy còn sáng.

Tôi đứng ở góc ngõ nhìn theo. Cô đi rất thong thả giống như người không có việc gì cấp thiết.

Lúc đó là tháng Tám, lá đã bắt đầu rụng.

Tôi không có thì giờ để đưa bố dượng tôi ra nghĩa địa và cũng không bao giờ gặp lại cô gái ấy nữa...

XVII

Sáng sáng, vào lúc sáu giờ, tôi đến hội chợ làm việc, ở đó có những con người lí thú đón gặp tôi: bác thợ mộc Oxiv tóc bạc nom giống như thánh Nicola, một công nhân giỏi, ăn nói sắc sảo; bác thợ lợp mái gù lưng Efimusca; bác thợ nề Piot sùng đạo, một con người luôn tự lự nom cũng tựa như một vị thánh;

bác thợ trát Grigori Sislin, một người đẹp trai có bộ râu màu hạt dẻ nhạt, cặp mắt xanh, nét mặt luôn luôn rạng rỡ bởi một vẻ hiền hậu dịu dàng.

Tôi biết những người này từ dạo tôi đến ở tại nhà người cậu lần thứ hai. Thường thường cứ đến chủ nhật là họ lại xuất hiện ở trong bếp, dáng điệu đường hoàng, trịnh trọng, nói năng nhã nhặn bằng những lời lẽ ngọt ngào, mới lạ đối với tôi. Hồi ấy tôi cảm thấy tất cả những người mujic đường hoàng này đều là những người hoàn toàn tốt. Mỗi người có cái hay riêng, tất cả đều khác xa những người tiểu thị dân độc ác, trộm cắp và rượu chè ở xóm Cunavino.

Hồi đó tôi ưa bác thợ trát Sislin hơn cả, thậm chí đã có lần tôi xin vào phường thợ của bác, nhưng bác vừa lấy ngón tay bạc trắng gãi hàng lông mày vàng ánh vừa nhẹ nhàng từ chối tôi:

- Đối với cháu còn sớm quá, công việc của bác không phải là việc nhẹ nhàng đâu, cháu hãy chờ một hai năm nữa...

Rồi bác hất cái đầu đẹp ra phía sau và hỏi tôi:

- Chắc cháu sống khổ lắm phải không? Ồ, không sao, hãy chịu đựng một tí, cứ co mình lại là khắc chịu đựng được tuốt!

Tôi không biết lời khuyên thiện ý ấy đã đem lại cho tôi những gì, nhưng tôi đã ghi nhớ nó với một lòng biết ơn.

Và cho đến bây giờ, tất cả bọn họ vẫn đến gặp cậu chủ tôi vào các buổi sáng chủ nhật. Họ thường ngồi trên những ghế dài chung quanh chiếc bàn nhà bếp và, trong lúc chờ đợi, họ chuyện trò một cách hứng thú. Cậu chủ xởi lởi và vui vẻ chào hỏi họ, nắm chặt những bàn tay rắn chắc của họ rồi ra ngồi ở góc ngoài. Bàn tính và những xếp giấy bạc được đem ra; đám mujic đặt lên bàn những tờ biên lai và những sổ tay nhàu nát của họ: thế là buổi tính tiền công hàng tuần bắt đầu.

Cậu chủ vừa tán gẫu và pha trò, vừa cố ý tính sai cho họ, còn họ thì cũng cố tìm cách ăn gian cậu. Đôi khi hai bên cãi nhau rất kịch liệt, nhưng thường là cười xoà thân mật với nhau.

- Hà hà, ông bạn, đúng là ông sinh ra đã là một tay lừa bịp! - đám mujic bảo cậu chủ.

Cậu cười ngượng nghịu, trả lời:

- Hừ, còn các anh, đồ quỷ ạ, các anh lừa bịp cũng chẳng kém đâu!

- Thì biết làm thế nào khác được cơ chứ, ông bạn? - Efimusca thú nhận, còn bác Piot thì nghiêm trang nói:

- Người ta sống thực ra là nhờ vào những của ăn cắp, chứ còn những gì làm ra được thì đều cúng cho Chúa với Sa hoàng cả...

- Chính vì thế nên tôi cũng muốn ăn non ăn già các người! - cậu chủ cười.

Họ hồn hậu hưởng ứng lời cậu nói:

- Có nghĩa là ông định thó của chúng tôi chứ gì?

- Ông định úm chúng tôi phải không?

Grigori Sislin lấy hai tay áp chặt bộ râu lộng lẫy vào ngực để nghị bằng một giọng nghe như hát:

- Anh em ạ, chúng ta hãy làm việc cho tử tế, đừng có lừa dối nhau nữa! Vì sống ngay thật có phải là sung sướng và yên ổn biết bao không? Chúng ta đều là anh em cả, phải không?

Cặp mắt xanh của bác thẫm lại và ươn ướt. Trong những giây phút đó trông bác đẹp và hiền lành lạ thường. Mọi người dường như đều có phần bối rối trước lời yêu cầu của bác, tất cả đều ngượng ngùng quay mặt đi chỗ khác.

- Dân mujic không lừa dối quá quắt lắm đâu! - bác Oxiv dễ thương vừa thở dài vừa nói lầu bầu, có vẻ như thương hại người mujic.

Bác thợ nề nước da ngăm ngăm đen cúi gập cái lưng gù trên mặt bàn, nói giọng ồ ồ:

- Tội lỗi cũng giống như một bãi lầy vậy; càng ra xa càng nhầy nhụa!

Cậu chủ cũng bắt chước giọng của họ, lúng búng nói:

- Tôi ấy à? Cũng tuỳ việc tuỳ người chứ...

Triết lí xong, họ lại tìm cách lừa dối nhau. Rồi thanh toán với nhau xong, người nhễ nhại mồ hôi và mệt mỏi vì căng thẳng, họ ra quán uống trà, mời cả cậu chủ cùng đi.

Ở hội chợ, tôi phải theo dõi không cho những người này lấy cắp đinh, gạch và ván. Ngoài phần việc làm cho cậu chủ, người nào cũng có những hợp đồng riêng, thành thử người nào cũng cố tìm cách thó được một thứ gì đó ngay trước mặt tôi để về dùng vào công việc của mình.

Họ đón tiếp tôi với thái độ dịu dàng, nhưng bác Sislin nói:

- Anh có nhớ hồi trước anh định xin vào phường thợ của tôi không? Bây giờ thì anh đã leo cao lắm rồi, anh sẽ là người cai quản tôi, phải không?

- Ồ... - bác Oxiv pha trò, - cứ việc trông, cứ việc cai quản, cầu Chúa sẽ phù trì cho anh!

Bác Piot nhận xét một cách ác ý:

- Họ cho một con sếu non đến điều khiển những con chuột già...

Những trách nhiệm của tôi đã làm cho tôi bối rối vô cùng: tôi thấy xấu hổ trước mặt những con người đó; tôi cảm thấy tất cả bọn họ đều hiểu biết một điều gì rất đặc biệt và rất tốt đẹp mà ngoài họ ra không ai biết, vậy mà tôi phải xem họ như những quân ăn cắp và lừa đảo. Những ngày đầu tiếp xúc với họ tôi cảm thấy khổ tâm: nhưng chẳng bao lâu bác Oxiv đã nhận thấy điều đó, và một hôm bác bảo riêng tôi:

- Này, chú mày, đừng có lên mặt, cái đó chẳng ích lợi gì đâu, hiểu không?

Tất nhiên là tôi chẳng hiểu gì cả, nhưng tôi cảm thấy rằng ông già này hiểu rõ địa vị lố bịch của tôi, và giữa tôi với bác ta đã có những quan hệ cởi mở với nhau rất nhanh.

Bác kéo tôi vào một góc nhà và bảo tôi:

- Nếu anh muốn biết thì tôi nói cho mà biết: trong bọn tôi, lão thợ nề Petrukha[1] là tay trùm ăn cắp đấy. Gia đình hắn ta đông người, hắn lại là người tham lam. Cứ theo dõi hắn kĩ mà xem. Hắn ta không từ một cái gì hết, cái gì đối với hắn cũng tốt: một funt đinh, mươi viên gạch, một bao vôi, hắn cân tất! Hắn ta chính là một người tốt, mộ đạo và suy nghĩ đứng đắn, biết chữ nghĩa, ấy thế mà lại thích ăn cắp! Efimusca thì sống vì gái, hắn là người hiền lành, hắn không làm anh phải bực mình đâu. Hắn cũng là người thông minh. Những kẻ gù đều không phải là những kẻ ngốc đâu! Còn Grigori Sislin thì hơi đần. Hắn không những không lấy của người, mà còn đem của mình cho người nữa! Hắn làm ăn chẳng ra gì, bất kì ai cũng có thể đánh lừa được hắn, nhưng hắn thì không thể lừa dối được ai! Hắn khờ lắm...

- Bác ấy tốt chứ?

Bác Oxiv nhìn tôi như nhìn từ xa lại và nói những lời đáng ghi nhớ:

- Đúng, hắn là người tốt! Đối với kẻ lười biếng thì trở thành người tốt là một việc đơn giản nhất. Lòng tốt không đòi hỏi đến trí khôn, chú em ạ...

- Thế còn bác thì thế nào? - tôi hỏi Oxiv.

Bác ta mỉm cười, trả lời:

- Tôi giống như cô thiếu nữ. Bao giờ trở thành bà già, tôi sẽ kể về tôi. Anh cứ chờ đấy! Nếu không thì anh hãy dùng trí khôn mà tìm xem tôi là người thế nào.[2] Anh cứ tìm xem tôi ở đâu!

Bác ta đã làm đảo lộn tất cả những quan niệm của tôi về bác và các bạn bè của bác. Tôi thấy khó mà nghi ngờ vào sự thật của những điều bác ta nói. Tôi nhận thấy rằng bác Efimusca, Piot, Grigori đều coi ông già dễ thương này là người thông minh

---

[1] Tức Piot.

[2] Nguyên văn: tìm xem tôi ẩn nấp ở đâu.

và hiểu biết mọi sự đời hơn chính họ. Trong bất kì việc nào họ cũng đều hỏi ý kiến bác, chăm chú nghe những lời khuyên của bác và đối xử với một thái độ vì nể.

- Bác hãy làm ơn bảo chúng tôi, - họ thường yêu cầu bác như vậy. Nhưng có một lần sau khi hỏi xong và chờ lúc bác Oxiv đã đi khỏi, bác thợ nề nói khẽ với bác Grigori:

- Đồ tà giáo!

Bác Grigori mỉm cười, bổ sung thêm:

- Một thằng hề!

Bác thợ trát đe tôi bằng giọng thân mật:

- Anh hãy coi chừng đấy, Macximitr. Sống với lão già này phải cẩn thận, lão có thể trong nháy mắt xoay anh như xoay chong chóng ấy! Những lão già ấy chẳng qua chỉ là đồ ăn hại. Có trời biết được họ tai hại như thế nào!

Tôi chẳng hiểu ra sao cả.

Tôi có cảm tưởng rằng người ngay thẳng và thật thà nhất là bác thợ nề Piot. Nói chuyện gì bác cũng nói ngắn và với giọng trang nghiêm; ý nghĩ của bác thường là xoay quanh Chúa, địa ngục và cái chết.

- Ồ, anh em ơi, dù có cố sức đến đâu, có hi vọng vào cái gì đi nữa thì cũng chẳng ai thoát khỏi chiếc quan tài và khu nghĩa địa đâu!

Bác ta thường xuyên đau bụng. Có những hôm bác hoàn toàn không ăn uống gì được thậm chí một mẩu bánh mì con cũng làm bác bị đau đớn và nôn mửa khổ sở.

Tôi cảm thấy Efimusca gù lưng cũng là người rất tốt và ngay thật, nhưng lúc nào trông bác ta cũng có vẻ khôi hài, đôi khi đần độn, thậm chí ngây dại giống như một thằng ngốc lầm lì. Bác ta thường xuyên phải lòng đủ các hạng đàn bà, và hễ nói đến mụ nào bác cũng dùng độc có mấy lời:

- Tôi xin nói thẳng: mụ ta không phải là đàn bà đâu, mụ ta là một bông hoa sữa cơ đấy, thật mà...!

Mỗi khi các mụ tiểu thị dân nhanh nhẩu ở xóm Cunavino đến rửa sàn tại các cửa hiệu, bác Efimusca lại tụt từ trên mái nhà xuống, đứng vào một góc nhà, miệng gừ gừ như mèo, cặp mắt linh hoạt nheo lại, chiếc mồm rộng toác lên đến tận mang tai.

- Ôi, Chúa mang đến cho tôi một cô ả mũm mĩm làm sao! Thật sung sướng biết chừng nào! Ôi, thật là một bông hoa sữa! Tôi làm sao cảm ơn được số phận đã ban cho tôi món quà như thế này cơ chứ? Tôi đến chết vì người đẹp này mất!

Ban đầu các mụ vừa cười bác ta vừa chốc chốc lại gọi bảo nhau:

- Trông lão gù đang chảy dãi ra kìa, cha mẹ ơi!

Những lời chế nhạo chẳng làm cho bác thợ mái chạnh lòng chút nào. Khuôn mặt có hai gò má nhô cao của bác ta có vẻ như mê ngủ, bác nói năng hệt một người mê sảng, những lời nói ngọt ngào của bác tuôn ra như một dòng suối có men say và rõ ràng là đám phụ nữ có ngây ngất. Sau cùng, một mụ nhiều tuổi hơn cả ngạc nhiên nói với đám bạn gái của mình:

- Các bà nghe lão mujic tán kìa, cứ y như là một thanh niên trai trẻ ấy!

- Lão nói như rót vào tai ấy...[1]

- Hay là như một lão ăn mày trước cửa nhà thờ vậy, - một mụ đàn bà ngang ngạnh không chịu thua thốt lên.

Nhưng Efimusca không giống ăn mày. Bác ta đứng vững vàng hệt như một gốc cây lớn, giọng bác vang lên mỗi lúc một thêm hấp dẫn, lời nói trở nên quyến rũ hơn, khiến các bà phải lặng đi lắng nghe. Bác quả như tan ra trong những lời nói dịu dàng, ngây ngất đó.

Câu chuyện đó thường được kết thúc vào bữa ăn chiều hoặc

[1] Nguyên văn: như chim hót.

sau ngày thứ bảy.[1] Lúc này bác ta vừa lắc lư cái đầu nặng nề, to xù, vừa nói với bạn bè bằng một giọng kinh ngạc.

- Ôi, cô ả mới dịu dàng và đáng yêu làm sao! Lần đầu tiên trong đời tôi mới được với tới một cô nàng như vậy đấy!

Khi kể về những thắng lợi của mình, bác Efimusca không hay khoe khoang, không hay nhạo báng người phụ nữ đã bị mình chinh phục như những người khác thường làm. Bác ta thường chỉ xúc động với một vẻ vui sướng và biết ơn, cặp mắt xám của bác mở to với vẻ kinh ngạc.

Bác Oxiv lắc đầu, thốt lên:

- Ôi, anh thật là một tay bê tha bất trị! Anh bao nhiêu tuổi?

- Bốn chục lẻ tư rồi. Nhưng không sao! Hôm nay tôi trẻ lại đến năm tuổi, như vừa được tắm nước hồi sinh ở dưới sông lên. Thân thể trở nên khoẻ khoắn, trong lòng cảm thấy thanh thản! Ồ, trên đời có những người đàn bà mới tuyệt làm sao chứ, hả?

Bác thợ nề nghiêm khắc đáp lại:

- Khi nào ngoài năm mươi thì hãy coi chừng: anh sẽ thấy chua xót vì những thói quen phóng đãng của anh cho mà xem!

- Anh là đồ vô liêm sỉ, Efimusca ạ! - Grigori Sislin thở dài nói.

Tôi thì lại cảm thấy rằng con người đẹp trai ấy ghen tức trước thành công của ông bạn gù.

Bác Oxiv nhìn mọi người từ dưới cặp lông mày xoăn tít rất đều, trắng như bạc, và nói đùa:

- Cô Masca[2] nào cũng có kiểu cách riêng, cô thích ăn, cô thì thích diện,[3] nhưng cô Masca nào cũng sẽ thành bà lão...

Bác Sislin đã có vợ, nhưng vợ bác ở nhà quê. Bác ta cũng

---

[1] Ngày thứ bảy nghỉ việc trong tuần lễ của người Do Thái.

[2] Tức Masa

[3] Nguyên văn: cô thì thích tách và thìa, cô thì thích nhẫn và khuyên.

thường ngầm nghĩa những mụ rửa sàn nhà. Tất cả những mụ đó đều có thể chài được một cách dễ dàng, mụ nào cũng có "kiếm chác thêm". Trong cái xóm nghèo đói này, đối với cách kiếm tiền đó người ta cũng xem bình thường như đối với bất kì công việc nào khác. Nhưng bác mujic đẹp trai này không hề động chạm đến các mụ, bác thường chỉ nhìn họ từ đằng xa bằng cái nhìn đặc biệt, hệt như thương hại mình hay thương họ. Còn những khi tự họ ve vãn, quyến rũ bác trước, bác chỉ cười ngượng nghịu và bỏ đi...

- Các người thật là...

- Sao lại thế, đồ ngốc! - Efimusca ngạc nhiên hỏi. - Làm sao lại có thể bỏ lỡ cơ hội như thế được?

- Tôi đã có vợ rồi, - Grigori nhắc.

- Vợ làm thế nào biết được?

- Vợ anh thế nào cũng biết nếu như anh sống không chung thuỷ. Không lừa được họ đâu, người anh em ạ!

- Nhưng vợ làm thế nào biết được cơ chứ?

- Điều đó tôi không rõ, nhưng họ nhất định phải biết nếu như bản thân họ sống chung thuỷ. Còn nếu như tôi sống chung thuỷ, mà vợ tôi lại sai trái thì tôi sẽ biết...

- Bằng cách nào? - Efimusca hét lên, nhưng Grigori bình tĩnh nhắc lại:

- Cái đó tôi không rõ.

Bác thợ mái dang hai tay ra có vẻ bực tức.

- Xem đấy! Nào"chung thuỷ", nào "không rõ"... Chà, đầu óc anh mới lạ chứ!

Đám thợ của bác Sislin tất cả có bảy người, họ đối xử với bác ta rất tự nhiên, không cảm thấy bác là người chủ của họ, nhưng sau lưng, họ gọi bác là một con bê. Những khi ra chỗ làm việc mà thấy họ làm biếng, bác liền cầm lấy bay, xẻng và tự bắt tay vào làm một cách khéo léo, vừa làm vừa dịu dàng khích lệ:

- Gắng lên, anh em ơi, gắng lên!

Một hôm, trong lúc thi hành một nhiệm vụ khó chịu do cậu chủ tôi giao cho, tôi bảo bác Grigori:

- Thợ của bác tồi lắm...

Bác làm ra vẻ ngạc nhiên:

- Thật à?

- Việc này đáng lẽ đến buổi trưa hôm qua là phải xong, thế mà hôm nay họ vẫn chưa làm xong...

- Đúng đấy, họ chưa làm xong đâu. - bác đồng ý, và sau khi im lặng, bác nói một cách dè dặt:

- Tất nhiên là tôi cũng đã thấy, nhưng tôi không nỡ thúc họ, bởi vì họ đều là người cùng cánh, cùng làng với tôi. Chẳng qua cũng vẫn là sự trừng phạt của Chúa đấy thôi, cứ phải là làm đổ mồ hôi, sôi nước mắt mới ra miếng bánh mì mà ăn, đó là sự trừng phạt đối với tất cả chúng ta, cả anh lẫn cả tôi nữa. Mà tôi với anh lại làm việc ít hơn họ, thành thử không tiện thúc họ...

Bác luôn luôn tự lự. Nhiều khi đang đi trên những đường phố vắng vẻ của hội chợ, bác bỗng dừng lại trên một chiếc cầu bắc qua kênh Opvotnưi, đứng rất lâu bên hàng tay vịn nhìn nước, nhìn trời, nhìn về xa bên kia sông Oca. Nếu người nào bắt gặp và hỏi:

- Bác làm gì thế?

Thì bác như người tỉnh dậy, mỉm cười ngượng nghịu và trả lời:

- À, có gì đâu... Tôi đứng nhìn trời đất một chút...

- Người anh em ạ, mọi thứ Chúa đều sắp đặt thật là khéo, - bác thường nói. - Nào trời, nào đất, nào sông chảy, nào tàu chạy. Cứ trèo lên tàu thuỷ là đi đâu cũng được: đi Riazan hoặc Rubinxc, đi Pecmo hoặc đến Axt'rakhan! Tôi đã đến Riazan rồi, thành phố ấy cũng không đến nỗi tồi, nhưng buồn lắm, buồn hơn Nijni. Nijni của chúng ta, chà, vui lắm! Axt'rakhan còn buồn hơn

nữa. Ở Axt'rakhan cái chính là có nhiều người Canmưc, mà tôi thì lại không ưa họ. Tôi không thích những dân Mordvin, Ba Tư, Đức và bất kì dân ngoại lai nào...

Bác nói chậm rãi, những lời của bác như thận trọng dò kiếm một người nào đó đồng ý với mình và luôn luôn tìm thấy một người như thế ở bác thợ nề Piot.

- Chúng có phải là dân ngoại lai đâu, mà là dân dẻ vãi, - bác Piot nói giọng tin chắc và bực tức,- chúng sinh ra ngoài ý Chúa, sống ngoài mắt Chúa...

Bác Grigori mặt mày tươi tỉnh, rạng rỡ hẳn lên.

- Muốn nói gì thì nói, còn tôi ấy à, anh em ạ, tôi chỉ thích dân thuần khiết, dân Nga chính trực mà thôi! Dân Do Thái tôi cũng không ưa, và thậm chí tôi không hiểu Chúa sinh ra những dân ngoại lai ấy để làm gì? Thật là quá sáng suốt...

Bác thợ nề bổ sung thêm bằng giọng buồn rầu:

- Sáng suốt thật, nhưng hình như có nhiều cái vô ích!...

Nghe câu chuyện của họ, bác Oxiv nói xen vào, giọng có vẻ giễu cợt và chua cay:

- Những cái vô ích thì có đấy, ngay câu chuyện này của các anh cũng hoàn toàn là vô ích! Chao ôi, lúc nào cũng cãi nhau! Đem mà nện cho tất cả các người một trận.

Bác Oxiv thường giữ ý kiến mình, nhưng khó mà biết được bác đồng ý cái gì hoặc sẽ phản đối cái gì. Đôi lúc có cảm tưởng rằng bác thờ ơ đồng ý với mọi người, với mọi ý kiến của họ, nhưng thường thường ta nhận thấy bác chán tất cả mọi người, bác xem họ như những đồ ngu xuẩn. Bác bảo Piot, Grigori và Efimusca:

- Chao ôi, đồ lợn con...

Họ mỉm cười không được vui vẻ và thoải mái lắm, nhưng dù sao vẫn mỉm cười.

Cậu chủ cho tôi năm copec tiền ăn một ngày. Ngần ấy tiền

không đủ, lúc nào tôi cũng hơi đói. Thấy thế, các bác thợ thường mời tôi ăn sáng và chiều với họ, đôi khi cả những chủ thầu cũng rủ tôi ra quán uống trà. Tôi sẵn sàng nhận lời: tôi thích ngồi với họ, nghe những giọng nói chậm rãi và những câu chuyện kì lạ của họ. Sự hiểu biết của tôi về các sách đạo làm cho họ rất thích thú.

- Anh nhồi nhét sách no nê lắm rồi, dạ dày của anh đầy ứ những sách là sách, - bác Oxiv vừa nói vừa chăm chú nhìn tôi bằng cặp mắt tím màu hoa mua. Khó mà thấy rõ ý nghĩa của cặp mắt đó, hai con ngươi của bác lúc nào cũng như sắp chảy và tan ra thành nước.

- Anh nên giữ gìn cái vốn hiểu biết đó, góp nhặt thêm nữa vào, sau này nó sẽ có ích cho anh. Lớn lên anh có thể trở thành một tu sĩ, dùng lời nói để an ủi thiên hạ. Hoặc nếu không thì trở thành nhà "triệu đạo"...

- "Truyền đạo"[1], - bác thợ nề chữa lại, giọng nói không hiểu sao nghe có vẻ bực bội.

- Sao? - bác Oxiv hỏi lại.

- Tôi bảo: phải nói là "truyền đạo", anh còn lạ gì nữa! Anh có điếc dâu...

- Thôi được, trở thành nhà truyền đạo, để rồi tranh cãi với bọn tà giáo. Nếu không được thì ra nhập luôn vào phái tà giáo thì cũng lợi chán! Khi người ta đã có trí tuệ thì tà giáo cũng vẫn nuôi sống người ta được.

Grigori cười ngượng nghịu, còn Piot lúng búng trong chòm râu:

- Thì ngay bọn phù thuỷ sống cũng có đến nỗi nào, và mọi kẻ vô thần...

Nhưng bác Oxiv liền phản đối ngay:

---

[1] Nguyên văn: bác Oxiv nói nhầm tiếng "Mixioner" nghĩa là "người truyền đạo" thành "Millioner" nghĩa là "nhà triệu phú".

- Bọn phù thuỷ là bọn vô học, học thức không thích hợp đối với bọn phù thuỷ...

Rồi bác kể cho tôi nghe:

- Tôi nói anh nghe: ngày trước ở xóm tôi có một gã cố cùng sống cầu bơ cầu bất tên là Tusca. Gã là một anh mujic ngu ngốc và đói khổ. Hắn sống như một chiếc lông chim, nay đây mai đó, gió thổi đi đâu thì bay đi đấy, chẳng ra người làm lụng, cũng chẳng ra kẻ biếng nhác. Thế rồi một hôm, vì chẳng có việc gì làm, gã bỏ đi hành hương. Gã lang bạt suốt hai năm trời, sau đó bỗng một hôm gã xuất hiện với một hình dáng lạ lùng: tóc dài đến vai, đầu đội một chiếc mũ chụp nhỏ, mình vận chiếc áo thầy tu màu hung đỏ bằng vải thô. Gã nhìn mọi người bằng cặp mắt như mắt cá vược và nói một cách ngang ngạnh: "Hãy sám hối đi, những kẻ đáng nguyền rủa kia!" Ai mà không có chuyện phải sám hối, nhất là các bà? Thế là mọi việc đều đúng như ý muốn: Tusca được chén no nê, Tusca uống rượu say khướt, còn đàn bà thì Tusca muốn mụ nào cũng được...

Bác thợ nề cáu kỉnh ngắt lời:

- Cái chính đâu có phải ở chỗ no với say?

- Thế thì ở cái gì?

- Ở những lời nói ấy!

- Ồ, tôi không đi sâu vào những lời của hắn ta. Ngay tôi đây cũng đã có quá nhiều lời rồi.

- Tusnicov Dimit'ri Vaxilitr thì chúng tôi biết khá rõ, - bác Piot nói bằng giọng bực dọc, còn bác Grigori thì cúi đầu im lặng nhìn vào cốc nước của mình.

- Tôi có định tranh luận đâu, - bác Oxiv tuyên bố bằng giọng dàn hoà. - Tôi chỉ muốn nói cho Macximitr của chúng ta biết những con đường kiếm sống khác nhau...

- Có những con đường còn dẫn đến nhà tù nữa...

- Chuyện đó chẳng phải hiếm! - bác Oxiv tán thành.

- Không phải con đường nào cũng dẫn đến chức cố đạo cả đâu. Cần phải biết rẽ ở chỗ nào mới được...

Bác luôn luôn hơi có ý châm chọc hai người mộ đạo là bác thợ trát và bác thợ nề. Có thể là bác không ưa họ, nhưng bác khéo che giấu thái độ đó của mình. Nói chung khó mà nhận thấy được thái độ của bác đối với mọi người như thế nào.

Đối với Efimusca, bác nhìn bằng con mắt có vẻ dịu dàng và hiền từ hơn. Bác thợ lợp mái ấy không hay tham dự vào những câu chuyện bàn về Chúa, về chân lí, về các giáo phái, về nỗi khổ của đời người là những đề tài mà các bạn bè của bác thường ưa thích. Sau khi đặt chiếc ghế nghiêng về phía bàn để lưng ghế khỏi làm phiền cái lưng gù, bác bình thản ngồi uống trà, hết cốc này đến cốc khác. Nhưng đột nhiên bác vểnh tai, nhìn quanh gian phòng mù mịt khói thuốc, lắng nghe những giọng nói ồn ào, rời rạc, rồi đứng phắt dậy và biến mất rất nhanh. Như thế tức là có một chủ nợ nào đó của Efimusca vừa bước vào quán, mà chủ nợ thì bác ta có ít nhất cũng đến một chục người, và vì có một số chủ nợ hay đánh bác nên bác phải chuồn ngay.

- Họ cáu đấy, bọn họ thật là kì quặc, - bác nói với vẻ băn khoăn. - Nếu có tiền thì việc gì tôi lại không trả cơ chứ?

- Ôi, thật là xơ xác rạc rài... - Bác Oxiv nói với theo bác ta.

Đôi khi Efimusca ngồi trầm ngâm rất lâu, không nhìn và nghe thấy gì hết. Khuôn mặt với đôi gò má nhô cao trông dịu lại, cặp mắt hiền từ nhìn càng hiền từ hơn.

- Nghĩ ngợi gì thế, ông bạn? - mọi người hỏi bác.

- Tôi đang nghĩ giá như tôi trở thành một người giàu có thì, chao ôi, tôi sẽ lấy ngay một bà quý phái thật sự, một bà quý tộc ấy, con gái một ông đại tá chẳng hạn. Trời, khi đó tôi sẽ yêu nàng đến thế nào! Có lẽ tôi sẽ sống bên cạnh nàng cho đến chết... Anh em ạ, vì đã có lần tôi đến để lợp mái biệt thự cho một ông đại tá...

- Và lão ta có một cô con gái goá chồng chứ gì - chuyện ấy chúng tôi đã nghe nói rồi! - Bác Piot ngắt lời với vẻ thiếu thiện cảm.

Nhưng Efimusca vẫn điềm nhiên lấy tay xoa hai đầu gối và lắc lư người, chiếc lưng gù như chọc vào không khí, rồi bác nói tiếp:

- Cô thường hay ra vườn, mặc toàn đồ trắng lộng lẫy. Tôi ngồi trên mái nhà nhìn cô, nghĩ thầm: mặt trời có ra gì, thế giới này có nghĩa gì, nếu như không có nàng? Giá tôi có thể biến thành một con chim bồ câu để bay xuống đậu dưới chân nàng! Nàng đúng là một bông hoa xanh da trời trong bình sữa! Được sống với một người như nàng, cả đời chỉ cần một đêm thôi cũng được!

- Thế các người định lấy gì mà chén? - Piot hỏi giọng nghiêm khắc, nhưng câu hỏi đó không làm cho Efimusca bối rối.

- Lạy Chúa! - bác ta thốt lên. - Chúng tôi có cần nhiều đâu cơ chứ? Nhất là nàng lại là người giàu có...

Bác Oxiv cười:

- Efimusca, anh hoang phí lắm, khi nào thì anh phung phí hết cái thân anh vào những công việc ấy?

Ngoài chuyện đàn bà, Efimusca không nói chuyện gì khác. Bác làm việc cũng thất thường: khi thì làm rất tốt, rất nhanh; khi thì trì trệ, chiếc búa gỗ đóng xuống các thanh xà có vẻ uể oải và cẩu thả, thường để lại những khe hở. Người bác ta luôn luôn bốc mùi dầu mỡ. Nhưng bác ta cũng có riêng của mình, một thứ mùi khoẻ khoắn và dễ chịu, tựa như mùi gỗ mới xẻ.

Với bác thợ mộc, có thể nói mọi chuyện một cách hứng thú, hứng thú nhưng không khoan khoái lắm. Những lời nói của bác luôn luôn làm trái tim băn khoăn, và khó mà biết được khi nào bác ta nói đứng đắn, khi nào bác ta nói đùa.

Với bác Grigori thì tốt hơn hết là nói chuyện về Chúa, bác

thích những chuyện đó và thường tỏ ra kiên định trong các cuộc bàn cãi.

- Grisa, - tôi hỏi, - bác có biết có những người không tin ở Chúa không?

Bác điềm tĩnh mỉm cười:

- Thế là thế nào?

- Họ bảo không có Chúa!

- À, ra thế! Điều đó tôi biết rồi!

Rồi, vừa phẩy tay xua một con ruồi không nhìn thấy, bác vừa nói:

- Anh có nhớ không, vua David đã từng nói: "Kẻ điên rồ trong trái tim không có Chúa". Đó, những kẻ điên rồ đã nói điều đó từ bao giờ ấy rồi! Không có Chúa, không thể nào ổn được...

Bác Oxiv có vẻ đồng ý với bác ta:

- Cứ thử cướp Chúa của của Petrukha xem, hắn sẽ cho anh biết tay!

Khuôn mặt xinh đẹp của Sislin trở nên nghiêm nghị, Bác dùng những ngón tay có vôi khô bám trên móng chải bộ râu, và nói với vẻ bí mật:

- Chúa nằm trong từng mạch máu thớ thịt. Lương tâm và mọi thứ bên trong đều do Chúa ban cho cả!

- Thế còn tội lỗi?

- Tội lỗi là do xác thịt, do quỷ Xa Tăng gây ra. Tội lỗi là cái bên ngoài, giống như những nốt rỗ hoa mà thôi, không hơn không kém! Kẻ phạm tội nhiều nhất chính là kẻ hay nghĩ đến việc phạm tội. Đừng nghĩ đến nó thì không phạm tội! Những ý nghĩ tội lỗi là do quỷ Xa Tăng, chính chủ nhân của xác thịt khêu gợi...

Bác thợ nề hoài nghi:

- Hình như không phải như vậy...

- Và lão ta có một cô con gái goá chồng chứ gì - chuyện ấy chúng tôi đã nghe nói rồi! - Bác Piot ngắt lời với vẻ thiếu thiện cảm.

Nhưng Efimusca vẫn điềm nhiên lấy tay xoa hai đầu gối và lắc lư người, chiếc lưng gù như chọc vào không khí, rồi bác nói tiếp:

- Cô thường hay ra vườn, mặc toàn đồ trắng lộng lẫy. Tôi ngồi trên mái nhà nhìn cô, nghĩ thầm: mặt trời có ra gì, thế giới này có nghĩa gì, nếu như không có nàng? Giá tôi có thể biến thành một con chim bồ câu để bay xuống đậu dưới chân nàng! Nàng đúng là một bông hoa xanh da trời trong bình sữa! Được sống với một người như nàng, cả đời chỉ cần một đêm thôi cũng được!

- Thế các người định lấy gì mà chén? - Piot hỏi giọng nghiêm khắc, nhưng câu hỏi đó không làm cho Efimusca bối rối.

- Lạy Chúa! - bác ta thốt lên. - Chúng tôi có cần nhiều đâu cơ chứ? Nhất là nàng lại là người giàu có...

Bác Oxiv cười:

- Efimusca, anh hoang phí lắm, khi nào thì anh phung phí hết cái thân anh vào những công việc ấy?

Ngoài chuyện đàn bà, Efimusca không nói chuyện gì khác. Bác làm việc cũng thất thường: khi thì làm rất tốt, rất nhanh; khi thì trì trệ, chiếc búa gỗ đóng xuống các thanh xà có vẻ uể oải và cẩu thả, thường để lại những khe hở. Người bác ta luôn luôn bốc mùi dầu mỡ. Nhưng bác ta cũng có riêng của mình, một thứ mùi khoẻ khoắn và dễ chịu, tựa như mùi gỗ mới xẻ.

Với bác thợ mộc, có thể nói mọi chuyện một cách hứng thú, hứng thú nhưng không khoan khoái lắm. Những lời nói của bác luôn luôn làm trái tim băn khoăn, và khó mà biết được khi nào bác ta nói đứng đắn, khi nào bác ta nói đùa.

Với bác Grigori thì tốt hơn hết là nói chuyện về Chúa, bác

- Đúng thế! Chúa không bao giờ phạm tội, còn con người là hình ảnh và sự tương đồng của Chúa. Hình ảnh và thể xác có thể phạm tội, còn cái tương đồng thì không thể phạm tội được. Cái tương đồng đó là linh hồn...

Bác ta mỉm cười một cách đắc thắng, còn bác Piot thì càu nhàu:

- Điều đó hình như không phải như vậy....

- Vậy theo anh, - bác Oxiv hỏi bác thợ nề, - nếu không phạm tội thì không sám hối, mà không sám hối thì không được cứu vớt chứ gì?

- Như thế có lẽ đúng hơn! Đã quên quỷ sứ thì cũng chẳng còn yêu gì Chúa, các cụ ta đã nói như vậy...

Bác Sislin không biết uống rượu, chỉ uống độ hai li nhỏ là bác đã say. Những lúc ấy mặt bác đỏ hồng lên, cặp mắt nom thơ ngây, giọng nói nghe như hát.

- Anh em ơi, mọi việc sao mà tuyệt vậy! Chúng ta sống, làm lụng đôi chút và được no nê. Cám ơn Chúa! Ôi! Thật là tuyệt!

Bác khóc, những giọt nước mắt nhỏ xuống chòm râu của bác và lấp lánh trên từng sợi râu trông như những chuỗi hạt cườm bằng thuỷ tinh.

Những lời bác thường xuyên ca ngợi cuộc đời cùng với những giọt nước mắt trong như thuỷ tinh ấy làm cho tôi khó chịu. Bà tôi ca ngợi cuộc đời một cách giản dị hơn và có sức thuyết phục hơn, nhưng không lải nhải như vậy.

Tất cả những buổi trò chuyện ấy đã khiến tôi sống trong một trạng thái luôn luôn căng thẳng, chúng gợi lên một nỗi lo lắng vẩn vơ. Tôi đã từng đọc nhiều truyện ngắn nói về con người mujic, và tôi thấy người mujic trong sách vở khác xa hẳn với người mujic bằng xương bằng thịt. Trong sách, tất cả những người mujic đều bất hạnh; dù họ hiền lành hay dữ tợn lời nói và ý nghĩ của họ đều nghèo nàn hơn những người mujic có thật.

Người mujic trong sách vở ít nói đến Chúa, đến các giáo phái và nhà thờ; họ thường nói nhiều về chủ của họ, về ruộng đất, về chân lí và những nỗi cực nhục của cuộc đời. Họ cũng ít nói về phụ nữ và không thô bỉ đến như thế, có phần thân ái hơn. Đối với người mujic thật, đàn bà là một thứ tiêu khiển, nhưng là một thứ tiêu khiển nguy hiểm. Với đàn bà luôn phải ranh mãnh, nếu không họ sẽ áp đảo và làm rối loạn tất cả cuộc sống. Người mujic trong sách vở hoặc là xấu hẳn hoặc là tốt hẳn, không bao giờ lại vừa xấu vừa tốt. Còn những người mujic thật thì chẳng tốt mà cũng chẳng xấu, họ tế nhị một cách kì lạ. Người mujic thật dù có thổ lộ hết tất cả trước mặt ta đi nữa, ta vẫn luôn luôn cảm thấy rằng ở họ, đang còn giữ lại một cái gì rất thầm kín, chỉ dành cho bản thân họ, và rất có thể chính cái không nói ra, cái ngấm ngầm đó lại là cái chủ yếu nhất.

Trong số tất cả những người mujic ở sách vở, tôi thích nhất nhân vật Piot trong *Acten thợ mộc*[1]. Tôi muốn đọc truyện ấy cho các bạn bè của tôi nghe, bèn đem cuốn sách đến hội chợ. Tôi thường hay phải ngủ đêm với phường này hoặc phường kia, đôi khi do tôi không muốn trở về thành phố vì trời mưa, nhưng thường là vì sau một ngày làm việc tôi rất mệt và không còn đủ sức để cuốc bộ về nhà nữa.

Khi tôi bảo tôi có một cuốn sách nói về thợ mộc, tin đó làm cho tất cả hết sức chú ý, nhất là bác Oxiv. Bác cầm lấy cuốn sách ở tay tôi, vừa dở từng trang vừa hoài nghi lắc lư cái đầu nom như đầu thánh.

- Mà có lẽ viết về chúng ta thật đấy! Hừ, lũ bịp bợm! Ai viết thế? Một nhà quý tộc à? Hừ, tôi cũng nghi như vậy. Các nhà quý tộc và quan trên cái gì họ cũng có thể làm được. Những cái Chúa chưa đoán ra, quan trên đã nghĩ ra rồi. Họ sinh ra để làm chuyện đó mà lại...

---

[1] Tuỳ bút của A. F. Pixemxki; nhân vật Piot trong truyện giết chết tên cu lắc thầu khoán.

- Oxiv, anh nói về Chúa chẳng thận trọng gì cả, - bác Piot nhận xét:

- Không sao! Đối với Chúa thì lời nói của tôi còn nhẹ hơn một bông tuyết hoặc một giọt nước mưa rơi vào cái đầu hói của tôi cơ đấy! Anh chớ lo, tôi với anh không đụng được đến Chúa đâu...

Bỗng nhiên bác tuôn ra những lời gay gắt tựa như một hòn đá lửa bắn ra những tia lửa. Bác dùng chúng như dùng những cái kéo để cắt đứt tất cả những gì chống đối lại mình. Suốt ngày hôm đó mấy lần bác hỏi tôi:

- Đọc sách chứ, Macximitr? Hừ, tốt lắm, tốt lắm! Nghĩ ra cái đó hay đấy.

Làm việc xong, chúng tôi đến phường của bác ăn tối. Ăn xong thì bác Piot cùng người thợ của bác là Acdalion và Sislin cùng với chàng thanh niên trẻ tuổi Foma tới. Trong gian nhà kho, chỗ ngủ của phường, người ta thắp lên một ngọn đèn, và tôi bắt đầu đọc sách. Mọi người yên lặng nghe, không nhúc nhích. Nhưng một lát sau Acdalion cáu kỉnh nói:

- Thôi, đối với tôi xin đủ!

Và bỏ ra ngoài. Người thiếp đi đầu tiên là bác Grigori, mồm há ra trông thật kì dị. Tiếp theo, cánh thợ mộc cũng ngủ nốt. Các bác Piot, Oxiv và Foma thì xích lại gần bên tôi và chăm chú nghe.

Tôi đọc xong, bác Oxiv liền tắt đèn. Nhìn các vì sao thấy trời đã gần nửa đêm.

Bác Piot hỏi trong bóng tối:

- Câu chuyện đó viết ra để làm gì? Phản đối ai?

- Thôi, đi ngủ đi! - bác Oxiv vừa nói vừa tháo ủng. Foma lặng lẽ dịch sang một bên.

Bác Piot nhắc lại, giọng yêu sách:

- Tôi hỏi: cái đó viết để phản đối ai?

- Họ khắc biết! - bác Oxiv vừa nằm xuống vừa trả lời.

- Nếu phản đối các mụ dì ghẻ thì đó là một việc hoàn toàn uổng công: các mụ ấy không phải vì thế mà sẽ tốt hơn, - bác thợ nề khăng khăng nói. - Còn nếu để phản đối Piot thì cũng vô ích: tội hắn thì hắn chịu! Giết người thì xin mời đi Xibiri, chỉ có thế thôi! Cuốn sách không giúp ích được gì trong trường hợp này... hình như không giúp ích được gì, có phải không?

Bác Oxiv im lặng. Bác thợ nề liền nói thêm:

- Họ không có việc gì làm, thành thử cứ đi tán chuyện người khác! Cũng kiểu như các bà ngồi rỗi chuyện tào lao với nhau. Thôi, xin chào, tôi phải đi ngủ đây...

Bác dừng lại một phút trong khoang cửa vuông màu xanh để ngỏ và hỏi:

- Anh nghĩ thế nào, Oxiv?

- Hử? - bác thợ mộc đáp bằng giọng ngái ngủ.

- Thôi được, ngủ đi...

Bác Sislin nằm lăn ngay ra chỗ vừa ngồi. Foma nằm trên đống rơm nát bên cạnh tôi. Thôn xóm đã ngủ cả. Từ xa vẳng lại tiếng còi đầu máy xe lửa, tiếng ầm ầm nặng nề của những bánh xe bằng gang, tiếng ngân vang của những đầu đệm giữa các toa xe. Trong gian nhà kho vang lên những tiếng ngáy khác nhau. Tôi cảm thấy lúng túng: tôi chờ đợi sẽ có những cuộc tranh luận nào đó, nhưng chẳng có gì hết...

Bỗng bác Oxiv cất tiếng nói nhỏ và rành rọt:

- Các chú này, đừng có tin một tí gì ở những điều ấy cả. Các chú còn trẻ, cuộc đời của các chú còn dài, hãy tích luỹ thêm trí tuệ của mình! Nó đáng giá bằng hai của người khác! Ngủ rồi à? Foma?

- Chưa, - Foma đáp lại ngay.

- Thế đấy! Hai chú đều biết chữ, vậy các chú cứ việc đọc, nhưng chớ có tin gì cả. Họ có thể in tất cả những gì họ muốn, việc đó nằm trong tay họ!

Bác thả hai chân ở trên xuống, hai tay chống vào mép gác lửng, cúi về phía chúng tôi và nói tiếp:

- Sách ấy à? Cần phải quan niệm nó như thế nào? Sách là bản báo cáo về con người. Nó nói: hãy trông xem thế nào là một con người bình thường, chẳng hạn như một anh thợ mộc hoặc một người nào khác; còn đây là một nhà quý tộc, đó là một hạng người khác! Sách viết ra không phải không có mục đích, mà chính là để bảo vệ cho những hạng người nào đó...

Foma nói bằng giọng trầm trầm:

- Piot giết lão thầu khoán là đúng!

- Ồ, đâu có phải thế! Giết người thì không bao giờ đúng cả. Tôi biết chú không ưa Grigori, nhưng chú phải bỏ những ý nghĩ ấy đi. Tất cả chúng ta đều là những người chẳng giàu có gì. Hôm nay tôi là chủ, nhưng mai tôi sẽ lại là người làm công...

- Cháu có nói với bác đâu, bác Oxiv...

- Nói ai thì cũng vậy...

- Bác thật là một người công bằng.

- Khoan đã, tôi sẽ kể cho chú nghe người ta viết sách để làm gì, - bác Oxiv cắt ngang những lời bực dọc của Foma. - Đây là một cuốn sách rất tinh quái! Này nhé: có địa chủ không có mujic, và có mujic không có địa chủ! Bây giờ thử xem sao: địa chủ cũng khổ mà mujic cũng chẳng sung sướng gì. Địa chủ trở thành yếu đuối, sa đoạ; còn mujic thì trở nên khoác lác, rượu chè, đau ốm, bực tức. Đó, câu chuyện là như thế! Cuốn sách định nói rằng sống dưới chế độ nông nô thì sướng hơn: địa chủ dựa vào mujic, mujic dựa vào địa chủ, và cả hai đều no ấm, yên ổn... Đúng, tôi không phủ nhận rằng dưới thời nông nô người ta sống yên ổn hơn. Địa chủ không lợi gì nếu mujic nghèo đói. Họ muốn mujic giàu có nhưng ngu dốt, như thế có lợi cho họ. Điều đó tôi biết rõ bởi vì chúng tôi đã từng sống gần bốn mươi năm dưới thời nông nô. Trên da thịt tôi đã ghi lại nhiều dấu vết lắm rồi.

Tôi nhớ đến bác đánh xe ngựa Piot[1] - người đã cắt cổ tự tử - cũng đã nói về địa chủ y như thế. Tôi cảm thấy rất khó chịu thấy những ý nghĩ của bác Oxiv lại trùng với những ý nghĩ của lão già độc ác đó.

Bác Oxiv vừa đưa tay sờ chân tôi, vừa nói tiếp:

- Cần phải hiểu được những sách vở và đủ các loại tác phẩm! Không ai đi làm những chuyện vô ích bao giờ. Nếu thấy có vẻ như vô ích thì chẳng qua đó chỉ là bề ngoài mà thôi. Ngay sách viết ra cũng không phải là không có mục đích, mà là để xáo trộn đầu óc người ta. Mọi thứ đều được làm ra bằng trí tuệ, không có trí tuệ thì đẵn gỗ cũng chẳng xong, bện giày gai cũng chẳng nổi...

Trong bóng tối và trong bầu không khí yên lặng bác nói rất lâu, hết nằm xuống lại nhổm lên, miệng khe khẽ tuôn ra những câu khôi hài mạch lạc:

- Người ta bảo địa chủ là những kẻ xa lạ đối với mujic. Điều đó cũng không đúng. Chúng ta cũng là những người như địa chủ thôi, chỉ có điều chúng ta là hạng tột cùng. Tất nhiên địa chủ học theo sách vở, còn tôi thì học bằng những trận đòn, và những mông đít của địa chủ thì trắng hơn, khác nhau chỉ có thế thôi. Không đâu, các anh ạ, đã đến lúc thiên hạ phải sống theo một lối khác rồi, những sách vở đó cần phải vứt bỏ đi thôi, phải xếp nó lại! Hãy để cho mỗi người tự hỏi mình: Tôi là ai? Là con người. Còn họ là ai? - Cũng là con người. Vậy thì sao? Chúa có đòi hỏi họ hay tôi phải đóng góp khác nhau một hai copec nào chăng? Ồ, không, nói về thuế má chúng ta và họ đều bình đẳng trước Chúa...

Cuối cùng, lúc gần sáng, khi bình minh đã làm tắt tất cả các vì sao, bác Oxiv bảo tôi:

- Chú đã thấy tài ăn nói của tôi chưa? Nhiều điều tôi nói, chính tôi trước kia cũng chưa bao giờ nghĩ đến! Các chú ạ, các

---

[1] Xem chương IX trong cuốn *Thời thơ ấu của* Gorki.

chú chớ có tin tôi. Tôi làm như vậy, chính là vì không ngủ được chứ không phải thật đâu. Nằm cứ trơ ra, thành thử phải nghĩ ra một trò gì để giải trí: "Dạo trước có một con quạ khoang, nó bay từ cánh đồng lên núi, từ bờ ruộng này sang bờ ruộng kia. Nó sống hết thời, Chúa bèn trừng phạt nó: quạ chết và khô đét lại!" Câu chuyện như vậy thì có ý nghĩa gì? Chẳng có ý nghĩa gì hết... Thôi, ta ngủ đi. Sắp đến lúc dậy rồi...

XVIII

Cũng giống như anh thợ đốt lò Iacov trước kia, dưới con mắt tôi bác Oxiv mỗi ngày một lớn và che khuất tất cả mọi người. Ở bác có một cái gì rất gần gũi với anh thợ đốt lò, nhưng đồng thời lại khiến tôi liên tưởng đến ông ngoại tôi, đến lão già thông thái Piot Vaxilievitr và bác đầu bếp Xmurưi. Tuy bác giống tất cả những con người mà hình ảnh của họ đã gắn chặt trong tâm trí tôi, nhưng bác vẫn để lại trong đó một vết hằn sâu, thâm nhập vào như chất oxit gặm nhấm chiếc chuông đồng hồ vậy. Có thể nhận thấy ở bác hai lối suy nghĩ: ban ngày trong lúc làm việc, trước mặt mọi người, những ý nghĩ linh lợi và giản dị của bác có phần thực tế và dễ hiểu hơn những ý nghĩ hiện ra trong đầu óc bác vào lúc nghỉ ngơi, vào những buổi chiều tối, khi bác cùng tôi đi vào thành phố, về nhà bà cụ mẹ nuôi làm nghề bán bánh rán của bác, hoặc vào những đêm bác mất ngủ. Những ý nghĩ ban đêm của bác có những nét độc đáo, nhiều khía cạnh, giống như ngọn lửa trong chiếc đèn lồng vậy. Chúng rất sáng, nhưng không hiểu đâu là mặt chính của chúng, mặt nào của một ý nghĩ nào đó gần gũi và quý giá hơn đối với bác Oxiv?

Tôi cảm thấy bác thông minh hơn hẳn tất cả những người tôi

đã từng gặp trong một lúc nào đấy. Tôi quẩn quanh bên cạnh bác với tâm trạng giống như khi quẩn quanh bên anh thợ đốt lò: tôi muốn tìm hiểu con người, nhưng bác cứ trơn tuột và ngoằn ngoèo khiến tôi không tài nào bắt được. Sự thật của bác ẩn khuất ở đâu? Có thể tin những gì ở bác?

Tôi nhớ lại, có lần bác đã từng bảo tôi:

- Anh hãy tự tìm kiếm xem tôi là người thế nào. Anh cứ tìm đi!

Lòng tự ái của tôi bị va chạm, nhưng trong tôi còn có một cái gì khác bị va chạm hơn cả lòng tự ái. Đối với tôi, hiểu được ông già này là một điều hết sức cần thiết.

Mặc dù ở bác có những cái khó hiểu, nhưng bác là một người kiên định. Tôi có cảm tưởng như dù có sống thêm một trăm năm nữa, bác cũng vẫn y nguyên như thế, vẫn đứng vững giữa những con người hay dao động một cách kì lạ này. Lão già thông thái cũng đã từng gây cho tôi một ấn tượng về tính cương nghị như vậy, nhưng ấn tượng đó không làm cho tôi dễ chịu lắm. Tính cương nghị của bác Oxiv không giống như thế, nó có phần dễ chịu hơn.

Tính bấp bênh của mọi người đập vào mắt tôi một cách quá ư rõ rệt, những bước nhảy xảo trá của họ từ vị trí này qua vị trí kia đã từng làm tôi phải đảo lộn. Tôi không còn đủ sức để ngạc nhiên trước những bước nhảy không thể cắt nghĩa nổi đó nữa, và dần dần chúng đã dập tắt mất lòng quan tâm tha thiết của tôi đối với mọi người, làm lung lay lòng yêu mến của tôi đối với họ.

Một hôm, vào đầu tháng Bảy, một chiếc xe ngựa ọc ạch vội vã chạy đến chỗ chúng tôi làm việc. Trên chỗ ngồi của người đánh xe có một bác xà ích say rượu rậm râu, đầu để trần, môi bị rách, vừa ngồi vừa nấc một cách buồn bã. Trong xe, bác Grigori Sislin say rượu nằm ườn ra. Một cô ả to béo, má đỏ, đỡ nách bác

ta. Cô ả đội chiếc mũ rơm có tết băng đỏ và đính những quả anh đào bằng thuỷ tinh, tay cầm một chiếc ô nhỏ, chân đi giày cao su không bít tất. Cô ta vừa múa may chiếc ô, người đung đưa, vừa cười hô hố vừa la hét:

- Ồ, lũ quỷ sứ! Hội chợ chưa khai mạc, chưa có hội chợ thế mà họ lại lôi mình đến hội chợ!

Bác Grigori người phờ phạc, ủ rũ, bò từ trên xe xuống, ngồi phệt xuống đất, vừa khóc vừa nói với chúng tôi, những người đứng xem:

- Tôi... tôi xin quỳ ở đây, tôi đã phạm quá nhiều tội lỗi rồi! Tôi đã suy nghĩ mà vẫn phạm tội, như thế đấy! Efimusca bảo: Grisa, Grisa,[1] hắn nói... Hắn nói đúng đấy, nhưng xin các người hãy tha thứ cho tôi! Tôi có thể thết đãi tất cả các người. Hắn nói đúng đấy: chúng ta chỉ sống có một lần... Sống quá một lần không thể được...

Cô gái vừa cười ran, vừa giậm chân văng cả giày cao su đi. Còn gã xà ích thì cau có nói:

- Mau lên, đi thôi! Không thể dừng ngựa lâu được!

Con ngựa, một con nghẽo già nua, mệt lử, mõm sùi đầy bọt, đứng như chôn chân xuống đất. Nhìn những cảnh tượng ấy không tài nào nhịn cười được. Toán thợ của bác Grigori nhìn chủ, nhìn người con gái diêm dúa và lão xà ích ngây ngô, rồi cứ thế mà cười bò ra.

Chỉ có Foma là không cười. Anh ta đứng cạnh tôi trong khoang cửa của cửa hàng, nói lẩm bẩm:

- Đồ lợn ỉ... Trong khi đó thì ở nhà hắn có một mụ vợ khá là xinh!

Lão xà ích vẫn cứ giục đi. Cô ả ở trên xe bước xuống vực Grigori lên xe, đặt bác ta nằm bên cạnh chân mình, rồi vung ô hét:

---

[1] Tức Grigori.

- Đi thôi!

Theo tiếng gọi của Foma, mọi người bắt tay vào công việc. Họ nhạo báng ông chủ của họ một cách hiền hậu, nhưng có phần ghen tức. Foma hình như cảm thấy khó chịu khi thấy bác Grigori trở thành lố lăng như vậy.

- Thế mà cũng đòi gọi là ông chủ! - anh ta lẩm bẩm. - Chỉ còn làm có không đầy một tháng nữa thôi, sau đó chúng ta sẽ trở về làng... Thế mà không sao chịu được...

Tôi cảm thấy giận thay cho bác Grigori: ở bên cạnh bác ta, cô ả đội mũ có đính những quả anh đào ấy trông lố bịch đến phát ghét.

Nhiều lúc tôi tự nghĩ: tại sao Grigori Sislin là chủ, còn Foma Tuscov là người làm công?

Là một thanh niên tráng kiện, trắng trẻo, tóc quăn, mũi nhọn như mỏ kền kền, có khuôn mặt tròn với cặp mắt xám thông minh, Foma trông không giống mujic tí nào. Nếu được ăn mặc bảnh bao, anh ta có thể đóng vai con một gia đình thương nhân khá giả. Anh là một người luôn luôn rầu rĩ, ít nói và thường nói giọng nghiêm trang. Vì biết đọc, biết viết nên anh làm công việc tính toán cho người thầu khoán và lập các bảng dự toán. Anh biết cách buộc các bạn của anh phải làm việc đến nơi đến chốn, nhưng bản thân anh lại làm việc một cách miễn cưỡng.

- Già đời cũng không làm hết việc đâu, - anh thản nhiên nói.

Đối với sách vở anh nhận xét có vẻ miệt thị:

- Muốn in ra cái gì mà chẳng được. Tớ có thể bịa ra bất kì chuyện gì mà cậu muốn, cái đó chẳng có gì đáng kể...

Nhưng đối với mọi chuyện anh đều chăm chú lắng nghe. Và nếu anh thích thú điều gì, anh căn vặn rất tỉ mỉ, anh luôn luôn suy nghĩ về một điều gì đó của riêng anh, luôn luôn ướm đo mọi thứ theo cách riêng của mình.

Một hôm tôi bảo Foma rằng đáng lẽ anh ta phải làm nghề thầu khoán mới phải. Anh uể oải đáp lại:

- Nếu như tớ có ngay được vài nghìn bạc thì còn xoay xở được... Đằng này cứ phải quẩn quanh bên thiên hạ để kiếm lấy từng xu thì đừng nói chuyện gì hết. Tớ còn xem sao đã, chưa biết chừng tớ sẽ bỏ đến tu viện ở Oremca. Tớ khoẻ mạnh, đẹp trai, rất có thể một mụ thương gia goá chồng nào đó cảm cũng nên! Những chuyện như vậy không phải là không có. Có một anh chàng người ở Xecgat chỉ trong có hai năm đã làm nên lại kiếm được vợ, cô ả là người ở thành phố này. Anh chàng hay đem tượng thánh đến các nhà, và thế là cô nàng mê tít anh ta...

Đây là một câu chuyện đã được anh sắp đặt cẩn thận. Anh ta biết nhiều chuyện về việc nhờ tu hành ngoan ngoãn mà người ta đạt đến một cuộc sống dễ chịu như thế nào. Tôi không thích những câu chuyện của Foma, cả lối suy nghĩ của anh ta tôi cũng không thích, nhưng tôi tin rằng nhất định anh sẽ đi tu.

Hội chợ mở, và điều bất ngờ đối với mọi người là Foma đi làm nghề hầu hạ ở quán ăn. Tôi không nói rằng việc đó đã làm cho các bạn bè của anh ngạc nhiên, nhưng họ bắt đầu nhạo báng anh. Cứ đến ngày nghỉ, khi tụ tập để uống trà, họ lại mỉm cười bảo nhau:

- Ta ra chỗ thằng "bồi" của ta đi!

Đến quán ăn, họ lên giọng ông chủ thét:

- Ê, bồi! Bồi tóc quăn, lại đây!

Foma bước tới hơi ngẩng đầu, hỏi:

- Các ông sai gì?

- Không nhận ra người quen ư?

- Tôi không có thì giờ nhận mặt người quen...

Anh cảm thấy bạn bè khinh miệt anh, muốn trêu chọc anh, và anh nhìn họ bằng cặp mắt chờ đợi buồn chán. Khuôn mặt anh lì lì như gỗ, nhưng hình như nó muốn nói:

"Các người cứ cười đi, nhanh lên, còn chờ gì nữa..."

- Muốn xin tiền chè nước không? - họ hỏi anh và cố lục lọi ví tiền thật lâu, để rồi chẳng cho anh một copec nào.

Tôi hỏi Foma tại sao anh ta đã toan đi tu lại bỏ đi làm tôi tớ.

- Tớ không định đi tu, - anh đáp, - còn nghề đi ở thì tớ sẽ không làm lâu đâu.

Bốn năm sau, tôi gặp lại anh ở Xarixưn, lúc này anh vẫn làm hầu bàn ở quán ăn. Sau đó tôi đọc báo thấy nói Foma Tuscov bị bắt vì tội định bẻ khóa ăn trộm.

Đặc biệt làm tôi kinh ngạc nhất là chuyện bác thợ nề Acdalion, người thợ cả giỏi nhất trong phường bác Piot. Bác mujic trạc bốn mươi tuổi ấy râu cằm đen, tính tình vui vẻ, cũng thường hay vô tình nêu ra câu hỏi: tại sao chủ không phải là bác ta, mà là bác Piot? Bác ít khi uống rượu votca và hầu như không bao giờ uống đến say. Bác hiểu biết nghề nghiệp của mình một cách thành thạo. Bác làm việc với lòng ham say. Những viên gạch tung bay trong tay bác hệt như những con chim bồ câu đỏ. Bên cạnh bác, bác Piot bệnh hoạn và rầu rĩ trở thành một con người hoàn toàn thừa ở trong phường. Bác nói về công việc của mình như sau:

- Ta xây nhà gạch cho thiên hạ ở, còn cho mình thì chỉ dành được một chiếc quan tài bằng gỗ...

Bác Acdalion hăng say vui vẻ đặt gạch để xây, chốc chốc lại la lên:

- Ê, sáng danh Chúa, hãy nhanh tay lên anh em ơi!

Rồi bác kể với mọi người rằng mùa xuân năm sau bác sẽ đi Tomxc. Ở đó người em rể của bác mới nhận thầu một công trình lớn - xây nhà thờ - nên mời bác tới làm trưởng kíp.

- Việc này tôi đã nhất quyết rồi. Tôi thích xây cất nhà thờ lắm! - Bác nói và rủ tôi: Anh đi với tôi! Ở Xibiri những người có học dễ làm ăn lắm, người anh em ạ. Ở đó ai có học thức tha hồ mà làm vương làm tướng!

Tôi bằng lòng. Bác Acdalion liền kêu lên với vẻ đắc thắng:

- Có thế chứ! Nói thật đấy, chẳng phải nói chơi đâu...

Đối với bác Piot và Grigori, bác thường hay nhạo báng với thái độ hiền hậu như người lớn chế nhạo trẻ con. Bác bảo bác Oxiv:

- Bọn khoác lác! Chúng khoe khoang với nhau về hiểu biết của mình như những tay cờ bạc ấy. Người này nói: Trông đấy, bài tôi thế này cơ mà! Người khác nói: Còn tôi, tôi có chủ bài đấy!

Bác Oxiv trả lời lơ lửng:

- Làm sao khác được? Ba hoa là thói của người đời. Có cô gái nào khi đi mà không ưỡn ngực về phía trước.

- Họ cứ kêu trời đất thế, trong khi đó thì tiền bạc vẫn tích cho rõ nhiều! - bác Acdalion vẫn chưa chịu thua.

- Grisa có tích gì đâu...

- Tôi đang nói về ông chủ của tôi. Hãy cứ đi theo Chúa vào rừng đến một nơi hoang vu nào đó xem... Ôi, tôi chán chốn này lắm rồi. Đến mùa xuân là tôi đi Xibiri thôi...

Đám công nhân ghen tị với bác Acdalion, họ nói:

- Nếu chúng tôi có được một người để nương tựa như em rể ông thì chúng tôi cũng chẳng sợ gì Xibiri...

Rồi sau đó, bác Acdalion bỗng biến mất. Chủ nhật bác bỏ phường đi và suốt ba ngày không ai biết bác ở đâu cả.

Mọi người lo lắng phỏng đoán:

- Có lẽ đứa nào giết hắn ta rồi chăng?

- Hay là đi tắm chết đuối?

Nhưng bác Efimusca trở về, ngượng nghịu tuyên bố:

- Acdalion đi chơi gái rồi!

- Nói láo cái gì thế! - Bác Piot hoài nghi hét lên.

- Chơi gái, rượu chè. Chẳng qua cũng như cái lò cháy từ bên trong cháy ra mà thôi. Hình như người vợ đáng yêu của hắn mới chết rồi...

- Hắn goá vợ rồi! Bây giờ hắn ở đâu?

Bác Piot bực tức đi tìm Acdalion, nhưng bị bác Acdalion đánh cho một trận.

Thấy vậy, bác Oxiv cắn chặt môi, thọc sâu hai tay vào túi, nói:

- Để tôi đi xem tại sao lại thế! Hắn là một người tốt...

Tôi đi theo bác ta. Dọc đường bác Oxiv bảo tôi:

- Thế đấy, một con người đã sống bao nhiêu năm, mọi việc tưởng như đều đâu vào đấy cả, thế mà bỗng nhiên cong đuôi lên chạy và sống lăn lóc ở các bãi hoang. Chú hãy trông đấy mà rút lấy bài học, Macximitr ạ...

Chúng tôi tìm vào một trong số những nhà rẻ tiền của "xóm giải sầu" ở Cunavino. Một mụ già trông có vẻ gian giảo ra tiếp chúng tôi. Bác Oxiv nói thì thào với mụ, mụ dẫn chúng tôi vào một căn phòng nhỏ trống rỗng, tối tăm và bẩn thỉu như một ngăn chuồng bò. Trên giường một người đàn bà to béo đang nằm ườn ra ngủ. Mụ già giơ nắm tay thúc vào sườn người đó và bảo:

- Ê, con ếch này, đi ra ngoài kia!

Người đàn bà hoảng hốt nhổm dậy, lấy hai ngón tay lau mắt, hỏi:

- Lạy Chúa! Ai thế? Cái gì thế?

- Mật thám đến! - bác Oxiv nghiêm nghị nói.

Người đàn bà kêu lên rồi chuồn mất. Bác Oxiv nhổ nước bọt theo mụ và giải thích cho tôi:

- Chúng nó sợ mật thám còn hơn sợ cả quỷ sứ nữa...

Mụ già tháo ở tường xuống một chiếc gương nhỏ và khẽ nâng mảnh giấy bồi lên.

- Ông nhìn xem, có phải người này không?

Bác Oxiv nhìn qua khe vách.

- Chính hắn! Hãy đuổi cô ả ra...

Tôi cũng nhòm vào khe vách: trong một căn phòng cũng chật chội như căn phòng chúng tôi đang đứng, trên bệ chiếc cửa sổ có cửa chớp đóng kín thắp một ngọn đèn bằng sắt tây, cạnh đó có một cô gái người Tacta mắt hiếng, cởi trần, đang đứng khâu áo. Phía sau cô ta, bộ mặt sưng húp của Acdalion nhô cao lên trên hai chiếc gối ở giường. Bộ râu đen rối tung của bác ta vểnh lên. Cô ả Tacta giật mình, khoác chiếc áo lên người, đi ngang qua giường và bỗng hiện ra ở phòng chúng tôi.

Bác Oxiv nhìn cô ta và lại nhổ nước bọt nói:

- Hừ, đồ không biết dơ.

- Còn lão là đồ ngốc, - cô ta cười trả lời.

Bác Oxiv cũng bật cười, giơ ngón tay lên doạ cô ta.

Chúng tôi vào phòng cô gái Tacta. Ông già ngồi lên giường phía chân Acdalion và lay gọi bác ta rất lâu, nhưng vô hiệu quả. Bác ta cứ nói lẩm bẩm.

- Thôi được... chờ một lát, chúng tôi cùng đi...

Cuối cùng bác tỉnh dậy, nhìn bác Oxiv và tôi bằng cặp mắt man rợ. Sau đó đôi mắt đỏ ngầu của bác lại nhắm lại, bác rên rỉ:

- Hừ, hừ...

- Đằng ấy làm sao thế? - bác Oxiv hỏi giọng bình tĩnh, không có vẻ gì trách móc, nhưng không được vui.

- Tuý luý một trận, - Acdalion thở khò khè, vừa ho vừa nói:

- Sao ông lại thế?

- Thì nó là như vậy...

- Chắc có điều gì không hay...

- Còn có gì hay nữa...

Acdalion với lấy một chai rượu votca đã mở nút sẵn trên mặt bàn và bắt đầu tu, sau đó mời bác Oxiv:

- Uống không? Hình như có đồ nhắm ở đâu đấy...

Ông già rót rượu vào miệng, nuốt ừng ực, mặt nhăn lại, sau

đó lấy một miếng bánh mì và chăm chú nhai. Acdalion vẻ mặt rầu rĩ, nói uể oải:

- Tôi đi lại với cô ả Tacta ấy đấy. Chỉ tại Efimusca cả thôi. Hắn bảo cô ta trẻ, là một cô gái mồ côi ở Caximov, sắp đi dự hội chợ.

Từ bên kia tường vọng sang một giọng nói vui vẻ, đứt quãng:

- Con gái Tacta tuyệt nhất trần đời! Cứ y như gà mái tơ ấy. Anh hãy đuổi lão già ấy đi. Lão ta có phải là bố đẻ của anh đâu...

- Chính cô ta đấy. - Acdalion nói lẩm bẩm, cặp mắt đờ đẫn nhìn lên vách.

- Tôi đã trông thấy rồi, - bác Oxiv nói.

Acdalion quay về phía tôi:

- Tôi bây giờ như thế đấy, người anh em ạ...

Tôi cứ tưởng bác Oxiv sẽ trách móc Acdalion, lên lớp cho bác ta, khiến bác ta sẽ bối rối hối hận. Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Họ ngồi bên nhau, vai kề vai, trao đổi với nhau những câu ngắn ngủi một cách bình thản. Nhìn họ ngồi trong căn phòng tối tăm, bẩn thỉu này tôi cảm thấy thật là buồn. Cô gái Tacta vẫn nói qua kẽ vách những câu khôi hài, nhưng họ không để ý nghe. Bác Oxiv cầm lấy con cá khô trên bàn, đập vào ủng và thận trọng bóc lớp da ra. Vừa làm bác vừa hỏi:

- Hết nhẵn tiền rồi phải không?

- Petrukha còn nợ tôi một ít...

- Liệu đấy, bây giờ có còn định đi Tomxc nữa không?

- Ôi dào, chuyện đi Tomxc thì...

- Hay lại thay đổi ý rồi?

- Nếu người ngoài mời thì tôi sẽ đi.

- Thế là thế nào?

- Còn nếu như đứa em gái tôi với chồng nó mời thì...

- Thì sao?

- Chẳng hay ho gì cái chuyện phải quỵ luỵ họ hàng mình đâu...

- Chuyện ấy thì ở đâu cũng thế thôi.

- Nhưng dù sao...

Họ nói chuyện với nhau thân mật và nghiêm trang đến nỗi cô gái Tacta thôi không dám trêu chọc họ nữa. Cô ta vào phòng, lẳng lặng lấy chiếc áo dài treo trên tường xuống rồi chuồn mất.

- Cô ả trẻ thật! - bác Oxiv nói:

Acdalion nhìn bác Oxiv, nói một cách thản nhiên:

- Tất cả chỉ tại Efimusca thôi, cái thằng ông mãnh ấy. Hắn không biết gì ngoài đàn bà sất cả... Còn cô ả Tacta thì vui tính thật, lúc nào cũng nhả nhớt...

- Cứ liều liệu đấy, kẻo không ra khỏi chốn này đâu, - bác Oxiv dặn Acdalion, và sau khi nhai nốt miếng cá cuối cùng, bác ra về.

Dọc đường về nhà, tôi hỏi bác Oxiv:

- Bác đến chỗ ấy làm gì?

- Để xem thế nào. Hắn là chỗ quen biết. Tôi đã gặp nhiều chuyện như thế này lắm rồi: sống bao nhiêu năm chẳng sao, bỗng nhiên bỏ đi như trốn tù ấy, - bác nhắc lại điều trước kia bác đã nói. - Cần phải tránh đừng có rượu chè vào!

Nhưng lát sau bác lại bảo:

- Nhưng không có nó cũng buồn lắm!

- Không có rượu ấy ư?

- Phải! Mỗi khi uống rượu vào tưởng như được đi sang một thế giới khác...

Bác Acdalion quả không thoát ra được. Mấy hôm sau bác đi làm, nhưng chẳng bao lâu bác lại biến mất. Đến mùa xuân thì tôi gặp bác trong đám người du thủ du thực, đang phá lớp băng đóng xung quanh một chiếc sà lan đậu ở một lạch sông. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, chúng tôi rủ nhau vào quán uống trà. Trong lúc uống, bác khoe với tôi:

- Anh còn nhớ tôi là một tay thợ như thế nào chứ hả? Phải

nói thẳng, trong cái nghề của tôi thì tôi là chúa! Tôi có thể kiếm được hàng trăm rúp...

- Vậy mà bác chẳng kiếm được đồng nào cả.

- Không kiếm được đồng nào, tất nhiên! - bác kêu lên với vẻ kiêu hãnh. - Tôi không thèm làm đấy chứ!

Bác nói bô bô. Những người ở trong quán chăm chú lắng nghe những lời nói sôi nổi của bác.

- Anh còn nhớ Petrukha, tên ăn cắp ngấm ngầm ấy nói về công việc như thế nào không? Đi xây nhà gạch cho thiên hạ, còn cho mình thì chỉ dành được một chiếc quan tài bằng gỗ. Đó, tất cả công việc là thế đấy!

Tôi nói:

- Petrukha ốm, bác ấy sợ chết.

Nhưng Acdalion thét lên:

- Tôi cũng ốm, tâm thần tôi hình như cũng không ổn định!

Vào những ngày nghỉ, tôi thường rời trung tâm thành phố đi xuống phố "Milion", nơi trú ngụ của những người du thủ du thực. Và tôi đã thấy Acdalion trở thành một tên lính của đội quân "lưu manh" một cách nhanh chóng như thế nào. Mới năm ngoái bác ta còn vui vẻ và đứng đắn là thế, vậy mà bây giờ đã trở thành một người ba hoa, có một lối đi đứng đặc biệt, khệnh khà khệnh khạng, thường nhìn mọi người bằng cặp mắt thách thức, hệt như muốn thách người ta tranh luận và đánh nhau với mình.

Hơn nữa, lúc nào bác ta cũng khoe khoang:

- Anh hãy xem mọi người đối với tôi như thế nào. Ở đây tôi chẳng khác gì một thủ lĩnh!

Vốn không biết tiếc tiền, kiếm được bao nhiêu bác thường cho những người du thủ du thực chè chén. Mỗi khi đánh nhau bác thường đứng về phe yếu và hay kêu gọi.

- Anh em ơi, sai rồi! Cần phải hành động cho đúng đắn!

Do thế mà mọi người đặt cho bác cái tên là "Đúng Đắn". Bác rất thích thú với cái đó.

Tôi ra sức quan sát những con người bị lèn chặt vào trong cái túi đá cũ kĩ và bẩn thỉu của cái khu phố này. Bọn họ đều là những người đã bị tách khỏi cuộc sống, nhưng hình như họ đã tự tạo cho họ một cuộc sống riêng, vui vẻ, không phụ thuộc vào các ông chủ. Nhìn những người bị bỏ rơi, không được ai săn sóc đó, tôi nhớ đến những chuyện ông tôi kể về những người kéo thuyền đã trở thành kẻ cướp và ẩn sĩ một cách dễ dàng như thế nào. Khi đã không có việc làm thì họ không còn coi việc ăn cắp vặt ở các tàu thuỷ và sà lan là đáng ghê tởm nữa. Nhưng điều đó không làm cho tôi cảm thấy bối rối. Tôi nhận thấy toàn bộ cuộc sống đều được chắp vá bằng thói ăn cắp giống như chiếc áo caftan cũ được khâu bằng những sợi chỉ màu xám vậy. Đồng thời tôi cũng nhận thấy rằng những con người này đôi khi làm việc rất say sưa, không hề tiếc sức, một cảnh tượng thường thấy trong những chuyến bốc hàng cấp tốc, những khi cháy nhà hoặc lúc băng trôi, và nói chung họ sống vui vẻ hơn cả những người khác.

Nhưng khi thấy tôi kết bạn với Acdalion, bác Oxiv liền can ngăn tôi với thái độ một người cha:

- Nghe đây, cháu của bác, cháu chơi thân quá với cái bọn ở đường "Milion" ấy làm gì? Coi chừng, đừng có chuốc lấy vạ vào thân đấy...

Biết sao nói vậy, tôi bảo bác rằng tôi ưa những người đó, họ sống vui vẻ, không phải làm việc.

- Bọn chúng sống như chim trên trời ấy, - bác mỉm cười, ngắt lời tôi. - Chúng muốn sống như thế vì đó là bọn lười biếng, bọn người vô dụng. Làm việc đối với chúng là một điều khổ sở!

- Làm việc để làm gì cơ chứ? Người ta thường nói: thực thà sao kiếm nổi nhà cao!

Tôi nói như vậy một cách dễ dàng vì tôi đã được nghe quá nhiều câu ngạn ngữ này, và tôi cảm thấy nó đúng. Nhưng bác Oxiv nổi nóng với tôi và thét lên:

- Ai nói như thế? Bọn ngu ngốc và lười biếng hẳn thôi. Cháu đừng có nghe những lời đó, con chó con ạ! Hừ, liệu đấy! Những điều ngu xuẩn ấy đều do những kẻ hay ghen ghét và bọn thất cơ lỡ vận nói ra cả. Cháu hãy mọc cho đủ lông đủ cánh rồi hãy đòi bay bổng! Còn chuyện kết bạn của cháu, bác sẽ mách ông chủ cho mà xem, rồi chớ có giận!

Và bác mách thật. Ngay trước mặt bác, cậu chủ bảo tôi:

- Pescov, anh đừng có bén mảng đến cái phố "Milion" ấy nữa! Ở đó toàn là bọn ăn cắp và gái điếm cả thôi. Con đường đến đấy chính là con đường đưa đến nhà tù và nhà thương. Anh hãy thôi ngay đi!

Từ đó trở đi mỗi khi xuống chơi phố "Milion" tôi đều phải giữ kín, nhưng rồi chẳng bao lâu tôi buộc phải thôi hẳn việc đó.

Một hôm tôi với Acdalion và người bạn của bác ta biệt hiệu là "Con Nít" ngồi chơi trong mái nhà kho trong sân một ngôi nhà. "Con Nít" kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện vui về việc bác ta đã cuốc bộ từ thành phố Roxtov trên sông Đông tới Moxcva như thế nào. Nguyên bác là lính công binh, đã từng được thưởng huân chương thánh George. Trong cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kì bác bị thương ở đầu gối và từ đó bị thọt. Dáng người thấp, vạm vỡ, hai cánh tay bác có một sức mạnh đáng sợ, nhưng cũng chẳng giúp ích gì cho bác vì bác thọt nên không thể làm được. Không hiểu bác bị bệnh gì mà râu tóc bác rụng hết cả, thành thử đầu bác nom giống hệt như đầu một đứa trẻ mới đẻ.

Long lanh cặp mắt hung, bác nói:

- Thế là tôi đến Xecpukhov. Tôi gặp một ông cố đạo đang ngồi ở mảnh vườn trước nhà. Tôi bèn nói: "Thưa cha, xin cha hãy bố thí cho người anh hùng của cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kì...[1]"

---

[1] Cuộc chiến tranh Nga - Thổ năm 1877- 1878.

Acdalion lắc đầu, nói:

- Chà, nói láo, nói láo...

- Tôi nói láo cái gì? - "Con Nít" hỏi, không hề tỏ ra bực dọc.

Acdalion càu nhàu bằng giọng uể oải và có vẻ dạy đời:

- Anh là một người không đúng đắn! Lẽ ra anh nên xin làm một chân gác thì phải. Những người thợt thường là sống bằng nghề gác. Nhưng anh thì chỉ đi lông bông và tán phét...

- Tôi nói cho vui thôi, để cho mọi người cười...

- Anh nên tự cười anh thì hơn...

Ngoài sân tối om và bẩn thỉu, tuy lúc này trời nắng ráo. Một người đàn bà hiện ra, chị giũ một mảnh vải gì đó và kêu lên:

- Chị em ơi, có ai mua váy không nào?...

Từ những khe nhà, các mụ đàn bà chạy ra, xúm xít xung quanh người bán hàng. Tôi nhận ra ngay đó là chị thợ giặt Natalia. Tôi liền nhảy phốc từ trên mái nhà xuống, nhưng chị ta sau khi bán chiếc váy cho người vừa trả tiếng thứ nhất đã lẳng lặng bỏ đi mất.

- Chào chị! - tôi vui vẻ chào khi đuổi kịp chị ở ngoài cổng.

- Còn muốn nói gì nữa? - chị hỏi sau khi liếc nhìn tôi. Bỗng chị dừng lại, giận dữ thét lên:

- Lạy Chúa! Em đến đây làm gì?...

Tiếng kêu sợ hãi làm tôi động lòng và bối rối. Tôi hiểu rằng chị sợ thay cho tôi: vẻ sợ hãi và kinh ngạc hiện ra thật rõ ràng trên khuôn mặt thông minh của chị. Tôi liền giải thích cho chị rằng tôi không sống ở phố này, mà chỉ thỉnh thoảng đến xem thôi.

- Xem ư?!-Chị thốt lên với vẻ giễu cợt và bực tức. - Em xem cái gì ở đây? Xem túi những người qua đường và ngực đàn bà à?

Mặt chị nhăn nhó, dưới đôi mắt có những quầng thâm, đôi môi trễ xuống và có vẻ mệt mỏi.

Chị dừng lại trước cửa một quán ăn, bảo tôi:

- Chúng ta vào đây uống trà! Em ăn mặc sạch sẽ, không như những bọn ở đây, nhưng em vẫn có cái gì khiến chị không tin được...

Nhưng vào đến quán ăn thì hình như chị đã tin tôi. Chị rót trà, và bằng một giọng buồn tẻ bắt đầu nói cho tôi biết chị vừa mới ngủ dậy trước đó một giờ, chưa kịp ăn uống gì cả.

- Còn hôm qua thì nằm tràn, say bí tỉ, đến nỗi không nhớ là uống ở đâu và uống với ai nữa.

Tôi thấy thương hại chị. Trước mặt chị, tôi cảm thấy lúng túng. Tôi muốn hỏi xem con gái chị bây giờ ở đâu. Còn chị sau khi uống rượu votca và nước trà nóng vào, bắt đầu nói bằng cái giọng sôi nổi và thô lỗ quen thuộc, giống như tất cả những người đàn bà ở phố này. Nhưng khi tôi hỏi về con gái chị, chị liền hét lên:

- Em hỏi chuyện đó để làm gì? Không đâu, chú em thân mến ạ, em không với được tới con gái chị đâu!

Chị uống thêm và kể:

- Con gái chị mà ở với chị thì chẳng có việc gì để làm. Chị là người thế nào? Một mụ thợ giặt. Chị làm mẹ nó thế nào được? Nó là người thông thái, có học thức. Như thế đấy, chú em ạ! Thế là nó bỏ chị đến ở với một đứa bạn gái giàu có, hình như để làm nghề dạy học thì phải...

Yên lặng một lát, chị hỏi khẽ:

- Này, mụ thợ giặt này không xứng với cậu à? Thế gái mại dâm có xứng không?

Tất nhiên tôi đã thấy ngay chị là "gái mại dâm". Đàn bà ở phố này còn có nghề nào khác nữa. Nhưng khi nghe chính miệng chị nói ra điều đó, tôi vẫn ứa nước mắt ra vì xấu hổ và thương hại thay cho chị, hệt như lời thú nhận đó của chị đã thiêu đốt tôi. Mới trước đó ít lâu chị còn là một người đàn bà mạnh dạn, tự chủ và thông minh là thế!

- Ôi! - Chị liếc nhìn tôi, thở dài và nói: - Em đi khỏi đây đi! Chị van em và khuyên em, đừng có bén mảng đến đây, chết mất thôi!

Sau đó chị cúi lom khom trên bàn, lấy ngón tay vẽ hình gì đó trên mặt khay và bắt đầu nói khe khẽ bằng giọng đứt quãng, dường như tự nói với mình vậy:

- Nhưng cậu có thèm để ý gì đến những lời yêu cầu và khuyên nhủ của tôi? Ngay đến con gái tôi cũng có nghe lời tôi đâu... Tôi vẫn thường la lối nó: "Mày không được bỏ mẹ mày mà đi, hiểu chưa?" Nhưng nó trả lời: "Con sẽ tự tử". Thế rồi nó bỏ đi Cazan,... nó muốn học nghề bà đỡ. Như thế cũng được... Nhưng còn tôi thì sao? Tôi bây giờ thế này đây... Tôi còn biết nương tựa vào đâu nữa?... Vào những người qua đường ư?...

Chị im lặng, suy nghĩ rất lâu một điều gì đó, cặp môi mấp máy không thành tiếng và hình như đã quên mất tôi. Hai bên mép chị trễ xuống, miệng cong lại như lưỡi liềm. Lớp da trên đôi môi chị giật giật trông thật đau khổ, những nếp nhăn rung rung như muốn nói thầm một điều gì. Vẻ mặt chị trông non trẻ, bực dọc. Dưới chiếc khăn, một mớ tóc thò ra và xoã xuống má, vắt cả ra đằng sau cái tai bé nhỏ của chị. Một giọt nước mắt nhỏ xuống chén trà đã nguội lạnh. Thấy thế, chị đẩy dịch chén nước sang một bên rồi nhắm nghiền mắt lại. Thêm hai giọt nước mắt nhỏ li ti nữa ứa ra. Sau đó chị lấy khăn lau mặt.

Không còn đủ kiên nhẫn ngồi với chị lâu hơn nữa, tôi bèn lẳng lặng đứng dậy.

- Thôi, chào chị!

- Hừ? Đi đi, đi đi cho khuất mắt! - chị đưa tay xua tôi, không nhìn tôi, chắc hẳn chị đã quên là đang ngồi với ai.

Tôi trở lại sân tìm Acdalion: bác ấy muốn đi câu tôm với tôi. Tôi muốn kể cho bác ta nghe về người đàn bà này, nhưng bác và "Con Nít" không còn ở trên mái nhà kho nữa. Trong lúc tôi đi

tìm họ giữa cái sân bề bộn đó thì ở ngoài đường nổi lên những tiếng ồn ào vốn đã trở thành quen thuộc đối với phố này.

Tôi ra cổng và chạm trán ngay với Natalia. Chị đang khóc nức nở, một tay cầm khăn trùm đầu lau bộ mặt bị đánh thâm tím, tay kia sửa lại mớ tóc rối tung. Chị bước dò dẫm trên vỉa hè, theo sau là Acdalion và "Con Nít". "Con Nít" nói:

- Cứ cho nó một trận nữa!

Acdalion chạy đuổi theo chị, vung nắm đấm lên. Chị quay ngực về phía bác ta, vẻ mặt trông thật đáng sợ, cặp mắt ánh lên vẻ căm hờn.

- Đây, đánh đi! - chị thét lên.

Tôi nắm lấy tay Acdalion. Bác ta nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên:

- Mày định làm gì thế?

- Đừng động đến chị ấy! - tôi nói một cách khó khăn.

Bác cười phá lên.

- Nó là nhân tình của mày hẳn thôi? Ôi, Natasca[1], mày vớ được anh thầy tu rồi!

"Con Nít" cũng cười hô hố, hai tay vỗ vào đùi đen đét. Sau đó họ còn bêu riếu tôi rất lâu. Điều đó mới thật là cay cực! Nhưng trong khi họ làm việc đó thì chị Natalia đã đi mất. Còn tôi, cuối cùng không thể chịu nổi, bèn húc vào ngực "Con Nít" làm bác ta ngã lộn nhào, rồi tôi bỏ chạy.

Từ đó, lâu lắm tôi không lai vãng đến phố "Milion" nhưng tôi còn gặp Acdalion một lần nữa, lần này là ở trên một chuyến phà.

- Bấy lâu nay anh đi biệt tăm? - bác vui vẻ hỏi tôi.

Khi tôi bảo bác rằng tôi cảm thấy ghê tởm mỗi khi nhớ lại bác ta đã đánh chị Natalia và chửi bới tôi thậm tệ như thế nào, bác liền cất tiếng cười một cách hiền hậu.

---

[1] Tức Natalia.

- Anh tưởng đó là chuyện thật à? Chúng ta trêu chọc anh cho vui đấy thôi. Còn con ấy tại sao lại không nên đánh nếu chẳng qua nó chỉ là một con đĩ. Vợ con còn nện thẳng cánh, huống hồ những hạng như thế thì thương tiếc làm gì! Nhưng tất cả những cái đó chẳng qua chỉ là trò đùa thôi! Roi vọt đâu có dạy bảo được người ta, điều đó tôi hiểu lắm!

- Bác mà cũng đòi dạy chị ta cơ à?

Bác ôm lấy vai tôi lắc lắc và nói với vẻ giễu cợt:

- Điều tệ hại của chúng ta chính là ở chỗ không ai hơn ai... Tôi hiểu cả, người anh em ạ, hiểu từ trong đến ngoài, hiểu tất! Tôi có phải dân nhà quê đâu...

Lúc này bác hơi say nên rất vui vẻ. Bác nhìn tôi với vẻ thương hại trìu mến của một ông thầy tốt bụng nhìn đứa học trò ngu dốt...

... Thỉnh thoảng tôi lại gặp Pavel Odinxov. Độ này nó càng ranh mãnh hơn trước, ăn vận rất diện, thường nói với tôi bằng giọng khoan dung và luôn luôn trách tôi:

- Sao cậu lại làm cái nghề ấy? Cậu sẽ hỏng mất thôi, cái bọn mujic ấy...

Rồi nó buồn rầu kể cho tôi nghe những tin tức ở xưởng:

- Jikharev vẫn cứ luẩn quẩn với con bò cái ấy. Xitanov hình như có chuyện gì đau khổ lắm, anh ta bắt đầu uống rượu chết thôi. Còn Gogolev thì bị chó sói ăn thịt rồi: hôm lễ Thiên Chúa giáng sinh, lão ta về nhà uống rượu say, thế là bị chó sói xơi mất!

Pavel vừa cười như nắc nẻ vừa sáng tác cho câu chuyện thêm khôi hài:

- Lũ chó sói chén xong và cũng bị say! Trở nên vui tính, chúng đi lại ở trong rừng bằng hai chân sau giống như chó làm xiếc và sủa ran lên. Đến hôm sau thì cả bầy sói đều chết hết!...

Nghe chuyện, tôi cũng cười. Nhưng tôi cảm thấy xưởng thợ cùng với những gì tôi trải qua ở đấy đến nay đã trở thành xa xưa đối với tôi. Điều đó khiến tôi buồn buồn.

XIX

Mùa đông công việc ở hội chợ hầu như không có; để bù lại, ở nhà, cũng như trước đây, tôi phải đảm nhiệm vô số những việc lặt vặt. Những việc này đã choán hết cả ngày, chỉ có buổi tối là rỗi rãi. Tôi lại đọc cho nhà chủ nghe những tiểu thuyết mà tôi không thích trong tờ *Niva* và *Nhật báo Moxcva*. Ban đêm tôi đọc những cuốn sách hay và tập làm thơ.

Một hôm, khi cánh đàn bà đi chầu, cậu chủ vì mệt nên ở nhà; cậu hỏi tôi:

- Victor cười anh, nói là hình như anh có làm thơ, đúng không, Pescov? Anh thử đọc xem nào!

Thấy từ chối không tiện, tôi đành phải đọc mấy bài thơ. Những bài này rõ ràng không làm cậu vừa lòng, nhưng dù sao cậu vẫn khuyến khích tôi:

- Cố làm đi! Biết đâu sẽ trở thành Puskin cũng nên; anh đã đọc Puskin chưa?

Có thể họ đi chôn gia thần,
Hay có thể họ gả chồng cho mụ phù thuỷ?[1]

Trong thời đại ông ta, người ta còn tin vào gia thần, còn chính bản thân ông ta có lẽ là không tin, mà chỉ giễu cợt thôi! Thật đấy, anh bạn ạ, - cậu nói giọng kéo dài, vẻ đăm chiêu, - lẽ ra anh cần phải học, nhưng muộn mất rồi! Có quỷ mà biết được anh sẽ xoay xoả ra sao... Anh phải giấu quyển vở của anh kĩ hơn nữa, không có cánh đàn bà mà nhúng vào thì anh mất ăn mất ngủ đấy... Anh bạn ạ, chuyện đó đàn bà thích lắm, họ thích chọc tức người ta...

Ít lâu nay cậu chủ trở nên lặng lẽ, hay trầm ngâm suy nghĩ và luôn luôn nhìn quanh với vẻ lo ngại dè dặt, tiếng chuông reo cũng

---

[1] Trích trong bài thơ *Lũ quỷ* của A. X. Puskin.

làm cho cậu hoảng sợ. Thỉnh thoảng bỗng nhiên cậu nổi nóng vì những chuyện nhỏ nhặt, quát tháo mọi người và bỏ đi khỏi nhà, đến đêm khuya mới bò về, người say mềm... Hình như trong đời cậu đã xảy ra một chuyện gì, ngoài cậu ra không ai biết, đã làm cho cậu đau khổ, và giờ đây cậu sống với thái độ hoài nghi, miễn cưỡng, buông xuôi theo thói quen.

Vào những ngày lễ, từ bữa ăn trưa cho đến chín giờ, tôi đi chơi; buổi tối tôi thường ngồi trong quán ăn ở phố Iamxcaia. Lão chủ quán, một người to béo và lúc nào cũng đầm đìa mồ hôi, rất thích nghe hát. Những người hát ở hầu hết các nhà thờ biết thế và thường tụ tập ở chỗ lão. Họ hát xong, lão chủ liền mời họ uống votca, bia, nước trà. Người hát toàn là những dân say rượu không đáng chú ý, họ hát chẳng khoái hoạt, chẳng ra kiểu cách gì cả, chỉ cốt để được mời ăn, bài hát của họ thường là những bài thánh ca trong nhà thờ. Vì có những khách nghiện rượu sùng đạo cho rằng quán ăn không phải là nơi để hát thánh ca nên có khi lão chủ mời họ tới phòng riêng; lúc ấy tôi chỉ còn nghe thấy tiếng hát qua khe cửa. Nhưng ở quán ăn, không hiếm những người mujic quê mùa và thợ thủ công tới hát. Chính lão chủ quán đã đi khắp thành phố tìm kiếm người hát, hỏi dò những người tốt giọng trong số nông dân qua lại trong những ngày phiên chợ và mời họ tới nhà mình.

Người hát bao giờ cũng ngồi cạnh bàn bán thức ăn nguội, gần cái thùng gỗ nhỏ đựng rượu votca, đầu in vào giữa đáy thùng như đóng trong một chiếc khung tròn.

Người hát hay hơn cả và bao giờ cũng có những bài hay đặc biệt là anh thợ da Clesov. Anh người nhỏ bé gầy còm, nét mặt ủ rũ, mái tóc hung xoã thành từng mớn; chiếc mũi nhỏ của anh ánh lên như mũi người chết; cặp mắt ti hí ngái ngủ của anh không động đậy.

Có lúc anh nhắm mắt lại, tựa gáy vào đáy thùng, ưỡn ngực

ra rồi bắt đầu hát rất nhanh, giọng khe khẽ, nhưng cao vút không ai địch nổi:

Sương mù buông xuống cánh đồng khô,

Và che khuất những nẻo đường xa vắng...

Đến đây anh đứng dậy, dựa vào bàn bán thức ăn, ưỡn người về phía sau, mặt ngẩng lên trần nhà, miệng hát rất ý vị:

Ôi, ta biết đi đâu, biết đi đâu.

Biết tìm đâu ra con đường rộng lớn?

Giọng anh nhỏ, nhưng khoẻ khoắn; nó giống như một sợi dây bằng bạc luồn qua tiếng ồn ào hỗn loạn của quán ăn; những lời buồn bã, những tiếng rên rỉ và kêu gọi đã áp đảo tất cả mọi người. Ngay cả những người say rượu cũng trở thành nghiêm nghị lạ thường; họ im lặng nhìn ngấm chiếc bàn trước mặt. Còn tim tôi như tan vỡ, tràn đầy một cảm xúc mạnh mẽ thường do những điệu nhạc tuyệt diệu gợi nên, rung động tận đáy tâm hồn.

Trong quán ăn, không khí trở nên yên tĩnh như ở nhà thờ, và người hát tựa một linh mục hiền từ. Người hát không truyền đạo, mà thực sự hết lòng cầu nguyện cho loài người, thành thật nghĩ đến và nói lên thành tiếng tất cả nỗi đau khổ của kiếp người đáng thương. Từ bốn phía, những con người râu ria đều nhìn về phía anh ta; trên những khuôn mặt cục cằn, những cặp mắt trẻ thơ, chớp chớp với vẻ đăm chiêu; thỉnh thoảng có người thở dài, và tiếng thở dài càng làm nổi bật sức mạnh chiến thắng của bài hát. Trong những giờ phút ấy, tôi thường có cảm giác là tất cả mọi người đều sống một cuộc sống giả tạo, có tính chất định mệnh và giờ đây họ mới được biết cuộc sống thực của con người.

Mụ lái buôn Lưxukha béo ị - một mụ đàn bà đanh đá và đĩ thõa ra mặt - ngồi ở góc phòng; mụ giấu đầu vào đôi vai béo nung núc và khóc, lén dùng nước mắt để rửa cặp mắt trơ tráo của mình. Cạnh mụ, anh Mit'roponxki, một tay chuyên hát

giọng trung người lúc nào cũng ủ rũ, gục xuống bàn. Anh là một chàng trai lực lưỡng, tóc rậm rạp giống như thầy phụ lễ bị tước chức, cặp mắt mở to trên bộ mặt say rượu. Anh nhìn li rượu votca đặt trước mặt, cầm lấy li rượu đưa lên gần miệng rồi lại khẽ đặt xuống bàn, vẻ thận trọng; không hiểu vì sao anh không thể uống cạn được.

Tất cả mọi người trong quán ăn đều im lặng như lắng nghe một cái gì đã bị lãng quên từ lâu, một cái gì thân thiết và gần gũi với họ.

Khi Clesov kết thúc bài hát và nhũn nhặn ngồi xuống ghế, lão chủ quán liền đưa cho anh một li rượu và mỉm cười khoan khoái nói với anh:

- Chà, hay thật! Tuy anh hát ít ngâm nhiều, nhưng anh là một nghệ sĩ, đúng thế! Không ai có thể chối cãi được...

Clesov thong thả uống cạn cốc votca, húng hắng thận trọng và khẽ nói:

- Hát thì ai có giọng cũng đều có thể hát được, còn cách biểu hiện tình cảm trong bài hát như thế nào thì không ai bằng tôi.

- Này, đừng có tự phụ thế.

- Kẻ nào không có gì để tự phụ thì kẻ ấy chẳng tự phụ đâu, - anh vẫn nói với giọng khe khẽ, nhưng có vẻ ngang bướng hơn.

- Anh kiêu căng lắm, Clesov ạ! - lão chủ quán thốt lên, vẻ bực bội.

- Tôi không kiêu căng quá mức đâu...

Trong góc phòng anh chàng ủ rũ chuyên hát giọng trung gầm lên:

- Đồ sâu bọ, đồ nấm mốc, các người làm sao có thể hiểu nổi tiếng hát của vị thần quái gở ấy?

Anh thường không tán thành với tất cả mọi người, tranh cãi chống lại tất cả, tố cáo tất cả, vì thế mà hầu như ngày lễ nào anh cũng bị những người ở ban hát và tất cả những ai có thể, những ai muốn, đánh đập một cách tàn nhẫn.

Lão chủ quán thích những bài hát của Clesov, nhưng không thể chịu đựng nổi chính anh ta; lão nói xấu anh trước mọi người và công nhiên tìm cách mạt sát anh thợ da, chế giễu anh ta. Điều đó những khách hàng quen của quán ăn và chính Clesov cũng biết.

- Một tay hát hay, chỉ phải cái kiêu căng thôi, cần phải sửa cho hắn, - lão nói, và một số khách cũng tán thành với lão:

- Đúng đấy, thật là một chàng trai kiêu căng!

- Có đếch gì mà kiêu căng kia chứ? Giọng là do Chúa ban cho, có phải tự hắn kiếm được đâu! Mà giọng thì có to gì cho cam? - lão chủ quán khẳng định với vẻ ngang bướng.

Những người nghe tán thành phụ hoạ theo lão:

- Đúng, vấn đề ở đây không phải là giọng, mà là ở tài cán.

Có lần, khi Clesov hát mệt, đi rồi, lão chủ quán mới gợi ý cho mụ Lưxukha:

- Maria Evdokimovna, chị nên chiều chuộng Clesov, phung phí cho hắn một ít có tốt không? Đối với chị thì có đáng là bao?

- Giá tôi trẻ hơn một chút, - mụ lái buôn vừa nói vừa mỉm cười.

Lão chủ quán kêu to, vẻ nồng nhiệt:

- Tụi trẻ thì biết cái cóc gì? Chị cứ thử làm đi! Tôi thích xem hắn quấn lấy chị như thế nào! Hãy làm cho hắn buồn phiền, như thế hắn càng hát hay, phải không? Cứ thử làm đi, Evdokimovna, tôi sẽ cám ơn chị đấy, được chứ?

Nhưng mụ không nhận lời. Người to béo, mắt nhìn xuống, mụ vân vê những tua khăn trên ngực, nói một cách uể oải và đơn điệu:

- Việc ấy phải người trẻ mới làm được. Giá tôi trẻ hơn thì chẳng phải do dự...

Hầu như bao giờ lão chủ quán cũng cố làm cho Clesov uống say, nhưng anh ta, sau khi hát hai ba bài và sau mỗi bài uống

một cốc, liền lấy khăn đan quấn cổ kĩ lưỡng, đội thật chặt mũ lên chiếc đầu bù xù rồi ra về.

Lão chủ quán thường tìm những đối thủ để đọ với Clesov; anh thợ da hát xong một bài, lão liền khen ngợi và nói với vẻ hồi hộp:

- Nhân tiện, hôm nay có thêm một ca sĩ vừa mới đến đây! Nào, xin mời cứ việc biểu diễn!

Người mới đến đôi khi có giọng tốt, nhưng tôi không thấy có ai trong số đối thủ của Clesov lại hát một cách giản dị và gợi cảm như anh thợ da bé nhỏ và xấu xí đó...

- Chà, - lão chủ quán nói với vẻ tiếc rẻ, - hay đấy! Cái chính là giọng thì được, còn tình cảm thì...

Những người nghe đều cười nhạo:

- Không, rõ ràng là không ai địch nổi anh thợ da đâu!

Còn Clesov thì nhìn tất cả mọi người từ dưới cặp lông mày màu hung phân ra thành từng dúm, điềm tĩnh và lịch thiệp nói với lão chủ quán:

- Ông chỉ mất thì giờ thôi. Ông không thể tìm được người nào địch nổi tôi đâu, thiên tài của tôi là nhờ Chúa ban cho...

- Tất cả chúng ta đều nhờ Chúa mà có cả!

- Ông cứ bỏ tiền ra mua rượu đến hết nghiệp cũng vẫn không tìm được ai đâu.

Lão chủ quán đỏ mặt lên và nói lẩm bẩm:

- Để xem, để xem...

Clesov kiên tâm nói cho lão rõ:

- Tôi phải nói thêm với ông rằng việc hát không giống như chọi gà đâu...

- Tôi biết rồi! Sao anh nói dai thế?

- Tôi không nói dai mà chỉ muốn giảng giải cho ông rõ: nếu hát là một trò đùa thì đó chỉ là việc của quỷ sứ thôi!

- Thôi được! Tốt hơn cả hãy hát nữa đi...

- Hát thì lúc nào tôi cũng có thể hát được, thậm chí ngay cả trong giấc mơ. - Clesov tán thành, khẽ ho một cái và bắt đầu hát.

Thế là tất cả những chuyện nhỏ mọn, tất cả những lời lẽ và ý định thấp hèn, tất cả những cái tầm thường, những điều dung tục trong quán ăn đều tiêu tan ra thành mây khói; một cuộc sống khác đã tràn đến với tất cả mọi người - nó mơ màng, trong sạch, đầy tình yêu và nỗi buồn.

Tôi thèm muốn được như con người ấy, rất thèm muốn thiên tài của anh, uy lực của anh đối với mọi người: anh ta sử dụng uy lực ấy một cách thật kì diệu! Tôi muốn làm quen với anh thợ da, muốn nói chuyện với anh thật lâu, nhưng tôi không dám đến gần anh. Clesov nhìn tất cả bằng cặp mắt mờ đục lạ kì, dường như không thấy ai ở trước mặt cả. Và ở anh như có một cái gì làm cho tôi khó chịu khiến tôi không thể mến anh được; mà tôi thì muốn yêu mến con người ấy không phải chỉ riêng khi anh hát. Tôi khó chịu nhất khi thấy anh kéo chiếc mũ cát két xuống tận tai theo kiểu ông cụ và quấn chiếc khăn đan đỏ vào cổ như khoe với mọi người. Anh nói về chiếc khăn đó như sau:

- Chiếc khăn này là do một cô gái đáng yêu đan tặng tôi, một cô gái...

Khi không hát, anh thường làm ra vẻ quan trọng, lấy ngón tay xoa chiếc mũi lạnh cóng như chết và nếu có ai hỏi thì chỉ trả lời nhát gừng và miễn cưỡng. Có lần tôi ngồi cạnh anh và hỏi anh một câu gì đó, anh không nhìn tôi nói:

- Thằng ranh, cút đi!

Tôi thích anh Mit'roponxki hát giọng trung hơn; khi đi đến quán ăn, anh này thường đi tới một góc với dáng đi của người mang nặng; lấy chân kéo chiếc ghế rồi ngồi xuống chống khuỷu lên bàn, bàn tay đỡ lấy chiếc đầu to xù. Sau khi im lặng uống

hai ba li rượu, anh đằng hắng mạnh một tiếng: mọi người giật mình, quay về phía anh, còn anh thì chống cằm vào lòng bàn tay, nhìn mọi người với vẻ thách thức. Mớ tóc bù xù giống như cái bờm ngựa xoã xuống khuôn mặt màu nâu xám sưng phù.

- Ngó cái gì? Thấy cái gì nào? - đột nhiên anh hỏi với giọng khàn khàn.

Đôi khi người ta trả lời anh:

- Thấy cái thằng người rừng!

Có những tối anh chỉ im lặng uống rượu, rồi lại im lặng đi ra, chân lê giày với vẻ nặng nề, nhưng cũng có vài lần tôi nghe thấy anh bắt chước giọng nhà tiên tri tố cáo mọi người:

- Tôi là người bầy tôi liêm chính của Chúa, tôi tố cáo các người như Ixaia[1]! Tai hoạ cho thành phố Ariin, vì ở đấy những kẻ xấu bụng, những kẻ bịp bợm và tất cả những kẻ ti tiện đều sống trong lớp bùn nhơ của những dục vọng đê hèn của chúng! Tai hoạ cho những con đường thuỷ bộ, bởi vì chúng chở đi khắp nơi những kẻ đê mạt, nghĩa là các người: những tên nghiện rượu, những tên phàm ăn, lớp cặn bã của thế giới này - những kẻ đáng nguyền rủa, các người đông vô kể, và ngay trái đất cũng sẽ không tiếp nhận các người vào trong lòng đâu!

Giọng của anh rít lên đến nỗi kính cửa sổ cũng phải rung lên thành tiếng. Những người nghe rất thích thế, họ khen nhà tiên tri:

- Cái con chó xồm kia, nó đập mới dữ chứ!

Chỉ cần mời anh ăn đôi chút là có thể làm quen với anh rất dễ dàng; anh yêu cầu một bình rượu votca và một suất gan bò rắc ớt, món ăn mà anh rất ưa thích, nó đốt cháy mồm anh và tất cả ruột gan. Khi tôi yêu cầu anh nói cho tôi biết cần phải đọc những cuốn sách gì, anh trả lời tôi bằng một câu hỏi với vẻ hung dữ và không nể nang:

---

[1] Theo truyền thuyết trong Kinh thánh, Ixaia là nhà tiên tri kịch liệt tố cáo bọn vua chúa.

- Đọc để làm gì?

Nhưng thấy tôi có vẻ bối rối, anh lại nói với giọng ôn tồn hơn:

- Đã đọc Eccleziaxt[1] chưa?

- Đọc rồi.

- Thế thì đọc lại! Ngoài ra không cần đọc gì hơn. Ở đấy tập trung tất cả trí tuệ của thế giới, chỉ có một mình lũ cừu ngốc nghếch là không hiểu cái đó thôi - tức là chẳng ai hiểu đâu... Cậu là ai - đi hát à?

- Không.

- Tại sao? Cần phải hát. Đó là việc vô nghĩa nhất.

Ở bàn bên cạnh có người hỏi anh:

- Nhưng chính cậu cũng hát cơ mà?

- Phải, tôi là kẻ vô công rồi nghề! Rồi sao nữa?

- Không sao cả.

- Chẳng mới lạ gì! Tất cả đều biết rõ rằng trong đầu óc cậu chẳng có gì cả. Mà cũng không bao giờ có được cái gì đâu! Amen!

Anh nói với tất cả mọi người theo giọng ấy, tất nhiên với tôi cũng vậy, mặc dù sau hai lần mời ăn, anh bắt đầu đối với tôi có vẻ dịu dàng hơn, thậm chí có lần anh nói với vẻ ngạc nhiên:

- Tớ nhìn cậu mà không hiểu: cậu là cái gì, cậu là ai và cậu sống để làm gì? Nhưng thôi... mặc xác cậu!

Thái độ của anh đối với Clesov thật khó hiểu: anh lắng nghe anh ta hát với vẻ rất hứng thú, thậm chí có lúc còn mỉm cười âu yếm; nhưng anh không làm quen với Clesov và nói về anh ta với giọng thô lỗ và khinh bỉ:

- Hắn là thằng ngốc! Hắn biết cách thở, hắn hiểu những lời hắn hát, nhưng dầu sao hắn vẫn là con lừa!

- Tại sao?

---

[1] Một trong những cuốn sách hay được đưa vào Kinh thánh.

- Bản chất hắn là như vậy.

Tôi muốn nói chuyện với anh lúc anh không say rượu, nhưng lúc không say anh chỉ kêu rống lên, nhìn mọi người bằng cặp mắt lờ đờ và buồn rầu. Nghe nói con người suốt đời say rượu ấy đã từng học ở viện đại học Cazan và lẽ ra đã trở thành giám mục, - tôi không tin điều đó. Nhưng có lần, khi kể cho anh nghe về bản thân, tôi đã nhắc đến giáo sĩ Crixanthơ[1]; anh gật đầu và nói:

- Crixanthơ? Tớ biết. Đó là thầy dạy của tớ và là một người tốt. Ông ta ở viện đại học Cazan, tớ còn nhớ! Crixanthơ có nghĩa là màu hoàng kim, theo đúng nghĩa như lời của Pamva Berưrda.[2] Đúng, ông ta có màu hoàng kim thật. Crixanthơ!

- Thế Pamva Berưnda là ai? - tôi hỏi, nhưng Mit'roponxki chỉ trả lời vắn tắt:

- Không phải việc của cậu.

Về nhà tôi ghi vào quyển vở của tôi: "Nhất định phải đọc Pamva Berưnda"; hình như là việc đọc Berưnda sẽ tìm được những câu trả lời cho nhiều câu hỏi đã giày vò tôi.

Mit'roponxki rất thích dùng những chữ kì quái, những tên bí ẩn đối với tôi; cái đó làm cho tôi rất bực mình.

- Cuộc sống không phải là Anixia! - anh nói.

Tôi hỏi:

- Anixia là ai?

- Có ích, - anh đáp. Nỗi thắc mắc của tôi càng làm anh thích thú.

Những tiếng này và việc anh học ở viện đại học đã khiến tôi suy nghĩ rằng anh biết nhiều, và tôi rất bực mình là anh không nói gì cả, mà có nói thì cũng khó hiểu. Có thể là tôi không biết hỏi anh chăng?

---

[1] Xem chương XII trong cuốn *Thời thơ ấu* của M. Gorki.

[2] Một giáo sĩ uyên bác của thế kỉ XVII đã biên soạn cuốn từ điển tên riêng.

Nhưng dù sao thì anh cũng để lại trong tâm hồn tôi một cái gì; tôi thích anh trong lúc say rượu đã phát ra những lời tố cáo gan dạ nấp dưới danh hiệu nhà tiên tri Ixaia.

- Ôi, trên trái đất này toàn là những đồ cặn bã và hôi thối! - anh kêu rống lên. - Trong số các người, có những đứa rất tồi lại có danh vọng, còn những người rất tốt thì bị xua đuổi; rồi cái ngày khủng khiếp sẽ đến, lúc ấy các người sẽ hối hận về chuyện đó, nhưng đã muộn rồi, muộn rồi!

Khi nghe anh rống như vậy, tôi nhớ đến bác Tốt Lắm, nhớ đến chị thợ giặt Natalia bị sa ngã một cách tội nghiệp và dễ dàng, nhớ đến Nữ hoàng Macgo phải sống giữa những điều đơm đặt bỉ ổi; không thiếu gì những chuyện khiến tôi có thể nhớ lại được đó...

Cuộc làm quen ngắn ngủi của tôi với con người ấy đã kết thúc một cách kì lạ.

Một sáng mùa xuân tôi gặp anh ở ngoài cánh đồng, gần các doanh trại, anh bước đi giống như con lạc đà đầu lắc lư, người sưng phù lên, vẻ cô độc.

- Đi chơi à? - anh hỏi, giọng khàn khàn. - Chúng ta cùng đi nhé. Tớ cũng đi dạo. Anh bạn ạ, tớ bị ốm, chà...

Chúng tôi im lặng đi được mấy bước, bỗng nhiên nom thấy một người ở dưới hố cạnh một chiếc lều vải: hắn ngồi ở dưới đáy hố, người lệch sang một bên, vai tựa vào thành hố, một bên áo bành tô xệch lên quá mang tai, hệt như hắn muốn cởi ra nhưng không được.

- Thằng cha say rượu. - Mit'roponxki nói và dừng lại.

Nhưng gần cánh tay người này, trên đám cỏ non, có một khẩu súng lục lớn; cạnh đó, một chiếc mũ lưỡi trai, và sát ngay chiếc mũ, một chai rượu votca đang uống dở; chiếc cổ chai trống rỗng lấp kín trong đám cỏ xanh. Khuôn mặt người đó lẩn dưới áo bành tô dường như hổ thẹn.

Chúng tôi đứng im lặng một lát, sau đó Mit'roponxki đứng dạng chân ra và nói:

- Tự sát.

Tôi hiểu ngay rằng người kia không say rượu mà đã chết rồi, nhưng điều đó xảy ra đột ngột đến nỗi khó mà tin được. Tôi nhớ lúc ấy tôi không cảm thấy sợ hãi và thương xót khi nhìn chiếc sọ to lớn, nhẵn nhụi thò ra từ dưới chiếc áo bành tô, và chiếc tai xanh lè đó. Tôi không tin rằng một con người lại có thể tự sát trong một ngày xuân dịu dàng như vậy.

Mit'roponxki lấy mu bàn tay xoa mạnh lên đôi má chưa cạo như người bị lạnh và nói giọng khàn khàn:

- Một người đứng tuổi. Chắc là vợ bỏ đi, hoặc hắn đã ăn tiêu phung phí tiền của người khác...

Anh phái tôi về thành phố tìm cảnh sát, còn anh thì ngồi ở miệng hố, hai chân buông thõng xuống, xuýt xoa co ro trong chiếc áo bành tô cũ nát. Sau khi báo tin cho viên cảnh sát về vụ tự sát, tôi lập tức chạy trở lại, nhưng trong thời gian đó Mit'roponxki đã uống nốt chỗ rượu votca của người chết và khi đón tôi, anh giơ chiếc chai rỗng vẫy vẫy.

- Đây, chính cái này đã giết hại hắn! - anh kêu rống lên rồi đập tan chiếc chai xuống đất với vẻ tức giận.

Viên cảnh sát chạy theo sau tôi, liếc nhìn xuống hố, bỏ mũ lưỡi trai ra, do dự làm dấu thánh giá rồi hỏi Mit'roponxki:

- Anh là ai?

- Không phải việc của anh...

Viên cảnh sát suy nghĩ một lát rồi hỏi với thái độ lịch thiệp hơn:

- Thế là thế nào? Ở đây có người chết, mà anh ngồi bên uống rượu à?

- Tôi đã uống rượu hai mươi năm nay rồi! - Mit'roponxki vỗ ngực kiêu hãnh nói.

Tôi tin rằng nhất định anh sẽ bị bắt vì tội uống rượu của người chết. Một đám người ở thành phố chạy tới; viên cảnh sát trưởng hà khắc đi xe ngựa đến, nhảy xuống hố khẽ nhấc chiếc áo bành tô của người tự sát lên và nhìn vào mặt người đó.

- Ai là người đầu tiên trông thấy?

- Tôi, - Mit'roponxki đáp.

Viên cảnh sát trưởng nhìn anh và nói với giọng kéo dài như báo trước điều chẳng lành:

- A... a, xin chào ngài!

Những người tới xem tụ tập lại có tới mười lăm người; họ thở hổn hển, nhốn nháo, nhìn xuống dưới hố và chạy vòng quanh trên miệng hố; có người kêu lên:

- Đó là một công chức ở phố chúng tôi, tôi biết ông ta!

Mit'roponxki lảo đảo đứng trước mặt viên cảnh sát trưởng, anh bỏ mũ cát xuống và vừa tranh cãi với hắn vừa phát ra những tiếng khàn khàn, không rõ ràng; sau đó viên cảnh sát trưởng hích vào ngực anh, anh lại lảo đảo, ngồi xuống. Viên cảnh sát liền từ từ rút sợi dây ở trong túi ra, trói hai cánh tay ngoan ngoãn mà Mit'roponxki vẫn quen khoanh sau lưng. Viên cảnh sát trưởng tức giận quát tháo những người xem:

- Cút đi! Lũ đốn mạt...

Lại thêm một viên cảnh sát già, mắt đỏ lèm nhèm và mồm há hốc vì chạy đến mệt; lão cầm lấy một đầu dây và từ từ dẫn anh ta về thành phố.

Tôi cũng rời khỏi cánh đồng, lòng nặng trĩu, trong trí nhớ tôi vang lên những lời quở như một tiếng vang không rõ ràng:

"Tai hoạ cho thành phố Ariin!..."

Trước mắt tôi hiện ra một cảnh tượng nặng nề: viên cảnh sát từ từ móc ở trong túi áo ba đờ suy ra một sợi dây, nhà tiên tri dữ dội ngoan ngoãn khoanh hai cánh tay đỏ tía đầy lông lá ra sau lưng và bắt chéo hai bàn tay lại một cách khéo léo và quen thuộc...

Ít lâu sau tôi được biết nhà tiên tri ấy đã bị trục xuất ra khỏi thành phố. Tiếp theo, anh Clesov cũng biến mất; anh lấy được vợ giàu và dọn về huyện ở, mở một xưởng làm đồ da.

... Tôi hết sức tán dương những bài hát của anh thợ da với cậu chủ đến nỗi có lần cậu đã nói:

- Cần phải nghe anh ta hát mới được...

Thế là cậu đã trố mắt ngồi sau chiếc bàn con, đối diện với tôi, giương cặp lông mày lên với vẻ kinh ngạc.

Trên đường đi tới quán ăn, cậu cười nhạo tôi, và những phút đầu tiên ở quán ăn cậu vẫn chế giễu tôi, chế giễu đám người nghe và những mùi ngột ngạt. Khi anh thợ da bắt đầu hát, cậu mỉm cười vẻ châm biếm và rót bia vào cốc; nhưng rót được nửa cốc thì cậu ngừng lại và nói:

- Ồ... đồ quỷ quái!

Tay cậu bắt đầu run run, cậu khẽ đặt chai bia xuống và hết sức chú ý nghe.

- Chà, anh bạn ạ, - cậu vừa nói vừa thở dài khi Clesov hát xong, - quả thật anh ta hát khá lắm... mẹ kiếp! Thậm chí mình phát nóng lên.

Anh thợ da lại cất tiếng hát, đầu ngẩng, mắt nhìn lên trần nhà:

Cô gái trẻ một làng giàu có.

Trên đường đi băng giữa cánh đồng...

- Hát hay thật, - cậu chủ nói khẽ; gật gật và mỉm cười. Clesov ngân lên như tiếng sáo:

Cô gái đẹp xinh mới trả lời:

- Tôi mồ côi, tôi chẳng còn ai...

- Hay tuyệt, - cậu chủ nói thì thầm, nhấp nháy cặp mắt đỏ ngầu. - Chà, quỷ quái... hay thật!

Tôi nhìn cậu và rất hài lòng; những lời ca nức nở át cả tiếng ồn ào của quán ăn vang lên càng mạnh, càng hay, càng tâm tình:

Quê làng tôi sao cô đơn quá!
Có ai mời tôi dự tối vui?
Tôi nghèo khổ, áo xiêm đâu có,
Đâu xứng đôi với các chàng trai!
Một người goá hỏi tôi làm vợ,
Nhưng tôi đâu khuất phục mệnh trời!

Cậu chủ của tôi bắt đầu khóc một cách không ngượng ngùng gì cả; cậu cúi đầu, khịt khịt chiếc mũi khoằm, nước mắt lã chã trên hai đầu gối.

Sau bài hát thứ ba, cậu nói, giọng cảm động và hình như có vẻ ngập ngừng:

- Tôi không thể ngồi ở đây được nữa, tôi ngạt thở, nặng mùi quá, quỷ quái thật... Về nhà đi!

Nhưng ra ngoài phố cậu lại đề nghị:

- Pescov, đi tới khách sạn ăn lót dạ cái đã... Tôi không muốn về nhà!

Không mặc cả, cậu ngồi luôn vào một chiếc xe trượt tuyết của người đánh xe ngựa và suốt dọc đường cậu im lặng không nói không rằng. Tới khách sạn, cậu ngồi vào một chiếc bàn con ở góc phòng và lập tức bắt đầu nói khe khẽ, mắt nhìn quanh vẻ buồn buồn tức giận:

- Con dê ấy làm cho lòng tôi nhức nhối, khiến tôi thấy buồn bã vô cùng... Không, anh có đọc sách, có suy nghĩ, anh hãy nói đi, cuộc sống quỷ quái này là thế nào? Sống mãi, sống hoài, bốn mươi tuổi đã qua rồi, có vợ có con mà vẫn không có ai để trò chuyện. Có những lần tôi muốn thổ lộ tâm tình, muốn nói ra hết cả, nhưng không biết nói với ai! Nói với vợ ư, cô ta không hiểu tôi... Cô ta là cái gì? Công việc của cô ta là con cái... là việc nội trợ! Cô ta không hiểu được tôi. Như người ta thường nói, vợ chỉ là người bạn cho đến khi sinh đứa con đầu lòng thôi... Nhà tôi, nói chung... như anh thấy đấy... chỉ là một xác thịt vô tri vô

giác, có biết đâu đến chuyện thơ ca, tâm tình,[1] mẹ kiếp! Buồn thật, anh bạn ạ...

Cậu hối hả uống cạn một cốc bia lạnh đắng, im lặng một lát, vuốt mái tóc dài ra sau rồi lại nói tiếp:

- Nói chung, anh bạn ạ, người ta là đồ đê tiện! Anh thường trò chuyện với những người mujic về chuyện này chuyện nọ... tôi hiểu lắm, rất nhiều cái sai trái, nhiều chuyện dối giả, đúng như vậy đấy, anh bạn ạ... Toàn là lũ kẻ cắp cả! Thế anh tưởng họ hiểu lời nói của anh đấy phỏng? Hiểu cóc gì! Thật đấy! Bọn họ, Piot, Oxiv, toàn là bọn kẻ cắp cả! Họ kể với tôi hết mọi chuyện, từ chuyện anh nói về tôi ra sao đến mọi chuyện khác... Thế nào, anh bạn?

Tôi ngẩn người, yên lặng.

- Chuyện đời như vậy đấy! - cậu chủ vừa nói vừa mỉm cười. - Anh định đi Ba Tư là đúng, ở đấy ngôn ngữ bất đồng, chẳng ai hiểu ai! Còn nói bằng tiếng mẹ đẻ thì rặt những chuyện dối giả thôi!

- Bác Oxiv kể về cháu à? - tôi hỏi.

- Phải! Anh tưởng thế nào? Hắn là tay ba hoa nói nhiều hơn tất cả mọi người. Anh bạn ạ, hắn giảo quyệt lắm... Không, Pescov ạ, lời nói không ăn thua gì đâu! Còn nói thật ư? Nói thật để làm gì? Cái đó cũng giống như tuyết mùa thu vậy - nó rơi xuống bùn rồi tan ra ngay. Bùn lại càng nhiều thêm. Tốt hơn hết là anh hãy im lặng...

Cậu uống hết cốc bia này đến cốc bia khác, nhưng vẫn không say, cậu nói mỗi lúc một nhanh hơn và với vẻ tức giận hơn:

- Tục ngữ có câu: "Lời nói không phải là dao trổ, im lặng mới là vàng". Ôi, anh bạn ạ, buồn quá, buồn quá... Hắn ta hát rất đúng: "Quê làng tôi, sao cô đơn quá". Cảnh côi cút của con người...

---

[1] Nguyên văn: chẳng biết thổi sáo cũng không biết nhảy múa.

Cậu nhìn quanh một lượt rồi hạ giọng nói tiếp:

- Tôi có tìm được... một người bạn gái chân thành, một người đàn bà goá ở gần đây: chồng cô ta bị kết án đi Xibiri vì tội tiền giả, bây giờ hắn còn đang ngồi tù ở đấy. Tôi làm quen với cô ta... Cô ta nghèo lắm, một đồng xu dính túi cũng không có. Cô ta ấy à, anh biết không... Mụ mối đã giới thiệu tôi với cô ta... Để ý nhìn, thấy cô ta là một người thật đáng yêu! Một cô gái đẹp, trẻ... thật là tuyệt diệu! Gặp nhau một đôi lần. Sau đó tôi nói với cô ta: "Thế là thế nào, chồng cô là một kẻ gian, chính cô cũng sống không được ngay thật, vậy cô đi theo hắn tới Xibiri để làm gì kia chứ? " Nhưng anh xem, cô ta vẫn một lòng một dạ đi theo hắn, đúng thế đấy... Cô ta nói với tôi thế này: "Dù anh ấy thế nào chăng nữa, em vẫn cứ yêu anh ấy: đối với em, anh ấy là người tốt! Có thể vì em mà anh ấy đã phạm tội này! Em dan díu với anh cũng vì anh ấy, anh ấy cần phải có tiền, anh ấy là một nhà quý tộc và đã quen sống sung sướng rồi. Nếu như chỉ có một mình em thì có lẽ em sẽ sống ngay thật. Anh cũng là một người tốt và em cũng rất mến anh, nhưng chỉ mong anh đừng nói với em về chuyện đó..." Mẹ kiếp! Tôi đưa cho cô ta tất cả những gì có trong người - tám mươi rúp cùng những tiền lẻ, - và nói: "Xin cô tha lỗi cho... tôi không thể nào gặp cô được nữa, không thể nào!" Thế là tôi bỏ đi...

Cậu im lặng và bỗng ngà ngà say, người hơi ngả xuống. Cậu nói lắp bắp:

- Tôi đã đến với cô ta sáu lần... Anh không thể hiểu nổi như thế nào đâu! Có lẽ còn đến sáu lần nữa tôi đã đến gần căn nhà của cô ta... nhưng không dám vào... không thể vào được! Bây giờ cô ta đã đi rồi...

Cậu đặt tay lên bàn, ngón tay động đậy, rồi nói khẽ:

- Miễn là tôi không gặp lại cô ta... mong Chúa giúp cho tôi... Nếu không thì mọi việc sẽ đi đứt! Thôi, về nhà... về đi thôi!

Chúng tôi đi ra ngoài, cậu bước đi lảo đảo, mồm càu nhàu:

- Thế đấy, anh bạn ạ...

Câu chuyện của cậu kể không làm cho tôi ngạc nhiên: từ lâu tôi đã cảm thấy nhất định có chuyện gì khác thường xảy ra với cậu.

Nhưng tôi thấy rất nặng nề sau khi nghe tất cả những điều mà cậu nói về cuộc sống, nhất là những lời của cậu nói về bác Oxiv.

XX

Ba năm trời tôi sống ở cái thành phố chết, giữa những toà nhà rỗng và làm "đốc công" trông những người thợ cứ mùa thu thì phá những cửa hiệu thô kệch bằng đá đi và mùa xuân thì xây dựng lại như cũ.

Cậu chủ rất chú ý sử dụng tôi cho xứng đáng với tiền công năm rúp của tôi. Nếu ở cửa hiệu có lát sàn thì tôi phải xúc đất trên toàn bộ bề mặt đổ đi với chiều sâu là một acsin. Bọn dân du thử du thực nhận làm việc này được trả một rúp, còn tôi không được gì cả. Nhưng vì bận làm việc ấy nên tôi không có thì giờ theo dõi thợ mộc; họ tháo đi những ổ khoá, quả đấm cửa, ăn cắp đủ mọi thứ lặt vặt.

Cả thợ lẫn thầu khoán đều cố tìm đủ mọi cách để đánh lừa tôi, để xoáy một vật gì: họ làm việc đó hầu như công khai, dường như tuân theo một nhu cầu tẻ ngắt. Mỗi khi tôi bắt được quả tang, họ không hề tức giận, mà chỉ ngạc nhiên:

- Vì năm đồng rúp mà cố công như được đến hai mươi đồng không bằng, trông thật nực cười!

Tôi bảo với cậu chủ rằng cậu được lợi của tôi một rúp tiền

công thì thường mất đi hơn mười lần, nhưng cậu nháy mắt với tôi và nói:

- Thôi được, cứ vờ vịt mãi!

Tôi biết cậu nghi ngờ tôi cũng tham dự vào việc ăn cắp, điều đó khiến tôi có ác cảm với cậu, nhưng tôi không tức giận.

Lệ thường là như vậy: tất cả đều ăn cắp, ngay cả cậu chủ cũng thích lấy của người khác.

Sau hội chợ, cậu chủ đi xem xét các cửa hiệu mà cậu nhận sửa chữa, khi trông thấy một chiếc ấm xamovar bỏ quên, bát, đĩa, một chiếc thảm, một cái kéo, có khi cả một hòm hoặc một gói hàng, cậu mỉm cười và nói.

- Anh lập một bản danh sách các đồ đạc và đem thu tất cả vào kho.

Rồi từ nhà kho cậu chở các thứ ấy về nhà mình, bắt tôi sửa đi sửa lại nhiều lần bản kê khai đồ đạc...

Tôi không thích đồ dạc, tôi không muốn có một thứ gì cả, ngay cả sách vở cũng làm cho tôi cảm thấy chật chội. Tôi chẳng có thứ gì hết, ngoài tập sách nhỏ của Beranje và tập thơ của Haino[1]. Tôi muốn có một tập của Puskin, nhưng lão bán sách cũ duy nhất của thành phố, một lão già độc ác, đã đòi cuốn Puskin với giá quá cao. Đồ đạc, thảm, gương và tất cả những thứ chất đầy căn nhà cậu chủ, tôi đều không thích. Những hình thù vụng về, thô kệch và mùi sơn, mùi véc ni, tất cả đều làm cho tôi thấy khó chịu. Nói chung tôi không thích những căn phòng của nhà chủ; chúng giống như những cái hòm chất đầy những thứ thừa, không cần thiết. Và tôi rất khó chịu khi thấy cậu chủ tha những đồ dạc của người khác ở kho về, làm tăng dần xung quanh mình những thứ vô ích đó. Các phòng của Nữ hoàng Macgo cũng chật chội thế, nhưng đẹp đẽ biết bao.

Nói chung tôi cảm thấy cuộc sống rất rời rạc, vô nghĩa, trong

---

[1] Henrich Haino (1797- 1856), nhà thơ lớn người Đức.

đó có quá nhiều cái rõ thật là ngu xuẩn. Chúng tôi xây dựng lại các cửa hiệu, nhưng đến mùa xuân, nước lũ lại tràn ngập tất cả, làm lở nền nhà, làm hỏng hết các cửa. Khi nước rút, xà nhà bị mục nát hết. Năm này qua năm khác, đã hàng chục năm nay, nước ngập hội chợ, làm hư hỏng các toà nhà, các đường lát. Nạn lụt hàng năm ấy gây nhiều thiệt hại lớn lao cho mọi người, mà ai cũng biết trước rằng những nạn lụt ấy sẽ còn tái diễn mãi.

Mỗi mùa xuân đến, băng trôi cắt đứt những chiếc sà lan và hàng chục chiếc tàu nhỏ. Người ta than thở rồi lại đóng những chiếc tàu mới, nhưng vẫn cứ lại bị băng trôi phá vỡ. Tình trạng giậm chân tại chỗ ấy thật là vô nghĩa!

Tôi hỏi bác Oxiv về điều ấy, bác ngạc nhiên cười phá lên:

- Chà, anh như là con giang ấy, cái gì cũng muốn đớp lấy! Chuyện ấy anh cần biết làm quái gì kia chứ? Nó có liên quan gì đến anh đâu?

Nhưng ngay sau đó bác lại nói với giọng nghiêm nghị hơn; tuy vậy trong cặp mắt xanh, trong và không có vẻ già nua chút nào, vẫn ánh lên vẻ giễu cợt:

- Anh nhận xét xác đáng đấy! Cho rằng nó không liên can gì đến anh, nhưng có thể cũng có ích! Anh có còn chú ý thấy rằng...

Rồi bác kể bằng những lời lẽ hơi khô khan, thường chen vào những câu khôi hài, những so sánh đột ngột và đủ thứ chuyện vui cười:

- Người ta thường than vãn: ít đất quá! Vậy mà cứ đến mùa xuân sông Volga lại lấy đất ở bờ, bồi xuống lòng sông làm cho nó trở thành nông. Lúc ấy những người khác lại phàn nàn: Volga nông quá! Những dòng nước lũ mùa xuân và những trận mưa mùa hè xói thành các khe, đất lại dồn về sông!

Bác nói không tỏ vẻ thương xót, cũng không có ác ý, mà dường như tự hào về sự nhận xét xác đáng của mình. Mặc dù những lời của bác trùng với những ý nghĩ của tôi, tôi vẫn không thích nghe.

- Anh có còn chú ý thấy rằng: những đám cháy...

Tôi nhớ hình như không có mùa hè nào là ở phía bên kia sông Volga không có đám cháy rừng. Hàng năm, vào tháng Bảy, bầu trời thường bị che kín bởi một đám khói vàng đục; mặt trời đỏ tía mất hết tia sáng, giống như một con mắt đau nhìn xuống mặt đất.

- Rừng rú không có nghĩa lí gì cả, - bác Oxiv nói. - Đó là tài sản của quý tộc, hoặc của nhà nước; bọn mujic làm gì có rừng. Thành phố có cháy cũng không quan trọng lắm; ở thành phố toàn là những bọn giàu có ở, không nên thương chúng nó! Anh cứ thử đếm số làng mạc, thôn xóm trong một mùa hè có biết bao nhiêu thôn xóm bị cháy! Có lẽ không dưới một trăm cái, đó mới thật là một sự tổn thất!

Bác khẽ cười:

- Có tài sản, nhưng không biết sử dụng! Cứ theo anh với tôi thì người ta làm việc không phải cho bản thân, không phải vì ruộng đất, mà cho lửa và nước!

- Tại sao bác lại cười?

- Tại sao à? Không thể dùng nước mắt dập tắt đám cháy được, và nước mắt cũng không làm to thêm dòng nước lũ!

Tôi biết lão già dễ thương này là một người thông minh nhất trong số tất cả những người mà tôi gặp, nhưng tôi không biết được lão thích cái gì, ghét cái gì?

Tôi suy nghĩ về điều đó, nhưng bác lại tiếp tục nói, lời nói của bác như những thanh đóm khô ném vào ngọn lửa trong lòng tôi:

- Anh xem đấy, người ta thường ít giữ sức, cả sức mình lẫn sức người khác. Ông chủ xài phí sức của anh như thế nào? Người ta cần rượu votca để làm gì? Không thể nào tính nổi, cái đó vượt quá mọi trí tuệ uyên bác... Một căn nhà gỗ bị cháy thì có thể dựng lại một ngôi nhà khác, thế nhưng một người mujic

tốt bị sa ngã một cách vô ích thì không gì có thể cứu vớt được nữa! Acdalion hay Grisa chẳng hạn, hãy xem lão mujic ấy sa ngã[1] như thế nào! Grisa hơi ngốc, nhưng là một mujic thành tâm! Hắn bốc khói giống như một bó rơm vậy. Các mụ đàn bà xông vào xâu xé hắn tựa như những con bọ xâu xé một xác chết ở trong rừng.

Tôi hỏi bác với vẻ tò mò, không tỏ ra tức giận:

- Bác kể với cậu chủ những ý nghĩ của cháu để làm gì?

Bác bình tĩnh giải thích, thậm chí có vẻ dịu dàng:

- Để ông ấy biết anh có những ý nghĩ tai hại như thế nào mà dạy bảo anh; ngoài ông chủ ra thì còn có ai dạy bảo anh nữa? Tôi nói với ông ấy không phải với ác ý gì, mà chỉ do tình thương của tôi đối với anh mà thôi. Anh không phải là kẻ ngốc, nhưng đầu óc anh đã bị ma quỷ làm xáo trộn lên rồi. Anh có lấy cắp, tôi cũng im lặng, có đi với gái, tôi cũng im lặng, có uống rượu tôi cũng không nói ra! Nhưng những cái bướng bỉnh của anh thì bao giờ tôi cũng nói lại với ông chủ, anh nên biết thế đấy...

- Tôi sẽ không nói chuyện gì với bác nữa!

Bác im lặng, lấy móng tay cậy nhựa cây khỏi lòng bàn tay rồi liếc nhìn tôi bằng cặp mắt dịu dàng và nói:

- Nói dối, nhất định anh sẽ còn nói! Ngoài ra còn ai để anh nói chuyện nữa? Không có ai cả...

Bỗng nhiên tôi cảm thấy bác Oxiv sạch sẽ và gọn gàng ấy giống anh thợ đốt lò Iacov với vẻ bàng quan đối với tất cả mọi thứ trên đời.

Có lúc bác giống như lão già thông thái Piot Vaxiliev, có lúc giống bác đánh xe ngựa Piot, đôi lúc bác có nét giống ông ngoại tôi; nói chung, ở khía cạnh này hay khía cạnh khác, bác giống tất cả những ông già mà tôi đã từng gặp. Họ đều là những ông

---

[1] Nguyên văn: bốc cháy.

già rất thú vị, nhưng tôi cảm thấy không thể sống với họ được vì nặng nề và khó chịu. Hình như họ gặm mòn dần tình cảm của con người, những lời lẽ thông minh của họ bao bọc lấy trái tim bằng một lớp gỉ màu hung đỏ. Bác Oxiv là người tốt ư? Không phải. Là người độc ác ư? Cũng không phải? Bác là một người thông minh, điều đó thì tôi đã rõ. Nhưng sự thông minh mềm dẻo đáng kinh ngạc ấy đã làm tiêu ma lòng hăng hái của tôi, cuối cùng tôi bắt đầu cảm thấy thù ghét bác về mọi mặt.

Trong đầu tôi sôi sục những ý nghĩ đen tối:

"Tất cả mọi người đều là người dưng nước lã với nhau, mặc dù họ có những lời nói và nụ cười âu yếm với nhau. Trên trái đất này tất cả đều là những người xa lạ. Hình như không có ai gắn bó với trái đất bằng một tình yêu vững chắc. Chỉ có một mình bà ngoại tôi là yêu cuộc sống và yêu tất cả. Bà tôi và Nữ hoàng Macgo xinh đẹp".

Đôi lúc những ý nghĩ ấy và những ý nghĩ tương tự quyện với nhau như một đám mây đen; cuộc sống trở nên ngột ngạt và nặng nề, nhưng biết sống theo cách khác như thế nào, biết đi đâu? Ngoài bác Oxiv ra, tôi không còn có ai để nói chuyện nên tôi càng nói chuyện với bác nhiều hơn.

Bác nghe những câu chuyện huyên thuyên đầy nhiệt tình của tôi với vẻ hứng thú rõ rệt; có khi bác hỏi lại tôi để rõ một điều nào đó rồi điềm tĩnh đáp:

- Chim gõ kiến ngang bướng, nhưng không đáng sợ, không ai sợ nó cả! Tôi thành thật khuyên anh: anh nên đi tu đi. Anh sẽ sống ở đấy cho đến khi trưởng thành; anh sẽ dùng những câu chuyện hay để an ủi những người đi lễ. Anh sẽ được yên ổn, mà nhà thờ cũng sẽ có lợi! Tôi thành thật khuyên anh đấy. Anh không có khả năng làm những việc của thế gian đâu, có phải không?

Tôi không muốn đi tu, nhưng tôi cảm thấy mình đã bị lạc lối

và đang xoay trong cái vòng luẩn quẩn khó hiểu. Thật là chán nản. Cuộc sống đối với tôi giống như một khu rừng mùa thu; nấm đã hết, không có gì để làm trong khu rừng trống cả, tôi có cảm giác như khu rừng đó đã quá quen thuộc với mình rồi.

Tôi không uống rượu votca, không đi lại với phụ nữ; ở tôi sách vở đã thay thế hai hình thức làm say đắm tâm hồn ấy. Nhưng tôi càng đọc nhiều sách thì càng cảm thấy khó sống hơn. Tôi cảm thấy mình sống một cách vu vơ và vô ích giống như mọi người.

Tôi mới mười lăm tuổi đầu, nhưng đôi lúc tôi có cảm giác như mình đã là một người đứng tuổi. Tôi như đã phát triển quá nhiều ở bên trong và nặng nề thêm vì phải mang tất cả những cái mà tôi đã trải qua, đã đọc, đã băn khoăn suy nghĩ. Nhìn sâu vào nội tâm, tôi thấy nơi chứa đựng những ấn tượng của tôi cũng giống như một gian nhà kho chật chội, chất đầy những đồ khác nhau một cách hỗn độn. Tôi không có sức và cũng không có tài để sắp xếp chúng lại.

Tất cả những gánh nặng đó tuy rất nhiều nhưng không vững chắc, chúng đung đưa và làm tôi nghiêng ngả, giống như nước chứa lắc lư trong một cái bình để không vững chỗ.

Tôi ghét những chuyện bất hạnh, những bệnh tật và những lời than vãn. Khi nhìn thấy những điều tàn nhẫn, máu mê, những vụ đánh nhau, thậm chí ngay cả những lời nhạo báng chửi rủa - là tôi cảm thấy ghê tởm trong cơ thể và phút chốc nó làm cho tôi phát điên lên, rồi chính tôi cũng đánh nhau như một con thú dữ; sau đấy tôi xấu hổ đến tột độ.

Đôi khi, với lòng hăm hở muốn đánh chết kẻ chuyên hành hạ người khác, tôi đã xông vào đánh nhau một cách mù quáng đến nỗi ngay cả bây giờ, nhớ lại những cơn tuyệt vọng do bất lực sinh ra ấy, tôi cảm thấy xấu hổ và buồn rầu.

Trong tôi có hai con người: một con người sau khi đã biết quá

nhiều điều ghê tởm và bẩn thỉu, hơi sợ hãi những điều đó; nản lòng trước sự hiểu biết những điều khủng khiếp xảy ra hàng ngày, nó bắt đầu nhìn cuộc sống, nhìn mọi người với thái độ thiếu tin tưởng và hoài nghi, thương hại một cách bất lực tất cả mọi người cũng như chính bản thân mình. Con người ấy mơ ước một cuộc sống cô độc, yên tĩnh, chỉ có sách vở, không dính líu đến ai, nó mơ ước đến một tu viện, một chòi canh trong rừng, một vọng gác đường sắt, mơ ước đến Ba Tư, đến cương vị của một người gác đêm ở một nơi nào đó thuộc ngoại ô thành phố. Càng ít người càng tốt, càng tránh xa họ càng tốt...

Còn con người kia, được nuôi dưỡng bằng ý chí thiêng liêng của những cuốn sách tốt và sâu sắc, mỗi khi quan sát thấy sức chiến thắng của những điều khủng khiếp xảy ra hàng ngày đó, và cảm thấy sức mạnh ấy có thể dễ dàng đè bẹp mình, làm nhơ bẩn trái tim mình,[1] liền cố sức tự vệ, cắn chặt răng, siết chặt nắm đấm, luôn luôn sẵn sàng xông vào bất kì cuộc tranh cãi và trận chiến đấu nào. Con người này yêu thương một cách tích cực và giống như những nhân vật dũng cảm trong những cuốn tiểu thuyết Pháp, chỉ cần đến câu thứ ba là đã rút ngay kiếm ra khỏi bao và đứng vào vị trí chiến đấu.

Thời kì này tôi có một kẻ thù rất thâm hiểm, đó là gã quét sân của một trong những ngôi nhà thổ ở phố Malaia Pocrovxkaia. Tôi gặp gã vào một buổi sáng, lúc đi ra hội chợ. Gã lôi một cô con gái say mềm xuống khỏi chiếc xe bốn bánh của người đánh xe ngựa đỗ ở cạnh cổng nhà. Sau khi nắm lấy hai chân cô gái ở chỗ bít tất tụt xuống, lột trần cô ta đến thắt lưng, gã trâng tráo lôi cô gái, vừa cười hét vừa khạc nhổ vào người cô. Cô này khi bị đẩy khỏi xe, người rũ ra, mắt nhắm nghiền lại, mồm há hốc, hai cánh tay mềm nhũn như bị sai khớp quặt ra đằng sau đầu; lưng, gáy và khuôn mặt tái xanh của cô va vào

[1] Nguyên văn: cắt đứt đầu mình, lấy gót chân bẩn thỉu giày xéo lên trái tim mình.

chỗ ngồi của chiếc xe, vào bậc xe, cuối cùng cô ngã vật xuống đường, đầu vập vào đá.

Người đánh xe quất ngựa đưa xe đi, còn gã quét sân thì túm lấy hai chân cô gái, đi giật lùi, kéo lê cô ta lên vỉa hè như kéo một xác chết. Tôi giận điên lên, chạy bổ tới, may cho tôi trong lúc chạy tôi vứt hoặc vô tình đánh rơi mất cái ống đo mực nước dài một xajen,[1] việc đó đã cứu gã quét sân và tôi khỏi chuyện rầy rà lớn. Sau khi lao vào gã theo đà chạy, tôi quật ngã gã quét sân, rồi nhảy lên bậc cửa, kéo chuông dồn dập; những người râu ria xồm xoàm chạy ra, tôi không sao giải thích được gì cho họ, mà chỉ nhặt chiếc ống đo mực nước lên và bỏ đi.

Tôi đuổi kịp người đánh xe ở chỗ đường dốc, hắn nhìn tôi từ trên cao xuống - từ chỗ ngồi của người đánh xe - và nói với vẻ tán thưởng:

- Anh hạ hắn khéo đấy!

Tôi bực mình hỏi hắn tại sao hắn lại cho phép gã quét sân có những hành động thô bạo đối với người con gái như vậy, hắn bình tĩnh nói với giọng kinh tởm:

- Tôi cần đếch gì! Bọn chủ trả tiền cho tôi khi họ bỏ cô ả lên xe; còn chuyện ai đánh ai thì có liên can gì đến tôi?

- Thế lỡ họ đánh chết cô ta thì sao?

- Ừ, loại ấy rồi người ta cũng đánh chết thôi. - Người đánh xe nói tựa như hắn đã nhiều lần thử làm cái trò đánh chết những cô gái say rượu rồi thì phải.

Từ ngày đó hầu như sáng nào tôi cũng gặp gã quét sân. Tôi đi ngoài đường phố, còn gã thì quét quãng đường lát hoặc ngồi ở bậc tam cấp như có ý chờ đợi tôi. Khi tôi đến gần, gã đứng dậy, xắn tay áo lên và báo trước:

- Nào, bây giờ tao mới sửa cho mày một trận!

---

[1] Đơn vị đo lường Nga dài 2,13 m.

Gã khoảng bốn chục tuổi, người nhỏ bé, chân khoằm, bụng to như bụng đàn bà có chửa; gã cười khẩy nhìn tôi bằng cặp mắt long lanh và tôi rất lấy làm lạ khi nhìn thấy cặp mắt của gã có vẻ lương thiện và vui vẻ. Gã không có tài cán đánh nhau, tay gã ngắn hơn tay tôi: sau hai ba hiệp gã chịu thua tôi, tựa lưng vào cổng, và nói với vẻ ngạc nhiên:

- Thôi được, rồi có ngày biết tay, đồ chó!...

Nhưng trận đánh nhau ấy làm tôi chán ngấy, có lần tôi bảo gã:

- Này, đồ ngốc, đừng có quấy rầy tao nữa!

- Thế sao mày lại đánh tao? - gã hỏi với giọng trách móc.

Tôi cũng hỏi gã xem tại sao gã lại làm nhục cô gái một cách đểu cáng như vậy.

- Việc ấy có quan hệ gì đến mày? Mày thương nó à?

- Dĩ nhiên là thương.

Gã im lặng, chùi mép rồi hỏi:

- Thế mày có thương con mèo không?

- Tất nhiên, cả mèo cũng thương...

Lúc ấy gã bảo tôi:

- Mày là thằng ngốc, thằng bịp bợm! Liệu hồn đấy, tao sẽ cho mày biết tay...

Tôi không thể tránh con đường ấy được; đó là con đường ngắn nhất. Nhưng tôi dậy sớm hơn để không gặp con người ấy; tuy vậy qua vài ngày tôi lại gặp gã. Gã ngồi ở bậc tam cấp và vuốt ve con mèo màu tro nằm trên đầu gối gã. Khi tôi còn cách gã khoảng ba bước, gã nhổm dậy, nắm lấy chân con mèo và vung tay quật mạnh đầu nó vào cột thềm; một tia máu âm ấm phọt cả vào người tôi. Sau đó, gã liền ném con mèo vào chân tôi rồi đứng vào trong cửa và hỏi tôi:

- Thế nào?

Chà, còn biết làm thế nào nữa! Chúng tôi quần nhau trên

sân như hai con chó đực. Sau đó tôi ngồi trên bãi cỏ dại ở bờ dốc, phát điên lên vì một nỗi buồn chán khôn tả, tôi mắm môi để không gào lên, thét lên. Bây giờ nhớ lại chuyện đó tôi còn thấy run lên vì ghê tởm và ngạc nhiên là khi đó tại sao tôi đã không hoá điên, không giết người?

Tôi kể những chuyện ghê tởm này để làm gì? Để các bạn - những người có thiện tâm - biết rằng đó không phải là những chuyện đã qua, không phải là đã qua rồi đâu! Các bạn thích những chuyện khủng khiếp khéo bịa đặt ra, thích những chuyện rùng rợn được kể một cách li kì; chuyện khủng khiếp hoang đường dễ làm các bạn hồi hộp một cách thú vị. Nhưng tôi lại biết đến những chuyện khủng khiếp có thật, những chuyện rùng rợn xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, và tôi có cái quyền không ai chối cãi được là làm cho các bạn xúc động một cách không lấy gì làm thú vị bằng những câu chuyện đó, nếu các bạn nhớ lại rằng các bạn đang sống như thế nào và đang sống trong tình huống nào?

Tất cả chúng ta đang sống một cuộc sống đê tiện và bẩn thỉu! Đó là một sự thật!

Tôi rất yêu mọi người và không muốn làm ai đau khổ, nhưng không thể đa cảm, cũng không thể che giấu sự thật khủng khiếp trong những lời nói dối trá bóng bẩy loè loẹt được! Hãy sống đi, hãy sống đi! Cần phải hoà vào trong đó tất cả những gì tốt đẹp và nhân đạo ở trong tim và trong đầu óc chúng ta.

... Đặc biệt cách đối xử với phụ nữ đã làm cho tôi rối trí. Sau khi đọc khá nhiều tiểu thuyết, tôi nhìn người phụ nữ như nhìn một cái gì tốt đẹp nhất và quan trọng nhất trong cuộc sống. Người làm tôi tin tưởng vững chắc vào điều đó là bà ngoại tôi. là những câu chuyện của bà về Đức Mẹ và về Vaxilixa Anh Minh, là chị thợ giặt bất hạnh Natalia, là hàng trăm hàng ngàn những cặp mắt, những nụ cười mà tôi được thấy, và đã được các

phụ nữ, các bà mẹ của cuộc sống dùng để điểm tô cho cuộc sống rất thiếu thốn niềm vui, rất thiếu thốn tình yêu này.

Những cuốn sách của Turghenev thường ca ngợi người phụ nữ; tôi đã dùng tất cả những hiểu biết tốt đẹp về phụ nữ để điểm tô cho hình tượng Nữ hoàng đáng ghi nhớ của tôi. Về điểm này Hainơ, Turghenev đặc biệt đã cho tôi nhiều điều quý báu.

Buổi chiều, khi từ hội chợ trở về nhà, tôi thường dừng lại ở trên đồi, ở chân tường điện Cremlin; tôi nhìn mặt trời lặn ở phía bên kia sông Volga, nhìn những dòng sông lửa trôi trên bầu trời, nhìn con sông đáng yêu trên mặt đất đang biến thành màu đỏ thắm và xanh biếc. Đôi lúc, trong những phút như vậy, tôi cảm thấy toàn bộ trái đất như một chiếc sà lan lớn của tù nhân, như một con lợn, mà một chiếc tàu thuỷ vô hình uể oải kéo đi đâu không rõ.

Nhưng tôi thường suy nghĩ nhiều hơn về sự bao la của trái đất, về những thành phố mà tôi biết trên sách vở, về những nước ngoài, nơi người ta sống theo một lối khác. Trong những cuốn sách của các nhà văn nước ngoài, cuộc sống được miêu tả trong sạch hơn, đáng yêu hơn, ít khó nhọc hơn so với cuộc sống chậm chạp và đơn điệu đang sôi sục xung quanh tôi. Điều đó làm dịu bớt những nỗi băn khoăn của tôi và gợi trong tôi những ước mơ về khả năng thực hiện một cuộc sống khác.

Và tôi luôn luôn cảm thấy rằng nhất định tôi sẽ gặp một người thông minh giản dị nào đó có thể dẫn tôi tới con đường thênh thang sáng sủa.

Một hôm tôi đang ngồi trên một chiếc ghế dài ở chân tường điện Cremlin thì bỗng nhiên cậu Iacov xuất hiện ở bên cạnh tôi. Tôi không để ý đến cậu khi cậu đi tới gần tôi và không nhận ngay ra cậu. Mặc dù trong vòng mấy năm chúng tôi sống trong cùng một thành phố, nhưng hoạ hoằn mới gặp nhau, có khi tình cờ gặp, cũng có khi gặp thoáng qua.

- Chà, cháu lớn gớm rồi nhỉ, - cậu hích tôi một cái và nói

đùa, chúng tôi bắt đầu nói chuyện như những người dưng nhưng đã quen biết nhau từ lâu.

Nghe bà tôi kể thì cậu Iacov trong mấy năm qua hoàn toàn bị phá sản, cậu tiêu pha hết sạch, ăn chơi bừa bãi. Có lần cậu làm phó cai ngục của một trại tù, nhưng kết quả chẳng ra gì: viên cai ngục bị ốm, cậu Iacov liền tổ chức ở nhà riêng của mình những bữa tiệc vui để cho các tù nhân tham dự. Việc này để lọt ra ngoài, cậu bị cách chức và bị đưa ra toà vì bị kết tội là đã thả tù nhân đi "dạo chơi" ở thành phố ban đêm. Không có ai trong đám tù nhân chạy trốn cả, nhưng có một người bị bắt đúng lúc anh ta đang cố sức bóp cổ thầy phụ lễ. Cuộc điều tra kéo dài rất lâu, nhưng kết quả cậu vẫn không bị xử án, vì tù nhân và cai ngục đều biết chống chế cho người cậu lương thiện của tôi thoát khỏi chuyện ấy. Bây giờ cậu không có việc làm, sống nhờ vào đứa con trai làm nghề hát mướn ở ban ca của Rucavisnicov nổi tiếng thời bấy giờ. Cậu nói về đứa con trai thật là lạ lùng.

- Thằng bé nhà cậu đã đứng đắn, chững chạc ra phết! Nó hát đơn ca. Hễ không kịp đặt xamovar hay chải sạch quần áo cho nó là nó làm inh cả lên! Một thanh niên rất chỉnh tề và ưa sạch sẽ...

Cậu trông già đi nhiều, người nhem nhuốc, râu tóc đã rụng bớt, sức yếu hẳn đi. Mớ tóc quăn xinh đẹp của cậu thưa đi nhiều, hai tay phồng lên, trên lòng trắng của đôi mắt và trong lớp da xanh nhợt của cặp má cạo nhẵn đã xuất hiện một màng lưới dày đặc những đường gân màu đỏ. Cậu nói giọng bông đùa, nhưng tôi có cảm giác như trong miệng cậu có một cái gì làm vướng lưỡi, mặc dù răng cậu vẫn còn nguyên.

Tôi vui mừng vì có dịp được nói chuyện với một người biết sống vui vẻ, từng trải và chắc là hiểu biết nhiều. Tôi còn nhớ rõ những bài hát sôi nổi, buồn cười của cậu, và trong trí nhớ của tôi còn vang lên những lời của ông nói về cậu:

"Nó hát thì như vua David, nhưng làm thì lại như Alaxalom độc ác!"

Trên đại lộ có trồng cây hai bên, một tốp người ăn mặc sạch sẽ đi ngang qua chỗ chúng tôi, đó là những bà quý phái giàu có, những viên công chức và sĩ quan. Cậu tôi mặc áo bành tô mùa thu cũ kĩ, đội mũ lưỡi trai nhàu nát, đi đôi ủng màu hung; cậu co mình lại, chắc là ngượng vì bộ quần áo của mình. Chúng tôi đi tới một quán ăn ở khe Posainxki và ngồi ở cạnh cửa sổ trông ra phía chợ.

- Cậu có nhớ cậu đã hát:

Một gã ăn mày phơi đôi xà cạp,
Gã khác xoáy mất lúc nào...

Vừa thốt ra những câu hát đó, tôi bỗng nhiên cảm thấy lần đầu tiên ý nghĩa giễu cợt của nó và cảm thấy rằng người cậu vui tính ấy là một người độc ác và thông minh.

Nhưng sau khi rót đầy rượu votca vào li, cậu nói với vẻ đăm chiêu:

- Đúng, cậu đã sống rất thoải mái, rất kì quặc, nhưng vẫn còn ít! Bài hát không phải của cậu, mà là của một thầy giáo trường dòng, tên ông ta là gì nhỉ? Ông ấy chết rồi, nên cậu cũng quên mất. Cậu với ông ấy sống như bạn bè. Ông ta chưa vợ, rượu chè be bét và đã chết cóng. Cậu nhớ có biết bao nhiêu người đã trở nên nghiện ngập - khó mà tính nổi! Cháu không uống chứ? Chớ uống, hãy khoan đã. Cháu có thường gặp ông không? Ông là một lão già kì cục. Hình như ông mất trí rồi thì phải.

Sau khi uống rượu vào, cậu tươi tỉnh hẳn lên, thân thể cũng ngay ngắn hơn, trông trẻ ra và bắt đầu nói hoạt bát hơn.

Tôi hỏi cậu về câu chuyện tù nhân.

- Cháu cũng nghe thấy à? - cậu hỏi dò, nhìn quanh rồi hạ thấp giọng nói:

- Chuyện tù nhân ấy à? Cậu không phải là kẻ xử tội họ. Cậu thấy họ cũng là những người bình thường cả, nên cậu nói: anh em ơi, tất cả hãy sống thật thân ái, thật vui vẻ đi! Có một bài hát như thế này:

Số phận không cản trở được niềm vui.
Cứ mặc nó giam ta trong xiềng xích;
Chúng ta sẽ sống vui thoả thích,
Chỉ kẻ ngu là sống khác mà thôi!

Cậu cười và nhìn qua cửa sổ xuống dưới khe vực tối om, ở dưới đáy khe có nhiều hiệu buôn nhỏ. Cậu sửa lại ria mép cho ngay ngắn rồi lại tiếp tục nói:

- Tất nhiên họ rất vui sướng vì ngồi mãi ở trại giam thì buồn lắm. Thế là điểm danh xong, họ đến ngay chỗ cậu uống rượu votca, ăn đôi chút; có lúc cậu mời họ, có lúc họ mời cậu; ăn uống xong bắt đầu nhảy múa và hát bài "Nước Nga mẹ"! Cậu thích múa hát, trong đám họ có những người múa hát rất giỏi, thật là cừ khôi! Đôi khi có người bị gông cùm không nhảy múa được, cậu liền cho phép tháo gông ra, thật đấy! Tự họ khắc biết tháo, không cần nhờ thợ rèn, họ khéo tay đáo để, thật là cừ khôi! Còn chuyện đồn rằng cậu thả họ vào thành phố để cướp bóc thì thật là chuyện bậy bạ, chuyện đó thậm chí vẫn chưa có bằng cớ gì để xác minh...

Cậu im lặng nhìn qua cửa sổ xuống dưới khe, ở đấy những người mua đồ cũ đang khoá cửa hiệu, tiếng then cửa bằng sắt kêu lách cách, tiếng bản lề gỉ kêu ken két, tiếng rơi của những tấm ván nào đó ầm vang. Sau đó cậu vui vẻ nháy mắt với tôi rồi tiếp tục nói nhỏ:

- Nếu nói đúng ra thì chỉ có một người quả là đêm đêm có lẻn đi, nhưng đó không phải là người bị cùm, mà chỉ là một tên kẻ cắp ở đây, ở Nijni Novgorod, hắn có một ả tình nhân ở gần đây, ở Pesorca. Và cũng có xảy ra câu chuyện với một thầy phụ lễ, chỉ là do sự nhầm lẫn thôi: thầy phụ lễ bị nhận lầm là con

buôn. Việc đó xảy ra vào một đêm mùa đông, bão tuyết, tất cả mọi người đều mặc áo lông, trong lúc vội vã như vậy thì còn phân biệt làm sao được ai là con buôn, ai là thầy phụ lễ nữa?

Tôi cảm thấy chuyện đó thật là buồn cười, chính cậu cũng cười và nói:

- Trời đất ơi! Chỉ có ma quỷ mới phân biệt được họ...

Nói xong cậu đột nhiên nổi giận một cách kì lạ, cậu gạt đĩa thức ăn ra, nhăn mặt với vẻ kinh tởm, châm điếu thuốc lá hút và nói lẩm bẩm:

- Ăn cướp lẫn nhau, rồi lại bắt lẫn nhau, tống vào các nhà tù, đầy đi Xibiri, đi làm khổ sai, chà, tao thì có liên can gì đến việc ấy? Tao cóc cần dính dáng đến mọi chuyện... Tao có tâm hồn của tao!

Trước mắt tôi hiện ra hình ảnh anh thợ đốt lò mình đầy lông lá - anh cũng hay nói chữ "cóc cần". Tên anh cũng là Iacov.

- Cháu đang nghĩ gì đấy? - cậu hỏi với giọng dịu dàng.

- Cậu có thương những tù nhân không?

- Trông họ rất dễ thương, có những chàng trai thật là cừ khôi! Có lúc cậu nhìn họ và nghĩ bụng: mình không đáng là gót giày của họ, thế mà lại làm người cai quản họ. Họ thật là thông minh và khéo léo...

Rượu và hồi ức lại gây cho cậu một cảm giác dễ chịu; cậu tì khuỷu tay lên bệ cửa sổ, khẽ ve vẩy bàn tay vàng khè đang cầm mẩu thuốc lá hút dở và bắt đầu nói với giọng sôi nổi:

- Có một người chột mắt làm thợ khắc và chữa đồng hồ: hắn bị bỏ tù vì tội làm tiền giả, hắn đã trốn rồi; giá cháu được nghe hắn nói nhỉ! Cứ như là lửa cháy ấy! Như một nhà nghệ sĩ đang hát vậy! Hắn nói: "Các người hãy giải thích tại sao kho bạc có thể in tiền, còn tôi thì lại không thể? Hãy giải thích đi!" Không ai có thể giải thích cho hắn điều đó. Không ai cả, cậu cũng không thể giải thích nổi. Thế mà cậu lại là

người cai quản hắn! Còn một người nữa, một gã ăn cắp nổi tiếng của Moxcva, tính tình rất trầm lặng, ăn mặc sang trọng, ưa sạch sẽ, nói năng lịch thiệp. Gã nói: "Người ta làm việc đến mụ người đi, nhưng tôi lại không thích thế. Tôi đã trải qua cái cảnh đó: làm việc, làm mãi, làm đến nỗi mệt phờ ra, trở thành một thằng ngốc, uống rượu mất hai copec, đánh bạc thua mất hai copec, cho đàn bà mất năm copec để được vuốt ve, cuối cùng lại nghèo đói. Không, tôi không chơi cái trò ấy..."

Cậu Iacov mặt đỏ tía lên[1] và bị kích động đến nỗi ngay cả đôi tai nhỏ của cậu cũng rung rung, cậu cúi xuống bàn và nói tiếp:

- Họ không phải là lũ ngốc đâu, anh bạn ạ, họ phê phán rất đúng. Tất cả những trò bỉ ổi ấy thật là quỷ quái! Đấy, cứ thử xem cậu đã sống như thế nào? Nhớ lại thật là xấu hổ, thật là một cuộc sống tủn mủn, thầm lén. Đau khổ là của mình, còn vui vẻ là thứ xoáy được của người khác! Khi thì bố quát "đừng có hòng", khi thì vợ la "không thể được", đôi lúc chính cậu sợ đến không dám ngóc đầu lên nữa. Thế là cậu đã bỏ qua mất cả cuộc đời, bây giờ già rồi thì đi làm đầy tớ cho thằng con trai của mình. Giấu giếm mà làm gì? Anh bạn ạ, cậu ngoan ngoãn hầu hạ nó, nhưng nó lại quát tháo cậu như là ông chủ ấy. Nó gọi cậu là "bố", nhưng cậu lại nghe thành "đày tớ"! Cậu sinh ra để làm cái trò ấy ư? Loay hoay mãi trong cuộc sống để rồi đi hầu con ư? Giả sử không có cái đó đi chăng nữa thì cậu sống để làm gì chứ, cậu đã được hưởng bao nhiêu lạc thú rồi?

Tôi nghe cậu với vẻ lơ đễnh, tuy nhiên cũng đáp lại một cách miễn cưỡng và không hi vọng gì ở câu trả lời của cậu:

- Cháu cũng không biết nên sống như thế nào...

Cậu mỉm cười.

---

[1] Nguyên văn: đỏ tận đến đỉnh đầu.

- Chà... Ai biết được điều đó? Cậu chưa thấy người nào biết được điều đó cả! Thế đấy, người ta sống và mỗi người đều quen với lối sống riêng của mình...

Đột nhiên cậu lại nói với giọng giận dữ, bực tức:

- Trước đây ở chỗ cậu có một người vùng Orion phạm tội cưỡng bức, một gã quý tộc, một tay nhảy múa rất cừ, đôi lúc hắn làm cho tất cả phải phì cười, hắn hát về Vanca:

Chú Vanca đi trong nghĩa địa -
Chuyện ấy thật là giản đơn!
Này, Vanca, hãy thò đầu ra tí
Cho xa hơn khu nghĩa địa thôn làng...

Cậu nghĩ rằng cái đó hoàn toàn không đáng cười, mà là sự thật! Dù tránh thế nào thì cũng không thể vượt ra khỏi nghĩa địa được. Đã vậy thì đối với cậu thế nào cũng xong: làm tù nhân hay là cai ngục cũng thế thôi.

Nói đã mệt, cậu uống nốt chỗ rượu votca, rồi giống như con chim dùng một mắt nhìn vào cái bình trống rỗng, im lặng hút thêm một điếu thuốc nữa và phà khói qua bộ ria mép.

"Dù có cố sức đến đâu, có hi vọng vào cái gì đi nữa thì cũng chẳng ai thoát khỏi chiếc quan tài và khu nghĩa địa đâu", bác thợ nề Piot, một người hoàn toàn khác hẳn cậu Iacov cũng thường nói thế. Tôi biết bao nhiêu những câu cách ngôn như vậy và tương tự như vậy rồi!

Tôi không muốn hỏi thêm cậu điều gì nữa. Ở bên cậu, tôi cảm thấy buồn rầu và thấy thương cậu. Tôi nhớ lại bài hát sôi nổi và tiếng đàn ghi ta nhen lên niềm vui trong một nỗi buồn dịu dàng. Tôi cũng không quên anh Txưganoc vui tính, không quên và khi nhìn thân mình ủ rũ của cậu Iacov tôi chợt nghĩ:

"Liệu cậu còn nhớ vụ cây thánh giá đè chết anh Txưganoc không?"

Tôi cũng không muốn hỏi cậu điều đó.

Tôi nhìn xuống dưới khe vực tràn đầy bóng tối ẩm ướt của tháng Tám. Từ dưới khe bốc lên mùi táo và mùi dưa bở. Trên con đường hẹp đi vào thành phố đã rực ánh đèn, tất cả những cảnh đó hoàn toàn quen thuộc. Vào giờ này tàu thuỷ đi Rưbinxc và tàu đi Pecmo sắp bắt đầu kéo còi...

- Đến giờ phải đi rồi! - cậu nói.

Bên cửa quán ăn, khi bắt tay tôi, cậu khuyên với vẻ bông đùa:

- Cháu đừng buồn, hình như cháu buồn thì phải? Vui lên chứ! Cháu hãy còn trẻ. Cái chính cháu nên nhớ là "số phận không cản trở được niềm vui!" Thôi, tạm biệt, cậu phải đi đến nhà thờ "Đức Mẹ lên trời" đây!

Người cậu vui tính đi khỏi càng khiến tôi bối rối thêm vì những lời nói của cậu.

Tôi đi ngược lên thành phố, rồi đi ra phía cánh đồng. Trăng rằm tròn vành vạnh, trên trời những đám mây nặng nề trôi, những bóng đen của chúng xoá sạch cái bóng của tôi trên mặt đất. Tôi đi tránh thành phố bằng đường ruộng, ra tới bờ dốc trên sông Volga rồi nằm dài trên bãi cỏ đầy bụi và nhìn rất lâu sang phía bên kia sông, sang cánh đồng cỏ và mảnh đất bất động ấy. Những bóng mây chậm chạp kéo qua sông Volga; sau khi hoà lẫn vào cánh đồng cỏ, chúng sáng sủa hơn, như được nước sông rửa sạch. Mọi vật chung quanh đều như nửa thức nửa ngủ, như bị chìm đi, tất cả dường như chuyển động một cách miễn cưỡng, do sự bức thiết, chứ không phải do lòng yêu tha thiết đối với sự hoạt động, đối với cuộc sống.

Tôi muốn đá tung tất cả trái đất và cả ngay chính mình nữa để cho tất cả mọi vật - kể cả tôi - xoay như một cơn lốc mừng vui trong điệu múa tưng bừng của những con người yêu nhau say đắm, những con người đang yêu cuộc sống này.

cuộc sống mở đầu cho một cuộc sống khác đầy tươi đẹp phấn khởi và ngay thật...

Tôi nghĩ bụng:

"Ta phải làm được một việc gì chứ, nếu không thì ta sẽ sống vô ích..."

Vào những ngày thu ảm đạm, khi mà không những không nhìn thấy, không cảm thấy, mà còn quên mất cả mặt trời, vào những ngày thu như vậy tôi thường bị lạc trong rừng. Tôi đi chệch đường, chẳng tìm ra được một lối hẻm nào; cuối cùng sau khi tìm kiếm đến mệt bã người, tôi cắn răng lại và cứ đi thẳng xuyên qua rừng rậm trên những cành cây mục nát, trên những mô đất tròng trành của vũng lầy. Cuối cùng bao giờ tôi cũng tìm ra được đường đi.

Tôi quyết định cũng sẽ làm như vậy.

Mùa thu năm ấy tôi đến Cazan với hi vọng ngấm ngầm rằng có thể tôi sẽ kiếm được chỗ học ở đó.

NHỮNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA TÔI

TRẦN KHUYẾN - CẨM TIÊU

dịch

LỜI GIỚI THIỆU[*]

Những trường đại học của tôi *là tác phẩm lớn đầu tiên của Gorki trong thời đại mới, thời đại Xô Viết. M. Gorki viết* Những trường đại học của tôi *chủ yếu vào năm 1922, đó là tập cuối của tác phẩm bộ ba tự thuật của ông.* Những trường đại học của tôi *phản ánh cuộc sống của Gorki ở Cazan (1884-1888) và ở làng Craxnovidovo trên sông Volga (từ tháng Sáu đến tháng Chín năm 1888).*

Khác với Thời thơ ấu *và* Kiếm sống, Những trường đại học của tôi *là một tuỳ bút ghi nhanh. Có thể gọi* Những trường đại học của tôi *là một phòng trưng bày các kiểu chân dung người Nga khác nhau. Nhân vật chính liên kết những bức chân dung đó lại là chàng thanh niên Pescov, một người đang đi tìm chân lí của cuộc sống. Tự ý hoặc do những hoàn cảnh sinh sống bắt buộc, Pescov đã tiếp xúc với từng người trong số họ, thường là trong một khoảng thời gian ngắn. Sự thay đổi nhanh chóng của các nhân vật trên con đường tìm kiếm của chàng thanh niên Pescov hình như đã quyết định cách phác họa các nhân vật của Gorki trong* Những trường đại học của tôi*: miêu tả vẻ bên ngoài của họ tuy rất ít, song vô cùng sắc nét. Trong mỗi bức chân dung Gorki chỉ lựa chọn một số nét, nhưng là những nét chủ yếu; ông biết cách xếp đặt và làm sáng tỏ những nét ấy khiến cho mỗi hình ảnh đều trở nên sinh động, tính cách và thế giới nội tâm của mỗi người đều nổi bật.*

Tên gọi của cuốn sách - Những trường đại học của tôi - *cũng đáng được chú ý. Trường đại học là nơi mà người ta nhận được kiến*

---

[*] Những nét khái quát của tác phẩm bộ ba này, chúng tôi đã giới thiệu trong phần *Thời thơ ấu* của M. Gorki.

thức cao nhất về một ngành khoa học nào đấy. Tên gọi của Gorki là số nhiều: những trường đại học nghĩa là không phải chỉ có một trường mà gồm nhiều trường. Nhưng "những trường đại học" này của Gorki là cuộc sống muôn màu muôn vẻ, hối hả, phức tạp, rắc rối, đầy những hiện tượng nặng nề, đôi khi kì quặc đến quái gở, tươi vui cũng có, mà ảm đạm cũng có.

Tên sách không có gì là mỉa mai, cũng không có gì là hài hước, mà chỉ vang lên âm điệu bi thảm. Gorki cho chúng ta biết khi còn là một thanh niên ông đã trải qua trường đại học đường đời gian khổ như thế nào. Trường này gồm những con người có tư chất tinh thần, tâm lí khác nhau một cách kì lạ, có những quan điểm về con người, xã hội, nhà nước, nhiều khi trái ngược hẳn nhau.

Chàng thanh niên Pescov khao khát những kiến thức sâu rộng, muốn lĩnh hội chúng một cách có hệ thống, nhưng thực tế phũ phàng đã đem lại cho trí tuệ ham hiểu biết nhưng còn chưa vững vàng của anh một mớ hỗn độn những ấn tượng, những quan niệm. Nhiều lần Pescov đã phải băn khoăn thắc mắc sau những cuộc gặp gỡ bất ngờ khiến anh phải nghĩ nát óc để tự tìm ra giải đáp.

Mỗi người Pescov tiếp xúc trong thời kì ở "những trường đại học " của mình đều đem lại cho anh khi tích cực, khi thụ động, một bài học đường đời bổ ích. Pescov luôn luôn tìm kiếm, trông chờ ở họ những lời giải đáp cho bao câu hỏi đang quay cuồng trong đầu óc anh. Chính vì vậy mà anh đã gần gũi mọi người, nghe ngóng, quan sát họ. Đấy cũng là lí do vì sao mà ở Những trường đại học của tôi, *khác với* Thời thơ ấu *và* Kiếm sống, *hầu như hoàn toàn không tả đời sống hàng ngày.*

Nhân vật chính của cuốn sách là chàng thanh niên Pescov, nhưng nội dung chính của nó lại là những con người mà Pescov tiếp xúc, là thế giới nội tâm của họ, thái độ của họ đối với hiện thực. Pescov không đặt cái "tôi" của mình vào trung tâm của cuộc sống xung quanh. Vấn đề làm anh băn khoăn, lo lắng nhất là làm thế nào để trở thành một người thực sự có ích cho nhân dân mình.

Pescov đã trải qua "những trường đại học đường đời" vào lúc tình hình chính trị của những năm 80 rất phức tạp, bắt đầu sau thất bại của phong trào cách mạng dân túy. Vào thời kì này, trong một thời gian nhất định nào đấy chủ nghĩa Tolxtoi đã trở nên thịnh hành. Một số trí thức dân chủ đã bắt đầu tuyên truyền học thuyết Tolxtoi.

Nhưng cũng vào những năm 80, học thuyết cách mạng vĩ đại - chủ nghĩa Mác - đã xuất hiện Nga và đang trên đà phát triển mạnh mẽ; nó xua tan bóng tối của chế độ phản động, soi sáng con đường đúng đắn duy nhất để tiến lên. Cũng vào những năm ấy ở Cazan người kế tục thiên tài học thuyết Mác-Ăngghen là V.I. Lenin đã trưởng thành về mặt tư tưởng và chính trị. Ở một số thành phố đã thành lập những nhóm mác xít đầu tiên. Một trong những nhóm xuất sắc trong thời kì này là nhóm Cazan do nhà cách mạng nổi tiếng N.E. Fedoxeev cầm đầu.

Vai trò của Fedoxeev trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác, cuộc đấu tranh của ông chống lại phong trào dân tuý đã được V.I. Lenin đánh giá cao trong bài báo Mấy lời về N.E.Fedoxeev. *Lenin viết:*

"Trong mọi trường hợp, đối với vùng Povolje cũng như đối với một số địa phương thuộc Trung tâm nước Nga, vai trò của Fedoxeev trong thời gian ấy rất cao, quần chúng lúc bấy giờ đang ở trong bước ngoặt sang chủ nghĩa Mác, tất nhiên chịu ảnh hưởng rất lớn của nhà cách mạng vô cùng thiên tài ấy và vô cùng trung thành với sự nghiệp của mình".[1]

Thế giới quan của Pescov trong tác phẩm tuy chưa đạt tới chỗ phát triển thật hoàn thiện, nhưng con đường anh đi đã được phác họa ra và được xác định. Con đường đó nhất định sẽ dẫn anh đến với giai cấp vô sản, với chủ nghĩa Mác, với Cách mạng.

Trong Những trường đại học của tôi *vấn đề nhân dân và giới trí thức chiếm một vị trí quan trọng. Câu hỏi "Làm gì?" đã thường xuyên được đặt ra trước Pescov lúc còn ở nhà ông ngoại cũng như lúc đi kiếm sống thì giờ đây đối với chàng thanh niên lại có một ý nghĩa mới mẻ.*

Trong thời thơ ấu và niên thiếu Pescov đã trải qua trường học đường đời gian khổ. Nhưng sau cuộc sống tàn nhẫn cực nhục ấy, chàng thanh niên đã có những ước mơ viển vông về cuộc sống tươi đẹp, nhân đạo, với những "con người cao thượng". Anh đã đồng ý với lời khuyên nhủ của Evreinov, một học sinh trung học cũng hay mơ mộng và ngây thơ như anh. Anh đã tới Cazan để thi vào trường đại học. Trong suốt cả thời kì sống ở Cazan, khoảng bốn năm, trong

---

[1] *Lenin toàn tập*, xuất bản lần thứ tư, tập 33, trang 415, Nga văn.

tâm trí anh luôn luôn xảy ra cuộc xung đột gay gắt giữa ước mơ viển vông với hiện thực khủng khiếp.

Cuối cùng thay cho việc vào học tại trường đại học, để khỏi chết đói, Pescov đành phải làm phu thợ trên các bến tàu Volga. Tại đây, sống giữa những công nhân khuân vác, những kẻ giang hồ và những bọn kẻ cắp, anh cảm thấy mình "là một thỏi sắt được vùi vào đống than đỏ rực". Và đây là những vị "giáo sư" đầu tiên của anh trong "trường đại học" muôn hình muôn vẻ ấy: Baski - gã ăn cắp chuyên nghiệp và là tay bịa ra những bài hát "tàn nhẫn"; Truxov - một tay "thợ chuyên môn" làm những việc ám muội tiêu thụ những đồ ăn cắp. Nhiều chàng trai đã ngả theo con đường của "những người thầy" như vậy. Nhưng Pescov đã đứng vững.

Sự làm quen với nhà Cách mạng Guiri Pletniov đã giúp cho Pescov có ít nhiều cơ sở vững chắc hơn trong nhận thức. Anh bắt đầu tham gia hoạt động trong một nhóm cách mạng bí mật. Nhưng nhóm này về sau lại biểu lộ sự suy đồi về chính trị của giới trí thức

Sự kiện quan trọng hơn cả trong thời kì Pescov sống ở Cazan là việc anh tham gia vào nhóm dân túy tụ tập tại cửa hiệu của Derencov. Ở đây, sau khi tiếp xúc với những sinh viên có đầu óc cách mạng, tư tưởng của Pescov đã thay đổi nhiều. Nhờ sự hiểu biết thực tế phong phú, quan niệm của Pescov về nhân dân trái ngược hẳn với quan niệm của những người dân tuý. Nhưng lòng tin của những người dân túy vào thứ nhân dân mà họ tạo ra, lòng yêu mến của họ đối với nhân dân đã cổ vũ chàng thanh niên, tiếp thêm sức mạnh cho anh.

Pescov bắt đầu thấy rõ sự hoạt động của giới trí thức tách rời nhân dân sẽ không đưa lại kết quả gì. Lời nói của nhà mác xit Fedoxeev đã làm cho Pescov vững tin vào lẽ phải của mình.

Trong những ngày khó khăn đi tìm chân lí ấy, trong lúc nghi ngờ sự đúng đắn của giới trí thức thuộc phái dân túy, Pescov cũng đã làm quen với "những nhà lí luận" khác của cuộc sống. Tuy họ đối địch hẳn với anh, nhưng những cuộc gặp gỡ ấy đối với anh không phải là vô ích. Anh đụng phải thái độ thụ động đối với cuộc sống của những người thợ làm bánh mì, họ "chịu đựng một cách ngoan cường" tất cả những lời nhạo báng của chủ, có đầu óc vô chính phủ và thái độ hay kêu la của bọn lưu manh. Những lời nói của ông giáo dạy sử về sự vô nghĩa của cuộc sống và sự vô ích của lao động, rằng

người ta đi tìm sự lãng quên, sự an ủi, chứ đâu có phải đi tìm kiến thức - những lời nói ấy đã ảnh hưởng tới Pescov và làm cho anh sửng sốt. Những cuộc tiếp xúc với người theo chủ nghĩa Tolxtoi là Clovxki, với lão cảnh sát Nikiforitr càng làm cho nhận thức của Pescov thêm bối rối.

Thế là Pescov vào tuổi thanh niên khó khăn nhất của mình đã ở giữa "đám sương mù" của những tư tưởng và lí thuyết rất trái ngược, đôi khi phủ định lẫn nhau. Anh thường bị thất lạc, cảm thấy bất lực trước những bài toán cuộc đời mà anh không thể nào giải nổi. Trong thời gian ấy những ý nghĩ của anh về cuộc sống" "không kém phần nặng nề so với chính bản thân cuộc sống", (thậm chí năm 1887, trong giây phút tuyệt vọng Pescov đã có ý định tử tử). Thời kì "những trường đại học" ở Cazan của Pescov kết thúc một cách bi thảm như thế đấy.

Mùa hè năm 1888 Pescov cùng với nhà cách mạng thuộc phái dân túy là Romat rời tới làng Craxnovidovo. Mở đầu một giai đoạn mới trên con đường đi tìm chân lí của chàng thanh niên Pescov. Theo kết cấu của tác phẩm thì đó là phần hai của Những trường đại học của tôi

Cuộc sống thực tế của nông thôn Nga hóa ra hoàn toàn không giống như người ta mô tả trong các bản thuyết trình ở nhà Derencov. Pescov đã đụng phải chủ nghĩa cá nhân của những người mujic, những bản năng tư hữu đã được nuôi dưỡng hàng trăm năm của chế độ nông nô, sự ngu dốt, thất học, thiếu tin tưởng vào giới trí thức. Ở đây anh thấy rõ tình hình trái ngược của người nông dân Nga do hoàn cảnh lịch sử gây nên. Ở đây anh lại gặp lớp người muôn hình muôn vẻ có trình độ nhận thức rất khác nhau. Trong cuộc đấu tranh gian khổ hàng ngày để kiếm một mẩu bánh mì, trái tim và tâm hồn con người đã trở nên cằn cỗi. Nhưng đồng thời ở mỗi người cũng có nhiều cái tốt đẹp, dịu dàng, đôi khi có tâm hồn ngây thơ thực sự.

Izot, Barinov, Cucuskin là những con người như vậy. Họ làm cho Pescov nhớ lại một cách sinh động những người mà anh đã gặp trước đây trong thời thơ ấu - ở ngoài đường phố, sau lớp hàng rào của nhà ông ngoại, trong khi đi kiếm sống - trên tàu thủy, ở xưởng làm tượng thánh, ở nhà người thầu khoán. Tất cả những người nông

dân Nga này "đều sống mò mẫm như những người mù, tất cả đều sợ hãi một cái gì đó, không tin cậy nhau..."

Trong phần này của cuốn truyện, cảm giác vui mừng trước con đường đã tìm thấy, ý thức tham gia vào công việc thực sự chứ không phải trên sách vở ngày càng tăng.

Pescov hiểu kế hoạch của Romat có bị hạn chế, nhưng kế hoạch đó đã thu hút được anh, vì anh cảm thấy đó là kế hoạch hành động thực tế. Nhưng thực ra đó cũng vẫn chỉ là ý định thể hiện bằng đường lối hoà bình những lí tưởng cũ của phái dân tuý, chứ chưa phải là giải quyết những nhiệm vụ cách mạng cụ thể đương thời. Chính vì vậy mà Romat đã không đạt được mục đích. Izot bị giết, cửa hiệu của Romat bị bọn phú nông đốt, những người bần nông mà Romat đặt nhiều hi vọng cũng không ủng hộ anh.

Pescov đã rời khỏi làng Craxnovidovo, cảm thấy cần thiết phải đi tìm một học thuyết cách mạng tích cực có khả năng chiếu sáng con đường cách mạng sau này. Thế là trước mắt chúng ta lại hiện ra những lớp người mới, những sự kiện mới. Vì tiếp xúc với lớp sinh viên cách mạng, với nông dân, công nhân, nên Pescov đã có được lòng tin vào những khả năng thực tế cải tạo thế giới.

Những trường đại học của tôi *là một bài ca lao động. Là người ca ngợi lao động sáng tạo của con người, trong cuốn này Gorki đã miêu tả những hình thức lao động khác nhau: lao động chân tay, trí óc và thẩm mĩ.*

Lao động chân tay tuy vất vả, bẩn thỉu, nhưng đồng thời cũng rất vui thú. Đoạn tả cảnh bốc hàng khỏi một chiếc sà lan bị chìm đã được Gorki tả một cách say sưa và thích thú. Trong đó có cả sự xúc cảm cao độ lẫn sự hùng vĩ có tính chất anh hùng ca, có cả màu sắc rực rỡ lẫn điệu nhạc hùng tráng. Từ bức tranh đó toát ra khí thế anh hùng có tính chất thần thoại, nhìn chung đó là một bức tranh đồ sộ và là một khúc nhạc giao hưởng.

Tác giả là người đã tham gia vào bản anh hùng ca lao động ấy; nó để lại trong ý thức ông, trong cơ thể ông một niềm vui dào dạt, bất tận. Lần đầu tiên ông rung cảm với bản trường ca hùng tráng của lao động, hiểu được "thế giới loài người đổi dào biết bao sức mạnh hùng hậu". Ông cảm thấy những con người ấy là những dũng sĩ trong các truyện thần thoại, họ "có thể nắm lấy những tháp chuông và những gác nhà thờ của thành phố lôi đi đâu thì lôi".

Bức tranh lao động ấy đã hun đúc tinh thần ông, gây lòng tin không gì lay chuyển nổi vào con đường lao động.

Năm 1920, trước những chiến công lao động đầu tiên của nhân dân Xô Viết, Gorki đã viết một loạt bài báo và "tọa đàm" về lao động. "Lao động thật là vui vẻ và sảng khoái, không có con đường nào đi tới hạnh phúc đúng đắn hơn là con đường lao động tự do!" - bài báo ngày mồng 1 tháng 5 của Gorki Con đường đi tới hạnh phúc[1] *đã kết thúc như vậy. Sau khi biết tin ngày mùng 1 tháng 5 công nhân thành phố Coxt'roma đã xây dựng xong ngôi nhà Nhân dân trong một ngày, Gorki đã viết trong bài báo* Những cuộc tọa đàm về lao động *là "Cái đó gần giống như trong truyện thần thoại vậy", và tuyên bố rằng bằng con đường lao động tự do "có thể đạt được những kết quả giống như trong truyện thần thoại".*

Những lời tiên tri của ông trong Những trường đại học của tôi *về sự lao động dũng cảm của những người Nga còn sống trong xiềng xích của chế độ chuyên chế và tư bản phải chăng cũng giống những lời phát biểu tươi sáng ấy của Gorki: "Dường như không gì có thể chống lại nổi trạng thái căng thẳng đó của cái sức mạnh điên cuồng và đầy phấn khởi, sức mạnh ấy có khả năng tạo nên những điều kì diệu trên trái đất đầy những thành phố và những lâu đài tráng lệ như các truyện thần thoại tiên tri thường nói đến".*

Thời kì "những trường đại học" là một giai đoạn quan trọng trong bước đường phát triển nghệ thuật của Alecxei Pescov - nhân vật chính trong cuốn sách của Gorki. Qua cuộc đời sáng tác của Gorki, nhất là những năm 90, chúng ta thấy thời kì Cazan là một kho tàng phong phú đối với Gorki - nhà văn. Những ấn tượng của Gorki do "những trường đại học" ở Cazan đem lại là cơ sở cho những tác phẩm rất nổi tiếng của Gorki như Conovalov, Hai mươi sáu anh chàng và một cô gái. Người chủ, Một chuyện xảy ra trong cuộc đời Macar, *v.v...*

Các nhà văn Xô Viết và các nhà văn tiến bộ trên thế giới đã nhiệt liệt đón chào Những trường đại học của tôi *của M. Gorki. L.Xayfulina,[2] M. Prisvin,[3] S. Zweig,[4] R. Rolan[5] đã viết cho Gorki*

---

[1] *M. Gorki toàn tập*, tr. 24, tr. 214.
[2] L.N.Xayfulina (1889 - 1954), nữ văn sĩ Nga - Xô Viết.
[3] M.M. Prisvin (1873 - 1954), nhà văn Nga - Xô Viết.
[4] S.Zweig (1881 - 1942), nhà văn Áo.
[5] R. Rolan (1866 - 1944), nhà văn Pháp.

về ấn tượng mạnh mẽ sau khi đọc cuốn sách của ông và ý nghĩa của nó đối với nền văn học và văn hóa Xô-Viết.

Những trường đại học của tôi *thuộc số tác phẩm của M.Gorki được V.I. Lenin ưa thích. Ngày 28 tháng Giêng năm 1924, khi kể về những ngày cuối đời của Vladimir Ilitr Lenin, N.K. Cruvxcaia*[1] *đã viết cho Gorki như sau: "Chiều chiều tôi thường đọc cho anh ấy nghe những cuốn sách mà anh ấy chọn trong số những sách đưa từ thành phố tới. Anh ấy đã chọn cuốn* Những trường đại học của tôi *của anh. Lúc đầu anh ấy đề nghị đọc cho anh ấy nghe về Corolenco*[2] *sau đó là* Những trường đại học của tôi".

Những trường đại học của tôi *của M. Gorki là cuốn sách giáo khoa về cuộc sống không bao giờ cũ đối với thanh niên Xô-Viết và thanh niên toàn thế giới. Đúng như lời M.Prisvin đã viết cho Gorki: "Cuốn sách này là một sự kiện lớn trong nền văn học Nga, lớp thanh niên của chúng ta sẽ học tập theo cuốn sách đó". Bằng một câu chuyện đơn giản, nhưng mạnh mẽ kể về cuộc đời của chàng thanh niên Pescov, cuốn sách dạy chúng ta không sợ khó khăn, dạy chúng ta đấu tranh và chiến thắng.*

Khoảng cách giữa thời kì "những trường đại học" của Pescov và ngày xuất hiện đầu tiên của nhà văn M. Gorki trên văn đàn (1892) còn phải trải qua bốn năm gian truân với nhiều chặng đường gian khó nữa, nhưng cuối cùng Pescov cũng đã dễ dàng vượt qua, khắc phục được tất cả, bởi vì con người ấy đã bước trên đường đời với "kiến thức đại học" độc đáo - kinh nghiệm sống phong phú, với gói hành lí trí óc to lớn, với lòng tin mãnh liệt vào con người. Với mỗi bước đường đời mới, ở Pescov đã nảy sinh Danco đầy lòng hi sinh, Chim ưng dũng cảm và Chim báo bão kiêu hãnh giương cánh và tiếp thêm sức mạnh cho anh.

TRẦN KHUYẾN

---

[1] N.K. Cruvxcaia (1869 - 1939), vợ và bạn chiến đấu của V.L. Lenin.
[2] Hồi kí của Gorki về nhà văn Corolenco (1853 - 1921).

Thế là tôi lên đường để xin vào trường đại học Cazan,[1] không thể nào đừng được.

Người gợi cho tôi ý nghĩ xin vào trường đại học là N.Evreinov, một thanh niên dễ mến, học sinh trung học, đẹp trai, có đôi mắt dịu dàng như mắt phụ nữ. Anh ở trên gác xép cùng một nhà với tôi. Vì thường gặp tôi cầm sách ở tay nên anh rất chú ý, và chúng tôi đã làm quen với nhau. Ít lâu sau, Evreinov đã bắt đầu khẳng định rằng tôi có "những khả năng đặc biệt về khoa học".

- Anh vốn sinh ra để phục vụ khoa học,- anh vừa nói vừa lắc mái tóc dài trông rất đẹp.

Lúc bấy giờ tôi chưa biết rằng ngay cả con thỏ cũng có thể phục vụ cho khoa học, và Evreinov đã chứng minh rất hùng hồn với tôi rằng các trường đại học đang cần những chàng thanh niên như tôi. Dĩ nhiên anh đã nhắc đến gương Mikhail Lomonoxov. Evreinov nói rằng đến Cazan tôi sẽ ở tại nhà anh, trong suốt mùa thu và mùa đông sẽ học qua chương trình trung học, sẽ thi "mấy môn gì đó" - đây là nguyên văn lời anh nói: "mấy môn gì đó", - vào đại học tôi sẽ được cấp học bổng của nhà nước, và năm năm sau tôi sẽ trở thành "nhà bác học". Mọi việc đều rất đơn giản, vì Evreinov mới mười chín tuổi đầu và rất tốt bụng.

Thi trung học xong anh đi trước, khoảng hai tuần lễ sau tôi cũng lên đường theo anh.

---

[1] Một trường đại học nổi tiếng ở nước Nga thời bấy giờ, có hơn một nghìn sinh viên, chia thành các khoa: sử học, triết học, luật học, toán học, khoa học tự nhiên, y học v.v...

Lúc tiễn chân tôi, bà tôi dặn dò:

- Cháu đừng có nóng nảy với người khác, lúc nào cháu cũng hằm hằm, cháu trở nên nghiêm nghị và kiêu căng rồi đấy! Cháu giống tính ông ngoại, mà ông cháu thì thế nào? Sống già đời mà cuối cùng thành một ông già đau khổ, dần độn. Cháu phải nhớ điều này: Chúa không hay quở phạt người đời, chỉ có ma quỷ mới thích chuyện đó! Thôi, cháu...

Bà tôi đưa tay lau mấy giọt nước mắt lấm tấm trên đôi má nhăn nheo màu nâu sẫm và nói:

- Chắc bà cháu ta sẽ không gặp nhau nữa, cháu sẽ đi xa, cháu thích nay đây mai đó, còn bà thì chẳng sống được bao lâu nữa...

Gần đây tôi luôn luôn sống xa người bà thân yêu và cũng ít khi gặp mặt, nhưng lúc này bỗng nhiên tôi đau đớn cảm thấy rằng tôi sẽ không bao giờ còn được gặp lại con người ấy, con người vô cùng gần gũi và gắn bó với lòng tôi.

Đứng ở đuôi tàu, tôi nhìn thấy bà tôi đứng trên bến, một tay làm dấu thánh giá, còn tay kia cầm góc chiếc khăn san cũ lau mặt, lau đôi mắt đen sẫm long lanh, chan chứa lòng thương yêu vô hạn đối với mọi người.

Và đây, tôi đã đến một thành phố nửa Tacta, sống trong một gian phòng chật chội tại một ngôi nhà một tầng. Ngôi nhà nhỏ đơn độc nhô lên trên một cái gò ở cuối một đường phố nghèo nàn và chật hẹp, một mặt tường của nó giáp với khoảnh đất trống của một ngôi nhà bị cháy, cỏ dại mọc đầy. Giữa những khóm ngải cứu, ngưu bàng và chua me, giữa những bụi cây hương mộc, nổi lên cảnh điêu tàn của một tòa nhà gạch; bên dưới là một cái hầm nhà rộng, nơi trú ngụ và cũng là nơi gửi thây của lũ chó hoang vô chủ. Tôi còn nhớ rất rõ cái hầm nhà ấy, nó là một trong những trường đại học của tôi.

Gia đình Evreinov - một mẹ và hai con trai - sống nhờ vào món tiền trợ cấp ít ỏi. Ngay từ những ngày đầu mới đến tôi đã được trông thấy cảnh người đàn bà góa bụa bé nhỏ, tiều tụy ấy đi chợ về với vẻ buồn thảm hại, bầy cả các thứ mua được lên mặt bàn trong bếp và giải một bài tính hóc búa: phải dùng những mẩu thịt vụn tồi tàn này thế nào để nấu một món ăn ngon đủ cho ba chàng thanh niên khỏe mạnh, chưa kể phần cho chính mình.

Bà là một người trầm lặng. Trong cặp mắt xám của bà có đọng lại sự ngoan cường và tuyệt vọng của một con ngựa kiệt sức: con ngựa kéo chiếc xe lên núi, nó biết rằng không kéo nổi, nhưng vẫn cứ kéo!

Tôi đến đây được khoảng ba ngày thì một buổi sáng, khi hai con bà còn đang ngủ, tôi vào bếp giúp bà gọt khoai, bà khe khẽ và dè dặt hỏi tôi:

- Anh về đây làm gì?

- Cháu về học, cháu xin vào trường đại học.

Đôi lông mày cùng với lớp da trán vàng khè của bà dồn cả lên phía trên, lưỡi dao cắt phải ngón tay; bà vừa cho tay vào mồm mút máu vừa ngồi xuống ghế, nhưng lại đứng lên ngay và nói:

- Ôi, quỷ quái thật...

Bà lấy khăn tay buộc ngón tay bị cắt phải, rồi khen tôi:

- Anh gọt khoai thạo lắm!

Còn phải nói! Rồi tôi kể cho bà nghe về thời tôi làm công trên tầu thủy. Bà hỏi tôi:

- Anh tưởng thế là đủ để xin vào trường đại học đấy à?

Hồi ấy tôi còn chậm hiểu những lối nói hài hước. Tưởng bà hỏi thật, tôi liền kể cho bà nghe trình tự những việc phải làm để cuối cùng cửa lâu đài khoa học phải mở ra trước mặt tôi.

Bà thở dài:

- Ôi dào, Nicolai, Nicolai ơi...

Vừa lúc đó Nicolai cũng bước vào bếp để rửa mặt, vẻ mặt còn ngái ngủ, đầu tóc rối bù và vẫn vui vẻ như mọi ngày.

- Mẹ ơi, giá làm được món mằn thắn thì hay tuyệt!

- Được rồi, - bà mẹ bằng lòng.

Vì muốn phô trương sự hiểu biết của mình về nghệ thuật nấu nướng, tôi mới bảo rằng thịt tồi thế này thì khó mà làm mằn thắn được, đã vậy lại ít nữa.

Bà Vacvara Ivanovna liền nổi giận và nói mấy câu khá gay gắt khiến hai tai tôi đỏ bừng và như mọc dài thêm ra. Bà vứt bó cà rốt lên bàn và bỏ ra ngoài. Nicolai nháy mắt ra hiệu và giải thích cho tôi về cử chỉ của bà:

- Bực mình đấy...

Anh ngồi xuống ghế dài và nói với tôi rằng đàn bà thường hay dễ nổi giận hơn đàn ông, đó là bản tính của họ. Một nhà bác học lớn, người Thuỵ Sĩ thì phải, đã chứng minh rõ ràng điều đó. John Stuart Mill,[1] một người Anh, cũng đã có ý kiến bàn về vấn đề này.

Nicolai rất thích kèm cặp tôi học, và anh lợi dụng mọi dịp thuận tiện để nhồi nhét vào óc tôi những điều cần thiết không thể nào thiếu để sống ở đời. Tôi lắng nghe anh như nuốt từng lời; về sau những tên Fuko[2], Larosofuko[3], và Larosojaklen[4] cứ lẫn lộn trong đầu óc tôi như tất cả chỉ là một, và tôi không sao nhớ được ai đã lấy đầu ai: Lavoazie[5]

---

[1] *John Stuart Mill* (1806-1873) nhà kinh tế học và nhà triết học người Anh. Quan điểm lí luận của ông ta trái với chủ nghĩa Mac-Lenin.

[2] *Foucault* (1819-1868), nhà vật lí học nổi tiếng người Pháp.

[3] *La Rochefoucauld* (1613-1680), nhà văn Pháp.

[4] *La Rochejaquelein* (1772-1794), thủ lĩnh của phái Bảo hoàng trong thời kì Đại cách mạng Pháp (1789-1793).

[5] *Lavoisier* (1743-1794), nhà hóa học lớn người Pháp. Trong thời kì Đại cách mạng Pháp ông bị bọn phản động giết chết.

lấy đầu Duymurie[1] hay ngược lại? Chàng thanh niên dễ mến ấy thành thật mong muốn "dạy cho tôi nên người". Anh hứa với tôi chắc chắn sẽ làm việc đó, nhưng anh không có thì giờ và tất cả những điều kiện khác để dạy tôi học một cách nghiêm chỉnh. Tính ích kỉ và tính nông nổi của tuổi thanh niên không cho phép anh thấy được mẹ anh đã lo toan việc nhà một cách khó nhọc và khôn khéo như thế nào. Em trai anh, một học sinh trung học trầm lặng và khó tính, càng không nhận ra điều đó. Còn tôi thì đã biết rõ từ lâu và tường tận những mánh khóe phức tạp của khoa hóa học và kinh tế học trong nhà bếp, tôi thấy rõ tài tháo vát của người đàn bà hàng ngày phải đánh lừa dạ dày của con cái mình và phải nuôi thêm một anh chàng lạc loài có cái diện mạo đáng ghét và cử chỉ thô bỉ này. Dĩ nhiên mỗi mẩu bánh mì mà tôi nhận được giống như một tảng đá đè lên tâm hồn tôi. Tôi bắt đầu đi tìm một công việc gì để làm. Tôi đi khỏi nhà từ sáng sớm để tránh bữa ăn trưa, và những hôm xấu trời thì ngồi lì một chỗ trong gian nhà hầm ở khu đất trống. Tại đây, mũi ngửi mùi hôi thối của xác chó, mèo, tai nghe tiếng mưa ào ào và tiếng gió rít, chẳng bao lâu tôi nhận ra rằng trường đại học đối với tôi chỉ là ảo tưởng, giá mà tôi sang Ba Tư có phải khôn ngoan hơn không. Tôi hình dung thấy mình là một thầy phù thủy râu bạc phơ, tìm ra phép trồng được những hạt lúa mì to bằng quả táo, những củ khoai tây nặng hàng put[2] và nói chung nghĩ ra được nhiều việc tốt để giúp cho cái mảnh đất trên đó không phải chỉ có một mình tôi lê bước một cách khổ cực ghê gớm như thế này.

Tôi đã biết tìm cách mơ ước đến những việc mạo hiểm phi thường và những chiến công vĩ đại. Điều đó giúp tôi rất nhiều

---

[1] *Dumouriez*, một võ quan thời Đại cách mạng Pháp. Sau năm 1793 y bắt đầu hoạt động phản cách mạng.

[2] Đơn vị đo lường của Nga, bằng 16,38 kg.

trong những ngày gian nan của đời mình, và vì những ngày gian nan ấy rất nhiều, nên tôi lại càng giỏi nghĩ ra những mộng tưởng. Tôi không chờ đợi sự giúp đỡ từ bên ngoài và không hi vọng vào sự may mắn, ngược lại trong người tôi dần dần nảy nở tính bướng bỉnh, và hoàn cảnh sống càng khó khăn thì tôi càng cảm thấy mình vững vàng hơn, thậm chí khôn ngoan hơn. Tôi sớm hiểu rằng con người được tạo nên bởi sự kháng cự của mình trước hoàn cảnh xung quanh.

Để khỏi bị chết đói, tôi tìm đến sông Volga, tới các bến tàu thủy là những nơi dễ kiếm được mười lăm, hai mươi copec. Tại đây - sống giữa những người khuân vác, những kẻ lưu lạc và ăn cắp, tôi cảm thấy mình là một thỏi sắt được vùi vào đống than đỏ rực, mỗi ngày đem lại cho tôi không biết bao nhiêu ấn tượng sâu sắc, nóng hổi. Tại các nơi ấy những con người giầu cuồng vọng, mang các bản năng thô lỗ, quay cuồng trước mắt tôi như một cơn lốc; tôi thích thái độ giận đời của họ, thái độ thù ghét châm chọc của họ đối với mọi thứ trên đời và thái độ vô tâm của họ đối với chính bản thân. Tất cả những gì tôi đã từng trực tiếp trải qua lôi kéo tôi đến gần với những con người ấy, khiến cho tôi muốn hòa mình vào hoàn cảnh đau xót của họ. Những truyện của Bret Hact[1] và rất nhiều tiểu thuyết "rẻ tiền" mà tôi đã đọc càng làm cho tôi có nhiều thiện cảm đối với lớp người ấy.

Gã kẻ cắp chuyên nghiệp Baskin, trước đây vốn là học sinh trường Sư phạm, đã từng chịu bao nhiêu trận đòn tàn nhẫn và đang bị bệnh lao phổi, khuyên tôi một cách hùng hồn:

- Chú mày cứ thẹn thò bẽn lẽn y như con gái ấy, hay là sợ mất danh dự? Đối với con gái, danh dự là tất cả giá trị của

[1] *Bret Harte* (1839-1902), nhà thơ và nhà văn Bắc Mỹ. Đề tài những truyện ngắn của ông thường lấy trong sinh hoạt của những tầng lớp dưới trong xã hội: những người lang thang và những người đi tìm vàng.

họ, còn đối với chú mày danh dự chỉ là cái ách. Con bò sở dĩ hiền lành vì nó có cỏ khô để ăn no bụng.

Tóc màu hung, râu cạo nhẵn nhụi y hệt một diễn viên, với những cử chỉ nhanh nhẹn và mềm mại của cái thân hình bé nhỏ, Baskin trông giống một con mèo con. Đối với tôi, gã có thái độ bảo ban, che chở, và tôi nhận thấy gã thành thật mong cho tôi gặp may mắn và hạnh phúc. Là người rất thông minh gã, đọc khá nhiều sách hay, và thích nhất là cuốn *Bá tước Môngtơ Crixtô*.[1]

- Cuốn sách ấy viết vừa có chủ đích, vừa có tình cảm, - gã nói.

Gã rất hám đàn bà và thường kể chuyện về họ, vừa nói gã vừa chép chép miệng một cách ngon lành, lộ rõ vẻ háo hức, và thân hình phờ phạc của gã run lên bần bật. Trong cử động run rẩy đó có cái gì bệnh hoạn làm cho tôi kinh tởm, nhưng tôi lắng nghe câu chuyện của gã một cách chăm chú và cảm thấy cái đẹp của nó.

- Đàn bà, đàn bà! - Gã nói như hát, nước da vàng ệch trên khuôn mặt gã đỏ ửng, cặp mắt đen ánh lên vẻ mê thích, - vì đàn bà, tớ có thể làm tất cả. Vì mấy mụ ấy cũng như vì con quỷ, chẳng thấy gì là tội lỗi cả! Không gì thích thú bằng được sống để yêu đương!

Gã là một tay kể chuyện có tài và có thể dễ dàng sáng tác những bài ca cảm động nói về những nỗi đau buồn của mối tình bất hạnh để tặng cho các ả gái điếm. Những bài ca của gã được người ta hát ở khắp các thành phố dọc sông Volga, trong số đó phổ biến rộng rãi nhất là bài ca sau đây:

Tôi nghèo mà cũng chẳng xinh
Ăn mặc xoàng xĩnh, thân hình lem nhem

[1] Tiểu thuyết của nhà văn Pháp A. Duyma (1802-1870).

Vì thế nên chẳng ai thèm
Lấy tôi làm vợ để đem về nhà...

Truxov - một con người có những hành động khả nghi - đối với tôi cũng rất tốt. Lão ta có vẻ mặt dễ chịu, hay ăn mặc diện và có những ngón tay nhỏ nhắn như ngón tay nhạc công. Tại xóm Atmiranti lão có một cửa hiệu nhỏ, bên ngoài treo tấm biển "Thợ sửa chữa đồng hồ" nhưng lão lại làm nghề tiêu thụ các đồ ăn cắp.

- Pescov, chú mày đừng học những thói ăn cắp! - Lão ta vừa bảo tôi vừa đưa tay vuốt vuốt bộ râu điểm bạc với dáng điệu oai vệ, cặp mắt ranh mãnh, táo tợn nheo lại. - Tao thấy chú mày có con đường khác, chú mày là một người có tâm hồn.

- Thế nào là có tâm hồn?

- À, có tâm hồn là người không ghen ghét ai, chỉ có tính hiếu kì...

Điều đó không đúng đối với tôi. Tôi hay ghen ghét và ghen ghét nhiều cái. Ngay cả tài nói chuyện của Baskin cũng kích thích lòng ghen ghét của tôi. Gã có tài nói giọng đặc biệt, giống như người đọc thơ và hay dùng những cách so sánh, những lối nói bất ngờ. Tôi còn nhớ rõ đoạn đầu một câu chuyện tình của gã như sau:

"Một đêm trời ảm đạm, tớ ngồi trong một gian buồng tại thành phố Xviazxc nghèo nàn, như con cú vọ trong hốc cây. Dạo ấy vào mùa thu, khoảng tháng Mười, ngoài trời mưa lất phất, gió thổi rít lên giống như một gã Tacta đang lúc bực mình cất tiếng hát ngân nga, tiếng hát kéo dài không dứt: o-o-o-u-u-u...

... Thế rồi nàng đến, nhẹ nhàng, hồng hào, như một áng mây lúc mặt trời vừa mọc và trong đôi mắt của nàng lộ vẻ trong sạch giả dối của tâm hồn. "Anh yêu, - nàng

nói, giọng thành thật. - Em có làm gì không phải với anh đâu!" Tớ biết là nàng nói dối, nhưng tớ lại tin là thật! Lí trí thì biết chắc chắn thế, nhưng tình cảm thì không thể nào không tin được!"

Gã vừa kể vừa lắc lư người một cách nhịp nhàng, mắt lim dim, tay cứ nhẹ nhàng xoa xoa ngực, chỗ trái tim.

Giọng gã trầm trầm, đùng đục, nhưng lời nói vẫn lanh lảnh, dường như trong đó có tiếng hót của chim họa mi.

Tôi ghen ghét cả với Truxov; con người ấy nói về Xibiri, Khiva và Bukhara thật hay tuyệt, còn nói về cuộc sống của bọn đại giáo chủ thì hài hước và rất cay độc. Một hôm với vẻ bí mật, lão nói về vua Alecxandr đệ tam:

- Tên vua ấy đúng là một tên vua nhà nghề!

Tôi có cảm tưởng như Truxov là một "tên độc ác" trong một thiên tiểu thuyết, mà người đọc không ngờ về cuối, tên ấy lại hóa thành nhân vật cao thượng.

Thỉnh thoảng, vào những đêm oi ả, những con người này vượt qua con sông nhỏ Cazanca, mò về phía cánh đồng cỏ, chui vào các bụi cây, cùng nhau đánh chén, bàn luận về việc làm của họ, nhưng thường thường họ bàn luận về cuộc đời phức tạp, về những quan hệ rối ren lạ lùng giữa người này với người khác, đặc biệt là bàn nhiều về đàn bà. Họ nói về đàn bà với vẻ phẫn nộ, buồn buồn, đôi khi với thái độ mủi lòng và hầu như lúc nào cũng như nhìn vào bóng tối đầy những sự bất ngờ khủng khiếp. Tôi đã sống với họ hai ba đêm như thế dưới bầu trời đen tối điểm những vì sao lờ mờ, trong hơi nóng ngột ngạt của khu đất trũng mọc đầy liễu dại. Giữa đêm tối tràn ngập không khí ẩm ướt của vùng ven sông Volga, những ánh đèn trên các cột buồm bò ngang dọc như đàn nhện vàng, khối lửa và những vệt lửa chiếu những vết loang lổ vào bờ dốc đen ngòm, đó là ánh đèn từ cửa sổ các

quán rượu và nhà ở của thôn Uxlon trù phú. Chân vịt của tàu thủy khua động mặt nước; thuỷ thủ trên dây sà lan la hét ầm ĩ, nghe như tiếng chó sói: đâu đó vang lên tiếng búa nện vào sắt; một bài hát ảo não kéo dài, dường như tâm hồn ai đang âm ĩ - nghe tiếng hát ấy một nỗi buồn phủ lên lòng ta như một lớp tro tàn.

Càng buồn chán hơn khi nghe tiếng nói thì thầm của những con người này. Họ suy nghĩ về cuộc sống, và mọi người đều nói về mình, hầu như chẳng ai chịu nghe ai. Hoặc nằm hoặc ngồi dưới các lùm cây, họ hút thuốc, chốc chốc lại nhấp rượu bia hoặc votca và nhớ lại những kỉ niệm xa xôi...

- Ngày trước tôi gặp câu chuyện thế này - một người nằm bẹp gí dưới đất trong bóng tối ban đêm, lên tiếng nói.

Nghe xong câu chuyện mọi người tán thành:

- Cũng có khi cái đó xảy ra - tất cả mọi cái đều có thể xảy ra...

"Cái đó đã xảy ra", "có khi xảy ra", "thường xảy ra" - tôi lắng nghe và cảm thấy như trong đêm hôm ấy mọi người đang sống những giờ phút cuối cùng của đời mình, tất cả đều đã qua và sẽ không còn gì sau đây nữa!

Điều này làm tôi dần dần xa cách Baskin và Truxov, nhưng dẫu sao tôi vẫn thích họ, và cứ theo logic của tất cả những điều tôi đã sống qua, nếu tôi có đi theo con đường của họ thì âu đó cũng là một việc hoàn toàn tất nhiên. Niềm hi vọng bị chà đạp của tôi muốn được vươn lên, muốn được bắt đầu học tập, cũng thúc đẩy tôi đến với họ. Trong những giờ phút đói khát, giận dữ và buồn chán tôi cảm thấy mình hoàn toàn có thể phạm tội, chống lại không riêng gì "chế độ tư hữu thần thánh". Nhưng đầu óc lãng mạn của tuổi trẻ đã ngăn cho tôi không đi chệch con đường mà tôi phải đi. Ngoài tác giả Bret Hact nhân đạo và các tiểu thuyết rẻ tiền, tôi đã đọc

khá nhiều sách có giá trị. Những sách đó đã làm thức tỉnh trong tôi lòng khao khát hướng tới một cái gì tuy chưa sáng tỏ nhưng có ý nghĩa hơn tất cả những điều tôi đã thấy.

Và đồng thời tôi cũng đã có được những sự quen biết mới, những ấn tượng mới. Trên khu đất trống cạnh nhà Evreinov, các học sinh trung học tụ tập nhau chơi ki.[1] Tôi thích nhất là Guri Pletniov, một người trong bọn họ. Anh có nước da rám nắng, tóc đen nhánh như người Nhật Bản, mặt đầy những chấm đen li ti như xát thuốc súng. Anh luôn luôn vui cười, chơi rất cừ và khi bàn luận thì tỏ ra khôn ngoan. Anh có rất nhiều mầm mống của những tài năng muôn hình muôn vẻ. Cũng như hầu hết những người Nga có tài năng khác, anh sống nhờ vào những gì thiên nhiên đã phú cho, chứ không nghĩ đến việc đẩy mạnh và phát triển chúng lên. Yêu thích âm nhạc, có một thính giác tinh tường và một nhạy cảm tuyệt diệu về âm nhạc, anh chơi các loại đàn guxli, balalaica và phong cầm như những nghệ sĩ thực thụ, nhưng không cố gắng để sử dụng được những loại nhạc cụ khác phức tạp hơn, cao thượng hơn. Anh sống nghèo nàn, ăn mặc tồi tàn, nhưng áo quần anh mặc rất hợp với dáng mạnh bạo, với điệu bộ phóng khoáng, với cử chỉ nhanh nhẹn của cái thân hình gân guốc của anh: một chiếc sơ mi rách, nhầu nát, một cái quần đầy mảnh vá và một đôi ủng gót đã mòn vẹt, có nhiều lỗ thủng.

Anh giống như người vừa mới bình phục sau cơn ốm nặng kéo dài, hoặc như người tù vừa ra khỏi ngục hôm qua. Mọi cái trong cuộc sống đối với anh đều mới mẻ, thích thú, tất cả đều gợi cho anh một niềm vui rạo rực, anh nhảy tung tăng như một chiếc pháo hoa.

---

[1] Một trò chơi thông dụng ở Nga. Người chơi dùng một quả cầu nhỏ bằng gỗ ném vào những con ki, tức là những khúc gỗ ngắn tròn cho đổ xuống để tính điểm.

Khi biết tôi phải sống vất vả và nguy nan, anh bảo tôi đến ở chung với anh và chuẩn bị đi làm giáo viên nông thôn. Thế là tôi đến ở tại một khu tồi tàn, vui nhộn và kì lạ, gọi là "Maruxovca" mà chắc nhiều thế hệ sinh viên Cazan đã từng quen biết. Đó là một ngôi nhà lớn gần như đổ nát ở phố Rupnoriatxcaia, hình như nó bị các sinh viên cơ cực, những gái điếm và những người cùng khổ đến nỗi không còn ra hình người nữa chiếm đoạt từ tay bọn chủ. Pletniov ở ngay ngoài hành lang, dưới cái cầu thang lên gác thượng, ở chỗ này anh kê một cái giường nằm, và cạnh cửa sổ cuối hành lang, kê một chiếc bàn và một chiếc ghế. Đó là tất cả đồ đạc của anh. Hành lang chạy dọc qua trước cửa ba căn phòng, hai phòng đầu các ả gái điếm ở, phòng thứ ba của một nhà toán học mắc bệnh lao phổi trước đây vốn là sinh viên Đại chủng viện. Ông ta cao lêu nghêu, gầy gò, người đầy những lông cứng màu hung, trông thật đáng sợ. Áo quần thì rách bươm và bẩn thỉu, qua những lỗ rách lộ ra màu da xanh xao và cả bộ xương sườn nom rất khủng khiếp.

Dường như ông ta chỉ sống bằng móng tay của mình, gặm chúng đến chảy máu. Ngày đêm ông ta chỉ loay hoay vẽ, tính toán và ho luôn mồm, tiếng ho nghe khàn khàn. Các ả gái điếm rất sợ ông ta, cho ông là người mất trí, nhưng vẫn thương hại, đem đặt trước cửa phòng ông ta bánh mì, trà và đường. Ông nhặt những gói thức ăn ấy ở sàn lên và mang vào phòng, miệng thở khò khè như một con ngựa mệt nhọc. Nếu các ả gái điếm quên hoặc vì sao đó mà không thể có quà đem cho ông, ông ta mở cửa gọi vọng ra hành lang, giọng khò khè:

- Bánh mì!

Trong đôi mắt sâu hoắm thành hai cái hốc đen ngòm của ông ánh lên niềm kiêu hãnh của một người cuồng si, sung sướng biết mình vĩ đại. Thỉnh thoảng có một người gù xấu

xí, bé loắt choắt, chân đi khập khiễng đến thăm ông. Người này tóc bạc, đeo cặp kính to để trễ xuống trên cái mũi phồng, và luôn luôn nở một nụ cười ranh mãnh trên khuôn mặt vàng ệch của một hoạn quan. Họ khép chặt cửa lại, ngồi với nhau hàng giờ, chẳng nói chẳng rằng trong sự yên lặng kì quặc. Chỉ có một hôm, vào khoảng đã khuya, một tiếng thét giận dữ và khàn khàn của nhà toán học làm tôi giật mình thức dậy:

- Tôi bảo đây là nhà tù! Hình học là một cái lồng chim, đúng thế! Một cái bẫy chuột, đúng thế! Nhà tù!

Người gù xấu xí cười lên the thé, nhắc đi nhắc lại mãi một tiếng gì nghe rất lạ tai, rồi nhà toán học bỗng hét tướng:

- Quỷ bắt mày đi! Cút!

Khi vị khách của ông ta bước ra hành lang, người thu gọn trong chiếc áo choàng rộng, vừa đi vừa gầm gừ rít lên khe khẽ, thì nhà toán học đứng ngay trên ngưỡng cửa, thân hình cao lêu nghêu, dễ sợ, lùa mấy ngón tay vào mớ tóc rối trên đầu và nói lè nhè:

- Ơclit[1] là một thằng ngốc! Một thằng ngô-ốc... Tôi sẽ chứng minh rằng Chúa khôn ngoan hơn tên Hi Lạp ấy cho mà xem!

Rồi ông ta đóng sầm cửa lại, mạnh đến nỗi trong phòng ông có tiếng đổ vỡ loảng xoảng.

Ít lâu sau tôi được biết là con người ấy muốn xuất phát từ toán học để chứng minh sự tồn tại của Chúa, nhưng ông ta đã chết trước khi kịp hoàn thành việc đó.

Pletniov làm nghề chữa bản in thử ban đêm cho một tờ báo tại một nhà in, kiếm được mỗi đêm mười một copec, và nếu tôi không kiếm được tiền thì cả hai chúng tôi mỗi ngày đành phải sống với bốn funt[2] bánh mì, hai copec nước trà và

---

[1] Ơclit (315-255 trước công nguyên), nhà toán học cổ Hi Lạp.
[2] Funt bằng 409 gr.

ba copec đường. Mà tôi thì không có đủ thì giờ để đi làm: tôi còn phải học. Tôi học hết sức vất vả, đặc biệt môn ngữ pháp với những quy tắc cứng nhắc và gò bó kì quặc của nó làm cho tôi đến khổ sở. Tôi hoàn toàn không biết làm thế nào đem thứ ngôn ngữ Nga uyển chuyển, sinh động và khó sử dụng ghép vào cái khuôn khổ ngữ pháp ấy. Nhưng, thật thú vị, chẳng bao lâu sau tôi được biết là tôi đã bắt đầu học "quá sớm", và dù cho có thi đậu giáo viên nông thôn tôi cũng chẳng được bổ nhiệm vì chưa đủ tuổi.

Pletniov và tôi cùng ngủ một giường, tôi ngủ ban đêm và anh ấy ngủ ban ngày. Cứ sáng sớm anh lại về nhà, người phờ phạc vì đêm mất ngủ, gương mặt tối sầm và hai mắt sưng húp. Tôi liền chạy ngay ra quán ăn lấy nước sôi vì cố nhiên là chúng tôi chẳng làm gì có ấm xamovar. Sau đó chúng tôi cùng ngồi bên cửa sổ uống nước trà với bánh mì. Guri kể cho tôi nghe những tin tức trong báo, đọc các bài thơ vui của nhà văn nghiện rượu chuyên viết văn châm biếm với bút danh là "Quỷ mặt đỏ". Thái độ bông đùa của anh đối với đời làm tôi ngạc nhiên, và tôi cảm thấy anh đối với cuộc đời cũng có một thái độ như đối với mụ béo Gankina làm nghề bán áo quần cũ của đàn bà và nghề ma cô.

Anh thuê của mụ ta một góc ở dưới cầu thang, nhưng chẳng có gì để trả tiền thuê "phòng", do đó trả bằng những câu pha trò vui vẻ, những bài đàn phong cầm và những bài hát cảm động. Khi anh cất cao giọng hát những bài hát ấy, đôi mắt anh ánh lên nụ cười giễu. Thời còn trẻ mụ Gankina là người hát đồng ca của một ban nhạc kịch, mụ ta rất hiểu ý nghĩa của các bài hát. Nhiều khi từ đôi mắt trơ trẽn của mụ có những giọt nước mắt nhỏ chảy giàn giụa xuống hai gò má tái nhợt, mũm mĩm của người đàn bà nghiện rượu và phàm ăn ấy. Mụ đưa những ngón tay béo mũm lên vuốt sạch nước

mắt trên má và sau đó lấy chiếc khăn tay bẩn lau chùi các ngón tay rất cẩn thận.

- Ồ, Gurotsca,[1] - mụ thở dài nói, - cậu là một nghệ sĩ! Giá mà cậu đẹp trai hơn tí nữa, tôi đã tìm vợ cho cậu! Tôi đã từng mối lái cho bao nhiêu thanh niên trai trẻ với những người đàn bà sầu tủi vì cuộc sống cô đơn.

Một trong những "thanh niên" đó ở ngay tầng gác trên đầu chúng tôi. Anh ta là sinh viên, con một người thợ thuộc da, một thanh niên có tầm vóc trung bình, ngực nở, nhưng cặp mông lại nhỏ một cách kì quặc. Người anh ta giống như một hình tam giác mà góc nhọn quay xuống dưới và hơi bị gẫy, bàn chân anh nhỏ xíu giống hệt như bàn chân đàn bà. Đầu anh cũng bé tí, thụt sâu giữa hai vai và được trang điểm bằng một đám tóc hung. Trên khuôn mặt trắng bệch thiếu máu của anh, đôi mắt lồi xanh nhờ nhờ giương to với vẻ rầu rĩ.

Đói khát như một con chó hoang, anh bất chấp cả ý muốn của bố anh và phải khó khăn lắm mới tìm cách học xong bậc trung học và xin vào đại học. Nhưng anh có giọng trầm rất êm, do đó anh muốn đi học hát.

Mụ Gankina biết thế và làm mối anh cho một mụ thương gia giàu có khoảng bốn chục tuổi. Con trai mụ là sinh viên năm thứ ba đại học, còn con gái đã học xong trung học. Mụ ta gầy đét, ngực lép kẹp, người ngay đuỗn như lính, khuôn mặt khô khan như một nữ tu sĩ khổ hạnh, đôi mắt to xám xịt ẩn sâu trong hai hốc mắt đen ngòm. Mụ thường mặc đồ đen, đội chiếc khăn vuông lụa kiểu cổ, hai vành tai của mụ đeo lủng lẳng đôi khuyên bằng ngọc thạch màu xanh lục.

Thỉnh thoảng vào quãng chiều tối hoặc sáng sớm mụ đến thăm chàng sinh viên của mụ, và đã nhiều lần tôi được mục kích cảnh người đàn bà ấy vội vàng như nhảy xô vào cổng và

[1] Tức Guri - cách gọi thân mật.

đi qua sân với những bước quả quyết. Khuôn mặt của mụ nom dễ sợ, hai môi mím chặt lại đến nỗi gần như không có; cặp mắt mở to nhìn về phía trước với vẻ lờ đờ, tuyệt vọng, nhưng lại có vẻ như mù. Không thể nói rằng mụ xấu xí, nhưng trông người mụ, ta cảm thấy rõ có một trạng thái căng thẳng làm hỏng vẻ người của mụ, làm cho toàn thân mụ như bị căng ra, khuôn mặt mụ như bị siết chặt lại tới mức đau đớn.

- Xem kìa, - Pletniov nói. - Mụ ta như là người mất trí ấy!

Anh sinh viên rất ghét mụ thương gia ấy, luôn tìm cách lẩn tránh, nhưng mụ cứ theo đuổi anh hệt như một tên chủ nợ nhẫn tâm hoặc một tên do thám.

- Tính tôi hay ngượng, - anh hối hận nói khi đã ngà ngà say. - Tôi cần hát để làm gì kia chứ? Với bộ mặt và thân hình thế này thì người ta chẳng cho tôi lên sân khấu đâu, chẳng cho đâu!

- Thôi, hãy chấm dứt cái trò vớ vẩn ấy đi! - Pletniov khuyên.

- Đúng. Nhưng tôi thấy thương hại cho mụ ta! Tôi không thể chịu được, nhưng vẫn thương hại! Giá mà các anh biết được mụ ta đã... chà!...

Chúng tôi biết, vì có lần đang đêm chúng tôi nghe thấy mụ ấy đứng trên cầu thang cầu khẩn, giọng khàn khàn, run run:

- Hãy vì Chúa..., anh thân yêu! Hãy vì Chúa!

Mụ ta là chủ một nhà máy lớn, có nhà cửa, có ngựa, quyên góp hàng nghìn bạc cho một trường sản khoa, nhưng lại đi van xin sự bố thí ái tình như một kẻ hành khất.

Uống trà xong Pletniov lăn ra ngủ, còn tôi đi tìm việc làm mãi đến tối mịt mới về, khi Guri sắp phải vào nhà in. Nếu tôi mang về được một ít bánh mì, xúc xích hoặc "lòng luộc" thì chúng tôi chia đôi, và Guri lấy phần mang đi.

Còn lại một mình, tôi đi lang thang dọc theo các hành

lang và các ngóc ngách của ngôi nhà "Maruxovca" để xem cách sinh sống của những con người mới lạ đối với tôi. Ngôi nhà này lúc nhúc những người là người và giống như một tổ kiến. Trong nhà xông lên mùi chua hăng hắc và góc nào góc ấy dường như đều có ẩn náu những bóng đen dày đặc thù địch với con người. Từ sáng sớm đến tận đêm khuya tiếng ồn ào không lúc nào ngớt; tiếng máy khâu chạy xành xạch; các nữ diễn viên hợp xướng của ban ca kịch luyện giọng; chàng sinh viên hát lên những âm giai trầm trầm; một diễn viên say rượu gần như mất trí đọc to những lời của vai mình đóng; các ả gái điếm say bí tỉ lè nhè kêu thét lên như điên loạn, và trong óc tôi bỗng dưng nảy ra một câu hỏi tự nhiên nhưng nan giải:

"Những người này làm tất cả những cái đó để làm gì?".

Giữa đám thanh niên nghèo đói ấy có một gã hói đầu, tóc hung, người gân guốc, bụng phệ, chân khẳng khiu, mồm rộng, răng giống như răng ngựa, vì vậy mà người ta gọi là "Ngựa màu hung". Đã ba năm ròng gã chạy theo việc kiện tụng với họ hàng là những con buôn ở Ximbiec, và tuyên bố với mọi người rằng:

- Tớ cũng chẳng thiết sống, nhưng tớ sẽ làm cho bọn chúng khuynh gia bại sản! Chúng sẽ phải đi ăn xin cùng trời cuối đất, sống vài ba năm bằng của bố thí, sau đó tớ sẽ hoàn lại cho chúng tất cả những gì mà tớ được kiện, sẽ giả lại hết và hỏi: "Thế nào, hở lũ quỷ sứ? Thế mới biết tay!".

- Đó là mục đích của đời mày đấy à, Ngựa Hung? - Mọi người hỏi gã.

- Tớ đã để tất cả tâm trí vào việc ấy và không thể làm gì khác nữa!

Suốt ngày gã có mặt ở tòa án địa phương, tòa thượng thẩm, phòng kiện của luật sư đỡ đầu, và thường thường cứ

chiều tối gã cho xe ngựa chở về nhiều túi nhỏ, gói, chai lọ và tổ chức ngay tại căn phòng bẩn thỉu với cái trần nhà bị sụt và sàn nhà cong tớn những bữa đánh chén ồn ào. Gã mời đến cả sinh viên lẫn các cô thợ may - tóm lại là tất cả những ai muốn ăn uống no say. Còn Ngựa Hung chỉ uống rượu rum, một thứ rượu hễ giây ra khăn bàn, áo quần và sàn nhà đều để lại những vết đỏ thẫm không sao tẩy được. Sau khi uống rượu say gã la lớn:

- Hỡi những con chim thân yêu của ta! Ta yêu các người, các người là những người ngay thẳng! Còn ta là một kẻ đê tiện độc ác và là một con cá sấu. Ta muốn làm hại những kẻ họ hàng của ta và nhất định ta sẽ làm được! Trời ơi, ta không muốn sống nữa...

Đôi mắt Ngựa Hung hấp háy một cách đáng thương, và khuôn mặt lố bịch với hai gò má nhô cao của gã ướt đẫm những giọt nước mắt của một kẻ say. Gã đưa lòng bàn tay lên má lau nước mắt và quệt xuống đầu gối, quần của gã mặc lúc nào cũng dính đầy những vết dầu bẩn.

- Các người sống ra sao? - Gã thét to. - Đói rét, ăn mặc tồi tàn, - phải chăng đó là quy luật? Liệu có thể học được cái gì trong cuộc sống ấy? Chao ôi, nếu Hoàng đế mà biết được các người sống như thế này...

Rồi rút trong túi ra một xấp bạc giấy đủ màu, gã bảo:

- Ai cần tiền nào? Cứ lấy đi, anh em ơi!

Các cô ca sĩ và các cô thợ may tranh nhau giật lấy tiền trong bàn tay đầy lông lá của gã, gã cười hô hố và nói:

- Ồ, tiền này không phải cho các người! Đây là để cho các anh em sinh viên!

Nhưng anh em sinh viên không lấy.

- Lấy tiền của anh làm khỉ gì cơ chứ! - Con trai của bác thợ thuộc da giận dữ quát to.

Một hôm lúc đang say gã tự tay mang sang cho Pletniov một xấp giấy bạc mười rúp vò nát thành một cục giấy cứng, gã vất lên bàn rồi bảo:

- Đấy, - có cần không? Tớ chẳng cần...

Rồi gã nằm lăn lên giường của chúng tôi, gầm lên và khóc nức nở đến nỗi phải đổ nước lạnh cho gã giã rượu. Khi gã ngủ thiếp đi Pletniov cố vuốt mớ giấy bạc cho thẳng ra, nhưng không sao vuốt được, chúng bị dính chặt vào nhau đến nỗi phải đem nhúng nước mới gỡ ra từng tờ được.

Căn phòng bẩn thỉu, ám khói, có những cửa sổ nhìn sang bức tường đá của ngôi nhà bên cạnh ấy thật chật chội, ngột ngạt, ồn ào và dễ sợ. Ngựa Hung la hét to hơn tất cả mọi người. Tôi hỏi gã:

- Sao anh lại sống ở đây mà không ở khách sạn?

- Anh bạn thân mến ạ, ở đây thích chứ! Sống với các anh cảm thấy ấm cúng trong lòng...

Anh con trai bác thợ thuộc da xác nhận:

- Đúng đấy, con Ngựa Hung ạ! Tôi cũng thế! Giá mà ở nơi khác chắc tôi đã chết ngoẻo rồi!

Ngựa Hung bảo Pletniov:

- Đánh đàn đi! Hát đi!

Đặt chiếc đàn guxli lên đầu gối, Guri cất tiếng hát:

Hỡi vầng hồng, hãy mọc lên đi, mọc lên đi...

Giọng hát của anh êm dịu thấm sâu vào lòng người.

Cả phòng đều im lặng, mọi người đều trầm ngâm lắng nghe những lời ca ai oán và tiếng nhạc nhẹ nhàng của những dây đàn guxli.

- Chà anh hát hay quá! - Anh chàng tình nhân tội nghiệp của mụ thương gia lẩm bẩm.

Giữa những người trú ngụ kì lạ của ngôi nhà cũ kĩ ấy, Guri Pletniov, một con người lanh lợi vui vẻ, đóng vai Ông Thiện trong các câu chuyện thần thoại. Tâm hồn anh được điểm

bằng nhiều màu sắc rực rỡ của tuổi thanh xuân; nó chiếu rọi cuộc sống bằng những đốm pháo hoa của những câu vui đùa tế nhị, những bài hát hay, những lời chế giễu sâu cay đối với các phong tục và tập quán của người đời bằng những câu chuyện táo bạo về sự dối trá thô bỉ ở đời. Anh vừa tròn hai mươi tuổi, nhìn bề ngoài anh như một cậu thiếu niên, nhưng mọi người ở ngôi nhà này đều xem anh như một người trong giờ phút khó khăn có thể chỉ bảo cho họ những lời khuyên thông minh và lúc nào cũng đủ sức giúp đỡ họ bằng cách nào đó. Những người tốt bụng thì mến anh, kẻ xấu lại sợ anh, và thậm chí cả lão cảnh sát Nikiforitr cũng luôn luôn chào hỏi Guri bằng nụ cười của con cáo già.

Sân nhà "Maruxovca" là một "hành lang" dốc nối hai phố Rupnoriatxcaia và Xtaro - Gorsetsnaia với nhau. Tại phố thứ hai này, trạm gác của lão Nikiforitr nằm gọn ở một góc đường, cách cổng khu nhà của chúng tôi một quãng.

Lão ta là cảnh sát trưởng của khu phố chúng tôi. Đó là một lão già cao, gày gò, ngực đeo đầy mề đay, gương mặt thông minh, có nụ cười xã giao và đôi mắt quỷ quyệt.

Lão rất chú ý đến ngôi nhà ồn ào này gồm những người cũ và những người sắp dọn đến. Mỗi ngày có đến mấy lần lão xuất hiện ở sân nhà chúng tôi. Dáng người chải chuốt, lão bước đi chậm rãi và nhìn vào cửa sổ của các căn buồng với con mắt của người coi vườn bách thú nhìn các lồng thú. Mùa đông năm ấy tại một căn buồng đã xảy ra vụ bắt bớ, người bị bắt là chàng sĩ quan cụt một tay Xmiecnov và anh lính Muratov. Cả hai đều là những người được tặng huân chương Thánh George và đã từng tham gia cuộc viễn chinh Akham - Teke do Xcobelev chỉ huy.[1] Người ta cũng bắt đưa đi cả Zovnin, Ovxiakin, Grigoriev, Crulov và một người nào đó nữa

[1] Xcobelev (1843-1882), một võ quan, nổi tiếng trong thời chiến tranh Nga - Thổ (1877-1878).

vì họ mưu tính việc lập một nhà in bí mật. Để thực hiện việc này, vào giữa ngày chủ nhật, Muratov và Xmiecnov đã vào nhà in của Cliutsnicov tại một đường phố đông người để đánh cắp bộ chữ in. Khi đang làm việc đó thì họ bị bắt. Và một đêm khác bọn hiến binh lại đến ngôi nhà "Maruxovca" bắt đi một người cao lênh khênh, nét mặt lúc nào cũng cau có mà tôi gọi là "Gác chuông Lang thang". Sáng hôm sau, khi biết tin đó, Guri xúc động mạnh, anh vò rối mớ tóc đen nhánh của anh và bảo tôi:

- Thế đấy, Macximitr, mẹ cha nó, hãy chạy nhanh đến...

Sau khi giải thích cho tôi biết phải đi đâu, anh nói thêm:

- Coi chừng, phải cẩn thận đấy! Có thể gặp bọn mật thám ở đấy...

Nhiệm vụ bí mật được giao phó này làm cho tôi sung sướng vô ngần, và tôi chạy như bay đến xóm Atmiranti. Đến đây trong căn xưởng tối om của người thợ đồ đồng, tôi gặp một thanh niên tóc quăn có đôi mắt xanh biếc khác thường. Anh đang hàn một chiếc xoong, nhưng trông anh không giống một người thợ. Trong góc xưởng, cạnh máy dập, một bác thợ già bé loắt choắt có mớ tóc bạc buộc gọn trong sợi dây da nhỏ, đang đánh bóng một cái vòi nước.

Tôi hỏi bác thợ đồ đồng:

- Xưởng bác có việc làm không?

Bác già cáu kỉnh trả lời:

- Xưởng thì có việc, nhưng không có việc cho mày!

Anh thanh niên đưa mắt nhìn thoáng qua tôi rồi lại cúi xuống chiếc xoong. Tôi đưa chân khẽ chạm vào chân anh, anh ngạc nhiên và giận dữ trố cặp mắt xanh nhìn tôi chằm chằm, tay anh nắm chặt lấy cán xoong như sắp sửa ném tôi. Nhưng khi thấy tôi nháy mắt ra hiệu, anh điềm tĩnh bảo:

- Thôi đi đi, đi đi...

Sau khi nháy mắt ra hiệu cho anh một lần nữa tôi liền ra ngoài cửa đứng chờ ở đường phố. Anh thanh niên tóc quăn vươn vai đứng lên, bước ra theo và lặng thinh vừa nhìn tôi vừa hút thuốc:

- Anh là Tikhon phải không?

- Phải!

- Piot bị bắt rồi.

Anh cau mày tỏ vẻ bực tức, đưa mắt nhìn khắp người tôi.

- Piot nào?

- Piot cao lêu nghêu nom giống như thầy phụ lễ ấy.

- Sao nữa?

- Chỉ có thế thôi.

- Thế tôi liên quan gì tới Piot, tới thầy phụ lễ và những việc đó? - Anh thợ đồ đồng hỏi, và cách hỏi của anh làm cho tôi quả quyết rằng anh ta không phải là dân thợ. Tôi chạy về, trong lòng lấy làm kiêu hãnh vì đã hoàn thành xong nhiệm vụ được giao phó. Đó là lần tham gia hoạt động "bí mật" đầu tiên của tôi.

Guri Pletniov là người gần gũi với những hoạt động ấy, nhưng khi tôi yêu cầu cho tôi tham gia những công việc đó, anh trả lời:

- Anh bạn ạ, việc ấy đối với anh còn quá sớm! Anh học đi đã...

Evreinov giới thiệu tôi với một người bí mật. Việc giới thiệu này được tiến hành rất thận trọng, khiến tôi cảm thấy trước có một cái gì hết sức quan trọng. Evreinov đưa tôi ra ngoại ô thành phố, đến cánh đồng Acxcoie. Trên đường đi anh cho tôi biết trước rằng việc giới thiệu này đòi hỏi tôi phải thật cẩn thận. Cần phải giữ bí mật việc đó. Sau đấy Evreinov chỉ cho tôi một bóng người nhỏ, mờ mờ, đang chậm rãi bước đi giữa cánh đồng vắng vẻ, rồi anh nhìn quanh và khẽ nói:

- Anh ấy đấy! Cậu cứ đi theo sau và khi nào anh ấy đứng lại thì đến gần và bảo: "Tôi là người mới đến..."

Những cái bí mật lúc nào cũng thú vị, nhưng trong trường hợp này tôi cảm thấy buồn cười: giữa một ngày nắng chói oi ả, trên cánh đồng một con người bé nhỏ đơn độc đang lảo đảo đi như một ngọn cỏ tàn úa, và tất cả chỉ có thế! Sau khi đuổi kịp anh ta ngay chỗ cổng nghĩa địa, tôi nhìn thấy trước mặt tôi là một chàng thanh niên có khuôn mặt gầy gò, bé nhỏ với đôi mắt nghiêm nghị, tròn xoe như mắt chim. Anh mặc chiếc áo bành tô màu xám kiểu học sinh trung học, nhưng hàng cúc đồng sáng loáng đã đứt hết và thay vào đó là những chiếc cúc xương đen, trên chiếc mũ lưỡi trai cũ nát của anh còn in vết một chiếc phù hiệu. Nói chung trong con người anh ta có một cái gì già dặn quá sớm, dường như anh ta vội làm ra vẻ ta đây là một người lớn.

Chúng tôi ngồi giữa hàng mộ chí, dưới bóng những khóm cây um tùm. Anh ta nói giọng khô khan và ra vẻ quan trọng. Nói chung tôi hoàn toàn không ưa anh ta chút nào. Bằng một giọng nghiêm trang, anh hỏi tôi đã đọc những gì và đề nghị tôi tham gia học tập trong nhóm do anh tổ chức. Tôi đồng ý và chúng tôi chia tay nhau. Anh ta ra trước, sau khi đã cẩn thận quan sát cánh đồng vắng tanh.

Trong nhóm tôi còn có ba bốn anh thanh niên khác tham gia, tôi là người trẻ nhất và hoàn toàn chưa được chuẩn bị tí gì cho việc nghiên cứu cuốn sách của John Stuart Mill có lời chú thích của Tsecnusevxki.[1] Chúng tôi tụ tập tại phòng riêng của Milovxki, một học sinh trường Sư phạm. Sau này anh ta viết truyện ngắn lấy bút danh là Eleonxki, và sau khi sáng tác được độ năm tập thì anh đã tự sát. Biết bao người tôi gặp đã tự nguyện lìa bỏ cuộc đời!

---

[1] Tsecnusevxki (1828-1889), lãnh tụ của phong trào cách mạng dân chủ vĩ đại Nga, nhà triết học duy vật, nhà văn và nhà phê bình văn học.

Anh ta là một người trầm lặng, biết suy nghĩ đắn đo, nói năng thận trọng. Anh sống trong căn hầm một ngôi nhà bẩn thỉu và làm nghề thợ mộc để cho "cân bằng thể xác và linh hồn". Tiếp xúc với anh thật chán ngấy. Việc đọc cuốn sách của Mill không hấp dẫn tôi tí nào, chẳng bao lâu những nguyên lí cơ bản của kinh tế học đã trở thành rất quen thuộc đối với tôi. Tôi đã nắm được chúng một cách trực tiếp, chúng đã được ghi trên da thịt tôi. Tôi cảm thấy hình như chẳng cần viết đến một pho sách dày với những lời lẽ khó hiểu như vậy để bàn về điều mà bất kì ai đã từng tốn sức để cho "kẻ khác" sống yên ổn và sung sướng cũng đều hoàn toàn thấy rõ. Với một tâm trạng vô cùng căng thẳng tôi phải ngồi suốt hai ba giờ liền trong gian hầm nồng nặc mùi hồ dán, đảo mắt nhìn những chú bọ đất bò ngang dọc trên bức tường bẩn thỉu.

Một hôm người giảng bài của nhóm đến chậm hơn ngày thường, chúng tôi tưởng anh không đến bèn đi mua một chai rượu votca, bánh mì và dưa chuột về tổ chức một bữa đánh chén nho nhỏ. Bỗng ngoài cửa sổ thấy thoáng qua đôi chân xám xịt của người thầy của chúng tôi. Chúng tôi vừa kịp giấu chai rượu xuống gầm bàn thì anh đã vào đến nơi và bắt đầu giải thích những kết luận sáng suốt của Tsecnưsevxki. Tất cả chúng tôi đều ngồi im như phỗng và rất lo sợ có người nào trong chúng tôi vô ý chạm chân vào làm đổ chai rượu. Cuối cùng chính thầy giáo của chúng tôi đã làm đổ, anh liền nhìn xuống bàn và im lặng chẳng nói lời nào. Chà, giá như anh cứ gắt mắng om lên lại dễ chịu hơn!

Sự im lặng, nét mặt nghiêm nghị và đôi mắt nheo lại với vẻ bực tức của anh làm tôi hết sức bối rối. Liếc nhìn những bộ mặt đỏ nhừ vì xấu hổ của các bạn của tôi, tôi cảm thấy mình là kẻ phạm tội chống lại thầy giáo của chúng tôi và hết sức ái ngại cho anh, mặc dù việc đi mua rượu không phải là do tôi bày ra.

Đọc sách như thế chán quá, tôi muốn đi đến một xóm Tacta, nơi ở của những con người dịu dàng, tốt bụng có một cuộc sống đặc biệt, trong sạch. Họ nói tiếng Nga lơ lớ nghe đến buồn cười. Tối tối từ trên các đỉnh tháp cao vọng xuống những tiếng lạ lùng của những người muezin[1] gọi họ đi lễ nhà thờ. Tôi cảm thấy những người Tacta có một cuộc sống khác hẳn, xa lạ đối với tôi, không giống như cái cuộc sống mà tôi biết - một cuộc sống không hề đem lại cho tôi điều thú vị.

Tôi bị lôi cuốn tới sông Volga, đến với khúc nhạc của cuộc sống lao động, khúc nhạc ấy mãi đến nay vẫn làm ngây ngất lòng tôi. Tôi còn nhớ như in cái ngày mà lần đầu tiên tôi rung cảm với bản trường ca hùng tráng của lao động.

Ở gần Cazan có một chiếc sà lan lớn chở hàng Ba Tư va phải đá ngầm bị thủng đáy. Phường khu khuân vác cho tôi nhập bọn để bốc dỡ hàng khỏi sà lan. Độ ấy vào tháng Chín, gió từ miền thượng lưu thổi mạnh về, trên mặt sông xám xịt, sóng chồm lên giận dữ, gió điên cuồng đánh tan những ngọn sóng, rắc xuống sông một trận mưa lạnh buốt. Phường khuân vác này có khoảng năm chục người, ủ rủ đứng ngồi trên sàn một chiếc sà lan trống rỗng, họ cuộn mình trong những chiếc chiếu gai và vải bạt. Một chiếc tàu kéo nhỏ dắt chiếc sà lan, thở hồng hộc, và ném vào trong mưa từng bó lửa đỏ.

Trời tối sầm. Bầu trời ướt sũng, đen kịt bao trùm trên mặt sông. Anh em phu khuân vác càu nhàu và chửi bới, nguyền rủa mưa, gió và cuộc sống. Họ uể oải bò trên sàn sà lan, cố tìm chỗ tránh mưa và rét. Tôi cảm thấy những con người ngái ngủ này không thể làm việc, không thể cứu được khối hàng hóa sắp bị đắm.

Vào quãng nửa đêm thì chúng tôi tới chỗ chiếc sà lan bị

[1] Thầy tu Hồi giáo, giữ việc báo giờ cầu nguyện cho tín đồ.

mắc cạn và cho chiếc sà lan rỗng áp mạn vào chiếc sà lan bị va phải đá ngầm. Người phường trưởng, một lão già độc ác mặt rỗ, tính giảo quyệt, ăn nói sỗ sàng, có đôi mắt và cái mũi diều hâu, đưa tay giật chiếc mũ lưỡi trai ướt sũng trên cái đầu hói xuống và kêu the thé như giọng đàn bà:

- Hãy cầu kinh đi, anh em ơi!

Trong đêm tối, trên sàn sà lan anh em phu khuân vác dồn nhau lại thành một đống đen ngòm và gào lên như một đàn gấu. Người phường trưởng cầu kinh xong trước, thét:

- Đốt đèn lên! Ra tay đi thôi, anh em ơi! Thật đấy, các chú ơi! Chúa sẽ ban phước lành cho, bắt đầu đi!

Và những con người nặng nề, uể oải, ướt lướt thướt ấy bắt đầu "ra tay". Giống như khi xông vào chiến đấu, họ nhảy ùa sang sàn và lao xuống hầm chiếc sà lan bị chìm với những tiếng reo hò, gào thét và những lời đùa bỡn. Xung quanh tôi những bao gạo, những kiện nho khô, da thuộc, lông cừu bay nhẹ nhàng như những chiếc gối bông. Những thân hình vạm vỡ vừa chạy đi chạy lại vừa khích lệ nhau bằng những tiếng kêu la, tiếng huýt sáo, tiếng chửi bới độc địa. Khó mà tin được rằng những người đang làm việc một cách nhẹ nhàng, vui vẻ và say sưa đó lại chính là những con người chậm chạp, cau có vừa mới đây còn buồn rầu than thở về cuộc đời, về mưa rét. Mưa càng nặng hạt, trời càng lạnh giá, gió càng thổi mạnh làm những chiếc áo cánh bay tung, vạt áo tốc ngược lên đầu làm hở cả bụng. Trong đêm tối mưa gió, dưới ánh sáng yếu ớt của sáu ngọn đèn, những lớp sóng người đen ngòm lao đi vun vút, chân nện thình thịch trên sàn sà lan. Họ làm việc như thể đã từng thèm khát lao động, như từ lâu họ đã chờ đợi nỗi vui thích được chuyển từ tay người này sang tay người kia những bao nặng hàng bốn put, vác những kiện hàng trên lưng mà chạy băng băng. Họ vừa làm vừa

cười đùa vui vẻ, say mê như trẻ con, với một khoái cảm ngây ngất mà chỉ có những lúc ôm ấp phụ nữ mới cảm thấy ngọt ngào hơn thôi.

Một gã râu ria xồm xoàm, người to lớn, mặc áo khoác ngoài, mình ướt đẫm và nhầy nhụa - có lẽ là chủ nhân của số hàng hóa hoặc là người thay mặt chủ nhân - bất thần kêu to, vẻ khích động:

- Này anh em, ta đặt giải thưởng một thùng rượu đấy! Các tướng cướp ạ, hai thùng cũng được! Làm nhanh lên!

Lập tức từ bốn phía trong đêm tối có mấy tiếng gào to:

- Ba thùng chứ!

- Ba thùng thì ba! Cứ làm khỏe vào!

Và cơn gió lốc lao động lại càng cuồn cuộn nổi lên mạnh mẽ hơn.

Tôi cũng khuân, cũng kéo, cũng ném, rồi lại chạy, lại khuân; và tôi cảm thấy rằng cả bản thân tôi lẫn mọi vật xung quanh đều quay cuồng trong một điệu vũ sôi nổi, rằng những con người ấy có thể làm việc một cách vui vẻ và hăng say lạ thường, không mệt mỏi, không tiếc sức mình, quên cả tháng, năm; rằng họ có thể nắm lấy những tháp chuông và những gác nhà thờ của thành phố lôi đi đâu thì lôi.

Đêm hôm ấy tôi đã sống trong một niềm vui mà trước kia tôi chưa hề nếm trải, trong thâm tâm tôi muốn được sống suốt đời trong trạng thái phấn khởi gần như điên cuồng ấy của lao động. Ngoài mạn tàu, sóng nước như nhảy múa, mưa quất xuống sàn sà lan, gió rít trên mặt sông, và trong bóng tối nhờ nhờ của buổi bình minh, những con người gần như trần truồng, mình ướt đẫm, vẫn chạy đi chạy lại tới tấp và không biết mệt mỏi, reo hò, cười nói, say sưa với sức mạnh và lao động của mình. Rồi bỗng nhiên một cơn gió mạnh xé toang khối mây đen nặng nề, trên mảnh trời xanh thẳm và

rực rỡ loé lên một tia sáng mặt trời hồng tươi. Những "con thú" vui vẻ ấy đồng thanh reo vang, đón chào tia sáng, làm rung rung hàng lông ướt đẫm trên những cái mõm đáng yêu. Tôi muốn ôm hôn những "con thú hai chân" vô cùng thông minh và nhanh nhẹn, vô cùng say sưa quên mình trong lao động ấy.

Dường như không gì có thể chống lại nổi trạng thái căng thẳng đó của cái sức mạnh điên cuồng và đầy phấn khởi, sức mạnh ấy có khả năng tạo nên những điều kì diệu trên trái đất, có thể trong một đêm dựng lên trên khắp trái đất đầy những thành phố và những lâu đài tráng lệ như các truyện thần thoại tiên tri thường nói đến. Sau khi ngắm nhìn lao động của con người trong chốc lát, tia sáng mặt trời không thắng nổi lớp mây dày, nặng nề, lại chìm sâu vào mây như một đứa bé chìm trong biển cả, và cơn mưa nhỏ bỗng chốc biến thành trận mưa rào.

- Nghỉ đi thôi! - Có người kêu lên, nhưng mọi người giận dữ đáp lại:

- Nghỉ cái gì!

Và dưới trời mưa như trút, trong gió lớn, những con người mình gần trần như nhộng ấy làm việc không ngơi tay đến tận hai giờ chiều, kì cho đến khi chuyển xong toàn bộ hàng hóa. Họ làm cho tôi kính phục nhận thức rằng: thế giới loài người thật dồi dào biết bao sức mạnh hùng hậu!

Sau đó mọi người đều lên tàu và ngủ thiếp đi như những người say rượu. Đến Cazan, họ nhảy ùa lên bãi cát như một dòng nước bùn đen ngòm và kéo nhau vào quán rượu uống cạn ba thùng rượu votca.

Trong quán, gã kẻ cắp Baskin bước đến trước mặt tôi, ngắm nghía tôi và hỏi:

- Họ kéo mày đi làm những gì?

Tôi phấn khởi kể lại cho gã công việc tôi làm, gã lắng nghe rồi thở dài, khinh bỉ nói:

- Đồ ngốc! Và còn tệ hơn nữa - đồ ngu!

Rồi huýt sáo, uốn éo thân hình như một con cá, gã lách đi giữa những dãy bàn kê xít nhau, nơi anh em phu khuân vác vừa ăn uống ồn ào xong. Trong một góc quán có người cất giọng lanh lảnh hát một bài ca tục tĩu.

Ấy, chuyện xảy ra vào lúc nửa đêm,
Một tiểu thư đi dạo trong vườn, hây!

Hàng chục tiếng gào theo vang lên đinh tai kèm theo những tiếng vỗ tay đôm đốp xuống mặt bàn:

Người tuần tra thành phố đứng gác,
Bỗng thấy tiểu thư đang nằm ngửa tênh hênh...

Trong quán lại nổi lên những tiếng cười hô hố, tiếng huýt sáo và những lời nói trơ trẽn táo tợn mà có lẽ trên đời này không gì có thể bì được.

*
* *

Có người giới thiệu tôi với Andrei Derencov, chủ một cửa hiệu nhỏ bán thực phẩm phụ. Cửa hiệu này nằm khuất ở cuối một dãy phố nghèo nàn, chật hẹp, trên một cái khe đầy rác rưởi.

Derencov là một người bé nhỏ, bị liệt một cánh tay, mặt mũi hiền lành, có bộ râu màu vàng óng và cặp mắt thông minh. Anh ta có một tủ sách quý nhất trong thành phố gồm những sách cấm và sách hiếm. Sinh viên nhiều trường ở Cazan và những người có đầu óc cách mạng đã từng dùng sách ở đây.

Cửa hiệu của Derencov đặt trong một ngôi nhà xép thấp, giáp với ngôi nhà của một gã bị hoạn làm nghề đổi bạc. Từ

cửa hiệu có cửa thông vào một gian phòng lớn được chiếu sáng bằng thứ ánh sáng yếu ớt của chiếc cửa sổ trông ra ngoài sân. Ở phía sau gian phòng này, đi sâu vào nữa, là một cái bếp chật hẹp. Đằng sau bếp, trong một phòng phụ tối tăm giữa nhà xép và ngôi nhà, có một cái kho ở trong góc, và đấy chính là nơi cất giấu cái tủ sách hết sức bí mật đó. Một phần sách của tủ sách này đã được chép tay vào những quyển vở dày, như *Những bức thư lịch sử* của Lavrov. *Làm gì?* của Tsecnưsevxki, một số bài báo của Pixarev,[1] *Ông vua đói*[2], *Ngón giảo hoạt* - tất cả những bản chép đó đều đã qua tay nhiều người đọc và rất nhàu nát.

Lần đầu tiên khi tôi tới cửa hiệu, Derencov đang bận tiếp khách hàng, anh gật đầu ra hiệu bảo tôi đi về phía cửa thông vào phòng. Tôi bước vào và thấy ở góc phòng, trong bóng tối lờ mờ, có một ông già bé nhỏ nom giống như bức chân dung Xerafim của Xarov đang quì và cầu nguyện một cách kính cẩn. Nhìn ông già tôi cảm thấy có một cái gì lạ lùng và kì quặc.

Người ta nói với tôi rằng Derencov là một người thuộc phái "dân túy".[3] Theo quan niệm của tôi thì người theo phái dân tuý là người cách mạng, mà người cách mạng thì không được tin vào Chúa. Tôi cảm thấy ông già mộ đạo ấy là một người thừa ở trong ngôi nhà này.

---

[1] Pixarev (1840-1868), nhà phê bình và nhà dân chủ cách mạng người Nga.

[2] Cuốn sách của nhà bác học và nhà hoạt động chính trị nổi tiếng người Nga A.N. Bakh (1857-1946), viết năm 1883.

[3] Một đảng phái chính trị của giai cấp tiểu tư sản Nga. Phái này kêu gọi nông dân chống lại chính phủ Nga hoàng, chủ trương cải trang thành nông dân để đi xuống nông thôn, "đi vào quần chúng". Vì vậy gọi là phái dân tuý. Nhưng họ không thực hiểu rõ đời sống của nông dân, nông dân không đi theo họ. Vào những năm 90 của thế kỉ XIX phái dân túy đi vào con đường thoả hiệp với Nga hoàng, đại biểu cho lợi ích của giai cấp phú nông, điên cuồng chống chủ nghĩa Mác.

Cầu nguyện xong, ông già cẩn thận vuốt mớ tóc và chòm râu bạc, chăm chú nhìn tôi và nói:

- Lão là cha của Andrei. Còn anh là ai? À, ra vậy đấy! Lão lại cứ nghĩ anh là một sinh viên cải trang.

- Thế sinh viên cải trang để làm gì ạ? - Tôi hỏi.

- Ôi dào, - ông già khẽ đáp - dù có cải trang thế nào đi nữa thì Chúa cũng vẫn biết!

Ông lão bỏ xuống bếp. Tôi ngồi bên cửa sổ và suy nghĩ.

Bỗng tôi nghe thấy tiếng kêu:

- Thì ra anh ta đấy!

Một cô gái vận đồ trắng đang đứng ở cửa bếp. Mái tóc vàng óng của cô cắt ngắn; trên khuôn mặt mũm mĩm, tái nhợt, ánh lên cặp mắt xanh như đang mỉm cười. Trông cô rất giống những thiên thần vẽ trong các bức tranh rẻ tiền.

- Tại sao anh lại hoảng hốt thế? Chẳng lẽ trông tôi đáng sợ lắm sao? - Cô ta nói giọng the thé, run run, rồi thận trọng và chậm chạp bước lại phía tôi, tay vịn vào tường hệt như không phải cô đang đi trên mặt sàn cứng, mà là đang đi trên một sợi dây tròng trành căng trong không khí. Cách đi vụng về đó càng làm cho cô giống như người của một thế giới khác. Toàn thân cô rung lên như có những mũi kim đâm vào chân, như thể bức tường đang thiêu đốt những cánh tay mũm mĩm trẻ con của cô. Cả đến những ngón tay cũng đờ ra một cách kì lạ.

Tôi im lặng đứng trước mặt cô. Một sự bối rối lạ lùng và một nỗi thương hại sâu sắc xâm chiếm tâm hồn tôi. Trong căn phòng tối này tất cả đều thật kì lạ.

Cô gái ngồi xuống ghế một cách thận trọng dường như sợ chiếc ghế ở phía dưới cô sẽ bay đi mất. Bằng những lời lẽ không còn gì có thể giản dị hơn, cô ta kể với tôi rằng cô mới bắt đầu đi lại được đến hôm đó là hôm thứ năm, trước đấy cô phải nằm liệt giường gần ba tháng trời: cô bị liệt chân tay.

- Đó là một thứ bệnh thần kinh, - cô mỉm cười nói.

Tôi còn nhớ, lúc đó tôi muốn cô giải thích bệnh trạng của cô một cách khác. Bệnh thần kinh - điều đó thật quá đơn giản đối với một người con gái như vậy và ở trong một căn phòng kì lạ như vậy, một căn phòng trong đó tất cả mọi đồ vật đều như đang nép vào tường một cách sợ sệt: ở góc phòng, trước các tượng thánh, ngọn đèn thờ cháy rất sáng, bóng những dây xích bằng đồng của nó bò một cách thản nhiên trên chiếc bàn ăn lớn phủ khăn trắng.

- Tôi đã nghe nói rất nhiều về anh, thành thử tôi muốn gặp xem anh như thế nào.- Giọng cô nói trong trẻo như giọng trẻ con.

Cô gái ấy ngắm nghía tôi bằng con mắt thật là đáng sợ, tôi nhận thấy trong cặp mắt xanh của cô ta có một cái gì như muốn xuyên thấu tất cả. Với một người con gái như vậy tôi không thể nói chuyện được vì không biết nói như thế nào. Tôi bèn im lặng ngắm nghía những bức chân dung của Ghecxen,[1] Dacuyn,[2] Garibandi.[3]

Từ ngoài cửa hiệu một thiếu niên trạc tuổi tôi chạy vào, tóc vàng hoe, cặp mắt táo tợn. Anh ta biến mất vào trong bếp sau khi kêu lên bằng giọng nghe cộc lốc:

- Chị mò ra đây làm gì, chị Maria?

- Thằng em tôi đấy, Andrei ạ, - cô gái nói.- Còn tôi đang học lớp sản khoa thì bị ốm. Tại sao anh lại im lặng thế? Anh ngượng phải không?

Andrei Derencov đi vào, cánh tay bị liệt cho vào trong ngực áo. Anh ta im lặng vuốt mái tóc mềm mại của cô em gái, xoa cho bù lên và hỏi tôi đến về việc gì.

---

[1] Ghecxen (1812-1870), nhà dân chủ cách mạng người Nga, nhà lí luận và nhà văn.

[2] Dacuyn (1809-1882), nhà sinh vật học người Anh.

[3] Garibandi (1807-1882), anh hùng dân tộc của Ý.

Lát sau một cô gái tóc quăn màu hung, thân hình cân đối, mắt màu xanh lá mạ bước vào phòng. Cô ta nghiêm nghị nhìn tôi, rồi khoác tay cô gái vận đồ trắng kéo đi và nói:

- Đủ rồi, Maria!

Maria - cái tên đó thật không hợp với cô gái, đối với cô nó có phần hơi thô thiển.

Tôi cũng đi ra, trong lòng cảm thấy xao xuyến lạ kì. Sau đó một hôm, một buổi tối tôi lại ngồi trong căn phòng ấy. Tôi muốn tìm hiểu xem người ta sống như thế nào trong căn phòng này? Họ sống thật là kì lạ.

Ông già Xtepan Ivanovitr đáng mến, dịu dàng, râu tóc bạc phơ, người trắng bệch, thường ngồi ở góc nhà nhìn ra, cặp môi thâm động đậy, miệng khẽ mỉm cười như muốn yêu cầu:

- Đừng động chạm đến tôi!

Trong con người ông già có cái vẻ sợ hãi của loài thỏ và sự linh cảm lo âu về những điều bất hạnh. Điều đó tôi thấy rất rõ.

Andrei bị liệt một tay, thường mặc chiếc áo màu xám có dính dầu và bột ở ngực cứng như vỏ cây, đi lại trong phòng, người nghiêng nghiêng, miệng cười ngượng nghịu như đứa trẻ vừa được tha thứ sau một trò nghịch ngợm. Alecxei, một thanh niên lười biếng, cục cằn, giúp anh bán hàng. Đứa em trai thứ ba là Ivan học ở trường Sư phạm, nó ở kí túc xá và chỉ về nhà vào những ngày lễ. Đó là một thiếu niên bé nhỏ, ăn mặc sạch sẽ, đầu chải mượt giống như một viên chức già. Cô Maria bệnh hoạn ở đâu trên gác thượng, ít khi xuống dưới nhà, và cứ mỗi khi cô ta xuống thì tôi lại cảm thấy lúng túng, hệt như tôi bị trói buộc bởi những sợi dây vô hình vậy.

Công việc nội trợ trong gia đình Derencov do một mụ cùng ở chung với lão chủ nhà bị hoạn đảm nhiệm. Đó là một người đàn bà cao gầy, có bộ mặt như một búp bê bằng

gỗ và cặp mắt nghiêm nghị của một nữ tu sĩ độc ác. Cô Naxtia mũi nhọn, tóc hung, con gái mụ cũng ở đây. Mỗi khi cô ta ngước cặp mắt xanh nhìn đàn ông, hai cánh mũi của cô lại rung rung.

Nhưng những người chủ thực sự trong căn nhà Derencov lại là các sinh viên của trường đại học, của Đại chủng viện và Viện Thú y. Họ thường tụ tập tại đây trong những cuộc hội họp ồn ào. Đó là những người biết quan tâm đến nhân dân Nga, luôn luôn lo lắng cho tương lai của nước Nga. Thường xuyên bị kích động bởi những bài báo, những kết luận của các cuốn sách vừa đọc xong, những sự kiện trong sinh hoạt của thành phố và của trường đại học, tối tối từ khắp các phố của Cazan họ kéo đến tụ họp tại cửa hiệu nhỏ bé của Derencov để tham gia vào những cuộc tranh cãi gay gắt và để thì thầm nho nhỏ với nhau trong các góc nhà. Họ mang theo những cuốn sách dày cộp, rồi vừa thọc ngón tay vào các trang sách vừa la hét nhau để bảo vệ những chân lí mà mình ưa thích.

Tất nhiên tôi không hiểu rõ lắm về những cuộc tranh luận ấy. Đối với tôi các chân lí đã biến đi trong những lời lẽ dài dòng giống như những váng mỡ trong nồi xúp lõng bõng của người nghèo. Một số sinh viên làm cho tôi liên tưởng tới những ông già thông thái thuộc giáo phái miền Volga, nhưng tôi hiểu rằng tôi đang gặp những con người sẵn sàng làm thay đổi cuộc sống cho tốt hơn. Và tuy lòng chân thành của họ bị chìm ngập giữa những làn sóng dữ dội của lời nói, nhưng nó không bị tiêu tan đi trong đó. Những vấn đề mà họ định giải quyết tôi đều hiểu rõ, và tôi cảm thấy chính bản thân mình cũng say mê với việc giải quyết những vấn đề đó. Tôi thường có cảm tưởng là trong lời nói của anh em sinh viên cũng vang lên những ý nghĩ thầm kín của tôi, và đối với

những con người đó, thái độ của tôi gần như hân hoan giống một tên tù binh được người ta hứa trả lại tự do.

Còn họ thì nhìn tôi, hệt như những người thợ mộc nhìn một khúc gỗ có thể dùng để làm một đồ vật không đến nỗi tầm thường.

- Một nhân tài tự phát! - Họ giới thiệu tôi cho nhau với một niềm tự hào giống như những đứa trẻ lang thang đầu đường xó chợ đưa cho nhau xem một đồng năm copec bằng đồng bắt được ở ngoài đường. Tôi không thích người ta gọi tôi là "thiên tài", là "người con của nhân dân". Tôi cảm thấy mình là một đứa con nuôi của cuộc sống; và đôi lúc tôi cảm thấy rất rõ sức mạnh của cái lực lượng chi phối sự phát triển của tâm hồn tôi. Chẳng hạn, có hôm nhìn thấy trên cửa sổ hiệu sách một tác phẩm với cái nhan đề bí ẩn đối với tôi *Cách ngôn và phương ngôn*,[1] tôi nảy ra ý muốn đọc cuốn sách ấy, tôi bèn yêu cầu sinh viên Đại chủng viện cho tôi mượn cuốn này.

- Xin lỗi nhé! - Vị chủ giáo tương lai ấy, con người có cái đầu giống như người da đen: tóc xoăn, môi dày, răng to, thốt lên một cách mỉa mai. - Người anh em ạ, đó chỉ là một thứ nhảm nhí mà thôi. Người anh em hãy đọc những cái gì người ta đưa cho, còn những lĩnh vực không thích hợp với người anh em thì đừng có chõ mũi vào!

Giọng nói thô lỗ kiểu lên mặt dạy đời này khiến tôi rất bực mình. Tất nhiên tôi đã mua cuốn sách đó, tiền thì một phần do tôi kiếm được ở các bến tàu, một phần vay của Andrei Derencov. Đó là cuốn sách đáng kể đầu tiên mà tôi đã mua, cho đến bây giờ tôi vẫn còn giữ được.

Nói chung đối với tôi mọi người đối xử khá nghiêm khắc. Khi tôi đọc xong cuốn *Khoa học xã hội nhập môn* tôi có cảm

---

[1] Tác phẩm của nhà triết học Đức *Arthur Schopenhauer* (1788-1860).

tưởng là tác giả đã cường điệu vai trò của các bộ lạc chăn nuôi trong việc tổ chức đời sống văn hóa, còn những người lang thang giàu óc sáng tạo và những người săn bắn thì bị ông ta lăng nhục. Tôi nói lại những điều hoài nghi của tôi với một sinh viên ngữ văn; anh này sau khi cố tạo cho bộ mặt đàn bà của mình một vẻ oai vệ, liền nói với tôi hàng giờ về vấn đề "quyền phê bình".

- Muốn có quyền phê bình, cần phải tin vào một chân lí nào đó. Anh tin vào cái gì? - Anh ta hỏi tôi.

Anh ta đọc sách cả ở ngoài đường phố; đi trên vỉa hè, anh ta thường úp mặt và sách, đến nỗi đâm cả vào mọi người. Những lúc vật vã trong cơn sốt phát ban, tại căn gác xép của mình, anh ta vẫn la lên:

- Đạo đức phải là sự phối hợp một cách hài hòa giữa yếu tố tự do và yếu tố cưỡng bức, một cách hài hòa... hài hò...ò...à...

Là một người dịu dàng, ốm dở vì thiếu ăn quanh năm, kiệt sức vì những cuộc kiên trì tìm kiếm chân lí vĩnh cửu, anh ta không hề biết một thú vui nào khác ngoài đọc sách. Và mỗi khi anh cảm thấy rằng mình đã dung hòa được những mâu thuẫn giữa hai trí tuệ mạnh mẽ thì cặp mắt đen đáng yêu của anh lại mỉm cười sung sướng như một đứa trẻ con. Khoảng mười năm sau khi sống ở Cazan tôi lại gặp anh ở Kharcov, lúc này anh đã qua năm năm đi đày ở Kem và lại về học ở trường đại học. Tôi có cảm tưởng anh là một người sống giữa hằng hà sa số những tư tưởng trái ngược nhau. Lúc sắp chết vì bệnh lao, anh vẫn cố sức dung hòa Nitsơ[1] với Mác. Vừa khạc ra máu và thở khò khè, anh vừa đưa những ngón tay lạnh giá dính nhớp nháp nắm lấy cánh tay tôi:

- Không có sự tổng hợp thì không thể sống được!

---

[1] Nitsơ (1844-1900), nhà triết học duy tâm phản động người Đức, sùng bái cá nhân, coi thường quần chúng nhân dân.

Anh chết trong toa xe điện trên đường đi đến trường đại học.

Tôi đã thấy không ít những con người hi sinh vì lí trí như vậy. Đối với tôi hình ảnh của họ thật là thiêng liêng.

Khoảng hai chục người như vậy thường tụ họp tại căn nhà của Derencov, trong số đó có cả một người Nhật, sinh viên Đại chủng viện, tên là Panteleimon Xato. Thỉnh thoảng lại thấy xuất hiện một người cao lớn, ngực nở, râu rậm, tóc húi theo kiểu Tacta. Anh ta như bị khâu chặt vào chiếc áo Cazakin màu xám có móc cài đến tận cằm. Thường thường anh ngồi ở một chỗ nào đó trong góc nhà, hút một cái tẩu ngắn và bằng cặp mắt xám, điềm đạm nhìn mọi người vẻ như thăm dò. Cặp mắt của anh thường dừng lại trên mặt tôi một cách chăm chú. Tôi cảm thấy rằng con người nghiêm nghị đó đang thầm đánh giá tôi trong óc. Và không hiểu sao tôi cảm thấy sợ anh ta. Sự im lặng của anh ta làm cho tôi ngạc nhiên. Tất cả mọi người xung quanh đều nói to, nói nhiều, nói mạnh. Và những lời nói càng vang lên gay gắt chừng nào thì tất nhiên tôi càng thích chừng ấy. Một thời gian rất lâu tôi vẫn không biết được rằng trong những lời nói gay gắt thường có ẩn những ý nghĩ tầm thường và giả dối. Chàng lực sĩ rậm râu này im lặng suy nghĩ điều gì?

Mọi người gọi anh ta là "Khokhon",[1] và có lẽ ngoài Andrei ra không ai biết tên thật của anh là gì. Ít lâu sau tôi được biết rằng con người đó vừa mới bị đi đày ở tỉnh Iacut về không lâu, anh đã sống ở đấy mười năm trời. Sự kiện này càng khiến tôi chú ý đến anh hơn, nhưng vẫn không lam cho tôi đủ can đảm để làm quen với anh, mặc dầu tôi không phải là người nhút nhát, rụt rè, mà trái lại tôi mắc phải cái bệnh

[1] Tên gọi người Ucraina (theo cách gọi khinh miệt của người Nga dưới thời Nga hoàng).

hay tò mò, cái gì cũng muốn biết và càng biết được sớm càng tốt. Tính đó suốt đời đã cản trở không cho tôi chuyên chú hẳn vào một công việc gì.

Khi mọi người nói về nhân dân, tôi kinh ngạc và thấy thiếu tự tin, cảm thấy rằng về vấn đề này tôi không thể nghĩ như họ được. Đối với họ nhân dân là hiện thân của sự sáng suốt, của cái đẹp tinh thần và của sự lương thiện, là một cái gì thống nhất toàn vẹn và có tính chất gần như thần thánh, là đầu mối của tất cả những gì đẹp đẽ, công bằng, vĩ đại. Tôi chưa từng thấy thứ nhân dân như vậy. Tôi đã thấy những người thợ mộc, phu khuân vác, thợ nề; tôi biết Iacov, Oxiv, Grigori.[1] Nhưng ở đây người ta lại nói đến một thứ nhân dân thuần nhất và tự đặt mình xuống dưới thứ nhân dân ấy, phụ thuộc vào ý chí của nó. Còn tôi thì cảm thấy rằng chính họ đã thể hiện trong con người họ vẻ đẹp và sức mạnh của tư tưởng, trong con người họ tập trung và đang rực cháy cái ý chí nhân đạo tốt đẹp đối với cuộc sống, đối với việc tự do xây dựng cuộc sống theo những quy tắc mới nào đó của lòng nhân đạo.

Quả là tôi đã không thấy lòng nhân đạo trong những con người bé nhỏ cùng chung sống với tôi trước đây. Còn ở đây thì nó lại vang lên trong mỗi lời nói, rực cháy trong mỗi khóe mắt.

Những lời nói của những con người tôn sùng nhân dân ấy đã tưới vào trái tim tôi như một trận mưa rào mát mẻ, và cả những loại sách ngây thơ nói về cuộc sống tối tăm của nông thôn, về những người mujic khốn khổ cũng đã giúp tôi rất nhiều. Tôi cảm thấy rằng chỉ có yêu con người thật say sưa, thật nồng nhiệt mới có thể có được một sức mạnh cần thiết để tìm ra và hiểu được ý nghĩa của cuộc sống. Tôi bèn không nghĩ đến mình nữa và bắt đầu để ý đến mọi người nhiều hơn.

---

[1] Những nhân vật trong *Kiếm sống* của M. Gorki.

Andrei Derencov, với vẻ tin cậy, nói cho tôi biết số tiền ít ỏi mà anh thu được trong việc buôn bán là hoàn toàn dùng để giúp đỡ những người nào tin rằng "hạnh phúc của nhân dân là trên hết". Hệt như một thầy phụ lễ trung thành được hầu hạ đức tổng giám mục, anh hay quanh quẩn bên cạnh họ và không giấu được vẻ hân hoan trước sự thông minh lanh lợi của những con người chuộng sách vở ấy. Anh thường mỉm cười sung sướng, nhét cánh tay bị liệt vào trong lần áo ngực, còn bàn tay kia thì đưa đẩy bộ râu mềm mại và hỏi tôi:

- Khá đấy chứ? Thấy chưa!

Và cứ mỗi lần chàng thú y Lavrov, anh chàng có giọng nói kì lạ nghe quang quác như tiếng ngỗng kêu, phản đối ý kiến của những người thuộc phái dân túy thì Derencov lại sợ hãi nhắm mắt lại, miệng lẩm bẩm:

- Thật là đồ gây sự!

Thái độ của Derencov đối với các sinh viên thuộc phái dân túy cũng giống thái độ của tôi, còn thái độ của các sinh viên đối với anh ta thì tôi có cảm tưởng giống như thái độ thô lỗ và thiếu tôn trọng của những ông chủ đối với người làm hoặc người hầu trong tiệm ăn. Bản thân Derencov không nhận thấy điều này. Thường thường, sau khi tiễn khách ra về, anh giữ tôi ở lại ngủ. Chúng tôi quét lại phòng, rồi nằm trên thảm bằng nỉ trải ngay trên sàn thì thầm nói chuyện thân mật với nhau rất lâu trong bóng tối, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn thờ. Với niềm vui thầm lặng của một tín đồ, anh nói với tôi:

- Cứ có được hàng trăm, hàng nghìn những người tốt như vậy để họ giữ tất cả những địa vị trọng yếu ở nước Nga thì lập tức họ sẽ làm thay đổi cả cuộc sống!

Anh ta hơn tôi đến mười tuổi; tôi nhận thấy rằng anh rất thích cô Naxtia tóc hung và anh cố không nhìn vào cặp mắt

như thách thức của cô ta. Khi có người ngoài anh thường nói với cô bằng giọng hơi khô khan như giọng ra lệnh của ông chủ, nhưng lại tiễn cô bằng cái nhìn rất buồn. Còn những khi nói chuyện riêng với cô, anh thường mỉm cười, vẻ bối rối và rụt rè, tay giật giật bộ râu.

Cô em gái nhỏ của anh cũng thường ngồi trong góc nhà quan sát những cuộc đấu khẩu. Bộ mặt ngây thơ của cô căng lên nom rất buồn cười mỗi khi phải chú ý quá, hai mắt cô mở to, và cứ mỗi lần vang lên những lời nói đặc biệt gay gắt thì cô lại thở dài thật to, hệt như cô bị người ta vẩy nước băng giá vào người vậy. Anh chàng sinh viên y khoa tóc hung cứ luẩn quẩn bên cạnh cô như một con gà trống đường bệ. Anh ta hay nói với cô bằng giọng gần như thì thầm có vẻ bí mật và nhíu lông mày ra vẻ quan trọng. Tất cả những cảnh đó nom thật hết sức thú vị.

Nhưng mùa thu đã đến, cuộc sống không có công việc nhất định đã trở thành điều không thể chịu đựng được đối với tôi. Mải mê với tất cả những cái đang diễn ra xung quanh, càng ngày tôi càng làm việc ít hơn và phải đi ăn ghẹ người khác. Mà miếng ăn như vậy thì bao giờ cũng rất khó nuốt. Cần phải tìm một "chỗ sống" cho mùa đông, và tôi đã tìm được ở lò bánh mì của Vaxili Xemionov.

Giai đoạn này của cuộc đời tôi đã được tôi tả lại trong các truyện ngắn *Người chủ, Conovalov. Hai mươi sáu anh chàng và một cô gái*. Thật là một thời kì vất vả! Nhưng cũng lại là một thời kì đã dạy cho tôi nhiều bài học.

Thể xác đã vất vả, tinh thần còn nặng nề hơn.

Từ khi tôi bước chân xuống hầm của xưởng làm bánh thì liền mọc lên một "bức tường ngăn cách" giữa tôi với những con người mà nhìn thấy họ và nghe họ nói đã trở thành điều cần thiết đối với tôi. Không có ai trong bọn họ đến xưởng gặp

tôi cả, còn tôi phải làm việc mười bốn giờ một ngày, cũng không thể đến chỗ Derencov vào những ngày thường được. Còn những ngày lễ thì tôi hoặc là ngủ, hoặc là ở nhà cùng với những người đồng nghiệp của tôi. Một số trong những người này ngay từ những ngày đầu đã nhìn tôi như nhìn một thằng hề ngộ nghĩnh, một số khác thì yêu quý tôi một cách ngây thơ như những đứa trẻ đối với một người biết kể những chuyện cổ tích thú vị. Có ma quỷ biết là tôi đã nói gì với những người đó, nhưng tất nhiên là tôi đã nói tất cả những gì có thể gợi lên cho họ niềm hi vọng vào khả năng về một cuộc sống khác, dễ chịu và có ý nghĩa hơn. Thỉnh thoảng tôi đã thành công trong việc đó, và hễ cứ nhìn thấy những nét mặt căng thẳng phảng phất nỗi buồn và trong các khóe mắt bùng lên tia lửa bực tức và giận dữ là tôi lại cảm thấy vui sướng và tự hào nghĩ rằng tôi đang làm "công tác quần chúng" và đang "giáo dục" họ.

Nhưng tất nhiên thường là tôi cảm thấy sự bất lực và sự thiếu sót về kiến thức của tôi. Tôi không thể trả lời được ngay cả những vấn đề đơn giản nhất trong cuộc sống và trong đời sống hàng ngày. Những lúc ấy tôi cảm thấy mình như bị ném vào một cái hố tối om, ở đấy mọi người lúc nhúc như những con giòi mù, chỉ cốt sao lãng quên được thực tại và đi tìm sự lãng quên đó trong các quán rượu, trong những cánh tay ôm ấp lạnh giá của bọn gái điếm.

Hàng tháng việc đi chơi nhà thổ là điều nhất thiết phải có vào ngày lĩnh lương. Một tuần trước ngày hạnh phúc này, mọi người đã công khai mơ ước sự khoái lạc đó. Và sau khi sống qua ngày ấy rồi, họ còn kể chuyện cho nhau nghe rất lâu về những khoái cảm mà họ đã trải qua. Trong những cuộc nói chuyện ấy người ta thường đem khoe khoang một cách trắng trợn cái năng lực về sinh dục của mình. Họ nhạo báng phụ nữ một cách tàn nhẫn, vừa nói vừa khạc nhổ ra vẻ kinh tởm.

Nhưng, thật kì lạ! Tôi có cảm giác rằng đằng sau tất cả những câu chuyện ấy tôi đã nghe thấy sự buồn bã và hổ thẹn. Tôi nhận thấy rằng tại các "nhà giải sầu" ấy, nơi mà với một rúp có thể mua được một người đàn bà trong suốt cả một đêm, bạn bè của tôi đã hành động một cách bối rối, ngượng ngập giống như những kẻ có lỗi. Điều đó tôi cảm thấy rất rõ ràng. Một số trong bọn họ thì lại hành động một cách hết sức lỗ mãng và táo tợn, qua đó tôi cảm thấy một sự cố tình và giả dối. Quan hệ trai gái hấp dẫn tôi một cách kinh khủng và tôi đã quan sát tất cả những cái đó với con mắt sắc sảo đặc biệt. Bản thân tôi chưa được hưởng sự âu yếm của phụ nữ, và điều đó đã đưa tôi vào một tình thế khó chịu: cả chị em phụ nữ lẫn các bạn bè của tôi đều nhạo báng tôi một cách cay độc. Chẳng bao lâu mọi người thôi không mời tôi đến các "nhà giải sầu" nữa, họ bảo thẳng tôi:

- Thôi, người anh em, đừng đi với chúng tớ nữa.

- Tại sao?

- Chẳng sao cả! Đi với cậu không tiện.

Tôi ngẫm nghĩ rất nhiều về những lời đó, cảm thấy có một cái gì quan trọng đối với tôi, nhưng tôi cũng chẳng được giải thích rõ ràng hơn.

- Ồ, cái thằng này! Đã bảo đừng đi mà lại! Đi với mày chán lắm..

Chỉ có Actem vừa mỉm cười vừa nói:

- Cứ y như có mặt cha cố hay bố già vậy.

Bọn con gái ban đầu chế giễu sự dè dặt của tôi, sau họ hỏi tôi với vẻ bực tức:

- Anh ghê tởm chúng tôi lắm à?

Tereza Boruta, một "cô gái" Ba Lan bốn mươi tuổi, đẹp, ăn mặc lộng lẫy, là "quản gia" ở đây. Mụ nhìn tôi bằng cặp mắt tinh nhanh như mắt chó nòi và nói:

- Thôi, chúng mình buông tha anh ta, các bạn ạ! Anh ta nhất định là có nhân tình rồi, phải không? Khỏe mạnh như thế thì ắt có nhân tình giữ chân chứ còn gì nữa!

Mụ nghiện rượu, thường uống rượu say bí tỉ. Lúc say, trông mụ thật đáng ghét, nhưng những lúc tỉnh mụ làm cho tôi phải ngạc nhiên bởi thái độ tư lự đối với mọi người và bình tĩnh tìm tòi ý nghĩa trong những hành vi của họ.

- Cái bọn kì quặc nhất định phải là bọn sinh viên Đại chủng viện, - mụ kể chuyện cho các bạn bè của tôi. - Ai đời chúng nó đã làm như thế này với bọn con gái: chúng sai xát xà phòng lên sàn nhà, bắt một đứa con gái cởi trần truồng nằm bò xuống, chân tay đặt lên đĩa, rồi chúng đẩy đằng đít xem trượt đi có xa không. Cứ thế, hết đứa con gái này đến đứa con gái khác. Đó, như vậy để làm gì nhỉ?

- Mụ chỉ nói láo thôi! - Tôi nói.

- Ồ, không!-Tereza kêu lên, giọng điềm tĩnh, không có vẻ gì bực tức. Trong sự điềm tĩnh đó có cái gì như nén lại.

- Mụ bịa ra chuyện đó chứ gì!

- Một người con gái đời nào bịa ra chuyện như vậy được? Chẳng lẽ tôi điên hay sao? - Mụ hỏi, hai mắt tròn xoe.

Mọi người lắng nghe cuộc tranh luận của chúng tôi một cách hết sức chăm chú. Còn Tereza vẫn cứ kể chuyện về những trò chơi của các ông khách bằng cái giọng thản nhiên của người chỉ cần có một điều: muốn hiểu người ta làm cái đó để làm gì?

Những người nghe chuyện nhổ nước bọt có vẻ ghê tởm, họ chửi rủa anh em sinh viên bằng những lời tục tằn. Nhận thấy mụ Tereza đang gây lòng thù hằn đối với những con người mà tôi yêu mến, tôi liền nói rằng anh em sinh viên là những người yêu nhân dân, mong muốn những điều tốt cho dân.

- Đó là những sinh viên đại học ở phố Vonxkrexenxcaia,

còn đây là tôi nói về các sinh viên Đại chủng viện ở Acxcoie Polie! Bọn sinh viên ấy đứa nào cũng mồ côi cả, mà trẻ mồ côi thì lớn lên nhất định phải ăn cắp hoặc lêu lổng, phải thành người xấu, vì bọn mồ côi ấy, chúng có bị ràng buộc vào cái gì đâu!

Những câu chuyện kể bằng giọng điềm tĩnh của mụ "quản gia" cùng những lời than phiền độc ác của bọn con gái về các anh em sinh viên, về các viên chức và nói chung về những "giới thanh cao" đã gây nên trong các bạn bè của tôi không những lòng thù ghét mà cả một tình cảm gần như vui thích; nó biểu hiện ra bằng những lời:

- Vậy ra những người có học lại tồi hơn chúng ta!

Tôi cảm thấy đau khổ và cay đắng phải nghe những lời đó. Tôi nhận thấy rằng tất cả nước bẩn của thành phố đều dồn vào những căn phòng chật hẹp, tranh tối tranh sáng này, hệt như dồn vào những cái hố. Nó được đun sôi trên một ngọn lửa đầy khói và - chứa đầy sự thù hằn, độc ác - nó lại chảy về thành phố. Trong những xó xỉnh này, nơi mà bản năng và sự chán chường cuộc sống đã đẩy người ta vào, tôi được biết những tiếng vô nghĩa trở thành những bài hát cảm động về những nỗi lo âu và đau khổ của tình yêu, những chuyện bịa đặt quái gở về cuộc sống của những "người có học" cùng với thái độ giễu cợt và thù ghét đối với những cái mà người ta không hiểu đã nảy sinh ra sao. Và tôi nhận thấy rằng các "nhà giải sầu" là những trường đại học mà từ đó các bạn của tôi thường rút ra những kiến thức hết sức độc địa.

Tôi đã từng xem những cô "gái làng chơi" đi đi lại lại trên mặt sàn bẩn thỉu, kéo lê hai chân một cách uể oải. Những tấm thân nhẽo của họ nhún nhẩy một cách kinh tởm theo tiếng rít dai dẳng của cây đàn phong cầm hoặc theo tiếng kêu giòn kích động của dây đàn dương cầm. Nhìn họ, tôi nảy ra

những ý nghĩ không rõ ràng, nhưng đầy lo lắng. Tất cả những cảnh tượng xung quanh tôi tạo nên một nỗi buồn chán, làm tan nát cõi lòng bởi cái ý muốn bất lực chạy trốn vào một nơi nào đấy.

Ở xưởng, khi tôi bắt đầu kể chuyện rằng có những người đang đi tìm một cách vô tư những con đường đi đến tự do, hạnh phúc cho nhân dân, mọi người liền phản đối tôi:

- Đấy, thì bọn con gái chẳng vừa nói đến là gì!

Và họ nhạo báng tôi một cách không thương tiếc bằng những lời cay độc vô liêm sỉ. Còn tôi thì như một con chó con hay gây gổ, cảm thấy mình cũng ngu ngốc và bạo dạn không kém gì những con chó lớn, tôi cũng nổi xung lên. Khi bắt đầu hiểu rằng những ý nghĩ về cuộc sống cũng nặng nề không kém gì chính bản thân cuộc sống, đôi lúc tôi cảm thấy như trong tâm hồn tôi bùng lên những tia lửa căm thù đối với những con người có tính nhẫn nại một cách bướng bỉnh mà tôi đã từng làm việc với họ. Điều làm tôi đặc biệt tức giận là khả năng chịu đựng của họ, sự tuyệt vọng đến gần như ngoan ngoãn mà họ vẫn dùng để phục tùng những lời nhạo báng gần như điên rồ của lão chủ say rượu.

Nhưng - hệt như có một sự cố tình nào đấy - chính trong những ngày nặng nề đó tôi đã được làm quen với một tư tưởng hoàn toàn mới mẻ, tuy về căn bản nó đối địch với tôi, nhưng dù sao nó cũng đã làm cho tôi rất bối rối.

Vào một trong những đêm bão tuyết, khi những cơn gió rít độc ác hình như xé tan bầu trời thành những mảnh vụn và những mảnh ấy rơi lả tả xuống mặt đất, chôn vùi nó dưới những lớp bụi băng, khi cuộc sống trên trái đất hình như đã kết thúc, mặt trời đã bị dập tắt, không bao giờ còn mọc nữa, - vào một đêm như vậy, trong ngày Hội hóa trang của tuần chay, tôi từ nhà Derencov trở về xưởng. Hai mắt nhắm

nghiền, tôi đi ngược chiều gió, xuyên qua lớp không khí xám xịt, mù mịt, quay cuồng như đang sôi sục. Bỗng tôi vấp phải một người nằm chắn ngang vỉa hè và ngã bổ nhào xuống. Cả hai chúng tôi đều thốt lên tiếng chửi; tôi chửi bằng tiếng Nga, còn người kia bằng tiếng Pháp.

- Ồ, đồ quỷ...

Cái đó kích thích tính tò mò của tôi. Tôi nâng ông ta dậy, đỡ ông đứng lên. Ông ta dáng người thấp bé, mảnh khảnh. Ông vừa đẩy tôi ra vừa thét một cách giận dữ:

- Mũ của tao, quỷ bắt mày đi! Trả mũ tao đây! Tao chết cóng bây giờ!

Tìm thấy chiếc mũ trong đống tuyết, tôi giũ sạch và đội lên cái đầu lởm chởm những tóc của ông ta. Nhưng ông ta giật chiếc mũ xuống, rồi vừa khua chiếc mũ vừa chửi bằng hai thứ tiếng và đuổi tôi:

- Cút đi!

Bỗng ông ta lao về phía trước và chìm vào trong cơn bão tuyết sôi sục. Đi tiếp, tôi lại nhìn thấy ông ta đang đứng, hai tay ôm chiếc cột đèn gỗ với ngọn đèn đã tắt, miệng nói lải nhải:

- Lena, anh chết mất... Ôi, Lena...

Hình như ông ta say rượu, và có lẽ ông ta sẽ chết rét nếu như tôi cứ để mặc ông ta ở ngoài đường. Tôi bèn hỏi xem ông ta ở đâu.

- Đây là phố nào nhỉ? - Ông ta kêu lên, giọng gần như khóc. - Tôi không biết đi lối nào cả.

Tôi ôm lấy ngang thắt lưng ông ta và kéo đi, vừa đi vừa hỏi xem ông ta ở đâu.

- Ở Bulac! - Ông ta nói lắp bắp, người run lên. - Ở Bulac... Ở đó có nhà tắm công cộng... ngôi nhà..

Ông ta bước lảo đảo, loạng choạng, làm cản trở bước đi của tôi. Tôi nghe thấy hai hàm răng ông ta đập vào nhau:

- *Nếu mi biết*[1], - ông ta vừa nói lắp bắp vừa đẩy tôi ra.

- Ông nói gì thế?

Ông ta dừng lại giơ tay lên và nói rành rọt - và như tôi cảm thấy - có vẻ tự hào:

- *Nếu mi biết ta đưa mi đi đâu*[2]...

Rồi ông ta nhét mấy ngón tay vào miệng, người lảo đảo như sắp ngã. Tôi ngồi xuống, để ông lên lưng và cõng đi. Ông ta tì cằm vào đầu tôi, càu nhàu:

- *Nếu mi biết*... Nhưng tôi đang chết cóng đây. Trời ơi...

Đến Bulac khó khăn lắm tôi mới hỏi được ông ta xem ông ở nhà nào. Cuối cùng, chúng tôi chui vào phòng ngoài của một chái nhà nhỏ ẩn sâu trong sân, giữa làn tuyết lốc mịt mù. Ông ta sờ soạng cửa, gõ một cách thận trọng và nói thì thầm:

- Suyt..! khẽ chứ...

Người mở cửa là một người đàn bà mặc áo choàng đỏ, tay cầm một ngọn nến đang cháy. Bà ta nhường lối cho chúng tôi đi, lặng lẽ lánh sang một bên, rồi rút ở đâu ra một cái kính tay và bắt đầu chăm chú quan sát tôi.

Tôi bảo bà ta rằng hai tay ông ấy có lẽ đã bị lạnh cóng rồi, cần cởi quần áo cho ông ấy và cho ông ấy đi nằm.

- Thế à? - Bà ta hỏi bằng giọng nghe ngân vang và trẻ trung.

- Nên nhúng hai tay vào nước lạnh...

Bà ta im lặng cầm chiếc kính chỉ vào góc nhà. Tại đấy, trên một chiếc giá vẽ có đặt một bức tranh vẽ cảnh sông và cây cối. Tôi ngạc nhiên liếc nhìn nét mặt người đàn bà, nét mặt lạnh lùng kì lạ. Bà ta đi lại góc phòng, đến bên chiếc bàn có đặt một ngọn đèn đang tỏa sáng dưới chiếc chao đèn

---

[1] *Si tu savais* (nguyên văn tiếng Pháp).

[2] *Si tu savais où je te mène* (nguyên văn tiếng Pháp).

màu hồng. Bà ta ngồi xuống, lấy trên mặt bàn một lá bài và bắt đầu ngắm nghía nó.

- Bà không có rượu votca ư? - Tôi hỏi to.

Người đàn bà không trả lời, vẫn tiếp tục bày lên mặt bàn những lá bài. Người đàn ông do tôi đưa về ngồi trên ghế tựa, đầu gục xuống ngực, hai cánh tay đỏ mọng buông thõng. Tôi đặt ông ta nằm xuống đi văng và bắt đầu cởi quần áo cho ông ta. Như đang sống trong giấc mơ, tôi chẳng hiểu gì nữa. Bức tường trước mặt tôi, phía trên đi văng, kín mít toàn những ảnh chụp, trong số đó thấy lấp lánh một vòng hoa vàng quấn nơ trắng. Ở cuối dải nơ có ghi những chữ vàng:

"Kính dâng Ginda vô song".[1]

- Quỷ bắt anh đi, nhẹ tay chứ! - Người đàn ông rên rỉ khi tôi bắt đầu xoa hai tay cho ông ta.

Người đàn bà ngồi im lặng xếp các quân bài một cách chăm chú. Bộ mặt với chiếc mũi nhọn của bà ta trông như mặt chim; cặp mắt to, không hề động đậy, rực sáng. Lúc này bà ta dùng hai bàn tay như của một thiếu nữ vò rối bù mớ tóc bạc của mình - mớ tóc lộng lẫy hệt như một mớ tóc giả - và hỏi khe khẽ, nhưng nghe rất vang:

- Có gặp Misa không, George?

George đẩy tôi ra, ngồi thật nhanh và hấp tấp nói:

- Nhưng hắn đã đi Kiev rồi.

- Phải, đi Kiev, - người đàn bà nhắc lại, mắt vẫn không rời những lá bài. Tôi nhận thấy giọng của bà ta nghe đều đều và bâng quơ.

- Hắn sắp sửa trở về đấy...

- Thế à?

- Ở thật đấy! Sắp sửa...

- Thế à? - Người đàn bà nhắc lại.

---

[1] Một vai trong vở nhạc kịch *Rigoleio* của D. Vecđi.

George, quần áo cởi còn dở dang, liền nhảy xuống sàn và chỉ hai bước nhảy đã quì ở dưới chân người đàn bà, miệng nói gì với bà ta bằng tiếng Pháp.

- Tôi yên tâm rồi, - người đàn bà trả lời bằng tiếng Nga.

- Em biết không, anh bị lạc! Bão tuyết, gió kinh khủng. Anh đã tưởng bị cóng. - George kể hấp tấp, vừa nói vừa vuốt bàn tay người đàn bà đặt trên đầu gối mình.

Ông ta trạc bốn mươi tuổi. Bộ mặt đỏ với cặp môi dày và hàng ria đen của ông ta có vẻ như sợ hãi, hoảng hốt. Ông vuốt mạnh mớ tóc bạc trên cái đầu tròn xoe của mình và nói mỗi lúc một tỉnh hơn.

- Mai chúng ta đi Kiev. - người đàn bà nói, không ra hỏi, cũng không ra bảo.

- Ừ, mai đi! Vả lại em cũng cần phải nghỉ ngơi. Sao em không đi nằm đi, khuya lắm rồi...

- Misa hôm nay không tới à?

- Ồ không đâu! Bão tuyết thế này... Thôi em đi nằm đi...

Ông ta cầm lấy ngọn đèn ở trên bàn và dẫn người đàn bà vào một cái cửa nhỏ ở phía sau tủ sách. Tôi ngồi một mình rất lâu, không nghĩ ngợi gì cả, chỉ lắng nghe giọng nói khe khẽ, hơi khàn khàn của ông ta. Những bàn tay lông lá xù xì kéo lết trên mặt kính cửa sổ. Ngọn nến rụt rè phản chiếu ánh sáng trong vũng tuyết tan. Gian phòng chất đầy những đồ đạc, một mùi ấm áp kì lạ bao trùm khắp phòng làm quên lãng mọi ý nghĩ.

Và đây George hiện ra, đi lảo đảo, hai tay cầm cây đèn. Chiếc chụp đèn đập khe khẽ vào thông phong.

- Bà ấy đi ngủ rồi.

Ông ta đặt ngọn đèn lên bàn, dừng lại giữa phòng với vẻ đăm chiêu và, không nhìn tôi, ông cất tiếng nói:

- Hừ, biết nói thế nào? Không có anh có lẽ tôi chết mất... Cảm ơn! Anh là ai?

Ông ta nghiêng đầu sang bên, chăm chú nghe tiếng động ở phòng bên và rùng mình.

- Vợ ông đấy à? - Tôi hỏi nhỏ.

- Vợ. Tất cả, toàn bộ cuộc đời của tôi đấy! - Ông ta nói đứt quãng, không to lắm, hai mắt nhìn xuống sàn. Rồi ông lại đưa hai bàn tay vuốt tóc thật mạnh.

- Uống trà nhé?

Ông lơ đãng đi về phía cửa ra vào, nhưng dừng lại vì ông nhớ ra rằng đứa ở gái ăn cá bị bội thực đã được đưa đi nhà thương rồi.

Tôi đề nghị đặt ấm xamovar, ông gật đầu đồng ý và - có lẽ quên rằng quần áo mình đang mặc dở dang - cứ thế đi chân không trên mặt sàn ướt, dẫn tôi vào một cái bếp nhỏ. Tại đây, đứng tựa lưng vào bếp lò, ông ta nhắc lại:

- Không có anh có lẽ tôi bị chết cóng rồi, cảm ơn!

Bỗng ông rùng mình, nhìn tôi chằm chặp bằng cặp mắt mở to, vẻ sợ hãi.

- Khi ấy thì vợ tôi sẽ thế nào? Trời ơi...

Nhìn vào khe cửa tối om, ông ta nói nhanh, giọng thầm thì.

- Anh thấy đấy, vợ tôi ốm. Đứa con trai của vợ tôi là một nhạc công đã tự tử ở Moxcva rồi, vậy mà vợ tôi vẫn chờ đợi nó, đã gần hai năm trời nay rồi...

Sau đó, lúc chúng tôi uống trà, bằng những lời khác thường, rời rạc, ông kể rằng người đàn bà kia là một địa chủ còn ông ta là thầy giáo dạy lịch sử. Ông là gia sư dạy con trai bà ta, rồi yêu bà ta. Người đàn bà bỏ chồng, một bá tước người Đức, và đi hát trong ban nhạc kịch. Họ sống rất hạnh phúc, mặc dầu người chồng trước vẫn tìm mọi cách để phá hoại cuộc đời của người đàn bà ấy.

Ông ta kể, cặp mắt nheo nheo, nhìn chằm chặp vào một

cái gì đó trong bóng tối chập chờn của căn bếp bẩn thỉu với những tấm ván sàn ở cạnh bếp lò đã mục nát. Trà nóng quá, làm bỏng môi, ông uống tí một, mặt ông nhăn lại, cặp mắt tròn xoe chớp chớp có vẻ sợ hãi.

- Anh là ai? - Ông ta hỏi lại một lần nữa. - Ừ, thợ làm bánh mì, công nhân. Lạ thật! Không có vẻ gì giống cả. Thế nghĩa là thế nào?

Tiếng nói của ông ta vang lên có vẻ như băn khoăn. Ông nhìn tôi một cách hoài nghi, bằng con mắt của một người bị săn đuổi.

Tôi kể sơ qua về tôi.

- Thế à? - Ông ta khẽ thốt lên. - À, ra thế...

Và bỗng tươi tỉnh hẳn lên, ông ta hỏi:

- Anh có biết câu chuyện cổ tích *Chú vịt con xấu xa*[1] không? Đã đọc chưa?

Mặt ông ta méo xệch đi. Ông bắt đầu nói với vẻ phẫn nộ, giọng nói hơi khàn khàn của ông lên cao một cách không tự nhiên, gần như rít lên, làm tôi rất ngạc nhiên.

- Chuyện ấy hấp dẫn thật! Vào tuổi anh tôi cũng nghĩ: không hiểu mình có phải là thiên nga không? Và rồi thì... Đáng lẽ phải vào học viện, thì lại vào đại học. Cha tôi, một linh mục, từ bỏ tôi. Ở Pari tôi nghiên cứu lịch sử những đau thương của nhân loại, lịch sử của tiến bộ. Tôi đã viết, phải. Ồ, sao tất cả những cái đó...

Ông ta nhảy lên ở trên ghế, lắng tai nghe và sau đó nói với tôi:

- Tiến bộ - đó chẳng qua chỉ là chuyện bịa ra để tự an ủi mà thôi! Cuộc sống vô nghĩa lí, mất hết ý nghĩa. Không có chế độ nô lệ thì không có tiến bộ, không có đa số chinh phục thiểu số thì loài người sẽ dừng lại trên đường đi của mình.

---

[1] Truyện của Andecxen.

Muốn cải thiện cuộc sống của chúng ta, làm giảm nhẹ lao động của chúng ta, nhưng kết quả chúng ta chỉ làm cho cuộc sống thêm phức tạp, lao động thêm nặng nhọc. Dùng công xưởng và máy móc để chế tạo thêm nữa những máy móc, điều đó thật là ngu xuẩn! Công nhân mỗi ngày một thêm đông, trong khi đó thì chỉ cần nông dân sản xuất ra lúa mì là đủ. Lúa mì - đó là tất cả những gì cần giành lấy ở thiên nhiên bằng lao động. Nhu cầu của con người càng ít bao nhiêu thì người ta càng hạnh phúc bấy nhiêu, càng nhiều ước vọng bao nhiêu thì càng ít tự do bấy nhiêu.

Có thể những lời đó không hoàn toàn như vậy, nhưng quả những ý nghĩ khiến người ta phải choáng váng ấy tôi mới được nghe lần đó là lần đầu, nhất là lại dưới một hình thức rõ nét, trần truồng như vậy. Sau lúc la thét lên vì xúc động, ông ta rụt rè dừng cặp mắt trên cánh cửa ăn thông vào các phòng bên trong. Ông nghe ngóng động tĩnh một phút rồi lại thì thầm với một vẻ gần như giận dữ:

- Anh nên biết, mỗi một người cần không nhiều lắm đâu: một mẩu bánh mì và một người đàn bà...

Sau lúc nói về đàn bà bằng một giọng thì thầm có vẻ bí mật, bằng những tiếng tôi chưa từng biết và những câu thơ tôi chưa từng đọc, ông ta bỗng giống như gã ăn cắp Baskin.

- Beatrixe, Fiametta, Laura, Ninon[1], - ông thì thầm nhắc đến những tên không quen thuộc đối với tôi, và kể chuyện những ông vua, những thi sĩ phải lòng đàn bà. Ông đọc thơ Pháp, vừa đọc vừa giơ cánh tay khẳng khiu để trần đến tận khuỷu ra đánh nhịp theo.

- Ái tình và đói rét đang thống trị thế giới, - tôi nghe thấy giọng thì thầm sôi nổi và sực nhớ ra rằng những tiếng này đã được in dưới nhan đề một cuốn sách nhỏ cách mạng *Ông*

[1] Những nhân vật phụ nữ trong tác phẩm của các nhà văn Ý và Pháp.

vua đói. Điều đó khiến tôi càng cảm thấy trong lời nói của ông có một ý nghĩa trọng đại.

Người ta đi tìm sự lãng quên, sự an ủi, chứ đâu có phải đi tìm kiến thức!

Ý kiến đó làm cho tôi hoàn toàn kinh ngạc.

Sáng ra tôi rời khỏi căn bếp. Chiếc đồng hồ nhỏ ở trên tường chỉ sáu giờ hơn. Tôi bước đi trên những đống tuyết giữa sương mù u ám, tai nghe tiếng rít của bão tuyết và nhớ lại những lời la hét dữ tợn của con người bơ phờ đó. Tôi cảm thấy rằng những lời nói của ông đã ngừng lại ở đâu đó trong cổ họng tôi, làm cho tôi nghẹt thở. Tôi không muốn trở về xưởng và trông thấy mọi người nữa. Với một đống tuyết ở trên người, tôi cứ đi tha thẩn trên những con đường trong xóm Tacta, mãi cho đến lúc trời sáng hẳn và giữa những đợt sóng tuyết đã bắt đầu thấp thoáng bóng những người dân của thành phố.

Từ đó trở đi tôi không bao giờ gặp ông giáo ấy nữa và tôi cũng không muốn gặp ông ta. Nhưng sau này tôi còn nhiều lần nghe thấy người ta nói cuộc sống là vô nghĩa và lao động là vô ích.

Đó là lời của những lữ khách dốt nát, những kẻ lang thang không nhà không cửa, những người theo "chủ nghĩa Tolxtoi"[1] và những người có học vấn cao. Linh mục, giáo sư thần học, nhà hóa học nghiên cứu về chất nổ, nhà sinh vật học theo thuyết "hoạt lực mới"[2] và nhiều người khác nữa cũng nói như vậy. Nhưng những tư tưởng ấy không khiến tôi sửng sốt như khi tôi mới làm quen với chúng lần đầu tiên nữa.

---

[1] Một trào lưu tư tưởng phản động ở Nga, chủ trương "không nên dùng bạo lực để chống lại cái ác", phủ nhận chính trị, dùng "đạo đức để hoàn thiện con người mình" thay thế cho đấu tranh giai cấp.

[2] Một thuyết sinh vật học duy tâm và phản động xuất hiện cuối thế kỉ XIX, cho rằng cơ năng của sinh vật là do một hoạt lực nào đó sản sinh ra, chứ không phải do vật chất.

Và mãi tới khoảng hai năm trước đây - hơn ba mươi năm sau cuộc nói chuyện đầu tiên về vấn đề này - tôi bỗng được nghe cũng những ý nghĩ đó và hầu như cũng vẫn những lời đó từ cửa miệng một người quen cũ của tôi, một công nhân.

Một lần giữa tôi với anh ta có một cuộc nói chuyện "tâm tình", và con người đó - "nhà chính trị giảo quyệt" như anh thường vừa tự xưng vừa nhếch mép cười một cách buồn bã - đã nói với tôi với một lòng thành thật mạnh dạn mà có lẽ chỉ có những người Nga mới có được:

- Alecxei Maximovitr thân mến ạ, tớ chẳng cần gì hết, tất cả những cái nào học viện, nào khoa học, nào máy bay đều chẳng để làm gì cả, - toàn là vô dụng! Chỉ cần một xó yên tĩnh và một mụ đàn bà để khi nào tớ muốn thì tớ hôn hít, và để mụ ta hôn lại tớ một cách thành thật - bằng tâm hồn và thể xác, như vậy đó. Cậu lí luận theo kiểu người trí thức, cậu không còn là người của chúng tớ nữa, mà là người bị mê hoặc rồi. Đối với cậu tư tưởng là cao quý hơn con người. Có phải cậu nghĩ như người Do Thái rằng con người sinh ra là để cho ngày Saba[1] phải không?

- Người Do Thái họ không nghĩ như vậy...

- Có quỷ biết được chúng nghĩ như thế nào, cái bọn ngu dốt ấy. - Anh ta trả lời, cầm mẩu thuốc lá ném xuống sông và đưa mắt nhìn theo.

Chúng tôi ngồi trên bờ sông Neva, trên chiếc ghế bằng đá hoa cương trong một đêm trăng thu. Cả hai chúng tôi đều khổ sở vì một ngày lo lắng vô ích, vì cái ước vọng bướng bỉnh nhưng vô hiệu quả: muốn làm được một điều gì tốt, có ích.

- Cậu đi với chúng tớ, nhưng cậu không phải là người của chúng tớ, tớ muốn nói như vậy đấy! - Bọn trí thức chỉ thích náo động, bọn chúng từ bao thế kỉ nay đã từng liên kết với những cuộc nổi loạn. Chúa Jexu là một nhà mộng tưởng đã

[1] Ngày thứ bảy nghỉ việc trong tuần lễ của người Do Thái.

nổi loạn vì những mục đích xa lạ như thế nào thì tất cả bọn trí thức cũng nổi loạn vì những mộng tưởng viển vông như thế. Hễ cứ có một kẻ mộng tưởng nổi loạn là lập tức có những bọn vô dụng, đê tiện, vô lại đi theo ngay. Và tất cả chỉ là vì tức giận mà thôi, bởi vì chúng thấy rằng trong cuộc sống không có chỗ đứng cho chúng. Người công nhân khởi nghĩa là vì cách mạng, họ cần đạt được một sự phân phối đúng đắn những công cụ và sản phẩm lao động. Sau khi hoàn toàn giành được chính quyền rồi, anh tưởng họ sẽ tán thành thành lập nhà nước đấy hẳn? Không đời nào! Tất cả sẽ đi mỗi người mỗi ngả, và mỗi người sẽ chỉ lo tìm cho mình một xó yên tĩnh...

- Anh nói đến kĩ thuật ư? Chỉ tổ nó siết chặt thêm cái thòng lòng trên cổ chúng tôi, trói buộc chúng tôi chặt hơn mà thôi. Không, cần phải được giải phóng khỏi lao động vô ích. Con người muốn yên ổn. Nhà máy và khoa học không đem lại sự yên ổn. Mỗi người cần không nhiều lắm. Việc gì tôi lại đi xây dựng thành phố khi mà tôi chỉ cần một ngôi nhà nhỏ thôi! Nơi nào người ta sống chồng chất với nhau là ở đó có nào ống dẫn nước, nào cống rãnh, nào đèn điện. Hãy cứ thử sống không có những thứ đó xem sao, thật là dễ chịu biết bao! Không, chúng ta có nhiều cái thừa lắm. Và tất cả những cái đó đều là do bọn trí thức gây nên cả. Chính vì thế mà tôi nói bọn trí thức là loại người hại.

Tôi đã từng nói rằng không ai biết phủ nhận ý nghĩa cuộc sống một cách sâu sắc và kiên quyết như những người Nga chúng ta.

- Một dân tộc có tâm hồn yêu chuộng tự do nhất,- người bạn nói chuyện với tôi mỉm cười.- Nhưng anh đừng giận. Tôi nói đúng đấy. Hàng triệu người của chúng ta đang nghĩ như vậy, nhưng họ không biết nói ra thôi... Cần tổ chức cuộc sống một cách giản đơn hơn, như vậy nó sẽ nhân từ với người ta hơn...

Tôi biết rõ lịch sử diễn biến tư tưởng của con người đó; anh ta chưa bao giờ là một người theo "chủ nghĩa Tolxtoi", cũng chưa từng bao giờ là một người theo chủ nghĩa vô chính phủ.

Sau cuộc nói chuyện với anh ta bất giác tôi nghĩ: sẽ thế nào đây nếu như quả thật hàng triệu người Nga chịu đựng những khổ sở nặng nề của cách mạng chỉ vì họ ấp ủ sâu trong lòng niềm hi vọng được giải phóng khỏi lao động? Lao động ít nhất mà hưởng thụ nhiều nhất - điều đó, giống như tất cả những gì không thể thực hiện được, giống như bất kì điều không tưởng nào, có sức quyến rũ và hấp dẫn thật là mạnh.

Và tôi nhớ lại một bài thơ của Henri Ipxen[1]:

Tôi là người theo chủ nghĩa bảo thủ ư? Ồ, không!
Suốt đời tôi như thế nào, tôi vẫn là như thế đó;
Tôi không muốn di chuyển những quân cờ,
Nhưng tôi muốn xáo trộn cả bàn cờ.
Tôi chỉ nhớ có một cuộc cách mạng,
Cuộc cách mạng ấy thông minh hơn những cuộc sau này
Nó có thể phá tan tất thảy,
Đương nhiên, tôi muốn nói đó là Đại Hồng thủy
Nhưng, ngay khi đó ma quỷ cũng đã bị lừa,
Anh biết đấy, Noie đã trở thành kẻ độc tài
Ồ, nếu như có thể làm việc đó một cách trung thực hơn
Tôi sẽ không từ chối giúp các anh
Anh hãy dẫn Đại Hồng thủy đến nhanh,
Còn tôi sẽ vui lòng đặt một quả thuỷ lôi xuống gậm thuyền!

Cửa hiệu của Derencov đem lại một khoản thu nhập không đáng kể, nhưng số người và số "việc" cần đến sự giúp đỡ vật chất thì cứ mỗi ngày một tăng.

---

[1] Henri Ipxen (1828-1906), nhà thơ và viết kịch nổi tiếng người Na Uy. Ở đây dẫn ra một vài đoạn trong bài thơ "Gửi bạn tôi, nhà diễn thuyết cách mạng" của ông.

- Cần phải nghĩ ra một cách gì mới được, - Andrei nói, tay mân mê bộ râu có vẻ lo lắng, rồi mỉm cười như một kẻ phạm lỗi và thở dài.

Tôi có cảm tưởng rằng con người đó tự coi mình như một kẻ bị kết án khổ sai vô thời hạn buộc phải giúp đỡ mọi người, và tuy đã thuận theo hình phạt ấy, nhưng dù sao đôi lúc nó vẫn làm cho anh ta đau khổ.

Nhiều lần, bằng những lời lẽ khác nhau, tôi hỏi:

- Tại sao anh lại đi làm cái việc ấy?

Hình như anh không hiểu câu hỏi của tôi, nên thường anh trả lời chệch sang câu hỏi "để làm gì?" Anh nói một cách sách vở và khó hiểu về cuộc sống nặng nề của nhân dân, về sự cần thiết của giáo dục, của kiến thức.

- Thế người ta có thích kiến thức và có tìm đến kiến thức không?

- Ồ, hẳn là có. Tất nhiên! Ngay cả anh cũng thích, có phải không?

- Đúng, tôi thích. Nhưng tôi còn nhớ những lời của ông giáo dạy sử: "Người ta đi tìm sự lãng quên, sự an ủi, chứ đâu có phải đi tìm kiến thức".

Đối với những con người ở tuổi mười bảy thì sự tiếp xúc với những tư tưởng sâu sắc như vậy chỉ có hại. Tư tưởng họ bị cùn đi qua những cuộc tiếp xúc đó, còn bản thân họ thì cũng chẳng được lợi gì.

Tôi bắt đầu nghĩ rằng lúc nào tôi cũng chỉ thấy có mỗi một cảnh tượng: người ta thích những chuyện hay chỉ vì những chuyện đó cho phép người ta quên đi trong khoảng một tiếng đồng hồ cái cuộc sống nặng nề nhưng quen thuộc. Chuyện càng "bịa" nhiều bao nhiêu thì người ta càng say mê nghe nó bấy nhiêu. Cuốn sách hay nhất là cuốn trong đó có nhiều chuyện "bịa" khéo. Nói tóm lại, tôi như người bơi trong một đám sương mù dày đặc.

Derencov quyết định mở cửa hiệu bánh mì. Tôi còn nhớ lúc đó người ta đã tính toán rất chính xác là cứ mỗi rúp bỏ ra thì cửa hiệu phải được lãi ít nhất là ba mươi lăm phần trăm. Tôi phải "phụ việc" cho người thợ làm bánh, và với tư cách là "người của ông chủ", tôi phải theo dõi không cho người đó ăn cắp bột, trứng, bơ, và các loại thành phẩm.

Và thế là tôi được chuyển từ một căn hầm lớn bẩn thỉu sang một căn hầm nhỏ, sạch sẽ hơn - giữ gìn cho nó sạch sẽ là trách nhiệm của tôi. Thay cho một nhóm bốn mươi người, trước mặt tôi chỉ có một người. Người ấy có tóc bạc ở hai bên thái dương, râu cằm nhọn, mặt khô héo, xạm màu bồ hóng, hai mắt đen, đăm chiêu, và một cái mồm kì lạ, nhỏ xíu giống hệt như mồm cá vược, cặp môi mọng và chum chúm trông tựa như đang hôn ai. Và trong đôi mắt sâu thăm thẳm ánh lên một vẻ giễu cợt.

Dĩ nhiên là bác ta ăn cắp. Ngay đêm làm việc đầu tiên bác đã đem giấu đi một chục trứng, khoảng ba funt bột và một miếng bơ to.

- Những thứ ấy đem đi đâu thế?

- Đem cho một cô nàng, - bác ta nói một cách thân mật, sống mũi nhăn lại, rồi tiếp: - Cô em xi... inh ra phết!

Tôi cố thuyết phục để bác ta thấy rằng ăn cắp bị xem là một tội lỗi. Nhưng, hoặc vì tôi không đủ tài hùng biện, hoặc vì chính tôi cũng không tin chắc lắm vào những điều tôi định chứng minh, thành thử lời nói của tôi chẳng có hiệu lực gì.

Nằm trên hòm bột nhìn những ngôi sao qua cửa sổ, bác thợ làm bánh lẩm bẩm với vẻ ngạc nhiên:

- Nó dạy mình! Mới gặp lần đầu mà đã định dạy nhau. Mà nó lại chẳng ít tuổi hơn mình đến ba lần ấy à. Thật là buồn cười...

Bác ta ngẫm nghĩa các vì sao và hỏi:

- Hình như tôi đã gặp chú ở đâu rồi thì phải. Trước chú làm việc cho ai? Cho Xemionov à? Chỗ có bọn làm loạn à? Ồ, thế thì tôi thấy chú trong giấc mơ...

Mấy hôm sau tôi nhận thấy rằng con người đó có thể ngủ bao nhiêu cũng được và ở bất kì chỗ nào, thậm chí đứng tựa vào cái xẻng bỏ bánh vào lò cũng ngủ được. Khi ngủ, bác ta rướn cặp lông mày lên và nét mặt của bác thay đổi một cách kì lạ, có vẻ kinh ngạc và mỉa mai. Còn đề tài bác ta ưa thích thì là những chuyện về các kho của và các giấc mơ. Bác ta nói một cách tin tưởng:

- Tôi nhìn thấu suốt được trái đất. Nó cũng như chiếc bánh nướng vậy, trong ruột đầy những kho của: hòm và lọ đựng tiền chôn khắp nơi. Nhiều lần tôi nằm mơ thấy một nơi quen thuộc, như chỗ nhà tắm chẳng hạn, ở một góc phía dưới đó có chôn một hòm đựng toàn bát đĩa bằng bạc. Tôi thức dậy và đang đêm đi ra đào. Đào được khoảng một acsin[1] rưỡi thì thấy: than vụng và một cái đầu lâu chó. Đấy, của đấy!... Bỗng - xoảng! Kính cửa sổ vỡ tan, và một bà nào đó hét ầm lên: "Làng nước ôi, trộm!" Tất nhiên là tôi chạy mất, nếu không người ta nện cho nhừ tử. Thật là buồn cười!

Tôi thường được nghe câu đó: "Thật là buồn cười!" Nhưng Ivan Kozmitr Lutonin không cười, chỉ có cặp mắt bác nheo lại trông như mỉm cười, chân mũi nhăn, hai lỗ mũi nở rộng ra.

Những giấc mơ của bác không li kì, chúng cũng buồn tẻ và vô nghĩa như thực tại vậy. Và tôi không hiểu tại sao bác ta kể chuyện về những giấc mơ thì say sưa như thế, mà về cuộc sống ở xung quanh thì lại không thích nói đến?[2]

Cả thành phố xôn xao vì chuyện một cô gái, con một người

---

[1] Đơn vị chiều dài của Nga bằng 0,711 mét.

[2] Cuối những năm 90 tôi có thấy trên một tờ tạp chí khảo cổ học đăng tin: Lutonin - Coroviacov đã tìm thấy ở một nơi nào đó thuộc khu Tsitoponxki một kho của: một xoong tiền Á Rập.(Chú thích của tác giả).

buôn chè giàu có, bị gả gán cưỡng ép, sau khi làm lễ cưới trở về đã tự sát bằng súng. Đi đưa đám cô ta có một đám đông thanh niên hàng mấy nghìn người. Anh em sinh viên đã đọc điếu văn trước mộ cô, và cảnh sát đã đến giải tán họ. Trong cửa hiệu bên cạnh lò bánh, mọi người bàn tán ầm ĩ xung quanh tấn bi kịch này. Gian phòng ở phía trong cửa hiệu chật ních anh em sinh viên. Những giọng nói sôi nổi, những lời nói gay gắt vọng vào căn hầm của chúng tôi.

- Tại lúc bé người ta ít cho cô ta ăn đòn quá đấy mà! - Lutonin nói và tiếp theo đó báo cho tôi:

- Hình như tôi đang bắt cá chép dưới hồ, bỗng một viên cảnh sát hiện ra: "Đứng lại! Anh to gan thế à?" Không còn biết chạy đi đâu, tôi liền lặn xuống nước, thế là tỉnh dậy...

Tuy cuộc sống thực tế hình như diễn ra ở đâu đâu bên ngoài tầm chú ý của bác ta, nhưng chẳng bao lâu bác cũng bắt đầu cảm thấy rằng trong cửa hiệu có một cái gì khác thường. Phụ trách việc buôn bán trong cửa hiệu là mấy ả chẳng có năng lực gì đối với công việc này, suốt ngày chỉ toàn xem truyện. Đó là cô em gái của chủ hiệu và bạn của cô ta - một ả to béo, má hồng, có đôi mắt dịu dàng. Anh em sinh viên thường tới đây, họ ngồi rất lâu trong căn phòng ở phía trong cửa hiệu, la hét hoặc thì thầm với nhau những chuyện gì đó. Ông chủ ít khi có mặt, còn tôi - anh chàng "phụ việc" - lại hóa ra như ông quản lí của cửa hiệu.

- Chú có họ với ông chủ à? - Lutonin hỏi. - Hay ông ta định nhắm chú làm em rể đấy? Không phải à? Thật là buồn cười. Thế bọn sinh viên chúng nó cứ luẩn quẩn ở đây làm gì? Vì có các cô tiểu thư... Hừ... Được, có thể là thế... Có điều các cô cũng chẳng lấy gì làm đẹp lắm... Xem chừng các chú sinh viên đến để ăn bánh hơn là vì thích các cô...

Hầu như ngày nào cũng vậy, cứ vào khoảng năm, sáu giờ

sáng là ở ngoài đường, bên cửa sổ lò bánh lại hiện ra một cô gái thấp lè tè. Như hai nửa quả bóng kích thước khác nhau chắp lại, cô ta giống hệt một cái túi đựng dưa hấu. Ngồi buông thõng hai bắp chân trần trên cái hố trước cửa sổ, cô ta vừa ngáp vừa gọi:

- Vania!

Đầu cô trùm một khăn sặc sỡ. Những mớ tóc quăn vàng óng tuột khỏi khăn, xõa xuống chiếc trán thấp phủ lòa xòa thành những vòng tròn nhỏ trên cặp má đỏ phinh phính như hai quả bóng, và chọc vào cặp mắt ngái ngủ. Cô đưa hai bàn tay bé nhỏ, uể oải gạt những sợi tóc ở trên mặt, xòe ngón tay ra một cách ngộ nghĩnh, hệt như một đứa trẻ mới đẻ. Lạ thật! Có thể nói chuyện gì với một cô gái như vậy? Tôi đánh thức bác thợ dậy. Bác ta hỏi cô gái:

- Đến rồi à?
- Thì anh thấy đấy!
- Có ngủ được không?
- Hừ, sao lại không?
- Có mơ thấy gì không?
- Không nhớ...

Trong thành phố thật là yên tĩnh. Tuy vậy, đâu đó vẫn nghe tiếng chổi của người quét sân, tiếng chim sẻ vừa thức dậy hót ríu rít. Những tia nắng ấm áp của mặt trời mọc rọi vào kính cửa sổ. Tôi rất thích những phút đăm chiêu mở đầu một ngày như vậy. Bác thợ thò cánh tay lông lá qua cửa sổ, sờ nắn bộ đùi của cô gái. Cô thờ ơ chịu đựng việc khảo sát đó, không mỉm cười, chỉ chớp chớp cặp mắt cừu non.

- Pescov, lấy bánh sữa ra, được rồi đấy!

Tôi lôi những lá sắt trong lò ra, bác thợ vơ lấy một chục

chiếc vừa plusca, xloica và xaica,[1] rồi ném tất cả vào vạt váy của cô gái. Cô này cầm chiếc bánh nóng bỏng chuyền từ tay nọ sang tay kia và nhe những chiếc răng vàng khè như răng cừu ra để cắn bánh. Bị bỏng, cô rên rỉ và xuýt xoa vẻ bực tức.

Bác thợ ngắm nghía cô và nói:

- Kéo gấu váy xuống, rõ không biết dơ...

Và khi cô ả đi khỏi, bác khoe với tôi:

- Đã thấy chưa? Y như một con cừu tơ vậy, cứ là quăn tít hết. Tớ ấy mà, chú em ạ, là người ưa sạch sẽ, tớ không có thèm đám các bà, tớ chỉ đi lại với bọn con gái thôi. Con này là con thứ mười ba của tớ đấy! Nó là con nuôi lão Nikiforitr.

Nghe giọng nói khoái trá của bác ta, tôi nghĩ:

- Mình cũng sẽ sống như thế hay sao?

Tôi lấy ở trong lò ra số bánh mì trắng bán theo cân, rồi tôi xếp lên một tấm gỗ dài độ mươi mười hai chiếc bánh tròn và vội vã đem ra cửa hiệu của Derencov. Trở lại, tôi lấy bánh mì và bánh sữa xếp đầy vào một cái lẵng đựng độ hai put và chạy đến Đại chủng viện để kịp buổi uống trà sáng của sinh viên. Tại đây, trong một phòng ăn rất rộng, tôi đứng ở cửa ra vào, đưa bánh cho những sinh viên mua theo lối "ghi sổ" và "trả tiền ngay". Tôi đứng và nghe những câu chuyện tranh luận của họ về Tolxtoi. Guxev, một trong những giáo sư của Viện, là một kẻ thù cuồng bạo của Lev Tolxtoi. Đôi khi trong lẵng của tôi, phía dưới bánh, có những tập sách mỏng; tôi phải bí mật nhét những tập sách ấy vào tay một sinh viên nào đấy. Thỉnh thoảng anh em sinh viên cũng giấu sách và thư từ vào lẵng của tôi.

Mỗi tuần một lần, tôi phải đi xa hơn nữa, tới "Nhà điên", nơi bác sĩ thần kinh Becterev thường giảng bài có dùng người

[1] Những loại bánh mì khác nhau.

bệnh để minh họa. Một hôm ông ta cho các sinh viên xem một người mắc bệnh cuồng dại. Khi người đó hiện ra ở cửa giảng đường, mình mặc đồ trắng, đầu đội chiếc mũ giống như một chiếc bít tất dài, bất giác tôi mỉm cười. Nhưng người đó bỗng dừng lại một giây bênh cạnh tôi và nhìn vào mặt tôi. Tôi lùi lại dường như bị con mắt sắc nhọn và đen nhánh của anh đâm vào trái tim tôi. Và suốt cả thời gian trong khi Becterev vừa giật giật bộ râu vừa nói chuyện một cách kính cẩn với người bệnh, tôi lấy tay xoa mặt nhè nhẹ, dường như nó bị một lớp bụi nóng bỏng nào thiêu đốt vậy.

Người bệnh nói bằng giọng trầm khàn khàn, anh ta yêu cầu điều gì đó; từ trong ống tay áo choàng, vẻ dọa dẫm, anh giơ ra một cánh tay dài với những ngón tay dài. Tôi có cảm tưởng như toàn thân anh dài ra một cách kì lạ và lớn lên vô tận, và với cánh tay đen sạm ấy, anh không cần dời chỗ cũng sẽ với được tới tôi, nắm lấy cổ họng tôi. Từ hai hốc đen sì trên bộ mặt gầy gò, cái nhìn xuyên thấu của cặp mắt đen ánh lên với vẻ hăm dọa và hống hách. Có khoảng hai chục sinh viên quan sát người đội chiếc mũ kì dị đó. Một số ít mỉm cười, còn đa số nhìn một cách chăm chú và buồn rầu. So với cặp mắt của anh ta như muốn thiêu cháy tất cả thì những cặp mắt của họ có vẻ bình thường quá. Anh ta trông thật đáng sợ, và trong anh có một cái gì thật oai nghiêm - quả như thế!

Giữa sự im lặng như tờ của đám sinh viên, tiếng nói của ông giáo sư vang lên rành rọt. Mỗi câu hỏi của ông ta lại làm cho người bệnh có giọng nói khàn khàn thốt lên những tiếng kêu như hăm dọa. Giọng nói đó hình như vọng ra từ dưới sàn nhà, từ những bức tường trắng im lìm như chết. Dáng điệu của người bệnh chậm chạp và trịnh trọng như một đức giám mục

Đêm hôm ấy tôi làm một bài thơ về người bị bệnh cuồng dại. Tôi gọi anh ta là "vị chúa tể của tất cả mọi chúa tể,

người bạn và cố vấn của Chúa". Và rất lâu hình ảnh của người đó cứ luẩn quẩn bên tôi, quấy rầy cuộc sống của tôi.

Tôi làm việc từ sáu giờ tối cho đến gần trưa hôm sau, buổi trưa thì ngủ nên chỉ có thể đọc sách vào những lúc rảnh tay giữa buổi làm việc: sau khi nhào bột xong, chờ cho bột chua, và sau khi đã cho bánh vào lò. Tôi càng nắm được bí mật của nghề nghiệp bao nhiêu thì bác thợ làm bánh lại càng làm việc ít bấy nhiêu. Bác ta "dạy bảo" tôi, giọng nói thân mật lộ vẻ ngạc nhiên:

- Chú có năng lực làm việc đấy, một hai năm nữa chú sẽ trở thành thợ làm bánh. Thật là buồn cười. Chú còn trẻ, người ta sẽ không nghe lời chú và không kính trọng chú đâu...

Trước sự ham mê đọc sách của tôi, thái độ của bác có vẻ không đồng tình:

- Giá chú đừng đọc sách mà nên đi ngủ thì hơn, - bác ta khuyên tôi với vẻ săn sóc ân cần, nhưng không khi nào bác hỏi tôi đọc sách gì.

Những giấc mộng và những ước mơ về các kho của cùng với cô ả béo tròn và lùn tịt đã hoàn toàn choán lấy bác. Cô ả thường lui tới về đêm. Những lúc đó thì hoặc bác ta đưa cô ả ra chỗ những bao bột ở gian ngoài, hoặc nếu lạnh thì bác ta nhăn sống mũi lại và bảo tôi:

- Hãy ra ngoài độ nửa tiếng!

Tôi vừa bước ra vừa nghĩ: "Sao mà thứ tình yêu này khác với tình yêu tả ở trong sách đến thế..."

Cô em gái của chủ nhân sống trong một căn buồng nhỏ ở đằng sau cửa hàng. Tôi thường đun nước bằng ấm xamovar cho cô; nhưng tôi cố làm thế nào ít giáp mặt cô; trước mặt cô tôi cảm thấy lúng túng. Cặp mắt trẻ con của cô vẫn làm tôi khó chịu như những lần gặp gỡ đầu tiên. Trong đáy cặp mắt

ấy tôi nghĩ có một nụ cười, và tôi cảm thấy đó là một nụ cười giễu cợt.

Vì sức lực quá dồi dào nên tôi rất vụng về. Nhìn tôi vần và kéo những bao nặng hàng năm put, bác thợ nói với vẻ thương hại:

- Sức lực của chú bằng ba người khác, nhưng sự khéo léo thì không có! Tuy chú cao, nhưng dù sao cũng chỉ là một con bò đực...

Mặc dầu đọc đã khá nhiều sách, yêu thơ và đã bắt đầu làm thơ, nhưng tôi vẫn cứ nói bằng những "lời của mình". Tôi cảm thấy chúng nặng nề, cục cằn, nhưng tôi lại có cảm tưởng rằng chỉ bằng những lời đó tôi mới diễn đạt được những ý tưởng vô cùng lộn xộn của tôi. Đôi khi tôi cố tình ăn nói lỗ mãng vì muốn phản kháng một cái gì đó xa lạ đối với tôi và làm cho tôi tức giận.

Một trong những thầy giáo của tôi là một anh sinh viên toán đã từng trách tôi:

- Có quỷ biết được là anh nói như thế nào. Không phải bằng lời, mà bằng những quả tạ!...

Nói chung, chính tôi cũng không ưa tôi, đó là điều thường thấy ở lứa tuổi thiếu niên. Tôi thấy mình buồn cười và cục cằn. Bộ mặt tôi với hai gò má cao trông giống như người Canmưc,[1] còn giọng nói thì thường không chịu nghe theo tôi tí nào cả.

Cô em gái của chủ nhân đi lại nhanh nhẹn và khéo léo như một con chim én bay trong không trung. Tôi có cảm tưởng hình như những cử động nhẹ nhàng đó trái ngược với thân hình mềm nhẽo và béo tròn của cô. Có một cái gì không thực trong những điệu bộ và dáng đi của cô, một cái gì như cố ý. Giọng nói của cô vang lên vui vẻ, cô ta rất hay cười. Nghe

[1] Một bộ tộc Mông Cổ sống ở Nga.

tiếng cười trong trẻo đó, tôi nghĩ cô ta muốn làm cho mình quên cảnh tượng khi mình thấy cô ta lần đầu tiên đây. Nhưng tôi thì lại không muốn quên cái đó. Tôi rất quý trọng những cái khác thường, tôi cần biết rằng nó có thể xảy ra, rằng nó hiện đang tồn tại.

Thỉnh thoảng cô ta hỏi tôi:

- Anh đang đọc gì thế?

Tôi trả lời rất ngắn, và tôi muốn hỏi lại cô ta:

- Thế cô cần biết điều đó để làm gì?

Một hôm bác thợ làm bánh vừa vỗ về cô ả lùn tịt vừa bảo tôi bằng giọng say rượu:

- Hãy ra ngoài kia một lát. Ồ, sao chú mày không vào với con em lão chủ ấy, còn chờ gì? Ngay bọn sinh viên...

Tôi dọa sẽ dùng quả cân đập vỡ đầu bác ta nếu bác còn nói những lời như thế nữa. Nói rồi tôi bỏ ra phòng ngoài, leo lên ngồi trên các bao bột. Qua khe cửa khép không chặt, tôi nghe thấy tiếng nói của Lutonin:

- Việc gì anh phải cáu với nó? Suốt ngày nó chỉ đọc sách và sống như một thằng điên vậy...

Ở phòng ngoài chuột kêu chí chóe và chạy rậm rịch, ở trong lò bánh thì cô gái nức nở và rền rĩ. Tôi bước ra sân. Ngoài sân mưa phùn rơi lất phất, gần như lặng lẽ. Tuy vậy vẫn cảm thấy ngột ngạt, không khí nồng nặc một thứ mùi cháy rừng khét lẹt. Đã quá nửa đêm từ lâu. Những cửa sổ của ngôi nhà đối diện với hiệu bánh vẫn còn mở. Trong những căn phòng đèn thắp không sáng lắm có tiếng hát:

Chính thánh Vaclami[1]
Trên đầu vàng rực ánh hào quang

[1] Một vị thánh đạo Cơ Đốc thời cổ. Đây là một bài hát chống tôn giáo lưu hành trong đám sinh viên đương thời.

Từ trên cao nhìn xuống phía họ,
Mỉm cười...

Tôi cố hình dung cảnh Maria Derencov đang nằm trong lòng tôi, giống như cô ả của bác thợ làm bánh đang nằm trong lòng bác ta. Nhưng tôi cảm thấy một cách sâu sắc rằng điều đó không thể được, thậm chí kinh khủng nữa.

Suốt đêm cho tới sáng.
Nó vừa uống rượu vừa hát,
Và - ôi!... Nó còn
Làm gì đó nữa...

Tiếng "ôi" ồ và trầm nổi lên mạnh mẽ giữa bản đồng ca. Tôi cúi xuống, chống hai tay lên đầu gối và nhìn vào cửa sổ. Qua tấm rèm đăng ten tôi nhìn thấy một cái hầm hình vuông. Những bức tường màu xám của nó được chiếu sáng bằng ngọn đèn nhỏ đặt dưới một cái chụp màu xanh da trời. Một cô gái đang ngồi viết trước đèn, mặt quay về phía cửa sổ. Lúc này cô ta ngẩng đầu lên và lấy chiếc quản bút màu đỏ sửa lại mớ tóc ở bên thái dương. Cặp mắt cô ta nheo lại, nét mặt như mỉm cười. Cô chậm chạp gấp thư lại, thè lưỡi liếm dọc theo mép phong bì và dán lại. Rồi, sau khi ném phong thư lên mặt bàn, cô ta giơ ngón tay nhỏ xíu - nhỏ hơn ngón tay út của tôi - để dọa nó. Nhưng rồi cô lại cầm phong thư lên, cau mày xé phong bì ra, đọc lại, cho vào một phong bì khác dán kín, cúi lom khom trên mặt bàn để đề địa chỉ rồi cầm phong thư vung lên trong không khí như vẫy một lá cờ trắng. Cô vừa lượn vòng tròn, vừa vung hai tay đi vào góc phòng, chỗ có kê chiếc giường của cô. Sau đó cô ta từ trong góc đi ra, lúc này cô đã cởi áo ngoài, hai vai cô tròn như những chiếc pưsca.[1] Cô cầm lấy ngọn đèn ở trên bàn và biến mất vào góc phòng. Mỗi khi anh quan sát một người nào đấy

[1] Một loại bánh mì hình tròn, mềm và phồng.

trong lúc họ hành động một mình, anh thường cảm thấy người ấy như điên rồ. Tôi vừa đi lại trong sân vừa nghĩ: kì quặc thay cuộc sống của cô ả này những khi chỉ có mình cô ta trong cái hang của mình.

Nhưng mỗi khi chàng sinh viên có bộ tóc hung đến với cô ta và bằng một giọng trầm, gần như thì thầm, nói với cô điều gì đó, thì toàn thân cô lại co dúm lại và nom như nhỏ hơn ngày thường. Cô vừa nhìn anh chàng vừa mỉm cười rụt rè, hai tay giấu sau lưng hoặc dưới gầm bàn. Tôi không ưa anh chàng tóc hung. Rất không ưa.

Bước đi lảo đảo, khăn trùm kín mít, cô gái lùn đi ra và nói bằng giọng khò khè:

- Vào đi...

Bác thợ làm bánh vừa xúc bột ở trong thùng ra vừa kể cho tôi nghe cô nhân tình của bác ta biết chiều chuộng và dẻo dai như thế nào. Còn tôi thì suy nghĩ:

- Rồi mình sẽ ra sao đây?

Và tôi có cảm tưởng rằng quanh đâu đây, phía sau góc nhà kia có một sự bất hạnh đang chờ đợi tôi.

Công việc của cửa hiệu bánh mì tiến hành thuận lợi đến nỗi Derencov đã bắt đầu tìm một lò bánh khác rộng hơn và quyết định mượn thêm một thợ phụ việc nữa. Điều đó rất tốt. Tôi phải làm quá nhiều việc, tôi mệt đến lử cả người.[1]

- Đến lò bánh mới chú sẽ làm phụ việc trưởng, - bác thợ hứa với tôi. - Tôi sẽ nói để người ta trả cho chú mười rúp một tháng. Đúng thế!

Tôi hiểu rằng có tôi làm phụ việc trưởng thì bác ta có lợi. Bác không thích làm việc, còn tôi thì làm việc một cách tự nguyện. Sự mệt nhọc có lợi đối với tôi, nó dập tắt những nỗi

[1] Nguyên văn: mệt đến ngu độn.

lo lắng của tâm hồn, kiềm chế những đòi hỏi dai dẳng của bản năng sinh lí. Nhưng nó lại không cho phép tôi đọc sách.

- Chú quẳng sách đi như thế rất tốt. Để chuột nó gặm đi cho rồi! - bác thợ nói. - Mà chẳng lẽ chú không bao giờ nằm mê thấy gì à? Có lẽ có thấy, nhưng chú giấu đấy thôi! Thật là buồn cười. Kể chuyện ngủ mê là việc vô thưởng vô phạt nhất, chẳng có gì lo ngại cả...

Bác rất thân mật đối với tôi, thậm chí có vẻ như kính trọng nữa. Hay bác sợ tôi là một tay chân của chủ, tuy rằng điều đó cũng không ngăn trở bác ăn cắp hàng một cách thường xuyên.

Bà tôi chết. Tôi biết tin bà tôi chết bảy tuần sau ngày chôn cất, qua bức thư của một đứa em họ gửi cho tôi. Bức thư ngắn, không có một dấu phẩy nào cả, nói rằng trong lúc ăn xin ở bậc thềm nhà thờ bà tôi bị ngã gẫy chân. Đến ngày thứ tám thì mắc chứng hoại thư. Về sau tôi được biết rằng hai thằng và một con em họ tôi - tất thảy đều trẻ và khỏe mạnh - cùng với con cái của chúng đã sống ăn bám bà lão già bằng của bố thí mà bà tôi đi xin được. Chúng cũng không biết đi mời thầy thuốc nữa.

Bức thư viết:

"Người ta chôn bà ở nghĩa địa Pet'ropavlovxc chỗ đã chôn mọi người thuộc nhà ta chúng em cùng những người hành khất đi đưa đám họ thương bà và họ khóc. Ông cũng khóc ông đuổi chúng em về còn ông thì ở lại bên cạnh mộ chúng em nấp trong bụi cây nhìn ông khóc ông bảo ông cũng sắp chết thôi".

Tôi không khóc, nhưng tôi còn nhớ có cái gì hệt như một luồng băng giá choán lấy tôi. Đêm hôm ấy ngồi trên đống củi ở ngoài sân tôi cảm thấy rất muốn kể chuyện cho một người nào đó nghe về bà tôi, nói cho họ biết bà tôi là một người tốt

bụng và thông minh như thế nào, bà là một người mẹ của tất cả mọi người. Tôi đã mang rất lâu ở trong lòng cái nguyện vọng đau khổ đó, nhưng không biết kể với ai, và thế là nó không được nói ra và dần dần bị tàn lụi đi.

Nhiều năm sau, tôi lại nhớ lại những ngày này, khi tôi đọc một truyện ngắn rất chân thật của A.P. Tsekhov[1] kể chuyện một bác đánh xe ngựa nói chuyện với con ngựa về cái chết của đứa con trai mình. Tôi tiếc rằng trong những ngày rất buồn đó xung quanh tôi không có ngựa, cũng không có chó, và tôi không nghĩ ra cách san sẻ nỗi đau khổ với đàn chuột. Chúng rất nhiều ở trong lò bánh, và tôi đã sống với chúng một cách tốt đẹp.

Lão cảnh sát Nikiforitr bắt đầu lượn xung quanh tôi, như một con diều hâu. Lão ta người cân đối, khỏe mạnh, đầu hói sáng như bạc, bộ râu rậm được xén tỉa một cách chăm chút.

Vừa chép miệng một cách ngon lành lão vừa nhìn tôi hệt như nhìn vào một con ngỗng bị cắt tiết trước lễ Thiên Chúa giáng sinh.

- Tôi nghe nói anh thích đọc sách lắm phải không? - lão hỏi. - Thí dụ như những sách gì? Chẳng hạn *Sự tích các thánh* hoặc *Kinh thánh* đã đọc chưa?

Tôi đã đọc *Kinh thánh*, cũng đã đọc cả *Sứ đồ tuẫn giáo*. Điều đó khiến Nikiforitr ngạc nhiên và có lẽ đã làm lão ta bối rối.

- Thế à? Đọc sách là một việc hợp pháp và có ích! Thế còn những tác phẩm của bá tước Tolxtoi, anh đã đọc bao giờ chưa?

Tôi cũng đã đọc Tolxtoi, nhưng lại không phải là những tác phẩm mà viên cảnh sát chú ý.

- Đấy có thể nói là những tác phẩm thông thường mà ai

[1] Truyện *Nỗi buồn*.

cũng biết. Đằng này nghe nói có một số tác phẩm trong đó ông ta chống lại các cha cố. Giá đọc những tác phẩm ấy thì tốt!

Tôi cũng đã đọc "một số tác phẩm" đó qua những bản in bằng hectograp.[1] Nhưng tôi cảm thấy chúng có vẻ buồn tẻ, và tôi biết rằng không nên thảo luận với cảnh sát về những tác phẩm ấy.

Sau một vài lần vừa đi vừa nói chuyện ở ngoài phố, lão già bắt đầu mời tôi.

- Lúc nào đến chỗ tôi uống chén trà nhé!

Tất nhiên tôi hiểu lão muốn gì ở tôi, nhưng tôi vẫn muốn đến chỗ lão chơi. Tôi hỏi ý kiến những người hiểu biết, tất cả đều cho rằng nếu tôi từ chối nhã ý của lão cảnh sát thì như vậy sẽ có thể càng làm tăng thêm sự nghi ngờ của hắn đối với lò bánh.

Và thế là tôi đến chơi nhà Nikiforitr. Chiếc lò sưởi Nga chiếm một phần ba gian phòng hẹp như cái cũi chó, một phần ba kê chiếc giường đôi khuất sau tấm rèm bằng vải hoa, trên để rất nhiều gối bọc trong những áo gối bằng vải điều. Khoảng còn lại, kê một cái tủ đựng bát đĩa, một cái bàn, hai chiếc ghế tựa và một chiếc ghế dài kê bên dưới cửa sổ. Nikiforitr ngồi trên chiếc ghế dài, áo ngoài phanh ra, tấm thân của lão che kín chiếc cửa sổ nhỏ bé độc nhất của gian phòng. Cạnh tôi là vợ lão, một cô ả trạc hai mươi tuổi, ngực nở nang, má đỏ, cặp mắt giảo quyệt và dữ tợn có một màu kì lạ, hơi tim tím. Cặp môi đỏ tươi của cô ta dẩu ra có vẻ đỏng đảnh, giọng nói gắt gỏng và khô khan.

- Tôi được biết, - lão cảnh sát nói,- đứa con gái nuôi của tôi là Xecleteia thường lại đằng lò bánh của các anh. Thật là

[1] Một loại máy in thô sơ.

một đứa con gái trụy lạc và đê tiện. Mà đàn bà, tất cả đều là đồ đê tiện hết.

- Tất cả à? - Vợ lão hỏi lại.

- Tất! - Nikiforitr khẳng định một cách cương quyết, những chiếc mề đây bị lão lắc kêu lẻng xẻng hệt như tiếng ngựa rung yên cương. Uống cạn chén trà, lão nhắc lại với một vẻ thú vị:

- Từ đứa con gái đầu đường xó chợ hèn kém... và thậm chí cho đến cả các bà Hoàng cũng đều đê tiện và trụy lạc! Nữ hoàng Seba[1] đã từng đi hàng hai nghìn verxta[2] qua sa mạc đến với vua Xolomon để truy lạc. Cả nữ hoàng Ecaterina cũng thế, tuy rằng được gọi là Đại đế...

Lão kể tỉ mỉ chuyện một anh chàng thợ đốt lò nào đó chỉ ngủ một đêm với nữ hoàng mà được phong tất cả các cấp từ trung sĩ cho đến đại tướng. Vợ lão vừa chăm chú nghe chuyện vừa liếm môi và đưa chân hích vào chân tôi ở dưới gầm bàn.

Nikiforitr nói một cách rất uyển chuyển, bằng những lời thú vị. Rồi không hiểu bằng cách nào, lão chuyển sang vấn đề khác:

- Chẳng hạn ở đây có một sinh viên học năm thứ nhất tên là Pletniov.

Vợ lão thở dài và nói chen vào:

- Không đẹp trai, nhưng dễ thương!

- Ai?

- Ông Pletniov.

- Thứ nhất, hắn không phải là ông. Hắn sẽ là ông khi nào hắn tốt nghiệp. Còn bây giờ thì chỉ là sinh viên thôi, hạng ấy chúng ta có hàng nghìn đứa. Thứ hai, dễ thương là thế nào?

---

[1] Theo Kinh thánh, nữ hoàng Seba nghe tiếng vua Xolomon, đã đem lạc đà chở hương liệu, đá quý và vàng bạc đến gặp Xolomon để giải bày nỗi lòng của mình.

[2] Một dặm Nga, bằng 1,06 km.

- Vui. Trẻ.

- Thứ nhất, thằng hề ở rạp hát cũng vui...

- Thằng hề, vì tiền mà làm trò vui.

- Suỵt! Thứ hai, ngay đến con chó già cũng đã có lúc là một con chó con.

- Thằng hề chẳng khác gì một con khỉ...

- Suỵt, tôi đã bảo, mình chẳng chú ý gì cả! Mình có nghe không đấy?

- Có nghe.

- Thế thì được...

Sau khi bắt vợ phải phục tùng, Nikiforitr khuyên tôi:

- Này, cứ thử làm quen với Pletniov xem, anh ta là một người rất hay!

Vì lão đã gặp tôi với Pletniov ở ngoài phố có lẽ không phải chỉ có một lần, thành thử tôi nói:

- Chúng tôi có quen biết nhau.

- Thế à? Ra thế...

Giọng nói của lão có vẻ bực dọc. Lão cử động một cách hùng hổ, làm mề đay kêu lẻng xẻng. Còn tôi thì tỏ ra dè chừng vì tôi được biết là Pletniov đang in những giấy tờ gì đó bằng hectograp.

Mụ đàn bà vừa lấy chân hích tôi vừa châm chọc lão già một cách tinh quái. Còn lão ta vừa làm điệu bộ quan trọng vừa nói mầu mè như một con công xoè ra cái đuôi sặc sỡ. Những trò tinh nghịch của vợ lão làm tôi không nghe được, và một lần nữa tôi không biết giọng nói của lão đã thay đổi lúc nào. Nó trở nên khê hơn, oai nghiêm hơn.

- Một sợi dây vô hình, anh có hiểu không? - lão hỏi tôi và nhìn vào mặt tôi bằng cặp mắt tròn xoe hệt như đang kinh hãi cái gì.

- Hãy coi Đức Hoàng đế như một con nhện...

- Ôi, ông nói gì lạ thế? - mụ đàn bà kêu lên.

- Mụ im đi! Đồ ngốc! Đó là nói cho dễ hiểu, chứ không phải để lăng mạ đâu, giống ngựa cái ạ! Dọn ấm xamovar đi..

Lão cau mày, nheo hai mắt lại và nói tiếp bằng giọng oai nghiêm:

- Sợi dây vô hình tựa như một cái mạng nhện. Nó đi từ trái tim Đức Hoàng đế Alecxandr III và v.v... rồi đi xuyên qua các ngài bộ trưởng, xuyên qua ngài tỉnh tưởng và tất cả các cấp xuống cho đến tận tôi, và thậm chí đến tận người lính cuối cùng. Sợi dây đó ràng buộc tất cả, liên kết tất cả. Chính nhờ sức mạnh vô hình của nó mà vương quốc của triều đình duy trì được đời đời. Nhưng những bọn Ba Lan, Do Thái và Nga bị mụ nữ hoàng Anh láu cá mua chuộc, lại cố sức giật đứt sợi dây đó ở bất kì nơi nào có thể được, chúng làm như chúng vì nhân dân vậy!

Lão vươn qua bàn, cúi sát vào mặt tôi và thì thầm hỏi bằng giọng hăm dọa:

- Hiểu chưa? Thế thì được rồi! Tại sao tôi lại nói với anh điều đó? Lão thợ làm bánh của anh khen anh là một anh chàng thông minh, thật thà và luôn luôn sống một mình. Nhưng ở hiệu bánh mì của các anh thường có bọn sinh viên đến. Đêm đêm chúng ngồi ở trong phòng con Derencova. Nếu chỉ có một đứa thì khỏi phải nói. Nhưng đằng này lại đông thì thế nào? Hả? Tôi nói không phải để chống lại bọn sinh viên. Hôm nay hắn là sinh viên, nhưng ngày mai hắn là bạn của ông biện lí. Sinh viên là những người tốt, chỉ có điều là chúng vội đóng vai trò của chúng quá sớm. Những kẻ thù của nhà vua thì lại đang xúi giục chúng! Hiểu không? Tôi còn cần phải nói cho anh...

Nhưng lão chưa kịp nói thì cửa ra vào đã mở toang. Một ông già bé nhỏ, mũi đỏ bước vào. Mái tóc quăn của ông ta ở

trên đầu được buộc bằng một sợi dây da nhỏ. Ông già cầm trong tay một chai rượu votca và cũng đã uống say khướt.

- Ta ngả một ván cờ chứ? - ông già vui vẻ hỏi, và lập tức từ người ông toát ra một vẻ khôi hài.

- Đấy là ông nhạc, thân sinh ra nhà tôi, - Nikiforitr nói với vẻ bực dọc, khó chịu.

Mấy phút sau tôi cáo từ ra về. Mụ đàn bà tinh quái vừa khép cửa vừa véo tôi và nói:

- Mây đỏ như lửa ấy kìa!

Trên trời một đám mây nhỏ vàng rực đang tan dần.

Tôi không muốn làm mất lòng các thầy giáo của tôi, nhưng dù sao tôi cũng phải nói rằng viên cảnh sát đã giải thích cho tôi về tổ chức của bộ máy nhà nước một cách dứt khoát và rõ ràng hơn họ. Ở một nơi nào đó, có một con nhện, và từ đấy phát đi "sợi dây vô hình", siết chặt, ràng buộc lấy tất cả cuộc sống. Chẳng bao lâu tôi đã bắt đầu cảm thấy được ở khắp nơi những chiếc thòng lọng chắc chắn của sợi dây đó.

Khuya hôm ấy, sau khi đóng cửa hiệu, cô chủ gọi tôi lên phòng cô ta và bằng một giọng trịnh trọng báo cho tôi biết rằng cô được giao nhiệm vụ tìm hiểu xem lão cảnh sát đã nói gì với tôi?

- Ôi, trời ơi! - cô ta kêu lên lo lắng sau khi nghe báo cáo tỉ mỉ. Rồi, như một con chuột, cô chạy từ góc phòng nọ sang góc phòng kia, vừa chạy vừa lắc đầu lia lịa. - Thế nào, lão thợ làm bánh không moi được gì ở anh cả chứ? Con nhân tình của hắn vốn là họ hàng với Nikiforitr mà, phải không? Cần phải tống cổ hắn đi mới được.

Tôi đứng tựa lưng vào khung cửa và đưa mắt liếc nhìn cô. Cô ta nói tiếng "nhân tình" sao mà quá dễ dàng. Điều đó khiến tôi không thích. Tôi cũng không thích quyết định của cô ta đuổi bác thợ làm bánh đi.

- Phải rất cẩn thận đấy! - cô ta nói và, cũng như mọi lần, cái nhìn của cô như bám chặt vào người khiến tôi bối rối. Tôi có cảm tưởng như nó đang hỏi tôi một điều gì đó mà tôi không thể hiểu nổi. Lúc này cô ta dừng lại trước mặt tôi, hai tay giấu ra sau lưng.

- Tại sao lúc nào anh cũng cau có thế?

- Bà tôi mới chết gần đây.

Chuyện đó đối với cô có vẻ buồn cười. Mỉm cười, cô ta hỏi:

- Anh yêu bà anh lắm phải không?

- Phải. Cô không cần gì nữa chứ?

- Không.

Tôi đi ra. Đêm hôm ấy tôi làm một bài thơ, trong đó tôi nhớ có một câu ngang bướng như sau:

"Cô không phải là cái mà cô muốn trở thành..."

Lúc này anh em sinh viên quyết định là nên làm thế nào ít đến hiệu bánh hơn. Không được gặp họ, tôi hầu như mất hẳn dịp để hỏi những điều tôi không hiểu trong những cuốn sách mà tôi đọc. Tôi bèn ghi những câu hỏi thắc mắc vào một quyển vở. Nhưng một hôm mệt quá tôi ngủ thiếp đi trên quyển vở của tôi, và bác thợ làm bánh đã đọc hết những điều tôi ghi. Bác ta đánh thức tôi dậy, hỏi:

- Chú viết cái gì thế này? "Tại sao Garibandi không đuổi vua đi?" Garibandi là ai? Mà chẳng lẽ lại có thể đuổi nhà vua đi được à?

Bác ta giận dữ ném quyển vở xuống mặt hòm bột, rồi leo lên nóc lò sưởi. Từ trên đó bác ta càu nhàu:

- Hãy nói xem nào! Nó muốn đuổi vua đi cơ đấy! Thật là buồn cười! Chú mình hãy vứt những dự định vớ vẩn ấy đi. Sách với chả vở! Năm năm trước ở Xaratov những loại độc giả như thế chẳng bị hiến binh nó bắt như bắt chuột ấy là gì! Chẳng cần thế cũng đã đủ cho lão Nikiforitr để ý đến chú mình rồi. Chú hãy xếp cái chuyện đuổi vua chúa của chú

mình lại. Đó không phải như những con chim bồ câu của chú mình đâu!

Bác ta nói với thiện ý, nhưng tôi không thể đáp lại bác như tôi muốn. Tôi bị cấm nói chuyện với bác về những "vấn đề nguy hiểm".

Trong thành phố người ta chuyền tay nhau một cuốn sách nhỏ nào đó đã làm mọi người xao xuyến. Người ta đọc nó và tranh cãi với nhau. Tôi nói với anh sinh viên thú y Lavrov kiếm cho tôi một cuốn, nhưng anh ta trả lời một cách không chắc chắn:

- Ồ, không được, anh bạn ạ, đừng có mong đợi chuyện ấy! Tuy vậy, có lẽ nay mai người ta sẽ tổ chức đọc cuốn sách ấy tại một địa điểm nào đó, có thể tôi sẽ đưa anh đến đấy...

Vào lúc nửa đêm "ngày Đức Mẹ lên Trời"[1] tôi đi trên cánh đồng Acxcoie. Qua bóng tối tôi dõi theo bóng của Lavrov - anh ta đi trước tôi khoảng năm mươi xajen.[2] Cánh đồng vắng vẻ, tuy vậy - theo lời khuyên của Lavrov - tôi vẫn "đề phòng cẩn thẩn": tôi huýt sáo và hát khe khẽ, làm ra vẻ như một anh công nhân "chuếnh choáng hơi men" vậy. Trên đầu tôi những đám mây đen trôi chậm chạp, giữa những đám mây mặt trăng lăn đi như một quả bóng vàng. Bóng tối bao phủ mặt đất, những vũng nước lấp lánh như ánh bạc và ánh thép. Sau lưng tôi thành phố đang gầm rú một cách giận dữ.

Người dẫn đường của tôi dừng lại bên hàng rào một khu vườn ở phía sau Đại chủng viện. Tôi vội vã đi lên cho kịp anh ta. Chúng tôi im lặng leo qua hàng rào, đi qua một khu vườn rậm rạp. Mỗi lần đụng phải cành cây, những giọt nước lớn lại rơi xuống người chúng tôi. Chúng tôi dừng lại bên bức tường của một ngôi nhà và khe khẽ gõ vào cánh cửa sổ đóng kín. Một người để râu cằm mở cửa sổ ra, phía sau người ấy tôi thấy tối om và không nghe thấy một tiếng động nào cả.

---

[1] Ngày lễ Đức Mẹ lên Trời là ngày 15 tháng Tám.
[2] Một đơn vị chiều dài của Nga, bằng 2,13m.

- Ai đấy?

- Ở chỗ Iacov lại.

- Leo vào đi.

Trong bóng tối om om, tôi cảm thấy có mặt nhiều người, nghe tiếng quần áo sột soạt và tiếng chân, tiếng người ho khe khẽ, tiếng nói chuyện thì thầm. Một ánh diêm bùng lên chiếu sáng khuôn mặt tôi. Tôi nhìn thấy một số bóng đen ngồi trên sàn nhà giáp tường.

- Đủ cả rồi chứ?

- Đủ.

- Kéo rèm che các cửa sổ lại cho ánh sáng khỏi lọt qua khe cửa.

Một giọng bực tức nói to:

- Thằng cha nào nghĩ ra sáng kiến nhét chúng ta vào trong cái nhà bỏ hoang thế này?

- Khẽ chứ!

Phía góc phòng người ta đốt lên một ngọn đèn nhỏ. Căn phòng trống rỗng, không có bàn ghế. Chỉ có hai cái hòm, phía trên đặt một tấm ván, trên đó có năm người ngồi giống như những con quạ đen đậu trên hàng rào. Ngọn đèn cũng đặt trên một chiếc hòm dựng đứng. Trên sàn nhà giáp tường có ba người nữa và trên bệ cửa sổ có một người ngồi - một thanh niên để tóc dài, thân hình rất gầy gò và xanh xao. Ngoài anh ta và người để râu ra, mọi người khác tôi đều biết cả. Bằng một giọng trầm, người để râu nói rằng anh ta sẽ đọc cuốn sách nhỏ *Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta* do Georgi Plekhanov, một người "nguyên thuộc nhóm Ý dân"[1] viết.

---

[1] Nhóm Ý dân là một tổ chức bí mật của phái dân túy, thành lập năm 1879. Nhóm này chủ trương khủng bố cá nhân, đã từng hai lần mưu sát Nga hoàng. Plekhanov trước đây có tham gia vào nhóm Ý dân, năm 1880 ông ra nước ngoài tiếp thu chủ nghĩa Mác và cắt đứt quan hệ với nhóm Ý dân, bắt đầu dùng lí luận của chủ nghĩa Mác tiến hành cuộc đấu tranh kiên quyết chống lại phái dân túy. Cuốn sách *Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta* do ông viết năm 1885.

Trong bóng tối một người nào đó ngồi ở trên sàn la lên:

- Chúng tôi biết rồi!

Bầu không khí huyền bí làm tôi hồi hộp một cách dễ chịu. Bài thơ huyền bí là bài thơ hấp dẫn nhất. Tôi cảm thấy mình như một tín đồ trong giờ làm lễ buổi sáng ở nhà thờ, và tôi nhớ đến các mộ hầm[1] cùng những tín đồ đầu tiên của đạo Thiên Chúa. Giọng đọc trầm và hơi khàn khàn bao trùm khắp căn phòng, từng lời vang lên rành rọt.

- Toàn những chuyện nhảm nhí! - một người nào đó ngồi ở góc phòng lại la lên.

Ở phía ấy, trong bóng tối, có một vật gì bằng đồng trông tựa như chiếc mũ sắt của người lính thành La Mã lấp lánh lờ mờ và huyền ảo. Tôi đoán đấy là ống thông hơi của lò sưởi.

Trong phòng vang lên những giọng nói trầm trầm, hòa vào trong bóng tối hỗn độn giữa những tiếng nói sôi nổi. Không còn hiểu được là ai nói gì nữa. Phía trên đầu tôi, từ trên bệ cửa sổ có tiếng người hỏi to, giọng giễu cợt:

- Chúng ta có định đọc hay không đây?

Đó là tiếng của chàng thanh niên xanh xao để tóc dài. Tất cả mọi người đều im bặt, chỉ còn nghe thấy giọng trầm trầm của người đọc. Những ánh diêm bùng lên, những đốm lửa thuốc lá đỏ hồng lấp lánh chiếu sáng khuôn mặt của những con người đăm chiêu và những cặp mắt nheo lại hoặc mở to.

Buổi đọc sách kéo dài đến mệt lử cả người, tôi không thể nghe được nữa, mặc dầu tôi rất thích những lời lẽ sắc sảo và đầy nhiệt tình ấy, chúng được xếp đặt một cách dễ dàng và đơn giản thành những ý tưởng rành mạch.

Thình lình, gần như bất ngờ, giọng người đọc bị cắt đứt, và lập tức khắp phòng vang lên những tiếng hét phẫn nộ.

---

[1] Những đường hầm dài và hẹp ở dưới đất dùng làm nơi ẩn náu khỏi sự truy nã, nơi hành lễ và nơi chôn cất người chết của các tín đồ Thiên Chúa giáo ở những thế kỉ đầu.

- Đồ phản bội!

- Những lời sáo rỗng!...

- Đó thật là một sự phỉ nhổ đối với những người anh hùng đã đổ máu.

- Sau khi Generalov và Ulianov[1] bị xử tử...

Từ trên bệ cửa sổ lại vang lên giọng nói của chàng thanh niên:

- Các vị ơi, có nên thay những lời chửi rủa bằng những cách phản đối nghiêm chỉnh và thực sự không nhỉ?

Tôi không ưa những cuộc tranh luận và không quen nghe tranh luận. Tôi rất khó theo dõi những thay đổi bất thường của dòng tư tưởng bị kích động, và thái độ tự ái lộ liễu của những người tranh luận luôn luôn làm cho tôi bực mình.

Chàng thanh niên từ trên bệ cửa sổ cúi xuống hỏi tôi:

- Anh là Pescov, thợ làm bánh mì phải không? Tôi là Fedoxeev.[2] Chúng ta có lẽ nên làm quen với nhau. Thực ra ở đây cũng chẳng có việc gì đâu, không khí ồn ào này kéo dài còn chán, mà ích lợi thì chẳng được là bao. Ta đi thôi chứ?

Về Fedoxeev tôi đã được nghe nói như là người tổ chức của một nhóm thanh niên rất quan trọng. Tôi thấy ưa khuôn mặt xanh xao, căng thẳng với cặp mắt sâu của anh ta.

Trong khi đi với tôi qua cánh đồng, anh hỏi tôi có quen ai trong số các công nhân không, tôi đang đọc sách gì, tôi có nhiều thì giờ rỗi không. Rồi anh nói thêm:

- Tôi có nghe nói về cái cửa hiệu bánh mì ấy của anh. Anh đi làm một việc vớ vẩn như thế thì kì lạ thật. Anh làm như vậy để làm gì?

---

[1] Generalov và A. I. Ulianov (anh ruột V.I. Lenin) là những sinh viên của trường đại học Peterburg, những người thuộc nhóm Ý dân đã tham gia vào vụ mưu sát Nga hoàng Alecxandr III, bị xử tử ngày 8-5-1887.

[2] N. E. Fedoxeev (1871-1898), một trong những nhà cách mạng theo chủ nghĩa Mác đầu tiên ở nước Nga, sau này ở Cazan ông đã sáng lập ra nhóm mác xít, trong đó có Lenin tham gia.

Ít lâu nay chính tôi cũng cảm thấy là việc đó không cần thiết đối với tôi. Tôi bèn đem ý nghĩ ấy nói với anh. Những lời của tôi làm cho anh rất vui mừng. Anh bắt tay tôi thật chặt và mỉm cười rạng rỡ, anh báo cho tôi biết đến ngày kia anh sẽ đi độ ba tuần lễ, và khi trở về anh sẽ cho tôi biết chúng tôi sẽ gặp nhau như thế nào và tại đâu.

Việc buôn bán của cửa hiệu bánh mì tiến hành hết sức tốt, nhưng công việc của riêng tôi thì càng ngày càng tồi. Chúng tôi đã chuyển sang lò bánh mới, và khối lượng trách nhiệm của tôi lại càng tăng hơn. Tôi phải làm việc ở lò bánh, đưa bánh đến các nhà, đến Đại chủng viện và trường "các thiếu nữ quý tộc". Các cô gái vừa chọn bánh sữa ở trong lẵng của tôi vừa giúi cho tôi những mẩu giấy, và nhiều khi trên những tờ giấy rất đẹp tôi đã kinh ngạc đọc thấy những lời lẽ trắng trợn viết bằng một nét chữ gần như trẻ con. Trong lòng tôi nhen lên một cảm giác lạ lùng mỗi khi đám tiểu thư vui nhộn, ăn mặc sạch sẽ, hai mắt sáng, quây xung quanh lẵng bánh, rồi vừa nhăn mặt một cách ngộ nghĩnh vừa dùng những bàn tay bé nhỏ, hồng hộc lục bới đống bánh. Tôi nhìn họ và cố đoán xem ai đã viết cho tôi những dòng chữ trắng trợn, những dòng chữ mà có lẽ họ không hiểu được ý nghĩa xấu xa của chúng? Nhớ lại những "nhà giải sầu" bẩn thỉu, tôi nghĩ:

- Chẳng lẽ "sợi dây vô hình" từ những nhà đó kéo dài cả đến tận đây sao?

Một trong số các cô - một cô gái tóc đen, ngực nở, tóc kết đuôi sam dày, chặn tôi lại ở hành lang và nói khẽ, giọng hấp tấp:

- Tôi sẽ cho anh mười copec nếu anh chuyển hộ tôi bức thư này theo địa chỉ trên thư.

Cặp mắt đen, dịu dàng của cô giàn giụa nước mắt. Cô ta

nhìn tôi, hai môi mím chặt, má và tai đỏ bừng. Tôi từ chối mười copec với một vẻ cao thượng, còn bức thư thì tôi cầm và đưa đến cho con trai ông thẩm phán tòa thượng thẩm, một sinh viên cao lêu nghêu với cặp má đỏ của người bị bệnh lao phổi. Anh ta lặng lẽ và đăm chiêu đếm mấy đồng tiền lẻ, rồi đưa cho tôi năm mươi copec. Khi tôi bảo là cái đó đối với tôi không cần, anh ta liền đút tiền vào túi quần. Nhưng anh ta nhét không đúng, thành thử tiền vãi tung cả ra sàn nhà.

Anh ta bối rối nhìn theo những đồng năm và bảy copec lăn khắp mọi nơi, hai tay cọ vào nhau mạnh đến nỗi những đốt ngón tay kêu răng rắc. Rồi anh ta vừa thở dài khó nhọc vừa nói lắp bắp:

- Làm thế nào bây giờ? Thôi, từ biệt! Tôi cần phải suy nghĩ...

Tôi không biết anh ta đã nghĩ được gì, nhưng tôi rất thương hại cô gái. Ít lâu sau cô ta biến khỏi trường, và khoảng mười lăm năm sau tôi gặp cô dạy học tại một trường trung học ở Crưm. Cô mắc bệnh lao phổi và đối với mọi việc ở đời cô đều nói bằng cái giọng độc ác không thương tiếc của một con người đã từng bị cuộc đời lăng nhục.

Sau khi đưa bánh xong, tôi đi ngủ. Buổi tối tôi làm việc ở lò bánh để đến nửa đêm có bánh sữa đem ra cửa hiệu. Cửa hiệu nằm ở gần nhà hát thành phố, sau khi xem biểu diễn xong khán giả thường rẽ vào cửa hiệu chúng tôi ăn bánh nóng. Sau đó tôi đi nhào bột để làm bánh mì cân và bánh mì Pháp. Mà nhào bằng tay cho được mười lăm hai mươi put bột thì đó không phải là chuyện đùa.

Rồi tôi lại ngủ độ hai, ba giờ và lại đi đưa bánh.

Cứ như thế - ngày này qua ngày khác.

Nhưng lúc này tôi đã mắc phải cái bệnh ngứa ngáy không thể nào chịu nổi: muốn đi gieo rắc những hạt giống của "lí trí, lương thiện, vĩnh cửu". Là một người dễ gần gũi

mọi người, tôi biết kể chuyện một cách sinh động. Trí tưởng tượng của tôi là do kinh nghiệm sống của tôi và những điều tôi đọc được ở trong sách tạo nên. Tôi chỉ cần rất ít cũng đủ để từ một sự kiện thường ngày xây dựng thành một câu chuyện hay mà cốt chuyện là "sợi dây vô hình" uốn khúc quanh co. Tôi có quen hai người thợ nhà máy là Crextovnicov và Alafuzov. Đặc biệt gần gũi đối với tôi là bác thợ dệt già Nikita Rupxov, một người đã từng làm việc qua hầu khắp các nhà máy dệt của nước Nga, một tâm hồn thông minh, hoạt bát.

- Đã năm mươi bảy năm nay bác đi trên trái đất này, Lecxei Macximitr của bác ạ! Chàng lang thang trẻ tuổi, con đại bàng[1] của ta ơi, - bác nói bằng giọng nghẹn ngào, đôi mắt đau màu xám mỉm cười sau cặp kính râm. Hai mắt kính của bác nối liền với nhau bằng một sợi dây đồng tự làm lấy, do đấy trên sống mũi và phía tai nổi lên những vết oxit đồng màu xanh. Những người thợ dệt gọi bác là "người Đức" vì bác cạo râu cằm nhưng lại để lại một hàng ria mép dài và một nhúm râu bạc ở phía dưới môi dưới. Bác người tầm thước, ngực nở, nét mặt chất chứa một niềm vui chua xót.

- Bác thích đi xem xiếc, - bác vừa nói vừa ngả cái đầu hói mấp mô sang vai trái. - Người ta dạy ngựa khéo đấy chứ? Súc vật mà thế đấy! Thật là khoan khoái! Bác nhìn những con vật ấy một cách kính phục và tự nghĩ: hừ, như vậy thì cũng có thể dạy cho con người biết sử dụng lí trí của họ chứ. Những người làm xiếc mua chuộc súc vật bằng đường, còn chúng ta, tất nhiên chúng ta có thể mua được đường ở cửa hàng. Đối với chúng ta cần phải có chất đường cho tâm hồn, đó là sự âu yếm. Anh bạn trẻ ạ, như vậy tức là cần phải hành động bằng âu yếm, chứ không

[1] Nguyên văn: Con thoi mới.

phải bằng thanh củi như đã thành thông lệ giữa chúng ta với nhau đâu. Có phải không?

Bản thân bác cũng chẳng âu yếm gì đối với mọi người. Bác thường nói với họ bằng giọng gần như khinh bỉ và có vẻ giễu cợt. Trong những cuộc tranh luận bác thường phản đối bằng những tiếng hét ngắn, cố tình chọc tức đối thủ một cách trắng trợn. Tôi làm quen với bác trong một quán rượu, lúc mọi người sắp sửa nện cho bác một trận, và người ta cũng đã đấm cho bác hai quả rồi, lúc ấy tôi nhảy vào kéo bác ra.

- Họ đánh cụ có đau không? - tôi hỏi trong khi đi với bác trong bóng tối, dưới làn mưa phùn của mùa thu.

- Hừ, thế mà cũng gọi là đánh được à? - bác nói một cách thờ ơ, - khoan đã, tại sao anh lại gọi ta bằng "cụ"?

Thế là từ đó chúng tôi bắt đầu quen nhau. Ban đầu bác thường chế giễu tôi một cách hóm hỉnh và ranh mãnh, nhưng khi tôi kể cho bác nghe "sợi dây vô hình" có một vai trò như thế nào trong cuộc sống của chúng ta, bác liền thốt lên, vẻ đăm chiêu:

- Thì ra chú mày không phải đứa ngốc đâu! Chà, chú mày cũng gớm đấy nhỉ?...

Và từ đấy bác bắt đầu đối xử với tôi âu yếm như một người cha, thậm chí bác còn gọi tôi bằng tên và chữ lót nữa.[1]

- Lecxei Macximitr của bác, chiếc kim nhỏ yêu quý của bác! Những ý kiến của cháu đúng đấy, nhưng sẽ chẳng có ai tin cháu đâu, vô ích..

- Bác có tin không?

- Bác chỉ là một con chó đực cộc đuôi, vô chủ. Còn thiên hạ thì là những con chó bị xích, đuôi người nào cũng đầy những gai ngươu bàng: nào vợ, con, nào đàn phong cầm, nào giày

[1] Tên của người Nga gồm có: họ, chữ lót và tên riêng. Có thể gọi theo họ hoặc theo chữ lót và tên riêng. Gọi theo cách thứ hai thân mật hơn cách thứ nhất.

dép. Mà con chó nào thì cũng đều yêu cái cũi của nó cả. Họ chẳng tin cháu đâu. Bọn các bác ngày xưa ở xưởng Morozov cũng thế thôi! Đứa nào đi đầu là đứa ấy bị chúng nó nện cho vào trán. Mà trán thì có phải như mông đít đâu, đau lâu lắm.

Bác đã ăn nói hơi khác đôi chút sau khi làm quen với anh thợ nguội Iacov Saposnicov, một công nhân của xưởng Crextovnilov. Iacov bị bệnh lao phổi, anh biết chơi ghi ta và biết nhiều về Kinh thánh. Anh đã từng làm cho bác Rupxov phải kinh ngạc bởi thái độ phủ nhận Chúa một cách quyết liệt của anh. Thường Iacov vừa khạc nhổ ra khắp xung quanh những cục máu từ trong hai lá phổi ruỗng vừa chứng minh một cách chặt chẽ và say sưa:

- Thứ nhất: tôi được tạo ra hoàn toàn không phải "theo hình ảnh Chúa". Tôi chẳng am hiểu gì, chẳng có khả năng làm một việc gì, và hơn nữa cũng chẳng phải là một người tốt. Không, tôi không phải là một con người tốt! Thứ hai: Chúa không hề biết tôi khổ sở như thế nào, hoặc biết mà không giúp được, hoặc có thể giúp được nhưng không muốn giúp. Thứ ba: Chúa không phải là toàn trí toàn năng, cũng chẳng phải là tử tế gì. Nói đơn giản hơn là không có Chúa! Đó là chuyện bịa, tất cả đều là chuyện bịa, toàn bộ cuộc sống đều là bịa cả, nhưng đừng có hòng đánh lừa được tôi!

Thoạt tiên Rupxov kinh ngạc không nói được một lời nào. Sau đó, mặt bác xám lại vì tức giận và bắt đầu chửi rủa một cách tục tằn. Nhưng Iacov vẫn dùng lời lẽ trang nghiêm của những đoạn trích trong Kinh thánh ra để tước vũ khí của bác, bắt bác phải im lặng và co mình lại một cách thận trọng.

Khi nói, Saposnicov trông thật đáng sợ. Gương mặt anh gầy và ngăm ngăm đen, tóc quăn và đen giống như người Txưgan, phía sau cặp môi xanh xanh lấp lánh hai hàm răng như răng chó sói. Cặp mắt đen của anh nhìn chằm chằm vào mặt đối phương. Khó có thể chịu đựng nổi cái nhìn nặng nề

có sức bẻ gẫy tất cả ấy - nó làm tôi nhớ lại cặp mắt của người bị bệnh cuồng dại.

Trong lúc cùng tôi ở chỗ Iacov trở về, Rupxov cau có nói:

- Chưa thấy có ai phản đối Chúa trước mặt bác bao giờ. Bác chưa từng khi nào nghe thấy chuyện đó cả. Chuyện gì bác cũng đã nghe nói, nhưng chuyện như vậy thì không. Tất nhiên con người ấy không sống được lâu đâu. Chà, thật là đáng thương! Anh chàng cứ đỏ mặt tía tai... lạ thật, chú mình ạ, thật lạ quá!

Bác làm thân với Iacov rất nhanh. Bác trở nên có vẻ sôi nổi và hoạt bát, luôn luôn dùng mấy ngón tay lau hai con mắt đau.

- Hừ... - bác vừa mỉm cười vừa nói, - như thế tức là cho Chúa về vườn à? Hừm. Chiếc kim nhỏ của bác ạ, nếu nói về vua thì bác có ý kiến khác. Đối với bác, vua không phải là một trở ngại. Vấn đề không phải ở nơi vua mà là ở bọn chủ. Với vua nào bác cũng có thể chịu được, ngay đến cả Ivan Groznưi. Nếu muốn, xin ngài cứ ngồi đấy mà trị vì, chỉ cần là cho bác được xử lão chủ, thế thôi! Nếu cho phép, lão sẽ đánh dây xích vàng buộc ngài vào ngai, sẽ cầu nguyện cho ngài...

Sau khi đọc xong cuốn *Ông vua đói*, bác bảo:

- Mọi điều đều rất là đúng.

Lần đầu tiên nhìn thấy một cuốn sách nhỏ in bằng thạch bản, bác hỏi tôi:

- Ai viết cho cháu đấy? Viết rõ thật. Cháu bảo với anh ta là lão cảm ơn.[1]

Rupxov có một lòng ham mê hiểu biết không bao giờ chán. Bác hết sức chăm chú nghe những lời cay độc của Saposnicov nhạo báng Chúa. Bác thường ngồi hàng giờ để

[1] Cảm ơn Alecxei Nicolaievitr Bakh (chú thích của tác giả).

nghe tôi nói chuyện về sách. Rồi bác cười phá lên một cách vui vẻ, đầu ngả ra đằng sau, yết hầu bạnh ra, và nói với vẻ khâm phục:

- Trí óc con người tài thật! Ôi, tài thật!

Bản thân bác đọc sách rất khó khăn; cặp mắt đau đã ngăn trở bác. Nhưng bác hiểu biết cũng khá nhiều, và bác thường làm tôi phải ngạc nhiên vì sự hiểu biết đó.

- Trong số người Đức, có một anh chàng thợ mộc thông minh lạ thường. Chính nhà vua đã phải mời anh ta đến để hỏi ý kiến.

Sau một số câu hỏi, tôi hiểu ra là bác nói về Beben.[1]

- Sao bác lại biết được chuyện đó?

- Biết chứ! - bác trả lời cộc lốc và đưa ngón tay út lên gãi cái đầu mấp mô.

Cuộc sống hỗn độn và cực khổ không hề làm Saposnicov bận tâm. Anh hoàn toàn bị thu hút vào công việc đả phá Chúa, nhạo báng thần thánh. Anh đặc biệt căm ghét các tu sĩ.

Một hôm Rupxov thân mật hỏi anh:

- Iacov, sao chú mình chỉ cứ hò hét chống Chúa mãi thế?

Anh lại càng la hét dữ tợn hơn:

- Thì còn có cái gì cản trở tôi nữa kia chứ, hả? Đã gần hai chục năm nay tôi tin Chúa, tôi đã sống trong sự khiếp sợ Chúa. Tôi đã chịu đựng vì không được tranh cãi: mọi sự đều do từ trên quyết định. Tôi đã phải sống một cách trói buộc. Đọc kĩ Kinh thánh tôi mới biết toàn là chuyện bịa cả! Toàn là bịa hết, Nikita ạ

Rồi anh vung tay lên hệt như muốn giật đứt "sợi dây vô hình" và nói gần như khóc:

---

[1] Beben (1840-1913), một trong những người lãnh đạo của Đảng Xã hội Dân chủ Đức và Đệ nhị Quốc tế, đã từng làm thợ mộc.

- Xem đấy, vì thế tôi chưa già mà đã sắp chết rồi đây!

Tôi còn có một số người quen nữa khá lí thú. Tôi hay chạy đến lò bánh mì của Xemionov gặp các bạn cũ của tôi. Họ đón tiếp tôi một cách hân hoan và sẵn sàng nghe chuyện của tôi. Nhưng Rupxov lại ở xóm Hải quân, còn Saposnicov thì ở xóm Tacta, ở rất xa phía bên kia sông Caban, người nọ cách người kia khoảng năm verxta, nên tôi rất ít có dịp gặp họ. Còn họ thì không thể đến chỗ tôi được, vì tôi không có chỗ nào để tiếp khách cả. Hơn nữa lão thợ làm bánh mới, một lão lính đã về hưu, lại thường hay đi lại với bọn hiến binh. Sân sau của sở hiến binh giáp với sân nhà chúng tôi, nên những bộ "quân phục xanh" oai vệ thường leo qua hàng rào để sang chỗ chúng tôi mua bánh mì trắng cho đại tá Gangact và mua bánh mì đen cho bản thân họ. Và còn một điều nữa: người ta khuyên tôi không nên "xuất đầu lộ diện" nhiều quá để khỏi thu hút sự chú ý không cần thiết của mọi người đối với hiệu bánh.

Tôi nhận thấy công việc của tôi đang dần dần mất hết ý nghĩa. Càng ngày người ta càng không đếm xỉa đến lỗ lãi của việc buôn bán, cứ việc lấy tiền ở két ra một cách bừa bãi đến nỗi đôi khi không còn gì để trả tiền bột nữa. Derencov vừa vuốt râu vừa mỉm cười một cách chán nản:

- Chúng ta đến phá sản mất thôi!

Anh ta sống cũng khổ. Cô Naxtia có bộ tóc quăn màu hung, đang "bụng mang dạ chửa", lúc nào cũng gầm gừ như một con mèo dữ tợn, thường nhìn mọi vật và mọi người bằng cặp mắt xanh tức giận.

Cô ta hay đi đâm sầm vào Andrei dường như không trông thấy anh. Andrei vừa mỉm cười như một kẻ phạm tội vừa né đường cho cô ta đi và thở dài.

Thỉnh thoảng anh phàn nàn với tôi:

- Mọi sự chẳng ra cái quái gì cả! Cái gì thiên hạ cũng lấy

mất. Thật không còn ra làm sao! Mình vừa mới mua nửa tá bít tất, thế mà đã biến ngay lập tức!

Câu chuyện bít tất ấy thật là buồn cười. Nhưng tôi không cười. Tôi thấy rõ con người giản dị, vô tư ấy vất vả như thế nào để cố xây đắp một sự nghiệp có ích. Nhưng mọi người xung quanh lại có thái độ coi thường và thiếu quan tâm đối với sự nghiệp ấy, họ tìm cách để phá hoại nó. Derencov không mong đợi sự cảm ơn của những người mà anh đã phục vụ, nhưng anh có quyền đòi hỏi ở họ một thái độ săn sóc và thân mật hơn đối với anh. Thái độ đó anh đã không nhận được. Còn gia đình anh thì tan vỡ nhanh chóng. Ông cụ thân sinh mắc bệnh ngớ ngẩn do ảnh hưởng của tôn giáo. Đứa em trai thì bắt đầu uống rượu và mê gái. Cô em thì đối xử như một người xa lạ, và hình như cô ta có chuyện gì không được vui với gã sinh viên tóc hung. Tôi thường thấy mắt cô sưng húp lên vì khóc, và tôi bắt đầu căm ghét gã sinh viên.

Tôi cảm thấy tôi yêu Maria Derencov. Tôi cũng đã từng yêu một cô bán hàng trong cửa hiệu của chúng tôi tên là Nadejda Secbatova, một cô gái đẫy đà, má đỏ, thường xuyên có nụ cười dịu dàng trên cặp môi đỏ tươi. Nói tóm lại là tôi đã bắt đầu yêu. Tuổi đời, tính tình và cuộc sống phức tạp của tôi đòi hỏi phải tiếp xúc với phụ nữ. Và việc đó đối với tôi có thể nói là muộn, chứ không phải quá sớm. Tôi cần có sự âu yếm của phụ nữ, hoặc chỉ là sự để ý thân mật của phụ nữ thôi cũng được. Tôi cần thổ lộ tâm sự của mình, cần thấu hiểu những ý nghĩ rời rạc rối mù và những ấn tượng lộn xộn của tôi.

Tôi vốn không có bạn bè. Những người nhìn tôi như nhìn một "vật liệu cần được chế biến" không gây được cảm tình của tôi, và không thể làm tôi cởi mở đối với họ. Cứ mỗi khi tôi bắt đầu nói với họ điều họ không thích, họ liền khuyên tôi:

- Hãy gác chuyện ấy lại!

Guri Pletniov bị bắt và bị giải đến nhà tù "Crextư" ở Peterburg. Người đầu tiên nói với tôi tin đó là Nikiforitr, khi lão gặp tôi ngoài đường phố vào một buổi sáng sớm. Lão đi về phía tôi, vẻ mặt đăm chiêu và trịnh trọng, ngực đeo đủ tất cả mề đay tựa như vừa đi duyệt binh về. Lão giơ tay lên vành mũ và im lặng đi ngang qua mặt tôi. Nhưng liền ngay đó, lão dừng lại, và bằng một giọng gắt gỏng lão nói vào gáy tôi:

- Guri Alecxandrovitr bị bắt đêm qua rồi...

Rồi lão phẩy tay, nhìn quanh và nói thêm, giọng nhỏ hơn:

- Thế là đi đời một chàng trai!

Tôi cảm thấy trong cặp mắt ranh mãnh của lão long lanh những giọt nước mắt.

Tôi biết rằng Pletniov cũng đoán trước được việc mình sẽ bị bắt. Chính anh đã báo trước cho tôi biết chuyện đó và khuyên tôi cũng như Rupxov không nên gặp anh. Đối với Rupxov, anh cũng thân như đối với tôi vậy.

Nikiforitr nhìn xuống chân và hỏi bằng giọng buồn bã:

- Sao không lại đằng tôi chơi?

Buổi chiều tôi đến nhà lão. Lão vừa ngủ dậy, đang ngồi trên giường uống cvax. Vợ lão cúi lom khom vá quần bên chiếc cửa sổ.

- Ấy, thế đấy! - viên cảnh sát vừa nói vừa gãi ngực đầy những lông như lông gấu chuột và đăm chiêu nhìn tôi. - Hắn bị bắt rồi. Người ta tìm thấy ở nhà hắn một cái xoong hắn vẫn dùng để nấu mực viết truyền đơn chống nhà vua.

Rồi lão nhổ nước bọt xuống sàn nhà và thét vợ bằng giọng giận dữ:

- Đưa quần đây!

- Một tí nữa, - mụ vợ không ngẩng đầu lên, trả lời.

Bà ấy thương xót, khóc lóc, - lão già đưa mắt về phía vợ và

nói. - Tôi cũng thương hại. Nhưng một gã sinh viên thì có thể làm gì chống lại nhà vua kia chứ?

Lão vừa mặc quần áo vừa nói:

- Tôi phải ra ngoài một lát... Đun ấm xamovar đi, mình.

Vợ lão vẫn đứng yên nhìn ra cửa sổ. Nhưng khi lão vừa khuất sau cánh cửa, mụ liền quay phắt lại, giơ nắm đấm về phía cửa, và qua kẽ răng nhe, nói với vẻ hết sức độc ác:

- Hừ, đồ quỷ già!

Khuôn mặt mụ sưng húp lên vì khóc. Mắt trái gần như bị một vệt tím bầm lớn che kín. Mụ chồm lên, đi đến bên bếp lò, cúi xuống chiếc ấm xamovar và nói rít lên:

- Tôi sẽ lừa lão ta, lừa cho lão phải gầm lên! Gầm như một con chó sói ấy. Anh đừng có tin lão ta, đừng có tin một lời nào của lão cả! Lão định tóm anh đấy. Lão nói láo, lão chẳng thương hại ai cả đâu. Một tay đánh cá đấy! Lão biết hết mọi chuyện của các anh. Lão sống bằng cái nghề ấy mà lại. Săn người là một thú ham mê của lão...

Mụ tiến sát đến bên tôi và nói bằng giọng van xin:

- Anh không thể âu yếm em sao?

Tôi vốn không ưa mụ đàn bà này, nhưng con mắt sắc sảo của mụ nhìn tôi với vẻ buồn chua chát khiến tôi ôm lấy mụ và bắt đầu vuốt những sợi tóc cứng, rối bù và nhờn nhờn.

- Bây giờ lão theo đang theo dõi ai thế?

- Những người nào ở quán trọ đường Ruvnoriatxcaia ấy.

- Có biết tên là gì không?...

Mụ mỉm cười trả lời:

- Để em bảo với lão những điều anh hỏi em! Lão ta về đấy... Lão tìm ra tung tích Gurosca[1] rồi...

Và mụ nhảy đến bên bếp lò.

---

[1] Tức Guri, cách gọi thân mật.

Nikiforitr đem về một chai rượu votca, mứt và bánh mì. Chúng tôi ngồi vào bàn uống trà. Marina ngồi cạnh tôi, mời tôi ăn với thái độ âu yếm đặc biệt, con mắt lành của mụ nhìn vào mặt tôi. Còn chồng mụ thì khuyên tôi:

- Sợi dây vô hình đó ở trong tim, trong xương tủy người ta. Có giỏi cứ thử giằng, thử dứt nó ra xem nào? Vua đối với nhân dân là Chúa!

Và đột nhiên lão hỏi:

- Anh là người đọc nhiều sách, thế anh đã đọc sách Phúc âm chưa? Sao, theo ý anh thì những điều viết trong đó có đúng cả không?

- Tôi không biết.

- Theo tôi, có những cái thừa. Mà không phải ít đâu. Chẳng hạn như nói về những người nghèo khổ: đó là những người nghèo khổ hạnh phúc. Nhưng họ hạnh phúc ở chỗ nào? Nói như thế có bị sai đôi chút. Nói chung là những chỗ nói về những người nghèo có nhiều cái khó hiểu lắm. Cần phải phân biệt người nghèo với người bị lâm vào cảnh nghèo. Người nghèo tức là người xấu! Còn người bị lâm vào cảnh nghèo thì có thể là một người bất hạnh. Cần phải suy xét như vậy. Như thế tốt hơn.

- Tại sao?

Lão im lặng, nhìn tôi một cách tò mò. Sau đó, bằng một giọng rành rọt và chắc chắn, lão bắt đầu nói ra những ý nghĩ mà có lẽ lão đã ngẫm nghĩ rất lâu:

- Trong sách Phúc âm nói nhiều đến sự thương hại quá, mà thương hại là một điều tai hại. Tôi nghĩ như vậy. Sự thương hại đòi hỏi những chi phí rất lớn cho những con người vô dụng, thậm chí những người có hại nữa. Nào là trại nuôi người tàn tật, nhà tù, nhà điên. Chính ra cần giúp đỡ những người khỏe mạnh, lành lặn để họ khỏi hao phí sức lực một

cách vô ích. Đằng này chúng ta lại đi giúp đỡ những con người yếu đuối. Chẳng lẽ có thể biến người yếu thành người khỏe được sao? Vì cái trò vô bổ ấy mà những người khỏe thì yếu đi, còn những người yếu thì cứ ngồi trên cổ họ mãi. Đó, vấn đề là ở đó! Có nhiều cái cần được quan niệm lại. Cần phải hiểu rằng cuộc sống từ lâu đã bác bỏ sách Phúc âm rồi. Nó có đường đi của nó. Đó, anh đã thấy vì sao mà Pletniov đi đời rồi chứ? Vì lòng thương hại. Chúng ta đi bố thí cho bọn ăn mày, còn các sinh viên thì để cho họ mất mạng. Đạo lí ở chỗ này là đâu, hả?

Lần đầu tiên tôi được nghe những ý nghĩ đó dưới một hình thức sắc sảo như vậy, tuy trước kia tôi cũng đã từng va vấp phải chúng. Chúng có sức sống dai dẳng hơn và phổ biến hơn là người ta thường nghĩ. Bảy năm sau, khi đọc về Nitsơ tôi nhớ lại rất rõ cái triết lí của lão cảnh sát Cazan này. Nhân tiện tôi cũng nói thêm: những điều mà tôi chưa từng thấy trong cuộc sống thì cũng ít khi tôi gặp trong sách vở.

Lão già "săn người" vẫn vừa nói vừa dùng mấy ngón tay gõ vào mép khay đựng chén để đệm nhịp cho lời nói. Bộ mặt khô không khốc của lão nhăn lại với vẻ nghiêm nghị. Nhưng lão không nhìn tôi, mà nhìn vào cái ánh đồng sáng như gương trên chiếc ấm xamovar được đánh sáng loáng.

- Đến giờ ông phải đi rồi đấy, - mụ vợ đã hai lần nhắc lão, nhưng lão không đáp lại mụ. Lão vẫn cứ xâu hết lời này đến lời khác vào cái sợi dây tư tưởng của lão. Bỗng nhiên dòng tư tưởng của lão chảy theo một hướng khác, bất ngờ đến nỗi tôi không nhận ra được.

- Anh là một thanh niên không đến nỗi ngu ngốc, chữ nghĩa lại thông thạo, chẳng lẽ anh lại xứng với nghề làm bánh sao? Làm một việc khác cho Nga hoàng anh cũng có thể kiếm ra bằng ấy tiền hoặc hơn...

Tôi vừa nghe lão vừa nghĩ cách làm thế nào báo được cho

những người không quen biết ở đường Rưvnoriatxcaia rằng Nikiforitr đang theo dõi họ. Tại đây, trong một quán trọ, có một người mới bị đi đày ở Iaiutorovxc trở về tên là Xergei Comov. Tôi đã từng được nghe người ta kể rất nhiều chuyện thú vị về con người đó.

- Những người thông minh cần phải sống với nhau như ong mật hoặc ong bò vẽ ở trong tổ ấy. Vương quốc Nga hoàng...

- Trông kìa, chín giờ rồi, - mụ đàn bà nói.

- Đồ chết tiệt!

Nikiforitr đứng lên, cài khuy áo khoác.

- Ồ, không sao, ta sẽ đi xe ngựa. Từ biệt người anh em! Cứ đến chơi, đừng ngại...

Khi ở trong đồn đi ra, tôi cương quyết tự bảo mình sẽ không bao giờ đến "thăm" Nikiforitr nữa. Tôi ghê tởm lão già, tuy rằng ở lão có nhiều cái lí thú. Những lời nói của lão về cái hại của lòng thương đã tác động đến tôi rất nhiều và ăn sâu vào tâm trí tôi. Tôi cảm thấy trong những lời nói đó có một phần sự thật nào đấy, nhưng tiếc thay sự thật ấy lại bắt nguồn từ một viên cảnh sát.

Những cuộc tranh luận về vấn đề này thường xảy ra luôn, trong đó đặc biệt có một cuộc đã tác động tôi rất mạnh.

Trong thành phố bỗng xuất hiện một người theo "chủ nghĩa Tolxtoi" - đó là người đầu tiên tôi gặp. Ông ta dáng người cao, có bộ râu đen như râu dê và cặp môi dày như người da đen. Ông ta lưng hơi gù, mắt luôn luôn nhìn xuống đất, nhưng thỉnh thoảng lại ngẩng cái đầu hơi hói lên với một điệu bộ rất mạnh, đồng thời cặp mắt đen và ướt rực lên ánh nồng nhiệt. Trong cái nhìn sắc sảo của ông ta có một cái gì như căm hờn. Cuộc nói chuyện tổ chức tại nhà một giáo sư đại học. Tới dự có rất đông thanh niên. Và giữa đám thanh niên ấy có một ông cố đạo bé nhỏ, gầy gò, dáng người thanh

nhã, đỗ thạc sĩ thần học. Ông ta mặc một chiếc áo dài đen bằng lụa. Chiếc áo đó càng làm nổi bật thêm khuôn mặt đẹp, nhợt nhạt, rạng rỡ một nụ cười khô khan trong cặp mắt xám và lạnh.

Người theo chủ nghĩa Tolxtoi nói rất lâu về sự bền vững vĩnh cửu của những chân lí vĩ đại của sách Phúc âm. Giọng nói của ông ta hơi khàn khàn, câu nói ngắn, nhưng những lời nói thì lại vang lên gay gắt. Trong những lời nói đó có thể cảm thấy sức mạnh của một lòng tin chân thành. Kèm theo lời nói, cánh tay trái đầy lông lá của ông ta làm điệu bộ giống như chém một cách đơn điệu, còn tay phải thì đút trong túi.

- Kịch sĩ, - có tiếng thì thầm ở trong góc, bên cạnh chỗ tôi ngồi.

- Đúng, rất giống ở rạp hát...

Trước đó không lâu tôi có đọc một cuốn sách hình như của Drape[1] nói về cuộc đấu tranh của Thiên Chúa giáo chống lại khoa học. Và tôi có cảm tưởng như người đang nói đây là một trong số những người tin một cách cuồng nhiệt vào khả năng có thể cứu vớt được thế giới bằng sức mạnh của tình yêu, những người vì lòng từ bi đối với mọi người mà sẵn sàng xả thịt họ ra và đem thiêu họ trên đống lửa.

Ông ta mặc một chiếc áo sơ mi trắng với hai ống tay rộng, ngoài khoác một chiếc áo choàng đã cũ, màu hơi xám xám. Cái đó cũng làm cho ông ta khác biệt với mọi người. Cuối bài thuyết giáo, ông ta la lên:

- Vậy thì các bạn đi với Jexu hay đi với Dacuyn?

Ông ta ném câu hỏi đó, hệt như ném một hòn đá vào góc nhà, nơi đám thanh niên đang ngồi chen chúc và là nơi những cặp mắt của các chàng trai và các cô gái đang nhìn ông ta với vẻ sợ hãi và vui sướng. Câu chuyện của ông ta có

[1] Drape (1811-1882), nhà hóa học, sinh lí học kiêm sử học người Anh.

lễ đã làm tất cả rất sừng sốt. Mọi người im lặng, cúi đầu đăm chiêu. Ông ta đảo mắt nhìn khắp mọi người bằng cái nhìn nảy lửa và nói thêm bằng giọng nghiêm nghị:

- Chỉ có bọn pharidieng[1] mới toan kết hợp hai nguyên tắc không thể dung hòa được với nhau ấy mà thôi. Và khi kết hợp hai nguyên tắc ấy, chính chúng đã tự dối mình một cách đáng ô nhục, đồng thời dùng sự dối trá để làm hư hỏng mọi người...

Ông cố đạo bé nhỏ đứng dậy, cẩn thận hất hai ống tay áo ra sau và, bằng một giọng nhịp nhàng, với một vẻ lịch sự hiểm độc và một nụ cười khoan dung, ông ta bắt đầu nói:

- Ý kiến của ông về những người pharidieng có lẽ hơi tầm thường. Nó không những thô bạo, mà còn hoàn toàn sai lầm...

Tôi hết sức kinh ngạc thấy ông ta bắt đầu chứng minh rằng những người pharidieng là những người bảo vệ chân chính và trung thực những di huấn của nhân dân Do Thái, rằng nhân dân đã luôn luôn đi với họ để chống lại quân thù.

- Chẳng hạn hãy đọc Flavius Josephus...[2]

Người theo chủ nghĩa Tolxtoi đứng phắt lên. Cánh tay vung cao như muốn chém nát và tiêu diệt Flavius, ông ta thét lên:

- Ngay bây giờ vẫn có những kẻ đi với kẻ thù của mình để chống lại bè bạn. Nhân dân không phải tự nguyện đi, họ bị người ta xua đuổi, cưỡng bức. Flavius của ông thì có nghĩa lí gì đối với tôi?

Ông cố đạo bé nhỏ và những người khác đã xé vụn vấn đề

---

[1] Những người pharidieng là những người thuộc một giáo phái của nước Do Thái cổ đại, phần lớn xuất thân từ tầng lớp thành thị giàu có, họ là những người ngụy thiện và khinh thường quần chúng nhân dân.

[2] *Flavius Josephus* (khoảng 37-95), nhà sử học và nhà hoạt động chính trị người Do Thái.

chủ yếu của cuộc tranh luận ra thành từng mảnh. Vấn đề đó thế là biến mất.

- Chân lí và tình yêu, - người theo chủ nghĩa Tolxtoi thét lên, cặp mắt ông ta ánh lên vẻ căm hờn và khinh bỉ.

Tôi cảm thấy mình như người say vì tiếng nói, không nắm được ý nghĩa những tiếng đó nữa. Mặt đất dưới chân tôi như bị đu đưa trong cơn lốc của tiếng nói, và tôi thường thất vọng nghĩ rằng trên trái đất thật không có kẻ nào ngu ngốc và bất tài như tôi.

Người theo chủ nghĩa Tolxtoi vừa lau mồ hôi trên bộ mặt đỏ bừng vừa thét lên dữ tợn:

- Vứt sách Phúc âm đi, quên nó đi thì khỏi bị nó lừa! Cứ đem đóng đinh Jexu vào thánh giá một lần nữa đi! Như thế lại trung thực hơn!

Trước mặt tôi hiện lên một câu hỏi sừng sững như một bức tường: làm sao đây? Nếu cuộc sống là một cuộc đấu tranh không ngừng cho hạnh phúc trên trái đất, vậy thì lòng nhân từ và yêu thương chẳng phải chỉ làm trở ngại cho thắng lợi của cuộc đấu tranh đó hay sao?

Tôi được biết tên của ông theo chủ nghĩa Tolxtoi là Clovxki, biết cả chỗ ở của ông ta nữa, và chiều hôm sau tôi bèn đến nhà ông ta. Ông ta sống tại nhà hai cô gái địa chủ. Khi tôi đến, ông ta đang ngồi với họ ở trong vườn, bên một chiếc bàn, dưới bóng một cây bồ đề rất to. Ông ta mặc quần trắng, sơ mi cũng màu trắng, áo phanh ra trên bộ ngực lông lá đen sì. Trông người ông ta dài thuồn thuỗn, cử chỉ vụng về, vẻ mặt khô khan. Ông ta thật phù hợp với sự tưởng tượng của tôi về những đạo sĩ vô gia cư, những người đi truyền bá chân lí.

Ông ta cầm chiếc thìa bằng bạc múc phúc bồn tử với sữa ở đĩa lên, nuốt một cách ngon lành và chép chép cặp môi dày.

Cứ nuốt xong, ông ta lại thổi phù phù cho những giọt sữa trắng nhỏ li ti bắn khỏi hàng ria mép thưa như ria mèo. Hai cô gái, một cô đứng bên bàn để phục dịch ông ta, còn cô kia thì đứng tựa lưng vào thân cây bồ đề, hai tay khoanh trên ngực, mắt mơ màng nhìn lên bầu trời bụi bặm, nóng bức. Cả hai đều mặc áo dài mỏng màu tím và giống nhau đến nỗi gần như không thể phân biệt được.

Bằng một giọng dịu dàng và dễ dãi, ông ta nói với tôi về sức mạnh sáng tạo của tình yêu. Ông ta nói rằng cần phải làm nảy nở trong tâm hồn mình tình cảm đó - cái duy nhất có khả năng "ràng buộc con người với tinh thần của thế giới", với tình yêu tản mản khắp mọi nơi trong cuộc sống.

- Chỉ có cái đó mới có thể ràng buộc được con người! Không yêu thì không thể hiểu được cuộc sống. Còn những kẻ nói quy luật của cuộc sống là đấu tranh - đó là những tâm hồn mù quáng, tất yếu sẽ bị diệt vong. Lửa không thể thắng được lửa thì sức mạnh của cái ác cũng không thể thắng được cái ác!

Nhưng khi hai cô gái ôm nhau và đi về phía ngôi nhà ở sâu trong vườn thì con người đó lại nheo mắt nhìn theo họ và hỏi:

- Còn anh là ai?

Sau khi nghe tôi nói xong, ông ta vừa gõ mấy ngón tay xuống mặt bàn vừa bắt đầu nói. Ông ta nói rằng con người ở đâu cũng vẫn là con người, và điều cần đạt tới không phải là thay đổi địa vị trong cuộc sống, mà là giáo dục lòng yêu đối với mọi người...

- Con người ở địa vị càng thấp bao nhiêu càng gần với chân lí thật sự của cuộc sống, với sự sáng suốt khôn ngoan của nó bấy nhiêu...

Tôi hơi hoài nghi sự am hiểu của ông ta về "sự sáng suốt

khôn ngoan" ấy, nhưng tôi im lặng không nói. Tôi cảm thấy nói chuyện với tôi, ông ta có vẻ chán ngán. Ông ta nhìn tôi bằng cái nhìn như muốn xua đuổi, miệng ngáp, hai tay chắp sau gáy, chân duỗi thẳng, hai mắt nhắm nghiền có vẻ mệt mỏi, miệng lẩm bẩm như đang mơ mơ màng màng:

- Phục tùng tình yêu... quy luật của cuộc sống...

Giật mình, hai tay khua khua như muốn nắm lấy vật gì trong không khí, ông ta hoảng hốt nhìn chằm chằm vào tôi:

- Cái gì thế? Xin lỗi, tôi mệt quá!

Ông ta lại nhắm mắt và, như đang cơn đau, ông ta nghiến chặt răng, hai hàm răng nhe ra. Môi dưới của ông ta trễ xuống, môi trên vểnh lên, những sợi ria mép thưa thớt xanh xanh dựng đứng lên.

Tôi ra về đem theo lòng ác cảm đối với con người đó và một nỗi hoài nghi lờ mờ về sự thành thực của ông ta.

Mấy hôm sau, một buổi sáng tôi đem bánh mì đến cho một ông phó giáo sư quen - một người sống độc thân và rất nát rượu - tôi lại gặp Clovxki một lần nữa. Ông ta chắc hẳn suốt đêm không ngủ, mặt nâu xám, cặp mắt đỏ ngầu và sưng húp lên. Tôi có cảm tưởng như ông ta đang say rượu. Ông phó giáo sư to béo say khướt, mặc quần áo lót, tay cầm cây đàn ghi ta, ngồi trên sàn nhà, giữa đống bàn ghế, chai rượu và quần áo ngoài thay ra. Ông ta ngồi lắc lư, miệng la:

- Lòng nhân... nhân từ...

Clovxki thét, giọng gay gắt và giận dữ:

- Không có lòng nhân từ! Chúng ta sẽ chết mục vì tình yêu hoặc sẽ bị nghiến bẹp trong cuộc đấu tranh cho tình yêu - tất thảy đều như nhau cả: số chúng ta phải chết...

Ông ta nắm lấy vai tôi, dẫn tôi vào phòng và nói với ông phó giáo sư:

- Đây, thử hỏi anh này xem - anh ta muốn gì? Hỏi xem: anh ta có cần tình yêu đối với mọi người không?

Ông phó giáo sư nhìn tôi bằng cặp mắt đầy lệ và cười:

- Anh ấy là người bán bánh mì! Tôi còn nợ tiền anh ta.

Ông ta lảo đảo, thọc tay vào túi, rút ra một chiếc chìa khóa và đưa cho tôi:

- Đấy, lấy cả đi!

Nhưng ông theo chủ nghĩa Tolxtoi đã đỡ lấy chiếc chìa khóa ở tay ông ta và phẩy tay về phía tôi.

- Đi đi! Sau hãy lấy tiền.

Nói rồi ông ra cầm những chiếc bánh mì nhân của tôi quẳng lên chiếc đi văng ở góc nhà.

Ông ta không nhận ra tôi, và điều đó làm tôi cảm thấy dễ chịu. Ra về, tôi mang theo trong tâm trí những lời nói của ông ta về cái chết do tình yêu và mang trong lòng một nỗi chán ghét đối với ông ta.

Ít lâu sau, tôi nghe nói ông ta có tỏ tình với một trong hai cô gái chủ nhà nơi ông ta ở, và ngay hôm đó lại tỏ tình với cô kia nữa. Hai chị em tâm sự với nhau, và niềm vui sướng ấy đã biến thành tức giận chống lại tình nhân. Họ sai người quét sân bảo ông đạo sĩ ái tình ấy phải lập tức cuốn gói ngay khỏi nhà họ. Từ đó ông ta biến mất khỏi thành phố.

Vấn đề về ý nghĩa của tình yêu và lòng nhân từ trong cuộc sống của con người - một vấn đề đáng sợ và phức tạp - đã hiện ra trước mắt tôi rất sớm. Thoạt đầu nó xuất hiện trong tâm hồn tôi dưới hình thức một cảm giác lờ mờ, nhưng sâu sắc về sự bất hòa; sau đó dưới hình thức rõ rệt của những lời nói dứt khoát, rõ ràng:

- Vai trò của tình yêu như thế nào?

Tất cả những cái tôi đã đọc đều chứa đầy những tư tưởng của Cơ Đốc giáo, của chủ nghĩa nhân đạo cùng những lời kêu gào lòng thương hại đối với mọi người. Cuộc sống đã mở ra trước mắt tôi, như một sợi dây xích vô tận của sự thù địch

và tàn bạo, như một cuộc tranh chấp liên tục và bẩn thỉu để đoạt lấy những vật nhỏ mọn. Riêng tôi, tôi chỉ cần có sách vở, tất cả những cái khác đều không có ý nghĩa gì dưới con mắt tôi.

Chỉ cần bước ra đường phố và ngồi ở cổng một giờ đồng hồ là đủ hiểu rằng tất cả những con người đó - những người đánh xe ngựa, quét sân, thợ thuyền, viên chức, nhà buôn - tất thảy đều sống không giống tôi và những người mà tôi yêu mến, họ mong muốn những cái khác, họ theo đuổi mục đích khác. Còn những người mà tôi kính trọng và tin tưởng thì lại cô độc, xa lạ một cách kì quái. Họ như những người thừa sống giữa thiên hạ, giữa cái công việc bẩn thỉu và ranh mãnh của đàn kiến đang cần cù xây đắp cái tổ của cuộc sống. Cuộc sống đó đối với tôi hoàn toàn là ngu xuẩn và buồn tẻ đến chết được. Đã nhiều lần tôi nhận thấy rằng người ta chỉ nhân đức và giàu tình thương trên lời nói mà thôi, còn trên thực tế thì họ lại phục tùng cái trật tự chung của cuộc sống mà chính họ cũng không nhận thấy.

Tôi cảm thấy rất khó sống.

Một hôm chàng thú y sĩ Lavrov, người vàng bủng và sưng húp vì bệnh phù, vừa thở vừa bảo tôi:

- Phải tàn nhẫn hơn nữa, cho thiên hạ khổ sở vì nó, cho mọi người không thể chịu đựng được nó nữa, giống như cái mùa thu đáng nguyền rủa này này!

Lúc đó là đầu mùa thu, một mùa thu mưa rét, đầy những bệnh tật và những vụ tự tử. Lavrov cũng tự đầu độc bằng kali xianua,[1] anh không muốn đợi đến khi bệnh phù giết chết anh.

- Chữa cho súc vật, rồi lại chết như súc vật! - bác thợ may Metnicov, chủ nhà của chàng thú y sĩ, nói trong lúc đi đưa

[1] Một thứ hóa chất.

đám anh ta. Bác ta là một người gầy gò, mộ đạo, thuộc tất cả những bài hát ca ngợi Đức Mẹ. Bác hay đánh con cái - một đứa con gái lên bảy và một thằng con trai mười một tuổi học trung học - bằng roi da chập ba, còn vợ thì bác dùng gậy tre đánh vào hai bắp chân. Bác thường than thở:

- Quan tòa quở trách tôi là đi bắt chước cái lối đó của người Trung Quốc, nhưng tôi suốt đời chưa hề thấy người Trung Quốc bao giờ, ngoài những hình vẽ trên các tấm biển và các bức tranh.

Một trong số những thợ làm của bác ta có tên lóng là "chồng mụ Dunca" - một người lúc nào cũng rầu rĩ, hai chân thì cong - đã nói về ông chủ của mình như sau:

- Tôi rất sợ những kẻ thơn thớt đầu lưỡi đồng thời lại mộ đạo! Người nóng tính thì thấy ngay, và ta luôn luôn có thời giờ để lẩn tránh họ, còn kẻ thơn thớt đầu lưỡi thì họ bò lên người anh như một vật vô hình, tựa như một con rắn nham hiểm trườn trong bãi cỏ, rồi bất thình lình nó cắn vào chỗ nào sơ hở nhất của tâm hồn anh. Tôi sợ những kẻ thơn thớt đầu lưỡi lắm...

Trong những lời của "chồng mụ Dunca" - một gã ton hót mềm mỏng, ranh mãnh, được Metnicov yêu mến - có một phần nào sự thật.

Đôi khi tôi cảm thấy những người ăn nói ngọt ngào cũng giống như những đám rêu; họ làm cho trái tim đá của cuộc sống tơi ra, mềm ra và thêm mầu mỡ. Nhưng thường thường, trong khi quan sát rất nhiều những con người như vậy, nhìn sự thích ứng khéo léo của họ đối với những cái đê tiện, cùng là tính dễ thay đổi và mềm dẻo của tâm hồn họ mà ta khó nhận thấy, cũng như những lời than vãn dai dẳng nghe như tiếng muỗi kêu của họ - tôi cảm thấy mình giống như một con ngựa bị buộc chân đứng giữa đám ruồi trâu.

Đó là những điều tôi đã nghĩ đến lúc ở nhà lão cảnh sát đi ra.

Gió rít, những ngọn đèn đường run rẩy, nhưng người ta lại có cảm giác như bầu trời đen xám đang rung động và rắc xuống mặt đất những hạt mưa tháng Mười lấm tấm như bụi. Một ả gái điếm ướt lướt thướt kéo một anh chàng say rượu đi trên đường phố. Ả nắm tay anh ta, đẩy đi, còn anh chàng thì lẩm bẩm cái gì đó và nức nở. Người đàn bà nói, giọng khàn khàn và mệt mỏi:

- Cái số của anh nó như thế...

"Đó - tôi nghĩ - mình cũng đang bị một người lôi đi đẩy vào những xó xỉnh ghê tởm, và chỉ cho mình xem những cái bẩn thỉu, buồn rầu và đủ thứ người kì quặc. Cái đó làm mình mệt nhoài cả người".

Có thể là tôi không nghĩ đúng hẳn những lời đó, nhưng chính ý nghĩ ấy đã bùng lên trong óc tôi. Chính vào cái buổi tối buồn bã đó, lần đầu tiên tôi đã cảm thấy sự mệt mỏi của tâm hồn, cảm thấy như trong tim tôi có một đám mốc ăn mòn. Từ giờ phút đó trở đi tôi bắt đầu cảm thấy mình tồi hơn. Tôi bắt đầu nhìn mình với cặp mắt của người đứng ngoài, cặp mắt lạnh nhạt, xa lạ và thù địch.

Tôi nhận thấy hầu như trong mỗi người đều có sự kết hợp vụng về và lộn xộn của những mâu thuẫn, không những trong lời nói và hành động, mà cả trong tình cảm nữa. Trò đùa kì quái của những mâu thuẫn trong tình cảm đó đặc biệt đè nặng lên tôi. Tệ hơn nữa, ngay cả trong tâm hồn tôi, tôi cũng nhận thấy trò đùa ấy. Tôi bị lôi kéo về mọi phía: đàn bà và sách vở, công nhân và giới sinh viên vui nhộn. Nhưng tôi chưa kịp đi về phía nào cả, cứ sống "nay đây mai đó", quay tít như một con quay. Và một cánh tay vô hình, nhưng rất khỏe, đã dùng một chiếc roi vô hình quất vào người tôi làm bỏng rát cả da thịt.

Nghe nói Iacov Saposnicov phải vào nằm nhà thương, tôi bèn đi thăm anh ta. Nhưng đến đó một mụ đàn bà to béo, méo mồm, đeo kính và trùm khăn trắng để thò ra hai cái tai đỏ như bị luộc chín, bảo tôi bằng một giọng nghe khô không khốc:

- Chết rồi.

Và thấy tôi không đi, mà lại cứ đứng lì ra trước mặt, mụ cáu tiết thét:

- Sao, còn muốn gì nữa?

Tôi cũng cáu và nói:

- Mụ là đồ ngốc.

- Nicolai! Đuổi nó đi!

Nicolai đang dùng giẻ lau những sợi dây đồng gì đó. Hắn thét lên một tiếng và lấy một sợi quấn vào lưng tôi. Tôi bèn ôm lấy hắn, đem ra đường và đặt vào vũng nước ở cạnh cửa nhà thương. Thái độ của hắn đối với việc đó có vẻ bình thản. Hắn ngồi một phút không nói gì, hai mắt tròn xoe nhìn tôi, sau đó đứng dậy và nói:

- Hừ, mày là đồ chó má!

Tôi đi đến vườn Decjavin, ngồi xuống chiếc ghế dài bên cạnh bức tượng nhà thơ. Tôi cảm thấy rất muốn làm một việc gì độc ác, xấu xa khiến cho nhiều người phải xông đến đánh tôi, để tôi có quyền đánh họ. Nhưng mặc dầu là ngày lễ, trong vườn rất vắng và xung quanh vườn không có một bóng người nào. Chỉ có gió lồng lộn, xua đuổi những chiếc lá khô và làm tờ quảng cáo bị bong bay phần phật trên cột đèn.

Hoàng hôn trong xanh, lạnh lẽo bao trùm khu vườn. Bức tượng đồng rất lớn sừng sững trước mắt tôi. Nhìn bức tượng, tôi nghĩ: một con người cô đơn đã từng sống trên trái đất này - đó là Iacov, con người đó đã dùng tất cả sức mạnh của tâm hồn mình để tiêu diệt Chúa và đã chết một

cách thông thường, rất thông thường! Trong cái đó có một cái gì nặng nề, rất đáng giận.

"Còn Nicolai chỉ là một thằng ngốc. Đáng lẽ hắn phải đánh nhau với tôi hoặc gọi cảnh sát và giải tôi về đồn... "

Tôi đến chỗ Rupxov. Bác ta đang ngồi bên cạnh bàn trong căn buồng chật hẹp như cái cũi chó, trước một ngọn đèn nhỏ và đang vá lại chiếc áo.

- Iacov chết rồi.

Ông già giơ bàn tay cầm kim khâu lên, có lẽ định làm dấu, nhưng rồi bác chỉ xua tay, luồn sợi chỉ vào một cái gì đó và khẽ văng tục.

Sau đó bác càu nhàu nói:

- Tựu trung thì tất cả chúng ta rồi cũng sẽ chết, đó là cái lệ thường ngu xuẩn của chúng ta. Đúng như thế đấy, chú mình ạ! Anh ta thế là chết rồi. Ở đây có một lão làm nghề đúc xanh chảo, lão ta cũng đi tong rồi. Mới chủ nhật trước đây thôi, bọn cảnh binh bắt đi Gurca có giới thiệu bác với lão ta. Thật là một tay thông minh! Lão ta có đi lại ít nhiều với bọn sinh viên. Cháu có nghe nói gì không? Bọn sinh viên nổi loạn, có đúng thế không? Này, khâu hộ bác cái áo một tí, bác chẳng nhìn thấy quỷ gì cả...

Bác đưa cho tôi cái áo rách tã cùng chiếc kim đã xâu chỉ, còn bác thì chắp hai tay ra sau lưng, bắt đầu đi lại, ở trong phòng. Vừa đi bác vừa ho và nói càu nhàu:

- Ngọn lửa nhỏ lúc thì bùng lên ở chỗ này, lúc thì bùng lên ở chỗ kia. Nhưng bị quỷ sứ thổi tắt hết, và cảnh buồn tẻ lại trở lại. Thành phố này là một thành phố bất hạnh. Ta phải đi khỏi đây trong lúc tàu thủy hãy còn chạy được.

- Những con người trên sông Volga thật tốt biết bao! - bác Rupxov nói với vẻ khâm phục. Bác xỉ mũi, khạc nhổ không ngớt và thì thầm bảo tôi: "Cháu trốn đi! Tìm dịp mà trốn! Cháu bò vào đồn này làm gì?".

Tôi, và theo sau tôi một chàng thủy thủ nào đó cao lêu nghêu, chạy bổ vào một cái ngõ, nhảy qua một hàng rào, rồi một hàng rào nữa - và từ đêm đó tôi không bao giờ gặp lại Nikita Rupxov thông minh và yêu quý nhất của tôi nữa.

Quanh tôi trở nên vắng vẻ. Những phong trào phản đối của sinh viên bắt đầu nổ ra. Ý nghĩa của những phong trào ấy tôi không hiểu, duyên cớ vì sao tôi cũng không rõ. Tôi chỉ nhìn thấy những cảnh nhốn nháo vui mắt, mà không cảm thấy được những tấn bi kịch ở trong đó. Và tôi đã nghĩ rằng vì cái diễm phúc được học tập ở trường đại học, tôi có thể chịu đựng được ngay cả những sự hành hạ. Giả sử nếu như người ta bảo tôi: "Cho mày đi học đấy, nhưng muốn thế mỗi chủ nhật mày phải để chúng tao lấy gậy đánh cho mày một trận ở giữa quảng trường Nicolaiev!"- có lẽ tôi cũng nhận điều kiện ấy.

Đến xưởng bánh mì của Xemionov, tôi nghe nói anh em công nhân sắp sửa đi tới trường đại học để đánh anh em sinh viên.

- Chúng ta sẽ dùng tạ để nện! - họ nói với vẻ giận dữ vui nhộn.

Tôi liền tranh luận, cãi nhau với họ. Nhưng bỗng chốc tôi cảm thấy, gần như với một nỗi khiếp sợ, rằng tôi không có ý muốn, không đủ lời để bảo vệ anh em sinh viên.

Tôi còn nhớ, tôi bước ra khỏi căn hầm như một người bị đánh tàn tật, với một nỗi buồn không sao dập tắt nổi, một nỗi buồn đủ sức để giết chết con người ta.

Đêm hôm ấy tôi ngồi trên bờ sông Caban. Vừa nhặt đá ném xuống dòng nước đen ngòm, tôi vừa suy nghĩ và nhắc đi nhắc lại mãi mấy tiếng:

"Ta làm gì đây?"

Vì buồn, tôi bắt đầu học kéo vĩ cầm. Đêm đêm tôi kéo đàn trong cửa hàng, làm cho người gác đêm và đàn chuột bị quấy

rầy. Tôi thích âm nhạc và bắt đầu học nhạc rất say mê. Nhưng một hôm, trong lúc tôi đi ra ngoài, thầy giáo của tôi - một tay kéo vĩ cầm trong dàn nhạc nhà hát - đã mở két tiền mà tôi không khóa. Khi trở vào, tôi thấy hai túi anh ta nhét đầy những tiền. Nhìn thấy tôi ở cửa, anh ta vươn cổ, giơ bộ mặt chán ngắt, nhẫn nhụi về phía tôi và nói khẽ:

- Này, đánh đi!

Cặp môi anh ta run run; từ hai con mắt trắng dã lăn ra những giọt nước mắt nhờn như dầu và to một cách kì lạ.

Tôi muốn nện cho anh chàng kéo vĩ cầm ấy một trận. Để khỏi làm điều đó, tôi ngồi thụp xuống sàn nhà, giấu hai nắm đấm xuống dưới đùi và ra lệnh cho anh ta trả tiền vào két. Anh ta lôi hết tiền ở túi ra và đi ra cửa. Nhưng rồi anh ta dừng lại và nói bằng một giọng cao vút nghe khủng khiếp và rất ngu xuẩn:

- Cho tôi xin mười rúp!

Tôi cho anh ta tiền, nhưng bỏ không học vĩ cầm nữa.

Đến tháng Chạp thì tôi quyết định tự tử. Tôi đã thử mô tả lí do của quyết định này trong truyện ngắn *Một chuyện xảy ra trong cuộc đời Macar*. Nhưng tôi đã không thành công trong việc này: câu chuyện vụng về, kém hấp dẫn và thiếu sự chân thực nội tại ấy là một ưu điểm của nó. Những sự kiện là có thực, nhưng dường như không phải tôi giải thích những sự kiện ấy, và câu chuyện dường như không phải nói về tôi. Nếu không kể đến giá trị văn học, thì câu chuyện đó đối với tôi vẫn có một cái gì thú vị: dường như tôi đã có thể tự chế ngự được bản thân mình.

*
* *

Tôi mua ở chợ một khẩu súng lục của người đánh trống đã nạp sẵn bốn viên đạn. Tôi tự bắn vào ngực, định bắn trúng

tim, nhưng viên đạn chỉ xuyên qua phổi. Một tháng sau, tôi rất ngượng, cảm thấy mình ngu xuẩn đến cực độ, tôi lại đến làm việc ở hiệu bánh mì.

Nhưng làm ở đấy không được bao lâu. Tới cuối tháng Ba, vào một buổi chiều, khi từ lò bánh mì đi tới cửa hiệu, tôi trông thấy Khokhon ở phòng của cô bán hàng. Anh ta ngồi trên một chiếc ghế cạnh cửa sổ, mồm hút điếu thuốc lá to với vẻ đăm chiêu, mắt chăm chú nhìn đám khói.

- Anh có rỗi không? - anh ta không chào, mà hỏi thẳng tôi.

- Rỗi độ hai mươi phút thôi.

- Mời anh ngồi xuống đây, chúng ta nói chuyện với nhau một lát.

Như mọi khi, anh mặc chiếc áo Cazakin bằng loại vải "bao tải" bó chặt lấy người, bộ râu mầu vàng óng buông thõng xuống bộ ngực nở của anh, trên vầng trán bướng bỉnh nhô ra một mớ tóc cứng cắt ngắn, chân anh đi đôi ủng nặng nề kiểu mujic, từ đôi ủng tỏa ra mùi si nồng nặc.

- Này, - anh ta bắt đầu nói khe khẽ, vẻ bình thản, - anh có muốn đến chỗ tôi ở không? Tôi ở làng Craxnovidovo cách đây bốn mươi nhăm verxta xuôi theo dòng sông Volga. Tôi có một cửa hiệu nhỏ ở đó, anh sẽ giúp tôi trong việc buôn bán, việc này làm anh mất một chút ít thì giờ thôi. Tôi có nhiều sách hay, tôi sẽ giúp anh học tập - anh đồng ý chứ?

- Vâng.

- Tới thứ sáu này vào lúc sáu giờ sáng mời anh đến bến tàu Curbatov, hỏi thăm chiếc thuyền từ Craxnovidovo tới, chủ thuyền là Vaxili Pancov. Tuy vậy, tôi sẽ có mặt ở đó và sẽ đón anh. Thôi, tạm biệt!

Anh ta đứng dậy chìa một bàn tay to lớn ra bắt tay tôi, còn tay kia rút từ túi áo ngực ra chiếc đồng hồ quả quýt bằng bạc nặng trình trịch và nói:

tim, nhưng viên đạn chỉ xuyên qua phổi. Một tháng sau, tôi rất ngượng, cảm thấy mình ngu xuẩn đến cực độ, tôi lại đến làm việc ở hiệu bánh mì.

Nhưng làm ở đấy không được bao lâu. Tới cuối tháng Ba, vào một buổi chiều, khi từ lò bánh mì đi tới cửa hiệu, tôi trông thấy Khokhon ở phòng của cô bán hàng. Anh ta ngồi trên một chiếc ghế cạnh cửa sổ, mồm hút điếu thuốc lá to với vẻ đăm chiêu, mắt chăm chú nhìn đám khói.

- Anh có rỗi không? - anh ta không chào, mà hỏi thẳng tôi.

- Rỗi độ hai mươi phút thôi.

- Mời anh ngồi xuống đây, chúng ta nói chuyện với nhau một lát.

Như mọi khi, anh mặc chiếc áo Cazakin bằng loại vải "bao tải" bó chặt lấy người, bộ râu mầu vàng óng buông thõng xuống bộ ngực nở của anh, trên vầng trán bướng bỉnh nhô ra một mớ tóc cứng cắt ngắn, chân anh đi đôi ủng nặng nề kiểu mujic, từ đôi ủng tỏa ra mùi si nồng nặc.

- Này, - anh ta bắt đầu nói khe khẽ, vẻ bình thản, - anh có muốn đến chỗ tôi ở không? Tôi ở làng Craxnovidovo cách đây bốn mươi nhăm verxta xuôi theo dòng sông Volga. Tôi có một cửa hiệu nhỏ ở đó, anh sẽ giúp tôi trong việc buôn bán, việc này làm anh mất một chút ít thì giờ thôi. Tôi có nhiều sách hay, tôi sẽ giúp anh học tập - anh đồng ý chứ?

- Vâng.

- Tới thứ sáu này vào lúc sáu giờ sáng mời anh đến bến tàu Curbatov, hỏi thăm chiếc thuyền từ Craxnovidovo tới, chủ thuyền là Vaxili Pancov. Tuy vậy, tôi sẽ có mặt ở đó và sẽ đón anh. Thôi, tạm biệt!

Anh ta đứng dậy chìa một bàn tay to lớn ra bắt tay tôi, còn tay kia rút từ túi áo ngực ra chiếc đồng hồ quả quýt bằng bạc nặng trình trịch và nói:

- Chúng ta đã kết thúc câu chuyện trong vòng sáu phút! À, tên tôi là Mikhailo[1] Antonov, họ là Romat. Như thế nhé.

Anh bước ra khỏi cửa không hề ngoái lại, bước đi có vẻ rắn chắc, cái thân hình cường tráng nặng như đúc ấy di chuyển một cách nhẹ nhàng.

Hai ngày sau tôi đi thuyền tới Craxnovidovo.

Băng trên sông Volga vừa mới bắt đầu tan, trên mặt sông những tảng băng lớn lởm chởm màu xám bập bềnh trôi theo dòng nước đục. Chiếc thuyền vượt lên trước những tảng băng, băng cọ sát vào mạn thuyền kêu ken két và bị phá tan ra thành những tinh thể nhọn hoắt. Một làn gió từ thượng nguồn thổi về như nô đùa, xua lớp sóng vào bờ. Ánh mặt trời lấp lánh làm lóa mắt, những chùm tia sáng nhỏ sáng loáng phản chiếu từ phía sườn những tảng băng màu xanh nhạt như thủy tinh. Chiếc thuyền chất đầy những thùng gỗ lớn, bao tải, hòm gỗ đang căng buồm chạy. Trên bánh lái là chàng mujic trẻ tuổi Pancov, mặc chiếc áo sang trọng bằng da cừu thuộc trên ngực có thêu một dải nhỏ nhiều màu.

Khuôn mặt anh trầm tĩnh, cặp mắt trông có vẻ lạnh lùng, tính anh lặng lẽ và ít giống một người mujic. Cucuskin, một cố nông của Pancov, cầm chiếc sào có móc ở đầu, đứng dạng chân ở mũi thuyền. Đó là một người mujic xấu xí, đầu tóc rối bù, mặc chiếc áo rách rưới, thắt chiếc dây thừng ở ngang lưng, đầu đội chiếc mũ nhàu nát kiểu cố đạo, khuôn mặt anh đầy vết tím bầm và vết sây sát. Anh lấy chiếc sào dài đẩy những tảng băng, miệng chửi rủa với giọng khinh miệt:

- Tránh ra... bò đi đâu đấy...

Tôi cùng Romat ngồi dưới cánh buồm, trên những chiếc hòm, anh nói khẽ với tôi:

---

[1] Tên đầy đủ là Mikhail, tên lót đầy đủ là Antonovitr, họ là Romat. Tên gọi tắt là Mikhailo Antonov.

- Những người mujic không thích tôi, nhất là bọn phú nông! Cả anh nữa rồi cũng sẽ bị họ ghét như vậy.

Cucuskin đặt chiếc sào ngang mạn thuyền, dưới chân, rồi quay khuôn mặt tàn tật về phía chúng tôi và nói với vẻ thích thú:

- Nhất là ông cố đạo, Antonit ạ, ông ta không thích anh đâu...

- Đúng thế. - Pancov xác nhận.

- Đối với hắn, con chó đốm ấy, anh dường như một miếng xương mắc trong cuống họng!

- Nhưng tôi cũng có bè bạn, và họ cũng sẽ là bạn của anh. - Khokhon nói tiếp.

Trời lạnh. Nắng tháng Ba còn rất dịu. Trên bờ sông những cành cây trụi lá đen sẫm đu đưa, ở một đôi nơi trong các khe và dưới những bụi cây trên bờ sông dốc còn sót lại những đám tuyết mịn như nhung. Khắp mặt sông là những tảng băng giống như một đàn cừu trắng đang ăn cỏ. Tôi cảm thấy mình như đang sống trong một giấc mơ.

Cucuskin vừa nhồi thuốc vào tẩu vừa triết lí:

- Anh không phải là vợ lão cha cố ấy, điều đó thì khá rõ rồi. Nhưng việc của hắn là phải yêu mến các chúng sinh, điều ấy đã ghi rõ trong sách, có phải thế không?

- Thế ai đã đánh anh? - Romat mỉm cười hỏi.

- Đấy là lũ đốn mạt nào đó, chắc là bọn kẻ cắp, - Cucuskin nói với vẻ khinh bỉ. Sau đó anh nói với giọng kiêu hãnh: - Không, không phải thế, có một hồi bọn pháo thủ đã đánh tôi, chuyện đó có thật! Tôi cũng không hiểu rõ tại sao tôi còn sống sót đến ngày nay nữa.

- Vì sao họ đánh anh? - Pancov hỏi.

- Anh định hỏi chuyện hôm qua hay là chuyện bọn pháo thủ?

- Phải, hôm qua ấy?

- Hừm, làm sao có thể hiểu được người ta đánh vì tội gì? Dân ở địa phương chúng tôi giống như những con dê, hơi một tí là húc luôn! Họ coi chuyện đánh nhau như cơm bữa ấy.

- Tôi nghĩ rằng, - Romat nói, - họ đánh anh vì tội lắm mồm, anh ăn nói thiếu thận trọng..

- Có lẽ thế! Tính tôi hay tò mò, có thói quen cái gì cũng hỏi. Đối với tôi hễ nghe được chuyện gì mới là vui mừng không thể tả được.

Mũi thuyền đụng mạnh vào một tảng băng, hai bên mạn thuyền cũng nghe ào ào rất dữ tợn. Cucuskin lảo đảo nắm vội lấy chiếc sào. Pancov nói vẻ trách móc:

- Anh hãy để ý tới công việc một chút, Xtenpan[1] ạ!

- Anh cũng đừng nói chuyện với tôi nữa! - Cucuskin vừa đẩy những tảng băng ra vừa nói lẩm bẩm. - Tôi không thể cùng một lúc vừa làm công việc của mình vừa nói chuyện với anh...

Họ tranh cãi với nhau không có vẻ gì giận dữ. Romat nói với tôi:

- Ruộng đất ở đây xấu hơn so với ở Ucraina của chúng tôi, nhưng con người thì tốt hơn. Toàn là những người tài giỏi!

Tôi chú ý nghe anh và rất tin anh. Tôi thích tính điềm tĩnh và lời nói đều đều, giản dị, xác đáng của anh. Tôi có cảm giác con người này hiểu biết nhiều và anh có cách đánh giá mọi người. Tôi thích nhất là anh không hỏi tại sao tôi tự sát! Nếu là người khác ở địa vị anh thì họ đã hỏi từ lâu rồi. Mà tôi đã chán ngấy cái câu hỏi ấy. Và cũng khó mà trả lời họ. Có quỷ mới biết được tại sao tôi đã quyết định tự sát. Giá Khokhon có hỏi thì có lẽ tôi sẽ trả lời rất dài và ngớ ngẩn là đằng khác. Tôi không bao giờ muốn nhớ lại chuyện ấy nữa

[1] Tức Cucuskin.

nhất là khi ở trên dòng sông Vonlga vừa đẹp, vừa phóng khoáng và lấp lánh này.

Chiếc thuyền bơi sát bên bờ lở; con sông phình rộng về phía bên trái, nước tràn vào phía bờ cát của cánh đồng cỏ. Có thể nhìn thấy rõ nước sông dâng lên, vỗ oàm oạp và làm rung rinh những bụi cây ở ven bờ, những dòng nước lũ mùa xuân lấp lánh chảy ầm ầm, gặp nước sông ở những chỗ đất trũng và khe đất. Mặt trời như mỉm cười, và trong ánh nắng lấp lánh những đàn quạ mỏ vàng với bộ lông đen nhánh như thép, chúng vừa làm tổ vừa kêu quang quác có vẻ bận rộn. Ở chỗ có ánh nắng đám cỏ xanh mơn mởn mọc lên tươi tốt. Thân thể thì lạnh, nhưng trong lòng như có một niềm vui lặng lẽ và cũng nẩy sinh những mầm hi vọng tươi sáng, dịu dàng, mùa xuân trên trái đất thật là đẹp.

Đến trưa thuyền của chúng tôi tới Craxnovidovo.Trên một quả núi cao bị cắt dựng đứng có một ngôi nhà thờ nóc sơn màu xanh da trời. Từ phía nhà thờ trở ra là những ngôi nhà gỗ đẹp và chắc chắn nối đuôi nhau chạy dài theo sườn núi. Những mái nhà lợp ván màu vàng và những lớp rạ như gấm thêu bóng loáng. Thật là giản dị và đẹp mắt.

Đã bao nhiêu lần tôi ngắm nghía cái làng này mỗi khi đi tàu thủy ngang qua.

Khi tôi cùng với Cucuskin bắt đầu dỡ hàng ở thuyền xuống, Romat vừa chuyển cho tôi những chiếc bao tải từ trên thuyền xuống vừa nói:

- Anh thì chắc là phải khỏe!

Và không nhìn tôi, anh hỏi tiếp:

- Không đau ngực chứ?

- Không đau chút nào.

Tôi rất cảm động với câu hỏi tế nhị của anh. Vì tôi rất không muốn để những người mujic biết chuyện tôi định tự sát.

- Sức của anh có thể nói là khỏe quá mức, - Cucuskin nói ba hoa. - Anh người tỉnh nào? Nijegorod[1] à? Thiên hạ thường chế các anh là sống bằng đường sông nước. Và còn có một câu nữa - "Chà, hãy xem chim hải âu từ đâu bay tới"[2] - câu đó cũng nói về các anh đấy!

Một người mujic cao, gầy, đi chân đất, mặc áo cánh, quần dài, có bộ râu cằm loăn xoăn, đội chiếc mũ lông rậm, mái tóc hơi hung hung, rảo bước đi từ trên đồi xuống. Anh ta đi theo bờ dốc, trên đám đất sét nhão nhoẹt, giữa nhiều dòng suối lấp lánh như bạc. Thỉnh thoảng anh ta lại bị trượt chân và bước loạng choạng.

Khi đi tới gần bờ, anh nói bằng giọng vang vang và dịu dàng:

- Chào các bạn đã về.

Anh nhìn quanh, nhấc một chiếc sào to lên, rồi lại nhấc một chiếc khác, sau đó gác đầu hai chiếc sào lên mạn thuyền rồi nhẹ nhàng nhảy vào thuyền và ra lệnh cho chúng tôi:

- Giẫm chân vào đầu sào kẻo trượt từ mạn thuyền xuống, rồi đón lấy thùng nhé. Anh bạn trẻ, lại đây đỡ một tay.

Anh đẹp như trong tranh và nom rất khỏe. Cặp mắt xanh biếc chiếu sáng một cách nghiêm nghị trên khuôn mặt hồng hào với chiếc mũi to, hơi cao của anh.

- Izot, khéo không bị cảm lạnh đấy, - Romat nói.

- Ai, tôi ấy à? Đừng lo.

Sau khi lăn thùng dầu hỏa lên bờ, Izot chăm chú nhìn tôi và hỏi:

- Anh đến làm người quản lí à?

---

[1] Tức Nijni-Novgorod.

[2] Người Nijni phần lớn sống bằng nghề kéo thuyền trên sông Volga. Kéo thuyền thì phải căn cứ vào hướng bay của chim hải âu để quan sát sự thay đổi thời tiết.

- Thử đấu với hắn một trận xem, - Cucuskin gợi ý.

- Người ta lại đánh vỡ cái mặt mẹt của anh rồi à?

- Biết làm thế nào với quân ấy được?

- Quân nào?

- Bọn đánh mình ấy...

- Chà! Izot thở dài và quay về phía Romat: - Xe ngựa sắp xuống đấy. Tôi đã trông thấy các anh bơi thuyền từ đằng xa. Bơi khá lắm. Antonitr, anh đi về đi! Để tôi ở lại đây trông hàng cho.

Rõ ràng là anh ta đối với Romat rất thân mật và ân cần, thậm chí có vẻ như che chở, mặc dù Romat hơn anh đến chục tuổi.

Nửa giờ sau tôi đã ngồi trong gian phòng sạch sẽ và rất tiện nghi của một căn nhà gỗ mới làm, vách còn sặc mùi nhựa cây và xơ đay. Một người đàn bà linh lợi, có cặp mắt sắc sảo dọn bàn để sửa soạn bữa ăn trưa. Khokhon lấy sách ở va li ra, đặt lên giá sách ở cạnh lò sưởi.

- Phòng của anh ở trên gác trần nhà, - anh nói.

Qua cửa sổ trần có thể nhìn thấy một vùng trong làng, đối diện với căn nhà gỗ của chúng tôi là một cái khe, ở đó có những mái nhà tắm nhô lên giữa những bụi cây. Bên kia khe là những khu vườn và cánh đồng đen sẫm lượn theo những sườn dốc đất mềm và kéo dài về phía khu rừng xanh xa xa ở phía chân trời. Một người mujic mặc quần áo xanh ngồi trên nóc nhà tắm, tay cầm rìu, tay giơ lên che mắt nhìn xuống phía sông Volga. Bánh xe ngựa kêu ken két. Một con bò rống lên có vẻ nặng nhọc. Tiếng suối réo ầm ầm. Một bà lão mặc toàn đồ đen từ cổng một căn nhà gỗ bước ra, vừa ngoái đầu lại phía cổng vừa nói với giọng rất nghiêm nghị:

- Chúng mày là đồ chết dấp!

Nghe thấy tiếng bà, hai đứa trẻ đang lấy đá và bùn chặn dòng suối liền ba chân bốn cẳng chạy mất. Bà lão nhặt chiếc

dăm gỗ vụn ở dưới đất lên, nhổ toẹt vào đó rồi ném xuống suối. Sau đó bà đưa bàn chân đi ủng đàn ông giẫm nát công trình xây dựng của bọn trẻ và đi xuống phía sông Volga.

Ở đây tôi sẽ sống ra sao?

Người ta gọi tôi đi ăn trưa. Dưới nhà, Izot ngồi bên bàn, duỗi hai chân dài ngoằng ngoẵng với đôi bàn chân đỏ tía ra và đang nói gì đó, nhưng chợt trông thấy tôi anh liền im bặt.

- Anh làm sao thế? - Romat cau mày hỏi. - Nói đi chứ!

- Tôi đã nói hết rồi, không có gì để nói nữa. Có nghĩa là chúng ta đã quyết định như thế; chúng ta sẽ tự khắc phục. Đi đâu là anh phải mang theo súng lục hoặc một chiếc gậy to. Trước mặt Barinov ăn nói phải thận trọng, lưỡi hắn và Cucuskin như lưỡi đàn bà ấy. Còn anh bạn trẻ, anh có thích đi đánh cá không?

- Không.

Romat bắt đầu nói về sự cần thiết phải tổ chức những người mujic, những người chủ vườn nhỏ lại, lôi họ ra khỏi bàn tay bọn lái buôn. Izot chăm chú nghe rồi nói:

- Thế nào rồi bọn cường hào cũng chẳng để cho anh sống yên đâu.

- Chúng ta thử xem sao.

- Đấy rồi xem!

Tôi nhìn Izot và nghĩ bụng:

"Chắc hẳn Caronin[1] và Zlatovratxki[2] đã lấy những người mujic như thế này viết thành truyện đây.."

Phải chăng tôi đã được tham gia vào một việc gì quan

---

[1] Caronin (1853-1892), nhà văn Nga thuộc phái dân túy. Vì tham gia phong trào dân túy ông đã bị bức hại. Phần lớn tác phẩm của ông miêu tả sự thay đổi của sinh hoạt nông thôn.

[2] Zlatovratxki (1845-1911), nhà văn Nga thuộc phái dân túy. Nội dung tác phẩm của ông chủ yếu miêu tả cuộc sống khổ cực của nông dân và tình hình phân hóa giai cấp của nông thôn.

trọng và bây giờ tôi sẽ hoạt động cùng với những người có sự nghiệp chân chính?

Ăn xong, Izot nói:

- Mikhailo Antonov, anh không nên vội vàng, việc tốt thường không thể làm hấp tấp được. Cần phải từ từ!

Khi anh đi khỏi, Romat nói vẻ trầm ngâm:

- Anh ấy là một người thông minh, chân thật. Tiếc rằng văn hóa kém, mới biết đọc vỡ vẽ thôi. Nhưng anh ấy kiên quyết học. Anh hãy giúp đỡ anh ta về mặt này nhé!

Romat vừa giới thiệu cho tôi giá các mặt hàng ở cửa hiệu vừa kể chuyện đến tận tối mịt:

- Tôi bán rẻ hơn so với hai chủ hiệu khác trong làng. Tất nhiên điều đó làm họ không thích. Họ làm những điều đê mạt đối với tôi, định đánh tôi. Tôi sống ở đây không phải vì tôi thích hay vì buôn bán có lời, mà là vì những lí do khác. Ý định ấy cũng giống như hiệu bánh mì các của anh...

Tôi bảo rằng tôi cũng đoán được điều đó.

- Đúng... Cần phải dạy cho mọi người trí sáng suốt, phải không?

Cửa hiệu đã đóng, chúng tôi cầm đèn đi đi lại lại ở bên trong. Ngoài đường cũng có một người nào đó đi đi lại lại, rón rén trên bùn, thỉnh thoảng trèo lên bậc cửa một cách nặng nhọc.

- Đấy, anh có nghe thấy không? Có tiếng người đi lại! Đó là Migun, một bần nông sống độc thân, một con vật độc ác. Hắn thích làm điều ác giống như một cô gái đẹp thích làm đỏm. Anh nói chuyện với hắn phải thận trọng và không chỉ riêng với hắn, mà nói chung...

Sau đó, Romat trở về phòng, ngồi hút thuốc, tựa cái lưng to lớn vào thành lò sưởi và nheo mắt lại, rồi thả ra những làn khói qua bộ râu. Chậm rãi ghép những tiếng rời rạc thành

những câu nói giản dị và trong sáng, anh nói rằng đã từ lâu anh nhận thấy tôi tiêu phí tuổi thanh xuân một cách vô ích.

- Anh là một người có tài năng, bản chất là một người ngoan cường và chắc là có những mong muốn tốt đẹp. Anh cần phải học tập, nhưng làm sao đừng để sách vở che khuất mất những người xung quanh. Có một ông già thuộc giáo phái nào đó nói một câu rất đúng: "Bất cứ một điều giáo huấn nào cũng đều ở con người mà ra". Điều mà thiên hạ trực tiếp dạy cho anh thì đau khổ hơn những điều học được trong sách. Cách dạy của thiên hạ thường thường thô bạo, nhưng điều anh học được như vậy sẽ mãi mãi in sâu trong tâm khảm.

Anh nói những điều đã quen thuộc đối với tôi, rằng trước hết cần phải thức tỉnh trí tuệ của nông thôn. Nhưng trong những lời nói quen thuộc ấy tôi nắm được ý nghĩa sâu sắc hơn và đối với tôi dường như là mới mẻ.

- Sinh viên ở chỗ anh hay nói ba hoa về tình thương yêu nhân dân, tôi có nói với họ về việc này như sau: không thể yêu nhân dân được đâu. Yêu nhân dân - đó chỉ là lời nói suông...

Anh mỉm cười qua bộ râu, nhìn tôi với vẻ tò mò rồi bắt đầu đi bước một trong phòng và tiếp tục nói, giọng chắc nịch và oai nghiêm:

- Yêu có nghĩa là tán thành, khoan dung, không dám nhận xét, dễ tha thứ. Cái đó chỉ cần thiết với đàn bà thôi. Còn đối với nhân dân có thể nào không nhận thấy sự dốt nát của họ, tán thành những ý nghĩ sai lầm của họ, khoan dung đối với bất cứ sự đê tiện nào của họ, tha thứ tính tàn bạo của họ? Có thể như thế không?

- Không.

- Đấy! Ở chỗ anh tất cả mọi người đều đọc và hát những

bài phổ thơ của Necraxov.[1] Này, anh biết không, chỉ dựa vào Necraxov thì không thể làm nên trò trống gì đâu. Cần phải khuyên bảo những người mujic: "Người anh em ạ, tuy bản chất anh là người tốt nhưng anh sống tồi tàn và không biết làm gì để cho cuộc sống của anh trở nên dễ chịu hơn, tốt đẹp hơn. Con thú rừng có lẽ còn biết chăm sóc mình một cách khôn ngoan hơn anh, con thú rừng còn biết bảo vệ mình giỏi hơn anh. Thế mà các anh, những người mujic, đã sản sinh ra tất cả. Phái quý tộc, giới tu hành, các nhà bác học, vua chúa, tất cả đều là những người mujic trước đây. Anh có thấy không? Đã hiểu chưa? Vậy thì anh hãy học cách sống để người ta khỏi làm nhục anh..."

Anh đi xuống bếp bảo bà làm bếp đặt ấm xamovar. Sau đó anh đưa cho tôi xem những cuốn sách của anh, - hầu hết là những sách khoa học, trong đó có những tác giả sau: Bockon,[2] Laien[3], Lecki[4], Luboc[5], Taylo,[6] Mill Xpenxo[7], Dacuyn, trong số các tác giả Nga có Pixarev, Dobroliubov,[8] Tsecnưsevxki, Puskin, *Chiến hạm Pallada* của Gontsarov,[9] tác phẩm của Necraxov.

Anh đưa bàn tay to lớn vuốt ve những cuốn sách với vẻ âu yếm hệt như vuốt ve những con mèo con, rồi anh nói với giọng vô cùng xúc động:

---

[1] *Necraxov* (1821-1878); nhà thơ lớn người Nga, nhà dân chủ cách mạng.
[2] *Buckle* (1821-1862), nhà sử học tư sản tự do người Anh, nhà xã hội học theo chủ nghĩa thực nghiệm.
[3] *Lyell* (1797-1875), nhà địa chất người Anh.
[4] *G.Lecky* (1838-1903), nhà sử học người Ái Nhĩ Lan, nhà báo.
[5] *Lubbock* (1834-1912), nhà khoa học tự nhiên người Anh, nhà nhân chủng học.
[6] *Taylor* (1832-1917) nhà nhân chủng học người Anh, nhà xã hội học.
[7] *Spencer* (1820-1903), nhà triết học người Anh.
[8] Dobroliubov (1836-1861), nhà dân chủ cách mạng vĩ đại người Nga, nhà triết học, nhà phê bình văn học.
[9] Gontsarov (1812-1891), nhà văn Nga nổi tiếng.

- Toàn là những sách hay cả đấy! Đây là một cuốn sách rất hiếm đã bị sở kiểm duyệt ra lệnh đốt. Anh muốn biết thực chất nhà nước là gì thì hãy đọc cuốn sách này!

Anh đưa cho tôi cuốn sách *Leviathan* của Hobb.[1]

- Cuốn sách này cũng nói về nhà nước nhưng dễ hiểu hơn, vui hơn!

Thì ra cuốn sách vui ấy là cuốn *Quốc vương* của Mackiaveli.[2]

Trong lúc uống trà, anh kể vắn tắt về bản thân: anh là con một người thợ rèn ở tỉnh Tsecnigov, đã từng làm công nhân tra dầu máy cho xe lửa ở ga Kiev. Ở đó anh đã làm quen với các nhà cách mạng, đã tổ chức một nhóm công nhân tự học, vì vậy anh bị bắt và phải ngồi tù khoảng hai năm, sau đó anh bị đày tới vùng Iacut mười năm trời.

- Lúc đầu tôi sống cùng với dân Iacut, trong một ulus.[3] Tôi tưởng tôi chết mất. Anh có biết không, mùa đông ở đấy lạnh đến nỗi óc người cũng phải đông lại. Ở đấy có trí tuệ cũng bằng thừa. Sau đó, tôi nhận thấy: đây đó rải rác có những người Nga, tuy họ không nhiều, nhưng dù sao vẫn có! Hình như để người Nga khỏi quá buồn chán, người ta đã chu đáo bổ sung thêm những người mới đến. Họ toàn là những người tốt. Trong số đó có cả chàng sinh viên Vladimir Corolenco,[4] - bây giờ anh ta cũng đã trở về rồi. Một thời gian tôi với anh ta sống với nhau rất thân, sau đó chúng tôi xa nhau. Chúng

---

[1] *Hobbes* (1588-1671), nhà triết học duy vật máy móc người Anh, chủ trương chính thể quân chủ chuyên chế, ông đem nhà nước ví với con hà mã và con cá sấu hung dữ và to lớn được nói tới trong hai cuốn *Thánh kinh* và *Ước bá kí*.

[2] *Machiavelli* (1469-1527), nhà hoạt động chính trị người Ý, nhà sử học tư sản, chủ trương quân chủ chuyên chế. Cuốn *Quốc vương* viết năm 1513, công bố năm 1532.

[3] Trại của dân du mục, và cũng là tên gọi làng của một số dân tộc ở Xibiri.

[4] V. Corolenco (1853-1921), nhà văn nổi tiếng, nhà hoạt động xã hội người Nga.

tôi có rất nhiều điểm hợp nhau, nhưng tình bạn không thể chỉ dựa trên sự hợp nhau. Anh ta là một người chín chắn, ngoan cường, có khả năng làm mọi việc. Thậm chí anh ta biết họa cả tượng thánh, cái đó thì tôi không thích. Bây giờ nghe nói anh ta viết cho các tạp chí khá lắm.

Anh nói chuyện rất lâu, đến tận nửa đêm. Có lẽ anh muốn ngay tức khắc đặt tôi bên cạnh anh một cách vững chắc. Lần đầu tiên tôi cảm thấy không gì vui sướng bằng có bầu có bạn. Sau lần định tự tử, con mắt của tôi nhìn bản thân mình khác hẳn. Tôi cảm thấy mình rất nhỏ bé, hình như có tội đối với ai đó, và tôi sống một cách hổ thẹn. Có lẽ Romat hiểu điều đó, và anh đã cởi mở lòng mình một cách nhân từ và tự nhiên. Anh đã uốn nắn cho tôi. Đó thật là một ngày không bao giờ quên.

Chúng tôi mở cửa hiệu để bán hàng vào ngày chủ nhật, sau buổi lễ sáng. Ngay khi ấy những người mujic kéo đến hiên nhà chúng tôi. Người đầu tiên tới là Matvei Barinov, một con người bẩn thỉu, đầu tóc rối bù, tay dài như tay khỉ, vẻ nhìn lơ đãng với cặp mắt đẹp như mắt phụ nữ.

- Có nghe thấy tin gì ở ngoài thành phố không? - anh ta hỏi sau khi chào. Rồi không chờ trả lời, anh ta quay về phía Cucuskin và kêu lên:

- Xtepan! Mấy con mèo của anh lại vừa xơi mất một con gà trống nữa!

Tiếp theo, anh ta kể rằng viên tổng đốc vừa mới từ Cazan đi Peterburg để yết kiến nhà vua và tâu xin vua ra lệnh đuổi tất cả dân Tacta đến Cavcaz và Turkextan. Anh khen ngợi viên tổng đốc:

- Một con người thông minh! Am hiểu công việc của mình..

- Tất cả những chuyện ấy đều do anh bịa đặt ra cả. - Romat điềm tĩnh nhận xét.

- Tôi ấy à? Bao giờ?

- Tôi không biết...

- Antonitr, sao anh thiếu tin tưởng ở con người đến thế? - Barinov nói vẻ trách móc và lắc đầu có vẻ thương hại. - Tôi thương những người Tacta lắm. Sống ở Cavcaz phải quen mới được.

Một người bé nhỏ, gày gò, mặc chiếc áo podiovca[1] rách rưới thừa hưởng của người khác, rón rén đi lại gần. Chứng kinh giật làm cho khuôn mặt xám của ông ta méo xệch đi, cặp môi thâm sì mấp máy thành một nụ cười đau đớn. Con mắt trái sắc sảo của ông ta chớp liên tục, phía trên là cặp lông mày bạc trắng rung rung, bị những vết sẹo cắt ngang.

- Chào anh Migun! - Barinov nói giọng giễu cợt. - Đêm hôm qua anh đã xoáy được những gì?

- Xoáy được tiền của anh, - Migun đáp, giọng cao lanh lảnh, sau khi ngả mũ chào Romat.

Chủ nhà của chúng tôi và cũng là người láng giềng của chúng tôi là Pancov từ trong sân bước ra. Anh ta mặc chiếc áo vét, cổ quàng khăn đỏ, đi đôi giày calosi[2] bằng cao su, ngực đeo sợi dây bạc giống như dây cương ngựa. Anh chăm chú nhìn Migun bằng cặp mắt giận dữ.

- Con quỷ già ạ, anh mà trèo vào vườn nhà tôi thì tôi sẽ lấy cọc nện què chân cho mà xem!

- Bắt đầu câu chuyện thường lệ, - Migun điềm tĩnh nói, rồi thở dài và nói thêm: - Nếu không đánh người khác thì sống làm sao được?

Pancov bắt đầu chửi mắng Migun, nhưng Migun lại nói thêm:

- Tôi đã già là thế nào? Mới có bốn mươi sáu tuổi đầu...

- Hôm lễ Giáng sinh vừa rồi anh đã năm mươi ba tuổi,

---

[1] Áo dài của đàn ông, phần ngang thắt lưng có nhiều nếp gập.
[2] Giày cao su đen bọc ở ngoài một đôi giày khác để đi trên tuyết.

- Barinov thét lên. - Chính anh cũng nói là năm mươi ba tuổi! Tại sao lại nói dối?

Ông lão Xuxlov,[1] một người đã có tuổi có bộ râu dài, cùng chàng đánh cá Izot đi tới. Thế là có khoảng mươi người tụ tập với nhau, ngồi trên bậc tam cấp, cạnh cửa ra vào, mồm ngậm tẩu, im lặng nghe câu chuyện của đám mujic. Họ ngồi ở bậc tam cấp và trên những ghế dài nhỏ đặt ở hai bên.

Một ngày giá lạnh, lóe nắng. Trên bầu trời xanh biếc còn bị mùa đông làm cho giá buốt có những đám mây trôi nhanh. Ánh nắng và bóng râm lung linh tắm mình trong các dòng suối và các vũng nước, có lúc chói lòa, có lúc như vuốt ve cặp mắt bằng vẻ mềm mại như nhung. Những cô gái ăn mặc diêm dúa như những con công nhởn nhơ trên đường phố, xuôi về phía sông Volga. Khi bước qua vũng nước, họ xách gấu váy lên, để lộ ra những chiếc giày nặng trình trịch. Nhiều em nhỏ vác những chiếc cần câu dài trên vai chạy lăng xăng. Một toán mujic bệ vệ vừa đi vừa liếc nhìn đám mujic ngồi ở cửa hiệu chúng tôi và lặng lẽ nhấc chiếc mũ lưỡi trai hoặc mũ nỉ lên chào.

Migun cùng với Cucuskin thân mật bàn bạc một vấn đề không rõ ràng: ai đánh đau hơn - lái buôn hay địa chủ?

Cucuskin chứng minh là lái buôn, còn Migun thì bảo vệ địa chủ. Giọng nói lanh lảnh của Migun át giọng nói rời rạc của Cucuskin.

- Cụ thân sinh ra ông Fingerov từng xách râu Napoleon Bonapact. Còn ông Fingerov có lần đã nắm lấy cổ áo lông cừu của hai người, dang tay ra và đập trán họ vào nhau đánh bốp một cái - thế là xong! Cả hai đều nằm thẳng cẳng.

- Đánh thế thì ai mà chẳng ngã! - Cucuskin tán thành

[1] Tôi không nhớ rõ tên những người mujic và có thể lầm lẫn hoặc nhớ sai (chú thích của tác giả).

nhưng nói thêm: - Nhưng dù sao thì lái buôn vẫn ăn khỏe hơn địa chủ...

Ông lão Xuxlov đáng kính ngồi ở bậc tam cấp trên cùng cũng than phiền:

- Này Mikhailo Antonov, người mujic trên trái đất này trở nên yếu đuối lắm rồi. Dưới thời địa chủ không ai được phép sống vô ích, mỗi người đều bị gắn chặt vào công việc...

-Thế thì bác hãy đệ đơn xin người ta lập lại quyền chiếm hữu nông nô đi, - Izot trả lời ông lão. Romat im lặng nhìn Izot và gõ tẩu thuốc lá vào tay vịn của tam cấp.

Tôi chờ xem khi nào Romat sẽ bắt đầu nói. Và trong khi lắng nghe câu chuyện rời rạc của đám mujic, tôi cố tưởng tượng xem Khokhon sẽ nói những gì. Tôi có cảm tưởng rằng anh đã bỏ lỡ nhiều dịp tốt để xen vào câu chuyện của họ. Nhưng anh im lặng một cách thờ ơ và ngồi không nhúc nhích như một bức tượng gỗ, mắt theo dõi làn gió thổi trên các vũng nước làm thành những vết gợn lăn tăn và xua đuổi những đám mây, dồn chúng lại thành một đám đen nghịt. Trên sông có tiếng còi tàu, ở phía dưới vẳng lên tiếng hát the thé của các cô gái và tiếng đàn phong cầm. Một gã say rượu đi xuôi xuống phố. Gã vừa đi vừa nấc và la hét, hai tay múa may, chân cong cong một cách không tự nhiên, rồi ngã vào vũng nước. Đám mujic mỗi lúc nói một chậm rãi hơn, trong lời nói của họ lộ ra vẻ chán nản. Tôi cũng cảm thấy một nỗi buồn thầm lặng bởi vì bầu trời lạnh lẽo đang báo trước một cơn mưa! Tôi nhớ lại cảnh ồn ào không ngớt của thành phố, những âm thanh muôn màu muôn vẻ của nó, những bóng người thấp thoáng trên các đường phố, giọng nói rất nhanh của họ đầy những lời có sức kích động lòng người.

Trong lúc uống trà buổi tối tôi hỏi Khokhon xem anh thường nói chuyện với những người mujic vào lúc nào.

- Nói về cái gì chứ?

- A, - Khonkhon nói sau khi chăm chú nghe tôi, - anh nên biết là nếu như tôi nói với họ về chuyện ấy, hơn nữa lại nói ở ngoài đường, thì tôi sẽ lại bị tống đến chỗ những người Iacut.

Anh nhồi thuốc vào tẩu và hút, khói thuốc lập tức bao quanh. Anh bắt đầu nói một cách bình tĩnh và đáng ghi nhớ rằng người mujic vốn dè dặt, hay hoài nghi. Họ sợ chính bản thân, sợ người láng giềng, sợ nhất là người ngoài. Họ được hưởng tự do chưa quá ba mươi năm,[1] những người nông dân thuộc lứa tuổi bốn mươi sinh ra đã làm nô lệ và hẳn còn nhớ điều đó. Tự do là gì - cái ấy thực khó hiểu. Nói nôm na thì tự do có nghĩa là ta sống theo ý ta. Nhưng ở đâu cũng có bọn quan trên, bọn này cản trở cuộc sống. Nga hoàng đã chiếm đoạt nông dân của bọn địa chủ, thế là bây giờ Nga hoàng thành chủ nhân duy nhất của tất cả nông dân. Một lần nữa câu hỏi trên lại được đặt ra: thế thì tự do là gì? Đột nhiên một ngày kia Nga hoàng sẽ giải thích tự do nghĩa là gì. Người mujic rất tin tưởng vào Nga hoàng, chủ nhân duy nhất của tất cả đất đai và mọi của cải. Nga hoàng đã chiếm đoạt nông dân của bọn địa chủ thì cũng có thể chiếm đoạt tàu thủy và cửa hiệu của bọn lái buôn. Người mujic là người của Nga hoàng. Họ hiểu rằng nhiều chủ thì khổ, một chủ vẫn tốt hơn. Họ chờ đợi cái ngày Nga hoàng sẽ tuyên bố với họ ý nghĩa của tự do. Khi ấy thì ai muốn lấy gì thì lấy.

Tất cả đều mong chờ ngày ấy đến; ai nấy đều sợ, đều sống bo bo giữ miếng, họ sợ lỡ mất cái ngày quyết định sẽ phân chia lại ấy của mọi người. Và họ sợ ngay chính bản thân: họ muốn lấy thật nhiều, và có rất nhiều cái để lấy, nhưng lấy như thế nào? Tất cả đều cùng muốn lấy một thứ. Thêm vào đó khắp nơi đều có vô số bọn quan thù địch ra mặt đối với

[1] Ngày 19 tháng 2 năm 1861 Nga hoàng hạ lệnh bãi bỏ chế độ nông nô. Kể từ khi nông nô được giải phóng đến năm 1888 mới chưa đầy 28 năm.

mujic và cả với Nga hoàng nữa. Nhưng không có quan trên cũng không được, mọi người sẽ đánh nhau, giết nhau mất.

Một làn gió giận dữ hắt những hạt mưa xuân ào ào vào cửa kính. Bóng tối xám xịt tỏa ra trên đường phố. Trong tâm hồn tôi cũng có một cái gì ảm đạm và buồn buồn.

Giọng nói bình tĩnh, khe khẽ của Khokhon lại vang lên với vẻ trầm tư:

- Cần khêu gợi những người mujic để họ dần học cách giành lấy chính quyền của Nga hoàng về tay mình. Cần nói với họ rằng nhân dân phải có quyền lựa chọn cấp trên trong tầng lớp của mình: cả cục trưởng cảnh sát, cả tổng đốc lẫn Nga hoàng...

- Cái đó phải chờ một trăm năm nữa!

- Thế anh tưởng đến ngày lễ Ba Ngôi sẽ làm xong tất cả cái đó ư? - Khokhon nghiêm nghị hỏi.

Buổi tối anh đi đâu không rõ. Khoảng mười một giờ khuya tôi nghe ngoài đường có tiếng súng nổ ở gần đâu đây. Tôi liền lao vào bóng tối, giữa trời mưa và gặp Mikhailo Antonovitr đang đi về phía cổng. Bóng đen to lớn ấy đi tránh những dòng nước một cách thong thả và cẩn thận.

- Anh ra làm gì? Tôi vừa bắn đấy mà...

- Bắn ai?

- Vừa có một bọn người nào đó cầm giáo xông về phía tôi. Tôi bảo:" Đứng lại, không tao bắn!", nhưng họ không nghe. Thế là tôi bắn luôn một phát chỉ thiên, cũng chẳng làm hại ai cả...

Anh đứng ở phòng ngoài, vừa cởi áo vừa lấy tay vuốt bộ râu ướt và thở phì phì như ngựa.

- Thì ra đôi ủng chết tiệt này của tôi đã rách! Cần phải thay đôi khác thôi. Anh có biết lau súng lục không? Anh lau giùm hộ, kẻo gỉ mất. Lấy dầu hỏa mà lau...

Vẻ bình tĩnh không gì lay chuyển nổi của anh, cái nhìn ngoan cường và lặng lẽ của cặp mắt xám của anh làm tôi khâm phục. Anh bước vào phòng, vừa chải râu trước gương vừa khuyên ngăn tôi:

- Anh đi lại trong làng phải cẩn thận hơn nữa, nhất là những ngày lễ và buổi tối. Chắc là họ cũng muốn đánh cả anh nữa đấy. Nhưng khi đi ra khỏi nhà anh chớ mang theo gậy gộc, cái đó chỉ tổ chọc tức bọn côn đồ và có thể gây cho chúng ý nghĩ là anh sợ. Sợ quái gì! Chính bọn chúng mới là tụi nhát gan.

Tôi bắt đầu sống rất dễ chịu, mỗi ngày lại mang tới cho tôi một điều mới mẻ và quan trọng. Tôi bắt đầu say mê đọc sách khoa học tự nhiên. Romat chỉ bảo cho tôi:

- Macximitr ạ, trước hết và tốt hơn hết anh cần phải biết cái đó, trí tuệ ưu tú nhất của loài người đã được đúc kết thành khoa học này.

Mỗi tuần Izot đến chỗ chúng tôi ba lần vào buổi tối, tôi dạy anh tập đọc và viết. Lúc đầu anh đối với tôi có vẻ thiếu tin tưởng, hay cười tủm, nhưng sau một số buổi học anh đã nói với giọng chân thật:

- Anh giảng khá lắm! Giá anh đi làm nhà giáo thì phải...

Rồi bỗng nhiên anh đề nghị tôi:

- Nom anh có vẻ khỏe lắm! Nào, chúng ta thử dùng gậy kéo co xem ai khỏe?

Chúng tôi lấy chiếc gậy dưới bếp lên rồi cả hai ngồi xuống sàn, bàn chân tì vào nhau, người nọ cố nhấc người kia lên khỏi sàn. Khokhon cười mỉm và thúc giục chúng tôi.

- Thế nào? Cố lên chứ!

Cuối cùng Izot đã nhấc được tôi lên. Cái đó có lẽ càng làm cho anh có thêm thiện cảm đối với tôi.

- Không sao cả, anh khỏe lắm! - Izot an ủi tôi. - Thật đáng

tiếc là anh không thích nghề đánh cá, nếu không thì cùng đi với tôi ra sông Volga. Ban đêm trên sông Volga thật đẹp như cảnh thiên đường vậy!

Anh học rất chuyên cần, tiến bộ khá nhanh và chính anh cũng rất lấy làm lạ. Có lần trong giờ học đột nhiên anh đứng dậy lấy quyển sách trên giá xuống, nhếch cao lông mày lên, đọc đôi ba dòng. Rồi anh đỏ mặt nhìn tôi và nói vẻ sửng sốt:

- Tôi có thể đọc được rồi, mẹ kiếp, thật là kì quái! Rồi anh nhắm mắt nhắc lại:

Tiếng chim rền trên bình nguyên u buồn
Như tiếng người mẹ khóc trên mồ con...[1]

- Thấy chưa?

Mấy lần anh khe khẽ hỏi tôi, vẻ thận trọng:

- Người anh em thử giảng cho tôi rõ như thế là thế nào nhỉ? Người ta nhìn vào những đường nét này, thế mà chúng hợp lại thành tiếng, và tôi biết được những tiếng đó - những tiếng mà chúng ta thường dùng. Làm sao tôi biết được chúng? Không ai nói thầm với tôi những tiếng ấy cả. Giá là những bức tranh thì đã đành. Đằng này hình như chính ý nghĩ của người ta được in sẵn trên giấy, - thế là thế nào?

Tôi biết trả lời anh ra sao? Câu nói "không biết" của tôi đã làm anh buồn phiền.

- Trò phù thủy! - anh vừa nói vừa thở đài và soi những trang sách lên ánh sáng.

Anh có cái vẻ ngây thơ đáng yêu và cảm động, một cái gì trong sáng và trẻ con. Anh thường gợi nhớ đến hình ảnh người mujic đáng yêu được tả trong sách. Như hầu hết những người đánh cá, anh là một con người thơ mộng, yêu dòng sông Volga, thích những đêm tĩnh mịch, thích cảnh cô đơn, thích cuộc sống trầm tư.

---

[1] Câu thơ này của nhà thơ Necraxov.

Anh nhìn lên các vì sao và hỏi:

- Khokhon nói rằng ở trên ấy có thể có người giống như chúng ta, anh thấy có đúng không? Giá ra hiệu được cho họ để hỏi xem họ sống ra sao nhỉ? Có lẽ họ sống sướng hơn chúng ta và vui vẻ hơn...

Thực ra thì anh hài lòng với cuộc sống của mình. Anh nguyên là một đứa trẻ mồ côi, một bần nông sống độc thân trong nghề đánh cá âm thầm và ưa thích của mình không phụ thuộc vào ai cả.

Nhưng đối với những người mujic, hình như anh có ác cảm, anh thường khuyên ngăn tôi:

- Anh đừng tưởng họ hiền lành. Họ là một bọn người láu cáu, giả dối, chớ tin họ! Hôm nay họ đối với anh thế này, nhưng ngày mai lại thế khác. Người nào cũng chỉ biết có mình thôi, còn công việc chung họ coi là việc khổ sai.

Anh thường nói về bọn "cường hào" với vẻ căm phẫn: một sự căm phẫn rất xa lạ đối với con người có tâm hồn dịu hiền như anh:

- Tại sao bọn chúng nó giàu có hơn kẻ khác? Vì chúng nó khôn ngoan hơn. Chó má thật, nếu như anh là một người thông minh thì anh nên nhớ rằng: nông dân phải sống thân ái, hợp lại thành một bầy thì khi đó mới có sức mạnh! Nhưng đằng này họ lại đem chia năm xẻ bảy làng xóm ra như thế chẻ củi ấy, thế cơ chứ! Chính họ lại là kẻ thù của họ. Đó là một đám người tàn ác. Khokhon đã phải khổ sở vì bọn họ...

Izot đẹp trai, khỏe mạnh, được phụ nữ rất thích, và thường họ không để cho anh yên.

- Tất nhiên về mặt này tôi rất được chiều chuộng, - anh nói với vẻ hối hận và chân thật. - Đối với các ông chồng thì chuyện đó thật đáng bực mình, nếu ở địa vị họ chính tôi cũng

phải bực mình. Nhưng không thể nào không thương hại phụ nữ được, họ như linh hồn thứ hai của mình vậy. Họ sống không có ngày nghỉ, không có sự âu yếm; họ làm việc quần quật như một con ngựa, ngoài ra không có gì hơn. Các ông chồng không có thì giờ để yêu thương họ, còn tôi thì lại là một người rỗi rãi. Nhiều bà vợ, ngay trong năm đầu về nhà chồng, đã bị các ông chồng cho ăn đấm. Đứng về mặt này tôi có tội lỗi, bởi vì tôi đã trêu ghẹo họ. Lúc đó tôi chỉ yêu cầu họ có một điều: xin các mụ chớ có tức giận nhau, tôi đủ sức cho tất cả các mụ! Các mụ đừng có ghen tị nhau, tôi coi tất cả các mụ đều như nhau tuốt, tôi thương hại tất cả...

Anh vừa mỉm cười ngượng nghịu qua bộ râu vừa kể:

- Có lần suýt nữa thì tôi đã gỡ gạc được một bà, bà ấy từ thành phố về biệt thự nghỉ mát. Bà ta rất đẹp, da trắng như sữa, tóc óng như tơ, đôi mắt nhỏ xanh biếc và hiền hậu. Tôi bán cá cho bà ấy và cứ nhìn mãi. "Anh muốn cái gì?" - bà ta hỏi. "Tự bà biết", - tôi đáp. "Thôi được,- bà ta nói,- đến đêm tôi sẽ tới chỗ anh, anh chờ nhé!" Đến đêm quả bà ấy đến thật. Chỉ phải cái bà ấy ngại muỗi thôi. Muỗi đã đốt bà ấy, kết quả chẳng ăn thua gì cả. Bà ấy nói: "Tôi không thể chịu nổi, muỗi đốt tợn quá", và suýt nữa bà ấy khóc. Hôm sau chồng bà ta đến, hắn làm thẩm phán thẩm phiếc gì đó. Thì ra các bà là như thế, - anh kết thúc với vẻ buồn buồn và trách móc. - Muỗi đã quấy rầy cuộc sống của họ...

Izot rất khen ngợi Cucuskin:

- Anh để ý mà xem, Cucuskin là một người mujic có lòng tốt! Người ta không ưa anh ấy, thế là sai! Đúng, anh ấy có tính ba hoa, nhưng ai mà hoàn toàn cả?[1]

Cucuskin không có ruộng đất, anh ta lấy phải một mụ bần nông nghiện rượu, người tuy nhỏ, nhưng rất ranh mãnh, khỏe

[1] Nguyên văn: nhưng gia súc nào cũng có bộ lông sặc sỡ của nó.

mạnh và độc ác. Anh ta bán nhà cho một người thợ rèn, còn chính anh thì sống ở nhà tắm và làm thuê cho Pancov. Cucuskin rất thích tin tức, khi nào không có tin tức là anh ta tự bịa ra những mẩu chuyện khác nhau, ghép chúng lại thành một câu chuyện liên tục.

- Mikhailo Antonov, anh có nghe đồn gì không? Tên cảnh sát ở Tincovo đã bỏ nghề đi tu rồi. Hắn bảo hắn không muốn đánh đập mujic nữa, đánh thế là đủ rồi!

Khokhon nghiêm nghị nói:

- Tất cả bọn quan trên sẽ bỏ các anh mà đi hết.

Cucuskin vừa gỡ những cuộn rơm, cỏ khô và lông gà trong mớ tóc rối bù màu hạt dẻ, vừa nói vẻ trầm ngâm:

- Không phải tất cả bọn họ đâu, chỉ có những người có lương tâm thôi. Những người đó tất nhiên cảm thấy khổ sở với cái nghề của mình. Antonitr, tôi thấy hình như anh không tin vào lương tâm thì phải. Nhưng nếu thiếu lương tâm thì dù người ta có bộ óc lớn cũng không thể sống nổi! Anh hãy nghe tôi kể một câu chuyện...

Cucuskin bắt đầu kể về một mụ địa chủ "rất thông minh" nào đó:

- Trước đây có một mụ đàn bà tàn ác đến nỗi ngay cả quan tổng đốc, mặc dù chức vị khá cao, cũng phải tới thăm mụ ta. Quan tổng đốc nói với mụ: "Thưa bà, để đề phòng bất trắc bà nên cẩn thận hơn, bởi vì tin đồn về sự độc ác của bà đã truyền tới cả Peterburg rồi đấy!" Tất nhiên là mụ ta mời rượu quan tổng đốc rồi mới nói: "Ông cứ yên tâm mà về, tôi không thể thay đổi được tính tình của tôi đâu!" Qua ba năm lẻ một tháng, bỗng nhiên mụ ta triệu tập những người mujic lại và nói:" Tất cả ruộng đất của tôi bây giờ là thuộc về các người, xin từ biệt các người, mong các người tha lỗi cho tôi, tôi sẽ..."

- Đi tu, - Khokhon nhắc.

Cucuskin chăm chú nhìn Romat và xác nhận:

- Đúng, để trở thành tu viện trưởng! Chắc anh đã nghe câu chuyện này rồi chứ gì?

- Tôi chưa hề nghe.

- Thế sao anh biết?

- Tôi biết anh rồi mà.

Nhà hay mơ tưởng hão ấy vừa lắc đầu vừa nói lắp bắp:

- Anh không tin mọi người tí nào cả...

Những câu chuyện của Cucuskin thường là như thế này: những người xấu và độc ác đều sẽ chán làm điều ác và "mất tích", nhưng thường thì Cucuskin hay cho họ đi tu như ném rác vào "hố rác" vậy.

Anh ta thường có những ý nghĩ đột ngột và kì quái; bỗng nhiên anh cau mày lại và tuyên bố:

- Chúng ta chiến thắng người Tacta thì được ích gì, người Tacta giỏi hơn chúng ta!

Nhưng có ai nói gì đến người Tacta đâu, lúc ấy đang nói về việc tổ chức một acten[1] của các chủ vườn.

Romat kể chuyện Xibiri và chuyện gã phú nông ở vùng đó, nhưng bỗng nhiên Cucuskin nói lẩm bẩm, vẻ đăm chiêu:

- Cái giống cá mòi nếu độ hai, ba năm không ai bắt thì chúng có thể sinh sôi đến nỗi làm biển tràn ra khỏi bờ và sẽ gây ra nạn lụt lớn cho thiên hạ. Thật là một giống cá sinh sôi nảy nở khá nhanh!

Cả làng đều coi Cucuskin là một người hão huyền, những câu chuyện và những ý nghĩ kì quái của anh làm những người mujic tức giận, họ chửi rủa và chế giễu anh, nhưng họ vẫn luôn luôn nghe anh với vẻ thú vị và chăm chú, dường như chờ đợi sẽ được thấy một chân lí nào đó trong những chuyện bịa của anh.

---

[1] Nhóm sản xuất hoặc làm việc tập thể.

- Thằng cha ba hoa, - những người đứng tuổi gọi anh như vậy, chỉ có anh chàng hay diện Pancov là nói có vẻ chín chắn:

- Xtepan là một người bí ẩn...

Cucuskin là một người rất tài ba, anh biết đóng thùng gỗ, đắp lò sưởi, biết nuôi ong, dạy các bà nuôi gà vịt, làm thợ mộc rất khéo, việc gì anh cũng có thể làm được, mặc dù anh làm chậm và có vẻ miễn cưỡng. Anh rất thích mèo, trong nhà tắm của anh có tới hàng chục con to, nhỏ béo mập. Anh cho chúng ăn quạ khoang, quạ đen, luyện cho mèo ăn gà vịt, do đó người làng càng ghét anh tợn: mèo của anh cấn chết cả gà con lẫn gà mẹ. Các bà hàng xóm liền săn đuổi mèo của Xtepan và đánh một cách không thương xót. Ở nhà tắm của Cucuskin thường nghe thấy tiếng kêu the thé giận dữ của các bà chủ đau khổ, nhưng cái đó không hề làm anh bối rối.

- Các mụ ngốc lắm, mèo là giống vật đi săn khéo hơn cả chó. Tôi luyện cho chúng quen săn gà vịt, rồi chúng ta sẽ nuôi hàng trăm con đem bán, số tiền thu được sẽ đem biếu các người, các người thật là ngốc!

Cucuskin trước đây có biết đọc biết viết, nhưng đã quên hết cả, bây giờ anh không muốn ôn lại nữa. Vốn là một người thông minh, anh có thể nắm được cái chủ yếu nhất trong các câu chuyện của Khokhon nhanh hơn so với những người khác.

- Đúng, đúng, - anh vừa nói vừa nhăn nhó như một đứa bé nuốt viên thuốc đắng, - có nghĩa là Ivan Groznui[1] không có hại gì đối với đám dân quèn.

Cucuskin, Izot và Pancov thường đến chỗ chúng tôi vào buổi tối và nhiều khi ngồi đến tận nửa đêm để nghe Khokhon kể chuyện về tình hình thế giới, về sinh hoạt của nước ngoài,

[1] Ivan Groznui - tên tục của vua Ivan IV Vaxilievitr (1530-1584), vua Nga đầu tiên.

về phong trào cách mạng của các dân tộc. Pancov rất thích cuộc cách mạng Pháp.

- Đó mới thực là sự thay đổi cuộc sống, - anh tán thành.

Cha của Pancov là một phú nông có cái bướu to ở cổ và có cặp mắt tròn xoe trông thật đáng sợ. Hai năm trước đây Pancov đã từ bỏ cha và "tự ý" lấy một cô gái mồ côi, người cháu họ của Izot. Anh rất khắt khe với vợ, nhưng lại cho cô ta ăn mặc quần áo tỉnh thành. Cha anh nguyền rủa anh vì tính ngỗ nghịch ấy, và mỗi khi đi qua ngôi nhà gỗ mới làm của con, ông thường nhổ nước bọt với vẻ giận dữ. Pancov đã cho Romat thuê ngôi nhà này và xây thêm vào đó một cửa hiệu trái với ý muốn của bọn phú nông trong làng, vì vậy bọn họ rất thù ghét anh; bề ngoài anh đối với họ có vẻ lãnh đạm, khi nói về họ anh thường tỏ thái độ khinh bỉ, và khi tiếp xúc với họ thì thô bạo và giễu cợt. Cuộc sống nông thôn đã làm anh cảm thấy nặng nề.

- Giá tôi biết nghề thủ công thì tôi sẽ ra quách thành phố ở...

Anh có thân hình cân xứng, thường ăn mặc rất sạch sẽ, luôn luôn giữ vẻ trang trọng và rất hay tự ái. Anh có đầu óc thận trọng và hay hoài nghi.

- Anh làm công việc này xuất phát từ lòng mình hay có tính toán? - anh thường hỏi Romat như vậy.

- Thế theo anh thì thế nào?

- Không, anh nói đi.

- Theo anh thì đằng nào tốt hơn?

- Tôi không biết! Còn theo anh thì sao?

Khokhon cứ gặng mãi và cuối cùng anh bắt buộc người mujic ấy phải tự nói ra.

- Tất nhiên, tốt hơn cả là xuất phát từ lí trí: Lí trí không vô ích đâu, đâu có lí trí thì công việc sẽ tiến hành chắc chắn.

Còn tình cảm chỉ tổ dẫn chúng ta đi chệch đường mà thôi. Nếu chỉ dựa vào tình cảm thì có lẽ tôi sẽ gây nên nhiều tai họa! Tôi sẽ thiêu ngay lão cha cố để dạy cho hắn biết: chớ có nhúng tay bừa vào công việc của người khác!

Trong làng này có một lão cha cố độc ác, mặt như chuột chù, lão ta đã can thiệp vào vụ cãi nhau giữa Pancov với cha anh, nên anh rất ghét.

Lúc đầu Pancov đối với tôi hình như có ác cảm và gần như thù địch, thậm chí anh gọi tôi như là chủ gọi người ở vậy. Nhưng thái độ ấy chẳng bao lâu đã biến mất, mặc dầu tôi cảm thấy anh đối với tôi vẫn có vẻ hoài nghi ngấm ngầm, còn tôi cũng chẳng ưa gì Pancov.

Tôi còn nhớ mãi những buổi tối trong căn phòng nhỏ và sạch sẽ có vách bằng gỗ cây ghép lại. Cửa sổ đóng kín mít, trên chiếc bàn kê ở góc phòng có một ngọn đèn, cạnh đó là một người có vầng trán cao, đầu trọc, râu dài, người đó nói:

- Thực chất của cuộc sống là ở chỗ làm sao cho con người ngày càng khác xa với súc vật...

Có ba người mujic chăm chú nghe, tất cả đều có cặp mắt trong sáng và khuôn mặt thông minh. Izot thường ngồi yên không nhúc nhích, tựa như lắng nghe cái gì đó ở phía xa xa mà chỉ có một mình anh mới nghe thấy. Cucuskin xoay mình như bị muỗi đốt, còn Pancov thì vừa lấy tay nhổ những chiếc râu màu vàng óng vừa lặng lẽ suy nghĩ:

- Nghĩa là dù sao thì vẫn cần phải phân chia người ta ra thành các đẳng cấp.

Tôi rất thích là Pancov không bao giờ nói một cách thô bỉ với Cucuskin, một cố nông của anh. Anh chú ý nghe những chuyện bịa đặt ngộ nghĩnh của nhà mơ mộng ấy.

Sau khi kết thúc buổi nói chuyện, tôi trở về gác thượng của tôi và ngồi ở cạnh cửa sổ để ngó, nhìn xuống dưới làng đã

ngủ say và cánh đồng lặng lẽ như tờ. Ánh sao lấp lánh xuyên thủng màn đêm, những ngôi sao đó càng gần mặt đất thì lại càng xa xôi thêm. Sự yên lặng đã đè nặng lên tâm hồn tôi, ý nghĩ của tôi cứ tràn lan theo khoảng không gian vô tận, tôi nhìn thấy hàng ngàn thôn xóm cũng lặng lẽ bám chặt lấy mặt đất bằng phẳng như cái làng của chúng tôi vậy. Bốn bề đều tĩnh mịch, yên lặng.

Sự trống trải của đêm tối đã vây lấy tôi như hàng ngàn con đỉa vô hình bám chặt lấy tâm hồn tôi. Dần dần tôi cảm thấy mình yếu đuối, bất lực, một lo âu lờ mờ làm cho tôi xao xuyến. Tôi chỉ là một kẻ bé nhỏ và không đáng kể trên trái đất này...

Cuộc sống của làng này trước con mắt tôi không có gì vui vẻ. Tôi thường nghe nói và đọc sách thấy ở nông thôn người ta sống lành mạnh và chân thành hơn ở thành thị. Nhưng ở đây tôi nhìn thấy những người mujic phải làm việc quần quật suốt ngày, trong số họ có nhiều người không lấy gì làm khỏe mạnh, phải làm việc quá sức và hầu như không có người nào vui vẻ cả. Những người thợ thủ công và công nhân ở thành thị làm việc cũng không kém, nhưng họ sống vui vẻ hơn và không kêu ca phàn nàn về cuộc sống một cách buồn tẻ và chán ngán như những con người luôn cau có này. Tôi cảm thấy cuộc sống của người nông dân không phải là đơn giản, nó đòi hỏi phải hết sức để ý đến ruộng đất và đòi hỏi phải có nhiều mánh khóe tinh vi đối với mọi người. Tôi thấy rõ cuộc sống thiếu lí trí này không có gì thú vị, tất cả mọi người trong làng đều sống mò mẫm như những người mù, tất cả đều sợ hãi cái gì đó, không tin cậy nhau, ở họ có cái gì như lang sói.

Tôi không thể hiểu được vì sao họ lại giữ mãi ác cảm với Khokhon, Pancov và tất cả những người "của chúng tôi", những người muốn sống có lí trí.

Tôi thấy rõ ưu thế của dân thành thị, sự khát khao hạnh phúc của họ, óc tìm tòi mạnh bạo, những nhiệm vụ và mục đích khác nhau của họ. Thường thường vào những đêm như vậy tôi hay nhớ đến hai thị dân:

F. CALUGIN và Z. NEBEI
Thợ chữa đồng hồ
Nhận chữa cả các loại máy móc dụng cụ phẫu thuật, máy khâu, nhạc cụ và các thứ khác.

Tấm biển này treo trên lối ra vào nhỏ hẹp của một cửa hiệu nhỏ, giữa hai cửa sổ đầy bụi. F. Calugin có cái bướu trên chiếc đầu hói vàng, mắt đeo kính lúp, ngồi bên một cửa sổ. Bác ta mặt tròn, người chắc nịch, hầu như lúc nào cũng mỉm cười. Thỉnh thoảng bác cầm chiếc kìm nhỏ xíu nghí ngoáy trong bộ máy đồng hồ, hoặc hát nghêu ngao, mồm há tròn xoe ẩn dưới bộ râu mép bạc. Ở cửa sổ bên kia là Z. Necbei. Bác này có bộ tóc quăn đen sẫm, chiếc mũi to hơi khoằm, cặp mắt thô lố như hai quả mận và bộ râu cằm nhọn hoắt. Người bác khô héo, gầy còm như một con quỷ. Bác cũng tháo tháo lắp lắp những bộ phận nhỏ tí xíu và thỉnh thoảng đột nhiên bác kêu lên, giọng trầm trầm:

- Tra-ta-tam, tam, tam!

Sau lưng họ, ngổn ngang những hòm xiểng, máy móc, bánh xe, đàn hộp, quả địa cầu. Khắp nơi, trên các giá gỗ là những vật bằng kim loại thuộc đủ kiểu khác nhau. Trên tường có treo nhiều đồng hồ quả lắc. Tôi sẵn sàng đứng suốt ngày xem hai người này làm việc, nhưng thân hình cao lớn của tôi thường che mất ánh sáng nên họ hằm hằm nhìn tôi một cách đáng sợ và phẩy tay đuổi tôi đi. Khi bước ra khỏi cửa tôi suy nghĩ với lòng ghen tị:

"Hạnh phúc biết bao, nếu biết làm mọi việc!"

Tôi kính trọng những con người này và tin rằng họ biết những điều bí mật của tất cả máy móc, dụng cụ nên họ cũng có thể chữa được mọi thứ trên đời. Đó mới thật là những con người!

Tôi không thích nông thôn, những người mujic thật là khó hiểu. Các bà nhà quê đặc biệt hay than phiền về bệnh tật, nào là cái gì "đau nhói trong tim" "tưng tức trong ngực" và thường xuyên "đau quặn trong bụng". Họ nói nhiều và thích nói đến những chuyện đó, nhất là vào những ngày lễ, khi ngồi ở nhà hoặc trên bờ sông Volga. Họ dễ nổi nóng vô cùng và chửi bới nhau thậm tệ. Chỉ vì đánh vỡ một cái lọ bằng sành đáng giá mười hai copec mà ba gia đình đã dùng gậy đánh nhau đến nỗi gẫy tay một bà già và vỡ sọ một chàng trai. Những cuộc đánh nhau như vậy hầu như tuần nào cũng xảy ra.

Bọn con trai thường có thái độ trơ trẽn trắng trợn đối với con gái và hay trêu ghẹo họ. Chúng thường đuổi bắt con gái ở ngoài đồng, tốc váy họ lên trùm kín đầu rồi lấy vỏ cây gai buộc túm chặt gấu váy lại. Trò này gọi là trò "con gái khai hoa". Bọn con gái, nửa dưới hoàn toàn trần truồng đến ngang thắt lưng kêu thét lên, chửi bới om sòm. Nhưng hình như bọn con gái có vẻ thích thú cái trò chơi này và thường cố ý gỡ váy xuống một cách chậm chạp. Ở nhà thờ, trong giờ cầu kinh bọn con trai thường véo vào mông đít con gái; có lẽ chỉ vì thế mà chúng đi nhà thờ cũng nên. Ngày chủ nhật cha cố từ trên tòa giảng nói xuống:

- Đồ súc sinh! Không có chỗ nào khác để tụi bay làm cái trò tầm bậy ấy hay sao?

- Ở Ucraina người ta đối với tôn giáo có vẻ thơ mộng hơn, - Romat kể, - còn ở đây, do tin vào Chúa, tôi chỉ thấy những bản năng khiếp sợ và tham lam vô cùng thô bỉ. Anh biết đấy,

dân ở đây không có được thứ tình yêu chân thành như vậy đối với Chúa, họ không khâm phục vẻ đẹp và sức mạnh của Chúa. Cái đó cũng có thể là một điều tốt, vì như thế họ càng dễ thoát khỏi tôn giáo. Mà tôn giáo là một thứ thành kiến vô cùng có hại, tôi có thể nói chắc với anh như vậy!

Bọn con trai hay khoác lác, nhưng nhát gan. Đã ba lần bắt gặp tôi ở ngoài đường lúc ban đêm, bọn chúng định đánh tôi, nhưng không đánh được; chỉ có một lần tôi bị bọn chúng dùng gậy nện vào chân. Tất nhiên tôi không nói với Romat những chuyện đánh nhau nhỏ nhặt ấy, nhưng nom thấy tôi đi khập khiễng, tự anh cũng đoán được chuyện gì đã xảy ra.

- Này, dù sao thì anh cũng được nếm quả của chúng rồi phải không? Tôi đã bảo mà!

Mặc dầu anh khuyên tôi không nên đi chơi ban đêm, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn cứ mò ra bờ sông Volga, theo phía sau vườn rau. Tôi ngồi dưới rặng liễu, nhìn sang cánh đồng cỏ phía bên kia sông, qua màn đêm trong suốt. Dòng sông Volga lững lờ trôi trông thật trang nghiêm, mặt trăng tẻ ngắt phản chiếu những tia nắng vàng của ánh mặt trời vô hình xuống mặt nước. Tôi không thích mặt trăng. Ở mặt trăng có cái gì dữ tợn. Như một con chó, thấy ánh trăng là tôi buồn phiền, muốn sủa rống lên một cách ai oán. Tôi rất vui mừng khi biết rằng tự nó không có ánh sáng, rằng nó là một vật chết và trên đó không có và không thể có sự sống. Trước kia tôi tưởng tượng trên mặt trăng có những người bằng đồng ở. Thân hình họ giống như những vật hình tam giác, họ chuyển động như những chiếc compa và phát ra những tiếng leng keng kinh người như tiếng chuông nhà thờ trong tuần chay. Tất cả mọi thứ trên đó đều bằng đồng: cây cối, động vật - tất cả đều không ngớt kêu leng keng nghe đến chói tai, có vẻ như thù hằn đối với trái đất và có ác ý chống lại trái đất. Tôi lấy làm thú vị được biết mặt trăng là một nơi

hoang vu ở trên trời, nhưng tôi vẫn muốn có một mảnh sao băng lớn rơi xuống mặt trăng thật mạnh khiến nó phải bốc cháy và chiếu xuống mặt đất bằng thứ ánh sáng của chính bản thân nó.

Nhìn dòng sông Volga lay động ánh trăng óng ánh như một dải lụa thêu kim tuyến, bắt nguồn ở nơi đâu xa xăm trong bóng tối và biến mất trong bóng đen của bờ sông dốc, tôi cảm thấy dòng ý nghĩ của tôi trở nên mạnh mẽ hơn và sâu sắc hơn. Vào những lúc như thế này người ta dễ nghĩ tới một cái gì khó tả bằng lời, một cái gì xa lạ với cuộc sống ban ngày. Sự chuyển động của khối nước khổng lồ như thầm lặng. Một chiếc tàu thủy, giống như một con chim quái gở có bộ lông màu lửa, trượt trên con đường rộng đen sẫm, một tiếng động khe khẽ trôi theo sau như tiếng vỗ của đôi cánh nặng nề. Sát bờ phía cánh đồng cỏ, trên mặt nước có một đốm lửa lập lòe, từ đấy phát ra một tia sáng đỏ nhọn hoắt. Đó là người đánh cá đang soi cá. Nhưng cũng có thể nghĩ đó là một trong số những vì sao thiếu nơi nương náu từ trên trời sa xuống sông và lơ lửng trên mặt nước như một bông hoa lửa.

Những điều học trong sách vở đã biến thành những ảo tưởng kì lạ, óc tưởng tượng không ngừng dệt nên những cảnh đẹp không gì có thể sánh được. Tôi có cảm giác như mình đang bơi theo dòng sông trong bầu không khí dịu dàng của ban đêm.

Izot gặp tôi, ban đêm trông anh càng to lớn hơn và càng đẹp trai hơn.

- Anh lại ra đây rồi à? - anh hỏi tôi rồi ngồi xuống bên cạnh, im lặng hồi lâu, mắt chăm chú nhìn dòng sông và nhìn lên bầu trời, tay vuốt vuốt bộ râu cằm vàng óng như tơ.

Sau đó anh ước mơ:

- Học xong tôi sẽ đọc thật nhiều sách, tôi sẽ đi dọc theo

tất cả các con sông và sẽ hiểu hết mọi cái! Tôi sẽ dạy người khác! Đúng. Anh bạn ạ, san sẻ nỗi lòng với mọi người cảm thấy dễ chịu biết bao! Ngay cả đối với một số đàn bà cũng vậy, nếu tâm sự với họ, họ cũng hiểu được. Hôm nọ có một mụ ngồi cùng thuyền, hỏi tôi: "Khi chúng ta chết sẽ ra sao nhỉ? Tôi không tin có địa ngục, cũng không tin có thiên đường". Thấy chưa? Anh bạn ạ, họ cũng...

Chưa tìm được tiếng thích hợp, anh im lặng và cuối cùng nói thêm:

- Là những tâm hồn đầy sức sống...

Izot là người quen sống về ban đêm. Anh dễ nhạy cảm với cái đẹp, hay nói về cái đẹp bằng những lời lẽ dịu dàng của một đứa trẻ mơ mộng. Anh tin vào Chúa như một tín đồ nhưng không chút sợ hãi. Anh tưởng tượng Chúa là một ông lão to lớn, đáng kính, một người chủ lương thiện và thông minh của thế gian, Chúa không thể thắng được cái ác chỉ vì "Người không kịp trở tay, số người sinh ra quá đông. Nhưng không sao, Người sẽ đến kịp, rồi anh khắc thấy! Còn nói đến Chúa Jexu thì tôi không thể nào hiểu nổi! Đối với tôi Chúa Jexu chẳng có nghĩa gì cả. Có một Chúa, thế cũng đủ rồi. Đằng này lại thêm một vị Chúa nữa! Nghe người ta nói đó là con trai của Chúa. Con trai của Chúa thì quan trọng gì? Chúa làm sao có thể chết được..."

Nhưng thường Izot hay ngồi im lặng suy nghĩ về một điều gì đó, chỉ thỉnh thoảng anh mới thở dài và nói:

- Đúng, nó như thế đấy...

- Chuyện gì vậy?

- Đây là tôi tự bảo mình...

Rồi anh lại thở dài, mắt nhìn về phía xa xăm mờ mịt.

- Cuộc sống thật là đẹp đẽ!

Tôi tán thành:

- Đúng, thật là đẹp đẽ!

Dải nước đen sẫm như nhung chuyển động mạnh. Trên mặt nước trải ra một dải Ngân Hà cong cong lóng lánh như bạc, những ngôi sao lớn lấp lánh như những con chim sơn ca bằng vàng. Trái tim như khẽ hát lên những ý nghĩ vô lí về sự huyền bí của cuộc sống.

Xa xa trên cánh đồng cỏ những tia nắng xuyên qua đám mây hồng, và đầy mặt trời đã xòe ra trên bầu trời cái đuôi công sặc sỡ.

- Mặt trời thật là kì diệu! - Izot vừa lẩm bẩm vừa mỉm cười sung sướng.

Những cây táo đua nhau nở hoa, khắp làng phủ đầy những đống tuyết màu hồng nhạt và sực mùi cay cay. Mùi đó tỏa rộng khắp nơi làm át hẳn mùi dầu hắc và mùi phân. Hàng trăm cây cối đang nở hoa khoác những tấm vải xa tanh màu hồng nhạt của cánh hoa đẹp như trong ngày hội, chúng xếp thành từng hàng đều đặn chạy suốt từ làng ra tận cánh đồng. Vào những đêm sáng trăng gió nhẹ, những cánh hoa rung rinh như cánh bướm, khẽ kêu lào xào, nom như những làn sóng nặng nề màu xanh và màu vàng óng tràn ngập khắp làng. Chim họa mi không ngớt cất tiếng hót một cách say sưa. Ban ngày sáo sậu trêu chọc nhau ầm ĩ và chim sơn ca ở tít trên trời cao liên tiếp rót xuống mặt đất những tiếng ngân dịu dàng.

Vào buổi tối những ngày lễ, các cô gái và các bà vợ trẻ vừa đi dạo ngoài đường vừa hát vang vang, mồm há to như những con chim non, mắt đắm đuối cười như người say. Izot cũng mỉm cười như người say rượu. Anh gầy tọp đi, cặp mắt biến thành hai cái hố đen ngòm. Khuôn mặt anh càng trở nên nghiêm nghị, đẹp hơn và giống như một bức tượng thánh. Anh thường ngủ suốt ngày và chỉ xuất hiện ngoài đường vào lúc chập tối,

vẻ mặt lo lắng và hơi đăm chiêu. Cucuskin chế giễu Izot một cách thô bỉ, nhưng dịu dàng. Izot chỉ nhếch mép cười với vẻ bối rối và nói:

- Thôi đừng nhắc đến chuyện ấy nữa. Biết làm thế nào?

Rồi anh tán tụng:

- Ôi, cuộc sống thật là êm ái! Cuộc sống thật là dịu dàng biết bao, và lời nói của người ta cũng ngọt ngào biết bao! Có những lời nói đến chết anh cũng không thể quên được. Và nếu bỗng dưng sống lại thì anh sẽ nhớ đến những lời nói đó trước tiên!

- Coi chừng, kẻo bọn chồng họ sẽ nện cho anh một trận đấy, - Khokhon cũng vừa mỉm cười dịu dàng vừa cảnh cáo Izot.

- Nện chán cũng phải thôi, - Izot đồng ý.

Hầu như đêm nào giọng hát cao vút, cảm động của Migun cũng cùng với tiếng hót của chim họa mi vang lên trong những khu vườn, trên cánh đồng và bờ sông. Bác hát những bài hát rất hay với một giọng thật là tuyệt diệu. Cũng vì những bài ấy mà ngay cả những người mujic đã nhiều lần tha thứ cho bác.

Vào những buổi tối thứ bảy người kéo tới tụ tập ở cửa hiệu chúng tôi mỗi lúc mỗi nhiều. Trong số này thế nào cũng có mặt ông lão Xuxlov, Barinov, bác thợ rèn Crotov, Migun. Họ ngồi nói chuyện về đăm chiêu. Người này đi thì người khác lại đến, và cứ như thế cho đến tận gần nửa đêm. Đôi khi bọn say rượu làm om sòm, nhất là gã lính Coxtin, chột mắt và cụt hai ngón tay trái, hay gây chuyện hơn cả. Gã xắn tay áo lên, rồi vừa hoa chân múa tay vừa bước tới gần cửa hiệu như một con gà chọi và gân cổ lên hét, giọng khàn khàn:

- Khokhon, cái dân hiếm độc và ngoại đạo kia! Hãy trả lời đi - tại sao anh không đi lễ nhà thờ, hả? Đồ dị giáo! Quân gây rối loạn! Hãy trả lời đi - anh là người như thế nào?

Mọi người trêu chọc gã:

- Misca[1], tại sao anh bắn đứt ngón tay của anh thế? Sợ quân Thổ Nhĩ Kỳ à?

Gã gây sự đánh nhau, nhưng mọi người đã túm lấy gã và vừa cười ồ, la hét vừa đẩy gã xuống khe. Gã ngã lăn lông lốc theo bờ dốc như một quả bóng, miệng thét lên nghe đến nhức óc:

- Cứu tôi với! Chúng nó giết tôi...

Sau đó gã bò lên, mình đầy bụi, đòi Khokhon một chai rượu votca.

- Vì lẽ gì?

- Vì tôi đã làm trò cười cho các anh, - Coxtin đáp. Đám mujic lại cười ồ cả lên.

*

* *

Một hôm vào buổi sáng ngày lễ, lúc bà làm bếp vừa nhóm xong lò và đi ra sân, còn tôi đang ở cửa hiệu, bỗng trong bếp phát ra một tiếng "ùng" rất mạnh. Cửa hiệu rung chuyển, những hộp bánh kẹo bằng sắt tây rơi từ trên giá gỗ xuống, kính vỡ loảng xoảng, trên sàn nhà có tiếng rơi lộp bộp. Tôi liền nhảy xổ vào bếp, những luồng khói đen từ cửa bếp ùa vào phòng, và sau lớp khói có tiếng nổ lép bép và tiếng kêu răng rắc. Khokhon nắm lấy vai tôi:

- Đứng lại...

Ngoài cửa có tiếng kêu khóc của bà làm bếp.

- Ôi, mụ ngốc...

Romat chui vào đám khói, kêu to lên, văng ra một câu chửi rất tục và hét:

- Im đi! Mang nước lại đây!

---

[1] Tức Mikhain (Coxtin), cách gọi thân mật.

Trên sàn bếp những thanh củi bốc khói, vỏ bào bốc cháy, gạch nằm ngổn ngang, miệng lò đen ngòm trống rỗng như mới quét sạch. Tôi sờ thấy thùng nước trong đám khói, hắt nước vào lửa trên sàn rồi lại quẳng những thanh củi vào bếp lò.

- Cẩn thận! - Khokhon vừa nói vừa dắt tay bà làm bếp, đẩy bà ta vào phòng và ra lệnh:

- Khóa cửa hiệu lại! Phải cẩn thận đấy, Macximitr! Có thể còn nổ nữa... - Nói rồi anh ngồi xổm, xem xét những thanh củi mà tôi vừa mới quẳng vào bếp lò.

- Anh làm gì thế?

- Chà! Trông đây này!

Anh giơ cho tôi xem một thanh củi tròn đã bị nứt toác hẳn ra, tôi nhìn thấy bên trong có một lỗ khoan bị ám khói trông rất kì lạ.

- Anh rõ chưa? Bọn quỷ sứ đã nhồi thuốc nổ vào trong củi. Đồ ngốc! Một funt thuốc nổ thì làm được cái quái gì kia chứ?

Anh đặt thanh củi sang một bên rồi bắt đầu rửa tay và nói:

- May mà Acxinia đã đi ra ngoài sân, không thì giập xương mất...

Luồng khói đầy thán khí đã tan, tôi thấy bát đĩa để trên ngăn tủ bị vỡ, tất cả kính bị sức ép văng khỏi khung cửa sổ, gạch ở cửa lò cũng long ra.

Tôi không bằng lòng sự bình tĩnh của Khokhon trong giờ phút này. Hình như cái việc ngu xuẩn ấy không làm cho anh tức giận chút nào. Ngoài đường bọn trẻ con chạy lăng quăng và kêu inh ỏi:

- Nhà Khokhon cháy! Cháy!

Một mụ nào đó khóc lóc than thở. Acxinia ở trong phòng kêu lên có vẻ lo lắng:

- Mikhailo Antonitr, người ta đang phá cửa hiệu xông vào!

- Này, này, khẽ chứ! - anh vừa nói vừa lấy khăn mặt lau bộ râu cằm ướt sũng.

Những bộ mặt lông lá, nhăn nhó vì sợ hãi và tức giận ngó qua những cửa sổ để ngỏ, mắt nheo lại vì khói cay. Một người kêu rú lên, vẻ kích động:

- Tống cổ bọn chúng nó ra khỏi làng! Nhà chúng nó hay có chuyện om sòm lắm! Cái gì thế?

Một gã mujic bé nhỏ tóc hung vừa làm dấu thánh giá vừa mấp máy môi và định chui qua cửa sổ, nhưng không chui lọt. Tay phải gã cầm chiếc rìu, còn tay trái thì run run nắm lấy bệ cửa sổ, nhưng bị tuột tay.

Romat cầm thanh củi trong tay, hỏi gã:

- Mày định leo đi đâu?

- Vào chữa cháy, anh bạn ạ...

- Có cháy chiếc gì đâu nào...

Gã mujic sợ hãi há hốc mồm, rồi biến mất. Romat bước ra ngoài bậc tam cấp của cửa hiệu, giơ thanh củi lên và nói với đám người đứng đó:

- Trong các anh có người đã nhồi thuốc nổ vào thanh củi tròn này và nhét vào đống củi của chúng tôi. Nhưng thuốc nổ ít quá nên chẳng ăn thua gì cả...

Tôi đứng đằng sau Khokhon, nhìn đám đông và nghe gã mujic cầm rìu kể với vẻ sợ hãi:

- Nó dám vung thanh củi lên dọa tôi...

Gã lính Coxtin say khướt hét lên:

- Tống cổ nó đi, đồ yêu quái! Lôi nó ra tòa...

Nhưng số đông đều im lặng, chăm chú nhìn Romat và hoài nghi nghe anh nói tiếp:

- Muốn làm nổ một căn nhà gỗ cần phải nhiều thuốc nổ, có lẽ cần đến một put! Thôi, các người giải tán đi thôi...

Có người hỏi:

- Trưởng thôn đâu?

- Cần phải đi tìm cảnh sát thôn.[1]

Mọi người giải tán chậm chạp, miễn cưỡng như tiếc rẻ một cái gì đó.

Chúng tôi ngồi vào bàn uống trà. Acxinia rót nước cho mọi người, lúc này trông bà dịu dàng và phúc hậu hơn bất kì lúc nào. Bà liếc nhìn Romat với vẻ thông cảm và nói:

- Anh không kiện cho chúng một mẻ, thành thử chúng cứ tác yêu tác quái mãi.

- Họ làm thế mà anh không tức giận à? - tôi hỏi.

- Không có đủ thì giờ để tức giận đối với mỗi hành động ngu xuẩn như vậy được.

Tôi nghĩ bụng: "Giá tất cả mọi người đều bình tĩnh giải quyết công việc của mình như vậy nhỉ!".

Nhưng anh đã bắt sang chuyện sắp đi Cazan và hỏi xem cần mang những sách gì về.

Đôi khi tôi cảm thấy trong tâm hồn anh có một cái máy gì đó đang chạy như trong chiếc đồng hồ, nó đã được lên dây cót ngay từ đầu và cứ thế chạy suốt đời. Tôi yêu mến Khokhon và rất kính trọng anh, nhưng tôi muốn anh bực tức với tôi hoặc với một người nào đó, muốn anh quát tháo và giậm chân, dù chỉ một lần thôi. Song hình như anh không thể hoặc không muốn bực tức. Khi người ta châm chọc anh bằng hành động ngu xuẩn hoặc đê tiện, anh thường chỉ theo cặp mắt xám với vẻ giễu cợt, nói một câu gì đó, thường là rất đơn giản và tàn nhẫn, bằng lời lẽ ngắn gọn và lạnh lùng.

Chẳng hạn như có lần anh hỏi Xuxlov.

- Lão già kia, lão tự lừa dối lương tâm để làm gì, hả?

---

[1] Nguyên văn: uriatnich - nhân viên trị an của nước Nga cũ do nông dân bầu ra để giúp trưởng thôn.

Cặp má vàng bủng và cái trán của ông lão từ từ biến thành màu đỏ tía. Hình như cả bộ râu bạc phơ của ông lão cũng biến thành màu đỏ ở chỗ chân râu.

- Cái đó nào có lợi gì cho lão đâu, mà lão còn mất uy tín là đằng khác.

Xuxlov cúi đầu đồng ý.

- Đúng, không có lợi thật!

Sau đó Xuxlov nói với Izot:

- Anh ta mới thật là người biết dẫn đường chỉ lối! Chúng ta cần phải lựa chọn những người như vậy làm quan mới được...

... Roamat dặn dò vắn tắt và rõ ràng những điều tôi cần phải làm khi anh đi vắng. Tôi có cảm tưởng anh đã quên việc người ta định dùng vụ nổ để doạ nạt anh như là người ta quên việc bị ruồi muỗi đốt vậy.

Pancov bước tới, anh nhìn khắp bếp lò và cau mày hỏi:

- Các anh không sợ à?

- Ồ, có gì đáng sợ đâu?

- Chiến tranh đấy!

- Ngồi xuống đây uống trà đã.

- Nhà tôi đang đợi.

- Anh ở đâu về thế?

- Đi đánh cá. Đi với Izot.

Anh trở ra. Khi đi qua bếp, anh lại nhắc lại một lần nữa với vẻ đăm chiêu:

- Chiến tranh đấy.

Anh thường nói với Khokhon bằng những lời lẽ vắn tắt y như họ đã nói hết với nhau từ lâu tất cả mọi điều quan trọng và phức tạp rồi ấy. Tôi nhớ có lần sau khi nghe Romat kể câu chuyện về triều đại Ivan Groznưi, Izot nói:

- Một ông vua chán chết!

- Một tên đồ tể, - Cucuskin bổ sung thêm, còn Pancov thì nói với vẻ quả quyết:

- Hắn chẳng lấy gì làm sáng suốt cho lắm. Hắn đã sát hại các vương công và thay thế vào đó những tên quý tộc nhỏ mọn. Hắn còn rước về thêm một số bọn ngoại quốc nữa. Như thế đúng là thiếu sáng suốt. Tiểu địa chủ tồi hơn đại địa chủ. Con ruồi không phải như chó sói; dùng súng không bắn chết nó được, nhưng nó quấy rầy còn khổ hơn là chó sói.

Cucuskin đến, tay xách thùng đất sét nhào với nước. Anh vừa lấy gạch xây lại bếp lò vừa nói:

- Lũ quỷ ấy cứ tưởng bở! Ngay đến con rận trên mình cũng không thể giết được còn định đi giết người khác! Antonitr, anh đừng chở nhiều hàng về cùng một lúc, tốt hơn cả là chở về in ít thôi, nhưng thường xuyên hơn, không có thì, coi chừng đấy, người ta sẽ thiêu cả anh cho mà xem! Hiện nay anh đang tổ chức cái khoản đó, anh hãy liệu mà đón lấy tai họa!

"Cái khoản đó" ở đây ám chỉ acten của các chủ vườn hoa quả, "cái khoản đó" làm cho bọn phú nông trong làng rất khó chịu. Khokhon nhờ sự giúp đỡ của Pancov, Xuxlov và thêm hai, ba người mujic biết điều hầu như đã thu xếp ổn thỏa "cái khoản đó". Đa số những người trong làng bắt đầu có thái độ tốt với Romat, số người mua ở cửa hiệu tăng lên rõ rệt, ngay cả những người mujic "vô dụng" như Barinov và Migun cũng cố gắng giúp đỡ việc làm của Khokhon bằng mọi cách.

Tôi rất thích Migun, tôi yêu những bài hát rất hay và buồn buồn của bác ta. Khi hát bác thường nhắm mắt lại, lúc đó khuôn mặt đau khổ của bác không còn bị chứng kinh làm co giật nữa. Bác thường sống bằng đêm tối, khi bầu trời không có trăng hoặc bị những đám mây dày đặc che lấp. Có hôm ngay từ chập tối bác đã bảo nhỏ tôi:

- Lát nữa ra sông Volga nhé!

Khi ra sông tôi thấy bác đang ngồi ở phía đuôi chiếc thuyền độc mộc nhỏ của bác, hai chân đen sì và cong cong thả xuống mặt nước đen ngòm. Bác vừa sửa lại những dụng cụ bị cấm dùng để đánh cá xterliat[1] vừa thì thầm nói:

- Khi mà bọn quý tộc nhạo báng tôi, thôi được, tôi có thể chịu đựng, quỷ bắt nó, chúng nó có địa vị, biết được những điều mà tôi không biết. Nhưng khi một ông bạn mujic chèn ép tôi thì làm sao tôi có thể chịu đựng được? Giữa chúng ta có cái gì khác nhau? Họ có trong túi đồng rúp, còn tôi chỉ có đồng copec thôi, khác nhau chỉ có thế!

Khuôn mặt Migun giần giật một cách đau đớn, lông mày nhảy lên, ngón tay động đậy rất nhanh, bác vừa tháo vừa lấy giũa giũa nhọn những lưỡi câu, giọng nói chân thành của bác khẽ vang lên:

- Tôi bị coi là một tên ăn trộm, đúng, tôi là một kẻ có tội! Nhưng tất cả mọi người cũng đều sống bằng nghề trộm cướp cả thôi, tất cả đều hút máu mủ và cắn xé lẫn nhau. Thật vậy. Chúa không ưa chúng ta, nhưng quỷ lại nuông chiều chúng ta.

Dòng sông đen sẫm trườn qua bên cạnh chúng tôi, những đám mây đen di chuyển ở phía trên; trời tối quá không nom thấy bờ cỏ rậm bên kia. Những làn sóng khẽ dạt vào bãi cát ở bờ sông và rửa sạch chân tôi như muốn kéo tôi đi cùng vào bóng tối vô tận đang trôi về đâu không rõ.

- Con người ta cần phải sống chứ? - Migun vừa thở dài vừa hỏi.

Ở trên núi có tiếng chó sủa buồn bã. Như qua một giấc mơ, tôi nghĩ:

---

[1] Một giống cá rất ngon, sống ở các sông ngòi thuộc lưu vực biển Caxpien, Hắc - Hải và các sông miền Xibiri.

"Nhưng sống như bác thế này thì nên sống làm gì kia chứ?"

Mặt sông rất yên tĩnh, đen ngòm và ghê sợ. Bóng tối ấm này thật là vô tận.

- Người ta sẽ giết Khokhon mất. Coi chừng, họ sẽ giết cả anh nữa đấy. - Migun nói lẩm bẩm, rồi đột nhiên khẽ hát một bài:

Mẹ tôi yêu mến tôi,
Mẹ thường hay nói:
- Lasa, con ơi,
Con yêu quý của mẹ,
Con hãy sống lặng lẽ...

Bác nhắm mắt, giọng bác cất lên mạnh mẽ hơn và buồn hơn, ngón tay vừa tháo sợi dây câu vừa từ từ động đậy:

Tôi không nghe lời mẹ
Ôi, tôi chẳng chịu nghe...

Tôi có một cảm giác kì lạ: dường như đất dưới chân tôi bị dòng nước đen ngòm nặng nề xói lở đang sụt xuống, còn tôi thì trượt và rơi từ mặt đất xuống một nơi tối om, nơi mặt trời đã vĩnh viễn bị vùi lấp.

Migun kết thúc bài hát cũng đột ngột như lúc bắt đầu. Bác lặng lẽ đẩy chiếc thuyền xuống nước, ngồi vào đó rồi gần như im lìm biến mất trong bóng tối. Tôi nhìn theo bóng bác và suy nghĩ.

"Những con người ấy sống để làm gì nhỉ?"

Tôi có một người bạn khác là Barinov. Tính anh ta bừa bãi, khoác lác, lười biếng, hay đặt điều và lang bạt không thể ở đâu yên. Anh đã từng sống ở Moxcva. Anh vừa khạc nhổ vừa nói về Moxcva như sau:

- Đấy là một thành phố địa ngục! Hổ lốn. Nhà thờ có tới mười bốn ngàn lẻ sáu cái, còn nhân dân thì toàn bọn bịp bợm. Tất cả đều ghẻ lở như một lũ ngựa, thật đấy! Bất kể là thương gia, quân nhân hay tiểu thị dân - tất cả đều vừa đi

vừa gãi. Đúng, ở đấy có súng thần công, một vật khổng lồ! Chính tay Piot Đại đế đúc để bắn bọn phiến loạn. Có một bà quý tộc vì tình đã nổi loạn chống ông ta. Ông ta chung sống với mụ đúng bảy năm, ngày này qua ngày khác, sau đó bỏ mụ cùng với ba đứa con. Mụ ta tức giận và thế là nổi loạn. Ông anh có biết không, cứ mỗi lần súng thần công của ông ta nổ vào bọn phiến loạn là lập tức chín ngàn ba trăm linh tám người bị chết. Ngay cả ông ta cũng hoảng sợ. Ông nói với đức tổng giám mục Filaret: "Không được, phải bít cái của khỉ ấy lại kẻo nó cứ cám dỗ!" Thế là người ta bít lại...

Tôi nói với Barinov rằng tất cả những chuyện đó đều nhảm nhí, anh ta tức giận:

- Trời ơi! Anh này mới khó tính chứ! Câu chuyện này là do một người thông thái kể tỉ mỉ cho tôi nghe, thế mà anh...

Barinov cũng đã từng tới Kiev "đất thánh", anh kể:

- Thành phố này cũng nằm trên đồi núi như làng ta, cũng có một con sông, nhưng tôi quên mất tên rồi. So với sông Volga thì con sông này chỉ giống như một cái ao nhỏ! Nói thẳng ra, thành phố này rất hỗn loạn. Tất cả các đường phố đều quanh co và dốc. Dân ở đây toàn là người Khokhon, nhưng không như Mikhailo Antonov, mà là nửa Ba Lan, nửa Tacta. Họ chỉ nói lúng búng, không nói to. Người nào đầu tóc cũng rối bù, bẩn thỉu. Họ ăn nhái, mỗi con nhái ở đây nặng khoảng mười funt. Họ cưỡi bò và thậm chí dùng bò để cày. Bò của họ thật là tuyệt, con bé nhất cũng to gấp bốn lần bò của chúng ta. Mỗi con nặng tám mươi ba put. Ở đấy có năm mươi bảy ngàn tu sĩ và hai trăm bảy mươi ba giáo chủ... Ồ, anh này rõ lạ chửa! Anh làm sao tranh cãi nổi với tôi? Tất cả cái đó chính mắt tôi đã trông thấy, còn anh, anh đã đến đấy chưa? Chưa đến. Đó! Ông anh thấy đấy, tôi ưa nhất là những điều chính xác...

Barinov thích dùng con số, tôi dạy cho anh biết tính cộng và tính nhân, nhưng anh lại không chịu học tính chia. Anh say mê nhân những con số lớn và thường hay bị nhầm lẫn. Anh lấy gậy viết lên cát một hàng chữ dài rồi nhìn những con số đó bằng cặp mắt tròn xoe ngây thơ và kinh ngạc. Anh thốt lên:

- Con số này không ai có thể đọc nổi!

Anh là người luộm thuộm, đầu tóc rối bù, quần áo rách rưới, khuôn mặt anh có thể nói là xinh đẹp, anh có bộ râu cằm loăn xoăn nom có vẻ vui nhộn, cặp mắt xanh luôn mỉm cười với nụ cười ngây thơ. Ở anh và Cucuskin hình như có cái gì giống nhau và có lẽ vì vậy mà họ xa lánh nhau.

Barinov đã hai lần đi tới biển Kaxpien đánh cá, anh luôn luôn mơ tưởng đến biển:

- Ông anh ơi, không thể ví biển với bất cứ cái gì được. Đứng trước biển anh chỉ như một con ruồi thôi! Nếu anh nhìn ra biển, anh sẽ có cảm giác như không thấy mình đâu nữa! Cuộc sống ở đấy thật là thú vị. Mọi người đều đổ xô ra biển, ngay cả một ông tu viện trưởng cũng ra đó. Ông ta đâu phải loại thường, cũng là người làm việc. Lại có cả một ả làm bếp nữa, cô ta vốn là nhân tình của một ông biện lí. Anh xem, như vậy thì còn đòi gì nữa? Nhưng cô ả không chịu và đã nói với ông kia: "Anh biện lí ạ, anh đối với em rất tốt, nhưng dù sao thì cũng xin từ biệt anh!" Bởi vì rằng ai đã nhìn thấy biển, dù chỉ một lần thôi, người đó sẽ lại bị hấp dẫn tới đó. Ở đấy rộng mênh mông như ở trên trời vậy, không có cảnh chen chúc xô đẩy nhau! Tôi cũng sẽ tới đó ở suốt đời. Tôi không thích đông người, có vậy thôi! Tôi muốn sống như một ẩn sĩ ở sa mạc, nhưng tôi chưa biết sa mạc nào tốt...

Anh ta giống như một con chó vô chủ chạy lăng quăng trong làng; mọi người khinh bỉ anh, nhưng vẫn nghe những

câu chuyện của anh một cách thú vị như những bài hát của Migun vậy.

- Hắn nói láo tài thật! Kể cũng hay!

Những chuyện bịa đặt của anh ta đôi khi làm cho cả đầu óc những người thực tế như Pancov cũng phải bối rối. Một hôm người mujic hay hoài nghi ấy đã nói với Khokhon:

- Barinov chứng minh rằng về Groznưi sách vở chưa nói hết, còn nhiều điều bí ẩn. Hình như Groznưi vốn là một con ma hiện hình, hay biến thành một con chim đại bàng. Do đó, từ thời hắn làm vua, người ta mới khắc chim đại bàng trên những đồng tiền để kỉ niệm hắn.

Đã bao lần tôi nhận thấy rằng người ta thích những chuyện bịa đặt kì quái, đôi khi được bịa ra một cách vụng về, hơn là những câu chuyện đứng đắn về cuộc sống thực.

Nhưng khi tôi nói với Khokhon điều ấy thì anh chỉ mỉm cười và nói:

- Cái đó rồi sẽ qua! Chỉ cần mọi người học được cách suy nghĩ là họ khắc biết tìm đến chân lí. Anh cần phải hiểu cả những con người kì lạ như Barinov và Cucuskin nữa. Nên biết, đó là những nghệ sĩ, những nhà sáng tác. Có lẽ Jexu cũng là một con người kì lạ như vậy. Anh phải đồng ý với tôi rằng nhiều chuyện Jexu bịa cũng khá đấy chứ...

Tôi rất lấy làm lạ rằng tất cả những người này rất ít và không thích nói đến Chúa. Chỉ có ông lão Xuxlov là thường nói vẻ tin chắc:

- Tất cả đều do ý Chúa!

Nhưng bao giờ tôi cũng nghe thấy trong lời nói ấy có cái gì tuyệt vọng. Sống với những người này rất thú vị, trong những đêm trò chuyện tôi đã học được ở họ nhiều điều. Tôi có cảm tưởng rằng mỗi vấn đề do Romat nêu lên giống như một cây cổ thụ đâm sâu rễ vào cuộc sống. Ở đó, trong lòng cuộc sống,

những rễ này bện chặt với những rễ của một cây cổ thụ khác cũng to lớn như vậy, và trên mỗi cành cây đều nảy nở ra những ý nghĩ chói lọi, những lời nói ngân vang. Tôi cảm thấy mình lớn lên và hút được chất mật có tác dụng kích thích của sách vở. Tôi ăn nói đã vững vàng hơn, và nhiều lần Khokhon đã phải vừa mỉm cười vừa khen tôi:

- Macximitr, anh hành động khá lắm!

Tôi cảm ơn anh về những lời khen ngợi ấy biết chừng nào!

Pancov thỉnh thoảng cũng dẫn vợ đến. Chị ta nom người nhỏ nhắn, khuôn mặt dịu dàng và cặp mắt xanh thông minh, ăn mặc "theo lối tỉnh thành". Chị rón rén ngồi vào một góc, môi mím chặt với vẻ khiêm tốn, nhưng một lát sau chị đã há hốc mồm ra với vẻ ngạc nhiên và cặp mắt mở to một cách sợ hãi. Đôi lúc nghe thấy một lời nói sắc sảo, chị cười ngượng nghịu và lấy tay che mặt. Còn Pancov thì nháy mắt ra hiệu cho Romat và nói:

- Cô ấy cũng hiểu đấy nhé!

Thường có một số người điệu bộ thận trọng hay lui tới chỗ Khokhon. Khokhon cùng với họ lên gác thượng, chỗ tôi ở, và ngồi đấy hàng giờ.

Acxinia đưa thức ăn và nước uống lên cho họ; họ ngủ ở đấy, không ai trông thấy cả, trừ tôi và bà làm bếp trung thành với Romat như một con chó trung thành với chủ, bà luôn mồm cầu nguyện cho anh ta. Đêm đêm, Izot và Pancov chở thuyền đưa những vị khách này lên một chiếc tàu thủy đi ngang qua hoặc đưa họ tới bến tàu ở Lobuski. Từ trên núi, tôi theo dõi chiếc thuyền bé bằng hạt đậu thấp thoáng trên dòng sông đen sẫm hoặc bàng bạc dưới ánh trăng, một ánh đèn lung linh trên mặt nước thu hút sự chú ý của viên thuyền trưởng. Tôi nhìn và cảm thấy như mình đang tham dự vào một công việc to lớn, bí mật.

Maria Derencova từ thành phố về, nhưng tôi không còn thấy ở cô ta cái nhìn đã từng làm tôi bối rối nữa. Bây giờ tôi cảm thấy cặp mắt của cô ta là cặp mắt của một cô gái sung sướng vì biết rõ vẻ đẹp của mình và vui mừng vì có một người to lớn để râu cằm đang theo đuổi mình. Anh nói chuyện với cô ta cũng với vẻ bình thản và hơi có chút giễu cợt như với tất cả mọi người, chỉ khác ở chỗ là hay vuốt râu và cặp mắt của anh sáng lên một cách ấm áp hơn. Giọng nói thanh thanh của cô vang lên vui vẻ, cô mặc áo liền váy xanh, trên mái tóc vàng óng buộc một chiếc nơ xanh. Đôi bàn tay trẻ con của cô không lúc nào yên, dường như đang tìm cách nắm lấy một vật gì đó. Cô hầu như luôn miệng khe khẽ hát một bài gì, mồm không há to, và lấy khăn tay phe phẩy khuôn mặt hồng hào nom có vẻ mệt mỏi. Ở cô như có cái gì khiến tôi phải bối rối khác trước, khó chịu và bực bội. Tôi cố sức tránh gặp mặt cô ta.

Vào trung tuần tháng Bảy Izot bỗng nhiên mất tích. Có tin đồn rằng anh bị chết đuối. Khoảng hai ngày sau, tin đó quả đã được xác thực: cách làng khoảng bảy dặm xuôi theo dòng sông, người ta thấy chiếc thuyền của anh bị thủng đáy và mạn thuyền bị vỡ dạt vào phía bờ sông giáp cánh đồng cỏ. Người ta đoán sở dĩ có tai nạn này có lẽ vì Izot ngủ quên và thuyền của anh đâm vào mũi ba chiếc sà lan đậu cách làng khoảng năm dặm xuôi theo dòng sông.

Khi xảy ra tai họa này, Romat đang ở Cazan. Tối hôm đó, Cucuskin tới cửa hiệu tìm tôi. Anh ngồi xuống đống bao tải uể oải, lặng thinh nhìn xuống chân, rồi vừa hút thuốc vừa hỏi:

- Khi nào Khokhon về?

- Tôi không rõ.

Anh bắt đầu lấy lòng bàn tay xát mạnh vào khuôn mặt sứt sẹo rồi khẽ chửi những câu tục tằn và gầm lên như bị hóc xương.

- Anh làm sao thế?

Anh cắn môi liếc nhìn tôi. Cặp mắt anh đỏ ngầu, hàm răng run cầm cập. Thấy anh không nói được, tôi lo lắng chờ đợi một tin gì buồn bã. Cuối cùng, anh nhìn ra ngoài đường, cố gắng lắm mới nói lắp bắp được mấy câu:

- Tôi cùng đi với Migun. Xem chiếc thuyền của Izot. Đáy thuyền có vết rìu bổ, anh rõ chưa? Nghĩa là Izotusca[1] bị giết! Nhất định thế...

Anh vừa lắc đầu vừa chửi rủa không tiếc lời, giọng nói nóng nảy, khô khan của anh nghe như nức nở, sau đó anh im lặng và bắt đầu làm dấu thánh giá. Tôi không thể chịu nổi khi nhìn thấy người mujic này muốn khóc mà không khóc được và không biết làm thế nào để khóc. Toàn thân anh run lên, nghẹt thở vì tức giận và buồn rầu. Anh đứng bật dậy, lắc đầu, bỏ đi ra.

Chiều hôm sau bọn trẻ con tắm sông thấy xác Izot nằm ở dưới một chiếc sà lan hỏng. Chiếc sà lan nằm ở phía trên làng một chút, một nửa đáy ghếch lên những tảng đá ở bờ sông, còn nửa kia ngâm dưới nước. Thân hình dài thuồn thuỗn của Izot nằm sóng soài dưới chiếc sà lan, gần phía đuôi, người mắc vào chỗ bánh lái hỏng nát. Anh nằm úp mặt xuống đất, chiếc sọ bị bổ vỡ toang, trống rỗng: nước đã xói hết cả óc ra ngoài. Chàng đánh cá này bị người ta bổ từ phía sau tới, gáy anh như bị một nhát rìu đẽo vạt. Dòng nước chảy lay động xác Izot, đẩy hai chân anh dạt vào bờ, làm động đậy hai cánh tay. Có cảm giác như anh đang gắng sức để bò lên bờ.

Khoảng hai chục tên phú nông đứng trên bờ, vẻ mặt đăm chiêu và cau có, còn các bần nông thì chưa đi làm đồng về. Viên trưởng thôn, một tên bất lương và nhút nhát, vừa chạy

[1] Tức Izot, cách gọi thân mật.

ngược chạy xuôi vừa vung vẩy chiếc ba toong. Hắn khịt khịt mũi và đưa ống tay áo sơ mi màu hồng lên lau. Tên chủ hiệu Cuzmin to béo, bụng phệ, đứng dạng hai chân ra, hết nhìn tôi lại nhìn Cucuskin. Hắn cau mày hăm dọa, nhưng nước mắt đã ứa ra trong cặp mắt trắng dã của hắn, và tôi cảm thấy bộ mặt rỗ của hắn có vẻ tội nghiệp.

- Ôi, thật là đểu giả! - viên trưởng thôn vừa khóc vừa chạy lon ton bằng đôi chân khòng khòng. - Chao ôi, bọn mujic tệ quá!

Cô con dâu của hắn, một cô ả béo ụt ịt, ngồi trên tảng đá, mắt lờ đờ nhìn xuống mặt nước, tay run run làm dấu thánh giá. Mồm cô ả mấp máy, môi dưới dày và đỏ choét trễ xuống trông thật khó coi, nom hệt như mõm chó, để lộ ra hàm răng vàng khè như răng cừu. Đám con gái và trẻ con từ trên núi đổ xuống như những hòn đất; những người mujic, mình đầy bụi, vội vã đi tới. Trong đám đông có tiếng nói lao xao khe khẽ và dè dặt:

- Lão mujic ấy hay gây sự lắm.

- Ai kia?

- Cucuskin, hắn là một tay hay gây sự...

- Một mạng người chết oan...

- Izot vốn là người hiền lành...

- Hiền lành à? - Cucuskin vừa xông đến chỗ đám mujic vừa la lớn. - Thế tại sao các người lại giết anh ta, hả? Quân đê tiện!

Đột nhiên có một mụ nào đó cười rộ lên như người loạn thần kinh. Tiếng cười của mụ giống như một cái roi mây quất vào đám đông. Đám mujic thét lên, xông vào nhau, chửi bới, kêu gào ầm ĩ. Cucuskin nhảy bổ đến chỗ tên chủ hiệu, vung tay tát vào cái má xù xì của hắn.

- Này, đồ súc sinh!

Anh vung hai nắm đấm, rồi lập tức nhảy ra khỏi đám đánh nhau và cất tiếng gọi tôi, giọng gần như vui vẻ:

- Đi đi, họ sắp đánh nhau đấy!

Anh đã bị đánh. Anh nhổ máu ở chỗ môi bị rách ra, nhưng khuôn mặt anh lại ánh lên niềm vui sướng...

- Anh có trông thấy tôi quại thằng Cuzmin không?

Barinov chạy đến chỗ chúng tôi, hoảng hốt nhìn đám đông đang xúm lại bên chiếc sà lan. Từ đám đông phát ra giọng nói trong trẻo của viên trưởng thôn:

- Không, anh phải nói rõ, tôi nể nang ai nào? Anh nói đi!

- Ta phải chuồn ngay khỏi đây thôi, - Barinov vừa càu nhàu vừa đi lên dốc. Buổi chiều hôm ấy thật là oi bức, không khí nặng nề, ngột ngạt làm cho người ta thấy khó thở. Mặt trời đỏ tía đã lặn vào đám mây xanh dày đặc, phản chiếu màu đỏ lấp lánh trên đám lá của những bụi cây. Đâu đây có tiếng sấm ì ầm.

Trước mặt tôi là cái xác của Izot đang dập dờn. Trên chiếc sọ vỡ những sợi tóc thẳng ra xuôi theo dòng nước như dựng đứng cả lên. Tôi nhớ lại giọng nói hơi khàn khàn và những lời nói rất hay của anh:

"Trong mỗi người đều có cái ngây thơ, - cũng cần phải dựa vào cái ngây thơ đó! Thí dụ như Khokhon chẳng hạn: anh ta có vẻ sắt đá, nhưng tâm hồn lại rất ngây thơ".

Cucuskin bước đi bên cạnh tôi, tức giận nói:

- Rồi tất cả bọn mình cũng đến bị như thế... Trời ơi, thật là ngu xuẩn!

Khoảng hai ngày sau, mãi khuya Khokhon mới về. Chắc anh rất hài lòng về chuyện gì đó, nên có vẻ dịu dàng khác thường. Khi tôi mở cửa cho anh vào nhà, anh vỗ vai tôi:

- Macximitr, anh lại ít ngủ rồi!

- Izot bị giết rồi.

- Sa-ao?

Đôi gò má anh phồng lên như những cái u và bộ râu cằm rung rung như những dòng nước chảy ròng ròng giữa ngực. Quên cả bỏ mũ ra, anh dừng lại giữa phòng, nheo mắt và lắc đầu:

- Thế đấy. Không biết ai giết chứ? Phải, tất nhiên... - anh từ từ bước tới cửa sổ và ngồi ở đó, hai chân duỗi ra.

- Tôi đã bảo anh ta rồi mà... Có cấp trên nào đến chưa?

- Hôm qua có viên trưởng thôn đến.

- Thế, kết quả ra sao? - anh hỏi rồi lại tự trả lời:

- Tất nhiên là chẳng nước mẹ gì?

Tôi bảo anh rằng viên trưởng thôn, giống như mọi khi, đứng về phía Cuzmin và ra lệnh bỏ tù Cucuskin vì tội đã tát tên chủ hiệu.

- Hừ, thế thì còn biết nói gì nữa!

Tôi xuống bếp đun nước uống.

Trong lúc uống trà Romat nói:

- Đám dân này thật đáng thương, họ giết chết những người ưu tú của họ! Có thể là họ sợ những người đó. Những người đó "không hợp gio" đối với họ, như ở đây người ta vẫn thường nói. Lúc tôi bị đày đi Xibiri một người tù khổ sai đã kể cho tôi nghe một câu chuyện. Hắn làm nghề ăn cắp, hắn có cả một bọn năm người. Bỗng một hôm một người nói: "Các cậu ạ, chúng mình nên bỏ cái nghề ăn cắp này đi, dù sao thì cũng sống hoài sống khổ!" Thế là vì câu nói đó, bọn chúng đã bóp cổ anh ta khi anh ta say rượu ngủ mê. Người tù khổ sai không tiếc lời khen người bị giết, hắn nói: "Tôi không thương tiếc ba người mà sau này tôi đã trừ khử, cho tới nay tôi chỉ tiếc mỗi anh bạn ấy, anh ta là một người tốt, thông minh, vui vẻ, có tâm hồn trong sạch". Tôi hỏi hắn: "Vì sao các anh lại giết anh ấy, các anh sợ anh ấy tiết lộ chứ gì?" Hắn tỏ vẻ bực

mình nói: "Không phải, anh ta sẽ không vì tiền hoặc vì bất cứ gì mà tiết lộ đâu! Chỉ vì chúng tôi kết bạn với anh ta không hợp nữa, tất cả chúng tôi toàn là những người có tội, còn anh ta thì lại dường như là một người chính trực. Như thế không được!"

Khokhon đứng dậy và đi lại trong phòng, hai tay chắp sau lưng, môi ngậm tẩu, anh mặc chiếc áo sơ mi trắng kiểu Tacta dài đến tận gót chân. Anh giậm chân đến thình một cái rồi khẽ nói, vẻ trầm ngâm:

- Đã nhiều lần tôi thấy cái cảnh người ta sợ hãi người chính trực như vậy, người ta gạt bỏ người tốt ra khỏi cuộc sống. Có hai thái độ đối với những người này: hoặc là người ta tìm mọi cách thủ tiêu họ, sau khi đã săn đuổi họ rất khéo, hoặc là lấy lòng họ, khúm núm trước mặt họ như những con chó. Thái độ này ít gặp hơn. Còn học cách sống của họ, bắt chước họ thì người ta lại không thể làm được và không biết làm. Cũng có thể là không thích chăng?

Anh cầm lấy cốc nước chè nguội lạnh rồi nói tiếp:

- Có thể là người ta không thích! Anh thử nghĩ xem: người ta tốn nhiều công mới tạo ra được cho mình một cuộc sống yên ổn, họ đã quen với nếp sống ấy rồi, bỗng nhiên có một người nào đó phản đối họ và nói: các anh sống như vậy không được! Không được à? Nhưng chúng tôi đã dốc hết sức lực dồi dào nhất của mình vào cuộc sống ấy rồi, anh cút đi cho rảnh mắt! Thế là họ quại cho ông thầy, người chính trực ấy một trận. Chớ có quấy rầy! Dù sao thì chân lí đẩy sức sống vẫn thuộc về những người nói câu: các anh sống như vậy không được! Chân lí thuộc về họ. Như thế chính là họ đẩy cuộc sống tiến lên phía trước tốt đẹp hơn.

Anh chỉ tay lên giá sách và nói thêm:

- Đặc biệt là những cuốn sách này! Chà, giá mà tôi biết

viết sách thì tốt biết bao! Nhưng tôi không có tài làm việc ấy, vì những ý nghĩ của tôi rất nặng nề và lộn xộn.

Anh ngồi vào bàn, chống khuỷu tay, hai tay bóp đầu, và nói:

- Thương Izot quá đi mất...

Rồi anh ngồi im lặng hồi lâu.

- Thôi, chúng ta đi ngủ đi...

Tôi trở về gác thượng, ngồi bên cạnh cửa sổ. Trên cánh đồng bỗng nổi lên những tia chớp nguồn bao lấy nửa bầu trời. Dường như mỗi vết sáng đỏ trong suốt loang ra trên bầu trời thì mặt trăng lại rùng mình sợ hãi. Tiếng chó sủa não nùng. Nếu không có tiếng sủa ấy thì có thể tưởng như mình đang sống trên một hòn đảo hoang vắng. Có tiếng sấm ì ầm xa xa, một luồng hơi ấm nặng nề ngột ngạt lùa vào cửa sổ.

Trước mắt tôi là hình ảnh xác Izot nằm trên bờ, dưới bụi liễu. Khuôn mặt xanh xao của anh hướng lên trời, còn cặp mắt trong sáng như thủy tinh chăm chú nhìn vào phía trong. Bộ râu vàng óng dính bết lại thành những cục nhọn hoắt, bên trong ẩn náu cái mồm há ra một cách kì quái.

"Macximitr ạ, cái chính là lòng tốt, là sự thân ái! Tôi thích ngày lễ Phục sinh, bởi vì đó là ngày lễ thân ái nhất!"

Chiếc quần dài xanh khô cong vì nắng gắt, dính chặt vào hai ống chân xanh lợt của Izot được nước sông Volga rửa sạch. Ruồi nhặng kêu vo ve trên mặt anh; từ cái xác ấy bốc lên mùi tanh lợm nồng nặc.

Có tiếng bước đi nặng nề trên cầu thang. Romat khom lưng chui qua cửa rồi bước vào, anh ngồi xuống giường tôi, một tay nắm bộ râu cằm.

- Anh có biết không, tôi sắp lấy vợ! Thật đấy!

- Phụ nữ tới đây ở, e không chịu nổi...

Anh chăm chú nhìn tôi, như chờ đợi xem tôi sẽ nói gì

thêm. Nhưng tôi không tìm ra chuyện gì để nói. Những ánh chớp tràn vào phòng làm cho gian phòng tràn ngập một thứ ánh sáng huyền ảo.

- Tôi sẽ lấy Masa[1] Derencova...

Tôi bất giác mỉm cười, vì trước đây tôi chưa hề nảy ra ý nghĩ rằng cô gái ấy lại có thể gọi là Masa. Tôi không nhớ là bố hoặc anh em cô có gọi cô là Masa như vậy không.

- Anh cười cái gì thế?

- Có gì đâu.

- Anh tưởng tôi già so với cô ấy ư?

- Ồ, không phải!

- Cô ấy nói với tôi rằng anh cũng đã từng yêu cô ấy.

- Có lẽ đúng.

- Thế bây giờ thì thế nào? Thôi rồi chứ?

- Vâng, có lẽ là như vậy.

Anh buông tay nắm râu ra và nói khẽ:

- Đối với lứa tuổi các anh thì chuyện đó thường là"có lẽ", còn đối với lứa tuổi chúng tôi thì chuyện ấy không phải là "có lẽ" nữa, vả lại cũng không có sức để mà suy nghĩ!

Romat mỉm cười để lộ ra hàm răng rắn chắc, anh tiếp tục nói:

- Antonni[2] sở dĩ thua bá vương Octavin ở Actxium vì đã bỏ hạm đội và nhiệm vụ chỉ huy của mình, quay thuyền chạy theo Cleopat khi Cleopat sợ hãi và rời bỏ trận địa. Đấy, sức mạnh của tình yêu là thế đấy!

Romat đứng dậy, vươn vai và như buột miệng nhắc lại:

- Thế là tôi sắp lấy vợ rồi!

---

[1] Tức Maria cách gọi thân mật.

[2] Antônni (sống khoảng năm 83-30 trước công nguyên), nhà hoạt động chính trị La Mã, thân cận với nữ vương Ai Cập Cleopat, dựa vào sự giúp đỡ của Ai Cập để cứu chính quyền La Mã. Năm 31 trước công nguyên bị thất bại trong cuộc nội chiến ở Actxium và tự sát năm 30 trước công nguyên.

- Sắp sửa chưa?

- Mùa thu này. Khi chúng ta thu hoạch táo xong.

Anh bước ra, lúc đi ngang qua cửa, đầu anh cúi thấp hơn mức cần thiết. Tôi lên giường ngủ, nghĩ bụng có lẽ tốt hơn cả mùa thu này tôi sẽ rời khỏi nơi đây. Anh ta kể về Antoni để làm gì? Tôi không thích câu chuyện đó.

Đã đến lúc trẩy những loại táo chín sớm. Năm nay được mùa táo, những cành táo nặng trĩu quả sà xuống tận mặt đất. Mùi hăng hắc tỏa khắp các khu vườn, bọn trẻ con ríu rít ở đó, chúng thu nhặt những quả táo bị sâu ăn và những quả táo màu vàng, màu hồng bị gió làm rụng.

Vào những ngày đầu tháng Tám, Romat từ Cazan trở về mang theo một thuyền hàng hóa và một thuyền nữa chất đầy hộp. Một buổi sáng ngày thường, vào khoảng tám giờ, Khokhon vừa mới tắm rửa, thay quần áo xong, sửa soạn uống trà và vui vẻ nói:

- Ban đêm bơi thuyền trên sông thật là tuyệt...

Bỗng thình lình anh khịt khịt mũi và hỏi với vẻ lo lắng:

- Hình như có mùi gì khen khét thì phải?

Ngay lúc ấy ở ngoài sân vang lên tiếng gào thét của Acxinia:

- Cháy nhà!

Chúng tôi lao ra sân và nhìn thấy bức vách nhà kho phía vườn đang bốc cháy. Trong kho có để dầu hỏa, hắc ín và dầu mỡ. Khoảng mấy giây chúng tôi sửng sốt nhìn những lưỡi lửa vàng rực bị ánh mặt trời sáng chói làm bạc màu, đang liếm bức vách và uốn cong lên mái nhà. Acxinia mang tới một thùng nước, Khokhon đổ hết thùng nước lên bức vách đang bốc cháy, sau đó quẳng thùng xuống và nói:

- Hỏng bét rồi! Macximitr, lăn các thùng gỗ ra ngay đi! Acxinia, chạy ngay vào cửa hiệu đi thôi!

Tôi vội lăn thùng hắc ín ra ngoài sân và ra ngoài đường, rồi quay trở lại lăn tiếp thùng dầu hỏa, nhưng khi tôi vừa xoay thùng đó lại thì thấy nút thùng bị mở tung và dầu hỏa chảy lênh láng ra mặt đất. Trong lúc tôi đi tìm nút thì những ngọn lửa nhọn hoắt như những cái chêm, không chờ đợi tôi, đã lách qua phòng ngoài bằng ván ghép của nhà kho; mái nhà nổ lốp đốp và có tiếng gì vang lên như giễu cợt. Lăn thùng dầu vơi ra đến ngoài, tôi nhìn thấy ở ngoài đường đàn bà và trẻ con từ khắp nơi vừa chạy tới vừa kêu rú lên.

Khokhon và Acxinia khuân hàng hóa trong cửa hiệu ra, đưa vào trong khe. Một mụ già tóc bạc vận đồ đen đứng ở giữa đường vừa giơ nắm đấm de dọa vừa kêu the thé:

- A-a-a, đồ quỷ sứ!...

Chạy trở vào nhà kho, tôi thấy trong kho mù mịt những khói, trong đám khói có tiếng kêu ầm ầm, tiếng nổ lốp đốp. Những dải lửa đỏ ngoằn ngoèo từ mái nhà buông thõng xuống. Bức vách đã biến thành một hàng rào sắt đỏ rực. Khói làm tôi nghẹt thở và tối cả mắt. Tôi gắng sức lắm mới lăn được thùng dầu tới gần cửa kho, nhưng thùng bị mắc vào cửa không lăn tiếp được nữa. Những tia lửa từ trên mái nhà rơi xuống người tôi làm cháy cả da thịt. Tôi kêu cứu, Khokhon chạy tới nắm lấy tay tôi và kéo ra ngoài sân.

- Chạy đi! Nổ bây giờ...

Anh nhảy bổ vào phòng ngoài, tôi cũng chạy theo anh rồi lên gác thượng, trên đó tôi có để nhiều sách vở. Sau khi quăng hết sách qua cửa sổ, tôi định quăng theo cái hòm mũ, nhưng cửa sổ hẹp quá không nhét vừa cái hòm, tôi liền lấy quả cân nửa put đập khung cửa. Đột nhiên có tiếng nổ đinh tai, trên mái nhà có tiếng rào rào, tôi hiểu rằng đó là thùng dầu nổ. Mái nhà trên đầu tôi bắt đầu bốc cháy, nổ lép bép. Luồng lửa màu hung vừa chảy ròng ròng bên ngoài vừa sổ vừa ngó nhìn

vào phía trong. Nóng quá, không thể nào chịu nổi, tôi liền lao về phía cầu thang, nhưng những đám khói dày đặc đã bốc lên phía tôi, những con rắn đỏ lòm bò lên theo bậc cầu thang. Phía dưới, trong phòng ngoài, có tiếng kêu răng rắc nghe như hàm răng sắt của ai đang gặm gỗ. Tôi bối rối quá. Bị khói làm tối mắt và ngạt thở, tôi đứng lì ra trong mấy giây, dường như dài vô tận. Một khuôn mặt vàng vàng, râu hung hung, ngó vào chiếc cửa sổ tò vò phía trên cầu thang, nhăn nhó với vẻ lo lắng rồi biến mất. Ngay khi ấy, những ngọn lửa giống như những ngọn giáo đẫm máu đã đâm thủng mái nhà.

Tôi nhớ là lúc đó tôi cảm tưởng rằng tóc trên đầu tôi nổ lép bép, ngoài ra tôi không nghe thấy tiếng gì khác. Tôi hiểu rằng chết đến nơi rồi, hai chân tôi nặng trình trịch, mất đau nhức, mặc dù tôi đã lấy tay che kín.

Bản năng sinh tồn khôn ngoan đã mách cho tôi một lối thoát duy nhất: tôi ôm lấy đệm gối của tôi và bó vỏ cây gai, lấy áo tulup[1] bằng lông cừu của Romat trùm lên đầu rồi nhảy qua cửa sổ.

Khi tôi tỉnh lại ở bờ khe, tôi thấy Romat ngồi xổm trước mặt và kêu:

- Có việc gì không?

Tôi đứng dậy ngơ ngác nhìn căn nhà gỗ của chúng tôi đã tiêu tan, tất cả đều biến thành những đám vỏ bào đỏ rực, những lưỡi lửa đỏ hồng như lưỡi chó liếm mảnh đất đen phía dưới ngôi nhà. Các cửa sổ thở ra những luồng khói đen, trên mái nhà xuất hiện những bông hoa vàng rung rinh.

- Sao, có việc gì không? - Khokhon kêu lên. Khuôn mặt anh đầm đìa mồ hôi và nhọ nhem bồ hóng. Anh khóc, nước mắt đục ngầu chảy ròng ròng, cặp mắt chớp chớp có vẻ sợ hãi, vỏ cây gai lẫn lộn cả trong bộ râu ướt sũng. Tình cảm

[1] Một loại áo lông vạt dài.

mãnh liệt dạt dào ấy khiến tôi cảm thấy như có một làn sóng tươi vui giội khắp người tôi. Sau đó tôi thấy chân trái bị đau nhức, tôi nằm xuống và nói với Khokhon:

- Tôi bị sái chân.

Anh sờ nắn chân tôi rồi thình lình giật mạnh. Tôi thấy đau nhói, nhưng qua vài phút sau cảm thấy vui sướng không sao tả siết. Tôi khập khiễng mang những đồ đã chạy được tới nhà tắm của chúng tôi. Romat, mồm ngậm tẩu, vui vẻ nói:

- Tôi cứ đinh ninh rằng anh bị chết cháy khi thùng dầu nổ và dầu vọt tung lên cả mái nhà. Lửa dâng lên như một cái cột, rất cao, sau đó trên trời bỗng xuất hiện một cái gì giống như cái nấm và toàn bộ căn nhà gỗ lập tức bị chìm đắm trong lửa. Tôi cứ yên chí là Macximitr đi đời rồi!

Anh đã trở lại bình tĩnh như mọi khi. Anh xếp đặt gọn gàng đồ đạc vào một đống rồi nói với Acxinia lúc đó mặt mày nhem nhuốc, đầu tóc rối bù:

- Bà ngồi đây canh giữ đồ đạc kẻo mất cắp, tôi đi chữa cháy đây

Trong đám khói dưới khe có những mảnh giấy trắng bay lả tả.

- Chà, - Romat nói, - tiếc đống sách quá! Toàn là sách quý cả...

Bốn căn nhà gỗ đã bị cháy. Ngày hôm đó lặng gió, lửa từ từ lan sang bên phải và bên trái. Những cái móc lửa mềm dẻo bám lấy các hàng rào và mái nhà như miễn cưỡng. Cái lược đỏ rực chải các mái nhà tranh, những ngón tay lửa cong queo sờ soạng các hàng rào, nô rỡn trên đó giống như gẩy đàn guxli[1] vậy. Trong không khí mù mịt khói vang lên tiếng ca ai oán sôi nổi như cười trên đau khổ của kẻ khác, tiếng ca của ngọn lửa và tiếng tí tách khe khẽ gần như dịu

[1] Một loại đàn cổ của Nga.

dàng của gỗ đang tiêu tan. Những "con quạ" vàng chói từ đám khói sà xuống mặt đường và các sân nhà. Đám mujic và đàn bà chạy ngược chạy xuôi một cách vô tích sự, ai nấy đều lo cho nhà mình và luôn miệng la ầm ĩ:

- Nước - nước!

Nước rất xa, mãi tận chân núi, dưới sông Volga. Romat nhanh chóng tập hợp những người mujic lại thành một khối, anh vừa nắm lấy vai họ vừa đẩy, rồi phân họ thành hai tốp và ra lệnh phá các hàng rào và các nhà xép ở hai bên khu vực cháy. Họ ngoan ngoãn nghe theo anh, và thế là bắt đầu một cuộc chiến đấu khá khôn khéo với thần lửa đang nằng nặc muốn thiêu hủy toàn bộ "cơ đồ", toàn bộ dãy phố. Nhưng dù sao họ làm việc vẫn có vẻ sợ sệt và có phần tuyệt vọng giống như làm hộ người khác vậy.

Tôi thấy vui sướng, cảm thấy mình mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Ở cuối phố, tôi thấy một đám phú nông do viên trưởng thôn và Cuzmin cầm đầu. Họ đứng như những khán giả, không làm gì cả, vung tay, múa gậy và kêu la ầm ĩ. Một toán mujic từ cánh đồng phi ngựa về, mình cúi rạp, khuỷu tay đến tận mang tai. Các mụ đàn bà hướng cả về phía họ kêu la, bọn trẻ con thì chạy lăng xăng.

Lại thêm mấy gian nhà của một hộ nữa bốc cháy, cần phải mau mau tháo dỡ bức vách chuồng bò. Bức vách này đan bằng những cành cây to và đã được trang điểm bằng những băng lửa đỏ rực. Toán mujic bắt đầu chặt lớp cọc hàng rào. Những đốm lửa và than rơi xuống, họ vội nhảy tránh sang một bên, lấy tay đập lửa trên áo cánh.

- Đừng sợ! - Khokhon kêu.

Tiếng kêu đó cũng chẳng ăn thua gì. Anh bèn lột mũ của một người nào đó chụp lên đầu tôi:

- Anh chặt từ đầu kia, còn tôi chặt ở đây!

Tôi chặt được một hai cái cọc thì bức rào bắt đầu lung lay. Tôi liền leo lên bức rào, tay nắm lấy đầu trên của nó, Khokhon vội kéo hai chân tôi. Thế là cả dãy hàng rào đổ ụp xuống, phủ lên người tôi gần lút đầu. Toán mujic cũng xúm vào kéo hàng rào ra ngoài đường.

- Có bị bỏng không? - Romat hỏi.

Thái độ săn sóc của anh đã làm cho tôi thêm mạnh và nhanh nhẹn. Tôi muốn trổ tài trước mặt con người thân thiết đối với tôi ấy, và tôi làm việc như điên như dại, cốt sao xứng đáng với lời khen của anh. Trong khi ấy những trang sách của chúng tôi vẫn đang bay lượn trong đám khói như những con bồ câu.

Ở phía bên phải, người ta đã dập tắt được không cho đám cháy lan rộng, nhưng ở phía bên trái đám cháy vẫn mỗi lúc một lan rộng và đã lan sang đến ngôi nhà thứ mười. Sau khi để lại một số mujic để ngăn chặn những mánh khóe của đàn rắn đỏ, Romat thúc một số đông sang phía bên trái. Khi chạy qua trước mặt bọn phú nông tôi nghe thấy một tên nào đó tnốt lên một cách độc ác:

- Một vụ đốt nhà!

Tên chủ hiệu nói:

- Cần phải lục soát nhà tắm của nó xem sao!

Những lời nói đó đã lọt vào trí nhớ tôi một cách khó chịu.

Tôi biết rằng sự kích động, đặc biệt là sự phấn chấn, làm tăng thêm sức mạnh. Tôi được kích động nên đã làm việc quên mình và cuối cùng "bị kiệt sức". Tôi nhớ là tôi ngồi trên mặt đất, tựa lưng vào một vật gì nong nóng. Romat lấy nước ở thùng tưới vào người tôi. Đám mujic vây quanh chúng tôi, nói lúng túng với vẻ kính trọng:

- Thằng cha thế mà khỏe!

- Thằng ấy sẽ không phản bội ai...

Tôi nép đầu vào chân Romat và bắt đầu khóc một cách đáng hổ thẹn. Anh vuốt mái đầu ướt của tôi và nói:

- Anh nghỉ đi! Thôi đủ rồi.

Cucuskin và Barinov, cả hai cùng bị ám khói đen như quỷ sứ, dẫn tôi tới khe và an ủi:

- Không sao, người anh em ạ! Mọi việc đều xong cả rồi.

- Anh sợ à?

Tôi chưa kịp nghỉ ngơi cho lại sức và hồi tỉnh lại thì bỗng thấy khoảng mười tên "phú nông" đi xuống khe về phía nhà tắm của chúng tôi, đi đầu là viên trưởng thôn, tiếp theo sau là hai tên cảnh sát thôn kèm tay Romat lôi đi. Anh không đội mũ, tay áo sơ mi ướt đẫm rách tơi tả, mồm ngậm chặt tẩu, mặt anh cau có trông thật đáng sợ. Gã lính Coxtin vung gậy, thét lên như điên dại:

- Đem tên dị giáo này quẳng vào lửa thôi!

- Mở cửa nhà tắm ra...

- Bẻ khóa mà vào, chìa khóa mất rồi, - Romat nói to.

Tôi nhổm dậy, nắm lấy cái cọc ở dưới đất và đứng ngay cạnh Romat. Hai tên cảnh sát thôn lùi lại phía sau, còn viên trưởng thôn thì nói với vẻ sợ hãi, giọng rít lên:

- Những người thuộc chính giáo không được phép bẻ khóa!

Cuzmin vừa chỉ tôi vừa kêu:

- Kìa, lại thêm một thằng này nữa... Nó là ai?

- Bình tĩnh, Macximitr, - Romat nói. - Họ tưởng tôi giấu hàng ở nhà tắm và tự tay đốt cửa hiệu.

- Cả hai đứa chúng mày!

- Bẻ khóa đi!

- Những người thuộc chính giáo...

- Chúng tôi chịu trách nhiệm!

- Trách nhiệm của chúng tôi...

Romat nói thầm:

- Anh đứng quay lưng vào lưng tôi! Kẻo chúng nó đánh từ phía sau lại...

Ổ khóa cửa nhà tắm bị bẻ gãy, mấy tên lập tức xô vào rồi lại vội vàng lẻn ra ngay. Trong khi đó tôi nhét cái cọc vào tay Romat và nhặt một cái cọc nữa ở dưới đất lên.

- Không có gì cả...

- Không có gì cả?

- Chà, lũ quỷ sứ!

Một tên nói giọng sợ sệt:

- Công toi rồi, các bạn mujic ạ...

Vài giọng nói đáp lại dữ tợn như say rượu:

- Công toi cái gì cơ?

- Đem quẳng tụi chúng nó vào lửa thôi!

- Quân gây rối loạn...

- Tụi chúng định âm mưu tổ chức các acten!

- Tụi kẻ cắp! Cả lũ chúng nó đều là bọn kẻ cắp!

- Im đi! - Romat kêu to. - Các anh đã thấy đấy, ở nhà tắm của tôi có giấu giếm hàng hóa gì đâu, các anh còn cần gì nữa nào? Tất cả đều bị cháy hết, chỉ còn lại có thế, các anh thấy chưa? Tôi đốt tài sản của tôi thì được gì?

- Được bảo hiểm!

Lại một chục cái họng nữa thét lên dữ tợn:

- Còn nhìn chúng nó làm gì nữa?

- Đủ rồi! Chúng ta đã chịu đựng nhiều rồi...

Chân tôi run run và cặp mắt như tối sầm lại. Qua lớp sương mù đo đỏ tôi nhìn thấy một loạt bộ mặt hung dữ với dãy mồm nom như những cái lỗ đầy lông lá. Tôi khó nhọc lắm mới nén được ý tức giận muốn đánh cho lũ này một trận. Bọn chúng nhảy xung quanh chúng tôi, miệng thét:

- A ha: Chúng nó cầm cọc kìa.

- Cầm cọc à?!

- Tụi chúng nó sẽ vặt râu tôi, - Khokhon nói, và tôi cảm thấy

anh nhếch mép cười. - Macximitr ạ, anh cũng sẽ có phần đấy, - chà! Nhưng phải bình tĩnh, bình tĩnh...

- Coi chừng, thằng trẻ có rìu đấy!

Quả thực, sau thắt lưng quần tôi có một chiếc rìu thợ mộc lòi ra mà tôi quên bẵng đi mất.

- Tụi chúng có vẻ nhát gan lắm, - Romat nói. - Nhưng anh không được dùng đến rìu, nếu..

Có một gã mujic nhỏ bé và thọt chân mà tôi không quen biết đi tập tễnh trông thật buồn cười, miệng la hét như điên dại:

- Cứ lấy gạch đứng xa mà ném vào tụi chúng nó! Có giỏi đánh vào đầu tao!

Gã nắm lấy một hòn gạch vỡ thật, vung lên và ném vào bụng tôi. Nhưng tôi chưa kịp đáp lại gã thì Cucuskin như một con chim kền kền từ phía trên lao vào gã, hai người ôm lấy nhau và lăn vào khe. Theo sau Cucuskin là Pancov, Barinov, bác thợ rèn và khoảng một chục người nữa chạy tới. Ngay lúc ấy Cuzmin nói trịnh trọng:

- Mikhailo Antonov! Anh là một người thông minh, anh biết đấy: đám cháy đã làm cho những người mujic phát điên lên được...

- Macximitr! Chúng ta ra bờ sông thôi, đi tới quán ăn, - Romat nói rồi rút tẩu ở mồm ra rồi nhét mạnh vào túi quần. Anh lấy cọc chống và mệt nhọc lắm mới bò lên được khỏi cái khe. Cuzmin đi cạnh anh và nói gì đó. Romat không thèm nhìn hắn, anh đáp:

- Cút ngay đi, đồ ngốc!

Ở chỗ căn nhà gỗ của chúng tôi có một đống than vàng óng đang cháy âm ỉ, ở giữa nhà là lò sưởi, một làn khói xanh từ ống khói hãy còn nguyên vẹn bay lên bầu không khí nóng bỏng. Những cọc giường đỏ rực nhô ra như chân nhện. Những cột cổng cháy sém đứng sững sững bên cạnh

đống lửa như những người gác vận đồ đen, một cái cột đội chiếc mũ bằng than đỏ và có nhiều ánh lửa nhỏ ở trên giống như lông gà trống.

- Sách bị cháy hết cả, - Khokhon vừa thở dài vừa nói. - Thật đáng tiếc!

Tụi trẻ con lấy gậy lùa những thanh củi lớn bị cháy sém vào vũng nước bẩn ở ngoài đường như lùa đàn lợn con... Củi kêu sèo sèo và tắt ngấm, tỏa khắp trong không khí một thứ khói trăng trắng, mùi hăng hăng. Một đứa bé khoảng lên năm, tóc trắng, mắt xanh, ngồi ở vũng nước ấm, đen ngòm, lấy gậy nện vào chiếc thùng méo mó, say sưa với những tiếng gõ vào sắt. Những người bị cháy nhà bước đi buồn bã, họ thu dọn các đồ dùng còn lại trong nhà thành một đống. Các bà thì khóc lóc, chửi rủa, cãi nhau vì những khúc gỗ cháy sém. Cây cối trong những khu vườn ở đằng sau chỗ cháy đứng trơ ra không động đậy, nhiều cây vì bị nóng lá đã biến thành màu hung, những cành táo trĩu quả màu đỏ thắm lộ ra càng rõ hơn.

Chúng tôi đi xuống sông tắm rửa rồi lặng lẽ ngồi uống trà ở cái quán trên bờ sông.

- Bọn cường hào đã hoàn toàn thất bại về chuyện táo, - Romat nói.

Pancov đi tới, vẻ mặt trầm ngâm và dịu dàng hơn mọi khi.

- Cái gì thế, anh bạn - Khokhon hỏi.

Pancov nhún vai đáp:

- Ngôi nhà của tôi đã được bảo hiểm rồi.

Chúng tôi im lặng, đưa mắt chăm chú thăm dò nhau một cách kì lạ, như những người không hề quen biết.

- Mikhail Antonitr! Bây giờ anh định thế nào?

- Để tôi còn suy nghĩ đã.

- Anh nên rời khỏi nơi đây thôi.

- Để tôi còn xem sao đã.

- Tôi có kế hoạch rồi, - Pancov nói, - chúng ta đi ra ngoài nói chuyện đi!

Họ đi ra. Tới cửa, Pancov quay lại bảo tôi:

- Anh, anh không phải là kẻ nhút nhát! Anh có thể sống ở đây được, bọn chúng sẽ sợ anh...

Tôi cũng đi ra phía bờ sông, nằm dưới bụi cây ngắm dòng sông.

Trời nóng bức, mặc dù mặt trời đã lặn về phía tây. Tất cả những việc đã xảy ra ở làng này mở ra trước mắt tôi như một cuộn giấy lớn, tất cả những việc đó dường như được vẽ trên dải sông bằng các thứ màu. Tôi cảm thấy buồn. Nhưng chẳng bao lâu mệt mỏi đã thắng và tôi ngủ thiếp đi.

- Này! - có tiếng ai gọi qua giấc mơ và tôi cảm thấy như có ai lay và cố kéo tôi đi đâu. - Anh chết rồi hay sao vậy? Tỉnh dậy đi!

Bên kia sông, một vầng trăng đỏ tía, to như cái bánh xe, tỏa sáng trên cánh đồng cỏ. Barinov cúi xuống và lay tôi.

- Về ngay, Khokhon đang đi tìm anh đấy, anh ấy đang lo!

Barinov đi theo tôi, anh càu nhàu:

- Anh không được bạ đâu ngủ đấy! Nhỡ có người đi lại trên núi, vô ý sẩy chân làm đá rơi vào anh thì sao? Cũng có thể có người cố ý làm như vậy. Ở chỗ chúng ta người ta không đùa đâu. Anh bạn phải biết, dân ở đây chỉ nhớ điều ác thôi. Ngoài điều ác ra, họ chẳng nhớ gì cả.

Trong bụi cây trên bờ sông có ai khẽ động làm cành cây rung rinh.

- Tìm thấy chưa? - giọng nói ngân vang của Migun hỏi.

- Tôi đang dẫn về đây, - Barinov đáp.

Đi được khoảng mười bước. Barinov vừa thở dài vừa nói:

- Anh ta chuẩn bị ăn cắp cá đấy. Cuộc sống của Migun cũng chật vật lắm!

Romat đón tôi bằng một câu trách bực tức:

- Tại sao anh lại đi chơi như thế? Anh muốn người ta nện cho anh một trận hay sao?

Khi chỉ còn lại hai người chúng tôi thôi, anh nói khẽ, giọng càu nhàu:

- Pancov đề nghị anh ở lại đây với anh ấy. Anh ấy muốn mở cửa hiệu. Tôi không dám khuyên anh. Còn tôi, tôi đã bán cho anh ấy tất cả những gì còn lại, tôi sẽ rời đi Viaxca và ít lâu sau tôi sẽ viết thư mời anh đến chỗ tôi. Anh có đến không?

- Để tôi suy nghĩ đã.

- Cứ việc suy nghĩ kĩ đi.

Anh nằm xuống sàn, loay hoay một lát rồi im lặng. Tôi ngồi bên cạnh cửa sổ nhìn xuống dòng sông Volga. Ánh trăng phản chiếu xuống mặt nước khiến tôi nhớ lại những ngọn lửa của đám cháy. Sát phía bờ bên cánh đồng cỏ có một chiếc tàu kéo, bánh lái đập phành phạch nặng nề xuống mặt nước. Ba ánh lửa trên cột buồm bơi trong bóng tối, đụng phải các vì sao và thỉnh thoảng lại che lấp chúng.

- Anh giận những người mujic à? - Romat hỏi giọng ngái ngủ. - Không nên. Họ chỉ là những người ngu xuẩn. Độc ác là ngu xuẩn.

Những lời nói của anh cũng không thể an ủi, xoa dịu được cơn tức giận và sự phẫn nộ sâu sắc của tôi. Tôi nhìn thấy trước mắt tôi những cái mõm thú vật đầy lông lá đã văng ra tiếng thét độc ác:

- "Cứ lấy gạch đứng xa mà ném vào tụi chúng nó!"

Hồi đó, tôi chưa biết quên đi những gì mà tôi không cần nhớ. Thật vậy, tôi thấy trong số họ từng người riêng lẻ cũng không độc ác lắm, và thường là hoàn toàn cô độc. Thực ra, đó là những con thú lương thiện. Có thể dễ dàng bắt bất cứ người nào mỉm cười một cách ngây thơ, bất cứ người nào cũng có thể nghe, với lòng tin của đứa trẻ, những câu chuyện đi tìm lí trí và hạnh phúc, về những kì công của lòng độ lượng.

Đối với tâm hồn kì lạ của những người này thì tất cả những gì khêu gợi ước mơ về khả năng thực hiện một cuộc sống dễ chịu theo ý muốn riêng đều đáng quý cả.

Nhưng ở những cuộc hội họp trong làng hoặc ở quán ăn trên bờ sông, khi những người này tụ tập lại thành đám đông đen nghịt thì họ lại giấu đi đâu tất cả những cái tốt đẹp của họ. Họ giống như cha cố khoác chiếc áo lễ dối trá và giả nhân giả nghĩa. Ở họ bắt đầu lộ ra sự khúm núm của con chó trước kẻ mạnh, và lúc đó nhìn họ thật đáng ghét. Hoặc cũng có khi lòng họ bỗng nhiên tràn ngập sự độc ác của giống chó sói, họ dựng tóc gáy lên, nhe răng ra, la hét lẫn nhau một cách thô lỗ , sẵn sàng đánh nhau - và đánh nhau chỉ vì những chuyện nhỏ mọn. Trong những phút đó, họ thật đáng sợ và có thể phá huỷ cả nhà thờ mà tối hôm qua họ vừa mới đi lễ một cách hiền lành ngoan ngoãn như những con cừu đi vào chuồng. Trong số họ cũng có những người thích mơ mộng và những người có tài kể chuyện nhưng họ không được ai ưa thích: họ sống để làm trò cười cho làng xóm, không được sự giúp đỡ, bị khinh bỉ.

Tôi không biết sống và cũng không thể sống giữa những con người này. Tôi đã giãi bày tất cả những ý nghĩ cay đắng của tôi cho Romat nghe hôm chúng tôi chia tay nhau.

- Anh kết luận khí sớm, - Romat nhận xét, vẻ trách móc.

- Nhưng tôi biết làm thế nào, nếu như kết luận này đã được hình thành rồi?

- Kết luận ấy không đúng! Không có căn cứ.

Anh đã dùng những lời lẽ nhã nhặn cố làm cho tôi tin rằng tôi không đúng, tôi sai lầm.

- Không nên vội chê trách! Chê trách thì dễ thôi, anh không nên mê cái đó. Nên bình tĩnh nhìn nhận mọi chuyện, nên nhớ một điều: mọi vật đều phát triển, mọi vật đều đi tới

tốt đẹp hơn. Chậm ư? Nhưng vững chắc! Anh hãy nhìn khắp mọi nơi, hãy thăm dò mọi cái, hãy can đảm, nhưng chớ có vội chê trách. Thôi tạm biệt anh bạn thân mến!

Cuộc tạp biệt này kéo dài khá lâu, mãi mười lăm năm sau chúng tôi mới lại có dịp gặp nhau ở Xetlet, sau khi Romat lại bị đi đày thêm một chục năm nữa ở vùng Iacut vì vụ án "phái dân quyền"[1].

Khi Romat rời khỏi Craxnovidovo, lòng tôi tràn ngập một nỗi buồn nặng trĩu như chì. Toi bắt đầu đi lang thang khắp làng như con chó mất chủ. Tôi cùng với Barinov đi khắp các thôn xóm làm công cho những mujic giàu có, đập lúa, dỡ khoai, dọn vườn. Tôi sóng ở nhà tắm của Barinov.

- Này Lecxei Macximitr, ông tướng không có quân, cậu định thế nào, hả?- anh hỏi tôi trong một đêm mưa gió. - Ngày mai chúng ta có nên đi biển không? Này! Ở đây làm quái gì kia chứ? Ở đây người ta không thích những người như loại chúng ta đâu. Hơn nữa, chưa biết chùng, một ngày nào đấy sẽ bị rơi vào tay một gã say rượu cũng nên...

Không phải lần đầu tiên Barinov nói câu đó. Không hiểu tại sao anh cũng cảm thấy buồn rầu, hai cánh tay dài như tay vượn của anh buông thõng hai bên sườn, anh nhìn quanh với vẻ chán nản như bị lạc vào rừng rậm vậy.

Mưa quất vào cửa sổ nhà tắm, một dòng nước tràn vào góc nhà rồi nhảy ồ ồ xuống đáy khe. Những tia chớp nhợt nhạt của cơn giông cuối cùng lóe lên yếu ớt. Barinov khẽ hỏi:

- Ngày mai chúng ta đi chứ?

Thế là chúng tôi ra đi.

---

[1] "Phái dân quyền" là một chính đảng của giai cấp tiểu tư sản Nga do những phần tử trí thức và phần tử dân túy địa phương thành lập vào năm 1893, tuy hiệu triệu cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng không có quan hệ gì với giai cấp công nhân. Năm 1894, toàn bộ những phần tử chủ yếu của phái này bị cảnh sát Nga hoàng bắt.

*

* *

... Đêm thu bơi thuyền trên sông Volga thú vị không thể tả được. Tôi ngồi ở phía đuôi sà lan, ngay cạnh gã điều khiển lái nom như con quái vật to đầu, mình đầy lông lá. Gã vừa lái vừa giậm chân thình thịch xuống sân và thở thườn thượt:

- O-o-oop!... O-rro-oop!...

Phía đuôi sà lan làn nước mênh mông đặc quánh như nhựa, khẽ vỗ oàm oạp và chảy như một dải lụa. Trên mặt sông cuồn cuộn những đám mây thu đen nghịt. Khắp xung quanh chỉ thấy bóng tối từ từ chuyển động, xóa sạch đôi bờ. Tất cả mặt đất như tan vào trong đó, biến thành một chất nước và khói. Cả cái khối ấy chảy mãi không ngừng xuống một nơi nào đó ở phía dưới, tới một khoảng hoang vu, nơi không có ánh mặt trời, không có trăng sao.

Ở phía trước, trong bóng tối ẩm ướt, có một chiếc tàu kéo nom không rõ. Chiếc tàu chuyển động nặng nề và thở phì phì như phải chống lại một sức đàn hồi đang kéo nó lại. Ba ánh lửa - hai ánh trên mặt nước và một ánh ở tít trên cao - đi kèm theo chiếc tàu. Gần phía tôi có bốn ánh lửa nữa bơi dưới những đám mây đen, giống như những con cá vàng. Trong số này một ánh là chiếc đèn treo trên cột buồm sà lan của chúng tôi.

Tôi cảm thấy mình như bị giam trong một chiếc bong bóng lạnh lẽo và đầy dầu mỡ. Chiếc bong bóng đó đang khẽ trượt trên mặt phẳng nghiêng, và tôi bị dính chặt vào đó như một con ruồi con. Tôi cảm thấy sự chuyển động dần dần ngừng lại và sắp đến lúc dừng hẳn. Chiếc tàu thủy sẽ thôi rú và bánh lái sẽ ngừng đập trên mặt nước đặc quánh. Tất cả các tiếng động sẽ bay đi hết như lá rụng khỏi cây, sẽ bị xóa sạch như những dòng chữ phấn. Và lúc ấy sự bất động, im lặng sẽ hoàn toàn vây chặt lấy tôi.

Lúc ấy, con người to lớn, mặc chiếc áo tulup rách rưới, đội chiếc mũ lông cừu xù xù đang bước đi ở bên cánh tay lái kia, cũng sẽ dừng lại, đứng im như một người đã vĩnh viễn bị bùa mê và sẽ không còn gầm lên:

- Orr-oop! O-o-oorr!

Tôi hỏi gã:

- Anh tên là gì?

- Mày cần biết để làm gì? - gã đáp giọng khàn khàn.

Lúc hoàng hôn, khi sà lan rời khỏi Cazan, tôi nhận thấy con người với điệu bộ vụng về như con gấu này có bộ mặt đầy lông lá và chột một mắt. Gã đứng tựa vào tay lái, dốc một chai rượu votca vào chiếc gáo gỗ, rồi uống hai hơi cạn hết chỗ rượu như ta uống nước vậy, sau đó gã cắn một quả táo. Khi chiếc tàu kéo giật mạnh chiếc sà lan, gã vội nắm chặt lấy tay lái, nhìn lên vầng mặt trời đỏ rực, lắc đầu và nghiêm nghị nói:

- Lạy Chúa phù hộ cho!

Chiếc tàu thủy đi từ hội chợ Nijni tới Axtrakhan, kéo theo bốn chiếc sà lan chở đầy sắt tấm, những thùng đường và những hòm gì rất nặng, tất cả đều là hàng cung cấp cho Ba Tư. Barinov lấy chân đá đá vào những chiếc hòm, hít hít rồi suy nghĩ và nói:

- Không phải thứ gì khác, đúng là súng ống của nhà máy Izepxki...

Nhưng gã lái sà lan liền thụi cho anh một quả vào bụng và hỏi:

- Việc gì đến mày nào?

- Tôi nghĩ bụng thế thôi...

- Hừ, anh có muốn ăn một quả đấm vào mặt không?

Chúng tôi không có tiền để mua vé đi tàu hành khách. Nhờ "lòng nhân đức", chúng tôi được đi nhờ trên một chiếc sà lan. Tuy chúng tôi cũng phải "luân phiên gác" như các thủy thủ, nhưng mọi người trên sà lan vẫn xem chúng tôi chẳng khác gì một lũ ăn mày.

- Thế mà anh nói đây là nhân dân, - Barinov trách tôi. - Ở đây tôi chỉ thấy: ai trèo cao thì được ngồi lên đầu kẻ khác, ai trèo thấp thì bị kẻ khác cưỡi đầu...

Bóng tối dày đặc đến nỗi không trông thấy sà lan, chỉ còn thấy những cột buồm nhọn hoắt được ánh đèn chiếu sáng trên nền những đám khói đen sặc mùi dầu lửa.

Thái độ im lặng và cau có của gã lái sà lan làm tôi tức giận. Tôi bị người đội trưởng đội thủy thủ phái tới "gác" ở chỗ tay lái để giúp con thú dữ này. Đến các chỗ rẽ, gã theo dõi sự chuyển động của những ánh lửa và khẽ bảo tôi:

- Này, nắm lấy!

Tôi vội chạy lại và quay chiếc tay lái.

- Được rồi, - gã càu nhàu nói.

Tôi lại ngồi xuống sàn. Khó lòng mà nói chuyện được với con người này, gã trả lời tôi bằng những câu hỏi:

- Việc gì đến mày?

Gã đang nghĩ gì? Khi chúng tôi đi qua chỗ dòng nước màu vàng của sông Cama đổ vào dải nước màu thép của sông Volga, gã nhìn về phía bắc và càu nhàu:

- Đồ vô lại!

- Ai cơ?

Gã không trả lời:

Đâu đây xa xa, trong bóng tối thăm thẳm, có tiếng chó sủa rống lên. Cái đó làm tôi nhớ đến những tàn dư nào đấy của cuộc sống còn chưa bị bóng tối đè bẹp. Nó hình như ở xa lắm không thể đi tới được và cũng không cần thiết.

- Lũ chó ở đây tồi lắm, - gã cầm lái bỗng nhiên nói.

- Ở đâu, ở đây à?

- Khắp nơi. Ở chỗ tao chó thật y như thú dữ...

- Anh người ở đâu?

- Volotda.

Rồi những lời nói nặng nề, thô lỗ nối đuôi nhau tuôn ra như những củ khoai lọt khỏi cái bao rách:

- Cái thằng đi cùng với mày là ai đấy, chú bác à? Theo tao nó là một thằng ngốc. Tao có một ông chú rất thông minh. Ông ấy ngang tàng lắm... Lại giàu có. Chủ bến tàu ở Ximbircxc. Mở quán ăn ở bờ sông.

Gã nói ra tất cả những lời đó chậm rãi và hình như khó nhọc lắm. Sau đó gã hướng cặp mắt mờ đục về phía ngọn đèn treo trên cột buồm tàu thuỷ và theo dõi xem ngọn đèn giống như con nhện vàng ấy bò trong màn đêm như thế nào.

- Nắm lấy, kìa... Mày biết đọc biết viết phải không? Mày có biết ai viết ra pháp luật không?

Không đợi tôi trả lời, gã lại tiếp tục:

- Người ta nói linh tinh lắm: có người nói là Nga hoàng, có người nói là tổng giám mục, có người nói là Viện Nguyên lão[1]. Tao mà biết chắc là ai viết, tao sẽ đi đến chỗ hắn ta và nói: ngài hãy viết pháp luật làm sao để tôi không những không thể đánh người, mà còn không thể giơ nổi tay lên đánh nữa! Pháp luật phải như sắt mới được. Như chiếc chìa khoá ấy. Cứ khoá trái tim tôi lại, và thế là hết! Lúc đó tôi sẽ xin đảm bảo! Còn bây giờ thì tôi không thể đảm bảo được. Không thể!

Gã nói lẩm bẩm một mình, giọng mỗi lúc một khẽ và rời rạc hơn, trong lúc đó tay gã khẽ đấm xuống cán gỗ của tay lái.

Có người từ trên tàu thuỷ gọi loa xuống, và cái giọng khàn khàn của gã lái đâm ra thừa, giống như tiếng chó sủa đã bị đêm tối dày đặc hút mất. Hai bên thành tàu, những ánh lửa phản chiếu giống như những vết dầu bằng vàng bơi trên mặt nước đen ngòm rồi tan ra, chiếu sáng cảnh vật một cách yếu ớt. Những đám mây đen nghịt sũng nước trôi trên đầu chúng

[1] Cơ quan tư pháp và hành chính cao nhất của nước Nga cũ.

tôi. Chúng tôi càng ngày càng trượt sâu vào trong lòng của bóng tối thầm lặng.

Gã lái sà lan cau có phàn nàn:

- Họ đẩy tôi tới đâu? Lòng tôi như thắt lại.

Sự bàng quan đã xâm chiếm lấy tôi, sự bàng quan cộng với nỗi buồn lạnh lẽo. Tôi buồn ngủ quá.

Ánh bình minh yếu ớt và ảm đảm vắng bóng mặt trời khẽ rón rén lách qua những đám mây đen một cách khó nhọc, nhuộm nước sông thành màu chì và để lộ ra những bụi cây màu vàng trên bờ, những cây thông phủ một lớp gỉ như sắt gỉ với những cành đen sẫm, một dãy nhà gỗ của thôn quê và bóng một người mujic trông hệt như tạc bằng đá vậy. Một con chim hải âu bay trên sà lan, đôi cánh cong của nó vỗ phành phạch.

Tôi và gã lái sà lan được đổi kíp. Tôi chui xuống dưới miếng vải bạt và ngủ thiếp đi; nhưng chẳng bao lâu - tôi cảm thấy như vậy - tiếng giậm chân và tiếng kêu la đã đánh thức tôi dậy. Tôi thò đầu ra ngoài miếng vải bạt và nom thấy ba người thủy thủ đang ghì chặt gã lái sà lan vào vách "buồng lái" và la thét í ới:

- Petrukha, không nên thế!

- Chúa phù hộ cho cậu, không sao đâu mà!

- Thôi đi cậu ơi!

Gã lái sà lan bắt chéo cánh tay, ngón tay nắm chặt lấy vai. Gã đứng bình thản, chân dận một gót tay nải xuống sàn, rồi lần lượt nhìn tất cả mọi người và năn nỉ, giọng khàn khàn:

- Hãy để cho tôi thoát khỏi tội lỗi!

Gã đi chân đất, đầu không đội mũ, mặc áo cánh và quần dài. Mớ tóc đen rối bù dựng đứng trên đầu gã và buông thõng xuống chiếc trán dô bướng bỉnh. Dưới trán, cặp mắt chuột chù ti hí đỏ ngầu nhìn với vẻ cầu khẩn và lo lắng.

- Khéo cậu chết đuối mất! - có người bảo gã.

- Tôi ấy à? Không đời nào. Các cậu cứ buông ra! Nếu không buông ra, tôi sẽ giết lão ta! Khi nào chúng ta tới Ximbircxc là tôi...

- Thôi đi nào!

- Ôi, các cậu ơi...

Gã từ từ dang rộng hai cánh tay ra và quỳ xuống. Hai tay áp vào "buồng lái" như người bị đóng đinh trên thánh giá, gã nhắc lại:

- Hãy để cho tôi thoát khỏi tội lội!

Trong giọng nói ồ ồ của gã như có cái gì rất xúc động. Hai cánh tay vươn dài như hai mái chèo, bàn tay run run, lòng bàn tay hướng về phía mọi người. Bộ mặt gấu của gã với bộ râu xồm xoàm cũng run run, cặp mắt chuột chù gần như mù nom giống hai hòn bi đen sì lăn ra khỏi lỗ mắt. Hình như có một bàn vô hình đã nắm chặt lấy cổ họng gã và đang cố bóp cho tắc thở.

Những người mujic lặng lẽ tránh ra để nhường lối cho gã, gã đứng dậy vụng về, nhấc tay nải lên và nói:

- Thế chứ, xin cảm ơn tất cả!

Gã bước tới gần thành sà lan rồi đột nhiên nhảy xuống sông rất nhẹ nhàng. Tôi cũng lao ra phía thành sà lan và nhìn thấy Petrukha đang lúc lắc đầu, trên đầu đội tay nải trông như đội mũ vậy. Gã bơi xiên dòng sông tới phía bờ cát, ở đấy các bụi cây bị gió đánh nghiêng ngả, tung những chiếc lá vàng xuống nước như đón chào gã.

Đám mujic nói:

- Dù sao thì như vậy là hắn cũng đã tự kiềm chế được!

Tôi hỏi:

- Hắn điên à?

- Sao lại điên? Không phải, đó là hắn muốn tự cứu vớt linh hồn...

Petrukha đã bơi đến một chỗ nông. Gã đứng đấy, nước tới ngực, và vẫy gói tay nải trên đầu.

Anh em thủy thủ gào to:

- Từ biệt!

Có người hỏi:

- Hắn không có giấy thông hành thì làm thế nào?

Một người thủy thủ tóc hung, chân khoằm, tỏ vẻ thích thú kể cho tôi:

- Hắn có một ông chú ở Ximbirxc, ông ta đối với hắn rất tàn ác và đã làm hắn phá sản. Do đó hắn có ý định giết ông chú. Nhưng chính hắn lại tiếc thân, nên đã tránh đi để khỏi phạm tội. Người mujic giống như một con thú dữ, nhưng lại rất lương thiện! Hắn là một người tốt...

Lúc này người mujic tốt ấy đang bước trên dải cát hẹp, ngược theo dòng sông và sau đó biến mất trong bụi rậm.

Anh em thủy thủ là những người tốt, tất cả đều là người đồng hương của tôi, những người Volga chính cống. Đến tối tôi đã cảm thấy mình như một kẻ thân thuộc của họ. Nhưng đến hôm sau, tôi nhận thấy họ nhìn tôi với vẻ khó chịu và hoài nghi. Tôi đoán ngay rằng quỷ sứ đã kéo lưỡi Barinov ra và con người hay mơ tưởng hão này đã kể chuyện gì với anh em thủy thủ đây.

- Anh đã kể chuyện tôi rồi phải không?

Anh mỉm cười bằng cặp mắt đàn bà rồi gãi gãi phía sau tai với vẻ bối rối và thú nhận:

- Tôi có kể một ít!

- Ra thế! Tôi đã bảo anh đừng nói gì cơ mà?

- Tôi đã cố im lặng, nhưng vì câu chuyện hay quá. Lúc ấy chúng tôi đã định đánh bạc, nhưng người bẻ lái giật mất quân bài. Buồn quá đi mất! Thế là tôi...

Qua những lời căn vặn tôi mới vỡ lẽ rằng Barinov vì buồn đã thêu dệt ra một câu chuyện rất ngộ nghĩnh; cuối câu

chuyện, Khokhon và tôi, giống như những người viking[1] thời xưa, đã dùng rìu bổ vào đám mujic.

Đối với Barinov thì tức giận cũng vô ích, vì anh ta chỉ nhìn thấy chân lí ở bên ngoài thực tế. Một hôm, tôi cùng với anh đi tìm việc làm, trong lúc ngồi nghỉ ở bờ khe trông ra cánh đồng, anh đã khuyên bảo tôi với giọng tin tưởng và dịu dàng:

- Nên lựa chọn chân lí theo sở thích! Kia kìa, ở bên kia khe có một đám dê đang ăn cỏ, một con chó đang chạy, một người chăn súc vật đang đi đi lại lại. Nhưng những cái ấy có liên quan gì đến ta không? Những cái đó mang lại cho tôi và anh những lợi ích gì? Anh bạn thân mến ơi, anh thử nhìn mà xem: người ác sờ sờ ra đấy, còn người thiện thì ở đâu? Người thiện còn chưa được người ta tưởng tượng ra đấy thôi!

Tới Ximbirxc, anh em thủy thủ đề nghị chúng tôi rời khỏi sà lan lên bờ với thái độ rất bất nhã.

- Các anh là hạng người không hợp với chúng tôi, - họ nói.

Họ lấy thuyền chở chúng tôi vào bến Ximbirxc, và chúng tôi cứ ngồi trên bờ hong cho khô quần áo, trong túi chỉ có cả thảy ba mươi bảy copec.

Chúng tôi vào quán uống trà.

- Chúng ta sẽ làm thế nào bây giờ?

Barinov nói với vẻ quả quyết:

- Còn làm thế nào nữa? Nên đi tiếp.

Chúng tôi đi lậu vé tới Xamara trên một chiếc tàu chở hành khách. Đến Xamara chúng tôi đi làm thuê trên một chiếc sà lan; bảy ngày sau chúng tôi tới bờ biển Caxpien hầu như thuận lợi. Ở đấy chúng tôi tìm được việc làm trong đám phường chài nhỏ trên bãi đánh cá bẩn thỉu Cabancunbai của dân Canmưc.

---

[1] Bọn người Bắc Âu xâm lược phía tây bờ biển châu Âu từ thế kỉ VIII-XI, bọn này vừa buôn bán vừa cướp biển.

MỤC LỤC

* THỜI THƠ ẤU
Trần Khuyến - Cẩm Tiêu *dịch* 5
* KIẾM SỐNG
Thanh Nam - Trần Khuyến - Cẩm Tiêu *dịch* 295
* NHỮNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA TÔI
Trần Khuyến - Cẩm Tiêu *dịch* 739

Tìm đọc

TỦ SÁCH TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

• *Alexandr Puskin / Tuyển tập tác phẩm*, 5 tập, Nxb Văn học, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 1999.

• *Anton Sekhov / Tuyển tập tác phẩm*, 3 tập, Nxb Văn học, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 1999.

• *Dino Buzzati / Tuyển tập tác phẩm*, Đoàn Tử Huyến giới thiệu và tuyển chọn, Nxb Hội Nhà văn, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2001.

• *Fiodor Doxtoevxki / Tuyển tập tác phẩm*, 5 tập, Nxb Văn học, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2002.

• *Ivan Bunhin / Tuyển tập tác phẩm* (Truyện ngắn, Thơ), Nxb Lao động, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2002.

• *Franz Kafka / Tuyển tập tác phẩm*, Nxb Hội Nhà văn, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2003.

• *Rabindranath Tagore / Tuyển tập tác phẩm*, 2 tập, Nxb Lao động, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2004.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
VŨ AN CHƯƠNG
Biên tập:
NGUYỄN TẤT HÒA
Trình bày:
ANH TRÍ
Vẽ bìa:
ĐÔNG TÂY
Sửa bản in:
PHAN MINH NGỌC

Tổng đại lý phát hành:
Nhà sách Đông Tây • Số 466 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
ĐT/Fax: (04) 7733041
• 32 Bà Triệu, Hà Nội
ĐT/Fax: 8251374

MACXIM GORKI
TIỂU THUYẾT TỰ THUẬT
Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin - 43, 45 Lò Đúc - Hà Nội
Trung tâm VHNN Đông Tây, 8/91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Tác phẩm bộ ba tự thuật của M.GORKI không chỉ miêu tả một cách vô cùng trong sáng thời thơ ấu, thời niên thiếu và thời thanh niên của nhà văn mà còn là chiếc chìa khóa để hiểu toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông.

In 700 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại Công ty cổ phần in 15
Giấy phép xuất bản số: 105/XB-QLXB/144 - VHTT, ngày 30/01/2002
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2004

Macxim Gorki

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM



PHÁT HÀNH TẠI

NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

32 Bà Triệu - Hà Nội. ĐT: 9348484 - Fax: 8251374
466 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội. ĐT: 7733041

Giá: 105.000đ